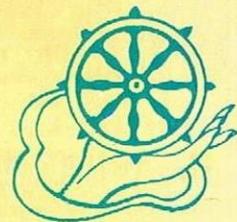


# VIÊN GIÁC



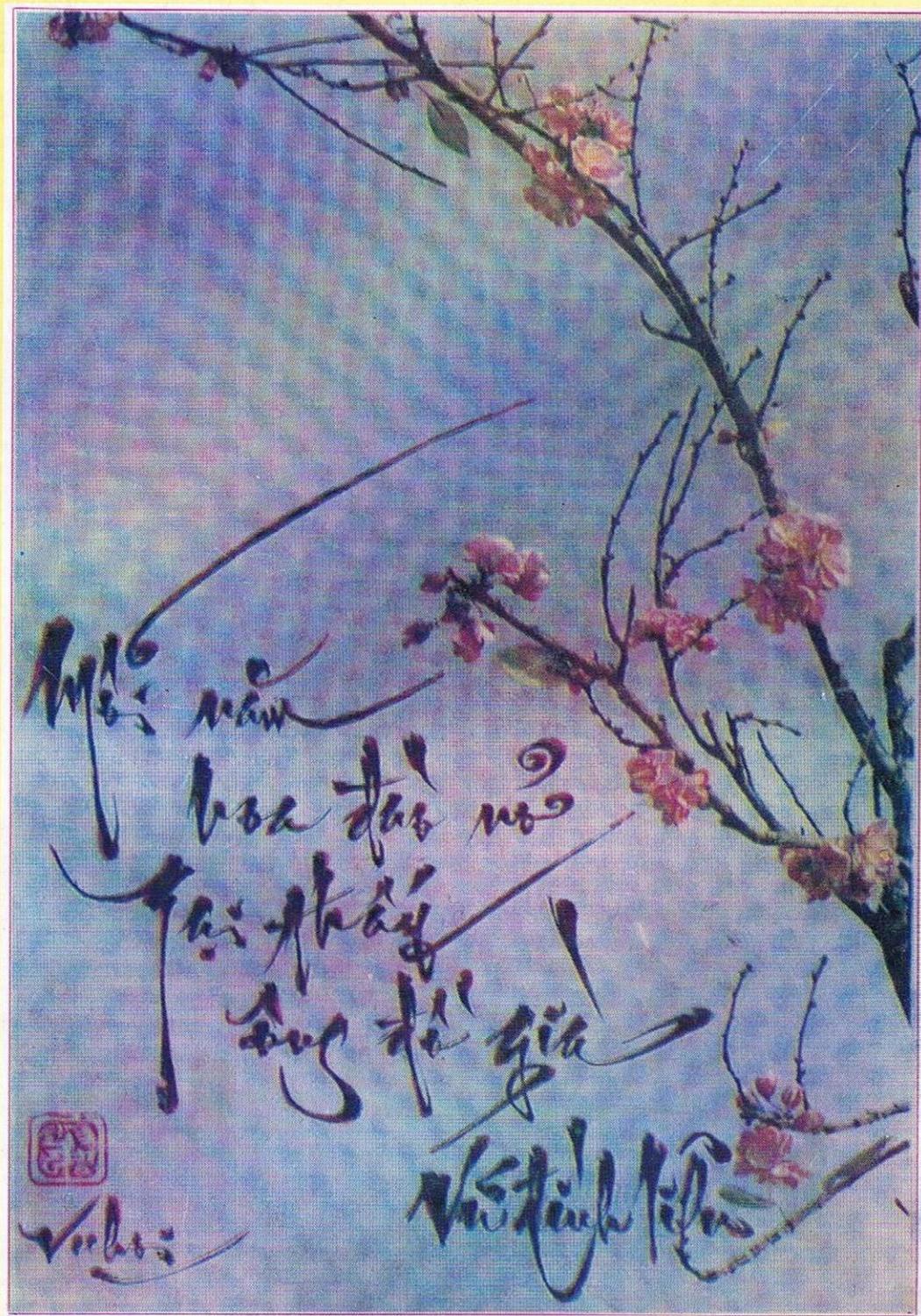
SỐ - NR. 102 TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỰ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC  
Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland  
NĂM THỨ 19 ■ THÁNG 12 ■ JAHRGANG 19. ■ DEZEMBER 1997 ■ AUSGABE IN VIETNAMESSISCHE & DEUTSCH

Xuân

Mậu

Dần

1998





## VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BÀO VÀ  
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI  
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-  
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

### CHU TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Thượng Tọa Thích Như Điển

### CHU BÚT

Đạo hữu Nguyễn Trí

### QUẢN LÝ TỌA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

### BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà  
- Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Thiện  
Nghĩa - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn  
Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Nguyễn  
Văn Ba (Canada) - Từ Xung Roland Berthold (Đức)  
- Thanh Bình (Thụy Sĩ) - Người Giám Biên (Đức) -  
Đồng Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Hà Huyền Chi  
(Hoa Kỳ) - H.T. Thích Trí Chơn - Dr. Phan Quang  
Đán (Hoa Kỳ) - S.H. Hà Đậu Đồng (Đức) - D.S.  
Trương Thị Mỹ Hà (Đức) - Phương Hà (Bi) - Thái  
Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Nguyễn Đình Hùng (Hòa Lan) -  
Nguyễn Tấn Hưng (Mỹ) - Trần Thị Nhật Hưng  
(Thụy Sĩ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Lê Doãn  
Kim (Hoa Kỳ) - Quang Kính (Đức) - Nguyễn Minh  
Khánh (Canada) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện Hữu  
Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lũ (Đức) -  
Thiện Mẫn (Nga) - Thiện Xuân - Inna Malkhanova  
(Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada)  
- Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhơn  
Nghĩa (Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi  
Lưu Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhơn (Đức) -  
Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nường LNC (Pháp)  
- G.S. Lê Văn Quối (Hòa Lan) - Giang Phúc Đông  
Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như Tạng (Úc) - B.S. Trương  
Ngọc Thanh (Đức) - Phạm Thăng (Canada) - Đoàn  
Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Võ  
Thức (Ấn Độ) - Hoài Việt (Pháp) - Yên Tú Cư Sĩ  
Trần Đại Sỹ (Pháp)

### KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

### CỘNG SỰ CỘNG TÁC CỦA

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức  
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

### TỌA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam  
tại Đức  
Vietnamesisch-Buddhistisches  
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD  
c/o Chùa Viên Giác  
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover  
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963  
E-Mail pagode-vien-giac @oim.comlink.apc.org

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân binh thuế lương bổng hoặc lợi tức hàng năm

### MỤC LỤC

### Trang

- Thư Tòa Soạn 3
- Thư Chúc Tết 4

### ● TÔN GIÁO

- Luận về Đòi tiếp nối đời - 5 - 7
- Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn
- Phật Giáo tại Đức - Võ Thức dịch 8 - 12
- Bí ẩn về Tiền kiếp & Hậu kiếp 13 - 15
- Đoàn Văn Thông

### ● AUF DEUTSCH

- Buddhismus des Lauteren Landes ... 16 - 18
- Từ Xung Roland Berthold
- Weg Ohne Grenzen 18 - 20
- Thích Như Điển

### ● BIÊN KHẢO

- "Bất lễ quân vương bất lễ phụ mẫu 21 - 23
- Thích Như Điển
- Tim về hạnh phúc 24 - 25
- Đồng Phương Mai Lý Cang
- Thân thể con người - Tâm Quang 26 - 28
- Đạo Phật ... - Lý Đại Nguyên 28 - 30
- Lá thư Bắc Mỹ - Lê Thị Bạch Nga 30 - 31
- Một tình yêu lớn - Diệu Hường 32 - 34
- Tiểu sử Sư Bà Thích Nữ Diệu Không 35 - 37
- Thích Nữ Như Viên

### ● TRANG HOA PHƯỢNG

- Hồng Nhiên, Bé Ngọc, Ngọc Tuyết, 38 - 47
- Cỏ May - Thanh Bình -
- Gia Đình Phật Tử
- Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

### ● VĂN NGHỆ

- Cái nòng xua - Phạm Thăng 47 - 52
- Bên nỏ bên ni - Mạnh Bích 53 - 57
- Lửa ở nơi đây, lửa ở quê nhà 57 - 60
- Nguyễn Văn Ba
- Đảo Trường thành 61 - 62
- Trần Phong Lưu
- Đầu năm sám hối 63 - 68
- Nguyễn Minh Khánh
- Cù lao hạnh phúc - Trần Kim Vy 69 - 73
- Đồi tôi mãi quét lá đa 74 - 77
- Nguyễn Việt Nga
- Một thời niên thiếu - Ngân Uyên 77 - 80
- Tình đời - Thị thì Hồng Ngọc 81 - 82
- Nhỏ Đà Lạt xưa - Khánh Uyên (NTB) 82 - 83
- Phóng sự về buổi diễn giảng của 83 - 84
- T.S. Lâm Như Tạng - Diệu Liên
- Đọc thơ và dịch của lão Văn Lang 85 - 92
- Trần Văn Ân - Nguyễn Văn An & Phạm Thăng

### ● TẾT MẬU DẦN

- Cọp Khánh Hòa, Ma Bình Thuận 93 - 97
- Hướng Giang Thái Văn Kiểm
- Năm Dần nói về những cây cỏ vị 98 - 99
- thuốc mang tên cọp - Quỳnh Hoa
- Ngày Xuân thưởng trà - Quỳnh Hoa 99 - 100
- Xuân Mậu Dần kể chuyện Cọp 101 - 102
- Phan Hùng Nhơn
- Ngày Xuân nói chuyện thầy Bói 103 - 108
- Ví Khuê

### MỤC LỤC

### Trang

- Tết bên bờ sông Cổ Chiên 109 - 114
- Hồ Trường An
- Ngày Xuân chơi cầu đối. Hồ Bengale 115 - 116
- Ấn Độ. - Bảo Vân
- Hồi Ký : Hoa Xuân quên nỏ 117 - 121
- Võ Trường Sa
- Số Táo quân - Đan Hà 122 - 123
- Bí kịch của một tâm hồn vĩ đại 124 - 128
- Thiện Xuân & Thiện Mẫn
- Vườn thơ Viên Giác - Phù Vân 129 - 135
- Bạn có biết gì xảy ra ... P.V (sưu tầm) 135
- Từ rừng núi miền Đông Hoa Kỳ xa ... 136 - 140
- Yên tử cư sĩ Trần Đại Sỹ
- Cây trái quê mình - Tiểu Đăng 141
- Giác Nam Kha hay giấc mộng kê 142 - 143
- vàng - Nguyễn Nguyễn
- Đồi đồng cho ngày cuối năm 143 - 146
- Vũ Nam

### ● TIN SINH HOẠT

- Hầy trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt 146
- Phạm Trường Long
- Bàn án chế độ CSVN 147 - 148
- Nguyễn Chí Thành
- Cái gọi là giao lưu văn hóa ... 148
- Lê Thanh Tùng
- Những cảm nghĩ khi đọc "Đêm giữa 149 - 151
- ban ngày - Triệu Quyết Thắng
- Luận về Tinh thần & nghiệp báo 151 - 157
- Nguyễn Việt Nữ
- Hí Họa - Nguyễn Ngọc Lai 157
- Lịch trình sinh hoạt của Chùa Viên 158
- Giác năm 1998
- Trang khoa học : G.S Lê Văn Quối 159
- Thế Thảo . - Người Giám Biên 160 - 164
- Phân tích tinh hình thế giới 1997 165 - 175
- Phan Ngọc
- Nước Nhật của người Nhật Bản 176 - 178
- S.H. Hà Đậu Đồng
- Diễn Đàn Dân Chủ : Nguyễn Thị 179 - 181
- Thúy Loan, Nguyễn Thái An, Lê Thái,
- Đào Thị Kim Loan, Đoàn Hữu Hải,
- Nguyễn Văn Hùng
- Tin Phật Sự - Thông Cáo Báo Chí - 182 - 191
- Bài phỏng vấn của Đài Á Châu Tự Do
- (Ý Lan) - Tin Cộng Đồng - Nhân Tin -
- Thông Báo - Rao Vật - Giỏi thiệu sách 192 - 199
- mới - Hộ Thư Viên Giác
- Phường danh cúng dường - Gia 192 - 199
- Chánh Chay - Thông Cáo - Phan Ưu -
- Cáo Phó - Cảm Tạ -

### ● THƠ

Hồ Trọng Khôi - Văn Nường - Trình  
Chung - Trần Đăng - Tuệ Nga - Lê Thị  
Bạch Nga - Nguyễn Thị Thúy Hoa - Lê  
Mỹ Như Ý - T.T.V - Vi Khuê - Huyền  
Thanh Lũ - Hồng Lan - T.T.X - Phương  
Hà - Yên Sơn - Hoàng Sa - Ep - Nguyễn  
Thúy.

### ● HÌNH BIA : VŨ HỐI





**"B**a vạn sáu ngàn ngày là mấy  
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau ..."

Quả thật như vậy! Trên đời này mấy ai sống được 100 năm để hưởng trọn vẹn ba mươi sáu ngàn ngày chỉ toàn là hạnh phúc, không có khổ đau tục lụy? Chắc hẳn điều ấy rất hiếm. Vì tất cả chúng ta, ai ai cũng có thừa khổ đau, mà thiếu sự hạnh phúc, an lạc của nội tâm.

Sau một năm dài với 365 ngày, thế sự của những ngày tháng ở cuối thế kỷ thứ 20 này đổi thay như chong chóng. Trông vậy mà choáng váng cả mặt mày. Nếu ai đó là người không vững tâm và không có định lực, chắc chắn sẽ bị guồng máy của thời đại cuốn phăng vào trục quay vô định ấy. Bởi thế, người có tu học và người chưa biết giá trị của sự tu học nó khác xa vô cùng. Người hiểu đạo là người xem mọi việc của thế sự như có mà cũng như không. Người không hiểu đạo sẽ bị cái có và cái không trong cuộc đời nó chi phối mãnh liệt. Thiên nhiên, con người, sự vật, tạo hóa như tuồng có đổi thay; nhưng đôi khi cũng chả có hiện tượng gì lạ ngoài sự thành, trụ, hoại và không. Cái này có thì cái kia cũng có, cái này thay đổi rồi cái kia cũng thay đổi mà thôi.

Ngày xưa Ngai vàng là nơi tôn quý, danh vọng quyền uy; nên đã có không biết bao người bảo vệ, lẫn lộn dụng hay tranh giành để được chỗ cao sang đó; nhưng ngày nay hầu hết các nước Á Châu và ngay cả Âu Châu này nữa cũng đã xa rời dần dần những vàng son của cung cấm ấy. Ngay cả Âu Châu này, xứ Anh là xứ mà họ tự cho rằng: "mặt trời không bao giờ lặn"; nhưng sau cái chết của công nương Diana, triều đại của nữ hoàng Elizabeth đệ nhị gặp nhiều khủng hoảng trầm trọng từ bên ngoài vào và ngay cả bên trong.

Tại Việt Nam, Ngai vàng đã bị bỏ trống từ năm 1954, ngày nay du khách viếng thăm Điện Thái Hòa ở Huế cũng chỉ ngắm ngời tiếc thương cho một triều đại đã qua, mà diễn viên chính của thời cuộc là những người cầm giữ việc nước, đã xa rời dĩ vãng ấy. Có kẻ đã bỏn đảo ra ngoại quốc, và cũng không lắm người còn ở lại trên quê hương; nhưng không được đất mẹ chở che. Ngày nay tại Trung Quốc, nơi Tử Cấm Thành, Điện Thái Hòa cũng vẫn còn đó. Đời vua cuối cùng của triều đại Mãn Thanh, Phổ Nghi đã cáo

chung khi cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 đã hình thành. Giờ chôn cùng son ngày nay không còn thấy ai tranh bá đồ vương nữa, mà khoảng không gian vô tận ấy đang im lìm, ngậm ngùi chứng kiến cảnh phế hưng của lịch sử.

Các triều đại vua chúa đã sang trang, những thế hệ cách mạng khác đã đến, trong đó có những người nông dân đứng lên hô hào phá bỏ giai cấp, lập thành một chế độ cộng sản để chống lại chủ nghĩa thực dân và tư bản. Sau 70 năm máu và nước mắt cả hàng triệu triệu người đã rơi xuống, da, thịt, xương của không biết bao nhiêu người đã chôn vùi sâu xuống dưới bao lớp đất, để phụng sự cho một thiếu số không học, thiếu tu. Từ Đông Đức qua Đông Âu, từ Nga qua Trung Quốc, rồi đến Việt Nam, đâu đâu cũng phải thay đổi để tự tồn. Những hình ảnh "vĩ nhân của thời đại" ấy đã đi vào sự lãng quên của lịch sử chăng? hay nhân dân đã chán chường, không còn ai đoái hoài đến nữa? Do vậy những người cầm đầu lại muốn quay về với tinh thần dân tộc để tự tồn. Có lẽ vì vậy mà ngày nay hình ảnh của Dr. Tôn Dật Tiên, người chủ trương tam dân chủ nghĩa (dân sinh, dân tộc, dân quyền) được tôn lên hàng quốc phụ và được treo ngang hàng với Mao Trạch Đông ở quảng trường Thiên An Môn?

Trở lại Việt Nam chúng ta, qua mấy mươi năm bể dâu, xương máu, để chúng ta gạt hái được gì? ngoài sự chết chóc và hận thù tràn ngập khắp non sông? Nếu những người làm cách mạng thuở ấy mà biết rằng con đường của lịch sử là con đường vòng tròn cần phải lập lại như sự thành, trụ, hoại, diệt thì không nên hy sinh quá nhiều xương máu như thế, để ngày nay cũng phải bắt đầu lại cái bắt đầu thuở xưa, mà lẽ ra chúng ta không cần phải tốn đến mấy mươi năm khổ đau như vậy. Dân tộc Nga, dân tộc Mỹ, dân tộc Trung Hoa đã và đương thức tỉnh để trở về. Còn Việt Nam chúng ta vẫn còn xấu hổ che đậy những lỗi lầm mà cha ông của họ đã gây ra, để thềm lên bắt tay với tư bản cũng như những dân tộc mà họ cho là kẻ thù để tìm chút hơi huởm của kinh tế, nhằm nuôi sống chế độ. Nếu những người lãnh đạo Việt Nam hay thế giới hiểu được rằng cuộc đời là vô thường hay lịch sử chỉ là một sự lập lại, thì việc làm của họ chắc có ý nghĩa hơn.

Một năm đã trôi qua, Viên Giác đã nhận được rất nhiều sự khích lệ của quý ân nhân cũng như quý độc giả xa gần. Đặc biệt nhất là số kỷ niệm 100 vừa qua, những vị cộng tác thường trực cho Viên Giác cũng như những nhà văn nhà báo, nhà thơ v.v... không thường xuyên cũng đã cho độc giả đọc nhiều bài rất có giá trị, mà âm hưởng cho đến hôm nay vẫn còn. Mong rằng sự hài hòa giữa đời và đạo ấy vẫn còn giữ mãi trong lòng của độc giả bốn phương.

Bây giờ trên tay của quý vị là tờ báo Xuân Mậu Dần số 102 dày 200 trang khổ lớn gồm nhiều bài vở đặc biệt, ấy cũng do công sắp xếp của Đạo Hữu Chủ bút và sự đóng góp bài vở nhiệt tình của các văn thi hữu gần xa. Ân nghĩa ấy, dầu trong nghìn trùng xa cách, vẫn không bao giờ dám quên được. Chỉ dám mong rằng các độc giả lượng thứ cho chữ in báo Viên Giác vẫn còn nhỏ, tuy số này cũng đã cố gắng đi chữ lớn hơn; nhưng khi đọc cũng xin quý vị nhớ về Tòa Soạn, vì nơi đây ai ai cũng trông chờ sự hoan hỷ cũng như sự đóng góp tài chánh của quý vị để tờ báo của chúng ta còn tồn tại lâu dài hơn. Mong lắm thay!

**Ban Biên Tập Báo Viên Giác**



# CUNG CHÚC TÂN XUÂN

*Thành Tâm*

*Kính Chúc*

*Chư Tôn Hòa Thượng,*

*Chư Thượng Tọa,*

*Đại Đức Tăng Ni*

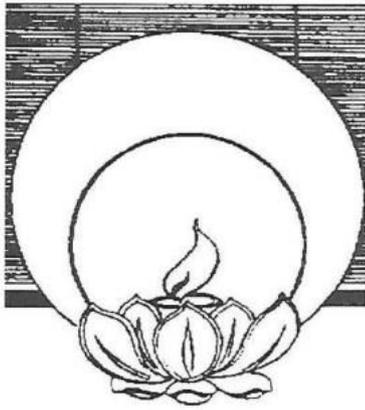
*Và Đồng Bào Phật Tử*

*Khắp nơi trên Thế Giới*

*Một Năm Mậu Dần*

*Được Kiết Tường Như Ý*

*Chùa Viên Giác*



# TÔN GIÁO

## LUẬN VỀ ĐỜI TIẾP NỐI ĐỜI

Nguyên tác: Reflections on Life After Life.

Tác giả: Dr. Raymond A. Moody, Jr.

Người dịch: HOÀNG-PHI LỮ HOÀNG-NGUYỄN.

### Chương VI

### HỎI THÊM

(Tiếp theo)

**21. Hỏi:** Ở ngưỡng cửa tử sinh, sau khi liả khỏi xác, hồn còn đau đớn?

**Đáp:** Nhiều người cho biết một khi rời thân họ không thấy đau đớn chi dù trước đó rất đau. Vài người nói họ có thể thấy các bác sĩ, nhân viên y tế đâm ngực họ, lụi kim vào gân tay họ, v.v... thế mà lạ thay trong tình trạng thoát xác họ chẳng đau. Nhưng vừa nhập vô xác thì lại đau.

**22. Hỏi:** Ông có nói đến những người lưu lại ở thế giới bên kia trong một thời gian khá lâu. Có thể nào họ sống lại mà óc chẳng hề hấn chi?

**Đáp:** Cần nói rõ một số điểm. Thứ nhất, trong lúc cấp cứu óc được tiếp huyết với dưỡng khí và thuốc bổ. Nhờ xoa bóp tim nên máu vẫn lưu thông dù tim đã ngừng đập.

Thứ nhì, sự thay đổi nhiệt độ có thể ảnh hưởng đến nhịp đập tim khiến óc có thể bị hỏng. Óc của một người có thân nhiệt là 105 độ F (tức 40 độ bách phân) lúc hấp hối dễ băng hoại hơn óc một người có thân nhiệt thấp hơn. Thật vậy trong lúc giải phẫu (chẳng hạn mổ tim) tim ngừng đập rất lâu và không có sự bơm máu cho óc thế mà óc đâu bị hư. Đó là nhờ kỹ thuật giảm nhiệt (hypothermic technique), nhiệt độ của óc được hạ xuống cho nên sau năm phút mà không có sự tiếp dưỡng khí và óc chẳng hề chi là chuyện không thể được: đây chỉ là định luật đơn giản. Ta phải kể đến mọi yếu tố khác khi bàn về việc cứu cấp. Thật vậy những người đứng tim được cứu sống và bị hư óc nặng là trường hợp hạn hữu.

**23. Hỏi:** Ông bảo các kinh nghiệm cận tử càng ngày càng xảy ra nhiều hơn trong mấy thập niên gần đây nhờ sự phát triển các kỹ thuật hồi sinh. Thế trước khi có y học tân tiến, người xưa biết cấp cứu?

**Đáp:** Cấp cứu dưới hình thức này hay hình thức khác là một kỹ thuật có từ lâu. Trên các bản khắc của người Phoenicia từ mấy ngàn năm trước đã mô tả kỹ thuật cấp cứu hà hơi thổi ngạt (mouth-to-mouth resuscitation). Và còn nữa, trong Cựu-Uớc-Kinh, sách Vua II 4:18 - 37 ghi như thế này: "Đứa trẻ lớn lên. Và một ngày nọ, nó đi kiếm cha nó, bên bọn thợ gặt. Nó nói với cha nó: "Đầu con! Đầu con!". Người cha bảo đứa trẻ: "Anh bỗng nó về với mẹ nó". Tên đứa trẻ đem nó về cho mẹ nó. Nó ở trên đầu gối bà cho đến trưa thì nó chết. Bà đem đặt nó trên giường dành cho người của Thiên Chúa rồi đóng cửa lại để nó một mình mà ra đi. Đoạn bà gọi chồng mà nói: "Xin ông gửi về cho tôi một đứa đầy tớ và một con lừa cái, để tôi chạy đi gặp một người của Thiên Chúa rồi tôi sẽ về ngay". Ông nói: "Tại sao bà lại gặp Ngài hôm nay? Đầu phải ngáy sóc, cũng chẳng phải hữu lễ!". Nhưng bà nói: "Chào, ông". Rồi bà thắng lừa và bảo tên đầy tớ: "Anh đánh lừa mà đi đi! Đừng chậm bước khi đi lừa, trừ khi tôi bảo anh". Bà đã thấy đi gặp người của Thiên Chúa trên núi Karmel. Người của Thiên Chúa vừa thấy bà đang xa thì nói với Ghe-kha-zi, tiểu đồng của ông: "Kìa bà người Shunem! Bây giờ con chạy ra đón bà ấy và hỏi: "Bà có được an lành không? Ông nhà có được an lành không? Cậu bé có được an lành không?". Bà nói: "An lành cả". Bà vào gặp người của Thiên Chúa trên núi và ôm chân Ngài. Ghê-khi-zi mới tiến lại vào kéo bà ra. Nhưng người của Thiên Chúa bảo: "Để mặc bà ấy! Vì hồn bà đang đau buồn. Ya-vê đã giấu ta, không tỏ cho ta biết". Bà mới nói: "Nào tôi có xin với đức ông cho được có con đâu? Há tôi lại đã không nói: Xin Ngài đừng lừa tôi, đó sao?". Ông bảo Ghe-kha-zi: "Con thắt lưng và cầm gậy của ta mà đi! Có gặp ai con cũng đừng chào, có ai chào con, cũng đừng đáp lại. Con sẽ đặt gậy của ta trên mặt đứa bé". Bà đáp: "Nhân mạng sống Ya-vê và nhân mạng sống Ngài, tôi thề sẽ không rời xa Ngài!". Nên ông đã chỗi dậy, đi theo bà. Ghe-kha-zi về trước và đã đặt cây gậy trên mặt đứa bé, nhưng không một tiếng, một dấu hiệu nào. Ghê-kha-zi quay lại đón ông và trình rằng: "Thằng nhỏ không thức dậy". Ê-li-sa vào nhà. Và này đứa bé đã chết, được đặt trên giường của ông. Ông vào, đóng cửa lại, chỉ có ông và nó. Đoạn ông cầu nguyện Ya-vê. Rồi ông lên nằm trên đứa bé, đặt miệng ông lên miệng nó, mắt ông trên mắt nó, bàn tay ông trên bàn tay nó, và khum mình trên nó. Thịt mình đứa trẻ nóng lên. Ông đi đi lại lại trong nhà, lúc chỗ này, lúc chỗ khác, rồi ông khum mình trên nó. Và đứa bé nhảy mũi đến bảy lần rồi mở mắt ra. Ông gọi Ghê-kha-zi, bảo: "Hãy gọi bà người Shunem". Nó gọi và bà đến gặp ông. Ông bảo: "Hãy bỗng lấy con bà!". Bà vào và phục mình dưới chân ông mà bái lạy sát đất. Đoạn bà bỗng con và đi ra".

Một câu chuyện nữa được tìm thấy trong sách Vua I, tập V: Ê-ly, 17, 17, tuy ít chi tiết hơn song đại loại tương tự như vậy. (Chú thích của người dịch: Xin xem Cựu-Uớc-Kinh, trang 772, do LM Nguyễn Thế Thuận dịch, VN, 1976).

Trong câu chuyện ở sách Vua II có một chi tiết đáng chú ý: Đứa bé hắt hơi trước khi sống lại. Dân-gian tin rằng hắt hơi là dấu hiệu cho thấy hồn nhập vô xác sau khi đã xuất ra. Chi tiết hẳn phản ánh tín ngưỡng thời đó.

Trong thời đại cổ sơ người ta còn biết dùng kỹ thuật sưởi ấm bụng nạn nhân. Cách khác là quất roi: dùng nhánh cây tầm-ma (nettle) quất lên người kẻ bất tỉnh, hy vọng làm y sống lại. Hẳn

hiện còn nhiều phương pháp nữa cũng được dùng, nhưng cách có vẻ "khoa học" đối với chúng ta do y sĩ người Đức thời Phục Hưng tên là Paracelsus áp dụng. Ông sống từ năm 1493 đến năm 1541. Ông dùng ống thổi (bellows) để bơm không khí vào phổi người hấp hối hay có vẻ như đã chết. Phương pháp này được dùng từ bấy đến nay bên cạnh lò sưởi. Một bác sĩ nổi tiếng khác cùng thời với Paracelsus là Vesalius (1514-1564) cũng dùng ống thổi để hồi sinh và làm các thí nghiệm về hô hấp nhân tạo. Phương pháp ống thổi được dùng ở Âu Châu trong nhiều thế kỷ. Các phương pháp khác là đặt một người chết đuối trên một cái thùng tròn rồi lăn thùng, hay đặt y trên lưng ngựa rồi cho ngựa phi nước kiệu, đều được nhiều dân tộc áp dụng trong nhiều thế kỷ. Còn phương pháp chích adrenalin (epinephrine) để làm tim đập trở lại được bác sĩ Winter triển khai từ năm 1905.

Các phương pháp hồi sinh có một lịch sử lâu dài, không những chỉ có ở các xã hội Tây phương và Do Thái - Thiên Chúa Giáo, mà còn cả ở những nền văn hóa chúng ta gọi là "cổ-sơ". Thí dụ vài bộ lạc da đỏ ở Bắc Mỹ biết dùng ống thật để bơm khói vào hậu môn nạn nhân. Dù kỹ thuật này có vẻ không đáng tin cậy song người ta cho rằng nó đã được dùng thành công ở các thuộc địa bên Mỹ trong một thời gian và du nhập vào nước Anh hồi cuối thế kỷ 18.

Vì lúc nào cũng có những trường hợp thập tử nhất sinh dù ở xã hội cổ-sơ hay văn minh cao, tôi tự hỏi không biết các kinh nghiệm cận tử có dùng để giải thích một khái niệm rất xưa và phổ cập về bệnh hoạn. Ở khắp nơi trên thế giới và cả trong những thời kỳ lịch sử xa xưa, nhiều người tin rằng trong một số trường hợp, bệnh là do hồn lìa khỏi xác. Khi tin như vậy, phương pháp chữa trị là thuyết phục hoặc ép buộc hồn người bệnh phải nhập vô xác. Chẳng hạn dân đảo Celebes ở phía đông của Indonesia, cho rằng khi một người đột nhiên hoảng hốt thì hồn y lìa xác, khiến ta tự hỏi không biết sự tin tưởng này có được phần nào do các kinh nghiệm cận tử giống như các kinh nghiệm tôi đang nghiên cứu.

**24. Hỏi:** Ông thấy các bác sĩ có thái độ như thế nào về kinh nghiệm cận tử?

**Đáp:** Cũng giống trường hợp các vị Mục sư, các bác sĩ thuộc nhiều chủng tộc khác nhau là những cá nhân có lai lịch, cá tính, mỗi quan tâm khác nhau. Vì vậy phản ứng của họ cũng dị biệt. Dù sao họ thuộc vào bốn nhóm nên để thảo luận.

**Nhóm một** là các bác sĩ chính họ đã từng kinh qua kinh nghiệm cận tử. Thái độ của họ đối với chuyện này chẳng khác chi những người về từ cõi chết. Điểm đáng nêu về việc hai bác sĩ thuật lại kinh nghiệm của họ rất sống động là: kiến thức khoa học thù địch không giúp ích họ nhiều trong việc hiểu biết sự chết hụt cũng như cung cấp đủ dữ kiện để diễn tả nó. Khi tôi hỏi một bác sĩ về thái độ của ông đối với kinh nghiệm thoát xác của chính mình, ông đáp: 'Là một nhà khoa học, tôi không nghĩ chuyện này có thể xảy ra. Nhưng quả nó đã xảy ra'.

**Nhóm hai** gồm các bác sĩ từng nghe bệnh nhân kể các kinh nghiệm chết hụt. Nhiều vị còn sưu tập các chuyện này, họ ngạc nhiên và thích thú khi biết có nhiều người cũng nghiên cứu lĩnh vực này.

**Nhóm ba** có đức tin về các hiện tượng này. Họ thấy các kinh nghiệm cận tử khẳng định niềm tin của họ là đời sống vẫn tiếp tục sau khi thể xác chết đi.

**Nhóm bốn** là các bác sĩ cho rằng kinh nghiệm chết hụt chỉ là những hiện tượng y học mà chúng ta chẳng lạ gì. Họ nghĩ có thể cắt nghĩa chuyện này trên cơ sở những gì chúng ta biết về tâm, sinh lý.

**25. Hỏi:** Những hiện tượng y học nào được đưa ra nhằm giải thích các kinh nghiệm cận tử?

**Đáp:** Y học biết vô số trường hợp có thể tạo ra những kinh nghiệm giống như chết hụt ở khía cạnh này hay khía cạnh khác. Trong quyển "**Đời Tiếp Nói Đời**" tôi đã bàn đến các cách giải thích kinh nghiệm chết hụt trên cơ sở dược lý, sinh lý, thần kinh học, tâm lý học. Có lẽ cũng chẳng cần phải đào sâu từng lối giải thích. Tôi nhận thấy có hai lĩnh vực y khoa mà nhiều hiện tượng tương tự chết hụt xảy ra, đó là sự gây mê và thần kinh học. Dĩ nhiên tôi biết là cảm giác bị cuốn hút qua một đường hầm đen tối thường được những người bị chụp thuốc mê (nhất là ê-te) báo cáo. Nhưng tôi không tin rằng hậu quả của sự gây mê là các giải thích đầy đủ, có giá trị cho các kinh nghiệm chết hụt, vì ít có ai trong số các đối tượng tôi nghiên cứu đã được gây mê, gây mê vào lúc họ chết hụt. Tương tự như vậy, nhiều nhà thần kinh học trong nhiều năm qua cho tôi biết là kinh nghiệm chết hụt hơi giống sự động kinh, nhất là động kinh thùy thái dương (temporal lobe epilepsy or seizure). Các điểm giống nhau là:

1) Người bị động kinh thùy thái dương có thể cho biết họ nghe "tiếng động" trước khi động kinh.

2) Thùy thái dương có nhiệm vụ nhớ, và những người gần chết thường nói về việc nhớ lại toàn cảnh.

Và người ta có thể tiếp tục nêu ra vô số điểm tương tự. Như cho rằng việc người chết hụt thấy ánh sáng chói chang chỉ vì trực trặc trong việc cung cấp dưỡng khí cho các thùy chẩm (occipital lobes), nơi được xem là cái nôi của sự nhìn thấy. Ngoài những điểm đã bàn trong quyển "**Đời Tiếp Nói Đời**", như 'tự nhiên thấy', xin nói đến các thí nghiệm của bác sĩ Wilder Penfield. Bác sĩ Penfield kích thích vài vùng nào đó của não bộ bệnh nhân trong khi họ được mổ óc. Ông được biết các ký ức rất sống động (sống lại những chuyện đã xảy ra) tràn ngập cõi ý thức của bệnh nhân. Tất cả chi tiết của những biến cố xảy ra từ nhiều năm trước đều có thể nhận ra.

Nhưng cá nhân tôi vẫn không tin các hiện tượng thần kinh học này có thể "giải thích" được sự chết hụt. Chẳng hạn người ta cho đó là sự động kinh. Họ luôn căn cứ vào tiền đề: "óc thiếu dưỡng khí" (cerebral anoxia) là nguyên nhân đặc biệt của sự động kinh. Tuy nhiên họ quên một điểm là tất cả các hiện tượng đặc biệt (như tiếng động, sự nhớ lại toàn cảnh, Đấng Ánh Sáng) có được khi chết hụt thì không hề có việc máu ngưng lưu thông đến óc. Xin nhớ là ngay từ đầu tôi đã nhấn mạnh đến việc chính tôi đã chứng kiến vài trường hợp chết hụt mà các đường sự không có vẻ đã thực sự chết. Họ cũng kinh qua những điểm tương tự như những người đã "chết". Chỉ cần xem lại các trường hợp tôi đã trình bày là thấy ngay.

Chắc có người muốn tiến xa hơn, toan giải thích kinh nghiệm cận tử trong đó Đấng Ánh Sáng, hồi ức và các hiện tượng khác đã xảy ra mà không có việc óc thiếu dưỡng khí bằng cách bảo rằng do "tâm trạng căng thẳng" (stress) vì cận kề với cái chết khiến óc thấy như vậy. Khái niệm "tâm trạng căng thẳng" được nêu ra mà



hầu như chẳng có động cơ nào được giải thích khiến ta có thể hỏi: "Loại căng thẳng nào?"

Đưa ra các cách giải thích kiểu này nhiều đến vô tận quá quá dễ đi thôi. Và cũng quá dễ dàng chấp nhận một lối giải thích mà không lưu ý đến các yếu tố của những kinh nghiệm chết hụt chúng đâu phù hợp với cách giải thích này. Thí dụ nhiều bác sĩ cho tôi biết họ không hiểu sao các bệnh nhân có thể mô tả những điều bác sĩ đã làm để cứu sống bệnh nhân trừ phi các bệnh nhân này bay lơ lửng bên dưới trần nhà. Nhiều người còn bảo là khi xuất hồn, họ thấy những chuyện xảy ra ở đằng xa (có khi bên ngoài bệnh viện) và sau này được kiểm chứng là đúng. Thiết nghĩ ít ra ta cũng nên phóng khoáng tâm hồn, nghĩ rằng một ngày nào đó các chúng cổ thêm và kỳ lạ này được các cuộc thí nghiệm có kiểm soát tạo ra.

Sau hết, tôi phải nhận xét rằng các lối giải thích đó chẳng gây ấn tượng chi đối với những người từng bị chết hụt. Một thanh niên về từ cõi chết cho biết:

"Kỳ thiệt. Đó là một cái gì đâu thể nào có được, vậy mà nó hiện hữu. Giờ thì tôi biết có khối người chẳng tin chuyện này... Họ sẽ đúng ra nói rằng nó không thể có được một cách khoa học. Nhưng ông biết không? Nó sẽ chẳng thay đổi tí nào. Bởi vì nó hiển nhiên như việc hiện giờ tôi đang ngồi đây. Nếu hôm nay tôi chết một lần nữa, hẳn là chuyện đó lại xảy ra, và tôi có thể quan sát kỹ hơn. Rồi họ lại nói với tôi là chuyện đó đâu có. Họ có thể thề quyết là không thể có được, trùng bằng cổ khoa học này nọ là nó không hiện hữu. Tôi chỉ còn có nước bảo: ", nhưng tôi biết mình đã từng ở đâu có!"

**26. Hỏi:** Thái độ của riêng ông đối với cuộc khảo cứu này? Nó có ảnh hưởng đến cuộc đời ông?

**Đáp:** Ngay cả sau khi xác nhận rằng tôi không muốn chứng minh là có sự sống sau khi chết cũng như đã nêu lên tất cả các nhận xét dè dặt, tôi thấy còn vài người vẫn chưa thỏa mãn. Thiết nghĩ đây là một câu hỏi chính đáng nếu là một vấn đề tâm lý chủ chẳng phải vấn đề kết luận theo luận lý học mà tôi muốn nhồi nhét thiên hạ. Tôi xin đưa ra những nhận xét sau đây cho những ai muốn biết về cá nhân tôi: Tôi phải thừa nhận rằng về phương diện tín ngưỡng là có sự sống sau khi chết, và tôi tin rằng hiện tượng ta đang khảo sát là biểu thị của sự sống đó. Tuy nhiên không bị ám ảnh bởi cái chết, tôi rất muốn sống. Những người được tôi phỏng vấn ắt cũng đồng ý. Sau khi về từ cõi chết, họ chú tâm đến việc sống. Bởi vì tất cả chúng ta giờ đang sống đây mà. Nhưng đồng thời tôi cũng hy vọng áp dụng các điều học được khi nghiên cứu vào cuộc sống của mình. Tôi muốn tiếp tục phát triển tối đa trong lĩnh vực yêu thương, có được kiến thức, trí huệ.

Tôi cũng rất lo là các kinh nghiệm chết hụt có thể bị lợi dụng để lập ra một "đạo" mới. Hiện tượng này không thể được gán ghép cho tôi hay cho bất cứ ai nghiên cứu vấn đề này. Kinh nghiệm cận tử rất phổ biến và ta cần có những khía cạnh khác nhau để đáp ứng tất cả những phức tạp của nó.

Sau hết, mới đây tôi thấy rằng nhờ khảo cứu lâu dài, tôi có được sự phân biệt khác thường: Phần lớn bạn bè của tôi đã "chết"! Qua việc trò chuyện với nhiều người từng chết hụt, tôi thấy là tất cả chúng ta cận kề với cái chết trong cuộc sống hằng ngày. Giờ đây hơn lúc nào hết tôi rất dè dặt trong việc bày tỏ với mỗi người mà tôi yêu thương biết rằng tôi đang cảm nghĩ gì.

Đón xem kỳ tới:  
Chương VII - Lời bạt

## Tiểu thương HOÀNG ĐẾ BẢO ĐẠI

*Kính dâng hương linh thánh thượng*

*Than ôi, thánh thượng băng hà!  
Toàn dân trăm họ xót xa, não nùng!  
Tử loan-xa biệt hoàng -cung,  
Đã bao năm tháng mịt mùng cố hương!*

*Lòng thương lẽ thú vắn vương,  
Giang sơn máu lửa, đoạn trường thêm đau!  
Đền khuya, bàu gấm nát nhàu,  
Độc trang quốc sử, canh thâu não nề.  
Đầu đo nửa ở nửa về,  
Vung giương, may cũng đôi bề "lai sinh".  
Ngại khi đại sự bất thành,  
Càng thêm thảm hại dân tình, sinh linh.  
Đành cam đau khổ riêng mình,  
Quyết tâm "thủ khẩu như bình" nơi đây!*

*Rồng thiêng án bóng trời Tây,  
Chúng mình nhật nguyệt đêm ngày sáng soi!  
Mệnh trời đến thế thì thôi,  
Cung son, điện quế, cao ngời chẳng màng.  
Miễn là quốc thái, dân an,  
Cành vàng, lá ngọc gian nan cũng liều!  
Hỡi ôi, chúa-thượng, có liều!  
Để vương cam chịu trăm điều thế lương!  
Ám thầm đất khách, tha phương,  
Để chua, để xót, dòng Hương lệ trào!  
Mây nhàu non Ngự, Nam Giao,  
Bốn phương thần tử nghẹn ngào xót thương!*

*Quê nghèo oan khổ, nhiều nhương,  
Càng thêm nát ruột quân vương xa vời!  
Tiếc thay, vận số, thế thời,  
Làm sao lấp biển, vá trời, tay không ?*

*Ngậm ngùi nhỏ bóng hoàng-long,  
Than ôi, chín bệ, cửu trùng, còn đâu!  
Tan tành, rã ngọc, rời châu,  
Sầu dâng tám hướng, úa màu cỏ hoa.  
Tiếc thương thiên-tử nhân hòa,  
Thương dân, nhớ nước, xa nhà bao năm!*

*Chừ đây Đông-hải lặng tằm,  
Trời Nam bật dấu! Khôn cầm lệ rơi!  
Hồn thiêng thánh thượng về trời,  
Thần dân thương tiếc, nghẹn lời tiếc thương!*

Paris (Phật tự Vincennes) ngày 05.10.97

◆Hò Trọng Khôi Kính bút





# PHẬT GIÁO TẠI ĐỨC

(TRÍCH TỪ CUỐN ENCYCLOPAEDIA OF BUDDHISM -  
TỰ ĐIỂN BÁCH KHOA PHẬT HỌC CUỐN V  
- HELMUT VON GLASENAPP)

## ● VÔ THỨC DỊCH

Ở Âu Châu Phật Giáo được người Hy Lạp biết đến đầu tiên. Nhờ cuộc viễn chinh của Đại Đế Alexander mà những tư tưởng triết học Ấn Độ, nhất là những khác biệt giữa các hệ tư tưởng Brahmana (Bà La Môn) và Samana (Sa Môn) đã được truyền bá và học hỏi. Những ghi chú của các học giả xưa truyền lại ngày nay không còn đầy đủ lắm và phần nhiều chỉ có thể tìm thấy trong các bản văn của các cha Thiên Chúa. Clemens người ở Alexandra (150-122 sau Tây lịch (stl)) đã nói đến ngọn tháp mà ông ta gọi là kim tự tháp và Hieronymus (khoảng 420 - stl) ghi Đức Phật đã giáng sinh trong một hoàn cảnh siêu thiên nhiên; nhưng ông ta lại kể rằng mẹ của Ngài là một trinh nữ, có lẽ đây là một sự nhầm lẫn với dã sử về sự giáng sinh của Chúa Jésus. Nhưng chính nhờ vào những tài liệu như trên mà những nhà học giả Đức đã gạt hái kiến thức sơ khai về Phật Giáo.

Một ngộ khác để Phật Giáo du nhập vào Âu Châu trong thời kỳ trung cổ chính là những mẩu chuyện, truyền thuyết Thiên Chúa Giáo chuyên chở tinh thần Phật Giáo. Trong câu chuyện về những vị thánh đồ Thiên Chúa như Hubertus, Julianus, Placidus v.v..., đã kể rằng trong thời thanh thiếu họ là những thợ săn, không tin vào Chúa mà còn hủy báng Chúa. Một ngày nọ khi say mê rượt theo một con hươu đực nó đã dẫn ngài đi xa những người đồng hành vào sâu trong rừng. Khi đó người thợ săn thấy một đạo hào quang hình thánh giá có tượng Chúa Jésus hiện ra giữa cặp sừng hươu và nó bỗng nói: "Tại sao anh lại săn đuổi tôi? Tôi là Chúa, hãy có lòng tin đối với tôi, hãy rửa tội". Người thợ săn đã làm theo lời dạy. Câu chuyện trên dường như là một chuyện đã được cải đổi từ câu chuyện Nigrodha miga Jataka trong kinh Bốn Sanh, bởi vì trong Thiên Chúa giáo Chúa không bao giờ hiện thân làm thú vật, tuy nhiên trong văn học Phật Giáo, rất nhiều tích ghi lại cuộc đời tiền kiếp của Phật đã từng làm thú. Ngoài ra còn một số câu chuyện khác trong Thiên Chúa Giáo

mang những hình thức tương tự các bản văn của Phật Giáo.

Ví dụ hiển nhiên nhất có lẽ là câu chuyện của Barlaam và Josaphat (Joasaph). Câu chuyện kể về ông vua Abenner, người chống lại Thiên Chúa Giáo. Sau nhiều năm mong đợi, nhà vua sanh được Josaphat, những vị tướng số đã tiên đoán tương lai rực rỡ của Thái tử và Ngài sẽ từ bỏ tôn giáo của nhà vua và theo Thiên Chúa. Khi nhà vua nghe tin, Ngài cảm thấy bực dọc và quyết định chống lại với tiền mệnh Ngài đã cho xây một lâu đài để Thái tử không phải chạm mặt với khổ đau và chết chóc. Khi Thái tử trưởng thành nhà vua cho phép Ngài rời khỏi hoàng cung để phóng ngựa dạo chơi. Trong dịp đó Ngài gặp một người mù, một người cùi, một người già và một xác chết cũng như nghe nói nhiều về các sự khổ đau trong cuộc sống nhân sanh. Ngài vô cùng xúc động và sau đó được biết chỉ có những vị ẩn sĩ mới có kiến thức đưa con người thoát khỏi các sầu khổ trên. Vị thượng gia châu báu mà cũng là một ẩn sĩ Barlaam đã dạy cho Ngài về Thiên Chúa Giáo và chuyển đạo Ngài. Sau nhiều cố gắng hoài công của nhà vua để giữ Ngài lại với hoàng gia Ngài cũng đã ra đi, trở thành đồ đệ chánh thức của Barlaam và sống đời khổ hạnh. Sau Barlaam chết, Josaphat sống một mình trong vùng hoang dã nhiều năm. Thân xác Ngài đã được đưa về Ấn Độ khi Ngài viên tịch sau đó, Núi mộ Ngài người ta cho rằng có nhiều sự linh ứng thường xảy ra.

Một nhà văn Bồ Đào Nha (Portuguese) Diogo de Couto đã ngạc nhiên trước sự giống nhau giữa câu chuyện trên với sự kiện xuất gia của Đức Phật. Ông ta đã trình bày sự kiện ấy trong tác phẩm "*De cada quinta das Asia des deites quo os Portuguese fizerae*" (Lisboa 1612 tr. 123) và những nhà văn sau này đã bỏ nhiều công phu để chứng minh câu chuyện trên chính là một biến thể của lịch sử Đức Phật. Tên Josaphat chính là một biến thể của danh từ Boddhisattva (Bồ Tát), có lẽ để kỷ niệm vua Judah được nhắc đến trong kinh

thánh (2 Chron. Ch. 17-20) cái tên trên đã được đưa vào. Barlaam là một trong những danh hiệu của Đức Phật, Bhagavan (Thế Tôn). Như thế nhà tôn giáo vĩ đại Ấn Độ đã tái hiện ở Tây phương và được tôn sùng dưới dạng một vị thánh của đạo Thiên Chúa.

Ernst Kuhn đã giải thích sự kiện này rằng: Theo giáo lý nhà Phật thì Đức Phật đã tìm ra chân lý nhờ vào sự tu tập của chính mình, việc này đối với Thiên Chúa Giáo không thể nào xảy ra. Những nhân vật khác trong câu chuyện dường như cũng có nguồn gốc từ huyền thoại Ấn Độ. Như Zardan, người được giao nhiệm vụ canh chừng Thái tử, được so sánh với Chandaka (Sa Nặc), người đánh xe của Thái tử Gautama (Cồ Đàm) và cùng Thái tử vượt thành.

Huyền thoại trên được trình bày qua nhiều cách và nhiều ngôn ngữ khác nhau. Dĩ nhiên là nhiều cuộc tranh luận về bản văn nào là cũ nhất đã được diễn ra sau đó. Vài vị học giả cho rằng bản văn Pahlavi được thành hình dưới thời vua Chosroes vĩ đại của Ba Tư (Persia - 531-579 stl) là bản văn xưa nhất. Họ cho rằng bản dịch qua tiếng Xi-Ri (Syriac) vào thế kỷ thứ 6 được xem là nguồn gốc của bản dịch tiếng Hy Lạp xưa nhất. Một số khác lại cho rằng bản tiếng Hy Lạp này là bản xưa nhất được biết đến. Người ta cho rằng bản dịch sang tiếng Hy Lạp là do Ngài John "tu sĩ của tu viện St. Sabas" thực hiện, nhưng nó lại xuất hiện trong bộ sáng tác của John of Damascus. Cho đến bây giờ người ta vẫn bảo nể cho rằng vị cha nhà dòng nổi tiếng ấy là tác giả của tác phẩm này là một việc sai lầm. Trong bài "Studies Patristica et Byzantina, Vol.1" vị giáo sư nổi tiếng của phân khoa Byzantine học trường đại học University of Munich, Francis Doelger chứng minh chính vị Johannes of Damascus nổi tiếng là người cha vĩ đại cuối cùng của nhà thờ Cơ Đốc Hy Lạp viết. Ngài đã từng sống tại tu viện Sabas ở Jerusalem khoảng hai mươi năm và mất vào năm 759 stl. Không có một điểm nào để giúp ta suy luận Ngài đã dựa vào đâu để viết, nhưng chắc chắn là một phần nguồn gốc của nó phải xuất phát từ Ấn Độ. Vào thời trung cổ Josaphat và Barlaam đã rất được nhiều người biết đến và giáo hội Thiên Chúa Hy Lạp dành ngày 25 tháng tám làm ngày lễ kỷ niệm Ngài Josaphat và giáo hội La Mã dành ngày 27 tháng mười một để kỷ niệm cả hai Ngài (hai lễ này xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1538). Sức thuyết phục của câu chuyện trên lớn đến độ, người ta đã trưng bày xá lợi của Ngài Josaphat qua một mẫu xương và một khúc xương cột sống tại Venice cho đến thế kỷ mười sáu, sau đó chúng được đưa về



Lisbon và cuối cùng về Antwerp. Sự kiện Đức Phật trở thành một vị thánh của cả hai giáo hội Ki-Tô như thế quả là một việc kỳ lạ, hy hữu.

Trong bài viết của chúng tôi hai vị thánh trên đáng được lưu ý vì từ khi Rudolf Von Eus (1200-1254) viết một bài trường ca về lịch sử hai vị trên dựa vào một bản tiếng Latin, hai vị ấy đã được thờ phượng ở nhiều nơi. Ngay cả ở những nơi xa xôi nhất của vùng Prussia không có một thư viện đầu nhỏ đến đâu đi nữa cũng đều có một bản sao lịch sử hai vị trên, sự kiện trên đã nói lên tầm nổi tiếng của hai vị ấy.

Như chúng ta đã thấy, những kiến thức về Phật Giáo đã được thu thập vào thời đại trung cổ đều phát xuất từ các văn bản cũ. Mãi đến sau này Đức mới có được những tài liệu trực tiếp qua các bài viết của Marco Polo (1256-1323) và những nhà du lịch khác, sau khi trở về từ các nước Á Đông. Khi sự giao lưu văn hóa với Ấn Độ bắt đầu, sau cuộc thám hiểm của Vasco da Gama (1498) qua đường thủy, thì Phật Giáo không còn hiện hữu nơi tiểu lục địa này. Vì thế mà những nguồn tin về Phật Giáo đầu tiên được truyền vào qua ngã Ceylon (Tích Lan), Myanma (Miến Điện), Siam (Thái Lan), Trung Quốc, Nhật Bản và Tây Tạng. Những cố gắng đầu tiên để giải thích giáo lý Phật Giáo và để nối kết Phật Giáo với lịch sử Tây phương mang đầy tính võ đoán. Bác sĩ Engelbert Kämpfer (1651-1716) đã viếng thăm Siam và Nhật tin rằng Đức Phật là một tu sĩ Ai Cập đã trốn sang Ấn Độ vì vua Gambyses (cầm quyền ở Ba Tư 529-22 tll) đã giết con bò linh Apis khi nhà vua xâm lăng Ai Cập. Những kiến thức về Phật Giáo không ngừng du nhập vào Đức và người Đức ngày càng thích thú với giáo lý này. Chính triết gia Leibniz đã từng nói đến "sunya" (tánh không) của Đại Thừa và nhà triết gia lỗi lạc Kant đã trình bày trước thính chúng về địa lý hoạt động của hai trường phái Theravada (Nguyên Thủy) và Mahayana (Đại Thừa). Dựa vào các ký sự về những cuộc du hành ông ta đã khẳng định những tu sĩ ở Fegu là những người khả ái nhất thế giới. Họ sống nhờ vào những thực phẩm họ xin được và cho những người nghèo những gì họ không cần đến. Họ phục vụ tất cả chúng sanh mà không cần phân biệt tôn giáo. Họ nghĩ rằng bất cứ tôn giáo nào có thể làm cho con người trở nên thánh thiện và đáng kính đều là tôn giáo tốt. Kant cũng đã biết được là Phật Giáo không tin vào một đấng lập thiên và có quyền năng cai quản vũ trụ của người sống và tuyên án những người chết, ông ta đã viết: "họ chối bỏ khái niệm thượng đế và định mệnh, nhưng dạy rằng

tội thì bị phạt và phúc thì được hưởng bởi một quy luật tự nhiên".

Kant không biết nhiều về Phật Giáo vì vào thời ông những học giả chúa nghiên cứu và dịch giáo lý Phật Giáo. Chỉ sau khi ông qua đời thì những nhà Ấn Độ học và Phật học Tây phương mới bắt tay vào nghiên cứu. Những nhà bác học Pháp và Anh là những người đầu tiên tham cứu các tài liệu bằng tiếng Pali và Sanskrit. Những học giả Đức lúc bấy giờ chú tâm vào Hindu giáo và thơ văn Ấn Độ. Dầu thế kiến thức về Phật Giáo ngày nay càng lan rộng khắp nơi. Phật Giáo đã chiếm được lòng tin tuyệt đối nơi nhà triết gia Arthur Schopenhauer (1788-1860). Ông ta được Frederic Major hướng dẫn vào thế giới cổ Ấn Độ năm 1814 và từ đó các tư tưởng siêu hình học của ông đều chịu nhiều ảnh hưởng của chúng. Khi ông ta mất, người ta tìm thấy trong tài sản ông một thư viện chứa đầy đủ các tư liệu về Phật Giáo được xuất bản ở phương Tây lúc bấy giờ. Ông ta tin rằng lòng tin của mình phù hợp với những gì Đức Phật đã dạy. Đây là những lời ông đã viết: "nếu tôi phải dùng kết quả của triết lý tôi, làm thuốc đo chân lý, thì tôi phải thừa nhận sự ưu việt của Phật Giáo trên tất cả mọi tôn giáo của thế giới. Dầu sao đi nữa, tôi cũng cảm thấy hạnh diện khi nhận ra những gì tôi giảng dạy hài hòa với tôn giáo mà được nhiều người nhất trên thế giới ngưỡng mộ". Quả thế có rất nhiều điểm tương đồng giữa tư tưởng của nhà triết gia Đức này với giáo lý Phật Giáo. Cả hai đều phủ nhận sự hiện hữu của một vị Chúa thực thể, đều cho rằng sự hoạt động của vũ trụ không có bắt đầu và kết thúc, đều chấp nhận sự hiện hữu của nhiều thái dương hệ, đều không phân biệt đẳng cấp mà tương tự giữa người và thú, phủ nhận sự hiện hữu của một linh hồn bất diệt mà tin vào một sự chuyển tiếp giữa đời trước và đời sau bị chi phối bởi nghiệp. Cả hai đều thừa nhận giá trị đạo đức là năng lượng vận hành của vũ trụ. Mặc dầu cả hai đều có cái nhìn bi quan về cuộc đời, tư tưởng trong họ vẫn là lạc quan khi chấp nhận một khả năng vượt khỏi các trói buộc của hiện hữu. Cũng như Đức Phật, Schopenhauer cho rằng sự giải thoát không thể giải thích qua ngôn ngữ và tư tưởng đang phổ biến trong thế giới hiện tại. Hệ thống tư tưởng của Schopenhauer mang tính cách sáng tạo và độc lập, hình thành qua quá trình tự tư duy chính ông và dĩ nhiên khác biệt với Phật Giáo trong nhiều điểm vì trong thời của Schopenhauer đạo Phật chưa được truyền bá sâu.

Schopenhauer đã là một sử gia quan trọng của trí tuệ Phật Giáo, tư tưởng ông ta ảnh hưởng lớn đến nhiều nhà tư tưởng

khác và sau nữa nó đã khơi đầu cho các vị ấy trong công cuộc tìm hiểu Phật Giáo. Do đó mặc dầu không phải là một nhà thần học Phật Giáo, Schopenhauer đã đóng góp nhiều trong quá trình phát triển đạo Phật tại Đức vào cuối bán phần của thế kỷ mười chín. Những cuộc nghiên cứu của ông đã mở đường cho những tác phẩm của Christian Lassen (1800-1876) và đưa đến đỉnh cao trong các nhà học giả F. Max Mueller, Hermann Oldenberg, Wilhelm Geiger và hàng loạt học giả khác.

## Một cái nhìn chung

Khác với sự bành trướng tại các nước Á Đông, Phật Giáo đã không vào Đức qua những vị truyền giáo mà được người Đức tìm đến phương Đông để mang về quốc gia mình lời dạy của đức Cồ Đàm, đức Phật. Có nhiều lý do khiến người Đức lưu tâm đến Phật Giáo.

Trễ nhất là vào thời đại Roman, một trường phái mỹ thuật của đầu thế kỷ mười chín, các nhà tư tưởng và văn hào Đức có một cảm hứng đặc biệt đối với các sản phẩm trí tuệ Ấn Độ và ngay cả đối với quốc gia Ấn Độ nữa. Chính Goethe đã viết lời tán thưởng bài Sakuntala của Kalidasa. Đức Phật và giáo lý của Ngài cũng đã tạo một tình tự đặc biệt trong họ, khi mà các tư liệu về Ngài được biết đến vào khoảng giữa thế kỷ qua. Triết gia Arthur Schopenhauer, nhạc gia Richard Wagner và nhiều người khác đã góp phần truyền bá kiến thức về giáo lý của Đức Phật trong giới học thức Đức. Mặc dầu Phật Giáo đã từ lâu không còn là một tôn giáo mạnh ở Ấn Độ, trong tâm người Đức Ấn Độ và Phật Giáo được liên đới vô cùng mạnh mẽ. Sự kiện này đến ngày hôm nay vẫn còn là điều hiển nhiên. Và vì Đức quốc không bao giờ có một ý nghĩ trực lợi trong chính trị và cả thương mại đối với Ấn Độ sự đồng tình của Đức với quốc gia này không hề bị lịch sử chi phối.

Ở thế kỷ mười chín Ki-Tô giáo và giáo lý Thiên Chúa bị lên án ngày càng gắt gao, phong trào chống giáo hội ngày càng bành trướng. Những nhà tư tưởng phê phán có tâm hồn đạo chào đón một giáo lý mà đã được những học giả Ấn Độ học tỉ mỉ nghiên cứu và tìm đưa về Đức. Những tâm hồn phê phán đã không hài lòng với tánh giáo điều của nhà thờ đã thỏa mãn với tánh phóng khoáng trong nghiên cứu và bày tỏ của Phật Giáo.

Những học giả tự giáo tôn giáo, sử gia và ngôn ngữ học đã cần cù dịch thuật những tài liệu Phật Giáo Theravada và (trong một số lượng ít hơn) Phật Giáo Mahayana. Mặc dầu phần đông những học

già này vẫn giữ cương vị là phi tôn giáo hay Ki-Tô giáo đồ đi nữa, họ vẫn dành cho Phật Giáo nhiều thiện cảm và qua đó họ đã đóng góp nhiều trong việc đưa Phật Giáo đi sâu vào quần chúng.

Trong khi những nhà nghiên cứu và những người đi tìm đạo pháp mài mê với các kinh điển của Theravada thì những người không chuyên môn và những người sành nghệ lại đi sâu vào lãnh vực nghệ thuật Phật Giáo của các truyền thống Nhật, Trung Quốc, Đại Hàn và Tây Tạng. Rất lý thú khi phải thừa nhận mặc dầu văn hóa của vùng Viễn Đông thật sự "viễn" (xa vời) với văn hóa Âu Châu, phần đông người Đức đều đặt mỹ thuật Phật Giáo, điển hình mỹ thuật Nhật, lên hàng đầu, ngay cả những người vô cùng ngưỡng mộ truyền thống Theravada. Không ít người trở thành Phật tử chỉ vì bị nhiếp phục bởi dáng dấp dễ cảm của những tượng Phật vùng Viễn Đông. Ngoài ra người ta cũng tìm thấy tại Đức những hình tượng Phật ở nhiều gia đình không Phật Giáo, nơi đó chúng được dùng như những món đồ trang trí đầy mỹ thuật và quan trọng hơn, chúng chuyên chở thiện cảm của chủ gia với Ấn Độ nói riêng và với tinh tú Đông Phương nói chung.

Người ta cho rằng người Đức là dân tộc nặng tư tưởng và thơ văn, một phần nào sự thật chứa đựng trong lời nói đó. Chính tánh triết học trong giáo pháp đã khơi dậy tâm tư họ. Nhưng tiếp theo sự du nhập đầy năng nổ những Phật tử Đức đầu tiên đã đi theo con đường cực đoan, thay vì bước từng bước một. Cái lý tưởng của người Phật tử được đưa ra trước quần chúng Đức là một vị Arahát (A La Hán) chứ không phải là hình ảnh của một vị Phật tử bình dị hay một Upasaka (Cận Sự Nam). Vì thế sự định nghĩa về giáo pháp vào cuối thế kỷ qua và nhiều thập niên đầu của thế kỷ này mang nặng tánh xuất thế của các vị tu sĩ và làm giảm sự bành trướng ảnh hưởng Phật Giáo trong giới quảng đại quần chúng. Thay vì tuyên dương lòng Metta (từ), lòng Karana (bi), Mudita (hỷ) và Upekkha (xả) đã được khen ngợi là đạo đức Phật Giáo, những chứng sanh khác bị khinh là còn chịu ràng buộc qua các khổ não trá hình. Cái nhìn một khía cạnh này đã đưa đến nhiều ảnh hưởng xấu, và cả đến ngày nay nhiều người không dám đến gần Phật Giáo vì họ biết rằng mình không thể sống như một vị Arahát.

Những Phật tử Đức nhận biết Đức Phật qua nghệ thuật Phật Giáo, giáo pháp qua những bài viết hay tuyệt về Phật Giáo và những dịch thuật của Tipitaka (tam tạng), nhất là qua Suttapitaka (kinh tạng). Nhưng họ lại có cái nhìn méo mó về Sangha (Tăng già) vì họ không bao giờ nhìn thấy

hình dạng của một Bhikkhu (Tỳ kheo) trên đất nước họ. Những vị Tỳ kheo Đức sau khi xuất gia đều ở lại Sri Lanka (Lăng Già - Tích Lan) hay Myanmar, ngoại trừ những dịp thăm viếng ngắn. Chỉ sau Đệ nhị thế chiến, hình bóng người tu sĩ Phật Giáo xuất hiện thường và lâu hơn ở Đức, nhờ vào công sức của hội "German Dharmaduta Society" (Hội Sứ Giả của Đạo Pháp tại Đức) của Sri Lanka và một vài hội đoàn khác của Thái Lan.

Bây giờ những người tìm về những nước phương Nam nay Đông Nam Á thích thú phát hiện rằng những vị Bhikkhu không cách biệt và lạnh lùng như trong trí tưởng tượng qua kiến thức sách vở của họ, ngược lại người Bhikkhu vô cùng hòa nhã và đầy sức sống của một con người. Họ không phải là những vị Arahát không lưu tâm đến đời sống của những người chung quanh, mà lại là những người lo lắng nhiều cho sự phát triển tâm linh của chúng Upasaka.

Sự hiểu lầm giáo lý Theravada đã đưa một số người đến gần Mahayana trong thời gian gần đây, đặc biệt là truyền thống thiền và một số khác truyền thống Mật Tông. Trong cuộc chạy đua dài hạn, Mahayana có lẽ sẽ không thể nào bám rễ một cách vững chắc tại Đức. Những người thích thú với nghi lễ, cúng kiến và huyền bí có thể tìm được thỏa đáng trong đạo Thiên Chúa Roman. Những người xem trọng tín ngưỡng và lòng tin trong phần phát triển tâm linh có thể thỏa mãn với giáo hội Tin Lành. Ngược lại, Theravada thỏa mãn những khía cạnh khác và là công cụ mạnh nhất chống lại giáo điều, lý tưởng duy vật và lòng tin mới vào khoa học. Sự thích thú của một nhóm thiểu số Phật tử Đức đối với Mahayana sẽ giúp Theravada tháo gỡ một số khúc mắc đã được tạo nên trong chiều dài lịch sử của giáo pháp. (Có lẽ người viết đoạn này theo truyền thống Theravada, nhất là khi quyền bách khoa này được biên khảo và ấn hành tại Sri Lanka, nên cái nhìn có đôi phần thiên vị. Nhưng theo thống kê mới nhất thì số Phật tử tại Đức lên đến 40.000 (bốn mươi ngàn người) và số Phật tử theo Mahayana chiếm đến trên 70%).

### Lịch sử tổng quát

Vào hậu bán thế kỷ mười chín, khi Phật Giáo bắt đầu tạo chú ý trong quần chúng thì giáo hội Ki-Tô đang chiếm giữ vai trò lãnh đạo. Để có thể trở thành công nhân viên nhà nước người đưa đơn tìm việc phải thuộc Tin Lành ở vùng Bắc Đức, thuộc Thiên Chúa La Mã vùng Nam và Tây Đức. Trong khi giáo hội Tin Lành cởi mở hơn, giáo hội Thiên Chúa giữ đây

cương thật chặt đối với quần chúng. Những người cải đạo trở thành Phật tử thường không dám tuyên bố thẳng. Cho đến cuối thập niên ba mươi của thế kỷ này nhiều người e ngại chối bỏ hẳn giáo hội Ki-Tô, một hành động được thực hiện trước quan tòa. Trong thế kỷ trước sự kiện này nếu muốn cũng không thể nào thực hiện được. Những triết gia độc lập có thể công khai tuyên bố cảm tình và ưu tiên cho Phật Giáo, nhưng ngay cả Schoppenhauer cũng không công khai từ bỏ giáo hội Tin Lành và vì thế dĩ nhiên đã được chôn theo nghi lễ Ki-Tô.

Dầu sao đi nữa, khi nhiều người thích thú với Phật Giáo và tìm cách thực hiện giáo lý Đức Phật vào trong đời sống, họ tự nhiên tìm về những cộng đồng Phật tử. Chúng tôi xin không dẫn ra tất cả các cộng đồng nơi đây. Vào 1903, Dr. (Tiến sĩ) Karl Seidenstuecker, học giả Ấn Độ, thành lập "Buddhistischer Mission - Verein für Deutschland" (Sứ mệnh Phật Giáo hội của Đức Quốc) tại Leipzig và được cải tên là "Buddhistische Gesellschaft für Deutschland" (Cộng Đồng Phật Giáo Đức) vào năm 1906. Hội cũng ấn hành một tờ thông tin chu kỳ Phật Giáo; tờ báo này cũng đã được đổi tên nhiều lần "Der Buddhist" (Người Phật Tử), "Buddhistische Warte", rồi "Mahabodhiblaetter" (bản văn Đại Bồ Đề). Vào năm 1911 hội cũng được cải danh là "Deutscher Zweig der Mahabodhi Gesellschaft" (Chi nhánh hội Maha Bodhi tại Đức).

Năm 1912 Dr. Wolfgang Bohn thành lập "Bund für Buddhistisches Leben" (Nhóm cho đời sống Phật Giáo) ở Halle. Nhóm được nhập vào "Chi nhánh hội Maha Bodhi tại Đức" vào năm 1921. Sinh hoạt nhóm chấm dứt vào năm 1928. Nhóm đã có nhiều chi nhánh tại Munich, Hamburg, Berlin và Breslau. Dr. Bohn đã là một bác sĩ như nhiều vị Phật tử Đức nổi tiếng khác. Cùng với Ludwig Ankenbrand ông đã ra một tạp chí thường kỳ "Zeitschrift für Buddhismus" (Báo Phật Giáo) vị tổng biên của tờ báo là một học giả nổi tiếng Wilhelm Geiger, ông đã làm việc này nhiều năm sau kết thúc Đệ nhất thế chiến.

Những cố gắng ban đầu để thành lập các cộng đồng Phật Giáo đã không thành công mấy. Một trong những nguyên nhân thất bại bởi vì hầu hết những người tìm đến với Phật Giáo vì họ không thỏa mãn với mọi tổ chức tôn giáo: giáo hội, tăng đoàn tu sĩ, nghi lễ và nghi thức. Hình thái đầu tiên của Phật Giáo tại Đức mang tính chất thuần túy Theravada. Như đã nói bên trên lý tưởng xuất thế Bhikkhu chính là lý tưởng hàng đầu của những người Phật tử Âu Mỹ đầu tiên. Bây giờ, sự kiện những học giả

và Phật tử tinh tấn đã đi đến Sri Lanka hay Myanma để xuất gia và ở luôn đó tu tập đã trở nên một chướng ngại cho việc giới thiệu Phật Giáo ở Tây phương. Khuynh hướng này vẫn còn tiếp diễn cho đến ngày nay, và những cố gắng để xây dựng một Shanga tại Đức đã không thành tựu. Dõi theo dấu thời gian chúng ta thấy có hơn trăm người Đức đã gia nhập Shanga ở các nước Đông Nam Á, có thể để tu tập ngắn hạn hay tu trọn đời. Trong số họ có hai vị nổi tiếng về Pali và Phật học là Ngài Nyanatiloka và Nyanaponika.

Tim đọc những tài liệu viết về Phật Giáo trong thời đó chúng ta sẽ thấy người viết phần nhiều nhấn mạnh về "tánh khoa học" và "lý nhân duyên" trong giáo pháp. Đồng thời tầm quan trọng của việc giữ giới cũng được nhấn mạnh là một cách tu trì Phật Giáo. Mặc khác pháp môn thiền định, thí dụ như thiền Satipatthana (Tứ Niệm Xứ), lại ít nhiều bị bỏ quên. Không có một vị thầy khả dĩ nào đã trú ở Đức cả. Theo thời gian thì những biến chuyển tất yếu đã xảy ra. Sự thiết yếu tu tập Metta (lòng tử) đã được chú trọng đến, nhất là sau cuộc hỗn chiến thế giới lần thứ nhất và hậu quả chưa từng có của nó. Mahayana được xem là có ảnh hưởng mạnh về mặt tinh cảm hơn là Theravada và vì thế mọi người đã chú ý đến nó nhiều hơn trước đây. Nhưng chúng ta cũng không nên quên rằng đã có những người tu tập theo Mahayana từ trước đầu thế kỷ này. Thật thế, trong những sách vở xuất bản vào giữa thế kỷ mười chín đã có một số bản dịch về kinh Mahayana được phổ biến.

Trong những năm giữa hai thế chiến, một số phong trào, cộng đồng Phật tử đã tái hoạt động, một số khác đã được xây dựng mới thêm. Nhưng cho đến ngày nay họ chưa từng thu nhận được một số thành viên khả dĩ, phần đông Phật tử chỉ muốn tu tập một cách tự do mà không lệ thuộc vào một tổ chức nào.

Trong thời đó một sự kiện quan trọng xảy ra đã tạo cho Phật Giáo một nền tảng vững chắc ở xứ Đức. Hai trung tâm dài lâu đã được tạo dựng. Chúng liên quan mật thiết đến hai vị Phật tử nổi tiếng đã góp phần quan trọng trong vấn đề truyền bá Phật Giáo tại Đức. Hai vị ấy là Dr. Paul Dahlke và Dr. George Grimm.

Năm 1924 bác sĩ lỗi lạc Dr. Dahlke đã khánh thành "Das Buddhistische Haus Berlin-Frohman" (Ngôi Nhà Phật Giáo Berlin-Frohman) và mở cửa đón chào quần chúng. Trong vùng ngoại ô xinh xắn của Berlin, khi đó là trung tâm chính trị và văn hóa của Đức, một ngôi chùa và tăng xá đã được dựng nên. Đây là trung tâm Phật Giáo đầu tiên tại Âu Châu đã được xây dựng cho mục đích hoằng dương chánh

pháp. Trung tâm này đã được bảo tồn và sinh hoạt Phật Giáo cho đến ngày nay. Năm 1957 hội German Dharmaduta (Sứ Giả của Đạo Pháp tại Đức) đã nắm quyền điều hành trung tâm này và từ đó những vị Bhikkhu có khả năng được mời đến từ Sri Lanka cư ngụ tại đây. Paul Dahlke (1865-1928) đã trở thành một trong những tác giả Phật Giáo lớn nhất trong thời ông kể từ 1903. Nhiều tác phẩm của ông đã được dịch sang Anh ngữ, và một được dịch sang tiếng Nhật. Ông đã nhiều lần đi chiêm bái Ấn Độ, Sri Lanka, Đông Nam Á và Nhật. Ông học tiếng Pali tại Sri Lanka, một trong những thầy của ông chính là Ngài Hiddkaduwe Sri Sumanagala. Dahlke chấp chặt vào truyền thống Theravada nguyên thủy nhất, nhưng lại vô cùng tán thưởng nghệ thuật Phật Giáo của Nhật. Thật thế, chánh điện trong "Buddhistisches Haus" (Ngôi Nhà Phật Giáo) của ông ta được thiết kế theo kiểu Nhật. Từ 1917 cho đến khi ông ta mất, 1928, ông đã viết nhiều về giáo pháp trích từ trong kinh Pindapata (Na Tiên) liên quan đến các vấn đề xã hội và chính trị hiện đại qua cái nhìn của đạo Phật và cho in trên tạp chí thường kỳ "Neubuddhistische Zeitschrift" (Tờ Phật Giáo Mới) của ông, sau tờ này được chuyển tên thành "die Brokensammlung" (Góp Từ Mảnh Vụn). Ngoài những tác phẩm chính của ông, ông còn dịch rất nhiều bản kinh từ Suttapitaka và ghi chú những giải thích của ông về các bài kinh trong đó. Là một y sĩ và nhà khoa học tự nhiên, ông đã phối bầy những nguy biện của các nhà khoa học trong thời ông về đời sống theo chủ nghĩa vật chất. Ngược với họ ông đã dùng thuyết nghiệp quả và tái sanh để giải quyết vấn đề sanh tử. Paul Dahlke đã là một tư tưởng gia độc lập và đã đóng góp một bài luận về Paticcasamuppada (thuyết nhân duyên) theo sự luận bình của Phật Giáo. Ông ta phản đối ý kiến chỉ dùng Paticcasamuppada để giải thích về vấn đề sanh tử qua ba thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Thay vào đó ông ta đã trình bày làm thế nào để ứng dụng nó trực tiếp vào trong cuộc sống hiện tại này. Một điều đáng nói là Dahlke đã nhận được những kiến thức của ông về Paticcasamuppada chỉ từ trong Suttapitaka và qua thiền định chứ không hề qua kiến thức của Abhidhammapitaka (luận tạng). Sự suy nghĩ của ông giống tư tưởng ekacittakkhanika-paticcasamuppada (sự hình thành theo tánh duyên khởi trong một sát na của thức) trong bản Vibhanga (luận giải).

Một trong những môn đồ của ông, Dr. Max Bruno (sau trở thành Anuruddha Thera) đặc biệt theo đuổi tư tưởng của ông và chuyên khiêu khích những thuyết trình

viên về avijja (vô minh) trong paticcasamuppada.

Nơi đây cũng nên nói về sự tranh cãi lâu dài của Dahlke và Grimm về anatta (vô ngã). Dahlke đã được vào những bài giảng công cộng trong Phật Giáo Theravada và bản luận của Ngài Buddhaghosa (Phật Âm). Trong khi Grimm đã theo đuổi một giải thích khác. Trong bài "great Syllogism" (tam đoạn luận vĩ đại) ông ta lý luận trong khi năm khandha (uẩn) là anicca (vô thường), dukkha (khổ) và anatta thì cái atta (ngã) chân thật được tìm thấy bên sau chúng. Cuộc tranh cãi kém may mắn này đã được (hay bị?) theo đuổi bởi những Phật tử Đức sau đó, hoặc ủng hộ tư tưởng Dahlke, hay tiếp thừa tư tưởng Grimm. Sự kiện này đã tạo ra một lần ranh ngăn cản những hợp tác mạnh mẽ có thể có giữa những cộng đồng với nhau. Sau thế chiến thứ hai lần ranh ấy đã được liền lại. Việc tranh cãi này đã được diễn ra một cách kín đáo giữa cá nhân sau đó và không còn là một nguyên nhân trở ngại cho sự hợp tác giữa các cộng đồng.

Trung tâm Phật Giáo thứ hai "Buddhistisches Haus Georg Grimm" (Ngôi Nhà Phật Pháp Georg Grimm) được xây dựng năm 1935 tại Utting gần Munich. Đây chính là trung ương của hội "Altbuddhistische Gemeinde" (Nhóm Cựu Phật Tử) do Dr. George Grimm và Dr. Karl Seidenstücker thành lập với một tên khác tại Munich năm 1921. Grimm bước vào đại học với chương trình Thần học, nhưng về sau lại đổi sang triết và luật. Ông đã đi làm cho tòa án một thời gian ngắn, nhưng xin hưởng hưu sớm và dành thời giờ vào việc nghiên cứu Phật Giáo. Ông đã được sanh ra trong một gia đình Thiên Chúa giáo tại Bavaria, Dahlke sanh ra trong gia đình Tin Lành tại vùng Prussia. Grimm được xem là một triết gia trong khi Dahlke được xếp vào hàng khoa học gia. Grimm có một người bạn thân là Paul Deussen, ông này nghiên cứu triết học Schoppenhauer và triết học Ấn Độ, đặc biệt là tư tưởng Upanishad (Áo Nghĩa Thư) và Vedanta (Vệ Đà). Dahlke đã từ chối thành lập một cộng đồng Phật tử, Grimm thì có. Cộng đồng của ông Grimm vẫn còn hoạt động cho đến ngày hôm nay. Ông ta cũng viết nhiều sách, tác phẩm của ông cũng được dịch sang tiếng Anh và những thủ ngôn ngữ khác.

Trung tâm Phật Giáo thứ ba chỉ được thành lập sau thế chiến thứ hai vào năm 1962 tại Roseberg cách thành phố và tiểu bang Hamburg 50 km. Trung tâm được đặt tên là "Haus der Stille" (Ngôi Nhà Tĩnh Lặng). Nhiều cuộc hội thảo và khóa tu đã được tổ chức nơi đây, phần lớn thời gian đều có một vị Bhikkhu ở tại nơi đó. Nhiều

vị Bhikkhu từ Thái Lan đã đến trú ngụ và hướng dẫn tu thiền.

Để phát huy Phật Giáo tại Đức, Đại Hội Phật Giáo Âu Châu lần thứ nhất đã được tổ chức vào tháng 9 năm 1933 tại Berlin. Đại hội được điều khiển dưới sự tổ chức của Dr. Wolfgang Schumacher, một học trò của Dr. Dahlke.

Vào giữa cuộc thế chiến thứ hai chánh phủ Nazi đã mở những cuộc tấn công đàn áp và khủng bố các hoạt động Phật Giáo. Cuộc tấn công đầu tiên xảy ra vào mùa hè 1941 sau khi Rudolf Hess bay sang Scotland để thương thuyết hòa bình. Hess nổi tiếng là thích các tôn giáo lạ và say mê huyền bí. Quyền lực cao của ông chánh phủ đã vô hình trung che chở cho các tổ chức thuộc hai lãnh vực trên, trong đó có cả Phật Giáo. Một sự che chở thứ hai là phần đông dân số của Nhật theo Phật Giáo mà Nhật lại là đồng minh của phe Nazi. Thứ ba, Phật Giáo chính là tôn giáo của dân Aryan. Tuy nhiên sau đó một số Phật tử nổi tiếng đã bị bắt và một số khác bị cấm không cho giảng dạy giáo lý. Hội "Gemeinde und Buddha" (Đức Phật và Phật Tử) đã bị đóng cửa, tài sản bị tịch thu.

Sau thế chiến thứ hai nhu cầu tôn giáo để giải quyết các vấn đề bế tắc thế giới càng mạnh hơn trong thời gian ba mươi năm trước đây. Những sinh hoạt Phật Giáo đã được tái thành lập, các tổ chức mới ra đời, như "Buddhistische Gesellschaft" (Nhóm Phật Tử) tại Munich (1948), Berlin (1951) và Hamburg (1954), "Buddhistisches Seminar" (Hội Thảo Phật Giáo) tại Hamburg (1948) "Buddhistische Sekretariat" (Bí Thư Phật Giáo) tại Berlin (1946). Bấy giờ ngay từ lúc đầu các tổ chức đều mang một tinh thần cởi mở hòa nhập. Những kinh nghiệm thương đau của cuộc chiến tranh và những hình ảnh tang thương về hậu quả cuộc chiến vẫn in sâu trong trí não mọi người. Sự ước muốn hợp tác đưa đến sự ra đời "Arbeitsgemeinschaft der Kirchen und Religionsgesellschaften in Berlin" (Nhóm Hợp Tác giữa các Giáo Hội và Hội Tôn Giáo tại Berlin); tất cả giáo hội và hội tôn giáo, trong đó có cả Phật Giáo, đều có đại diện. Một trong những kết quả của nhóm chính là đài truyền thanh bán niên kỳ của đài RIAS (đài phát thanh Tây Bá Linh) về những bài Phật Giáo. Đài này được phổ biến rộng trong toàn Âu Châu.

Nhà cầm quyền tại Berlin cũng có nhiều thiện cảm với những sinh hoạt Phật Giáo, thí dụ ông Bộ Trưởng Bộ Khoa Học và Mỹ Thuật đã khánh thành khu thư viện mới của "Buddhistisches Haus" (Ngôi Nhà Phật Pháp), dĩ nhiên viện trợ tài chánh cũng đã được hứa khả.

Phần đông Phật tử Đức theo truyền thống Theravada, nhưng cũng có một số

theo Mahayana, như "Arya Maitreya Mandala" (Đàn Tràng Thánh Giả Di Lạc) của Mật Tông (Berlin và các tỉnh khác 1952), và "Buddhistische Gemeinschaft Jodo Shinschu" (Nhóm Phật Giáo Tịnh Độ Chân Tông) (Berlin 1956). Kể từ 1964 Phật Giáo Thiền cũng được một số đông đạo Phật tử Đức ái mộ. Giống như trong cuộc sống, đây là lịch sử: khó mà chia định các thời kỳ theo một thời gian chính xác nhất định. Mặc dầu Thiền chỉ được biết đến nhiều từ sau thế chiến thứ hai, chúng ta không thể nói trước đây Thiền không có mặt trong quần chúng Đức.

Ngày nay cả hai trường phái thiền, Satipatthana (Tứ Niệm Xứ) và Zazen (tĩnh tọa), đều được phổ biến phần lớn tại Berlin và Hamburg (Rosenberg) dưới sự hướng dẫn của người địa phương hay đôi khi qua những vị thiền gia đến từ Sri Lanka, Thái Lan và Nhật.

Phật Pháp đã đến Đức đầu tiên qua sách vở, vì vậy cũng cần nên nói chút ít về các văn phẩm có thể tìm thấy trong văn hóa Đức ngày nay. Các tác phẩm này về phẩm cũng như về lượng đều vô cùng phong phú. Về các tác phẩm gốc thì toàn bộ Suttapitaka đã được dịch từ Pali sang Đức và cho đến ngày nay đều được các Phật tử Đức trân trọng. Trong những vị đóng góp vào chương trình dịch thuật này đầu tiên phải kể đến Karl Eugen Neumann (1865-1915), Nyanatiloka Mahathera (1878-1957), Karl Seidenstücker, Paul Dahlke (1865-1928), Wilhelm Gerger và Julius Dutoil. Max Walleser phải được xem là nhà dịch thuật và số giải các kinh điển

Mahayana. Chương trình nghiên cứu Phật Giáo đã được đưa vào các trường đại học dưới phân khoa Ấn Độ Học và Tỷ Giáo Tô Giáo. Và ngay tại đại học Hamburg trường đã dành một chỗ dạy trống cho Phật Giáo Học.

Đoán tưởng lại là một việc làm không thể nào chính xác, nhưng sự chuẩn định đôi khi lại trùng. Tưởng lại của Phật Giáo tùy thuộc nhiều vào lớp thanh thiếu niên tại Đức và phong trào văn hóa chung của quốc gia này. Một điều chắc chắn là nó không thể trở thành đại đa số. Rất ít người trong nước này sanh ra là Phật tử ngay, phần đông theo đạo vì sự cảm mến và được chinh phục bởi giáo pháp. Chúng ta không bao giờ được phép quên Phật tử chỉ là một thành phần rất nhỏ trong cộng đồng người Đức. Một số lớn người Đức ngày nay đã từ bỏ giáo hội Ki-Tô nhưng vẫn còn sống cuộc sống theo thuyết bất khả tư nghị, nhưng phong trào này đang trên đà giãy chết. Mặc dầu chúng ta không thể chờ đợi là con số Phật tử chính thức sẽ gia tăng, chúng ta cũng không thể phủ định lý tưởng Phật Giáo đã ăn sâu vào trí não của tầng lớp học thức Đức. Chính kiến thức về Phật Giáo này và ảnh hưởng tốt của nó sẽ không ngừng phát triển ■

#### Tài liệu nghiên cứu:

- Eine Chronik, *Buddhismus in Deutschland*, xb. Deutsche Buddhistische Union, Hamburg, 1973.
- S. Hanayama, *Bibliography on Buddhism*, Tokyo, 1961.

## HOA ĐÀO XUÂN TỬ



*Dấu hài lạc lối Đào Nguyên  
Lãng dăng phù du dạo khắp miền  
Tà lua phát phơ hương quyện gió  
Má hồng ngan ngát cánh hoa duyên*

*Trời đất bao la nồng ý gửi  
Hương trao bụi phấn gió bay cùng  
Phấn hương âm áp muôn trùng  
Bốn phương nhạc nổi năm cung ngọc ngà*

*Chén mời vời vơi khúc ca  
Bút say Lý Đỗ men pha nửa vời  
Mạch sâu thiên cổ chưa vời  
Để dâu lưu luyến mãi người thiên cung*

*Ghé chơi vương chút bụi hồng  
Nào hay duyên gửi giữa lòng hoa thơ !*

\* Văn Nương

# BÍ ẨN VỀ TIỀN KIẾP VÀ HẬU KIẾP

□ Đoàn Văn Thông

(Tiếp theo)

## Chương VII

### Hiện tượng luân hồi:

### Giải thích một số thắc mắc của con người từ cổ đại đến nay

**C**ác nhà nghiên cứu về hiện tượng luân hồi đã ghi lại một số đặc điểm đáng lưu tâm về vấn đề luân hồi qua báo qua đó giải thích được một số lớn thắc mắc của con người từ lâu.

#### Nghiệp quả đã tạo thành những phản nghiệp hay quả báo có thể phát sinh nhanh hay chậm

Nếu phát sinh nhanh thì đó là quả báo nhân tiền. Trong đời sống hàng ngày ai trong chúng ta cũng đều đã hơn một lần chứng kiến rõ ràng sự kiện này. Vô số thí dụ có thật đã xảy ra chứng minh điều đó. Năm 1964, báo Sài Gòn có đăng tin vật về một em bé bị điện giật chết. Nguyên nhân xảy ra tai nạn chết người này như sau:

Vườn nhà của gia đình em này có một cây ổi xá lị rất nhiều trái nhưng thường bị trẻ em lối xóm hằng đêm đến hái ăn. Người cha trong gia đình thấy vậy đã giăng ngàm dây điện cao thế vào cây ổi quyết trừng trị các trẻ em trong xóm ban đêm đột nhập vào hái trái. Nhưng rủi thay, một hôm trong nhà quên rút dây điện khỏi ổ cắm điện. Đứa con trai chủ nhà mới 7 tuổi đi học về leo lên hái ổi bị điện giật chết thê thảm. Tại Hoa Kỳ, năm 1930, báo chí đăng một tin hết sức lạ lùng sau đây:

Hôm ấy là một đêm tháng 6 năm 1930, một cảnh sát tuần tiễu tên là Allan Falby thấy một chiếc xe tải lớn chạy quá tốc độ trên đường El Paso nên phóng xe đuổi theo. Không may, người tài xế chiếc xe vận tải nhìn qua gương chiếu hậu biết có cảnh sát đuổi theo, sợ quá nên vội vã ngừng xe khiến chiếc xe tuần cảnh của viên cảnh sát tuy đã kịp thời lạng sang bên nhưng lại tông vào lề khiến viên cảnh sát văng ra xe gãy chân và đứt một mạch máu lớn làm máu ra quá nhiều. Người tài xế kinh hoàng, nhảy xuống xe và đã dùng một sợi dây vải siết chặt chỗ mạch máu bị đứt. Nhờ đó mà xe cứu thương đưa nạn nhân về được trạm y tế gần đó để kịp thời cứu chữa.

Năm năm sau, Allan Falby lần này vẫn tiếp tục làm cảnh sát tuần tra. Vào một đêm tháng 6 năm 1935, trong lúc Allan Falby đang lái xe trên xa lộ El Paso (cũng lại con đường này vào tháng này) thì bỗng thấy một chiếc xe vận tải bị lật bên lề. Allan Falby vội vã xuống xe chạy đến rọi đèn xem thì thấy một nạn nhân là một

người đàn ông bị thương nặng, máu ra lênh láng. Falby liền lấy một miếng vải dài siết chặt lại nơi chỗ mạch máu bị đứt để chờ xe cứu thương đến. Nhìn kỹ lại thì địa điểm chiếc xe tải bị lật chính là nơi mà cách đó 5 năm xe của Falby cũng đã bị tông lề và văng ra xe. Tại trạm y tế, Falby càng kinh ngạc hơn nữa khi thấy nạn nhân không phải là ai xa lạ mà chính là người tài xế năm nào đã làm anh ta bị thương suýt chết và điều càng lạ lùng hơn nữa là cả hai đều bị gãy chân và đứt mạch máu lớn (nhưng sau đó đều được cứu chữa và phục hồi sức khỏe mau lẹ).

Ồ đây, câu hỏi được đặt ra có phải đây là một sự trùng hợp hay hữu hay đây là một loại quả báo nhân tiền? Nếu cho là quả báo nhân tiền thì thật sự ai là kẻ gây ra tội lỗi? Nếu bảo người tài xế biết có cảnh sát rượt theo sao anh ta không chịu tấp vào lề mà lại ngừng xe để gây tai nạn? Có phải anh ta thật sự sợ quá mà trở nên không kịp suy nghĩ hay là do chủ ý? Nếu chủ ý thì tại sao khi thấy người cảnh sát bị thương lại vội vã xuống xe lo việc cứu giúp?

Sự trùng hợp lạ lùng trên cho đến nay vẫn còn gây nhiều thắc mắc ngay cả cho những nhà nghiên cứu về lãnh vực luân hồi.

Câu chuyện có thật trên nếu được liệt vào trường hợp quả báo thúc thì là nhờ có hoàn cảnh, điều kiện thuận tiện để quả báo phát sinh. Nhưng đôi khi nghiệp quả đã tạo xong mà điều kiện chưa có thì vẫn chưa xuất hiện quả báo được. Điều này giải thích vì sao có những người làm ác nhưng vẫn không bị quả báo nào cả. Có khi phải đợi một thời gian rất lâu dường sự mới bị hậu quả của những gì đã làm trước đó, trong dân gian có câu "trời có mắt" hay "thiên bất dung gian" hoặc "ngậm máu phun người, trước đó miệng mình" hoặc "ác giả ác báo"... đều ám chỉ về quả báo nhân tiền thấy ngay trước mắt. Còn quả báo chờ đợi mà thời gian rất lâu có khi hết một đời người, quả kiếp khác mới trả hay có khi phải qua nhiều kiếp. Trên cõi trần này, đôi khi chúng ta kinh ngạc và nghi ngờ nhiều về thuyết luân hồi quả báo khi thấy những bạo chúa dã man, những kẻ lộng quyền giết người vô tội một cách vô lý cũng như đây đọa hàng vạn người... nhưng những kẻ ấy vẫn ung dung sống cuộc đời vương giả, sung sướng hạnh phúc lâu dài cho tới chết và khi chết lại còn được đưa tiễn linh đình, long trọng tới nơi an nghỉ cuối cùng. Điều thắc mắc đó quả thật có lý, nhưng đối với thuyết luân hồi nhân quả thì lại chẳng có gì phải thắc mắc, vì theo thuyết này, mọi sự mọi việc, mọi hành động của bất kỳ ai đều được ghi nhận một cách rõ ràng để rồi được thưởng phạt một cách công minh chính đại.

↳ Tại sao trên đời lại có kẻ chịu cảnh đọa khổ đau như thế này?



Nếu bình tâm suy xét thì lý luận sau đây chẳng có gì là sai lệch hay gượng ép mơ hồ.

Lấy thí dụ bạo chúa nào đó. Tại sao người ấy lại được làm vua? Phải chăng - nếu xét về mặt lý thuyết luân hồi tái sinh nghiệp quả - là do tiền kiếp người ấy đã tạo được nghiệp lành, đã có vô số hành động tốt lành và nhờ đó mà y thừa hưởng được ân

huệ tối cao là làm vua?

Nhưng trong thời gian làm vua, thụ hưởng được mọi lạc thú trong cuộc sống, thay vì y tạo thêm nhân đức, tạo nghiệp lành tiếp tục thì y lại có những hành động tàn ác của kẻ có uy quyền. Tuy nhiên hoàn cảnh, điều kiện và thời gian để y bị quả báo chưa đến. Luật luân hồi nghiệp quả vô cùng công bằng và chi li, có thể thời hạn được hưởng nghiệp quả tốt lành của y chưa hết hạn kỳ nên y vẫn

còn tại vị. Ở đây, có thể trong lúc tại vị, y cũng đồng thời bị một nghiệp quả xấu tức thì song song. Tuy nhiên đó là trường hợp tội ác hiện tại mà y gây ra không lớn thì sự kiện có thể xảy ra. Nhưng ở đây, vì trong kiếp hiện tại, y tạo nghiệp ác quá lớn như trường hợp bạo chúa Tần Thủy Hoàng đốt sách, chôn học trò, đày đọa hàng vạn người xây Vạn Lý Trường Thành, hoặc trường hợp Hitler, một quý vương Đức Quốc Xã đã tiêu diệt mấy triệu người vô tội... vì thế có thể chưa có những cơ hội tương xứng với những tội lỗi tày trời của chúng và hơn nữa nghiệp lành từ kiếp trước của chúng vẫn còn nhiều. Có thể sau khi những kẻ ác này chết đi, kiếp sau khi đầu thai trở lại chúng vẫn còn hưởng tiếp tục nghiệp lành từ những kiếp trước đó nữa. Lại có những kẻ mà lúc còn sống chúng hành động rất tàn ác, dã man và khi chết đi hoặc do bị xử tội hay chết sớm, chúng vẫn nuôi trong tâm thức sự tiếc nuối cảm hờn không nguôi về những gì chúng đã làm chưa trọn vẹn và chúng thề nguyện với lòng là sẽ tiếp tục những hành động dã man tàn ác ở kiếp lai sinh. Cái nghiệp thức và nghiệp lực ấy là động cơ khiến chúng tha hồ làm điều tàn nhẫn không gớm tay khi được tái sinh trở lại. Nhà triết học Schopenhauer đã có lần ghi lại một sự kiện tương tự, ở đây là ý chí phục thù và ý chí phục thù ấy sẽ thể hiện ở kiếp sau khi ông kể rằng trong một bài báo Anh (báo The Times) phát hành ngày 29 tháng giêng năm 1841 mô tả một cuộc xử bắn hai người đàn ông Úc Châu về tội giết người: "Hai kẻ sát nhân một già một trẻ mỗi người một phong cách và ý chí biểu lộ trên nét mặt và cử chỉ. Tên sát nhân trẻ tuổi với gương mặt lầm lì, mắt trắng dã với những đường gân thò thịt hẳn lên ở mang tai, răng nghiêng lại. Cử nhìn nét mặt hẳn bộc lộ lúc đó (bài báo viết) thì "người ta sẽ thấy rõ ràng hẳn sẽ tái sinh trở lại là một thanh niên da trắng và điều đó làm nó cương quyết. Cái cương quyết sẽ thành kẻ sát nhân man dã hơn nữa ở kiếp sắp tới..." Cách đây hơn năm thế kỷ, một ác quỷ đã xuất hiện giữa thế gian ngay tại nước Pháp. Tên của hắn là Gilles de Rias với chức vụ Thống Chế. Hắn giết người không gớm tay, giết người với hăng say thích thú cùng với sự thêm khát lạ lùng khi trông thấy máu và những tay vào máu. Lúc bị đưa lên giàn hỏa "con quỷ dữ" đã gào lên khùng khấp cùng với lời nguyện: "Ta sẽ trở lại thế gian này 500 năm sau..." và mỗi đây, tại Hoa Kỳ xuất hiện một kẻ sát nhân kỳ dị đã gieo bao khủng khiếp trong một ngôi nhà vắng lặng thay vì tòa lâu đài bí mật của thời xưa cổ, con quỷ dữ này có tên là C. Jeffrey Dahmer, hắn giết trẻ con và người lớn, cách giết người của hắn y hệt ác quỷ Gilles de Rais nhưng kinh khiếp hơn, rùng rợn hơn, ghê tởm hơn khi hắn ăn thịt luôn những nạn nhân mà hắn giết. Điều này khiến người ta nghĩ đến lời nguyện ghê gớm của tên sát nhân cách đây năm thế kỷ: "ta sẽ trở lại... và tiếp tục công việc của ta hơn cả hôm nay..." Phải chăng Jeffrey Dahmer chính là hậu thân của quỷ dữ Gilles de Rais? Ta hãy ngược dòng thời gian để biết cuộc đời ghê tởm của ác quỷ Gilles de Rais:

### Chuyện ngài thống chế nhân tử

Đã mấy tháng liền, dân chúng quanh vùng Vendée (thuộc nước Pháp) bàn tán cùng nhau không ngớt về một con người vô cùng giàu có, nhân tử, điềm đạm, gương mẫu, mạnh khỏe và nhất là rất yêu thương con trẻ. Người ấy là Thống chế Gilles de Rais, ông tử kinh đô về đây và sống trong tòa lâu đài Tiffanges. Mỗi buổi sáng cũng như mỗi buổi chiều, ông đều đi dạo một vòng quanh vùng. Dáng ông cao lớn oai vệ và luôn luôn nghiêm nghị, gặp ai ông cũng đưa tay chào với chiếc ba toong trên tay có nạm ngọc lỏng lánh. Mỗi khi thấy bọn trẻ, ông thường dừng lại xoa đầu chúng, ngắm nghía chúng và không bao giờ quên cho chúng tiền để ăn quà. Ông thường âu yếm hỏi chúng có muốn sống trong lâu đài với ông không? Nơi mà đây đủ các loại đàn, các loại đồ chơi, các vườn cây lạ với đủ thú chim muông và nhất là đủ thú đồ ăn. Đứa

nào cũng híp mắt gật đầu... Thống chế đã nghiêm túc nói rõ vấn đề này cho cha mẹ chúng trong vùng và ai cũng muốn gửi con mình cho ngài Thống chế nuôi dạy. Thống chế Gilles de Rais đã thực hiện điều hứa đó và để có thể dạy dỗ các đứa trẻ có kết quả hơn, ông đã tìm kiếm các cô gái có học có tài để phụ giúp dạy dỗ các em về các lãnh vực ca hát, đàn, múa và học chữ.

Kể từ đó, thỉnh thoảng người ta nghe tiếng ca, hát, đọc bài của các đứa trẻ phát ra từ các cửa nhỏ ở lâu đài. Các bậc cha mẹ có con gửi vào đây đều sung sướng, yên tâm và hạnh diện. Chỉ tội cho những người không có con để gửi đều cảm thấy đau buồn và thua thiệt...

Ai cũng biết Thống chế Gilles de Rais là một con người mực thước, nghiêm khắc và việc dạy dỗ dĩ nhiên là ép vào khuôn khổ. Vì thế mặc dầu đã lâu không ai được dịp gặp lại con vào cả những ngày lễ, Tết nhưng ai cũng đều tự an ủi và hy vọng rằng mai sau con cái họ sẽ nên người. Họ chỉ biết tin con mỗi khi Thống chế đi dạo ngang qua. Ông giơ tay lên và nói: "Ồ! con bác ngoan lắm!" thế là họ yên tâm.

Thống chế có 3 tòa lâu đài đồ sộ, trang trí cực kỳ xa hoa nhưng không kém phần quái dị. Nhiều cây cối có thân uốn khúc như đang múa may bên các pho tượng của các vị thánh thần dữ tợn cạnh các hồ nước rêu phong sâu thẳm.

Thế rồi, một đêm trăng sáng, khoảng 11 giờ khuya, một người thợ rừng có việc phải đi qua tòa lâu đài bỗng nghe một tiếng thét vang lên... người thợ rừng kinh hãi chạy lại phía người đàn ông gù lưng vừa bò vừa thở, đến bên một mô đất rồi gục xuống. Dưới ánh trăng, người thợ rừng cúi sát xuống cạnh người gù thì thấy người ấy đã chết. Trên lưng ông ta máu chảy đầm đìa, hình như bị đâm nhiều nhát dao... Người gù chính là gia nhân độc nhất chuyên săn sóc cây cảnh trong tòa lâu đài của Thống chế Gilles de Rais.

Ngày hôm sau, xác chết biến mất. Một nỗi kinh sợ bao trùm vùng Vendée. Dân chúng sống gần tòa lâu đài bắt đầu lo lắng và bàn tán. Có những điều mà bấy lâu nhiều người nghi ngờ nhưng không dám hé răng... Có người nhất quyết rằng tai mình đã nghe rõ những tiếng rú thét thanh phát ra từ trong tòa lâu đài bí mật vào trong đêm khuya thanh vắng và họ khẳng định đó là những tiếng hét đầy khùng khấp chó không phải tiếng cười hay tiếng hát...



↳ Tên sát nhân quái dị Gilles de Rais

Hãy trở lại từ đầu, nghĩa là từ năm 1427, lúc bây giờ Gilles de Rais là vị tướng được vua Charles đệ thất vô cùng quý trọng và được phong làm Thống tướng. Năm 1435 ông cáo bệnh xin trở về vùng Vendée và sống ẩn dật trong tòa lâu đài nổi tiếng Tiffanges. Tại đây ông tiêu phí của cải như đổ

tiền qua cửa sổ. Ông còn có hai tòa lâu đài khác nữa là Machecoul và Chambtobe. Vợ ông là Catherine de Thouars và con gái là Marie. Thống chế là một người nghiêm nghị và đôi khi dữ tợn. Sống cạnh ông luôn luôn có hai phụ tá đắc lực đó là Henriet và Poitou, những người này cũng như ông đều có cuộc sống thật vô cùng bí hiểm khó có ai biết được...

Từ khi xảy ra hiện tượng kỳ lạ về xác chết của người gù biến mất như đã nói trên, dân chúng trong vùng đã bắt đầu nghi ngờ và lo sợ. Cuối thu năm 1440, 12 phụ huynh mà con em họ đều gởi vào lâu đài đã đệ trình lên nhà vua một đơn thỉnh nguyện yêu cầu điều tra về đời sống các trẻ em ở trong đó. Nhưng không hiểu vì sao

bức thư bị ém nhem. Trong khi đó tại lâu đài Machecoul một em bé đi ăn xin tình cờ trông thấy một cảnh tượng hãi hùng ngay giữa phòng đại sảnh đây các thầy ma của các con trai con gái, tuổi từ 10 đến 12. Em bé này vừa la khóc vừa chạy thục mạng ra khỏi lâu đài...

### Tên sát nhân bị bắt

Khắp nơi dân chúng xôn xao bàn tán, phần lớn họ đều cho con vào tòa lâu đài nhờ Thống chế nuôi nấng và dạy dỗ nhưng chẳng có ai thấy con trở về dù đã mấy năm rồi...

Quận công Jean V ở Bretagne đã nghe báo cáo này từ lâu nhưng còn chần chừ, mãi tới khi nhà vua hạ lệnh phải đem nộp ngay Thống chế Gilles de Rais thì ông này mới chịu ra tay. Trong khi đó các nhân chứng đều tụ tập cả trong văn phòng của Jean de Malstroit, giám mục ở Nantes và là quan tư pháp thượng thủ tại tòa án Bretagne. Tất cả đều buộc tội Gilles de Rais là tên sát nhân ghê tởm nhất thế gian và yêu cầu thẳng tay trị tội hẳn với bản án khủng khiếp nhất. Thế rồi quân đội và nhân viên điều tra đến các tòa lâu đài, lục soát khắp nơi, và tội ghê rợn nhất do tên sát nhân quái dị này đã được hoàn toàn đưa ra ánh sáng. Ngoài Gilles de Rais người ta còn bắt được đồng bọn trong đó nổi tiếng nhất là Henri et Poitou.

Trước tòa, bọn sát nhân gục đầu nhận tội và chúng lần lượt khai hết tội ác của mình...

### Lời khai của bọn tội phạm

Theo lời khai của Gilles de Rais thì hẳn bị chứng bệnh loạn dâm và thích mùi máu. Mỗi đêm, trong tòa lâu đài hẳn và đồng bọn quây quần lại để cùng nhau làm lễ tôn vinh sự tốt lành ở địa ngục. Hẳn thường qui xuống nhận rượu thánh và nhìn say sưa các cái đầu trẻ em sắp đều, giữa nền phòng, những cái đầu xanh lét và bất động. Trước khi giết các đứa bé hẳn thường vuốt ve các em thật lâu và hôn da thịt các em. Hẳn khai đã giết hơn 400 trẻ em phần lớn từ 8 đến 12 tuổi. Số trẻ em bị chết hẳn bỏ sung bằng cách dụ dỗ con cái của các nhà dân mà hẳn ghé thăm.. Về sau trẻ em hiếm dần hẳn nghĩ đến việc lôi kéo các em đi ăn xin hay các em lang thang ngoài đường. Các cô gái mà hẳn đưa vào lâu đài để làm cô giáo cũng bị hẳn giết không thương tiếc.

Theo lời khai của hai tông phạm là Henri et Poitou thì hai tên này thường sống sáng theo lệnh của Gilles de Rais. Sau khi tập trung các trẻ em lại cho Gilles de Rais tuyển chọn lấy một (thường là trẻ em khoảng 12 tuổi) thì hẳn lừa số còn lại vào phòng khác đóng kín cửa lại. Trong khi đó Gilles de Rais và bọn hẳn làm lễ cầu đảo gọi hồn thánh thần còn em bé thì bị cởi hết áo quần trói giăng tay chân trên một cái giường rộng để cho Gilles de Rais ngắm nghía, nói những câu đầy ma quái, vuốt tay chân mặt mũi em ra chiều thích thú, rồi hẳn ra lệnh cho hai tên này giết em bé. Đôi khi tự tay hẳn giết. Sau đó hẳn nằm co quắp, trần truồng xuống sàn nhà và ngủ cho tới sáng. Đứa bé bị cắt cổ, cái đầu giữ lại đến sáng hôm sau, còn thân hình thì đem thiêu ngay trong lỗ sưởi của căn phòng ngầm trong tòa lâu đài. Sáng hôm sau cả bọn lại vuốt ve cái đầu lạnh ngắt rồi lại làm lễ cầu hồn.

Người gù lo việc săn sóc cây cối trong lâu đài vì tò mò nên đã bị giết chết. Sau đó bọn chúng thủ tiêu xác. Ngoài ra một phù thủy đã giới thiệu cho Gilles de Rais một cô gái tên là Francois Prelati để phụ lực vào việc gọi hồn và thực hiện phép luyện đan nhưng công việc tiếp diễn mãi, công quỹ khô cạn mà chẳng có kết quả gì khả quan cả. Mỗi lần làm phép bọn họ thường kẻ những đường ngang dọc, những vòng tròn trên nền nhà. Trong mỗi vòng tròn có kẻ thập tự giá và những ký hiệu kỳ lạ của người Do Thái xưa cổ. Về sau sự việc bị bại lộ dần nên Gilles de Rais lo sợ ra lệnh đem hết xương cốt các em và thiếu nữ đốt ngay tại căn hầm của lâu đài

Machecoul. Năm 1440, nhân các lễ thánh trong năm. Gilles de Rais lại ra lệnh giết một số lượng rất lớn các trai gái từ 16 đến 18. Đây là những em bé đã đem về nuôi từ 5 năm nay. Sau đó lại còn giết thêm nữa. Các xác bị chặt ra làm đôi và bày la liệt trên sàn của căn phòng lớn trong tòa lâu đài để làm lễ tôn vinh các thần thánh.

### Giờ đền tội

Phiên tòa kéo dài mấy ngày liên tục trước sự tham dự của hàng vạn dân chúng. Với các tội trạng rành rành đầy ghê tởm của bọn sát nhân, tòa tuyên án xử tử hình tên Gilles de Rais bằng hình thức treo lên giáo đài và thiêu sống. Còn hai tên ác ôn Henri et Poitou cũng bị hình phạt tương tự. Những người sống trong lâu đài không nhúng tay vào vụ sát nhân thì bị mấy năm tù ở hoặc tha bổng tùy theo tội trạng liên can.

Đúng 11 giờ sáng ngày 26 tháng 10 năm 1440, dân chúng lũ lượt kéo nhau đến một khu đất rộng để xem tận mắt cuộc xử tội ba tên sát nhân mà đứng đầu là Gilles de Rais: tên sát nhân quái dị. Sau các lời cầu nguyện Gilles de Rais bước lên giáo đài. Người ta cột dây ở lưng để treo hẳn lên giá cao và thòng lọng nổi lòng trông vào cổ hẳn. Dưới chân là đồng cũi lớn sẵn sàng được bện lửa. Hối chuông báo tử và gọi hồn vang lên giục giã. Ngọn lửa được châm vào đồng cũi và bùng cháy hùng hục bốc lên bao lấy tên tử tội. Người ta nghe tiếng hẳn hét thất thanh trong lửa và khói "ta sẽ trở lại thế gian này năm trăm năm sau... ta sẽ trở lại!". Sau đó hai phụ tá ác ôn Henri et Poitou cũng lần lượt bị đưa lên giàn hỏa và bị đốt cháy thành than, kết thúc cuộc đời của những tên độc ác và tàn bạo... Đó là chuyện có thật đã xảy ra cách đây 5 thế kỷ

Rồi vào năm 1950 báo Paris Match của Pháp lại đăng tin về việc xử tử một tên tội phạm nổi danh giết người không gớm tay. Khi ra pháp trường hẳn đã hét lên câu "tao sẽ trở lại, rồi tao sẽ trở lại tàn sát hết!" trước khi gục ngã trước đội hành quyết.

Nghiên cứu về lịch sử các tội phạm đông tây kim cổ, không hiếm những trường hợp tương tự. Những kẻ giết người trước khi đền tội không phải luôn luôn đều ăn năn sám hối, hoặc ghê tởm vì những hành động dã man của mình mà trái lại, đôi khi còn căm thù, khinh ngạo, tức tối, như tưởng những gì chúng đã gây ra vẫn chưa làm chúng hài lòng và trước khi chết chúng vẫn còn ăn hận chưa thực hiện hoài bão tàn khốc của mình và vẫn nuôi dưỡng trong tâm lòng khát khao được tiếp tục gây tội ác. Chắc chắn những "ác quỷ" này khi tái sinh sẽ còn làm khổ vô số người. Nhiều người đã tin rằng, những kẻ cuồng sát, dã man, kỳ dị ấy khi đầu thai lại, chúng sẽ làm đúng ước nguyện của chúng. Những kẻ giết người không gớm tay hay cả những đồ tể, những đao phủ say sưa với công việc "xử tử" những tù nhân, những tội phạm, phải chăng đó là những kẻ sát nhân được tái sinh trở lại từ kiếp trước?

Các nhà nghiên cứu về tội ác đã nhận xét rằng những đao phủ từ cổ đại đến nay phần lớn có truyền thống gia đình. André Obrecht là đao phủ nổi tiếng làm li nhất thế gian, chỉ riêng trong giai đoạn hành nghề chặt đầu người tại Pháp, ông ta cũng đã chém đầu 322 tử tội. Người cha của Obrecht cũng đã hành nghề đao phủ từ năm 1694. Khi người cha qua đời, Obrecht nối nghiệp cha và đã làm rơi đầu không biết bao nhiêu người từ năm 1922 đến năm 1976. Trong suốt 54 năm trời, Obrecht đã xử tử đủ hạng người: nào kẻ sát nhân ghê tởm, kẻ phạm tội chính trị, nam cô, nữ cô, già cô, trẻ cô và cũng có vô số số người vô tội. Mặc dầu không tin thuyết luân hồi tái sinh nhưng qua 54 năm hành nghề đao phủ, Obrecht đã đệ đơn từ chức sau khi chém đứt đầu một nữ tù nhân tên là Louise Giraud mà tiếng kêu gào khủng khiếp của bà này hình như không tắt bên tai hẳn. Hẳn rên rí: "tôi chán, tôi sợ và tôi ăn năn!..."



# AUF DEUTSCH

## Buddhismus des Lauteren Landes - Dialog mit alten Meistern -

(Übersetzt und mit Anmerkungen versehen von Meister Thich Thien Tam; Copyright der deutschen Übersetzung Tu Xung Roland Berthold)

### ANHANG

(Auszüge aus "Buddhism of Wisdom and Faith" von Meister Thich Thien Tam)

(Fortsetzung)

#### Die Notwendigkeit, dualistisches Anhaften zu lösen

Viele ähnliche Zweifel hinsichtlich des Lauteren Landes bleiben. Dies deshalb, weil die Übenden noch an "Dualität" haften und noch nicht Wesen und Merkmale, Existenz und Nicht-Existenz, Noumenon und Phänomene miteinander in Einklang gebracht haben. Deshalb benutzen sie das Wesen, um die Merkmale abzulehnen, das Noumenon, um die Phänomene abzulehnen, die Leerheit, um die Existenz abzulehnen, und umgekehrt. Dadurch schaffen sie Streit, Zweifel und Verwirrung. Sie erkennen nicht, daß es eine gemeinsame Identität von Noumenon und Phänomenen gibt, daß die Phänomene das Noumenon und das Noumenon die Phänomene sind. Wenn wir sie voneinander trennen und sie separat betrachten, sind die Phänomene nicht die wahren Phänomene und das Noumenon ist nicht das wahre Noumenon. Gleiches gilt für Wesen und Merkmale, Existenz und Nicht-Existenz und andere dualistischen Dharmas. Deshalb spricht das Vimalakīrti-Sūtra von der nicht-zweiheitlichen Methode, um dieses Anhaften zu zerstören. 'Nicht-zweiheitlich' bedeutet die Versöhnung aller Dinge, indem wir in ihre eigentliche Natur eindringen; es bedeutet aber nicht "eins". Dies ist die wahre Bedeutung von "Nur-Geist". Jede andere Lehre, die auf den Dharmapforten von Existenz oder Leerheit basiert, ist bloß ein geschicktes Mittel zur Lehrdarlegung.

Die Sūtras sagen: "Bedingter Tugenden müde zu werden und sie aufzugeben, ist das Wirken von Dämonen. Aber die transzendenten und nicht-bedingten Tugenden zu begehren und an ihnen zu haften, ist ebenfalls dämonisches Wirken." Die alten Weisen haben in gleicher Weise gesagt: "Bedingte Dharmas kann man nicht aufgeben, wenn man den Weg erreichen will, auch wenn sie illusorisch sind. Auch wenn nicht-bedingte Dharmas wahr sind, wird unsere Weisheits-Natur nicht umfassend sein, wenn wir an ihnen haften." Diese Worte machen deutlich, daß auf dem Pfad zur Erleuchtung nicht-bedingte und bedingte Dharmas, Noumenon und Phänomene untrennbar sind.

Es heißt auch in der "Abhandlung über den Mittleren Weg": "Weil die gewöhnlichen Lebewesen äußere Formen ergreifen, werden diese von den Sūtras mit der Weisheit der

Leerheit zerstört. Sobald sie dann von der Krankheit des Anhaftens an der Existenz frei sind, fallen sie in den Fehler des Ergreifens der Leerheit. Und es gibt keine Medizin, die ihnen dann helfen könnte." Da die Wahrheit von der Leerheit in den Prajñā-Pāramitā-Texten erhaben und wunderbar klingt, nehmen gebildete Leute, wenn sie diese Literatur lesen, gewöhnlich vor allem den Irrtum des "Redens auf der Ebene des Prinzips" an und schauen auf jene hernieder, die in ihrer Praxis Formen und Merkmalen folgen. Auf diese Weise schaffen sie das Karma der Überheblichkeit und der Ichbezogenheit. Während sie die Wahrheit der Leerheit in den Mund nehmen, vollziehen sie ihre Handlungen im Bereich der Existenz, wie das auch folgende Zeilen deutlich machen:

"Oben sprechen ihre Münder über das vollkommen Wunderbare.

Unten lassen ihre Füße nicht ein einziges Staubkorn unter sich."

In der Vergangenheit haben hochrangige geistige Lehrer die Wahrheit der Leerheit oft benutzt, um die Krankheit des Anhaftens an der Existenz zu heilen. Aber die Verwirklichungen dieser Meister waren echt, und ihre Darlegungen waren den Fähigkeiten und Umständen der Hörer angemessen und brachten diesen wirklich Nutzen. Dies kann man aus folgender Geschichte erkennen.

Es gab einmal einen Ch'an-Meister, der mit äußerstem Eifer kultivierte. Er schlief für gewöhnlich in einer sitzenden Haltung, anstatt sich hinzulegen, und ruhte auch nur wenig aus. Doch trotz all seiner asketischen Praktiken über viele Jahre war er immer noch nicht zum Weg erleuchtet. Eines Tages suchte ein Novize unbekannter Herkunft um Erlaubnis nach, in den Orden einzutreten. Dieser Novize war gewöhnlich faul und blieb selbst dann noch im Bett, als schon die Glocke zur Morgenandacht rief. Als der Meister dies erfuhr, ließ er ihn rufen und schalt ihn mit diesen Worten: "Warum bist du in den Orden eingetreten, wenn du nur immer faul im Bett liegst? Weißt du nicht, daß die Ordensregel sagt: 'Nach dem Ertönen der Glocke im Bett zu bleiben und nicht aufzustehen, führt zu künftiger Wiedergeburt als Schlange.'" Der Novize antwortete: "Ihr habt gesagt, Meister, daß ich mich oft hinlege und deshalb eine Schlange werde. Ihr aber haftet an der Sitzhaltung und werdet deshalb als Kröte wiedergeboren. Wie wollt Ihr dann jemals erwachen?" Unmittelbar nach diesem Wortwechsel verschwand der Novize. Der Meister aber war erwacht. Es heißt, daß dieser Novize in Wirklichkeit ein Bodhisattva war, der die Erscheinung eines Novizen angenommen hatte, um den Meister zu erleuchten.

Es gibt auch die Geschichte eines bekannten Großmeisters, der ritlings auf dem Nacken einer Buddha-Statue saß und hölzerne Buddhas zerhackte und verbrannte, um das Anhaften an den Buddhas zu zerstören. Da gibt es auch die Anekdote von Meister Fa-ta, der, nachdem er das Lotus-Sūtra 3.000 mal rezitiert hatte, sich niederwarf, ohne den Boden mit seinem Haupt zu berühren, und der vom Sechsten Patriarchen getadelt wurde, weil er sein Anhaften am Dharma und an Verdiensten und Tugenden nicht gelöst habe (Podium-Sūtra). Oder die Geschichte des Meisters Pai-t'a, der, nachdem er den Samādhi der Großen Freiheit erlangt hatte, die Namen der Bodhisattvas Manjusrī und Samantabhadra auf seine Unterwäsche schrieb, um das Anhaften am Sangha zu zerstören.

Die erleuchteten Meister der Vergangenheit mit ihrer hohen Ebene der Praxis und Verwirklichung konnten den Dharma



entsprechend der Zeit und den jeweiligen Bedingungen darlegen. Außerdem waren unter den Übenden jener Zeit Menschen mit höchster Begabung, so daß die Lehre von der Leerheit sehr häufig Früchte trug. Heute besitzt die Mehrheit nur mindere und durchschnittliche Fähigkeiten. Bei unserer Lehre sollten wir Theorie und Praxis, Natur und Merkmale, in Einklang bringen, um keine Zweifel hervorzurufen und den Bodhi-Geist der Übenden vor Rückfall zu bewahren... Da die Mehrheit der Übenden nicht direkt in den Bereich der Wahren Leerheit eingehen kann, würde es sie in das Unglück des "vorzeitigen Zerstörens des Bootes vor dem Erreichen des anderen Ufers" führen, wenn wir die äußeren Formen verwerfen würden. Wie könnten sie dann dem Ertrinken entkommen?

Ein weiterer Punkt ist im Geist festzuhalten: Wenn wir über die Wahrheit von der Leerheit sprechen, ohne jene Stufe erlangt zu haben (oder wenigstens eine bestimmte Stufe der Verwirklichung in unserer Praxis), können wir mit Gewißheit andere nicht überzeugen, sondern werden nur in sinnlosen Streitereien und Disputen landen.

Vor einigen Jahren hat der Autor folgendes erlebt: ein junger, in der Buddhalehre versierter Mönch weilte in einem Tempel, um über die Sûtras zu predigen. Der im Alter fortgeschrittene Abt war in seinen täglichen Rezitationen eifrig, benutzte jedoch die traditionellen Formen der Verehrung. Er mochte den jungen Mönch und dessen freie und progressive Art nicht besonders und sagte zu ihm: "Du lehrst und drängst die Leute, dem Weg zu folgen. Doch selbst hast niemals ein einziges Sûtra oder den Buddha-Namen rezitiert. Wie kannst du unter diesen Umständen der vierfachen Gemeinde als Vorbild der Kultivierung dienen?" Der junge Mönch antwortete: "Es gibt viele Wege des Kultivierens. Es ist nicht notwendig, Äußerlichkeiten zu beachten, die Sûtras und den Buddha-Namen Tag und Nacht zu rezitieren, wie Ihr, Meister, es tut, um sich als Übender zu qualifizieren. Das Diamant-Sûtra sagt :

'Wer Mich durch die Form schaut,  
wer Mich im Ton sieht,  
dessen Schritte auf dem Weg sind verwirrt,  
denn er kann den Tathâgata nicht wahrnehmen.'  
(übers. von A. F. Price, The Diamond Sutra, p. 65; in the Diamond Sutra & The Sutra of Hui Neng, Boston, Ma: Shambala, 1969)

Seht zum Beispiel den Sechsten Patriarchen, der weder die Sûtras noch den Buddha-Namen rezitierte und dennoch die Erleuchtung erlangte und ein Patriarch wurde."

Der Abt entgegnete nichts und schwieg.

Tatsächlich war der Abt des Anhaftens an den Erscheinungen und Formen schuldig. Andererseits praktizierte der junge Mönch weder Meditation noch Rezitation, während er tiefgründige Prinzipien in den Mund nahm. Deshalb war nicht nur unfähig, den Abt zu erleuchten, sondern darüberhinaus verwirrte er diesen noch unnötig.

Von den beiden Arten des Anhaftens, nämlich dem an der Existenz und dem an der Leerheit, ist letzteres weitaus gefährlicher. Das Lankâvatâra-Sûtra und die Sûtras des Geheimen Schmucks sagen :

"Es ist besser, an der Existenz zu haften, auch wenn das Anhaften so groß wie der Sumeru-Berg sein mag, als an der

Leerheit zu haften, auch wenn das Anhaften so klein wie ein Senfkorn sein mag."

Anhaften an der "Existenz" führt zum Bewußtsein von Ursache und Wirkung, zur Vorsicht vor Verfehlungen und zu der Furcht, die Sittenregeln zu brechen, wie auch zur Rezitation der Sûtras und des Buddha-Namens und zu heilsamen Taten. Obwohl diese Handlungen an Formen gebunden und nicht frei und befreit sind, führen sie alle zu Verdiensten, Tugenden und Wurzeln des Guten. Wenn wir andererseits an der Leerheit haften, ohne Wahre Leerheit erlangt zu haben, und stattdessen uns weigern, Formen zu beachten und Verdienste und Tugenden zu kultivieren, werden wir mit Gewißheit im Kreislauf von Geburt und Tod versinken.

Der Autor, der von sich weiß, daß er von karmischen Hindernissen erfüllt und von minderer Begabung ist, möchte keine erhabenen Lehrprobleme diskutieren, aus Furcht davor, daß seine Praxis nicht in Übereinstimmung mit seinen Worten ist und er dadurch das Karma der falschen Rede erzeugt. Er hat jedoch mit ernsthaftem Geist widerstrebend einige Erläuterungen gegeben, damit die Menschen ihre Zweifel aufgeben und der Buddha-Rezitation vertrauen. Er vergleicht sich stets mit einem Körperbehinderten, der an einer Kreuzung sitzt. Obwohl er selber nicht gehen kann, versucht er, anderen den Weg zu zeigen, Passanten zu ermahnen, den gefährlichen Pfad zu meiden und dem breiten, ebenen und friedlichen Weg zu folgen. Er hat nicht den Ehrgeiz, an Diskussionen teilzunehmen, die das Wichtige vom Unwichtigen oder das Wahre vom Falschen unterscheiden.

## II. Warnungen : Dämonen des Geistes

(Auszüge p. 196 -221)

### A) Innere Bereiche

Wenn wir auf dem Pfad des Kultivierens nicht fleißig sind und uns nicht anstrengen, geschieht nichts; wenn wir jedoch fleißig sind und große Anstrengungen unternehmen, werden wir mit Gewißheit verschiedene Bereiche schauen. Sie kommen entweder aus unserem Geist oder sind von äußeren Ursachen hervorgerufen. Ich werde zunächst über die Bereiche, die dem Geist entspringen, sprechen, die inneren Bereiche.

Die inneren Bereiche werden auch "Bereiche des Selbst-Geistes" genannt, denn sie entstehen nicht von außen, sondern entspringen dem Geist. Jene, welche die Wahrheit, daß "zehntausend Dharmas vom Geist erschaffen sind", nicht klar verstehen, denken, daß alle Bereiche von außen kommen. Dies ist falsch. Wenn der Übende sich bis zur Stufe der gegenseitigen Durchdringung (des Geistes und der Bereiche) bemüht und die äußeren Bedingungen vollkommen auflöst, manifestieren sich plötzlich die Samen der latenten Dharmas im Âlaya (Schatzkammer- oder Achetes) Bewußtsein. Bei den Übenden der Buddha-Rezitation und des Mantra-Rezitierens dringt die Kraft des Buddha-Namens bzw. des Mantra tief in das Âlaya-Bewußtsein ein und ruft darin eine Reaktion der heilsamen oder unheilsamen Samen hervor. Die Bereiche, die daraus hervorgehen, sind sehr komplex und erscheinen gewöhnlich in Träumen oder sogar, wenn der Übende wach ist und versucht, den Buddha-Namen zu rezitieren. Im Buddhismus wird dieser Zustand "wechselnde Manifestationen des Âlaya-Bewußtseins" genannt.

### Traum-Szenen

Wenn die Geschehnisse oder Szenen aus üblen Samen resultieren, wird der Übende schauen wie in seinen Träumen verschiedene Arten von Würmern aus seinem Körper herauskriechen, oder wie er jede Nacht sechs oder sieben vielgliedrige Insekten wie Skorpione oder Tausendfüßler entfernt. Oder er wird verschiedene Arten wilder Tiere und oder Geister sehen. Solche Bereiche sind zahllos und können nicht alle beschrieben werden!

In Begehren gefangene Menschen, die geizig und böse sind, sehen meistens Männer und Frauen, Schlangen und sonderbare Wesen mit weißen Merkmalen und Formen. Jene, die von Zorn und Groll erfüllt sind, sehen gewöhnlich Tiger und Leoparden oder fremdartige Wesen mit roten Formen und Merkmalen. Jene, die stark verblendet sind, schauen häufig Haustiere, Muscheln, Austern, Schnecken oder andere Wesen mit schwarzen Formen und Merkmalen. All das ist lediglich ein Hinweis. Es bedeutet nicht, daß alles genau so sein wird, wie ich es beschrieben habe.

Wenn die Szenen in seinen Träumen guten, heilsamen Samen entspringen, wird der Übende hohe Bäume und exotische Blumen, sowie schöne, mit einem Netz von Perlen geschmückte Landschaften schauen. Oder er wird sich wohlschmeckende, wohlriechende Nahrung essend, ätherische Kleidung tragend und in Palästen aus Diamanten und anderen Kostbarkeiten verweilend oder im offenen Himmelsraum fliegend schauen.

So sind die Samen der zehn Dharma-Bereiche im Geist der Lebewesen zu finden. Wenn sich heilsame Samen manifestieren, schauen die Lebewesen die Bereiche der Buddha, Bodhisattvas, Menschen und Himmelswesen. Wenn sich unheilbares Karma manifestiert, schauen sie Szenen aus den unglücklichen drei üblen Pfaden. Wenn der Übende in seinen vergangenen Leben andersgläubigen Wegen gefolgt ist, sieht er seinen Körper normalerweise elektrische Wellen ausstrahlend oder sein Bewußtsein den Körper verlassend und umherstreifend, dabei auf Götter und dergleichen treffend, um mit ihnen Politik und Aufstieg und Fall von Ländern und Reichen zu diskutieren. Wenn der Geist des Übenden rein ist, wird er in seinen Träumen Ereignisse drei oder vier Tage oder sieben oder acht Monate vorhersehen. Jene, die in vorhergehenden Leben kultiviert haben, werden sogleich die glückverheißenden Bereiche schauen, wenn sie den Namen des Buddha rezitieren. Jene mit schwerwiegendem Karma, denen es an Verdiensten und Tugenden ermangelt, werden normalerweise die üblen Bereiche schauen, wenn sie mit der Buddha-Rezitation beginnen. Im Laufe der Zeit werden diese üblen Vorzeichen verschwinden und allmählich von glückverheißenden Vorzeichen ersetzt werden.

(Fortsetzung folgt)

### Impressum

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche  
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V.)  
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der  
Bundesrepublik Deutschland  
Verlag  
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover  
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963  
Herausgeber: Ven. Thich Nhu Dien  
Redaktion:  
Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum in der BRD (VIBUS)  
Erscheinungsweise: alles zwei Monate  
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit schriftlicher  
Genehmigung der Redaktion erlaubt.

# Weg Ohne Grenzen

■ Thich Nhu Dien

(Fortsetzung)

**D**er Sohn eines Königs wird seit der Geburt schon Prinz genannt. Ein Mönch in voller Tugendhaftigkeit wird trotz seines jungen Alters von allen Menschen respektiert und verehrt. Eine reiche Person in hoher Position und hohem Alter kann man nicht als Prinz oder Mönch bezeichnen. Eigentlich hat der Prinz diese Würde bekommen, weil er viel Wohlergehen erworben hat, in mehreren Existenzen, bis er in diesem Dasein als Prinz geboren wird. Und bei den Mönchen ist es genauso, denn er hat durch unabwendbares Schicksal in mehreren Existenzen so viele gute Samen gesät, daß er in diesem Leben viel Wohlergehen bekommt. Ein normaler Mensch kann sich nicht mit einem Prinzen oder mit einer Person, die die Welt verläßt und in die Hauslosigkeit geht, vergleichen. Die wahre Natur von ihnen ist nicht gleich und kann nicht miteinander verglichen werden. Wir können nur Dinge miteinander vergleichen, wenn Übereinstimmung zwischen ihnen besteht. Ein Sprichwort lautet:

*Wasserlinsen und Lotusblüten können sich miteinander vermischen,  
Welcher Hahn wagt es, sich mit dem Phönix zu vergleichen.*

Ich habe oft von Menschen gehört, daß sie sich ständig mit anderen vergleichen: Sie meinen, daß sie viel älter als andere seien... Darin liegt, daß sie nicht die wahre Natur des Lebens kennen, die von dem eigenen Karma bestimmt wird und früherem Dasein abhängt. Wenn wir nach der Gegenwart die Vergangenheit beurteilen, dann können wir auch die Ursache und Wirkung unseres früheren Daseins sowie zukünftigen Daseins wissen. Aber manche begreifen es nicht.

Bevor ich nach Thailand reiste, um die Vietnamflüchtlinge zu besuchen, waren viele Buddhisten mit meinem Reiseplan einverstanden. Aber einige waren dagegen. Sie behaupteten, daß die Pagode in der Bewegung des Errichtens steht und daß es dazu noch an Kapital fehlt. Und warum sollte ich nach Thailand reisen? Am Anfang als wir diese Einwände hörten, schien sie uns ziemlich erleuchtend für Menschen, die einfach denken; sie leben für sich selbst, aber nicht für die anderen. Sie haben vergessen, daß man sich in dieser Welt immer alles wünscht und das Gefühl hat, niemals genug bekommen zu haben. Man soll aber lieber nach unten gucken als nach oben schauen. Und wenn man immer von etwas träumt, das viel zu hoch und zu fern ist, gerät man selbst in Bitterkeit. Viele Menschen, die schon im Flüchtlingslager gelebt haben, haben uns sofort nicht nur die Zustimmung zu unserer Reise gegeben, sondern uns sogar in vielen Bereichen unterstützt.

Wir kamen in Thailand am 16.12.86 an und wurden vom Ehrwürdigen Thich Giac Minh, Generalsekretär der Theravada-Kirche Vietnams, und von der Nonne Tu Ngoc

vom Flughafen abgeholt und in die Pagode WAT PAKNAN gefahren.

Die Pagode WAT PAKNAN ist riesengroß, hoheitsvoll und hat Plätze für 400 Mönche und Nonnen. Wie der *Ehrwürdige Thich Giac Minh* erzählte, ist die Pagode für Thais nur eine kleine Pagode. Ich war einfach erstaunt. So eine große Pagode findet man kaum irgendwo in Vietnam. Er sagte auch, daß es gegenwärtig in Thailand insgesamt nur drei vietnamesische Erwürdige und zwei vietnamesische Nonnen gibt, die anderen Mönche und Nonnen sind schon in andere Ländern ausgewandert. Die in Thailand gebliebenen Mönche und Nonnen waren zwischen 1961 und 1975 nach Thailand gekommen.

Die thailändischen Mönche und sogar auch die Laienbuddhisten sahen mich ein bißchen auffällig an. Ich fragte den *Ehrwürdigen Giac Minh*, weshalb sie so sich verhielten. Er antwortete, daß es vielleicht daran liege, daß meine Kleidung ganz anders als die Kleidung der Mönche in diesem Land war und außerdem meine Augenbrauen nicht rasiert waren. Ich war aber bestürzt. Denn die Mönche oder Buddhisten aus Thailand mußten, wenn sie den Gesprächspartner anschauten, zuerst seine Augenbrauen sehen, nicht aber den kahlen Kopf. Wenn in Thailand eine Person den kahlen Kopf, aber unrasierte Augenbrauen hat, dann ist er noch nicht ein Mönch. Die Sitte jedes Landes ist anders. Wenn der Mönch die Augenbrauen nicht abrasiert und manchmal einen Perücke auflegt, um etwas Inopportunes zu tun, wird man ihn sofort entlarven. Der Buddhismus ist hier in Thailand eine Staatsreligion. Vom König und den hohen Beamten bis zur Bevölkerung müssen alle Thais einmal im Leben einige Zeit in der Pagode zubringen. Danach können sie die Pagode verlassen und gehen in das weltliche Leben zurück. Sie können dann erst heiraten, denn die Thais sind fest davon überzeugt, daß jeder Mensch mit der tugendhaften Handlung, "in die Hauslosigkeit zu gehen", zu einer wahrhaft tugendhaften Person geworden ist. Wenn ein Thai nicht mindestens eine Woche lang oder auch einen Monat oder drei Monate oder drei Jahre lang in der Pagode lebt, wird er lebenslang ehelos sein müssen. Kaum eine Familie wird ihm die Tochter schenken. Es gibt auch den Fall, daß ein Thai sich entschließt, für immer einen tugendhaften Lebenswandel zu führen. Hier in Thailand ist es ganz normal und daß man selbstverständlich für eine Zeit in der Pagode lebt und sie dann wieder verläßt. Bei uns ist die buddhistische Auffassung wieder anders.

Die Frauen werden nicht zu Bikkhuni ordiniert, also sie dürfen sich anschließend als Tempeldienerinnen, genannt die "Weiß-Bekleideten", in Pagoden und Tempeln aufhalten und ihrem Ideal folgen. Hier ist ein Unterschied zu dem Mahayana-Buddhismus.

Überall sahen wir Pagoden, in denen Buddha und Hohe Mönche verehrt werden. Auch im Auto hängt man die kleine Buddhasstatue auf und das Bild von dem Hohen Meister des Heimatdorfs oder von der königlichen Hoheit. Wirklich ist der Buddhismus in Thailand eine Religion, die im Leben des Volkes fest verankert ist. Ich dachte selbst und dann fragte ich den *Ehrwürdigen Giac Minh*: "Warum hat dieses Land eine so schöne Staatsreligion, aber die Thais Piraten sind unmenschlich und unwürdig?" Der Ehrwürdige antwortete: "Überall gibt es eben sowohl Helden, wie es auch Verrückte und Verbrecher gibt". Ich lachte und versuchte, über etwas anderes zu sprechen.

Die Mönche in Thailand bekomme sehr viele Vergünstigungen wie z.B. kostenlose Fahrkarten für Bus und Bahn, aber sie müssen ganz hinten sitzen. Die Menschen in dem Bus jedoch bieten ihren Platz den Mönchen an, und so wie in westlichen Ländern überlassen die Fahrgäste den älteren Menschen ihren Platz. Noch eine Besonderheit ist, daß die Mönche sich nicht grüßen und die Buddhisten auch nicht zurückgrüßen. Nur die Mönche in hohen religiösem Alter grüßen. Niemals kommt es vor, daß ein Hoher Mönch die jüngeren Mönche begrüßt. Während der Tage in Thailand versuchten wir, die Pagode der königlichen Hoheit und die Pagode der Hofmönche zu besichtigen. Sie sind aus Marmorstein gebaut, und sehen sehr groß aus: 50 mal oder 100 mal größer als die *Vinh Nghiem Pagode* in Vietnam. Ein Europäer sagte zu mir, als er eine 60m lange und 17m hohe Statue des Buddha in Liege-Stellung, im Heimgang ins Nirvana fotografiert: "So was gibt es kaum in Rom. Oh, wie bewundenswert!" Unser Land Vietnam hat nichts, das mit solch prachtvollem Werk vergleichbar wäre. Wie sehr schämt man sich darum!

Früher mußte Thailand unserem Land, dem damaligen AN-NAM, Tribut darbringen. Deshalb haben wir thailändische Enten, Bananen, Kokosnüsse usw. Jetzt aber kehren die Thais sich von uns ab, weil wir, unsere Könige und Mandarinen und auch die Bevölkerung, so engstirnig und egoistisch waren. Stattdessen kommt das Unheil "Kommunismus" über sie und versetzt das Volk zurück auf ein beschränktes Lebensniveau wie vor ein paar hundert Jahren.

Nach der Besichtigung der Pagoden versuchten wir die Flüchtlingslager zu besuchen. Am Anfang gingen wir zur Deutschen Botschaft in South Sathorustraße, um dort um die Besuchserlaubnis zu bitten. Bevor wir nach Thailand flogen, hatten wir *Herrn Phuc*, Dolmetscher im Übergangslager für Vietnamflüchtlinge in Norddeich, gebeten, aufgrund der Empfehlung von Herrn Roman die Genehmigung zu erteilen. Wir hatten die Erlaubnis bekommen, aber wir brauchten noch die Zustimmung der "Thailändischen Flüchtlingskommission" und des Innenministeriums von Thailand. Als wir bei der Thailändischen Kommission nachfragten, hatte der verantwortliche Beamte unumwunden zugegeben: "Weil die Vietnamesen im Lager so viele Probleme und Schwierigkeiten machen, können wir nicht alles kontrollieren. Wenn Sie die Flüchtlingslager für Laoten und Kambodschaner besuchen möchten, dann können Sie die Erlaubnis bekommen. Aber für die Lager für Vietnamesen nicht!". Ich schaute regungslos diesen Mann an und sagte kein Wort mehr, nachdem die Nonne *Metta Tu Ngoc* alles versucht hatte, um ihn zu überzeugen.

Wie ich wußte, widerfuhren den Vietnamesen viele unangenehme und widerliche Dinge auf ihrem Fluchtweg: Kinder gingen verloren, Frauen wurden vergewaltigt usw. So sind sie fest entschlossen, mit den Thais abzurechnen. Tatsächlich machen sie den Thais sehr viele Probleme. Andererseits haben die thailändischen Behörde Angst, daß die Kader der vietnamesischen Kommunisten sich unter die Flüchtlinge mischen, um zu seniores. Deshalb sind sie sehr streng zu unseren Landsleuten.

Bevor ich nach Hongkong flog, hatte ich einen Eurasier in dem Haus des Buddhisten *Kim Quang* in Bangkok getroffen. Er sprach fließend Vietnamesisch und sagte zu mir: "Ein Besuch im Flüchtlingslager wird nicht schwer

sein, wenn Ihr die Erlaubnis von der Deutschen Botschaft schon bekommen habt. Legt einfach zusammen mit dem Erlaubnispapier 500 oder 1.000 Bath in den Umschlag, dann werdet Ihr sofort den Einlaßschein erhalten." Ich sah den *Ehrwürdigen Giac Minh und die Nonne Metta Tu Ngoc* an lächelte und sagte: "Wirklich, wir sind klardenkend für den Weg in die Hauslosigkeit, für das weltliche Leben aber sind wir unklug. Außerdem lehrt die Lehre des Buddha uns nicht so etwas, nur den Pfad der Tugend und nicht den des Bösen. Deswegen sind wir alle wirklich ehrlich. Wenn wir unsere Vietnamesen besuchen wollen, können wir das nicht auf dem Weg des Verbrechens und der Bestechung."

So hatten wir keine Möglichkeit, diese Lager zu besuchen. Wir versuchten aber, andere Lager zu besuchen, für die wir keine Genehmigung brauchten. Wir kamen ins Lager Nr. 12, in der Nähe des "Immigration office" in Bangkok, mit der Begründung, daß wir die Verwandte suchten. Der Pförtner respektierte die gelbe Kutte des *Ehrwürdigen Giac Minh* und ließ uns hinein. Gerade in diesem Moment sammelten sich die Vietnamesen und warteten auf die Namensverlesung für die Einreise in die USA. Dies war nur ein Übergangslager, in dem die Vietnamesen für kurze Zeit untergebracht wurden, um auf den Einreisetermin in die Drittländer zu warten. Es war ziemlich sauber und ordentlich. Wir hatten noch nicht die Möglichkeit gehabt, mit den Landsleuten zu sprechen, außer einigen Worten zur Begrüßung und guten Wünschen für die weitere Reise. Da kamen schon die Mitarbeiter des Lagers und verboten uns, mit den Vietnamesen Kontakt aufzunehmen und zu fotografieren. Sie wollten die Filme ausgehändigt haben. Aber wir wendeten ein, daß kein Schild "Fotografieren verboten!" da war. Außerdem hatten wir nur private Aufnahme gemacht. Wir waren nur 5 oder 10 Minuten im Lager, aber in dieser kurzen Zeit hatten wir mit doch unseren Landsleuten sprechen und einige Fotos machen können.

Danach in der Pagode hatten wir überlegt, daß sie noch tiefere Gründe haben machten, uns den Eintritt zu verbieten. Sie bekamen Geld vom "Hochkommissariat der Vereinten Nationen für Flüchtlinge" und hatten doch nicht genug für die Flüchtlinge gesorgt. Deswegen hatten sie Angst, wenn Fotos gemacht wurden und Zeitungen sie veröffentlichen. "Seien Sie unbesorgt", sagten wir "die Bilder werden in der Zeitschrift VIEN GIAC veröffentlicht". Bei diesem Lagerbesuch konnten wir nur einige Kassetten über die Buddha Lehre und Sutren und eine kleine Spende für die Mönche und Nonnen im Lager Phanat Nikhom sowie für die Buddhisten hinterlassen. Wir hoffen, daß die Mönche und Nonnen und die Buddhisten über uns nicht böse sind, daß wir uns nicht um sie gekümmert haben. Wir möchten diesen Wunsch so gerne mit aufrichtigem Herzen erfüllen, aber unter solchen Umständen wissen wir auch nicht, was wir machen sollen!

Viele machen dem thailändischen Buddhismus Vorwürfe, daß er überhaupt keinen Einfluß ausübt, denn hier ist der Buddhismus eine Staatsreligion. Die Antwort lautet, daß die Mönche hier nur für sich selbst einen tugendhaften Lebenswandel führen und die Laienbuddhisten bei ihnen Segen erwerben. Darüber hinaus gibt es nichts. Und deshalb bestehen viele Probleme. Hier in Thailand existiert der Buddhismus im Leben, aber der Buddhismus geht noch nicht direkt in das Leben hinein. Irgendwann wahrscheinlich geschieht Thailand ein Unglück, so daß es fraglich ist, ob das Land weiter fort dauern kann, ebenso wie

unser Land Vietnam. Das ist aber ein schwieriges Problem! Vietnam hat zwar keine so großen Pagoden, keine so wunderschönen Paläste und Schlösser wie Thailand, aber wir haben ein Herz und eine Seele für die Heimat, das Dharma und das Volk. Obwohl unsere Kraft und unser Ansehen im Moment in die ganze Welt zerstreut sind, dauert der buddhistische Geist des "Eintretens in das weltliche Leben" bei uns immer fort und bis heute existiert Vietnam immer noch auf dieser Erde. Einstweilen müssen wir sehr bedauern, daß unsere Heimat unter dem Kommunismus so trostlos und verlassen ist. Dadurch kann sich die Religion nicht weiter entwickeln. Armut und Tod treten deutlich überall in Erscheinung. Wir haben unsere Heimat, aber wir können nicht direkt dazu beitragen, unser Land aufzubauen, sondern unsere Befähigung für das Land einsetzen, wo wir uns jetzt befinden.

Ich machte Halt in einem Bezirk in Bangkok. In diesem Bezirk sieht es so ähnlich aus wie in Vietnam. Eigentlich ist die Stadt Bangkok in der Gegenwart nicht arm, aber das Leben hier ist am Augenblick orientiert und hat kein Fundament. Die Produktion ist gering, aber der Konsum ist wieder hoch. Unter solchen Voraussetzungen gerät das Land zwangsläufig irgendwann in die Krise. Die Pagoden und die Mönche sind die reichsten Menschen und sehr einflußreich. Aber die Tendenz des Buddhismus in diesem Land klammert sich fest an die Traditionen vor ein paar hundert Jahren. Deshalb ist der Buddhismus fast gleichgültig allen Ereignissen gegenüber. Wir hoffen darauf, daß der Buddhismus in Thailand allmählich die Richtung ändert, um das Ziel tüchtiger anschauen zu können. Während der Tage in Thailand freute ich mich sehr, als ich sah, daß Buddhismus in diesem Land wirklich eine Staatsreligion ist. Es gibt sehr viele Mönche (über 400.000 Mönche in den Pagoden) und viele riesige Pagoden. Ich sah auch, daß unser Buddhismus sich nicht vor den anderen Religionen schämt. Aber ich war sehr traurig, weil wir nicht alle Flüchtlingslager besuchen konnten, wie wir geplant hatten. Hier hatte ich gesehen, daß die Laienbuddhisten sehr fromm sind und die Mönche hoch verehren. Die Bus- und Taxifahrer oder die Fußgänger senkten jedesmal, wenn sie an einer Pagode vorbeikamen, den Kopf und verneigten sich tief mit zusammengelegten Händen. Wie wundervoll ist die Lehre des Buddha! Sie sagten niemals etwas zu einem Mönch, obwohl sie wußten, daß er später die Pagode wieder verlassen würde. Sie verehrten jeden Mönch wie ihren eigenen Meister, auch wenn er früher ihr eigener Sohn war. Ich habe auch nie gesehen, daß ein Buddhist mit einem Mönch auf gleicher Höhe stand. Überall herrschte Ordnung und Erhabenheit, nicht Konfusion wie in Vietnam. Unsere Buddhisten dagegen sind auch sehr fromm, aber manchmal auch starrköpfig und widerspenstig. Sie geben sich als Buddhisten aus, aber sie schaden der Pagode, dem Buddha, dem Dharma und den Mönchen, ohne das zu bedeuten. Sie wissen aber nicht, daß sie, wenn sie die drei Juwelen verletzen, später in der Avici-Hölle untergehen werden. Sie bleiben für immer dumm, unwissend und unvernünftig und verlassen nie diesen Ort. Wahrscheinlich gerieten sie in diese Lage, weil sie die Lehre des Buddha nicht genug gelernt hatten. Wir hoffen deshalb, daß unsere vietnamesischen Buddhisten viel von der Lehre des Buddha studieren, damit sie weiterkommen können.

Mögen alle Menschen und alle Familien Zufriedenheit und Glück unter dem Licht der Barmherzigkeit Buddhas bekommen.  
(Fortsetzung folgt)



# "Bất lễ quân vương Bất lễ phụ mẫu"

## ● THÍCH NHƯ ĐIỂN

**N**gày Xuân là ngày mà mọi người Tăng cũng như Tục đều có nhiều niềm vui để đợi chờ.

Người bình thường chờ đợi Xuân đến để có nhiều đổi thay vào năm mới. Người lớn tuổi chờ đợi thêm một tuổi thọ. Trẻ con mong cho đến Tết để được những bao lì-xi đỏ chói và được mặc những bộ đồ mới mà chúng hằng mong ước. Người tu, ngày Tết không phải là ngày để tính tuổi. Vì tuổi của người Tăng sĩ được tính sau mỗi mùa An Cư Kiết Hạ; nhưng ngày Tết người tu cũng vui Xuân cùng với mọi người. Vì ngày mừng một Tết cũng là ngày vía Đức Phật Di Lặc.

Tại Việt Nam và Trung Quốc hình ảnh Đức Phật Di Lặc được thờ rất nhiều; nhưng ở Đại Hàn và Nhật Bản ít được thấy hơn. Ở Trung Quốc nơi chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu có thờ một tượng Bồ Đại Hòa Thượng rất nổi tiếng và mọi khách hành hương đều đến đó để đánh lễ Ngài.

Tương truyền rằng năm 970 có một vị Sư tay cầm bị xin ăn và tay khác chống gậy ngạo dơ sơn thủy. Đến đâu vị Sư này cũng đi xin đồ ăn, thức uống và ngay cả tiền bạc. Sau khi xin xong không dùng riêng cho mình, mà lấy của ấy đem bố thí lại cho các trẻ con khác. Vì tánh Ngài rất dễ dãi, vì thế con nít bu lại rất đông. Ngài có ý khuyến dụ đám trẻ này sớm biết Phật Pháp, nên Ngài bảo chúng, đứa nào niệm được một câu Phật thì Ngài cho một quan tiền. Dần dà đứa nào cũng biết niệm Phật và phong trào niệm Phật lan dần đến mọi hang cùng ngõ hẻm. Sau khi viên tịch, Ngài có để lại một bài kệ ngụ ý rằng Ngài chính là Đức Phật Di Lặc đã ra đời để hóa độ chúng sanh; nên ngày nay tại Trung Quốc thờ hình ảnh Ngài dưới hình thức là một vị Bồ Đại Hòa Thượng. Có nơi cũng làm hai câu đối để thờ Ngài như sau:

*Đại đồ năng dung, dung thế gian nan dung chi sự*

*Tử dung năng tiểu, tiểu thế gian nan tiểu chi nhơn*

Có nghĩa là:

*Bụng lớn hay chứa, chứa những gì thế gian khó chứa được*

*Dáng Ngài hay cười, cười những gì thế gian khó cười được*

Chúng ta cũng có bụng, có nụ cười; nhưng không có được bụng tốt, mà đa phần có bụng chứa nhiều phiền não, tham sân. Chúng ta cũng có nhiều nụ cười; nhưng đa phần là cười gượng, cười méo, chứ có rất ít nụ cười an lạc như Ngài.

Vào các ngôi chùa Trung Quốc, trước cổng tam quan là nơi thờ Thiên Vương Điện. Ngoài bốn vị Thiên Vương ra, ở chính giữa, phía ngoài đi vào thờ Đức Di Lặc miệng cười hiền lành với bụng to và rất hoan hỷ. Phía đối diện sau lưng Ngài luôn thờ Đức Hộ Pháp Vì Đà hình một dũng tướng nghiêm nghị. Nhiều người thấy tại Việt Nam ít thờ giống như vậy, nên hỏi những người hướng dẫn và cũng là thông dịch viên của phái đoàn người Trung Quốc, họ trả lời tếu tếu như sau:

"Ngày xưa Phật Tổ cắt cử hai vị này trụ trì hai chùa khác nhau. Vị có nụ cười hoan hỷ luôn luôn dễ dãi; nên của chùa bị mất cắp rất nhiều, mặc dầu có số người đi lễ rất đông. Trong khi đó, nơi chùa mà vị Vì Đà Hộ Pháp trụ trì thì ít có người đến, vì sợ Ngài qua hình dáng nghiêm nghị của một võ tướng. Để dung hòa các dị biệt của hai bên, Đức Phật sai hai Ngài cùng ngự một chùa; nhưng phía trước thì thờ Ngài Di Lặc, để ai ai cũng hoan hỷ vào chùa và phía đối lưng lại với Ngài Di Lặc là Ngài Hộ Pháp Vì Đà, để ngăn chặn những kẻ khi đi lễ chùa xong, nếu có ý không tốt, lấy trộm cái gì đó, thấy Ngài thì trả trở lại..."

Cả đoàn người hành hương đều cười, tỏ vẻ nghi ngờ cho lời nói tếu ấy; nhưng biết đâu đó chẳng phải là sự tuyên truyền của chính phủ hiện tại. Hay đó cũng là ý tốt của nhân dân? Chẳng biết câu chuyện này bắt đầu từ khi nào; nhưng nghe qua ai cũng có một nụ cười dễ dãi trên khuôn mặt.

Ngày Xuân, tôi xin hầu quý vị một câu chuyện vui vui mà ít người để ý đến, nhân chuyến hành hương Trung Quốc từ 01 đến 21 tháng 10 năm 1997 vừa qua. Khi đến Bắc Kinh, đoàn chúng tôi được một cô thông dịch viên người Trung Quốc hướng dẫn. Cô ta nói tiếng Việt rất rành rẽ. Tên là Lộ. Khi cô dẫn phái đoàn đến điện Thái Hòa, đứng trước sân rồng cô ta giải thích nhiều điển tích quan trọng của Hoàng cung và cô cũng không quên nói cho đoàn biết rằng: Bây giờ thì chúng ta có thể đứng

nơi đây để giải thích; nhưng ngày xưa khi còn Vua Chúa, bất cứ ai khi vào đây, kể cả Tế Tướng của triều đình hay Quốc Trưởng cũng đều phải quỳ gối tung hô vạn tuế. Lúc ấy tự nhiên tôi có một ý nghĩ nhỏ, có lẽ nên hỏi lại cô ta một câu thử cô ta có biết chăng! vì lẽ cô ta được sinh ra và bị giáo dục trong thời gian chủ nghĩa cộng sản Trung Quốc thịnh hành.

"Này cô Lộ, cô có biết một loại người, thuộc ấy không cần phải quỳ gối xuống để tung hô không?"

Cô ta tần ngần một hồi lâu, đoạn bảo: Có lẽ Thái Giám phải không Thầy?

Cả đoàn cười ồ lên. Có lẽ vì họ nghe đến hai chữ Thái Giám, chứ không phải vì câu trả lời đúng hay sai. Tôi quay lại nói thật lớn, có ý cho mọi người nghe và cũng cho cô biết luôn về triết lý của Phật Giáo nữa.

"Đó là Tăng sĩ. Tăng sĩ bất lễ quân vương, bất lễ cả phụ mẫu nữa".

Cô ta trở mắt nhìn tôi và trong đoàn cũng có nhiều người giở đây mỗi hiểu ra điều đó là sự thật. Tôi còn thêm vào. Điều ấy còn chưa đủ. Tăng không lạy Vua; nhưng Vua phải lạy Tăng nữa kia, nhất là những Tăng Vương hay Quốc Sư khi đến triều đình, không những lễ Vua, mà Vua còn phải thi lễ với các vị Cao Tăng, ngay cả ngày nay tại Thái Lan, Lào, Cao Miên cũng thế...

Sau khi đi hành hương về lại Đức, tôi có kể chuyện này cho quý Cô quý Chú trong chùa nghe cũng như một vài địa phương trên nước Đức, nơi tôi đến làm lễ Thọ Bát Quan Trai cho họ. Tôi giải thích thêm. Tư cách của người tu, đời sống của người tu quả thực cao cả như thế, mà ít có người lưu tâm đến. Mặc dầu người tu không cần việc tung hô, khen thưởng; nhưng chính sự tu hành đạm bạc, đạo đức sáng ngời ấy, chính là một viên ngọc kim cương vô giá mà ngay cả nhà Vua cũng khó có được. Thế mà tiếc thay ngày nay đã có không biết bao nhiêu Tăng sĩ quên đi nhiệm vụ cao cả của mình là: "tiếp dẫn hậu lai để báo Phật ân đức" mà cứ mãi mê theo mùi danh, bả lợi, chạy theo sắc, thanh, hưởng để người đời sai khiến, nhất là những kẻ ham thế quyền có chân trong Quốc Hội hay tung hô, nịnh hót chính quyền như nhiều nhà Sư Trung Quốc cũng như không thiếu nhiều nhà Sư Việt Nam đang làm việc đó. Họ quên đi rằng ngày xưa Phật đã bỏ ngôi vị để vương để đi xuất gia tìm đạo và khi đến xứ Ma Kiệt Đà, Vua Tần Bà Sa La muốn nhường cho Ngài một nửa ngai vàng, Ngài liền trả lời rằng: Cả một ngai vàng nơi cung thành Ca Tỳ La Vệ ta còn vứt bỏ sau lưng, hà huống là nửa ngai vàng nơi đây. Cả hai lần từ bỏ ngai vàng; nhưng lần thứ ba thì Ngài nhận, thay

vì một ngai vàng, đó là một nắm cỏ Kusa, Ngài trải cỏ ra dưới cội Bồ Đề, ngài Thiền Định suốt 49 ngày đêm và đã trở thành bậc Đại Giác Thế Tôn. Ngày xưa Phật đã từ bỏ cuộc đời vương giả để sống đạm bạc như một Đạo Sĩ, thánh thiện ở tâm hồn. Bây giờ có lắm Tăng sĩ đã từ bỏ cuộc đời tu học của mình để đi vào con đường danh lợi, đáng hổ, đáng thẹn biết là bao! và nhất là những kẻ muốn có quyền hành để thao túng nội bộ của Giáo Hội. Vua Trần Thái Tông của Việt Nam chúng ta vào đầu thế kỷ thứ 13 cũng đã dám tuyên bố rằng: "Trẫm xem ngai vàng như đôi dép bỏ" thì ta, cuộc đời của một Tăng sĩ, lại nỡ nào quên đi lời dạy của người xưa sao?

Nhìn nhiều hình tượng trong các chùa ở Việt Nam hiện tại, thờ hình Hồ Chí Minh ngang với hình Phật, đôi khi lại to hơn cả tượng Phật. Không biết những bậc chức sắc của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trong nước nghĩ gì và hiểu gì về luật lệ của Đức Phật đã chế ra tự ngàn xưa?

Trong những giai đoạn hôn quân bạo chúa tuy Vua là trên hết mà Tăng sĩ còn không lễ quân vương, còn bây giờ những người chủ trương bạo lực, đấu tranh bạo động, chiến tranh v.v... lại đem thờ ngang với Phật. Không biết quý vị này có khi nào lễ bái tượng Hồ Chí Minh chưa thì tôi không biết, chủ xem ra nó chóng tai, chóng mắt vô cùng. Câu "bất lễ phụ mẫu" cũng mang một ý nghĩa sâu sắc không kém câu "bất lễ quân vương" ở trên. Vì vậy nên đã có không hiếm những Nho gia chê trách Đạo Phật và đặc biệt là những Tăng sĩ bất hiếu với phụ mẫu. Vì lễ tóc râu là những vật mà cha mẹ sinh ra, ta không dưỡng nuôi chúng thì chớ. Ở đây các vị tu hành đều cạo râu, cạo tóc. Lại chẳng lạ cha mẹ khi đã khoác áo nhà tu. Như thế không phải là bất hiếu chăng?

Nếu nhìn theo cái nhìn của thế gian thì đúng vậy; nhưng nhìn theo cái nhìn của xuất thế gian thì không đúng. Vì lẽ, khi còn tại gia người con phải có bốn phận phụng dưỡng cha mẹ, cũng như thờ cúng, lễ bái cha mẹ; nhưng khi đã xuất gia rồi, nhất là sau khi thọ giới Sa Di, lễ lạy lục phượng đã tạ ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ rồi, kể từ sau đó, nếu cha mẹ có qua đời, người Tăng sĩ chỉ đứng trước bàn thờ của cha mẹ để tưởng niệm, chứ không lễ bái. So vậy, người con, đầu sinh ra trong một gia đình thế nào đi chăng nữa, cái tư cách xuất gia nó cao thượng như vậy. Vì: một người đi tu có thể làm siêu thăng cho nhiều đời cha mẹ. Cho nên sự xuất gia cao quý là dường ấy.

Biết là vậy nhưng cũng có rất hiếm người muốn xuất gia, mà nếu có, đôi khi cũng có nhiều người quên đi ý nghĩa cao cả ấy. Điều này không phải chỉ vang bóng

một thời trong quá khứ, mà mãi mãi về sau cho đến khi nào Phật Giáo còn tồn tại, ý nghĩa này cũng không thể mờ phai được.

Sau đó cô Lộ có đỡ tôi và phái đoàn nhiều câu nữa; nhưng ít ai trả lời được. Vì đó là chuyện của Vua Chúa triều đình. Quý vị nào muốn biết thêm, xin đón đọc quyển sách xuất bản vào năm tới của tôi tường thuật về chuyến hành hương đây ý vị này, sẽ rõ hơn.

Thời gian trôi qua nhanh quá. Nó hững hờ không kêu gọi, không chờ đợi ai. Nhưng những gì đã qua, quá là không bao giờ trở lại được nữa. Mà dẫu có lặp lại đi chăng nữa, lần sau không bao giờ giống lần trước. Có nhiều người phí thời gian cho bao nhiêu mục đích và câu chuyện khác nhau; nhưng tôi thì rất trân quý nó. Vì vậy tôi vẫn hay nói: Bây giờ cái gì tôi cũng có; nhưng không có thời gian. Thời gian dẫu có tiền, người ta vẫn không mua được, dẫu có quyền cũng không thể kéo dài thời gian thêm, dẫu có phép lạ cũng không thể làm cho thời gian dừng lại. Nó vẫn đến và đi không vô tình không hữu ý; nhưng con người thì có trẻ, có già, có bệnh, có chết. Có ai thoát được ra khỏi cái nhị nguyên này, cái đối đãi này không? ta không chờ lớn; nhưng thân thể cứ lớn, ta không chờ già; nhưng tóc bạc càng ngày càng nhiều

và bệnh hoạn, rồi sau đó cái chết sẽ đến; nhưng sống như thế nào trong thời gian năm bảy chục năm ấy có ý nghĩa, mới là điều đáng quý mà thôi.

Ai sinh ra cuộc đời này rồi cũng phải bị thời gian và hoàn cảnh chung quanh chi phối; nhưng cũng có lắm người sống vượt thời gian và không gian vô tận ấy như các bậc đã giác ngộ trong cuộc đời. Tuy cuộc đời này lắm khổ đau và phiền muộn; nhưng nếu không có sự khổ đau ấy thì ý chí học đạo của mình không kiên cường; Đức Phật đã để lại muôn ngàn lời nói giải thoát cho nhân sinh. Ngài cũng đã lưu lại rất nhiều xá lợi cho nhân loại phụng thờ. Ngài Lục Tổ Huệ Năng, Ngài Đan Điền, Ngài Hám Sơn của Trung Hoa hay Ngài Vũ Khắc Minh, Ngài Vũ Khắc Trường của Việt Nam chẳng hạn. Các Ngài ngoài những lời dạy, còn để lại cả những chơn thân bằng da, bằng xương, bằng thịt cho hậu thế noi theo đó để mà tu hành. Ai thấy việc ác cũng biết là xấu; nhưng cứ mãi lao vào. Việc thiện là tốt; nhưng rất khó làm. Điều ấy có lẽ do khả năng và ý chí của con người. Vì không làm chủ được ngoại cảnh. Nếu tâm ta thanh tịnh, chính ta là chủ tử của vạn vật. Nếu tâm ta náo động, không tự tin nơi khả năng tự giác của mình, thì chính ngoại cảnh sẽ làm chủ thân cũng như tâm của ta vậy.

Thật ra Địa ngục, Thiên đàng, Cực lạc và Ta Bà không có hai cửa vào ra, mà chỉ

có một. Một cánh cửa duy nhất mở ra khi đón ta vào và cũng chính cánh cửa ấy đóng lại, khi chúng ta đã ra khỏi nơi ấy. Có nhiều người đi tìm an lạc và hạnh phúc ngoài cái gì mình đang có. Điều ấy hẳn sai. Vì an lạc chỉ có trong khổ đau. Ngoài khổ đau không có an lạc. Niết Bàn cũng thế, không ngoài thế gian này mà có được. Nó ở ngay trước mắt, trong ta; nhưng vì vô minh vọng tưởng nên ta không nhận ra nó. Chúng ta không nhận Phật tánh làm bạn, mà cứ mãi nhận vô minh làm bạn; nên luân hồi sanh tử, tử sanh cứ mãi mãi cận kề, khiến cho ta không thoát ra khỏi cảnh trần lao phiền não đầy thôi.

Con người luôn luôn có nhiều mặt; nhưng hai mặt quan trọng nhất là trái và phải của cuộc đời. Bình thường ta đóng vai một kịch sĩ, tự vẽ mặt, tô son, giời phấn, trang điểm, áo quần, đầu, tóc, v.v... ta cho là đẹp, vừa ý, cốt làm cho người ngoài nhìn, qua cách ăn mặc ấy họ sẽ đánh giá mình; nhưng điều ấy đâu có phải là mình. Vì mình bị những loại phấn son giả hợp của cuộc đời ấy che lấp đi rồi. Cũng giống như vòng vô minh luân hồi sanh tử ấy thôi. Còn bộ mặt thật bên trong của ta thì sao? ta tham, ta sân, ta si... ta tự bào chữa cho cái tham, cái sân, cái si ấy là đúng, là cao thượng, là chơn lý. Nếu ai không làm được như thế thì ta cho rằng họ dở, ngu si, đần độn, không lanh lợi; nhưng xét cho cùng hai mặt của một cuộc đời, không ai làm chúng cho ta được ngoại trừ lương tâm của ta, không ai hiểu ta được bằng chính nghiệp lực của mình tự chiêu cảm lấy mình để đi vào con đường tự hủy hoại của tư duy. Điều quan trọng ở đây là biết và không biết, hiểu và không hiểu, làm hay không làm, chủ tâm kính chiếu hậu về nghiệp nhân và nghiệp quả của mỗi chúng sanh đã quá rõ ràng rồi. Chúng ta không thể chạy nợ khi chưa trả hết nợ được. Đó là nợ đời, nợ tình, nợ quốc gia, xã hội v.v... Điều ấy người Tăng sĩ cũng phải trả thôi. Đó là bốn ơn nặng và nhiệm vụ là phải cứu độ chúng sanh. Người Tăng sĩ cũng không được phép quên ơn quốc gia, xã hội, cha mẹ, chúng sanh, mà đó là một bốn phận phải đền đáp. Vì phục vụ chúng sanh tức là cúng dường chú Phật vậy. Người Tăng sĩ nếu thực hành Bồ Tát Đạo cũng không thể quên cứu vớt những chúng sanh còn khổ đau hơn cảnh giới của loài người như địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Đầu tiên tự cứu mình và sau đó mới cứu người. Khi nào chúng sanh còn đau khổ thì nhiệm vụ của những người thực hành hạnh Bồ Tát cũng không được phép lãng quên sự khổ đau của nhân thế để an hưởng nơi Niết Bàn, mà tự lấy cái khổ của chúng sanh làm cái khổ của mình.

Có nhiều người đi trốn thực tại khổ đau bằng cái chết, hay chối từ khổ đau bằng sự chạy trốn mọi hiện hữu trên cuộc đời, như trốn ánh sáng, trốn mọi người chung quanh, trốn thị phi nhớn nhĩa v.v... như thế cũng chưa hẳn đúng. Là người Phật Tử chúng ta phải biết chấp nhận vấn đề và giải quyết vấn đề, chứ không chạy trốn vấn đề. Nếu chạy trốn một chuyện gì đó, vấn đề đó vẫn không được giải quyết. Chỉ có một thái độ duy nhất được tán đồng. Đó là hiểu biết để chấp nhận và chân thành phục thiện. Người nào thực hành được giáo lý của Đức Phật và đứng trên quan điểm như thế ấy thì họ sẽ tức khắc tự thấy an lạc và đem sự an ổn này đến cho mọi người, mọi nhà như Bồ Đại Hòa Thượng đã làm, như nụ cười của Đức Di Lặc đang rạng rỡ và hàm chứa nhiều ý vị nhiệm màu.

Ngày Xuân, ngày Tết Mậu Dần sắp đến, ngoài trời nơi Âu Châu này, đâu đâu cũng đang buông phủ một màu trắng xóa của tuyết, của sương, của băng giá. Sống trong cảnh này con người xa xứ như chúng ta lại còn cảm thấy cô đơn hơn; nhưng nhờ mái chùa, nhờ tinh thần hiểu Phật và hành hạnh Phật, tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ được sưởi ấm tự chính chúng ta. Những loại sưởi bằng than, bằng dầu, bằng điện, bằng nước v.v... chỉ sưởi cho ta đỡ lạnh ở bên ngoài. Nếu ngày Xuân, chúng ta hiểu được cặn kẽ giáo lý của Đạo Phật, thì cái lạnh ở bên trong sâu thẳm của tâm hồn cũng không có gì đáng kể lắm.

Tăng sĩ "bất lễ quân vương" hay "bất lễ phụ mẫu" thật ra nó cũng chỉ là hình tướng bên ngoài để làm trợ duyên cho những người tu hạnh giải thoát. Đây là bước đầu, tránh những sự ràng buộc của thế trần; nhưng điều quan trọng hơn cả hẳn ở bên trong chứ không phải bên ngoài, vì hình tướng bao giờ cũng chỉ là hư vọng. Vậy cái tâm tĩnh thức, cái tâm giác ngộ về cuộc đời, về sự thế mới là điều đáng nói, đáng chiêm nghiệm mà thôi. Điều ấy có nghĩa là khi chiêm nghiệm về nội tâm, không thể thiếu những sự tu duy về niệm Phật, sám hối, tham thiền và tụng kinh được. Đây chính là những linh dược cần thiết để làm cho nội tâm của chúng ta được an ổn.

Một mùa Xuân Di Lặc nữa lại trở về, xin nguyện cầu cho ai ai cũng có được những nụ cười hiền lành, an ổn, biết tha thứ cho nhau trong mọi sự khác biệt của cuộc đời và cầu nguyện cho quê hương, đất nước, cho mọi người đều thấm nhuần hưởng vị giải thoát của ngày Xuân.

Viết xong tại thư phòng chùa Viên Giác vào một đêm đông lạnh giá 17.11.1997 ■

# TRĂNG KHUYA

\* TRINH CHUNG



*Trăng khuya soi bóng mặt hồ  
Canh tàn nghe tiếng lau khô  
xạc xào*

*Một mình thơ thẩn ra vào  
Gương nga phản chiếu, khóm  
đào trước sân.*

*Ngước nhìn một dải sông Ngân  
Bầu trời tinh tú thanh vân sáng  
ngời*

*Gọi sầu lòng dạ đầy vơi  
Giật mình tưởng lại quăng đời  
như mớ.*

*Cõi trần bẽ khổ vô bờ  
Sắc không hai chữ làm ngọc sao  
đành*

*Nguyện cầu Phật độ chúng sanh  
Hoằng dương đạo pháp, sống  
thanh, hòa bình.*

*(Trích thi tập Nắng Chiều sắp xuất  
bản)*

## Hãy thức dậy đi thôi !

\* Trần Đăng



*Khi bình minh xuất hiện  
Sáng ngời khắp năm châu  
Cộng Sản Âu tan vỡ  
Một giấc mơ không ngờ*

*Việt Nam ta mong chờ  
Ngày Độc Lập Tự Do  
Có Dân Chủ toàn quốc  
Cả nước có Nhân quyền*

*Cộng Sản mất niềm tin  
Dân tìm đường nổi dậy  
Mạnh mẽ nhất đã thấy  
Bùng lên tinh Thái Bình*

*Cộng Sản càng điêu linh  
Đưa vệ binh về đẹp  
Đưa tướng tếp về nhà  
Hồng dụ xoa tất cả*

*Nhưng ngờ đâu nó đã  
Lan rộng lên Hưng Yên  
Xướng đến miền Thanh Hóa  
Đã vào tới miền Nam*

*Xuân Lộc cũng thi gan  
Cùng đấu tranh hội đoàn  
Nhiều nơi cũng đã làm  
Đình công phản đối Đảng*

*Như trời đang rạng sáng  
Phá tan hết âm u  
Phá vỡ hết ngục tù  
Đứng lên đòi Dân Chủ*

*Còn nhiều người vẫn ngủ  
Hãy thức dậy đi thôi!  
Theo ánh sáng mặt trời  
Cùng nhau làm việc tốt.*

*Tinh thần yểm trợ Thái Bình  
Ngày 03.10.97*



# TÌM VỀ HẠNH PHÚC

Giới Đông Phương MAI LÝ CANG

**L**òng phần chấn của một người Phật tử thuần thành là khi tự hiểu ra rằng mình vừa nổi được một nhịp cầu giao cảm tinh thần cho người đối thoại. Đó là trường hợp xảy ra trong bối cảnh giao tế xã hội nói chung giữa những người tuy có quen thuộc mà không biết nhau từ thuở ban đầu. Nói cách khác, đó là niềm vui của người Phật tử khi vừa biến thành hình ảnh là một người bạn có đầy ý nghĩa cho nhiều kẻ khác đã cùng đến với nhau trong một cộng đồng an lạc, bao dung của con người ở khắp các nơi trên thế giới.

Thực vậy, bạn đã từng nhìn thấy gì bên ngoài khung cảnh vạn vật tốt tươi và có ước mơ cho một cuộc sống yêu thương, hoà bình, hạnh phúc, tương lai cho nhân loại... Hay bạn đang cầu nguyện mỗi ngày cho con người ít phải phạm vào tội lỗi do bản tính mê lầm, chấp ngã v.v... và bạn vẽ ra bức tranh một cuộc sống mới cho tất cả mọi người.

Phật Giáo Đông Phương vốn là một đạo hiền như ai cũng biết nhưng vô tình nó có khả năng tiềm tàng, huyền diệu bên trong là đặc tính hòa đồng tất cả mọi xu hướng giác ngộ của con người vào chung một môi trường vị tha, hi xả. Nhưng nếu bạn đặt vấn đề hỏi đạo Phật ở đâu và có giúp ích gì cho bạn thì câu hỏi đó lập tức tự chính nó đã được trả lời dứt khoát là đạo Phật nhìn thấy trong quá trình bạn đã sống, trong hiện tại bạn đang ở và trong tiến trình mà bạn sẽ đi qua. Nó không những giúp ích cho chính bạn là người muốn thí nghiệm mà còn cho những kẻ đã từng thực hành trong suốt cả cuộc đời. Nó chính là phương tiện tốt giúp cho con người đạt lần tối cứu cánh nhân sinh (Niết Bàn) trong cộng đồng nhân loại.

Rõ ràng rất khó mà nói phớt qua với bạn về ý nghĩa của một đề tài đã có từ hơn hai ngàn năm trăm năm, lúc nào cũng xoay quanh trọng tâm mục đích mưu tìm

giải thoát nhằm cứu độ chúng sinh và phát huy những giá trị tư tưởng sống đạo của con người. Có thể nói đây là một cuộc hành trình tu tập mà bất cứ lúc nào bạn cũng có thể tìm thấy được điểm hẹn ở nơi đi và chốn đến nếu chỉ cần chú tâm theo dõi vào mọi sự ứng nghiệm thể hiện nhân tiền trong cuộc sống. Một cuộc sống vốn đã khổ đau khi con người lại phải luôn luôn lâm vào hoàn cảnh sanh ly, tử biệt bi thảm vô cùng. Và cũng chưa có phép lạ nào có thể làm thắng cuộc đấng định mệnh oái oăm của con người trước ngưỡng cửa đường đầu với sự chết. Từ mọi nhận định về cá tính của con người xuất thân từ thành phần khôn, dại, hiền, dữ đến tầng lớp giai cấp giàu, nghèo, sang, hèn v.v... Tất cả đều không thể thoát qua khỏi định luật sinh, trụ, hoại, diệt của thiên nhiên trời đất thì người ta thấy đó là hệ quả tất nhiên được coi như là cái giá phải trả rất đắt do sự hiện diện của con người sống trên quả địa cầu.

Đạo Phật vốn có cơ sở triết học Từ Bi làm nền tảng để cấu trúc lên hình hài vũ trụ một thế giới quan cho con người bằng tình độ lượng, khoan dung, đại đồng và khai phóng đã không bỏ lỡ mọi cơ hội gây ý thức chúng sinh, gieo trồng cội phúc để được phước lành, mong muốn con người giải thoát được phần nào những mối dây oan nghiệt. Chính đạo Phật đã vạch ra con đường sống mới cho bạn từ điểm khởi hành, luôn luôn nhắc nhở cho bạn từng lộ trình ngơi nghỉ để tiếp sức lấy lại tinh thần, phong độ và sinh lực để chuẩn bị đăng trình, tiên đoán, hái gặt được mọi thành quả ở tương lai.

Với phương pháp cứu độ chúng sanh là cổ võ con người hãy bày tỏ tính cách thực nghiệm trên con đường tu luyện mà tuyệt đối không có sức hộ trì tha lực để đạt thành đạo quả. Người Phật tử chỉ có được một người bạn đồng hành duy nhất giám hộ cho mọi hoạt động của mình đó chính

là trái tim và khối óc của chính mình. Chính ý chí quyết tâm mạnh mẽ sẽ giúp cho bạn có thêm được nhiều nghị lực tinh tấn chóng tiến đến thành công hầu thụ hưởng an lạc trên con đường sống mới. Chỉ với con đường Bát Chánh Đạo và ý nghĩa của tinh thần Lục Hòa là bạn có thể tìm được ánh sáng của tình thương qua sự triển khai bằng trí tuệ để thấp sáng và giương cao ngọn đuốc Từ Bi đi vào lòng tất cả mọi người. Có một điều xin bạn đừng ngộ nhận về tinh thần bản thiện của nhà chùa để nhất đán cho rằng nền triết lý đạo Phật chẳng từng chữa đựng nhiều tư tưởng bi quan, yếm thế! Sự thiếu sót đó sẽ làm cho bạn quên rằng phương châm hoàng hóa độ sanh của đạo Phật thủy chung vốn đã chủ trương nhập thế tục và phải hành đạo trong tinh thần "Phật-pháp bất ly thế-gian-pháp" vào mọi tình huống phải liên hệ mật thiết với nhau trong cộng đồng nhân xã. Thêm vào đó, mong bạn hiểu cho rằng trường phái Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni) sáng lập ra ở trên đời cũng phải do cơ duyên loài người mà có. Hơn thế nữa, cơ duyên độc nhất vô nhị đó trong hơn hai ngàn năm trăm năm qua chỉ có bành trướng chỗ không có thu hẹp lại bao giờ và như bạn đã từng thấy là hễ cứ sau mỗi lần pháp nạn thì đạo Phật lại được sáng tươi, khởi sắc, có thêm được nhiều người tỏ lòng sùng ái. Do vậy mà bạn thường được nghe người ta nói tới chuyện thịnh suy của đạo Phật chỉ có những thời kỳ mật-pháp chỗ tuyệt không bao giờ có thời kỳ diệt-pháp. Còn biên cương bao la của đạo Phật chính là biên cương được mở rộng ra từ trong tâm thức cá nhân của mỗi con người chỗ không phải cần nói đến chuyện chinh phục đất đai mới là giải pháp cho phương tiện truyền giáo và thâm nạp tín đồ.

Trên phương diện truyền bá tín lý cũng vậy. Lặng lẽ, âm thầm mà có sức công phá như làn thác chảy xoáy mòn cả núi sông, xâm nhập vào từng tế bào thực vật. Đạo Phật đã nhẹ nhàng vượt qua rặng núi Hy Mã Lạp Sơn để lại cho môn phái Bắc Tông (Mahayana) con số tín đồ gồm các quốc gia như Tây Tạng, Tân Cương, Mông Cổ, Mãn Châu, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản và Việt Nam. Và bằng ngả phương Nam cùng đại dương để lại cho môn phái Nam Tông (Hynayana) con số tín đồ gồm các quốc gia gần gũi với truyền thống Phật học nguyên thủy như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cam-Bốt và Việt Nam. Thời kỳ được coi như là thịnh hành nhất của đạo Phật phải nói là xảy ra dưới triều đại nhà vua Ashoka (274-236)



trước kỷ nguyên Tây lịch tại Ấn Độ. Vì sự bành trướng của đạo Phật lúc bấy giờ đã phát triển mạnh mẽ đến nỗi ảnh hưởng màu sắc thần linh của đạo Bà-La-Môn trong xã hội nước Ấn Độ đã phải bị lu mờ. Do đó, để đáp ứng nhu cầu hưởng ứng ngày càng nồng nhiệt của dân gian cho nên tăng đoàn truyền bá chánh pháp thời đó mỗi nghĩ tới việc mở rộng biên cương đạo Phật qua những môi trường thuận tiện trong lòng người ngoài phạm vi đất đai, xứ sở. Dĩ nhiên, đạo nào cũng vậy, dù muốn hay không cũng khó mà giữ được tính biến thể cho phù hợp với trào lưu tư tưởng sống của con người trải qua nhiều thế hệ đời đời tiếp nối. Đạo Phật nói một cách khiêm nhường là cũng không thể đi ra thành ngoại lệ là thoát khỏi ra qui luật của tiến trình đó nhưng dù sao đó cũng chỉ là những hình thức cần bản không thể không có được cho một sự thành hình về thủ tục lễ nghi, cung cách tôn nghiêm như hương, đăng, trà, quả, chuông mõ, vái van v.v... Nhưng cũng kể từ khi trình độ ý thức văn minh về khoa học, kỹ thuật của con người đã phát triển cho đến lúc lên cao tới mức độ được coi như là hoàn hảo thì tư hình thức cần bản đó đạo Phật ngày nay càng được người ta bắt đầu dày công sưu tầm, nghiên cứu cặn kẽ hơn, đi sâu hơn vào đến quan niệm của tín lý, tín điều, luân lý, trật tự kỷ cương xã hội, xây dựng thể dục của con người trong tình yêu bao dung, hạnh phúc, thái hòa. Quả vậy. Hãy nhìn thẳng vào thực tế mà bạn đặt vấn đề tại sao vào lúc còn lại một phần tư cuối cùng của thế kỷ XX này mà xã hội Tây phương này lại có thể để cho ảnh hưởng Phật Giáo hội nhập vào cộng đồng quê hương của họ một cách dễ dàng như là một sự tự nhiên như vậy được? Phải chăng con số triệu người da trắng bắt đầu nghiên cứu pháp môn tu tập theo đạo Phật hiện nay là vì nhân duyên truyền bá chánh pháp đến lúc đã chín muồi, làm cảm hóa được những tâm hồn của những con người từ lâu vốn đã có cuộc sống dư thừa vật chất? Trong ý nghĩa đó, phương pháp dưỡng sinh chạy lạt hiện nay cũng đã được nhiều người hưởng ứng tán thành để vừa bảo vệ được sức khỏe khi cần mà cũng để có dịp chứng tỏ lòng giác ngộ từ bi biết thương xót sự sinh tồn của muôn loài chúng sinh. Ngoài ra, một trong những đề tài khác từ lâu cũng đã làm cho người ta tranh cãi tốn hao rất nhiều giấy mực - đó là tinh thần ôn hòa bất bạo động trong nội dung của đạo Phật mà tính chất phản ứng của nó thường có những trọng lượng "địa chấn" về ý chí và có khả năng gây nên những trận

phong ba khủng khiếp làm xê dịch được bạo lực, cuồng quyền. Nó được ví như là một chiêu thức võ công tuyệt kỹ bí truyền chỉ thường được đem ra áp dụng trước những giờ phút lâm chung nguy biến, đối ngược thế cờ, chuyển bại thành thắng như hình ảnh của người hiệp sĩ biết sử dụng đã lâu thông câu thiệu lấy nhu thắng cứng, nhuộc thắng cường. Chính nhân dân và quốc gia Ấn Độ đã từng lấy làm hãnh diện về cuộc cách mạng vô tiền khoáng hậu với tinh thần đó do nhà cách mạng Gandhi chủ xướng và đã thành công trong công cuộc đấu tranh giải phóng, giành độc lập từ năm 1947 cho quê hương của họ thoát ra khỏi xiềng xích đô hộ của ngoại bang. Tránh được thảm họa tàn khốc của chiến tranh "nhất tảo công thành vạn cốt khô" con thuyền bát nhã (Prajna) mà Gandhi giác ngộ tìm thấy trong đạo Phật thật huyền diệu thay đã cứu vớt được máu xương của hàng triệu sanh linh khỏi phải hy sinh trên bãi chiến trường.

Chiến thuật ôn hòa cả thắng sự bạo động. Tính chất bất bạo động chính là tinh thần vô úy của đạo Phật đã làm cho đối tác phải dè chừng, khiếp sợ khi sấm hối trực diện với lương tâm... Hơn thập niên sau, tinh thần ấy lại có cơ hội được dịp tái sinh dưới một hình thức có tính cách tượng trưng khác ở Đông Kinh lúc triều đại Nhật hoàng Hirohito còn tại vị khi mà một nhóm sinh viên đã khởi soạn và trình diễn một vở kịch xã hội, chính trị tru danh thế giới với nhan đề "Con Cọp" (The Tiger)(1) Kiệt tác này mang đầy màu sắc tính chất đấu tranh trong phương thức ôn hòa, bất bạo động nhằm cổ súy phong trào xây dựng tinh thần đối thoại ở nghị trường để tránh tình trạng trực tiếp đối đầu cùng bạo lực. Tác dụng thành công của vở kịch đó được các nhà phân tích đánh giá như là ý nghĩa của một thông điệp Hòa Bình mà chính quyền Nhật Bản lúc bấy giờ có khuynh hướng muốn phổ biến tại nhiều nơi và nhiều năm trên xứ Nhật. Và mãi sau đó đã lưu diễn khắp cả Á Châu, Tây Âu cùng Bắc Mỹ. Đến đây, họ cũng được hầu hết tất cả các khán giả yêu chuộng tự do, công bằng và nhân ái bày tỏ thái độ biểu-đông-tinh võ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Vẫn tiếp theo những thập niên sau, ý thức được trào lưu tư tưởng mới của con người, cho nên theo gương của Gandhi là một Martin Luther King của Hoa Kỳ, một Nelson Mandela của Nam Phi cũng đã thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp giải phóng da màu, chống đối kỳ thị chủng tộc. Với chủ trương lên án tội lỗi, khoan dung

tội phạm, các lãnh tụ đó mở ra một mặt trận đấu tranh lịch sử nhằm đánh động vào lương tâm và công lý xã hội của con người. Họ đã thành công nhờ vào cảm tình và sự ủng hộ của nhân dân các quốc gia trên thế giới. Sau cùng, xoay chuyển được trung tâm quyền lực quốc gia cũng nhờ họ khéo léo biết áp dụng thi hành kế sách ôn hòa, bất bạo động để làm vũ khí đấu tranh hiệu quả. Còn nữa, nếu bạn còn muốn nói thêm về nhân sinh quan nhập thế tích cực hiển thân của người Phật tử có ý nghĩa trong sạch sống vì đạo, tử vì đời thì từ ngàn xưa trong lịch sử của đạo Phật cũng đã từng có rất nhiều vị Thiền sư hiện thân Bồ Tát, can đảm hy sinh tánh mạng của mình để cứu nguy cho chúng sinh cùng đạo pháp. Trường hợp như Ngài Bồ Tát Quảng Đức là một trong những trường hợp điển hình và hiển thánh... Đó là một tấm gương thời đại. Đó là những lý do mà tôi đoán chắc với bạn là đạo Phật sẽ gắn liền mãi mãi với định mệnh thịnh suy của đất nước ta (nói riêng) để phù hộ cho dân tộc chúng ta giữ gìn được bản sắc văn hóa giống nòi.

Tuy nhiên, cuộc hành trình của bạn còn xa, nghiệp chướng của bạn còn tồn đọng và bạn ắt phải gặp nhiều hy vọng cùng thủ thách. Có thể như còn say đắm trong giấc ngủ đêm dài, bạn sẽ chưa có hết cơ may để sớm gặp duyên lành liễu đạo. Dầu sao, bước chân của bạn cũng đã lên đường để tìm kiếm hay nói cho đúng hơn là để bắt đầu nhìn lại lối mòn đưa đến cung đình tư tưởng của dân ta lúc ở vào thời kỳ hãy còn trình nguyên về mọi mặt.

Chính vì vậy mà nếu ngày nay sự khám phá ra nền văn minh Ốc Eo (2) quả có góp phần vào sự chứng minh cho di sản phong phú của dân tộc thì ngày trước cái nói phát sinh Phật Giáo "Luy Lâu" (2) của tiền nhân cũng đã đem lại cho giống nòi nhiều điểm son rạng rỡ, khai sáng ra những giá trị thăng hoa về mặt tinh thần mà ý nghĩa của hạt giống Bồ Đề được coi như là tư tưởng cội nguồn hội nhập vào tín ngưỡng của dân gian trên con đường mưu tìm hạnh phúc.

#### Đông Phương MAI LÝ CANG

(1) Vở kịch Con Cọp này đã có dịp đến trình diễn tại Sài Gòn, Nha Trang v.v... vào thời bấy giờ.

(2) Trung Tâm Phật Giáo "Luy Lâu" xuất hiện ở miền Bắc Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 1, và văn minh "Ốc Eo" phát hiện ở miền Nam Việt Nam vào thế kỷ 20.



# THÂN THỂ CON NGƯỜI

(Qua cái nhìn của một Phật Tử)

Soạn giả: Cư Sĩ Tâm Quang

**L**ời giới thiệu:  
Tôi hân hạnh được đọc tập "Thân Thể Con Người" của cụ Nguyễn Xuân Hòa (tức Cư Sĩ Tâm Quang), một soạn phẩm giá trị mà tôi thiết nghĩ rất đáng cho chú Phật Tử nói riêng, cùng toàn thể những ai muốn nghiên cứu giáo lý Phật Đà, liên hệ đến sự sống con người, nói chung, tìm đọc.

Qua tập sách, cụ Nguyễn Xuân Hòa, một mặt đã diễn tả rành mạch sự cấu tạo "sinh hóa" của 5 giác quan con người lẫn não bộ (Phật Giáo gọi là Ngũ Căn và Ý Căn), mặt khác còn giới thiệu các Pháp Phật, như Mạc Na Thủc (Māna) và A Lại Da Thủc (Ālaya), phần thâm mật nhất trong Ngũ Uẩn Phật Giáo, để bổ túc cho quá trình phân tích "Sinh Hóa Nhân Thể" của học thuật Tâm Não hiện tại.

Điểm đặc sắc là soạn giả còn phối hợp 2 giáo lý vô song của Đức Phật, là Tứ Diệu Đế (Catu Ariyasaccāni) và Thập Nhị Nhân Duyên (Paticca Samuppāda), để cống hiến cho người đọc một "Chân Thủc" giải khổ hữu hiệu và tiến hóa! - Nhất là tiến hóa đến tuyệt đối tịch tịnh, giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, vốn hằng bị lưới vô minh, tham vọng bao vây.

Nội dung tập sách có thể xem như một "thư liệu" quý giá, phát huy giáo lý cứu khổ của Đức Phật, không những cần thiết cho xã hội điên đảo, khao khát hưởng thụ ngày nay, mà nó còn có thể là một cuốn sách của Khoa Học Tâm Linh, chan hòa vào các phát minh tân tiến, của thế kỷ 21, và sau này.

Về công phu tra cứu, cụ Tâm Quang cũng đã tham khảo khá nhiều tác phẩm thực nghiệm, của không ít Bác Học Gia tên tuổi, cổ kim trên thế giới, Đông cũng như Tây, để xác chứng soạn phẩm của mình, càng làm cho cuốn "Thân Thể Con Người" tăng thêm sự tín nhiệm. - Đó là cái "bảo đảm", để người đọc khi chú tâm theo dõi những dòng chữ trong sách, sẽ không có nhiều thắc mắc.

Trên đây chỉ là vài ưu điểm tương trưng, khiến chúng tôi hoan nghinh và giới thiệu cuốn sách này, nhưng còn những nét nổi bật khác, trong soạn phẩm, chúng tôi xin dành lại cho quý độc giả tự "khám phá" một cách "ngạc nhiên", lúc đang đọc.

Bây giờ kính mời quý vị hãy đi vào soạn phẩm.

Nguyện cầu cho soạn giả, cụ Tâm Quang Nguyễn Xuân Hòa, luôn luôn sống trong Ánh Đạo Vàng của chú Phật.

Với tấm lòng thành.

**NGUYỄN ĐIỀU**

(Paris đầu Xuân Bình Tý, tức 19.02.1996)

## Phần thứ nhất : Vật thể

### Lời Mở đầu

Con người là một sanh vật ở trong vũ trụ. Từ hồi tiền sử (1) cho đến ngày nay. Con Người đã lần lượt tỏ ra có khả năng và sự thông minh để hiểu biết và đối phó với thiên nhiên trong việc duy trì, phát triển và hưởng thụ sự sống.

Con Người có một thân thể lạ lùng, gồm những bộ phận hết sức phức tạp cùng nhau hoạt động, để tùy thời, tùy lúc làm thành Ngũ Uẩn (2), cung cấp cho sự sống đầy đủ những ý nghĩa, để hòa đồng với các sự sống khác ở trong vũ trụ.

Từ lúc mới Sinh ra cho đến lúc Chết. Con Người đã tỏ ra mình có đủ khả năng "kháng bệnh", "phòng bệnh", và có đủ trí năng cho mình sự "Hiểu Biết" đến chỗ thấu đáo. Tuần tự con người khám phá được các sự trục trặc trong cơ thể của mình lập nên bệnh lý, và tìm ra vi khuẩn, tinh trùng.

Con người có đủ khả năng phát triển "Tâm Linh", biết bộc lộ "Tình Cảm" của mình ra ngoài bằng nhiều hình thức.

Con người là một "Sanh Vật" tối thượng, có trí khôn và có tư tưởng. Một sinh vật biết tìm hiểu nguồn cội của mình, thường biết đặt ra câu hỏi: "Ta từ đâu đến đây? Và ta sẽ đi về đâu?"

Trong sự giải đáp về hai câu hỏi trên đây, có hai lập trường khác nhau:

1. Một là dùng Khoa học Tìm hiểu sự Cấu Tạo Thân Thể, đi từ Nguyên Tử Tế Bào đến chất Tinh Giống (ADN) nằm trong Bộ Phận Thân Thể, v.v...

2. Hai là dùng Tư Tưởng và Đại Giáo để biết được nguồn gốc con người, sự sanh thành và sự hủy diệt cơ thể, sự trường tồn của tâm linh, v.v...

Sự sống của con người chẳng thể biết chắc là bao lâu: có kẻ mới sanh đã chết, có kẻ sống được 40, 50 năm rồi mới chết, và cũng có người sống đến 100 tuổi.

Những sự tiến bộ của ngành Y Học trong vòng 2 thế kỷ gần đây không thể cứu nổi con người, vì con người càng ngày càng có nhiều tham vọng gây ra những sự

tướng sát tướng tàn, gây ra những trận chiến tranh khốc liệt, những sự giết người trong các việc khủng bố để phục vụ cho những mưu mô chính trị, v.v...

Con người không phải là một Bộ Máy, mà là một Cơ Thể rất sống động, có những cấu tạo vô cùng phức tạp, khiến cho các sự mô tả sau đây, về Con Người không thể nói rõ hết được, mà chỉ tổng lược mà thôi.

Thân thể con người là cái kết quả của một sự sắp xếp theo một "hoành đồ" (plan) đã qui định từ trước, nó có nhiều cái tỉ mỉ lạ lùng. Chưa thấy có một Bộ Máy nhân tạo nào hiện nay có thể so sánh được với Cơ Thể Con Người, nó vừa hoàn hảo, vừa có những hiệu năng phi thường. Nó như một Hoành Đồ có ghi ký những ám hiệu đặc biệt.

Như trong mỗi Hạch Nhân (Noyau) của một Tế Bào (Cellule) có những đường chỉ sợi mà khoa học gọi là những nhiễm thể (Chromosomes) có sự cấu tạo rất tinh vi. Những Nhiễm Thể này là những Hạt Giống Truyền Hệ (Gènes) chỉ định sự cấu tạo của các Tế Bào để cho phù hợp được với các "đặc tánh" khác nhau, nằm trong các Bộ Phận của Thân Thể Con Người. Nó cho màu các con Mắt hoặc màu xanh hay nâu và làm thành những hình dung mỹ miều hay thô tháo.

Những sự chỉ định này đều ghi ký bằng "hình thức thông điệp" của các hóa chất, trong đó có chất đặc biệt gọi là ADN (Acide Désoxyribo Nucléique).

Chất ADN này sáng tạo ra những "Bản sao" giống y hệt như nó, mỗi khi một Tế Bào chia tách ra để sinh sản. Trên phương diện sanh trưởng thì những Tế Bào của cơ thể đều có mang trong nó một hệ thống hóa chất y hệt như những Tế Bào của chất ADN.

Mỗi Tế Bào trong Thân Thể gồm có 46 Nhiễm Thể có mang chất ADN, chỉ trừ những Tế Bào thuộc về "Chủng Tinh Sinh Dục". Vì những Tế Bào này chia ra 23 Nhiễm Thể của cha, và 23 Nhiễm Thể của mẹ, và Đứa Trẻ hưởng thụ gia tài của sự hòa hợp 46 Nhiễm Thể của song thân.

Màu da, sự phát triển của xương, sự chuyển động các bộ phận trong Thân Thể Con Người đều đã được tiên liệu từ lúc mới cấu tạo phôi thai mà Con Người hiện tại là cái kết quả của sự sắp xếp từ trước đó.

Cái Thân Thể Con Người hiện là chúng ta; Chúng ta cần phải biết rõ nó, để giữ gìn, bảo tồn nó một cách tỉ mỉ để nó có được sự cải thiện ngày càng hoàn hảo hơn.

Cái Thân Thể có Tinh Thần làm ra sự Sống. Vì vậy mà Cơ Thể và Tinh Thần là hai món đúc kết thành Bộ Máy Thiên Nhiên ở trong một xã hội, có đủ khả năng biến cái xã hội ấy trở thành tốt đẹp.

Phải biết rõ Bộ Máy Thiên Nhiên này để cái tạo đến chỗ hoàn thiện cho Đời Sống Con Người.

Một khi đã biết rõ Bộ Máy ấy rồi, thì trước hết phải lo bảo tồn nó, phải chú ý đến vệ sinh cho Thân Thể, phải biết quân bình các thức ăn, không nên quá nhiều mà cũng không nên quá ít, trong thức ăn phải có đầy đủ những thức bổ dưỡng để nuôi sống các Tế Bào, phải luyện tập thể thao để cho các bắp thịt được cứng mạnh mềm dẻo, phải tập cho lồng phổi được này nở hầu hô hấp được nhiều không khí, để làm cho tim đập được đều hòa. Một Cơ Thể thiên nhiên vẫn bị tiêu mòn dần dần theo thời gian, vì vậy mà phải lo bồi dưỡng Thân Thể, vì đó là một Cơ Thể Thiên Nhiên.

Thân Thể chúng ta lại cũng không phải do một sự "ngẫu nhiên" mà có. Vì với cái Thấy đúng thật của Đức Phật thì Thân Thể Con Người có được là do một Nhân Duyên hy hữu, rất đặc biệt. Phật bảo rằng: Cái khó của việc "Có Được Thân Con Người" ví như việc một con rùa nằm ở đáy biển 1.000 năm mỗi nổi lên mặt biển một lần, và lần đó gặp được một bọng cây đang trôi giạt Nam Bắc không định trước được, để chui vào. Nếu không gặp thì phải đợi đến 1.000 năm nữa! Ví dụ này đã nói lên cái Khó của sự được Làm Người. Qua được cái khó này là cả một Đại "Nhân Duyên", rất hy hữu và rất đặc biệt.

Nhưng một nhà hiền triết thời xưa bên Hy Lạp, ông Démocrite (sinh năm 370 trước J.C.) (3) đã nói: "Con Người cũng như vạn vật ở trong vũ trụ đều là kết quả của một sự "Ngẫu Nhiên" (Le Hasard) và do sự Nhu Cầu Cần Thiết (La Nécessité)".

Ông giải rằng: "Bản tánh của vũ trụ là một sự "Trống Không" (Le Vide). Trong cái trống không này, có sự hoạt động của các "Nguyên Tử" (Atomes). Nguyên Tử rất vi tế làm thành các bộ phận trong Thân Thể của con người do sự cấu hợp của chúng lại với nhau.

Không có một thứ gì có thể sanh ra từ cái Trống Không cả, chỉ trừ các Nguyên Tử. Do đó, mà không thể đảo ngược lại sự Sống của Con Người.

Vật thể cũng như Thân Thể đều do sự phối hợp của các Nguyên Tử mà thành hình. Chúng sẽ tiêu tan khi các Nguyên Tử không còn nữa, vì sự ảnh hưởng dây chuyền với nhau.

Tinh Thần là sự phát xạ của Vật Thể. Đó là sự biểu lộ ra ngoài của các "Cấu Tạo" Nguyên Tử. Tinh Thần sanh ra Cảm Giác, tác động các Giác Quan, tuy rất tế nhị nhưng không mất tính cách biểu dương lực lượng Nguyên Tử.

Thân Thể Con Người gồm có Vật Chất và Tinh Thần. Hai thứ này đều là Nguyên Tử, và cũng là "Bản Tánh của Vũ Trụ".

Cùng một chủ trương với Démocrite, ở thời đại ngày nay có ông Jacques Monod (1910-1976) (4). Ông này cũng cho là Vạn Vật trong Vũ Trụ đều do Ngẫu Nhiên mà có, do sự Nhu Cầu Cần Thiết mà có.

Ông ta trình bày thuyết này theo khoa học, và theo các lý lẽ ông viết trong quyển "Le Hasard et La Nécessité" của ông, do nhà xuất bản Seuil in vào năm 1970.

Nhưng, theo Giáo Lý Phật Giáo, thì Thuyết Ngẫu Nhiên và Thuyết Nhu Cầu Cần Thiết trên đây không thể "Lập Lý" được.

Vì Giáo Lý Đạo Phật cho rằng "Vạn Vật trong Vũ Trụ, mà ngay cái Vũ Trụ này cũng vậy, phải do một Nhân Duyên nào đó mới có được, không phải do sự ngẫu nhiên.

"Nhân" là Hạt Giống, cái Nguyên Nhân đầu tiên bù trợ bởi cái Duyên có từ lúc khởi đầu cho đến lúc hiện tại.

Nhân Duyên làm thành một chuỗi Đồi, có nghĩa là: Nguyên Do, một Cơ Hội (Causes et Facteurs) sanh ra cái Lý Do Chánh để có cái Kết Quả (Effet).

Ví dụ như Hạt Cam là Nhân để sanh ra Cây Cam và Trái Cam. Lại phải nhờ các Duyên của Đất, của Nước, của Phân, của sự Chăm Sóc cùng hợp lại để có Quả Cam.

Như vậy gọi là Nhân Duyên. Ngược nghĩa của Nhân Duyên là Tự Nhiên. Tự Nhiên là do sự kiện thiên nhiên mà có, không cần có Nhân Duyên. Nhưng Tự Nhiên cũng không phải là "Ngẫu Nhiên".

Vì những lẽ đó mà Thân Thể Con Người phải do một Nhân Duyên nào đó để có sự hiện hữu, chứ không do sự Ngẫu Nhiên. Mà một khi đã có Thân Thể rồi, thì con người mới nghĩ đến các việc Nhu Cầu Cần Thiết.

Như vậy thì mọi Nhu Cầu Cần Thiết cũng phải do Nhân Duyên có Thân mà ra.

Ví dụ như sự Nhu Cầu Cần Thiết của con người là cái ăn. Có "Ăn" mới có thể cung cấp cho các Tế Bào trong Thân Thể sự sống. Vì vậy mà Ăn là một Nhu Cầu Cần Thiết do Nhân Duyên Sinh Tồn của Cơ Thể mà có, không phải do sự Ngẫu Nhiên.

Do đó, Đức Phật đã thuyết ra "Thập Nhị Nhân Duyên" (12 Món Nhân Duyên) để chỉ cái Đầu Mối của Sự Sống.

Trong quyển sách nhỏ này chúng tôi chỉ làm một sự Tóm Lược về các bộ phận nằm trong Thân Thể Con Người (chó không có sự tỉ mỉ như một quyển sách Khoa Học) để rút ra những điều lợi ích cho việc trau dồi Thân Thể theo các Giáo Pháp Phật Đạo, do sự hiểu biết về các "Căn" (Organe) nằm trong Con Người.

Dựa trên Giáo Lý Phật Đạo để trình bày cho biết vì sao phải biết rõ các năng khiếu của chúng ta để Tu Hành, và để ra khỏi các Khổ Lụy trong cuộc Sống Thế Gian.

(Còn tiếp)

#### Ghi Chú:

(1) **Tiền Sử** (période préhistorique) nghĩa là Thời Đại chưa có lịch sử, gọi là Tiền Sử Thời Đại. Ở vào thời kỳ này loài người còn "Thảo Muội Ngu Mông" (sống như cỏ cây, tối tăm ngậm ngù như trẻ nít).

Đó là thời kỳ Sự Sống của Nhân Loại mới xuất hiện mà ngày nay đã mất hết các vết tích, duy chỉ nhờ vào sự "đào bới" tỉ mỉ, hoặc tìm trong các lớp, quặng mỏ có chứa các đồ vật bằng đá hay bằng xương do Con Người Tiền Sử tạo ra, hoặc do những ống xương đào trong lòng đất mà được biết.

Những sự nghiên cứu này đều theo kỹ thuật xấp xếp cơ bản toàn bộ của những Nhà Khảo Cổ.

(2) **Ngũ Uẩn hay Ngũ Ấm** (Les Cinq Agrégats) là sự tích tụ của năm thứ: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cho con người sự sống.

**Sắc** là những vật hữu hình do 5 giác quan cho thấy biết về những cảnh của Trần Thế.

**Tho** là sự biết những nỗi vui buồn sướng khổ khi đối cảnh của Trần Thế.

**Tưởng** là sự hiểu biết về màu sắc, hình dáng tướng mạo, v.v... rồi san ra nghĩ tưởng.

**Hành** là sự phát sanh ra hành động do lòng ham muốn, ghét, giận, v.v...

**Thức** là sự phân biệt các điều hiểu biết.

Ngũ Uẩn hay Ngũ Ấm tập hợp lại để làm ra Sự Sống của Con Người.

(3) **Démocrite** (Abdère Thérace) là một Nhà Hiền Triết thời xưa của nước Hy Lạp, ông sanh vào năm 370 trước J.C. đồng thời với hai nhà Hiền Triết Socrate và Protagoras, ông chủ trương về sự Ngẫu Nhiên và Cần Thiết. Ông thuộc về phái Duy Vật Học, chủ trương việc đồng nhất

Thực Tại với Vật Thể. Ông cho là tất cả Vạn Vật đều là Tế Bào Nguyên Tử, di chuyển và sinh hoạt trong chỗ trống không (le Vide).

Ông cũng xác nhận là Lòng Thiện tối cao nằm trong sự Tĩnh Lặng của Tâm Hồn. Ông là người "Tiên Khu" của triết gia Epicure chủ về Duy Vật Luận, Cơ Giới Luận và Nguyên Tử Luận.

Theo ông ta thì thiên nhiên (La Nature) chỉ là một cái "Trống Không". Các Nguyên Tử ở trong đó đều là những bộ phận vi tế, không thể chia chẻ ra được.

Ông ta chủ trương: "Không có một cái gì sanh ra từ một cái gì cả" (Ý nói: Không bột cũng không hồ, vì không có bột thì làm sao gột nên hồ?).

Cũng theo ông, thì mọi vật đều bị trói buộc lẫn nhau do sự "Cần Thiết từ những tổ hợp Nguyên Tử và cùng diệt với sự tan rã của các Nguyên Tử.

Tinh Thần do Nguyên Tử mà có. Các sự hiểu biết là do sự phát xạ của các vật thể rất tinh vi, có ảnh hưởng trực tiếp với các Giác Quan.

(4) Jacques Monod (sanh năm 1910, mất năm 1976) là một nhà Sinh Vật Hóa Học (Biochimiste) ở thời đại ngày nay, ông là người Pháp rất nổi danh, chuyên môn nghiên cứu về sự liên hệ của Bộ Máy Di Truyền với Hóa Học, về vai trò "Nước Chua" (Acide) trong tánh cách "hòa đồng" những Di Truyền gọi là "Tín Hiệu ARN" với các Tinh Trùng trong sự điều hợp của đàn Bạch Tinh (Protéine). Những sự nghiên cứu này đã đem lại cho ông Giải Thưởng Nobel về Y Học năm 1965.

Là một nhân chứng trác tuyệt và cũng là người của thời đại, ông không ngần ngại tranh luận trước đại chúng về các vấn đề Chính Trị, Triết Lý, Luân Lý và Lòng Khoan Hồng. Những Luận Lý và Lòng Khoan Hồng là những thứ đã có sự suy vi ngay trong Tâm Thức của ông ta.

Ông cũng như ông Démocrite, chủ trương: Vạn Vật sanh thành trong Vũ Trụ đều do một sự Ngẫu Nhiên và do sự Nhu Cầu Cần Thiết.

Ông giải thích lập trường của ông theo Tinh Thần Khoa Học, theo "Sanh Hóa Vật Chất" (Biochimie).

Tinh hoa Tú Tửng của ông thật đã ở ngoài sự nhu cầu của Đạo Đức.

Khối óc cực kỳ thông minh của ông chỉ muốn đưa người ta vào sự tin nơi "Ngẫu Nhiên" và Cần Thiết cho nên ông đã viết ra quyển "Le Hasard et la Nécessité" xuất bản năm 1970, do nhà xuất bản Seuil ấn hành ●

# ĐẠO PHẬT

## ĐÁP ỨNG TÂM LINH CON NGƯỜI THỜI ĐẠI

■ Lý Đại Nguyên

Càng ngày con người càng nhận ra rằng chỉ có cuộc sống tự do mới là cuộc sống đáng sống. Chỉ có xã hội tự do mới huy động được tối đa khả năng đóng góp của con người; con người mới thực sự cảm nhận được rằng xã hội đó là xã hội của mình mà mình phải có trách nhiệm chung xây dựng.

Khi tự do đã trở thành giá trị của cuộc sống thì sự lựa chọn của con người đương nhiên là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm. Tốt hoặc xấu. Thiện hay ác. Con người hoàn toàn phải nhận lấy. Vì con người chính là nguyên nhân hoàn thành nhân cách của mình. Và nhân cách của mỗi người cùng với nhân cách cộng đồng tạo thành bản chất xã hội.

Vậy nói tới xã hội Người thì chính người phải là nguyên nhân của lịch sử xã hội rồi. Ta là Nhân của xã hội mà cũng là Duyên cho người khác. Người khác là Nhân cho chính họ và là Duyên cho ta trong xã hội. Chính mối nhân duyên tương quan giữa người với người tất cả đều tác dụng trên Địa-Cảnh-Sống, tạo thành Cách-Sống, lối-sống, đi dần vào nếp-sống. Đây là Xã-Hội-Cảnh của cộng đồng.

Khi cộng đồng đã hình thành thì lập tức phải có tổ chức và người điều hành tổ chức luật lệ được đặt ra để phân định quyền lợi và nhiệm vụ của dân trong cộng đồng. Mở đầu cho những phân chia đẳng cấp chính trị và giai cấp kinh tế.

Lúc này mỗi người đôi khi cảm thấy mình nhỏ bé trước chuyển động của cộng đồng, mình trở thành phụ thuộc vào những thế lực đang nắm được ưu thế đẩy cộng đồng đi theo ý hướng mà họ muốn. Lâu dần rồi con người quên hẳn đi rằng mình mới chính là nguyên nhân của chuyển biến lịch sử. Chính sự quên đó mà con người cũng vẫn là nguyên nhân làm chậm nhịp tiến của xã hội, và con người lại là nạn nhân của sự chậm tiến đó.

Hình thái tổ chức đầu tiên của nhân loại ở bất kỳ nơi đâu cũng mang tính cách bộ lạc. Bộ lạc là một tập hợp những gia đình, những gia tộc cùng sống một vùng, cùng cảnh sống, cùng cách sống đi từ tình trạng Phi sản (nhật, hái, săn, câu) tới Hữu sản: trồng tía, tích lũy, hợp quần sản xuất, ăn đồng chia đều, theo tôn ti tộc hệ.

Các bộ tộc nở lên, các bộ lạc quần tụ với nhau trên một địa bàn rộng để tiến lên thành Quốc Gia. Chế độ Phong kiến thành hình. Những binh biến thống nhất nhà nước, mở rộng giang sơn ngày một trở nên quyết liệt, hầu như chẳng có lịch sử nào của các dân tộc, quốc gia lại không viết lên bằng máu của con người. Khổ đau, hào hùng, thảm bại, vinh quang... trộn lẫn với nhau hẳn lên thành những dấu ấn muôn đời của các dân tộc, chạy dài vào dòng Di Thức của mỗi người chúng ta hôm nay.



Có ba nền văn minh còn ảnh hưởng tới thế giới chúng ta, đó là 1) Văn minh Ấn Độ, 2) Văn minh Trung Hoa, 3) Văn minh Hy-La. Ba nền văn minh này có những đặc tính rất khác nhau trong việc lập thế cách lãnh đạo xã hội. Bởi vậy các quốc gia ảnh hưởng của mỗi nền văn minh đều cùng chung một

tình trạng.

Văn minh Ấn Độ thì đặt Giáo quyền lên trên Thế quyền. Đẳng cấp Tăng lữ đứng trên vua chúa và quyết định đường hướng và thế cách sinh hoạt xã hội. Chính vì vậy mà xã hội ịch không tiến.

Văn Minh Trung Hoa thì Thế quyền vượt trên Giáo quyền. Vua là con trời, thay trời lãnh đạo xã hội. Tôn giáo đều do Vua, chấp nhận và tấn phong, hoàn toàn trái ngược với văn minh Ấn Độ. Nhưng cũng như văn minh Ấn Độ, xã hội cũng không cất đầu lên được.

Văn minh Hy-La thì vốn đa dạng và trái ngược, xung đột nhiều hơn về cả mọi lãnh vực. Lúc thì Thế quyền vượt lên trên Giáo quyền, khi thì Giáo quyền lấn át Thế quyền. Cuộc trường kỳ tranh chấp quyền hành giữa nhà vua và nhà thờ không thời

nào ngưng nghĩ. Yếu thế thì tạm chịu vậy thôi.

Dân chúng vừa là nạn nhân vừa là đối tượng tranh thủ của các thế lực tranh chấp. Từ đó, ý thức con người nhận ra rằng: chính Người Dân mới thật là chủ nhân của xã hội, của quốc gia. Trào lưu Dân Chủ thành hình và phát triển cực mạnh, làm sụp đổ chế độ phong kiến.

Các chính quyền non trẻ ra đời, các chế độ dân chủ được thiết lập, nhưng rồi vì yếu kém về tinh thần lẫn tổ chức, nên quyền hành bị lọt vào tay kẻ giàu có. Rồi vì quyền lợi của họ và niềm kiêu hãnh của các nước dân chủ, họ đã biến các nước đó thành các nước Thực Dân, đi đồ hộ các nước nhỏ lạc hậu. Lúc này cả nhà thờ lẫn nhà buôn đều cùng hướng vào việc mở rộng thuộc địa.

Dân chủ là tiếng réo gọi khẩn thiết có hấp lực lớn đối với các nhà trí thức, triết gia, khoa học, xã hội học, văn nghệ sĩ v.v... nhờ vậy mà mọi mặt, văn hóa nghệ thuật, khoa học của Âu Châu thời đó đã nở rộ.

Trong đó Karl Marx đã dùng biện chứng pháp Duy Vật biện minh cho luật mâu thuẫn, cho đó là luật của tiến hóa, và đấu tranh giai cấp là luật của tiến bộ xã hội. Đồng thời dựa vào suy luận chủ quan của ông ta và các nhà xã hội học, sử học thời đó đã đưa ra một quan niệm mới về sự tiến triển của lịch sử là nhờ đấu tranh giai cấp; và cho rằng kinh tế quyết định tất cả, đó là Duy vật Sử quan.

Duy vật Sử quan cho rằng nhân loại đi từ chế độ Cộng Sản nguyên thủy, Nô lệ, Phong kiến, Tư bản, tiến lên Cộng sản Khoa học theo đường vòng tròn ốc. Quan niệm này được minh chứng bằng những dữ kiện lịch sử hạn hẹp thiếu chính xác ở thời đó. Nhưng dù sao Marx cũng vẫn là người đầu tiên đã đưa ra hướng phải tới của Lịch sử, mặc dầu sai.

Quả thật người đương thời với Marx đã phải lúng túng không biết chống đỡ bằng cách nào. Từ đó ưu thế của tư tưởng Marx như có ma lực cuốn hút không những giới thợ thuyền, mà ngay với giới trí thức Âu Châu, dẫn tới việc Chủ Nghĩa Cộng Sản làm chủ gần nửa thế giới.

Thực ra sử quan của Marx đã hoàn toàn sai và nguy hiểm ngay từ bước đầu. Coi lịch sử là lẽ tất yếu khách quan mà con người phải tuân phục. Chính ở điểm này mà con người sống dưới chế độ Cộng Sản không được coi là người, mất hết tự do và quyền tự chủ.

Trong tiến trình lịch sử nhân loại thì chẳng làm gì kiểm ra chế độ nào là cộng

sản ở thời nguyên thủy hết. Thời hoang sơ con người hái trái trên cây, bắt cá dưới suối, đuổi thú trong rừng, thì làm gì có sản xuất mà bảo là Cộng sản. Đích thật thời này phải gọi là Phi sản, tức là không sản xuất, không tích lũy.

Thời Bộ lạc con người theo tôn tộc mà sống, người khỏe, rồi người thông thái được dân bộ lạc tôn lên là Tù Trưởng. Có ai bóc lột ai đâu, có ai làm nô lệ cho ai đâu. Thực sự tình trạng nô lệ chỉ xuất hiện dưới thời Phong kiến lãnh chúa, bắt những kẻ chiến bại về làm nô lệ phục dịch cho mình. Trong dân chúng thì vì nghèo đói phải bán mình cho chủ. Rồi phổ biến đến chỗ tạo ra thị trường buôn bán nô lệ.

Chẳng có chế độ nô lệ nào riêng biệt để chuyển sang Phong kiến hết. Còn chế độ Phong kiến chuyển sang Dân chủ mà Tư bản nắm được ưu thế thì như đã trình bày ở trên. Chính vì thế mà đã chẳng có nước Dân chủ tư bản nào biến thành Cộng sản hết, mà Cộng sản chỉ cướp được chính quyền ở nước Nga phong kiến và cướp quyền được ở các nước lạc hậu mà thôi.

Thực ra chỗ nào chế độ Cộng sản thành lập được, thì chỗ đó con người hiển nhiên biến thành nô lệ cho Đảng, Đảng biến thành nô lệ cho lãnh tụ. Lãnh tụ còn sống vừa là ông vua vừa là giáo chủ của một hệ thống tư tưởng hận thù bạo lực phi nhân. Lúc chết thì được ướp xác để thờ như một đấng thần linh. Hãy nghe tiếng nói mà chẳng giống tiếng người, cao giọng hô lên rằng: "*Lãnh tụ... anh minh sống mãi trong sự nghiệp chúng ta*" mà thưởng cho họ.

Nay thì chủ nghĩa Cộng sản đã sụp đổ, chỉ còn một vài nước tuy rằng "Hình thì còn mà chất đã biến từ lâu". Tuy vậy người dân sống trong các chế độ đó vẫn còn chịu khổ chịu nhục, chịu bóc lột cả tinh thần lẫn thực tế để thỏa lòng tham của những kẻ còn duy trì được quyền hành và bạo lực trong tay.

Cộng Sản đã thua Tự Do, Độc Tài lỗi thời trước Dân Chủ. Sự giàu mạnh đứng về phía các xã hội Tự Do Dân Chủ. Các nước đang ngày một hoàn thiện luật pháp Dân Chủ. Quyền con người được đưa lên làm tiêu chuẩn cho mọi xã hội tiến bộ và là giá trị phải đạt tới của mỗi quốc gia. Tôn trọng Nhân quyền trở thành nghĩa vụ của mỗi chính quyền.

Vậy đã rõ trào lưu đang tới của thời đại đang và sẽ là trào lưu Nhân Chủ Nhân Văn. Tất cả những thiên kiến Ý thức một chiều cực đoan đều đã bị vượt bỏ để nhường chỗ cho Nhận thức Toàn diện.

Con người phát triển toàn diện, sống và làm tốt cho khắp mặt cuộc đời. Con người lấy lại được quyền tự chủ để thực hiện cuộc sống tự do và với trách nhiệm xây dựng xã hội.

Đến đây trào lưu thời đại đã vào được chính dòng phát triển của Đạo Nhân Chủ mà trên hai ngàn năm rưỡi trước, đức Phật đã công bố; chỉ con người mới đủ khả năng thành Phật. *Ta là Phật đã thành, Chúng sinh là Phật sẽ thành.* Đừng tin vào những lời kẻ khác nói, hãy tin vào sự thực chứng của mình. *Con người phải tự thấp xuống lên mà đi.* Con người là nguyên nhân của những nghiệp quả do mình tạo.

Đạo Phật chẳng bao giờ nhận giáo lý của mình là chân lý tuyệt đối, mà chỉ đó là phương tiện giúp con người tự tu, tự chứng, tự đạt tới chân lý. Là Chánh Đạo giúp con người tự làm chủ tâm linh mình, thắng hóa tâm linh mình, để sống an nhiên, sống tốt đẹp và làm tốt đẹp cho thế giới mình sống. Sống như vậy con người lập tức thấy mình hồn nhiên sống trong tiến trình giải thoát sinh không rồi đó.

Hiện nay các Thiện tri thức của thế giới đang có khuynh hướng đi tới đạo Phật để tìm những đáp án tâm linh. Vì càng sống trong cuộc sống khoa học kỹ thuật cao, con người càng thấy rằng: có một cuộc sống khác cũng thực như cuộc sống ta đang sống hàng ngày, đó là cuộc sống tâm linh, mà từ xưa tới nay các tôn giáo nhờ đó mới xuất hiện và phát triển. Cho dù chủ nghĩa Duy Vật có mượn tay khoa học để phủ nhận, nhưng đến nay Duy Vật đã bị loại bỏ, còn khoa học thực nghiệm thì mặc nhiên công nhận lãnh vực tâm linh là có, nhưng chưa đủ khả năng giải thích.

Đạo Phật không chỉ là một tôn giáo mà còn là một nền Đạo học có tính cách thực nghiệm của Khoa học nữa. Với người dân bình thường có nhu cầu tín ngưỡng thì Đạo Phật đúng là một tôn giáo có giáo lý, giới luật, đền thờ, tu sĩ, lễ nghi, và do ý nguyện của dân chúng theo đạo của từng nước, từng thời mà các giáo hội được thành lập, nhưng với bản chất hiếu hòa, với giáo lý Từ Bi vô chấp, nên các Giáo Hội Phật Giáo không mua chuộc, không dùng bất cứ thủ đoạn hay áp lực nào để buộc Con Người phải vào Đạo. Và cũng không có đầu óc kỳ thị với bất cứ tôn giáo nào. Bất cứ người của tôn giáo nào muốn tìm hiểu Phật Giáo thì của lúc nào cũng mở rộng, không đòi hỏi họ phải bỏ tôn giáo của họ để vào Đạo Phật.

Mục đích của Đạo Phật là giúp Con Người dùng giáo lý của Phật làm phương tiện, tự bản thân mình phải tu chứng lấy,

để tự giải thoát cho mình. Phật cũng hiểu thật rõ căn cơ của con người không phải ai, trong nhất thời cũng thành Chánh quả được, nên Phật đã đề nghị với con người nhiều Pháp môn để tùy căn cơ của mỗi người mà tu chúng. Sau này những người tu thường chọn theo ba cách: 1) Tịnh Độ Tông, 2) Mật Tông và 3) Thiền Tông.

Đối với đại đa số quần chúng Phật tử thì Đạo Phật làm cho con người nắm vững nguyên lý và tin tưởng vào Luật Nhân Quả. Gieo nhân nào gặt quả đó. Thuyết nhân quả là biện chứng khoa học hiện nay của thời đại, mà lại là sự tin tưởng của những Phật tử thuần thành: "Làm lành cầu Phước". Nhân loại có nhiều người làm lành, lánh ác thì chắc chắn xã hội sẽ tốt, thế giới sẽ hòa, thời đại sẽ tiến, người người an vui hạnh phúc.

Mặt khác, Đạo Phật là một nền Đạo Học giúp cho suy tư của con người tìm vào đó để suy nghiệm, ứng dụng trong việc tự tìm tâm linh mình, thấy được những khả năng tâm linh nhằm thăng hoa tâm linh mình thành Tâm-Linh Tử-bi trí-tuệ để con người tự chủ, tự tin hoan hỷ làm đẹp cuộc đời ●

● Lê Thị Bạch Nga

## lá thư Bắc Mỹ



**N**hận được tờ báo Viên Giác số 100 vào đầu tháng Mười, cầm tờ báo trên tay, lòng cảm thấy bồi hồi.

Bây giờ, tại Canada này trời đã đi vào tiết trọng thu, lá phong vùng Bắc Mỹ dần dần đổi màu và nhuộm đỏ rừng thu để đánh dấu thời gian đẹp nhất và rực rỡ nhất của mùa thu. Thêm nữa tờ báo Viên Giác đặc biệt này giúp tôi cảm thấy mùa thu năm nay thêm mặn mà, có ý nghĩa.

Nhưng mà quý vị có thấy chẳng điều đặc biệt? Xem này tờ báo nặng lắm, dày gấp đôi mấy tờ Viên Giác thường lệ, số trang lên đến 204 lạng và cân đúng 1/2 kg! Chao ôi! lần phát hành này chắc quý thầy, quý bác, quý anh chị bận đó toát mồ hôi hột vì cước phí bưu điện! Chà, không có ngân sách đặc biệt để tặng cho số bưu điện thì làm sao tờ báo nặng 1/2 kg này

mọc cánh bay từ Hannover đến Canada? Quý vị thấy không, tính không đẹp của tôi nó vừa lẫn thẩn mà lại vừa thực tế và phàm phu tục tử như vậy đó cho nên tu hoài chẳng tới. Nhưng thôi, để tránh đôi buổi, tôi cứ thực tình nói lên đôi lời tâm sự về nỗi bồi hồi của mình hầu quý vị nghe chơi cho vui, may ra cũng được một vài trống canh...

Bồi hồi và cảm động, vui mừng và ngạc nhiên! Vì sao mà rắc rối nhiều thế, nhiều nỗi như vậy? Hình bìa tờ báo số 100 này vẫn quen thuộc, hình ngôi Chùa Viên Giác lại quá quen thuộc dù được chụp từ trước, từ phía hông hay từ trên cao chụp xuống. Khổ báo không thay đổi dù có nặng ký hơn. Nhưng nội dung thì đặc biệt, đem lại cho tôi lắm niềm vui.

1. Thứ nhất, niềm vui hội ngộ, nhờ mấy cái hình và tiểu sử các tác giả tôi được gặp mặt các tác giả, các cây viết mà từ lâu đã quen thuộc với tôi qua bài vở, qua bút hiệu, qua các sinh hoạt của Chùa Viên Giác, của Tòa Soạn Báo Viên Giác, qua trí tưởng tượng (thường là rất phong phú để phóng đại của tôi...) thì lần này với tờ báo 100 tôi thấy mãn nguyện và vui mừng, mà chắc quý vị bạn đọc thân mến của tôi cũng hài lòng đã thấy được dung nhan "thu tàn" của mẹ cô bé Nguyễn Gia Lê Thi!

- Ôi! đọc mấy bài viết trong báo Viên Giác của Thầy Thích Như Điển bên Đức gọi về Chùa, tưởng bà còn xí xọn xuân xanh ngò đầu già bện và có con gái lớn dữ thẩn như vậy!?

Đó là lời phê bình của Bác Hồng vừa quen được ở Chùa Quan Âm hôm lên chùa tuần trước, thiệt là dở mếu dở cười.

2. Ngoài Thầy và 2 bác Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu và Diệu Huệ là tôi đã có duyên diện kiến khi Thầy và hai bác về Montréal, còn có anh Phù Vân là tôi đã được hân hạnh thấy hình in sau tập thơ thứ 2 vừa xuất bản mới đây mà anh đã có nhã ý gửi qua tặng cho vợ chồng chúng tôi với lời đề tặng rất thanh nhã, còn có 2 người mà tôi đã được thấy hình rồi là anh Hồ Trường An và Nguyễn Tấn Hưng. Hai anh có nhiều hình in trên báo chí và sách đã xuất bản vì đó là những cây bút nổi tiếng trong thế giới văn chương của hải ngoại trong khoảng gần 10 năm nay.

## HÀNH TRANG THƠ



tuệ  
nga

Mùa xuân cây trở lộc non  
 Hoa An Nhiên nở thơm vườn nhân sinh  
 Con chim én hót trên cành  
 Mừng Xuân An Lạc chúc lành nhân gian  
 Hành Trang Thơ, Ánh Đạo Vàng  
 Gió trời Đao Lợi, ngát trang kính cầu  
 Lời kinh huyền diệu thâm sâu  
 Thấm lòng lữ khách nhiệm màu đạo thiêng  
 Gửi lòng theo ánh trăng thiềm  
 Lắng hồn thế tục, thấy miền trầm hương  
 Nhân sinh mộng ước vô thường  
 A Di Đà Phật nguyện hướng kính thành  
 Hoa Vô Ưu sống long lanh  
 Một trời quán tưởng tươi cành Đa La  
 Nam Mô Bổn Sư Thích Ca  
 Mùa Xuân Đạo Hạnh, an hòa nhân gian.  
 Hành Trang Thơ ... Ánh Đạo Vàng.

Lần này tôi sung sướng được thấy mặt chị Tuệ Nga, Nữ sĩ Vân Nương, chị Thúy Trúc (cùng phu quân) và chị Nhật Hùng... là những cây viết nữ mà tôi rất thích đọc và thắm thía về những bài viết, vần thơ đầy tình người nghĩa đạo của quý vị đó.

Nhân đây tôi cũng xin cảm ơn các bài viết của Thầy, của anh Phù Vân và anh Hồ Trường An. Nhờ 3 bài này mà tôi đã thâm nhập được những nét chính yếu về các cây viết đã cộng tác với báo Viên Giác từ số 1 cho đến số 100.

Tôi tiếc chưa thấy được hình chị Hồng Nhiên và phu quân (người của giới trẻ Gia Đình Phật Tử) ... Tôi độ chừng, nếu tôi ngồi chờ chồng báo cũ ra, cố gắng soạn lọc rồi viết một bài đặc biệt cho số Viên Giác đặc biệt 100 thì cũng không thể nào đầy đủ, chính xác và nhiều thâm tình như bài của Thầy và của 2 anh được cho nên ngoài sự tri ơn với Thầy ra tôi xin đặc biệt cảm ơn 2 anh Phù Vân (Chủ Bút) và Hồ Trường An nhiều, nhiều lắm.

3. Phần đóng góp của Canada, theo Thầy ghi chú gồm có Bác Phạm Thăng, Cụ Bảo Vân và anh Nguyễn Văn Ba là những khuôn mặt nổi tiếng, sáng chói trên văn đàn hải ngoại với nhiều tác phẩm đã xuất bản, tôi nhận thấy có chị Dạ Thảo và anh Nguyễn Minh Khánh là tôi chưa có dịp quen biết dù cùng xứ sở tuy gần mà xa... hy vọng một ngày đẹp trời nào đó chúng ta có dịp gặp nhau nhận bà con dòng họ Viên Giác.

Còn Bạch Nga thì quý vị biết là ai rồi, xin miễn nói, tuy nhiên Ngân Uyển thì tôi hứa với bạn đọc sẽ trình diện "người đẹp" vào một ngày gần đây. Lý do là vì hiện nay đang có vài trục trặc nội bộ, cũng chẳng có gì quan trọng nhưng rất khó giải quyết, chẳng là Ngân Uyển chỉ muốn gởi cho báo Viên Giác một tấm hình của người đẹp cách đây... 20 năm lẻ... Còn bà xã của Ngân Uyển thì quyết định chọn một bức hình chụp vào năm 1999! Lý do ư? Thì quý vị cũng biết rồi, cần gì phải thắc mắc! mà thiệt nếu muốn còn thắc mắc lời thì cứ mời anh Phù Vân, bút hiệu là Tùy Anh ra mà thưa hỏi. Anh là Chủ Bút, trong tay anh có đầy đủ bài vở và tài liệu cũng như hình ảnh và giai thoại đạo đời của những cây bút dưới trướng của mình, Tùy Anh sẽ trả lời ra làm sao thì ra.

Tôi cũng rất mến văn Vũ Nam, nhìn hình thấy anh rất còn trẻ mà viết rất hay, lại còn loạt bài Liêu Trai Chí Dị của anh Giang Phúc Đông Sơn nữa chi. Không ngờ giới trẻ có lắm nhân tài, thật đáng mừng thay.

Nhà thơ Hoài Việt là đồng nghiệp niên trưởng của nhà tôi. Về tuổi tác, nhà tôi thua anh đúng 10 tuổi, còn nói về sự nghiệp viết lách thì đúng là bậc trưởng thượng dù trong y giới. Hy vọng rồi đây chúng tôi sẽ có dịp được hội kiến với anh chị tại Paris vào năm 2000 nhân kỷ Đại Hội Quốc Tế Y Nha Dược Việt Nam Hải Ngoại sắp tới.

Tôi cũng đã đọc một cách say mê, thích thú các loạt bài khảo cứu và dịch thuật của bác Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn và anh Đoàn Văn Thông nói về vấn đề Nghiệp Quả Luân Hồi, Đòi Tiếp Nối Đòi... rất tiếc đến nay tôi vẫn chưa được quen biết và gặp 2 vị.

Ngoài ra, từ 2 năm nay, báo Viên Giác đã có nhiều đóng góp đáng kể, về Đạo cũng như về Đời. Đặc biệt các đệ tử ruột của Thầy cũng bắt đầu viết đem lại cho báo Viên Giác một luồng sinh khí mới lạ và khoáng đạt.

Nhìn lại khoảng đời học Phật của tự bản thân tôi và lịch trình tiến triển của tờ báo Viên Giác mà tôi đã được may mắn hợp tác và góp mặt từ hơn 10 năm nay, tôi có một nhận xét là có rất nhiều người đã đến với tờ báo Viên Giác qua ngõ Chùa Viên Giác (tức là qua ngõ hướng dẫn tâm linh của Thầy trụ trì Thích Như Điển) và sau đó trở thành "Viết sĩ" hoặc "Văn sĩ" hay "thi sĩ" lúc nào chẳng hay. Phải chăng nhờ đã đọc các bài của Thầy viết mà ai cũng nhận xét là rất chính xác, rõ ràng, thành thật và thâm tình... hay phải chăng nhờ sự khuyến khích, kêu gọi của Thầy giúp cho mỗi người hợp tác với tờ báo có thêm niềm vui, sự hăng hái, và lòng cố gắng làm sao có bài gởi về Tòa Soạn để hợp mặt vào mỗi kỳ báo v.v... Nếu như mà ý kiến nhận xét này không đúng lắm cho quý vị thì ít nhất cũng đúng cho tôi.

Còn các cây bút đã nổi tiếng, đã thành danh trên trường văn học hải ngoại từ lâu, thì nay tuổi đời đã cao, quý vị đó có khuynh hướng quay về với đời sống tâm linh, cho nên, do thuận duyên, các quý văn hữu đó về góp mặt với tờ báo Viên Giác là lẽ tự nhiên. Điều đó đã đem lại cho tờ Viên Giác một giá trị về văn học đáng kể. Có lẽ nhờ cái đức của Thầy mà Viên Giác được cái duyên may quy tụ rất nhiều cây bút có tên tuổi sáng chói từ lâu, không những ở Âu Châu mà ở 10 nước trên thế giới gọi chung chung là Văn Đàn Việt Nam Hải Ngoại (nếu kể tên ra đây thì quá nhiều và quý bạn đọc đều đã biết hết rồi cho nên tôi xin mạn phép gián lược bớt).

Riêng tôi nhờ số báo Viên Giác 100 này mà tôi tìm ra được cố nhân. Đó là Bác Lam Sơn Phan Hưng Nhơn, trước ở Đà Nẵng. Khi bác 30 tuổi làm chủ tiệm sách Lam Sơn ở đường Độc Lập thì tôi là một cô bé 10 tuổi bắt đầu xây mộng văn chương thơ phú vừa bước chân vào ngưỡng cửa Trung Học. Ba mẹ tôi có quen với 2 bác, nhà thì ở gần tiệm sách, tôi lui tới tiệm sách hơi nhiều, cho nên tôi biết bác, nhưng bác chắc không nhớ đến tôi. Tôi có khoe với mẹ là đã thấy lại, gặp lại bác Lam Sơn rồi sau bao nhiêu năm cách biệt, mẹ tôi gởi lời kính thăm bác và gia đình.

Đối với tôi, vào mùa thu năm nay, tôi nhận được tờ báo Viên Giác 100 như nhận được một bouquet quà tặng, đóa hoa văn hóa này quả là một quà tặng tuyệt đẹp, đóa hoa Đạo Đời này được thu nhặt từ bốn phương trời để góp lại thành một kỷ niệm quý giá, đánh dấu một chặng đường ý nghĩa cho quý Thầy, quý Chùa và cho tất cả chúng ta.

Tôi hy vọng những dòng chữ tâm tình viết lên hôm nay trong lá thư gởi từ xứ Bắc Mỹ xa xôi này sẽ đem lại cho quý vị bạn đọc thân mến một niềm vui cũng như một niềm tin cho những ai gặp rất nhiều chướng ngại trắc trở trên cõi đời khổ não này, nhưng lại có duyên may học Phật, được ơn Tam Bảo, biết giáo lý và biết thương quý tờ báo đạo đang có trên tay thì quả nhiên mục tiêu Đạo và Đời của Báo Viên Giác đến đây đã hoàn mãn được một phần lớn rồi vậy.

Trong Lá Thư Bắc Mỹ kỳ này tôi nhận thấy còn rất nhiều quý vị mà tôi phải nhắc đến nhưng mà vì lý do này nọ đã chưa viết đến được. Xin thành thật sám hối nếu có điều gì sơ suất, và xin hẹn một lần khác ví dụ Bác Quang Kính và anh Sanh chị Nga v.v... và v.v...

Tôi xin tạm ngừng bút nơi đây và không quên ngỏ lời tri ơn Thầy, vị Chủ Bút cùng tất cả các quý vị đã âm thầm làm việc trong bóng tối để giúp cho tờ báo Viên Giác ra đời.





# MỘT TÌNH YÊU LỚN

● DIỆU HƯƠNG

**O** Nga hiện nay có năm hội đoàn khác nhau của người Việt: Hội Văn Học Nghệ Thuật, Hội Khoa Học và Kỹ Thuật, Hội Việt kiều Nga, Hội Doanh Nghiệp tại Nga và Hội Phật Giáo Tháo Đường. Tất cả các hội trên không hiểu do nhân duyên gì, đều được hình thành từ năm 1993. Nhưng từ Hội Phật Giáo ngày càng phát triển, ngày càng có nhiều sinh hoạt trong cộng đồng và được nhiều người biết đến, các hội khác tuy có những cái tên rất kêu, tuy đều được Sứ quán "ủng hộ" nhưng cứ tự nó chìm dần, chìm dần vào quá khứ. Thực ra một số hội cũng có tiếng nói hẳn hoi, như Hội Văn Học Nghệ Thuật có ra tờ tạp chí "Người Bạn Đường", Hội Khoa Học và Kỹ Thuật có ra tờ báo hàng tuần "Khoa Học và Cộng Đồng", nhưng vì không có người làm, không có thời gian để tâm sức cho việc làm báo nên cả hai tờ phát hành theo kiểu "vỡ kế hoạch", nghĩa là không ai biết trước khi nào có báo, cũng không ai biết báo còn sống hay đã mất tích rồi. Trong hơn bốn năm qua tờ "Người Bạn Đường" mới ra được đến số 9, còn tờ "Khoa Học và Cộng Đồng" ra được đến số 70, Hội Các Nhà Doanh Nghiệp thì mỗi năm "ngáp" lên một buổi họp mặt, cho người ta biết mình vẫn còn chưa thành "Hội" thiên cổ, thế mà mỗi hội viên cũng bị đóng góp mỗi năm 700 Mỹ kim lệ phí. Một nhà doanh nghiệp đùa rằng: 700 Mỹ kim để mua một bữa ăn thì đắt quá, hơn cả khách sạn 5 sao! Phần lớn người Việt đều cho rằng các Hội này được thành lập không phải để nâng cao hiểu biết chuyên môn cho những người trong ngành, cũng không phải để bảo vệ nhau khi hoạn nạn, nó chỉ có một mục đích duy nhất là tăng thêm tiếng tăm và chúc tụng cho một số người nào đó.

Nhưng hôm nay tôi không muốn đặt các Hội đó lên cân mà so đo, tôi chỉ vẽ nên một cái nền cho một chủ đề hoàn toàn khác: Khía cạnh con người trong việc thịnh suy, phát triển của một Hội đoàn, của một tập thể con người, và cụ thể hơn

là vẽ nên bức chân dung của một người mà tôi vô cùng khâm phục, người đứng đầu Hội Phật Giáo của người Việt ở Nga. Đó là Inna Anatolievna Malkhanova. Vâng bà là một người Nga, nhưng mang một tâm hồn rất Việt Nam, một lòng thương rộng vô bờ bến.

Trong những năm ở nước Nga, tôi có cơ hội theo dõi và chiêm nghiệm một điều, phần lớn các công ty thành công ở đây đều nhờ vào ông chủ của nó. Có lẽ bạn sẽ nghĩ đến khía cạnh "số phận" phải không? chuyện đó cũng đúng, nhưng chỉ một phần thôi, cái điểm "nổi" nhất trong nghệ thuật thành công của người Việt ở đây còn ở một điểm nữa: cái "gan". Ông cha ta đã nói: "có chí làm quan, có gan làm giàu", hay như người Nga nói: "nếu lòng người vô cùng mong muốn, thì Trời cũng chiều theo". Trong danh vọng cái mấu chốt là "chí", trong kinh doanh đó là cái "gan", còn trong đời sống nói chung tôi xin mạo muội gọi đó là "một tình yêu lớn". Các "Hội", lớn nhỏ của người Việt đã tàn lụi dần chính bởi vì đã không có ai dành cho nó được một "tình yêu lớn", còn Hội Phật Giáo khởi sự với hai bàn tay trắng, với hai ông bà đã đến tuổi về hưu và mấy sinh viên mà theo lời mô tả của một cháu bé: "thì sao mà gầy gầy, buồn buồn, và xanh xao", thế mà giờ đây Hội đã có thể thuê được một căn hộ ba phòng làm Niệm Phật Đường, là nơi các Phật tử có thể đến lễ Phật và nghiên cứu kinh sách hàng ngày. Điều đặn mỗi tháng hai lần Hội tổ chức các nghi thức Phật Giáo vào ngày rằm, mùng một. Đó là chưa kể những kỳ Thọ Bát Quan Trai hàng tháng trong 24 giờ cho các Phật tử. Các lễ Phật Đản, Vu Lan, và cả Trung Thu, Tết Nguyên Đán đã từ 4 năm nay trở thành một sinh hoạt văn hóa vui vẻ và long trọng không thể thiếu được trong đời sống của cộng đồng người Việt. Dần dần người ta đã hiểu được, bên cạnh việc kiếm sống, làm giàu cho đời sống vật chất, con người còn cần làm giàu cho đời sống tâm linh của mình. Nhìn những kết quả của Hội, có lẽ ai cũng mong muốn mình làm được một việc gì thành công

tương tự, nhưng nếu nhìn được những gian nan, khó nhọc, những hy sinh, lo lắng của bà Inna, hay Thiện Xuân, thì có lẽ chẳng phải ai cũng dám chấp nhận một tình yêu cho công việc như thế.

Tôi biết bà Inna (mà từ đây tôi muốn được gọi bà một cách thân thiết hơn là Cô Inna) đã gần mười năm. Cô dạy tiếng Việt ở khoa tiếng Trung Quốc - Miến Điện - Việt Nam trường quan hệ quốc tế Moscow, nơi tôi sang học Đại Học. Mặc dù cùng trong một trường Đại Học, tôi và Cô cũng không có nhiều cơ hội tiếp xúc gần gũi. Nhưng từ hồi đó sinh viên chúng tôi đã hết sức yêu quý Cô, và đặt cho Cô cái tên "Bà Việt Nam", "bà" ở đây không phải là một đại từ nhân xưng để gọi người lớn tuổi mà là một "NGƯỜI BÀ, như bà nội, bà ngoại, hết sức gần gũi và thân quen. Hầu như người Nga nào nghiên cứu về Việt Nam (ở Nga gọi là nhà Việt Nam học), cũng mang một nét, một tính cách nào đó rất Việt Nam. Có người vô cùng ý tứ, duyên dáng như một cô Nữ sinh Trưng Vương, có người lại vô cùng "khôn" theo kiểu ranh mãnh (người Nga gọi là khôn kiểu phương Đông), cũng có người lại hay sợ mất lòng... còn ở Cô Inna các tính cách đó hết sức Việt Nam: giản dị, đôn hậu, hy sinh, và táo tợn hết như các bà nội hay bà ngoại chăm lo cho gia đình, con cháu.

Rất lâu sau này tôi mới có dịp được biết về Cô, thế giới của Cô quá ư phong phú và giàu có, tôi không thể hình dung được bằng cách nào Cô đã sáng tạo nên ngần ấy công trình khác nhau. Đó chỉ có thể là một tình yêu lớn, trọn vẹn Cô dành cho mỗi việc phải làm.

Nếu sau này có ai hỏi tôi, nhà Việt Nam học nào lớn nhất ở Nga, đã dành cả tình yêu của mình cho Việt Nam, tôi sẽ không ngần ngại trả lời: Cô Inna.

Tại sao ư? Tôi xin kể về điều đó.

## TIỂU SỬ, SỰ NGHIỆP

Không phải Cô sinh ra đã gắn bó với Việt Nam, cũng không phải Cô thuộc một gia đình có truyền thống nghiên cứu về phương Đông như nhiều nhà Việt Nam học khác. Cô đến với Việt Nam hết sức tự nhiên, như số phận đã an bài.

Cô sinh ngày 6 tháng 7 năm 1939. Năm 1957 Cô thi vào khoa địa lý trường Đại Học Tổng Hợp Lomonosov. Cũng như tất cả mọi sinh viên khác, Cô phải chọn một nước làm đề tài nghiên cứu viết luận án tốt nghiệp. Chỉ có điều thay vì chọn các nước Châu Âu có nhiều tài liệu nghiên cứu, vừa dễ vừa có cơ hội được



sang các nước đó thực tập, Cô lại chọn một nước thật xa lạ là Việt Nam. Cũng chính nhờ Cô là sinh viên duy nhất và đầu tiên nghiên cứu về địa lý Việt Nam, nên năm 61-62 Cô được sang Việt Nam lấy tài liệu. Đó là lần đầu tiên Cô làm quen với tiếng Việt, với đất nước Việt Nam. Gần một năm đi lấy tài liệu tại các tỉnh khác nhau ở Việt Nam, Cô đã hoàn thành hàng chục tấm bản đồ hết sức cặn kẽ về phân bố cây trồng nông nghiệp, gia súc, lúa, qua sản lượng trong nhiều năm ở miền Bắc. Những tấm bản đồ này đã là giáo khoa về địa lý Việt Nam cho các sinh viên nghiên cứu về kinh tế Miền Bắc Việt Nam hồi đó.

Điều thú vị là ngay từ dạo đó, với một cái nhìn từ phía ngoài, Cô đã viết luận án Phó Tiến Sĩ về kinh tế địa lý Việt Nam với một góc độ hết sức khách quan, phê phán cách "cưỡng ép" nông dân vào các Hợp Tác Xã Nông Nghiệp, phân tích những thiệt hại to lớn do Cải Cách Ruộng Đất gây ra đối với nông thôn. Những đánh giá của Cô thật quá nên đã không được chính phủ Liên Xô hồi đó chấp nhận. Năm 1970 Cô phải bảo vệ luận án một cách bí mật, và bản lưu luận án cũng phải cất giữ tại kho lưu trữ sách bí mật thuộc Thủ viện Quốc gia lớn nhất Liên Xô mang tên Lenin. Sau này có nhiều người khuyên Cô nên sửa lại bản luận án cho phù hợp với "đường lối hữu nghị" hơn, như thế sách của Cô sẽ được in và phát hành rộng rãi, Cô chắc chắn sẽ thành một chuyên gia nổi tiếng về Việt Nam. Nhưng Cô chỉ cười, cứ để những hạt bụi của thời gian phủ trên cuốn sách, sẽ đến một khi nào đó người ta sẽ lau chúng và trân trọng đặt lên bàn mà chiêm ngưỡng sự thật, còn Cô không thể sửa conngoi bút của mình.

Sau khi bảo vệ xong luận án, Cô bắt đầu chuyển sang nghiên cứu một lĩnh vực khác, tuy không liên quan gì tới địa lý là chuyên ngành của Cô, nhưng vẫn là Việt Nam: ngôn ngữ. Trong suốt 16 năm, từ 1971 đến 1986 giảng dạy tiếng Việt ở khoa lịch sử các nước Á-Phi thuộc trường Đại Học Tổng Hợp Lomonosov, và sau này ở trường quan hệ quốc tế, Cô đã biên soạn hơn 30 đề tài khác nhau về kinh tế địa lý Việt Nam, hàng chục cuốn sách giáo khoa và từ điển quan trọng cho sinh viên. Những công trình lớn nhất của Cô là:

- Nghiên cứu về tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển nông nghiệp Việt Nam

- Bộ từ điển Nga-Việt đồ sộ hai tập với tổng số 1352 trang

- Từ điển kinh tế chính trị Nga-Việt

- Từ điển thuật ngữ thể thao Nga-Việt
- Giáo trình dạy phát âm tiếng Việt
- Giáo trình dạy viết các thủ từ thường mại bằng tiếng Việt
- Hội thoại Nga-Việt
- Tuyển tập Văn Học Việt Nam cho sinh viên các năm cuối
- Giới thiệu truyện Kiều
- .....

đó là chưa kể rất nhiều chuyện ngắn và thơ được Cô chuyển dịch từ tiếng Việt sang tiếng Nga và được đăng đều đặn trên các tạp chí lớn của Liên Xô trong nhiều năm.

Nhìn những cuốn sách của Cô đã được xuất bản xếp đầy mặt bàn, tôi lặng người đi rất lâu, bởi vì tôi đã học được một điều: bài học của tình yêu lớn. Tôi biết Cô hết sức gần gũi đã hơn ba năm rồi. Tôi biết Cô là người vô cùng tốt bụng, tôi biết cô dành nhiều tâm sức để cứu chó mèo hoang, tôi biết cô dành toàn bộ sự lo lắng cho Hội Phật Giáo Thảo Đường. Nhưng chưa bao giờ tôi biết Cô là một nhà khoa học hết sức nghiêm túc và sâu sắc. Cô đã là một tấm gương cho tôi học hạnh từ bị, nhưng điều lớn nhất ở Cô là sự quen mình, quên đi cái "tôi", thì hôm nay tôi mới biết được.

Tôi đùa: "Cô ơi, làm cách nào Cô kéo dài ngày thành 26 giờ mà làm được nhiều việc thế!"

Chú Nguyễn Minh Cần, chồng Cô, thì nói vui: "Cô "điên" lắm, không bao giờ nghỉ ngơi hết, không bao giờ có nghỉ hè, không bao giờ có nghỉ cuối tuần, suốt ngày liên miên bên các loại sách khác nhau, khi thì viết sách, khi thì tự nghiên cứu về ngành y, kiến trúc, vẽ tranh..."

Đúng thật là Cô "điên", không chịu lùi nhác giống mọi người, không thích kiếm tiền như mọi người, cũng không thích tiếng tăm nổi như chuông như tất cả mọi người khác ở Liên Xô hồi đó!

Cũng may mà Cô lại "điên" như thế, nếu không sinh viên không có sách để học, còn tôi không có từ điển để viết những dòng này cho các bạn!

Tôi ước mong phác nên được chân dung về Cô chân thực như nó có. Nhưng có lẽ tôi không thể thành công, bởi Cô là một tình yêu lớn quá, tôi không thể nắm bắt hết được.

### ĐI TÌM NGÔI NHÀ TÂM LINH

Trong nhiều năm Cô đã dành trọn thời gian cho nghiên cứu. Nhưng công việc dù nhiều bao nhiêu cũng không thể lấp đầy những khoảng trống trong tâm hồn Cô. Cô

vẫn thiếu một chỗ dựa, một chỗ dựa về tâm linh.

Bố cô là một sĩ quan quân đội. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, gia đình Cô sống nhiều năm trong nỗi sợ hãi các cuộc khủng bố của Stalin. Nỗi sợ, đó là bản chất của mọi người sống trong chế độ độc tài. Cùng với nỗi sợ là một sự trống rỗng: trống rỗng về tâm linh, trống rỗng về niềm tin, trống rỗng những hiểu biết về con người và cuộc đời. Nếu ai không biết biến thành một cái máy chỉ biết nghe lệnh thì sẽ thường xuyên cảm thấy một khoảng trống, một nỗi băn khoăn ám ảnh

Trong nhiều năm Cô đã cố gắng đi tìm tài liệu để nghiên cứu về các tôn giáo khác nhau. Nhưng trong thời Liên Xô còn hừng thịnh, những sách báo này hầu như không có. Mãi tới năm 1989 mới có những cuốn sách đầu tiên về Đạo Phật, Đạo Thiên Chúa. Cổ kể, Cô đã đọc như "điên", tất cả sách báo bằng tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Việt về tôn giáo. Cho đến nay nhiều người vẫn nghĩ rằng Cô yêu thích đạo Phật vì chồng Cô là người Việt. Nhưng thật ra không phải vậy. Chính Cô mới là chiếc kim đi trước kéo theo sợi chỉ là Chú theo sau.

Suốt 4 năm, từ 89 đến 93, Cô đã đi dự hầu hết các cuộc giảng đạo của các nhóm tôn giáo thuộc nhiều trường phái khác nhau, từ Tin Lành, Chính Thống Giáo đến đạo Phật. Cô cảm thấy bị cuốn hút vào những giáo lý hết sức sâu sắc và vi diệu của đạo Phật. Nhưng ở nước Nga đạo Phật phát triển rất kém. Phật giáo truyền thống ở Nga là Lạt Ma giáo chỉ bắt đầu xuất hiện ở Nga từ thế kỷ 16 khi các dân tộc vùng Sibiria được sát nhập vào Nga, nhưng cũng như tất cả các tôn giáo khác, Phật giáo cũng bị đàn áp và tiêu diệt trong những năm cộng sản nắm quyền ở Nga.

Chặng đường đi tìm về ngôi nhà tâm linh của Cô không đơn giản chút nào. Mất tới bốn năm trời tham gia các nhóm Phật giáo khác nhau từ nhóm của Thầy Sri Chinmoy, người Ấn Độ tới nhóm của Thầy Terasava người Nhật, cuối cùng Cô mới tìm được con đường phù hợp với mình - Con đường của Phật Giáo Việt Nam.

Cuộc gặp gỡ với các vị lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo Việt Nam tại Moscow tháng 4 năm 1993 đã là một cái mốc hết sức quan trọng đối với Cô và việc phát triển đạo Phật ở nước Nga. Bắt đầu từ việc đi tìm cho mình một chỗ dựa, Cô đã thấy việc cần thiết phải thành lập một nhóm nghiên cứu Phật Pháp, hay một Trung Tâm Phật Giáo cho mọi người cùng được hiểu. Ý định của Cô được các Thầy Minh

Tâm, Minh Tuyên, Chánh Lạc, ba vị Thầy sang dự cuộc hội thảo về nhân quyền tại Việt Nam tháng 4 năm 1993 ở Moscow, hết sức ủng hộ. Thế là bắt đầu việc chuẩn bị để thành lập Hội Phật Giáo Thào Đường.

Nếu không phải là Cô, nếu không phải là một tình yêu lớn như thế thì đã không thể nào có Hội Phật Giáo Thào Đường ngày hôm nay. Phật tử nào ở Nga cũng đều hiểu như vậy. Bởi những bước đầu thành lập Hội Thào Đường quá chông gai và vất vả. Cô, Chú đã viết hàng trăm bản thông báo, đi hầu hết các nơi có người Việt sinh sống, học tập rải rác khắp thành phố Moscow rộng lớn để dán, mời mọi người đến dự Lễ Phật Đản năm 1993 do Thầy Teresava tổ chức. Đó cũng là nơi các Phật tử Việt Nam đầu tiên đến ghi tên vào bản danh sách tham gia Trung Tâm Phật Giáo Việt Nam mà Cô đeo trước ngực.

Suốt sáu tháng sau đó, các Phật tử đã họp nhau lại bàn cách tổ chức, xây dựng Hội. Nhưng không ai biết làm gì khác ngoài việc bàn... Lại là Cô đi khắp các cơ quan chính quyền hỏi thủ tục thành lập Hội, lại là Cô đi khắp mọi cấp để giải thích thuyết phục các ông bà "nhà nước bảo thủ", xin đăng ký cho Hội. Cuối cùng, tháng 4 năm 1995 Cô cũng đã thắng mấy "cái đầu bướng bỉnh" trên phòng đăng ký, và hoàn thành thủ tục đăng ký cho Hội. Cô đùa: "Nhưng dù sao tôi cũng phải chịu thiệt thòi, bỏ đi hai chữ trong bản điều lệ của Hội: đó là Thiên và Hòa Bình". Ngày đó do ảnh hưởng không tốt của giáo phái Aum Shinri Kyo của Nhật, người Nga bị "dị ứng" với từ Thiên, nên không thích để chữ này trong điều lệ của Hội. Họ không thích từ "Hoà bình", vì sợ Hội có những hoạt động chống chiến tranh ở Chechnia.

Tháng 1 năm 1994, Cô và Chú đành tạm dừng sang Đức để có điều kiện xin quy y Tam Bảo. Khi trở về, Cô lúc này đã có pháp danh Thiện Xuân và Chú - Thiện Mẫn, đã quyết tâm bắt tay vào việc chứ không thể dừng lại ở những cuộc họp liên miên không có đoạn cuối. Buổi lễ đầu tiên dự định tiến hành vào ngày 17 tháng 3 tức ngày vía Đức Phật xuất gia đi tìm Đạo. Nhưng đúng là "vạn sự khởi đầu nan", ngay buổi lễ đầu tiên đã có bao khó khăn và không thành. Nguyên nhân rất đơn giản: Sứ quán Việt Nam phá quấy!

Hội đã đi thông báo cho bà con đến dự, nhưng đêm hôm trước nói hứa cho thuê chỗ lại từ chối không cho thuê nữa vì bị Sứ quán dọa. Thế là buổi lễ đầu tiên

biến thành ngày đi xin lỗi bà con đến dự huyệt.

Cô được một bài học đầu tiên: Không bao giờ tổ chức trong các "ốp" của người Việt (ốp là từ viết tắt của từ "Ký túc xá" trong tiếng Nga và để chỉ nơi người Việt Nam tập trung sinh sống). Cô lại đi khắp các Câu Lạc Bộ, các Trường Phổ Thông trong vùng để thuyết phục họ cho thuê chỗ. Vấn đề còn phải càng rẻ càng tốt vì Hội chưa có quỹ. Hơn một tháng sau Cô cũng tìm được một nơi như ý. Thế là từ đó đều đặn mỗi tháng hai lần bà con Phật tử có nơi đến làm lễ Phật, vào các ngày lễ lớn có các Thầy sang giảng pháp...

Kể về những khó khăn ngày đó thì còn dài lắm. Nhưng tôi muốn kể về một điều thú vị hơn, về ước mơ xây dựng chùa của Cô. Tháng 9 năm 96 Cô sang chùa Viên Giác, suốt cả thời gian ở đây và đi tham quan các chùa khác, Cô đã chăm chú ghi nhớ tất cả mọi góc ngách ở đây, để: "nếu mình có khả năng xây chùa tôi sẽ biết ngay phải xây như thế nào". Và Cô đã sống trong "chùa" của Cô từ dạo ấy. Cô đã thiết kế và làm xong tới ba "ngôi chùa"

bằng giấy với đầy đủ các phòng, tháp, Phật điện, Thư viện...

Giờ đây toàn bộ tâm trí của Cô hướng về việc xây chùa. Cô đi tìm hiểu tất cả luật về xin đất, đăng ký xây dựng chùa, trả thuê đất đai... cũng như không bỏ sót một cuộc triển lãm, chương trình giới thiệu nào về vật liệu xây dựng. Cô đùa: "càng ngày kinh nghiệm xây chùa của tôi càng khá hơn, mái của tôi giờ đã chịu được các trận mưa tuyết mùa Đông của nước Nga, chùa của tôi vừa rất Việt Nam vừa chịu được điều kiện khắc nghiệt của mùa Đông nước Nga". Đây là Cô đang nói về các mô hình "chùa" bằng giấy do Cô tự thiết kế và thực hiện.

Từ những ngôi chùa trong mong ước đến ngôi chùa bằng hiện thực còn rất nhiều chông gai. Nhưng tôi biết, tình yêu lớn của Cô sẽ không chùn bước. Và tôi cũng như ngày nào làm sợi chỉ nép mình bên Cô cùng các Phật tử ở đây cố hoàn thành một ước mơ lớn của tất cả mọi người: **Xây một ngôi chùa Việt Nam giữa Moscow này** ■

## TÌM ĐẠO

Nắng mưa là bệnh của trời  
Khổ đau là bệnh của người trần gian  
Ta nay chẳng quản gian nan  
Tìm lên núi biếc kiếm hoàn thuốc hay  
Gặp người lừng thừng chân mây  
Nhìn hoa gọi gió đùa mây chẳng sầu

Hỏi rằng: "Người sẽ về đâu?"  
Lời rằng: "Ta lại qua cầu thế gian  
Còn người! Nhọc bước quan san!  
Nào đâu thuốc thánh, nào hoàn thuốc tiên?!"  
Thôi về tỉnh giấc sầu miên  
Mở tròn mắt thấy thiên nhiên đổi màu

Núi xanh xưa cũng núi này  
Sông xanh xưa, cũng đây này sông xanh

Từ đó ta về không tiếng nói  
Lẩn trong sông núi tiếng ai cười

Montréal - Brossard  
Lê Thị Bạch Nga

## PHÂN ĐỊNH THẾ GIẠN

Trang họa bài "Tìm Đạo" của Lê Thị Bạch Nga

Tử sanh định mệnh do trời  
Ưu phiền khắc phục lưu đời thế gian  
Lưu đời cũng lắm gian nan  
Sống gần con cháu lạm bàn điều hay  
Ngày ngày ngắm cảnh trời mây  
Thuởng trông vịnh nguyệt giải khuây tiêu sầu

Hỏi rằng: sao chẳng đi đâu  
Ngồi nhà phân định bầu trời nhân gian!  
Lòng người sâu rộng cao sang  
Dở hay khó lường dấu hàng thánh tiên  
Quê nhà tai biến liên miên  
Mai kia khởi sắc địa thiên thay màu

Sống còn hy vọng xưa sau  
Vẫn non xanh cũ, sắc màu non xanh

Ta gắm đời, biển dâu biển đổi  
Giờ phút chờ... đợi lẽ huyền vi.

Trình Chung

Sư Bà **Diệu Không** là **Bốn Sư** của chúng tôi vừa mới viên tịch ngày 23.9 Đinh Sửu (tức 24.10.1997) tại Huế. Chúng tôi không có duyên về hầu tang, hầu lễ nhập tháp của Sư Bà, lòng đau xót vô cùng. Ở nơi hải ngoại xa xôi chỉ hướng vọng về thành tâm đánh lễ bái biệt Giác Linh của Sư Bà và cầu nguyện Giác Linh Sư Bà cao đăng Phật quốc, nguyện Giác Linh Sư Bà từ bi chứng giám

Đệ tử thành tâm cẩn bái,  
Mùa Thu xú Đức 1997

■ T.N. Nhữ Viên

**S**ư Bà Thích Nữ **Diệu Không**, thế danh là Hồ Thị Hạnh, sinh năm Bình Ngọ (1906). Quê quán làng An Truyền, xã Phú An, huyện Hương Phú, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Sư Bà là thú nữ của Cụ Quận Công Khánh Mỹ Hồ Đắc Trung và Cụ Bà Châu Thị Lương. Hai Cụ song thân thuộc gia đình có truyền thống đời đời tin kính Tam Bảo.

Thiếu thời theo Nho học. Lớn lên theo Tây học. Bẩm tính rất thông minh hoạt bát nên được sự thương yêu trìu mến của thân phụ và thân mẫu.

Vốn có nhân duyên với Phật Pháp lại được sự giáo dục truyền thống của gia đình, nên vào năm 23 tuổi Sư Bà muốn xuất thế cầu đạo giải thoát. Được thân mẫu tùy thuận. Sư Bà quy y với Hòa Thượng Tâm Tuyền tại chùa Báo Quốc - Huế, được Bốn Sư đặt cho pháp danh là Trùng Hào.

Sau đó, Hòa Thượng Tâm Tuyền viên tịch. Sư Bà xin đầu sư với Hòa Thượng Giác Tiên tại chùa Trúc Lâm - Huế, được Hòa Thượng thọ ký cho pháp danh là Diệu Không. Lúc ấy, Sư Bà mới thọ Thập Thiện Giới chưa thể phát xuất gia, còn trong hình thức cư sĩ hộ đạo.

Bẩm chất thông minh lại thêm ý chí cầu học, nên Sư Bà thọ giáo với Hòa Thượng Thập Tháp - một vị Cao Tăng thời bấy giờ. Các vị Cao Tăng cùng học lớp đại học với Sư Bà thời đó là các vị Hòa Thượng, Thượng Tọa ở cấp lãnh đạo Giáo Hội ngày nay như Hòa Thượng Mật Nguyễn (đã viên tịch), Hòa Thượng Trí Thủ (đã viên tịch), Hòa Thượng Mật Thế (đã viên tịch), Hòa Thượng Mật Khế (đã viên tịch), Hòa Thượng Mật Hiến (đã viên tịch), Hòa Thượng Đôn Hậu, v.v...

## Tiểu Sử Sư Bà THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG

Trong thời gian này, Sư Bà được học qua các bộ Kinh - Luận Đại Thừa Phật Giáo. Sư Bà vừa học vừa dạy kinh điển bằng Hán Văn cho Ni chúng lúc bấy giờ như Sư Bà Thề Yên, Sư Bà Diệu Viên, Sư Bà Đàm Vy và một số nữ Phật tử như bà Cụ Thực v.v... tiếp đến Sư Bà tiếp tục dạy các vị khác như Sư Bà Viên Minh, Đàm Minh, Diệu Trí, Ni Sư Diệu Tấn và nhiều vị học Ni lớp này tiếp lớp khác, mà ngày nay có nhiều vị đang trụ trì các Ni Viện khắp nơi trong nước.

Năm 1933, Sư Bà thành lập Ni Viện ở Tổ đình Từ Đàm.

Vào năm 1937, với hình thức Cư Sĩ, nhúng Sư Bà đã tích cực hoạt động ủng hộ cho các trường Phật Giáo đào tạo tăng tài như trường Đại học Tây Thiên, Trung học Tường Vân, Tiểu học Báo Quốc và Tiểu học Ni chúng đầu tiên tại Từ Đàm. Đồng thời Sư Bà còn giữ chức vụ Quản lý Tòa soạn Báo Viên Âm - cơ quan truyền bá Phật Giáo tại Trung Phần lúc bấy giờ.

Năm 1938, Chùa Từ Đàm phải nhường lại cho Phật Giáo Trung Phần làm trụ sở nên Sư Bà mua đất làm nhà ở cho Ni chúng ở khuôn viên chùa Diệu Đức.

Đến năm 1939, Sư Bà hợp tác với Sư Bà Diệu Tịnh mở trường Gia Giáo tức chùa Bà Bà Sạn ở Cái Tàu Hạ thuộc tỉnh Sa Đéc. Sư Bà thỉnh Hòa Thượng Trúc Lâm vào làm Giáo Thọ Sư cho Ni chúng trong 3 tháng. Sau 3 tháng, Sư Bà Diệu Tịnh dời Ni trường về chùa Vạn An tiếp tục học 9 tháng nữa. Hòa Thượng Trúc Lâm hoan hỷ ở lại dạy cho Ni chúng xong khóa học mới trở lại Huế.

Đồng trong thời gian này, Sư Bà đứng ra xây cất chùa Diệu Đức và thỉnh Sư Cụ Thích Nữ Diệu Hương từ chùa Từ Đàm về làm Giám Đốc lãnh đạo Ni chúng tại đây. Ni chúng học xong một năm tại Sa Đéc trở về Huế thì chùa Diệu Đức đã hoàn thành vào năm 1940.

Năm 1941, Sư Bà cộng tác với các vị Thượng Tọa, như Thượng Tọa Tố Liên, Thượng Tọa Trí Hải, lập Ni trường Tiểu học Bồ Đề Gia Lâm tại Hà Nội. Ni trường đang phát triển tốt đẹp thì chiến tranh bộc phát, nên các vị Giáo Thọ Ni phải trở về Huế.

Năm 1944, quý Hòa Thượng Thuyền Tôn, Tường Vân, Quốc Ân mở Đại giới đàn tại Tổ đình Thuyền Tôn - Quý Hòa Thượng cho Sư Bà thọ Tam Đàn Cụ Túc Giới - Từ

ấy Sư Bà chính thức đứng vào hàng ngũ xuất gia.

Năm 1945, Sư Bà cùng Sư Bà Thế Yên an cư tại chùa Châu Ê (tức chùa Khai Ân), mùa an cư đầu tiên trong cuộc đời xuất gia của Sư Bà.

Năm 1946, Sư Bà về Diệu Đức và xây cất nhà hậu để Ni chúng có nơi an cư nhập hạ. Cùng năm này Sư Bà thỉnh Hòa Thượng Thuyền Tôn chọn đất để xây cất chùa Hồng Ân. Đến năm 1951, chùa Hồng Ân hoàn thành, Sư Bà đã về đây trông coi và dạy dỗ Ni chúng, đồng thời dạy học cho Ni chúng ở Ni Viện Diệu Đức.

Năm 1953, Sư Bà về trụ trì tại chùa Diệu Hỷ và quản lý nhà in Liên Hoa (tờ báo của Giáo Hội lúc bấy giờ) đồng thời giảng dạy giáo lý cho Phật tử tại chùa Diệu Đế.

Sau đó, tiếp tục hoạt động cho Ni Bộ, Sư Bà vào Sài Gòn cộng tác với bà Nguyễn Hữu Pha tức Diệu Huấn mở Ni trường Dược Sư và mời Giáo Thọ Ni từ lục tỉnh lên làm Giám viện.

Năm 1952, đáp ứng yêu cầu của chư tôn Hòa Thượng là phải mở Ni trường gần chùa Ấn Quang (trụ sở Giáo Hội Tăng Già lúc bấy giờ), nên Sư Bà hợp tác cùng quý Sư Bà vận động xây cất chùa Từ Nghiêm. Chùa Từ Nghiêm hoàn thành, cùng lúc ấy Sư Bà cùng quý Sư Bà khắp nơi thành lập Ni Bộ Việt Nam đầu tiên trong hệ thống Ni chúng của Phật Giáo Việt Nam.

Năm 1956, Sư Bà vào Nha Trang cùng quý Hòa Thượng mở Giới Đàn cho Ni chúng thọ giới.

Năm 1960, Sư Bà tổ chức một lớp học ngắn hạn cho Ni chúng tại Quý Nhơn và mời Thượng Tọa Huyền Quang giảng dạy cách thức làm trụ trì cho Ni chúng và đào tạo Giảng sư Ni.

Tiếp đó, Sư Bà dự Đại Hội Hoàng Pháp tại Nha Trang và cùng quý Hòa Thượng Trí Thủ, Thượng Tọa Thiện Minh, Thượng Tọa Huyền Quang, Thượng Tọa Trí Nghiêm thành lập Phật Học Ni Viện Nha Trang với sự ủng hộ của 10 chúng Ưu Bà Di tại Nha Trang - trong đó Bà Nguyễn Diệu và Bà Võ Đình Thụy dẫn đầu.

Năm 1962, hoàn thành Phật Học Ni Trường Nha Trang. Dưới sự lãnh đạo của Hòa Thượng Trí Thủ, Sư Bà thành lập Ban Giảng Huấn, gồm Sư Bà Diệu Ấn làm

Giám Viện và quý Sư Bà Huyền Học, Viên Minh, Thế Quán, Ni Sư Thế Thanh, Như Hoa thay đổi nhau làm giảng huấn cho Ni trường. Sau này, Ni trường đặt tên lại là Diệu Quang theo ý của Hòa Thượng Trí Thủ để tưởng niệm Ni Cô Diệu Quang vì đạo pháp hy sinh. Từ đó, Ni Trường Phật Học Viện thành Ni Trường Diệu Quang.

Năm 1963, cuộc đấu tranh của Phật Giáo đòi tự do tín ngưỡng đối với chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm. Sư Bà phát nguyện tự thiêu trước Ngai Quảng Đức, nhưng Ngai Quảng Đức không cho, bảo Sư Bà phải nhường cho Tăng. Sư Bà vâng lời Tăng Bảo và tiếp tục đóng góp tích cực cho cuộc đấu tranh đến lúc thành công.

Năm 1964, Sư Bà cùng Hòa Thượng Trí Thủ xây cất trường Mẫu Giáo Kiều Đàm (Sài Gòn) - tức Kiều Đàm Ni Viện hiện nay.

Cũng vào năm này, thiên tai bão lụt nặng nề tại các vùng Quảng Nam - Đà Nẵng, gây thiệt hại quá đau thương cho đồng bào. Bao đứa trẻ lâm vào cảnh cô cút, không cha mẹ và nhà cửa. Trước thực trạng đau lòng đó, Sư Bà cùng quý Sư Bà vội vàng cho thành lập các Cô Nhi Viện Tây Lộc - Huế, Cô Nhi Viện Tuy Hòa, Cô Nhi Viện Diệu Định - Đà Nẵng, Cô Nhi Viện Quách Thị Trang - Sài Gòn để tiếp nhận trẻ cô cút không những vì thiên tai bão lụt còn vì chiến tranh gây ra.

Các Cô Nhi Viện này đặt dưới sự trông coi của các Ni Cô, phần nào xoa dịu nỗi đau khổ của chúng sanh theo đúng tinh thần đại bi, lợi tha của Phật Giáo. Bàn tay của các Ni Cô như bàn tay người mẹ hiền, nên các em cô nhi đã được an ủi, vỗ về dần dần trưởng thành thành người có ích cho xã hội.

Tiếp những năm sau đó, cuộc chiến tranh ngày càng khốc liệt, bao cảnh đau thương xé lòng diễn ra hằng ngày trên đất nước thân yêu. Đáp ứng nhu cầu của xã hội lúc ấy, Sư Bà cùng quý Hòa Thượng lập ra các Ban Cứu Trợ Nạn Nhân Chiến Cuộc. Sư Bà là người tích cực nhất trong các công việc từ thiện này. Sư Bà cũng lập ra nhiều Ký Nhi Viện từ Trung vào Nam.

Tuy bận rộn với hạnh nguyện lợi tha vì đời, nhưng Sư Bà không xao lãng việc đào tạo, dạy dỗ Ni chúng. Sư Bà tiếp tục cho xây cất Ni Viện Diệu Giác (Sài Gòn), Chùa Diệu Tràng (Sài Gòn), v.v... để tiếp độ Ni chúng.

Năm 1970, Sư Bà mở lớp Trung Đẳng Phật Học cho Ni chúng các nơi về học tại Ni trường Diệu Đức - Huế.

Năm 1973, Sư Bà cùng quý Sư Bà mở lớp nội trú cho Học Ni thuận tiện chỗ học hành. Nhưng cả hai lớp ấy phải giải tán nửa chừng vì thời cuộc chiến tranh.

Đến năm 1975, đất nước rơi vào tay Cộng Sản, các công tác từ thiện xã hội, các lớp học Ni trường v.v... tạm thời ngưng hoạt động. Sư Bà tranh thủ thời gian rảnh rỗi này để dịch thuật, trước tác kinh luận, viết sách và làm thơ.

Sư Bà đã dịch các bộ luận lớn như:

- Thành Duy Thúc Luận Thuật Lý

- Đại Trí Độ Luận

- Hiện Thiệt Luận

- Kinh Lăng Già Tâm Ấn

- Kinh Duy Ma Cật

- . . . . .

và chỉnh sang lại các tác phẩm Sư Bà dịch từ trước năm 75.

Ngoài việc dịch thuật, Sư Bà còn là một thi sĩ, thơ văn của Sư Bà đậm đà hạnh nguyện lợi tha vì đời của người con Phật, rất có giá trị trong văn học Phật Giáo nước nhà.

Vào tháng 10 năm 1976, trong một cơn bệnh nặng đột ngột, Sư Bà sắp sửa quy Phật. Nhưng sau đó hồi tỉnh lại, có lẽ cõi Ta Bà đau khổ đang cần sự hiện diện của Sư Bà, nên đến ngày nay sức khỏe của Sư Bà vẫn bình thường, tâm trí rất sáng suốt, dù tuổi đã quá cao.

Năm 1986 tuy tuổi già sức yếu, Sư Bà vẫn đứng ra để hướng dẫn việc trùng tu chùa Đông Thuyền. Chùa này được tạo lập dưới đời các chúa Nguyễn. Gia Long năm thứ hai đã được trùng tu một lần cho đến nay.

Đến nay, cuộc đời Sư Bà trải qua 92 tuổi thọ. Nhưng Sư Bà không ngừng đóng góp những việc có ích cho Đạo và cho Đời với tâm nguyện còn hơi thở là còn phục vụ. Cũng chính trong năm này Sư Bà đã hiến cúng ngôi chùa Hồng Đức, trường Mẫu Giáo và cơ sở huấn nghệ vừa mới xây cất năm 1996 để Giáo Hội làm Tăng xá cho Tăng Sinh Đại Học mà Giáo Hội vừa mới thành lập.

Văn chương có hạn, làm sao diễn hết một cuộc đời... Ôi! Một cuộc đời quảng đại, một tâm hồn bao dung như lời kinh muốn thuở:

"Hử không hử tận

Ngã nguyện vô cùng"

và hạnh nguyện luôn luôn mang theo cánh bên lòng:

"Quảng độ chúng sanh

Mãn Bồ Đề nguyện"



## THƠ

### Sư Bà Diệu Không

Sư Bà đã sáng tác rất nhiều tập thơ đạo lý trong Hồng Ân thi tập. Nếu có dịp chúng tôi xin được báo Viên Giác đăng tải từ từ về sau. Kỳ này chúng tôi chỉ trích đôi bài kèm theo Tiểu sử của Sư Bà.

#### KHUYẾN NGƯỜI PHẬT TỬ

*Mở lòng đón nhận cõi hư không  
Hòa với muôn dân một thể đồng  
Có sẽ thành không, không sẽ có  
Hai đường chẳng chấp mới viên dung*

*Viên dung các pháp chỗ nên thiên  
Ngã chấp tiêu ma sạch ái triền  
Quá khứ vị lai đứng để ý  
Hiện tiền không trú chỉ tùy duyên*

*Tùy duyên trả hết nợ non sông  
Oán cũng đứng than, oán chẳng trông  
Soi sáng tâm linh tròn nghĩa vụ  
Đèn lòng muôn thuở sạch như không*

*Như không tâm trí nhẹ nhàng bay  
Hạnh phúc nào hơn hạnh phúc này  
Nhấn kê tu tâm người luyện tánh  
Tịnh trần độ tịnh chính là đây  
Hồng Ân 10.10.78*

#### KHUYẾN NGƯỜI HÀNH ĐẠO

*Biết khổ nên ta mới quyết tu  
Làm cho tâm trí thầy không ngu  
Thương đời thương đạo là thương Phật  
Giải thoát tâm linh khỏi ngục tù*

*Ngục tù ngã chấp hóa tham sân  
Chấp của riêng ta mới độn đần  
Xả hết tư tâm thành chánh đạo  
Sống đời vô ngã sạch lần lần*

*Lân lân vô ngại với muôn dân  
Hòa với tha nhân không ngại ngần*

Thường ghét không ham thành giải  
thoát

Làm tròn phận sự chẳng cầu ân

Ân oán gây bao cảnh khổ đau  
Phải đâu hạnh phúc ở sang giàu  
Trở về Phật tánh thường thanh tịnh  
Mới thoát ra ngoài cảnh bể dâu

10.10.78

### TỊNH ĐỘ

Tà bà Tịnh độ ở đâu xa  
Chỉ tại lòng ta niệm chánh tà  
Chánh niệm trang nghiêm thành Tịnh  
độ

Tà tâm vận chuyển hóa Ta bà  
Vô tâm, chánh trí là tâm Phật  
Hữu ý, mê Tình, ấy tánh Ma.  
Tà, chánh đều vong - Vô lậu giới,  
Ta bà Tịnh độ ở tâm ta.

### TỰ THUẬT

Đạo nhưn bất vụ cá hủ danh  
Mật kế tâm nguyên chuyển trực  
thanh

Thâm nhập chơn như vô quái ngại  
Hòa đồng Diệu Pháp ẩn không sanh  
Liễu tâm vô trú thượng thanh tịnh  
Ngộ ẩn song vong tuyệt đấu tranh  
Như thị hòa quang chiếu vũ trụ  
Hiển dương bất nhị đạt viên thành

### NHẬP THIỀN

Trần tịnh tâm không dị nhập thiền  
Sơn tinh bất dự bạch vân duyên  
Khê thanh giải liễu tâm vô trú  
Nguyện nguyện giai y hạnh Phổ Hiền  
Tâm tịnh trần không cảnh tự thanh  
Ta bà Tịnh độ bốn viên thành  
Liễu tôn bất nhị tình tiêu tận  
Vạn pháp tuy tồn chỉ giả danh  
Phòng khủ thâu lai đắc tự do  
Duyên trần vô trú cảnh thân sơ  
Khê thanh tòng lục phong xuy động  
Sơn sắc như in bát nhã đồ.

### HỒNG ÂN XUẤT HẠ MẬU NGỌ

Đông tàn Xuân hựu lai  
Đình tiền kiến chí mai  
Vô thường thường như thị  
Sanh tử mạc quan hoài.

Bài này được Sư Bà giảng vài ngày  
trước khi Sư Bà viên tịch:

"Mùa đông tàn thì mùa xuân đến  
Nhìn ra trước sân thấy một cành mai  
Sự vô thường là như vậy đó  
Nên khi nào sống sống, khi nào chết  
chết mặc nó, đừng có quan tâm đến làm  
gì!"

Hãy để cho cái Tâm thanh tịnh an lạc.  
Khi nào tâm của mình mà thanh tịnh an  
lạc thì sự phiền não khổ đau sẽ không có  
mặt.

\*

## CHUẨN BỊ HẬU SỰ SƯ BÀ DIỆU KHÔNG

### VĂN TƯỢNG NIỆM

Nhớ giác linh xưa,  
Tuy không con vua cháu chúa, (1)  
Cũng dòng lá ngọc cành vàng;  
Muốn giàu sang, tình việc trăm năm,  
Chán gì nơi môn đấng hộ đối;  
Thích hoa nguyệt, toan bề ân ái hưởng  
Nào thiếu chi khách tài tử xứng đôi.  
Nhưng túc căn sẵn có,  
Cánh trần sớm tỉnh kiếp phù du;  
Nên Thiện chủng thọ sinh  
Cõi tịnh quyết qui chân thoát tục.

Thông minh rất mực,  
Nền nếp nho phong,  
Thân liễu bồ bèn lìa chốn khuê phòng.  
Phận nhi nữ cố tìm thầy học đạo.  
Nướng tựa nhờ hồng ân Tam Bảo,  
Chỉ bày có thiện hữu, minh sư,  
Chẳng bao lâu rõ được lý thực, hư,  
Tam hoa bưng nở.  
Pháp Đại-Thừa tỏ ngộ,  
Thọ cụ túc giới tam đàn;  
Bấy giờ thấy đầy đủ cơ duyên,  
Nhẹ gót lên đường hóa độ.

Không nề gian khổ, trải bao năm tích  
cực xông pha,  
Nghĩ chi đến an thân lợi dưỡng.  
Chẳng ngại khó khăn, đã đòi phen lao  
lực lao tâm,  
Đầy tinh thần vị tha, vô ngã.

Buổi nhiều nường, không sờn lòng  
nản chí,  
Trước tin đồn vang rộng tiếng pháp âm;  
Thời nguy nan (2) mặc hãm hại mưu  
thâm,  
Cùng bạn lữ giường cao cây đức tuệ.

Khấp chốn thôn quê, thành thị,  
Mở đạo tràng giáo hóa bạn quần thoa;  
Đủ ba cõi Bắc, Trung, Nam,  
Lập viện cô nhi nuôi trẻ mồ côi vứt bỏ.

Công việc cứu khổ độ mê tuy bề bộn,  
Kinh sách phổ biến chẳng hề quên.  
Biết bao đêm thức trắng chong đèn,  
Trong cô tịch âm thầm ngồi dịch thuật.  
Phật Pháp cao thâm khó hiểu,  
Tìm cách giản dị trao truyền;  
Hậu sinh ai có thiện duyên,  
Tất thấy đều có phần lợi ích.

\*

Lòng tử còn vô hạn,  
Luật vô thường vui về ra đi;  
Công quả được chút chi,  
Hồi hưởng hết chúng sinh cộng lạc.

Ôi thôi!  
Dẫu biết sống giải thoát, thác cũng là  
giải thoát,  
Đời tu hành sinh tử có nề chi.  
Song tử đây đã khuất dạng tử bi,  
Người dương thế lẽ nào không thương  
tưởng!  
Trong thi tạng ni bạn lữ,  
Ngoài có Phật tử tại gia,  
Tất dạ luống những ngậm ngùi giờ  
tống biệt.

Lòng thành tha thiết,  
Nên hương trước án xin dâng,  
Nguyện giác linh chúng giám tất  
thành,  
Về cõi Phật còn mãi thương chúng  
khổ.

Đôi hàng tỏ rõ,  
Bái biệt Giác linh;  
Bát nước cảnh hương,  
Kính xin thượng hưởng.

Đà Nẵng, hè Mậu Thìn 1988  
Cử sĩ Lê Văn Tuyên  
Pháp danh Quảng Dương

### Chú thích:

(1) "Vương tôn, quốc thích" tế nhị hơn  
những sợ ít người hiểu.

(2) Nguy nan: Pháp nạn 1963.





# hoa phượng

● HỒNG NHIÊN

**C**ác em thân mến,

Khi các em cầm tờ báo Viên Giác này, dở từng trang ra đọc thì ngày Giáng Sinh và Tết Tây lịch cũng đã đến.

Sự buốt giá của thời tiết vào đông nơi đây đang phủ trùm lên không gian và vạn vật, những những cây thông xanh (Weihnachtsbaum) được người ta tạm dựng đó đây dọc theo hè phố hoặc trên các vỉa đường và trên đó có gắn những bóng đèn màu vàng, xanh, đỏ v.v... kết lại cùng nhau thành những ngôi sao, thấp sáng lấp lánh vào đêm hay những đóa Trạng (Weihnachtsstern) bông tươi màu đỏ thắm đang trưng bày ra bán ở trước các quầy hàng... đã làm cho con người quên đi sự buốt giá da người mà cười vui, rộn ràng đi mua sắm, chuẩn bị cho những ngày thiêng liêng đến trên quê hương mình.

Mỗi dân tộc đều có truyền thống và tập tục riêng trong việc mừng đón Giáng Sinh và Tết đến.

Dưới mái trường, quanh các em, những bạn học là người dân bản xứ, đã không cùng màu da hay mái tóc, nhưng họ và các em có chung dòng máu đỏ và cùng tuổi vô tư của học trò, các em đang cùng với họ bên nhau vui vầy và hội nhập, hẳn các em trong đó đã tìm được niềm vui vào lòng mình. Còn về mối Đạo, Đạo cũng đã dẫn dắt các em đi vào Đời bằng Trí tuệ, Đức hạnh và Niềm tin. Sự thành công về tương lai của các em muốn có ý nghĩa và xứng đáng phải được nằm trong ba yếu tố đó.

Nhìn về phương Đông, nơi quê hương Việt Nam đang có mặt trời soi sáng, các em sẽ cảm thấy nó đẹp vô ngần. Nơi đó cũng có lễ Giáng Sinh mừng Chúa hài đồng và Thánh mẫu Maria. Nơi đó cũng được nghỉ ngày đầu năm để vui Tết Tây lịch và các em cũng hy vọng sẽ có một ngày về bằng quang phục, tự do đặng góp

tài sức mình phụ giúp tô dựng quê hương, làm cho quê hương thêm xanh dịu dàng hay rạng ánh vàng sáng chói sánh vai cùng người ngoài và lấy tình thương để xóa bỏ hận thù.

Hoa Phượng thân mến chúc các em vui vầy toại nguyện và Tết nhớ về Viên Giác tự (Hannover) để cùng đồng hương đón Giao Thừa đầu Xuân, năm Mậu Dần (27.01.1998).

## HOA PHƯỢNG

### Số Mệnh

Năm tôi lên tám thì anh cả của tôi cưới vợ, năm sau chị dâu tôi sanh một bé gái. Thông thường, trong gia đình người Tàu hoặc người Việt đều mong cháu đích tôn là con trai để nối dõi tông đường. Nhưng trái lại, cháu gái tôi được tất cả mọi người trong gia đình tôi thương yêu. Con bé chưa tròn tháng mà nước da trắng trẻo, mặt mày sáng sủa và rất dễ thương. Ba má tôi, tức ông bà nội, đặt tên cháu là Tuyết Hoa.

Sau ngày đầy tháng con bé hay khóc đêm, khó ngủ và ban đêm lẫn ban ngày đều lo lắng ngó lên trần nhà. Ban đêm cháu khóc, ba má tôi không ngủ được, thức dậy chong đèn bông ẵm cháu thay cho chị dâu tôi vì nghĩ rằng chị sanh còn non ngày, non tháng và sanh con đầu lòng chưa có kinh nghiệm dỗ con.

Một hôm, vào buổi trưa đúng bóng có một cụ già đi ngang nhà tôi, thấy có người nên cụ vào xin nước uống. Ông cụ diện mạo phương phi, râu tóc bạc phơ, dáng dấp như một tiên ông, tay cầm gậy trúc, giống người trong những bức tranh thủy mặc. Ba tôi mời ông vào, rót nước trà mời khách.

Đang chuyện trò, bỗng ông khách lạ yên lặng như đang chú ý một chuyện gì? Thì ra, đó là tiếng khóc của cháu Tuyết Hoa. Nghe ba tôi kể cháu ít ngủ và hay khóc đêm nên ông cụ ngỡ ý muốn xem mặt cháu bé, vì ông cũng biết chút ít về khoa tướng số. Chị dâu tôi bồng cháu ra, ông xem kỹ tử mặt mày đến bàn tay, bàn chân. Ông nói:

- Hai mẹ con khắc tuổi.

Ba má tôi giật mình vì ông không hỏi tuổi của mẹ cháu tại sao ông biết? (chị dâu tôi tuổi Tỵ, còn cháu tuổi Dần).

Đoạn ông khách trầm ngâm.

Ba tôi lo lắng hỏi:

- Ông có cách gì giúp chúng tôi không?

Ông lão đáp:

- Đó là số trời, con bé này sẽ sống không tới mười hai tuổi, vì cháu có Phạt Bà Quan Âm độ mạng nên đi sớm khỏi chốn trần gian này. Sau đó, không biết ông viết gì trên một mảnh giấy màu rồi xếp lại cẩn thận, ông trao cho ba tôi, dặn lúc nào trong nhà có chuyện thì mở ra xem.

Như để an ủi gia đình tôi, ông bày vẽ cho má tôi hãy tìm một người hạp tuổi cho con bé. Nhờ bỏ tên cũ, đặt tên mới cho nó vì loài bông hoa (Tuyết Hoa) sớm nở thì tàn.

Trọn buổi chiều hôm đó, ba má tôi cứ ngồi to nhỏ, bàn bạc những gì mà các anh chị em tôi không biết được. Vài ngày sau, cũng vào buổi trưa, chị dâu tôi ẵm Tuyết Hoa để nằm ở ngã ba đường rồi chạy vào nhà khóc tức tưởi. Lúc ấy tôi còn nhỏ chẳng biết gì, tôi hỏi chị, chị không nói. Mà tôi nói với tôi:

- Con đừng buồn, nhà mình sẽ xin một em bé khác về nuôi.

Má tôi vừa nói vừa ứa nước mắt. Tôi không dám hỏi nhưng trong trí óc nhỏ bé của tôi đã có những thắc mắc mà người lớn giấu giếm không nói ra.

Trong lúc đó thì tôi nghe ngoài cửa có tiếng ồn ào của bà hàng xóm:

- Bà Ba ơi, Có ai ở nhà đó không? Cho tôi gọi nuôi đứa nhỏ.

Bấy giờ, tôi mới hiểu ra, đây là một vở kịch, má tôi đã nhờ bà hàng xóm hạp tuổi với con bé nhận làm mẹ và chị dâu tôi chỉ là người nuôi dùm.

Như để cưỡng bách định mệnh, ông bà nội đặt tên cho cháu là "Còn".

Sau ngày ấy, Còn dễ chịu hơn dạo trước, bớt khóc đêm, dễ ngủ và bú sữa nhiều hơn. Gia đình tôi cũng bớt lo âu... còn tôi chẳng biết gì, chỉ mong sao buổi học chóng tan để về nhà ẵm cháu.

Lúc Còn được vài ba tuổi thì câu chuyện trên đã thành quá khứ.

Năm cháu lên bốn, rất ngoan, lễ phép và dễ dạy. Khách tới nhà thì cháu chạy ra

thưa gởi. Gia đình tôi xem cháu như một bảo vật vô giá, mặc dù chị dâu đã sanh thêm một bé trai. Riêng tôi, Còn đã là đứa cháu tôi thương yêu nhất và cũng là người bạn mà mỗi buổi chiều tôi đều dẫn cháu đi chơi.

Tính tôi nhát gan lại sợ ma. Mấy năm về trước, người chị kế tôi còn nhỏ, chiều nào chị em tôi cũng dẫn nhau sang trước sân nhà bà hàng xóm, tụ tập đám bạn lại để chơi trò "Ông đi qua, bà đi lại", "trốn bắt", "giấu cây", "nhảy dây", v.v... Đó là nhà bà Hai ở cạnh nhà tôi, nhưng muốn sang nhà bà phải đi ngõ trước, đi bọc luôn một lùm trâm bầu, một gò đất hoang. Vì là đất hoang (không có chủ) nên có rất nhiều mả mồ vô chủ lẫn có chủ. Mỗi lần ham chơi đến tối rồi mà chị em tôi chưa về thì bà chị lớn của tôi phải sang dẫn về, vì chị ấy biết hai đứa em đều nhát gan như thỏ đế.

Lúc chị kế của tôi đến tuổi trăng tròn, được một vài chàng trai để ý thì chị mắc cỡ không đi chơi chung với tôi nữa.

-Bấy giờ không có chị, tôi lại có cháu. Còn theo tôi đi chơi là một sự bất buộc vì những trò chơi không hợp với lứa tuổi của cháu. Ba má tôi thường dặn dò tôi lần lữa Còn "không được đi chơi về tối, không được dẫn Còn xuống rửa chân dưới mương chỗ cây cầu dừa vì ở đó có bà thủy và ma da. Tôi dạ cho qua chuyện nhưng chẳng biết bà thủy và ma da là gì? Tại sao lại kéo chân cho chết đuối?

Thông thường mỗi buổi chiều Còn ra ngã ba đường đón tôi đi học về. Tôi hay bắt phần tiền quà để mua một ít bánh kẹo cho cháu.

Một hôm "ham ăn" quên đem phần về. Thấy Còn đứng chờ, tôi xuống xe đạp, nó ôm chân tôi hỏi quà.

Tôi giật mình, nhưng lạnh trí:

- ! Có, có cái này cho Còn.

Tôi đưa lon "Guigo" cho nó vì hồi trưa tôi ăn không hết phần cơm.

Còn cầm lon cơm, mở nắp.

Tôi nói:

- Ăn đi, ngon lắm!

Nó nhăn mặt, hỏi:

- Sao không ngon gì hết?

Tôi nhìn lon cơm, giật mình. Sao khi sáng mình đem cơm mà bây giờ thành cháo? (Tôi không biết cơm thiu). Đến khi ngửi nghe mùi hôi, tôi giật lon cơm ra thì đã mụn vì Còn đã ăn một ít rồi.

Tôi cắn dận Còn vào nhà dùng kể lại cho ai nghe...

Chiều hôm ấy, như thường lệ tôi dẫn Còn đi chơi. Cháu vui vẻ nhưng năn nỉ tôi:

- Nhỏ về sớm nghe cô! Bà nội dặn con rồi đó.

Buổi chiều hôm ấy mất vui vì bạn bè chúng tôi đang tranh nhau kéo dây để phân thắng bại thì Còn đòi về. Tôi tức quá

mắng cho một trận. Còn khóc nức nở nhưng cuối cùng rồi cũng phải đi về. Tôi lòi Còn giống như Cảnh sát giải tội nhân. Tôi bóp cổ tay con nhỏ đau điếng. Về gần tới nhà tôi buông tay nó ra.

- Từ rày về sau đừng bao giờ theo cô nữa nhé! Còn sợ quá đứng nép mình vào gốc cây dừa. Còn tôi chạy trở lại sân chơi để cùng bạn bè tiếp tục kéo dây. Chẳng hiểu sao bấy giờ tôi không còn hứng thú, cháu tôi đi về rồi thì tôi rất tự do. Nhưng... Tôi bỏ ngang khi cuộc chơi chưa chấm dứt. Tôi chạy băng qua lùm cây trâm bầu, gò mả, tai nghe tiếng thình thịch như có người đuổi theo sau tôi. Sợ quá, mồ hôi đổ ra như tắm. Về gần tới ngõ tôi mới hoàn hồn.

- Cô Tám!

Hết hồn! Thì ra cháu tôi còn ngồi dựa gốc cây dừa để chờ tôi về. Thương quá, tôi ôm chầm lấy nó. Tôi rất hối hận vì khi nãy đã làm dữ với cháu trong lúc cháu tôi vẫn còn đứng chờ tôi ở đây.

Còn mếu máo hỏi:

- Cô có thương Còn không?



Tôi gật đầu, nhưng nó nói:

- Từ rày về sau con không đi theo cô nữa.

- Tại sao?

- Vì cô không thương con!

Tôi vuốt ve con nhỏ và nói:

- Đi với cô, cô dẫn xuống cây cầu dừa cho con rửa chân.

Trăng sáng lung linh, tôi nhìn xuống bóng tôi lẫn bóng Còn in dưới nước. Sực nhớ tới câu chuyện ma da và bà thủy, tôi lệ lệ dẫn Còn lên bờ.

Được tròn niềm mơ ước, Còn ôm cổ tôi hôn lia lịa.

Hôm sau, ngồi trong lớp học tôi cảm thấy nôn nóng lạ thường, cứ nghĩ về Còn, thấy tội cho nó quá. Hôm qua nó ăn cơm thiu, hôm nay tôi nhịn phần ăn vật mua cho cháu một trái cốc ngâm cam thảo để dền bù, chắc nó mừng lắm.

Tan học, tôi về đến nhà gần năm giờ chiều, đình ninh có cháu ra đón tôi ở ngã ba đường, nó sẽ cười lộ hai cái đồng tiền trên má rất có duyên, cháu tôi còn có bộ giò dài mà cả nhà nói trêu "giò dài khóc

dai". Nhưng chiều hôm nay Còn không đón tôi, như có điếm lạ, tôi bước nhanh vô nhà cũng không thấy nó đứng ở cửa. Chợt thấy má tôi chờ sẵn, nói khe với tôi:

- Còn bệnh rồi, đang nóng sốt. Hãy để cho nó nằm yên.

Ba ngày trôi qua Còn không bớt nóng, nó thường hay mê sảng. Đến ngày thứ tư thì có những vết đen trên mình. Má tôi kêu nho nho: trái trời (Lúc đầu tưởng trái rạ thì không sao, nhưng sau đó mới biết là bệnh trái trời, hình dạng không lộ ra rất nguy hiểm cho tính mạng). Má tôi nghe những người hàng xóm bày luận hột gà, lột vỏ để nóng lăn trên mình sẽ hút chất độc ra, hoặc mổ một con gà giò còn sống đắp trên ngực. Không có hiệu quả, cháu tôi bắt rứt nằm không yên cứ lăn trở và rên nho nho.

Ngày hôm sau, anh tôi (ba của Còn) chở tôi lên chợ Mỹ Tho rước thầy Giáo Thắng về trị bệnh cho cháu tôi. Ông thầy này chuyên trị về bệnh ban trái rất hay mà ở Mỹ Tho vào khoảng thời gian đó cho đến nay ai cũng biết tiếng. Bệnh nhân của thầy rất đông, anh em tôi phải ngồi chờ thầy khám đến người cuối cùng thầy mới theo chúng tôi về nhà. Đi dọc đường thì có người chạy ra đón thầy nhờ khám bệnh cho thân nhân, nhưng lấy lệ công bằng thầy đến khám bệnh cho cháu tôi trước.

Xem mạch cho cháu tôi xong, thầy gọi riêng má tôi ra ngoài nói: "Con nhỏ bị trái đen không lộ ra, bà hãy để cho nó nằm yên, vài giờ nữa nó đi. Đó là số trời".

(Được biết vào năm đó (1954) ở quận Chợ Gạo, Mỹ Tho, có bệnh dịch trái, làm chết rất nhiều người nhất là trẻ em).

Má tôi trở vào, bà rờ rẫm cháu, ứa nước mắt. Trước giờ ra đi, Còn rất tỉnh táo. Cháu hỏi má tôi "Sao bà nội khóc?". Má tôi trả lời "Nội đau có khóc, tại muỗi cắn nội".

Lúc ấy ba má Còn và các chị em tôi đều đứng ngoài phòng chờ để vào thăm nó, nhưng má tôi không cho vào trong vì sợ lây.

Ông thầy Giáo Thắng từ nhà tôi ra đến ngõ thì có ba, bốn người chạy theo đón nhờ khám bệnh cho con cháu họ. Thật là may mắn, những bệnh nhân khác đã được sống sót trong cơn dịch này.

Cháu tôi đi rồi, cả nhà tôi như mất đi tất cả luồng sinh khí. Riêng tôi, tình thương và sự hối hận còn giữ mãi trong lòng.

Năm tháng trôi qua lâu rồi mà những lời nói của cháu tôi "Từ nay con không theo cô đi chơi nữa, vì cô không thương con". Hãy còn văng vẳng bên tai, như nhắc tôi nhớ mãi một đứa cháu mang tuổi Canh Dần.

■ HỒNG NHIÊN  
Lingen/Ems

## Phạm Nhĩ - hay là sự tích Ông Ba Mười

● Sứ tầm - HỒNG NHIÊN

Đã từ lâu lắm, trên cõi trời có một người sức khỏe lạ lùng, những việc dời núi, lấp biển, đội đá, bẻ cây... không ai bì kịp. Nói về tài phép, ông cũng thần thông, biến hóa vượt xa nhiều vị trên Thiên đình. Đặc biệt ông có hai vành tai dài rả rách, vì lúc nhỏ ông thường dùng hai tai cho nhiều người móc vác mà đi, rồi xoay họ như chong chóng. Cũng vì thế người ta quen gọi ông là Phạm Nhĩ. Vốn tính nghịch và hung hăng quen thói từ hồi trẻ, Phạm Nhĩ không mấy khi ngồi yên. Ông thường hay gây sự, đánh nhau với những kẻ mà ông thù ghét. Nhưng người ta đều tránh né ông, chẳng mấy ai dám đọ sức, vì đã từng có bao nhiêu anh hùng hào hán không chịu nổi một cú đấm, cái gạt của ông.

Thấy mọi người đều thua tài, Phạm Nhĩ ngày một tỏ ra kiêu căng, tự phụ. Ông cho rằng các vị thần xung quanh Ngọc Hoàng chẳng qua chỉ là đồ bị thịt, tài nghệ và sức khỏe không có tí gì. Và ông lấy làm bực mình vì sao bấy lâu nay danh tiếng mình nổi như cồn, mà vẫn không được Ngọc Hoàng vời vào để trao cho một chức vụ xứng đáng. Mỗi ngày một lòng kiêu căng tự phụ một lớn thêm. Cho đến lúc Phạm Nhĩ đâm khinh nhờn cả Ngọc Hoàng, tự nghĩ rằng có sức mạnh và tài phép như mình thì nên làm vua nhà Trời mới phải. Thế rồi chẳng bao lâu, ông đã tụ tập xung quanh mình một số bộ hạ cũng có sức khỏe và tài phép hơn người thành một đội quân bất trị. Đội quân này ngày một đông, đã từng gây náo loạn ở Thiên đình, mà vì sợ oai Phạm Nhĩ, nên không ai dám bắt. Cuối cùng, Phạm Nhĩ cầm đầu đội quân tiến đến Thiên cung đòi hạ bệ Ngọc Hoàng để cho mình trị vì thiên hạ.

Nghe tin chẳng lành, Ngọc Hoàng Thượng Đế vội vàng sai các bậc tướng lĩnh đem quân nhà Trời ra ngăn chặn. Có đến mười tám vị, vị nào cũng lực trí thần thông, miệng thét ra lửa, tay bẻ gãy cổ thụ, chân đạp núi, nhưng không vị nào đối địch với Phạm Nhĩ được lâu. Không đầy mười ngày, chỉ còn ba vị sống sót chạy về.

Ngọc Hoàng lại sai năm mươi lực sĩ hầu cận, người nào cũng tài ba và sức khỏe, ra chống chọi với Phạm Nhĩ. Nhưng cũng chẳng mấy chốc, ông đã làm cho bọn họ nếm mùi thất bại chua cay. Quân đội nhà Trời đông như kiến cỏ, không ngờ kéo ra bao nhiêu, bị diệt bấy nhiêu, cuối

cùng bỏ chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Thừa thắng, Phạm Nhĩ thúc quân tiến lên vây chặt Thiên cung.

Thấy vậy, Ngọc Hoàng Thượng Đế hết sức lo lắng. Theo lời bàn của các triều thần, Ngọc Hoàng vội sai Bắc Đẩu cầu Đức Phật. Nghe tin cáo cấp, Đức Phật sai Chuẩn Đề đi bắt Phạm Nhĩ. Nhưng Đức Phật không ngờ Chuẩn Đề tài phép cao cường lại bị ăn đòn nặng nề của Phạm Nhĩ đến nỗi lê lét chạy về, xiêm giáp tả tơi.

Sau cùng, Đức Phật phải tự thân đi. Trong lúc Phạm Nhĩ đang hung hăng múa may chửi bới Ngọc Hoàng và bọn triều thần bất tài bất lực, thì Đức Phật đã xuất hiện giữa không trung. Phạm Nhĩ vội xông lên toan dùng sức đánh, không ngờ sa ngay vào túi thần của Đức Phật, toàn thân co rúm, không cất chân động tay được nữa. Thế là ông bị bắt. Bọn bộ hạ mất tướng như rắn không đầu, không ai bảo ai, tẩu tán khắp nơi.

Trước khi ra về, Đức Phật giao lại tên tù cho Ngọc Hoàng xử trí, nhưng cũng dặn làm sao cho y hối lỗi chứ đừng giết hại. Ngọc Hoàng quyết định đày Phạm Nhĩ xuống cõi trần làm kiếp vật. Nhưng trước hết Ngọc Hoàng sai cắt bỏ đôi cánh của ông để bớt sức mạnh, e sợ bất thần ông lại bay về Trời thì rất nguy hiểm. Hơn nữa, Ngọc Hoàng còn lo Phạm Nhĩ vốn mang cốt tướng nhà Trời, có thể nghe hết mọi chuyện bốn phương ngay trong giấc ngủ, dù cách xa vạn dặm. Bởi vậy để bớt trí nhớ của ông, Ngọc Hoàng hóa phép bắt lỗ tai ông mỗi khi tỉnh giấc thì khép kín lại. Tuy nhiên, thế theo lời dặn của Đức Phật, Ngọc Hoàng cũng phong cho Phạm Nhĩ làm Chúa Tế Sơn Lâm để an ủi đôi phần.

Từ khi xuống trần, tài phép của Phạm Nhĩ giảm sút đi nhiều vì không còn có cánh mà bay. Mặc dù vậy, ông vẫn còn giữ được một sức khỏe tuyệt trần, khiến mọi thú vật khiếp sợ, xứng với danh hiệu Chúa Tế mà Ngọc Hoàng phong cho. Mãi đến sau này, dòng dõi nhà ông vẫn nối nhau làm Chúa Tế Sơn Lâm. Ngay loài người cũng phải kiêng ông, không dám gọi cái tên "Hổ", mà chỉ gọi tránh là ông "Ba Mười". Tại sao lại gọi là ông "Ba Mười". Đó là vì khi có người nào săn được hổ thì nhà vua có lệ thưởng cho ba mươi quan tiền vì đã trừ được cho loài người những con thú hung ác. Nhưng vua cũng bắt người đó phải chịu ba mươi hèo để cho vong hồn Phạm Nhĩ được thỏa mà không tác quái nữa.

Ngày nay có câu:

*Trời sinh ra hùm có vây*

*Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời*

để nhớ cuộc náo động Thiên Cung của Phạm Nhĩ xưa kia ■

## Trịnh - Nguyễn Phân Tranh

GIAI ĐOẠN THỨ HAI  
(NĂM CANH NGỌ 1630)



Có thể vì chưa dứt khoát được công việc làm của mình đúng hay chưa, cho nên thành Toàn cứ đứng xỏ rỏ nguyên một chỗ mà nhìn mãi chậu Hoàng trúc đặt trên ghế mây thấp, dưới khung cửa sổ, sát bên cạnh bàn thờ Phật và bàn thờ ông bà ngoại, ông nội của nó. Gần hai-mươi phút trôi qua từ khi dời chậu Hoàng trúc ở phòng làm việc chú Tú ra; nó nhỏ hình như thực hành gần đúng theo lời dặn dò của bà nó là: "Hãy để chậu Hoàng trúc lên ghế mây thấp mà con mới mua hôm qua, dưới khung cửa sổ bên phải bàn thờ Phật ngoài phòng khách, cách tường nhà 2 ô gạch PVC, hoặc là độ chừng 3 tấc. Nếu con không nhớ, thì nên hỏi lại bà nội." Dưới khung cửa sổ bên phải ngoài phòng khách? Đúng rồi, nơi đây là dưới khung cửa sổ bên phải của phòng khách; còn khoảng cách tường nhà 2 ô gạch PVC, hoặc 3 tấc! Thì phòng khách không có trải PVC; mà là trải thảm, ngoại trừ lối đi với phòng bếp, phòng ăn là trải PVC có ô gạch mà thôi; trong nhà ba má nó lại quên mua thêm cây thước đo của thợ mộc, thì làm sao nó có đủ khả năng mà "nhắm chừng" khoảng cách tường nhà ra tới nơi đặt chậu Hoàng trúc 3 tấc cho chính xác được! Bởi vì vậy mà này giờ nó đi tới, đi lui lẩn quẩn nguyên một chỗ, mắt cứ đăm đăm nhìn chậu Hoàng trúc và độ cách với tường nhà; tưng cừng quá mới quay mặt qua hướng bà nội đang ngồi trên ghế dài bên cạnh mà cầu cứu. Bà nội thì đang chăm chú đọc quyển Thiền Hành Yếu Chỉ của Thầy Nhất Hạnh, kề bên là bé Cẩm cũng say sưa với bài học Việt sử chép lại trên cuốn tập của nó; gần góc nhà, nơi bàn dài thím Tú với dì Phụng (bạn của chú thím Tú, cứ ngụ ở làng Oberndorf đến thăm đã mấy ngày qua, và dự định sẽ ở lại mừng Tết Mậu Dần 1998 cùng gia đình) chuyện trò nho nhỏ trong khi coi mấy tấm hình kỷ niệm dán ở quyển Album dày cộm.



- Bà nội ơi... Bà nội thấy cháu đặt chậu Hoàng trúc như vậy nè, có độ chừng cách tường nhà được 3 tấc chưa, nội?

Tiếng hỏi của thằng Toàn vang lên, không những bà nội ngừng đọc quyển Thiền Hành Yếu Chỉ của Thầy Nhất Hạnh, mà cả thím Tú, dì Phụng, bé Cẩm cũng đồng như một lượt rời mắt quyển Album của gia đình, cuốn tập Việt sử quay mặt sang nhìn nó, rồi nhìn chậu Hoàng trúc. Trong khi bà nội thông thả tháo mắt kiếng lão đang đeo xuống cằm trong lòng bàn tay; trước khi trả lời cho thằng Toàn, bà nhìn lại thêm lần nữa nơi đặt chậu Hoàng trúc và khoảng cách tường nhà, mới chậm rãi lên tiếng:

- Úa... Thì cũng độ chừng... chừng 3 tấc vậy thôi! Mà cháu muốn đặt chỉ cho chính xác dữ vậy, hả Toàn?

Chân bước tới ghế dài, ngồi xuống gần bé Cẩm, miệng thằng Toàn trả lời bà:

- Cháu đâu có muốn vậy, nội. Trước khi đi làm, ba cháu căn dặn ở nhà: "Pha chút xíu Vitamin trong nước hơi lạnh tưới cho chậu Hoàng trúc, rồi dời ra phòng khách đặt trên ghế mây thấp má cháu mỗi mua hôm qua, dưới cửa sổ bên phải, cạnh bàn thờ Phật với ông bà ngoại, ông nội; mà nên cách tường nhà ra 3 tấc, để cây Hoàng trúc có đủ ánh nắng mặt trời lúc buổi sáng và trưa chiếu vào." Cháu đã đặt như vậy đó, rồi dời ra dời vô mấy lần. Nhưng cháu không biết có đúng 3 tấc cho khoảng cách tường nhà với chậu Hoàng trúc hay chưa nữa!

Bà nội lắc nhẹ đầu, cười; khi nghe thằng Toàn nói dứt câu.

- Ối... Thằng cha của cháu... Hay bày đặt bày điều cây với lá, bông với hoa chỉ cho đầy nhà đầy cửa... Rồi đâm ra khó với khăn vậy không biết! Bà nhắm chừng thì... chưa chắc lắm đâu, cháu hỏi má cháu á, Toàn.

Thằng Toàn chưa kịp hỏi, thím Tú chưa trả lời; thì đã nghe bé Cẩm "ăn cơm hốt" lên tiếng đề nghị ào ào:

- Sao anh Hai không lấy cây thuốc học trò của em, mà đo khoảng cách tường nhà với nơi đặt chậu Hoàng trúc, hả anh Hai?

Thằng Toàn chợt như vừa mới tỉnh hẳn giấc ngủ, gương mặt nó tươi rói lên, với tay qua vổ vổ lên đầu em gái, nó nói:

- Úa há... Có vậy thôi mà nãy giờ anh không nghĩ ra. Cám ơn bé Cẩm nghe...

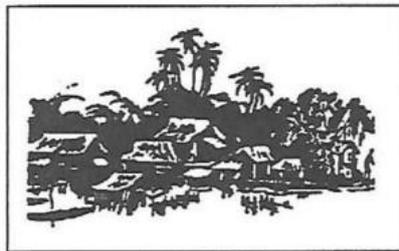
Chưa dứt câu nói là thằng Toàn đứng bật lên, đôi chân bước lẹ về hướng căn phòng dành cho anh em nó. Còn lại ngoài phòng khách, bà nội đeo kiếng lão lên mắt, đọc tiếp quyển Thiền Hành Yếu Chỉ của Thầy Nhất Hạnh, với bé Cẩm cúi mũi trở lại trang tập chép bài Việt sử; dì Phụng không coi tiếp những tấm hình kỷ niệm trong

Album gia đình chú thím Tú nữa, mà lên tiếng hỏi:

- Chị Tú à, cây Hoàng Trúc chị mua được ở đâu hay vậy? Tôi kiếm hoài mấy chỗ bán bông, bán cây mà không thấy. Nếu có, thì là loại trúc gì đâu không à, lá nhiều mà cây cũng không giống cây trúc ở xứ mình nữa chị ạ?

- Cây Hoàng Trúc này hả? Chúng tôi đâu phải mua mà có được chị Phụng. Vốn là cách nay hơn tháng, nhân dịp chúng tôi lên Sindelfingen thăm gia đình anh chị Huy. Ba thằng Toàn, bé Cẩm thấy cây Hoàng Trúc của anh chị Huy trông thiệt là đẹp, cho nên mắt cứ ngắm nghía, miệng thì không ngớt khen ngợi hoài. Không ngờ khi ra về anh Huy đã chiết, đã gói đầu sẵn đem ra tặng cho cây Hoàng trúc con làm kỷ niệm. Úa mà, cây Hoàng Trúc lớn của anh chị Huy, cũng là do người quen về Việt Nam chiết được từ cây giống đem qua tặng mấy năm trước, đó chỗ... Sở thích của ba thằng Toàn, gái Cẩm giống ông nội chúng nó hồi sinh tiền y hệt là thích trồng bông, trồng cây kiếng. Lúc còn ở Việt Nam, chị biết không? Trước sân nhà ông bà nội thằng Toàn, gái Cẩm có đặt hàng chục chậu bông, chậu cây kiếng vậy đó; và chính tay ông nội chúng nó tận tình chăm sóc tưới nước, bón phân... Chỗ ông không cho ai động tay vô hết trơn hết tọi; tính tình ông rất dễ, nhưng với chậu bông, cây kiếng thì... ông khó lắm. Bốn mùa, mùa nào cũng có bông nở hết. Ổi thôi, nào Cúc, nào Lan, nào Cẩm chướng, nào Tường vi, nào Bạch mai, Hoàng mai, Thanh trúc, Hoàng trúc... đủ hết. Bà con lối xóm, láng giềng đi qua đi lại ngang nhà, ai cũng trầm trồ khen... đẹp thiệt là đẹp, vậy đó chị.

Dì Phụng sau khi nghe thím Tú kể chuyện về cây kiếng, hoa lá của gia đình, thì cũng gật đầu tán đồng.



- , đúng như vậy đó chị Tú. Nhưng ngặt nỗi, thời tiết ở xứ Đức này lạnh quá đi thôi; nhất là gần cuối mùa thu, sang đông, xuân thì cây lá, bông hoa bắt buộc phải đem hết vô nhà tránh cái lạnh cắt da, cắt thịt; còn rau cải ngoài vườn thì khỏi nói... "chúng nó" chết hết, không còn sót lại một cọng giống nào! Mỗi năm, khoảng chừng tháng 3, 4 mình cứ phải gieo lại giống mới. Rồi khi muốn ăn rau tươi vào những ngày mùa lạnh như vậy, là nên "hà tiện" lật vài ba

nhánh, lá nơi chậu, máng chiết ra để trên thành cửa sổ trong phòng bếp trước đó; chỗ không được phung phí như những ngày mùa hè, đúng không chị Tú? Hay là chạy xe đi mua ở mấy tiệm Á Châu xa xôi hằng chục, hằng trăm cây số. Cực khổ quá trời! Nghĩ cho cùng, đôi khi cứ ngụ nơi tỉnh lớn vậy mà khỏe re, khỏe trồng trọt gì hết, muốn ăn rau cải tươi, cứ việc chạy thẳng ra tiệm mua về, lúc nào cũng có.

- Được cái này thì... mất cái kia, chị ơi. Ở làng, ở xã như mình tự trồng rau, trồng cải, trồng đậu ăn... vậy mà ngọt ngào, với ngon miệng hơn. Chị có cảm thấy đúng như vậy sao?

Dì Phụng chưa kịp có ý kiến gì hết khi nghe thím Tú hỏi, chợt thấy thằng Toàn bước ra phòng khách và đi thẳng tới chỗ đặt chậu Hoàng trúc, cùng cây thuốc học trò của bé Cẩm trên tay; nó qui gối xuống nền thảm phòng ngay, khom khom người đổ tí mi khoảng cách tường nhà ra chiếc ghế mây thấp đặt chậu Hoàng trúc, rồi hai tay thận trọng bưng nguyên chiếc ghế mây đặt chậu Hoàng trúc mà dời trở lại sát tường nhà chút xíu; cuối cùng, thêm lần nữa nhìn độ dẫu ly tấc trên cây thuốc học trò của bé Cẩm và chân ghế mây thấp, thằng Toàn mới chịu đứng lên, miệng nó cười thật tươi, nói lớn:

- A, vậy là khoảng cách đúng boong 3 tấc rồi đó nội, má, dì Phụng. Ba đi làm về, thấy con để chậu Hoàng trúc "ngon lành" như vậy, thì... thế nào ba cũng khen con. Đúng không nội, má?

Dì Phụng lên tiếng:

- Chắc ba cháu "cứng" cây Hoàng trúc này lắm hả Toàn?

- Dạ, đúng như vậy đó dì Phụng. Ba cháu nói cây trúc tượng trưng cho người quân tử. Phải đặt làm sao cho đúng nơi đúng chỗ, thì cây trúc càng tăng thêm sự oai dũng của đặc tính riêng biệt. Ba cháu có đọc cho cháu nghe bài "Cây Cảnh Vườn Chùa" của Thầy Thượng Tọa Thích Như Điển viết về cây trúc trong Tập san Viên Giác, cháu thích lắm nên cũng có đọc lại mấy lần, đọc mãi như vậy... cháu thuộc lòng luôn.

- Hay quá, cháu thuộc nằm lòng rồi hả? Rất tiếc là dì chưa đọc qua bài này, vậy cháu có thể đọc lại cho dì nghe, được không Toàn?

Thằng Toàn gật đầu, bước tới bên ghế dài chỗ dì Phụng và má nó ngồi, qua niềm hãnh diện trong ánh mắt, nó đáp:

- Dạ. Cháu xin đọc lại dì Phụng nghe, Thầy Thượng Tọa viết về trúc như thế này: "Trúc không có hoa, chỉ có lá, không có gì đặc biệt; nhưng tư cách của trúc cần phải nhắc nhở đến. Trúc mọc thẳng, không cong vẹo như tre hay các loại cây khác. Trúc

cách này là tư cách của người quân tử, không lườn cúi dưới bất cứ hình thức hay hoàn cảnh nào. Vì vậy khi đi đám tang quan tiến chức hoặc về nhà mới, người ta thường hay tặng nhau cây trúc thật hoặc qua hình ảnh, để từ đó người làm quan, phải cố gắng noi theo tánh cách thanh bạch ngay thẳng của cây mà làm người. Khi xuân đến, trúc khoe màu xanh thắm; khi đông sang, trúc vẫn một lòng nhẵn nại chịu đựng với giá buốt mùa sa; trúc rất ít rụng lá, mặc dù đông đến và vẫn đứng thẳng để chờ cho qua khỏi đông; những không bị chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài. Tư cách này của cây trúc loài người đáng học hỏi."

- Cháu giỏi lắm, Toàn. Di Phụng vỗ tay khen ngợi.

Thằng Toàn nói thêm:

- Ba cháu cũng có đọc bài thơ gì về trúc, mà bác Huyền Thanh Lữ dịch; nhưng khó quá, cho nên cháu không thuộc được, dì ạ.

- Ủa... Cháu còn nhỏ, mới 14, 15 tuổi cho nên không thuộc, không hiểu thơ là phải đó Toàn.

Bé Cẩm từ chỗ ngồi bên bà nội, tay xếp trang tập chép bài Việt sử của thằng Toàn cũng đứng lên bước tới bàn dài, đứng sau lưng thằng Toàn, cô bé nói:

- Anh Hai, cuộn băng Video thiếu nhi "Bông Hồng Dâng Mẹ" phần thưởng của em đâu?

Thằng Toàn ngạc nhiên, nó hỏi ngược lại bé Cẩm:

- Ủa, sẽ có ngay. Mà em có thuộc hay chưa bài Việt sử: Trịnh-Nguyễn Phân Tranh; Giai đoạn thứ Hai - Năm Canh Ngọ 1630?

Bé Cẩm đưa trả cho thằng Toàn cuốn tập chép bài Việt sử; cô bé mạnh dạn đáp lời:

- Em thuộc rồi.

Di Phụng chen lời vào:

- Chuyện gì vậy Toàn, Cẩm?

- Dạ, cháu đố em Cẩm trong 2 ngày đọc bài Việt sử: Trịnh-Nguyễn Phân Tranh (Giai đoạn thứ Hai - Năm Canh Ngọ 1630). Nếu em thuộc, cháu sẽ thưởng cho em cuộn băng Video thiếu nhi "Bông Hồng Dâng Mẹ". Thằng Toàn trả lời.

Di Phụng cười thích thú, xoay qua bé Cẩm thúc giục:

- Vậy bé Cẩm đọc ngay đi... Cho bà nội, má với dì nghe chung với nè.

Bé Cẩm bước tới thêm một bước nữa để được đứng ngang với thằng Toàn, đối diện thím Tú và dì Phụng. Cô bé lớn tiếng đọc:

- "Trịnh-Nguyễn Phân Tranh, Giai Đoạn thứ Hai (Năm Canh Ngọ 1630).

Trận đánh này khai diễn vào mùa đông do Nguyễn Đình Hùng (cháu gọi bằng ông) của Nguyễn Ú Kỷ. Mục tiêu là châu

Nam Bố Chính đang do Nguyễn Tịch coi giữ và đóng ở Dinh Ngói.

Nguyễn Tịch tử trận, tất cả địa phương này về tay quân họ Nguyễn. Trai tráng ở đây bị quân họ Nguyễn xung vào làm lính được 24 đội, đổi tên cũ ra Dinh (ý nghĩa cũ của Dinh là nơi vua chúa ở; năm 1626 Dinh đổi ra Phủ. Sau này, Dinh chỉ có nghĩa là một đơn vị hành chính mà thôi, và đặt ở đây một quan Trấn thủ. Dưới đời Võ Vương, giang sơn của họ Nguyễn chia ra làm 12 dinh, tức là tỉnh bộ ngày nay). Trương Phúc Tấn được cử đến làm quan Trấn thủ đầu tiên ở địa hạt này.

...

Năm Canh Ngọ 1630, chúa Sãi (tên tục là Nguyễn Phúc Nguyên, con thứ 6 của Nguyễn Hoàng) nghe lời Đào Duy Từ, sai người em đem sắc dụ ra trả cho vua Lê, rồi sai tướng đánh lấy phía Nam sông Linh Giang để chống với quân họ Trịnh. Đến năm Quý Dậu 1633, nhân khi Chúa Sãi có người con thứ ba tên là Ánh, trấn thủ ở đất Quảng Nam, có ý muốn tranh quyền, bèn sai người đưa thư ra Thăng Long xin chúa Trịnh đem quân vào đánh, khi bắn súng làm hiệu, thì sẽ có Ánh làm nội ứng. Ánh lại xin chúa Sãi cho ra trấn thủ đất Quảng Bình để cho tiện làm mưu gian; nhưng chúa Sãi có lòng ngờ, không chấp thuận.

Khi Trịnh Tráng được thư của Ánh gửi ra, liền đem quân binh vào đóng ở cửa Nhật Lệ (của Đồng Hới). Chúa Nguyễn sai Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Hữu Dật đem quân ra chống giữ. Quân họ Trịnh đến đội 10 ngày, không thấy tin tức gì của Ánh, bèn lui quân ra để chờ. Quân lính chờ lâu sinh ra biếng nhác; cho nên bị quân họ Nguyễn xuất kỳ bất ý, đổ ra đánh đuổi. Trịnh Tráng thấy mưu sự không thành, cho nên vội vã rút quân về Bắc, và để Nguyễn Khắc Liệt ở lại giữ Bắc Bố Chính." (\*)

### ■ Bé Ngọc

(\*) Trích trong:

- Việt Nam Sử Lược - Trần Trọng Kim.

- Việt Nam Toàn Thư - Phạm Văn Sơn.

## Thân ái BÌNH MINH ...

### \* NGỌC TUYẾT

Mỗi khi có dịp ra nhà ga đón xe lửa lên phố tôi hay đi sớm để quẹo vô con đường nhỏ dẫn ngang qua một ngôi trường

tiểu học. Thường thì khu vực nơi đây tương đối yên tĩnh. Tôi thích ngắm những căn nhà mái thấp lợp ngói màu cam đỏ, những khoảnh vườn được chăm tía hoa cỏ cây ăn trái rất ngộ nghĩnh, dễ thương. Thành thạo xuất hiện hai ba chiếc xe hơi chạy với tốc độ hạn chế 30 cây số giờ, vài chiếc xe đạp, đôi ba người đi bộ. Vậy mà hề tiếng chuông báo hiệu giờ ra chơi vừa ngân xong thì không còn sự yên tĩnh nữa, trở thành ồn ào huyên náo không thua gì buổi chợ Phiên bởi tiếng cười nói, chạy giỡn, vui đùa la ó của các em học trò vừa rời nhanh khỏi lớp. Tự nhiên tôi cũng cảm thấy mình như nhỏ lại, thà nhẹ hờn về quê hương xa xôi, nơi chốn chúa thật nhiều kỷ niệm thời thơ ấu...

Đạo vừa lên năm, tôi không muốn ở nhà cả ngày nữa, nhất định đòi đi học trường Tiểu học Bình Minh "như chị Nhung", chị lớn hơn tôi mấy tuổi lận! Chị kể buổi sáng đó tôi thức dậy sớm lắm, không chịu ăn điểm tâm và tự thay mặc quần áo mới, mang giày mới lóng cón, đeo cặp-táp mới, đứng chờ trước cửa nhà. Nhìn bản mặt tươi rói hớn hờ của tôi, Ba Má vui vì tôi dạn dĩ đòi đi học sớm, chứ có con hàng xóm bảy tuổi còn chưa chịu vào trường, phải dọa, phải năn nỉ òi, dụ quà cáp mới được.



Nhà cách trường khoảng mười lăm phút đi bộ, nhưng kiểu vừa dung dăng dung dè đi như chị em tôi, cùng mấy đứa bạn chung phố, ghé hàng này mua ít bánh, hàng nọ mua ít kẹo nên cũng cần cả nửa tiếng đồng hồ. Qua mỗi con hẻm chị dặn tôi đừng rẽ vào không có đường tắt gần hơn mà cứ đi thẳng hoài. Xưởng khói dốc cầu, đi thêm mấy phút nữa khỏi ngõ chùa Miên là tới trường, bên ngoài treo tấm bảng vẽ hình mặt trời vàng với các tia nắng biểu hiệu Bình Minh tiểu học. Phòng lớp 5 của tôi nằm gian nhà cánh phải và chỉ có một dãy ghế tám hàng, mỗi hàng sáu chỗ ngồi. Nhờ đi sớm nên tôi lựa hàng đầu. Mà tôi nghĩ đầu có lẽ đi trễ cũng được xếp ngồi hàng trước vì mình vừa nhỏ tuổi lại vừa nhỏ con!

Tôi nhớ lắm người thầy giáo đầu tiên tên Giỏi. Thầy có nước da ngăm ngăm, nét mặt hơi nghiêm nhưng tính rất vui. Lớp trai đông hơn gái nên tụi nó hay chạy qua chạy lại làm ồn, thầy phải quất cây bên bàn để tụi nó nghe, sợ và lo ngồi chỗ nào yên chỗ nấy. Năm học chẳng có gì đặc biệt, nghe kể chuyện nhiều hơn, chưa phải làm bài vở ở nhà, tôi chỉ nhớ mấy câu học thuộc lòng:

"*Chữ quốc ngữ  
của nước ta,  
Con cái nhà  
đều phải học,  
Miệng thì đọc,  
tai thì nghe,  
Đừng ngủ nhè,  
chớ lấu tấu!*"

Lên lớp tư tập viết, tập đọc; sang qua lớp ba học với thầy Dũng. Thầy cao, ốm và chải tóc kiểu tài tử cao-bồi, chạy chiếc Vespa; còn trẻ nên hay giỡn, nhưng lúc thầy bực mình đứa nào lì lợm, hỗn hào thì mặt đỏ lên, lấy thước kẻ tay hay bắt phạt quì gối làm tôi cũng sợ lắm! Lên lớp nhì gặp lại thầy Giỏi, thầy vẫn đi dạy bằng chiếc xe đạp cũ kỹ và hình như cũng vui khi thấy vẫn còn chúng tôi. Sang năm lớp nhất học thầy Hoàn. Thầy đeo kính cận không dày, nét mặt Tây phương với sống mũi cao, da trắng hồng và cặp môi đỏ. Tính thầy hiền nên nhiều học trò thích. Tôi không quên một giờ ra chơi, đang ngồi đánh banh đĩa ngoài sân, mỗi động bóng đĩa, chòe banh rớt xuống hứng lấy thì bị ai đằng sau lưng chụp mắt, tức quá... tôi quay lại định há miệng la... ồ quì, bỗng ngược thấy thầy trợn mắt cười, tôi mắc cỡ quá chừng!

Gần cuối năm, trong khi các bạn chuẩn bị ghi danh để thi tuyển vào đệ thất các trường công lập, tôi chẳng biết tính sao, thầy kêu nói chuyện và đề nghị về nhắc Ba Má làm đơn miễn tuổi, hay học thêm một năm nữa với thầy (!). Ba Má lại không thích con cái học trường công, tuy đỡ tốn học phí nhưng kỷ luật khó khăn và nhất là quá xa nhà đã bất tiện, còn có thể bị xếp học ban trưa, thành ra chị em tôi đều đi học trường tư cả!

Bài luận văn cuối cùng của lớp nhất mang đề tài "Hãy thay lời cái bàn gỗ tự thuật đời mình" tôi viết bằng mực tím. Hôm phát ra, tôi phiên tôi thầy chỉ cho thấy số điểm chủ không đưa lại. Thầy bảo "giữ để làm bài mẫu cho lớp năm sau...", tôi hơi ngạc nhiên mà cũng thấy vui vui vì có vinh hạnh đó!

Sau này lên Trung học, có lần tình cờ thầy trò gặp nhau ngoài phố, thầy mặc đồ quân phục, kể đã lập gia đình mới có cháu đầu lòng; tôi áo trắng học trò đệ lục, hứa

hôm nào rảnh sẽ ghé lại trường xưa, thăm các thầy giáo cũ... rồi chia tay! Đôi khi chạy chiếc PC21 từ phố về đều phải qua trường, tôi muốn dừng vào thăm nhưng bỗng thấy ngại và tim đập thình thình, không dám nữa! Mặc dù trong tôi vẫn thiết tha nhớ ngôi trường Tiểu học của mình, nhớ phòng lớp, sân chơi, ngôi nhà thầy Hiệu Trưởng gần vườn người hàng xóm có bụi hoa dạ lý, có cây ke, cây lá móng tay mà tôi vẫn trầm trồ, ao ước... Tôi sống mãi với kỷ niệm những năm tháng đầu tiên làm học trò, nhớ những cây bút cán gỗ sơn đủ màu tha hồ lựa, nhớ những ngòi viết trái bầu, lá tre, những viên mực khô bỏ pha vào lọ mực, nhớ những tập vở bìa trắng sau in bằng cừu chường phải học thuộc lòng... Trong ký ức vẫn còn ghi chuyện đọc tả chị Doãn người đàn bà xấu xí với những ngón tay thô như những quả chuối ngự, truyện đời xưa Con quạ và Cây khế, hứa "ăn trái khế trả lượng vàng, may túi ba gang mang theo mà đựng", hoặc bài thơ ngụ ngôn chuyện Con Rùa thắng cuộc chạy đua với Thỏ, chuyện Cô nàng bán sữa v.v.. và bao nhiêu công lao các thầy đã bỏ ra để chúng tôi được có những giờ học quý báu, biết yêu thương kính trọng ông bà cha mẹ, ăn ở hiền lành ngay thẳng, biết điều dữ xấu cần tránh...

Bước tới nhà ga, chuyến xe lửa ngược chiều vừa chạy vù qua làm rung động chiếc đường rầy sắt kéo tôi trở về với thực tại, nhưng tôi vẫn ước ao "ôi thời gian! sao không là cái gì thực tế, để có thể níu lại được, để còn mãi ngày xanh êm ái?" ■

## Tàu ra ngoại ô



● CỎ MAY

Tình cờ, tôi gặp em trên một chuyến tàu ra ngoại ô. Đoán chắc là người đồng hương nhưng tôi không dám lại làm quen để hỏi đường.

Em có mái tóc dài, đen mượt, đôi mắt nâu tròn to, hàng mi cong cong. Em đẹp dịu dàng, rất là châu Á.

Em đứng ở cuối toa tàu cùng mấy người bạn nước ngoài. Không có ai cùng màu da, màu tóc với em.

Em đứng lơ đãng nhìn cảnh vật ngoài cửa sổ vùn vụt chạy qua. Tôi tò mò, thật muốn biết trong cái đầu xinh xinh kia đang nghĩ gì.

Mấy cô bạn lại thì thầm nói chuyện. Em cũng lơ đãng nghe

Tàu chột dừng

Mấy cô bạn chào em và xuống tàu

Em còn lại một mình.

Tôi thu hết can đảm lại gần. Tôi chào em:

- Hallo!

Em cũng: - Hallo!, và hơi mỉm cười với tôi.

- Em có phải là người Việt không? Tôi rụt rè hỏi.

- Ja (1)! Em gật đầu.

- Tôi mới đến vùng này. Em làm ơn chỉ đường giúp tôi nhé!

Em gật đầu, nhưng lại nói bằng tiếng Đức:

- Tut mir leid! Ich kann Ihnen nicht viel helfen. Ich kann nicht Vietnamesisch (2).

Tôi bàng hoàng.

Em bối rối

Tàu chột dừng. Em lí nhí chào tôi:

- Auf Wiedersehen!

Tôi đưa tay chào em. Lòng nặng trĩu.

Tàu lại vùn vụt đi, đưa tôi ra ngoại ô ■

Ghi Chú:

(1) Vâng!

(2) Đáng tiếc! Tôi không giúp ông được gì nhiều. Tôi không biết tiếng Việt.

## Tại sao chúa sơn lâm có bộ lông vàng ?

● Thanh Bình



Thuở xa xưa, khi muông thú có thể nói được như người, một hôm, Con Cọp, chúa tể uy nghi của rừng rậm, nhón lúc đi dạo chợt đi đến bờ ruộng nơi một nông dân đang cày cùng với con trâu.

Cọp bàng hoàng và không tin ở mắt mình: Bằng cách nào mà một sinh vật hai chân, không móng vuốt, chỉ cần có một cây roi để điều khiển con trâu to lớn thế kia đi đông khắp ruộng lúa?

"Thật là một việc lạ" Cọp tự nhủ. Và muốn khỏi thắc mắc, cọp ẩn mình trong lau sậy và theo dõi người và trâu. Khi mặt trời lên khỏi đỉnh đầu, người tháo ách cho trâu và thả con vật đi gặm cỏ ở cánh đồng. Xong, dưới bóng cây râm mát, người ngồi đó cơm ra ăn.

Cọp chờ cho trâu đến gần nó, liền hỏi nhỏ: "Hãy đến gần đây bạn, và hãy giải thích vì sao một con vật mạnh như bạn lại vâng lời một con người nhỏ bé thế kia?"

Trâu, vừa đánh hơi Cọp, sợ đống lên, nhưng nó góp hết can đảm tiến tới vài bước để đáp lời Cọp: "Thưa ngài Chúa Tể Sơn Lâm, người có vẻ yếu đuối ở bề ngoài, nhưng người có một vũ khí đáng nể: đó là trí khôn. Nó có thể sai khiến những sinh vật những sinh vật mạnh hơn nó nhiều với trí khôn của nó. Vì vậy, tôi khuyên ngài hãy trốn khỏi nơi này cho mau, kéo trẻ".

"Trốn à? Giò ta đã biết vì sao Người mạnh hơn mọi vật, ta sẽ buộc người đưa trí khôn của nó cho ta. Ta đâu có hèn nhát như Trâu. Khi có vũ khí, ta sẽ là kẻ mạnh nhứt trên đời!".

Cọp liền phóng mình ra khỏi đám sậy, vỗ người và thét rằng:

"Người kia, ta nghe nói người có một vũ khí phi thường tên là trí khôn. Có thật vậy không? Nếu đúng thế, hãy giao nó cho ta ngay. Ta sẽ ăn thịt mi sau".

Người trấn tĩnh cơn sợ hãi và bình tĩnh đáp: "Hỡi Chúa Sơn Lâm, thật là hân hạnh cho tôi được dâng trí khôn của tôi cho ngài, nhưng ngài hãy nhẫn nại giây phút, vì hiển nhiên tôi không có đem một vũ khí quý báu như thế ra đồng, và tôi đã cất kỹ nó ở nhà. Tôi cần phải đi về làng để lấy nó cho ngài".

Việc này thật là bất tiện cho Cọp, nhưng nó không làm sao khác được. Nếu nó muốn có trí khôn, nó phải chấp nhận sự việc. Tuy nhiên, để tránh việc người có thể đổi ý dọc đường, Cọp tuyên bố nó sẽ đi theo người.

- "Tùy ý ngài", Bác nông dân đáp: "Nhưng tôi xin nói trước cho ngài giữ mình. Nếu dân làng trông thấy ngài, các người ấy sẽ dùng vũ khí, gậy gộc, đá gạch để tìm cách giết ngài. Ngài chắc đã biết rằng ngài không được chúng tôi ưa, và ai cũng xem ngài như là một nỗi kinh hoàng ở trong vùng!".

- "Mi có lý, tốt hơn mi hãy đi một mình. Nhưng hãy mau lên nhé và ráng trở lại đây cho sớm!".

- "Vâng, vâng. Tôi có một điều yêu cầu với ngài. Trong khi tôi về làng, ngài sẽ ở

một mình với con trâu của tôi. Có thể ngài nghe đói lòng, và ngài muốn ăn thịt nó. Chúng ta đã đồng ý về trí khôn của tôi, nhưng về con Trâu của tôi thì sao? Vậy, tôi đề nghị trói ngài vào một gốc cây, để tránh mọi bất trắc".

Chúa Sơn Lâm, một lần nữa, lại cho rằng người có lý.

Người liền lấy rơm bện một sợi dây thật chắc, và trói Cọp vào một gốc cây.

- "Xong rồi, giờ người hãy chạy về lấy trí khôn ra đây cho ta, đừng trễ nữa!". Cọp lên tiếng.

- Người liền cười lớn: "Đồ súc vật ngu đần! Từ xưa tới nay, loài người luôn có trí khôn ở trong đầu! Sức mạnh của trí khôn của ta đã trói người vào gốc cây này, hỡi Chúa Tể của muôn loài".

Xong, anh nông dân ngồi xuống bãi cỏ và nhúm lửa hâm lại bữa ăn đã bị sự xuất hiện của Ông Ba Mươi làm gián đoạn. Nhưng lửa bị gió tạt, bén vào dây rơm trói cọp và những lần dây lửa hằn sâu vào bộ lông Cọp những vằn đen. Quá đau đớn, Chúa Sơn Lâm rút người ra khỏi những sợi dây trói cuối cùng và phóng mình vào rừng. Từ ngày đó, Cọp chẳng những có bộ lông vằn đen, nhưng còn sợ lửa kinh khủng.

Nhưng Trâu cũng có một kỷ niệm đáng nhớ về sự việc đã xảy ra. Trâu đã cười sự ngu xuẩn của Cọp đến nỗi té trên đá gãy mất mấy cái răng của ở hàm trên. Từ dạo ấy, giống Trâu đều không có răng của ở hàm trên.

Con người ?

Đến hôm nay, Người vẫn còn trí khôn trong đầu ★



## gia đình Phật Tử

### ● Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

Các em Đoàn Sinh thân ái,

Chiếc áo Lam mà các em đang mặc mỗi khi sinh hoạt hay những lúc lễ lạc tại Chùa là màu của tro và nhang khói, màu của Từ bi, Nhân ái.

Các em cũng đã hiểu được rằng, trong cõi đời này không có cái gì được gọi là tồn tại lâu dài và vĩnh cửu. Có đó rồi mất đó, trở đi, trở lại, luân chuyển triền miên như quả đất đang quay theo quỹ đạo của mặt trời. Con người cũng thế. Có sanh phải có diệt, cho nên có kẻ phải chết vì già yếu, vì bệnh hoạn hay vì gặp phải tai ương, nạn

đến tới tấp bất thường: Đụng xe, máy bay rớt, động đất, bão lụt, bom, mìn v.v... Những việc đó không phải ai cũng muốn hay tự mình gây ra. Cho nên trong đạo Phật chúng ta gọi là "Vô thường" và hai chữ "Vô thường" đó nằm trong Pháp của Phật.

"Vô thường" có nghĩa là không thường, không luôn luôn như vậy mà nó có thể xảy ra bất cứ lúc nào, hồi nào, trường hợp nào... Nhưng sự "Vô thường" rất dễ dàng bắt nguồn cho sự thông cảm về việc đối xử giữa người với người, giữa người với chúng sanh để mang lại sự an vui, tự tại. Bởi nghĩ rằng tất cả đều không thường, không suốt đời mình được luôn luôn toàn vẹn. Cũng ví như các em đâu ngờ rằng, mình là người tóc đen, da vàng đang ở tại một quê hương xa xôi, năm tháng có bốn mùa và ngày nào mặt trời cũng chiếu sáng, rồi tự nhiên phải đến đây hoặc được sanh ra ở đây để làm kẻ sống lưu vong hay thành người công dân bản xứ. Hoặc có những cụ già, người trẻ lúc còn sống đã định ninh nghĩ rằng khi mình chết, mình sẽ được nằm yên nơi lòng đất Tổ của quê hương, quanh mồ sẽ có cây xanh bóng mát, thân xác mình sẽ được bao che ấm áp. Nhưng sự tính trước đã không được toại nguyện do sự "Vô thường" cướp mất đi sinh mạng của mình khiến khi chết rồi phải chịu nằm nơi đất lạnh quê hương người.

Đây chỉ là một vài trường hợp thí dụ đã xảy ra, còn ngoài ra có biết bao trường hợp khác. Cho nên "Vô thường" chỉ có sự chấp nhận chứ không có sự khước từ hay chối cãi.

Các em Đoàn Sinh (ĐS) thân ái,

Trước đây tôi đã giải thích trên báo này với các em thế nào là "Nhân quả". Chắc các em đã hiểu được - Nhân là nguyên nhân hay là căn, có, nguồn, cội... Quả là kết quả hay sự tựu thành của nguyên nhân đó - Ví dụ như ta có cơm ăn là nhờ người làm ra gạo, ta đủ máu trong người là nhờ có uống nước vào, gờn phấn vào da mặt thì da mặt trắng, thoa son lên môi thì môi đỏ v.v...

Lý nhân quả đã làm giảm đi tánh tình nóng nảy và sự hung ác của con người, kéo con người trở về với điều thiện nghĩa, vì ai cũng lo ngại sợ phải gặp quả báo. "Ác lai, ác báo" hay là "Nhân nào, Quả nấy", Chỉ có một số người vì tham vọng nhất thời trong việc tranh quyền, đoạt lợi cho riêng mình nên đã bất chấp mọi điều thiện nghĩa, gạt bỏ lý đó qua một bên để thực hiện cho được những hoài bão của mình.

Trong dân gian của quê hương mình cũng có câu:

*Ngày xưa quả báo thi chày*

Ngày nay quả báo thì ngay nhân tiền

Hai câu đó ý nói: trước kia quả báo đến lâu hơn, còn bây giờ thì nó đến ngay trước mắt. Cho nên khi các em muốn nói điều gì, làm việc gì cần phải đắn đo suy nghĩ, phân tích phải, trái rồi hãy nói hoặc làm. Đừng vì sự nóng giận cấp thời hay húng khởi nói ra cho thỏa mãn, rồi sau đó làm không được y theo lời. Cùng một việc mà chê đó, khen đó thì không tốt.

Kết quả bị người ta xét lại tư cách của mình và mất tin tưởng. Bởi vậy mọi hành động hay việc mình làm hôm nay có ảnh hưởng cho tương lai và luôn cho hậu kiếp của mình nữa.

Sách "Nhân Quả" đã có câu: "Dục tri tiền thể nhân, kim sinh thụ già thị; dục tri lai thế quả, kim sinh tác già thị". Ý nói: "Muốn biết cái nhân ở kiếp trước, thì xem sự hưởng thụ ở đời này- thì biết. Muốn biết cái quả kết thành ở kiếp sau thì xem cái việc làm ở kiếp này- thì biết".

Trong thế gian này sự khổ đau nhiều hơn hạnh phúc. Người có hạnh phúc biết đem cái hạnh phúc của mình san sẻ bớt cho những kẻ khổ đau. Đó mới đáng quý, vì mình đã thực hiện hạnh nguyện tử bi và chí tâm làm điều thiện nghĩa.

Đạo Phật của chúng ta có đức Quán Thế Âm Bồ Tát tượng trưng cho hạnh nguyện đó. Bởi Ngài đã có lời nguyện: "Bất cứ chúng sanh nào khi gặp khổ đau hoặc nguy hiểm mà niệm danh hiệu Ngài thì Ngài sẽ đến cứu độ". Cho nên người nào làm việc thiện nghĩa là nối gót theo hạnh nguyện tử bi của Ngài.

Người ta cũng có câu: "Thi ân bất cầu báo", người ban ơn mà không cầu sự trả ơn, là người có nghĩa khí cao đẹp đáng được vinh danh trong thiên hạ. Người chỉ gieo cái "Nhân" đem tình thương để bao bọc, che chở, thực hành điều thiện nghĩa chứ không cầu mong cái "Quả" được phước báu đem đến cho mình.

Nào ngờ đâu trong cái "Nhân" mình đã làm mang tới cho mình một cái "Quả" to tát và xứng đáng vô cùng.

Vào những ngày cuối tháng 8 (31.8) và đầu tháng 9/97 vừa qua, các em cũng đã nghe hoặc thấy trên truyền hình, đài phát thanh hay qua báo chí về cái chết của Prinzessin Diana người Anh quốc, khiến cho mọi người trên thế giới bàng hoàng, sững sốt. Bởi sự ra đi đột ngột của nàng khiến họ vô cùng xúc động, tiếc thương. Không có danh từ nào để tặng cho tấm lòng của nàng nên người ta đã tặng cho nàng là Trái Tim của Thế Giới "Das Herz der Welt" hay Nữ Hoàng của con tim "Königin der Herzen". Hàng triệu người và hàng triệu bó hoa từ khắp bốn phương trời,

mang đến tận thủ đô London để dâng tặng cho nàng. Hàng triệu người từ phương xa đến đó nằm ngổn ngang ngoài đường, bất kể đói, khát, gió sương chờ đưa quan tài của nàng đến nơi an nghỉ cuối cùng. Hàng triệu bó hoa của những người không đến được, mang vào các công viên thành phố đặt lên đó để tang và cầu nguyện cho nàng... Và nhiều vị nguyên thủ quốc gia, chính khách thế giới gói diếu văn bày tỏ lòng thương tiếc...

Từ xưa cho đến nay trong lịch sử thế giới chưa có một vị Vua, Chúa, một vị Công nương hay một người đàn bà nào mà lúc chết được cái vinh hạnh tụy tâm của mọi người tỏ sự ưu ái như thế. Chắc chắn Prinzessin Diana đã được siêu sanh cực lạc và lịch sử nước Anh cũng như về nhân loại phải đặc biệt dành trang để ghi lại cuộc đời của nàng. Như vậy nàng chỉ mất xác thân, chứ trong tâm hồn người đời thì nàng không mất và mãi mãi không mất.

Đó chẳng qua là cái "Nhân" của nàng đã gây ra, đặc biệt nàng là người ở cương vị cao sang, quyền quý và sắc đẹp. Nhưng biết dẹp bỏ cái vinh hoa, sang cả, hưởng sắc thắm tho của mình để ôm ấp vào lòng những đứa trẻ thơ vô tội bị bệnh nan y. Đứa bàn tay âu yếm, vuốt ve, an ủi những người hội tanh không tự mình lo được cho thân thể, vì tàn tật. Viếng thăm những người già yếu, cùi hủi, Aids v.v... đã bị người đời xa lánh, bỏ bê. Xoa dịu sự khổ đau của họ, giúp cho họ tiền tài và phương tiện, khuyến khích họ hy vọng, vui tươi kéo dài thêm đời sống. Người ta không quên lời nàng đã phát nguyện: "Nếu ai ở trong hoàn cảnh nguy khốn cần giúp đỡ, gọi tôi, tôi sẽ đến ngay" (Trên đài truyền hình vào tháng 11.1995).

Cho nên trong phần đời của nàng đã qua dù phải gặp trắc trở, chông gai, áy ố hay bị chê trách tận cùng đi chăng nữa, thì đó cũng chỉ là những thói thường của cuộc đời này. Vì sánh ra nàng cũng chỉ là một người đàn bà như bao nhiêu người đàn bà khác. Người ta chỉ nghĩ tình thương bao dung và việc làm thiện nghĩa của nàng. Còn về cá nhân tình cảm, dục lạc của riêng nàng thì không ai cần nghĩ tới, không cần so đo và hầu như tất cả mọi sự đều được xóa bỏ, được tha thứ.

Tóm lại về phần này: Cái chết thình lình của Prinzessin Diana là một sự "Vô thường" - Cái "Nhân" là nàng đã thực hiện được hạnh Tử bi - Cái "Quả" là được sự thương yêu, triu mến tột độ của mọi người trên thế giới và được nhân loại ghi vào sách sử lưu lại muôn thu. Ấy phải chăng là cái "Quả" trước mắt đã cho mọi người nhìn thấy.

Trước đám tang của Prinzessin Diana một ngày thì đức Mẹ Teresa gốc người

Albanien cũng đã mất (05.9.1997) tại Calcutta, Ấn Độ. Đức Mẹ Teresa cũng là người biểu hiện cho lòng tử bi, cho tình thương và cho sự già hòa bình. Bởi suốt đời, người chỉ lo phục vụ cho tha nhân, giúp người nghèo khó, xoa dịu vết thương đau cho những kẻ bị bệnh hoạn, tật nguyền. Đám tang của Người cũng được chính phủ Ấn Độ tổ chức theo nghi lễ quốc tán và toàn dân Ấn Độ tang cho Mẹ hai ngày. Tháp tùng theo sau xe tang của Người có hàng vạn người tiễn đưa, nhiều vị nguyên thủ quốc gia và ngay cả Đức Giáo Hoàng Johannes Paul II cũng tỏ lòng tiếc thương phúng diếu và cầu hồn cho Người.

Người đã để lại cho thế gian này hàng ngàn đệ tử ở khắp trên một trăm quốc gia hầu mong tiếp tục sứ mạng của mình cứu độ, cứu khổ cho nhân loại. Nhưng dù sao Mẹ cũng là người đã đi tu và cũng đã già (87 tuổi), ước nguyện cuối cùng Người đã nói: "Hãy để cho tôi được chết bình thường như bao người khác mà tôi đã phục vụ". Nên tang lễ và niềm kính yêu, thương tiếc của toàn thể mọi người đối với Người cũng phải nằm ở đẳng cấp, vai vế thuộc về hàng Giáo Phàm trong tôn giáo, khác với con người tầm thường, còn trẻ, thế tục như nàng Diana. Song đó cũng là cái "Quả" vinh danh để đáp đền công ơn cho cái "Nhân" mà Mẹ Teresa đã làm trong đời mình.

Thân ái cùng các em,

Tò Viên Giác này là tờ báo XUÂN, gợi đầu hướng vị Tết cho tờ Tân Niên Xuân Mậu Dần sắp đến. Dựa vào chương trình tu học của các em, tôi nói với các em về "Mười Điều Thiện", đồng thời xin được mang tên người đảm trách mục này, thân ái gởi đến quý Bác Gia Trưởng, quý Anh, Chị Trưởng và toàn thể các em Đoàn Sinh thuộc ĐGPVTN tại Đức quốc lời chúc: Thân tâm thường an lạc, vui vẻ ở những ngày nghỉ Giáng Sinh và Tết của năm Tây lịch 1998 bắt đầu.

## MƯỜI ĐIỀU THIỆN

I. Định nghĩa: Mười điều thiện là mười việc lành, gồm có:

Thân nghiệp (về thân thể), Khẩu nghiệp (về lời nói), Ý nghiệp (về ý nghĩ), Có tính cách lợi mình, lợi người ở hiện tại và tương lai, cần bản để làm người và là nấc thang đầu tiên trên con đường tu học tiến đến Phật quả.

### II. Hành tướng của mười điều thiện:

A. Thân nghiệp: Những hành vi tác động về thân gồm có 3:

1. Không sát sanh: nghĩa là không cắt bỏ mạng sống của các loài chúng sanh, từ loài người cho đến loài sâu, kiến nhỏ nhiệm; không tự mình giết hại, không sai người khác giết hại, không thấy kẻ khác giết hại mà vui mừng và tán thành, mà phải tìm cách hoặc tìm phương tiện để cứu sống chúng sanh thoát khỏi tai nạn đó.

2. Không trộm cắp: Tức là không chiếm đoạt về phần mình những vật thuộc người khác, từ vật lớn cho tới vật nhỏ như: ruộng, vườn, vàng, bạc cho đến cây kim, sợi chỉ v.v... Không tự tiện lấy dùng vật gì khi không được người ta thuận cho hoặc không có người ta ở đó. Không dùng sức mạnh cướp đoạt của người, xáo trá để lường gạt người. Hành vi đó cũng thuộc về tội trộm cắp.

3. Không tà dâm: Nghĩa là không sống trác táng, ăn chơi, đàng điếm mà phải tu hành theo hạnh tiết dục thanh tịnh. Tà dục cấm hàng tại gia như nói ở trên, còn người xuất gia thì hoàn toàn cấm hẳn, vì tà dục là cội, nguồn của tội lỗi và của sanh tử luân hồi.

B. Khẩu nghiệp: Chỉ những lời nói ra - Có 4 cách:

1. Không nói lời dối trá: Nghĩa là không nói sai sự thật như:

a/ Không thấy nói thấy, thấy nói không thấy.

b/ Nghe, nói không nghe, không nghe nói nghe.

c/ Biết, nói không biết, không biết nói biết.

d/ Trái nói phải, phải nói trái - Trừ một vài trường hợp đặc biệt để cứu chúng sanh thoát khỏi tai nạn hoặc nói chơi cho vui mà không hại tới ai hết thì có thể châm chúc được.

Ví dụ muốn cứu một con vật thoát khỏi tay người thợ săn, khi người thợ săn đó đuổi theo nó mà không còn thấy nó nữa, đến hỏi mình, mình có thấy những nơi không thấy thì được.

2. Không nói lời độc ác: như chửi, rủa, mắng nhiếc hoặc vu khống cho người, cho vật v.v... trái lại phải dùng lời hòa nhã, êm dịu, từ tốn để đối xử mới tốt đẹp.

3. Không nói thêu dệt: Không trau chuốt lời nói cho đẹp để văn hoa để khiến cho người ta bị mê hoặc, loạn trí hay xúi giục người ta làm điều xằng bậy làm mất nhân cách. Trái lại cần phải nói lời chơn trực, thật thà. Giải thích những điều sai trái.

4. Không nói hai lưỡi: Không nói lời phản gián, đến bên này nói xấu bên kia, đến bên kia nói xấu bên này, khiến bà con, bạn bè, người thân quen sanh ác cảm, nghi kỵ và thù ghét lẫn nhau.

C. Ý nghiệp: Chỉ cho tư tưởng và ý nghĩ, gồm có 3:

1. Không tham lam: Không tham muốn 5 món dục lạc ở đời là: Tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ngủ nghỉ, ăn uống, mà phải tiết dục và tri túc, sống đời giản dị, thanh cao.

2. Không sân hận: Đối với nghịch cảnh không sanh lòng giận hờn, thù oán, tìm cách để hại người, hại vật. Trái lại phải nhẫn nhục, hỷ xả hoặc tìm phương tiện làm cho chúng sanh được vui vẻ, hòa hợp, dù là đối với kẻ hung bạo làm hại mình, để cho hạnh Từ bi của mình được phát triển.

3. Không ngu si: Đối với sự lý hay lý lẽ, biết phán đoán, không cố chấp sự hiểu biết của riêng mình, không tin những lý thuyết mơ hồ, không mê tín dị đoan, không theo tà Đạo. Trái lại phải tu hạnh Trí huệ để trừ vô minh và bao giờ cũng phải biết phục thiện.

### III. Sức mạnh của mười điều thiện

1. Cải tạo tự thân: Con người về sắc thân, tánh tình, trí thức đều do nghiệp nhân chi phối. Sự thực hành Mười Điều Thiện sẽ hoá cái hoàn toàn tâm tánh, trí thức và sắc thân của mình. Ví dụ như không sát sanh mà lại phóng sanh thì tánh tình sẽ thành từ bi và trí huệ sẽ sáng suốt.

2. Cải tạo hoàn cảnh: Mười Điều Thiện này sẽ hoá cái hoàn toàn mọi hoàn cảnh. Ví dụ như một người không bao giờ sân hận, lại tu hạnh nhẫn nhục thì hoàn cảnh không có sự oán thù, chiến tranh, giết hại nào mà chỉ đem lại thật cảnh thanh bình, an vui, tương thân tương ái.

3. Chánh nhân thiên giới: Nếu thực hành đúng đắn Mười Điều Thiện này thì sẽ được sanh lên cõi Trời, hưởng sự an vui, đẹp đẽ hơn hẳn cõi người.

4. Căn bản Phật quả: Mười phương, ba đời các vị Hiền Thánh thoát khỏi sanh tử, chứng quả Vô Thượng đều lấy Mười Điều Thiện làm căn bản, vì Mười Điều Thiện này có công năng ngăn đón các hành vi độc ác, đối trị các điều không lành và làm ba nghiệp được thanh tịnh - Khi ba nghiệp được thanh tịnh thì thoát khỏi đường sanh tử, chứng quả Niết Bàn.

Và nếu Mười Điều Thiện này, hồi hướng cho toàn thể chúng sanh, tức thành tựu được Phật quả.

Nói chung về hành tướng của Mười Điều Thiện thì Thân nghiệp có 3 điều - Khẩu nghiệp có 4 điều - Ý nghiệp có 3 điều. Tổng cộng gồm 10 điều. Mười điều này giới thiệu cho chúng ta những việc làm rõ ràng, thiết thực nhất để chúng ta theo đó mà hành trì; nó cũng nêu rõ là chỉ có việc làm mới có giá trị, chứ nói suông thì chẳng có ích lợi gì.

Nếu thực hiện được Mười Điều Thiện này, nó sẽ giúp cho chúng ta cải thiện đời

sống của chúng ta và của mọi loài, hoá cái tự thân mình và xã hội trở thành thiện mỹ, nhất là hướng dẫn người Phật tử của chúng ta trên con đường tu học mau đạt thành Phật quả.

Viết và tham khảo Phật Pháp  
GDPTVN

■ Thiện Căn Phạm Hồng Sáu

## TIN GDPTVN/ĐQ

### \* ĐẠI HỘI HUYNH TRƯỞNG (HT) GDPTVN TẠI ĐỨC QUỐC K.VI

Như hàng năm BHD/GDPTVN/ĐQ có tổ chức một kỳ Đại Hội HT cho tất cả HT thuộc Ban Thường Vụ (BTV) và các HT thuộc các GDPTVN địa phương trên toàn nước Đức. Năm nay Đại Hội HT/GDPTVN tại ĐQ kỳ VI được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover vào những ngày từ: 10 đến 12.10.1997.

Mục đích Đại Hội: Tổng kết thành quả, rút úc, khuyết điểm đồng thời lập một chương trình sinh hoạt mới cho năm 1998 sắp đến. Đặc biệt trong Đại Hội này, bầu một BTV mới thuộc BHD cho nhiệm kỳ từ 1998 đến năm 2000, thay thế cho BTV cũ đã mãn nhiệm kỳ.

Thành phần tham dự hiện diện gồm có 29 Huynh và Chị Trưởng (CT) Đại diện cho BHD và tất cả GDPTVN tại địa phương.

- Ban Chủ tọa điều hành và kiểm soát cuộc bầu cử được mời: Bác Thị Tâm, Hội Trưởng HPTVNTN tại CHLBĐ; Bác Trúc Ngô, Gia Trưởng (GT) GDPT Chánh Niệm Bá Linh; Bác Quảng Ngô, GT GDPT Tâm Minh Hannover và HT Thị Lộc TB-BHDTÚ/GDPTVN/ÁC.

- Thuyết trình viên: CT Tâm Bạch

- Thư ký: CT Từ Đường

Kết quả được tín nhiệm bầu cho nhiệm kỳ mới của BTV là:

- Trưởng Ban: HT Thị Hiện Nguyễn Hữu Lộc

- Phó Nội Vụ: HT Thiện Sơn Nguyễn Thanh Hải

- Phó Ngoại Vụ: HT Thiện Mỹ Thái Văn Anh

- Thủ Quỹ: HT Quảng Niệm Lê Gia Tuyển

- Tổng Thư Ký: CT Từ Đường Hồ Thị Kim Hiếu và Phụ Tá CT Thiện Hạnh Võ Thị Mỹ.

Ủy Viên các Ngành:

- Ngành Nam: HT Thiện Hùng (Phụ tá ngành Thanh: HT Nguyễn Mẫn; ngành Thiếu: HT Thiện Tâm; ngành Oanh GDPT Chánh Tín München sẽ cử HT sau)

Ngành Nữ: CT Diệu Hiền (Phụ tá ngành Thanh CT Diệu Hiền kiêm; ngành Thiếu: CT Nguyên Lượng; ngành Oanh CT Từ Lạc).

- Nghiêm Huấn: HT Tâm Cừ.
- Văn hóa giáo dục và Tu thư: CT Tâm Bạch (Phụ tá HT Thiện Nguyên).
- Văn Mỹ nghệ: HT Nguyên Hoàng (Phụ tá Báo Chí CT Thiện Hạnh; Văn nghệ CT Diệu Nguyễn; Kỹ thuật H.T Thiện Trí).
- Tổ kiểm: HT Thiện Sơn (kiêm nhiệm).
- Doanh tế: CT Thiện Huệ (GDPT Minh Hải).

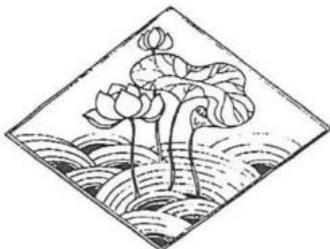
Sau khi báo cáo và tổng kết những ưu, khuyết điểm của BTV thuộc BHD và các GDPTVN tại các địa phương trong sinh hoạt Phật sự của năm. Đại hội đã bàn thảo và sắp xếp một chương trình sinh hoạt cho năm 1998 như sau:

1. Khóa Hội thảo ngành Nữ sẽ được tổ chức tại chùa Viên Giác Hannover từ ngày 25 đến 27.12.97.
2. Đóng góp Văn Nghệ và phụ dọn vệ sinh trong những ngày Tết Nguyên Đán tại chùa Viên Giác Hannover vào ngày 27.01.98.
3. Khóa tu dưỡng HT dành cho tất cả HT thuộc GDPTVN tại Đức quốc tổ chức từ ngày 10 đến 13.04.98 tại chùa Viên Giác.
4. Đại lễ Phật Đản năm nay PL. 2542 sẽ thiết lập một bản Thông Tin cho GDPT.
5. Tham dự trại Huyện Trang được tổ chức tại Hòa Lan từ 11 đến 18.07.98.
6. Tham dự khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 10 từ 23.07 đến 02.08.98 tại Thụy Sĩ.
7. Trại hè Họp Bạn Liên Hoa (dự định sẽ tổ chức tại miền Nam nước Đức). Thời gian xác định việc mở trại sẽ có thông tư thông báo sau.
8. Phật sự cho Đại lễ Vu Lan PL.2542 tại chùa Viên Giác Hannover.
9. Ấn định thời gian tổ chức Đại Hội HT thường niên, trại Lộc Uyển và Anoma.

Phần cuối BHD báo cáo tài chánh hiện còn của ngân quỹ mình.

Đại Hội HT đã bế mạc trong vòng đầy thân ái vào hồi 12 giờ ngày 12.10.97, sau khi các HT đã chụp hình lưu niệm, tổng vệ sinh và cơm trưa tại chùa.

(Thiện Căn)



# Cái rường xa

● PHẠM THẮNG

*Thân mến tặng các em trong Gia Đình Phật tử Chùa Viên Giác nhân mùa Xuân Di Lạc sắp về với chúng ta. Mong các em đọc bài này để tìm thấy quê hương thân yêu ngày xưa trong những ngày giáp Tết...*

Tiếng con gà nòi sau hè gáy lạnh lạnh ngân dài trong đêm vắng như muốn át tiếng ò ó o của những con gà khác đang gáy đua theo.

Từ đầu vòm rạch Bà Giáo đến ngọn rạch gần cầu Long Bình, cái ấp này trù phú với những khu vườn xưa lâu đời, cây cối sum xuê. Nhà nào cũng sống bằng nghề nông nên thấp thoáng sau hè đều có cây rom, nếu không to lớn cao ngệu vì nhờ ruộng nhiều thì có cây rom nhỏ vắt thành đống tròn cao khỏi đầu người để trâu bò ăn và lấy nắm cho người dùng. Gà vịt tha hồ bơi kiếm thóc lúa quanh quần cây rom, và xóm Bà Giáo này nổi tiếng là có nhiều gà nòi đá độ.

Không quá nổi danh như gà Cao Lãn, nhưng loại gà ở đây được giới chơi gà nhắc nhở và thường lui tới vì lâu lâu có trụ gà nổi lên làm xính vính mấy trường gà Miền Tây.

Cũng là loại gà giống Cao Lãn hay Bà Điểm nhưng được chọn lọc cho lai giống do những tay đã qua một thời xiềng niềng trút túi vì gà. Thất bại thì phải tìm tòi nên họ mò mẫm tìm mua gà giỏi để lấy giống. Rồi lớp gà này sang lớp gà nọ, lai giống qua lai giống lại, có con đá đực, có con chỉ để làm kiếng hoặc vô nòi cà ri, vì vậy ở ấp Bà Giáo đêm nào cũng lạnh lốt tiếng gà gáy đua từ canh ba trở về sáng. Trong đêm vắng, con gà đang ngủ lơ mơ bỗng nghe tiếng gáy từ xa, thế là chồm dậy vươn cao cổ, gáy ò..ó..o... Gà ghét nhau tiếng gáy mà.

Bà Năm nghe tiếng con gà nòi mình gáy, ngồi dậy và ngạc nhiên khi thấy ông Năm đã ngồi ở ghế trường kỷ từ hồi nào rồi. Bà hỏi:

- Ông dậy sớm quá vậy ?

- Ờ, ờ... Ông ậm ừ trả lời. Tại khó ngủ quá.

Ông trầm ngâm bên ấm trà, lơ đãng nhìn ra sân vẫn còn trong màn đêm lơ mờ.

Sáng nào cũng vậy, ông bà đều thức giấc sớm. Một phần cũng vì tuổi già ngủ ít, một phần cũng vì là người miền quê quen việc đồng áng, mùa cấy hay mùa gặt họ đều thức sớm từ canh năm để nấu cơm ăn sáng và chuẩn bị ra đồng khi mặt trời chưa mọc, bắt tay vào việc làm cho khỏi bị nắng. Dầu phát cỏ, nhổ mạ hay cấy lúa, làm việc trong buổi bình minh vẫn khoẻ, nếu xong sớm là họ về sớm để còn thì giờ làm việc lặt vặt trong nhà, hoặc vác đũa con nhỏ trên vai thả rêu thăm bà con quanh xóm.

Ông Năm giỏi chữ Nho, có đạo đức, làm Hương giáo trong làng, có một trai lớn làm việc tại Trà Vinh, hai trai kế và hai dâu quán xuyên hết mọi việc ruộng nương hương hỏa, về già ông bà được nhàn nhã nên chỉ quanh quẩn lo việc nhà hoặc giúp bà con lối xóm khi có việc.

Từ xa vọng lại tiếng tù và của chiếc đồ chèo đưa người đi chợ Vãng.

Ông bập bập điều thuốc rê vẫn nhỏ xú, phả khói cho tỏa nhẹ rồi hớp ngụm trà nóng bốc hơi thơm. Bà Năm ngồi trên bộ ngựa gỗ bên mặt ghế trường kỷ. Một chum xếp, một chum chống, bà nhẹ nhàng lấy ô trầu ra chọn một lá trét lên miếng vôi hồng rồi bỏ chung với cau tươi vô cối nhỏ, vừa ngoáy trầu vừa hỏi lại ông:

- Ông thấy trong mình ra sao mà không ngủ được. Bộ ế mình hả ?

- Hồng hề gì đâu bà. Bà uống chung trà nghen. Trà ướp ngâu thơm quá đây.

Bà đón lấy chung trà nhìn ông cười nói:

- Bông ngâu nhà mình lẩm rẩm mà ích lợi quá. Nội cây ngâu với hàng rào

bằng cây trà, ông uống biết tới chừng nào cho hết.

Ngon đèn đầu rọi bóng ông bà lên vách. Bên ngoài đám cây lù lù màu đen mờ trong sương loăng buổi sớm. Ông mỉm cười nhìn cái sân thân yêu từ đời cha ông để lại.

Đã năm sáu mươi năm rồi, từ hồi ông còn nhỏ, hàng rào cây trà này đã có. Cũng có lúc hàng rào được nới rộng ra để trồng thêm cây cảnh, nhưng hàng rào chánh thức chạy dọc theo bờ đất dưới sông, ngăn riêng nhà ông với đường đi chung của xóm y như mấy mươi năm trước, vẫn chạy dài từ bờ xèo đầu này đến giáp mương chú tư Nhãn đầu kia.

Hàng rào tươi màu lục đậm được ông cắt tỉa gọn ghẽ, cao ngang ngực, nhưng bề ngang của đám cây trà phát triển dày bịt hơn năm tấc, không một đứa trẻ nhỏ hoặc heo chó có thể chui qua. Những thân trà quá già, ông chặt bỏ để đám cây non vươn lên thay đổi. Đây là một hàng rào thiên nhiên chắc chắn mà lại đẹp vì ông cắt tỉa uốn lượn giống như hai con rồng trời đang chầu vào cánh cửa bằng tre nơi lối vào. Trên mặt hàng rào được ông thả dây tơ hồng. Loại tơ hồng sống bằng sương không cần đất, phát triển mau lẹ, tạo màu vàng phơn phớt trên lưng rồng. Ai bơi xuồng dưới sông nhìn lên hàng rào cũng trầm trồ: "Mền ơi, coi kìa, y như hai con rồng có vẩy màu vàng óng ánh trên lưng".

Mỗi lần tỉa bỏ bớt nhánh, ông chọn lại những đợt lá non để phơi riêng trong mo nang cau. Chỉ cần phơi vài nắng, ông đã có loại trà uống hàng ngày vừa ấm từ vị để tiêu hóa, vừa khỏi tốn tiền mua.

Áp Bà Giáo ai cũng uống loại trà này. Nhà nào có trồng hàng rào thì khỏi lo, nhà nào không có, cứ đến xin ông.

Nhưng vị trà ông Năm khác hơn trà nhà khác vì ông có bỏ thêm vào ấm trà một nhúm hoa ngâu. Ông trồng cây ngâu được hơn bốn năm do con trai xin giống từ Mỹ Tho. Loại này ít thấy có vì cây con khó gây giống. Ngày đem cây ngâu về, ông không biết trồng nơi nào trong sân. Cái sân của nhà từ đường xưa cũ có nhiều cây kiếng lấm ròi. Như các nhà cổ cụ ở quê hay cũ kiếng không làm đường từ cổng thẳng vào ngay giữa nhà, nên con đường lát gạch tàu từ cổng rào đi vào nhà nằm về bên trái của sân. Từ cổng bước vô, dọc theo đường là hàng cau thẳng tắp, xoè tàn lá như đuôi phượng. Hạt bông cau như hạt gạo màu ngà bay lá tả theo gió thoảng đưa

hương thơm mộc mạc quê mùa. Phía sau hàng cau lại là hàng cau khác phủ đầy giầy trâu vàng tươi từ dưới gốc lên đến buồng cau sai trái. Đây là vùng đất thân yêu và niềm vui của bà. Những lá trà màu vàng chanh lốm đốm xanh ngọc bích, những trái cau no tròn ruột đầy, mềm là miếng ăn mỗi ngày của bà và khách đến chơi. Lần nào ngồi trên ván gỗ nhai tràu bôm bôm, bà vẫn trù mền nhìn hàng tràu cau sum xuê tươi mát, những lá tràu như hình trái tim lớn, đuôi nhọn ve vẩy chào mời.

Tôi lớn lên ở vùng châu thổ sông Cửu Long trù phú mà ông Hương giáo là ông nội tôi. Năm 11 tuổi tôi về ở với ông bà tại quê nhà. Ban ngày ông chỉ cần mặc một quần đen rộng, lưng vắt, áo bà ba trắng cụt tay có hai túi vuông thật lớn để đựng đủ thứ: thuốc rê vàng trong túi da rắn, hộp quẹt có bánh xe răng cưa nhỏ xíu, mỗi lần quẹt mỗi cả ngón tay cái, cái dao hiệu con chó có hai lưỡi thật bén đã mòn gần hết... Đủ thứ linh tinh nhưng tiện dụng cho ông.

Tôi là cháu đích tôn, dù đã học hết



lớp ba trường tiểu học, không được vác trên vai đi dạo xóm như lúc nhỏ, nhưng tôi được nuông chiều, muốn gì có nấy. Thấy tôi xắn bần bên bờ gò nòi của chú tôi như ham thích? Thế là hôm sau, chú tôi vàng lời ông ra chợ Ngã Tư mua về con gà sao, lông đen nhiều đốm trắng rất đẹp để tôi chạy đuổi quanh sân. Ông tôi tỉa lá, cắt cành mấy cây mai chiếu thủy, hai cội mai già, là có tôi bên cạnh để "tiếp tay" bứt cả đợt non làm ông hít hà tiếc rẻ. Cây ngâu đang ra bông nhụy trắng như hạt tám cũng được tôi hái tiếp bằng cách bẻ luôn cả nhánh, ông chỉ cười rồi lui cui lượm lại. Trong nhà, ngoài sân nếu có gì lỡ nứt bể cứ nói tại tôi làm là ông chỉ chất lưỡi hít hà rồi bỏ qua, cho dù đó là cái lục bình sáu cạnh rất xưa đời Mãn Thanh vẽ hai ông già đánh cờ mà ông tôi nâng niu. Không phải tôi muốn phá hại những kỷ vật yêu mến, mà tại vì với đôi tay

bé nhỏ tôi lại muốn săn sóc hay lau chùi như ông tôi.

Cả làng Bình Phước, ai cũng khen ngợi cái hòn non bộ của ông. Nó không đồ sộ lớn lao hay quá xưa hơn trăm năm nhưng nó có nhiều thứ mà ở làng quê tìm không ra: mấy cục đá lỗ hang như tảng ong ở Biên Hòa, những viên đá trứng nhẵn nhụi ở vùng biển. Cặp bị sóng đánh lăn lóc trên bờ biển suốt bao năm tháng nên mòn láng. Có những cục đá sần sùi còn dấu con sò, con hào ở vùng biển Hà Tiên do chú tôi đem về để ông tôi kỹ lưỡng gắn vào. Có các tượng tiều phu vác củi, ngư ông câu cá với cần câu cong cong, cái tháp nhiều tầng, hai ông tiên ngồi đánh cờ bên cây cầu nhiều bậc bằng đất sét trắng nung chín, thoa men xanh đỏ từ Hồng Kông đem qua bán tận Chợ Lớn xa xôi do ba tôi mua về.

Biết ông tôi thích sưu tầm những vật xưa lạ, chú bác, ba tôi hay bạn già của ông hề gặp vật lạ đều mang về cho. Ông tôi thường nói với tôi đang xắn bần bên cạnh:

- Cái này không quá mắc tiền nghe cháu. Vì thế hòn non bộ mới năm phơi sương giải nắng ngoài sân, nhưng nên nhớ vật gì cũng có hồn nếu mình nghĩ đến nó. Cháu biết hòn đá sần sùi này ở tận Hà Tiên, nằm trên triền núi Đá Dung, sao có dấu con hào, con sò? Ngày trước núi Đá Dung là hòn đảo nhỏ ở vịnh Xiêm La, có con sò, con hào bám vô đá, rồi tháng năm chòng chát, đất bồi lần lần, đảo đó dính vào đất liền thành hòn núi nhỏ nằm giữa đồng. Mình cầm hòn đá nhỏ này trong tay, nghe như có tiếng sóng vỗ của biển cả ngày xưa! Còn cục đất sét nhỏ xíu này, người thợ ở tận bên Tàu xa lắc xa lơ nắn ra rồi tô men, hàm nung cho cứng. Họ đã để tâm hồn vô đó sáng tác hai ông tiên ngồi trầm ngâm suy nghĩ nước cờ, hoặc ông già đội nón lá rách ngồi kể bên giỏ cá chưa được con nào...

Ông nội cho ông ngồi trên cục đá in bóng xuống nước này để tưởng tượng như ông Khương Tử Nha ngồi câu bên bờ sông Vị. Ông không cần có cá, ông đang *câu thời câu vận* mà.

Lúc ông giải thích, tôi đầu nhét vô đầu óc vì đang say mê ngắm cây sung nhỏ xíu cần cỏi, nhánh uốn oằn nhưng đã có một chùm trái đỏ, trồng trên hòn non bộ. Ông tôi thích cây này lắm vì nó là kỷ vật của người bạn già từ chợ Cai Châu, Sa Đéc mang về tặng mấy năm trước.

Sa Đéc nổi tiếng với nghề trồng hoa kiếng bán cho người thích trang trí trong ba ngày Tết. Các nhà chuyên



môn rất khéo léo nuôi cây kiểng nhỏ bé. Không gọi là trồng mà là nuôi, mà "nuôi ép" mới đúng. Cũng là cây có rễ có hoa, nhưng ép nó không cho lớn để thu gom cánh vật vào một diện tích nhỏ xíu. Họ săn sóc, chọn lựa từ nhánh, từ rễ để uốn nắn cắt tỉa, đôi khi tạo cho nó đâm nhánh về phía nào mà họ thấy đẹp. Nuôi loại cây này phải chăm lo kỹ hơn nuôi con nhỏ, phải thức đêm phơi sương, ban ngày che nắng, canh chừng để bung vỏ, rồi tưới cho rễ bên này, không cho thêm nước phía kia... Bao nhiêu công trình. Trồng được một cây ưng ý không phải đôi ba năm, mà có khi từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho nên ông nội tôi lại rủ rì với tôi:

- Cháu biết không, cái cây này già lắm rồi, người ta trồng ép cho nó sống nhưng không được phát triển như cây thường. Có người nói nó đã trồng được mấy chục năm mới bán đến tay người chơi ở Sa Đéc, rồi bây giờ đến tay ông cháu mình. Ông nghĩ có lẽ nó còn cao tuổi hơn, biết đâu trước ông đã có ông già râu tóc bạc phơ tỉa cành, cắt rễ, để bây giờ đến phiên ông... Rồi sau này, năm sáu mươi năm nữa, nếu nó còn nằm đây thì tới phiên cháu. Lúc đó cháu đã sáu bảy mươi tuổi lại săn sóc nó với đứa cháu nội... Cháu biết tại sao dân mình đặt tên nó là "cây thế" không? Loại cây này ở xứ Nhựt người ta kêu là "bonsai" mà dân mình thì gọi tên nó thực tế hơn. Nè, cháu coi đi, nó đứng bên cục đá xù xì lớn, nên mình tưởng tượng nó như cây cổ thụ đứng cheo leo bên sườn núi. Rồi khi chiều xuống, ánh nắng rọi xiên xiên tạo bóng sáng tối cho mô đá, cây cỏ, rong rêu, đâu khác gì buổi chiều trên vùng núi cao. Đó đa, phong cảnh nhỏ xíu như thế cho phong cảnh thiết, nên người chơi kiểng gọi nôm na là *cây thế*. Nó thay thế cho cây thiệt đó.

Ông tôi tạo cho tôi tâm hồn tồn cổ từ lúc nhỏ, nhưng phải đợi khi khôn lớn tôi mới hiểu rõ, chớ lúc đó tôi chỉ mê mấy trái sung bằng ngón tay mà ông tôi các ca các cùm sãm soi mỗi ngày. Theo ông, cây sung kiểng có ra bông trái, nhưng ít lắm, mà cái gì ít thì quý, cho nên cái gì tôi đòi cũng được, riêng mấy trái sung nhỏ bé này tôi đòi, nhứt định ông không cho. Ông đổ dành:

- Mai này ông cháu mình tới nhà ông Bồi Bái, nhà ông có cây sung lớn nhiều trái mặc sức cho cháu hái.

Ngoài lúc loay hoay với cây kiểng, hòn non bộ, ông tôi nằm hút thuốc phì phèo trên võng bằng lát treo trước hàng ba đầu nhà. Giờ đó tôi có chuyện làm khác. Ông tôi vẫn điếu thuốc rế

nhỏ, một đầu lớn bằng đầu đũa ăn cơm, còn đuôi thì ốm nhọn lại. Thuốc vắn bằng giấy quuyến trắng và dài. Khúc đuôi nhọn ít có thuốc, ông tôi cũng như các ông già vùng quê khác dùng để ngậm trên đầu lưỡi. Vì đuôi là giấy thấm ướt nên dễ dính trên đầu lưỡi để các ông lè vò lè ra, khói ở đầu điếu thuốc không bay vào lỗ mũi được. Ông hút bập bập, há miệng lè lưỡi cho điếu thuốc thông xuống, sợi khói bay nhẹ nhàng lững lờ. Ít khi thấy ông hít thuốc vào phổi cho đã ghiền như mấy người khác. Chắc hút kiểu này chỉ là thói quen cho đỡ lạt miệng. Hút độ nửa điếu, ông tôi lấy ra dán đuôi thuốc dính vào cây cột. Điếu thuốc không người hít hơi, tự động tắt, hoặc cháy âm ỉ đến gần nơi nước miếng ướt nhẹ cũng tự tắt.

Cứ độ nửa giờ, ông tôi lấy bao thuốc bằng da rần ra, tỉ mỉ vắn điếu khác rồi nằm võng đưa nhẹ nhẹ lơ mơ nhìn khói quuyến vào không khí êm ả vùng quê. Ông đang thả hồn theo hình ảnh Bát Tiên thêu trên tấm *tiền bàn* hay những chữ nét thảo bay bướm của bức *hoành phi* bằng cây sơn đen chữ



mạ vàng treo giữa nhà.

Ông hút xong dán lên cột nên tôi được chỉ định một việc làm nhẹ nhàng mà thích lắm, đó là ôm cái thúng nhỏ xíu do ông đan bằng tre, đi vòng vòng các cây cột để gỡ các đuôi điếu thuốc bỏ vào thúng, rồi hai ông cháu tằn mần xé giấy để lấy thuốc còn sót, mặc dù không được bao nhiêu.

Ông tôi không bỏ loại thuốc hút còn dư, mà lấy lại phơi trộn với bánh thuốc mới. Ông cất nghĩa:

- Ông bà mình đâu quá hà tiện mà phải hút *sái nhì*, nhưng vì loại thuốc này chứa tất cả chất nhựa của điếu thuốc trước, lấy trộn lại nó ngon hơn chớ.

Tôi thích làm công tác nhỏ đó vì ông trả công bằng kể chuyện đời xưa. Cứ mỗi lần gỡ thuốc được nửa thúng (cỡ một chén cơm) thì ông kể một chuyện. Quanh cột nào cũng có dán, nếu để độ năm bảy ngày coi rất đẹp mắt, giống như thân hình con rồng có vảy nhỏ trắng trắng, nhưng vì tôi mê nghe chuyện xưa nên chỉ một ngày đã ôm thúng đi gỡ rồi. Biết tôi còn nhỏ, ông không dán đuôi thuốc cao hơn tầm tay tôi. Có lần ông thấy tôi đi khắp nơi mà chưa tìm đủ nửa thúng nhỏ nên xịu mặt xuống, ông kéo tôi vô lòng, nói:

- Nè, ông đổ cháu câu này, hể trả lời được, ông kể chuyện cho nghe: *Đầu đội thúng tro, dít do cây cột*. - Là gì?

Tất nhiên là tôi không biết, ông giải thích:

- Là "nó" đó. Nó là điếu thuốc giống con sâu đội thúng tro trên đầu, còn dít thì do vô cây cột.

Tôi cười rồi cãi:

- Nếu đội thúng tro thì ông phải dán điếu thuốc trở lên chớ. Để vậy nó đội thúng sao được, thúng đổ hết sao.

Ông tôi cười ha hả, nói vọng vô bà tôi đang ngồi ở nhà sau:

- Bà nó ơi, thằng này nhỏ mà đã biết nhận xét rồi.

Để thường tôi, hôm đó ông kể cho nghe chuyện cổ tích Trầu Cau.

Sáng nay ông thức sớm hơn mọi khi. Ông phà nhẹ khói thuốc, nhìn bầy gà lục tục kéo nhau ra khỏi chuồng. Sương sớm còn dày đục nên cảnh vật chưa lộ rõ nét màu sắc nhưng tiếng chim chìa vôi quen thuộc đã hót líu lo ở đầu hè. Vài người trong xóm vác phăng, tay xách giỏ đựng bình nước đi thấp thoáng sau bờ đất. Chớ sủa râm rân.

Ông cứ nhìn chằm chằm xuống bờ rạch làm bà lo ngại, hỏi lại lần nữa:

- Sao ngủ không được vậy ông? Hay là hồi trưa hôm qua có hai ông khách đến nhà nói điều gì làm ông phật ý? , hay là ông tức mình vì cậu năm Bính mua được cái tủ cần xà cừ rồi ra về ta đây có tiền, phách lối?

Ông hớp ngụm trà, không trả lời. Bà nhả bã trầu xuống ống nhỏ, chùi miệng bằng cái khăn rằn đỏ nhỏ rồi nói thêm:

- Ơi, nếu là chuyện cái tủ cần thì mình buồn làm gì. Tụi nó là em cháu mới trúng được vài mùa lúa thì đua đòi vậy chớ làm sao có đồ xưa gia bảo như mình mà ông tức.

- Tui có tức tụi nó đâu. Mình có tranh đua so sánh gì đâu... Em cháu nó sắm được đồ quý giá để làm của thì mừng cho nó chớ, ganh ghét làm gì.

- Tui cũng biết vậy, nhưng mà cả xóm này nghe đầy lỗ tai vì con vợ nó bô bô kể chuyện cái tủ cần, thét rồi ai cũng biết : nào là tủ bằng cây cẩm lai màu nu, nào là ốc xà cừ cần hình ông câu cá gì đó..ờ ờ.. ông Khương Thượng ngồi câu chờ mình quân. Ôi thôi, nghe mà mệt, mà tui cũng hơi nhột. Nhà mình lâu đời cố cựu, mấy năm nay mình cũng tính mua một cái tủ cần để thờ phượng tổ tiên, vậy mà mua hồng nổi, bây giờ tui nó mua được trước, nó lên mặt, tui nhột quá.

Ông nhìn bà thông cảm, nói thông thả:

- Bà mầy đừng buồn. Tui cũng biết vậy, nhưng mình mua sắm cái gì phải tính toán kỹ. Mua hồng nổi thì thôi, để ý đến sự thiệt hơn làm gì. Nhà mình thờ ông bà bằng hai cái tủ thờ đó hồng tốt sao, cũng bằng gỗ trắc chạm trở khéo léo.

- Biết vậy sao ông buồn đó ?

- Cũng tại hai ông khách hôm qua...

- Ủa, hai lão người Huế đó lại nhà mình mấy lần rồi mà.

- Thì năm nào hồng tới. Mấy lão đó là dân mua bán đồ cổ ngoạn nên đi khắp vùng này, miệt nọ để tìm mua và dọn bán đồ xưa. Nhà mình có mua hồi năm ngoái cái đĩa vẽ hình *lý ngư vọng nguyệt* đó, bà mầy quên sao ?

- Quên sao được. Cái đĩa được ông cung quá trời. Mua xong cả tháng mà ông còn sẫm soi thiếu điều quên ăn cơm..

Ông cười hi hi :

- Đúng vậy. Nó là cái đĩa xưa ở Hoàng cung đó bà ơi. Đồ vua chúa đã từng xài qua.

Bà tèm miếng trầu khác, cái vớt vát :

- Ông nói vậy thì nghe vậy, ai mà biết được.

- Ấy, tui đã cất nghĩa nhiều lần rồi.

Mấy loại vật dụng bằng men quý màu xanh da diệp vẽ hình bằng màu lam Huế này chỉ có xuất xứ từ Huế thôi. Tại hồi trước vua mình có truyền chỉ mấy quan đi sứ sang Tàu đặt làm riêng cho hoàng cung đồ ngự dụng này. Lò gốm ở Giang Tây sản xuất đặc chế, mà cũng ngộ, cái màu xanh lam vẽ hình sao mà độc đáo ! Nó không xanh đậm như đời nhà Thanh, hồng lục như đời Càn Long mà nó xanh dợt dợt, kêu là màu lam chỉ ở Hoàng cung Huế mới có, nên người chơi cổ ngoạn đặt tên là màu lam Huế.

- Nhưng dính dáng gì tới hai ông khách ? Bộ hai ông đem bán thứ khác lạ hơn, ông chộp trong bụng mà mua hồng kịp ?

Ông nhìn bà rồi liếc về phía vách, chậm rãi đáp:

- Hồng phải họ đem bán thứ gì, mà họ đòi mua của mình...

Bà hỏi tới:

- Họ đòi mua cái đĩa lại hả?

- Đâu phải vậy. Họ xin mua cái rương xa.

Ông ngừng lại hút thêm hơi thuốc. Nh lửa nhỏ lóe lên như con đom đóm. Ông nói cho bà nghe, nhưng nhỏ tiếng như nói một mình:

- Nghĩ cũng lạ. Mấy cha này năm trước có hỏi mua một lần, tui trả lời không bán. Hồng biết có ai chỉ điểm mà mỗi lần đi qua đây là họ vô gặp tui nài nỉ, tui nói dứt khoát: Đây là vật lưu truyền của tổ phụ, tui không bán đâu. Họ năn nỉ hoài, khen là danh mộc, là gỗ mun rất dày và cứng, nếu phá ra làm tủ thờ thì được hai cái.

Ông ngừng nói, bước xuống lại cái rương để cạnh vách buồng rồi rậm.

Cái rương quý giá của ông tôi rất lớn. Tôi đứng dưới đất mà đầu tôi chưa cao hơn mặt rương, bề dài còn hơn cái bàn uống nước. Nó đồ sộ nặng nề, có bốn bánh xe để đẩy, nhưng từ lúc biết đi, biết chạy, chưa bao giờ tôi thấy cái rương được đẩy đi chỗ khác. Tất cả đồ đạc quý giá, lư hương, lục bình, chén xưa, đĩa kiêu, ngoại trừ ngày Tết hoặc cúng giỗ Tổ tiên mới đem ra, còn ngày thường đều để trong rương này. Nó chứa bằng hai ba cái tủ. Tôi đã từng thấy chú tôi bước vô đó để chuyện đồ ra. Rương có thể chứa tới năm, sáu người lớn. Có lần tôi hỏi ông:

- Sao mình để quần áo, đồ xưa trong rương, hồng xài cái tủ cho để lấy hả ông nội?

Ông vô đầu tôi cười:

- Cháu hỏi cũng phải, nhưng cháu biết hồng, hồi xưa ở vùng quê hẻo lánh thường có trộm cướp, ông bà mình nghĩ ra cái rương thiết là hay. Nó cũng như cái tủ cây thay vì để đứng, nó lại để nằm nên giống cái rương. Người xưa có đồ quý hồng dám khoe khoang, để trong tủ kiếng sợ trộm đạo dòm ngó, chẳng thà để hết vô rương lớn chắc chắn, đồ có trộm nào lấy được.

- Sao vậy ông nội?

- Bởi vì cái rương quá lớn mà đóng bằng loại danh mộc cứng, rất dày. Bằng gỗ mun đó con à. Nó đen mà cứng như sắt, bỏ bằng búa cũng không hề hấn gì. Để đồ quý vô đó, đập nắp khóa lại bằng cái khóa đồng thì bọn trộm hết phương.

Tôi lại thắc mắc:

- Mà sao kêu nó là cái rương xa. Nó để gần trong vách chớ có xa xiếc gì đâu?

Ông cười ha hả rồi nói:

- Hồng phải xa là xa gần cháu ơi. Xa có nghĩa là xe. Cháu có thấy bốn bánh xe nó đó. Bởi nó nặng lắm, vừa bằng gỗ mun lại để nhiều đồ đạc làm sao khiêng nổi mỗi lần muốn xe dịch, nên phải đóng vào nó bốn cái bánh xe cây để đẩy. Cái rương giống như chiếc xe kêu là rương xa. Hồi trước ở vùng quê nhà nào cũng sắm rương xa là vì công dụng đó, chớ đâu như bây giờ có tủ đứng, tủ kiếng hào nhoáng nhưng mà hồng chắc. Còn cái rương này do ông sơ cháu đặt làm. Nó xưa và qua nhiều đời nên ông quý nó, rồi đây đến ba của cháu, đến cháu, nó vẫn là cái rương chắc chắn để đựng đồ. Quý nó vì nó là kỷ niệm của tổ tiên nghe cháu.

Ông tôi đã từng nói với tôi như vậy mà hai ông khách này cứ nài nỉ mua, làm sao ông không gian. Bà lại hỏi:

- Ông hồng bán thì thôi, sao lại buồn?

- Cũng tại mấy lão tới cho biết vừa có chiếc ghe bầu từ miền Trung chở lại chành Phước Hải (cửa tiệm lớn có kho chứa) ở Cầu Lầu mấy cái tủ cần tốt lắm. Tủ cần bằng xà cừ ngọc nữ mà điển tích cũng có ý nghĩa nữa.

- Chắc là mấy chuyện Lữ Bố hí Điêu Thuyền hay là Đon Hùng Tín đánh La Thành chớ gì?

Mấy tiếng Đon Hùng Tín, La Thành làm tôi đang mơ màng trong mừng vụt tỉnh. Tôi nháy ra khỏi mộng, chạy lại nhảy tót lên cạnh ông nội, hỏi tới:

- Cái gì có hình La Thành, Đon Hùng Tín hả ông nội. Hình vẽ để treo tường ngày Tết hả? Mua cho cháu nghen. Cháu thấy hình *tứ bình* ở nhà bác tư Giác treo trên vách coi hay quá ông nội à.

Như thói quen mỗi sáng, hễ ông bà tôi uống trà sáng, tôi thức theo, nên thấy tôi vọt ra khỏi mộng hỏi liền miêng, ông trả lời:

- Hồng phải tranh vẽ Đon Hùng Tín là tranh tứ bình cháu ơi. Tranh tứ bình chỉ vẽ hoa lá, bông trái của bốn mùa tứ tiết, còn tranh vẽ chuyện Tam Hạ Nam Đường, Phong Thần, Tây Du cũng in trên bốn tờ giấy dài đó, mỗi tờ có ba hình, một bộ bốn tờ, 12 hình phải không?

- Phải đó, chú Tám nói gần Tết mới thấy bày bán hình này. Cháu xin chú mua để treo chỗ vách này nè, mỗi ngày cháu coi, hay lắm ông nội à.

Ông liếc bà rồi nhìn thẳng cháu, thương hại:

- Tội nghiệp cháu tôi. Nó cũng mê chuyện xưa tích cũ như tôi rồi đây! ừ để ông nhắc chú tám cháu mua cho.

Bà tôi nói vô:

- Tôi thấy nhiều nhà ở làng mình thích loại này. Trong ba ngày Tết vô nhà ai cũng thấy bàn thờ hực hỡ, mai vàng nở rộ, cột nhà có liễn đỏ mới dán, rồi trên vách có treo bộ hình màu mè về chuyện Tàu thiệt vui v»... như Tết vậy.

Ông tôi gật gù:

- Bà nói phải. Nhà nào ở quê mình cũng vách lá, khá lắm mới có được vách đóng ván bồ kho, nếu hồng có hình ảnh gì treo thì coi tối hù. Bởi vậy mấy loại tranh tứ bình, tranh truyện này mới bán chạy. Mà bà con nông dân mình ai cũng có đọc truyện Tàu, khi thấy hình vẽ chuyện mình biết thì khoái lắm. Chỉ tiếc là nghe nói có tranh con cóc đi học, con gà, con heo gì đó ở ngoài Bắc có in, nhưng in bằng tay nên không đủ mang vô trong này. Còn lịch sử ta thiếu gì truyện hay mà ít ai rành hơn truyện Tàu.

Tôi vội hỏi:

- Truyện gì vậy ông? Sao họ không in ra để bán?

- Tại nghề in ở nước mình chưa hay. Nếu có họa sĩ vẽ chuyện xưa, tích hay của Việt Nam thì nhà in ở Chợ Lớn cũng hồng in đẹp bằng tranh in từ Hồng Kông gởi qua. In xấu thì bán không được, mà bán hồng chạy là lỗ vốn, vậy là họa sĩ hết muốn vẽ. Tranh Hồng Kông chợ quê nào cũng có, bà con miền quê thích mua vì nó rẻ tiền và màu sắc dễ coi.

Tôi lắc lắc đầu gồi ông, nhắc lại:

- Hồi nãy cháu nghe bà nói với ông là Đon Hùng Tín đánh La Thành, đưa cháu coi.

Ông tôi cười, mắng nhe:

- Thằng cha mầy. Ông với bà nói chuyện cái tù cần xà cừ, cần điển tích có giá trị mà cháu hỏi tía lia, nên ông chưa kể hết chuyện cho bà nghe.

Bà tôi cười theo giục ông:

- Phải, ông nói cái tù cần từ Quảng Nam mới chở vô, rồi họ quảng cáo cho ông mua hả?

Họ đâu cần quảng cáo. Loại tù cần từ miền Trung chở vô đâu có nhiều, mà dân Vinh Long lại khá giả, năm nào cũng trúng mùa lúa, họ đua nhau mua hết. Hai ông này là khách quen, biết rành chỗ bán, người mua, nên hỏi tôi nếu thích, thì họ tới chành Phước Hải dặn để dành cho tôi. Nhưng bà cũng thấy đó, năm nay lúa nhà mình đủ ăn, không dư nhiều, tui ham cái tù thì có ham, nhưng mua hồng nổi. Chỉ buồn là mấy lão nói trong số tù cần kỳ này có cái điển tích "Ngũ Phụng tề phi", cần hình năm vị Tiến sĩ đất Quảng Nam đậu Tiến sĩ chung một khóa, cùng vinh quy bái tổ. Điển tích

nước nhà hay lắm bà ơi. Chưa có vùng nào mà trong một khóa thi lại có tới năm ông đậu hạng cao như vậy, làng xã hãnh diện mà tiếng thơm ghi vào sử xanh đời đời.

Ông hạ giọng buồn buồn:

Mua được cái tù đó để con cháu thấy mà noi gương tốt. Tui mê như vậy chớ mấy cái tù hình Điều Thuyền, Đổng Trác không mua được cũng hồng sao.

Vừa lúc thím tám tôi bung mâm cơm lên mời ông bà, khói thơm bay toả. Chắc thím nghe rõ chuyện và thấy ông tôi thờ dài, thím cúi đầu đi ra nhà sau.

Trưa hôm đó, chú tám ngồi chẻ tre, rọc thành miếng mỏng, dài để chuẩn bị làm pháo tre đốt dịp Tết, tôi đeo theo bên chú không nhỡ:

- Chú tám nè, hồi sáng ông nội có nói để nhắc chú mua cho con bộ tranh vẽ như nhà bác tư Giác. Chùng nào chú đi chợ Ngã Tư Long Hồ chú cho con đi theo nghe chú. Minh mua hình gì đó có hai ông già đánh cờ, mà trên đầu ông già râu dài có xẹt lên cái cảnh



ông già đó chém đầu con rồng.

- Ờ, ờ... đó là chuyện vua Đường Thế Dân muốn cứu Long Vương vì có ơn với mình. Vua biết Thừa tướng Ngụy Trưng được lệnh Trời đi chém đầu Long Vương vào giờ ngọ nên dụ Thừa tướng ngồi đánh cờ với mình. Thừa tướng dù có lệnh Trời nhưng không dám cãi vua, đành phải ngồi đánh cờ, đầu dám xin nghỉ để hành sự. Vua Đường tưởng đầu cứu được Long Vương theo lời hứa, ai dè đúng giờ ngọ, Thừa tướng Ngụy Trưng ngồi đó nhưng hồn thì xuất đi đến chỗ Long Vương dâng chém đầu theo lệnh Trời. Cháu thấy vẽ hình hai ông già đánh cờ trên đầu lại có xẹt lên cái cảnh ông già chém đầu rồng là vậy đó.

Chú vừa làm vừa kể chuyện, tôi say mê nghe. Thím Tám bước lại nói nhỏ:

- Xong rồi anh, đếm tới đếm lui cũng chỉ có 265 đồng bạc. Làm sao đủ đây?

Chú gật đầu:

- Vậy cũng được, tui có cách rồi. Sáng mai tui đi Trà Vinh bàn với anh Sáu, chắc ảnh có mà.

Tôi không hiểu chuyện gì, cứ mãi mê cái chong chóng trong tay dang quay vù vù nhờ gió đồng lồng lộng.

Hôm sau chú tám đi Trà Vinh từ sáng sớm đến chiều chạng vạng mới về, mặt mày tươi rói. Thím tám đang rửa chum tay tôi ngoài sân nước, chú nháy mắt nói với thím:

- Xong rồi mình ơi. Tui xuống Trà Vinh gặp anh Sáu, bàn với ảnh, ảnh đưa tui 120 đồng, tui cộng với số tiền của mình, tui tính thấy đủ nên đi xe thẳng từ Trà Vinh về Cầu Lầu. May quá, nó còn đó. Đẹp thiệt nghe mình, tui đặt cọc rồi.

Thím thắc mắc:

- Mà chắc cái vù kia được hông?

Chú cười:

- Sao lại không. Thằng cha Hội đồng Thu mê con gà Triệu Tử của tui quá mạng. Ông năn nỉ mấy lần, tui đâu có thềm.

- Ông chịu giá đó hông? Giá tiền còn mắc hơn chiếc ghe đó nghe.

- Chịu chớ. Ông còn cảm ơn tui nữa. Bởi vì chỉ cần cấp được vài độ là ông lấy lại đủ tiền rồi.

Thím cười như không tin:

- Minh biết vậy sao hồng để cấp độ?

Chú nhìn bóng tối đang sắp phủ mờ cánh đồng, thần thờ đáp:

- Tui biết vậy, mà tui cũng thương nó, nhưng mình làm sao có tiền để cấp độ lớn. Và lại chờ tới ngày mừng hai Tết mới có nhiều độ ăn thua lớn tại trường gà Xã Ngoạn thì làm sao kịp, nếu họ bán "nó" cho người khác thì làm sao? Thà "gả" Triệu Tử cho ông Hội đồng để thực hiện chuyện mình tính phải hay hơn không.

Tôi nghe loáng thoáng đến con gà Triệu Tử, ngạc nhiên ngâm nghĩ: "Ừa, cái gì có con gà của chú tôi vô đó?"

Con gà nòi vô địch mà chú tôi còn cung hơn tôi, được đặt tên Triệu Tử vì màu lông toàn trắng, chỉ riêng lông cổ nó màu vàng nghệ, và bên cánh có điểm vài sợi lông màu đỏ. Con gà cao lớn, da đỏ sần sùi rắn chắc, đôi mắt lớn nhìn sòng sọc vào đối phương làm các con kia khiếp sợ, hai chum màu xám tro như hai khúc sắt có hai cựa dài nhọn lều.

Tết năm trước, chú tôi bị thằng con ông Cả Ca "chơi" chú tôi bằng cách cho lão săn sóc gà bôi thuốc ngủ làm con gà danh tiếng của chú, con Tía, phải quy tại đấu trường, chú ức lắm nhưng không trả thù, tìm được con gà Triệu Tử này, chú tôi rất dè dặt trong

những lần cho đá. Nhưng làm gì có người dám dờ dờ ra nữa, khi khắp các trường gà đều biết chuyện này. Thằng con ông Cả cũng xèn lên mỗi khi gặp chú Tám tôi.

Từ lúc con Triệu Tử về tay chú, nó đã ra đấu tại trường gà Xã Ngoạn và Hội đồng Thu ba lần, lần nào cũng ăn độ về vang. Nhìn con gà toàn lông trắng, da đỏ sậm hiện ngang trong vòng rào trường gà, khi nó vươn cổ cất tiếng gáy ó o, lông vàng phùng tròn quanh cổ, ai cũng khen nó giống Triệu Tử Long mặc bạch bào, bạch giáp ra trận.

Triệu Tử Long là tướng tài trong truyện Tam Quốc, chưa bao giờ thua trận nào, vào trại giặc như chỗ không người, thì con gà nòi của chú tôi cũng đấu ba trận, thắng một cách về vang chớp nhoáng.

Bác tư Giác là sư kê (thầy gà) chuyên săn sóc gà cho chú tôi, nhắc hoài:

- Nè, có coi con gà thằng tám Lang đá độ mới thấy đặt tên Triệu Tử là phải quá. Hà..hà.. Triệu Tử Long xông trận với áo giáp trắng mà giết giặc xong, hồng có một giọt máu dính vô áo. Tài là vậy đó! Con gà này cũng vậy, mới vào hiệp, hai con gà chúi đầu, phùng lông, trợn mắt nhìn nhau... Trong chớp mắt, hai con cùng phóng tới, mọi người đứng quanh chưa kịp quang bắt ăn thua đã thấy con gà kia quỳ xuống, cổ ngoèo một bên. Thì ra hai con vừa nhảy lên, con Triệu Tử phóng cao hơn và lía mạnh cái cựa vô cổ con kia rồi. Ngoèo đầu, gục cổ là cái chắc. Ba lần đá với ba con mà con gà nào cũng bị cú đầu là gục... Lông nó hồng dính một giọt máu của đối phương. Hà..hà..đúng là Triệu Tử Long trong trận Đương Dương Trường Bản cũng hay như vậy thôi. Bạch bào, bạch giáp không giầy máu kịp, hà..hà...

Bây giờ con gà danh tiếng đó chú tôi định làm gì đây?

Hôm sau tôi thức dậy, chú tôi đã đi từ khuya. Tôi theo ông nội nhỏ cõ, tia lá mấy chậu bông trước sân.

Trời tháng chạp như lạnh hơn ngày thường. Đầu đầu trong xóm cũng rộn rã tiếng chày giã gạo, tiếng bình binh quét bánh phồng. Đám con nít náo theo bà, theo chị vào vườn hạ những buồng chuối sắp chín bói đem về bỏ vô lu, ủ lá chuối khô cho mau chín (giữ chuối). Những trái chuối no tròn đó khi chín sẽ được ép thành miếng chuối phơi khô, sau đó xắc ra thành sợi nhỏ để xào với đậu phộng và đường cát rồi nén lại thành miếng, rắc mè lên trên mặt. Lúc nào ăn sẽ cắt ra từng miếng vuông để nhấm nháp với

nước trà. Hấp dẫn lắm. Không biết uống trà, bọn trẻ chúng tôi lấy bánh trắng nhúng nước hoặc bánh phồng nếp phơi một nắng còn mềm ỉu ỉu, cuốn với mút chuối này ăn ngon lành. Đó là món ngon của trẻ miền quê ngày Tết, thay thế trái hồng khô nhập cảng từ bên Tàu quá mắc tiền.

Ánh nắng xế chiều dịu mát. Tôi đang theo thím tám róc lá chuối, lựa lá nguyên vẹn để má tôi gói bánh tét thì thằng Phiên chạy vô réo om sòm:

- Thằng ơi, ra mau. Ngon lành quá mạng...

- Cái gì ngon lành?

- Thì cái tù chớ cái gì. Chú tám chớ cái tù cần về gần tới nhà rồi kìa. Tụi thằng Ri, thằng Lòi với tao chạy theo từ ngoài vòm vô đây..hì hì... bự quá xá. Nặng rọi thấy nó chớp chớp bóng người như có hào quang.

Thím tám mừng rỡ chạy xuống bên, tôi chạy theo chưa rõ chuyện gì. ng nội nghe tiếng lao xao cũng đứng dậy bước theo.

Từ xa đã thấy chú tám và chú bảy Thọ đang cẩn thận hạ chèo, chống sào để chiếc ghe cui không mui chớ cái tù cần khôi dụng vô mấy đám lá dứa nước và nhánh xoài de ra sông. ng tôi ngạc nhiên nhìn sừng. Sự thật hay chiêm bao? Mặt tù cần được dậy bằng giấy nhựt trình nhưng hai bên hông vẫn cho thấy ốc xà cừ ngũ sắc lấp lánh dưới ánh nắng chiều.

Bà con gần đó chạy ùa tới, mỗi người một tiếng vui về hỏi han.

Đêm đó, ông bà, chú thím tôi quây quần ngồi trước cái tù được để giữa nhà, trước bàn thờ gia tiên. ng tôi cảm động rờ rẫm từng nét chạm trổ. Mặt tiền của tù được cẩn mỹ thuật không sót chỗ nào. Khung giữa hình bầu dục là điển tích năm ông Nghè, áo rộng, mũ cánh chuồn, cỡi ngựa đi sau đám rước có cờ ngũ hành bay phất phới. Người thợ Quảng khéo léo chọn lựa lắp ghép những mảnh ốc rất hợp lý, mặc dù tỷ lệ nhỏ bé nhưng những gương mặt rạng rỡ của năm ông Tiến sĩ cỡi ngựa được chạm khắc rất điêu luyện làm ông bà tôi trầm trồ không ngớt. Cảnh dân làng che lọng đón rước, mái ngói đình làng ẩn hiện dưới tàn cây cũng không thiếu chi tiết nào. Ốc xà cừ để cẩn là loại ốc ngọc nữ già tuổi nên óng ánh muôn màu.

Tôi mê cảnh vinh quy, nhứt là loại ốc xà cừ lạ lùng với tôi quá. Hễ nghiêng bên này thì thấy màu sắc khác, mà nghiêng bên kia màu sắc lại đổi thay biến hóa làm như những bộ áo tiến sĩ và cờ quạt rung rinh trong gió.

Ông tôi vượt ve hàng chữ nhỏ phía trên tranh, cất nghĩa:

- Chữ này là "Ngũ Phụng Tê Phi" đây, có nghĩa là năm con phụng cùng bay như năm vị Tiến sĩ của tỉnh Quảng thi đậu đang vinh quy bái tổ...

Bà tôi bỗng hỏi thím tám:

- Làm sao tụi con mua nổi cái tù vậy?

Thím cười lỏn lén nhìn chú. Chú tám thưa:

- Thấy ba má muốn mua tù cần để làm của gia bảo, vợ chồng con cũng muốn lắm. Mấy bữa trước nghe ba nói có cái tù cần điển tích Việt Nam rất ý nghĩa nên vợ con đập ống tiền dành dụm và tiền anh Sáu góp vô 120 đồng, con thì "gà" con gà Triệu Tử nên đủ mua cái tù cho ba má vui.

Bà tôi cảm động nghẹn ngào kéo khăn chạm nước mắt, nói:

- ừ, thì mua để đó làm của. Rồi tiền đâu tụi bây xài Tết? Còn con gà nòi này cũng quá mạng...

- Dạ đâu có mua gì thêm. Gạo nếp, bánh mứt, chị Sáu và vợ con lo rồi. Miễn ba má vui ngày Tết là mấy con mừng. quên, con có mua cho thằng này bộ tranh vẽ để nó treo lên vách chỗ má ngồi ăn trà.

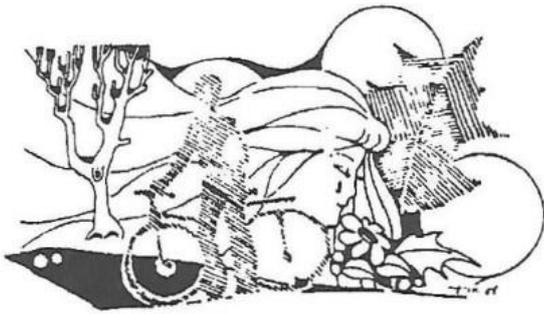
Chú tám vô đầu tôi rồi bước lại kéo cánh tù phía hông lấy ra ba cuộn giấy hình. Tôi mừng quá, chồm tới cười toe toét.

Tối hôm đó, trong khi bà nội, má tôi và thím tám cuốn nem, gói bì, ông tôi ngồi uống trà chậm rãi, mắt không rời hình ảnh chạm xà cừ lóng lánh, lâu lâu liếc nhìn cái rương xa thân yêu. Còn tôi lết qua lết lại trên bộ ngựa gỗ kê sát vách, coi không chán 12 hình của chuyện Tam Quốc. Khi coi đến cảnh Triệu Tử Long phò A Đầu, anh họa sĩ tài vẽ gương mặt Triệu Tử đẹp trai sao giống anh chệt Lành bán chạp phở quá. Tôi sung sướng tưởng tượng ông tướng này mặc áo giáp trắng vậy mà đánh giặc không dính máu... bỗng chợt nhớ đến con gà nòi lông trắng của chú tám, tôi liếc nhanh về phía chú.

Chú đang sắp trái cây vào mấy đĩa ngũ quả. Không biết chú có nhớ con gà Triệu Tử? Chắc là không, vì tôi thấy chú lúc nào cũng hờ hờ và lâu lâu liếc nhìn ông nội đang thả hồn theo năm ông Tiến sĩ cỡi ngựa vinh quy trên mặt tù.

Chú tôi hơn hờ vì biết chắc năm đó ông nội tôi vui Tết bằng cái tù cần xà cừ, và tôi vui xuân bằng ba tờ tranh màu mè vẽ truyện Tam Quốc.

Phẩm Thộng  
(Calgary, xuân 1998)



## Bên nó bên ni

■ MẠNH BÍCH

Hắn sùng sò đặt bức điện tín lên bàn. Nhà Bưu Điện đường Goncourt, quận 11 Paris vừa gọi hắn ra nhận về. "*Chú bệnh nặng, có mời nguy ngập. Ký tên: em Cao*". Ông nội hẳn có hai người con trai: ba hắn và chú Hoàn hẳn. Hắn thương yêu ba hắn vì là ba hắn, nhưng lại quý trọng ông chú này vô cùng, xem như là "người cha tinh thần" vì, mồ côi cha lẫn mẹ, chú hắn lo nuôi nấng, dạy dỗ hai anh em hắn từ lúc hắn mới lên tám. Quyền huynh đã thế phụ rồi, hưởng nữa là chú, là thúc phụ! Lại còn nuôi nấng hắn nên người. Xa cách nhau từ 1948... Gần nửa thế kỷ rồi chú ít sao!

Hắn phải về, rắc rối nguy hiểm mấy cũng về. Vợ hắn, rất "kỵ" cộng sản vì vốn là Bắc kỳ di cư, lại còn bị "tán gia bại sản" vì hai vợ chồng hắn phải vượt biên trốn chạy những cuộc đàn áp trí thức của chính quyền cộng sản vào những năm đầu miền Nam "bị thống nhất". Vợ hắn chủ trương: "Đi là đi luôn, không bao giờ trở về để thấy mặt mấy tên công an, phường trưởng ác ôn đó... Phải luôn luôn đề phòng tụi nó. Tụi gian manh, điều ngoa đó, em biết quá rồi! Không làm sao mà tin được". Nhưng hắn liều. Kệ! Hắn nhất định về, để ít nhất là thấy lại mặt ông chú kính yêu của hắn. Nếu có thể thì "thanh minh thanh nga" với nhau về những ngày phải xa cách nhau, mất tin tức của nhau, kẻ ở lại trong Nam người ra ngoài Bắc, kẻ chọn Cộng Hòa tự do, người theo Cộng Sản độc tài, ai đúng ai sai, cho đỡ ấm ức.

Thế là hắn đi, lòng rất hồi hộp, nhưng tâm trí khá tỉnh táo.

Hắn cảm thấy đứng đững trước cảnh phi trường Tân Sơn Nhất vắng vẻ (so với cảnh nườm nượp của phi trường Charles de Gaulle) và cảnh tượng hoang phế của những ụ xi-măng chống pháo kích thời trước 75 vẫn còn nằm ngổ ngáo đầy đó.

Hắn chỉ cảm thấy hơi vui mừng vì người công an xét giấy thông hành, tờ khai cư trú và hành lý khá nhanh. Hắn về trọ ở một khách sạn ở đường Võ Thị Sáu, rồi sáng hôm sau lấy xe lửa đi Huế. Trên toa xe lửa, hắn cố ngủ, dù chỉ ngủ gà ngủ gật thôi, để quên nỗi nôn nao đang nhào lộn trong lòng hắn. Rồi hắn thấy hắn ôm cái va-li trên lòng, ngồi không ngay ngắn được trên một chiếc xe xích-lô chật hẹp, đột nát và bị lắc lư, nhồi dập đến đường Nguyễn

Biểu, trong Thành nội.

\*

Thím Hoàn và Hùng (con chú thím hẳn) chạy ra. Vui mừng, vỗ vập, hỏi chuyện, bàn chuyện từ ngoài cổng, qua sân, đến tận phòng khách. Nhiều chuyện lắm: đi đường mệt không, tàu bè ra ràng, răng không đi tấc-xi, về một mình hà, có ghé Sài Gòn không v.v... Nhiều ân tình lắm: răng ốm rửa, mệt hà, răng về thỉnh linh rửa, bậy quá Huế mưa cả mấy tuần ni.

Hắn không thể nào trả lời hết những câu hỏi xô bồ, ào ạt ấy. Cảm động quá. Mừng rỡ vô cùng. Những khuôn mặt xúng, gầy, xanh, những vòng tay vỗ vập, thiết tha, những xiết tay dồn dập, xoắn xít, những ánh mắt sâu, hiền, những giọng nói nặng nhưng êm, những hiền và rưng rưng... Ni, mô, tê, răng, rửa... Ôn, mẹ, o... Tất cả trút vào trong đầu óc của hắn như những vệt mưa chẳng chịt, như những làn gió cào cào của xứ Huế quen thuộc xưa cũ. Những hình ảnh vừa lạ lùng vừa quen thuộc, rất nhiều tiếng động lũng củng, bỗ ngỡ đã ùa đến, chen chúc, tràn ngập cả tâm trí của hắn, từ lúc đặt chân đến sân bay Phú Bài, nhẩy nhóp từ hành lang nhận hành lý ra đến tận bãi đậu xe xích-lô. Bốn mươi lăm năm xa cách rồi, qua bao nhiêu đổi thay của thế cuộc, Huế những ngày mưa, Huế vào mùa lụt lội, Huế thời hắn còn đi học, mặc áo tơi cá hay áo tơi đọt, đội nón, đi chân đất, guốc cát trong "cạc tấp" hình như vẫn thế, không thay đổi mấy. Nghèo nàn, tà tơi, ẻo ượt, buồn buồn!

Hắn bước nhanh lên thềm, vào nhà, thấy một chiếc xe lăn. Với một người, một thầy ma thì đúng hơn. Đôi mắt trắng, không còn một chút thần sắc nào, giữa một cái đầu lâu... Hắn đi thẳng đến chiếc xe lăn. "Chú!". Chú Hoàn quờ quạng đưa tay ra, nắm lấy tay hắn. Hắn thàng thốt

rùng mình, thấy tim chùng xuống rất sâu. Một cảm giác mềm mại, vữa nhũn, ròn rợn. Bàn tay lạnh lạnh của chú hay ánh mắt thất thần của chú? Hay hai cánh môi khô, xám, méo mó, ướm bần rưng rưng không mở ra được? Rất nhiều lời, căng nút tinh trong đôi má im lặng, dưới đôi mí mắt mòng mọng, thê lương. Bỗng nhiên, miệng chú méo xệch. Chú ngoẹo cổ, nhìn về phía bàn thờ, ngúc ngắc đầu. Nước mắt ở đầu bông tuôn ra, xối xả, tràn lan ướt đầm môi, cằm, cổ, vai áo. Hắn thấy choáng váng, bàng hoàng. "Chú! Chú! Chú về đây". Chú Hoàn hình như không nghe thấy gì. Chú vẫn ngúc ngắc đầu, khóc ào ạt như mưa trong im lặng. Trong đầu hắn, nhào lộn những ý tình thàng thốt. Trời ơi! Người chú của hắn có giọng nói sang sảng, có ánh mắt sáng, nghiêm đây sao? Đây là "Chú đốc Hoàn" luôn luôn điềm điềm, lúc nào cũng giữ vẻ bình thản ư? Người chú khỏe mạnh, rắn rỏi, có bằng ESEPIC, tráng trưởng Hướng Đạo đây ư? Người cha tinh thần của hắn đây ư? "Chú! Chú!" Chú đừng khóc, thàng Tinh Rộm của chú đây".

Thúy (vợ Hùng) đến bên cạnh, đặt tay lên vai chú: "Cha! Cha đừng khóc, động tở cái răng đau răng".

Hùng hỏi: "Ừa? Cha đau răng à?"

- Dạ, đau răng.
- Đau răng răng?
- Thì đau răng chó răng.
- Ủ mà đau răng ra răng? Răng mô?
- Em biết mô.
- Răng lạ rửa hề. Cha làm chi còn răng mà đau?
- Chắc khóc quá động xuống răng.
- Răng không kêu bác sĩ?
- Cha không chịu. Cha biểu kệ, không răng mô.

Cuộc đối thoại vang lên nhỏ, nhanh, nghe ri rầm như trong một âm mưu. Im lặng một giây, dài bằng bạc, nặng úu phiền. Rồi hắn nghe Hùng nói, giọng bần thần, sau một tiếng thờ dài:

- Rửa mà không ai nói chi hết!
- Thì tại cha không chịu. Cha nói không chi mô!
- Để anh xin nghỉ ngày ni, đi mời bác sĩ...

Chú Hoàn khó nhọc quay đầu nhìn hắn. Chú thều thào: "Đừng đi... Không đi mô hết, hết đau rồi". Rồi chú chống tay trái, run rẩy dợm mình cố đứng lên. Thúy đưa tay ra đỡ. Chú không cầm tay Thúy nhưng hắn thấy tay mình nặng hơn. Hắn liền đỡ chú đứng lên. Chú Hoàn lại hỗn hển: "Tối lạ... ôn mẹ... đi... Về được... rửa... là quý đó". Nghe như gió thoảng ngoài đồng vắng. Nghe như tiếng mưa nhỏ

giọt rì rả từ một mái tranh. Hấn loạng quạng đổ. Chú chập chững đi. Tám nhiều đồ được run rẩy vén lên. Ông bà nội của hấn nhìn hấn bằng cặp mắt hiền từ. Hấn nhìn sững. Toàn thân hấn rung động vì quá khứ bỗng hiện ra trước mặt, với một quãng đời... cả thời niên thiếu của hấn... Mùi nhang tỏa ra, gay gắt trong mũi. "Ồn mẹ ơi! Thăng Tĩnh... về đó! Ôn mẹ... hết... nhớ hấn... chưa?". Rồi hấn nghe một tiếng "húc" lớn. Toàn thân của chú rung lên. Vai rúm lại, đầu gục xuống. Thím Hoàn, nãy giờ ngồi sau lưng con dâu, từ bên sập bước nhanh lại: "Đừng! Đừng! Cháu hấn về rồi đó, răng ôn còn khóc chi nữa?". Chú húng hức, dồn dập hơn. "Chớ ôn khóc màng chi nữa. Một chủ!". Hùng nói nhỏ, với mẹ, nhẵn nhụi, dịu dàng: "Để cha khóc, đừng can!". Thím Hoàn căn nhắc: "Mô được. Cha mi khóc lại ngắt nữa đó. Mấy lâu ni mi không thấy đó răng?". Thúy tiếp ý chồng: "Không răng mô. Chủ có anh Tĩnh về rồi, không răng mô". Thím Hoàn đành đoạn: "Rửa thì con đưa cho vô nằm trong buồng đi...".

Hấn đi theo đến trước cửa buồng. Chú Hoàn tựa nặng lên tay hấn, bước đi lê lết. Chú dừng lại, nhìn vào mắt hấn. Mắt chú còn nhòe nhoẹt nhưng bớt mờ nhạt. Hấn nghe, thì 'thầm, dứt quãng: "Cháu về được... rửa là tốt... thấy chưa... ôn mẹ đó... rửa là chú yên tâm". Hấn dạ nhiều lần nhưng không hiểu chú hấn muốn nói gì.

\*

Thúy từ trong buồng đi ra, nở một nụ cười héo hắt:

- Cha nằm im rồi. Hết khóc rồi... Anh đừng buồn. Nửa năm ni rồi, cha rửa đó. Con cái, cháu chất, cha không nhắc tới, chỉ nói tới anh... Đau lên đau xuống hoài.

Hùng rót nước vào mấy cái chén trà, lắc lắc mấy vòng để tráng, rồi đổ toẹt vào cái ống nhỏ đặt dưới chân bàn. Hấn thần thờ nhìn mấy con muỗi bay lên. Không khí im lặng, trầm buồn, thê lương. Thím Hoàn lại trở về ngồi trên sập kê gần cửa sổ. Thím nhìn vào trước mặt thím, ngoài kia, sau song cửa, nơi có mấy ngọn lá run rẩy trên một cành bông sứ. Thúy không nói gì thêm, đến ngồi bên cạnh mẹ chồng, hai bàn tay chắp vào nhau, để kẹp giữa hai đầu gối. Nước mưa từ mái nhà chảy xuống giăng màn ngăn che nhưng không khí trong nhà ẩm ướt, lạnh lạnh. Hấn thấy nặng nặng ở ngực và mi mắt, người bàn thần, đã đuối. U ất giăng phủ từ phía bàn thờ, lan khắp phòng, lắng đọng dày xám trước phòng chú Hoàn. Từng giọt mưa rơi

lộp bộp trên mấy tàu lá chuối, rung chuyển trí óc ẩm ướt của hấn.

Hùng liếc nhìn Thúy rồi nói thật nhanh:

- Từ bữa anh Cao nói có đánh điện cho anh, cha tình hơn trước. Ngồi dậy được. Ngày mô cũng đòi ngồi xe lăn để ra đây. Chắc là để chờ anh.

Hấn đáp, giọng có một thoáng bực bội, chán chường:

- Tòa Đại sứ Việt Nam ở Paris thì vậy đó, rềnh rang lắm.

Hấn định không nói gì thêm nhưng Thúy không hiểu, hấn giải thích:

- Đứng ra thì họ đòi phải hơn một tháng mới cấp giấy phép nhập cảnh, nhưng anh đưa dây thép...

Hùng, sau khi "rửa à" lại nói, giọng băng khuâng:

- Anh Cao cũng có xuống, mong được gặp anh nhưng vừa trở về Ban Mê Thuột bữa tề.

Thím Hoàn xen vào:

- Anh Cao nói thấy cha hơi khá rồi.

Thúy tiếp lời:

- nh không biết anh có về không. Mà ảnh nhiều công chuyện ghê lắm. nh làm cực lắm chớ không như anh Hùng mô.

Hấn ngồi nghe ba mẹ con nói, nhưng tâm trí cứ vẩn vơ, mờ loãng. Không thể nào nhất định vào chuyện nào cả. Chỉ có nỗi bàng hoàng về hình ảnh thê thảm của chú Hoàn là rõ nét. Chú đợi chờ hấn? Tại sao? Tại sao hấn về đến chú lại không khóc vui mừng mà lại thống khổ như vậy? Tại sao chú *mách với ôn mẹ là hấn đã về tới?* Nỗi băn khoăn trộn lẫn với sự xúc động trước hình ảnh thê lương của chú làm hấn rất khó chịu. Trước mặt hấn, thím hấn, vợ chồng Hùng chỉ là những hình bóng mờ nhòe, những tiếng động văng vẳng chập chòn như trở về từ một quá khứ xa xưa. Những hình ảnh đã từng lớn vồn trong đầu óc hấn trong mấy chục năm qua, giờ này lượn lờ trong một khung cảnh mờ xám, u buồn.

Ngày hôm ấy, trong căn nhà lụp xụp trên Thượng thành Cửa Hữu, giữa khu vườn trồng sắn và khoai, thím Hoàn nói với hấn là thím nhất định đi tập kết, để sum họp với chồng. Khổ cực mấy cũng được, vợ chồng phải sống với nhau, chết sống có nhau, để chờ ngày thái bình. Trời hôm ấy nắng rất gắt nhưng hấn thấy trước mặt tối sầm lại. Thế là chú Hoàn không trốn về thành được. Thế mà chú vẫn nhấn về là sẽ trở về Huế để lo cho hai anh em hấn! Năm ấy, hấn mười lăm tuổi, thằng Cao mười hai... Gần nửa thế kỷ qua! Bao nhiêu đắng cay, khổ cực đã đến trong đời hấn. Hấn vật lộn với số mệnh mờ cõi. Hai anh em lớn lên, dựa vào nhau, đùm bọc nhau, vào đời,

khổ sở trăm điều giữa cái phồn vinh của xã hội miền Nam tự do. Hấn không còn nhỏ là có gia đình bên kia nữa. Vậy mà...

Hôm nay, hấn gặp lại cả gia đình chú thím hấn. Chú của hấn không còn là con người rần rỏi, quắc thước ngày xưa nữa, không còn là con người vững chắc để hấn nương tựa trong suốt quãng đời niên thiếu của hấn nữa, mà là một thân xác tàn lụi, nhũn yếu, như một xác tàu mục nát giữa những ngọn sóng rập rền, nơi một bến vắng đìu hiu. Thím hấn vẫn mang nét mặt u buồn, rầu rĩ như ngày rời Huế năm xưa. U buồn hơn. Vì mó tóc đã bạc gần nửa, hay vì đôi mắt đã mất hết ánh xinh đẹp, tinh anh? Không hiểu. Hấn chỉ thấy ở thím một nét u ất bao trùm cả con người nhỏ bé của thím. Từ cái miệng bắt đầu móm, đến ánh mắt thờ thẩn, từ những ngón tay bất động đặt lên đùi, ôm trọn đầu gối, đến cái lưng khòm xuống, mỏi mệt. Hùng và Thúy, hai con người lớn lên với xã hội cộng sản, hiện thân của nhẵn nhụi, ưu tư. Họ nói nhỏ, ít. Không ra rả như trong máy phóng thanh, góc đường Võ Thị Sáu, sáng sớm hôm sau hấn ngủ lại tại Sài Gòn. Dường như họ chỉ nói lên những cận tâm tư phải che giấu đâu đó, trong một góc ý thức màu hồng gợn xám. Trong nhà như có mây giăng thật thấp, sương mù thật dày. Thê lương quá! Mười mấy năm đất nước thống nhất độc lập rồi kia mà!

Hấn bỗng thấy ngưỡng ngưỡng, như thể một kẻ dứ thừa, làm như hấn ngồi đây là một sự chướng mắt, vì hấn không có nét u ất như những người kia. Làm như không khí thê lương trong nhà là do hấn tạo ra. Hấn nhìn mờ mờ về phía thím hấn và Thúy, ra ngoài cửa sổ, vào mấy nhánh lá ổi, lá sủ, run rẩy, chập chòn trước bóng mờ của mấy bụi chuối...

Bỗng, có tiếng chân bước nhanh vào nhà. Một người đàn ông đang vẩy nước mưa đầm trên chiếc nón lá lên mặt thềm gạch. Hùng nhìn lên, nói:

- Chớ mưa mà chị đi mô rửa?

- Tui tính qua khi hồi thê. Chờ hoài không được thành ra đi đại cho rồi... Cậu Tĩnh!

Hấn nhỏ ra. Vẫn giọng nói như reo vui ấy, vẫn dáng điệu lảng xăng, bộp chộp ấy. Chị Cái không già mấy. Bao nhiêu chết chóc, điều đúng đã kết thành một chuỗi ngày gian khổ dài đằng đẵng, chỉ làm tắt nụ cười hồn nhiên của chị. Vẫn còn lại củ chi thiết tha, ánh mắt dịu hiền và giọng nói ấy. Lạ nhỉ!... Hấn mừng rỡ đứng lên, ôm lấy người chị họ, vỗ vỗ vào lưng: "Chị! Đi đâu thế này?"

- Thì qua bên ni chớ đi mô nữa - Chị Cái vừa lùi khỏi vòng tay hấn vừa nói.

Thúy giải thích:

- Chị Cái ở gần đây, bên hẻm Đặng Trần Côn. Ngày mô chị cũng chạy qua hỏi anh về không?

Chị Cái âu yếm nhìn hấn, hỏi ngược:

- Tui đem bánh canh qua cho ôn ăn nữa chớ. Luôn tiện hỏi dò cậu có về không.

- Thôi, được rồi, biết rồi - thím Hoàn bây giờ mới nói, giọng tươi hơn. May mà có bánh canh của chị Cái chớ không thì không biết rằng. Nấu chi ôn cũng không ăn.

Thúy cũng nói thêm, như để phân trần, giọng buồn buồn có một thoáng ảm ức:

- Em có thử nấu cháo hành với thịt băm mà cha cũng không ăn. Lúc trước, khi mô đau là cha bắt nấu cháo hành, mà chừ...

Hấn bồng nhỏ lại những lần hấn bị đau đầu, nghệt mũi. Chú hấn chỉ có một phương thuốc cho hấn. "Ăn cháo hành thiệt nóng vô, rồi trùm mền thiệt kín... Ngộp quá chú... Ngộp cũng phải chịu. Chờ cho mồ hôi ra thiệt nhiều là hết đau..."

Hấn lên tiếng an ủi:

- Thúy đừng buồn. Ôn ăn bánh canh cũng tốt thôi. Chắc ôn không thích ăn thịt.

- Không phải rửa mô - Hùng xen vào. Khi mô có chị Cái cho ăn bánh canh thì cha mới chịu ngồi dậy, để cha nói chuyện với chị Cái.

Hấn lấy làm lạ. Chú hấn yếu như vậy, tại sao ăn bánh canh được, mà lại có thể ngồi nói chuyện chơi. Vậy thì chuyện gì? Nhưng hấn không hỏi. Không tiện hỏi. Hấn ngại hỏi, sợ xen vào câu chuyện của những người ngồi trước mặt hấn, câu chuyện vừa nóng sốt, vừa xa xưa mà hấn chỉ hiểu loáng thoáng. Hấn đành ngồi im, nhìn Hùng và Thúy.

- Mỗi lần như rửa là ôn lại nhắc chuyện đời xưa - thím Hoàn lại nói, giọng buồn như để than thở. Vừa nói vừa khóc thành ra ăn có hết được bao lâu mô.

- Đó là có chị Cái dứt rồi đó - Thúy lại xen vào. Mà chỉ có chị Cái dứt được thôi!

Chị Cái, như muốn phân trần:

- Tại ôn biểu để tui dọn cho luôn... Mà thiệt ra ăn có hết séc chén mô!

Hỏi sốt ruột, hấn đành hỏi:

- Nhưng mà ôn nhắc chuyện gì về ngày xưa?

Chị Cái thản nhiên:

- Lần mô cũng rửa, ôn cũng nói có một chuyện nó, rồi cũng nhắc tới cậu, nhắc tới ôn mẹ.

Hấn ngạc nhiên:

- Ôn mẹ nội của tôi há?

Thúy và Hùng, gần như một lượt:

- Ôn mẹ bọn em nữa chớ.

Chị Cái lại nói:

- Thì ôn mẹ là ôn mẹ chớ còn ôn mẹ mô nữa... Còn chuyện ngày xưa là chuyện xa thiệt xa đó, từ lúc ôn mẹ mất.

Hấn nhủ mày:

- Vậy là nói về lúc tôi và thằng Cao có chú ở đây nuôi.

Thím Hoàn, giọng buồn buồn:

- Đúng rồi, lúc chưa có tui về làm dâu thế.

Hấn chưa kịp nhỏ lại quãng thời gian xa xưa ấy thì chị Cái đã bình thản nói thêm:

- Đúng đó. Lúc đó tui còn ở làng, chưa theo anh Được lên dinh ở. Lúc đó cậu (là hấn) mới bảy tám tuổi chi đó...

Hấn bần thần:

- Chuyện gì vậy kia.



Chị Cái nhìn thím hấn, rồi Hùng và Thúy. Vài giây sau, chị ngập ngừng:

- Ôn ở đây cứ nhắc hoài là trước khi ôn với mẹ mất, cả hai đều có dặn là ôn ở đây phải lo nuôi cậu tới nơi tới chốn...

Hùng bồng xen vào:

- Cha nói là ôn mẹ mất đi chỉ còn trông cậy vào cha để lo nuôi anh với anh Cao. Vậy mà năm 1948, cha không về Huế lại được, kẹt ở lại Vinh. Rồi vì mẹ em tập kết thành ra bỏ lại hai anh ở Huế bơ vơ, làm cha cũng bận bịu theo, thành ra ở lại ngoài đó luôn...

Thím Hoàn tiếp lời con:

- Tui biết là ôn không nói ra chớ tui chắc trong bụng ôn giận tui... Thời cuộc hấn như rửa thì tui làm răng được? Hết chuyện gì tới chuyện tề, có khi mô được yên mô mà lo chuyện về tìm lại anh. Mà cũng nhắc ai hỏi ai được mô...

Chị Cái, giọng buồn buồn:

- Thì ở trong ni cũng rửa, ai cũng lo muốn chết... Chừ nói lại làm chi.

- Nhưng mà ôn cứ buồn bực hoài - thím hấn lại nói, giọng hơi gay gắt - làm cho tui với thằng Hùng cũng buồn theo. Rồi tới khi giải phóng được Sài Gòn, ôn đòi về Huế liền. Mà về răng được. Con Thúy thì đang có chửa thằng Cu, còn về Huế thì

biết tìm anh ở mô. Rửa mà ôn cứ sạo sục đòi đi...

- Em phải can mãi cha mới nghe. Chờ tới khi em dò được tông tích của anh chị và anh Cao thì cha đòi đi ngay. Để mẹ em với hai mẹ con thằng Cu ở đây, em với cha vô Sài Gòn. Tìm tới gặp anh Cao mới biết là anh chị với mấy cháu mới vượt biên tuần trước đó. Rửa là cha em...

Hùng ngừng lại, không nói thêm được nữa vì nhỏ lại chuyện cũ đau lòng hay tấm tức vì một duyên cớ mông lung nào đấy. Không khí trong nhà lại trở về với cái nặng nề u uất khó với người có lẽ đã giăng phủ từ nhiều ngày nơi đây. Lát sau, chị Cái nói nhanh:

- Ôn về lại Huế rồi cứ buồn rầu hoài. Cả thằng Cu ở đây ôn quý dữ rửa mà ôn cũng không thương như trước nữa. Tội thiệt... Ôn đòi cậu Hùng liên lạc với cậu mô bên nó mà không được...

Hấn hỏi:

- Tại sao? Thúy từ đi Pháp lúc nào cũng dễ dàng cả...

Thím Hoàn nói, giọng buồn bực:

- Cháu nói rửa là nói cho phần cháu ở bên Pháp chớ còn ở bên ni, nhứt là mấy tháng sau giải phóng làm răng gửi thú đi ngoại được.

Hấn "hừ" một tiếng ngắn ngủi. Bỗng nhiên hấn thấy bực tức. Không biết tại sao, vì ai. Chính quyền cộng sản kèm kẹp, với mạng lưới công an giăng bủa khắp nơi, xoi mói vào mọi ngõ ngách của đời sống người dân? Gia đình chú thím hấn đã quá quen với lối sống trong khuôn phép tự do dân chủ chặt chẽ, thấp nặng đây lo sợ của cộng sản nên không dám viết thư cho hấn? Họ sợ quen rồi. Sợ làm trí thức. Sợ trở thành tư sản. Sợ thích ăn nhiều, mặc đẹp. Sợ tự do thoải mái đi đây đi đó, rong chơi, chuyện trò. Chỉ sợ và sợ. Sợ nhiều thú quá, muôn hình muôn mặt. Riết thành ra như sợ... chết.

Có lẽ thấy mình chưa nói được gì nhiều. Chị Cái rụt rè:

- Cậu Tĩnh, cậu đừng buồn. Ở đây là rửa đó. Không kể tui là "ngụy" mô. Ai cũng rửa cả. Tới chừ cũng rửa nê. Hể mở miệng ra mà nói chi động tới Công an, Nhà nước là... mệt đó. Ai mà dám thú tử với cậu mô bên nó!

Hùng ngắt lời:

- Không phải là chừ đó chuyện mô. Cha buồn là không gặp được anh, để nói hết mọi chuyện với anh.

Hấn không hiểu:

- Chuyện gì? Thời thế nó như vậy, đất nước nó như vậy, có chuyện gì đâu để nói?

Hùng nói như để bào chữa:

- Thì chuyện đó đó, chuyện không chăm sóc được anh như lời ôn mẹ dặn dò. Mà cũng chính vì rứa mà em không muốn cha buồn bực hoài. Cha có viết thư cho anh thì cũng rứa thôi. Để nói cái chi? Để làm chi? Anh ở trong ni, ở bên nó, làm chi nghĩ chi, cha làm rành mà biết được?... Viết cho anh rồi biết anh có chịu trả lời không?... Mấy người có đầu óc xưa không chịu hiểu là ai cũng phải sống theo hoàn cảnh, không cần phải bày ra cho mình những chuyện không cụ thể, để lo âu mà không giải quyết được...

Hùng ngắt lời:

- Sống theo hoàn cảnh là một cách nói thôi. Nhưng vấn đề mà Hùng gọi là cụ thể, mà anh cho là chính, là quan trọng, đó là sống, sống như thế nào. Nhẽ ra chú ở đây mà viết được thư cho anh để nói lên được điều ấm ức, đau khổ phải chịu đựng trong hằng mấy chục năm thì bây giờ chú cũng lấy lại được vui vẻ rồi. Đâu đến nỗi trở thành... như thế này...

Hắn định nói "trở thành một người tàn phế" nhưng hắn chỉ nói "Đang này..." rồi ngừng lại, thờ dài. Có lẽ hắn không biết phải nói gì thêm vì chưa hiểu rõ được tại sao chú hắn "đau khổ" đến như vậy làm cho hắn cũng đau khổ lây. Hắn thấy ló mớ là có một cái gì đó thâm trầm hơn, sâu sắc hơn...

Hùng trở lại ý của mình:

- Em muốn nói sống theo hoàn cảnh, có nghĩa là... Gia đình em sống ở miền Bắc ba bốn chục năm nay rồi, miền Bắc với những khổ đau của nó. Đâu phải ai cũng là cộng sản mà đâu phải ai cũng là đảng viên cộng sản. Ngay như cha em có lúc nào ông chịu trở thành đảng viên cộng sản đâu. Còn tụi em thì lớn lên trong xã hội miền Bắc, dưới chế độ cộng sản thì tụi em cũng phải sống theo hoàn cảnh nó thôi...

- Lẽ tất nhiên! Anh cũng vậy. Anh sống ở miền Nam thì theo chế độ cộng hòa, nhưng có ai bắt anh phải theo đảng này phe nọ đâu!

Hùng vội xoa tay:

- Anh chưa nghe em nói hết. Em muốn nói là hoàn cảnh không cho phép bọn em đi xa hơn, ra khỏi cái khuôn phép của xã hội cộng sản. Cho nên điều thực tế nhất là phải sống theo hoàn cảnh hiện tại. Cha em cứ nhất định đòi làm một chuyện mà hoàn cảnh không cho phép...

Hắn liếc nhìn thím hắn. Thấy thím Hoàn vẫn chìm trong im lặng thản thờ, hắn nói, giọng hơi gay gắt vì hắn thấy khó chịu, cho rằng "lời nói chuyện" của Hùng có vẻ chủ quan và pha nhiều giáo điều:

- Từ lâu, trong bao nhiêu năm, chú ở đây có đòi trở vào Nam đâu. Ông đâu có tìm cách liên lạc với anh nữa đâu!

- Em biết, nhưng cha em không lúc nào tuổi tinh vui vẻ để sống với vợ, với con, với cháu mà cứ buồn rầu ảo não. Có ích lợi chi? Lại còn thiết bàn thờ ôn mẹ để nhang đèn cúng bái, để thờ vắn than dài, làm cho mẹ em cũng buồn bực lây...

Hắn ngắt lời:

- Ở ngoài ấy trong nhà có đặt bàn thờ à?

Hùng ngập ngừng giải thích:

- Có nhà có, có nhà không...

- Nhà nào có bày bàn thờ ông bà ông vai thì phải có để ảnh Hồ Chủ Tịch nữa phải không? - hắn mĩa mai. Mà phải chỗ nào cao nhất trong nhà chứ gì!

- Tất nhiên!

Hắn cười gằn:

- Đấy! hoàn cảnh mà!

Hùng, dường như muốn tránh cho câu chuyện trở thành gay gắt "quá đả" :

- Đứng rứa, anh à... Không làm rành được. Phải chịu rứa thôi... Mà em nghĩ thì trong Nam cũng rứa thôi. Có khi mô mấy anh tìm cách liên lạc với cha mẹ em không? Rồi mang tiếng liên hệ với cộng sản thì làm rành!

- Vậy Hùng không hiểu được cái liều lĩnh của chú ở đây à?

Thúy đáp nhanh:



- Dạ có chớ. Bọn em tỏ vẻ phiền lo thì cha biểu là không lúc nào ai được bỏ việc thờ cúng ông bà tổ tiên. Nhứt là để tưởng nhớ cha mẹ sinh thành.

- Theo ý Hùng thì thế nào? - hắn cố ý hỏi vặn riêng người thanh niên đã lớn lên trong "khuôn phép" cộng sản. Nên làm hay vô ích?

- Em không có ý kiến chi cả... Em chỉ buồn là cha em dùng bàn thờ để làm có xa lánh gia đình, để tạo ra những lúc đau khổ...

Hắn không nghe Hùng và Thúy nói gì thêm. Thật ra Hùng, rất tinh tế, đã ngừng lại trước đôi lông mày nhíu lại của hắn, trước ánh mắt trở nên xa vắng của hắn. Vì hắn đang tưởng tượng ra quãng thời gian chú Hoàn sống ngoài Bắc. Một con người cô độc ngay giữa gia đình, trong xã hội.

Tuy không bắt mẫn nhưng không chịu chấp nhận hội nhập, không chống đối nhưng cố tình xa cách. Với một lương tâm không yên ổn...

Lát sau, hắn dịu dàng nói, giọng mang rất nhiều buồn thương:

- Anh hiểu rồi. Thật đáng buồn cho Hùng và Thúy phải chịu đựng sự hững hờ của ông. Hai em đều là những kẻ vô can. Sanh ra, lớn lên ngoài ấy, đâu còn biết những gì mà cha ông quen làm, cho là tôn quý... Cả thím ở đây cũng vậy. Thím đâu có lỗi gì! Khổ nỗi là ông là con người của bốn phận, theo đạo lý cổ truyền. Hùng không hiểu đó thôi, chứ lời trời trăng của cả ôn lẫn mẹ đối với ông không phải chỉ là một vấn đề lương tâm thông thường mà là cả hệ thống đạo đức bao la, sâu đậm mà hai em không hiểu thấu.

Thúy nở một nụ cười buồn:

- Thưa anh, em cũng thấy là có một cái gì đó làm cho cha không làm rành quen được lời dặn dò của ôn mẹ...

Hắn nhìn sâu vào mắt cô em dâu:

- Thím cũng xuất thân từ một gia đình nho giáo cổ truyền chắc cũng có thể hiểu dễ dàng chuyện này thôi. Anh nói đó là chuyện đạo lý vì ôn mẹ đã dặn chú ở đây phải lo nuôi anh và anh Cao đến nơi đến chốn, có nghĩa là ông phải thay mặt ôn mẹ, thay mặt hai bác - là cha mẹ anh đó - để nuôi nấng tụi anh với danh nghĩa, với bốn phận "làm cha". Quyền huynh thế phụ là vậy đó. Đây ông lại là chú, là thúc phụ. Tục của ta hay nói *sầy cha còn chú*, còn lễ nghĩa nho giáo thì gọi ông là thúc phụ... Cho nên ông khổ sở vì ông cho là khi ông không lo được tròn bốn phận đã là không ra gì rồi mà lại không thực hiện được lời trời trăng của ôn mẹ nữa thì không có gì... đau khổ hơn.

Thấy không ai có ý kiến gì, hắn nói tiếp:

- Các em nên hiểu là quyền trong đạo đức cổ truyền của ta không có nghĩa là quyền lực mà là quyền hành, cái quyền của người trên đem áp dụng đạo đức trong việc làm, trong lúc hành xử việc gì đối với người dưới...

Hùng bỗng ngắt lời:

- Nhưng hoàn cảnh không cho phép thì làm rành được.

Thúy nhìn chồng, rồi nhìn thím Hoàn:

- Chính vì hoàn cảnh không cho phép cho nên cha mới đau khổ rứa, chớ còn dễ dàng tiện lợi thì...

Hắn tiếp ý của em dâu hắn:

- ... đâu có rắc rối như vậy. Nhưng bây giờ ông đã gặp được anh, ông đã trình được với ôn mẹ rồi. Chắc ông cũng nguôi ngoai được phần nào.



Hắn ngừng lại vì hắn nghe thím Hoàn thở dài náo nức. Hắn đành ngừng nói, thấy tâm trí sáng sủa hơn. Hắn lặng lẽ nhìn rất lâu Hùng và Thúy. Cả ba đều im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ đang lòng vòng trong đầu.

\*

Chị Cái sực nhớ:

- Chết cha! Phải đi hâm lại bánh canh cho ôn ăn chớ. Gần sáu giờ rồi.

- Để em hâm cho - Thúy vừa nói vừa tranh cái giỏ trong tay chị Cái.

- Rửa thì để tui vô coi ôn thức hay ngủ đã.

Hắn đứng lên đi theo. Chị Cái đi thật khễ, vén màn lên, nhìn vào. Hắn chen lên định vào nhưng chị Cái kéo tay áo hắn, rồi xuyt nhỏ. Hắn ngừng lại và thấy chú hấn nằm im, mắt lim dim. Lốp chân mỏng phủ đến cằm che kín không còn thấy được hình dáng thân thể quá gầy của chú hấn. Chị thấy mỗi cái đầu da bọc mỏng dính, lộ thớ tóc, đôi má hốc hác với mấy cái răng hở làm cho miệng hé mở. Hắn lại thấy rờn rợn và trong lòng thì nao nao một cách kỳ lạ. Vừa uất ức, vừa bi đát. Mấy chục năm điều linh xa cách đem lại cho hắn nỗi vui gặp gỡ như thế này đây. Hắn buồn bã nhìn rồi bất giác thở dài.

Chị Cái, vừa bước lui vừa nói nhỏ: "Mấy lâu ni, chủ mới thấy chộ ôn nằm êm". Hắn định đi theo nhưng thím Hoàn đứng lên và nói: "Phải thúc ôn dậy ăn chớ đừng để ngủ lúc chạng vạng...". Thúy dưới bếp lên cũng nói: "Bánh canh nóng rồi đây". Hai mẹ con lật bệt đi vào. Chị Cái và hấn vào theo. Bồng thím Hoàn chồm tới, cúi sát người xuống nhìn. Rồi cúi sát xuống nữa. Hắn thấy thím thò tay xuống dưới chân nắm lấy tay chú hấn, rồi hắn nghe: "Ồn!Ồn!". Tiếng cái khay bị đặt mạnh xuống bàn. "Cha! Cha!". Thím Hoàn bệu bạo khóc ứ hứ rất nhỏ. Chị Cái quì chân xuống sàn. Chị ôm mặt. "Chị lạ rứa! Răng lạ rứa! Mới đó mà?".

Tiếng màn xoạt mạnh. Hùng kéo thím Hoàn đứng lên. Hùng để tay lên mũi chú Hoàn rồi đưa tay vuốt mắt. Hùng quay lại nhìn hấn. Hấn cũng nhìn sừng Hùng. Cả hai không nói gì. Thúy búi lấy tay Hùng. "Anh! Anh!". Chị Cái, thím Hoàn bật khóc rú lên. Hấn quay lại ôm cả hai người đàn bà. Hấn vỗ vào lưng thím Hoàn. "Đừng! Đừng! Thím đừng khóc! Như vậy là chú yên tâm mà đi rồi... Thím đừng khóc, chú buồn!" ● (sa 10103)



## Lừa nơi đây, lừa ở quê nhà

■ NGUYỄN VĂN BA

Từ đầu mùa thu đã có tin má sẽ sang đoàn tụ với chúng tôi. Chúng tôi lúc ấy gồm bốn người: vợ chồng và hai đứa con gái, muốn một căn chung cư hai phòng ngủ. Phòng ngủ lớn cho tôi và Hải. Phòng ngủ nhỏ cho Ngọc và Nga. Căn chung cư hai phòng ngủ mỗi ngày một thêm chật chội cùng lúc với sự gia tăng về kích thước của hai cô con gái và số lượng đồ đạc trong nhà. Nhiều lúc bức bối, tôi muốn lập tức mua một cái nhà rộng rãi để ở cho thoải mái rồi tôi đâu thì tôi, nhưng khi bình tâm nghĩ lại, tôi đắn lòng, chờ đến khi tài chính dồi dào hơn để đặt tiền "down" khá khá.

Tin má sang đoàn tụ làm tôi nôn nóng phải mua nhà trong một sớm một chiều. Trước tiên vì bà ngoại và hai đứa cháu gái không thể ngủ chung trong một phòng ngủ quá chật hẹp. Thứ đến tôi muốn má có cảm nghĩ rằng chúng tôi đã an cư lạc nghiệp, ăn nên làm ra, ngay khi bà mới đặt chân lên đất nước này. Chim có tổ, người có nhà, đó là câu má luôn nói đến hồi tôi còn trong nước. Một ngôi nhà khang trang, đối với má, là biểu hiện hùng hồn cho một gia đình sung túc.

Mua nhà là sự chi tiêu lớn nhất trong đời người, thứ hai mới đến cái xe, ông Mỹ, bà đảm cùng sở tôi vẫn hay nói vậy. Một cách thực tế, điều họ nói rất hợp lý, bởi mua cái nhà phải trả nợ dài hạn trong mười, mười lăm năm hay hơn. Còn mua xe hơi chỉ trả trong ba, bốn năm là cùng.

Tôi nhủ thầm phải thật cẩn thận, phải đích thân lo việc này, không thể giao khoán cho Hải, người rất lơ đãng, hời hợt. Đối với tôi, chỉ mỗi một việc đi làm và mang tiền về nhà là Hải tạm được, còn những chuyện khác, từ rửa chén đến trồng rau, nhất là khi mua sắm... bất cứ món gì tôi cũng phải để mắt vào mỗi xong.

Tôi không nói oan cho chồng tôi đâu bạn ạ! Còn nhỏ mùa Giáng Sinh năm trước, hôm ấy Hải tan sở rồi trên đường về nhà anh ghé qua siêu thị mua sắm. Bước vào cửa, Hải hí hửng với một thùng quýt chín cân Anh trên tay, loại quýt ta (mandarin) nhập cảng từ Nhật Bản, khá đắt tiền mà dân Mỹ thường mua để ăn hay

làm quà trong dịp này. Hải nói: "Biết em và các con thích ăn quýt, anh mua nè!". Ngay hôm ấy, sau bữa cơm chiều, tôi mò thùng quýt lấy ra mấy trái ăn tráng miệng. Mỗi trái quýt được gói cẩn thận trong một tờ giấy mỏng màu xanh lá cây khá đẹp mắt, như người ta gói chén kiêu để vận chuyển đường xa. Nhưng hồi ơi! Khi mở giấy ra thì hơn nửa thùng quýt đã bị hư, trái mềm rục, trái thúi, trái lên mốc xanh đón.

Lần khác vào mùa hè, từ sở Hải gọi điện thoại cho tôi, bảo hôm ấy không phải nấu ăn, trên đường về anh sẽ mua thịt để nướng "barbeque". Tôi mò mấy vỉ thịt ra để ướp gia vị mới hay thịt đã có mùi. Và còn nhiều, rất nhiều lần nữa, Hải mua sữa đã chua, trứng bể, rau cải bằm dập, hồi thúi...

Tôi đã để ý chuyện mua nhà từ nhiều năm nay, dù chưa đủ tài chánh. Các thành phố miền đông bắc Hoa Kỳ có nạn người da đen, những thành phố miền nam và tây nam nhiều dân cư bất hợp pháp gốc Mễ Tây Cơ. Thành phố tôi hiện cư ngụ rất ít người da đen, không bóng dáng người Mễ, nhưng lại rất nhiều dân da đỏ mà có người gọi là mọi da đỏ.

Khu Tây Nam của thành phố này, gọi nôm na là "sóc mọi", nhà cửa giá hạ nhất, cùng lúc có nhiều tệ đoan xã hội nhất. Cùng kích thước và tiện nghi, một căn nhà thuộc khu này rẻ hơn những nơi khác từ mười đến hai mươi ngàn đô. Tệ nạn xã hội nơi đây không xuất phát từ những vụ cướp bóc có vũ khí, mà từ những người da đỏ không nghề nghiệp. Quanh năm suốt tháng, người da đỏ sống nhờ vào trợ cấp xã hội của chính phủ mà không mảy may mặc cảm. Họ quan niệm đất này là của họ, người da trắng tới chiếm cứ nên phải nuôi họ như một hình thức đóng thuế đất, thế thôi! Chánh phủ liên bang cùng với tỉnh bang cũng vui vẻ trợ cấp bởi tiền chạy trở lại qua tiệm rượu. Trợ cấp xã hội chỉ vừa đủ sống nên người da đỏ nói chung nghèo khổ, ăn mặc rách rưới nếu không muốn nói là dơ bẩn. Họ say sưa tối ngày, say quá có khi lăn ra đường. Túng quẩn quá, lắm lúc làm cầu, đập cửa nhà, cạy cửa xe lấy đồ đem cầu, bán để chi dùng. Đôi lần sang khu Tây Nam, tôi đã gặp mấy ông da đỏ say rượu đứng ở góc đường ngửa tay xin

tiền, lại thấy mấy chị da đỏ phấn son lòe loẹt đón khách, thế nên tôi không có hứng thú mua nhà ở khu này.

Khu Tây Bắc, khu kỹ nghệ của thành phố, gần phi trường. Khoảng ba, bốn năm lại có một vụ rớt máy bay ở khu này, mỗi ngày hàng trăm chuyến bay lên xuống từ khắp bốn phương trời, lâu lâu có một chuyến không suông sẻ, trục trặc là lẽ đương nhiên. Mỗi đây, do thời tiết xấu, một phần lực cơ chò hàng hóa rớt xuống ngay trên đường lộ, đùng một loạt gần trăm chiếc xe, chạy luôn vào khu gia cư làm hư hại mấy căn nhà. Dân cũ khu Tây Bắc nhiều phen kinh tâm, táng đờm. Tàu bay đùng xe hơi, chuyện khó tin nhưng có thật, và chắc sẽ còn xảy ra dài dài trong tương lai.

Khu "downtown" nhà cũ, giá lại cao. Những người lớn tuổi, người về hưu tập trung nơi đây vì gần chợ búa, thư viện, trung tâm thể dục, bưu điện trung ương, tòa thị chính...

Khu Đông Nam, thường gọi là khu nhà giàu, nơi nhà cửa mới và đẹp, lại nằm trong vùng biệt lập, an ninh nhất thành phố, dư thừa tiện nghi công cộng như hồ tắm, sân đánh golf... Một lần chúng tôi ngồi xe đi quan sát khu này. Nhìn những biệt thự nguy nga, đồ sộ rào trong những bức tường kín mít, cao khỏi đầu người, tôi liên tưởng tới những dinh cơ của mấy ông đại điền chủ ở miền Tây Nam phần Việt Nam thuở trước. Một anh bạn của nhà tôi có máu văn nghệ, anh tưởng tượng ra trong ấy có người con gái đẹp, đài các và kiêu sa, còn anh là người đi ngoài sương gió. Và nói hứng, anh ngâm nga: *Hỡi người kín cổng cao tường, Có hay có biết kẻ ngoài tuyết sương?* Kết quả của buổi tham quan ấy thật không mấy vui, mọi người trong chúng tôi tự nhủ với chính mình, những căn nhà ấy chỉ là ảo tưởng, chỉ là trong mơ, bởi chỉ riêng thuế nhà và thuế đất hàng năm đã bằng mấy tháng lương của chúng tôi.

Như vậy chỉ còn khu Đông Bắc là thích hợp với khả năng, với thu nhập của vợ chồng tôi. Khu Đông Bắc chia ra ba khu nhỏ: Silver Spring, Wild Wood và Forest Grove.

Tôi gọi chuyên viên địa ốc đến nhà để tham khảo. Richard của Công ty Thế Kỷ 21 là một người Mỹ có hai mươi năm kinh nghiệm bán nhà trong thành phố. Theo sự phân tích của Richard chúng tôi đồng ý chọn khu Wild Wood tuổi nhà trung bình mười năm, thay khu Silver Spring cũ hơn hay khu Forest Grove tân lập. Khu Wild Wood không quá cũ nên không phải bỏ nhiều tiền để tu bổ, sửa chữa; cũng không quá mới nên cây cối đã đủ lớn để che gió,

đường sá mùa đông được xúc tuyết thường xuyên và chẳng phải bận tâm hoàn tất tầng hầm, lối đi, hàng rào, thảm cỏ... những việc này, tôi lẫn Hải đều không tự tay làm được.

Bốn tuần lễ sau đó, Richard hướng dẫn chúng tôi coi hơn hai mươi căn nhà khác nhau. Chiều nào, cuối tuần cũng bận rộn đi coi nhà, rồi thảo luận, bàn cãi lung tung, nhưng tôi chưa chọn được căn nhà vừa ý. Có quá nhiều lý do: Nhà nhỏ quá, lớn quá, nhiều tiền quá, đẹp bên ngoài nhưng xấu bên trong và ngược lại, phòng khách quá rộng, nhà bếp quá hẹp, phòng ngủ không có nhà tắm riêng...

Không nói ra, ngoài mặt vẫn vui vẻ, nhưng tôi đã thấy sự chán nản, mất kiên nhẫn nơi Richard. Hải nhiều lần đưa cọt: Chuyên viên mua bán nhà nào gặp em thì coi như trúng số độc đắc, bởi đi đã rung chún, hết xăng hết nhớt mà chẳng được cốm cháo gì, tiêu chuẩn của em đưa ra là nhà phải đẹp, lớn, chắc chắn và... giá thật rẻ. Hải cũng đã nhiều lần nói: Sẽ không có căn nhà nào vừa ý em, tốt nhất là em nên mua một miếng đất và muốn kiến trúc sư vẽ mô hình để xây một cái nhà hoàn toàn mới.

Mùa thu trôi qua một cách hồ hững, lá xanh đổi màu vàng đỏ, rồi lá rụng, lá bay theo từng cơn gió thu hiu hắt để lộ những cành cây trơ trụi, khẳng khiu. Việc mua nhà của chúng tôi dậm chân tại chỗ.

Gió thu trở lạnh, cửa kính chung cư đực lò hơi nước, tiếng gió rì rào lúc nửa đêm về sáng như có mang theo hơi húm của buổi đầu đông. Đã hơn một tuần lễ Richard không liên lạc với chúng tôi, chắc hẳn ta bỏ cuộc rồi! Ý định tìm chuyên viên địa ốc khác đang manh nha trong đầu tôi, thì bỗng một hôm Richard gọi điện thoại. Richard nói với giọng đầy tin tưởng: Tôi vừa mới tìm được một căn nhà, chắc chắn bà sẽ vừa ý, chưa đăng bảng cũng như chưa lên danh sách nhà đất.

Richard lập tức chở tôi đến nơi. Đó là căn nhà khang trang ở góc đông nam của ngã ba McKercher và Taylor. Nhà rộng rãi, đẹp bên ngoài lẫn bên trong, không một vết trầy trụa chúng tôi được chủ nhà săn sóc cẩn thận, giá bán một trăm lẻ năm ngàn, rẻ hơn mức thị trường khoảng mười ngàn đô. Sau hơn một giờ quan sát cẩn thận từ phòng ngủ đến phòng ăn, cật vấn Richard đủ điều, tôi thật sự vừa bụng.

Tôi hỏi Richard khá cận kề về lý do bán nhà, nhất là tại sao giá rẻ. Richard giải thích, ông chủ nhà vì lý do chuyển nghiệp sở làm bất ngờ đã dọn đi nơi khác mấy ngày trước đó, nay vợ con ông muốn bán nhà gấp để theo chồng, theo cha. Richard khuyên tôi nên chớp lấy cơ hội, đợi đến khi đăng bảng lên thì giá nhà không còn rẻ

như hiện nay. Tôi yêu cầu được xem tất cả hóa đơn sửa chữa, điện, nước, hơi đốt... trong năm qua để chắc căn nhà không có trục trặc gì.

Sau cùng tôi làm giấy trả giá căn nhà một trăm ngàn đô chẵn. Richard đưa tôi về chung cư. Một giờ sau, Richard điện thoại cho tôi, nói rằng chủ nhà rút giá một trăm lẻ năm ngàn, không bớt. Richard thuyết phục tôi trả thêm để mua căn nhà, đừng để lỡ dịp may. Tôi cương quyết không trả thêm đồng nào.

Hải về đến chung cư, chúng tôi thảo luận. Hải để tôi toàn quyền quyết định, tôi vừa ý là Hải bằng lòng, không thắc mắc. Hai giờ sau đó, Richard thân hành đến chỗ chúng tôi. Richard đưa ra giải pháp dung hòa về số tiền năm ngàn sai biệt: Người mua, người bán và nhân viên địa ốc mỗi người chịu một phần ba. Dành dụ giấy lát, tôi gật đầu ưng thuận.

Vậy là chỉ trong một buổi chiều, tôi đã mua xong căn nhà với giá một trăm lẻ một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đô. Tôi đưa cho Richard hai ngàn đô tiền cọc và điều chỉnh giấy tờ trả nhà. Hôm sau, Hải và tôi ra ngân hàng. Với khả năng tài chính và công việc làm của chúng tôi, mọi thủ tục vay tiền được chấp thuận, tiến hành nhanh chóng, dễ dàng. Chỉ cần hai tuần lễ để cho người chủ nhà cũ dọn ra là tôi có thể dọn vào nhà mới.

\*

Mua được căn nhà trước ngày má sang, tôi vui mừng khôn xiết. Chắc má cũng vui sướng như tôi. Tôi nôn nóng chờ ngày dọn vào nhà mới, cũ của người, mới của tôi. Tôi đếm từng ngày. Mỗi sáng trước khi đến sở, mỗi chiều trước khi về nhà, tôi đều chạy qua ngã ba McKercher và Taylor để nhìn căn nhà tương lai của tôi.

Buổi sáng thứ năm, khi tôi đến nơi thì một tai nạn xe cộ vừa xảy ra, chiếc xe Honda Civic màu vàng sậm móp méo thâm hại cùng chiếc truck GM nửa tấn còn nằm tại hiện trường, cảnh sát và nhiều người bu quanh.

Tôi dừng lại, bước xuống xe. Sau khi hỏi thăm đôi điều, tôi hình dung ra tất cả mọi việc. McKercher là đường chính, xe cộ dập diu. Đường Taylor lưu thông xe cộ cũng không kém. Căn nhà đẹp mắt ở góc đông nam nhằm vào vị trí hiểm nghèo do có cái nhà xe đôi quay cửa ra đường Taylor. Khi "de" xe ra đường để đi đâu, người tài xế phải cẩn thận, phản ứng thật nhanh và chính xác, nếu không sẽ bị đùng bởi xe từ một trong hai hướng đổ tới: hướng bắc từ đường McKercher quẹo trái và hướng nam từ đường McKercher quẹo phải theo "cua" tôi.

Nạn nhân hôm ấy là bà chủ cũ của căn nhà, xe ra, lính quỳnh thế nào, bà mới trở đầu thì bị chiếc truck GM nửa tấn tông vào hông. Chiếc truck và người tài xế chỉ bị thương tích nhẹ vì là xe Mỹ. Phần bà chủ nhà được xe cứu thương chở vào bệnh viện, thương thế trầm trọng.

Vào sở hôm ấy tôi như người mộng du. Lúc nào hình ảnh cái tai nạn với chiếc xe Honda Civic móp méo, với bà chủ nhà mình đầy máu me cũng ám ảnh tôi. Nghe tôi mô tả, nhiều bạn cùng sở cho biết những căn nhà ở góc đường như vậy giá rất thấp, lại khó bán. Một người cứ ngụ lâu năm trong khu vực nói thêm, căn nhà ấy đã thay đổi nhiều chủ vì lý do đó, dĩ nhiên ông ta nào biết tôi sắp là người chủ mới.

Tôi suy nghĩ thật nhiều và biết chắc mình không thể mua căn nhà ấy. Tôi không muốn mình là nạn nhân của một tai nạn tương tự. Tôi mới có bằng lái xe chưa quá một năm nên còn rất lóng cọng trên đường phố, nhất là những khi đi xe, quẹo trái, đậu song song... Nghĩ là thực hiện liền. Tôi điện thoại cho Richard, trước tiên trách hắn đã dối gạt tôi bằng cách không nêu rõ vị trí nguy hiểm và lịch sử căn nhà, thủ đoạn nói rõ quyết định của mình, đồng thời yêu cầu Richard trả lại hai ngàn tiền cọc. Richard chối biến việc dối gạt tôi, biện minh rằng trong thành phố có hàng ngàn căn nhà tọa lạc tại góc đường, và tai nạn xảy ra là do tài xế bất cẩn, không liên hệ gì đến vị trí nhà cửa. Chuyện hoàn tiền cọc Richard sẽ thỉnh ý giám đốc của hắn. Khoảng một giờ sau đó, Richard gọi lại, hắn cho biết không thể trả tiền cọc, vì theo điều kiện duy nhất trong giao kèo, Thế Kỷ 21 chỉ hoàn tiền cọc khi ngân hàng từ chối cho vay, chẳng này, ngân hàng đã chấp thuận cho chúng tôi vay tiền để mua nhà.

Tôi đến luật sư để tham khảo ý kiến. Vị này cố vấn, nếu tôi muốn thuê Công ty Thế Kỷ 21 ra tòa ông sẽ giúp tiến hành. Tuy nhiên, theo ý riêng của ông, trong việc này, Thế Kỷ 21 không có lỗi gì cả. Chi phí tối thiểu để tiến hành thủ tục tố tụng là ba ngàn đô, chưa kể việc kiện tụng kéo dài do phía bị cáo kháng tố.

Hải khuyên tôi bỏ việc tranh tụng, coi như đó là một chuyện không may, đã tàn tài chắc sẽ tiêu tai. Không có sự chọn lựa nào khác, tôi đành im lặng, trong khi lòng tôi buồn phiền vô hạn, buồn phiền vì bị người lừa dối, để mất tiền bạc. Mặt khác tôi thẹn với Hải, với Ngọc và Ngà, bởi tôi luôn trách móc chồng tôi sơ suất trong những chuyện nhỏ, chuyện vặt vãnh, còn tôi không đủ thận trọng đối với một chuyện quá lớn. Và tôi đình hoãn việc mua nhà vô hạn định.

\*

Má sang đoàn tụ vào một buổi chiều mùa đông. Chúng tôi ra phi trường đón má về chung cư. Mừng sum họp má rơi nước mắt đầm đìa, chúng tôi cũng không cầm được những giọt lệ sung sướng.

Hải ra tiệm bàn ghế mang về một cái "sofa-bed" đặt ở phòng khách, ban đêm mở ra làm giường cho má ngủ, ban ngày xếp lại làm ghế ngồi. Mọi việc tạm ổn, má không than phiền, tôi cũng an tâm, chỉ có Hải là không bằng lòng.

Một hôm, Hải đặt vấn đề trước mọi người:

- Thưa má, vợ chồng con phải mua nhà, để má ngủ ở phòng khách lòng con không yên.

- Có gì đâu mà con không yên lòng, má già rồi, ăn bao nhiêu, ngủ ở đâu lại không được, lo là lo các con, các cháu còn trẻ, mua nhà làm chi cho tốn kém.

- Thưa má, má thương con, thương cháu, má nói vậy, chỗ con nghĩ khác. Má lớn tuổi, miếng ăn, giấc ngủ mới thật là quý, là quan trọng.

Ồ là là, tôi nghĩ thầm, cái anh Hải này khéo nịnh bà già vợ dữ. Làm như chỉ có ảnh biết lo, má tui chỗ bộ!

Tôi vọt miệng:

- Tụi con tính mua nhà từ trước khi má qua lặn. Chẳng may mua nhầm cái nhà ở góc đường, xe cộ nhiều quá nên trả lại chủ. Nay má đã qua rồi, chuyện mua nhà phải tiến hành, chờ má cho ý kiến.

- Má mới sang đây, chún ướn chún ráo, biết cái gì đâu mà ý với kiến. Vợ chồng con quyết định lẽ nào tùy ý.

- Con sợ chuyện mua nhà rồi! Mua làm một cái, chẳng những mất công, còn mất tiền. Lần này con giao chuyện mua nhà cho má và anh Hải.

Thật tình tôi bị ê mặt, mà giao khoán cho Hải thì không yên tâm nên kèm theo má vô.

- Nếu con đã quyết ý như vậy thì má sẽ đi coi nhà với chồng con.

Thế là chúng tôi nhờ Công ty Remax giúp tìm nhà trong khu Silver Spring.

Sau hơn một tuần lễ, căn nhà hiện nay được mua với sự đồng ý của Hải vì có bốn phòng ngủ, nhà xe đôi, gần trường học, vườn rộng... Tôi cũng vừa ý vì nhà bếp rộng rãi, phòng ngủ lớn có buồng tắm riêng...

Tôi hỏi má tại sao chọn căn nhà này và cái gì của căn nhà được má yêu thích nhất. Má mỉm cười, không nói. Câu trả lời của má được tôi hiểu ra trong ngày dọn về nhà mới.

\*

Đó là một ngày mùa đông giá buốt. Má coi lịch Tam Tông Miếu và chọn ngày ấy để dọn nhà bất chấp thời tiết trọng đông và thời gian chuẩn bị quá ngắn.

Trước đó má tự tay thu dọn, đóng thùng quần áo, vật dụng... theo thủ tục hẳn hoi. Sau đó, cũng chính tay má mở thùng, xếp đặt lại. Hải và tôi chỉ lo phần vụ chuyên chở. Bận rộn túi bụi như vậy mà má còn dành thời giờ mua nếp, đậu xanh, thịt mỡ cùng với lá chuối để nấu một nồi bánh tét cúng ông bà, cúng đất đai viên trạch, thành hoàng bốn cảnh... Má sợ về nhà mới không nấu bánh được vì hơi nước làm hư nhà.

Chiều hôm ấy má đích thân cùng anh Hải đi mua mấy bao gạo, đồ ăn và củi về đốt lò sưởi (fire-place). Sau bữa ăn tối, cả nhà quây quần trước cái lò sưởi trong phòng khách. Củi trong lò nổ lách tách, ánh lửa vàng cam khi cháy bùng lên, lúc phụt xuống cùng với câu chuyện râm ran.

Tôi nói:

Hồi chiều con nhỏ lại là nhà đã có lò sưởi tự động bằng hơi đốt giữ ấm rồi. Cái lò sưởi này không cần thiết phải đốt ngay hôm nay, mà để hôm khác hãy đi mua củi cũng không muộn. Nhưng lúc con nhỏ ra thì má đã đi rồi.

- Má muốn đốt lò sưởi bằng củi trong ngày về nhà mới. Khói củi thơm, còn khói hơi đốt mùi hôi, khó ngửi. Má làm theo lời dạy của tổ tiên, dọn về nhà mới thì gạo phải đầy lu, đồ ăn đầy đủ, nước đầy khạp, túi đầy tiền, củi đầy vựa... đó là những dấu hiệu của sự thịnh vượng, sung túc.

Tôi không đồng ý:

- Tiền để trong nhà bằng sinh lợi lại an toàn, nước máy, bếp điện, gạo sẵn trong siêu thị lúc nào muốn mua là có ngay đâu cần tích trữ. Sang đây rồi, cái gì thích hợp thì giữ, không thì thôi, má theo cổ lệ làm chi cho mệt.

Hải góp tiếng:

- Má làm vậy phải đó em. Má cầu mong điều may mắn đến cho tụi mình, có mất mát gì đâu!

Má có vẻ mơ màng:

- Cổ tục ông bà, cái gì cũ mới quý, càng cũ càng quý, cái nào giữ được thì nên cố gắng giữ lấy. Mai một con lớn tuổi hơn, sẽ hiểu điều má nói. Mà má nhỏ lửa lắm, thêm lửa ghê lắm! Lửa gọi cho má cái không khí ấm áp ở quê nhà. Có lửa nhà này giống nhà mình bên Việt Nam hơn.

, thì ra má chọn căn nhà này vì cái lò sưởi, cả nhà má thích cái lò sưởi nhất. Cái lò sưởi chụm củi đối với má là hình ảnh của quê hương. Hải lái câu chuyện sang hướng khác:

- Hồi chiều ở chỗ bán củi có ba loại: thông, poplar và birch. Con thấy má trầm

ngâm một lúc, cuối cùng má chọn củ birch là lý do tại làm sao?

Má đã có chủ ý về vấn đề này:

- Đúng ra là má cố ý chọn loại củ đã dùng ở Việt Nam, nhưng không có, nên má lấy củ birch vì con nói củ này cháy chậm, lại có nhiều nhiệt nhất. Còn củ poplar cháy nhanh, thông thì có mùi dầu resin của nhựa.

- Ở Việt Nam má dùng củ gì, để con lưu ý tìm kiếm?

- Má dùng nhiều thứ khác nhau, bởi nước ta ở vùng nhiệt đới, cây gỗ phong phú hơn nơi đây. Mỗi thứ có một đặc tính riêng. Vỏ măng cụt phơi khô, bỏ vào lò lửa nổ lách tách như than đốt củi Năm Căn, Cà Mau. Củi bắp phơi khô khi cháy cho ngọn lửa xanh đùn như khi ta đổ rượu vào đĩa rồi châm lửa để nướng khô mực. Nhánh sao, nhánh dầu bên lề đường, để khô đem nhúm lửa tỏa ra mùi thời tiết gió bắc. Có những thứ củi cho mùi thơm bất ngát.

- Củi gì vậy ngoại? Bé Ngà hỏi.

- Thứ nhất đảm tiện, thứ nhì đảm bảo.

- Đảm tiện là cái gì hà ngoại?

- Muốn làm những vật dụng tinh vi, cầu kỳ như chún tú, bàn, ghế, đi-văng, thợ tiện đưa cây vào máy tiện, sản phẩm mới tròn trịa và đều đặn được. Dụng cụ của thợ mộc như cưa, bào, đục... không có khả năng làm công việc tế nhị của máy tiện. Đồ tiện thường là đồ quý, đồ mắc tiền, làm bằng các thủ danh mộc, thường là huỳnh đàn, trắc, gỗ, cẩm lai... Vì thế đảm tiện từ các thủ gỗ này cho mùi thơm bất ngát, mùi thơm lại là một hỗn hợp tuyệt vời. Lửa đảm tiện đã thơm mà hình dạng của nó cũng ngộ lắm. Mình thấy được chỗ không vô hình như lửa bếp điện. Ngọn lửa đã ngộ, lửa nhiều màu còn ngộ hơn.

- Còn đảm bảo?

- Đảm bảo là sản phẩm của thợ mộc, gỗ không phải thuộc loại danh mộc, thường là thao lao (bằng lạng), sao, đen, dầu con rái, dầu song nạng... Cái bào làm cây gỗ láng bóng, còn đảm bảo là gỗ vụn, cũng cho mùi thơm, ngọn lửa đẹp nhưng kém hơn đảm tiện một bậc.

- Bên Việt Nam có lò sưởi như ở đây không vậy ngoại? Bé Ngọc hỏi.

- Miền Nam Việt Nam có khí hậu nhiệt đới, nên nhà cửa nói chung không có lò sưởi như ở đây.

- Như vậy người ta dùng củi để làm gì?

- Để nấu bếp, đun lò.

- Bộ ở Việt Nam không có lò dầu, lò điện, lò hơi đốt, lò microwave... như ở đây sao ngoại?

- Có chứ, đủ các loại. Tuy nhiên đa số dân chúng thôn quê và ngay cả dân thành thị như ngoại vẫn thích dùng than, củi.

- Con nghĩ lò than, bếp củi dở hẳn vì khói bụi lại bất tiện nữa.

- Cháu của ngoại nói đúng, lò than, bếp củi bất tiện hơn lò dầu, bếp điện vì phải nhúm lửa và lau chùi, bù lại nó có nhiều cái hay.

- Hay ra làm sao, ngoại nói đi?

- Cái hay trước nhất là than, củi cháy cho ngọn lửa có màu, mùi lại thơm như ngoại đã nói. Thứ hai là vui, vui vì tiếng nổ nhỏ lách tách trong lò, vui vì ngọn lửa khi cao khi thấp, lung linh nháy múa như một đoàn người đang khiêu vũ. Nấu bếp với củi với than là trở về với thiên nhiên, với cội nguồn của con người.

- Thiệt vậy sao ngoại?

- Đúng vậy. Chắc các con có nghe tổ tiên nhân loại ngày nay có thời gian "ăn lông ở lỗ". Trước đó họ sống đời du mục, nay đây mai đó. Từ khi phát hiện ra lửa con người mới định cư lại. Chưa biết xây nhà, con người tìm hang làm nơi trú ẩn, quây quần với nhau, rồi gia đình được thành lập, ngày đêm nhen nhúm lửa thiêng, kiếp kiếp đời đời giữ lửa làm ấm hang, hun đúc tình yêu gia đình. Bởi vậy không có lửa củi là không có gia đình và đường nhiên sẽ không có quốc gia và thế giới như ngày nay. Và hay nhất là lửa củi, lửa than không chết.

- Lửa mà cũng có đời sống, có lửa sống và lửa chết nữa sao?

- Lửa bếp điện, lửa lò dầu, lò hơi đốt... nấu ăn hay nướng thịt xong là chết liền bởi người ta tắt nó, khi cần mới mở công-tắc hay châm lửa mới. Lửa củi đâu có như vậy. Nấu nướng hay sưởi ấm xong rồi thì vùi than củi dưới tro. Tro vốn xốp, có nhiều khoảng trống giúp than củi trong lò cháy

âm ỉ cả ngày lẫn đêm, ngày này qua ngày khác, bước vào nhà thấy ấm liền, tiến lại nhà bếp càng ấm hơn, ấm cúng thật sự. Nhà bếp ở xứ này lạnh lẽo từ sáng sớm đến chiều, nhà nào như nhà nấy. Để tiết kiệm năng lượng người ta còn tắt lò sưởi tự động trong khoảng thời gian không có người ở nhà, vì thế bước vô nhà, tới nhà bếp, thấy lạnh tanh, cảm giác ớn ớn xương sống như nhà hoang, nhà vô chủ...

- . . . . .

- . . . . .

\*

Ngọc, Ngà đã đi ngủ để rạng ngày đi học. Tôi và Hải cũng đi nghỉ để có sức cho hôm sau cày cuốc. Khi tôi thức giấc thì đêm đã khuya, khuya lắm. Đêm yên lặng. Thình thoàng mới có tiếng một chiếc xe qua lại trên đường. Từ nhà hàng xóm vu vớ vọng lại tiếng chõ sũa trắng, tôi chép miệng thì thầm: Mùa đông năm nay dài và lạnh quá! Lò sưởi đã tắt ngúm, lửa trong lò không còn nháy múa, củi không còn nổ lách tách, nhưng hơi ấm vẫn dịu nhẹ tỏa ra. Mà tôi vẫn còn ngồi trước lò sưởi, lặng im, bất động, mắt hướng về một nơi xa xăm nào đó.

Tôi choàng tấm chăn mỏng qua người má. Nhìn bóng má gầy gò in lên vách qua ánh đèn mờ ảo, tôi thấy lòng mình băng khuâng và chợt liên tưởng đến mấy câu trong một bài thơ, một bản nhạc của ai đó đã được sửa lại đôi chút:

*Lửa nơi đây cũng là lửa ấm*

*Nhưng ấm sao bằng lửa ấm quê hương*  
Saskatchewan, Canada

### ● Nguyễn Thị Thúy Hoa

## MÙA ĐÔNG ĐÓN CÔ

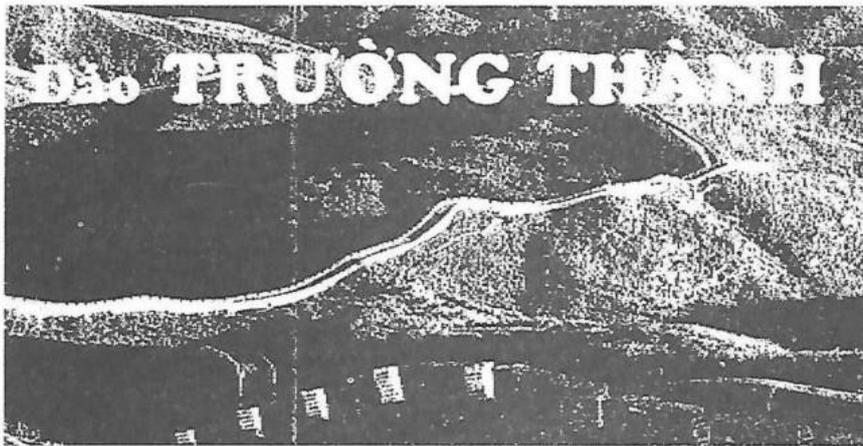


*Mùa đông đến trên từng ngọn cỏ  
Tuyết phủ lên tháp cổ chuông xưa  
Mùa đông khóc trong những cơn mưa  
Rồi bình tĩnh như chưa hề giận giỗi*

*Với người tình là cơn gió vội  
Đông thì thảo khế thổi tà áo bay  
Bóng hình ai đi trong gió heo may  
Ôi thương lắm dáng gầy chiều giá lạnh*

*Mùa đông đến tâm hồn ai hiu quạnh  
Ta co ro trên gác nhỏ buồn tênh  
Đời sao còn mãi bước lênh đênh  
Như con lữ gập ghềnh sỏi đá*

*Mùa đông đến da thịt ta lạnh giá  
Mối tình nồng tất cả vẫn còn đây  
Trái tim ta đã heo hắt hao gầy  
Mòn mỏi ngóng theo tháng ngày bất tận*



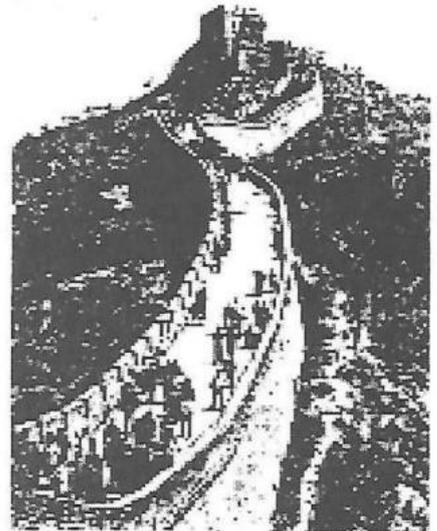
● TRẦN PHONG LỬU

**T**heo lời một lãnh tụ Trung Quốc: "Bất đảo Trường Thành, phi hảo hán". Tất cả phái đoàn hành hương chúng tôi đều đã trở nên hảo hán, sau khi đã leo lên Trường Thành đoạn Bát Đại Lĩn, mà còn leo lên thật cao, đi thật xa, xa khỏi nơi cấp phát bằng "Chinh phục Trường Thành". Càng

chú tâm, e ngại trượt té đã hạn bớt tầm nhìn.

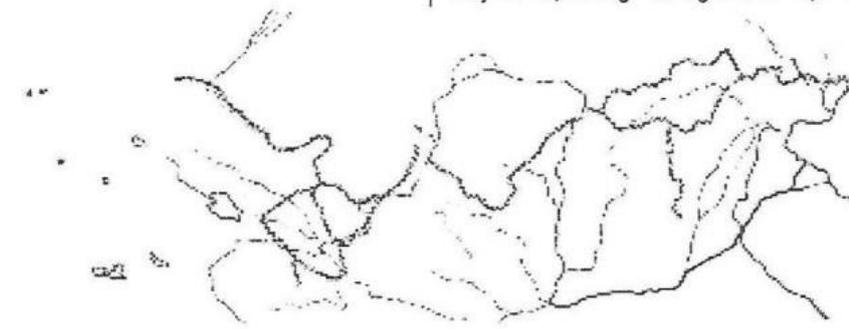
Qua sử sách đến lời cô hướng dẫn, Vạn Lý Trường Thành nằm vắt qua chiều rộng mênh mông của miền Bắc Trung Hoa, quanh co uốn lượn trên đỉnh những dãy núi cao chập chùng như con mãng xà gạch đá khổng lồ dài tới 13.200 lý (6.600 km), từ đèo sông Áp Lục ở phía Đông cho tới sơn đạo Gia Vũ Quan ở phương Tây. Trường Thành còn là một trong hai kỳ quan vĩ đại nhất trên trái đất được nhìn thấy từ mặt trăng. Từ ngàn xưa Vạn Lý

Hoàng gồm thâu lục quốc, thống nhứt Trung Hoa mỗi nối dài các đoạn thành trì này và thiết đặt nền tảng cho dãy Vạn Lý Trường Thành hiện hữu dài tới vạn lý, từ Lâm Thao (Mãn Huyện thuộc tỉnh Cam Túc ngày nay) ở hướng Tây Trung Quốc, qua vùng Hà Sáo, sông Hoàng Hà và dãy núi Am Sơn, tới tận phía Đông tỉnh Liêu



Ninh. Do đó vẫn còn những đoạn Trường Thành tách đôi rồi nối lại thành vòng. Sau nhiều triều đại kế tiếp, Trường Thành luôn được tu bổ và xây cất nối dài thêm mãi về phía Tây. Vạn Lý Trường Thành tồn tại đến ngày nay đã được xây đồ sộ và kiên cố thêm nhờ kỹ thuật tiến bộ hơn dưới thời nhà Minh cách đây khoảng 600 năm. Nhìn kỹ công kiến tạo bằng gạch, đất, đá này, ai ai cũng phải nghiêng mình thán phục trước những bàn tay xây dựng của con người, nhưng đồng thời cũng kinh sợ mức độ tàn ác của con người đang nắm quyền trong tay và muốn củng cố uy quyền của mình. Từng tảng đá xanh đen được đục đẽo nên khối hình chữ nhật đều đặn, xây thành hàng hàng lớp lớp ở mặt ngoài. Từng viên gạch xám tro được nung cứng như đá, gắn ghép nên dãy lan-can vô tận ở mặt trong, đều chẳng những đã thể hiện tay nghề khéo léo, vận dụng biết bao công sức, mà còn thấm đượm mồ hôi, nước mắt và vương vấy cả xương máu của bao nhiêu đăm dân phu! Bức Trường Thành càng xây dài ra vạn lý, thì những năm mờ càng được chôn dài theo muôn dặm. Về đau thương còn phảng phất theo truyện tích kể "Nàng Mạnh-Khương thiên lý tầm phu".

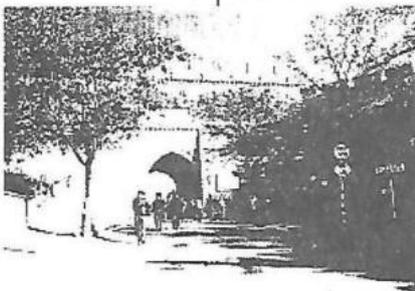
Đoàn chúng tôi leo lên Trường Thành theo lối cầu thang trong tháp thành Bát-Đại-Lĩn, tức là "i Bắc" của Juyong quan, cửa ải chiến thuật quan trọng của Vạn Lý Trường Thành, mà xưa kia luôn được canh phòng chặt chẽ như một tiền đồn bảo vệ sự an toàn của Bắc Kinh. Từ năm 1505,



Vạn Lý Trường Thành thời Minh 1368 - 1644

lên cao, càng thấy vẻ hùng tráng của những dãy núi non chón chò, quy mô vĩ đại của Trường Thành. Càng đi thêm xa, càng thấy mặt thành dài như vô giới hạn. Mịt mờ phía trước, thăm thẳm đằng sau. Đoạn vừa vượt qua chạy ngoằn ngoèo bên dưới, mấy đoạn sắp tới còn uốn lượn trên xa. Địa thế hiểm trở hơn hẳn lời mô tả trong sách vở. Công trình hùng vĩ vượt quá hình ảnh in trên bích chương. Dù hôm ấy nhằm ngày lễ, quá nhiều đoàn du khách đổ về viếng thăm, người lên kẻ xuống chen chúc nhau trên từng bậc đá, khiến mặt thành như thu hẹp bớt. Dù mọi người đều cố bám chân lên từng bậc cấp trốn lảng, dốc cao, sự

Trường Thành đã được gắn liền với tên tuổi của bạo chúa Tần Thủy Hoàng. Nhưng thực ra Trường Thành đã bắt đầu được xây

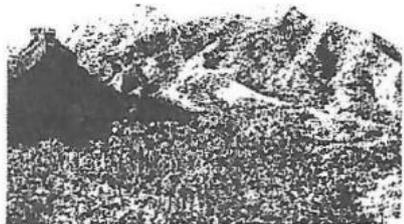


dựng từ thế kỷ thứ 7 trước Tây lịch như những vòng thành bao quanh lãnh địa các nước chư hầu của nhà Chu, dưới thời Chiến Quốc để kinh chống lẫn nhau. Di tích các đoạn thành trì của các nước Tần, Tề, Yên, Sở, Hàn, Triệu và Ngụy vẫn còn tại những địa thế hiểm yếu thuộc các tỉnh Liêu Ninh, Sơn Đông, Hà Bắc, Hà Nam. Riêng ba nước Tần, Yên, Triệu còn xây những đoạn thành ở phía Bắc để ngăn cản rợ Hung-nô và sự cướp phá của các bộ tộc du mục khác. Cho đến năm 221 trước TL, Tần Thủy

thành trì này đã được xây cất lên tại đây với hai cổng thành đối nhau: "Trọng yếu khẩu biên ải" và "Bắc môn kiêm tòa", tọa lạc trên thửa đất chiến lược và rất khó xâm nhập. Ý nói muôn người không thể lọt qua, dù rằng khi đó chỉ có duy nhất một tên lính canh đang trấn giữ. Trường thành Bát-Đại-Lĩnh cao 7 thước 8 và rộng hơn 5 thước



được xây bằng những tảng đá xanh xám đẽo hình chữ nhật và những viên gạch xanh lam sậm trên đỉnh những ngọn đồi. Cả dãy Trường Thành trung bình xây cao 6 thước rưỡi, móng thành cũng loe rộng ra hơn 6 thước, đầu thành thu lại còn hơn 5 thước. Cách vài trăm thước hay có khi hàng cây số mới xây lên một tháp thành mở 3 cửa sổ ở hai mặt hông và 4 cửa sổ ở 2 mặt trước sau. Lại trở cửa ra vào nối liền các bậc thang đá thông lên mặt thành và nổi lên tới vọng lâu, lợp hai mái ngói. Ngoài ra còn những tháp canh cách nhau không xa, ở những yếu điểm dọc theo bờ thành. Vành ngoài Trường Thành xây cách khoảng rặng lược đều đặn, củ một khoảng xây liền 6 tầng đá, lại chừa trống 3 tầng để khuyết sâu xuống 10 hàng, thành những khoảng trống để lẩn cây, bắn đá. Phía dưới khoảng xây liền này ngay chính giữa lại chừa ra một lỗ châu mai để bắn tên nỏ. Mặt thành lát ba, bốn lớp gạch đá đan chéo nhau, rộng hơn 4 thước đủ chỗ cho 5 người dàn hàng ngang cuối ngựa. Lan-can



mặt tường trong xây bằng phẳng lại cũng chừa từng hàng lỗ châu mai để quan sát. Có đoạn Trường Thành trong lại chừa tới 3 hàng lỗ châu mai nằm so-le nhau. Không kể những công cuộc tu bổ các đời sau, riêng nhà Tần đã huy động trên 30 vạn quân lính để xây Trường Thành cùng vô số dân phu bị cưỡng bách đi sưu để góp công sức và xương máu vào công cuộc xây dựng vĩ đại này.

Công trình xuyên qua 11 tỉnh này đã trở nên biểu tượng của Trung Quốc. Các bích chương đều cố ghi lại toàn cảnh hùng

vĩ của Vạn Lý Trường Thành với nhiều đoạn uốn khúc ngoằn ngoèo trên đỉnh những dãy núi hiểm trở. Các bu thiếp cũng muốn lưu lại góc nhìn đẹp của mấy đoạn Trường Thành, qua bốn mùa với hoa xuân, lá đỏ, thu vàng và tuyết trắng phủ trên mấy ngọn tùng, ở Hoàng-Gia-Quan, Gia-Vũ-Quan, Tân-Sơn-Lĩnh, Vương-Bình-Lâu và Sơn-Hải-Quan... Còn du khách quay về Bắc Kinh với một mô hình ảnh chụp nhanh, để đánh dấu sự hiện diện của mình tại nơi thắng tích nổi tiếng nhất này, một ít kỷ vật mỗi mua vội, khung cảnh quá

bao la bát ngát chưa thể thu gọn vào trong tâm trí hạn hẹp của mình, mỗi thường cảm người xưa tích cũ cũng còn để lại chút bằng khuâng. Nhưng về nhận nhịp, hoa hòe trình diễn tại thủ đô nước lớn nhân ngày Quốc Khánh đã che lấp mất những bạo tàn của quá khứ và lịch sử. Nhìn quanh dân Trung Hoa còn đông quá. Họ đông tới hàng tỉ người mà! Đàn ông cũng như đàn bà đều mặc Veston tề chỉnh dù đạp xe đạp hay đạp xe ba-gác thô đồ. Mà cũng chỉ mặc một màu xám sậm hay xanh đậm và bám nhiều bụi đường ●

\* Lê Mỹ Như Ý

## Lá Diêu Bông Vàng

Rời mùa mưa lại về  
Em ngồi nơi thềm nhìn mây bay  
Thấy nhớ anh những tháng ngày đã  
qua

Tuổi nhỏ cũng qua  
Tình yêu thơ ngây cũng thế!  
Hình ảnh năm xưa  
Bất chước người lớn  
Đòi anh đi tìm lá diêu bông  
Lá diêu bông chẳng bao giờ có  
Nên mình xa nhau  
Bây giờ là mùa mưa  
Người tình nhân thuở nhỏ  
Tìm mãi chẳng bao giờ thấy!  
Ôi, tình yêu đầu đời  
Đẹp như giấc mơ!



Tháng sáu mưa nhiều  
Nước đổ từng cơn xuống dòng sông  
Những chiếc lá khô còn vương trên  
cành  
Như nỗi thương nhớ vẫn còn nuôi  
tiết

Người tình thuở nhỏ  
Có thật một đời yêu em  
Nên mãi đi tìm lá diêu bông  
Ôi, có bao giờ người nhớ lại  
Cái nắm tay dịu dàng  
Đôi mắt khép thật nhẹ  
Và một tình yêu...  
tường đã ngủ yên  
Bông dung thức dậy  
Nón nao...  
nhớ một người đã quá xa!

Chiều nay ngồi nơi đây  
Đếm những cánh chim  
lượn bay  
Ở một chốn xa xôi  
Mặt trời lặn  
theo từng cơn sóng.  
Nụ cười buồn  
Chéo mắt cay  
Ôi, tuổi nhỏ trôi qua  
Thời gian  
choáng mắt khung trời xanh thơ  
mộng  
Chỉ còn lại  
một nỗi bằng khuâng  
một vòng tay buông thả  
Bên trong trái tim già  
một tình yêu cố tích  
với chiếc lá diêu bông vàng tương  
tượng.





# ĐẦU NĂM SÁM HỐI

Những ai đang sống ở thành Hồ, nếu đi ngang qua đường Hồ Xuân Hương, chắc hẳn sẽ để ý đến một ngôi biệt thự thật sang trọng nằm gần bệnh viện da liễu. Mới thoạt nhìn dáng vẻ bề ngoài của nó, người ta đã thấy thích rồi, vì nó vừa thơ mộng vừa cổ kính. Ngôi biệt thự có bức tường rào cao khoảng hai mét, được bao phủ bằng đủ loại dây leo, trổ hoa lá xanh tươi, trông thật mát mắt. Bên trong sân là hai cây đa cổ thụ, tỏa bóng rợp mát, và rải rác đây đó là những luống hoa đủ màu sắc sỡ, những thảm cỏ xanh mượt, những lối đi lát sỏi trắng, cùng rất nhiều loại cây quý được cắt tỉa công phu và uốn thành hình long, lân, quy, phượng v.v.. Phía sau biệt thự là một hồ tắm và một sân đánh tennis. Đặc biệt nơi này trồng rất nhiều cây ăn trái như mít, xoài, ổi. Phía dưới các lùm cây là các ghế xích đu và những chiếc bàn nhỏ, làm tiện nghi cho các đôi tình nhân ngồi tâm sự, giải khát. Để làm tăng thêm phần thơ mộng của nơi giải trí, chủ nhân biệt thự đã cho thiết trí các giò hoa lan màu đen, một loại hoa lan đắt tiền, treo lủng lẳng nơi các ghế xích đu, cho các đôi tình nhân thưởng lãm vẻ đẹp của một loài hoa hiếm có, mà chỉ có giới giàu sang mới dám chơi. Chưa hết, bên trong các lùm cây, xen trong các cảnh lá, chủ nhân đã cho mắc đủ loại bóng đèn màu và những chiếc loa nhỏ. Ban đêm, khi đèn màu bật lên, tiếng nhạc du dương phát ra từ những bụi cây, khu vườn sẽ biến thành một nơi du hí vô cùng mê ly, thích thú. Tuy nhiên, bấy nhiêu đó chưa đủ. Mục đích của chủ nhân biệt thự là muốn biến khu vườn giải trí thành thiên đường hạ giới. Muốn được như vậy, theo "công thức" thời đại thì phải sắm cho được một loài hoa quý hơn loài hoa lan đen gấp nhiều lần. Sờ dĩ quý hơn, vì loài hoa này... biết nói tiếng người, biết làm cho vô số đàn ông chết mê

chết mệt, bỏ vợ bỏ con, bán nhà, bán cửa để chạy theo nó!

Đọc đến đây chắc quý vị sẽ tự hỏi: "Quái, loài hoa gì mà có sức quyến rũ mạnh đến như thế?" Xin thưa, theo ngôn ngữ thời thượng bây giờ, người ta gọi là... "Hoa Đồng Nội"! Hay nói toạc móng heo ra, đó là những cô gái nhà quê bị bọn ma cô, dắt mối mua đem về thành phố để làm điếm!

Mọi khi hàng ngày, cứ vào khoảng mười giờ sáng là ngôi biệt thự đã rộn ràng vang lên rất nhiều tiếng cười đùa vui vẻ của hai mươi cô gái còn rất trẻ, tuổi đời chỉ từ 14 đến 20. Nhưng hôm nay bầu không khí trong biệt thự hết sức nặng nề, căng thẳng. Các cô gái đều lấm la, lấm lét, im thin thít, không ai dám hó hé một lời. Lý do vì "má Hai" đang nổi trận lôi đình. "Má Hai" là biệt hiệu của mẹ Tốt, vợ của một cán bộ cao cấp đang nắm giữ một chức vụ quan trọng trong thành ủy. Mẹ Tốt trực tiếp cai quản hai mươi đứa "hoa đồng nội", cùng khoảng một trăm vũ nữ đang hành nghề nơi vũ trường Bồng Lai tại quận tám. Phụ việc cho mẹ Tốt có bốn tên đầu gấu, ba nam một nữ, sẵn sàng đâm chém người bất cứ lúc nào, bất cứ đối tượng nào mà không hề biết hối hận. Ngoài ra, còn khoảng vài chục tên du đãng mặt rồ, phối hợp với đủ loại công an chìm nổi, cùng nhau hết lòng hết sức bảo vệ kỹ nghệ "kinh doanh thịt người" của mẹ Tốt, và được ăn chia theo phần trăm đã thỏa thuận. Vừa có quyền thế, vừa có tiền tài, tay chân bộ hạ nhiều ước đến cả trăm, nên uy danh của má Hai vang lừng khắp chốn thành Hồ. Ở thành Hồ, mỗi khi nghe nhắc đến tên "má Hai", ai cũng phải nể sợ, bởi vì, người ta nghe đồn má Hai có nghệ thuật "trị lính" hết sức tàn bạo...

Trong căn phòng khách sang trọng, mẹ Tốt, tức má Hai đang ngồi bật ngựa trên ghế sa lông, tay nhịp cây roi mây, phía sau có một thằng đệ tử mặt non choẹt, đang ra

sức đấm bóp cho má. Dưới sàn nhà trải thảm bốn "đứa con" của má đang ngồi run rẩy chịu tội. Mẹ Tốt rít một hơi thuốc Winston, phà khói, rồi bắt đầu "lên lớp":

- Tiên sư bố chúng mày, nhờ ai mà chúng mày từ những đứa nhà quê ăn đói mặc rách, được trở thành ăn trắng mặc trơn như ngày hôm nay? Nếu bà mà không làm phúc đem chúng mày về nuôi, ban cho công ăn việc làm, thì giờ này hẳn là chúng mày đã bị gậy đầu đường xó chợ rồi còn gì? Thế mà mới làm việc cho bà chưa được bao lâu, đã chực làm phản! Bà thì lột da, cắt gân hết cả lũ!

Bốn cô gái mặt xanh lét, ngồi run lóc nhóc như cây sậy. Mẹ Tốt xĩa tay vào một cô gái trẻ nhất trong bọn, tuổi chừng mười sáu, rĩa rôi:

- Con quỷ cái kia, tại sao mày dám qua mặt bà? Tại sao mày dám đầu tiên "tip"(1) mà không giao nộp lại cho thằng Sáu? Định ăn riêng một mình hả? Mới nứt mắt ra mà đã giở thói điêu ngoa xảo trá! Bà thì dẫn cho mếm xương mày ra! Đồ quân đốn mặt, lẳng loạn, ăn cháo đá bát! Ai đã đem mày về nuôi, vỗ cho béo trắng đẹp ra? Ai đã dạy "nghiep vụ" vũ nữ cho mày? Sao mày vô ơn thế! Mày còn nhớ những ngày sống ở vùng nhà quê nghèo đói, phải đi hốt phân trâu bò đem bán không? Bữa nay bà mà không nện cho rừ xương mày thì mày sẽ còn tiếp tục làm phản nữa!

Nói xong, mẹ Tốt vung cây roi mây lên:

- Nằm sấp xuống!

Kiểu Oanh, tên cô gái mười sáu tuổi, sợ quá khóc nức nở:

- Con lạy má Hai, con lỡ dại, má Hai tha cho con lần này, lần sau con xin chừa!

Mẹ Tốt quát lớn:

- Đồ phản trắc, mắt nết! Lỡ dại thế nào được, mày cố ý giấu tiền để tiêu riêng. Bữa hôm ấy nếu thằng Sáu không khám người mày thì thử hỏi một trăm đô đó mày có giao nộp cho bà hay không? ... Nằm xuống, không có nói lời thôi gì cả!

Kiểu Oanh vừa khóc vừa miễn cưỡng nằm sấp xuống sàn nhà. Chiếc roi mây trong tay mẹ Tốt lập tức vung lên, quất tới tấp lên người cô gái, bất kể đầu cổ. Vừa quất mẹ Tốt vừa chửi rủa hết sức độc địa:

- Cha tiên nhân nhà mày, bà đánh cho chừa cái thói phản trắc. Đồ diều hâu, quạ mổ ! Bố mẹ mày cũng là cái thứ đầu đường xó chợ, lẳng loạn, mắt nết nên mới đẻ ra cái giống người như mày đi làm đĩ!

Mụ Tốt phùng mang, trợn mắt, nghiến răng quát cho đến khi thật mọi tay mới chịu ngừng. Kiều Oanh nằm rũ rượi trên sàn nhà như một miếng giẻ rách. Nàng vừa đau về thể xác, vừa đau về tinh thần, nhưng nỗi đau về tinh thần mới thật là to lớn, hầu như không có gì có thể bù đắp được. Nàng là người con có hiếu, rất thương cha mẹ già đang sống nơi vùng nhà quê nghèo khổ. Mỗi khi dành dụm được đồng nào, nàng đều lén gửi về nhà cho cha mẹ. Vậy mà hôm nay mụ tú bà Tốt đã xỉ nhục cha mẹ nàng! Hỡi ơi, tên mụ ta là "Tốt" mà chẳng tốt tí nào hết, trái lại, thật vô cùng gian ác!

Không kịp để cho các cô gái còn lại kịp hoàn hồn, mụ Tốt tiếp tục hỏi tội:

- Còn con khốn nạn này nữa, tại sao mà dám từ chối tiếp khách? Bà đem mà về đây cho ăn sung mặc sướng để mà ngồi chơi không đấy hả? Tại sao mà dám từ chối không tiếp thằng Tây đen?

Cô con gái trạc 18 tuổi nói bằng giọng run rẩy:

- Con lạy má Hai, xin hãy tha cho con... Thằng Tây đen ấy to lớn quá, con hãi lắm! Con yếu sức chịu không nổi!

Mụ Tốt vừa đe dọa vừa "giảng dạy đạo đức":

- Tiên sư bố mày, đồ lười biếng chày thây, chỉ muốn an nhàn sung sướng. Đã làm nghề này mà còn... phân biệt chủng tộc hả! Mày có biết mày còn thiếu nợ bà bao nhiêu tiền không? Mày định ù lì để giựt nợ phỗng? Bà truyền cho mày biết nhá: kể từ ngày mai mày phải tiếp thằng Tây đen đó. Nó nói nó chỉ thích mày mà thôi. Nó tuy xấu trai, hơi hám nhưng nó có tiền. Thời buổi này đô-la là trên hết! Mày mà cãi lời bà thì bà cho thằng Sáu Đầu Bò rạch mặt đấy nhé! Lúc ấy đừng có trách bà là đồ ác!

Đoan Trang, tên cô gái đang bị hỏi "tội", tiếp tục van lạy, khóc lóc:

- Trăm ngàn lạy má Hai, người con nhỏ con, ốm yếu, con không chịu nổi thằng Tây đen đó! Má Hai tha cho con, đừng bắt con phải tiếp nó, con mang ơn má Hai suốt đời... Con lạy má Hai, xin hãy tha cho con lần này để phước đức cho con cháu...

Lần này thì mụ Tốt nổi giận thật sự. Câu năn nỉ ngờ nghệch, vô tình của cô gái đã chạm đến lòng tự ái sâu xa, thấm kín của mụ. Số là cách đây sáu tháng, mụ vừa hạ sanh được một đứa con trai, nhưng ác thay, nó lại không có lỗ đít! Kết quả

là mụ phải đưa con đi bệnh viện giải phẫu và người ta đã mổ bên hông nó để bắt ống cao su nối với ruột già, giải quyết vấn đề tiêu hóa! Nhân vụ này, thiên hạ đồn và phao tin xấu về mụ rất nhiều. Họ cho rằng vì ăn ở quá thất đức nên mụ mới phải sinh ra một đứa con tật nguyền như vậy! Thế mà hôm nay Đoan Trang, "con gái" của mụ dám chửi xỏ lá mụ! Đúng là lũ vô ơn, đều cáng, thế thì bà phải cho mày biết tay! Ngay lập tức cây roi mây của mụ vung lên, quát đánh đốp vào đầu cô gái, kèm theo những tràng chửi rửa phun ra tới tấp:

- Đ. mẹ cha mày, đồ vô ơn, đồ lợn biếng nhác. Không tiếp khách để trả nợ cho bà thì bà lột da, cắt gân mày. Thân phận tôi đòi, mọi rợ như mày mà còn bày đặt phân biệt da đen da trắng nữa hả? Bà có bắt mày ngủ với chó ngựa, mày cũng phải ngủ nữa là thằng Tây đen! Bà đặt tên cho mày là Đoan Trang mà hóa ra lại là đồ lằng lộn, mất nết! Đã đi làm đi rồi mà còn muốn giữ phẩm giá!

Bốn cô con gái bị mụ tú bà hỏi tội hôm nay có những tên trên giấy khai sinh rất nhà quê như: Thèo, Tọ, Nứng, Chút. Thế nhưng, khi mụ Tốt đi lòng mua bốn cô về thì mụ đặt cho mỗi cô một tên thật đẹp, thật tân tiến: Pauline Ngọc Mai, Aline Đoan Trang, Linda Kiều Oanh, Kathy Mỹ Hạnh. Mỗi cô đều có tên Tây ghép với tên ta để khi tiếp khách Tây, dễ dàng xưng hô, và để cho thêm phần "quý phái" khi tiếp khách người Việt. Tất cả các cô gái đều là những nạn nhân rất đáng thương, những người đã bị chế độ cộng sản phi nhân vùi dập họ đến tận cùng đau khổ. Họ là những người con chẳng may phải sinh ra đời dưới ngôi sao xấu, đầu thai vào những gia đình nông dân nghèo khổ, quanh năm suốt tháng không bao giờ được ăn no, mặc lành. Một số các cô xuất thân từ những gia đình nông dân thuộc huyện Thái Bình, nơi mà người nông dân đang bị đàng bóc lột đến tận xương tủy, và họ đang sống dưới cuối tầng địa ngục.

Khi mua các cô về, mụ Tốt ép các cô phải ký vào tờ giấy vay nợ với số tiền mười lăm ngàn đô-la! Khi nào các cô trả xong số tiền đó thì mới được tự do, bằng không thì cứ tiếp tục ở trong lầu xanh dưới sự kiểm soát chặt chẽ của bọn đầu gấu! Sau đó, mụ Tốt cho ứng trước một số tiền để mua sắm quần áo, sơn phấn, nữ trang cho các cô "làm vốn", và đồng thời mụ trực tiếp dạy

"nghệ thuật" tiếp khách và Anh ngữ cho các cô. Trình độ tiếng Anh của mụ chỉ thuộc loại "bình dân học vụ" nhưng mụ vẫn tự xưng với các cô là "teacher", và số giờ dạy đàm thoại của mụ được tính bằng đô-la với giá cắt cổ! Ngoài ra, tất cả các tiện nghi sinh hoạt dành cho các cô trong biệt thự, cũng như việc ăn uống, trị bệnh, giải trí đều được tính bằng... đô-la! Đó là chưa kể các cô phải trả tiền công... "bảo vệ" cho bọn đầu gấu, mỗi khi các cô được phép đi chơi phố! Có thể nói, kỹ nghệ kinh doanh thị người của mụ Tốt không từ bỏ bất cứ một thủ đoạn bóc lột nào. Múi chanh phải được vắt cho thật cạn nước trước khi ném nó vào thùng rác! Do đó, nếu các cô có "lao động" chết xác đi thì tối thiểu cũng phải mất từ hai đến ba năm mới hoàn thành... "nghĩa vụ lao động", trả xong nợ quỷ thần! Đến khi các cô được tự do thì cũng đã thân tàn ma dại, mang trong người đủ thứ bệnh hiểm nghèo, chỉ còn nước chờ chết! Cứ cuối mỗi tuần, các cô, tùy theo "năng suất lao động", được mụ Tốt phát cho một ít tiền lương, chia tỷ lệ do mụ ấn định. Số tiền "lương" này, so với xương máu của các cô đã bỏ ra, không thấm vào đâu hết, vì tất cả đều đã bị mụ Tốt và đám đầu gấu ăn chặn gần hết! Ngoài ra, mụ Tốt còn quy định tiền "boa" do khách cho, các cô phải nộp lại cho mụ để được chia tứ lực vào cuối tuần. Cô nào lén "ăn riêng", sẽ bị mụ trừng phạt, đánh cho như tử như trường hợp cô Kiều Oanh sáng nay. Nếu tái phạm, mụ sẽ cho bọn đầu gấu rạch mặt!

Mụ Tốt có bốn tên đàn em đầu gấu phục vụ cho mụ rất đắc lực. Bốn tên này, ngoài phần mặt mũi coi hung ác, ghê tởm, còn mang những biệt hiệu, mà khi mới xướng lên, cũng đủ làm cho người nghe phải kiêng nể: Sáu Đầu Bò, Bảy Búa, Thư Bát Giới, và nữ quái Sang Cào Cỏ! Về thành tích hình sự thì cả bốn tên đều đã từng phạm tội giết người, vào tù ra khám như cơm bữa. Ngoài ra, bọn chúng còn có những dị dạng về cơ thể, cùng những thành tích lưu manh đặc biệt, nên mới phát sinh ra những biệt hiệu được thiên hạ gán ghép: tên Sáu Đầu Bò có cái đầu to bè bè như cái cối xay lúa, để râu và tóc dài trông như quỷ sa tăng. Hắn có thành tích "đặc biệt" đâm người cha ghê đở ruột và chém người chú ruột rụng một cánh tay! Tên Bảy Búa thì chuyên giết người bằng búa. Tên Thư Bát Giới có thành tích hiếp dâm... chị dâu của



hắn. Chính vì thế hắn được thiên hạ đặt cho biệt hiệu Thư Bát Giới! Và nữ quái Sang Cào Cỏ có thân hình ốm nhom, cao lổng không như cái cào cỏ, chuyên sống bằng nghề rạch mặt, tạt át-xít mướn!

Dưới sự phân công của mẹ Tốt, bốn tên này thay phiên nhau đến vũ trường Bồng Lai điều động đám mặt rô kiếm soát các vũ nữ, đồng thời phụ trách công tác "an ninh" nơi khu vực đó. Riêng mẹ Tốt, Sáu Đầu Bò và thằng đệ tử đấm bóp thường xuyên có mặt tại biệt thự để cai quản các cô gái nô lệ. Thành thạo đích thân mẹ Tốt đi về các vùng nhà quê nghèo khổ để mua thêm "hoa đồng nội", đem về làm giàu cho túi tiền của mẹ. Cứ thế, việc kinh doanh của mẹ ngày càng phát đạt nhờ cơ chế kinh tế thị trường đang được nhà nước mở rộng. Dân đen ai sống chết mặc kệ!

Nguyễn rủa Đuan Trang xong, mẹ Tốt chỉ tay xuống sàn nhà:

- Nằm sắp xuống!

Đuan Trang sợ quá khóc nức nở:

- Con lạy má tha cho con. Bữa nay con đang có... tháng!

Mẹ Tốt rít lên như con rắn độc:

- Không có tháng với ngày gì cả. Bữa nay bà phạt mày một trăm roi cho mày ohừ cái tội biếng nhác!

Nói xong mẹ Tốt vụt roi tới tấp vào người Đuan Trang. Thân hình phì nộn của mẹ nhô lên hụp xuống một cách khấn trương theo nhịp roi vun vút, trong khi đó Đuan Trang nằm rên xiết quằn quại trên sàn nhà như con giun bị trúng nhát bay. Nàng vừa ôm đầu vừa kêu khóc thảm thiết:

- Ối ơi ơi, má Hai ơi tha cho con! Chết con mất má Hai ơi!

Mẹ Tốt vẫn tàn nhẫn:

- Chết thì tao chôn! Đồ ngu như lợn, sung sướng không muốn, chỉ muốn khổ thì bà cho mày chết! Mày còn nhớ những ngày mày phải đi hốt phân bò đem đi bán để đổi lấy gạo ăn hàng ngày không? Về đây với bà được sướng như tiên, ăn trắng mặc trơn, nhà cao cửa rộng, không phải dầm mưa dãi nắng, chân lấm tay bùn, cổ cày vai bừa, chỉ việc tiếp khách, thế mà còn sinh thói biếng nhác! Có muốn cút về Thái Bình không thì bảo, bà sẽ cho cút ngay!

Cảm thấy chửi và đánh đã hơi mệt, mẹ Tốt ném cây roi lên sàn nhà, lấy gói thuốc Winston rút một điếu. Thằng đệ tử đấm bóp vội bật lửa zippo cho mẹ châm thuốc. Mẹ Tốt rít một hơi dài, thở khói thật sáng khoái, rồi ra lệnh:

- Thằng Sáu đầu lòi cổ chúng nó đi.

Như để cho mọi người biết mình là người nhân đức, mẹ Tốt chỉ tay vào mặt Đuan Trang và Kiều Oanh, kể ơn:

- Phước tổ cho chúng mày, bữa nay là ngày rằm, bà ăn chay đấy nhé. Nếu không thì cứ gọi là chết đòn với bà!

Tên Sáu Đầu Bò dạ ran, hăm hờ tiến đến nắm tay hai cô gái bị ăn đòn kéo ra ngoài. Mẹ Tốt còn cần thận dặn dò thêm:

- Bảo con Sang Cào Cỏ lấy dầu nóng xoa cho chúng nó. Nếu khách có thắc mắc hỏi thì nhớ nói đó là... cạo gió, nghe chưa? Đứa nào lẻo mép thì chết với bà!

Ra lệnh xong mẹ chỉ tay vào hai cô gái còn lại, đang ngồi run lấy bẩy trên sàn nhà:

- Còn hai con khốn kiếp này, bữa nay là ngày rằm, tao tạm tha tội cho chúng mày! Ngày mai tao sẽ xử. Thôi, cút ngay!

\*

Mấy hôm nay mẹ Tốt không được vui lắm. Lý do vì mẹ vừa mới... xem bói xong. Số là một số quan chức cao cấp thuộc trung ương đảng, sau khi được bổ nhiệm những chức vụ mới, đã trịnh trọng mời một ông thầy địa lý nổi tiếng bên Đài Loan sang để nhờ xem hướng nhà, hướng cơ quan, nên xây dựng, trấn yểm như thế nào cho được vững bền... mãi mãi! Dĩ nhiên, việc này thuộc về "bí mật quốc gia", được giữ rất kín, nhưng nhờ chồng mẹ đang giữ chức vụ trưởng ban kinh tế thành ủy, nên mới được biết. Thế là hai vợ chồng mẹ cũng học đòi thói "văn minh" của các đàn anh ở trung ương, cũng cày cục mời thầy địa lý tới nhà xem phong thủy và xử cho một vài quẻ. Vì là thầy địa lý có tầm vóc quốc tế, cho nên ông ta tính tiền rất đắt. Nhưng việc tiền bạc đối với mẹ không thành vấn đề, miễn là vị thầy phải là người... nước ngoài thì bói mới... linh! Mẹ Tốt vẫn quan niệm rằng "hàng ngoại" bao giờ cũng phải tốt hơn "hàng nội"! Tiền công càng đắt thì mẹ càng tin tưởng! Các thầy bói rờ mu rùa ở trong nước có bói linh cỡ nào, mẹ cũng không tin tưởng, bởi vì họ là... hàng nội!

Ông thầy địa lý sau khi xem hướng nhà rất kỹ, rồi xem tướng cả hai vợ chồng, xem chỉ tay, nốt ruồi, gieo quẻ, cùng kết hợp với lá số tử vi, cuối cùng mới thận trọng nói qua người thông dịch:

- Hướng nhà với lại mở mà tổ tiên của hai ông bà vừa phát mà vừa rụi. Tức là mọi việc đều tùy thuộc vào cái sự ăn ở nhân đức của hai ông bà. Nếu ăn ở có đức thì sẽ phát tới đời con cháu, còn nếu ăn ở thất đức thì bạo phát bạo tàn! Số của hai ông bà lúc sơ vận đều nghèo khổ, đến trung vận thì phát rất lớn, nhưng đến hậu vận thì không khéo bị đại nạn phá sản, chết không có tiền mua hòm chôn! Tôi không thể sửa đổi hoặc đặt bùa trấn yểm cho hai ông bà được. Vì như hai ông bà biết, trên đời này quan trọng nhất là cái đức. Số trời cho mình được giàu sang vinh hiển nhưng nếu mình ăn ở quá thất đức thì sự giàu sang đó sẽ bị chiết giảm gần hết! Do đó tôi khuyên hai ông bà, muốn được giàu sang lâu bền thì phải tích cực làm điều phước thiện, nếu không thì sự quả báo nhãn tiền sẽ đến với ông bà ngay trước mắt, chớ không cần phải chờ đợi sang kiếp khác! Ông bà nên nhớ giùm tôi điều này: đức nặng thắng số. Biết ăn năn sám hối, làm điều thiện thì tội lỗi, tai ương cũng sẽ được giảm đi nhiều!

Trước những lời tiên đoán rất thẳng thắn của ông thầy Tàu, mẹ Tốt đâm lo. Thứ nhất, vì ông thầy Tàu nói rất thẳng, không sợ mất lòng, điều này chứng tỏ ông đang nói sự thực. Mà cũng phải, vì ông ta là người nước ngoài, bói xong ông lên máy bay về Đài Loan, sợ ai mà không dám nói thực! Hơn nữa, ông ta là chiêm tinh gia có tầm cỡ quốc tế, đã từng xem cho rất nhiều bậc vua chúa giàu sang, vương giả trên thế giới, cỡ trọc phú đồ học đòi như vợ chồng mẹ thì đã thấm vào đâu! Do vậy, chẳng có lý do gì để ông ta sợ mất lòng cả! Lý do thứ hai khiến mẹ Tốt đâm lo vì những điều tiên đoán của ông thầy Tàu rất khớp với những quẻ bói bài của ông thầy người Ai Cập mà mẹ đã xem hồi năm ngoái. Lúc ấy mẹ đang mang bầu đứa con thứ năm. Trong suốt thời gian mẹ mang bầu, ngày đêm hai vợ chồng luôn khấn vái Trời Phật ban cho một đứa con trai, vì bốn đứa trước đều là thị mẹ. Chồng mẹ rầu rĩ lắm, thường xuyên nói đến việc phải có đứa con trai để nối dõi tông đường, mặc dầu lúc ấy già đã 51 tuổi, còn mẹ cũng đã vừa chẵn 40.

Ông thầy người Ai Cập cũng nhấn mạnh đến hai vấn đề phước đức và quả báo, làm mẹ Tốt lo ngay ngáy trong bụng. Có tật thì giạt mình. Sự thật là trong công việc làm ăn, vì lý do lòng tham không đáy, chính mẹ đã ra lệnh cho đám đầu

gấu, mặt đỏ giết chết một vài khách hàng và bốn vũ nữ. Đó là chưa kể hai cô gái bị bệnh si-đa khá nặng, khi được mụ trả tự do, hai cô về nhà được mấy tháng thì chết! Và mới đây nhất, một cô chịu không nổi sự dày vò về thể xác lẫn tinh thần, đã treo cổ tự tử trong biệt thự! Điều này làm cho các cô gái lâu xanh xôn xao, mất tinh thần, rồi khách hàng đồn rằng ngôi biệt thự có ma, báo hại mụ Tốt phải thuê thầy phù thủy về cúng và yểm bùa cả tháng trời, mới trấn an được mọi người. Tường đầu mọi việc đã yên thì đánh đùng một cái, mụ đẻ ra một đứa con trai không có... lỗ đít! Thật đúng là họa vô đơn chí!

Giờ đây ông thấy Tàu lại nhắc lại một lần nữa vấn đề phước báo làm mụ rầu rĩ lắm. Mụ rất oán hận ông trời khéo bày đặt ra chuyện phước báo làm chi cho nhúc đầu như vậy! Không lẽ mình phải bỏ nghề? Đang ngồi trăn trở với những gút mắc trong lòng, mụ bỗng nghe tiếng giày bước lộp cộp và thằng chồng mụ khệnh khạng bước vào phòng. Bữa nay là tối thứ bảy nhưng chồng mụ vẫn phải đi họp. Mụ đã quá quen với những sinh hoạt bất thường của chồng nên cũng chẳng thèm truy hỏi đi đâu. Có nhiều khi gã đi họp thật, nhưng cũng có khi gã đi du hí với con điếm nào đó cũng chưa biết chừng. Đôi lúc mụ cảm thấy rất ghen tức nhưng đành nhẫn nhịn, vì dầu sao gã vẫn là cái dù che chở cho công việc làm ăn bất chính của mụ. Năm Đức, chồng mụ, ngồi phịch lên ghế, đưa hai tay xoa nhẹ thái dương:

- Bữa nay họp với mấy thằng Việt kiều ở Mỹ. Tụi nó đái cái rượu gì mà uống xong thấy nhúc cái đầu quá!

Mụ Tốt lườm chồng:

- Ông uống rượu vừa chứ, có ngày đứt gân máu chết đấy!

Năm Đức cời đôi giày ném ra giữa phòng:

- Công chuyện xã giao thì nó phải vậy. Béobồ gì ba cái rượu của tụi Mỹ!

Mụ Tốt rót ly nước lạnh đưa cho gã chồng, rồi tò mò hỏi:

- Họp về chuyện gì thế?

Năm Đức uống một hơi cạn ly nước. Uống xong gã ngồi dựa ngửa trên ghế sa lông, giọng nói khê khà còn sặc mùi rượu:

- Ôi, ba cái chuyện thành lập công ty liên doanh đó mà. Mấy thằng Việt kiều này định đầu tư xây dựng nhà máy lắp ráp ti vi Sony!

Mụ Tốt nhặt đôi giày của ông chồng để lên chiếc kệ gần đó:

- Liệu có lời không mà chúng nó định đầu tư?

Năm Đức giảng giải cho mụ vợ:

- Lời thế chớ nào được. Tụi nó sắp chết tới nơi rồi, bởi vì mấy ông cố nội nhà mình, từ Bộ Chính Trị cho tới Trung Ương đảng toàn là một đám trùm sò buôn lậu. Hàng lậu về sẽ giết chết hàng nội hóa là cái chắc. Nhưng mặc kệ tụi nó, ai biểu ngu cho chết mẹ tụi bay luôn! Mình đang tính kế bỏ chạy mà có nhiều thằng lại cứ muốn đâm đầu vào!

Nghe gã chồng nói có vẻ bị quan, Mụ Tốt lo lắng hỏi:

- Thế tình hình sắp tới như thế nào hở ông?

Gã chồng cời phăng áo sơ mi ném lên chiếc giường gần đó:

- Tôi nói thật với bà, tụi mình bốc hốt được tới đâu thì cứ bốc hốt. Toàn bộ tiền phải đem gởi nhà băng Thụy Sĩ liền đi nhé. Chuẩn bị... di tản là vừa, sắp chết tới đít rồi đó! Không lo chuẩn bị ngay từ bây giờ, đánh đùng một cái, trở tay không kịp là chết cả đám!

Mụ Tốt càng tò mò, cố moi tin tức thêm với gã chồng:

- Nhưng tôi nghe nói ông Thủ tướng mới lên là Tiến sĩ kinh tế, chắc tình hình phải khá hơn chứ?

Năm Đức thở dài chán chường:

- Ôi, khá cái con mẹ gì, nội bộ đảng bây giờ như bãi cứt trâu, nát bét cả rồi. Mạnh thằng nào thằng nấy lo bốc hốt. Tôi nói thiệt với bà, một trăm thằng Tiến sĩ kinh tế lên cũng không làm gì được, hưởng hỏ gì chỉ có một mình thằng Thủ tướng, tốt nghiệp Tiến sĩ ở Liên Xô! Thằng nào lên rồi cũng vậy mà thôi, cũng tham những thối nát, chỉ chết có thằng dân đen. Bây giờ tôi đ... có tin thằng nào nữa hết! Mình phải lo cái thân mình trước!

Nói xong, đột nhiên Năm Đức lộ vẻ mặt quan trọng:

- Tôi yêu cầu bà kể từ ngày mai phải lo tìm thầy để học tiếng Ả Rập đi nhé...

Mụ Tốt hỏi hớp:

- Để làm gì thế ông? Chắc là mình sắp sửa buôn bán với các nước Ả Rập phải không?

Năm Đức chắt lưỡi, tỏ vẻ chê bai mụ vợ:

- Bà dốt quá, tình thế này mà còn buôn với bán cái gì. Không lo bỏ chạy thì có ngày chết với chúng nó. Ở đời cái gì cũng vậy, hễ tức nước thì vỡ bờ. Thằng dân đói khổ quá, nó sẽ nổi loạn, lúc ấy mình có độn thổ cũng không thoát! Vụ Thái Bình

vừa rồi chính là điểm báo trước đó! Bởi vậy ngay từ bây giờ phải lo học tiếng Ả Rập để tình hình có biến động thì ta di tản ngay sang đó!

Mụ Tốt thắc mắc:

- Ô hay, sao mình không di dân sang Mỹ hoặc Canada. Sống ở các nước thuộc xứ bắc Mỹ giàu có vẫn sướng hơn chứ?

Năm Đức lắc đầu cười:

- Tôi chưa thấy ai ngu như bà! Thành phần như mình mà sang Mỹ để tụi ngụy nó ném đá cho chết à? Hang ổ sào huyết của tụi nó ở bên đó mà tự đứng lại muốn đút đầu vào! Hơn nữa đàn ông ở cái xứ bắc Mỹ khổ như con chó, có sướng ích gì? Đó là xứ sở của những thằng đàn ông ngu làm ra luật pháp để bảo vệ... chó và đàn bà! Bởi vậy, tốt nhất là di dân qua xứ Ả Rập. Mình có đi ra đường cũng trùm khăn che kín mặt, không ai biết tông tích mình là ai hết. Hơn nữa, đàn ông bên ấy được quyền lấy... bốn vợ lận! Đã lắm!

Nghe gã chồng nói, mụ Tốt lườm, giọng trách móc:

- Đàn ông các ông toàn là một lũ ích kỷ! Tôi mà có quyền phép gì là tôi cho xẻo... hết cả, cho hết đường tính toán!

Thấy mụ vợ có vẻ bất mãn, Năm Đức vội lảng sang chuyện khác:

- À sao... dạo này chuyện làm ăn của bà thế nào?

Mụ Tốt đáp:

- Cũng gặp vài chuyện bực mình. Tôi mới đánh đòn hai đứa...

Gã chồng hỏi:

- Chúng nó tội vạ gì thế?

Mụ Tốt kể lể:

- Bốn đứa cả thầy. Đứa thì từ chối tiếp khách, đứa thì thiếu nợ chưa trả, đứa thì cất giấu tiền tip... Đủ thứ tội lỗi hết!

Gã chồng lên tiếng:

- Nay, có gì thì răn dạy tụi nó, coi như con cháu trong nhà. Đừng có đánh đập như vậy, không nên!

Mụ Tốt tự ái, sừng cõ:

- Sao lúc nào tôi cũng thấy ông bênh vực mấy con điếm đó vậy? Hay là ông phải lòng đứa nào rồi thì cứ bảo tôi một tiếng!

Năm Đức nhại giọng Bắc kỳ của mụ vợ:

- Giời ôi, tớ đây thiếu khối gì em út, thềm vào mấy đứa "con gái" của bà!

Trêu chọc mụ vợ xong, gã bỗng nghiêm mặt bảo vợ:

- Nè, nói thiệt nghe. Già néo thì đứt dây, tức nước thì vỡ bờ. Bà ép tụi nó quá có ngày tụi nó làm càn đấy. Phải biết vừa đánh vừa xoa.

Nghệ thuật cai trị là như vậy. Muốn ăn dài ăn lâu thì cũng phải biết châm chọc cho tụi nó... Bà còn nhớ vụ nông dân nổi loạn ở Thái Bình không? Con chó khi đã tới bước đường cùng rồi thì nó không còn biết sợ là gì nữa. Nó sẵn sàng thí mạng cù! Đã đốt tao dạy cho mà lại còn tự ái!

Trước thái độ giận dữ của gã chồng, mẹ Tốt đành phải nhượng bộ nhưng vẫn chua ngoa, châm biếm:

- Vâng, tôi biết ông là người "nhân đức" rồi. Hồi ông còn làm quản đốc trại giam, chính ông đã ra lệnh đánh chết một số sĩ quan ngục, rồi báo cáo lên trên là họ vượt trại, bị bắn!

Năm Đức hơi nhột vì lời tố cáo của mẹ vợ. Để cho đỡ ngượng, gã bèn giở giọng trấn áp:

- Cái tạo là chuyện khác, kinh doanh là chuyện khác, hai cái không có ăn nhập gì với nhau hết. Tụi ngục là địch, khi cần thì tôi phải thủ tiêu. Còn mấy đứa "con gái" của bà chính là những con bò sữa để bà vắt sữa, nhưng cũng vừa phải thôi. Phải biết dưỡng tụi nó để còn khai thác lâu dài. Nếu bà không nghe lời tôi thì tôi bỏ mặc, bà muốn làm gì thì làm!

Câu nói sau cùng của gã chồng chính là lời đe dọa, làm mẹ Tốt phải e sợ. Dấu sao chuyện làm ăn của mẹ còn đứng vững chính là nhờ ô dù của Năm Đức che chở. Chỉ cần gã lơ đi một chút là mẹ sẽ lao đao ngay, bởi vậy mẹ bèn ngồi lặng thinh ra về hồi hận để lấy lòng chồng. Giọng Năm Đức vẫn còn hơi gay gắt:

- Lúc mới về đến nhà, nghe tụi nhỏ xầm xì, tôi đã biết hết rồi. Theo ý tôi, con Trang nó từ chối không tiếp thằng Tây đen là đúng! Người nó mảnh mai yếu đuối, còn thằng Tây đen thì to như con khỉ đột, nặng cả trăm ký, làm sao nó chịu nổi? Tham tiền thì cũng tham vừa thôi chứ, còn để đức cho con cháu! Bà không nhớ lời thầy bói khuyên hay sao?

Mẹ Tốt hoàn toàn lép vế, không dám đòi co với gã chồng nữa. Mẹ vùng vằng đứng dậy, bước đi huỳnh huỵch về phía nhà bếp, cất giọng đờm đấy về ai oán:

- Khốn nạn cho thân tôi. Làm việc quần quật cả ngày đêm như trâu chó mà còn bị chồng chửi mắng! Mình ăn ở phước đức, hiền lành, giúp chúng nó, xem chúng nó như con đẻ, thế mà chúng nó lòng nào phản bội, tố cáo mình nữa! Rồi là đồ ăn cháo đá bát! Ổi giờ ơi, tôi có bóp cổ mổ hầu ai đâu, mà giờ nỡ

đày đọa tôi phải chịu khổ như thế này!

\*

Bữa nay là mồng bốn Tết, cũng đúng vào ngày rằm, hai vợ chồng mẹ Tốt đi chùa. Mục đích đi chùa của mẹ là để ăn năn sám hối, xin xăm và cúng dường tam bảo, may ra Trời Phật có thể xá xóa cho phần nào tội lỗi của hai vợ chồng mẹ đã gây ra chẳng. Đường xá vào những ngày đầu năm đông nghẹt người, hầu như những con đường lớn nào cũng bị kẹt xe. Ngồi trong chiếc xe du lịch cạnh Năm Đức, mẹ Tốt luôn miệng chửi thề:

- Cha tổ bố nó, sao mà lăm xe cộ thế này!

Năm Đức nhắc chừng mẹ vợ:

- Bữa nay là ngày rằm bà ăn chay, giữ mồm giữ miệng một chút!

Hai vợ chồng mẹ quyết định đi chùa ở Bà Rịa để tránh bớt nạn kẹt xe trong thành Hồ và để tránh nạn chết ngộp vì nhang khói trong chùa. Kể từ khi đi theo cách mạng lúc mới 16 tuổi, tập kết ra Bắc, đây là lần đầu tiên Năm Đức đi chùa theo lời yêu cầu của mẹ vợ. Trước đây, là đệ tử của học thuyết tam vô, không bao giờ gã tin vào Trời, Phật, thần thánh. Đối với gã, "linh thiêng" nhất ở trên đời chỉ có ba ông Các Mác, Lê Nin, và già Hồ. Nhưng theo dần với thời gian, càng lớn tuổi, gã càng cảm thấy mình gần gũi với các đấng siêu nhiên. Hồi còn làm quản đốc trại giam tại Suối Máu, thấy cảnh đây ải và người chết quá nhiều, có nhiều đêm gã cảm thấy nhờn nhợn, không tài nào ngủ được. Cho đến một hôm, chính gã bị các oan hồn thay phiên nhau hiện về đòi trả oán, làm gã sợ té đái, đến nỗi không dám ngủ ban đêm nữa. Ban ngày gã chỉ chợp mắt được đôi chút, rồi vì bận bịu công tác, cứ phải làm việc suốt. Tình trạng ấy kéo dài cả tháng, làm cho người gã gầy rộc đi như bộ xương khô, trông rất thê thảm. Sau đó, trong một đôi lần về phép tại thành Hồ, nghe lời người quen, gã lên rước thầy cúng về nhà, cúng liên tiếp mấy ngày, và khẩn vái xin... từ chức quản đốc. Quả nhiên, mấy tháng sau gã nhận được lệnh chuyển công tác về thành Hồ, rồi mười năm sau gã leo lên chức Trưởng ban Kinh tế Thành ủy. Trước lúc thời kỳ "kinh tế thị trường", mỗi khi cúng, gã vẫn thường nhờ mẹ vợ khẩn vái giùm, lúc để bàn thờ ở ngoài sân, vì sợ hàng xóm trông thấy. Nhưng từ khi Trung ương đảng chính thức công bố trên báo chí,

việc cúng bái, thấp nhang, khẩn vái, đi chùa, xin xăm, chính là những sinh hoạt cổ truyền của dân tộc, thì gã cảm thấy yên tâm. Thì ra, vấn đề chỉ là chơi chữ mà thôi. Cùng là một hiện tượng, muốn giải thích là "mê tín dị đoan" cũng được, mà giải thích là "sinh hoạt cổ truyền của dân tộc" cũng xong! Hoặc giả như lúc trước, một người vượt biên, bị ghép tội là "phản bội tổ quốc", có ghi trong Hiến Pháp hẳn hoi, nhưng bây giờ cũng con người ấy trở về thăm quê hương thì được gọi là... "Việt kiều yêu nước"! Miệng lưỡi của đảng lắt léo trăm đường, không biết đâu mà mò!

Hai vợ chồng mẹ đã đến một ngôi chùa hẻo lánh ở vùng miền quê. Lúc ấy đang giữa trưa, cũng có khá nhiều khách thập phương đến viếng. Mẹ Tốt xăng xái vào trong chánh điện quỳ mọp xuống sàn, vái lạy liên hồi, còn Năm Đức chỉ vái sơ ba vái rồi bỏ đi ra ngoài sân chùa hóng gió. Vì là vùng nhà quê nên không khí Tết chỉ thể hiện một cách hời hợt, gượng ép, chứ không có tính cách ồn ào, khoa trương như ở thành Hồ. Sân chùa cũng có làm một cây nêu, với vài câu đối và một chậu mai khá lớn. Các thanh niên nam nữ đua nhau đến xin xăm, xem thử tình duyên có được như ý hay không. Các ông bà sồn sồn thì cầu xin tài lộc. Riêng lời khẩn của mẹ Tốt có lẽ là độc nhất vô nhị và cảm động nhất: mẹ cầu xin Trời Phật phù hộ cho vợ chồng mẹ tiếp tục được... cứu nơn độ thế, kinh doanh vũ trường và "hoa đồng nội" mãi mãi!

Khẩn vái trong chánh điện xong, mẹ Tốt ra ngoài sân chùa, lấy trong xe hơi ra ba cây nhang to tổ bố bằng cánh tay người lớn, đốt cháy phừng phừng như ngọn đuốc, rồi hiên ngang cắm chúng vào lu nhang to bằng cái lu đặt ở giữa sân. Mẹ tin rằng những khói nhang dồi dào ấy sẽ chuyển những lời cầu xin của mẹ lên thiên đình lẹ hơn, cũng ví như xe hơi tiêu thụ nhiều nhiên liệu thì phải chạy nhanh hơn các xe khác! Hành động chơi nổi này của mẹ làm mọi người bắt đầu chú ý, bu lại chiêm ngưỡng mẹ từ đầu đến chân. Một vài tiếng nói xì xào:

- Chà, cây nhang bự quá, dám cháy mấy ngày mới tàn chứ không ít. Bà này coi tướng giàu sang, phước đức quá hé!

- Chắc bà là Việt kiều, hồi nãy tui nghe bà khẩn bằng tiếng... Anh!

- Ông chồng bà coi cũng sang trọng quá hé, mặc áo vét, thắt cà la goách!

- Họ có xe huê kỳ, sướng quá. Phải như mình cũng được giàu sang như họ!

- Giàu sang có số bà ơi. Vợ chồng người ta tu như tích đức, ăn hiền ở lành cả bao nhiêu năm, mới được Trời Phật độ trì như vậy, chứ bộ tưởng dễ hay sao?

- Ý ẹ, mà sao ông tài xế lái xe với ông tóc dài có râu đi theo hai ông bà coi mặt mũi hung ác quá, giống như thập điện diêm vương gác địa ngục vậy!

- Tắm bậy, đừng có nói xấu người ta. Cái tướng họ coi dữ nhưng cái tâm hiền lành thì sao?

Thấy thiên hạ bu quanh chiêm ngưỡng mình, mẹ Tốt quyết định tiến hành luôn "nghĩa cử cao đẹp" đã chuẩn bị sẵn từ nhà. Mẹ móc trong bóp ra một tờ giấy bạc một trăm đô giơ lên cho bà con thấy, rồi nói với thằng đầu gấu Bầy Búa đứng gần đó:

- Bầy này, mày chụp cho tao tấm ảnh đang bỏ tiền vào thùng phước sướng nhé!

Bầy Búa làm nhiệm vụ tài xế kiêm nhiếp ảnh viên lập tức cầm máy ảnh nhắm và nói:

- Phải rồi, tươi cười lên nghe chị Hai! Tôi chụp đây!

Tiếng xầm xì của mọi người càng lớn hơn:

- Úi cha, một trăm đô-la lận! Trời ơi, thiệt là phước đức cho chùa xã mình quá, bà con ơi!

- Thiệt, cái cô Việt kiều này thiệt là hơn đức hết biết. Cầu trời phò hộ cho cô làm ăn phát tài!

Nghe những lời ca ngợi "công đức" của mình, mẹ Tốt bỗng hứng chí rút ra thêm một tờ năm chục đô nữa. Mẹ giơ cao lên cho mọi người thấy, rồi nhớn miệng cười thật tươi cho Bầy Búa chụp hình. Lần này thì bà con không ai bảo ai, tự động vỗ tay và xúm lại làm quen với mẹ Tốt:

- Cô Hai ơi, cô thiệt là hơn đức quá. Tụi tui cảm ơn cô hai nhiều lắm. Chùa có tiền, tụi tui cũng được hưởng chút cháo thí!

- Bác Hai ơi, có phải bác Hai là Việt kiều không dạ? Bác Hai ở đâu mà đi chùa ở xóm nghèo này?

- Chị Hai ơi, từ thuở cha sanh mẹ đẻ tui chưa bao giờ thấy ai phước đức, thương người như chị Hai!

Trước những lời ca ngợi của những người dân trong xã, mẹ Tốt cảm thấy vô cùng phấn khởi. Mẹ nhớn miệng cười tươi rói và ân cần đáp:

- Cám ơn các bác. Đầu năm tôi có chút quà mọn cúng dường cho chùa, có gì nhiều đâu ạ! Vâng, gia

đình tôi ở Sài Gòn, khi nào rảnh rồi xin mời các bác ghé chơi!

Một vài thanh niên nhanh nhẩu hỏi:

- Nhà bác Hai ở đường nào vậy?

Mẹ Tốt nhã nhặn đáp:

- À, ở số ... , phố Hồ Xuân Hương, quận ba!

Nói xong, mẹ lại ân cần mời mọc:

- Nhà tôi dễ tìm lắm. Mời các cậu cứ tự nhiên đến chơi!

Cảm thấy "thăm dân cho biết sự tình" như thế cũng khá đủ, hai vợ chồng mẹ lên xe ra về, trước sự ngưỡng mộ và luyện tiếc của những người dân làng ngây thơ, chất phác. Trên đường về, mẹ Tốt cảm thấy trong lòng lâng lâng, vui sướng vì vừa mới làm được một việc phước đức, "cứu hơn độ thế". Chắc Trời Phật sẽ chứng giám cho tấm lòng thành của mình mà xí xóa mọi tội lỗi mình đã phạm. Nếu quả thật như thế thì mẹ thấy... có lời quá. Cả năm trời cứ việc làm điều ác, đến cuối năm, chỉ cần đi chùa, "hối lộ" thần thánh vài trăm đô là xóa nhòa được mọi tội lỗi, như vậy thì sướng quá đi chứ! Kể từ khi được hai ông thầy bói khuyến cáo, và bị gã chồng chỉ trích, cũng như thấy hình ảnh thằng con trai tật nguyền, mẹ cũng phải hồi tâm suy nghĩ. Do đó, mẹ đã quyết định đầu năm đi chùa để sám hối và làm phước. Mẹ cũng quyết định nhân dịp đầu năm sẽ lì-xì cho đám "con gái" hai chục đũa của mẹ, mỗi đũa một "vé" (2) để xoa dịu và động viên tinh thần của chúng nó.

Về đến nhà, mẹ cho gọi ngay toàn bộ "con gái" vào để lì-xì. Cảm xấp phong bì đỏ ối trong tay, mẹ hân hoan nói:

- Hôm nay đầu năm, má Hai lì-xì cho các con. Tội nghiệp các con của má, cả năm lao động vất vả, má thấy thương các con lắm! Má vừa mới đi chùa ở Bà Rịa, khẩn vái, cầu xin Trời Phật gia hộ, độ trì cho các con! Nào các con lại đây...

Mẹ Tốt xuống tên từng cô, rồi trao ơn huệ. Phát gần hết rồi, chỉ còn lại ba phong bì, mẹ lẩm nhẩm kiểm điểm lại xem ai chưa lãnh:

- Quái, còn đũa nào nữa nhỉ?

Nữ quái Sang Cào Cỏ nhanh nhẩu đáp:

- Còn hai đũa Băng Trinh với Đoan Trang đang tiếp khách. Diệu My thì đang nằm bệnh viện...

Mẹ Tốt bèn lên giọng nhân nghĩa, khiển trách đàn em:

- Đã bảo đầu năm cho chúng nó nghỉ, tại sao lại bắt chúng tiếp khách? Chúng nó "lao động" vất vả

cả năm giờ, cũng phải cho chúng nghỉ chứ. Con người chứ phải cái máy đầu mà làm mãi không biết mệt?

Sang Cào Cỏ thanh minh:

- Tại mấy thằng khách quen cứ tới nần nỉ. Nhất là thằng Tây đen nó cứ đòi gập cho được Đoan Trang, bao nhiêu tiền nó cũng chịu!

Vừa lúc ấy bỗng có nhiều tiếng la hét thất thanh phía bên dưới nhà và có nhiều tiếng chân chạy rần rật. Chắc lại có biến cố gì rồi đây. Làm nghề tú bà luôn luôn phải sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống bất thường. Mẹ Tốt đứng dậy toan đi xuống kiểm tra tình hình thì thằng Thư Bát Giới chạy vội vào báo cáo:

- Chị Hai, con Đoan Trang chết rồi!

Mẹ Tốt hốt hoảng hỏi:

- Sao? Chết rồi à? Vì sao thế?

Thằng Thư nói vắn tắt:

- Sang Cào Cỏ bắt nó tiếp thằng Tây đen. Mới "tiếp khách" nửa chừng nó tông cửa bỏ chạy. Thằng Sáu Đầu Bò rượt theo. Nó chạy băng qua đường cái, bị xe hơi tông chết! Nó còn nằm ngay trước nhà mình đó!

Mẹ Tốt phóng vội đến bên cửa sổ, nhìn xuống mặt đường phía trước nhà mẹ. Một đám đông đang vây quanh chiếc xe vận tải loại nhỏ, xôn xao bàn tán. Phía trước đầu xe khoảng ba mét là xác của Đoan Trang đang nằm sóng soài trên mặt đường, máu me be bét, hai con mắt còn mở trừng trừng! Một người đàn ông thấy thương tâm quá, cởi chiếc áo sơ mi đắp lên người cô gái xấu số. Một người đàn bà nói hơi lớn tiếng:

- Tội nghiệp cô, chết mở mắt như vậy là linh lắm đó!

Không biết ai đó đã lanh lẹn kiếm đâu được mấy thẻ nhang, đốt vội, cắm ngay lễ đường, gần xác nạn nhân, để phúng điếu. Thấy cảnh tượng trên, mẹ Tốt bàng hoàng như người bị trúng gió. Mẹ kêu lên thảm thiết:

- Ối giờ ơi, con ơi!

Và mẹ vội mở tủ, lấy quyển sổ nợ ra, lật coi, rồi chép miệng tiếc rē:

- Nợ trả chưa xong đã vội chết. Thế là mình mất mẹ nó mười ngàn!

**Chú thích :**

(1) Tiền tip: tiền thưởng.

(2) Một vé: tiếng lóng, có nghĩa là 100 đô.



# Cù Lao Hạnh Phúc

● Trần Kim Vy

**N**àng bên ngoài chừng như đã lên cao, ánh sáng trong và gắt hơn mọi bữa. Nàng ngồi dậy, vắt những sợi tóc khô mỏng lên vành tai, cảm thấy trong người nhẹ nhàng, đầu óc lâng lâng phiêu bồng tưởng như có một sự lặng lẽ nào đó đang len lỏi từng chấp dưới mỗi phiến vuông da thịt, cái lặng lẽ không phiền trước chán chường, không cô đơn khốn khổ mà chỉ nhẹ nhàng êm trôi pha chút lạnh lùng nhưng dễ chịu. Nàng đổi thế ngồi, phát hiện thêm rằng xung quanh mọi người, mọi vật, mọi cảnh hình như đều đang ở trạng thái hết như nàng. Tất cả có vẻ như đang bị kẹt đầu đó giữa hai cảnh giới. Một cảnh giới thanh im chờ đợi và một cảnh giới loanh quanh gọi mời bằng từng nhịp thở rộn ràng hít vào đẩy ra từ cái buồng ngực nhỏ bé của nàng.

Qua bao nhiêu ngày tháng dò dẫm, chơi vơi và lạc lõng, nàng đã tìm ra câu trả lời cho chính nàng về câu hỏi sự có và sự biến của con người trên cõi đời này. Ở một góc độ nào đó, nàng nhận ra mình đang hiện hữu trong một thế giới vừa tốt đẹp vừa xấu xa, một thế giới nhiều sáng tạo nhiều phát minh mà mỗi một sát-na đã sinh sôi nảy nở không biết bao nhiêu là mầm sống. Rồi cũng trong một phút giây ngắn ngủi đó đã tự hủy diệt không biết bao nhiêu là sinh mạng tử con người, loài thú đến vi trùng và cỏ cây hoa lá.

Nàng đang hiện diện trong một thế giới trùng điệp ngổ ngàng, trong trạng thái mơ ngủ, sự đến và đi nhiều khi có cùng một ý nghĩa bởi vì trái đất lúc nào cũng xoay tròn quanh một tâm trụ vững vàng chứa bao giờ nghiêng ngả. Trạng thái chọn lựa đi và ở chắc chắn sẽ không do sự quyết định của nàng. Tất cả cũng giống như nhau từ sự sống hay sự chết, yêu đương hay thù hận, hạnh phúc hay khổ đau, thiên đàng hay địa ngục. Sự mong muốn của nàng dù ở bên này hay bên kia, sẽ chẳng bao giờ được đáp ứng. Như vậy những điều vui hay buồn, sống hay chết, thích hay không thích đều nằm ngoài tầm tay và sự hiểu biết của nàng. Nàng nhìn xuống bàn tay gầy của mình, làn da hầy còn trắng muốt ẩn hiện vài đốm nâu nhạt xuất xứ của những mảng đồi mồi xấu xí nay mai. Và, lần nào cũng vậy hễ có dịp nhìn lại bàn tay hay bàn chân của mình, thì thế nào nàng cũng không tránh được thói quen sẽ bắt đầu tự xoa xoa, bóp bóp từ khuỷu tay ra tới từng ngón tay hoặc từ đầu gối xuống bắp chuối đến bàn chân và lần ra những ngón chân nhỏ nhỏ xinh xinh của mình, mà không phải nàng xoa nắn một cách vô ý thức đâu, mỗi cái nắn, mỗi cái xoa là mỗi để ý thăm dò xem cái bắp thịt thân quen này có bị lỏng lẻo chưa, những lỏng xuống bên trong đã có gì thay đổi! Nàng tìm kiếm như thế đã mấy chục năm rồi nhưng chưa phát hiện ra điểm gì khác lạ, mà thực ra nếu có tìm thấy một chút gì lạ chắc nàng cũng chẳng làm gì ngoài những động tác xoa nắn quen thuộc của mình và chỉ làm chừng đó thôi!

Xoa nắn bàn tay xong, nàng duỗi chân đặt lên chiếc gối mềm mại, lưng dựa vào thành giường, tầm nhìn của đôi mắt đặt ngay

trên bụng. Nàng thấy rõ lớp áo xanh nhạt đang phập phồng rung động theo từng nhịp thở. Nàng hít một hơi dài, cảm thấy như hương thơm riêng biệt của mình từ mái tóc, từ cơ thể còn đầm hơi nước vẫn tỏa ra nhẹ nhàng. Trong lúc đang khoan khoái dễ chịu, nàng bỗng có những ý nghĩ trái ngược, bây giờ nàng còn bắt và giữ được hơi thở nên hương thơm ngan ngát còn đây, nhưng một ngày nào đó nàng mất hẳn khả năng kiểm soát hơi thở của mình thì chắc chắn tấm thân thể đang ấm áp này sẽ rơi vào trạng thái bất động, vô tri và lạnh lẽo. Hôm nay thân thể của nàng là ngôi nhà ấm cúng thơm tho của trái tim và linh hồn nàng, nhưng mai kia một nọ cũng cái thân thể này lại biến thành ngôi nhà lạnh lẽo hơi thở của loài giới bọ cho đến khi nào tan rã vào cõi hư vô.

Hình ảnh đẹp và xấu, lòng yêu chuộng cũng như sự ghê tởm trên đời đã nằm sẵn đầu đó, chỉ chờ chúng ta phát hiện và thay đổi hướng nhìn cùng đường lối suy nghĩ tự khắc nó sẽ hiển hiện trong ta mà thôi. Những điều này rõ ràng và dễ hiểu, như ban ngày thì sáng, ban đêm thì tối. Vậy mà mãi đến ngày hôm nay sau hơn bốn chục năm vật lộn với cuộc đời, nàng mới phát giác được những điều căn bản và giản dị nhất trong triết lý hằng còn của vũ trụ.

Nàng khép hờ hai vành mi mỏng, mở màng lắng nghe những tiếng động nhẹ từ xa đến. Tiếng động mỗi lúc một gần nghe êm êm như tiếng nhạc, chấp chùng như tiếng trống, rồi ồn ào lộn xộn, sau đó trở nên vọng động mạnh mẽ. Tiếng động làm hoang mang hồn người. Lúc êm à khoan thai nhẹ nhàng như làn gió thoảng. Lúc réo rất thắm thiết như nổi rung động nhỏ thương của một người dành cho một người. Lúc như hạt hơi nín thở ròn rợn một nỗi sợ hãi vu vơ mà lại sáng khoái như cảm giác hạt hăng chơi với tuột xuống bay lên của phi thuyền con khi chịu bứt rốn mẹ phóng thẳng ra ngoài không gian. Tiếng động chấp chùng từ bên kia trời đã như mang theo sóng bụi lạ lẫm về phủ dụ trái tim ngây thơ vào cõi mê muội. Tiếng trống ma quái vắng vắng từ khu rừng âm u chờ đến nơi này hương thơm bùa ngải, dựng dần lên khuôn hình ảnh người tinh. Rồi,,, con người có khác chi loài dơi hân hoan hút máu để sống và tự mình lao vào trò chơi u hoài, phung phí tất cả sinh lực cho dục vọng đòi hỏi của thế gian.

Nàng là một trong những con dơi nhập cuộc và ở lại nơi đây. Con dơi đã sống quá bốn mươi năm, tưởng đâu dài lắm lâu lắm, mà thật ra, hôm nay nhớ lại mới thấy cuộc đời trôi qua như chớp mắt, ngắn ngủi vô cùng!

Câu trả lời về sự có và sự biến của nàng nằm trong sự biết. Và, sự biết bắt đầu có từ kết quả nhìn vào tâm linh qua hình ảnh chiếc cầu khi chông chênh trở trời trong tâm trí của nàng. Chiếc cầu khi mong manh tròn trịa kéo dài hun hút. Bên dưới là con nước cuộn cuộn. Và, bên kia con sông là một rừng cây rậm rạp. Những thân cây to lớn đổ sợi rần chắc quất mạnh vào không gian theo từng cơn gió. Những sợi dây có lúc vút ngang qua nửa thân cầu nhưng không bao giờ qua tới gần tầm tay với của nàng. Những sợi dây-quất tới thôi lui đã làm cho nàng tự hỏi có nên tiến tới bằng qua chiếc cầu khi này hay quay trở lại chiếc giường trái "ra" trắng xóa của bệnh viện để nằm yên chờ đợi một thay đổi nào đó trong sự sống dẫn vật thiếu thốn sự phản ánh của tâm linh?

Bao nhiêu năm trôi qua kể từ khi nàng nhận thức đời sống có những vui buồn đè nặng lên tâm trí của mỗi con người thì hình như tự trong tiềm thức nàng đã có sẵn một sức đối kháng mạnh mẽ. Nàng không phải là tuýp người chịu bị đặt để, dù sự đặt để do tự nhiên của tình trùng cha gặp noãn sào mẹ hòa lẫn đúc kết vào nhau và tạo ra nàng, hay do những cảm xúc tình cảm bởi xáo trộn của đời sống xã hội đưa đến.

Có bao giờ nàng cho phép mình chờ đợi và chấp nhận một nhiệm vụ nào đó hòa nhập vào thân xác nàng mà không đòi hỏi một lý do? Lý do phải có dù lý do đó đúng đắn hay sai quấy bằng bộn! Đời sống, nào phải chỉ ban ngày đi làm ban đêm đi ngủ. Đời

sống nào phải chỉ nuôi dưỡng một thân xác nhỏ bé thành một cơ thể no đủ, rồi lấy vợ lấy chồng đẻ con nối giống như người ta rập khuôn làm như vậy từ bấy lâu nay. Ai đặt ra luật sống đạo đức là phải một đời chung thủy, cấm buông thả lòng yêu, cấm phung phí tình ái! Đạo đức là cái gì giữa muôn trùng sản si hận thù sông biển, như cọp ăn nai, như chim ăn cá, như người ta ăn vật... Đời sống có phải là tấm vải mịn làn da thơm, là những giây phút xiết rên cuồng dâm, là sự lệ thuộc vào những va chạm thần kinh hệ của hai người khác phái. Và, nếu ngược lại thì bị đánh giá là bệnh hoạn trái hẳn với thiên nhiên. Ai đặt ra tình yêu chân chính phải đến từ đàn ông và đàn bà bằng ngược lại thì xã hội lên án, gia đình sợ hãi và người trong cuộc bị loại ra khỏi đời sống được gọi là bình thường. Nhưng thế nào là một cuộc sống bình thường và như thế nào là một cuộc đời có giá trị? Từ bấy lâu nay, nàng vẫn thường tự đặt để cho mình một đường hướng sống. Sống thế nào cho vừa ý mình mà không phiền hà đụng chạm đến đời sống của kẻ khác. Muốn sống như thế nàng phải lao vào cuộc chơi. Mà đã chơi thì phải có luật, dù luật đó đôi khi chỉ hợp lý có một phần còn chín phần kia ngẫm ra thì hoàn toàn vô lý. Trong cuộc chơi, đôi lúc nàng chơi hết mình, chơi một cách sung sướng, chơi một cách tội lỗi, nhưng không phải là nàng không ngừng lại để so đo tìm kiếm một cuộc chơi khác cao siêu mạnh mẽ và lý thú hơn. Muốn phát minh một trò chơi mới nàng phải dành sức khám phá xem ngoài cuộc đời hiện hữu này còn có một cõi đời vi diệu nào khác nữa không? Chẳng hạn như người ta thường nói bên kia thế giới. Bên kia thế giới là ở chỗ nào? Con người được sinh ra làm gì để rồi cũng phải chịu chung số phận là chết! Muốn khám phá ra điều sinh tử, có lẽ nàng phải tiếp tục một cuộc chơi mới, bước thẳng trên con đường trước mặt, phải qua cho được con sông này, và muốn thế thì dĩ nhiên phải chiến thắng chiếc cầu tròn trượt kia!

Chiếc cầu trước mặt quá dài, không có một điểm tựa nào, phải chi nó có một hàng cột chống đỡ bên dưới, để nàng có thể an tâm vịn vào mà không sợ bị rớt tòm xuống sông. Không có ai ở đây giúp đỡ nàng. Không có bóng dáng một chiếc thuyền nào cả. Phải chi có chàng, có con, có bạn bè thân quyến và cả những người đã từng hết lòng nói thương yêu nàng như... Nếu có họ bên cạnh thì chuyện qua bên kia sông của ta không phải là vấn đề nan giải. Nhưng thực tế không có ai bên cạnh nên mọi vấn đề ta phải tự giải quyết lấy một mình. Điều này cũng đúng thôi. Ta phải chiến đấu một mình vì đây là vấn đề sinh tử, là vấn đề tâm linh, đâu có ai thờ giùm ta được ngoài hai lá phổi của ta (hoặc cần kíp lắm chỉ có cái máy hô hấp điện tử trợ lực), đâu có ai cảm nhận sự phiêu bồng lên mây xuống núi của ta, cũng đâu có ai thay đau nhận khổ giùm ta được.

Và, bản tính của nàng thì có bao giờ cầu mong được hưởng những gì đến ngoài tầm tay của mình như mong cầu sự trúng số, trúng số độc đắc chẳng hạn! Ồ, trúng số độc đắc. Nàng mỉm cười. Trong cuộc sống hằng ngày những lúc thiếu thốn chàng hay cầu mong được trúng số độc đắc, mà phải trúng sáu, bảy chục triệu kia, trúng dưới mười triệu chàng không thích đâu. Đã xin xỏ mà còn dựa ra điều kiện thì chắc chắn chẳng bao giờ chàng trúng số. Nhỏ đến chàng, nàng nhỏ đến những dòng không gian đầm ấm, cãi vã, buồn bực, yêu thương, thù ghét, xót xa, kinh hoàng mỗi ngày động kết thành chập chùng chuỗi nghiệp dăng mắc giữa hai cuộc đời, không biết đến bao giờ cái dòng không gian cuộn quán vô tình đó được tháo gỡ cho nhẹ nhàng cả đôi cánh én. Ấy thế, nhưng ai dám xác nhận là cuộc kết nghĩa của nàng và chàng là một điều không tốt đẹp trong đời sống mấy mươi năm. Chàng quả là người biết sống, biết yêu, biết tham, và biết nhượng. Chàng là một người đàn ông trông bên ngoài cường mãnh nhưng tâm hồn nhũn nhặn yếu đuối. Chàng là một tượng trưng của tốt đẹp, của bằng phẳng, của thánh thiện, của chia sẻ, và biết tha róm về xây tổ ấm cho mình. Chàng là một con chó khôn ngoan biết giú�ng

đôi mắt hồi lỗi khi phạm tội, chàng là một ông thần rất bất công dữ dằn khi nóng giận, chàng là một lão già lẩm cẩm rất đau khổ đáng thương khi bệnh hoạn, và chàng cũng chính là đứa trẻ vừa bước vào tuổi dậy thì luôn luôn tự cho mình là hoàn hảo... Trong bốn bề không gian cuộc sống, đối với nàng, chàng là một con người trong muôn ngàn chúng sinh tốt xấu lẫn lộn. Vì chàng như thế nên nàng khó mà không vẫn vương nghĩ ngợi về chàng trong bất cứ niềm vui nỗi khổ nào của mình. Vẫn vương trong cả những giây phút muốn thoát tục muốn đi hoang. Vẫn vương trong những lúc muốn rời bỏ chàng để đi tìm một thung lũng khác lạ mới, dù đó là một thung lũng ẩm thấp kém cỏi để tự vui chôn một ý đồ băng hoại hay một lý tưởng hưởng thụ nào đó mà một đời nàng không chịu giục nổi. Chàng là vòng dây xiết buộc là nợ nần vạn kiếp và nghiệp chuỗi muôn trùng như thế, nên nàng tránh sao khỏi vẫn vương? Bây giờ ngồi đây chỉ một vệt nghĩ, chỉ một lần ý thoáng qua là nàng đã nhỏ đến chàng!

Nàng nghĩ như vậy và mỉm cười trong khi đôi mắt chớp nhẹ mở to chăm chú nhìn những nhánh cây rần rần chắt đang lũng lỏ đong đưa đặng trước. Phải chi gió thổi mạnh thêm chút nữa và may mắn nắm được một trong những nhánh cây đó.

Nàng cầu mong gió thổi mạnh hơn nữa. Và gió đã thổi mạnh, nhưng coi kìa những nhánh cây dài thậm thụt chỉ quất tó quất lui trước mặt nàng chừng ấy khoảng cách.

Gió càng thổi mạnh nàng càng mất bình tĩnh, kéo dài sự mất bình tĩnh nàng đâm bối rối xen lẫn sợ hãi. Nhìn ngược lại phía sau lưng, ý định quay trở về từ điểm khởi đầu khiến nàng lưỡng lự băng khuâng.

Nếu quay về thì nàng đã chịu thua, nàng lại chấp nhận và hòa nhập cuộc đời vô vị của một chúng sinh mù mờ về công trình đến và đi của một kiếp sống. Nghĩ đến quay về, nàng bỗng muông tượng xung quanh nàng hiện đang có muôn nghìn kiếp sống vây quanh. Ở đây, ngay chỗ này, trước mặt nàng trong cái màn không gian bao la này, cái lớp ánh sáng dày đặc hay mỏng nhánh kia, cái bầu trời trong xanh vĩ đại nọ, biết đâu còn có những đôi mắt đang ái ngại nhìn nàng? Nàng mà quay về thì vấn đề chẳng lẽ chấm dứt ở đây?

Không thể được. Nàng phải can đảm tiến tới thôi. Phải can đảm bước lên chiếc cầu giắt ngang con sông dài bằng một thân cây tròn lẩn và nhỏ nhắn đó. Và, con sông này, có phải con sông này hiện là một thách thức lớn lao mà nàng cần phải khắc phục?

Nếu thế thì trước hết nàng phải khắc phục chính nàng cái đã. Phải lấy lại bình tĩnh, phải xua đuổi sự sợ hãi, rồi mới tính đến những chuyện khác. Nghĩ thế, rồi nàng thung thình ngồi xuống theo thế kiết già. Mắt mờ nhỏ nhìn xuống đám cỏ khô héo trước mặt. Ồ, trông kìa, những con kiến nhỏ đang di động thành một đường dài ngay hàng thẳng lối cách chỗ nàng không đầy một thước. Lại có những con gì trông giống như là con sâu, đúng rồi những con sâu rọm đen đúa ghê tởm đang gặm nhấm những cọng cỏ khô rạn một cách mệt mỏi. Chòn vòn phía trước hình như có những miếng giấy mỏng hay những chiếc lá khô bay là là. Nhìn kỹ thì không phải, đó là hình ảnh lung linh của một con bướm rách cánh đang cố gắng vỗ cánh bay ra khỏi nụ hoa héo sắp tàn.

Trời đã chiều chưa? Sao ta cứ để ý chi hoài đến những ngoại cảnh tầm thường đó. Phải nhìn vào cái tâm của ta đi chứ! Phải làm sao cho ngoại cảnh vật chất xung quanh tự nằm yên ổn đâu đó trong ta và ngược lại. Làm thế nào để ta cùng được hòa mình vào ngoại cảnh một cách tự nhiên không đối, thì họa may ta mới thoát ra khỏi những cung bậc chộn rộn bán quán trong đầu.

Nàng nghĩ như vậy, rồi thủ hít một hơi thật sâu vào lồng ngực theo phương pháp quán hơi thở mà nàng được nghe giảng dạy hoặc đọc tử trong một quyển kinh nào đó. Cứ tiếp tục như thế, lúc đầu thì có thể của nàng lao chao bộn rộn đòi hỏi sự quan tâm chăm sóc của nàng. Cái thân thể nhỏ nhoi của nàng không ngừng

nhắc nhở đầu óc nàng rằng chừng như có ai đang soi mói dòm ngó. Khi nàng xua đuổi được cái cảm giác này thì cái thân lại kêu gào rên rỉ ngứa ngáy khó chịu. Khi sự ngứa ngáy tưởng tượng tiêu tan thì bộ xương trong mình lại làm nùng nhức mỏi, đau đớn, tê rần đòi phải được nằm xuống ngủ nghỉ. Và, khi đầu óc của nàng vừa nghĩ đến giấc ngủ thì đôi mắt đã nhanh nhẹn sụp xuống ngay.

Ta phải làm điều gì khác hơn đi chứ. Đã ngủ hơn bốn mươi năm rồi, đã ngứa ngáy, mỏi mệt hơn bốn mươi năm rồi, đã trải qua quá nhiều những điều như thế này rồi, hôm nay phải xua đuổi, tổng khứ nó đi, đừng chiều chuộng cái thân này nữa, đừng thèm nghe những quyến dụ vô chừng của cái thân nặng nề u mê này nữa. Hãy làm ngó. Tâm đầu rồi hãy tinh thức để chống đỡ sự phá hoại từ bên trong của thân ta hãy giúp thân ta quên tất cả. Hãy cột thân ta vào tâm, hãy cột thân ta vào hơi thở ra vô của tâm.

Cho đến một lúc nào đó nàng bỗng đứng không còn cảm thấy nhôn nhao khó chịu nữa. Tất cả trong và ngoài chừng như yên lặng, từ từ hình ảnh những con kiến nhỏ xíu bỗng đứng hiện ra rõ ràng to lớn. Nàng đã bắt đầu nghe những âm thanh ào ào ào ào chừng như phản nân hoặc bụi bụi từ lũ kiến. Rồi con sâu nữa, nàng thấy ở một chéo mắt của nó hiện ra một giọt nước, cái thân thể từng khoan tròn bỗng đứng đùn lại và rồi ghim nhanh mấy cái vòi nó to xuyên vào thân chiếc lá vàng úa đang rỉ chút mù cặn.

Còn con bướm có hai cánh đen rách tua tua phần bay tung tóe kia. Nó đang làm gì? Khi câu hỏi hiện trong đầu, nàng liền cảm thấy sự sợ hãi dâng lên, thế là một chút nhộng nhạo từ dưới bụng đưa lên làm nàng buồn nôn. Một luồng hơi nóng từ đầu đẩy xuống khiến nàng như nghẹt thở. Nàng run sợ muốn mở mắt đứng dậy, muốn bỏ cuộc nhưng đã trễ, tay chân nàng không nhấc lên được nữa, mà những con kiến thì chừng như đang há càn vẫy quanh lấy nàng, con sâu đen ngòm thì cứ lớn dần... lớn dần..., con bướm thì đang tuyệt vọng trước cơn gió. Nàng biết không còn chọn lựa nào ngoài việc tiếp tục cột chặt cái tâm vào hơi thở... phải xua đuổi tất cả mọi sợ hãi, phải bình thản và phải buông...

Nổi tham sống, lòng mê ái. Hình ảnh chàng và các con. Người thân kẻ thuộc. Và, cả hai đám sâu bọ quanh mình bỗng từ từ tan loãng biến dạng. Hạnh phúc tiền bạc tình yêu gia đình con cái chừng như là đàn kiến là con sâu là cánh bướm là đóa hoa tàn lụi là bãi cỏ úa vàng. Tất cả thân dục tan biến theo ánh nhìn. Người thân là nàng. Người lạ là nàng. Mẹ cha là nàng. Chồng con là nàng. Sâu bọ là nàng. Cây cỏ là nàng. Nàng cảm thấy không còn sự quyến luyến gì nữa... ngay cả tấm thân yếu đuối bệnh hoạn đang buộc vào cõi già nua thật tội nghiệp của nàng cũng không còn gì phải quyến luyến thiết tha!

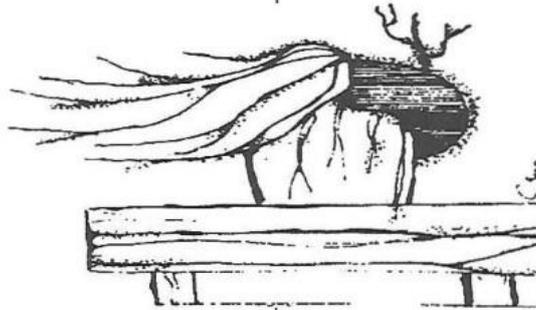
Nàng biết làm sao để qua bên kia sông một cách an toàn rồi! Trước hết nàng cởi tất cả những đồ trang sức chói chan nặng nề trên người liệng xuống sông. Nàng làm ngay điều vừa nghĩ. Trông kia dòng nước trong xanh bỗng cuộn tròn sôi sục, những bàn tay lông lá nổi lên, những khuôn mặt kỳ lạ chồn vờn trên mặt nước. Sóng đập mạnh, bọt văng tung tóe, những cái đầu rắn to lớn nổi lên, rồi loài quỷ nước chìm xuống, mặt sông yên lặng và những đợt sóng mỏng lẫn tan nhẹ nhàng.

Nàng mở bóp lấy cái kéo nhỏ cắt bỏ mở tóc rối, khom người nhìn dưới lòng sông. Nước gần bờ trong xanh, phía dưới là cát vàng, chẳng có một con rắn nhỏ nào, cũng chẳng có loài quỷ nước nào đang cấu xé bên dưới, chỉ có khuôn mặt phấn son đỏ dầy của nàng. Phải hốt nước rửa sạch cái mặt hương phấn bụi bặm đó bắn trần tục này đi. Nàng làm ngay điều nàng thoáng nghĩ. Nước kéo đám vi trùng lẫn trong bụi phấn màu mè nổi lên

chìm xuống lổm ngổm trên mặt sông. Trông kia, một bầy quỷ tóc xanh đỏ lòa xòa trên mặt nước rồi nổi lên, chúng đánh lộn nhau để giành giật cho bằng được từng vạt phấn rồi trét lên mặt lên mũi của mình, xong rồi cả đám tru mỏ khóc rên thảm thiết, những con quỷ không giành được gì khóc đã đành, mà những con quỷ giành đoạt được điều mình mong muốn cũng khóc. Thật là kỳ hoặc. Chỉ trong một thoáng dòng sông trước mặt nàng trở lại yên tĩnh hiền hòa và lặng lẽ xuôi dòng, bàn tay trắng nõn nà quơ nhẹ mặt nước trong veo. Ma quái đâu chẳng thấy. Có đó rồi mất đó.

Nàng chợt biết thêm hạnh phúc hay khổ đau đều biến chuyển tự nơi tâm của mình. Nàng đã phát hiện ra được điều căn bản nguyên nguyên đó qua kinh nghiệm từ xáo trộn kinh hoàng đến an nhiên thiên định của mình. Trong sự biết sơ khởi đó cuộc đời buồn hay vui nào có nghĩa lý gì nhất là khi nàng đã biết chắc rằng hạnh phúc đang có trước mặt sẽ bị nỗi buồn cùng sự khổ đau sẵn sàng đổ ập lên người đang thụ hưởng vào một giây phút bất chợt không ngờ.

Nàng đã vượt qua khỏi chiếc cầu, bước những bước thanh thản đầu tiên vào cù lao ánh sáng trước mặt.



Nàng trở về, đứng lặng nhìn qua cửa sổ. Cuộc đời đang thật

diễn ra phía dưới. Trông kia một đàn chim cùng bầy, lớn cùng cỡ, đen cùng màu, đang tíu tít chuyện trò, nháy nhót, vô tư. Nàng đắm trên sân cỏ, chạy dọc dưới sân, tuổi từng vệt trên những hàng cây kiểng xanh tươi bằng phẳng và thẳng tắp thành hàng rào chắn quanh bệnh viện. Trông kia những người y tá nữ mặc áo xanh nhạt, đôi ba nam nữ bác sĩ choàng áo trắng. Màu trắng, màu

xanh đi đứng nhanh nhẹn như cái bóng thoát hiện thoát biến. Hình như tất cả loài cây, loài vật, loài người, đang trao đổi những tư tưởng chấp hiện chấp biến của họ. Họ hỏi, họ trả lời bằng ánh mắt bằng đôi môi đi động và bằng cả hai bàn tay giơ lên rú xuống, quơ qua quơ lại. Còn nữa, họ cũng biết lắc đầu hoặc gật đầu để chấp nhận hay phản đối một vấn đề gì? Như... sự động đập chạm chạm tưởng chừng như không có của những bóng mát theo sự rung rẩy nhẹ nhàng của trăm nghìn chiếc lá trên thân những cây sù lập lại nhiều lần theo đúng từng chập đến, ở và đi của những luồng gió không biết từ đâu đến.

Tất cả những hình ảnh biểu hiện sự ngộ nghĩnh, ngu ngốc, lạ lùng, có đôi lúc kỳ dị khó hiểu. Trong đó, và xa đằng kia, dưới sân, nàng thấy có đủ loại xe cộ. Hãy trông cái hoạt cảnh ở bãi đậu xe, trông thì rất bình thường nhưng thật ra cứ mỗi một khắc là một biến chuyển hải hùng mà những người trong cuộc mới thấm thấu được sự phức tạp vui buồn hay đau đớn. Kia nhé, chiếc xe màu đen ngừng lại, một người bước xuống đi vòng qua phía bên này, ông ta ăn mặc chỉnh tề, áo sơ-i trắng bỏ trong quần tây ka-ki, không vội vã lắm, ông ta mở cửa, và một người đàn bà khác dựa vào ông ta bước xuống. Một hình ảnh đẹp đẽ, yêu thương, hạnh phúc, đoàn tụ hay một cảnh chia ly vĩnh biệt đang đợi chờ. Không ai đoán nổi! Một cảnh khác, chiếc xe màu đỏ chói lói đang trở tới và ngừng lại, ba cánh cửa xe mở ra cùng một lúc, người đàn ông bước xuống chăm rai đi vòng qua, hai người con gái trẻ trung tóc hung hung đỏ, một đậm một nhạt, một dài phủ vai, một ngắn ôm chiếc gậy gầy thon, thò đầu ra và cũng bước xuống. Bốn cánh cửa cùng để mở. Cả ba đồng loạt đưa tay về phía trước. Một chiếc xe được đẩy tới. , một người đàn bà mặc áo đầm, nền vải trắng in hoa lớn màu hồng tươi đang ngồi trên xe lăn. Hình như tất cả đều đang xúc động. Chuyện gì sẽ xảy ra sau giây phút đoàn tụ? Mối

họ mấp máy, đầu họ gục gặc, rồi cả ba người chồm tới, không biết người nào là người thật sự dìu người đàn bà là vợ hoặc mẹ của họ đặt ngồi vào xe. Ba tấm lưng quay về hướng nàng, rồi trong khoảnh khắc họ biến vào lòng xe. Và, chiếc xe cũng biến mất vào dòng xe cộ bên ngoài sân bệnh viện. Ai biết chuyện vui buồn tiếp nối nào theo cái cảnh đó. Cái cảnh đoàn tụ trước mắt nàng trông thì có vui, nhưng những phần tử trong hoàn cảnh đó thì thật sự không biết họ vui hay buồn, đau khổ hay sung sướng. Ai dám quả quyết rằng trong khoảng đường đời sắp tới họ không gặp cảnh chia lìa vĩnh biệt, người qua thế giới bên kia, kẻ ở lại thế giới bên này. Ai mà hiểu nổi?

Nắng vẫn đổ xuống đồng đều trong không gian, dù mặt trời bây giờ đã hơi chênh lệch về một phía. Mặt trời nhìn nàng nghiêng nghiêng hay nàng nhìn mặt trời bằng chính ánh mắt nghiêng nghiêng của mình? Điều đó có mang một ý nghĩa gì không, khi tâm tình của nàng đang nở tròn mỗi lúc mỗi to theo vòng phản chiếu từ những đợt sáng vàng chói lọi bên kia tấm kính trong suốt nơi thành cửa sổ. Nắng chói rạng ngời hay tâm tư của nàng đang rực ngời một thứ ánh nắng chói vàng tương tự? Cả đời nàng thích nắng, nắng ở độ nào cũng có cái đẹp và hấp dẫn riêng của nó. Ngay cả những cơn nắng nóng hùng hực như lửa kia, cơn nắng mà nàng nghĩ nếu nàng nhảy bổ xuyên vào cái vòng tròn đó thì thân xác nàng sẽ cháy xèo nhanh chóng, bộ xương nhỏ bé của nàng sẽ bùng rực đỏ và tan loãng vào trong nắng. Cơn nắng dù điên cuồng như thế nào đi nữa thì nó cũng có cái đẹp hùng vĩ và tàn bạo của nó. Nàng yêu nắng. Nàng cũng không biết tại sao kể từ lúc nào thấy nắng, nàng cũng có cái cảm giác rằng nắng mê say mê cuồng vọng nó, nàng muốn nó nóng rực lên và biến thành lửa. Chỉ khi nào nàng được đốt cháy như ngọn đuốc nàng mới cảm được sự sung sướng để mê cực độ và thân xác tro bụi của nàng không còn là của nàng nữa. Như thế có phải là nàng đã bất ngờ nhập vào trạng thái không, không?

Cũng giống như kể từ thấy chàng thì nàng nghĩ là nàng yêu chàng, mà nàng cũng không biết tại sao nàng lại yêu chàng? Và trong tình yêu mê đắm đó nàng đã không tìm ra hay nói đúng hơn là chưa tìm ra được cái lý lẽ, cái nguyên do từ đâu? Điều này đã khiến cho nàng mãi mãi sống trong sự khắc khoải với những dấu chấm than và những dấu hỏi mỗi khi nàng bắt đầu một ngày mới: Ngồi dậy, vươn vai, rời khỏi giường, mở to mắt nhìn một ngày lạ đang đến và sẽ đi để lát nữa đây khi đêm về, nàng ngã lưng, xuôi tay và nhắm mắt để bắt đầu cho một giấc ngủ mới. Mãi mãi trong nàng là một dấu hỏi to lớn về sự hiện hữu, về sự liên hệ, về sự bước đến và sự trở về.

Nàng hiện đang trên đường đi đến hay nàng đang trên đường trở về? Những vệt nắng kia từ đâu có và bao giờ sẽ biết mất? Sự nắng có liên hệ gì với nàng mà lúc nào nàng cũng bị đè nặng một cảm tưởng sẵn sàng lao vào hiến dâng như một con vật tế thần.

Nàng yêu nắng thế đó vậy mà người ta nói nàng thuộc về nước. Nước là thủy. Thủy là âm. Âm là lạnh. Lửa và nước là sự đối nghịch. Nhưng ở giữa sự đối nghịch đó có phải là hằng triệu triệu phân tử nối hợp liên kết và hòa thuận. Người ta nói nước là chất keo gắn liền những tế bào lạ xa cách biệt vào nhau. Nàng thuộc về nước nên nước luân lưu trong nàng. Nước có luân lưu ngoài nàng không? Chắc chắn là phải có rồi! Nước khắp nơi, nước ngoài đường, nước ngoài ngõ, nước là con lạch, nước là dòng sông, nước là biển lớn. Nước là thủy, thủy là âm, âm là đàn bà, nàng là đàn bà nên nàng thuộc về âm. Nàng không yêu nước tức nàng không yêu âm, mà không yêu âm thì cũng có nghĩa là nàng không yêu nàng. Như thế trong động từ yêu đã chứa sẵn động từ ghét rồi chăng? Suy luận này có đúng không? Không yêu mình thì sao nàng lo chăm dưỡng cái thân thể của nàng từ bấy lâu nay nhiều đến thế? .

\*

Tiếng chuông điện thoại reo nhỏ ở đầu giường. Nàng rung rẩy ôm chiếc máy nhỏ màu đen áp vào vành tai bên phải. Giọng nói của một thanh niên ẩn tàng sức mạnh đam mê, giọng nói mà cho đến bây giờ nếu lơ đãng nàng có thể bị làm với giọng nói của chàng. Giọng nói như chất nhựa quen thuộc quyện vào sợi dây làm rung lên bao âm ba điệu vợi. Giọng nói mang niềm hân hoan ngọt ngào tằm mát giấc mộng ba sinh. Giọng nói chứa chan phần nộ làm tàn rụi cơn mê yêu đương trong chốc lát. Giọng nói của cha dành cho con thường yêu và giọng nói tha thiết của con đang gọi mẹ.

Con từ đâu gọi về thăm mẹ nhỉ? Có thể là con đang ngồi ở cạnh cửa sổ trên một tầng buyn-đinh cao chót vót nào đó trong thành phố. Đã lâu lắm rồi kể từ ngày con nàng trưởng thành..., nàng đã tự cho phép mình bước ra khỏi trái tim của con nàng. Phải như vậy. Nếu không thì sẽ chẳng công bằng chút nào bởi vì ngay chính trong trái tim nhỏ nhoi của nàng đã nhiều lần nhói lên những uất ức khi chàng dành dụm tình cảm riêng tư của chàng cho mẹ. Phải như vậy. Nếu không nàng sẽ có cái nhìn như mẹ của chàng mỗi khi tưởng tượng tấm thân trai trẻ của con nàng phung phí sức sống gửi trao cho người khác. Phải như vậy thôi. Dù rằng có đôi khi nàng thấy chùng như mình bị mất mát và sự mất mát nhiều choáng làm cho nàng ngộp thở. Cảm tưởng mất mát đau xót gia tăng nhiều vào những sáng những chiều những tối một mình ra vô trong căn phòng vuông vức trắng xóa một nỗi buồn, những khi mà chàng không có bên cạnh để áp ủ chia sẻ một cơn đau dầy vò thân thể. Nhất là những đêm khuya chập chồn trôi nổi trên dòng sông dĩ vãng nơi nàng đã sinh ra lớn lên để rồi bỏ lại sau lưng chạy theo một đời sống riêng tư vội vã, những mệt mỏi vật vờ với từng vốc thuốc ngủ để khi tỉnh giấc quò quạng trong đêm cời phẳng chiếc áo đầm mờ hôi vứt xuống chân giường vì vừa mơ thấy cha mẹ mỉm cười băng quò, nhìn nàng như nhìn người xa lạ, khiến cho nàng vô vàn đau khổ và cảm thấy chùng như nàng là một con người vô nghĩa bất nhân, chỉ biết vật lộn giành giật cuộc sống cho riêng mình mà quên là có một phần đất đang ôm thân thể mẹ cha đâu đó ở quê nhà!

Nhưng cũng không hẳn lúc nào cũng thế. Như ngày hôm nay, buổi chiều đang đổ dài ngoài sân. Nàng đang run rẩy ôm một bầu trời nơi có hơi thở nhẹ nhàng của con nàng đâu đó bên kia, trong căn phòng cao ốc chẳng hạn.

Khi con nàng bắt đầu bằng tiếng Mẹ à... và ngừng hơi lâu thì nàng biết rằng sự yên lặng của nàng rất cần thiết đối với con. Nàng nằm yên một tay đặt ngang ngực. Những đầu ngón tay của nàng cảm nhận nhịp rung của lồng ngực nói mà trái tim của nàng đang rộn ràng theo từng tiếng thở mạnh nhẹ của con nàng ở đầu dây.

Nàng nhắm mắt, rồi mở nhẹ, mở màng nhìn ra cửa sổ, chút nắng vàng ọp ọp đang bò một cách rã rời từng chập ngoài khung cửa. Con nàng nói nhỏ bên tai. Mẹ có đó không mẹ... để bắt đầu một câu chuyện vui buồn nào đó theo thói quen. Những khi vui con nàng sẽ không nói chuyện lâu. Chỉ những lúc buồn. Phải rồi khi buồn câu chuyện giữa con và nàng được đậm đà sâu sắc và lý thú hơn, nhưng nàng muốn nghe lại cái giọng ríu rít như tiếng con chim trống vung trả giọng của con hơn là nghe cái giọng trầm trầm chậm rãi lựa lời tránh làm cho nàng lo lắng. Muốn cũng không được, nàng phải yên tâm để cho con nàng được yên tâm. Và con nàng đã thật yên tâm khi bắt đầu tả cảnh.

Nàng vẫn áp cái điện thoại vào tai và nghĩ đến khuôn mặt trầm buồn, đôi môi hình trái tim dày mộng của con. Nàng tưởng tượng như nàng đang đứng cạnh bên con, tựa vào bờ vai rộng chắc của con và cùng nhìn xuống sân, nơi mà con nàng đang nhìn và đang âm thầm kể lể một cách thoải mái. Nàng biết con nàng sẽ vẫn như những lần trước, sẽ kể cho nàng nghe câu chuyện về một khoảnh đời vui buồn nào đó của con như kể



chuyện của một người quen biết qua đường, để một lát nữa khi gác máy con nàng sẽ cảm thấy bình yên và quên đi chuyện vừa mới nói, bởi vì con tin tưởng rằng mẹ nghe qua rồi chẳng bàn cãi, chẳng đề nghị, hay lo âu bất cứ điều gì, như mặt ước mà nàng và con đã ký kết với nhau trong im lặng bấy lâu nay.

Mẹ ơi! Trời bên ngoài sắp mưa. Mây kéo về nhiều lắm. Gió nhiều ghê mẹ. Gió thổi mạnh từng chập, nó đang nổi sùng và có ý muốn lôi sập mấy cành cây khô dọc hai bên đường mẹ à!

Nàng hỏi gió có mạnh quá không?

Giọng con nàng rướng cao làm như nó đang giơ một tay để giải lung. Ý, gió mạnh lắm à mẹ!

Gió có làm cho con nghĩ tới điều gì không?

Hình như con của nàng lại sửa thể ngồi, nắm chặt cái máy ở đầu dây. Nàng nghe hơi thở con nóng nản hơn. Nàng thấy trông mắt đen tròn của con như nở to, đồng tử long lanh khi con nói.

Con vừa nhớ lại cảnh hai mẹ con mình đua nhau lượm trái thông. Mẹ có nhớ không?

Ồ, những trái thông xếp thành tầng hình giống như cái nụ nhọn nhọn ở đỉnh, những trái thông và những miếng vỏ khô mà mẹ hứa sẽ dạy con xây thành một căn nhà sàn, bên cạnh một chiếc cầu cong, một dòng thác lũ và một cảnh trời Đà Lạt mù sương thơ mộng. Mẹ và con chạy theo gió đuổi lượm cho bằng được những trái thông lớn nhỏ rơi rụng trên đồi mặc cho người ta cuống cuồng lo sợ cái tin tâm bão sắp vào thành phố. Con lúc đó, nhỏ bé, rồi rít cười to, khi một mình lượm nhiều trái thông hơn mẹ và con chớp mắt ngó ngang trong tay mẹ khi thấy ba nhìn hai mẹ con mình bằng ánh mắt giận dữ và lớn tiếng rầy la.

- Bão đã tới rồi mà em với con còn lang thang ngoài đồi. Cây ngã sập chận chết em và con thì anh phải làm sao? Em và con lượm những gì trên đó?

Mẹ nói. Dạ trái thông!

Ba hỏi. Để làm gì?

Mẹ trả lời. Để dành xây đường phố Đà Lạt.

Mẹ khoe với ba là sẽ giúp con dựng một cảnh Đà Lạt, có cầu, có thác, có nhà.

Nàng gọi nhỏ vòng tay của chàng ôm tròn bờ vai của nàng lúc đó, ánh mắt chàng dịu xuống nhìn nàng và con vừa thương yêu vừa xót xa. Chàng cẩn thận xách túi ni-lông đựng những trái thông của mẹ con nàng, mang vào nhà, đặt ngay ngắn trên kệ trong garage để hôm nào rảnh xem mẹ con nàng thực hiện một cảnh trời kỷ niệm, nơi mà chàng và nàng đã một thời sống bên nhau... Nhưng những trái thông đó nằm hoài trong garage cho tới một ngày kia chính mẹ quăng nó vào thùng rác vì những đầu gai nhọn đâm vào tay và chân làm chảy máu mẹ.

Nàng mỉm cười, cùng con nhớ lại câu chuyện lượm những trái thông già để sẽ chẳng bao giờ dùng tới như dự định của nàng và con. Nàng nhớ nhiều hơn...

Hôm đó. Gió mạnh lắm. Mạnh chưa bao giờ nàng thấy. Chiếc xe đậu ngoài sân có lúc phải rung rinh vì cơn gió tạt mạnh. Những tấm cửa kiếng đã được chàng dán ngang dán dọc mà có lúc cũng rít lên nghe kêu kịt chùng như rên rỉ vì bị cơn gió cố tình đánh mạnh. Trên Tivi, trong Radio người ta loan tin tâm bão sẽ vào thành phố bất cứ lúc nào. Mọi người phải chuẩn bị nước, lửa, thức ăn khô. Bão sẽ đến. Mọi người nên tìm một chỗ kín đáo an toàn để núp. Chàng đã chen chân cùng sóng người để lũng mua cho bằng được cá hộp, thịt hộp, bánh mì khô, nước mắm, nước tương, muối, tiêu, hành, tỏi, thuốc cảm cúm, thuốc ho, thuốc nhức đầu, thuốc tiêu chầy. Và, nước nũa, nước đã được chàng chứa đầy trong chai, trong ấm, trong thùng cao-su, trong bồn tắm. Chàng bắn quyết như thế mà nàng và con thì thờ ơ. Có phải nàng không biết sợ bão hay là tự nàng không có bản tính lo xa? Lúc đó đối với nàng, bão dù có to lớn cỡ nào cũng không đáng sợ như những cơn bão mà nàng đã gặp trong những ngày cùng chàng lênh đênh

vượt trùng dương để tìm sự sống. Có sự kinh hoàng nào hơn sự kinh hoàng của một chuyến ra đi không định hướng và không có ngõ quay về. Có lẽ chàng thông cảm nên đã ôm nàng vào lòng vuốt tóc vỗ về chẳng? Con nàng thì thăm bên kia đầu dây.

Lá rụng nhiều lắm mẹ à!

Ừ, chiều mùa đông tượng trưng cho sự héo úa già nua và bệnh hoạn, lá trè lá non lá lớn lá già rồi lá nào cũng phải rụng chỗ con? Đầu cần phải đến gió to hay bão lớn, luật tuần hoàn mà...

Luật tuần hoàn làm con mệt quá mẹ à!

Hôm nay con của mẹ cảm thấy lo lắng lắm phải không? Con cũng mệt nữa à! Tối hôm qua thằng cháu nội của mẹ quấy vợ chồng con suốt đêm phải không?

Mẹ à, có nuôi con mới biết thương ba mẹ! Tuần tới cháu khỏe. Nhất định tụi con bay về thăm mẹ. Mùa này chắc trái thông rụng nhiều rồi hả mẹ? Mẹ dẫn cháu ra đồi lượn thông nghe mẹ. Lần này chính con xây cho mẹ một căn nhà sàn có cầu bắt ngang, đường vào nhà sẽ có khói sương mờ ảo. Con đã được tận mắt thấy nơi đó rồi!

Hình ảnh con nàng qua chiếc bóng nhỏ bé của thằng cháu nội tung tăng chạy ngược lên đồi làm nàng cảm động. Những giọt nước mắt hạnh phúc đua nhau lăn dài xuống má. Tiếng trẻ con cười vui đập dồn dập vào tai và chạy xuống căng hai buồng phổi làm cho nàng có cảm tưởng hơi thở mình sâu hơn, khỏe khoắn hơn. Căn nhà sàn quê mùa ẩn hiện trước mặt đã khiến nàng quên hỏi con đoạn kết câu chuyện, nhất là cái cảnh chiều mùa đông nơi con gọi cho mẹ.

Gió thổi mạnh, lá rụng nhiều nhưng cơn bão trong lòng con đã tan chưa?

Câu chuyện đã chấm dứt ở đoạn nào, nàng không ghi nhận kịp. Con nàng hứa hẹn thăm hỏi chàng, vỗ về nàng và khuyên lớn nàng, hay nàng đã vỗ về, an ủi con nàng? Nàng không phân biệt rõ ràng. Chỉ biết trong đầu nàng cứ lũng bùng câu hỏi cơn bão trong lòng con đã tan chưa mà không biết có nói lên lời cho con nghe không?

Gác máy điện thoại xuống, nàng mở cửa ra ngoài đứng đợi chàng. Nàng chiều biển mắt bên kia đồi, chàng cũng sắp về tới nơi. Nàng bỗng dừng cảm thấy rất hài lòng vì đã không đặt nặng vấn đề cuộc sống với con. Chắc là con dâu của nàng cũng đang bằng phẳng cháu nội đứng nơi cửa chờ con nàng trên đường về. Nàng mỉm cười với ý nghĩ này dù trong lòng có nhói lên một chút ghen tỵ. Nàng mỉm môi tự bào chữa không cách gì tránh khỏi cho dù nàng đã cố gắng sống thiện. Con người khi thương ai mà không ghen dù đối tượng của người đó là chồng hay là con!

Nàng nhìn ngược lên đồi, gió ở đây chiều nay thổi nhẹ thổi, hưởng thông thoáng thoáng, không như ở chỗ con nàng đang làm việc, gió thổi mạnh và chùng như đang nổi sùng muốn giật sập những cành cây gì đó dọc hai bên đường như con nàng kể cho nàng nghe hồi nãy. Chắc không phải như vậy đâu, con nàng tả cảnh theo tâm trạng buồn lo hoặc sợ hãi trong phút chốc thôi. Hai hàng cây dọc theo con đường quen thuộc về nhà của con nàng vẫn thế, mạnh mẽ, tràn sức sống, dù bên ngoài phải thay đổi theo khí hậu bốn mùa. Giờ này, có lẽ con cũng đang trên đường về. Ngồi nhà ấm cúng đang chờ đợi con, như Mẹ đang chờ đợi ba.

Nàng khoan tay, lơ đãng nhìn lên trời cao, hình ảnh căn nhà, chiếc cầu cong hiện rõ, niềm mơ ước của nàng theo mây tụ về trên đó. Nàng bỗng cảm thấy tình cảm của mình sôi nổi hơn, sự chờ đợi chàng trong nắng cũng được thổi thúc mạnh hơn. Dù không thoát ra khỏi những nhung nhỏ thăm thẳm nơi chốn sanh ra và lớn lên, nhưng nàng cũng an ủi khi biết được nàng đã và đang có một chốn vừa riêng tư, vừa chung đụng, vừa cô đơn, vừa ấm áp để trú ngụ. Chính chàng là nơi chốn đó, là cù lao hạnh phúc của đời nàng.

(Sugar Land)



# Đời tôi mãi quét lá đa

● Nguyễn Việt Nga

**B**ây giờ thì tôi chán đời thật rồi. Đời thật chẳng còn gì để tôi còn nuôi tiếc nữa. Cuộc đời tôi là cả một chuỗi dài đau khổ.

Tôi đã đánh mất tất cả, kể cả người con gái tôi thương yêu nhất. Nàng đã từng là niềm tin và sự sống của tôi. Số phận hẩm hiu cứ theo đuổi tôi hoài. Phải chăng trên đời này số phận của mỗi người đã được an bài, định sẵn mà con người không thể nào thay đổi được nó?

Tôi đã lầm tưởng rằng số phận tôi đã được Thượng đế soi xét và Người đã ban ân sủng cho tôi từ ngày tôi được đi Tây. Nói ân sủng thì chẳng quá chút nào vì trường điện tôi học có ngót nghét 600 học sinh mà chỉ có năm suất đi lao động xuất khẩu sang Bun (Bulgary). Thế là thằng khố rách áo ôm này đã được đời đời! Trước lúc đó, lúc nào tôi cũng nghĩ thân phận mình như "Con sãi ở chùa" sẽ suốt đời "Quét lá đa", làm thằng đi... bơm vá xe đạp cho người! Và khi đã là số phận thì phải chấp nhận nó. Tôi đã học được điều đó từ khi còn học phổ thông...

Mồ côi mẹ từ khi lên tám chỉ còn cha già, người mà tôi kính mến nhất đời đã lặn lội, tần tảo nuôi tôi ăn học, Người càng già và gầy yếu đi nhiều theo năm tháng. Ông thường nói, chỉ còn thằng con duy nhất này là niềm an ủi và hy vọng của ông thôi. Hồi đó, đồng lương nhà giáo của ông cũng đủ để mua gạo và rau cho cha con tôi. Thế rồi năm tôi lên lớp mười ông bị về hưu non. Ông buồn, người rộc đi, càng héo mòn theo năm tháng. Ông kể với tôi về ông Hiệu Trưởng đầu già mà chẳng giận dữ chút nào. Một hôm hết giờ giảng, ông Hiệu Trưởng gọi ông lên văn phòng nói chuyện. Ông ta nói với giọng thật thông cảm:

- Anh Văn à, tôi thấy hoàn cảnh của anh thật khó khăn trong cảnh gà trống nuôi con. Đạo này trông anh tiêu tụy lắm. Nhà trường cho anh về hưu đó. Năm mươi tuổi về hưu có phải là sớm đâu. Và lại, đang thời giảm biên chế, nhà trường cũng phải vậy thôi!

Thuở ấy, tôi thật thò ngây. Thoạt nghe, tôi nói với ông:

- Thế thì còn gì bằng, ba được nghỉ ngơi càng tốt.

Thấy ông im lặng, tôi ngước mắt nhìn lên. Tôi thật bối rối khi thấy hai giọt nước mắt khô cản đọng trên khóe mắt già nua của người. Giọng ông run run khó tả:

- Đầu phải chuyện nghỉ ngơi, con ơi! Ba đã gắn bó với nghề giáo gần 30 năm nay. Đó là một phần cuộc sống của ba, không những chỉ dạy dỗ cho con mà còn cho những con trẻ khác học hành nên người. Nhà nước không có tiền bao cấp. Nhà trường phải giảm biên chế là đúng rồi. Ba phải chấp nhận chủ biết làm sao. Con ơi, con gắng học nên người nghe con...

Nghe ba nói mà tôi cũng rung rưng theo ba. Trong thâm tâm tôi lúc đó có ý nghĩ, phải quyết chí học hành nên người. Ba tôi nói vậy mà tôi có cảm tưởng có điều gì uất ức mà ông không nói nên lời.

Nhưng sau khi "sa thải" ba tôi với lý do "Giảm biên chế", lão Hiệu Trưởng lại nhận cô con dâu của lão vào dạy học sau đúng hai tuần! Biết được tin này, tôi đạp xe hồng học từ trường về nhà, hốt hải kể với ba.

Ba tôi nghe, không lấy làm ngạc nhiên, chỉ trầm ngâm nói:

- Con ạ, đời là thế đấy!

Tôi ngạc nhiên vì không thấy ba phản ứng gì mấy, không giận và chửi ông Hiệu Trưởng cho bố tức về các chuyện ông ta xử lý do lý trấu, vòng vo "Giảm biên chế"! Tôi đã dần dần hiểu được khi ba tôi tiếp lời:

- Xã hội nó ung nhọt, thối rồi thì con người dễ lây lắm con ạ!

Từ khi ông về hưu, cuộc sống của hai cha con tôi ngày càng tồi tệ. Lương hưu đã ít ỏi, giá cả lại càng ngày càng tăng vọt. Tiền đủ mua gạo là may. Tôi thấy ba tôi càng gầy yếu hơn, tiêu tụy hơn. Tôi buồn bã làm sao vì sau đó Bác sĩ cho biết ông bị ung thư. Bệnh tình của ông ngày càng nguy ngập. Y tế thấp kém. Bác sĩ mỗi chẩn đoán và cho ông biết về căn bệnh trước đó một tháng, mặc dù căn bệnh đã phát ra từ lâu lắm rồi. Trước đó Bác sĩ chỉ khuyên ông nên bồi bổ mà thôi.

Đang học lớp 12, luyện thi chuẩn bị vào Đại Học, bị cú "sốc" bất ngờ, tôi lo lắng cho ba vô cùng. Tôi không thể bỏ tay nhìn ông ngày càng ốm nhiều. Tôi ăn cơm nước mắm cũng được, nhưng còn cha tôi nữa chứ. Bác sĩ nói riêng tôi, không thể biết trước ông còn sống được bao lâu nữa. Tôi quyết định đi làm nhưng ông chỉ khóc, điều mà tôi hầu như không thấy ở ba tôi. Ông nói:

- Đời ba đã hết, con phải học nên người thì ba mới yên lòng, ba nhất quyết không cho con bỏ học.

Tôi biết không thể nào cãi lại lời ông. Thế là buổi sáng đến trường, buổi chiều vá cái bơm thò tả và hộp sắt cũ kỹ đồ nghề vá xe đạp ra ngã tư đầu phố. Ba tôi không cho, bảo phải dành thời gian học, nhưng tôi không nhún nhường nữa: Ba phải thấy chúng ta cần sống, cần trả tiền điện, gạo và rau.

Nghe tôi nói có lý, ba tôi đành im lặng. Tôi tiếp nệ lời: Và phải lo thuốc men, bồi bổ cho ba nữa chứ!

Vác cái bơm đáng đi thiếu nã, tôi ngượng lắm chứ. Ngồi ở đầu ngã tư, tôi đội cái mũ sùm sụp để khỏi ai nhận ra. Thằng bé lớn lên từ nhỏ lúc nào cũng được ba nó lo lắng từ miếng ăn đến tập vở, không quen làm cái việc bơm vá xe này. Tôi chỉ có thể làm được nghề này vì nó là cái nghề không cần vốn. Tôi sợ bạn bè khinh bỉ cười chế nhạo tôi mặc dù vẫn biết "Lao động là vinh quang". Mấy thằng trong lớp con nhà giàu có no áo ấm vốn ghét tôi vì hay được thầy cô khen ngợi, nay thấy tôi vậy thì cười khà ố. Tôi cố nén cơn tức giận, ngậm đắng nuốt cay, nước mắt như chỉ muốn chực trào ra. Chúng chế nhạo tôi, tôi làm ló và cảm thấy thoải mái khi nghĩ rằng có tiền mua thịt cá và thuốc bổ, ba tôi sẽ sung sức lại.

Nhiều người bạn khác thì thông cảm cho hoàn cảnh của tôi. Chỉ một lần tôi thật ngượng ngùng và đau lòng khi một giọng nói cất lên:

- Bác ơi, bác làm ơn bơm cho cháu cái bánh xe đạp với!

Tôi giật mình ngẩng đầu lên. Trời ơi, Mai Khuê, cô bạn cùng lớp của tôi. Chẳng lẽ tôi tiêu tụy như ông "bác" rồi sao! Mai Khuê thất thanh kinh hoàng khi nhận ra tôi:

- Minh Tuấn!

Đó là công việc thấp hèn lắm sao mà em lại thất kinh như vậy, tôi thoát nghĩ. Chà là tôi vẫn sùm sụp chiếc mũ thu mình ngồi đợi khách. Mai Khuê tưởng làm tôi là một trong những ông già bơm vá xe đạp ở phố này. Hay tôi đã tàn tạ như vậy thật rồi sao? Tôi ngượng ngùng nói:

- Ủ, để tớ bơm bánh xe cho cậu!

Mai Khuê tha thuốc trong chiếc áo dài, đi chiếc xe đạp mini Nhật, trông nàng sao thật mềm mại, cao sang, tôi thầm nghĩ. Trong giây phút tôi đã bơm xong bánh xe đạp của nàng. Khuê rút bóp trong chiếc túi đeo vai xinh xắn:

- Cảm ơn anh Minh Tuấn.

Nhìn 200 đồng trong tay nàng mà tim tôi quặn thắt. Bình tĩnh, tôi nói:

- Tô giúp cậu đấy! Và tôi cố nở nụ cười gượng gạo.

Khuê vẫn giúi vào tay tôi tờ giấy bạc, cười tươi tắn:

- Có gì đâu mà. Thôi, tớ phải đi đây!

Nói rồi nàng lên xe, tha thuốc đạp xe trong dòng người tấp nập.

Tôi cứ đứng như trời trồng như thế mãi với 200 đồng trong tay. Trời ơi! Mai Khuê, chắc nàng khinh tôi lắm. Tôi vẫn tự biết việc bơm vá xe đạp là một việc làm lương thiện, nhưng chẳng hiểu sao tôi vẫn mặc cảm, tự ti tử tế.

Mai Khuê vốn học lớp tôi, tôi có thiện cảm với nàng từ lâu lắm, từ khi nàng mới vào lớp tôi năm trước. Thầy giáo chỉ chỗ cho nàng ngồi cạnh tôi vì ghế còn trống. Dần dần, chúng tôi gần nhau hơn, nói chuyện vui vẻ lắm. Tôi giúp nàng học toán. Nàng cho tôi những chuỗi cười trong trẻo. Thời gian cuối, tôi không có thời giờ giúp nàng học toán nữa. Tôi cũng không còn đầu óc nào để nghĩ đến nàng khi tình trạng ba tôi như vậy. Lời yêu cầu chưa kịp ngó thì đời tôi trở thành thằng bơm vá xe. Tôi với thân phận như thế này thì nào dám mở mồm đến nàng và tôi biết nàng cũng sẽ chẳng chấp nhận một thằng khố rách áo ôm. Đối với chúng tôi, đó chỉ là một tình bạn trong sáng mà thôi. Tôi không nghĩ là tôi yêu Khuê vì vài tháng sau đó Khuê đã có người đưa đón, một chàng công tử thủ thiết với chiếc Dream bóng loáng đời mới nhất, thế mà tôi không cảm thấy buồn. Tôi chỉ buồn cho thân phận mình thôi. Tôi cảm thấy chán học vô cùng, ích gì kia chứ. Tối đến, lại mất điện, tôi chong đèn dầu lên học. Đi làm cả buổi mệt rũ rượi, tôi chẳng còn muốn học nữa. Tôi chỉ cố làm hết bài tập về nhà qua loa một chút thôi.

Ba nhìn tôi mắt rầu rầu nhưng không bắt ép tôi học nữa. Tôi biết ba buồn, nhưng tôi đã lớn, tôi nghĩ, thực ra học giỏi mà làm gì kia chứ. Trong cái xã hội này, đồ Đại học Sư Phạm, ra làm giáo viên ăn đồng lương chết đói, để rồi người ta trả ơn bằng cách sa thải, "vắt chanh bỏ vỏ", giảm biên chế như thế đó. Đường nào ba tôi cũng không đi dạy học được nữa vì căn bệnh hiểm nghèo, nhưng bị nhà nước trả công như vậy ông cũng uất ức lắm!

Nhưng vì ba, tôi vẫn phải cố học, cố nhồi nhét kiến thức vào đầu để còn mong đồ đại học. Nhiều lúc nằm ngủ gật trên

bàn học, ba lại khẽ đánh thức tôi vào giường ngủ.

Và thế là kỳ thi Đại Học năm ấy, tôi chỉ trúng tuyển hệ B, đi học phải tự túc lấy hoàn toàn. Ba thì cứ khuyến khích tôi đi học, ba còn đòi đi bơm vá xe lấy tiền nuôi tôi ăn học. Tôi chỉ cười, nói ông phải bồi dưỡng sức khỏe chứ. Thâm tâm tôi còn nghĩ thêm. Ba ơi, tiền con đi vá xe cộng đồng lương hưu của ba chỉ đủ cơm gạo, làm sao đủ tiền học và sách vở được hả ba?

Thế là tôi vào trường điện học chuyên nghiệp, có học bổng ba mươi sáu cân gạo cố đấy nhé! Ba tôi là bạn học xưa của ông Phó Hiệu Trưởng trường điện nên ba tôi quyết xin cho tôi đi xuất khẩu lao động khi nghe được tin có năm suất ấy. Ba chạy chọt đến nhà ông bạn bao lần. Ông bạn rất thông cảm nên nói:

- Tôi là bạn chí cốt với ông nên muốn giúp ông lắm chứ. Nhưng nói thật với ông, tôi đâu có quyền lực gì đâu. Quyền là của mấy ông trên Bộ đó. Có mỗi năm suất đi mà ai cũng muốn. Trước hết phải ưu tiên cho con cháu mấy ông cấp trên, sau đến người có tiền cho mấy ông trên đó. Là bạn của ông, tôi không muốn ông phải đứt lốt cấp trên của tôi.

Ba tôi chỉ buồn bã thờ dài. Nghe câu chuyện của hai người mà tôi cũng nẫu ruột nẫu gan, thất vọng quá, làm sao mà ngoi lên khỏi cái xã hội này...

Nhưng rồi ông bạn sáng mắt lên:

- Tiền thì mình không có, hay là tôi cố thủ chạy vạy cấp trên, nhận thẳng Tuấn là cháu tôi nhé.

Một hy vọng đã lóe lên cho tôi. Ba tôi đi bán nốt cái quạt tai voi lọc cọc đã trên mười mấy năm, tài sản duy nhất còn lại của hai bố con ngoài căn hộ tập thể hai mươi mét vuông được phân. Ba tôi cầm số tiền đó đi mua chai rượu ngoại "xoàng", đưa cho ông bạn.

Ông bạn của ba thật tốt, cầm chai rượu lên trên Bộ để quy lụy, hết lời xin xỏ cho thẳng Tuấn, "cháu ông".

Chắc người duyệt quyết định nề ông lắm nên tôi mới được duyệt đi Bun. Người ta đi hết bao cây vàng, tôi đi hết có chai rượu ngoại là thế đó.

Ba tôi bệnh vậy, tôi thật không nỡ lòng ra đi. Nhưng ba tôi nói:

- Đời ba đã vậy, con phải ra đi để còn đổi đời nữa chứ.

Tôi biết, tôi ở lại chỉ là bước đường cùng cho cả hai cha con thôi. Ba tôi sẽ càng suy mòn vì thiếu dinh dưỡng, còn tôi sẽ là thằng "mặt khờ" trong cái xã hội bon chen này. Tôi phải ra đi để cứu lấy ba tôi và cứu lấy thân tôi, thay đổi số phận đã an bài cho tôi.

Ngày chia ly, tôi thật đau đớn khi nhìn dáng gầy gò của ba khi đang vẫy tiễn đưa tôi ở phi trường Tân Sơn Nhất. Nhưng chỉ còn con đường này chúng tôi mới thoát khỏi cảnh cơ hàn. Ba tôi mới có cơ hội kéo dài được cuộc sống. Số phận của chúng tôi may ra được đổi thay. Ngồi trên máy bay mà đầu óc tôi thật mông lung. Sang đến tận Bun rồi, tôi vẫn còn ngỡ ngàng, bây giờ mới dám tin đó là sự thật. Ngày xưa tôi vẫn hát câu:

"Con vua thì lại làm vua

Con sãi ở chùa thì quét lá đa"

Tôi hát câu đó như an ủi mình, số phận đã dành cho mi rồi, mi sẽ phải quét lá đa mãi thôi!

"Giờ đây mi đã sang Tây

Cuộc đời thay đổi ngất ngây bàng hoàng!"

Tôi chợt phì cười khi vừa sáng tác ra trong đầu hai câu thơ "con cóc" đó.

Tôi đi làm chăm chỉ, đóng thùng hàng gửi về cho cha, dặn ông bán hết số hàng mà mua thuốc thang, bồi bổ, không được tiết kiệm.

Tôi rất sung sướng khi biết bà cô cũng viết thư sang và kể rằng ba tôi đã mập mạp lại nhiều. Nhỏ ba nhưng lòng tôi vui khắp khơi. Cuộc sống cứ mãi trôi cho tới một hôm nhận được tin sét đánh của bà cô: ba tôi đã qua đời! Đau buồn khôn tả xiết!

Dù sao tôi cũng an ủi được mình rằng cuối đời ba tôi được sống ít nhiều sung túc. Tôi buồn không về tang lễ được chu đáo, mọi việc phải nhờ cậy vào bà cô.

Thấm thoát thế mà đã ba năm tôi đi Bun rồi. Đến một ngày chúng bạn lũ lượt biến đi. Tôi ngu ngơ không hiểu chúng đi đâu vì đứa nào đứa ấy lo phận nó. Đi đâu thì nó âm thầm đi chú chẳng có kể với ai. Cho đến lúc thẳng Sơn làm cùng đội với tôi rủ đi sang Đức.

- Sang Đức làm gì vậy mày?

- Ở kia cái thẳng này, đi tỵ nạn chứ làm cái gì nữa! Sơn đáp giọng tình khô, ráo hoảnh.

Tôi nghĩ, bọn bạn bỏ trốn đi tỵ nạn gần hết sạch rồi. Và lại, sắp hết hợp đồng lao động, phải về Việt Nam. Về Việt Nam làm gì nữa kia chứ khi những người thân yêu nhất của tôi đã lìa đời. Tôi chẳng còn một cái gì để còn có thể đánh mất ở Việt Nam nữa. Ngày xưa, tôi đã không ngoi lên nổi cái xã hội bon chen đó, thì ngày nay một thẳng chân ráo chân ướt từ cái xứ sở xa xôi thì làm sao có thể chống chọi nổi với đời cay nghiệt. Thế là tôi quyết định ra đi với thẳng Sơn.

Sang đến Đức, tôi như ngỡ ngàng trong thế giới mới. Từ Việt Nam sang Bun, tôi thấy như từ quê nghèo lên thành thị

sầm uất. Giờ sang đến đây như thấy lên Thiên Đường. Đường xá đẹp đẽ, trường học, bệnh viện hiện đại, hệ thống xã hội thật không chê vào đâu được. Con người được chăm lo chu đáo. Cùng lắm thì có trợ cấp xã hội. Không ai phải lo chết đói cả!

Càng so sánh với Việt Nam, tôi càng buồn tủi khi nghĩ về quá khứ. Đồng lương hưu không nuôi nổi con người, vì sao mà cha con tôi phải lìa xa?

Là thanh niên trai tráng, tôi không thể ngồi yên hưởng đồng lương xã hội mãi được. Tôi đi làm ở một hãng sản xuất xe hơi. Chỉ làm thợ "vận đĩnh ốc" 8 tiếng một ngày. Tôi hài lòng với cuộc sống hiện tại, cho đến một ngày kia, tất cả đã xáo trộn cuộc đời tôi.

Hôm đó, thằng bạn rủ đi ăn sinh nhật của con em nó. Tôi ngưng ngưng khi đến đó thấy toàn bọn "chíp hôi", nghĩa là mỗi khoảng 18, 19 tuổi thôi. Thật ra hơn chúng có vài tuổi mà tôi cảm thấy mình già quá rồi. Phải chăng vì tôi đã từng trải và sớm lăn lộn với bụi đời. Đang miên man thì thằng bạn kéo tôi ra giới thiệu với mọi người:

- Đây là Minh Tuấn, bạn của anh.

Tôi ngưng ngưng đồ mặt khi cảm thấy bọn con gái đang bặm nhau cười khúc khích. Sau tiết mục cắt bánh là hát Karaoke nên không ai để ý đến nhân vật lạ nữa. Tôi chợt nhìn thấy trong đám con gái nhi nhô có một cô bé mặc áo dài. Hình ảnh này làm tôi xôn xao, như khơi dậy trong tôi một kỷ niệm xa lác xa lờ trong dĩ vãng. Phòng tối mờ mờ nên tôi không nhìn mặt cô bé được, nhưng cái tôi như bị thôi miên, chuyển động theo cô bé. Cho đến khi cô bé đang ngang tôi, bắt gặp quạ tang tôi đang trần trần nhìn cô. Tôi lúng túng nhìn xuống sàn nhà nhưng vẫn kịp nhận ra cô bé thật dễ thương có đôi mắt tròn lay lay. Đôi mắt cô như tò mò, soi mói nhìn tôi như muốn hỏi "Sao anh vô duyên nhìn tôi, như lạ lắm sao, tôi đâu phải là "Mai-ca" từ trên trời rơi xuống!". Chính vì vậy mà tôi cảm thấy bối rối vô cùng, không dám nhìn theo cô bé nữa. Tôi cố tình nói chuyện với thằng bạn, câu chuyện như đứt quãng, nhạt ngắt vì tâm trí tôi đang để vào đôi mắt tròn đen. Và lại thằng bạn tôi trả lời tôi qua loa cho qua chuyện. Nó đang bận tán dóc với mấy cô bé khác. Mọi người thật vui vẻ, còn đối với tôi, có một cái gì đó thật trống rỗng, tôi không biết làm gì hơn là quan sát mọi người, nhưng không dám nhìn theo bóng áo dài nữa.

Đến khuya, khi mọi người nhảy disco, tôi mới dám nhìn lên cô bé áo dài. Thật không ngờ, tôi bắt gặp ánh mắt cô bé quan sát tôi rất hiếu kỳ, như bây giờ chính tôi là "Mai-ca" vậy. Tôi vội quay đi, tự như sẽ không dám nhìn cô bé nữa. Tôi không biết

nhảy, cảm thấy mình lạc lõng và quyết định ra về. Thằng bạn vì đang nhảy giật gân nên tôi ra chào em gái nó đang rót nước ở bàn.

- Thảo Ly à, chúc em một đêm sinh nhật vui vẻ, anh về đây!

Thảo Ly níu lấy tay tôi nũng nịu như một cô em gái:

- Anh Tuấn, sinh nhật em mà anh về sớm, em giận anh đó nghe! Cần thận em mét anh Bào đó. Nói rồi Thảo Ly cười ồ ền về trách móc. Con bé quấy quá, tôi vốn là bạn Bào hay qua đây chơi, hai đứa toàn bị Thảo Ly quấy chọc hai ông anh hoài.

Lúc này cô bé áo dài cùng một cô bạn đã tiến lại Thảo Ly từ lúc nào không biết. Tôi ngưng ngưng tránh ánh mắt của cô bé này.

- Chúng mày thuyết phục anh Tuấn ở lại chơi cho tao. Giọng của Thảo Ly lạnh lạnh.

- Anh ở đây chơi với tụi em đã, về sớm mà làm gì, cô bạn kia nói.

- Anh ở chơi đi! Nay giờ cô bé áo dài mới lén tiếng.

Thế là ba cô bé kéo tôi vào nhảy disco. Sau đó, tôi được biết cô bé tên là Mai Chi. Mai Chi tỏ ra thiện cảm với tôi hơn.

- Anh Tuấn "mồi" em nhảy điệu "xi-lô" này đi - Mai Chi hồn nhiên nói.

Tôi đành mồi em vì không thể khác được. Tôi thật vụng về và ngưng chỉ muốn độn thổ. Sự thật là như vậy vì tôi đã dẫm chân Mai Chi mấy lần! Mai Chi thấy tôi vụng về thì không giận mà còn khoái chí, nhìn tôi tinh nghịch, em càng dạn hơn.

Thế là chúng tôi quen nhau. Tôi mến Mai Chi vì tính em thật hồn nhiên mà tinh nghịch.

Tôi như trẻ ra mười tuổi, tìm lại được tuổi thơ đã đánh mất. Tôi dạo biển với nàng, nô đùa đuổi bắt nàng như trẻ nhỏ. Mai Chi làm tôi thêm tự tin, yêu đời. Tôi yêu nàng từ lúc nào không hay.

- Tối nay đi coi xi-nê không cô bé?

- Ừ, sao anh gọi em là cô bé? Em sắp 18 tuổi rồi đó nghe anh - Cô bé của tôi chống chọi lại.

Tôi phì cười:

- Đã 18 sao, anh cứ nghĩ mới 15 tuổi thôi!

- Anh này, em giận anh rồi đó nghe. Mai Chi làm bộ hồn giỗi.

Tối hôm ấy tôi đến nhà Mai Chi để xin phép ba má em cho đi xem phim. Ba má em rất vui vẻ, hỏi han về gia thế của tôi.

- Cháu đã sang đây được bao lâu? Ba Mai Chi hỏi tôi.

- Dạ, cháu đã ở đây được ba năm rồi ạ.

Ông bà hơi nhũn mày nhưng vẫn nói chuyện vui vẻ với tôi. Thế là cứ cuối tuần

tôi đến nhà em chơi. Chúng tôi quấn quýt bên nhau lúc rảnh rỗi như hình với bóng. Tôi yêu em thơ ngây hồn nhiên. Còn em bảo, em yêu tôi, vì tôi đại dật, vụng về, không biết "tán" gái là gì. Thấm thoát chúng tôi quen nhau đã được hai năm. Em đã vào Đại Học năm thứ nhất, cô bé của tôi đã thành người lớn.

Cuộc sống như thế sẽ mãi êm đềm trôi đi nếu như không có một ngày kia, hiệp định hòa bình được ký kết, 40.000 người Việt Nam tỵ nạn phải về nước. Như tiếng sét đánh bên tai. Tôi buồn vì phải về Việt Nam thì ít, mà buồn vì nếu phải đánh mất em mãi mãi thì nhiều!

Lâu nay ba má Mai Chi vẫn nói xa gần làm tôi thật khó xử:

- Con Mai Chi phải học xong Đại Học cái đã mới tính đến những chuyện khác. Tôi sợ khi nói ra chuyện cầu hôn ba má em sẽ hiểu lầm tôi.

Tôi gọi chuyện với Mai Chi:

- Mai Chi à, chúng mình thương nhau đã lâu, chúng mình kết hôn đi.

Em nũng nịu với tôi:

- Để em học xong cái đã anh!

Sao em thật quá hồn nhiên, không hiểu gì về hoàn cảnh chúng mình lúc này? Tôi thầm nghĩ. Ôi Mai Chi của tôi, tôi yêu em tha thiết, trên đời này đối với tôi sẽ không có một thiên thần thứ hai nào như thế nữa. Không, ngàn lần không, tôi không thể đánh mất em! Tình hình tỵ nạn thật bức xúc, tôi đã nói với em tất cả, nếu chúng ta lấy nhau thì tôi không phải về nước.

- Vậy ừ anh? Mai Chi tròn xoe mắt. Vậy thì chúng ta phải lấy nhau thật nhanh!

Ôi, sao em của tôi lúc nào cũng hồn nhiên thế!

Mai Chi đã về thưa lại với ba má nàng chuyện cuối xin.

- Ba má muốn con học hành có nghề nghiệp từ tế cái đã, nhưng các con thương nhau thật sự thì ba má cũng bằng lòng.

Trong lúc tôi đang hồi hà lo giấy tờ độ thân ở Việt Nam thì số phận lại an bài cho tôi thật cay nghiệt, chỉ sau đó một tháng tôi nhận được giấy "xanh", giấy trục xuất trong ba tháng tới.

Chúng tôi cố gắng làm thủ tục đăng ký kết hôn thật nhanh nhưng muộn mất rồi. Một tin sét đánh ngang tai lại đến khi tôi nhận được tin ngày giờ bay về nước.

Ôi! tôi mất em thật rồi, số phận sao cay nghiệt với tôi như vậy? Tôi như muốn gào lên, sao ông trời nghiệt ngã với tôi như thế? Sao ông không cho tôi yêu thương Mai Chi để rồi đau khổ đánh mất nàng?

Tôi đã từng tưởng làm con người sẽ chiến thắng với số phận bằng tự bản thân mình từ khi tôi tự tìm đường cùng Sơn từ Bun sang Đức. Tôi đã tự tìm cho mình

được một cuộc sống êm à ở đây, tuổi xuân trôi dạt và đã yêu tha thiết. Em đã cho tôi niềm vui cuộc sống để giờ đây, tại ông trời hay tại ai mà chúng tôi lại phải xa nhau?

\*

Hôm em đưa tiễn tôi ở phi trường Frankfurt, Mai Chi đã gào khóc nức nở, thảm thiết, xé ruột, xé gan tôi. Tôi đốn đau đến không còn nước mắt mà khóc nữa.

Ngày xưa, ba đưa tiễn tôi đến xứ sở tự do, ngày nay em tiễn tôi về nơi đã làm tôi héo hắt. Có thể khi về quê hương tôi không đến nỗi phải đi bơm vá xe đạp, nhưng hai câu thơ ngày nào vẫn còn đó, vẫn đúng với tôi, vì tôi vẫn là kẻ xấu số, đã mất hết thân nhân và giờ lại mất luôn người tôi yêu thương nhất. Hai câu thơ vẫn luôn đeo đuổi tôi. Cuộc đời tôi hăm hiu là thế đó. Thôi, vĩnh biệt em yêu! ●

(Upgant-Schott, 9/97 -  
Viết tặng người bạn xấu số)

## thơ THAN THÂN



*Đời tôi như cánh hoa tàn,  
Yêu ai rồi cũng dở dang tháng  
ngày.*

*Người ta như cánh chim bay,  
Bỏ tôi ở lại nơi đây ôm sầu.  
Trời buồn, trời đổ mưa ngâu,  
Hay trời khóc hộ nỗi sầu từng  
đêm ?*

*Còn đâu ngày tháng êm đềm,  
Cùng bao kỷ niệm người đem đi  
rời.*

*Nụ cười đã tắt trên môi,  
Bao giờ thương nhớ mới vui, hỡi  
người ?*

■ T.T.V.

## Truyện ngắn của Ngân Uyển



# Một thời niên thiếu

**H**uế 195...  
Tôi nằm bất động thân hình như hóa đá, chân tay rã rời, đầu nhức như búa bổ, trí óc mông lung. Hình như tối hôm qua lão cho tôi uống thuốc gì đó, vài phút sau tôi không còn tự chủ được mình nữa...

Tôi khê lê chân định ngồi dậy, cơn đau thất tận sâu trong cơ thể làm tôi gặp người lại.

Thôi, thế là hết một đời con gái, đàn bà con gái chỉ cần cách mỏng manh như một tờ giấy, sao vừa bước qua, tôi thấy như cả một cuộc đời.

Nhìn qua cửa sổ, hoa phượng vĩ nở đỏ ối, hoa học trò, hoa của thời con gái ngọt ngào, những cánh hoa rung rinh trước như ân cần chào hỏi. Phượng ơi, tao không còn xứng nữa mi ơi!

Có tiếng mở cửa, lão bước vào, hôm nay lão mặc quần phục, mặt mày vênh vác, thân hình phì nộn giữa đồng áo quần màu sắc sặc sỡ, huy chương huy hiệu đầy ngực, trông lão giống như con gà trống sừng mào xòe cánh trước con mái.

Tôi vẫn nằm bất động, không buồn tìm cách che đậy những phần thân thể mà người con gái nào cũng e ngại phô bày; lão không hiểu đó là thái độ khinh bỉ đến cùng cực, hình như lão còn bị kích thích mạnh nữa, lão ngồi xuống vuốt ve tôi, một sức mạnh vô hình nào bỗng đâu chợt đến, tôi vùng vẫy, cắn xé lão như một con thú lên cơn. Dù sao lão cũng mạnh hơn tôi, lão hất tôi lăn quay xuống đất rồi vội vã bỏ đi, không quên khóa trái cửa lại. Nằm yên, nước mắt chợt ứa ra, tôi khê gọi Tân ơi...

\*

Mùa hè vừa mới tới đó mà đã vội ra đi. Chỉ còn một tuần lễ nữa là bắt đầu một niên khóa mới. Những trận mưa nhe nhe đầu thu làm rơi rớt những chiếc lá phượng cuối mùa. Sáng sớm, hơi thu lành lạnh, sông Hương còn ngái ngủ, cuộn mình trong làn sương mỏng, nhẹ như chiếc mền bông.

Tôi đã tỉnh dậy từ lâu, còn rảnh nằm thêm chút nữa, hơi ấm của chăn gối làm

tôi ngại phải bò ra. Có tiếng chị Hạnh Thảo nhẹ nhàng:

- Út, Út, dậy đi, dậy sớm cho quen, sắp đến ngày đi học lại rồi đó.

Tôi chợt nhớ ra hôm nay có hẹn với tụi bạn đi phố mua sắm sách vở bút mực, liền dạ một tiếng lớn làm cả nhà ngạc nhiên, rồi chạy ù vào phòng tắm thay đồ.

Tôi ôm chồng sách vở mới mua chạy ù vào nhà, cơn mưa thu nhỏ cũng đủ làm ướt quần áo, tóc tai gây cho tôi cảm giác khó chịu bức mình. Nhà hình như có khách, mạ tôi cất tiếng la:

- Út, chạy đi mô dũ rửa, con gái chi mô mà không ý tứ dùm dùm chi cả. Vô thay đồ đi rồi ra đây mạ biểu.

Quân ni gồm thiệt, thiệt vô thiên vô pháp, không biết phép tắc lễ nghi chi cả, ai đòi với mấy chị tôi nó xứng em ngọt sớt, qua đến tôi nó kêu chị rồi xứng tui cụt ngùn.

Nghiêm nghị tôi nói:

- Ô Huế khi người ta gọi chị thì xứng em, chớ không tui tui chi cả, nghe què mùa lắm.

Mẹ tôi cười cười:

- Chị Út bữa nay oai quá hí. Thôi mạ giao thẳng Tân cho con dạy dỗ đó.

Thằng nhỏ khoảng 13, 14 tuổi, dáng điệu ngớ ngớ, què mùa, mặt mũi rám nắng đen thui, tóc hớt ca-rê, đi đứng lòng ca lỏng lỏng. Trời ơi! cái giọng Quảng Bình răng mà nặng rủa!

Nó bà con với tôi sao tôi không rõ lắm, hình như ba tôi với má nó là anh em cô cậu lại, mà còn dòng chính dòng thứ gì đó nữa, dĩ nhiên vai vế của tôi là chị. Và lại tuy cùng một tuổi nhưng tôi lớn hơn nó mấy tháng, làm chị thiệt danh chánh ngôn thuận. Thiệt trời có mắt, bắt được thằng này tôi mừng hết lớn, có bao giờ tôi được làm chị ai mô.

Dượng tôi làm công chức, bị thuyên chuyển ra Đồng Hới hơn 3 năm nay, thằng Tân học được 3 năm trung học thì trường hết lớp, đi dượng phải gọi nó vào Huế học tiếp. Tội nghiệp đi tôi, sinh ra một bầy con trai 5, 6 đứa, lục cà lục cục, đi vào đụng cái giường, đi ra đụng cái bàn rầm rầm, đi muốn có thêm một đứa con gái dịu dàng để hủ hì mà không dám đẻ nữa.

Ba tôi đi kháng chiến hồi tôi lên 5 rồi biệt mù tâm tích. Mẹ tôi tào tần nuôi con, mỗi tháng Mẹ ở nhà quá lắm là một tuần. Mẹ phải ngược xuôi buôn bán tận Quảng Trị, Quảng Bình, có khi phải lên tới Kon-Tum, Đắc-Lắc.

Chị Hạnh Thảo năm nay 20 tuổi, dáng dấp thanh tú, tính tình nghiêm trang ít nói, ít cười. Chị học năm cuối trung học, có người yêu học Y khoa Sài Gòn, ngoài bốn phận chị cả trong gia đình thì giờ còn lại chị dành cho học hành và viết thư tình.

Anh Minh thì suốt ngày ở nhà cha Luận học Anh văn. Đạo đó ông Lê Hoàng Hoa vừa ở Mỹ về, làm Phòng Thông Tin Việt-Mỹ. Ông diễn thuyết chiếu phim về Mỹ Quốc, những vườn cam, táo, nho, nặng trĩu trái, những cánh đồng lúa mì, đậu phụng bát ngát. Những thành phố tối tân với những cao ốc hộp quẹt ngất trời đã quyến rũ khá nhiều thanh niên, thiếu nữ Huế; một số được cha Luận lựa cho đi du học, trong đó có anh tôi.

Chị Đông Nghi năm nay 18 tuổi, chị thật đẹp, chị cũng biết vậy nên suốt ngày hết gương lại kiếng, hết chải lại gỡ, một ngày ít ra cũng vài ba lần.

- Út ơi, cái mũi dọc dừa của chị đẹp hí!

- Con mắt chị rặng mà mờ màng quá hí!

- Chị đen mà đen dòn Út hí?

Chị có nhiều cây si, những hình như chưa thích ai lắm, nói cho ngay, cũng nhò... có chị mà tôi sống sung túc qua nghề làm con nặn dưa thú.

Chị Đoan Trinh vừa 16 tuổi, mỗi năm ngoài chị còn chơi thân với tôi, đánh thẻ, nháy dây, cò cò, thế mà từ từ chị xa dần tôi để đi vào thế giới của mơ mộng viễn vông. Tôi thường bắt gặp chị ngồi yên lặng một mình, cái nhìn như tan loãng vào không gian, đầu óc chị hình như chỉ chứa toàn mộng và mơ. Rồi tình cờ tôi khám phá ra được bí mật trọng đại của chị, chị yêu thầm Hoàng tử Bảo Long. Một hôm tôi lục lọi tìm đồ trong ngăn kéo của chị, thấy một hộp thiết bánh Biscuit, tưởng còn bánh, tôi mở hộp, nào ngờ chỉ thấy toàn là tem, là hình của vị Hoàng tử đẹp trai này. Lần hồi rồi chị cũng bắt đầu có vài người yêu, không hiểu sao cái khuôn mặt lạnh băng, cái dáng điệu ẻo là cò bay ấy mà cũng có người thích.

Ngày mai là ngày khai trường, sáng nay mẹ đãi cả nhà ăn bún bò. Tò mò sáng tiếng rao hàng cất lên thánh thót:

- Bún bò, bún bò nóng nì.

Đã mấy gánh đi qua mà mẹ không chịu, nhất định đợi cho được bún bò mẹ Ngọ.

Mẹ nói:

- Ăn bún bò phải biết lựa gánh nào ngon, ăn phải một tô bún lạt lèo không

những uổng tiền mà còn mất vui cả ngày nữa. Bữa nay phải cho thằng Tân thưởng thức món bún bò Huế chính cống.

Rồi mẹ vui vẻ kể tiếp:

- Món bún bò là món quà bình dân của xứ mình, những nguồn gốc hình như do dân Chăm sáng chế, dân mình biến hóa thêm chút đỉnh. Tuy là quà bình dân, những các quan các Mẹ cũng nhiều người thích lắm. Như Mẹ Hóa em ruột của một ông vua, là một tay ăn bún bò sành sỏi. Sáng nào Mẹ cũng thổi một tô bún bò. Gánh nào được Mẹ chiêu cổ vài lần là nổi tiếng ngay. Mẹ Ngọ là một trong những người được Mẹ Hóa ưa thích. Mẹ Hóa kể lại có lần mùa đông ướt át, nước mưa chảy vào nồi nước dùng mà mẹ không hay, lúc múc tô bún bò bung lên cho Mẹ Hóa thổi, Ngài húp một muỗng rồi thủng thảng nói:

- Nì o Ngọ, bữa nì chắc muối đất lắm hí?

Mẹ Ngọ ngạc nhiên, từ trước đến giờ khi mô Mẹ cũng kêu mẹ Ngọ, mẹ Ngọ, có khi mô kêu o Ngọ mô, vội vàng đứng dậy lay lấy lay để, Mẹ nói tiếp:

- Nước bún bữa nay rặng là lạt thách rủa hí?

Mẹ Ngọ nếm lại nước dùng, quả thật nước bún không đậm đà ngọt ngào như trước. Từ đó, ở Huế khi một gánh bún bò nào ngon thì được kêu là bún bò của mẹ, như mẹ Ngọ, mẹ Rốt, mẹ Thịnh, dù nhiều khi người nấu chỉ là một cô con gái còn rất trẻ. Còn những gánh bún bò nào xoàng xoàng thì được kêu là bún bò của O, như O Tý, O Uyên, bắt luận tuổi tác của người bán.

Nghe tề, tiếng rao khoan thai điềm điềm của mẹ Ngọ:

- Bún bò, bún bò nóng, nóng hổi nì.

Mẹ Ngọ bước vào nhà đơn đã chào hỏi mọi người. Mẹ nói:

- Bữa nì mẹ múc 7 tô, có thêm một người nữa, thằng cháu tôi mới vô trọ học.

Mẹ thoãn thoắt bóc những màng bún trắng muốt bỏ vô đọi, rắc hành hoa, ngò, rồi mở nồi nước dùng, mùi thơm tỏa ra ngào ngào cả nhà. Tôi nhìn thằng Tân, thấy cần cổ nó kéo lên kéo xuống.

Tô bún đầu tiên múc xong, mẹ bung ra đĩa cho mẹ, mẹ đưa cho thằng Tân bảo nó ăn trước, tôi thấy ảm ức trong bụng, từ trước đến giờ khi nào tôi cũng được ăn tô bún đầu tiên. Tôi lựa một trái ớt hiểm đỏ tím đưa cho thằng Tân rồi nói:

- Ăn bún thì phải bung tô lên vừa ăn vừa húp nước, thỉnh thoảng phải cắn một miếng ớt mới đúng điệu. Nói xong tôi nhón một trái ớt bỏ vào miệng nhai dòn rậm. Thằng Tân rụt rè bung tô bún lên húp, nó bồng ho sặc sụa:

- Cay quá, bún cay quá.

- Con trai chi mà dờ rủa, cay một chút mà ăn cũng không được.

Thằng Tân vội húp lấy húp để tô bún, hình như nó ăn mà không biết ăn gì. Ăn xong, mặt mũi đỏ rần, nước mắt nước mũi ràn rụa, chạy ừ ra sau nhà uống nước lừng ực. Tôi nhìn không được, cười vang cả nhà.

Gia đình tôi ở trong thành nội, đường Quốc Tử Giám, nơi một thời vang bóng các vương tôn công tử dập diu. Đường đầy những cây sấu đông cao vút, hoa thơm ngai ngái mùa xuân, lá nhỏ rì rào mùa hạ, ròi rụng đầy mùa thu, mùa đông đứng trờ trọi ầu sấu chờ đón mưa về, có những cây ngô đồng cành lá xum xuê, thân hình to lớn vòng tay tôi ôm không xuể. Anh tôi dọa là đã thấy con ma áo trắng, tóc dài lê thê nằm võng ru con mỗi tối không trăng. Gần cạnh có đường Âm Hồn, tên nghe thiệt dễ sợ nhưng có những gánh hàng rong ngon ỏi là ngon.

Chúng tôi ở ngôi nhà tử đường của dòng họ Nguyễn, nhà rộng mát lạnh, có những cây cột gỗ lim ôm cả vòng tay, những tủ sập gỗ mun đen bóng. Sợ nhất là gian nhà thờ âm u lạnh lẽo, vừa vào là thấy những mắt là mắt nhìn mình. Thích nhất là vườn sau, giang sơn của tôi đó, thật tươi mát, thật yên tĩnh, quanh vườn là hàng giậu dâm bụt lá xanh bông đỏ quanh năm. Mùa hè tôi thường đem chiếu ra làm nhà giữa các bụi cây nằm ăn quả vật. Cây ăn trái thì thiếu gì, này cây ổi tàu trái nhỏ xiu ăn vừa chua vừa ngọt vừa dòn rậm, cây thanh trà trái đậm vị ăn với mực nướng ngon hết chỗ chê, cây nhãn lồng cùi dày hạt nhỏ mọng nước ngọt lịm, cây trứng cá đầy trái xanh đỏ, cây khế cạnh bồn nước, hoa tím nhỏ xinh xinh trái chua lè trong nhà chỉ tôi mới thường thức nổi. Cây đào tiên trái phớt hồng hơi chát phải ăn với muối ớt mới ngon. Ngoài ra nào hồng, nào thuốc được, nào cúc vạn thọ, tôi thích nhất là hoa dạ lý hương, hương thơm sực nức ban đêm, không hiểu sao mẹ lại cấm hái hoa cài lên tóc, mẹ nói hoa nở ban đêm là hoa không tốt.

Gia đình tôi rửa đồ, mỗi người là một thế giới riêng, tôi bị liệt vào hàng con nít con nôi, khi mô cũng út, chuyện chi cũng út, sai chi cũng út, lỡ có đêm sợ ma chui vào nằm với mẹ, sáng ra mấy mẹ chị liền đem làm đề tài để cười cợt. Lần hồi rồi tôi đành phải chơi với thằng Tân, nói theo tiểu thuyết rề tiền là hai tâm hồn cô đơn tìm đến nhau.

Tụi tôi chơi đánh thẻ, đánh đáo, cò cò, trốn bắt, đứa nào thua phải công chạy vòng quanh sân, còn các trò chơi dũ tợn như đá banh, vật lộn, đá đế, trèo cây bắt chim mà thằng Tân ưa thích thì tôi cấm tiệt.

Kể ra từ khi có nó cũng đỡ, nó leo trèo như sóc, những trái ổi, trái thanh trà xa tuốt đầu cành cũng không thoát khỏi bàn tay nó. Thế là tôi đã có người sai bảo; những chuyện từ trước đến giờ là công việc của tôi nay đều do nó cáng đáng. Còn chuyện làm ăn nữa chỗ tụi tôi chuyên làm việc của ông phắc-tổ, trao đi chuyển lại những bức thư tình của các chị, từ ngày có nó tôi dám nhận những công tác khó khăn, xa xôi như nhà anh Khoa, ở Mang Cá, đi qua đôn. Tây say rượu la hét om sòm, trống ngực tôi đánh liên hồi, nhà anh Vũ ở bến Ngự, đường hẻm quanh co, khúc khuỷu, âm khí nặng nề, sợ toát mồ hôi. Những công nào tiền nấy, việc khó thì nhiều tiền, những khi rùng rình tụi tôi dắt nhau đi ăn hàng, nào bún bò cay xé, bánh nậm, bánh bột lọc, nem, tré, chè đậu xanh, đậu ván, món nào cũng ngon quá là ngon. Nói thiệt nó học giỏi hơn tôi nhiều, có bài toán tôi ngồi cả buổi, điên luôn cái đầu, nó chỉ nhìn thoáng là ra ngay đáp số, nhưng mà kể gì, con gái dốt toán có chi là lạ.

Tết gần đến rồi, suốt tuần nay mẹ tôi ở nhà làm bánh trái, nem chả đem biếu bà con. Tôi và thằng Tân đạp xe đạp chở nhau qua tận Kim Long biếu đồ di Tham, trên đường về tôi ngồi đằng sau lể mề ôm mấy gói quà đi Tham tặng lại Mẹ. Thằng Tân bồng thẳng lại gặp, làm người tôi chồm tới, suýt té. Tôi định lên tiếng la nó, bỗng nghe tiếng mấy đứa con trai nạt nộ:

- Tụi bây đi mô qua đây? Muốn yên chuyện phải để mấy gói bánh trái này lại tụi tao mới cho đi.

Một đứa chạy ra đằng sau nắm kéo tóc tôi, đứa khác xông tới định giật gói đồ. Tôi sợ quá la hét om sòm.

Thằng Tân im lặng xuống xe, đứng chặn trước người tôi:

- Tụi bây muốn đánh nhau hả? Tao chấp cả ba đó.

Nói xong nó xông vào đấm đá loạn xạ, ba đứa kia thấy không ăn nổi rù nhau chạy tuốt. Về đến nhà, hai đứa len lén đi vào cửa sau, không may bị Mẹ bắt gặp, thấy mặt thằng Tân đầy vết bầm tím bèn tra hỏi. Từ đó tụi tôi đi đâu cũng phải xin phép Mẹ hoặc các chị lớn.

\*

Mùng 4 Tết, tôi nằm trong mùng kiểm điểm tiền mừng tuổi 1 tuổi 1 đồng, 14 tuổi 14 đồng. Tiền nhiều quá, mấy bữa nay rạp Châu Tinh chiếu phim Tarzan thiệt hay, thằng Tân về ăn Tết mãi chưa vào để đi coi. Mấy chị tôi vừa đi coi phim Kiếp Hoa về, ai nấy mắt sưng húp thờ dài sườn sượt, khóc cho cô đào Kim Chung số kiếp hẩm hiu, hình như còn định rù nhau đi coi lần

thứ hai nữa. Dưới nhà chị giúp việc ca vang bài "Gạo trắng trắng thanh, trắng rụng xuống cầu, trắng rụng về đâu...". Tôi lân la xuống nhà rù đồ xâm hưởng mà không ai hưởng ứng.

Tết ra, đi học uể oải chi lạ, tụi bạn rù đi chơi, đây con Nghi Tâm mít ứot, đưng một cái là nhè, ai đòi chơi thè, chơi cò cò với nó mà không dám ăn nhiều chỉ sợ nó khóc nó lầy. Con Mỹ Hạnh thi sĩ, mỗi tí tuổi đầu mà đã bày đặt làm thơ, mắt khi nào cũng mở mở màng màng như cố nhìn vào cõi xa xăm nào đó, được một cái kêu đi chơi là nó ối ngay. Còn con Hoàng Yến mới thiệt dễ sợ, đi đứng đong đa đong đánh, khi nói thì chu miệng ra, ngoai bên ni, ngoai bên tê, khi mô cũng anh Tân ối, anh Tân à ngọt sớt. Coi tề, coi tề, nó nằm trên lưng thằng Tân bắt chạy long nhong cái mặt nhón nhón, cặp mắt sáng rõ, cười chỉ cha chỉ choét, đồ ngựa Thượng Tú. Bỗng nhiên tôi tức ngang:

- Thôi về, không chơi nữa.

Đọc đường tôi không thêm mở miệng,



nó gọi chuyện:

- Răng đang chơi vui mà chị bắt về.

Cón giận ào ra, tôi sảng giọng:

- Đồ con trai chi công con gái chạy ngò ngò mà không biết đi.

- Rửa em công chị hoài đó răng?

- Tao với mi khác, tao mi là chị em.

Nói xong tôi thấy có gì không ổn, mấy lúc sau này mỗi lần nó công tôi, tôi có cảm giác lạ lùng, vừa dễ chịu vừa khó chịu. Có lúc muốn bả nó bỏ tôi xuống mà không sao thốt ra lời. Thân thể tôi dần dần thay đổi, ngực bắt đầu nhú trái cau, giữa hai đùi loáng thoáng rong rêu, da dẻ tôi trắng trẻo mịn màng, đôi mắt tôi sâu thẳm thẳm trong suốt như nước giếng mùa thu, cử chỉ nhẹ nhàng chậm rãi chứ không hấp tấp vụt chạt như xưa nữa.

Chiều nay tôi nấu nước bồ kết gội đầu, mùi thơm của bồ kết trộn với chanh thoang thoang làm tôi thoải mái chi lạ, gội xong tôi đập một cái trứng gà chà lên đầu để cho tóc được đen mượt mềm mại. Tôi chợt mỉm

cười, mỗi năm ngoài đây tôi nói với chị Đông Nghi:

- Chị gội đầu với bồ kết trộn chanh được rồi, còn cái hột gà thì nên để ăn cho đỏ da thẩm thịt.

Tính tình tôi cũng đổi dần, dễ khóc dễ cười, dễ vui dễ buồn, dễ hờn dễ giận.

- Độ ni chị Trang khó chịu quá.

- Tao rửa đó, không chịu nổi thì đi tìm đứa khác mà chơi.

Nhưng tụi tôi ít giận nhau lâu, phần lớn nhờ nó dằm tình. Nó cũng bắt đầu thay đổi, nay cao hơn tôi một cái đầu, tiếng nói bễ giọng khàn khàn nghe bắt tức cười, có lúc tôi bắt chợt nó thần thò đầu đầu, không biết trong cái đầu óc kia đang nghĩ gì. Tôi tìm hoài mà không biết cách nào để kiểm soát tư tưởng của nó đây. Nó cũng bắt đầu làm thơ, thơ nó có gió, có trăng, có hoa có bướm, tôi thoáng thất vọng khi thấy không có bóng dáng mình.

Mùa đông đã về, hàng cây sầu đông nghiêng ngả, lá sầu đông rơi rụng đầy đường, những chiếc lá nhỏ dài thon vàng úa như những giọt nước mắt khóc cho mùa đông buồn dài lê thê. Mấy tuần nay mưa dai dẳng dầm dề không dứt, tôi nằm cuộn tròn trong mền hai tay cho vào giữa đùi ấm áp, một cảm giác dễ chịu lan dần trên người làm tôi đỏ bừng mặt như vừa mới phạm tội. Tôi hát mền, co ro ngồi dậy, mặc vội chiếc áo len rồi ra ngoài hiên ngắm mưa rơi, mưa chi mà mưa dữ, mưa thúí đất thúí đai, như ai cầm từng chính nước đổ xuống ào ào.

Nghe nói nước tràn đầy sông Hương, lụt rồi, lụt rồi, bên Đập Đá nước vào nhà gần cả thước, trong thành nội nước ngập đường sá, tôi với thằng Tân áo quần ấm áp háo hức lội nước, ra đến cầu Trường Tiền nhìn dòng nước lũ đục ngầu cuộn cuộn trôi về Cửa Thuận, thấp thoáng giữa những con sóng, ngổn ngang cây cối nhà cửa, xác súc vật phơi trắng bụng. Nước lên thật mau, mấy chị tôi thu dọn áo quần lên bờ thành ở tạm, ngại đi, thường chiếc giường con ấm áp tôi xin ở lại giữ nhà. Sau một ngày lội nước hai chân rã rời, tôi ngủ thiếp lúc nào không hay. Chiêm bao tôi thấy tôi đi đồ chơi với thằng Tân rồi bị rớt xuống sông, tình dậy thấy ướt lưng rờ quanh đầu cũng là nước, đêm tối thui, tôi chợt hoảng sợ, lông cọng mãi mới thấp được ngọn đèn dầu, bàn ghế đồ đạc nổi lênh bênh khắp nhà, cánh cửa như bị đóng đinh, không nhúc nhích được, tôi sợ quá trông ngực đập liên hồi, nếu nước cứ từ từ lên nữa, có thể chết ngộp chứ chẳng chơi. Tôi la hoảng kêu cứu, tiếng tôi như lạc đi giữa đêm khuya trong cơn mưa to gió lớn.

- Chị Trang, chị Trang mở cửa cho em với.

A! Thăng Tân.

- Cửa kẹt rồi, tao không mở được.

Nó loay hoay mở cửa chính, cửa sổ mà không sao lay chuyển được.

- Để em leo lên mái nhà dỡ ngói trèo xuống.

Rồi như một hiệp sĩ, nó từ từ ôm cột nhà tuột xuống, lần đầu tiên tôi thấy nó được được.

Sau trận lụt tôi đau gần cả tháng, hình như thương hàn thì phải, những cơn nóng sốt, mê sảng chợt đến chợt đi, miệng khô róc, đắng nghét, ăn uống không vô. Lúc tỉnh dậy khi nào cũng thấy Thăng Tân số rỏ cạnh bên, nó ép tôi uống từng thìa cháo, từng muỗng súp. Tôi gầy dọc đi, soi gương thấy dễ sợ, tóc tai rụng gần hết, mắt quầng sâu, gò má lộ ra, từ đó tôi cấm tiệt Thăng Tân vào thăm.

Mùa hè đến rồi, mùa thi cử đây, tụi tôi thức khuya, dậy sớm gạo bài, dẹp cả mọi chuyện chỉ học và học, rồi nó và tôi đều đậu. Nó hạng bình, tôi đậu vớt.

Tụi tôi có cả một tuần để tự khảo nhau, ăn uống tưng bừng. Khi thì bún bò mụ Rốt, khi thì bánh khoai Đông Ba, khi bánh bèo Vĩ Dạ, khi cơm Âm Phủ, ngon thiệt là ngon. Rồi đạp xe rong chơi lên tận lăng Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, ra Cửa Thuận, xuống cả Nông, Trườn. Chiều nay ngồi khỏa chân trên bến đò Thừa Phủ, gió mát hiu hiu, hoàng hôn xuống dần sông Hương đẹp chi lạ. Tôi lặng yên ngắm cảnh, lòng buồn buồn, mai Tân về quê nghỉ hè.

Ve sầu kêu ra rả ngày đêm, hoa phượng vĩ nở rộ đỏ cả đường từ trường Đồng Khánh về cầu Trường Tiền, xác phượng rơi đầy lối đi, học trò xứ Huế dù hoang như quỷ cũng không dám dẫm lên những cánh hoa màu đỏ thắm, tiêu biểu cho thời niên thiếu của mình. Trời nóng nằng nằng oi bức, chỉ một đêm mà sen bùng nở đầy hào bao quanh Thành Nội, đây hồ Tịnh Tâm, màu trắng màu hồng, màu đỏ đua nhau khoe sắc, cả kinh thành như được ướp hương sen nhẹ nhàng thanh khiết, lòng người như mở rộng, tình người như thêm đậm, hồn tôi đầy ấp tình thương, chao ôi tôi muốn ôm cả Huế vào lòng.

Tân về quê đã hai tuần, tôi đã dụi ra vào, cuốn sách không buồn đọc, chén cơm không muốn ăn, giấc ngủ chập chờn mộng mị, bạn bè đi chơi không còn hứng thú, hình như thiếu một cái gì. Vườn sau cây ổi mấy tuần không ai hái, đây trái chín, đôi chim vành khuyên làm tổ, suốt ngày kêu riu rít, tôi thờ thần trong vườn nhỏ thương quay quắt. Tôi không thể đổi lòng nữa, vâng, tôi đã yêu rồi.

Lần đầu tiên tôi rời xứ Huế, phải năn nỉ hết lời Mẹ mới chịu cho tôi ra Đồng Hới thăm dì dượng. Qua khỏi cầu Bạch Hổ

đồng quê trải dài bát ngát, thơm thơm mùi đồng ruộng, chiến tranh hình như chưa in dấu nơi đây, thật thanh bình, thật yên tĩnh, không gian như đọng lại, thời gian quay chậm chậm. Gần đến Quảng Trị, đất đai khô cằn lại, ngọn gió Lào từ Khe Sanh thổi về rất bỏng da, dòng sông Thạch Hãn, mờ hôi của đá, nước trong vắt lơ lơ không buồn chảy, rồi đến Quảng Bình, qua cầu dài bắc ngang sông Nhật Lệ, gần đến Đồng Hới dòng sông mở rộng đổ nước ào ào ra cửa biển, nơi đây thanh bình như là quê hương của Tế Hanh với bài thơ dễ thương "Làng tôi vốn làm nghề chài lưới..."

Dì dượng tiếp đãi tôi như một khách quý "để bù lại cháu đã săn sóc Thăng Tân mấy năm qua". Tôi tha hồ ăn uống, hải sản không thiếu thứ gì, cá nục tươi cuốn bánh trắng rau sống chấm mắm nêm, cá sông, cá thu, cá ngừ kho nước dừa ăn với bún, tôm cua ê hề.

Ngày ngày Tân dẫn tôi đi chơi, có khi vào xóm chài lưới xem cách sinh sống của các ngư phủ, hay ra xóm đạo Tam Hòa nghe tiếng cầu kinh mỗi tối, tôi muốn đi thăm các thành lũy thời xưa mà dì dượng không cho viện cớ là đường không được an ninh cho lắm. Cuối tuần dượng tôi thuê đò dẫn cả nhà xuôi dòng Nhật Lệ ra cửa biển cắm trại, nơi đây lúc xưa có Lũy Thần nay chỉ còn lại vài dây trường thành đổ nát, vài cái giếng đá sâu thăm thẳm. Tôi, Tân, cùng các em nô đùa trên sóng nước, chưa bao giờ tôi được vui như vậy.

Tối đến, dì dượng và các em đi ngủ sớm, tôi rủ Tân lên đồi chơi, biển yên lặng, tôi nghe được cả tiếng dã tràng xe cát rì rào, tiếng thì thầm của hàng phi lao trên đồi cát. Trăng lên dần, ánh trăng như khảm bạc vào nước, tôi nằm dài trên cát, cạnh Tân, bầu trời đầy sao, này Ngưu Lang, này Chức Nữ, lò mò kia là dây Ngân Hà ngăn cách, yên tĩnh, thật yên tĩnh, thời gian ơi, thôi đừng đi nữa nghe. Gió mát nhẹ mơn man da thịt đưa hồn tôi vào giấc ngủ bình an. Mặt trời ló dạng, rạng đồng trên mặt biển thật huy hoàng, những tia sáng đầu ngày chiếu vào gương mặt Tân, nét mặt thật hồn nhiên, nụ cười hé nở trên môi, lần đầu tiên tôi nhìn kỹ mặt chàng, tôi nhẹ nhàng khẽ lay Tân dậy. Chúng tôi đi song song trên cát ướt sũng nước biển, những con còng, con dã tràng bị khuấy động bò nhanh xuống nước. Nước biển ấm áp khẽ vỗ nhẹ đôi chân tôi, cảm giác thật dễ chịu.

- Mai tao về kéo mạ tao chờ.

Tân hốt hoảng:

- Chị ở chơi thêm vài ngày nữa, em thu xếp rồi vào với chị luôn, mình phải bắt đầu học ngay, nghe nói tụi bên Khai Định giỏi lắm.

Chúng tôi lên xe đò về Huế. Xe đầy người, ngổn ngang đồ đạc súc vật, mùi hôi điếc mũi, tiếng động ồn ào mà tôi nào để ý, loáng thoáng tôi nhớ lại bài *Đi Chứa Hương* của Nguyễn Nhược Pháp.

Niên khóa mới bắt đầu, tôi nào nức gặp lại bạn bè, tụi nó hình như lớn ra, đẹp ra, 16, 17 tuổi cả rồi còn gì, mặc dù còn nghịch như quỷ, ra đường đứa nào cũng nghiêm trang nhìn thẳng, chiếc nón bài thơ nghiêng nghiêng che mặt. Hình như tôi cũng đẹp, thoáng nghe ai gọi hoa khôi Đồng Khánh, tan trường về, cả đoàn xe đạp theo sau, rồi thư xanh, thư tím tấp nập bay về. Cuộc đời đẹp như hoa như mộng cứ từ từ trôi qua cho đến cái ngày định mệnh, ngày mà tôi gặp lão. Hôm đó, tôi đạp xe nhanh sợ trễ giờ học, đoàn mô-tô hộ tống lão hú còi inh ỏi, tôi linh quính rồi tống vào xe lão. Trong thời buổi nhiễu nhương này, uy quyền của lão còn hơn cả ông vua con, còn hơn cả ông Toàn Quyền, lâu la bộ hạ quân lính thiếu gì, rồi bày chó sói giăng bẫy bắt tôi. Mẹ tôi bị tù với tội buôn lậu, chỉ được thả ra với điều kiện, đó là thân thể tôi.

\*

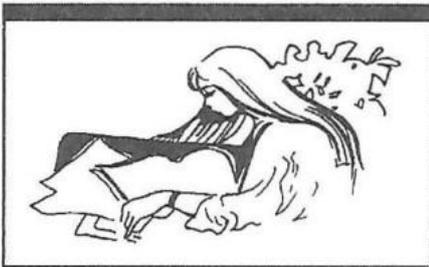
Tôi nhìn vào gương, có hồ không nhận ra mình nữa, cặp mắt nâu nùng, tia nhìn xa vắng lạnh băng, cặp môi mím mím, khóe cong lên như thách đố, tóc uốn cao, còn đầu mái tóc thề ngày nào, mái tóc thề mà chưa được một lần thề thốt, mái tóc mềm mượt chưa được ai vuốt ve. Tôi lặng lẽ nhìn lọn tóc đen mun vừa cắt, gờ cho chàng ư? để làm gì? Thôi hãy để cho chàng sống yên vài năm nữa với thời niên thiếu như gấm thêu của chàng, trước sau gì, như tôi, rồi chàng cũng phải bước chân vào vũng tanh của cuộc đời. Tôi từ từ gói lại cuộn tóc như chôn đi một đời con gái bất hạnh, tóc mai sợi ngắn sợi dài, lấy nhau chẳng đặng, ước gì tôi được khóc muối trên vai ai.

Đã đến lúc tôi phải bước vào cuộc đời với chút vốn liếng còn con là cái nhan sắc này và tấm lòng thù hận bọn đàn ông dâm ô, đê tiện. Tôi phải đi thật xa, xa hẳn cái xứ Huế cổ kính, chật hẹp này, thế giới của đàm tiếu, của ngời lê đôi mách. Một chuyện con con, hôm sau cả thiên hạ đều biết, hưởng hồ gì chuyện kinh thiên động địa của tôi. Lão đang mê tôi như điên điên, tôi phải lợi dụng cơ hội, ra được ngoại quốc rồi còn sợ gì lão nữa.

Qua cửa kính, phi cơ nhạt nhòa, Huế trải dài, xa dần, Huế yêu dấu, sao bội bạc quá Huế ơi!

(Trích truyện dài "Giết Một Chuyện Tình")





● Thi Thi Hồng Ngọc

# Tình Đòi

(Tặng T.)

**T**ôi đứng trên chiếc cầu gỗ bên bờ sông vắng, trời mùa hè chập choạng tối, không gian êm ả thanh bình nhưng tâm hồn tôi dậy sóng. Tôi nhìn xuống dòng sông, nước cuộn cuộn chảy và tôi bắt đầu tưởng tượng nếu như nháy xuống sẽ ra sao? Đầu tôi có thể đập vào đá ngầm rồi tôi ngất đi, nước sẽ tràn vào cuống họng nhỏ bé của tôi, rồi dòng nước hiền từ kia sẽ nhận chìm tôi xuống kéo tôi đi xa thật xa, ba ngày sau tôi sẽ nổi lên với hình thù... của quý. Eo ôi! Tôi rùng mình không dám tưởng tượng tiếp nữa. Sau đó, tôi lại vẫn vỗ nghĩ hay là còn cách nào chết "đẹp" và... nhẹ nhàng hơn không? Lọ thuốc ngủ vẫn nằm yên dưới gối của tôi mỗi tối, nếu mất ngủ trầm trọng chỉ cần một viên mỗi ngày là đủ, nhưng nếu muốn biết "thế giới bên kia" ra làm sao thì cứ việc dốc cả lọ vào miệng là xong. Nhưng mà, trước khi chết còn bị thuốc hành hạ đau đớn chán chểnh; thôi thôi, cách đó cũng không xong rồi (!). Hay là uống rượu nhiều vào rồi lái xe... ngượng chiều trên xa lộ? Không được! Không được! Lỡ như tôi không chết mà là... thiên hạ chết thì tội lỗi này biết rửa mấy biển Đông cho hết. Nghe nhỏ bạn thân của tôi kể thì hồi xưa có một bà quý tộc nào đó tự tử bằng cách mua đầy hoa thơm chất quanh giường ngủ rồi đóng kín cửa phòng để chết ngạt trong mùi hương của hoa. Cách đó thì quá là "quý tộc" rồi. Nhưng mà... tôi sờ vào túi áo, chỉ còn vòn vẹn hai chục đồng, nếu như mua hoa cúc thì được cao lắm là ba bó, còn như mua hoa hồng đẹp đẹp một chút loại hai đồng chín mười chín xu một bông thì tôi sẽ mua được sáu

bảy bông gì đó. Tóm lại, tôi không có "điểm phúc" được chết một cách... quý tộc như vậy đâu. Tôi thở dài, lại nhìn xuống dòng sông và đếm... nước mắt của mình, một giọt, hai giọt, ba giọt, bốn giọt... Trời ôi! nước mắt ở đâu mà nhiều thế, tôi cảm thấy thế giới quanh mình nhòa đi một màu trắng đục, nước mắt rơi không kịp đếm nữa. Chẳng có ông But nào hiện ra vỗ vai ân cần hỏi: "Tại sao con khóc?", mà cũng chẳng có ai tốt bụng chạy đến an ủi hỏi han. Giờ này "dân làm hàng" thì sẽ chuẩn bị đi ngủ để mai dậy sớm, "dân nhà hàng" vẫn đang "cày" trời chết, còn dân "AOK" thì chẳng ma nào đi lang thang ra bờ sông, rừng rậm thò thần như tôi đâu.

Tôi lắng nghe tiếng sóng nước vỗ rì rầm, tiếng lá rừng xào xạc, tiếng vịt kêu và cuối cùng là... tiếng khóc của chính mình. Nước mắt tôi làm tăng số lượng nước của dòng sông nhỏ này tí ti. Tôi cảm thấy, trời ôi! đòi sao mà đến tối khổ sở đến như thế này. Ngạn ngữ có câu: "*Phước bất trùng lai, họa vô đốn chi?*", quả thật là đúng, còn tôi thảm ca bài "*Ngày xưa ai là ngọc cành vàng, ngày xưa ai quyền quý cao sang...*". "Ngày xưa" đó của tôi là những chuỗi ngày thật êm ả, sống bên cha mẹ, chẳng lo nghĩ gì, ngày đến trường, chỉ lo ăn học. Ngày "Sài Gòn giải phóng", tôi còn chưa ở tuổi biết "cay đắng mùi đời", nhưng không đến nỗi quên đi những ngày xếp hàng từ năm giờ sáng để... mua thịt và ngọc tỏi mức không hiểu được câu "cái mặt nó coi giống như vừa mất số gạo vậy". Tôi vẫn bình chân như vại lớn lên từ những ngày tháng "giải phóng" ấy, ơn trời! Ba của tôi về hưu non khi chưa được... thăng cấp "Trung sĩ nguy" nên mẹ của tôi không "bị may mắn" nếm cảnh đi thăm nuôi chồng ở trại cải tạo (!?!). Sau đó thì một trong những người cậu của tôi vượt biên và đời sống của gia đình dễ thở hơn một chút, à mà tôi còn quên kể về người chú khá nổi tiếng của tôi ở nước ngoài nữa, người mà bị các ông trưởng tộc lên án: "Ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản", vì can tội "được" bầu làm "Chủ tịch Việt kiều yêu nước" chủ trương "chống Mỹ cứu nước" (!). Thời buổi cơm áo, gạo, tiền đầy thực dụng chẳng còn mấy ai chịu ngó ngang gì đến "chính chị, chính em", chủ của tôi đi học ra trường, kiếm tiền và trở nên giàu có, dĩ nhiên ông là nhân vật quan trọng của gia đình và họ hàng, chẳng thấy ai đã động gì đến chuyện: "Ăn cơm quốc gia..." nữa. Mọi người chắc sẽ kêu lên: "Thế ông chú của cô thì mắc mớ gì đến nguyên nhân đời... tự tử đẹp và những giọt nước mắt không đếm hết của cô cơ chứ?".

Thế mà có đấy, đầu tiên là ý định muốn tôi... đi Tây của ông. Dĩ nhiên là một

đứa con gái mở mộng, điểm toán luôn trên 6 và điểm văn luôn trên 8, thi đi Tây là một mở ước tuyệt vời rồi. Gia đình tôi lại càng vui vẻ hơn, họ hàng xúm xít chúc mừng tôi cứ y như là tôi được thần tiên mở sẵn cánh cửa thượng giới đón vào không bằng (!). Sau mấy năm trời làm giấy tờ "đi của trước" không được, cuối cùng ba tôi đành phải "gõ cửa sau" để tôi có đầy đủ giấy tờ xuất ngoại. Khi tôi đủ trí khôn, cánh cửa mở vào đời tôi là "cửa sau" đấy, một cánh cửa đầy bí ẩn nhưng chỉ cần dứt tiền (thay vì chia khóa) là nó sẽ mở ra êm ái nhẹ nhàng không một tiếng động, thật là tuyệt vời (!). Cầm trên tay chiếc hộ chiếu thân thương, lòng tôi không khỏi băng khuâng xao xuyến, cuốn hộ chiếu be bé xinh xinh xanh xanh này theo tôi ra sân bay Tân Sơn Nhất, cùng tôi bước vào phòng đợi, rồi "chui" vào chiếc máy bay vĩ đại. Chưa hết, nó tiếp tục bên tôi khi tôi Frankfurt qua cửa Hải quan và cuối cùng là nằm trong "hồ sơ tỵ nạn" của tỉnh X. nọ. Tục ngữ có câu: "Cá không ăn muối cá ươn", tôi xin phép được làm tiếp câu sau cho nó đúng trường hợp mà tôi đang lâm vào: "Cháu mà cãi chú trăm đường cháu hu" (!). Tôi mặc kệ trong suy nghĩ của ai đó ông chú của tôi ra thế nào, đối với tôi đó là một người chú tuyệt vời nhất mà trên cõi đời này còn có thể kiếm được. Không thể tưởng tượng được có những ngày tôi thềm lên án ông thậm tệ, ghét ông thậm tệ và coi thường ông cũng... thậm tệ không kém, chỉ vì ông muốn tôi lấy chồng cho nhanh để có giấy tờ ở lại mà tôi lại khảng khảng đâm đầu yêu một gã "tỵ nạn" cũng như mình bởi ý tưởng: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu". Để rồi sau bao ngày tháng lợi dụng cả vật chất lẫn tinh thần của tôi, gã cú đầu tuyên bố: "Anh không còn thương em nữa, anh đã thương người ta rồi". "Người ta" của gã là một con bé nói một câu tiếng Việt thì phải giải thích mười câu tiếng Đức, người ngợm lù đù lù đù nhưng cái giá trị nhất của con bé là người Đức cơ đấy, oai thế! "Họa vô đốn chi" của tôi chưa phải chỉ có thế mà thôi, lại thêm người bạn gái mà tôi quý mến và coi như chị em trong nhà lại phình phò tôi một chuyến và cuối cùng là ẵm trọn số tiền dành dụm mồ hôi nước mắt của tôi sau bao năm dành dụm để... dưỡng già (!), à quên! để lo hậu vận sau này. Tôi đã đọc lòng tin tưởng chị ấy "lo" được cho tôi, cái "ngu tập hai" của tôi là như thế đấy. Một đứa con gái đọc "binh pháp Tôn Tử" năm lên mười hai tuổi, biết nhận xét và phân tích các nhân vật chính trong "Tam Quốc Diễn Nghĩa", điểm toán trên 6, điểm văn trên 8, mà tôi đã ngu tù tập một đến tập hai thì còn sống trên đời này làm gì cho Phật đất kia chứ?

Sau bao năm "giời mài kính sủ", tôi rút ra được một kinh nghiệm sống: "Những người càng sách vở nhiều, ra đời càng sớm... chết", có thể lời tuyên bố này của tôi làm phật ý rất nhiều quý Ngài giáo sư, bác sĩ, nhưng thật sự là như vậy đó. Chúa dạy rằng: "Người nào tát con má bên trái, hãy đưa cả má bên phải cho người ta tát"; Phật dạy rằng: "Phải biết nhẫn nhục, tử bi hi xả". Tôi tha thứ hết cho những người đã hại tôi, đang hại tôi và... sẽ hại tôi, bởi vì tôi không muốn mang quá nhiều hận thù qua thế giới bên kia nữa.

\*

Thiếu nữ đứng trước mặt tôi có một khuôn mặt dễ ưa với đôi mắt to đen linh động, đôi mày thanh không dấu vết trang điểm, khó mà tưởng tượng được cuộc đời nàng lại ba chìm bảy nổi như vậy, khó mà tưởng tượng nàng trông có vẻ yếu đuối, ngây thơ mà lại đứng đầu với bao khó khăn trong cuộc sống đến như vậy. Nàng kể về mình với một giọng vừa trầm ấm, vừa đau khổ, nước mắt của nàng đã ngừng rơi bởi nàng đọc được sự cảm thông sâu sắc trong mắt của tôi. Tôi yêu nàng quá, yêu ngay từ khi gặp nàng lần đầu tiên, nhỏ nhắn, u buồn đứng sau quầy rót nước của nhà hàng Tàu nọ. Nàng cười, miệng nàng luôn phảng phất nét u buồn khó tả. Và tôi nhất quyết tìm hiểu cho bằng được vì tò mò một phần và từ sự cuốn hút mãnh liệt từ con người của nàng nữa. Dường như mọi sự mâu thuẫn đều tập trung vào nàng vậy, vừa yếu đuối, vừa mạnh mẽ, vừa ngây thơ, vừa từng trải già dặn, vừa ngốc ngốc vừa thông minh, vừa dễ dàng vừa khó hiểu. Nhưng mà tôi yêu nàng, tôi mừng là gã ngốc nào đó vì cuốn hộ chiếu có đóng dấu đại bàng mà buông rơi một viên ngọc giữa đường như vậy. Tôi buồn là nàng "hình như" còn có vẻ yêu thương gã lắm. Tôi hỏi nàng khi hai đứa rời chiếc cầu đi dạo lang thang ngoài rừng: "Em có còn yêu anh ta nữa không?". Nàng bật cười, lần đầu tiên, tôi nhìn thấy ánh cười long lanh nơi đôi mắt đen láy của nàng: "Bây giờ chỉ cần nghĩ là tôi vẫn còn yêu anh ta thôi cũng là một cái ngu... tập ba của tôi rồi". "Vậy em có còn muốn tự tử nữa không?" tôi hỏi tiếp. Nàng thờ dãi: "Tôi vẫn chưa đủ tiền mua hoa hồng chất đầy phòng". Tôi phì cười, nàng nghiêng đầu quay đi, giấu nụ cười nghịch ngợm trên môi. "Anh sẽ mua hoa hồng cho em với điều kiện: mình sẽ... chết chung với nhau, chịu không?".

Xin cho miễn phần kế tiếp là viết ra câu trả lời của nàng, bởi vì cả tôi và nàng đều thích những cốt truyện có kết thúc... lửng lơ (!) ■



# NHỚ Đà Lạt xưa

● Khánh Uyên (NTB)

**L**an Nga, Ngọc Khanh thân thương,

Vậy mà bọn mình đã xa Đà Lạt hơn 20 năm! Thời gian thật quá dài đến không ngờ mỗi khi nhớ lại Đà Lạt thương yêu của bọn mình ngày nào đã bị bỏ lại, lãng quên đến tội nghiệp. Riêng B., trong cuộc sống hiện tại nơi đất lạ quê người, có rất nhiều khi tìm chợt nhớ đau, óc nhỏ quay quắt những kỷ niệm xưa cũ, đó là lúc trời se lạnh, sương phủ trắng ngoài trời và gió thổi nhẹ nhẹ, như là đang sống ở Đà Lạt, cái mùi lạnh lúc sớm mai mới giống làm sao! Cái thời con gái của bọn mình nơi Đà Lạt thật là tuyệt diệu, thuở ấy bọn mình chỉ biết gắn bó với cha mẹ, anh em, rồi trường Bùi Thị Xuân, như một tổ ấm thứ hai mà bọn mình đã được các thầy cô dạy dỗ nên người. Càng không thể nào quên tháng ngày dài êm đềm bọn mình đã qua trên khắp các nẻo đường thị xã, đồi núi chập chùng, nơi đâu, chốn nào đều đã để lại dấu chân bọn mình. Lòng muốn khóc vì nhớ vô vàn con đường sáng sớm đến trường: dốc Duy Tân, lên phố, khu Hòa Bình, qua Hàm Nghi, nào cà-phê Tùng, nhà hàng Mekong... chùa Linh Sơn, trường Bồ Đề, trường CTCT... rợp đầy áo dài trắng, áo len xanh xen lẫn giọng nói, tiếng cười của bọn mình như đánh thức thành phố lạnh lẽo còn chìm trong sương mù.

Cuộc đời nổi trôi đưa đẩy tất cả bọn mình và những bạn bè của Đệ tam C Bùi Thị Xuân niên khóa 69-72 đi khắp nơi, mỗi đứa một cuộc đời: P. góa bụa ở mỗi tình đầu vì C., V. bị khóa 23 hy sinh ngay khi ra trường, và Ng. tiến T., O. tiến M. ra đơn vị cũng mãi không quay trở về. Ôi! cái năm 1972, bao nhiêu con tim thiếu nữ mới yêu tan nát, khổ đau! Đến lớp sách vở thờ ơ, bài giảng ngao ngán, ngày thì gần kề, tin tức chiến cuộc sôi động, người yêu ra đi, mất tích, gục ngã, chỉ toàn khắc khoải, hồi hộp, trông chờ. Có hôm, vào lớp, tiếng khóc thay tiếng cười, sự im lìm thay cho

không khí sôi động của giờ Văn, giờ Triết. Nhớ mãi tiếng hát lạc lõng của Thụy vang lên giữa đời thông, khóc một người yêu mình còn chưa thổ lộ đã vội ra đi mãi mãi. Tình yêu mất đi, người yêu không còn nữa, tưởng như có thể chết đi! Chao ôi, cái sức yêu ở thuở thiếu nữ nơi Đà Lạt mới mãnh liệt làm sao! "Rồi đây mây trên đời vắng, lang thang tìm kiếm lối xưa rêu mòn..." tưởng có thể vút bỏ hết mọi thứ trên đời đi, chết đi khi người yêu không còn trên đời nữa, Thụy lang thang một mình trên đường về học, áo trắng nữ sinh giờ buồn u uất, mắt xa xăm đắm lệt. "Ngày ấy bên nhau sao anh không nói ra tình anh? em vẫn còn là con bé ngổ ngẩn để không nhận ra anh đã yêu em từ lúc em vừa 16 tuổi. Giờ đây, mỗi tình ấy vẫn theo em năm tháng dài đây đó cùng với nỗi ân hận đau thương dầy vò. Kỷ niệm em gặp anh tối nào ở trường Đoàn Thị Điểm, sau khi tan lớp học Hội Việt-Mỹ về, quãng vai em, anh trọn mắt, lo lắng bảo em về nhà ngay vì trời đã khuya và rất lạnh. Anh bao giờ cũng vậy, cứ như ông anh cả! Giờ đây khi đã làm vợ, làm mẹ, mỗi khi hồi tưởng về anh em luôn ân hận đã không đáng yêu với anh, đã không đem đến cho anh một chút ân tình nào đáng ghi nhớ cho em còn sống, và cho anh đem theo".

Đà Lạt buồn, lạnh cũng như tình yêu đang dở thời thiếu nữ của bọn mình vậy Nga, Khanh nhỉ? Người đến rồi đi, khóc nhớ người yêu, âm thầm viết thành thơ như K., mặt lạnh lùng, ít nói, hoặc khóc hoài như Ng. và mẹ nghe "Nửa hồn thương đau". Đau đớn khi xưa, dang dở ân tình lúc còn thanh xuân hay bây giờ đây, tóc đã điểm bạc vẫn muốn "nhắm mắt cho tôi tìm một thoáng hương xưa, cho tôi gặp người xưa ước mơ...". Kỷ niệm xưa, dư âm cũ nơi Đà Lạt mãi mãi còn đọng trong đáy trái tim, nơi sâu thẳm ký ức, mãi mãi là những ghi nhớ bên cạnh mỗi đời người để nhắc nhở, an ủi, vỗ về cho bạn bè nào còn sống trên quê nhà, là ký ức ấm áp cho những ai đang tha hương, phiêu bạt. Xa quê, xa mọi

thú thân thiết, triu mến, nếp sống nơi chốn văn minh đua chen vật chất làm con người thêm khô khan, cần cỗi. Tú tưởng gần như mai một đi, sức sống như giảm lại, con người co rút lại thành những tiểu ốc đảo. Cuộc sống gần như máy móc tẻ nhạt, sáng chiều đi về một nhòai vì sinh nhai, cuối tuần có gì vui khi không có nơi để mà đến, tìm một người bạn tri âm không có ở nơi đây, mọi người sống quanh tôi, gần tôi, kiêu hãnh, lạnh lùng - họ là chủ nhà, là những người nhân đạo đối với đám người mất quê hương như tôi -. Những người Việt Nam sống cùng nơi tôi ở chúi mũi, chúi lái, lao vào kiếm sống bất kể ngày đêm. Chúng tôi nói cùng một thứ tiếng Việt, hiểu nhau đấy nhưng không thể tìm đâu những tú tưởng tương đồng, tâm đắc. Họ là những người ra đi kiếm sống sau bao năm cố cực bởi chiến tranh tàn phá, bởi những con thuyền lãnh đạo cũ kỹ, mỗi một, già nua, dốt nát. Họ ra đi, xa quê cũng chỉ để đánh đuổi sự đói nghèo nơi xứ sở của họ, để những người thân đồ cố cực hơn, để được ấm no, đầy đủ hơn.

Lan Nga, Ngọc Khanh thân,

Lại thêm một mùa Xuân nữa trên xứ người. Chúng ta còn phải chờ đợi bao lâu nữa mới thực sự được đón Xuân trên quê hương, để được nghe tiếng pháo đón giao thừa rộn rã, và được nghe tiếng chuông chùa Linh Sơn vang lên khắp nơi trên đất Việt trong những ngày Xuân? Cầu mong Phật Pháp gia độ dân Việt Nam sớm được toại ý.

Berlin 11.96

**Đồng Bào ở Đan Mạch chú ý  
Việt - Đan Đại Từ Điển  
của G.S. Đặng Văn Nhâm  
Sắp Phát Hành**

Muốn nói và viết được Đan ngữ cách chính xác, đồng bào không thể thiếu bộ từ điển này!

- Sách dày trên một ngàn trang, chữ nhỏ, gồm 75.000 từ thông dụng, đầy đủ trên mọi lĩnh vực: văn hóa, chính trị, kỹ nghệ, khoa học, kinh tế, thương mại ....
- Đặc biệt những danh từ y học, vạn vật, thảo mộc ... còn phụ chú thêm La Tinh để sinh viên dễ tra cứu sử dụng.
- Mỗi chữ đều kèm theo nhiều câu thí dụ xác đáng, để chỉ dẫn cách dùng.

Một bộ từ điển biên soạn công phu trên 12 năm, đầy đủ nhất từ trước đến nay, chứa bộ nào sánh bằng!

Sách in giới hạn, không tái bản, chỉ giao sách cho những ai đặt mua trước bằng thư, hoặc điện thoại trực tiếp nơi tác giả.

Địa chỉ liên lạc:

Hallandsparken 150, DK-2630 H  
Taastrup . ĐT. & Fax 43 - 71 74 64

## Phóng sự về buổi diễn giảng của Tiến Sĩ Lâm Như Tạng tại chùa Viên Giác

● Diệu Liên

**T**heo truyền thống từ 9 năm về trước, mỗi năm đến mùa hè là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu cho tổ chức luân phiên khóa Giáo Lý Tu Học Phật Pháp tại mỗi nước khác nhau. Mùa hè năm nay đến phiên Chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc đứng ra tổ chức khóa Giáo Lý Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9.

Thượng Tọa Thích Như Điển, trụ trì chùa Viên Giác đã mời Tiến sĩ Lâm Như Tạng tại Úc Đại Lợi đến viếng chùa Viên Giác, đồng thời để hướng dẫn về Duy Thức Học cho Phật Tử lớp Tu Học Mùa Hạ tại chùa Viên Giác từ 16.7 đến 29.7.1997.

Cũng nhân dịp này Thượng Tọa, trụ trì chùa Viên Giác, Tổng Thư Ký Ban Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu kiêm Chi Bộ Trưởng GHPGVNTN Đức Quốc, mời Tiến Sĩ Lâm Như Tạng hướng dẫn về Phật Giáo Nhật Bản cho khóa Giáo Lý Tu Học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9 (gần 700 người tham dự), được tổ chức tại Pfaffenhofen, Đức Quốc, từ 31.7 đến 9.8.1997.

Ngoài ra trong dịp lễ Vu Lan tại Chùa Viên Giác, Thượng Tọa trụ trì đã mời anh Tạng giảng về Mẹ với chi tiết như sau:

Vào ngày 16.8.1997, lúc 2 giờ 30 chiều tại chánh điện chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc, có tổ chức một buổi diễn giảng về Mẹ nhân mùa Vu Lan báo hiếu.

Mở đầu Thượng Tọa Thích Như Điển kể một câu chuyện có liên quan đến chữ hiếu độ 10 phút. Sau đó Thượng Tọa giới thiệu Tiến sĩ Lâm Như Tạng diễn giảng về đề tài "Ý niệm về Mẹ nhân mùa báo hiếu Vu Lan".

Số người tham dự ngồi chật cả chánh điện và đứng bên ngoài ước lượng có khoảng nghìn người tham dự.

Trước khi bước chân vào chánh điện tôi dạo mắt nhìn quanh một vòng, tôi nhận thấy khá đông những gương mặt quen thuộc, chúng tôi chào nhau qua ánh mắt, qua nụ cười.

Sau phần Thượng Tọa giới thiệu tóm lược tiểu sử của diễn giả, Tiến sĩ Lâm Như Tạng bắt đầu thuyết giảng "Ý niệm về Mẹ nhân mùa Báo Hiếu Vu Lan".

Mở đầu diễn giả đã giới thiệu với chúng ta danh từ Mẹ qua 14 ngôn ngữ lớn nhất và đại diện các nhóm ngôn ngữ trên thế giới hiện nay. Kế đến anh đã dẫn dắt khán thính giả đi vào nội dung qua các phần như sau:

Mẹ trong truyền thống xã hội Đông Phương, Mẹ truyền thống trong xã hội Tây Phương, Mẹ trong kinh điển Phật Giáo (trong đó có dẫn chứng bằng tư liệu và hình ảnh để chứng minh luân hồi là sự thật hiển nhiên do các nhà khoa học hiện đại đã sâu tầm). Cuối cùng diễn giả đã đề nghị với mọi người phương pháp báo hiếu.

Qua sự dẫn giải của diễn giả chúng ta đã hiểu rằng cá nhân của mỗi người sẽ phải đóng góp sự tự lực ấy bằng cách làm những gì mà cha mẹ yêu thích và vui lòng, nhất là hãy làm những điều tốt mà mình muốn con mình phải làm. Hãy nuôi dạy con đúng cách mới hiểu biết hết công lao của cha mẹ đã nuôi dạy mình... Nhất là phải làm cho cha mẹ cảm nhận được tình yêu thương, sự hiếu kính đối với cha mẹ. Những tình cảm quý báu ấy không thể đo lường bằng tiền bạc được. Thí dụ như Thầy Nhất Hạnh có dạy chúng ta hãy làm những cử chỉ dịu dàng với cha mẹ mình. Hãy nhìn thật lâu vào đôi mắt mẹ rồi nói rằng mẹ ơi con thương yêu mẹ nhiều lắm...

Riêng Tiến sĩ Lâm Như Tạng đề nghị chúng ta khi còn trẻ phải học tập thật giỏi, quan hệ tốt với mọi người, chọn bạn tốt, lập ý chí lớn hướng đến tương lai làm rạng danh cho mình để cha mẹ được tiếng thơm lây. Đó cũng là một cách báo hiếu. Khi có gia đình, tạo lập một gia đình hòa thuận, giáo dục con cái tốt, tạo tương lai cho chúng để cha mẹ an tâm vì con cháu. Đó cũng là một cách báo hiếu khác. Phát tâm tinh tấn tu tập để cầu sự giải thoát cho mình và cho cả cha mẹ, vợ chồng con cái từ nhiều đời trước. Về tha lực thì nhân ngày Rằm tháng Bảy, chúng ta hãy thành tâm dâng cúng muối phướng chú Phật và nhờ thần lực Tam Bảo cùng chú Tăng chú nguyện cho cha mẹ mình hiện tiền được an lạc, tai qua nạn khỏi, khi cha mẹ quá vãng được vãng sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Ngoài ra trong phần minh họa cho bài thuyết trình, Tiến sĩ Lâm Như Tạng còn giới thiệu với khán giả những công trình

nghiên cứu của các nhà Bác Học đã chứng minh được những lời giảng dạy của Đức Phật cách đây trên hai ngàn năm trăm năm về luật nhân quả luân hồi là hiển nhiên. Những câu chuyện về tiền kiếp và hậu kiếp được ghi chép lại với những hình ảnh đầy đủ khiến chúng tôi thấy thích thú vô cùng. Cũng theo bài thuyết trình của Tiến sĩ Lâm Như Tạng: Trước những khám phá của khoa học qua các nhà Bác Học, Tiến sĩ, Giáo sư nổi tiếng trên thế giới như Platon, Pythagoras, Nietzsche, Voltaire lan Stevenson, Albert Einstein... và hiện nay viện nghiên cứu Virginia Beach tại Florida, Hoa Kỳ, lưu trữ trên 30.000 hồ sơ về luân hồi tái sinh.

Như chúng ta đã biết khoa học càng ngày càng tiến bộ càng phát minh được những tiêu chuẩn kiểm chứng và xác định được những sự kiện về luân hồi, sự chứng minh đó càng làm sáng tỏ hơn định luật bất biến là chân lý mà Đức Phật đã giảng giải cho chúng ta hiểu về quả báo mà chúng ta sẽ lãnh thọ.

Thế nhưng cũng còn đâu đó một số nhà làm khoa học với cái nhìn ngại ngại trước những sự kiện được chứng minh ấy. Chúng ta cũng cảm thông cho họ điều đó vì thực sự thì họ chưa được quán triệt về giáo lý của Đức Phật.

Nhưng có một điều mà mọi người phải công nhận là từ khi khoa học tìm tòi và chứng minh thì tất cả những lời Phật dạy trong kinh điển ghi chép lại đã trải qua mấy ngàn năm mà chưa có điều gì là phản khoa học cả. Chúng tôi rằng những điều dạy bảo của Đức Phật phát xuất từ trí tuệ toàn giác của Ngài chứ không phải như trí tuệ phàm phu thực nghiệm hạn hẹp gò bó nông cạn như của các nhà khoa học thực nghiệm. Như trong thực tế cho ta thấy rõ rằng có một số những phát minh của khoa học trong một số lãnh vực chỉ đúng trong một thời gian mà thôi vì sau đó có những phát minh mới cho thấy những phát minh trước là hoàn toàn sai...

Những lời của đấng toàn giác, Đức Phật, dạy là chân lý đã vượt cả không gian và thời gian khiến chúng ta càng thêm thành kính và ngưỡng mộ vô vàn.

Là người Phật tử đã phát tâm theo Phật thì chúng ta hãy đặt trọn niềm tin học tập giáo lý của Ngài và thực hành theo những lời dạy bảo đó. Vì những giáo lý của Đức Phật chính là cuốn cẩm nang dẫn đường chỉ lối cho chúng ta đi trên một con đường đúng đắn nhất để vượt qua chặng đường Sanh Lão Bệnh Tử đến giải thoát hoàn toàn.

Tiến sĩ Lâm Như Tạng đã chấm dứt bài nói chuyện trong sự hâm mộ của mọi người, sau lưng tôi một vài người tỏ ý tiếc

rẻ muốn được nghe thêm với một đề tài có nội dung sâu sắc, hấp dẫn như vậy...

Tiến sĩ Lâm Như Tạng đã tự đọc bài thơ "Nhớ Mẹ" do anh sáng tác. Bài thơ này mang tính chất triết học và thiền, lời thơ và ý thơ chứa đựng rất nhiều nội dung thâm thúy. Từ khi tác giả ví mình là một cánh chim nhỏ bay trên vùng núi tuyết, đến khi là con ngựa khỏe vẫy vùng trên đồng rộng...

*"Có một kiếp tôi là con ngựa khỏe  
Ghét tiếng reo lạc lạc trên cổ mình  
Phi nước đại tránh tiếng ồn reo rất  
Những cang phi tiếng reo lại cang  
tăng..."*

(Thơ Như Tạng)

Rồi trở lại chú nai nhỏ nghịch ngợm ngó ngác trước đất trời mênh mông... Ý thơ thật không đơn giản nó hàm chứa cả một sự học đạo, trau dồi trí tuệ rửa sạch vô minh phiền não. Bài thơ nói lên sự khao khát được giải thoát của con người trước bến mê đắm để nhìn thấy bản thể chân tâm của mình.

Phần cuối của chương trình Ban Tổ Chức dành cho mục hỏi và đáp. Ban Tổ Chức đã nhận được 4 câu hỏi dành cho Tiến sĩ Lâm Như Tạng.

Trong các câu hỏi dành cho anh Tạng khiến người nghe khá thích thú vì qua đó chúng ta hình dung được bài nói chuyện của anh và khán giả đã nắm bắt được những gì anh thuyết giảng hôm nay.

1. Nghiệp là gì? Nghiệp có liên quan gì đến đời sau?
2. Thế nào là luân hồi nhân quả? Có khi nào người mẹ khi đầu thai trở lại làm con và ngược lại?
3. Con người sau khi chết sẽ như thế nào? Xin giải thích theo quan điểm Phật Giáo?
4. Xin cho biết điều gì là bất diệt? Và linh hồn là cái gì?

Để giải đáp cho từng câu hỏi, Tiến sĩ Lâm Như Tạng đã tóm tắt từng vấn đề thí dụ như nghiệp là món nợ mà ta đã vay từ kiếp này hay từ đời trước. Có sự vay nợ thì phải có sự trả nợ v.v... Qua những lời giải thích đó khiến tôi nhớ đến lời Đức Phật dạy: "Hành động thiện hay ác của chúng ta nó mãi theo chúng ta như hình với bóng". Do đó điều cần thiết là ta phải có tình thường với mọi người. Đừng áp bức ai cũng đừng làm tổn hại ai. Hãy sống đúng với Chánh Pháp và đi trên con đường lành. Đừng vì đua mình lên mà đạp người khác xuống

Về sự đầu thai thì anh Tạng cũng có nói và đưa ra những hình ảnh và những câu chuyện đầu thai trở lại vì nhiều lý do, do cái nghiệp đời trước tạo nên, như nghiệp vì tình, hay do nguyên lực độ sinh chưa thực hiện xong của chú vị Bồ Tát tự nguyện đầu thai trở lại để tiếp tục hạnh nguyện độ sinh của các Ngài.

Về linh hồn thì có sự giải thích đi vào phần Duy Thức Học của Phật Giáo. Anh Tạng đã nói qua về sự sinh diệt và cái còn tồn tại ở con người nên khi đầu thai còn nhỏ lại về kiếp trước của họ. Cái đó là Alaya THỨC mà trong Duy Thức Học còn gọi là thức thứ tám. Chính cái thức thứ tám là Alaya đã giữ lại những gì mà con người đã tạo ra từ nhiều kiếp trước. Do đó khi đầu thai kiếp sau con người mới có khả năng nhớ lại tiền kiếp của mình. Theo Phật Giáo thì thức này thường còn, nối tiếp mãi mãi nhưng biến chuyển luôn luôn theo định luật vô thường, ví như thác nước nếu đứng xa nhìn ta thấy như dải lụa trắng nhưng thực ra đó là sự kết hợp của vô số giọt nước rơi nhanh và liên tục mà thành. Chính sự hiện diện của thức này và công năng của nó mà có nhiều tôn giáo và người đời thường gọi là cái hồn.

Tiến sĩ Lâm Như Tạng đã chấm dứt buổi diễn giảng và sau đó Thượng Tọa Thích Như Điển đã ra chánh điện để cảm ơn thỉnh giá và diễn giả trong sự hoan hỷ tán thán của mọi người tham dự.

Buổi giảng đã chấm dứt lúc 4 giờ, mọi người với niềm hoan hỷ thoải mái hiện rõ trên nét mặt. Phần tôi cũng đã cảm nhận được nhiều điều hay, vui và bổ ích cho vốn kiến thức ít ỏi của mình.

Tôi hy vọng rằng tất cả quý Phật tử gần xa khi đến chùa sẽ hiểu rằng mục đích của những buổi thuyết giảng này là dành cho chúng ta tìm hiểu thêm về giáo lý của Đức Phật, và nhất là để chúng ta hiểu được con đường chúng ta chọn đi và sẽ đến.

Xin hãy lắng đọng tâm tư để chúng ta suy niệm về những lời diễn giảng, vì chúng ta và vì tất cả mọi người như trong bài thơ Nhớ Mẹ, cậu bé nhớ Mẹ la rầy mà cậu đã rửa sạch tấm gương bị bùn dính đó bẩn, sau đó cậu đã nhìn thấy được mặt mình và thấy mọi người đứng trước gương. Đó chính là thấy được Phật tánh của mình sau khi đã tu hành đạt đến giác ngộ vậy...

Nhân mùa báo hiếu Vu Lan xin chấp tay nguyện cầu cho cha mẹ quá vãng siêu sinh Tịnh Độ, cha mẹ hiện tiền được nhiều phúc duyên vui mạnh. Chúng ta cũng cầu nguyện cho thế giới thanh bình mọi người sống trong tinh thần Bi Trí Dũng của Phật Giáo ●

# Độc thơ dịch của Lão ký già Văn Lang

## TRẦN VĂN AN

**T**hi sĩ là những người thường cảm xúc với thiên nhiên nhất là với những cảnh đẹp gợi tình, gợi hứng. Bốn mùa trong trời đất cũng là đề tài của bao bài thơ tuyệt diệu.

Hai mùa được diễn tả qua lời thơ mùa Xuân và mùa Thu. Mùa Xuân rộn rã với những cánh hoa muôn màu, những lộc non xanh mơn mớn trên cành với những tiếng chim tíu tít kêu nhau, những tia nắng ấm lọt qua cửa sổ khuê phòng làm hồng đôi má thiếu nữ đôi tám. Mùa Thu với những làn gió lạnh cuốn những lá vàng khô bay tới cuối chân trời, với những giọt mưa nhẹ rơi nghiêng ngả theo chiều gió. Mưa chiếm một chỗ lớn trong rất nhiều bài thơ của nhiều thi sĩ. Kỳ bí như Vũ Hoàng Chương, qua:

Còn mưa, còn mưa, chứa ngọt đầu!  
Mưa trút bề cao vào bề sâu,  
Tứ duy chết đuối theo Tiềm thức  
Mờ hết thiên tâm loãng đũa cầu  
(Vũ vô kiềm tóa)

hoặc thi vị với Trần Mộng Tú, với:

Hai vợ chồng làm thơ  
Trong một gian lầu cỏ  
Mái dột mái cũ dột  
Làm thơ vẫn làm thơ.  
Thơ chàng dán trên vách  
Thơ em che trời mưa,  
Một đàn con tám đứa,  
Lớn lên chỉ mê thơ.  
(KIẾP SAU)

hay dí dỏm như cụ Văn Lang Trần Văn An qua mấy câu sau:

Nàng thơ trong óc ta  
Trong bụng cũng nàng ca  
Ngoài gió Nàng chơi sáo  
Trong mây tiếng dội xa  
Đêm buồn mưa rì rả  
Thỏ thẻ Nàng khuyên ta  
Đừng chán đừng sầu nào  
Có Nàng nâng đỡ già...

(NÀNG THƠ VÀ TÔI - 1959)

Nhân ngày Sinh Nhật thứ 97 của Lão ký già Văn Lang Trần Văn An, một Chí sĩ Quốc gia suốt đời chống Thực dân, vào ngày 24 tháng Chạp năm Bính Tý tức ngày 1er Février 1998; chúng tôi xin trích một số bài thơ của Cụ Trần Văn An dịch để kính tặng mừng Cụ trong ngày vui trọng đại này.

- Quốc Duy Nguyễn Văn An  
(Pháp), và  
- Nhà văn Phạm Thăng  
(Canada)

\*



Vào những năm 1955-1957, Cụ Trần Văn An bị chính quyền Ngô Đình Diệm tạm giam chờ ngày tòa xử. Cụ có kể Cụ ở qua nhiều khám đường, chỗ nào cũng dơ bẩn, chật chội và khủng khiếp cả. Cụ cho biết: "Tại khám Gia Định, hai em trẻ Nguyễn Thiên Phương, Nguyễn Văn Năm, cả hai là cựu Đại úy Võ Bị Đà Lạt, biệt phái qua quân đội Bình Xuyên, cả hai xin làm con nuôi, cả hai phải nằm bên nách Văn Lang và lăm khi phải nằm nghiêng mỗi đủ chỗ nằm". Trong lúc ở tù, Thiên Phương có đọc cho Cụ bài "La Pluie" của Paul Verlaine (1844-1896) và nhờ Cụ dịch. Sau này ra tù từ 2.1964, rồi vào năm 1965 Phương còn làm Công Cán Ủy Viên cho Bộ Chiêu Hồi do Cụ An làm Tổng Trưởng, rồi Thiên Phương đã quy thiên năm 1965 khi muốn cứu người yêu tự

tử bằng xăng. Cho tới nay Cụ An còn nhỏ, còn thương nghĩa tử của Cụ. Cụ có ghi chú trong tập thơ của Cụ sự việc như sau: "Khi Thiên Phương bị kêu án tử hình, cha Phương vào khám Chí Hòa thăm và nói với nước mắt đầy tràn: "Xưa thầy bói nói mày chết thiêu, mà sao nay lại chết chém? Lạ quá". Thế là 9 năm tử hình không chết, để rồi chết thiêu vì tình yêu!".

Bây giờ chúng ta đọc lại bài thơ của thi sĩ Pháp Paul Verlaine, bạn thân một thời với nhà thơ tuổi trẻ tài cao Arthur Rimbaud:

### LA PLUIE:

Il pleure dans mon coeur  
Comme il pleut sur la ville.  
Quelle est cette langueur  
Qui pénètre mon coeur?  
O bruit doux de la pluie  
Par terre et sur les toits!  
Pour un coeur qui s'ennuie,  
Oh! le chant de la pluie!

Il pleur sans raison  
Dans ce coeur qui s'e1coeuere,  
Quoi! nulle trahison?  
Ce deuil est sans raison.

C'est bien de la pire peine  
De ne savoir pourquoi,  
Sans amour et sans haine,  
Mon coeur a tant de peine.

Cụ An đã dịch bài thơ này trong khám tử hình Côn Sơn vào mùa Đông 1958, như sau:

### KHÓC Ở TRONG LÒNG TÔI

Khóc ở trong lòng tôi  
Như mưa ngoài thành phố  
Tâm hồn như bị xoi  
Bởi cái đau nào đó

Ôi giọt mưa rì rả  
Rơi trên mái trên sân  
Khiến lòng tôi buồn bã  
Nghe nhạc mưa lằng lằng.

Khóc vô cớ trong lòng  
Lòng xé đau tràn hồng  
Bội phần ai đâu nhĩ  
Làm gì uất hận không

Cái đau này hại nhất  
Không hiểu bởi vì đau  
Không ghét chẳng yêu sùng  
Mà lòng lại đốn đau.

Trong thời kỳ ở tù cấm cố tử hình ở Côn Sơn, Cụ Ân làm thơ, dịch thơ cho Cụ trước hết và nhất là để tiêu khiển vì không dám nghĩ có ngày mai. Khi dịch thơ Tàu, Cụ gặp nhiều khó khăn vì thiếu tài liệu nên Cụ biết đã có nhiều lầm lỗi. Cho tới bây giờ Cụ vẫn nhắc tới những bài thơ xưa kia Cụ đã dịch mà vẫn không bằng lòng lắm. Cụ có đọc cho chúng tôi bài thơ của Túy Ông Lý Bạch (701-762) nhan đề

### "TUYÊN THÀNH KIẾN ĐỔ QUYÊN HOA"

*Thực quốc tăng văn tử quy điều  
Tuyên thành hoàn kiến đổ quyên hoa  
Nhất kiêu nhất quýnh trường nhất đoạn  
Tam xuân tam nguyệt Ức Tam ba.*

Cụ Ân dịch thành bài:

### TAI TUYÊN THÀNH THẤY HOA ĐỔ QUYÊN

*Đất Thực từng nghe tử quy điều  
Thành Tuyên lại thấy đổ quyên hoa  
Một kêu một nhỏ lòng một mảnh  
Ba xuân ba tháng ý Tam ba.*

Hai câu chót của bài thơ của "Ông Tiên Say" tuyệt hay mà Cụ Ân tiếc chưa dịch hết nghĩa của chúng và có nói với chúng tôi là Cụ chưa ứng ý lắm.

**Mạnh Hạo Nhiên** có làm một bài thơ tuyệt cú ngụ ý Xuân vui nhưng vẫn có đó đây những đau khổ, thấy Xuân đó nhưng đừng quên hoa rơi rụng vì gió mưa:

### XUÂN MIÊN

*Xuân miên bất giác hiểu  
Xử xử vấn đề hiểu  
Dạ lai phong vũ thanh  
Hoa lạc trí đã thiếu.*

Sau đây là hai bản dịch của Cụ Ân:

### GIÁC XUÂN

1. *Giác Xuân muốn kéo dài  
Chim chóc hót khắp nơi  
Đêm tối gió mưa động  
Biết hoa rụng chẳng sai.*
2. *Xuân ngủ chẳng hay sáng  
Nơi nơi chim chóc kêu  
Đêm qua mưa gió động  
Hoa rụng đổ đầy nhiều.*

Dịch thơ Tàu cũng lắm công phu. Lắm người phải dùng thơ Việt lục bát để diễn tả súc tích ý thơ nhất là cho những bài thơ

Tàu quá cô đọng. Lại có người ghép những câu thơ Việt ở các tác phẩm nổi tiếng để lược dịch vài bài thơ hay của Tàu, như bài "**Tống Sử An Tây**" của Vương Duy, tự Ma Cật:

*Vị thành triêu vũ áp khinh trần  
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân  
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu  
Tây xuất Dương quan vô cố nhân.*

Cụ **Phan Mạnh Danh** sao chép như sau:

*Mưa Xuân bay ướt bụi trần  
Mừng Xuân tơ liễu trước sân riềm rờ  
Tiễn đưa một chén quan hà  
Buồn vì đất khách ai là cố nhân.*

(Trích Tập San Y-ST - Gia Nã Đại số 125)

Riêng Cụ Trần Văn Ân, trong tù vẫn cố dịch theo niêm luật Đường Thi. Bài thơ của Ma Cật, người học hay, vẽ đẹp, không thi mà đổ (Tiến Sĩ trắc độ) thi tài lũng lầy khiến Tô Đông Pha cũng khâm phục:

*Vị thành mưa sáng ướt màu sân  
Khách xá xanh xanh liễu sắc xuân  
Khuyên anh cạn chén cùng tôi uống  
Ra chốn Dương quan thiếu cố nhân.*

Cũng với thơ của Vương Duy, chúng ta đọc bài

### "THU DẠ ĐỘC TỌA"

*Độc tọa bi song mãn  
Không đường dực nhị canh  
Vũ trung sơn quả lạc  
Đẳng hạ thảo trùng minh  
Bạch phát chung nạn biến  
Hoàng kim bất khả thành  
Dục tri trừ lão bệnh  
Duy hữ học vô sinh*

Và Cụ Trần Văn Ân dịch:

*Có độc nhìn chòm tóc  
Nhà không đêm nhị canh  
Trong mưa sơn quả rụng  
Dưới sáng thảo trùng thanh  
Tóc bạc làm sao tránh  
Bạc vàng cũng chẳng thành  
Muốn trừ cái bệnh lão  
Chỉ học thuốc vô sinh*  
(Một Minh đêm thu)

Đọc tới đây, chúng tôi mới nhớ Cụ Ân có viết một bài thơ ngày 4.11.1958 trong khám tử hình lúc một "đêm khuya, lon đèn mờ trên đầu bị đụng đổ chày, chân bị còng, giấy thì không có, vải rách không có,

chỉ có áo thung..." Bài thơ than thở về tuổi già, trong đó có hai câu diễn nghĩa hai câu đối của bài "Thu Dạ Độc Tọa" trên kia mà Cụ thường hay ngâm nga cho chúng tôi nghe mỗi khi Cụ bàn bạc về tuổi già, sức khỏe yếu...

*Ai ơi muốn chữa bệnh già  
Thì đừng có trước sinh ra làm gì*  
(Trích bài "Già Rồi")

Cụ Ân rất thích thơ có âm điệu êm tai, hấp dẫn và nhất là thơ có ý, có hồn. Cụ không mấy thích thơ "cao gò". Bởi vậy chúng tôi không ngạc nhiên khi thấy Cụ thích bài "**Phong Kiều Dạ Bạc**" của Trương Kế, hoặc bài "**Phù Dung Lâu Tống Tân Tiệm**" của Vương Xương Linh (698-765) mà chúng tôi xin trích ra đây:

*Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô  
Bình minh tống khách Sở sơn cô  
Lạc Dương thân hữu như tương vấn  
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ*

Bài đã được Cụ dịch ra như sau:

*Mưa tiếp mấy sông tới đến Ngô  
Sáng ra đưa khách Sở sơn cô  
Lạc Dương bè bạn lời thăm hỏi  
Một tấm băng tâm đọng ngọc hồ.*

Đọc những bài thơ dịch của Cụ Ân (Người chỉ tập tễnh vào làng Thơ vào tuổi quá 50, chỉ biết có thơ Đường lúc ở tù tử hình, mãi về sau mới được dịp học hỏi thêm về thơ văn đời khác của lịch sử Trung Quốc) chúng tôi thích cái lối dịch rất tự nhiên của Cụ. Cụ cho biết mỗi lần làm thơ là Cụ "thả hồn thông thả cho tình và lý (tâm trí) hòa nhịp". Hãy nghe Cụ dịch bài "**Biệt Đổng Đạt**" của Cao Thích, thi nhân đời Thịnh Đường:

*Thập lý hoàng vân bạch nhật huân  
Bắc phong xuy nhạn tuyết phân phân  
Mạc sâu tiền lộ vô tri kỷ  
Thiên hạ thủy nhân bất thức quân.*

ra bài sau đây:

*Mười dặm mây vàng trời lặn ánh  
Gió đưa nhạn tới tuyết rơi quanh  
Chớ buồn trước mắt không tri kỷ  
Thiên hạ ai người chẳng biết anh.*

Hai câu cuối cùng của Cao Thích làm chúng ta nhớ tới bài "**Vinh Biệt**" của Cụ Phan Bội Châu viết trả lời (trên giường bệnh lúc Pháp quản thúc Cụ ở Huế) bài "**Sinh Văn**" của Cụ Huỳnh Thúc Kháng gửi tặng Cụ:

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ  
 Thiên hạ thủy nhân bất thức quân  
 Bảy mươi tứ tuổi trót phong trần  
 Nay gặp bạn mới tinh thần hoạt kiện  
 Những ước anh em đều bốn biển  
 Nào ngờ trắng gió nhất ba gian  
 Sống xác thừa mà chết cũng xương tàn  
 Câu tâm sự gửi chim ngàn, cá biển.

.....  
 Nay đường lúc tử thần chờ trước cửa  
 Có vài lời ghi nhớ để về sau  
 Chúc đàn hậu tử tiến mau.

Theo Cụ Ân, bạn của Cao Thích là bạn cao thượng, bạn nghĩa hiệp, tri kỷ; bạn của Cụ Phan Bội Châu là bạn ái quốc, đồng chí, bạn đồng tâm đồng đức. Cụ Phan mượn hai câu thơ của Cao Thích để gởi Cụ Huỳnh túc là để nhắc với các nhà ái quốc trong và ngoài nước lo tiến bước đấu tranh.

Cao Thích còn làm một bài thơ có tựa đề "Yên Ca Hành" mà chúng tôi trích một đoạn sau đây:

Sơn xuyên tiêu điều cực biên thổ  
 Hồ ky bằng lãng tạp phong vũ  
 Chiến sĩ quân tiên bán tử sanh  
 Mỹ nhân trưởng hạ do ca vũ...

Cụ Ân dịch như sau:

Non nước tiêu điều biên thổ rụi  
 Ngựa Hồ dày xéo gió mùa tát  
 Chiến trường binh sĩ nửa tử sinh  
 Trong trường mỹ nhân còn múa hát  
 (dịch ở khám Côn Sơn đêm 26.11.59)

Cảnh non nước điêu tàn vì rợ Hồ, với biết bao chiến sĩ đã hy sinh đã làm chúng ta nhỏ lại quân đội Cộng Sản Bắc Việt của Hồ Chí Minh dùng vũ lực và mưu chước để chiếm Việt Nam Cộng Hòa. Bao nhiêu chiến sĩ đã hy sinh để bảo vệ biên thù. Câu chốt của đoạn thơ này làm chúng tôi nhớ câu Cụ Ân cảnh cáo khéo mọi người trong lúc nước nghiêng ngửa rằng: "Không ai đánh giặc hoài cho mình hưởng"

Trong số thi sĩ thời Văn Đường có Vi Trang (tự Đoan Kỳ), có thời về nước Thục làm Lại Bộ Thượng Thư) đã làm nhiều bài thơ tả lòng nhớ nhà, nhớ quê, nhớ bạn rất hay. Với bài "Tứ Qu" ông có viết hai câu làm động tâm tình người viễn xứ như chúng tôi:

Ngoại địa kiến hoa chung tịch tịch  
 Dự hưởng văn nhạc cánh thể lương  
 Cụ Ân dịch là:

Đất lạ nhìn hoa thành tịch tịch  
 Xứ người nghe nhạc thấm thể lương  
 (Muốn Về)

Cũng với tâm trạng sầu buồn nhớ nhà, nhớ bạn này, chúng tôi ghi lại đây bài :  
**"CHƯƠNG ĐÀI DẠ TƯ":**

Thanh cầm oán dao dạ  
 Nhiều huyền phong vũ ai  
 Cô đăng vấn Sở giác  
 Tân nguyệt hạ Chương đài  
 Phương thảo dĩ vân mộ  
 Cổ nhân thù vị lai  
 Hương thú bất khả ký  
 Thu nhận hựu nan hồi

Bản dịch của Cụ Ân ghi là:

Đàn nghe rí rả đêm thanh vắng  
 Mùa gió buồn tanh họa tiếng đàn  
 Hi hu còi Sở đèn leo lét  
 Im lặng Chương đài nguyệt xế tàn  
 Bạn cũ luống trông người vắng bật  
 Có thơm vẫn thấy sắc khô khan  
 Thư nhà muốn gửi để gì được  
 Thu nhận về Nam gió thổi tràn.

Hôm nọ Cụ Ân cho chúng tôi mượn đọc cuốn "Một Quan Niệm Về Sống Đẹp" của



Lâm Ngũ Đường viết vào năm 1937 (lược dịch năm 1964 bởi Nguyễn Hiến Lê) chúng tôi đọc thấy vài lời của Trương Trào "Thơ và Văn được như cái khí mùa Thu thì là hay, Từ và Khúc mà được như cái khí mùa Xuân thì là hay". Chúng tôi không biết âm nhạc cổ Trung Quốc, nhưng đọc trong Văn Lang Thi Tập của Cụ Ân thấy có ghi một bài thơ của Lưu Vũ Tích, bạn của Bạch Cư Dị tựa đề là "Trúc Chi Từ" với chủ thích rằng Lưu Vũ Tích đã đặt ra lối hát "Trúc Chi Từ":

Dương liễu thanh thanh giang thủy bình  
 Văn Lang giang thượng uốn ca thanh  
 Đông biên nhật xuất Tây biên vũ  
 Đạo thị vô tình khước hữu tình

dịch là:

Dương liễu xanh xanh nước lớn bình  
 Trên sông chàng hát giọng thanh thanh  
 Phía Tây mùa xối Đông trời mọc  
 Có kẻ hữu tình khước nhờ anh.

Ai có ở ven sông thường ngắm được cảnh mưa trên sông, nhìn mưa đùa ngọn cỏ và nhìn bờ đất trĩu hơi mưa. Vi Trang trong bài "Kim Lăng Đờ" có tả mùa sông với mấy câu:

Giang phủ phi phi giang thảo tề  
 Lục triều nhu mộng đều không để  
 Vô tình tối thị Đài thanh liễu  
 Y cựu yên lung thập lý đề  
 Cụ Ân đã dịch ra:

Mùa sông rí rả cỏ sông tề  
 Như mộng Lục triều chim chóc đề  
 Liễu biếc Đài thành tình chẳng có  
 Như xưa hơi lá phủ bờ đề.

Trong tập thơ dịch của Văn Lang Trần Văn Ân, chúng tôi đã đọc được bài "Tống Biệt" của Vương Duy, thi gia đại tài, đa nghệ của Trung Hoa:

Hạ mã ẩm quân tửu  
 Vấn quân hà sở chi  
 Quán ngôn bất đắc ý  
 Qui ngoạn Nam sơn thủy  
 Đản khứ mạc phục vấn  
 Bạch vân vô tận thi.

Cụ Ân dịch thật nhẹ nhàng như Cụ hiểu được tâm trạng người trong thơ:

Xuống ngựa cùng anh uống  
 Hỏi anh có chuyện chi  
 Anh nói không vừa ý  
 Về Nam Sơn tức thì  
 Chi chi chớ hỏi nữa  
 Mây trắng mãi bay đi.

Cụ Ân cho Vương Duy là người có một đời sống đẹp, an lành từ lúc sanh cho đến lúc mất, chỉ trừ có một dạo bị giặc An Lộc Sơn bắt. Lúc lớn tuổi Vương Duy ăn chay trường, hành thiện và một hôm ông tìm bút để viết từ biệt các bạn thân, bỗng buông viết chết, không đau đớn chi cả. Chúng ta lại đọc thêm một bài thơ rất hay của ông, **Vọng Xuyên Tích Vũ**:

Tích vũ không lâm yên hòa tri  
 Chúng lê suy thủ hưởng đồng tri  
 Mạc mạc thủy điền phi bạch lộ  
 Âm âm hạ mộc chuyển hoàng li  
 Sơn trung tập tịnh quan triều cần  
 Tùng hạ thanh trai chiết lộ ki  
 Dã lão dĩ nhân tranh tịch bãi  
 Hải âu hà sự cánh tương nghi.

Cụ Ân dịch là:

Mưa tiếp rừng không hơi khói trẻ  
Chung lên nấu nếp thường đông tri  
Quạnh quẽ sông đồng bay bạch lộ  
Mập mờ cây hạ hót hoàng li  
Núi non tịnh cảnh xem triêu cần  
Tùng bá thanh trai bẻ lộ ki  
Thôn lão hơn thua đã bãi bỏ  
Hải âu khỏi phải bận ưu nghi.

(Mùa động ở vọng xuyên)

(Chú thích: Đông tri: Âm tiết mùa đông nhân ngưng việc đồng áng; Ki: một loài cỏ dại; Thanh trai: ăn chay thanh đạm; Cần: một loài cây dây bện)

Trong lúc ở tù tù hình Côn Sơn, Cụ Ân dịch thơ Vương Duy rất nhiều. Cụ thấy thơ của ông nhẹ nhàng, điều luyện nhưng dịch cũng rất khó khăn, đôi khi phải ép vận. Hãy đọc thêm bài "**Sơn Cư Thu Minh**":

Không sơn tân vũ hậu  
Thiên khí văn lai thu  
Minh nguyệt từng gian chiếu  
Thanh tuyền thạch thượng lưu  
Trúc huyền qui quán nữ  
Liên động hạ ngư chu  
Tùy ý xuân thảo yết  
Vương tôn tự khả lưu

Bản dịch của Cụ Ân ghi là:

Núi chiều mưa mới dứt  
Thiên khí sắc Thu rồi  
Trắng sáng lòng từng chiếu  
Sưởi trong mặc đã trôi  
Trúc kêu về gái giặt  
Sen động thổi thuyền câu  
Tùy ý cỏ Xuân dứt  
Giàu sang được ở coi.

(THU M)

Nếu ai hỏi Cụ Ân thì gia Trung Quốc nào làm Cụ nhớ tới nhiều kỷ niệm nhất, thì chúng tôi chắc chắn Cụ sẽ nói là Đố Phủ, người mà có lúc Cụ kính cẩn gọi là Thi Thánh. Câu "Quốc phá sơn hà tại" (nước nát còn non sông) của Đố Phủ tự Tử Mỹ lúc nào cũng lớn vồn trong đầu óc Cụ. Cộng Sản Hà Nội làm tan nát quốc gia những núi sông dân tộc Việt còn đó, sẽ có ngày người yêu nước về phục hưng. Rồi bài "**Thạch Hào Lại**" của Tử Mỹ, Cụ dịch ở Côn Đảo năm 1959 tới nay Cụ còn đọc vanh vách. Cụ kể cho chúng tôi rằng ngay khi còn ở Chiêu Nam (Tân Gia Ba) năm 1944, Cụ Trần Trọng Kim phân vân vì không biết dịch câu đầu tiên của bài đó ra sao thì Cụ Ân đang nằm cùng phòng ngắm nghĩ một chút rồi đọc "Chiều hôm nghĩ xóm Thạch Hào" (Một đầu Thạch Hào thôn). Cụ Trần Trọng Kim ứng ý rồi tiếp tục dịch. Về sau vào năm 1966 khi Cụ Ân dẫn

phái đoàn đi du thuyết ở Bắc Âu tìm sự ủng hộ của Thế Giới Tự Do cho chính nghĩa Quốc Gia trước làn sóng xâm lăng Cộng Sản Hà Nội và Cộng Sản Quốc Tế, Cụ đã gặp được một học giả người Na Uy đã già, từng dạy ở Đại Học Thiên Tân bên Tàu và Cụ có dịp đọc bài "**Thạch Hào Lại**" và "**Tâm Cốc Hành**" của Đố Phủ cho tối sáng. Cụ Ân đã lấy được cảm tình rất nhiều người qua chuyến du thuyết đó. Cần nhắc là từ tháng 12.1966 tới tháng 5.1967, các đoàn thể nhân dân Bắc Âu, Tây Đức, Ý, Ấn, Nhật, Trung Hoa Dân Quốc đã mời Cụ Ân đến thuyết trình về vấn đề "Chiến Tranh và Hòa Bình Việt Nam". Chi phí những cuộc du thuyết này tiếc thay chính phủ Việt Nam Cộng Hòa lại không trang trải cho Cụ, khiến Cụ phải lo bằng phương tiện riêng và như thế đã làm hạn chế những cuộc viễn du quan trọng trên phương diện chính trị tuyên truyền của Việt Nam Cộng Hòa.

Trở lại vấn đề thơ phú, Cụ Ân nói thơ Đố Phủ "là thơ xé nát tâm hồn ta, là thơ đau đời, thương tâm khổ xác". Đố Phủ viết nhiều về nỗi khổ đau của nhân dân, sự tàn bạo của chiến tranh loạn lạc, sự đối rết ly tán. Lòng dạ của Đố Phủ rất quảng đại:

An đắc quảng hạ thiên vạn gian  
Đại ty thiên hạ hàn sĩ câu hoan nhan  
Phong vũ bất động an như sơn  
Ô hô! Hà thời nhân tiền đột ngọt kiến thủ  
ốc?  
Ngô lữ độc phá thọ đồng tử diệp túc.

Cụ dịch là:

Nếu được nhà rộng muôn nghìn gian  
Che cho thiên hạ kẻ lạnh đều vui nhan  
Mưa gió không động an như sơn  
Ô hô! Bao giờ trước mặt đột ngọt thấy nhà  
ấy  
Tranh ta (nhà tranh của ta) riêng nát lạnh  
chết cũng mát.

Đọc thơ Đố Phủ, chúng tôi cảm kích tấm lòng ưu thời mẫn thế của thi nhân. Hay làm sao bài "**Tâm Cốc Hành**":

Thiên hạ quận quốc hưởng vạn thành  
Vô hủ nhất thành vô giáp binh  
Yên đắc chú giáp tác nông khí  
Nhất thôn hoang điền nguưu đắc canh  
Ngưu tân canh  
Tâm diệp thành  
Bất lao liệt sĩ lệ bàng đả  
Nam cốc nữ ti hành phục ca.

Cụ Ân dịch là:

Dưới trời muôn nước biết bao thành,

Không có thành nào chẳng giáp binh  
Chớ chỉ lấy giáp làm nông khí  
Mỗi tác đồng hoang mỗi tác canh  
Trâu bò cày  
Tằm nuôi cấy  
Khởi phiên liệt sĩ đầm đìa lệ  
Gái dệt trai cày vui sướng thay.

Nếu Đố Phủ là một thi nhân Việt Nam hiện đại sống thời nhiều nhướng Xã Hội Chủ Nghĩa chắc ông sẽ có vận bài thơ diễn tả nỗi khổ nhân dân dưới chế độ cực quyền thô bạo Hà Nội từ hơn nửa thế kỷ nay. Đố Phủ đau cho nhân tình thế thái, đã có lúc than lên:

Phiên thả tác vân phúc thủ vũ  
Phân phân khinh bạc hà tu số  
Quân bất kiến Quán bào bản thời giao  
Thủ đạo kim nhân khí như thổ  
(BẢN GIAO HÀNH)

Trảo trở mây mưa có mấy hồi  
Khinh nhau rẻ rúng biết bao người  
Nhớ xưa Bào Quán nghèo làm bạn  
Đạo ấy ngày nay đã bỏ rời  
(Trần Văn Ân - Côn Đảo, 1959)

Để chấm dứt phần thơ Đố Phủ, chúng tôi xin trích một đoạn ngắn trong bài thơ :

"**TẶNG VỆ BÁT XỬ SĨ**":

... Dạ vũ tiến xuân phi  
Tân xuy gian hoàng lương  
Chủ xứng hội diện nan  
Nhất cử luy thập thượng..

Cụ Ân dịch thành:

... Mưa tối hái rau hẹ  
Bấp vàng một bữa xôi  
Chủ cho gặp gỡ khó  
Uống tiếp mười lần coi..

Nói tới mưa thì từ thời trời lúc nào cũng có thể mưa. Tiết Thanh Minh trời cũng sụt sùi:

Thanh Minh trời tiết vũ phân phân  
Lộ thượng hành nhân dục đoạn hồn  
Tả vấn tửu gia hà xử hủ  
Mục đồng dao chi Hạnh Hoa Thôn  
(THANH MINH - ĐỐ LỤC)

Cụ Ân dịch:

Thanh Minh thời tiết gặp mưa dồn  
Trên lộ người đi muốn bứt hồn  
Quán rượu nơi nào ta thử hỏi  
Mục đồng chỉ đó Hạnh Hoa Thôn.

Trích thơ Đố Mục (803-852) thi nhân Văn Đường nổi tiếng với những bài thất



ngôn tuyệt cú, chúng tôi không quên nhắc nơi đây bài "**Tần Hoài Dạ Bạc**":

*Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa  
Dạ bạc Tần Hoài cận tẩu gia  
Thường nữ bất tri vong quốc hân  
Cách khe do xứng Hậu Đình Hoa.*

Cụ Ân dịch tại Côn Sơn năm 1958, như sau:

*Khởi lòng nước lạnh nguyệt lồng sa  
Đêm đậu Tần Hoài kế tẩu gia  
Gái hát không hờn đời mất nước  
Cách khe còn xứng Hậu Đình Hoa.*

(Đêm đậu bến tần hoài)

Hậu Đình Hoa là bài tử của Trần Hậu Chúa làm trước khi mất nước. Bài này bị coi là bài tử mất nước. Tử trước Cụ Ân vẫn đọc câu chốt của bài "**Tần Hoài Dạ Bạc**" là "*Cách giang do xứng Hậu Đình Hoa*", về sau mua được tập Thiên Gia Thi xuất bản tại Hồng Kông thấy viết "cách khe" thay vì "cách giang" như Cụ tưởng. Cụ nghĩ lại mới thấy trong câu 2 của bài có nói thuyền đậu kế tẩu gia, vậy quả thật chữ "cách giang" không đúng, vì thuyền sẽ không còn neo sát cận bên tẩu gia được.

Đỗ Mục sống đồng thời với Lý Thường Ẩn (813-858) cũng danh tiếng ngang hàng với thi nhân họ Lý này. Thơ Lý Thường Ẩn hay nhưng lắm lúc dùng nhiều điển tích. Ví dụ chúng ta thử đọc bài "**Vô Đề**" sau đây:

*Táp táp đông phong tế vũ lai  
Phù dung đường ngoại hựu khinh lôi  
Kiềm thiên niết tòa thiêu hương nhập  
Ngọc hồ khiến ti cấp tỉnh hồi  
Giả thị khuỵu liêm Hàn duyên thiếu  
Mật phi lưu chấm Ngụy vương tài  
Xuân tâm mạc cộng hoa tranh phát  
Nhất thốn tướng tử nhất thốn khôi.*

Cụ Ân đã dịch như sau:

*Phật phật gió đông mưa rì rả  
Phù dung ao nước sấm bên tai  
Kiềm thiên cần khóa đũa hương đến  
Ngọc hồ phảng phảng kéo nước lai  
Giả thị nhìn rèm Hàn lại nhỏ  
Mật phi dành gối Ngụy vương tài  
Lông xuân chở nghĩ tranh hoa phát  
Một tắc tướng tử một tắc khôi.*

Thiết tưởng nơi đây cần có vài lời giải: Kiềm thiên là vật trang trí của sổ có hình con cóc thép vàng cần ổ khóa, bên trong chứa trầm hương cho thơm nhà. Ngọc hồ là con cộp bằng đá màu ngọc trang trí hệ thống kéo nước giếng. Giả Thị là con của Giả Sung, tộm nhìn Hàn Đào nhỏ tuổi,

một quan nhỏ của bố nàng (thế nên hai người không thành duyên đũa).

Một số thơ dịch của Cụ Ân được làm trong thời kỳ lưu vong từ sau 1975. Sáng mùng hai Tết Dương Lịch năm 1982 tại Rennes, Cụ đã dịch bài "**Lạc Hoa**" của Chu Thục Trinh, thi nhân đời Tống:

*Liên lý chi đầu hoa chính khai  
Đổ phong hoa vũ cánh tương thối  
Nguyện giao Thanh đế thường vì chú  
Mạc khiến phân phân điểm thủy đài.*

*Đầu cành liên lý hoa vừa nở  
Đổ kỹ xanh hồng mưa gió công  
Thanh đế bốn mùa cao ngự trị  
Xin cho Xuân thắm chẳng thành rong.*

Cũng sáng đó Cụ dịch luôn bài "Tạp Thi" của Vô Danh thị:

*Cận hàn thực vũ thảo thê thê  
Trước mạch miêu phong liễu ánh đề  
Đẳng thị hữu gia qui vị đắc  
Đỗ quyền hữu hưởng nhĩ biên đề.*

*Mưa hàn thực cỏ mướt thê thê  
Mạch trở mầm phong thổi liễu đề  
Ai cũng có nhà về chẳng được  
Đỗ quyền không tiếng sát tai đề.*

Chú thích: Hàn thực: sau Đông Chí 105 ngày, tức mùng 3 tháng 3.



Trong Văn Lang thi tập, Cụ Ân không quên trình bày một số câu thơ của các nhà ái quốc Việt Nam như Phan Bội Châu, Phan Đình Phùng, Tàu như Phạm Thành Đại, thi nhân Nam Tống thuộc hàng kiệt xuất như Lục Du, Phạm Thành Đại sinh thời Bắc Tống bị diệt, lớn lên đau khổ vì quân Kim xâm lược, ông là người yêu nước thương dân. Chúng tôi xin trích bài "**Tức Sự**" để đọc giả thưởng thức trong tập viết về "**Mưa và Thơ**" này:

*Lục biến sơn nguyên bạch mãn nguyên  
Tử qui thanh lý vũ như yên  
Hương thôn tử nguyệt nhân nhân thiếu  
Tài liễu tâm tang hựu tháp điền.*

Cụ Ân dịch thành:

*Xanh khắp sơn nguyên trắng cả sông  
Quốc kêu thảm thiết tại mưa ròng  
Tháng tư làng xóm nhân người ít  
Hết việc tầm đầu tới việc đồng.*

Trong các nhà thơ Tàu có Lý Doan đồ Tiến Sĩ làm Hàng Châu Tử Mã, là một thi nhân danh tiếng thời Đại Lịch, một trong 10 Tài Tử. Ông có viết bài "**Khê Hành Ngộ Vũ Dữ**" sau đây:

*Nhật lạc chúng sơn hôn  
Tiêu tiêu mộ vũ phồn  
Nã kham lưỡng xứ túc  
Cộng thỉnh nhất thanh viên.*

Cụ Ân dịch:

*Trời xuống núi đầu hiu  
Buồn buồn mưa tối nhiều  
Không ngơi hai chốn được  
Cùng rõ một viên kêu.*

Nhiều thi nhân bắt đầu làm thơ thuở trung niên, có người tài ba làm thơ từ lúc nhỏ như **Bạch Cư Dị** 6 tuổi biết làm thơ. Vua Tuyên Tôn cho tìm chép những bài thơ của Ông thành một cuốn chừng 1000 trang và khắc từng bài lên mỗi tấm đá riêng rồi còn cho dựng Đài Kỷ Niệm: tráng lệ. Đến nay hơn 12 thế kỷ sau hai bài "Trường Hận Ca" và "Tỳ Bà Hành" vẫn còn người thích đọc. Trong phần chú thích tiểu sử thi sĩ họ Bạch, Cụ Ân có nói rằng thơ **Bạch Cư Dị** chạy nhất trong văn học sử Tàu vì Ông nhất định viết cho người bình dân nghe. Viết xong bài, Ông thường hỏi người thường dân có hiểu không, nếu cần Ông viết lại tức thì cho dễ hiểu. Chúng ta thử đọc:

*... Xuân phong đảo lý hoa khai nhật  
Thu vũ ngô đồng điệp lạc thi  
Tây cung nam nội địa thu thảo  
Lạc điệp mãn giai hồng bất tào*

*Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu củ  
Do tợ "Nghê thường vũ y" vũ  
Ngọc dung tịch mạch lệ can can  
Lê hoa nhất chi xuân đãi vũ.*

(Trường Hận Ca)

Cụ Ân đã dịch như sau:

*Gió đón xuân đảo lý trở rồi  
Mưa thu lá rụng ngô đồng còi  
Tây cung nam nội cỏ thu nghệt  
Lá rụng đầy thềm nào có quét.*

*Gió lay tà áo lay lay phất  
Xem tợ "Nghê thường vũ y" khúc  
Dung nhan buồn bã lệ đầy ròng  
Đầy cành lê động giọt mưa trúc...*

Bây giờ chúng ta thử đọc một vài câu trong "Tỳ Bà Hành":

Tầm Dương giang đầu dạ tổng khách  
Phong diệp lộ hoa thu sát sát  
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền  
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền  
Túy bất thành hoan thắm tướng biệt  
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt

Đại huyền tào tào như cấp vũ  
Tiểu huyền thiết thiết như tử ngữ...

Cụ Ân đã dịch ra là:

Đêm đưa khách bến Tầm Dương  
Gió thu hiu hắt lá vàng bông lau  
Người xuống ngựa, kẻ dừng chèo  
Rượu ngon muốn uống đầu hiu không đần  
Chén sông ngán nổi hợp tan  
Biệt ly nước ngậm vàng trắng giữa dòng.

Dây to sạt sạt mưa ào  
Ni non dây nhỏ sào sào chuyện riêng...  
(Bài Ca Tỳ Bà)

Trong những bài thơ dịch của Cụ Ân, chúng tôi rất thích bài "**Lâu Hoàng Hạc**" vì lối thơ rất nhẹ và rung cảm. Bài "**Hoàng Hạc Lâu**" của Thôi Hạo đã từng được Lý Bạch đọc và khen là thật gợi hình. Bài thơ nổi tiếng của thi nhân thời Thịnh Đường này đã được không biết bao nhiêu người dịch rồi, chúng tôi mạn phép ghi bản dịch của Cụ Ân ra đây tuy nó đi ra ngoài đề của bài viết này:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ  
Thủ địa không du Hoàng Hạc Lâu  
Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản  
Bạch vân thiên tái không du du  
Tinh xuyên lịch lịch Hán dương thụ  
Phượng thảo thê thê Anh Vũ châu  
Nhật mộ hướng quan hà xử thị  
Yên ba giang thượng xử nhân sầu.

Cụ Ân đã dịch bài này vào mùa Thu 1959 ở trong tù Côn Sơn như sau:

Người xưa cỡi hạc đi đâu tá  
Hoàng hạc lâu nay vẫn có đây  
Một phút hạc vàng thăm thẳm biệt  
Ngàn năm mây trắng lững lờ bay.  
Hán dương cây tở sông yên tĩnh  
Anh Vũ bãi chung cỏ mọc đầy  
Chiều quạnh đâu là hướng lý cũ  
Trên sông khói sóng nào lòng này.

Hai câu chốt Cụ dịch thật là hay và nhiều tình tứ:

Lòng trung trinh chờ chồng của người đàn bà hóa đá đã gây cảm hứng cho bao người, ngay cả Vương Kiến thi sĩ đời Đường. Ông đã viết bài "**Vọng Phu Thạch**" sau đây:  
Vọng phu xử

Giang du du  
Hóa vi thạch bất hồi đầu  
Sơn đầu nhật nhật phong phục vũ  
Hành nhân qui lai thạch ứng ngữ!

Cụ Ân dịch lại:

Vọng phu xử nước chảy du du  
Hóa thạch trở trở chẳng ngoảnh đầu  
Đàn chim ngày ngày mưa gió táp  
Người đi trở lại mới ứng đầu!

Trong các lối thơ Tàu, theo ý riêng của chúng tôi, lối thơ 5 chữ rất khó dịch, chúng tôi ngại khó, chịu dễ nên thấy lối Thất Ngôn Bát Cú dễ chịu hơn, tuy là không dễ dịch như trở bàn tay đâu! Đọc thơ dịch của Cụ Ân, chúng tôi thấy trong tù ở Côn Sơn thiếu thốn sách vở, Cụ lại mỗi tập tễnh vào làng thơ, vậy mà Cụ cố gắng dịch được, hay dở Cụ không để tâm lắm. Chỉ trong tinh thần đó chúng tôi mỗi mào muội xin Cụ cho xem **Văn Lang thi tập** và có dịp đọc thơ của Cụ. Chúng ta thử đọc:

Hồng diệp vẫn tiêu tiêu  
Trường đình tửu nhất biều  
Tân vân qui Thái thoại  
Sơ vũ quá Trung điều  
Thụ sắc tùy quan quỳnh  
Hà thành nhập hải diều  
Đế hương minh nhật đảo  
Do tự mộng ngư tiêu

(Thu Nhật Phò Khuyết Đề Đồng Quan Dịch Lâu - Hứa Hồn)

Chú thích: Đồng Quan: Đồng Quan huyện tại Thiểm Tây; Thái Thoại: Thái Thoại sơn ở Thiểm Tây; Trung Điều: Trung Điều sơn tại Thiểm Tây; Biều: bầu.

Bài thơ trên được Cụ Ân dịch ra như sau:

Lá thắm tối đầu hiu  
Trường Đình rượu một biều  
Mây tan về Thái Thoại  
Mưa rì qua Trung Điều  
Cây sáng dọc quan thắm  
Sông reo ra biển tiêu  
Mai về tới đế lý  
Còn mộng thấy ngư tiêu.

Cụ Ân đã cao tuổi nên thường nhắc nhiều về quá khứ. Mỗi lần Cụ đọc lại những bài thơ nói về Tây Hồ là Cụ nhớ lại những kỷ niệm đã xưa gần 67 năm rồi. Quả thật, năm 1929 người thanh niên trẻ Trần Văn Ân đi qua Nam Kinh dự thỉnh Đại Hội của Quốc Dân Đảng Tàu, đã ở lại Trung Hoa một năm và đã có dịp đi chơi Tây Hồ Hàng Châu nửa tháng, có một nữ đồng chí Ngô Gia Minh đi cùng. Chính cô này đã đọc cho Cụ Ân thời đó bài "**Xuân Đề Hồ Thượng**" của Bạch Cư Dị trong lúc hai người dạo thuyền chơi. Về sau Cụ có

dịch hai bài về **Hồ Tây** của Tô Thức. Bài thứ nhất tựa đề "**Hồ Thượng Sơ Vũ**":

Thủy quang liêm điểm tinh phương hào  
Sơn sắc không mông vũ diệp kỳ  
Dục bả Tây Hồ tỷ Tây tử  
Đạm trang nùng mặt tổng tương nghi.

Cụ Ân dịch:

Long lanh ánh nước trời êm tịnh  
Sắc núi mưa phùn vẫn thấy thanh  
Tây tử Hồ Tây tương tự đẹp  
Sơ sơ trang điểm cũng tươi xinh.

Bài thứ hai có tựa đề "**Vọng Hồ Lâu Túy Thư**":

Hắc vân phiên mặc vị già sơn  
Bạch vũ khiêu châu loạn nhập thuyền  
Quyển địa phong lai hốt xuy tán  
Vọng Hồ lâu hạ thủy như thiên

Cụ Ân dịch bài này như sau:

Mây đen nhà mực che sườn núi  
Mưa trắng phun châu rưới bụng thuyền  
Cuốn đất gió đưa tiêu tan hết  
Vọng hồ trời nước nước liền trời  
(Say Vịnh Cảnh Hồ)

Trong lịch sử văn học Trung Quốc, người ta còn nhớ 3 nhà họ Lý có biệt tài về từ (thơ hát): **Lý Bạch, Lý Dục, Lý Thanh Chiếu**. Lý Dục tức Lý Hậu Chúa (937-978) người hiền đức, thường dân thường người. Trong những ngày sống đời bần nhân, khổ sở, ông có viết câu "**Thủ trung nhật tịch dĩ lệ chu tẩy diện**" nghĩa là: "ở đây sớm chiều lấy nước mắt rửa mặt". Năm 40 tuổi Lý Hậu Chúa bị tướng Tào Bản bắt nạp Tống Thái Tổ. Thuyền ra giữa dòng, Hậu Chúa ngoảnh đầu nhìn Thạch Hào Thành hùng tráng, không cầm được nước mắt viết ra bài thơ "**Vọng Cựu Gia Hương**" vừa bi thương vừa khẳng khái như sau:

Giang Nam, Giang Bắc cựu gia hương  
Tam thập niên lai mộng nhất trường  
Ngô Uyển cung vi kim lãnh lạc  
Quảng Lăng đài điện dĩ hoang lương  
Vân lung viễn tụ sầu thiên phiến  
Vũ đả qui chu lệ vạn hàng  
Huynh đệ tử nhân tam bá khấu  
Bất kham nhân tọa cộng thương lương.

Cụ Ân dịch ra thành bài: "**Nhớ Quê Xưa**":

Giang Nam, Giang Bắc quê nhà cũ  
Ba chục năm qua mộng một trường  
Ngô Uyển cung vì nay lạnh rã  
Quảng Lăng đài điện đã tan hoang  
Mây trùm núi thắm sầu chông chát  
Mưa vỡ thuyền này lệ nhỏ ròng  
Bốn mặt anh em bao bộ hạ  
Không cùng ngồi lại hợp lo lường.

Vua Tống Khuông Nghĩa, một vị vua thiếu đức hạnh, đọc thấy bài từ "**Cố Quốc Bất Kham Hồi Thủ**", "*Không nhìn về cố quốc được*" cho là Hậu Chúa còn lo cho quê hương nên sai người đầu độc Lý Dục chết lúc 42 tuổi.

Chúng tôi dành nhiều dòng dưới đây để nói đến nữ sĩ Lý Thanh Chiêu, một đại thi gia một đời ái quốc giữ vững tinh thần kháng địch (giặc Kim), rất hay chữ, đã có làm nhiều bài từ tỏ tâm sự bi ai của con người đau khổ vì ly hương, vì nạn quốc phá gia vong và sau chết vì sầu khổ, cô quả, độc phụ.

Hãy đọc bài "**Như Mộng Linh**" của nữ thi gia:

*Tạc dạ vũ phong sậu  
Nùng thủy bất tiêu tàn tửu  
Thi vấn quyện liêm nhân  
Khước đạo hải đường y cữu  
Tri phú tri phú  
Ứng thị lục phi hồng sấu*

được Cự Ân dịch ra là:

*Đêm qua gió lạnh mưa sỡ  
Ngủ ngon tới sáng bơ phờ còn say  
Cuốn rèm thử hỏi nàng này  
Hải đường như cũ chẳng phai chút nào  
Trả lời như thế là sao  
Chắc xanh tươi tốt bèo nêo hồng kia  
(Năm Mộng)*

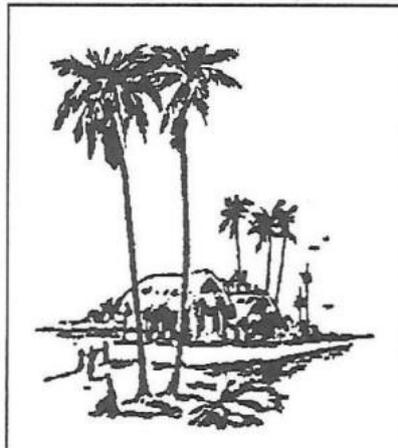
Chúng tôi trích thêm bài "Thanh Thanh Mạn" và không quên mượn ghi lại tất cả trang chú giải của Cự Ân để đọc giả hiểu thêm tâm sự nữ sĩ:

*Tâm tâm mịch mịch  
Lãnh lãnh thanh thanh  
Thê thê thăm thăm thích thích  
Sạ noãn hoàn hàn thời hầu  
Tối nan tương tửc  
Tam bôi lương trảng đạm tửu  
Sạ địch tha vãng lai phong cấp  
Nhạ quá dã chánh thương tâm  
Khước thị cữu thời tương thức  
Mãn địa hoàng hoa đòi tích  
Tiêu tụy tổn  
Như kim hữu thủy kham trích  
Thủ trước song nhi  
Độc tự sạ sanh đắc hắc  
Ngô đồng cánh kiem tế vũ  
Đáo hoàng hôn điểm điểm trích trích  
Giá thủ đệ  
Sạ nhất cá "sầu" tự liễu đắc.*

Năm Mậu Ngọ 1978, Cự Ân đã dịch bài này vào ngày Rằm tháng Ba:

*Thần thơ thơ thần kiếm tìm  
Trời thu man mác một mình thê lương*

*Thâm thê thê thăm thăm đoạn trường  
Khí trời nóng lạnh bất thường khó thay  
Một vài chén rượu lũng đầy  
Làm gì chịu nổi chiều ngày bạo phong  
Nhạ bay cao vút trên không  
Nhìn trông quen cũ đau lòng tưởng tử  
Đầy sân cúc héo bơ vơ  
Bây giờ thử hỏi ai người nhặt cho  
Ngồi bên cửa sổ buồn so  
Một thân hiu quạnh cơ ro tới chờ  
Ngô đồng mưa nhỏ sỡ rỡ  
Chiều hôm rì rả giọt lo giọt rầu  
Tình này cảnh ấy bắt đầu  
Nghĩ lâu mới thấy chữ "sầu" gồm thâu.*



Chú giải của Cự Ân: Trong bài này Thanh Chiêu nhời chữ tới 14 lần. Cuối bài còn nhời thêm. Đây là từ tức là thơ để hát, nên vấn đề nhời chữ là quan trọng và phải cho có kỹ xảo. Người Việt ta cũng thích nhời chữ, như: Trời cao cao đứng; gió ào ào qua; chim sè sè cánh... Văn Âu Tây không có. Từ đầu bài đến cuối bài, tác giả còn dụng ý nói lên cảnh chiều thu, hoa héo, mưa rì rả trên lá ngô đồng, khí trời chợt nóng chợt lạnh, chim nhạ bay qua, ngồi bên cửa sổ một mình. Người cô đơn ấy là ai? Là một nữ thi sĩ, nữ tử nhân. Thi sĩ tài hoa mất chồng tri kỷ, tri âm. Một ông chồng cũng tài hoa. Trong cảnh nước nát nhà tan, cảnh bỏ nhà bỏ quê chạy xuống miền Nam. Có nhận qua mấy điều ấy, ta mới thấy nhời mấy chữ "*tâm tâm, mịch mịch, thê thê, thăm thăm, thích thích*" là tuyệt. Tìm kiếm cái gì? Không nói ra vì có nghĩ mình tìm kiếm cái gì đâu. Mà thật là tự nhiên mình tìm kiếm cái không còn nữa, không còn vĩnh viễn. Là cái tình yêu, cái bậu bạn, cái tâm đầu ý hợp, cái cả hai nương tựa nhau. Cái đó còn đâu? Thế mà vẫn kiếm tìm, mà tự mình không hay mình kiếm tìm. Đó là cái lẩn thẩn của người đa cảm đa sầu. Ai có ngồi một mình, nghe giọt mưa rì rả trên lá cây, trong cảnh chiều thu, trước hoa rơi, mới cảm thấy cái "giọt lo giọt rầu" mà chẳng biết cùng ai thỏ

than! Các nhà phê bình Trung Quốc cho là tuyệt diệu. "Chẳng khác một lối múa kiếm của mạng phụ cung nhân". Thanh Chiêu còn là nhà ái quốc triệt để, như Lục Du, Phạm Thành Đại... Tánh tình cương trực, không ca tụng Lưu Bang mà nhỏ Hạng Võ, thán phục Mục Lan, trong khi bao nhiêu ngài bút chạy "đi cứu kẻ chiến thắng" của bọn mây râu.

Đọc Lý Thanh Chiêu, cũng như đọc những thơ hay, ta cần đọc đi đọc lại nhiều lần với một tâm hồn thanh tịnh cõi mờ, rồi lắng nghe Thanh Chiêu kêu lên "Sanh đường tác nhân kiệt. Tử diệc vi qui hùng". Cũng như Lục Du sắp chết còn dặn con ngày giỗ nhỏ cho tin cha biết về công việc đuổi giặc Kim, rợ Bắc".

Có một bài thơ không nói về mùa mưa chỉ nói về gió tuyết nhưng lồng trong một hoàn cảnh thật ý nghĩa đã làm chúng tôi chọn để kết thúc phần thơ dịch của Cự Trần Văn Ân ở đây. Bài thơ đó tả cảnh Lưu Bị đi tìm gặp Khổng Minh. Cự Ân đã dịch bài này trong khám tử hình Côn Đảo vào mùa Đông 1959 nhân dịp dạy bạn đồng lao học đọc Tam Quốc Chí. Bài có tên "**Lưu Bị Đệ Nhị Thủ Phòng Khổng Minh**":

*Nhất thiên phong tuyết phùng hiên lương  
Bất ngộ không hồi ý cảm thương  
Đông hợp khê kiều sơn thạch hoạt  
Hàn xâm an mã lộ đồ trường  
Đương đầu phiến phiến lê hoa lạc  
Phác diện phân phân liễu nhủ cuồng  
Hồi thủ đỉnh tiên dục vọng xử  
Lạn ngân đối mãn Ngọa Long Cương.*

Cự Ân dịch thành bài "**Lưu Bị Viếng Khổng Minh Lần Thứ Nhì**":

*Một hôm gió tuyết viếng hiên lương  
Chẳng gặp về không lương cảm thương  
Giá đặc cầu tre trơn trượt đá  
Lạnh xoi yên ngựa thẳm xa đường  
Trên đầu mảnh mảnh hoa lê rụng  
Trước mặt bờ bờ lá liễu vương  
Dừng ngựa ngoảnh nhìn xa mút mắt  
Đầy đôi trăng xóa Ngọa Long Cương.*

Chúng tôi nhớ đã có dịp đọc bài thơ này trong báo Hồn Nước (số 3 năm 1980). Đây cũng là dịp để dở trang báo cũ, đọc lại những gì nhà báo muốn gởi gắm với bạn đọc. Bài báo của ký giả Việt Dân có tựa đề "**Học Người xưa: Tận tụy với nghĩa vụ đấu nghịch cảnh**". Trong bài có kể rằng Khổng Minh Gia cát Lượng hiểu học, khiêm tốn tìm người để cầu tiến. Năm 26 tuổi ông về Nam Dương, chơi thân với Từ Thúc và Bằng Thống. Qua năm sau Lưu Bị

mời ra giúp Hán. Phải ba lần cầu hiền, Lưu Bị mới gặp được Khổng Minh. Câu chuyện này nói lên lòng thành tìm người tài đức của Lưu Bị. Gia Cát Lượng giúp Lưu Bị lập nước Thục. Ông làm việc suốt 27 năm không ngơi nghỉ. Ông chết năm 54 tuổi. Ông là người tướng duy nhất ra trận mà không có mang khí giới. Theo bài báo:

"Sự lập mạng của Ông đáng nêu gương cho muôn đời. Ông từng bảo "cúc cung tận tụy tử nhi hậu dĩ". Hết lòng vì nước đến chết thôi, thành bại là việc của Trời.

Đời ông được không kiêu, mất không nản, chết cũng là việc thường.

Có mấy điều mà chúng tôi thấy cần ghi ra đây để làm bài học:

- Mượn đất Kinh Châu để cho Lưu Bị tiến thân và lập nên nước Thục, vì khi Ông ra phò Lưu Huyền Đức (Lưu Bị) tại Tân Dã thì Chúa của Ông là người bạch thủ (tay trắng không).

- Bảy lần bắt và tha Mạnh Hoạch (đại đức, đại lượng)

- Hòa Ngô, phạt Ngụy (biết Ta biết Người, biết Bạn, biết Thù)

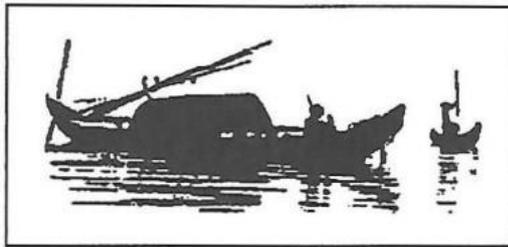
- Không tham giữ quyền hành, chỉ mong làm tròn nhiệm vụ đã hứa, dầu biết không thể mà vẫn phải phạt Ngụy, lục xuất Kỳ Sơn, không hao binh tổn tướng và 6 lần lui binh cũng không bị tổn thất và có lần giết tướng giặc.

- Xử sự công tư đều nghiêm minh. Nghiêm mà không ai than oán vì là **Chí Thành, Chí Trực, Chí Công**. Như giết Mã Tắc vì nghiêm quân lệnh mà nuôi con Mã Tắc như con ruột. 27 năm làm Thừa Tướng nước Thục mà đến khi chết, gia sản chỉ có vốn vẹn 600 gốc dâu do vợ tự túc gây dựng ở quê nhà.

Làm cho thiên hạ còn lưu câu nói như sau mỗi khi nhắc tới Khổng Minh: "Thân mình chánh trực dầu không ra lệnh thiên hạ vẫn luôn tuân hành (kỳ thân chính bất lệnh nhi hành). Thân mình không chánh trực dầu ra lệnh người ta vẫn không tuân hành (kỳ thân bất chính lệnh nhi bất hành).

Cả nhà đều tận tụy vì nước. Các con đều kháng giặc đến chết. Quả là tấm gương sáng cho hậu thế soi chung".

Than ôi, ngẫm lại gương người xưa mà buồn cho người nay nhất là cho những người lãnh đạo của đất nước chúng ta. Giới cầm quyền tham nhũng, bất chính, tham quyền cố vị, không đại lượng... Đất nước thì phép tắc không nghiêm minh (phép nước đối đầu với phép cục bộ, đồng tiền lũng đoạn mọi sinh hoạt...) làm sao không có ngày nước sẽ loạn! ■



## Bài thơ HUẾ

\* Vi Khuê

Thương Huế lắm, Huế rất nhiều thi sĩ  
Bởi vì rằng lạ rứa, hi, anh hề  
Phải chăng vì mưa ướt đất lê thê  
Hay là rụng trên vai buồn tượng đá

ừ Huế đó, con đường vô Thượng Tú  
Lá me xanh, hoa phượng đỏ, xoan hồng  
Chân em nằm ngoan dưới lớp quai nhung  
Anh khê gọi: ơi bàn chân công chúa!

ừ Huế đó, những chiều anh đã hứa  
Tối thăm em, nhưng chẳng chịu đứng giờ  
Anh biết rồi, có đợi mới thương chờ  
Để anh được đứng rình em thơ thẩn

ừ Huế đó, yêu đương là lẫn thẩn  
Viết thư tình trăm vạn chữ vu vơ  
Không cầm tay không cả cái hôn hồ  
Chỉ ngó mắt, sợ e tình vẫn đục

ừ Huế đó, yêu thương là quý trọng  
Tình cho nhau như nước lạnh trong ly  
Tủ buổi làm quen đến lúc chia lìa  
Ờ, tội quá, ôi sao mà tội thế!

Em nhớ lắm, mắt anh màu hạt dẻ  
Lúc nhìn lên có một nốt ruồi nâu  
Răng mà buồn, như thế biết không lâu  
Anh vĩnh biệt. (Mà thiệt là như rứa)

ừ Huế đó, người ta đau đớn tựa  
Đoạn trường kia dây đã thắt từng cơn  
Chẳng còn chi ngoài một chút tui hờn  
Khi nhắm mắt, bởi sống là cơ cực

Cơ cực lắm, mưa dầm chen gió bắc  
Lụt trong tâm và lụt cả ngoài trời  
Có mấy ngày mà Huế được yên ngơi  
Bão thời thế cuốn trời long đất lở

Huế không phải chỉ là thành phố nhỏ  
Trong bốn bức tường, hay núi Ngự  
sông Hương  
Huế, theo tôi, là dải đất miền Trung  
Đã hấp thụ chung nền văn hóa đó

Nền văn hóa sản sinh nhiều thi sĩ  
Biết làm rằng định nghĩa nở, anh hề  
Chỉ biết là để-thương-lắm-a-thê  
Một câu nói vạn đời sau nhớ mãi

Là câu nói của người thơ xứ Huế  
Thuở "bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài"  
"Một đêm nào mờ lạnh ánh gương phai"  
Với hình ảnh của bạn đời lao khổ.

Ôi thương quá, "bàn tay ai bé nhỏ"  
"Che mùa đông rét mướt" những muện phiền  
Gót sen hồng em, những bước chân điên  
Đã dẫm nát hoa thơm thời tuổi dại

Em nhớ lắm, em nhớ hoài nhớ mãi  
Ôi! em thấy chày dài trong máu ấy  
Huế một ngày đứng dậy rất hiền ngang  
Đó là khi Huế nổi giận, bắt bàng...

Mà nói vậy đâu phải là "ca" Huế  
Huế cũng nhiều chốn nọ nơi kia  
Một dòng trong mười dòng đục phân chia  
Có nhiều mẹ... ăn chung giữa chợ!

Huế chịu tiếng trai không lành, gái dữ  
(Non không cao nước cũng chẳng sâu mà)

Nghĩa là gì, tôi vẫn hiểu không ra  
Tôi chỉ biết: Huế tình sâu nghĩa nặng

Huế qua tôi, Huế rất là thăm thẳm  
Huế đa tình: Nặng lắm chữ yêu thương  
Nguyễn Du xưa chỉ khóc một Kiều Nường  
Là biểu tượng của nòi tình muôn thuở

Nên Huế sẽ một chiều xuân ngát gió  
Phất ngọn cờ lộng lộng sáng trắng sao  
Non không cao nước cũng chẳng sâu nào  
Nhưng tình nghĩa rạng ngời như chính khí

## LỜI TÒA SOẠN:

Học giả **Hương Giang THÁI VĂN KIỂM** vừa gởi cho báo Viên Giác số Đặc Biệt Xuân Mậu Dần bài "**Cọp Khánh Hòa, Ma Bình Thuận**". Đây là một trong 32 bài nghiên cứu tỉ mỉ được trích trong cuốn "Việt Nam Gấm Hoa" - một tác phẩm có giá trị văn học của tác giả do Làng Văn xuất bản đầu năm 1997.

Rất nhiều người chỉ biết Hương Giang Thái Văn Kiểm là một nhà nghiên cứu văn học Việt Nam mà ít ai biết đến tác giả nguyên là một công chức mẩu mực của Việt Nam Cộng Hòa, đã giữ nhiều chức vụ quan trọng và trên bước đường hoạn lộ thênh thang, tác giả đã có dịp đi lại nhiều nơi, đã nghe, đã thấy và đã kiểm chứng về các huyền thoại, truyền thuyết dân gian hay văn chương truyền khẩu để tìm cách giải thích và phân tích theo hiện tượng khoa học.

Để mừng Xuân và đón Tết Mậu Dần, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu đến độc giả bài nghiên cứu của Học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm.

■ VIÊN GIÁC

hi còn nhỏ, tôi theo cha tôi vào Bình Định thăm cô tôi ở tận làng An Tây (Tây Sơn), phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Đi từ Qui Nhơn lên tới Phú Phong bằng xe ngựa, rồi mới lội sang sông gặp mùa hè nước cạn và cứ theo đuôi người ở địa phương, vì như cha tôi bảo rằng: *ăn cỏ đi trước, lội nước theo sau*. Khi qua bên kia sông, chúng tôi phải đi bộ một quãng đường dài mới tới làng cô tôi ở nơi chân một hòn núi rất cao có mây phủ. Đêm đêm tôi nghe cọp rống và cô tôi cho biết rằng trước đó mấy đêm có cọp về bắt heo hàng xóm, khiến cho dân trong làng đánh mõ và phèng la inh òi suốt đêm. Đó là lần đầu tiên trong đời tôi được nghe tiếng và nghe nói chuyện cọp. Tôi đâm ra lo sợ, nhưng cô tôi và dựng tôi, vốn là thầy dạy võ, đã từng làm chức Lãnh Binh thành Bình Định, đều tỏ vẻ tự nhiên, không khiếp sợ gì cả. Cô tôi bèn đeo cho tôi một chiếc vòng cổ có vút (móng) cọp khảm bằng bạc, rồi nói rằng từ nay tôi sẽ được nhiều can đảm và sẽ không còn sợ gì cả, chỉ còn sợ trời sập mà thôi!

Sau mấy ngày ở lại An Tây, cha tôi dắt tôi về lại Quảng Ngãi để tiếp tục học hành cùng với chị và các em tôi. Ít tháng sau, tôi nghe cha tôi kể rằng ở ngoài Sơn Tịnh có ông Quán Khê làm Sở Lục Lộ, đóng một cái cũi lớn và sập được một con cọp gấm. Cha tôi liền đi xe đến tận nơi xem cọp bị



# CỌP

## Khánh Hòa

## MA Bình Thuận

● Hương Giang  
THÁI VĂN KIỂM

bẫy. Lúc về cha tôi kể lại rằng người đi xem rất đông nghẹt và chen chân không lọt. Tuy nhiên cha tôi cũng đã mang về một miếng thịt, mà thật ra chúng tôi không biết là thịt gì, rồi bảo mẹ tôi "nuông cho tụi nó ăn". Ăn xong, cha tôi mới cho biết là thịt cọp và thêm rằng "*ăn thịt cọp sẽ được tăng cường dũng cảm*"!

Thế là từ lúc bé thơ tôi đã hai lần làm quen với cọp! Mãi về sau, mấy mươi năm về sau, tôi lại được cơ hội vào miền Nam Trung phục vụ nhân dân, vào đúng nơi mà người ta thường nói là *Cọp Khánh Hòa, Ma Bình Thuận*. Đó cũng là cái cớ để hôm nay tôi được nói chuyện Cọp với độc giả nhân lúc chào đón Xuân Mậu Dần 1998.

Chúng ta đang bước vào thêm năm mới Mậu Dần với biểu tượng con Cọp, một giống vật dũng mãnh và hung hãn mà người đời gọi là Chúa Sơn Lâm. Năm nay, 1998, là năm thứ 15 của *Vận-niên lục-giáp thứ 78* khởi đầu từ năm 1984 của lịch đại cổ truyền Á Đông, được vua Hoàng-Đế minh định và quảng bá năm 2.637 trước Công Nguyên. Kể từ năm đó tới nay, lịch đại Á Đông đã được 60 x 77, cộng thêm 15 năm (1998-1984), vị chỉ 4.635 năm.

### I. TÌM HIỂU GIỐNG CỌP

Cọp được chỉ định với tên khoa học "*felis tigris*", loài *félin*, họ *félidées*, bề cao gần 1 thước, bề dài từ 1 thước rưỡi đến 2 thước, chưa kể cái đuôi dài hơn 1 thước, tất cả vươn ra gần 3 thước. Cọp không thích ánh sáng, cho nên ban ngày thì núp trong bụi rậm rừng sâu, chờ chạng vạng (hoàng hôn) mới xuất hiện. Cọp nhìn rất rõ trong đêm tối nhờ cặp mắt sáng quắc như có hào quang, điện lực, có thể thổi miên những con vật nhỏ yếu như hươu, nai... Râu cọp giúp nó tìm kiếm và đánh hơi như giống mèo, còn cái đuôi giúp nó quân bình thân thể và lèo lái lúc rượt bắt thú vật đủ các loại lớn nhỏ, từ sư tử, voi, tây ngưu và mãng xà cỡ lớn. Còn những giống vật nhỏ

trong rừng thì nó chỉ trừ con Công (khổng tước), và *chỗ nào có cọp thì có Công*, là vì *con công xia răng cho con cọp*, lúc nó nằm ngủ hay nghỉ ngơi. Hiện trạng này, tôi đã được chứng kiến nơi chân đèo Vạn Giã (Varella), năm 1953, gần ngôi chùa của Hòa Thượng Quảng Đức, nhân một cuộc "*thăm dân cho biết sự tình*".

Đây là miền cực Bắc tỉnh Khánh Hòa, nơi mang tiếng là "*Cọp Khánh Hòa, Ma Bình Thuận*", đất cũ của Chiêm Thành với hai địa danh Kauthara và Panduranga. Một nhân sĩ địa phương, giáo- sĩ *Alix Bourgeois*, thuộc dòng Phan-Xi-Cô (Franciscains) ở Hòn Chồng, Nha Trang, hiện nay ở Paris, kể cho tôi nghe rằng: "Trong núi Đồng Bò có một cây trầm cổ thụ to lớn, có một ông Cọp vằn to lớn canh gác ngày đêm". Không một tiều phu nào dám bén mảng tới nơi này. Những người "*đi điệu*" ngâm ngải tìm trầm cũng biết như vậy và họ còn nói rằng từ núi Đồng Bò có ngọn gió chiều thơm mát từ gốc trầm này thổi ra, hòa hợp với ngọn gió biển Nam Hải, khiến cho *khí hậu Nha Trang trở thành khí hậu tốt nhất Việt Nam*.

Có một lần, từ trong núi Đồng Bò một con cọp đi lạc ra Suối Dầu (Diên Khánh), đi ngang qua lộ lớn số 1, khiến cho ai nấy đều khiếp sợ. Họ báo động cho nhau để kịp né tránh. Liền khi đó, có Bác sĩ *Alexandre Yersin*, Giám đốc Viện Pasteur Nha Trang, cũng vừa đạp xe máy tới nơi. Họ liền báo cho ông ta hay, nhưng ông ta cứ thản nhiên đạp chiếc xe cọp cạch mà trả lời bằng tiếng Việt rằng: "*Đường mình đi, đường người ta người ta đi, ai đi đường nấy, cứ chi mà sợ?*" Thế là nhà Bác học Yersin cứ tiếp tục đi vào rừng cao-su và quinquina Suối Dầu do ông sáng lập từ đầu thế kỷ XX. Ông đã mất tại Nha Trang ngày 10 Mars 1943, được chôn cất nơi rừng cao-su này, là nơi mà chúng tôi đã kính cẩn đặt vòng hoa mười năm sau, ngày 10.3.1953, trên ngôi mộ rất đơn giản

lưu danh một nhà Bác học rất yêu mến nước Việt Nam.

Cứ theo đường cái quan vào Nam, chúng ta sẽ đi tới Phan Rang rồi Phan Thiết, hai nơi này mang tiếng có nhiều ma, gọi là *ma Hời*, mà thi sĩ *Chế Lan Viên* (Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan, quê quán Quảng Trị), thời tiền chiến, đã nhiều lần nhắc tới:

*Ta hãy nghe trong lòng bao đỉnh Tháp  
Tiếng thở than, lòng oán trách cơ Trời.*

*Ta hãy nghe, trong gạch Chàm rơi lác đác,*

*Tiếng máu Chàm ri ri chảy không thôi.*

*Ta vừa thấy bóng nàng trên cỏ biếc,  
Suối tóc dài êm chảy giữa dòng trắng.*

*Ta vừa nghe giọng sầu bi tha thiết*

*Của Chiêm nương gờn gợn sóng cung*

*Hằng.*

*Đây những cành ngàn sâu cây lá  
ngọn,*

*Muôn ma Hời sờ soạng dất nhau đi.*

*Những rừng thẳm bóng chiều lan hỗn  
độn,*

*Những tượng Chàm lồ lòi ri rên than!*

Nơi miền này, trước đây không lâu, còn có một tục lệ dị đoan bi thảm, do người Chàm để lại, là người ta *bào chế một chất thuốc độc ghê gớm với râu cạp*. Râu này được họ cắt ra từng khúc ngắn, trộn với đường dẻo, làm thành những viên kẹo để cho kẻ khác ăn. Kẹo vào bao tử, ruột non ruột già sẽ đâm thủng, cào nát những lớp da, làm cho lở loét, và sinh ra chứng bệnh thổ tả, rồi kiệt sức mà chết.

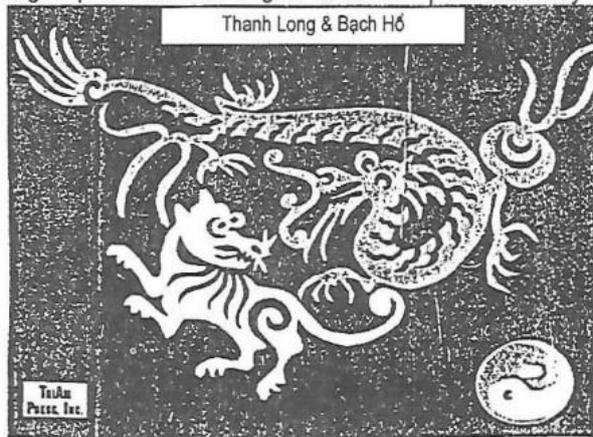
Giáo sư G. Chochod, đã từng ở lâu năm trong nước ta, viết trong quyển *La Faune Indochinoise* rằng: Người ta còn một cách nữa để bào chế thủ thuốc độc ghê gớm đó bằng cách lấy râu cạp để nguyên, cho kẹp vào những mụn măng vôi, hay là những mụn măng non, ít lâu sẽ thấy xuất hiện nhiều sâu rọm lông lá để sợ. Người ta sẽ lấy cứt sâu rọm, lén trộn vào nước uống cho khách qua đường, hay là cho kẻ thù địch uống vào thì thế nào cũng chết vì chất đó độc lắm.

Cho nên, mỗi khi bắt được cạp hay là bán chết cạp, *việc đầu tiên phải làm là đốt râu cạp*, chỗ để cho ai nhớ đem về. Ngày xưa, ông tôi, rồi đến cha tôi, đã từng làm quan trong miền Bình Phú và Nam Ngãi, có kể cho tôi nghe mấy vụ kiện cáo và điều tra về những vụ thuốc độc với râu cạp này. Đó là chuyện thời xưa, nay không còn nữa.

Sau này, đến phiên tôi cũng được vào đây phục vụ nhân dân Khánh Hòa và Ninh Thuận, tôi lại được cơ hội tìm hiểu thêm về phương diện nhân chủng học và phong tục học mà thôi. Tôi được biết ngày xưa khi vào nhà ai xin nước uống thì úp cái nón lại ngoài hiên. Nếu trong nhà có nuôi thú sâu cạp thì người nhà lật đặt ra lật ngửa cái nón, vì sợ con sâu bị ngộp mà chết! Đó chẳng qua chỉ vì mê tín dị đoan mà thôi.

Và muốn đề phòng thuốc cạp khi phải đi ngang những vùng đó, người ta mang theo trong người *vài sợi lông đuôi voi*, hay là *vài trái ớt chỉ thiên*, lúc nào người ta búng nước ra cho mình uống, thì mình cho rơi lông đuôi voi hay là trái ớt vào, thì tự nhiên thấy nó xoay tròn và nổi bọt, thế là biết nước có chất độc, phải đổ đi ngay, rồi vác chân mà chạy!

Đã nhiều lần, tôi đã đem vấn đề này bàn luận với mấy ông bạn Y-sĩ trong nước và ngoài nước, đặc biệt với Bác sĩ Nguyễn Minh Tân, cựu Giám đốc Học đường Bộ Quốc Gia Giáo Dục, và Bác sĩ Huỳnh Trung Nhi ở Paris, đồng ý với tôi mà nghĩ rằng: cạp ăn thịt sống, dính nơi răng, nơi lông mép tùm lum. Nói rằng thì đã có con



công nó xia dùm, còn nơi lông mép thịt dư còn sót thành ra thúi nát, mỗi biến ra một chất rất độc gọi là *ptomaine*, chất này mà thêm vào lông cạp cắt nhỏ chui vào thân thể với kẹo, thì sinh ra ung nhọt...

Chất độc *ptomaine* này mà trộn thêm với cứt sâu rọm nuôi với măng vôi thì lại càng độc địa hơn nữa. Thế là chúng ta đã đi từ phong tục tập quán đến sùu tầm khoa học để làm sáng tỏ vấn đề và giải tỏa thắc mắc, bí truyền về giống Cạp.

Nhưng còn một thắc mắc nữa cần được giải tỏa luôn. Tại sao người ta gọi cạp là *ông ba mươi*? Theo nhà thiên xạ G. Chochod, người ta sợ hãi giống cạp đến nỗi không dám gọi là con, mà phải gọi là ông, rồi phải kiêng cử cả tên nữa mà phải

gọi là ba mươi. Nhưng tại sao lại ba mươi, mà không hai mươi? Là vì giống cạp có trí nhớ rất ngắn, nó chạy khoảng 30 sải là đã quên hết, khác với giống Voi có một trí nhớ kinh khủng, mà người Tây-dương gọi là "*mémoire d'éléphant*".

Còn ông *Đốc phủ Lê Văn Phát*, tác giả, "*Contes et Légendes du Pays d'Annam*", Saigon, Imprimerie F-H Schneider, 1913, thì giải thích rằng: Ngày xưa ai giết được cạp thì được nhà cầm quyền thưởng ba mươi quan tiền, nhưng đồng thời người đó cũng bị ba mươi roi sau đít, nhằm an ủi linh hồn ông cạp, may ra ông ta sẽ không trả thù!

Theo truyền thuyết của đồng bào Thượng thì Cạp cái đẻ con, nuôi nấng đàn hoàng, khi chúng nó bắt đầu đi đứng vững vàng, thì cạp mẹ bắt buộc cạp con nhảy ngang qua thân mình, con nào nhảy qua thì được tiếp tục nuôi dưỡng, còn không thì bị bỏ. Ngoài ra, những cạp con nào mới lớn lên mà nhảy qua khe suối, đều bị cạp cha vồ giết ngay, vì một phản ứng thù hận, e ngại sau này bị truất phế. Cho nên cạp mẹ đẻ ra từ 3 đến 5 con, nhưng đến lúc lớn lên chỉ còn vài ba con mà thôi. Đây là thâm ý của Thượng Đế

muốn duy trì sự quân bình lực lượng trên thế gian và trong vũ trụ, để cho mọi sinh vật được sinh sống và sinh sản lâu dài.

Bên cạnh những tác hại của giống cạp, chúng ta cũng phải công bằng mà nhận rằng cạp cũng có phần ích dụng, ví dụ như xương cạp dùng để *nấu cao hổ cốt*, rất bổ ích. Phải thấu góp nhiều

bộ xương cạp rồi rửa ra từng khúc ngắn, đem nấu cháo lớn trong nhiều ngày đêm, vớt hết xương ra, nấu tiếp chất nhớt cho tới khi cô đọng, rồi mới đem đổ ra thau đồng, hay là khuôn gỗ, để cho nó nguội rồi cắt thành miếng cỡ hộp diêm. Đầu năm 1985, nữ sĩ Song Khê ở Fairfax (Hoa Kỳ) đã có mỹ ý gởi cho đệ mấy thè cao hổ cốt, kèm theo một bài thơ như sau:

*Năm xưa rau sắng chùa Hương,*

*Tiền đồ đỡ tốn, con đường đỡ xa.*

*Năm nay hổ cốt gởi qua,*

*Cung táng diên thọ, Thái gia cát tường.*

(Fairfax, 9.5.1985)

Ngoài ra, trong bộ xương cạp có cái xương cụt nói bà vai được các thầy thuốc

Đông Y dùng cấp cứu những người bị rắn độc cắn, hay là chó dại cắn, đặt cái xương đó vào chỗ bị thương thì tự nhiên thấy máu đen rút ra với chất độc, rồi rắc thuốc bột vào, vừa khủ trùng vừa làm cho liền da.

Trong ngành Đông Y, đặc biệt trong ngành *Châm cứu* (Acupuncture), người ta lưu ý nhất nơi điểm huyết gọi là huyệt khẩu (miệng cạp) như sau:

**Huyệt khẩu:** tên một mạch huyết trong con người tại chỗ ngón tay cái tiếp giáp ngón tay trỏ, nơi cái bắp thịt nhỏ. Cái huyết này rất quan trọng, gọi là *huyệt khẩu*, Tây phương phiên âm là *Rokou*, điều khiển cả cái mặt và cái đầu con người, trong ngành châm cứu (acupuncture), quan trọng như miệng cạp vậy. Mỗi đây các nhà Bác học y-sĩ Pháp đã dùng máy điện tử khảo nghiệm tất cả hệ thống mạch huyết con người và chứng nhận sự chính xác và tính cách khoa học của ngành châm cứu Trung Quốc, đã phát minh ba ngàn năm trước đây.

Nhân dịp này, chúng ta cũng nên nói thêm rằng ngành Đông Y mà Tổ Sư là Biển Thuộc, vốn là người Việt (Biển Thuộc Việt Nhân), thuộc Đại Tộc Bách-Việt ngày xưa, thời Chiến Quốc, vào thế kỷ V và VI trước Công Nguyên.

## II. CẠP TRONG LỊCH SỬ VÀ VĂN CHỨNG VIỆT NAM

Sử chép rằng: Vua Đinh Tiên Hoàng (968-980) dẹp xong loạn Thập Nhị Sú Quân, ban hành pháp luật nghiêm minh, đặt ra nhiều phương pháp kỷ lệ, để răn dạy muôn dân, gìn giữ kỷ cương, trật tự. Nhà vua đặt trước điện Hoa Lư nhiều chuông cạp beo. Gần bên thì có những vạc dầu sôi sục ngày đêm. Ở giữa có treo tấm bảng lớn với mấy dòng chữ: "**Ai mà không tuân pháp luật thì sẽ bị luộc dầu hay là cạp ản. Khâm thú**". Từ đó, tiếng đồn vang khắp nước, ai nấy đều răn rắp tuân theo phép Vua luật Nước lệ Làng, khiến cho trăm họ được thái bình thịnh trị trong một thời gian khá lâu.

Sách "**Đại Nam Tiên Biên Liệt Truyện**" kể rằng: Đời Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, năm thứ 18 (1631), Nội tán Đào Duy Từ đem nọ nằm mộng thấy con cạp đen từ phía Nam đến. Ông thúc quân vây bắt, cạp liền mọc thêm hai cánh bay mất trên không trung. Sáng dậy, ông nhớ lại điều nằm mộng và tin rằng sẽ có việc lạ đến, ông bèn chỉnh tề y phục ngồi chờ.

Một lát sau, ông thấy có người từ phương Nam đến: mình mặc áo đen, tay cầm quạt lông, đứng chực nói thêm. Đào Duy Từ thấy dung mạo phi thường, bèn hỏi:

- Người tên họ là gì?
- Tôi là Nguyễn Hữu Tấn.
- Tuổi gì?
- Nhâm Dần.

Đào Duy Từ nghe nói, trong lòng mừng thầm cho là phù hợp với điềm mộng tối qua, bèn mời vào, lưu lại nói chuyện, thấy người có kiến thức rộng, bèn đem con gái gả cho, rồi tiến cử lên Triều Chúa Sãi, sau làm tới Đại Tướng, đánh Nam dẹp Bắc, lập được công lớn. Chúa Sãi thường ban khen: Nguyễn Hữu Tấn quả thật là *hổ tướng*. Sau được phong tặng "**Khai Quốc Công Thần - Anh Quốc Công**". Ở Bắc-Hà quân Trịnh cũng gọi là "**Hổ Oai Đại Tướng**".



Cũng "**Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện**" chép rằng: Ở tỉnh Quảng Ngãi, nhân dân miền núi thường bị cạp vằn đen quấy nhiễu, sát hại. Người ta đào hầm, cạp bẫy, săn bắn mà cũng không làm sao trừ được con cạp đó. Ngày nọ, *Tả Quân Lê Văn Duyệt* đóng quân gần đền Trấn Bắc (thờ ông Bùi Tá Hán), khiến quân làm một cái cối lớn đem đặt trước đền, gần bên núi, rồi ông khẩn vái xin Thần đền Trấn Bắc giúp cho:

"Con hổ làm hại nhân dân, thì Thần linh ở đây cũng có trách nhiệm. Như Thần mà linh thật thì xin Thần làm sao con hổ nọ vào trong cái cối này".

Qua một đêm, sáng ngày sau, quan dân đều ngạc nhiên thấy một con cạp vằn

đen nằm phục bên cối. Tả Quân hạ lệnh quân lính bao vây thì thấy *tự nhiên con hổ cứ từ từ đi vào trong cối* mà không có gầm hét cắn xé chi cả! Mọi người đều cảm thục có *Thần Bùi Tá Hán hỗ trợ thành công mỹ mãn*.

Cạp cũng có nhiều liên hệ với nhà cách mạng Tạng Bạt Hổ, hiệu là Điền Bát, suốt đời tranh đấu cho chính nghĩa quốc gia, nêu cao tinh thần dân tộc suốt thời kỳ Pháp thuộc. Quê quán làng An Thường, xã An Thạnh, quận Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, ông tên thật là Lê Thiệu Hổ, làm Tán Tướng quân sự cho Chiến tướng Mai Xuân Thưởng, lãnh tụ Cần Vương ở Bình Định. Đến năm 1887 bị thất bại trong nước, ông bèn trốn ra hải ngoại, hăng hái hoạt động, liên lạc thường xuyên với các đồng chí, tuyên truyền cách mạng và cổ động nhân sĩ xuất dương.

Năm 1904, ông cùng đi với chí sĩ Phan Bội Châu sang Nhật gặp các chính khách Nhật Bản như Khuyến Dường Nghị và Đại-Ôi Trọng-Tín bàn định việc đưa Kỳ Ngoại Hầu Cường Để từ quốc nội sang Đông Kinh. Sau đó, ông sống ở hải ngoại, thường đi lại các nước Trung Quốc, Xiêm, Nga, rồi lại sang Nhật, bôn ba nơi hải ngoại hơn 20 năm.

Năm 1914, lại bí mật trở về nước hoạt động, tá túc nơi nhà Cụ Củ Vồ (Vồ Bá Hạp, bạn của Cụ Sào Nam) rồi lâm bệnh thổ tả mà chết trong cơn lỵ bão. Cụ Củ Vồ phải chèo ghe mai táng nơi cái gò Bao Vinh, phụ cận Huế, nhưng gặp nhiều khó khăn khi đắp đất vì quan tài cứ nổi lênh

bềnh trong mộ huyết.

Vào khoảng 1936, Cụ Sào Nam lúc đó bị án trí ở Bến Ngự (Huế), trong một ngôi nhà tranh bánh-ếch nhìn ra sông Phú Cam, có chiếc đồ lịch sử và cây sung soi bóng quanh năm, thỉnh thoảng về Bao Vinh thăm Cụ Củ Vồ, và một lần nọ Cụ có đem theo một tấm mộ bia đúc bằng xi-măng. Cụ Phan gọi hai người con trai của Cụ Củ Vồ xuống thuyền khuôn tấm mộ bia lên nhà để mà chờ ngày lành tháng tốt thì đem dựng nơi mộ Cụ Tạng Bạt Hổ, vì mộ vẫn còn vô danh vì sợ Tây biết. Theo lời ông bạn Vũ Tùng Chi (con trưởng Cụ Củ Vồ) thuật lại với chúng tôi, thì tấm bia này có khắc ghi 5 chữ với bút tích Cụ Phan là: Lê Thiệu Dần chí mộ, dùng chữ **Đ**

## thể chữ Hổ 虎

vi vẫn còn sợ Tây lòng ra tung tích!

Năm 1957, thi hũu Vũ Tùng Chi cùng một số nhân sĩ ba Kỳ, đã góp xây một ngôi nhà gạch ngói nơi bờ sông Bến Ngự Phú Cam, một nhà thờ gọi là "Từ đường Phan Bội Châu và liệt sĩ Cách mạng" trên khoảnh đất vườn cũ của Cụ Phan, đồng thời đã dời mộ Cụ Tăng Bạt Hổ trọng táng tại đó, với mộ chí: **Điền Bát tử Tăng Bạt Hổ chi mộ**".

Đã nhiều lần Cụ đánh lộn với cạp nơi rừng rậm đèo cao, với chiếc roi dâu, một thú roi mà cạp rất sợ, vì nó phát ra một thú siêu thanh (ultra-son) có hiệu lực hơn cả súng đạn. Phương danh Tăng Bạt Hổ nhắc ta nhớ tới *Võ Tông đã hổ* trong truyện Thủy Hử, đã dùng thể *Thái sơn kiếm* tóa đê cạp nằm yên rồi giáng cho ba quả đấm thoi són vào cổ, làm cho gãy xương cổ, đứt thần kinh hệ mà chết tại trận. Chúng ta cũng liên tưởng dưng tưởng *Lê Văn Khôi thúc hổ*, do lệnh của Tà Quân Lê Văn Duyệt, đánh lộn với cạp cho vua Chân Lạp xem. Dùng hai thể *Bạch hạc giang hành*, *Đà song phi chích phụng đón hành*, Lê Văn Khôi hạ được cạp và trói ké lại, khiêng trên vai đi ba vòng biểu diễn cho quan khách xem chơi!

Cho nên lúc đó, trong ba quân, ai cũng gọi Cụ là *Bạt Hổ tướng quân*. Còn chữ *Tăng* 僧

là vì hồi cuối thế kỷ XIX, sau Phong trào Cần Vương thì có Phong trào Đông Du với Đông Kinh Nghĩa Thục. Rồi tiếp nối có phong trào Đông Độ (cũng như Đông Du), rồi đến Việt Nam Quang Phục Hội. Cụ Lê Thiệu Hổ được giao phó trọng trách bí mật hướng dẫn thanh niên Việt Nam xuất ngoại du học. Ban đầu Cụ Lê dùng đường dây Hòn Gay vượt biên giới sang Trung Hoa (Quảng Tây). Đối diện với Hòn Gay, sát biên giới Hoa-Việt có một làng Tàu mộ đạo Thiên Chúa. Cụ Lê cài trang làm Linh mục, đọc kinh, làm lễ, để lấy cảm tình người làng đó, mà giao phó thanh niên cho họ, đợi ngày lên tàu vượt biển. Mà người đốt than máy tàu chính là Cụ Lý Tuệ, quê quán Hòa Bình, Bắc Việt. Sau một thời gian, đường dây này bị bại lộ, Cụ Lê chuyển hướng, dùng đường biên giới Hoa-Miến và Lào-Việt, ngầm đưa du học sinh sang Miến Điện, hoặc Ai Lao, để vượt

sông Mékong sang Xiêm La, rồi từ đó đưa sang Trung Hoa, hay là Nhật Bản. Mỗi lần đi phiêu lưu như vậy, Cụ Lê lại phải *cài trang làm Thầy Tăng*, mặc áo cà-sa vàng, gõ mõ tụng kinh, khất thực như thầy tu của Tiểu Thừa. Và từ đó, các đồng chí lại gọi Cụ Lê bằng *Cụ Tăng*.

Lúc Cụ Tăng Bạt Hổ từ trần, các nhân sĩ từ Bắc chí Nam đều sứt sùi thương tiếc. Riêng Cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh có điều câu đối bằng chữ Hán, mà Cụ Minh-Viên Huỳnh Thúc Kháng đã dịch như sau:

- *Ba mươi năm lẻ, núi biển trải nhọc nhằn, ai cũng thương cho cảnh ngộ, trời hẳn thấy rõ nhiệt thành, quát ngựa thảng non thần, tráng chí mới thông miền Thượng quốc*

- *Hai chục kỷ đời, gió mây chiều biến đổi, người đều đưa lấy tâm trí, người muốn đấu bằng gan sức, quay góom về nước cũ, hồn thiêng còn mền đất Thần kinh*

(Thi từ tụng thoại - Nam Cường - Sài Gòn 1951)



Bạch hổ

Ngày Cụ Tăng Bạt Hổ vĩnh biệt cõi đời, Trời cũng động lòng thương tiếc, khiến cho mưa to gió lớn, ngập đất Thần kinh, khiến cho chúng ta nhớ tới thành ngữ "*Vân tùng long, phong tùng hổ*" (mây theo rồng, gió theo cạp). Cạp đây là cạp thần còn lưu danh trong sử sách.

\*

Bước qua địa hạt Văn Chương, chuyện Hổ cũng không thiếu chi, nhưng kể sao cho hết? Nay chỉ kể lại vài chuyện điển hình mà thôi. Như ngày xưa, có ông Hoàng Phan Thái đi dạo cảnh chùa nhân ngày Tết, gặp nhà sư ra câu đối như sau:

*Cái là tượng, tượng là voi, voi châu cửa cái.*

Ông Thái xin ra ngoài sân để suy nghĩ, rồi ông đối lại như sau:

*Tu là hổ, hổ là cạp, cạp bắt thầy tu.*

Rồi ông co giò mà chạy....

Ngoài Huế, ngày trước có Cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy, sinh năm 1881, ưa làm thơ tình nghịch, dùng chữ rất khó khăn, mà lại dễ hiểu, ai cũng phục tài trí và hài hước của Cụ. Đây là bài thơ *Mười Hai Con Giáp* mà bạn Lăng Nhân đã chép trong quyển *Chơi Chữ*:

- Tha ra, cạp lấy, bộ loay hoay (1)*
- Đào lỗ không nên tiếng cả bày (2)*
- Lạc ngô theo đuôi đầu ngại bước (3)*
- Cả gan bóp dái chẳng dờm tay (4)*
- Cắm treo nhện đối nhãn răng chịu (5)*
- Cối vẫn ăn no, ỉa miếu đây (6)*
- Cá gáy hóa ra, chi có cánh (7)*
- Mồng năm len lét trốn đi ngay (8).*

Tục ngữ:

- (1) Chó tha ra, mèo cạp lấy.*
- (2) Chuột bày đào không nên lỗ.*
- (3) Lạc ngô theo đuôi trâu.*
- (4) Cả gan bóp dái ngựa.*
- (5) Cắm treo heo nhện đối - Nhãn răng như khi ăn gừng.*
- (6) Gà què ăn quần cối xay - Nuôi dê để ỉa miếu.*
- (7) Cá hóa rồng - Cơ chi hùm có cánh.*
- (8) Len-lét như rắn mồng năm.*

Và bài:

### HỔ PHẬN GIÀ

(Mỗi câu có tên một con thú)

*Lạc Hồng một giống đội chung trời  
Hổ phận mình già xếp mọi nơi.  
Mang tiếng học hành tài kém họ,  
Nai lưng gánh vác sức thua đời.  
Trâu tra chẳng dám khoe sừng trẻ.  
Ngựa dữ không thèm bóp dái chơi.  
Thỏ thẻ chuyện trò vui với bạn,  
Khi khảm đôi chén rượu đầy vơi.*

Và sau hết, chúng ta cũng không quên bài *Nhớ Rừng* của Thế Lữ, hay là *Lời con hổ ở vườn Bách Thú Hà Nội* 1941, khởi đầu bằng những câu:



*Gậm một mối cảm hờn trong cũi sắt,  
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua,  
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn  
ngơ,*

*Giống mắt bé diều oai linh rùng rắm*

.....

*Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhỏ,  
Thuở tung hoành hống hách những  
ngày xưa ...*

Tuy không phải là chim lồng cá chậu hay là cọp bầy, người Việt ly hương biệt xứ cũng tự cảm thấy đang sống mãi trong tình thương nỗi nhỏ như Chúa Sơn Lâm.

### III. CỌP TRONG LỊCH SỬ VÀ TRIẾT LÝ TRUNG HOA

Trong thời Chiến Quốc bên Tàu, *Phù Sai* đã hết lòng tin cậy *Việt Câu Tiễn* vì ông này đã bỏ nước sang chăn ngựa cho vua Ngô, lại còn tận tụy bên giường bệnh của Phù Sai suốt ngày đêm. Nhưng mà Tướng Quốc là *Ngũ Viên* biết rõ thâm ý của *Việt Câu Tiễn* đang mưu kế phục thù, rửa hận cho cha và cho nước Việt. *Ngũ Viên* mật tâu với *Phù Sai*:

- Đại Vương hãy xét lại cấp thời. Khi con hổ thu hình lại, tất muốn chụp mồi. Vua Việt vào làm tôi nước Ngô không thể không oán hận. Kẻ oán hận mà giữ được kiên nhẫn thì thật là thâm độc. Bây giờ *Câu Tiễn* cúi xuống nếm phân của Đại Vương, nhưng chắc gì sau này *Câu Tiễn* không ngẩng lên mà cắn bộ lông của Đại Vương! Đại Vương mà không kịp xét, để rồi phải mắc mưu kẻ thâm độc, thì thật là nông cạn lắm và sẽ phải đau lòng nuốt hận. Hờn nữa, những cái buồn lớn thường đến trước bằng cái vui nhỏ. Đại Vương nên hết sức cẩn trọng!

Nhưng than ôi, *Phù Sai* đâu có thèm nghe *Ngũ Viên*, để rồi ít lâu về sau phải chịu cảnh diệt vong cả người lẫn nước!

Chuyện cọp nhiều lắm, nhưng theo tôi thì chuyện cọp *Mặc Tử* có nhiều ý nghĩa nhất. Ngày xưa, bên Tàu có hàn sinh *Mặc Tử* lúc học đã thành tài, bèn tạ từ thầy dạy rồi khăn gói lên đường về quê. Ông sắp sách vào hai tủ, cột vào hai đầu đòn gánh rồi đặt lên vai mà đi. Dọc đường ông gặp một con beo (báo) đang bị thợ săn ví bắt. Beo sợ quá bèn năn nỉ *Mặc Tử* cứu nguy. Động lòng thương, *Mặc Tử* bèn mở cửa

một cái tủ để cho con beo chui vào núp, rồi ông cột dây hai cánh cửa lại. Vừa lúc đó, thợ săn đến và hỏi ông có thấy con beo ở đâu không? Ông trả lời không. Nghe thế, bọn chúng bèn rủ nhau chạy sang nơi khác mà kiếm. Con beo nằm ép trong tủ nghe hết câu chuyện của loài người. Nó mới van xin *Mặc Tử* mở cửa cho nó ra, chỗ không thì nó sẽ bị ngộp mà chết! Động lòng, *Mặc Tử* lật đật mở cửa cho beo ra. Vừa ra khỏi tủ, con beo lăm le nhảy vồ ông *Mặc Tử*. Ông ta phải rút đòn gánh, kháng cự mãnh liệt. Vừa đánh vừa đăm, *Mặc Tử* nói: "Beo mày chỉ là giống vật vong ân, nhưng mà tao không muốn nói chuyện với mày. Mày hãy theo tao và lúc nào gặp giống vật đầu tiên thì mày hãy hỏi xem tao có đáng cho mày ăn không? Và nếu nó trả lời rằng phải, thì tao sẵn sàng để cho mày ăn".

Cả hai đồng ý, đi một quãng đường thì gặp một con trâu nhà. Beo bèn hỏi người này có đáng bị cắn ăn không? Trâu đáp: "Lúc tao còn trẻ, tao kéo cày suốt ngày. Nhờ công khó của tao mà chủ tao trở nên giàu có. Bây giờ tao trở nên già nua, chủ



Hắc hổ

tao muốn giết tao để bán thịt lấy tiền. Mày thấy không? Giống người thật là phụ bạc, thật là đáng giết đi cho rồi!"

Nhưng mà *Mặc Tử* vẫn chưa chịu, còn tìm cách trì hoãn và đề nghị với beo phải hỏi cho được ba lần, chứ một lần chưa đủ. Beo cũng bằng lòng và tiếp tục hành trình với nhau. Đi được một quãng, chúng gặp cây đào hoa lá sum sê. Beo bèn hỏi cây đào như đã hỏi con trâu. Cây đào đáp rằng lúc đào còn sung sức thì chủ nhà chăm chỉ vun quén để chờ hái trái đem ra chợ bán mà làm giàu. Nay đào đã cằn cõi thì chủ

lăm le đốn chặt để lấy củi nấu cơm mà ăn. Cái giống người thật là tệ bạc, không còn cách gì bào chữa, nên giết quách đi cho rồi! Thế là ý kiến của giống vật và giống cây đều phù hợp. Nhưng dù sao cũng phải chờ hỏi ý kiến của một giống vật thú ba nữa, mới là ngã ngũ.

Đi thêm một quãng nữa, người và vật gặp một ông già tiên phong đạo cốt. *Mặc Tử* bèn lên tiếng trước và kể lể đầu đuôi cho ông già nghe. Ông ta mới nói với con beo: "Hồi đầu mày nằm trong cái tủ sách ra sao, thì bây giờ mày làm lại tao coi, rồi hãy ăn thịt ông này cũng không muộn". Con beo nghe lời đạo sĩ chui vào lại trong tủ mà nằm. *Mặc Tử* lập tức khóa tủ lại rồi lấy dây thừng quấn cột thật chặt. Bấy giờ beo mới hiểu mình bị mắc mưu của đạo sĩ và của *Mặc Tử*. Đạo sĩ liền châm lửa đốt một lá bùa nhét vào tủ, khói xông và khiến cho beo bị chết ngộp trong chốc lát!

Truyện con beo của *Mặc Tử*, một triết gia thời Chiến Quốc, trước Thiên Chúa năm thế kỷ, đã chủ trương "kiêm ái", thương yêu mọi người, mọi vật, để lại cho chúng ta một bài học sâu sắc gồm mấy điểm có thể phân tách như sau:

1. Thuyết "kiêm ái" của *Mặc Tử* cần phải xét lại, không thể yêu thương bừa bãi, đụng ai nấy thương, mà phải biết phân biệt người thân với kẻ thù, nghĩa là phải thương cho hợp tình và hợp lý, phải đặt tình thương cho đúng chỗ.

2. Lúc *Mặc Tử* kịp nhận định rằng mình thương không đúng chỗ, ông đã nhanh trí phản ứng kịp thời, bằng cách dùng kế hoãn binh, xin beo hỏi thêm ý kiến của ít nhất ba giống vật trước khi quyết định, như thế mới là công bằng. Nếu có ba giống vật đồng ý như thế thì ông đành chịu vậy, là vì sự bất quá tam (Tây phương nói: jamais deux sans trois).

3. Con beo vì đại khờ mà phải chết là phải, hơn nữa nó vong ân bạc nghĩa thì nó phải chết, thật là đáng kiếp vì nó đã "đi oán báo ân", không giống như nhiều con cọp đã được người cứu, sau đó thường nhớ ơn, tìm bắt thú rừng, mang về cho ăn nhân, nhằm ngày kỵ giỗ chẳng hạn.

4. Thú vật dù dững mãnh bao nhiêu, rốt cuộc cũng phải chịu thua mưu trí của loài người, là vì "nhân ư vạn vật chi linh". Và nếu cọp là chúa sơn lâm, thì người ta vẫn là con của Thượng Đế và là chúa của muôn loài.

Paris, Nguyễn Đán Mậu Dần 1998



Sưu tầm

# Năm DẦN nói về những cây cỏ vị thuốc mang tên hổ, tên cạp

**Quỳnh Hoa**

**C**on Cạp từ xưa đến nay được nhắc đến như là loại thú dữ, thế mà ngày nay ở nhiều nước người ta lại nuôi cạp như là gia súc thay vì nuôi chó mèo. Nhiều con cạp được nuôi trong nhà khi còn nhỏ, đến khi lớn nó được chủ mang đến tặng cho sở thú.

Nhiều câu chuyện khắp năm châu kể rằng: cạp ăn thịt người, cạp tấn công các làng mạc gần rừng... thật là rừng rợn! Nhưng cũng có người chạm trán với cạp và trở về một cách an toàn như nhà sinh vật học trẻ tuổi Victor, tại rừng Taiga, ông kể lại rằng: Sau cuộc khảo sát trong rừng ông đã gặp phải một con cạp đứng cách ông 10 thước gầm gừ khe khẽ, mồm há ra, tiến đến gần ông, ông xua tay bảo cạp hãy đi đi, khi cạp đến gần ông thì ông cố gắng lấy lại bình tĩnh nói một bài thuyết giảng mặc dù không có nghĩa lý gì!! nhưng cũng làm cạp đứng yên, ông ta ném một hộp thịt trong túi ra, con cạp chỉ nhắm nháp chút ít rồi đi theo ông, ông vút từ từ nào là mũ nón, dây thừng, áo dạ để cho cạp đùa giỡn với nón, cắn dây thừng. Có lúc cạp dùng lại ở tư thế sẵn sàng tấn công làm ông sợ gần chết, nhưng ông cố gắng thuyết phục nói chuyện với giọng nghiêm khắc hơn, điều đó đem lại hiệu quả: con cạp giữ khoảng cách 1 thước với ông, rồi lại leo đèo đi theo ông cho đến gần bờ sông thì cạp dùng lại để uống nước. Thế là ông thoát nạn trở về. Người ta cho rằng lúc gặp ông có lẽ con cạp đã no đủ.

Tuy nhiên tại nhiều nước, con người cũng săn cạp để lấy xương chế biến làm thuốc quý **Cao Hổ Cốt** hay **Hổ Cốt Giao**, thuốc này có nguồn gốc từ Trung Hoa dùng để chữa bệnh đau xương, tê thấp, đau nhức, có khi dùng làm thuốc bổ phối hợp các vị thuốc khác. Đó là chuyện cạp thật bằng xương bằng thịt.

Tên Cạp, tên Hổ cũng chỉ là mỹ danh được đặt cho nhiều loại cây cỏ, vị thuốc.

**HỔ PHÁCH** : là nhựa của một loài thông cổ hiện nay đã mất giống tên là *Pityoxylon succinifer* Krauss mọc thành rừng ở Âu Mỹ đã bị chôn vùi, được tìm thấy dưới đáy biển, dưới đất trong mỏ than. Đó là những cục rất cứng rắn, màu vàng đỏ, to nhỏ không đều, chà vào vải len thì sinh ra điện, đun nóng thì tỏa ra mùi thơm dễ chịu. Hổ Phách có chứa chất nhựa. Thời xưa Tây Y dùng Hổ Phách làm vị thuốc chống co thắt dưới dạng thuốc xông hay rượu thuốc, thời nay chỉ dùng làm đồ trang sức. Đông Y thì dùng Hổ Phách trong trường hợp hồi hộp mất ngủ, tâm thần bất định, mụn nhọt lâu lành và chỉ nên dùng cho người hỏa suy thủy thịnh, dùng từ 1 đến 3g/ngày.

**HỔ CAO** : hay **Hy Thiêm** tên khoa học *Siegesbeckia orientalis* L., họ cúc, có nơi người ta gọi cây này là cỏ của trời, hái lúc cây chưa ra hoa, phơi khô dùng để chữa chân tay tê dại, lưng gối mỏi đau, phong thấp. Trong dân gian dùng chữa đau nhức tê thấp, miệng mắt méo do cảm gió, ngày uống từ 3 - 6g, giã đắp tại chỗ chữa nhọt độc.

**ĐÓN LƯỖI HỔ HAY LƯỖI CẠP** : *Sauropus rostratus*, họ thầu dầu còn gọi là cây Cam Xưng mọc hoang ở rừng núi, lá rẽ hái về phơi sấy, chưa được nghiên cứu về thành phần hóa học, được dùng trong dân gian để chữa phù nề, nôn mửa, tiêu chảy, dị ứng.

**HỔ KẾ HAY Ô RÔ** : còn gọi là đại kế *Cnicus japonicus* Maxim, họ cúc, là loại cỏ cây mọc hoang khắp châu Á, hái cây đang lúc hoa nở, phơi khô. Thành phần hóa học chưa được nghiên cứu, trong dân gian dùng cây này làm thuốc từ lâu đời chữa chảy máu cam, thổ huyết, phù thận. Dùng cây tươi giã nát lấy nước uống, hay cây khô sắc uống, hoặc phối hợp các vị thuốc khác.

**HỔ THIỆT** : còn gọi là **Lưỡi Hổ** (vì lá giống lưỡi hổ) hay **Lô Hội**, tên khoa học *Aloe Vera*, họ hành tỏi. Đây là vị thuốc thông dụng trong ngành mỹ phẩm trên thế giới. Lô là đen, Hội là tụ lại, nhựa cây này cô đặc có màu đen. Cây thân ngắn, lá không cuống mọc thành vành, lá dày mẫm, mép có răng cửa thưa, hoa mọc thành chùm dài vàng lục. Người ta cắt lá để lấy nhựa. Thành phần hóa học: Tinh

Cây Lô Hội



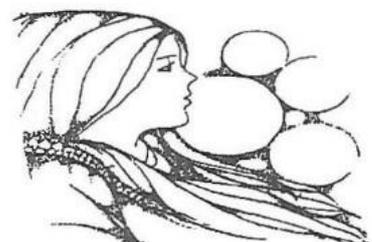
đầu, nhựa, chất Aloin. Đây là vị thuốc dùng trong cả Đông Y và Tây Y, với liều nhỏ (0,05 - 0,10 g) thì Lô Hội là vị thuốc giúp sự tiêu hóa, kích thích nhẹ niêm mạc ruột. Liều cao là thuốc xổ. Liều quá cao thì có thể gây ngộ độc chết người vì phần nhiều, mạch chậm, yếu toàn thân, thân nhiệt hạ thấp.

Ngày nay Lô Hội được dùng phổ biến trong ngành mỹ phẩm làm dầu gội đầu giúp tóc mềm mại, làm kem hay nhũ dịch (lotion) thoa mặt, thoa da, sáp thoa môi giúp da được mềm mại, mịn màng, chống khô da.

**HỔ TRƯỢNG CĂNG** : còn gọi là củ cốt khí *Polygonum Cuspidatum*, họ rau răm. Trong rễ cây này có loại antraglucosid, dân gian dùng làm thuốc chữa tê thấp, đau đôn do té ngã bị thương.

Dùng 6 - 10g/ngày dưới dạng thuốc sắc hay ngâm rượu với nhiều vị thuốc khác. ●

**Mùa lạnh sắp đến... Phải làm gì để chống cảm lạnh, sổ mũi ?**



Năm nào cũng vậy cứ mỗi khi mùa lạnh đến, lại có thời gian chúng ta bị sổ mũi, cảm lạnh, chảy nước mắt, chảy nước mũi, ngứa trong cổ họng. Nhưng bạn có thể giới hạn những khó chịu do sổ mũi như sau:

1. Rửa mũi cho sạch để chất bài tiết có thể chảy ra.
2. Để cho da quanh mũi không bị khô mỗi buổi chiều thoa chút pommad Panthéol (ở các nhà thuốc tây có bán).
3. Dùng ống hít (ống ngửi) có tinh dầu bạc hà để giúp thông mũi dễ thở hơn.
4. Thuốc phun xịt và thuốc nhỏ mũi giúp màng nhày trong mũi bớt viêm sưng, tuy nhiên hãy thận trọng vì sau một thời gian ngắn khi cơ thể đã quen thuốc, bạn bị bắt buộc phải luôn luôn tăng liều dùng khi muốn đạt được hiệu quả tương ứng.
5. Xông hơi: Hai lít nước nóng đựng trong chậu, cho hoa cúc và vài giọt Menthol vào, dùng khăn phủ đầu vói chậu, hít mùi dầu xông, mũi sẽ được thông nhanh chóng, các vi trùng qua làn hơi này sẽ bị tiêu diệt.



**SONNENHUT** (Cây Nhật Mảo) một loại cây hoa vàng có lá nhám và cuống dài chắc chắn là chất tốt nhất để ngăn ngừa cảm lạnh, làm mạnh hệ thống phòng ngự của cơ thể, hệ thống miễn dịch của bạn sẽ được tăng cường, dùng trong các trường hợp bị nhiễm trùng hô hấp cấp tính hay mãn tính do thời tiết.



## NGÀY XUÂN THƯỜNG TRÀ

● QUỲNH HOA

**N**gày xuân tạm gác lại những lo toan suy tính trong cuộc sống nhấp nháp chén trà để bình thản thảo luận thể sự, thưởng thức hương xuân.

Trà có tên khoa học là *Camellia Sinensis*, họ trà Theaceae, cây mọc hoang có thể cao đến hơn 10 thước, đôi khi mọc thành rừng gỗ trên núi đá cao, nhưng khi trồng trà người ta phải tỉa thấp để dễ hái. Trong lá trà có 20% tannin, 1,5% - 5% cafein, một số vitamin, chất đạm...

Các dân tộc Á Châu thì thích trà có vị chát, hậu vị dịu ngọt, mùi thơm, để có trà đạt yêu cầu này, người ta phải chọn búp trà non chứa nhiều tannin, chất đạm và hái trà vào mùa xuân, cuối thu. Từ trà búp người ta vò, sấy khô, phân loại, một số được đem ướp hương các loại hoa sen, lài, ngọc lan.

Dân Âu Mỹ thì thích uống trà vị chát vừa phải, hậu vị ngọt, màu nâu đỏ thường gọi là trà đen, muốn như vậy phải hái trà giữa mùa hạ mới chọn được những búp trà nhiều tannin ít chất đạm, người ta làm héo, vò, để lên men rồi sấy khô, nhờ quá trình lên men mà một phần tannin bị oxy hóa làm trà bớt chát, khi pha có màu nâu đỏ tươi.

Trà dùng làm thuốc là trà hái vào mùa xuân, vò, sấy khô; Không nên dùng trà đen vì là loại trà đã cho lên men rồi mới phơi sấy. Theo các tài liệu khoa học hiện nay Trà Xanh có tác dụng tốt trong việc ngăn ngừa bệnh tim mạch và sự hư hại tế bào gan; Kết quả nghiên cứu về trà của ngành y khoa Nhật Bản cho thấy khả năng ngăn ngừa thực sự này do tập quán thích uống trà của khoảng 1400 cư dân ở thành phố nhỏ Yoshimi.

Trà Xanh có khả năng nắm bắt lấy các gốc hóa học gây nguy hiểm trong cơ thể và ngăn ngừa bệnh xơ cứng động mạch do chất mỡ (Cholesterin) trong máu. Điều này đã được thử nghiệm trên động vật và con người. Các Bác sĩ danh tiếng của Nhật Bản đánh giá rằng: Sự giảm Cholesterin (chất mỡ) trong máu và Triglyzerid rõ ràng cùng với sự gia tăng lượng trà tiêu thụ. Mỗi ngày dùng hơn 10 tách Trà Xanh thật sự giảm nguy cơ xơ cứng động mạch và giảm đi tỷ lệ bệnh tim mạch. Trà Xanh tốt cho

sức khỏe vì vậy có thể giúp kéo dài cuộc sống con người.

Từ lâu người ta đã biết dùng lá trà làm thuốc giúp tiêu hóa, nhờ chất tannin có tính sát khuẩn và làm săn da nên dùng chữa bệnh lỵ, nhai lá trà ngừa sâu răng. Người Trung Quốc ngày xưa sau khi uống trà còn phơi xác trà dùng để dờn vào gối kê đầu nằm.

Các cụ già thời xưa và cả khoa học ngày nay đều cho rằng để có tách trà ngon ngoài hương vị của trà còn phải chọn nước nấu để pha trà. Thật vậy, các chất Theoflavin, thearubigin, phức chất được tạo thành trong quá trình chế biến trà để phản ứng với các muối kim loại kiềm có trong nước pha. Nước sông, nước suối, nước lợ thường có nhiều ion Na<sup>+</sup>, Mg<sup>+</sup>, Cl<sup>-</sup>, SO<sub>4</sub><sup>-</sup> - sẽ làm cho nước trà đục và có vị chát lạ; nước suối, nước giếng ở các vùng có đá vôi làm cho màu nước trà thẫm trong vị thêm đậm đà.

Chén trà để uống thường thì người nghiện trà chỉ dùng chén nhỏ 50 ml để uống trà đậm sánh, trà càng đậm thì càng ngon. Người cần giải khát bằng trà xanh, trà hương (trà ướp các loại hoa) thì cần tách chén 100 ml là vừa. Dân Âu Mỹ thích uống trà với chanh đường sữa thì dùng tách trà 100 - 150 ml.

Trung Quốc là xứ có nhiều kỹ thuật chế biến trà cổ truyền cầu kỳ độc đáo từ lâu đời. Trà Bạch Mao Hầu, Vũ Di Sơn: Tương truyền rằng trên núi Vũ Di 36 ngọn ở huyện Sùng An, tỉnh Phúc Kiến, Trung Hoa, cao chót vót đến tận mây xanh, đỉnh núi quanh năm tuyết phủ có một giống trà quý mọc tự nhiên, lá và búp xoắn lại vì giá lạnh. Để có thứ trà ấy người ta phải huấn luyện một bầy khỉ, vào buổi sáng đeo cho mỗi con một cái giỏ bên hông rồi xua chúng lên núi hái trà, con nào hái được nhiều trà thì được thưởng. Ngày xưa trà Bạch Mao Hầu chỉ dùng riêng cho người quyền quý, còn giới bình dân thì khó có cơ hội nếm mùi, nhưng ngày nay thì bạn có thể mua được trà này với giá phải chăng tại Trung Quốc. Đoàn hành hương của chúng tôi có dịp thưởng thức trà Bạch Mao Hầu tại một tiệm bán trà ở Quảng Châu. Chỉ cần một lá trà này pha trong bình nước sôi, chén trà để uống khoảng 30 ml, nước

trà màu vàng nhạt, nước đầu vị đắng như khổ qua, nước thứ nhì vị cam hậu vị ngọt.

Trong các loại trà quý phải kể đến trà Long Tĩnh. Hàng Châu một thành phố với khoảng một triệu rưỡi cư dân, nơi được coi là một trong hai cảnh Thiên Đàng Hạ Giới của Trung Quốc, hằng năm du khách đến đây khoảng 20 triệu người, phong cảnh Hàng Châu hữu tình với đồi Thiêng, chùa Linh Ẩn nổi tiếng linh thiêng tập nập khách thập phương đến viếng, Tây Hồ với chiếc cầu nổi có truyện tích Thanh Xà Bạch Xà, đền thờ Nhạc Phi... Đoàn hành hương của chúng tôi có dịp đến nơi sản xuất trà Long Tĩnh tại Hàng Châu, trên khu đồi trồng trà, cô hái trà đeo giỏ trên lưng đang hái những búp trà xanh. Lịch sử trà Long Tĩnh vùng này đã có 1300 năm về trước, trà này được sản xuất từ năm làng: làng Mai, làng Hồ, làng Sứ, làng Long, làng Văn. Làng chúng tôi ghé qua là làng Mai, nơi có 1500 dân, 558 gia đình họ Mai chuyên sống về nghề trồng trà này. Diện tích trồng 103 hecta, thu hoạch từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 10. Đây là loại trà quý chỉ hái bằng tay lấy đợt gồm một búp và hai lá, thời gian để hái 1 kg trà cần khoảng 2 - 3 giờ đồng hồ, khi sấy khô thì dùng tay để đảo đều không dùng máy vì dùng máy sẽ làm hư lá trà. Để có 1 kg trà khô cần 60.000 đợt trà. Chất lượng trà thay đổi theo thời kỳ thu hái, tốt nhất là trà hái vào mùa xuân, ngon nhất là trà hái một tuần lễ trước tiết Thanh Minh nhưng số lượng này rất ít, mỗi lần chỉ sản xuất được 400 kg (trong khi lượng trà sản xuất trong làng 17.000 kg/năm), nên chỉ dùng để làm quà tặng nhau mà thôi.

Trà sau khi hái vào, rửa sạch, để trên nia, tráng cho ráo, rồi cho vào vại nóng dùng tay đảo đều cho khô. Trà được sấy khô 4 lần, mỗi lần cho nửa ký sấy trong 15 phút. Lần thứ nhất được sấy ở nhiệt độ từ 80 độ đến 90 độ, sau đó để chỗ mát, rồi lại đem sấy lần thứ hai ở nhiệt độ 50 đến 60 độ, rồi lại để chỗ mát, lần sấy thứ ba và thứ tư nhiệt độ giảm dần. Trà khô bảo quản được hai năm. Trà Long Tĩnh được phân làm ba loại (ngon nhất, ngon và thường).

**Cách uống trà:** rót nước sôi khoảng nửa ly trà chỉ ngửi mùi trà thôi (có ý nghĩa để cho trà nở ra và tôn trọng cung kính), khi trà nở hết rồi mới rót thêm nước sôi lần này mới uống, mỗi ly trà có thể uống ba lần, nước thứ hai là ngon nhất vị thanh hơi đắng hậu ngọt hương thơm.

Thật là tuyệt khi ngồi trong Huê viên xây kiểu kiến trúc đời nhà Minh ngắm cảnh sơn thủy và thưởng thức trà. ■

## THỒ HUỆN THANH LỮ



月無此素  
曉情有花  
風有恨端  
清欲何合  
陸龜蒙時覺人在  
蒙 白蓮 素  
多蒙別  
艷欺

### BẠCH LIÊN

*Tổ vi đa mộng biệt diễm khi  
Thử hoa đoan hợp tại dao trì  
Vô tình hữu hận hà nhân giác  
Nguyệt hiệu phong thanh dực trụ thi*

Lục Qui Mông

### SEN TRẮNG

*Trắng ngần che lấp vẻ tươi  
Dao trì hợp mới ở nơi hoa này  
Vô tình có hận ai hay  
Trắng trong gió mát muốn đầy xuống  
thời*

Huyền Thanh Lữ

**Chú thích:**

Ví: một cách viết xưa của chữ Hoa: 花華  
Tổ vi = Tổ chất: sắc trắng - bản chất tinh túy của hoa  
Lục Qui Mông (? - khoảng 881): tự Lỗ Vọng, hiệu Giang Hồ Tân Nhân, Phú Li Tiên Sinh, Thiên Tuy Tử, quê ở Cô Tô, nay là Tô Châu, Giang Tô, nổi danh cùng với Ba Nhật Hữu, nên người ta gọi là <Ba Nhật Lục>. Tác phẩm còn lại là: Phú Li Tập.

## BẠCH LIÊN

*Đàn khùng đề hồ nan bính khiết  
Chỉ ung đảm bạc khả tề hương  
Bán thủy kim phán tri hà tự  
Tĩnh uyển lâm khe chiếu ngạch hoàng*

Bỉ Nhật Hưu

### SEN TRẮNG

*Đề hồ chớ ngại khó trong  
Chỉ vừa đảm bạc hương nồng sánh đôi  
Phấn vàng sao biết tựa rời  
Đẹp yên tới suốt trần soi ánh vàng*

Huyền Thanh Lữ

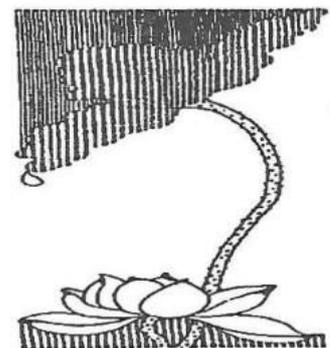
靜半只但  
婉垂應恐  
監金塵醍  
溪粉當可  
照知何齊  
額似香并  
休黃似香并  
皮日休黃似香并  
蓮 白蓮 白蓮

**Chú thích:**

Đề hồ: Nghĩa đen là mỡ sữa đông đặc phải nấu nhiều lần và làm công phu mới thành. Nghĩa bóng là Phật Tính phải tu học, thực chứng qua nhiều lần, nhiều cấp bằng kinh điển Phật Pháp mới hiện rõ ra được.

Đàn bạc: tên một loài thực vật, cây cao lớn, hoa màu vàng, có nhiều hương thơm, gió đùa hơi thơm đi rất xa.

Bỉ Nhật Hưu (khoảng 834 - khoảng 902): tự là Đạt Thiếu, sau đổi là Tập Mĩ, hiệu là Lộc Môn Tử, quê ở Tương Dương, nay thuộc Hồ Bắc, kế thừa truyền thống về Tân Nhạc phủ của Bạch Cư Dị (772-846). Tác phẩm còn lại: Bỉ Tú Văn Tấu.



# Xuân Mậu Dần, kể chuyện cọp



● Phan Hùng Nhon

**X**uân năm nay là Xuân Mậu Dần. Tiêu biểu cho năm Dần là con Cọp, đứng hàng thứ ba trong vòng 12 con giáp. Đầu năm Dần mỗi câu chuyện không khỏi không liên quan đến cọp. Chuyện tích về Cọp kể cũng khá nhiều và theo đó có thể nhận diện Chúa Sơn Lâm qua muôn vàn bộ mặt. Nhiều người nói rằng Cọp là một ác thú mạnh bạo và hung tàn cùng ngu dốt. Trái lại không ít người kể rằng Cọp chỉ ăn thịt người vào những khi quá đói mà tìm mồi không ra. Cũng lắm kẻ cho rằng Cọp là một con vật tinh khôn và cũng có tử tâm như người.

## CÁO MUỘN OAI HÙM

Vua nước Sở rất thắc mắc không hiểu tại sao người phương Bắc lại khiếp phục quá mức viên tướng của mình là Chiêu Hề Tuất. Vua hỏi quần thần thì quan đại phu Giang Nhất tâu rằng:

"Con Cọp là chúa sơn lâm thường bắt các thú trong rừng để ăn thịt nên tất cả mọi thú rừng đều sợ cọp. Một hôm cọp bắt được một con cáo thì cáo la rằng không được chạm đến nó. Cáo nói: "Liệu hồn đừng có chạm đến ta mà chết không kịp ngáp. Ta được Trời sai xuống đây để cai quản tất các bách thú. Người mà xâm phạm đến ta thì Trời sẽ trừng phạt người ngay. Không tin người cứ đi theo ta, ta đi trước người đi sau, người sẽ thấy mọi thú vật thấy ta là sợ hãi bỏ chạy trốn hết". Cọp liền thú đi theo Cáo một vòng, quả nhiên con thú nào thấy Cáo đều bỏ chạy cả. Cọp vô tình nghĩ rằng các thú đều sợ Cáo chỗ quá thật các thú vì sợ Cọp mà bỏ chạy. Nay bệ hạ giao hết binh quyền ở miền Bắc cho Chiêu Hề Tuất. Người phương Bắc sợ Chiêu Hề Tuất chính là sợ bệ hạ".

*Câu chuyện có ý mỉa mai những kẻ tiểu nhân đắc chí mượn uy quyền những kẻ có quyền để hống hách dọa nạt người khác và xem các kẻ tiểu nhân đó cũng chỉ là cáo mượn oai hùm.*

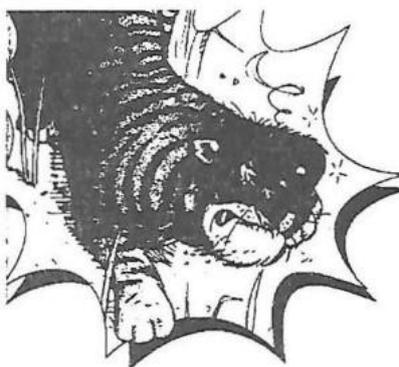
## CON CHUỘT VÀ CON CỌP

Một hôm nọ, Cọp đói quá đi khắp nơi tìm mồi nhưng tìm hoài mà chẳng bắt được

một con thú nào cả. Chợt có con chuột chạy qua Cọp liền chụp được, Chuột liền năn nỉ: "Ông ơi! Ông bắt tôi làm chi? Thân tôi quá nhỏ ông có ăn cả chục con cũng chưa đủ no, mong ông tha tôi làm phúc. Cọp suy nghĩ thấy chuột nói cũng có lý nên thả Chuột ngay. Vài hôm sau vì mồi sẵn mồi, Cọp sa vào bẫy lưới của thợ săn. Cọp vùng vẫy mãi vẫn không thoát được. Thấy voi, hươu, bò rừng đi ngang Cọp kêu cứu nhưng chúng đều lác đầu đi thẳng. Cọp thất vọng vô cùng. Tình cờ có con chuột từng được cọp tha hôm nọ đi qua, cọp thấy chuột nhỏ quá nên cũng chẳng mở miệng kêu cứu. Còn phần chuột thấy cọp mắc nạn, liền tắt tà chạy về hang kêu réo họ hàng nhà chuột chạy đến xúm lại cắn đứt dây lưới, giải thoát được cọp.

*Câu chuyện khuyên rằng mang ơn thì phải nhớ trả ơn và ở đời không nên coi thường những kẻ nhỏ bé hơn mình vì có thể vào ngày nào đó mình có thể cần chúng.*

## CỌP MẮC BÃY KHÔNG AI THỀM CỬU



Chúa sơn lâm trong người khó ở nên suốt mấy ngày không đi ra khỏi hang, nên lương thực dự trữ cũng hết thì thấy các thú nghe tin chúa đau nên lục tục đến thăm viếng. Cọp đang đói nên muốn kiếm có bắt lỗi kẻ đến thăm để ăn thịt.

Đầu tiên chú nai vào thì cọp liền bảo nai lại gần và hỏi rằng: "Ta đang đau người thấy ta thớm hay thú?" Nai ngay tình trả lời: "Thưa thú". Cọp liền bắt lỗi nai sao cọp là chúa sơn lâm mà nai dám nói cọp thú? Cọp liền chụp nai nhưng nai

chạy thoát được ra ngoài và than khóc với các thú kia. Đến phiên con chồn vào. Cọp vẫn hỏi: "Ta đang đau vậy ta thớm hay thú?". Chồn liền thưa: "Thớm". Cọp nổi giận nói: "Thằng này nịnh". Cọp vùng lên chụp chồn nhưng chồn chạy thoát được. Đến phiên chuột vào. Cọp cũng hỏi cọp thớm hay thú, thì chuột cũng trả lời là: "Cũng không thớm mà cũng không thú". Cọp nói chuột nói bậy, bèn chụp chuột nhưng chuột chạy thoát được. Vài hôm sau đi ngang qua rừng, chuột thấy cọp mắc bẫy, cần vọt bật lên trên cao; thấy chuột đi ngang cọp liền kêu cứu thì chuột trả lời: "Tôi nhỏ người có thể bỏ ra đầu cành cắn dây treo cho đứt xuống là xong, nhưng tôi sợ ông sẽ chụp tôi để ăn thịt. Thân tôi nhỏ bé đáng là bao, chưa đủ một miếng mà hôm nay ông tính chụp tôi để ăn thịt. Thôi tôi sợ lắm". Nói thế xong là bỏ đi luôn cùng các con thú khác.

## ĂN TRỘM VÀ CỌP CÙNG RINH NHÀ

Một đêm nọ có hai tên ăn trộm đột nhập vào vườn một nhà nọ và tự phân công mỗi đứa rinh ở một góc nhà đợi trong nhà ngủ mê sẽ cùng nhau cạy cửa vào lấy đồ. Tình cờ đêm đó cũng có con cọp đói qua tới rinh để bắt heo. Vì miệng cọp hôi quá lại thêm gần chuồng heo cũng rất hôi nên cọp không đánh hơi được sự hiện diện của hai tên trộm. Đợi chờ lâu quá, một tên trộm liền lặn mò trong đêm tối để đi đến chỗ tên kia để hỏi thăm. Đến chỗ cọp ngồi, tên này tưởng lầm là đồng bọn của mình liền vỗ mạnh lên vai và hỏi đã đến lúc vào nhà được chưa? Bất ngờ tay đụng vào một thân hình đầy lông xồm xàm bèn hoảng sợ nhay trái chạy đi mất.

Cọp đang lủ nhủ ngồi, thỉnh linh bị vỗ vai cái bộp, hoảng hồn cũng vọt chạy ra khỏi vườn. Tên trộm rinh ở đầu góc nhà kia nghe tiếng chạy thỉnh thỉnh tưởng rằng người trong nhà đã hay biết nên cũng vùng chạy theo. Tên trộm chạy trước nghe tiếng chạy phía sau lại thêm tiếng cọp hú lại tưởng là cọp đuổi theo mình lại càng chạy mau hơn. Con cọp chạy giữa nghe tiếng chân chạy lộp độp phía sau tưởng đang bị người rượt lại càng nhay sai thêm. Nhưng do cả ba vì quá sợ, hồn vía như lên mây, cứ chạy vòng tròn trên đường mòn xung quanh vườn. Người trong nhà nghe động thức dậy vừa nghe tiếng cọp hú, vừa nghe tiếng người chạy tưởng cọp đang rượt người đi đường, bèn rủ nhau kẻ lấy dao rựa, kẻ lấy thùng thiếc đập kêu to, kẻ đốt đuốc cùng reo hò chạy ra yểm trợ. Cọp và hai tên trộm càng hoảng hồn mạnh ai đang nào chạy biến đằng ấy. Đoàn người trong nhà chạy đến thì chỉ thấy dấu chân người và chân cọp, còn cọp và người thì

chẳng thấy đầu hết, tưởng lầm rằng cạp đã vồ được người và tha xác đi rồi.

### THÁI TỬ HÓA CẠP

Vua Lý Nhân Tôn không có con trai kế vị nên đã lập Dương Hoán, cháu ruột kêu bằng bác, lên làm Thái tử. Năm lên mười, Thái tử lâm bệnh bất ngờ rồi thân thể mọc đầy lông vằn vện vàng đen, suốt ngày gặm thét như cạp. Nhiều danh y được triệu đến nhưng cũng đành bó tay không chữa nổi. Ngày nọ có đạo sĩ Khổng Minh Không đến xin ra mắt nhà vua để chữa bệnh cho Thái tử. Khổng Minh Không sai nấu sôi một vạc dầu lớn rồi tự mình nhúng tay vào làm phép, tay ông ngoáy trong vạc dầu sôi, thân nhiên như thò tay vào vạc nước lạnh, đoạn sai lính múc dầu xối lên người Thái tử Dương Hoán. Dầu chảy đến đâu lông cạp rụng đến đó và Thái tử không còn gặm thét nữa và một lúc sau Thái tử hồi tỉnh cùng khỏe mạnh trở lại. Đến khi vua Lý Nhân Tôn băng hà thì Thái tử lên ngôi kế vị với niên hiệu Lý Thần Tôn.

(Hồi đó có người nói rằng Thái tử Dương Hoán chính là ông Tử Đạo Hạnh vì muốn đến ở cửa tử của ông Sùng Hiền em nhà vua nên đã thác sinh làm con ông Sùng Hiền và biết trước mình sẽ gặp tai họa biến ra cạp nên đã căn dặn trước nhờ đạo sĩ Khổng Minh Không đến cứu).

### CON CẠP NHÂN TỬ

Theo Nguyễn Đình Chiểu kể: Lục Vân Tiên bị mù, đi đâu cũng nhờ có tiểu đồng dắt dẫn. Trịnh Hâm muốn hại Vân Tiên bèn bảo Vân Tiên ngồi nghỉ ở ven rừng để Trịnh Hâm dắt tiểu đồng vào rừng để kiếm lá thuốc chữa bệnh. Phình được tiểu đồng theo vào rừng, Trịnh Hâm liền trói tiểu đồng vào một gốc cây để tiểu đồng phải làm mồi cho cạp beo ăn. Rồi Trịnh Hâm ra nói với Vân Tiên rằng cạp đã tha xác tiểu đồng đi rồi. Trong khi ấy ở trong rừng tiểu đồng than khóc kêu la đến tắt tiếng mà chẳng có ai đến giải cứu, một phần nghĩ rằng chủ mình chắc cũng bị Trịnh Hâm hãm hại rồi nên van vái Vân Tiên hồn có linh thiêng thì đem tiểu đồng theo để tiểu đồng có thể tiếp tục phụng dưỡng Vân Tiên bên kia thế giới. Khóc van thời gian khá lâu thì tiểu đồng ngủ quên. Chúa sơn lâm đến nghe được tiểu đồng van vái thì cảm động không nỡ ăn thịt tiểu đồng, chỉ ghé lại cắn mở dây trói rồi cởi tiểu đồng ra khỏi rừng. Tiểu đồng mở mắt tỉnh dậy thấy mình nằm ở ngoài rừng xung quanh có dấu chân cạp thì biết mình đã được cạp cứu sống.

### CẠP THỦ THIÊM

Vào ngày xa xưa tại một ngôi nhà ở cạnh rừng rậm vùng Thủ Thiêm, có một bà cụ nghèo sống vất vả với người con trai làm nghề đồn củi. Một ngày nọ người con trai vào rừng chẳng may bị cạp sát hại. Bà cụ cô đơn sống không người nuôi dưỡng nên than khóc suốt ngày. Một hôm có một con cạp đi ngang qua, nghe bà lão than khóc thảm thiết trong nhà. Cạp đứng lắng nghe nên biết được rằng bà cụ này trước đây sống vất vả qua ngày ở đây nhờ người con trai làm nghề đồn củi, nhưng đã bị một đồng loại nào đó của mình đói quá ăn thịt. Cảm thương hoàn cảnh bà lão, cạp ta quyết định từ đó lãnh phần nuôi dưỡng bà cụ. Hằng ngày cạp vào rừng, bừa bắt heo rừng, bừa bắt hươu hay nai, mang về để bà lão bán lấy tiền độ nhật. Lúc đầu bà cụ còn sợ nhưng lần lần thấy cạp hiền lành ngoan ngoãn như mèo chó trong nhà, bà cụ thương cạp như con đẻ. Những người ở làng gần đó đều ngạc nhiên thấy cạp hiền lành phụng dưỡng bà cụ.



Nhưng rồi vì tuổi đời chồng chất, bà cụ qua đời, người trong làng chôn cất bà cụ tại một mộ ở ven rừng gần nhà. Suốt mấy ngày con cạp gặm thét dữ dội như đứa con đau đớn mất mẹ hiền. Sau đó nó rời vùng Thủ Thiêm đi đâu biệt tích. Nhưng hằng năm đến ngày trùng với ngày bà cụ mất, người làng lại thấy ở mộ bà cụ, năm thì xác một con heo rừng, năm thì xác một con hươu hoặc nai. Xác con nào cũng có dấu móng chân cạp quào ở cổ.

Chuyện về cạp cũng còn nhiều. Tuy nhiên không có chuyện nào giống chuyện nào. Khi thì cạp được diễn tả như là một ác thú hung tợn, khi thì cạp được xem là một thú rừng có sức mạnh và đầy dũng cảm. Có lúc cạp là con vật điều ngoa. Có lúc cạp là biểu tượng của một con vật đầy tâm hoặc là tiểu biểu cho một người anh hùng. Nói chung chúa sơn lâm dẫn đến với con người qua muôn vàn bộ mặt, từ hình ảnh một con ác thú ngu đần, hữu dũng vô mưu đến bóng một con vật tinh khôn đầy anh hùng táng và có tình thương như người ■

## Đón Xuân Nhớ Vườn Mai Quê Ngoại

\* Hồng Lan



Mỗi độ Xuân về mỗi nhớ mong  
Nhớ thời niên thiếu tuổi thắm hồng  
Bên khu vườn rộng trên quê ngoại  
Cổ đám mai vàng chớm trở bông

Mùa Xuân năm đó mai nhiều quá  
Lên thăm nhà ngoại Phú An Hòa  
Chờ mai đi bán buổi chợ xa  
Sài Gòn, Nguyễn Huệ đủ thứ hoa

Cúc vàng, vạn thọ tươi trong nắng  
Mẫu đơn, thược dược cánh say quần  
Mồng gà đỏ tía cành chia thẳng  
Hạnh xanh, ớt tím đơm hoa trắng

Chợ chiều ba mươi vẫn còn đông  
Mời người khách lạ với nỗi lòng  
Mua chùm mai muện chút xuân nồng  
Tiền còn một bó đẹp như không

Khách vội cầm hoa nét âm thầm  
Hình như luyến tiếc phút xa xăm  
Hối hả bước đi mờ khuất bóng  
Bâng khuâng chiều xuống gió lạnh  
căm

Đầu năm chúc ngoại câu đối đỏ  
Nhang thơm, trà mới, cặp dưa to  
Thuốc xía, bình vôi, chiếc hộp nhỏ  
Vườn trà cau sẵn khỏi phải lo

Thuở Mỹ - Sài Gòn còn xe lửa  
Chuyến xe ngày cuối đến cũng vờ  
Nửa đêm về kịp đón giao thừa  
Ngoại mừng, mai nở khắp vườn thưa

# Nhà Văn và Thơ VI KHUÊ



## Sơ lược về Tác Giả và Tác Phẩm

### Tác giả

Bút hiệu Vi Khuê, khuê danh Trần Trinh Thuận. Những bút hiệu khác: Đoàn Văn, Nguyễn Thị Bình Thường, Đào Thị Khánh. Chánh quán: làng Thạch Bình thuộc Ngũ Xã, tỉnh Thừa Thiên (miền Trung Việt Nam). Tốt nghiệp Cử Nhân Văn Chương Hán-Việt. Trước năm 1975, ở quê nhà, là Hiệu Trưởng trường Trung Học Tư Thục Đệ Nhị Cấp Văn-Khoa, số 9 đường Phan Chu Trinh, Đà Lạt. Trước đó, từng là giảng viên, biên tập viên, diễn viên thoại kịch tại các Đài Phát Thanh Huế, Đà Lạt.

### Tác Phẩm

Những bài thơ Vi Khuê đăng báo đầu tiên tại Huế cùng các nhóm trẻ; từ 1954, trên Mùa Lúa Mới, tạp chí Văn Học đầu tiên của Miền Nam; tại Sài Gòn, trên Ngân Khôi, trên Hải Triều Âm, trên Văn Học Nghệ Thuật... Chính thức xuất hiện trên thi đàn với Giọt Lệ, năm 1971. Vi Khuê trước đây là một cây bút chủ lực của Phụ Nữ Diễn Đàn với những bút hiệu khác nữa, như: Đoàn Văn, Đào Thị Khánh, Nguyễn Thị Bình Thường. Đã cộng tác từ năm 1982 với các tạp chí: Văn, Làng Văn (Gia Nã Đại), Văn Học, Đất Mới, Nhân Văn, Sóng, Thế Kỷ 21, Thời Luận, Người Việt, Saigon Times, Thời Báo, Chiêu Dương (Úc Châu). Tại Hoa Thịnh Đốn với các báo địa phương: Hoa Thịnh Đốn Việt Báo, Diễn Đàn Tự Do, Diễn Đàn Thủ Đô, Đời Nay, Thời Mới - Phụ Nữ Mới. Đã là Chủ Bút tạp chí Tin Điện xuất bản tại Tây Đức...

### Tác phẩm đã xuất bản

Thơ: Giọt Lệ (1971), Cát Vàng (1985), Tặng Phẩm Tình Yêu (1991), Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi (1994).

Văn: Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ (1986), Những Ngày Ở Virginia (1991), Văn Chờ Xe Thổ Mộ (1993).

### Tác phẩm sẽ xuất bản

Nghi Về Thơ (khảo luận). Tuyển Tập Thoại Kịch. Tuyển Tập Nhạc Phổ tử thơ Vi Khuê.

### Các hoạt động văn hóa khác

Thành viên của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại trực thuộc Văn Bút Quốc Tế (International P.E.N. Club). Thành viên của Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn. Chủ trương Nhà Xuất Bản SAO - Hoa Thịnh Đốn. Có tên trong Tự Điển Tiểu Sử Nhân Vật Quốc Tế (Dictionary of International Biography) ấn hành tại Cambridge, Anh Quốc. Có tên trong Tự Điển American Biographical Institute, Inc. (ABI) ấn hành tại Hoa Kỳ.

\*

## ● Phiếm luận của VI KHUÊ

# Ngày xuân nói chuyện thầy bói



Mỗi năm, hoa đào nở  
Lại thấy ông đồ già  
Bày mực tàu giấy bản  
Trên phố đông người qua

Năm nay đào lại nở  
Chẳng thấy ông đồ xưa  
Những người muôn năm cũ  
Hồn ở đâu bây giờ?

Hai đoạn thơ giản dị của Vũ Đình Liên không ngờ lại ở lại với đời lâu đến thế. Lâu đến nỗi, hầu như mỗi lần Tết đến, có dịp viết bài về Xuân, là mỗi lần "các nhà văn" lại nhớ đến hoa đào nở với ông đồ già như biểu tượng một cái gì đẹp đẽ nhất đã đi qua, và không bao giờ trở lại.

Ngày Tết, nhớ ông đồ già. Nhớ những ông đồ già, những cụ đồ già với mực tàu giấy bản, với ngọn bút lông. Đó là các cụ xưa kia đã ngồi bên lều đường để viết câu đối bán cho khách mang về treo trong ba ngày Tết.

Nhưng không phải chỉ có thế. Hình ảnh ấy còn gợi cho ta nhớ đến các ông thầy, thầy đoán mạng, thầy coi số, coi tướng, gọi chung là thầy bói, đã hàng chục năm hành nghề ở quê hương xưa, đã từng tạo nên một phong trào vô cùng phát đạt, đặc biệt là tại Sài Gòn.

Ngày Xuân đi lễ Lăng Ông là một hình ảnh đẹp làm sống lại cảnh phồn vinh đã thực sự có một thời tại miền Nam thân yêu. Ghi lại đầy đủ, càng đầy đủ càng hay, về các vị thầy bói đã một thời tạo nên một phong trào phát đạt như đã nói trên, cũng là một đóng góp đáng kể vào "công cuộc bảo tồn văn hóa" vậy.

## 1. CÁC THẦY TẠI LĂNG ÔNG

Lăng Ông là lăng đức Tả Quân Lê Văn Duyệt ở Gia Định, còn gọi là Lăng Ông Bà Chiểu. Lăng không phải chỉ là một nấm mộ được xây thành chung quanh, mà là cả một dinh cơ rộng lớn, kiểu như lăng các vua nhà Nguyễn ngoài Huế vậy: lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Thiệu Trị, lăng Tự Đức, v.v... Tại đây có rất nhiều thầy bói hành nghề. Có những người đi lại ngay trong Lăng, giữa lúc thiên nam tín nữ nhân ngày Xuân đi lễ đình chùa, và nhất là đến Lăng để xin xăm, gieo quẻ, cầu nguyện hôn nhân. Thường là các thầy bói trong Lăng ngồi rải rác khắp nơi và tự động di chuyển. Trải ra một chiếc chiếu hoa và đặt "đồ lễ" lên trên, có khi bày ra một chiếc bàn nhỏ với vài chiếc ghế nhỏ.

Phần đông thầy bói đều thuộc lớp các cụ xưa, mặc áo dài đen và đội khăn đóng. Nhưng cũng có người muốn tỏ ra thuộc giới có tân học, ngang nhiên mặc đồ tây và đeo kính "trí thức". Cũng có người mặc bộ bà ba bình dân cho thoải mái và có vẻ "bất cần đời". Tuy ăn mặc khác nhau, nhưng đã gọi là thầy bói thì vị nào cũng có bày ra nơi chỗ hành nghề các thứ giống nhau: một bộ bài Tây, ít quyển sách chữ Hán, những xâu chân gà luộc phơi khô, cái mu rùa để bốc. Ngoài ra còn có đèn nhang, giấy màu đỏ và bút lông, mực xạ.

Các ông thầy này đón khách ngay cửa vào Lăng, trong khi các vị thầy khác đều

có chỗ ngồi nhất định. Những chỗ ngồi này đều có đóng thuế môn bài mỗi năm khoảng chừng một ngàn đồng cho chính phủ, và vì vậy họ có kê được bàn ghế đàng hoàng, có tấm "tăng" để che mưa nắng, có khi còn có mái lợp như các phòng nhỏ, trên bãi cỏ. Bên hông trái Lăng Ông, trên một phía lề đường Trịnh Hoài Đức là nơi họ tập trung, chừng 20 vị. Thường là họ đoán vận mạng và tình duyên cho khách theo quẻ xăm rút được.

Lăng Ông nổi tiếng với vụ này đến nỗi trong một bài hát của ban hợp ca AVT có đoạn rất tếu:

*Năm mới đừng để vợ la  
Đừng chơi cờ bạc mà ra bát nằm  
Chi bằng đi lễ Lăng Ông  
Đầu Xuân năm mới xin xăm cầu tài  
Mồng một đi lễ Lăng Ông  
Cầu anh đắc lộc bằng trăm ngày  
thường ...*



## 2. CÁC THẦY BÓI NGŨ I T U

Tại một số khách sạn sang trọng ở Chợ Lớn xưa kia như Bát Đạt, Phương Hoàng, Đông Khánh, có một số các ông thầy người Trung Hoa nổi tiếng đặt trụ sở hành nghề và cũng thu hút khách người Việt thuộc giới "tứ sản mại bản"! Họ có những cái tên nghe thật quyến rũ (về phương diện huyền bí) như: Sơn Đầu Bạch Vân đại sư, Nhạn Nam Phi đại sư, Đại Lục Tiên, Hà Thiết Ngôn đại sư, v.v...

Các vị bốc sớ người Trung Hoa này thường tự xưng là bốc sớ đại tài tử Hồng Kông sang và tự tạo cho mình một vẻ tiên phong đạo cốt đặc biệt. Tuy vậy, một khi họ đã đặt trụ sở hành nghề thì điều trước tiên để đến với... các tiên ông vẫn là tiền! Các thầy này không biết nói tiếng Việt, nên tất nhiên là phải có thông dịch viên nếu không phải người Tàu. Ngoài ra, còn có mấy vị nữa cũng mang những đại danh rất là kiêu hiệp như: Sơn Đầu Mã Ngọc Long Mã Cơ Sanh!

Vào khoảng năm 1971, 1972 quý vị thầy này chỉ coi chỉ tay tài lộc trong hai năm cũng đã đòi năm ngàn, chọn ngày làm ăn buôn bán thì mười ngàn, lấy số tử

vi thì ba chục ngàn. Họ xưng danh đại sư tử bên "đại quốc" qua, và chỉ dù một lần, họ cũng hấp dẫn được khách hiếu kỳ hay hủu sự tìm đến họ. Họ sống một cuộc đời sung túc, vợ chồng già, bay tử nước nọ qua nước kia, suốt đời ở khách sạn, ăn cao lương mỹ vị tại các đại lầu lầu.

Thật ra, các vị thầy Tàu này đến Việt Nam hay các nước vùng Đông Nam Á thì có thể bị đập được, chủ riêng dân Trung Hoa ở Chợ Lớn thì không tin. Họ cho rằng đó chỉ là những tên vô tài bất tướng, không có nghề nghiệp gì để sống bên chính quốc nên mới phải đi tha phương cầu thực như vậy.

## 3. THẦY BÓI CỦA CÁC NHÂN VẬT CHÍNH TRỊ

Vào những năm 65-75 tại Sài Gòn, hễ giờ những tờ báo ở trang quảng cáo ra, ai cũng phải để ý đến những dòng bốc thơm các vị thầy bói. Nào là "giáo sư thần học", "chiêm tinh gia", "maitre", "quý cốt đại sư"... Họ làm ăn phát đạt, có uy thế mạnh mẽ, được trọng vọng nề vì bởi chính các nhân vật hàng đầu của quốc gia.

Không ai không biết chuyện đầu năm Nhâm Tý, Đại tá Trần Văn Lâm, Giám đốc Việt Tấn Xã đã long trọng mời ba ông thầy Huỳnh Liên, Minh Nguyệt và Khánh Sơn lên đài truyền hình nói trước dân chúng về vận mạng quốc gia. Cũng không ai quên (nếu đã được biết) thầy Vũ Hùng ở đường Nguyễn Trãi Sài Gòn đã treo tại phòng tiếp khách của thầy một bức tranh sơn mài tuyệt đẹp, có khắc hàng chữ: "Ông Nguyễn Bá Lương, Chủ tịch Hạ Nghị Viện, kính tặng nhà tướng số Vũ Hùng".

Người ta cũng được nghe nhiều giai thoại về những cuộc tiếp đón các nhân vật lớn của chính trường miền Nam của một ông thầy nổi tiếng ở Cao Nguyên. Ông thầy Chiêm còn trẻ và không mặc áo dài, đội khăn xếp như ai. Ông mặc Âu phục đúng một nhúng kiểu trẻ và luôn luôn diện kính mát, trông rất "bô trai". Nếu không biết ông từ trước thì khó ai trông thấy ông đi bắt phở (khu Hòa Bình) mà lại ngờ được đó là một ông thầy bói! Ông tỏ ra là một người khôn ngoan lanh lợi. Tuy vậy, với tư cách thầy bói, ông đã xử sự như người đời xưa, như trong truyện Tàu. Người ta đồn rằng chính ông đã được hân hạnh đón tiếp các nhân vật lừng danh: cụ Phan Khắc Sửu, ông Nguyễn Cao Kỳ, ông Hà Thúc Ký, v.v... và đã làm một cử chỉ rất điệu là sụp xuống lạy và nói: "Ngài quả là có chân mạng đế vương!". Người ta cũng ghi nhận rằng do lời tiên đoán và sự khấu đầu đánh lễ của ông thầy, trong một năm nào đó, tại miền Nam, đã có tới 11 vị có chân mạng

để vương ra tranh chức Tổng Thống! Chừng đó, dù chúng tỏ uy tín của ông thầy Chiêm lớn lao như thế nào.

Cũng không phải chỉ riêng ở nước ta, mà hình như ở đâu thì chính khách cũng đặc biệt quan tâm tới vấn đề bói toán. "Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên". Không tin hẳn, nhưng nếu cú bói thủ, thì vẫn còn hơn là tự quyết định một mình vận mệnh quốc gia. Có lẽ ở quốc gia nào, dù Tây phương hay Đông phương, thì mỗi chính khách đều có riêng một ông thầy, cũng như một ông bác sĩ tư, một bà bí thư riêng nữa vậy!

Với các chính khách, các thầy không những bấm độn, coi tướng, mà còn đưa ra những lời khuyên để thay đổi tướng mạo cho được công thành danh toại hơn. Ví dụ, một vị tướng có khuôn mặt quá ngắn và lưỡng quyền cao, thì được ông thầy cho hay như vậy phúc đức sẽ từ lưỡng quyền trôi tuột hết. Muốn cho công danh phát triển được lâu bền thì phải làm cho khuôn mặt dài ra, bằng cách để cho một chòm râu thông xuống. Quả nhiên khi để râu dài như vậy, khuôn mặt tướng quân thon hơn, tướng mạo đổi khác nhiều lắm. Cũng có trường hợp một chính khách đầu đã bạc phải nhuộm, nhưng ông thầy cho biết nếu nhuộm tóc sẽ ảnh hưởng xấu đến cái tướng đang phát rất tốt đẹp. Vì vậy nhà chính khách đành buộc lòng để nguyên râu tóc bạc phớt, trong lòng buồn vô hạn!

Những anh em, phần lớn là văn nghệ sĩ, nhà báo, hay ngồi ở quán Givral ngày xưa còn nhớ chuyện ta kháo nhau rằng đáng lẽ cuộc đảo chánh hay "cách mạng" năm 63 phát động sớm hơn, nhưng vì các thầy đã bấm độn thấy là không được, nên đã phải dời qua ngày 1.11.63 đấy!

Cũng có vị chính khách được thầy bói khuyên là nên luôn luôn thắt cà-vạt màu xám có sọc màu hồng, và ông đã âm thầm làm như vậy trong bao nhiêu năm trời.

Những giai thoại trên chứng tỏ rằng ở một giai đoạn lịch sử đã qua, các vị thầy bói đã có ảnh hưởng thật lớn, nếu không nói là đã đóng những vai trò quan trọng trên chính trường.

## 4. CÁC THẦY BÓI NỔI TIẾNG NHẤT XÚA NAY

Lẽ tất nhiên, chúng ta không ai có thể và dám nói rằng mình biết được hết tên tuổi các vị thầy bói Giao Chỉ, dù là chỉ riêng tại Sài Gòn và phụ cận, chủ đừng nói là ở khắp nước Việt Nam. Vậy, sau đây cũng chỉ là một số tên tuổi lẫy lừng nhất mà ai cũng biết, hay nhiều người biết.

Trước hết phải kể đến Các Bà Thầy:



- Bà Anna Phán, dường như xưa kia có chồng là người Pháp, đã nổi tiếng một thời từ ngoài Bắc, Hà Nội. Khi bà theo làn sóng di cư trôi vào Nam thì chỉ còn hành nghề được ít năm nữa. Cũng có người cho rằng là vì tuổi già sức yếu nên con cháu không muốn bà tiếp tục, dù rằng lộc thánh hầy còn.

- Trẻ hơn bà Anna Phán, có một bà hình như là người Pháp và cũng mang cái tên rất đằm: **Madame Claire**. Madame Claire chẳng những bói hay, còn là một người lịch lãm và gợi cảm. Nhiều người biết chuyện có hôm một công tử Bạc Liêu về già đem đến tặng Madame vài món nữ trang đáng giá lắm.

- Cô Bích, một thiếu phụ nổi danh về bói toán mà cũng có lập am, lên đồng, là người ở Đà Nẵng. Xưa kia, hồi còn Pháp thuộc, cô cũng từng có chồng sĩ quan Pháp, nhưng không có con. Là người thất học nhưng khi đồng lên, cô Bích viết chữ Hán đẹp như rồng bay phượng múa trên những tờ giấy bồi. Đó là lời tiên thánh truyền dạy cho kẻ đến hầu của cô, một người mà khi đồng lên thì trở nên đẹp lộng lẫy với cặp mắt sắc như dao. Cô Bích đến nay gần 70 tuổi và đã tạ thế tại Đà Nẵng sau năm 80.

- Nhưng vị thầy bói nữ lừng danh hơn cả phải kể là bà **Nguyệt Hồ**, ở đường Đinh Công Tráng thuộc quận Tân Định. Vào khoảng cuối năm 74, bà Nguyệt Hồ chừng 43 tuổi, xưa kia đã từng nổi tiếng là hoa khôi, hình như bà đã trúng tuyển kỳ thi hoa hậu do báo *Đời Mới* của ông Trần Văn Ân tổ chức.

Cả bốn vị nữ thầy trên đây đều đã thành công với nghề nghiệp và sống một cuộc đời sung túc, nếu không nói là vương giả. Các bà không những chỉ bói bài, xem chỉ tay, mà còn làm công việc giới thiệu tình duyên và gỡ rối tơ lòng. Các nữ thân chủ khi có chuyện rắc rối về gia đạo là tìm đến các bà như tìm đến những cái phao.

Tuy các bà thầy cũng thành công, nhưng so với quý ông quý cụ thì số lượng ít hơn nhiều. Người ta còn nhớ tại Sài Gòn có các thầy nổi tiếng như: nhà tiên tri Gia Cát Hồng, giáo sư Khánh Sơn, thầy Nguyễn Huy Bích, thầy Minh Lộc, thầy Minh Nguyệt, thầy Lanh, thầy Diển, và thầy Ba La.

- **Thầy Gia Cát Hồng** tên thật là Phạm Bảo, nguyên là công chức thuộc Nha Cảnh sát Công an Bắc Việt trước 1954. Sau khi di cư vào Nam, ông Bảo thôi nghề công chức, sau đó một thời gian mở văn phòng đoán vận mạng tại đường Trần Quốc Toản, gần Việt Nam Quốc Tự. Thầy

tự quảng cáo là nhà tiên tri, xem tử vi, chữ ký. Nổi tiếng về tài xem tử vi mà nói đúng được diện mạo người xem, tầm vóc, lớn nhỏ, nghề nghiệp, màu da... mà không cần trông thấy mặt.

Ngoài việc bói toán, thầy Gia Cát Hồng - chắc cũng có ngụ ý mình là con cháu Gia Cát Lượng bên Tàu - kiêm luôn nghề thầy thuốc, chữa bệnh như bệnh kinh phong, phong ngứa, phong tinh, kết quả rất tốt. Thầy làm ăn phát đạt đến nỗi chẳng mấy chốc đã trở nên chủ nhân ông nhiều tài sản lớn. Ngoài ra, còn sở hữu một nhà tắm hơi. Người ta nói rằng thầy phát như điều

- **Thầy Nguyễn Huy Bích** cũng chính quán tại Bắc Việt, là người bị mù từ thuở sơ sinh, đã hành nghề từ phố Huế Hà Nội 36 năm, sau mới vào Sài Gòn theo đợt di cư. Trong các thầy lừng danh, cụ Bích nổi tiếng là người hiền lành đúng đắn.



Cụ rất ngại mở rộng sự giao tiếp, dù rằng thân chủ tìm đến rất đông. Cụ cũng chỉ xem cho người quen, để có thể nói thật mà không sợ mất lòng hay gây thù oán. Nhiều nhà văn ở Sài Gòn là bạn thân của thầy Bích. Ngoài ra, cụ Bích cũng là bạn thân của đạo sĩ Bala. Không chủ trương kiếm tiền nhiều, thầy Bích không có của chím của nổi như thầy Gia Cát Hồng.

- **Thầy Minh Nguyệt**. Không như thầy Gia Cát Hồng tự xưng là nhà tiên tri, thầy Minh Nguyệt tự quảng cáo trên báo là giáo sư Minh Nguyệt, và mở văn phòng ở đường Đề Thám. Cùng với các thầy Huỳnh Liên, Khánh Sơn, thầy Minh Nguyệt là một nhà bói toán có đến hàng chục ngàn thân chủ. Đặc biệt, riêng thầy Minh Nguyệt còn biết đủ thập bát ban võ nghệ, ngoài tài tử vi và xem chỉ tay.

Nhiều đồng hương đến nay đã ra nước ngoài mà xưa kia đã từng đến coi bói tại văn phòng giáo sư Minh Nguyệt vẫn nhớ giọng nói miền Nam rất vui vẻ của ông -

giống như kịch sĩ Tùng Lâm - và cũng nhớ căn phòng đầy nữ thân chủ, phần đông là các cô có chồng quân nhân Mỹ đã bỏ Việt Nam trở về cố quốc. Các cô tới để nhờ thầy đoán xem bao giờ gặp lại cố nhân để cho đời sống được lên hướng như trong quá khứ. Trong số hàng chục ngàn thân chủ, có cả hàng chục cô mong được nâng khăn sửa túi cho giáo sư "Sáng Như Mặt Trăng", nhưng thầy nghiêm lắm, chẳng bao giờ "trắng hoa".

- **Thầy Minh Lộc** cũng sinh quán từ Bắc Việt di cư vào Nam, mở văn phòng tại đường Lê Văn Duyệt Sài Gòn. Thầy là người đã hành nghề lâu năm trước, từ ngoài Bắc, và có thụ giáo với một số thầy khác. Điểm đặc biệt là thầy Minh Lộc rất khó tính, nghĩa là nói thẳng, nói ngang, nói như tát nước vào mặt người đến năn nỉ xin thầy xem giúp. Đây cũng là đặc điểm chung của các thầy muốn tỏ ra tự trọng, áp dụng câu châm ngôn rút ra từ truyện Kiều: "Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm vàng". Lắm khi thầy mắng người ta đến xấu hổ và xua tay đuổi như đuổi tà, nhiều người giận bỏ về, nhưng rồi lại cứ phải mò tới!

Tự trọng và treo giá là phải, vì thầy đoán rất hay. Có người đã tắt thở, thân nhân đã đặt hòm, mà thầy vẫn xem tử vi và bấm độn quả quyết số này chưa mãn. Quả nhiên người ấy hồi sinh, và thân nhân đi trả hòm lại mà không lấy tiền về, xem như là để ăn mừng vậy. Và cũng như phần đông các thầy đã nổi tiếng, thầy Minh Lộc không chạy được ra nước ngoài vào đợt di tản 30.4, kể cả thầy Chiêm và thầy Khánh Sơn cũng không!

- **Thầy Nguyễn Văn Canh**, cũng là người sinh quán tại Bắc Việt (Nam Định). Thầy Canh cũng mù lòa từ thuở sơ sinh, nên được gia đình cho học nghề bói toán để làm kế sinh nhai. Học đầu đời, thầy hành nghề tại Thái Bình, Hà Nội, và đã di cư vào Nam sau 1954. Điểm đặc biệt của thầy Canh là có đến mười người con, tất cả đều được sinh trưởng trong cảnh no ấm, sung túc nhờ nghề của thầy là một nghề rất sáng giá tại quê nhà, vào thời buổi ấy. Thầy sở trường về tử vi và bói dịch, nổi tiếng như một nhà tiên tri.

Dáng người bệ vệ cao lớn, thầy có sức khỏe dồi dào và thần trí minh mẫn. Xem tử vi trên năm đầu ngón tay, thầy Canh chỉ cần nghe ngày sinh tháng đẻ của thân chủ một lần là nói ngay vanh vách sao nào đóng ở cung nào, cung thế có đào hoa hồng loan thì sao, cung mệnh không có chính diệu mà đắc tam không thì cuộc đời sẽ như thế nào. Nói rồi, thầy nhỏm, lần

sau khách tối chỉ cần nói tên là thầy biết số này ra sao! Đến nay, tại Mỹ, nhiều người còn nhớ được câu "mệnh vô chính diệu đắc tam không" là nhờ học được của thầy Canh cả.

- **Thầy Lê Văn Diễm.** Người viết bài này không dám tin chắc họ của thầy Diễm là họ Lê, chỉ nhớ là có người đã gọi vậy, nhưng phần đông đều chỉ gọi là thầy Diễm. Không như các thầy ở ngoài Bắc di cư vào Nam, thầy Diễm là công chức miền Nam đã về hưu. Nhà riêng ở đường Hiền Vương gần đất Thánh Tây, nhưng thầy ít khi tiếp khách tại nhà, mà thường thân chủ muốn rước thầy phải hẹn trước hàng tháng, hàng tuần, và thỉnh thầy về nhà một cách long trọng.

Thầy không nổi tiếng với khoa tướng số tử vi hay bảm độn, hay bói tướng, mà là tự nhiên có thể xuất thần nói được những điều huyền bí, tiên tri ghê gớm về quá khứ, vị lai. Tây phương gọi loại thầy tiên tri này là Medium.

Điểm đặc biệt của thầy cũng lại là khó tính. Thầy tối kỵ nhận tiền bạc hay lễ lạt của thân chủ, dạy rằng nếu được trả tiền thì bao nhiêu cái hay sẽ mất hiệu nghiệm và việc làm của các thầy sẽ không còn phải là cứu nhân độ thế nữa. Mỗi khi khách có tang gia bối rối, lần mò được vào nhà thầy, liền bị người nhà ra mời đi, nói rằng thầy lúc này đã muốn nghỉ ngơi, các quý khách đã đón rước thầy đi ngao du sơn thủy, đâu có ở nhà mà giúp bà con được! Nhưng rồi cuối cùng thầy cũng giúp cho, và thân chủ phải nghĩ sao cho phải thì thôi, để gọi là lòng thành lễ bạc! Nhiều giai thoại về tài nhìn thấy vị lai của thầy đã được truyền tụng. Ngoài ra, thầy Diễm còn có tài địa lý, nhìn hướng nhà mà biết nhà có hợp để ăn nên làm ra không, cửa trở về hướng đông hay hướng tây thì có lợi. Những giai thoại về thầy Diễm cũng nhiều, nhưng xét ra cũng tương tự các thầy khác.

Điểm đặc biệt là thầy được coi như một người có khả năng xuất hồn, chứ không phải chỉ bói toán, tử vi, hay địa lý. Cũng như thầy Chiêm ở Đà Lạt, thầy Diễm xuất hồn để tiếp xúc với hồn người quá vãng. Thầy Chiêm cầm ống điện thoại cũng kêu hê lô, hê lô và hai bên đối thoại, có cả những tiếng OK, OK nữa. Còn thầy Diễm thì thế nào, kẻ viết bài này chưa được chứng kiến.

- **Thầy Khánh Sơn.** Có lẽ so với tất cả các thầy đã được kể trên, thì thầy Khánh Sơn là người nổi tiếng nhiều nhất, và lâu nhất.

Từ những năm nước nhà còn Pháp thuộc, các bậc tiền sinh đã nghe danh

thầy, tự xưng là Mét (Maitre), Mét Khánh Sơn! Báo chí thời tiền chiến đã đăng hình thầy: đẹp trai, đeo kính trắng trí thức, một ngón tay chỉ vào cái chìa khóa, tượng trưng cho sự khám phá mọi điều huyền bí chẳng? Mét đã hành nghề đầu tử những năm 40-45 xa xưa, sau khi tốt nghiệp bằng Sư phạm tại Hà Nội, chứ không phải vì thất nghiệp mà phải xoay nghề như một số các ông ở bên Tàu qua, như đã nói trên.

Kẻ viết bài này còn nhớ đã đọc đầu đó trên báo chí, hồi còn ở quê nhà, nhiều giai thoại đặc biệt về thầy Khánh Sơn. Nào là, thầy là người hào hoa phong nhã, lại làm ra tiền một cách hết sức dễ dàng, hết sức tài tử, nên đã sống cuộc đời của một Don Juan! của một công tử Bạc Liêu! của một ông hoàng! Mặc dầu có gia đình và những người con cũng rất đàng hoàng, thầy Khánh Sơn vẫn được nhiều các bà các cô mê mệt ra rí! Nào là, thầy đã từng xem quẻ mà cứu được mấy nhân vật trong

thế thì quả cái tài của Mét Khánh Sơn thật là vô địch. Chỉ sợ rằng sấm chỉ ra đời sau khi sự việc xảy ra. Dầu sao, cũng có tài liệu ghi chép rằng chính ông Pasquier đã được nghe câu sấm và lời giải đáp tại một phiên hội chợ ở Hà Nội, trước khi tai nạn xảy ra.

Thời gian hành nghề hốt bạc của thầy Khánh Sơn kéo dài rất lâu. Thầy đã từng là nhà đoán vận mạng riêng của rất nhiều nhân vật tên tuổi như: Cựu hoàng Bảo Đại, Cựu hoàng Sihanouk...

Cho đến năm Nhân Tý 1972, các thầy Khánh Sơn, Minh Nguyệt và Huỳnh Liên được mời lên tivi tiên đoán vận mạng nước nhà, thì cả ba thầy đều nói những điều đẹp đẽ, nhìn thấy hòa bình đã tiến lại gần, thật gần cho nhân dân miền Nam! Tiếc thay, không có thầy nào tiên đoán được biến cố long trời lở đất 30.4 để mà tháo chạy!

- **Thầy Ba La.** Danh xưng Ba La gọi



chính giỏi thoát chết, cũng như đã đoán trước được cái chết của viên Toàn quyền Pháp Pasquier trấn nhiệm Đông Dương vào năm 1936. Theo lời các cụ "di sản được" kể lại thì Mét Khánh Sơn đã đưa ra một câu sấm như thế này để giải đoán trường hợp ông Toàn quyền năm xưa:

*Bao giờ hai bảy mười ba*

*Lửa thiêng đốt cháy tám gà trên mây*

Đại khái thầy Khánh Sơn cho rằng Tám gà là Bát Kê, và trên mây là máy bay. Sau đó, máy bay trên đó có viên Toàn quyền bay về Pháp đã bốc cháy và đốt cháy không những ông ta mà cả tám người trên phi cơ. Chuyện khó tin. Nếu mà đúng

nên hình ảnh một vị bốc sư Ấn Độ, hay Hồi Giáo, đây về huyền bí của xứ Nghìn Lê Một Đêm. Thật ra thầy Ba La cũng sinh quán tại miền Bắc Việt Nam, và cũng di cư vào Sài Gòn sau 1954. Trước đó, thầy đã nổi danh tại miền Bắc lâu lắm rồi, vì đến nay, nếu thầy vẫn còn trường thọ tại quê nhà thì đã ngoài 110 tuổi! Trước 75, thầy Ba La mở văn phòng bói toán tại đường Nguyễn Phi Khanh, khách bước vào trông thấy ngay một cụ già tiên phong đạo cốt, râu tóc bạc phơ, chẳng khác gì các đạo sĩ trong truyện Tàu.

Thầy Ba La chuyên về tử vi, bói dịch, nhưng cũng nổi tiếng như một nhà tiên tri

vi thầy hành nghề quá lâu năm, tài nghệ không như những thầy tử vi, bói dịch thường tình. Thầy cũng bị lừa từ lúc trẻ nên đã chọn nghề này để sinh sống, và bởi vậy nghề của thầy có căn bản vững vàng, sở học tinh thông. Thông thạo Hán văn và là tiên chỉ trong làng, nên thầy rất được nể trọng bởi người cùng giới cũng như thân chủ, đồng bào nói chung. Có đến văn phòng thầy Ba La để thấy thầy tiếp khách, toàn là các vị trí thức, giáo sư, kỹ sư, luật sư, mới biết cái giá trị của nghề bói toán ở nước ta thời ấy như thế nào. Có người không tới để nhờ thầy đoán vận mệnh, mà chỉ đến xin được luận đàm về tử vi. Cụ Ba La không làm khó trong việc tiếp thân chủ. Ai cần là cụ sẵn sàng xem cho, trong ý hướng giúp đỡ. Nhưng cụ khó tính trong cái nghĩa là hết sức thận trọng khi đặt một lá số, khi gieo một quẻ bói. Có khi kéo dài rất lâu, nghiên cứu tỉ mỉ.

Mỗi vị thầy bói đều có riêng những giai thoại của mình, có lẽ là tự tạo ra. Cụ Ba La thì được nhiều người thành tâm khâm phục vì đích thân chúng kiến tài năng của cụ, đích thân là người được cụ cứu thoát chết nhờ chỉ dẫn cách sinh sống sao cho hợp với tướng số của mình, v.v...

Cũng trên một giai phẩm nào đó, người ta được biết một giai thoại ly kỳ về tài năng xuất chúng của cụ về giải đoán số tử vi:

Một thanh niên người miền Bắc, con của một gia đình giàu có nhưng bà mẹ chỉ sinh được một lô con gái, vào thời buổi mà xã hội còn đánh giá người đàn bà thật thấp với câu: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" (một con trai cũng đáng kể là có, mười con gái có thể coi là số không). Vì lo toan không có con trai nối dõi tông đường sẽ can tội bất hiếu, ông bà liền đi lễ chùa Hương để cầu tự. Trải qua nhiều năm tháng chúng tỏ lòng thành, ông bà đã được toại nguyện. Trời Phật ban cho một đứa con trai. Mặc dầu được nuôi nấng cẩn thận, nâng như nâng trứng, húng như húng hoa, nhưng năm lên ba tuổi cậu bé cầu tự này bỗng nhiên bị bệnh nhẹ mà mất, làm cho cả đại gia đình vô cùng thương tiếc, đau khổ.

Họ không nản lòng, lại tiếp tục ngày đêm cầu nguyện, lòng thành dâng lễ lên chư vị thánh thần tại chùa Hương để xin các Ngài xét lại, tha thứ cho những lỗi lầm đã phạm nếu có, và xin được "trả lại" đứa con trai cầu tự. Ba năm sau, nhờ ơn Trời Phật, bà mẹ lại sanh được một hoàng nam, mà cả nhà xem như là chính người con trước đã tái sinh. Mà họ tin như vậy là phải, vì dung mạo người em như đúc khuôn từ người anh, không khác một điểm nào, kể cả nốt ruồi son ngay giữa ngực. Vì vậy, hai ông bà thân sinh lấy tên người anh đặt cho người em, cả giấy khai sinh đều

giữ nguyên của người anh để đi học, dù rằng họ cách nhau ba tuổi. Đến tuổi đi học, thầy giáo và bạn bè lấy làm lạ, sao "thằng bé 9 tuổi mà lại bé bằng con người 6 tuổi thôi?". Tuy vậy, mọi sự cũng trôi xuôi, trong khi bà mẹ vẫn hằng ngày nhìn thấy hình ảnh đứa con đã mất qua đứa con cầu tự thứ hai này.

Cậu bé lớn lên, học hành đỗ đạt, và vì biết chuyện đã xảy ra cho bản thân mình đầy tính cách mê tin dị đoan, huyền bí, khó tin, nên cậu ngày đêm thắc mắc muốn tìm ra sự thật. Sinh ra tại miền Bắc, nhưng đến đợt di cư vào Nam cậu cũng một mình trôi dạt vào Nam, trong khi gia đình kẹt lại ngoài Bắc cả. Một thân một mình nơi đất khách, người thanh niên phải trải qua những năm tháng vật lộn với đời sống phần hoa để sống còn. Trong những giờ phút thắm mệt với hàng trăm sóng gió, người thanh niên - ta tạm gọi là anh X - luôn luôn nghĩ đến chuyện tìm đến một vị thầy tử vi, một nhà bói toán hay để nhờ giải đáp bài toán cuộc đời mình mà anh luôn luôn thắc mắc.

Chính tại Sài Gòn mà anh X được nghe danh nhà tiên tri Ba La, như một thầy bói, như một thầy tử vi ngoại hạng. Chẳng những đã đỡ Củ nhân Hán học, cụ còn là một nhà ái quốc từng tham gia các phong trào chống Pháp. Cũng tại Sài Gòn mà anh X được biết cụ Ba La không phải sơ sinh đã mù lòa, mà chỉ bị mù từ sau khi trèo đèo lội suối vô cùng gian khổ tại núi Ba Vì. Lòng anh vô cùng cảm xúc, ngưỡng mộ người thầy bói có một quá khứ đẹp đẽ như vậy, và anh tin tưởng người ấy nhất định không dối gạt.

Sau nhiều ngày tháng tính toán, anh X tìm gặp được cụ Ba La tại Sài Gòn, đường Nguyễn Phi Khanh. Anh đưa trình lá số tử vi của người anh đã chết mà cha mẹ cụ dùng cho anh, để nhờ thầy giải đoán. Thầy Ba La càng coi kỹ lá số càng tháo mồm hôi, miệng không ngớt kêu "lạ quá", "quái lạ". Sau cùng, thầy nói rằng:

- Nếu thật anh sinh vào giờ này, tháng này, năm này, thì anh đã mệnh yếu từ năm lên ba, làm sao còn đến đây để gặp tôi?

Thầy Ba La xem kỹ các vì sao chỉ tướng mệnh, rồi gọi người nhà ra, đích thân thân nhân nhận xét và trả lời từng điểm: có phải cái trán thế này, cái mũi thế này, cặp mắt thế này, tầm vóc cao lớn thế này, thế này... không. Và nhất là có nốt ruồi đỏ giữa ngực không? Cụ Ba La lập lại:

- Có nốt ruồi đỏ thật à? Thế thì lạ quá! Tôi chịu, không đủ tài đoán số này cho anh. Anh hãy cầm tiền về. Và chỉ đến khi nào anh... có được một lá số tử vi khác!

Trên nét mặt ông thầy đượm vẻ buồn và hình như là sự bức tức. Cụ Ba La bức tức vì cảm thấy, lần đầu tiên, mình không

tin ở khả năng mình. Cũng bức tức vì nghi ngờ phần nào người thân chủ có học này đã có thể không thành thật.

Anh X cảm phục đến sợ hãi, lòng ăn năn vì đã dám thử thách một bậc tiền bối khả kính. Cuối cùng, anh X đã trở lại một lần nữa, thành tâm xin lỗi cụ và trình ra tấm số tử vi thật của anh, với ngày sinh tháng đẻ khác người anh và cách người anh ba năm tuổi.

Từ đó, anh hoàn toàn tin tưởng ở khoa tử vi như là một khoa học huyền bí, chứ không là một trò mê tin dị đoan nữa.

Tiếc thay, cụ Ba La đã không được mời lên tivi tiên đoán vận mệnh đất nước vào năm Nhâm Tý 1972, để nói những lời tiên tri xác thực hơn các vị đã được mời năm ấy.

#### - CHIÊM TINH GIA HUỲNH LIÊN

Nhắc đến thầy Huỳnh Liên sau hết, không phải vì thầy ít nổi tiếng hơn các vị kia. Trái lại là khác. Nhưng, để dành phần sau hết nói về thầy là vì trong số các nhà tử vi, tướng số lừng danh của miền Nam trước 75, ông Huỳnh Liên là người duy nhất được báo chí Việt ngữ ở nước ngoài biết được tin tức "động trời" về ông, qua một cái chết bất đắc kỳ tử gây ngạc nhiên và xúc động cho bà con ở bên này.

Số là, vào đầu tháng 10.1992, nhiều báo chí Việt ngữ ở đây loan tin về cái chết của ông, qua một hàng tit giật gân: "Thầy bói Huỳnh Liên bị cháu vợ giết chết để cướp của". Tin này được truyền miệng nhanh chóng, và những người theo dõi, tò mò, đều tưởng rằng chuyện mới xảy ra ở Sài Gòn. Về sau mới biết đó chỉ là tin viết lại từ báo *Sông Bé*, tờ báo xuất bản tại tỉnh Sông Bé thuộc quận Lái Thiêu tỉnh Bình Dương. Bài viết đầy đủ về cái chết, về cuộc sống đã qua, mang hình thức một thiên phóng sự, có điều đáng tiếc là từ đầu đến cuối không thấy nói ngày kẻ cướp của và ngày sát hại ông là ngày nào, năm nào!

Theo bài này thì trong những năm làm ăn phát đạt ở Sài Gòn xưa kia (trước 1975), ông Huỳnh Liên có tậu một khu vườn-nhà ở làng Vĩnh Phú quận Lái Thiêu để khi rảnh rỗi ông từ Sài Gòn về đây vui thú với bà vợ nhỏ, trong khi bà cả vẫn đóng đô ở ngôi nhà chính trên đường Phan Thanh Giản Sài Gòn. Sau 1975, nghề coi bói không còn được xem là hợp pháp, thầy Huỳnh Liên cũng như tất cả các thầy khác, đều tỏ ra thút thít, viết bài cảnh tỉnh chửi bò quá khứ để nộp cho nhà cầm quyền, hứa rằng "từ nay thôi không lừa bịp bà con nữa". Từ đó ông về ở hẳn với bà nhỏ, một cuộc sống cũng lạnh lẽo đìu hiu như với bà lớn vậy, vì cả hai bà đều không có con. Rồi thì, sau giai đoạn đầu hăng say của

"cách mạng", đầu lại vào đây, bà con lại tìm đến các thầy bói để giải quyết những vấn nạn cam go của cuộc sống như: thất nghiệp, vợ bỏ, vượt biên. Ông Huỳnh Liên lại tiếp tục xù quẻ trong lén lút và bí mật, nhưng vẫn hốt bạc như thường, cho đến ngày quân gian lập kế sát hại ông.

Theo báo *Sông Bé* thì ông Huỳnh Liên không tin tưởng bà vợ nhỏ lắm, nên xâu chìa khóa mở tủ cất tiền và vàng ông luôn giữ kè kè bên mình. Một hôm đường dây điện trên lầu bị hư, ông sai bà đi kêu thợ điện về sửa chữa. Bà về Sài Gòn để gọi hai đứa cháu của bà lên sửa cho chắc ăn hơn. Tối chiều, hai anh thợ điện mới lên tới nhà và bảo ông Huỳnh Liên là



bà ở lại Sài Gòn chơi, sáng hôm sau mới về. Vừa đến nhà, hai anh thợ điện liền xem xét chiếc xe hơi của gia chủ nằm trong gara đã lâu năm xem còn tốt không. Sau đó họ theo ông chủ lên lầu lo sửa điện, trong khi chị bếp lo đi bắt gà để thiết khách sẽ ở lại chơi đêm ấy. Chị bếp trở lại thì thấy có tiếng động khả nghi, chạy lên lầu thì thấy một cảnh tượng hãi hùng: một người cầm khúc dây điện ngắn xiết cổ ông Huỳnh Liên, ông trợn mắt và không la lối gì được. Chị bếp bỏ chạy xuống đường, vừa lúc gặp hai xe bộ đội vừa từ chiến trường Tây Nam trở về, lính trên xe bắn súng chỉ thiên chơi. Hai tên giết người nghe súng nổ, tưởng rằng công an đã đến nơi, vội vàng phóng lên xe tháo chạy. Trong lúc quỳnh quáng sợ hãi, chúng quên mất hai cái áo còn cời bỏ trong nhà. Chị giúp việc chạy đi cầu cứu. Lúc công an đến thì ông Huỳnh Liên đã chết. Người ta thấy cái tủ cất giấu tiền, vàng của ông vẫn còn nguyên vẹn và đồ đạc trong nhà cũng không bị mất món nào. Trong túi áo hai kẻ sát nhân bỏ lại, có đầy đủ giấy tờ tùy thân của chúng. Nhờ đó mà công an khỏi phải mất nhiều công sức cũng tóm gọn cả hai tại nhà chúng ở Sài Gòn ngay trong đêm.

Sau vài câu bình luận mỉa mai như: "Ông Huỳnh Liên đã xù quẻ tiên đoán hậu vận, tưởng lai cho biết bao nhiêu thân chủ, chỉ vẽ đường đi nước bước cho người ta tránh những điều xui xẻo. Nhưng tối phần ông, tại sao ông không chiêm tinh được cái hậu vận bi đát của đời mình?" báo *Sông Bé* cũng nhân dịp loan tin này, nhắc lại quãng đời quá khứ đầy sôi nổi và con đường đi lên danh vọng của ông, cũng không ngoài những điều mà người dân miền Nam, đặc biệt là dân Sài Gòn, đều đã biết, như sau:

"Những bài báo ký tên Huỳnh Liên cũng như các sách *Tử Vi Huỳnh Liên không phải do chính ông ta viết*". Mà là do công trình tìm óc của nhiều ký giả đương thời, như Nguyễn Ngọc Mẫn, tác giả tiểu thuyết *Tiếng Suối Sau Leng*, chẳng hạn. Những bài viết thuê ký tên Huỳnh Liên vừa lãnh nhuận bút của báo, vừa được lãnh thêm tiền của ông Huỳnh Liên nên rất có lợi (cho người viết). Quyển *Lịch Tử Vi Huỳnh Liên* có mặt từ năm 1966, xuất bản hàng năm vào dịp Tết Nguyên Đán, thi nội dung là của nhà báo Việt Nhân, một người có căn bản Hán học, dựa theo những sách như Cao Ly Đồ Hình, Kim Thủ Thần Kinh, Ma Y Thần Tướng, mà biên soạn nên.

*Lịch Tử Vi Huỳnh Liên* thường in với khổ 14,5 x 21. Quyển của năm đầu chỉ dày độ 200 trang, nhưng những năm về sau số trang được tăng lên dần. Chẳng hạn như quyển năm Ất Mão 1975, kỷ niệm 10 năm thành lập, dày đến 351 trang. Quyển năm Giáp Dần 1974 dày 414 trang, bán rất chạy trên thị trường sách báo lúc bấy giờ. Chẳng những nó được tiêu thụ mạnh trong giới bình dân, mà cả đến những nhân vật trí thức hay lãnh đạo quốc gia xưa cũng có một quyển gối đầu nằm. Nội dung *Lịch Tử Vi* tùy theo năm mà có thay đổi ở những bài viết thêm. Chẳng hạn như năm Dần thì viết về Bạch Hổ đi tu, cọp ba móng... Lấy một thí dụ ở quyển gần nhất, cũng là quyển cuối cùng, Ất Mão 1975, ta thấy có các tiết mục: Vận mạng trong bàn tay, Cây thuốc Lỗ Ban và cách dùng, Những sự huyền bí đặc biệt về mèo, Coi ngày cưới gà, chôn cất, xây bếp, cất nhà, ngày tốt xấu khởi công, phương hướng xuất hành đầu năm, Đoán số tử vi nói rõ hên xui, tốt xấu cho nam nữ từ 17 đến 65 tuổi, Phần lịch 365 ngày trong năm, có ghi ngày tốt xấu, điều nên làm, việc nên kiêng cử...



Bài phiếm văn về thầy bói này, có đoạn về thầy Ba La, thầy Huỳnh Liên thì dài, về các thầy khác thì ngắn, vì người viết được biết về các thầy nhiều ít khác nhau. Hiện nay, sống trên đất Mỹ, được biết "càng ngày càng nhiều tài tử, ca sĩ, diễn viên, và người mẫu Hollywood quay trở về với những khoa học huyền bí, theo nhiều hệ phái và tín ngưỡng khác nhau". Huống nữa là người Việt Nam, sao lại không thích chuyện thầy bói! ■

## Đầu Năm Em Lễ Phật

● TUỆ NGA



*Mây bay bay đầu ngõ  
Nắng tơ vàng láng láng  
Đầu năm em lễ Phật  
Hoa nở... đây hồn Xuân*

*Mẹ cười vui như Tết  
Miệng bôm bôm nhai trầu  
Mùa Xuân, Xuân Di Lạc  
Quê hương hết khổ đau*

*Thế giới ba ngàn cõi  
Nghe Kinh Phật nhiệm màu  
Muôn loài trong cảnh giới  
Thấm nhuần Đạo cao sâu*

*Muôn loài như bọt nước  
Một sớm ra biển xanh  
Gặp nước nguồn Cam Lộ  
Duyên hội duyên đắc thành*

*Phật Mẫu Ngài cứu độ  
Đời khổ ải điều linh  
Chúng sinh đây chúng nghiệp  
Phật ban nước tịnh bình*

*Mây vàng tươi ngõ trúc  
Nắng hồng áo em xanh  
Đầu Xuân em lễ Phật  
Dâng ý nguyện tâm thành*

*Thế giới ba ngàn cõi  
Sống hòa vui an bình  
Như Sen hồ tịnh thủy  
Trong nắng sớm bình minh*

# TẾT bên bờ sông Cổ Chiên



■ HỒ TRƯỜNG AN

Bà Giáo Khâm hồi còn son trẻ, tuy có bóng sắc nhưng vì thiệt thà, vì quen ở chốn thôn quê nên không biết se sua ăn diện. Còn ông Giáo Khâm vì bảnh trai nên có nhiều cô đeo đuổi, cho nên ông hay liếc trộm ngó lên mấy cô nào xà quần theo ông, lòng dơi dạ chuột gợn lẩn tẩn, tình thỏ ý chồn rung xao xuyên.

Số là ông Giáo Khâm cùng chú Năm Khánh là con dòng tử của ông Hương Cả Trần

Văn Lễ. Dòng đích của ông không có con trai, chỉ có cô Hai Kim Chung và cô Ba Kim Linh, vốn nổi tiếng chanh chua, dữ tợn, hỗn hào. Má chàng Tư Khâm và chàng Năm Khánh sớm thất lộc nên hai chàng phải ở với bà đích mẫu vốn cay xé như ớt, đắng như thuốc ký-ninh. Khi hai chàng lần lượt cưới vợ thì hai cặp vợ chồng phải ở chung dưới mái nhà tù đường, có bà đích mẫu hiện thân bà Thanh Đề với cái miệng sư tử hay gầm hay rống, và có tằm lòng bác ái nhỏ xíu như hạt cài mè. Đã vậy, hai mẹ chị chồng quá lửa lỗ thời cứ ủa lèng-èng, trách móc, mè nheo với họ. Vợ Tư Khâm nữ danh là cô Bày Ngọc Trần vốn hiền lành khô khạo, chỉ biết đối phó với cuộc đời thô nhám bằng tằm lòng thành thiệt và bằng nước mắt. Nhưng vợ Năm Khánh khuê danh là cô Út Thế Văn lại quyền biến. Cô liên kết với chị dâu để đối phó với chị chồng. Dù cô Bày Ngọc Trần nhu nhược, nhưng cô Út vẫn phải dựa vào chị dâu, bởi tằm lòng chớn thành đôn hậu của đường sự làm cô ta tin cậy, giúp cô tìm một điểm tựa vững vàng. Cho nên, cô Bày cũng làm theo răm rắp. Cho nên hai chị em dâu đổ bị bà mẹ chồng ó đăm la rày, đổ bị hai mẹ chị xí xọn kia thóc mách.

Ít lâu, bà Hương Cả Lễ qua đời. Cô Út Thế Văn dùng đủ cam ngôn mỹ từ lẫn vô số điều ngôn xảo ngữ thuyết phục cô Hai Kim Chung ủng hộ con trai ông Bang trưởng Phúc Kiến góa vợ tên Cẩm Pạt Lùng (Kim Bạch Long) tuổi cũng ngoài 30. Cô còn làm mai cô Ba Kim Linh kết hôn với tên Chà lai có tiệm vại ở bên hông chợ Vãng, tuy có nước da cà-phê sữa nhưng cũng khô ngô, lại nhỏ hơn cô Ba hai tuổi.

Ông Hương Cả Lễ vừa khi cô Ba Kim Linh vu quy được hai tháng, tử trần sau cơn đau số sựa. Năm Khánh dùng tiền cha để lại cho mình mở tiệm *bazar* bán đèn "*máng-sông*" (*manchon*), bán giàn hát máy, bán đĩa hát máy, giày *Bata*, nón cối, nón nỉ, văn phòng phẩm, đèn huê-kỳ... Công cuộc làm ăn thiệt xuôi chèo mát mái cho nên chú càng ngày càng giàu, có thể

Bà Giáo Khâm báo thím Năm Khánh:

- Hôm nay là mừng mười tháng chạp. Tui chỉ sai thằng Cảnh lật hai cây huỳnh mai trong sân nhà, chẳng biết làm gì hơn. Trót năm qua, gia đình tui xui tận mạng. Như thím biết đó, con dâu lớn tui, con vợ thằng Đức đó đầu năm trọt té sẩy thai. Chèn ơi, thai nhi là con trai, lớn cỡ cuồn tay, dài hơn một tấc, có đủ mặt mũi, có con chim rờ ràng. Vợ chồng tui nó buồn một, tui đau đớn gấp hai. Lại nữa, vợ chồng thằng Cảnh đòi ra riêng, cất nhà ở gần cầu Cái Côn. Chồng thì dạy lớp nhứt trường Thiềng Đức, còn vợ thì làm mắm tôm chua bán lại rai. Trưa nọ, thằng mê bình xập xám với lũ bạn, còn còn thì mệt nằm ngủ mê man. Lửa ở trong cà-ràng bỗng bắt cháy vách bếp mà chẳng ai hay. Tới chừng bếp bốc lửa cao, ai nấy túa ra. Thằng Cảnh quỳnh quá chẳng lấy được cái rương quần áo, chỉ vớ được cái chày đâm tiêu. Còn còn thay vì tìm hộp tiền và vòng vàng thì quố nhằm hộp cây đựng bộ bài cào.

Thím Năm Khánh hỏi:

- Tại sao con vợ thằng Cảnh nấu ăn xong, không chịu dập tắt lửa ở cái cà ràng?

Mặt bà Giáo Khâm bỗng tươi lên:

- Nó vừa nấu nước châm trà xong, bỗng cảm thấy bợn dạ chóng mặt. Than trong cà ràng hãy còn cháy đỏ. Nó trở về buồng nằm lẩn ra để chờ cơn chóng mặt qua. Ai dè nó ngủ luôn. Bên ngoài có cơn giông thổi tạt qua mắt cáo, lửa ở cà ràng phùng lên rồi tạt vào lớp vách bếp. Chèn ơi, một khi Bà Hòa tới viếng thì bà bầy đủ chuyện để gia chủ không kịp đề phòng. Cháy nhà xong, con vợ thằng Cảnh mới vớ lẽ ra nó cần thai. Thai mọc mộng này mầm trong bụng nó được ba tháng rồi đó thím.

Thím Năm Khánh an ủi:

- Vậy là trong rùi có may, phải không chị? Hồng biết con vợ thằng Cảnh hết buồn chưa?

Bà Giáo Khâm cười:

- Ôi, con đó vốn ăn chưa no, lo chưa tới. Nó chỉ khóc lóc rầu rĩ vài ngày, rồi đâu cũng huồn đó. Và lại, hộp đựng tiền và nữ trang chẳng có bao nhiêu, chỉ có cặp bông mù u nỏ, và cặp vòng vàng chạm mắt tre và hai chực đồng. Còn quần áo chẳng đáng kể... Kỳ đó, tui vừa hốt cái hụi chột, đưa hết tiền cho thằng Cảnh để vợ chồng nó mua sắm áo quần.

Thím Năm Khánh tiếp tục an ủi:

- Ô đời, của thế mạng người. Biết đâu nhờ có vụ cháy nhà mà vợ chồng cháu được Trời Phật đền bù. Vợ chồng nó vốn hiền lành, ăn chay mỗi tháng 10 ngày, sáng tối đều niệm Phật. Còn vợ chồng thằng Đức đã bỏ tiền giúp chú Sáu Môn bỏ nghề thiến heo thiến gà để xoay qua nghề hàng sáo. Tụi nó không muốn chú Sáu làm nghề tuyệt tự mấy con heo, mấy con gà thì lẽ nào Trời Phật bắt tụi nó tuyệt tự sao đành? Để rồi chị coi, con vợ thằng Đức kỳ tới sẽ sanh đôi, con vợ thằng Cảnh sẽ trúng số. Có vậy mới rõ trồng dưa, trồng đậu mùa xuân, và sẽ ăn trái vào mùa thu...

Thím cười hềnh hếch chấm câu rồi kiếu tử. Bà Giáo Khâm kêu con ở tên Lý bê thùng xoài cát ra xe hơi của thím Năm Khánh.

Khi thím Năm cho xe chạy, bà Giáo Khâm liền trở vào nhà, lấy đĩa quả tử sắp bánh trái mà thím Năm đã tặng gồm: một cân xá lý, một cân bôm, và hai chùm nho đen. Ngoài ra còn có hộp bánh "*bích-quy*", một chai rượu Dubonnet, hai gói kẹo hạt điều.

Ông Giáo Khâm và ông Năm Khánh là hai anh em ruột, trên họ có hai bà chị lấy chồng ngoài chợ tỉnh. Bà Giáo Khâm và thím Năm Khánh quý mến nhau cũng như vợ của Đức và vợ của Cảnh, hai nàng dâu của bà Giáo. Trong đại gia đình đó, không khí thuận hòa đã có từ mấy đời rồi. Người Bắc có câu ngạn ngôn: "Mến nhau là chị em gái, kháy nhau là chị em dâu". Hử, làm gì có chuyện đó giữa thím Năm và bà? Làm gì có cái hoàn cảnh căng thẳng đó giữa cô Hai Kim Lan (vợ của Đức) và cô Út Ngọc Huệ (vợ của Cảnh).

mua nhà bánh ịch, sắm xe hơi, sắm vòng vàng hột xoàn. Cho nên vợ chồng chú xin anh chị ra riêng để tiện việc buôn bán và tiện việc coi sóc tiệm *bazar*.

Hai mươi lăm năm trôi qua. Cô Bảy Ngọc Trân đã có xuôi gia, còn cô Út Thế Vân cũng làm mẹ hai cô gái tên Thế Loan và Thế Nga vừa đang tuổi cập kê, học ở trường Áo Tím trên Sài Gòn.

Bà Hai Kim Chung qua đời cách đây bốn năm. Đứa con trai độc nhất của bà, nhưng là con út của Cẩm Bạt Lung được cha và hai anh cho qua bên Anh học trường thương mại. Còn thằng con Chà lai của bà Ba Kinh Linh là Vincent Kapoor (tuy gốc Chà mà dân Tây nên mới có cái tên Vincent, đi qua Pháp học ngành Dược khoa, vừa về nước với bằng cấp Dược sĩ.

Rốt cuộc, về đường tử tước và về mặt công danh tài lợi, ông bà Giáo Khâm cam chịu thiệt thòi nhứt. Nhưng gia đạo ông an vui. Thằng con lớn của ông là Khải Đức thì hai keo mà không đậu bằng Thành Chung nên ở nhà lo coi sóc ruộng nương vườn tược. Còn thằng thứ nam Minh Cảnh của ông đậu xong bằng Thành Chung lo xin đi dạy lớp nhứt, không cần học trường Cao Đẳng Sư Phạm ở Sài Gòn.

Bởi gia đình ông Giáo Khâm an phận thủ thường, nên họ không hề ganh ghét cái thịnh vượng và cái may mắn của kẻ khác. Đã vậy mà vợ chồng ông biết thi ân bố đức nên lần lần cảm hóa hai bà chẳng ăn trần quần Kim Chung và Kim Linh. Khi bà Hai Kim Chung qua đời, bà Ba Kim Linh càng gần bó với hai nàng em dâu và lũ cháu kêu bằng cô hơn xưa.

Bà Ba Kim Linh, bà Giáo Khâm, thím Năm Khánh tuy vào tuổi trung niên vì muốn nịch ái chồng nên o bế dung nhan, trau tria bóng sắc. Nhờ Trời thương, tuy bà Ba Kim Linh và bà Giáo Khâm có hơi đầy đà một chút, nhưng vẫn thon gọn, tuy phướng phi mà không có phù phi phức phịch. Bà Ba cần đẹp và sang để cùng thím Năm Khánh chạy áp phe. Cả hai mặc nhung gấm, sô sa, nhiễu lụa, đeo kim cương cần thạch rườm rà và tô son trét phấn hực hỡ. Còn bà Giáo Khâm ăn diện nhả đạm hơn. Bà chỉ lo bề nội trợ và gầy được 3 chân hụi, hùn hạp với em trai mở cái *đề-bô* nước đá.

\*

Vừa đi chợ về, cô Hai Kim Lan rên rỉ với mẹ chồng:

- Chèn ơi, mới nãy vừa tới chợ cá là con choáng váng rồi muốn xỉu luôn. May mà có cô Thế Loan và cô Thế Nga trò tới núng đở, không thì con bị tui móc tui giựt bóp đầm rồi. Mà cũng kỳ, không hiểu sao

con về tới nhà thím Năm Khánh con cứ mưa thốc mưa tháo. Nghĩ tới cá là con bợn da rồi. Chắc là con bị trúng lạnh bụng hay sao đây?

Bà Giáo Khâm ngờ vực:

- Chuyện đó chắc cũng có. Nhưng tao nghi chuyện khác nữa kia. Mày xét lại kỹ đi. Mày có bật đường kinh hay không? Nếu có thì đã được bao lâu rồi? Hồi tao cần thai thẳng Cảnh, tao cũng bị những triệu chứng như vậy. Phải nhờ thầy Chín Đặng tới coi mạch mới được.

Cô Út Ngọc Huệ mở chiếc giỏ mây, lôi ra từng món:

- Mèn ơi, chị mua nhiều thứ thịt quá đây nè. Nào là thịt heo quay, sườn heo, thịt bắp đùi, lòng gà, thịt bò... May quá! Em vừa đón xuồng ông thợ chài mua được một mẻ tôm càng, cá đối... Nếu chị mua cá thêm nữa thì có khác nào chở củi về rừng.

Bà Giáo Khâm liếc xéo nàng dâu út:

- Mày nói niếc! Cá nào cũng có cái ngon riêng, nếu mình biết kho nấu đúng cách.

Cô Hai Kim Lan ngáp dã dượi:

- Hề nhắc tới thịt cá là con rùng mình mọc ốc rồi. Hôm nay con sẽ ăn bún chan nước tướng là ngon nhứt.

Cô quay qua em dâu:

- Thím làm bếp dùm chị. Chị về buồng nằm nghỉ một chốc cho tỉnh minh đầu óc.

Cô Út Ngọc Huệ cười:

- Được mà. Có con Lý, con Lại đó chi. Chị có mệt thì phải tịnh dưỡng chỗ bộ.

Bà Giáo Khâm nhìn hai nàng dâu. Cô Hai mảnh khảnh, nhưng tuổi mát trong chiếc áo dài màu nhạt ruốc tười. Cổ cô đeo kiềng vàng chạm, tai đeo bông mù u nở, hai cườm tay đeo hai chiếc kim hườn chạm bát bửu. Hai ngón tay giữa của cô đeo hai chiếc cà rá bằng đồng nhận hột hổ phách màu vàng tười. Cô Hai thường ao ước có xâu chuỗi ngọc thạch để đeo cùng cặp bông tai nhận hột xoàn và cùng một chiếc vòng đeo tay bằng cẩm thạch huyết vốn là mớ nữ trang mà ông bà Giáo Khâm dùng làm sinh lễ cho anh chàng Khải Đức rước cô về làm nội tửng.

Còn cô Út Ngọc Huệ vì ở trong nhà nên cô chỉ mặc áo bà ba bằng lụa tím, quần cẩm tụ đen. Cổ cô đeo sợi dây chuyền vàng với miếng mè-đai hình trái tim. Tai cô đeo bông cẩm thạch. Cườm tay mặt cô đeo chiếc vòng mã não xanh, còn cườm tay trái cô đeo chiếc kim xuyên chạm phụng giao đầu. Hai ngón tay giữa cô đeo cà rá cẩm thạch cắt hình hột dưa. Bởi tí má cô giàu, của hồi môn cô có vài món nữ trang cần hột xoàn, phải đợi dịp Tết hay dịp đi dự lễ cưới cô mới đeo. Cô Út vừa người, nhưng vì cô hơi mập nên cô có vẻ thấp hơn chị dâu. Nước da cô không được trắng mát như nước da cô Hai, nhưng

cũng mịn màng, đã vậy lại hồng hào chói lọi hơn.

Bà Giáo Khâm nghĩ thầm:

- Hồi còn son giá trẻ trung, mình và thím Năm đâu được nước da bóng bẩy nõn nà như nước da hai con này. Con vợ thẳng Đức thích ăn trái chua như me, khế, chùm ruột, đã vậy nó còn khía luôn những trái mít đẹt nổi mụn cám vàng chát đến tê luối luôn! Vậy mà da nó vẫn trắng như ngó sen ngó cần. Còn con vợ thẳng Cảnh thích ăn đu đủ thủ mấm, cá khô, toản là đồ độc, vậy mà nước da nó ửng hồng như bông búp, bông lồng đèn.

Khải Đức đang đánh vòng để trồng đình hướng, nghe vợ ể mình liền tạm ngưng công việc. Anh đi tắm rồi trở về buồng. Thấy vợ nằm nhắm mắt, anh tưởng vợ ngủ nên bước rón rén vào buồng. Tủ hòm vợ sẩy thai, anh càng sẵn sóc vợ kỹ hơn, âu yếm vợ đậm đà hơn để vợ nguôi ngoai chuyện bất hạnh vừa qua. Suốt một tháng ròng, cô Hai Kim Lan củ ngồi đầu khốc đố, ề uyệt sầu não lắm. Mới vừa được tuần nay, cô làm việc nhà hăng hái, cuộc sống thường nhật có môi trở lại bình thường nên vợ chồng ông Giáo Khâm và anh đều mừng thầm.

Cô Út Ngọc Huệ an ủi chị dâu:

- Chị ơi, hề còn gà trống thì gà mái lo chi không đẻ trứng có trống để ấp thành gà giò? Em xin chị bớt buồn. Chầu xưa, cô Hai và cô Ba tụi mình đều khen chị tốt mái, lo gì mà không trở sanh thái tử, hoàng tử, công chúa cho anh Hai tụi em mừng hay sao? Như vợ chồng em đây, bởi em tốt mái nên hại trống... Em tuổi hồng môn môn bao nhiêu thì chồng em xanh xao bấy nhiêu! Vậy mà bụng em chậm mang chủng tử của anh để anh nóng ruột bao phen trông thật tội nghiệp!

Cô Hai Kim Lan chỉ biết ngày đêm tụng "*Phẩm Phổ Môn*" trong "*Kinh Pháp Hoa*" để cầu trở sanh thái tử cho tí má chồng cô mừng. Cách đây một tuần, một đêm nọ cô nằm chiêm bao thấy một bà già cho cô hai trái mạn hồng đào. Cô vừa kê gần miệng thì cả hai chạy tuốt vô bụng cô. Dòng dõi chồng cô họ Lý, mà lý có nghĩa là trái mạn. Hai trái mạn mà chui một lượt vào bụng cô thì có phải chăng là điềm cô sẽ sanh đôi. Cho nên nghĩ vậy mà cô bớt buồn. Hề cô bớt buồn là cô lên mẹ chồng ăn chua như tị thuở nào tới bây giờ. Có vậy cô mới hăng hái xay bột nếp, bột gạo, làm hủ tiếu bột lọc, sợi bánh canh bột lọc, làm lạp xuồng, mẳm tôm chua, mẳm tôm chà. Hề sau khi đưa ông Táo về Trời, cô sẽ tráng bánh tráng, giã bánh phồng nếp, đúc bánh tổ, làm dưa cải, dưa kiệu, dưa củ hành tím, lỏ tai heo ngâm giấm, nem gói, bì gói...

Cô Hai Kim Lan hỏi chồng:

- Hôm nay anh không giặt dĩa để cho thằng Hy (tên đứa tổ trai) chớ đem ra bán ở chợ tỉnh hay sao?

Khải Đức nói:

- Thằng Hy hôm nay xin phép bởi xuống về Long Thanh thăm tía má nó. Luôn tiện nó, mua dùm má một tìn mắm cá cơm để dành chấm thịt luộc. , nghe nói em ế mình hay sao đó?

Cô Hai Kim Lan cười:

- Em hơi xây xẩm chóng mặt. Đó là chứng máu xâm, lát rồi sẽ khỏi. Anh chớ lo.

Khải Đức ngồi bên giường cầm tay vợ:

- Mấy hôm rày, trông em có vẻ hồng hào, anh mừng lắm. Ai dè...

Cô Hai mở mắt nhìn khuôn mặt gân guốc và khô ngô của chồng, cảm thấy niềm âu yếu tràn ngập tâm hồn mình. Bấy lâu nay vì nhu nhược, cô để cho niềm thống khổ chi phối vào cuộc sống lứa đôi nên chồng cô phải bao phen lo lắng. Nếu cô mà để cho chồng cặp trai kháu khỉnh thì tội của cô mới chuộc được. Nghĩ vậy, cô nắm chặt lấy tay chồng.

\*

Sau lễ đũa ông Táo, thầy Chín Đặng vừa coi mạch cho cô Hai Kim Lan xong, bà Giáo Khâm:

- Chúng bày tháng sau, bà Giáo và mẹ Hai tin tui đi, nhà này thêm một miệng ăn nữa.

Cô Hai Kim Lan tuy mừng nhưng chưa dám thuật lại điềm chiêm bao của mình cho mẹ chồng rõ. Bà Giáo Khâm liền biểu cho thầy một cân bánh phồng tôm, một chục trái vú sữa tím, một chục trái vú sữa xanh.

Từ đầu tháng mười, mùa mưa chấm dứt. Nước ở sông rạch trong vắt. Cá linh, cá rô, cá lòng tong sanh sản nhiều. Rồi vào đầu trung tuần, gió chướng mát rượi thổi lao rao. Mùa xuân vừa về. Nắng sáng trắng xôn xao trên các lượn sóng dòn dợn mặt sông Cổ Chiên vào lúc nước đứng lại lảng. Trong xóm tiếng chày giã bột bánh phồng nếp và bột bánh phồng khoai các cum. Trong lùm cây, trên ngọn bằng lăng mọc trong vườn, trên ngọn vông đồng mọc dọc mé rạch, mé kinh, chim tu hú, chim cu đất kêu văng vẳng.

Vào đêm trần trọc, Minh Cảnh bảo vợ:

- Bụng em tuy như cục đá cứng, nhưng vóc em còn mặc áo dài được.

Cô Út Ngọc Huệ cười:

- Coi vậy chớ vóc con đôn bà chứa ba tháng cũng lạch lạch nhiều, nào hồng nở, đít phè, đó là em không kể mặt mũi em chao vao, môi tím ngắt...

Minh Cảnh cười:

- Anh có thấy gì đâu.

Cô Út Ngọc Huệ xia ngón tay vào trán chồng, nhieếc:

- Anh là chúa xạo, chúa nịnh!

Cô siết chặt chồng vào vòng tay gần bó. Mèn ơi, chồng tui thuở trước xanh lè xanh lợt. Tui tưởng anh vì quá cứng tui nên thân khô khí kiệt. Ai dè anh bị sốt rét kinh niên. Ai dè, nhờ mỗi ngày anh khìa hai viên ký-ninh vàng trộn một tháng nên bệnh rét kinh niên kia tuyệt nọc. Giờ đây anh hồng hào, môi và nõu răng đỏ au au, thấy thương quá!

Bên kia buồng dành cho Khải Đức, cô Hai Kim Lan cử thao thức về vụ chiêm bao



thấy mặt hồng đào của mình. Cô không dám bày tỏ cho chồng biết. Nếu chồng cô quá tin tưởng điềm chiêm bao, tin chắc cô sẽ sanh đôi, nhưng sau chín tháng mười ngày cô chỉ sanh một đứa con tròn vẹn thì anh sẽ thất vọng không nhỏ. Ôi, mà Trời cho cô được bao nhiêu con, cô mừng bấy nhiêu, trai hay gái không quan hệ, miễn là cô không bị lỗi xóm nhứt trẻ, nói hành nói tỏi cô là thú "cây độc không trái, gái độc không con".

Và giờ đây, trong tiết xuân đầm ấm dịu dàng, cô Hai Kim Lan cảm thấy những ngày buồn thảm đã bỏ lại sau lưng cô. Chồng cô yêu cô biết bao, sẵn sàng gánh vác một mình nỗi bất hạnh để cô được thành thời tâm trí. Anh ngủ ngáy se se, hơi thở điều hòa. Đây là một tâm hồn đôn giản, một tâm địa tốt lành trong một thể xác cường tráng. Còn cô, bởi cô yếu đuối về mặt tinh thần, nên dễ gặp nghịch cảnh tai ương là cô muốn ngã quỵ. Giờ đây, gối đầu lên tay chồng, cô thầm nghĩ từ đây, cô phải tự chế khi gặp mọi tình cảm mạnh, phải tập tinh thần chịu đựng và nhẫn nại để chồng cô khỏi vướng bận những chuyện phiền toái của cô.

Tờ mờ sáng hôn sau, khi gặp chị dâu trong căn bếp hồng ánh lửa, cô Út Ngọc Huệ bảo:

- Sang năm, em sanh con trước chị. Nhưng đứa nhỏ là vai em của con chị. Chồng em cứ bảo em rằng tui em mới kết hôn mới có hai năm, khoan có con vội.

Cô Hai Kim Lan cười:

- Thời buổi này là thời con chớ cha. Anh nào, cậu nào, chàng nào mới vừa hiệp hôn với vợ, chưa chi là trứng của vợ dính ngay chùng tử của chồng rồi.

Cô Hai đang làm bánh nướng gồm có bánh men, bánh phục linh, bánh gai, bánh con đuông. Các loại bánh này xếp vào mấy ngăn quâ là có thể để dành lâu. Hôm nay, cô út làm bánh phồng tôm, bánh phồng cá và vài món mứt như mứt gừng nguyên củ, mứt gừng xắt sợi (mứt dẻo), mứt bí đao, mứt đu đủ, mứt khế, mứt cà chua, mứt dứa... Chên ơi, cô Hai khéo tay trong việc làm bánh mứt biết bao! Bánh men của cô lớn cỡ trái chanh cắt đôi, nướng tuy chín nhưng trắng như vôi chỗ không ửng vàng vì nướng già than lửa. Trên nền trắng cô bắt bông đường những chùm hoa đỏ hoa tím giữa những phiến lá cẩm thạch. Còn bánh phục linh thì trắng như thạch cao, được đúc từ khuôn chạy rìa răng cưa, nền bánh nổi bông cúc, bông mai, bông mẫu đơn. Mứt bí đao, mứt đu đủ được tía lộng bông hoa, màu mứt bí trong như miếng băng phiến, còn mứt đu đủ thì ửng vàng. Mứt khế nhuộm nước cốt củ mần châu có màu lục thiết thắm rõ rõ. Mứt cà chua đỏ ửng vàng như màu san hô. Mứt gừng nguyên củ màu mả nã, bên ngoài có vẻ khô quắt khô queo, tói chùng cắn một miếng thì chất đường sền sệt tươm ra và thơm bát ngát.

Cô Út Ngọc Huệ giới về đủ thứ mắm.

Tết này, cá nhà sẽ được cô đãi mắm cá cơm, mắm tôm chà, mắm tôm chua, mắm cá thác lác... Bởi bà ngoại cô là dân gốc Gò Công một tỉnh nổi tiếng mắm tôm chà và mắm tôm chua nên cô được truyền nghề. Cô dùng tôm đất vỏ đen để làm mắm tôm chà và dùng tôm biển vỏ trắng để làm mắm tôm chua. Ngoài ra, cô sẽ đảm nhiệm nời thịt cá kho chung với nước dứa xiêm, có đem trứng luộc. Cô bảo chị dâu:

- Muốn kho thịt trong như miếng sừng sa thì phải luộc thịt nhiều lần với nhiều lượt nước. Thịt tuy trong và đẹp dễ sợ, nhưng không ngon không béo. Hễ quá khéo thì mất ngon. Em cần ngon chớ không cần khéo. Xin chị đừng tiết lộ cho ai biết, muốn cho nời kho ngon hơn nữa, em bỏ vào nời một muỗng mật ong.

Cô Út đã khéo món cá thịt kho nước dứa xiêm thì cô phải biết làm các món ăn đem một cách rửa ràng chớ bộ! Cho nên cô đảm trách luôn món dưa cải, món dưa giá, món dưa kiệu, món dưa tỏi, món dưa củ hành tím.

Dưa giá của cô trắng ngà trong ngọc thấy thương quá! Bởi cô dùng loại cải tủa xại và dùng nước hèm rượu để làm dưa cải nên món dưa này dòn tanh tách trong

miệng nhai và chua oi là chua! Chỉ nghĩ tới khoan bánh tét có nhưn đậu thịt mỡ trong lòng chén lớn, có đậm dưa giá, dưa kiệu, dưa hành tím, dưa tỏi để ăn cặp với thịt kho, cá kho, trứng luộc kho thì thực khách sẽ hưởng hưởng vị cái Tết được trọn vẹn rồi.

Bà Giáo Khâm mỗi khi nhìn những chiếc quả đựng bánh nướng và mút, cảm thấy an lòng lắm. Bánh mút này không đựng ở quả bằng cây có nhiều ngăn dậu. Mà phải đựng trong các chiếc quả có một ngăn độc nhứt bằng thiết sơn đen hoặc sơn son có nắp đậy, để kín hơi gió và để bánh mút được giữ gìn lâu ngày.

Bà đã có bánh trắng béo rắc mè đen (vì có pha nước cốt dừa), bánh trắng ngọt rắc mè trắng, bánh phồng nếp, bánh phồng khoai, bánh tổ. Nhưng phải đợi chiều 30 tháng chạp, bà mới đúc bánh bò, bánh da lợn, bánh thuẫn, bánh qui. Còn bánh tét phải gói từ sáng 30 và đợi tới tối mới luộc cùng một lượt với thịt heo, đầu heo và lòng heo.

27 tháng chạp bà Ba Kim Linh, thím Năm Khánh cùng Thế Loan và Thế Nga qua viếng ông bà Giáo Khâm. Ông đang đánh cờ ở nhà lán giềng, còn Khải Đức và Minh Cảnh đi thăm ruộng ở An Hường tới chiều tối mới về. Giờ đây cả nhà toàn là đồn bà con gái gồm có ba bà Lê Sơn Thánh Mẫu, hai chị mang bầu và hai cô con gái sen ngó đào tở. Bà Giáo Khâm sai hai nàng dâu trộn gói đủ đủ tôm thịt, chiên bánh phồng tôm và bánh phồng cá, rồi làm cho mỗi người một tổ tôm bún.

Bà Ba Kim Linh bảo hai mẹ em dâu:

- Thằng Oánh-Xăng (Vincent) của tui hôm nay đưa thằng Bạt Yục đi cầu bắc Mỹ Thuận ăn chim quay. Nghe nói thằng yêu lời Bạt Yục muốn cưới con Hai Phi Loan ở đây phố bà Thông Vịnh.

Bà Giáo Khâm ré lên:

- Chèn ơi, có phải con Loan con ông Trường tòa Bưu đó không? Nếu là còn thì anh Bạt Lùng vô phúc lắm mới để cho con mình rước thú gái lòng tuồng về làm dâu.

Thím Năm Khánh phụ họa:

- Còn chỗ ai vô đó? Bởi vậy anh Cấm Bạt Lùng hăm he làm tờ tử thằng Bạt Yục.

Thế Loan lắc đầu:

- Chị Phi Loan giao thiệp rộng chỗ đâu có vượt lễ giáo. Thiên hạ củ đồn ẩu.

Thế Nga không nói không rằng. Cô và Vincent Kapoor trót yêu nhau. Anh trai con nhà cô mà yêu em gái con nhà cậu dĩ nhiên là bày chuyện loạn luân, cho nên cả hai chị biết hện hò thềm lén. Vincent thì cho rằng đối với người Âu hay đối với người Tàu, anh con nhà cô kết hôn với em con nhà cậu vẫn là chuyện thường, nên chàng củ lằm lụi mà yêu. Thế Nga ngán

tía má mình thì ít, mà ngán mụ cô đáng hơn thuốc ký-ninh và chua như giấm chuối của mình thì nhiều. Nhưng cô vẫn hy vọng rằng bà Ba Kim Linh vốn chiều con, yêu thương con đến độ sợ nề con những điều vô lý. Và có thể nhờ vậy chàng sẽ làm tránh làm tréo để tía má mình cuối Thế Nga cho mình.

Riêng Thế Loan vốn thành thiệt mến thương cô Hai Phi Loan, và trái tim cô thốn thốn khai anh chàng Hai Phi Bằng, em trai kế cô Hai bắt đầu ló mòi ve vãn cô. Chàng đẹp trai, lại dĩ miệng, ưa cười cầu tài, ưa đĩa và ưa xạo. Nhưng đối với cô, chàng lại trầm trầm dịu dịu, miệng dĩ bốt ba hoa, nụ cười trở nên bùi ngùi, cái tánh xạo đĩa mười phần giảm hết chín rưỡi.

Bà Ba Kim Linh ong óng:

- Có đứa con như thằng Bạt Yục thà bắt nó làm mồi câu sấu còn đỡ thàm hơn! Đó là cái ác quả của chị Hai mình (chỉ bà Hai Kim Chung) phải trả. Hồi còn sanh tiền, chỉ cho vay đặt nợ, ăn lời theo kiểu "xăng xít đít đui" làm con nợ trả nợ oằn lưng xệ vai. Đã vậy chỉ còn bày đặt bao kiện nữa...

Bà Giáo Khâm can:

- Thôi chị nên hi xả cho, bề nào chị Hai mình cũng đã chết rồi.

Bà Ba Kim Linh riết róng:

- Tui dạy con nghiêm lắm. Thằng Oánh-Xăng phải cưới vợ do tui chọn. Nó mà bày đặt theo trào lưu tự do luyện ái do bọn viết nhứt trình đề xuồng thì tui giết nó chết không kịp ngáp.

Thím Năm Khánh xuống bếp, kín đáo trề môi và nguyệt mụ chị chổng, miệng lăm bằm lăm bằm:

- Giỏi cái miệng dữ dằn! Ai mà chẳng biết mụ cứng con và sợ con còn hơn sợ Ông Kẹ, Chấn Tinh.

Ăn uống xong, bà Ba Kim Linh kiêu từ, để đến chợ Cầu Lầu mua bún để chiều nay bà làm món bún chan cà-rì vịt nấu theo kiểu Chà-Và. Vừa khi bà khuất bóng, thím Năm Khánh từ bếp bước lên nhà trên, hỏi chị dâu:

- Chị biết gì về con Hai Phi Loan mà chị đổ hô nó lòng tuồng? Chắc là chị gặp ai đó đặt điều vu oạn giá họa con nhỏ chỗ gì?

- Tui cứ lúc thúc ở nhà lo việc nội trợ, có biết Ất Giáp gì về chuyện thiên hạ đâu. Tui có gặp bà Trường tòa Bưu và con Hai một lần hồi rằm hạ nguồn năm ngoái, trong dịp tui đi dừng hưởng ở chùa Giác Thiên với chị Ba tụi mình. Chị Ba cho tui biết con Hai có nhiều bạn trai, cười giỡn với trai trước mặt chòm xóm láng giềng, hạnh kiểm thua thớt, nét na bông lòng...

Thím Năm Khánh xí một tiếng dài:

- Chị mà nghe chị Ba thì có nước bán lúa giống. Hồi chỉ còn son giá, chỉ ao ước được làm vợ anh Trường tòa Bưu. Ai dè ảnh phải lòng chị Bảy Cúc Hường rồi cưới chị nọ. Bởi đó, chị Ba thù gia đình ảnh, củ phao vu họ nhiều chuyện động trời.

Rồi thím ngó qua Thế Loan:

- Anh chị Trường tòa Bưu nhờ người đánh tiếng cưới con Thế Loan cho thằng con trai của họ. Tía sắp nhỏ ứng bụng lắm. Tháng tới tụi em sẽ cho đăng trai mang trầu rượu tới.

Cô Út Ngọc Huệ thắc mắc:

- Cháu nghe nói cậu Ba Phi Bằng có cái miệng gian trá.

Thím Năm Khánh trộn mắt:

- Ai nói với cháu vậy?

Cô Út Ngọc Huệ cười:

- Hồi còn sanh tiền, cô Hai thường nói với cháu rằng bà Trường tòa Bưu tuy tu hành siêng năng tinh tấn, nhưng chính cậu Ba đốt hết công đức của mẹ vì cậu hết đàn dít cô này thì gạt gẫm cô khác bởi cái miệng lưỡi đầy xảo ngữ điêu ngôn của cậu.

Thím Năm Khánh tức tối:

- Cháu có biết cô Hai và cô Ba cháu tuy ưa gây gổ nhau, nhưng tánh nết họ lại giống nhau. Cái miệng thiên tai thủy ách của họ gây khẩu nghiệp dài dài. Thằng Ba Phi Bằng có xạo có đĩa cốt để giễu cợt cho người xung quanh vui lây đó thôi. Nó sắp làm thầy kiện, ăn học thành tài môn luật, cho nên cái miệng nó hùng biện đường ấy. Con Thế Loan của thím có phúc lắm nên được nó để mắt xanh tới đó cháu.

Rồi thím hẳn học:

- Còn con Phi Loan đúng là sắc nước hưởng trời nên nó đoạt được giải huê khôi trong cuộc thi sắc đẹp tại hội chợ trong dịp lễ nữ thánh Giăng-Đa (Jeanne d'Arc) hồi năm ngoái. Tuy nó không thạo nữ công, nhưng nó chạy áp phe vo vo, tiền bạc vô tù sắt nó như nước. Cho nên nó nuôi cha mẹ và lũ em nó được phong lưu sung sướng. Thằng Ba Phi Bằng ăn học thành tài, còn con Út Phi Oánh cũng đã thi đậu vô trường Áo Tím cách đây hai năm. Để rồi mợ khuyên bảo anh Cấm Bạt Lùng, đốc xúi ảnh cho phép thằng Bạt Yục cưới cô Hai Phi Loan cốt để chọc tức mụ cô xí nạn của tụi bây một phen cho bỏ ghét!

\*

Chuyện chung thân của Bạt Yục, chuyện chung thân của hai cô Thế, chuyện hôn nhân của Oánh-Xăng không làm cho cô Hai Kim Lan và cô Út Ngọc Huệ chú ý lắm. Điều làm họ nghĩ tới một cách sung sướng là cái thai trong bụng họ. Sau đó là chuyện vui hưởng ba ngày Tết sắp tới.



Sáng ngày 29 tháng chạp, cô Út nhận thấy bụi lòi ngoài cửa sổ của căn buồng vợ chồng cô héo rũ. Chèn dơi, cành lớn nhánh nhỏ của cây héo queo, thân cũng xám vàng. Cây lòi này mong gì mà sống nổi, dù thằng Hy mỗi sáng đều bố thí cho nó một gáo nước lạnh. Tết nhứt sắp tới mà trong khuôn viên có cây chết khô chết héo như vậy thì tội nghiệp cho cảnh trí quá chừng chừng! Cho nên cô xách con dao phay ra đào đất để bứng khóm lòi mắc dịch kia cho rồi. Chỗ này nên thế khóm đình lăng hay khóm thạch lựu vào thì cảnh trí mới xinh lịch cho. Khi gốc lòi bứng đi thì cô đào được cái hũ bằng sành trắng men màu da lươn, nắp đậy có trét với xung quanh miếng nấp. Cô đập hũ thì sum la vụn tọng cùng Ta bà thế giới ơi, nữ trang bằng vàng ngọc tuôn ra linh nghinh! Mừng muốn hết lớn, cô ôm hũ chạy vào nhà kêu bà Giáo Khâm cùng cô Hai Kim Lan coi vật báu. Đó gồm cặp vòng cẩm thạch xanh nước lý (màu hoa thiên lý), một chiếc vòng huyết ngọc, một chiếc vòng mã não xanh ửng ánh vàng, một cặp bông tai chạm hoa mừ u bằng vàng, một cặp bông tai cẩn mặt cẩm thạch tròn, một cặp kim huân chạm bát bửu, một cặp kim huân chạm lưỡng long tranh châu, một xâu chuỗi hạt vàng, một xâu chuỗi hạt cẩm thạch, một cặp nĩa giắt bụi tóc bằng vàng cẩn hạt xoàn xiêm, bốn chiếc cà rá chạm cườ khúc liên huân, một xâu chuỗi trân châu.

Bà Giáo Khâm kêu chồng và hai cậu con trai mình đến coi của cải chôn giấu vừa tìm được. Ông Giáo Khâm trầm ngâm rồi bảo vợ:

- Đây là các món vàng ngọc của bà nội tui. Hồi bà già cả, bà sợ của báu lọt vào tay con cháu nên đem chôn. Ai dè trí óc bà càng lúc lú lẩn nên bà quên chỗ chôn giấu. Riết rồi trí óc bà càng tệ hại hơn, bà quên phứt mình đã từng có các vật quý, ngày tối chỉ ưa sẫm soi cái ô trầu bằng đồng bạch và cái ống ngoáy trầu bằng đồng đỏ của mình mà thôi.

Ông lấy chiếc vòng huyết ngọc, chiếc vòng mã não xanh, chiếc kim huân chạm bát bửu, cây nĩa giắt bụi tóc, cặp cà rá cườ khúc liên huân để riêng ra, bảo mọi người:

- Con vợ thằng Ba tìm được hũ sành này, tức là vong hồn bà cố của chồng nó muốn dành của chôn giấu cho vợ chồng nó. Có lẽ bà muốn đền bù cho vợ chồng nó sau nạn cháy nhà đó chăng? Tuy nhiên, mình phải dành cho vợ chồng thằng Hai chút đỉnh mới phải.

Rồi ông đẩy qua cô Hai Kim Lan:

- Đây là phần của con đó.

Bà Giáo Khâm nói:

- Mình cũng nên cho hai con Thế chút ít mới phải đạo. Tui cũng đã bù sót cho

con vợ thằng Ba một cặp kim xuyên chạm phụng giao đầu rồi.

Bà lấy một chiếc kim huân chạm lưỡng long tranh châu và một cây nĩa giắt bụi tóc cẩn hạt xoàn xiêm cho Thế Loan, lấy xâu chuỗi trân châu cho Thế Nga. Cô Út Ngọc Huệ vốn thích nữ trang cẩn hạt xoàn và cẩm thạch chỗ không tha thiết lắm những món nữ trang bằng vàng hoặc những món nữ trang cẩn các thứ bảo thạch khác. Cô cũng không ưa loại hạt xoàn xiêm vì nước ngọc tuy có chiếu hỏn, nhưng không hiện bảy sắc cầu vồng. Cho nên khi tía má chồng cô ngắt bớt một số nữ trang cho cô Hai Kim Lan cùng hai cô Thế Loan, Thế Nga thì mặt cô không đổi sắc, ánh mắt cô vẫn rạng rỡ, nụ cười cô vẫn không gượng gạo chút nào. Và lại trước đó, má chồng cô hốt nguyên cái hụi chót tặng cô, má ruột cô còn chèn nhét cho cô bảy lạng vàng nên cô định sang năm sẽ xúi chồng cô cất nhà mới để ra ở riêng.

Hai chị em dâu hôm đó cứ rù rì bàn tán không ngớt về chuyện chôn vàng ngọc của người xưa, về chuyện kho tàng rai rác trên đất nước qua chuyện kể của ông già bà cả... Sau hết, họ đến tiệm may Ngọc Huyền ở ngoài chợ để lấy áo. Tết năm nay, cô Hai có hai chiếc áo dài, một chiếc quần sa-teng tuyệt nhưng đen. Trong hai chiếc áo đó, có một cái bằng gấm lục dệt bông kim tuyến lẫn ngân tuyến, một cái áo cẩm nhung màu hồng đào. Còn cô Út cũng có hai chiếc áo dài, một cái bằng gấm son dệt bông chủ vạn màu hoàng kim, một cái cẩm vân màu hoàng yến dệt bông tiền điếu. Cô không thích quần sa-teng nhưng nên cô đặt may cái quần cẩm tú đen, cùng cái quần bằng hàng lá môn đen.

Bởi háo hức về chuyện quần áo mới và nữ trang vừa xí được nên cả hai quên mua tóc tiên, bóng da heo, kim châm, nắm mèo, nắm đồng cô để bà Giáo Khâm nấu canh bát bửu. Cho nên khi về gần tối cầu Thiềng Đức, cô Hai Kim Lan chợt nhớ ra nên rủ em dâu xet lại tiệm chú Chệt Mạnh ở xéo xéo Miếu Quốc Công để mua mọi thứ cần dùng cho nồi canh gia truyền của bà mẹ chồng mình.

Khi cả hai về tới nhà thì đã thấy vợ chồng bà Ba Kim Linh, vợ chồng chú Năm Khánh, ông Cẩm Bạt Lùng, chàng Cẩm Bạt Yục, chàng Oánh-Xăng, hai cô Thế Loan và Thế Nga. Rõ ràng đây là cuộc họp mặt của mọi người trong gia tộc chẳng sai.

Bà Ba Kim Linh đẩy nghiêng:

- Thằng Oánh-Xăng của tui chỉ biết ăn học, chẳng biết gì khác hơn. Có sự này mà xảy ra là do cậu Năm vợ Năm xúi biếu con Thế Nga rủ quên con trai tui. Trời đất ơi, anh em cô cậu mà xáp cục với nhau thì

dòng họ mình có nước đội quần thiên hạ ráo trời!

Thím Năm Khánh lồng lộn:

- Chị đừng ăn nói ngược ngạo. Con gái tui mới 16 tuổi, còn vị thành niên. Thằng Oánh-Xăng lớn hơn nó tới bốn tuổi, lẽ nào nó khổ để con gái tui dụ dỗ. Rõ ràng chị là kẻ chỉ biết sợ con trai chó có dám dạy dỗ nó đâu. Chuyện này xảy ra, chỉ có chị mới đội quần thiên hạ, chỗ không phải vợ chồng tui tui đâu. Tui không trách chị, lẽ nào chị mắng nhiếc vợ chồng tui?

Ông Jacques Kapoor, chồng bà Ba Kim Linh hét:

- Bây giờ có phải là lúc cãi cọ, khai xấu nhau đâu? Tụi trẻ lố dại thương yêu nhau thì mình cho tụi nó xáp cục nên vợ nên chồng. Thiên hạ nói gì thì kệ họ, hời nào mình để ý cho mệt!

Ông Cẩm Bạt Lùng cười:

- Hầy à, thằng Oánh-xăng xứng lời vừa lừa với con Thế Nga lắm ló... Thằng Oánh-xăng pành chai, học đòi ló. Còn con Thế Nga lẹp gái, nết na lại học chường Áo Tím, và lại là gái nhà giàu ló. Tụi nó lẹp lỏi lắm ló.

Rồi ông dạy qua thím Năm Khánh:

- Ngộ cảm ơn vợ Năm lắm ló. Nhờ có vợ ngộ mới piết con Hai Phi Loan chong chảng ló. Mai một ngộ đến viếng nhà ông pà Chường tà Pửu để tính việc hỏi vợ cho thằng Pạt Yục ló.

Ông bà Giáo Khâm và chú Năm Khánh cùng Khải Đức và Minh Cảnh ra sức khuyên giải bà Ba Kim Linh và thím Năm Khánh.

Sau đó, thím Năm Khánh cùng hai cô con gái xuống bếp phụ với bà Giáo Khâm cùng hai nàng dâu dọn cơm trưa để mọi người cùng ăn uống vui vẻ. Khi bữa tiệc bắt đầu vui nhộn, Oánh-xăng đến ôm chầm lấy ông Cẩm Bạt Lùng hun một cái thiệt kêu:

- Cháu cảm ơn dưỡng Hai lắm ló.

Bà Ba Kim Linh nguyệt thẳng con nghịch thiên bội địa một cái thiệt bén. Oánh-xăng vẫn cười hí hờn liếc qua Thế Nga. Cẩm Bạt Yục đứng dậy chấp tay xá xá thím Năm Khánh:

- Cháu cũng cảm ơn vợ Năm lắm ló.

Mọi người đều cười vang. Thế Nga rí tai Thế Loan:

- Em không dè tiền hung hậu kiết như vậy!

Chú Năm Khánh bảo chị của mình:

- Xưa giờ chị thương yêu con Thế Nga nhứt trong lũ cháu. Lẽ nào chuyện này mà chị ghét nó sao đành?

Bà Ba Kim Linh nói lấy:

- Phận tui thấp thời, ai ghét tui thì tui cam chịu. Tui đâu dám ghét ai để tổn âm đức hay sao?

Thím Năm Khánh rót cho bà chị chồng mình một chung rượu thuốc, làm màu cung kính:

- Thôi mà chị Ba. Chị nỡ nào chấp nhứt em dâu và cháu chị sao đành? Xin chị niệm tình uống chung rượu này cho vợ chồng em lên tinh thần coi nào.

Bà Ba Kim Linh liếc xéo mụ em dâu, vốn biết từ lâu rằng mụ này là kẻ cứng còm già lửa khó mà đấu khẩu với mụ nên bà uống một hơi cạn chung rượu.

\*

Trộn sáng 30 tháng chạp, bà Giáo Khâm và hai nàng dâu lo gói bánh tét, bánh ích, dúc bánh bò, bánh da lợn và bánh qui. Bánh tét và bánh ích là loại bánh luộc, còn ba thứ bánh kia thuộc loại bánh hấp.

Xế hôm đó, cả nhà làm lễ rước ông bà. Mâm cơm gồm có món cá thịt kho chung, món canh giò heo hầm măng tươi, món thịt gà xé phay trộn thêm chuối non xắt mỏng và rắc rau răm, món cháo gà, món tôm khô tàu nước gạch đỏ ôi, món nem chua và bì gói bánh tráng rau sống. Bà Giáo Khâm cho xé trái dưa Trảng, tuy vỏ xanh đen nhưng ruột đỏ tươi như nhuộm son, điểm hạt đen lóng lánh.

Ăn uống xong, bà Giáo Khâm giục hai nàng dâu gội đầu bằng nước bồ kết, tắm bằng nước thạch xương bồ. Vừa lúc trời sụp tối là bà chợ luộc bánh tét và hấp bánh ích. Ở nồi kế bên nồi bánh là nồi luộc đầu heo, lòng heo và thịt heo. Bà khuyên cô Hai Kim Lan và cô Út Ngọc Huệ nên đi ngủ sớm để cho bà canh chừng hai nồi luộc kia. Lòng heo, đầu heo, thịt heo được vớt ra trước và được đặt trong cái rổ lớn cho ráo nước. Phải đợi gần giao thừa bà mới vớt bánh tét.

Ngồi bên nồi bánh tét sôi sùng sục, bà Giáo Khâm lắng nghe tiếng sóng ngoài sông Cổ Chiên, chày ngoài xa rào cồng. Một cơn giông lướt qua vừa đủ làm sóng xao xuyến, vọng tiếng ì ãm. Chên ôi, dòng đời lướt qua mau quá. Lật bật bà sắp có cháu nội rồi. Hai nàng dâu của bà dù không được bà yêu thương như con gái, song có đứa nào vắng nhà chừng một buổi là bà cảm thấy nhà vắng tanh.

Cảnh vật ở đây rất yên tĩnh mà không xa chợ tỉnh. Chỉ cần 40 phút, chiếc ghe lườn sẽ đưa bà đến chợ bằng đường sông Cổ Chiên. Cũng vậy, con lộ cần đá xanh sẽ đưa bộ hành, những kẻ cỡi xe đạp đến chợ tỉnh. Từ sáng đến tối mịt vẫn có kẻ đi người về, kẻ lui người tới trên con lộ này.

Dòng Cổ Chiên chày trước cổng rộng mình mông, nhưng nhờ có cù lao An Thành nằm giữa sông, chắn bớt sóng to gió lớn. Bên kia cù lao, dọc theo mé nước

là những đám cây bần quanh năm rậm lá. Xa hơn nữa, là những bãi cây dương lá reo vi vút.

Còn bên này thì ruộng sát lộ đá, vườn sát mé sông. Cảnh tuy quê, nhưng người vẫn thường tiếp xúc ánh sáng đô thị. Đây là vùng tiếp cận vùng ngoại ô, vùng nửa chợ nửa quê. Thăng trưởng nam của bà Giáo Khâm vốn an phận thủ thường nên vui thú điền viên một cách hồn nhiên, tròn ngọt. Còn thằng thủ nam của bà ưa bay nhảy, ưa vọng hướng những chơn trời khác, chẳng chút quyến luyến nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Nhờ có vụ cháy nhà, nó mới chịu về đây tá túc với vợ chồng bà, để bà vui hưởng cái Tết sum hiệp này. Vậy mà từ khi má vợ nó cho vợ chồng nó bầy lượng vàng, nó rục rịch nghĩ tới chuyện ở riêng rồi.

Gần giờ giao thừa hai nàng dâu thức dậy sửa soạn cỗ bàn để cúng giao thừa. Sau đó, cô Hai Kim Lan và cô Út Ngọc Huệ rửa mặt chải đầu, mặc áo gấm. Hai chàng Khải Đức, Minh Cảnh cũng mặc áo dài gấm xanh, đầu đội khăn đóng, chơn mang giày hàm ếch. Cả bốn chuẩn bị mừng tuổi ông bà Giáo Khâm.

Tết năm đó, ông bà Giáo Khâm lì xì cho mỗi cậu con trai tờ giấy xăng (100 đồng) in hình bộ lữ, lì xì cho mỗi nàng dâu một chiếc lược giặt tóc và một chiếc quạt đôi môi. Sau đó, cả nhà quây quần ăn cháo lòng. Và họ ăn dặm món bánh tét với cá thịt kho chung, có đậm dưa kiệu, dưa giá, dưa cải, dưa củ hành.

Trước khi rút về buồng, cô Út Ngọc Huệ thỏ thẻ với chị dâu:

- Kỳ quá chị ơi, từ hôm cần thai tới bây giờ, chưa bao giờ em cảm thấy hơi cóm tanh cá. Bởi đó, em có thể ăn luôn dôi sả, cá trê nấu canh bầu, cá bông lau nấu canh chua.

Cô Hai Kim Lan có vẻ bất mãn:

- Kỳ quá, từ hôm có bầu tới bây giờ, tui không thèm chua, cũng không thèm ngọt. Hễ mình thèm chua thì là diêm sanh con gái, hễ mình thèm ngọt là diêm sanh con trai. Tui chẳng thấy diêm gì ráo, thiệt bực mình quá chừng chừng!

Cô Út Ngọc Huệ bỗng hỏi:

- Hồi giao thừa, chị có nghe con gì ra đời không?

Cô Hai Kim Lan:

- Có con chó Vện của thím Bày Ngọt ở đầu xóm sủa quấu quấu.

Cô Út Ngọc Huệ vui mừng:

- Chó ra đời là diêm hên. Con Vện lại là chó đục. Cái hên sẽ tăng lên gấp đôi cho chị coi.

Cô Hai Kim Lan cũng hỏi:

- Biết đâu đây là diêm hai chị em mình sẽ sanh con trai cho tía má chồng tui mình mừng ●

## Một kiếp dư



Đề dâng tặng Mẹ tôi, Người đã trút hơi thở cuối cùng tại Sài Gòn ngày 07.05 Mậu Thìn (20.06.1988), trong lúc tôi còn luân lạc xứ người không thể về được quê hương để khóc tiễn Mẹ lần cuối.

Đề mền tặng Vợ tôi, Người đã chia sẻ cùng tôi những thăng trầm vinh nhục của cuộc đời binh nghiệp. (T.T.X)

*Trời chớm vào xuân em lại buồn  
Mắt huyền mờ lệ dầm hơi sương  
Hai mươi năm lẻ nhìn mây trắng  
Ta cũng đêm ngày nhớ cố hương*

*Độ ấy mắt em sáng tựa sao  
Chưa từng lụy nhỏ khóc ba đào  
Quê mình chưa phải mùa chinh chiến  
Em vẫn thơ ngây tự thuở nào*

*Nhưng một ngày thu tháng tám về  
Ba Kỳ nhuộm đỏ, tui hồn quê  
Vân Lâu, Thượng Tứ sầu tê tái  
Hương, Ngự âm thầm khóc tí tê*

*Quốc biển, ta đành khoác chiến y  
Sa trường đầu dải nói năng chi  
Em còn nhưng nhớ mùa thu trước  
Vai tựa kẻ vai nguyện ước gì...*

*Nước mắt đau lòng biệt cố đồ  
Theo ta xuôi ngược khắp sông hồ  
Em không còn nữa non sông Việt  
Không được trọn đời thỏa ước mơ*

*Từ đây quê người dầm tuyết sương  
Mẹ buồn chết tận ở Nam phương  
Ta không về được mà đưa tiễn  
Thân thế, chao ôi! lăm đoạn trường*

*Ta biết mình không trọn hiếu từ  
Đành cam nhận tội: đưa con hư  
Thù nhà nợ nước hai vai nặng  
Tóc bạc bờ phờ, một kiếp dư*



# Ngày Xuân

## chơi câu đối

\* Bảo Vân

**N**gày xưa, củ vào dịp mừng Xuân, đón Tết Âm lịch, người dân Việt Nam chúng ta thường có tục lệ, làm câu đối hoặc thuê viết câu đối để dán ở bàn thờ Tổ Tiên hoặc trong phòng khách, hay ngoài cổng. Vì thế nên đã có cảnh các CỤ đồ nho ra ngồi ở ngã ba đường hoặc ngoài chợ để viết thuê câu đối cho những ai còn thích chơi chữ, treo câu đối đón Tết.

### A. Vay câu đối là gì?

Đó là hai câu vắn đi đôi với nhau và đối chọi nhau thế nào cho ý nghĩa, lời vắn, chữ viết theo đúng luật bằng trắc và cân xứng với nhau.

Một đôi câu đối phải có hai câu đi song song với nhau và mỗi câu là một vế. Nếu đôi câu đối ấy do chính mình làm ra thì cả hai vế đều gọi là vế trên và vế dưới. Còn nếu mình viết ra một vế gọi là vế ra để cho người khác đối lại, thì vế đó gọi là vế đối.

Vế trên (hay vế ra) có chữ cuối cùng là âm trắc.

Vế dưới (hay vế đối) phải có chữ cuối cùng là âm bằng.

Vì thế cho nên khi treo câu đối, phải treo vế trên ở bên tay phải và vế dưới ở bên tay trái của người đứng ngoài nhìn vào, mà đọc câu đối.

### B. Số chữ trong một câu đối -

Không nhất định là dài hay ngắn muốn bao nhiêu tiếng (bao nhiêu chữ) cũng được, và có thể chia ra làm nhiều thể như:

a/ Câu tiểu đối có từ 4 chữ trở xuống.

b/ Câu đối thơ đặt theo thể thơ ngũ ngôn (5 chữ) hoặc thất ngôn (7 chữ).

c/ Câu đối phú làm theo thể phú như: song quan (từ 6 chữ trở lên đến 9 chữ trở xuống) đặt thành một đoạn liền.

Cách cú mỗi vế chia ra làm 2 đoạn, một đoạn ngắn và một đoạn dài.

Gối hạc là những câu đối mà mỗi vế có từ ba đoạn trở lên, và thường rất dài.

### C. Luật bằng trắc trong một câu đối -

Rất chặt chẽ. Những câu tiểu đối phải đặt đúng luật bằng, trắc, nghĩa là tiếng bằng phải đối với tiếng trắc cũng như tiếng trắc phải đối với tiếng bằng. Tuy nhiên ở những câu đối phú thì luật bằng trắc ở giữa mỗi vế không chặt chẽ lắm, nhưng tiếng cuối cùng ở mỗi vế bắt buộc phải theo đúng luật bằng trắc.

Bây giờ chúng ta thử đọc lại những câu đối Xuân của một vị đại-khoa nổi tiếng là cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ Nguyễn Khuyến. Nhân dịp Tết đến, có người hàng xóm đem coi trâu sang xin cụ viết giúp cho một đôi câu đối để đem về treo ở bàn thờ. Cụ cười bảo: "Anh đã làm câu đối rồi đó, cần gì phải nhờ tôi viết giúp nữa!". Người hàng xóm chưa hiểu thế nào thì cụ Yên-Đỗ đã đọc hai vế của đôi câu đối cho người ấy chép lại như sau:

*Kiểm một coi trâu thưa với Cụ  
Xin đôi câu đối để thờ Ông*

Đôi câu đối này thật là tự nhiên, bình dị và thích hợp vô cùng với sự việc vừa được diễn ra ở nhà cụ Yên-Đỗ. Liên theo đó, một anh hàng thịt cũng tới xin cụ một đôi câu đối để về treo Tết. Cụ liền hạ bút viết luôn:

*Tử thời, bát tiết canh chung thủy  
Ngạn liểu, đôi bờ dục điểm trang*

Tuy đôi câu đối này toàn bằng chữ Hán, nhưng nếu để ý, khi đọc lên sẽ thấy Bát tiết canh, Đôi bờ dục là những món ăn chỉ tìm thấy ở cửa hàng của anh bán thịt lợn.

Thấy chung quanh làng xóm đốt pháo liên hồi để mừng Xuân, Cụ Tam-Nguyên liền tức cảnh:

*Chúng nó đại vô cùng, pháo nổ đi đừng  
thêm mất chó!*

*Ông đây khôn bất trị, rượu say túy lý lại  
nằm mèo.*

Xin nói thêm là ở vùng thôn quê, nhiều nhà đốt pháo làm cho đàn chó khiếp sợ chạy trốn, không dám quay về nữa.

Rồi vào tối 30, những chủ nợ đều tới nhà những con nợ để đòi tiền còn thiếu

chưa trả. Họ phải thúc giục, réo gọi thật là ráo riết vào tối nay, vì để đến sáng mai, mừng một đầu năm là không dám đòi nợ nữa, sợ người ta bị đông quanh năm. Thấy thế, Cụ liền rung đùi, cao giọng ngâm:

*Tối Ba mươi, nợ réo tit mù, ấy mới Tết  
Sáng mồng Một, rượu tràn quý tị, ái chà  
Xuân!*

Cũng như cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ, trước đó cụ Nguyễn Công Trứ đã có nhiều câu đối Tết tức cảnh rất lý thú. Vì mỗi khi Xuân về, Tết đến là phải có cây nêu cao ngất trời và pháo nổ dậy đất nên cụ viết:

*Đuột trời ngất một cây nêu, tối ba mươi,  
ri mới Tết!*

*Vang đất đùng ba tiếng pháo, rạng  
mồng một, rửa là Xuân.*

Vốn là hàn nho, cụ cũng đã nhiều phen bị chủ nợ đến đòi tiền, réo nợ vào chiều ba mươi Tết nên cụ đặt rất nhiều hy vọng vào sáng mồng một, trong năm mới:

*Chiều ba mươi, công nợ réo tit mù, co  
cẳng đập thẳng Bàn ra cửa!*

*Sáng mồng một, rượu chè say túy lý,  
gơ tay bông ông Phúc vào nhà...*

Với khí phách hào hùng và tài kinh bang tế thế, cụ đã bày tỏ chí hướng nam nhi của cụ trong đôi câu đối Tết sau:

*Mua pháo đốt chơi, để anh em nghe có  
tiếng*

*Dụng nêu đứng lại, cho làng nước biết  
không xiêu!*

Cùng với cụ Tam-Nguyên, nhà thơ Tú Xương ở đất Vụ Hoàng lại rất chua cay, sau khi đã viết xong bài hát nói: "Tết dán câu đối", còn làm mấy câu sau:

*Thiên-hạ xác rồi còn đốt pháo  
Nhân-tình trắng thế lại bôi vôi*

Theo tục lệ xưa, ngoài pháo ra, người ta còn dùng vôi bột để rắc thành hình cung tên ở trước cửa nhà, để xua đuổi ma quỷ. Rồi nhà thơ lại tin tưởng hy vọng vào tương lai

*Không dùng Xuân đến chi nhà tớ?*

*Có lẽ Trời nào đóng cửa ai!*

Vì bà Tú đã lặng lẽ cung phụng cho nhà thơ tạm đủ mấy món thưởng Xuân, Tú Xương viết thêm:

*Nụ cười thay, nêu không, pháo không,  
vôi bột cũng không, mà Tết*

*Thôi cũng được, rượu có, nem có, bánh  
chúng đều có, thừa chơi!*

Ngoài ra, các nữ thi sĩ như Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan cũng đều

có câu đối dán Tết. Xin đón củ ra một đôi  
câu đối của bà chúa thờ nôm như sau:

*Tối ba mươi, khép cánh càn khôn, ních  
chặt lại kéo Ma-vương đưa qui tới*

*Sáng mùng một, lòng then tạo hóa, mở  
toang ra cho Thiểu nữ rước Xuân vào...*

Trong khi đó thì Bà Huyện Thanh Quan  
lại có ý hỏi:

*Duyên với Giang-sơn nên dán chữ  
Ngọ gì Trời-đất phải trồng nêu?*

Kể ra, ngoài câu đối Tết còn nhiều loại  
câu đối khác nữa vì trước đây bất cứ dịp  
nào, dân ta cũng làm câu đối, dán câu đối.  
Dịp vui có câu đối mừng, lúc buồn có câu  
đối viếng, lên lão có câu đối chúc thọ. Tại  
các đình chùa có câu đối thờ, chỗ bạn bè  
vui chơi lại có câu đối để châm biếm, đùa  
bổn. Tuy nhiên những loại câu đối này lại  
không thích hợp với ngày Tết nên xin được  
gác lại, để vào dịp khác, thuật-giả sẽ xin  
trình bày tiếp.

Cũng xin nói thêm là có nhiều về câu  
đối đã ra từ lâu mà cho tới nay vẫn chưa  
có ai đối nổi. Đó là vài câu:

- *Da trắng võ bi-bạch*

- *Cha con thầy thuốc về quê, gánh  
một gánh hồi hương, phụ tử*

- *Cô gái Nghi-Xuân, đi chợ Hạ, mua  
cá thu về, chợ hầy còn đồng*

- *Lên phố mía, gặp cô hàng Mật, cầm  
tay kẹo lại, hỏi thăm đường*

- *Lâm-le làm lê là làm!*

- *Ngày nay ngày nay, in nhà in nhà ...*

v.v.... ●

được mời, ăn không hết, nó đem giấu chỗ  
còn thừa xuống vũng đất trũng rồi vun lá  
rụng che kín để hôm sau trở lại ăn nốt.

Hổ thường vồ mồi từ phía bên cạnh  
hoặc đằng sau lưng. Gặp con mồi nhỏ, nó  
cắn ngang gáy tha đi. Đối với trâu rừng lớn  
gấp hai nó thì hổ chồm vào cắn cổ trâu rồi  
cố vật cho trâu ngã xuống. Cặp răng nanh  
của hổ vừa dài vừa nhọn như hai mũi kiếm  
thật là lợi hại. Về già, răng nanh rụng,  
không săn mồi được nữa hổ đành chịu  
chết đói.

Móng chân của hổ cứng như thép lại  
rất sắc nên khi nó đã bám vào lưng con  
mồi là không bao giờ tuột ra được. Hổ  
Bang-gan thường bé hơn hổ vùng Tây Bá  
Lợi Á (Sibérie). Vì ở vùng băng tuyết nên  
lông nó rất dày và có nhiều màu trắng để  
để ẩn núp ở những vùng tuyết trắng.

Hổ cái mang bầu trong 15 tuần lễ, mỗi  
lúa sinh được từ 2 đến 4 con. Phái 10 ngày  
sau, hổ con mới mở mắt và nằm ở trong  
hang chờ mẹ đi kiếm mồi về cho ăn hoặc  
cho bú sữa trong một thời gian khá lâu. Từ  
một năm đến một năm rưỡi sau hổ con đã  
có thể đi kiếm mồi một mình. Sống hai  
hoặc ba năm nữa ở bên mẹ, bây giờ là lúc  
chúng ra đi, tìm một giang sơn mới để tự  
lập, sinh sống.

Thức ăn của hổ là hươu, nai, lợn rừng,  
khỉ, nhím v.v... Khi đói hổ phải tấn công  
người, dù biết rằng người có mang theo  
súng. Thấy hổ ăn thịt người nên dân Ấn đã  
hạ sát rất nhiều hổ để lột da và lóc xương  
hổ bán cho người Tàu thuộc da làm nệm  
và dùng xương nấu cao, làm thuốc. Vì thế,  
số hổ Bang-gan chỉ còn độ 2.000 con và  
hổ Tây Bá Lợi Á lại ít hơn gấp mười lần tức



## HỔ BENGALÉ (Ấn Độ)

Về oai hùng và sự dũng mãnh của Hổ  
Bang-gan để gợi lên ở trong lòng người  
dân Ấn Độ cảnh hãi hùng, chết chóc. Hổ  
đực từ đầu đến đuôi đo được 3 mét, cân  
nặng tới 250 kg thường sống một mình và  
đi kiếm ăn vào ban đêm. Để đánh dấu và  
báo hiệu cho các con khác tránh nơi sinh  
sống của mình, hổ thường cào nát vỏ cây  
rừng hoặc tiểu tiện ngay vào gốc cây. Vồ

là vào khoảng 200 con. Người ta đã liệt Hổ  
vào loại thú cầm được bảo vệ để khỏi bị  
tuyệt chủng.

Tại Việt Nam cũng còn một số ít Hổ ở  
trong rừng già. Trước đây Hổ có nhiều ở  
vùng Nha Trang nên đã có câu: *Cạp  
Khánh Hòa, Ma Bình Thuận* là hung dữ  
nhất.

● BẢO VÂN thuật

● Phương Hà



## Tình Hận Sông Yên

(Cảm tác qua một chuyện tình thời  
loạn)

*Buổi trước*

*Minh trao tay nhau nơi đó  
Nơi có con sông nhỏ nhỏ  
Như thơ như mộng hiền hòa  
Luồn dưới nách núi cha  
Trườn bên sườn đồi mẹ  
Nắng sớm mưa chiều lặng lẽ  
Tình khoai ngô mít sắn đậm đà...*

*Vậy mà, sóng gió bỗng nhiên  
Dậy lên đời đời nghiệt ngã  
Khuấy dòng nước nhỏ sông Yên  
Chinh chiến chia ly chặt đứt đời  
miền  
Em ở bên ni  
Thương anh bờ bên nớ  
Bom trút đạn bay, tình đầu dang dở  
Em buộc lòng ôm áo ra đi  
Từ ta sông Yên khúc bời khúc lở  
Bụi đường xa thân gái độ xuân thì.*

*Rời một hôm*

*Núi rừng buông tha, anh trở lại  
Với bầu đoàn thể từ trên vai  
Ngày tái ngộ, ngày đau buồn chát  
ngắt  
Trùng phùng, hay đoạn tuyệt, đây  
anh?*

*Nếu biết sớm, em đã không chờ đợi  
Không giữ chi giao ước buổi thiếu  
thời  
Để giờ đây nhụy tàn hương phấn  
nhạt  
Sống một đời vương vấn những hai  
nơi  
Ai tình phụ, ai tóc tơ lổ lện  
Duyên nợ lỡ làng... vĩnh biệt cố  
nhân ơi!..*

(Mùa đông 97)



# HOA XUÂN QUÊN NỖ

Sau năm năm bị động viên làm Sĩ quan trừ bị, tôi được giải ngũ theo đơn xin, về lại cơ quan nông nghiệp cũ, xử lý một phòng chuyên môn. Chuyển công tác miền Trung này được sắp xếp với dụng ý về quê vợ ăn Tết.

Chiếc máy bay Cessna nhỏ của Air America, trắng toát, chuyên phục vụ các nhân viên Mỹ và các đối tác người Việt Nam, hạ cánh rất êm trên phi trường Tây Lộc trong thành nội Huế, chỉ sau nửa giờ bay từ Đà Nẵng vào ngày 25 tháng chạp, tức ngày 26.01.1968.

Thủy quân Lục chiến Mỹ đang chủ động chiến trường ở Vùng 1 Chiến Thuật. Họ quen mặt dân nông thôn hơn cả Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Xây dựng và phá hoại đi song song từ hai phía Mỹ và Việt Cộng. Mấy ngày làm việc với nhân viên cơ quanCORDS, cơ quan phối hợp phát triển nông thôn, tôi được dành riêng một biệt thự ở khu bãi biển Thanh Bình, kín cổng cao tường, canh gác nghiêm ngặt. Hàng trăm cuốn Playboy để ở phòng khách, thuộc loại quốc cấm của Việt Nam, là đề tài hấp dẫn nhất. Những bức hình lỏa thể đều bị sưu tập, cất rì. Tôi ra Huế với mấy trăm tấm hình chiến lợi phẩm độc đáo này mà giấu vợ, giấu con.

Mỗi hai tháng xa cách, con trai tôi cao thêm thấy rõ, nói rõ ràng hơn. Cuốn sách **Em Học Văn** đã quá quen thuộc. Con đọc lầ lầ qua hình vẽ minh họa thay vì mặt chữ, do công của mẹ đang là nhà giáo dạy đốt giai đoạn.

Tôi đưa con đi xem chợ Tết Đông Ba. Cầu Trường Tiền đông vui người qua lại, mang dáng lam lũ, co ro trong rét mướt mùa phùng dưới trời xám đục. Chợ hoa lèo tèo, buồn buồn cho kẻ bán người mua và dân đi thường ngoạn khá hiếm hoi. Hoa ở đây không đẹp. Mấy chậu cúc gầy e ấp hàm tiếu. Giò hoa thuộc được mảnh mai. Cành quất thưa thớt, trái chín chưa đều. Mai vàng búp nhỏ li ti... Không có cành chằng đên, nhà nhạc, chào mời hỗn hờ như vùng Lăng Ông Bà Chiểu, đường

Nguyễn Huệ Sài Gòn, nơi tôi sống từ 15 năm nay.

Huế đang chờ giải tỏa giờ giải nghiêm. Hưu chiến ba ngày bất thành vấn. Mọi nhà hầu như đóng cửa sớm từ năm giờ chiều trong màn sương dày đã mấy ngày không có tia nắng xuyên thủng. Chúng tôi cho con ngủ sớm. Minh thức đón giao thừa như đã trở thành thông lệ, sau khi nghe xong đài BBC, VOA và tin giờ chót vào lúc 10 giờ đêm. Tôi tò mò "rà" đài Hà Nội với tính hiếu kỳ. Ca nhạc miền Bắc không hấp dẫn, cung điệu ngoại lai Nga, Tàu mất dân tộc tính, nghe rất xoắn xang khó chịu, chỉ còn đọng lại trong tôi mấy tiếng "... tiến lên chiến sĩ đồng bào..." của ông Hồ Chí Minh chúc Tết. Vắng lặng bao trùm vào giấc ngủ đầm ấm của chúng tôi trôi dần vào giây phút mùa Xuân vừa mới đến.

Huế vẫn còn ngái ngủ mặc dù đã 8 giờ sáng mồng một Tết. Mặt trời chưa hé dạng. Ngoài đường đã có người qua lại lác đác. Mưa lâm râm trong màn sương lạnh. Tôi nghĩ đầu năm nhiều người kiếng cũ xuất hành. Một ngày mưa dầm gió bắc rét mướt qua nhanh sau khi tôi chở vợ con về chúc Tết ông Ngoại ở vùng Bao Vinh.

Quá giữa đêm mồng một của nội thành Huế u trầm đến hoang vắng, có nhiều loạt tiếng nổ đều đặn nhưng không làm ai quan tâm. Bắn súng thay pháo đã thành trò chơi quen thuộc từ nhiều Tết trước.

Trời càng sáng thì tin đồn đồn dập. Việt Cộng đã về. Cảnh sát gác cổng Đông Ba đều bị bắt. Tôi bàng hoàng không tin. Những chiếc xe nhà binh vẫn chạy trước cửa, không trang bị vũ khí hay mang dấu vết chiến tranh. Tôi nghĩ nhanh đến một cuộc đảo chánh đang xảy ra như đã từng có 5, 7 lần trước của miền Nam hỗn loạn này. Tôi bỗng lặng người khi nhìn qua cửa sổ hồng nhà. Một thiếu nữ áo quần đen bạc màu, mũ vải xám tai bèo, kẹp tóc rì, mang băng tay màu đỏ, ôm ngang bụng khẩu súng trường CKC, đang lại gần. Quân Giải Phóng Miền Nam đã đến trước mặt tôi. Cái vẻ ngỡ ngàng xa lạ và ngàn ngại hiện lên khuôn mặt người trinh sát

này. Nhiều đôi mắt hàng xóm dồn đuổi và náo nhiệt đang lên, làm cô gái như bị phân tâm. Cô đã có nhiều cái lạ để nhìn nên không thấy tôi.

Tôi cảm thấy an tâm hơn vì mình đã trả áo lính về làm dân và từ Sài Gòn mới ra, ai biết? Nhưng sự tò mò thúc bách, tôi vội thay áo quần, lẩn vào đám đông người đang xôn xao, đi xem sự tình đang diễn biến.

Con đường Mai Thúc Loan, từ ngã tư Anh Danh đến cổng thành, dài cỡ 300 thước. Hai dãy nhà song lập rất cổ, dành cho công chức ở, trùm mặc dưới hàng phượng vĩ xác xơ. Không thấy quân Việt Cộng. Cửa cổng Đông Ba hẹp và trở thành vô trật tự, bởi vắng mặt cảnh sát lưu thông. Tôi để ý đến tiếng gọi từ loa phóng thanh rè rè: "... tất cả quân nhân, cảnh sát, công chức hãy đến trường trung học tư thục Bồ Đề trình diện...". Trình diện ai? Tôi vừa thắc mắc vừa lần bước tới. Màu cờ Phật Giáo ú rũ trong mưa phùng trước cổng trường. Một vài sinh hoạt nhấp nhô. Băng tay đỏ thoáng hiện. Tôi tin ngay Việt Cộng đã xuất hiện và chùn bước.

Đài phát thanh Sài Gòn và Huế đều im tiếng sáng hôm nay, mồng hai Tết Mậu Thân (01.02.1968). Cái thỉnh lặng giãn rộng ra để sợ. Nhiều ước đoán cuồng quýt hiện lên rồi tự xóa trong một xã hội hỗn mang, vô chủ.

Gần 10 giờ sáng, một máy bay nhỏ, trắng xám, bay rất cao, lượn vòng trên thành phố, phát ra thông báo: "Quân Việt Cộng đã vào thành phố Huế - Đồng bào hãy bình tĩnh - Chính quyền đang điều quân đến giải tỏa...". Tôi loay hoay suy nghĩ nên ở hay di tản và đi đâu? Việt Cộng đã chiếm tất cả, chỉ còn phần đất nhỏ hẹp này tiếp giáp với thành Mang Cá, nơi đóng Bộ Tư Lệnh của Sư Đoàn I của tướng Ngô Quang Trưởng.

Tiếng súng rộ lên từng chập ở phía Tây Lộc, sân bay thành nội và nhiều nơi khác. Đoàn người chạy giặc lủ lủ từ nhiều hướng, của Tây, của Nhà đờ, khu Xả tặc, Khu Canh nông v.v... Họ không có vẻ hoảng hốt, chỉ ẩn hiện nét lo âu. Tôi tò ra mừng vì tin tưởng vào khả năng chiến đấu của Sư Đoàn I, trong khi đó có Đại Đội Hắc Báo nêu nhiều thành tích xuất quỷ nhập thần. Bữa cơm trưa bị bỏ dở, mọi người túa ra cửa nhìn, mừng vui ra mặt, về phía hồ Tĩnh Tâm. Quân của Sư Đoàn I đang tới.

Quân tiến theo đội hình hàng dọc, rài dài hai bên đường Đinh Bộ Lĩnh và được yểm trợ hai bên sườn. Toán tiền phương đã bố trí xong. Khẩu liên thanh M60 đặt cạnh gốc cây ven đường, gần bờ thành loang lổ rêu phong của hạt Thủy Lâm, chỉ cách ngã tư Anh Danh 20 thước. Tôi bỗng

nín thở, đóng cửa, chờ tiếng súng khai hòa. Tôi đã thấy bên kia lề đường Mai Thúc Loan, Việt Cộng cũng đang hồi hả dàn quân nghênh chiến. Vọng lâu của Đông Ba được Việt Cộng ném cứng bằng hai khẩu thượng liên trút nòng không chế con đường này.

Với vài kinh nghiệm nhà binh, tôi biết mình đang nằm trên tuyến lửa, nhưng phải chôn chân tại chỗ. Con trai tôi thập thò ngưỡng cửa. Trò chơi súng đạn thật vui mắt với đứa bé lên ba. Binh sĩ đã tàn rộ, bố trí súng đối diện địch quân. Rình rập và đợi chờ thật căng thẳng. Tôi trở thành khách bàng quang mừng nhiều hơn lo.

Mưa chiều nặng hạt. Mây kín kịt xuống thấp bao phủ vọng lâu của kinh thành. Chiếc phao cứu tử chìm dần. Tiêu số và hiu quạnh trên từng bước chân lui binh đột ngột của Sư Đoàn mà chưa nổ một phát súng nào. Điện đường bật sáng nhưng lòng người dân u tối. Một đêm hãi hùng sắp đến.

Đài BBC buổi tối liên tiếp đưa tin buồn "... Các thành phố và thị trấn lớn của miền Nam đang bị Việt Cộng tiến công, kể cả Bộ Tổng Tham Mưu ở mạn bắc Tân Sơn Nhất của Sài Gòn...". Tôi nghi ngờ, nhưng buộc phải tin vì đài VOA và Úc cũng đều nói thế.

Đêm yên tĩnh giả tạo, không ngủ được. Lắng nghe tiếng nổ động địa bất chợt. Tiếng súng lẻ tẻ từ xa nhanh chóng chìm vào vắng lạnh, lạnh ngắt của xứ Huế.

Trận địa hôm qua bỏ ngỏ để lại mong chờ cho tôi. Lúc 10 giờ sáng ngày mùng ba Tết, trận đánh lớn diễn ra ở phía Tây Bắc thành nội. Súng giao tranh lờng lộn kéo dài hàng giờ. Cửa An Hòa được giải tỏa, Tiểu Đoàn Dù xốc tới theo con đường lính Sư Đoàn I đã đi hôm qua. Những bước chân thần tốc ấy như một ngọn gió mát trưa hè oi bức đối với bà con ở đây. Một Trung úy Đại Đội Trưởng gầy gầy, đứng bên gốc cây mít ngay thềm của nhà tôi, bắn khoả với tám bản đồ có tỷ lệ quá nhỏ. Tôi bắt chuyện ngay. Chúng tôi tâm đầu ý hợp với tình hình trước mắt. Sơ đồ khu vực này được tôi phác họa, giải thích đến từng chi tiết mà tôi đã nằm lòng từ mấy năm ở đây.

Mũi tiến quân vẫn chực lại trên địa bàn quân bạn hôm qua. Hai khẩu thượng liên Việt Cộng quái ác, thường bắn phủ đầu khi có động tĩnh. Phi cơ bay thấp cũng né tránh. Một điều đau đớn cho quân Dù, họ không mang theo đại bác không giật. Súng M72 phóng tạc đạn có tầm bắn quá ngắn. Quân Dù án binh bất động và tỏa rộng phòng thủ cánh mặt đối diện với đại nội, đang hoàn toàn nằm trong tay Việt Cộng.

Hàng rào lửa Việt Cộng dựng lên trên đường Mai Thúc Loan ngăn cản mũi định vượt tuyến của quân Dù. Một vài quả B40 vụt lướt qua rồi nổ đi doanh đầu đó. Tráng đạn AK rất ồn, chọi lại súng cá nhân AR15 và M79 bắn điểm huyệt. Như một cuộc hữu chiến thầm lặng, súng đôi bên im tiếng vào khoảng 6 giờ chiều.

Ngôi trường học khá rộng bên kia đường, trước mặt nhà tôi, trở thành chỗ đóng quân đêm của Tiểu đoàn Dù. Tiếng cuộc sòng vôi vàng đào công sự. Nhà tôi nằm trong xạ trường, chỉ cách mũi súng đại liên 30 khoảng vài chục thước. Xạ thủ khẩu cộng đồng này tên Thọ, còn trẻ, đầu hớt trọc, dáng vẻ nhanh lẹ, làm quen với con tôi và cả tôi, khi biết tôi đã từng là sĩ quan. Anh cho hay Tiểu Đoàn bỏ dở cuộc hành quân ở Quảng Trị, vừa dùng xe vừa chạy bộ, vào cứu viện cho Huế. Trận đụng độ sáng nay ở cửa An Hòa khá hao tổn, quân số tại hàng chỉ còn không quá 300 người, dưới 50% quân số. Cái lắc đầu của anh làm tôi bùi ngùi.

Tôi cài cửa thật chặt. Quân bên này hay bên kia đều là nỗi lo cho tôi. Đạn đại bác 105 ly bắn yểm trợ cho quân Dù suốt đêm. Khu đại nội, cấm thành bên kia chiến tuyến Mai Thúc Loan lửa chớp liên hồi. Mùi thuốc súng thật nồng nặc, bay là là dưới mưa đông rả rích và màn sương mù mịt úp chụp. Mạnh đạn đại bác bay rào rào, vì vút, đụng bể mái ngói, rơi loảng xoảng. Gia đình tôi nằm ngay dưới tầm đạn và cách xa hỏa điểm này không quá 100 thước.

Sáng mùng 4 Tết xớ xác thấy rõ. Người đi lánh nạn đông hơn, như trò chơi đèn cù, họ chạy quanh, lếch thếch từ nơi này qua nơi khác nhưng chẳng còn nơi nào an toàn. Quân Dù giãn rộng theo thể cài rằng lược, lũng sục đến gần bờ thượng thành, mé cổng Thanh Long. Công sự Việt Cộng trên thành cao cầm chân họ.

Mùa Xuân năm nay hoàn toàn không có nụ cười mừng tuổi. Lời cầu chúc nhau là "tai qua nạn khỏi". Tôi viết vội lá thư cho mẹ tôi đang ở Gia Định, trong lửa đạn ngập trời, vì phong thanh biết quân Tổng trừ bị Dù sẽ rút vào Sài Gòn và xạ thủ Thọ nhận mang dùm thư vào. Yên tĩnh nhưng căng trợn. Sinh hoạt của lính Dù không vội vã. Chiến tranh là trò đùa bình thường. Vẫn có những nụ cười rất tươi. Mưa đạn cá nhân và đại bác bắn liên tục đã trở nên quen tai.

Mấy hôm rồi, tôi phải tự đối để tìm giấc ngủ và yên lòng vợ. Con tôi vẫn hồn nhiên và hồn hờ lúc trở dậy khi trời sáng, có bóng quân Dù thấp thoáng ngay trước cửa, biểu diễn trò chiến tranh. Tôi mong máy bay oanh kích ào ạt, nhưng mãi đến trưa, trần mây mờ ngổ, hai phi đội phản lực liên

tục đến dội bom trên bờ thành phía Đông. Tiếng thượng liên thật rõ rồn rảng. Đạn chiếu sáng vạch chân mây. Máy bay vội bay cao hơn. Những quả bom rơi hồ hững thường trượt mục tiêu. Sự căng thẳng lại hiện đến.

Lửa bếp cơm chiều vừa cháy đỏ thì những quả đạn loại lớn bay vào đại nội nổ đi đùng đò dẫm. Không lâu, đạn bay qua đầu ào ạt từng bầy. Tiếng đạn xé gió, rú gầm rùng rợn và đạn rít như xoáy sâu vào óc. Loạt tiếng nổ dậy đất. Âm vang của loại đại pháo này, tôi chưa hề nghe trong 5 năm đi lính. Hải pháo Mỹ đã can thiệp. Đài BBC đưa tin này. Dàn hải pháo 3 nòng, từ các chiến hạm đậu ngoài khơi của Thuận An tuôn đạn 200 ly vào vị trí cộng quân hàng giờ đồng hồ. Cái vui chợt đến nhưng nỗi hãi hùng lại tăng nhanh. Chỉ một quả đạn này đi lạc cũng đủ cho một ngôi nhà kiên cố nhất tiêu vong trong chớp mắt.

Quân Dù rút lạng lẹ và bắt ngỏ vào trưa mùng 5 Tết. Vị trí đóng quân bỗng trống rỗng. Hàm hào dã chiến nằm lơ lảo dưới cơn mưa bay bay không bao giờ dứt. Lòng tôi bỗng bênh, hoang loạn. Những bộ mặt thất thần của hàng xóm vì đã chịu đựng quá sức. Một quả đạn B40 từ ngã tư Anh Danh bay trong hoàng hôn không có nắng rọi. Viên đạn đi rất chậm. Lửa đỏ phụt đảng sau. Đạn đi ngổ ngồ. Chiếc xe Dodge 4 của Tâm Lý Chiến đậu ở bên đường bốc cháy sau tiếng nổ rất đanh.

Tôi biết mình phải làm cái gì để tự cứu. Tôi ôm con vào lòng, dẫn vợ băng ngang đường Đinh Bộ Lĩnh với người giúp việc xách theo chiếc va-ly nhỏ. Chiến trường này đang bỏ ngỏ cho Việt Cộng. Chúng tôi tá túc tại nhà cô giáo bạn, gần khu An Ninh Quân Đội, với niềm tin mong manh cơ sở này kiên cố, còn có lính phòng thủ và có lẽ kẻ địch còn nể nang đôi chút.

Một đêm hải pháo hàng ngàn quả úp chụp đại nội, chỉ cách xa nơi tôi tạm lánh vài trăm thước. Pháo lờng trên không và gầm xoáy dựng tóc gáy khi đến gần mục tiêu rồi nổ tung từ lòng đất. Cơn chấn động thật kinh khủng trong cái chết và sống cận kề mà chẳng ai quan tâm đến. Mái tôn rồn rảng tiếng mưa mạnh đạn giữa âm ba ma quái hiện hồn. Sự đe dọa cùng cực hơn về mọi mặt. Mọi người đều trắng mắt, đêm lạnh cú như kéo dài.

Tôi vội vã trở về nhà cũ, cách hai khu phố, vào sáng hôm sau. Ao nhà vẫn hơn.

Cứ mỗi lần dứt tiếng súng hung bạo chẳng bao lâu thì đã có nhan nhân người đi lại trên đường. Họ tìm về nhà cũ mình xem tình hình, lấy thêm cái ăn cái mặc, xem ai còn ai mất. Hoặc như tôi, vì hiếu kỳ và để giải tỏa ám ức gò bó. Tôi cùng anh bạn Phó Ty Nông Nghiệp Thừa Thiên (Lê V.L.) thả rong ven đường trong vùng mặc

nhiên hữu chiến ấy, khựng người lại, chui vào góc kẹt nhà kho ẩn núp. Một Tiểu đội Việt Cộng xuất hiện từ hông trường Bồ Đề. Họ chạy lúp xúp, khom lưng trong lòng mừng khô nước. Lần đầu tiên trong đời, tôi đối diện với quân Việt Cộng chính quy nài nịt súng đạn AK47, B40... đang chuyển quân băng ngang đường Bộ Học. Chúng tôi thoát nạn trong gang tấc và nghĩ rằng trong nỗi đại khổ của mình còn gặp cơn may!

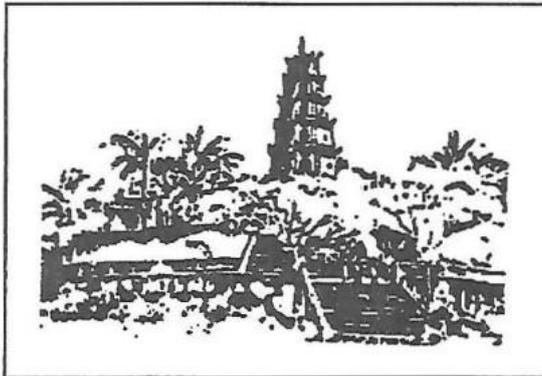
Thời tiết sáng nay, mùng 6 Tết, tốt hơn. Nắng vàng nghiêng nghiêng xuyên qua lỗ hổng của trần mây thấp. Máy bay khu trục phản lực can thiệp trực tiếp khi hải pháo vừa dứt. Tiếng nổ long trời của bom hạng nặng như đánh thức hồn ma trăm năm cũ, làm choáng váng những người đang lặn ngụp trong chiến tranh. Từng đôi một, máy bay lượn vòng trên nền trời xám. Lá cờ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam rũ rượi trên kỳ đài thành nội. Dãy thượng thành phía Đông Nam là mục tiêu oanh kích mà đặc biệt là các vọng lâu của Đông Ba, Thượng Tú, Cửa Ngán, Cửa Chương Đức. Súng nổ thật hết sức dữ dội mỗi khi máy bay sà thấp. Hình như tất cả súng cộng đồng liên thanh và cá nhân đều được Việt Cộng tận dụng chống máy bay. Tuyến lửa dài gần cả cây số. Bom rơi ngoài mục tiêu nhiều hơn.

Tường thành nội xây bằng gạch dày 2 thước, cao hơn 6 thước, ở giữa được đắp đất dày 10 - 20 thước, có thêm một bờ thành thấp ở phía trong. Chu vi thượng thành này dài gần 8 cây số nhưng hơn 2 phần 3 đã lọt vào tay Việt Cộng, trở thành một dãy cao điểm chiến thuật kiên cố và rất lợi hại. Chốt tử thủ được bố trí trên các vọng lâu của thành. Họ không thiếu thức ăn do dân di tản bỏ lại nhà hoang. Những khẩu thượng và trung liên bố trí trên các vọng lâu ấy là mối nguy hiểm cực kỳ cho máy bay bay thấp và bộ binh. Tầm nhìn hạn chế bởi mưa, mây thấp và sương mù cùng hòa lực dày đặc của địch buộc máy bay phải bay cao hơn. Hòa tiễn và hỏa lực liên thanh của máy bay không được sử dụng, có lẽ vì còn quá nhiều dân cư liều mạng sống chết tại nhà và các mục tiêu lẫn lộn trong quần cư hỗn độn, đông dân.

Những chốt lợi hại trên thượng thành phải được triệt hạ nếu muốn mở đường tiến quân vào thành nội, khu đại nội với nhiều cung điện đền đài, hoàn toàn nằm trong tay địch từ ngày khởi chiến. Hai tuyến lửa chính này khống chế, kẹp chặt mấy phường đông dân cư như Thuận Cát, Thuận An... chạy dài đến Nam Đài nhìn xuống cầu Bạch Hổ, mạn Kim Long. Hai

ngày oanh kích chỉ tạo được hào khí nhưng kết quả hạn chế.

Như có xếp đặt trước, phi pháo vừa dứt vào khoảng 10 giờ sáng nay thì quân Mỹ chia hai cánh, từ trong thành Mang Cá tiến ra, cùng trên một trục định mạng: đường Đinh Bộ Lĩnh. Sen xó xác của hồ Tĩnh Tâm cau mặt lạnh. Những giề rau muống xanh um không ai thèm hái. Thủy Quân Lục Chiến Mỹ từ Phú Bài lên, vượt sông Hương, đổ bộ Cửa Trái, đang ra thế chốt quân Dù bỏ trống. Mũi tiến công đến lưng lưng bởi người chiến binh kệt còm, cao lêu nghêu, to lớn dềnh dàng in dấu sợ sệt, quá thận trọng. Tiếng sỏi đá via hè xi-măng rợn rã bước giày cao cổ. Những tấm bia sống biết đi hai bên vệ đường. Tuyến chạm địch vẫn là ngã tư Anh Danh. Lính Mỹ dùng chân, đứng ngồi ngón ngang với áo giáp, súng đạn linh kinh quá nặng nề.



#### Vở tuồng chiến tranh lại diễn ra trước mắt tôi

Ngay thềm nhà, lính Mỹ đứng gác gác. Con tôi vui mà sợ sệt vì tóc vàng, mắt xanh trắng dã, da đen, da trắng... Tôi nghĩ quân Mỹ sắp tiến công ào ạt. Hàng xóm vội đóng cửa. Tôi nhanh chóng làm theo và tạm di tản vào một ngôi nhà cổ phía trong.

Súng giao tranh rợn rã và mãnh liệt. Via hè quá lộ liễu. Lính Mỹ phá cửa lấn vào nhà dân tránh đạn. Thương vong đã có. Nhiều tiếng la lẫn lộn tiếng rên khóc đầu tiên, hòa lẫn tiếng nổ hỗn độn cực kỳ hung bạo.

Hiệp giao tranh đầu tiên kéo dài khoảng nửa giờ như có vẻ thủ túc, trước khi một Chi đội chiến xa M48 vừa tiếp cận, dàn ra hai bên đường. Không gian hẹp của chiến trường khu vực này trở nên bi thảm: cáng thương binh được sử dụng. Máy phóng viên ngoại quốc, đeo tấm vải trắng trước ngực và sau lưng viết chữ PRESS, lẳng xăng chụp ảnh quay phim. Có mấy lính Mỹ bồng em bé Việt Nam bị đạn, mình vấy máu ngó ngác, từ từ đi giữa đường. Một màn nhân đạo được biểu diễn đúng

lúc trong khi thân nhân tất tả chạy theo mếu máo kêu khóc.

Hai cánh cửa lớn của nhà tôi bị mở toang. Tôi rời nhà chưa đến một giờ. Hộ cụ bị nạn mất khóa. Chiếc va-ly rỗng ruột. Ngón ngang là quần áo, chăn mền xào trộn. Những món hàng PX Mỹ, tôi vừa mua ở Đà Nẵng bằng đô-la dò, bay mất và mấy trăm tấm hình Playboy tôi cất giấu vợ con cũng không còn. Bãi phân Mỹ trên nền nhà thối um. Họ sợ hay vì lý do gì khác.

Hình như hề có giặc thì cướp đi kèm. Một số lính Mỹ đã thực hiện bài học không sách vở này. Tôi rất giận sự việc vừa xảy ra và phản đối với viên Đại úy Mỹ trước sự có mặt của nữ phóng viên đài BBC. Tối hôm đó, trong buổi phát thanh lúc 7 giờ 30, đài BBC đã loan tin "... lính Mỹ những nhiều và cướp bóc một số tài sản dân chúng trong cuộc tấn công vào Huế..."

Trò chơi cút bắt lại tái diễn. Mỹ rút quân lúc 5 giờ chiều để rồi xuất hiện khoảng 9 giờ sáng hôm sau. Tôi chán di tản, bám trụ tại nhà để có độc lập tự do và tránh mắt của. Hàng đêm mưa pháo hòa lẫn mưa xuân lạnh lẽo, chết chóc trộn lẫn vào nhau. Nhiều nhà bị hải pháo lạc đàn tiêu hủy trong nháy mắt. Những viên đạn 81, 82 ly, B40, B41 và 105 ly đua nhau cất tiếng kéo dài niềm ai oán trong dân. Mùi tử khí bắt đầu bủa vây.

Tôi khuôn giường ngủ cao hơn, chắn gạch chung quanh, chất đầy củi trên mặt giường. Gia đình tôi có một hầm trú ẩn để ăn ngủ tại chỗ. Đạn chạm nổ trúng mái nhà, sức xuyên thủng của mảnh gang được cản bắt. Tỷ lệ an toàn cao hơn. Điều này tạo ra một thú an tâm nào đó.

Con trai tôi càng vui trong chiến trận giằng co. Lính Mỹ, khi yên tiếng súng, thích đùa với trẻ thơ ngây, có lẽ vì tính người còn sót lại trong cuộc chiến vô nghĩa hôm nay. Bé thơ thời chinh chiến rất chóng quen người ngoại chủng có sức hấp dẫn nhờ súng đạn làm vui mắt. Con nít thời nào cũng mê trò chơi chiến tranh. Con tôi nào biết súng đạn vô tình. Trong những ngày tang tóc của Huế, vợ chồng tôi chỉ còn nụ cười vô tư của con mình.

Đường Mai Thúc Loan hoang tàn đổ nát nhiều hơn, vẫn đóng vai trò tuyến phân chia mặt trận. Hai chiếc xe tăng ở vào vị thế chân vạc, dàn trận trên vệ đường trước nhà in Khánh Quỳnh, chỉ cách nhà tôi hai mươi thước, làm con tôi thích thú ra mặt. Mấy chiếc xe khác rẽ vào khuôn viên trường Trung Tiểu Học Thành Nội. Tuyến thép được dàn hàng ngang. Mục tiêu là khúc đường Đinh Bộ Lĩnh phía trước chạy qua của Hiền Nhôn và tường thành đại nội.

Lính Mỹ đông đặc, giạt ra hai bên vỉa hè. Một vài người ngồi trên thềm của nhà tôi ăn vội vã hộp khẩu phần. Con tôi dạn dĩ với lính Mỹ đã mấy ngày nay. Đố vui để học qua sách hình mẹ cho vẫn được tiếp tục đem khoe.

Máy xe tăng nổ rất đều. Im lặng đầy đe dọa. Nồm nớp đôi mắt hàng xóm đầy âu lo nếu đụng trận ở đây.

Một loạt tiếng nổ đủ cường độ âm thanh chao đảo làm tung bụi mù, đất đá trong sân trường đối diện. Súng cối, B40, B41 tiếp tục pháo kích ào ạt từ phía Đông Bắc đại nội. Việt Cộng tấn kích. Một chiếc xe tăng đậu trong cùng trung đạn. Lửa chớp sáng và màn khói dày đặc. Đại liên 50 của xe tăng nhất tề nhà đạn về phía trước. Âm thanh hoảng loạn, cuồng nộ không bắn theo kịp, kéo dài như bất tận. Thấy đạn của địch nổ nhưng không định rõ vị trí của địch. Các xe tăng vội vàng đổi vị trí, ẩn vào các mé chân tường thấp, vừa chạy vừa bắn vung vãi.

Cảnh rối loạn hàng ngũ thật thê thảm. Mấy lính Mỹ chạy xô vào nhà tôi. Một số khác nằm sát đất, trên vỉa hè, nền đá, nhưng không nổ súng. Họ mang một vẻ tội nghiệp vì không nơi ẩn nấp khả dĩ an toàn. Nhiều người nằm phoir mình lồ lộ chịu trận với thân xác quá to lớn kèn cang. Lính Mỹ bị thương rên, la, khóc lóc. Những giọt nước mắt người lính viễn chinh ấy, tôi đã thấy. Nước mắt của loài người trong cơn hoạn nạn vẫn thế, thật thê thảm, dấy lên niềm thương cảm của người ngoại cuộc có nhân tính.

Việt Cộng chỉ pháo cấp tập 5 phút. Mùi khói đạn trộn lẫn với màn sương chưa tan hẳn, bay là là mặt đất làm ai nấy đều ho sặc sụa. Cánh tài thương loang máu. Áo giáp, nón sắt lỏng chổng. Mùi ma quái chiến tranh trước mắt tôi đã trở thành quen thuộc.

Lính Mỹ hành quân như đi dạo đúng giờ. Sáng lờ mờ tiến quân ra và chiều chưa tàn đã vội thu quân. Chiến trường thoát biến thoát hiện, riêng tôi vẫn nằm trên vùng chiến địa, có ngã tư Anh Danh và đường Mai Thúc Loan phân tuyến.

Vọng lâu của Đông Ba kiên cố và được trang bị mạnh nhất trúng nhiều bom nổ chậm. Dây nhà công chực trên đường này hầu như sập gần hết. Rộ lên phía thượng thành, đủ loại súng hòa điệu gầm thét hàng giờ. Đạn đại bác đi từng bầy, nối đuôi nhau nổ chập về phía Cộng quân cố thủ, theo lối dậm cù đuổi chuốt, khóa họng những con gà lôi, gà tre... của họ. Đôi lúc, im lặng của chiến trường như hững hờ nhưng có ma lực kéo đến sự chết chóc trong khoảnh khắc.

Trong cái lạnh triền miên, vòng vây xiết dần, thiếu thốn và mệt mỏi, Việt Cộng

hình như lui về thế thủ với nhịp bắn tiết kiệm hơn.

Tiền tuyến chuyển mình sáng ngày 11. Pháo binh bắn tập trung ở mặt Bắc của đại nội, trường Quốc Gia Nghĩa Tử đến tận bờ tường thành của Đông Ba, dọc dài đến cửa Thượng Tú. Màn khói khét lẹt trùm chiến địa. Sự hiệu kỳ lì lợm nhất đều bay mất. Nhà nhà đóng cửa. Quân Mỹ ào ạt tiến qua đường Mai Thúc Loan - Ngã tư Anh Danh thay chủ. Đại bác của chiến xa khai hỏa trực xạ, đại liên bắn phủ đầu và di động. Mặt trận tiến về phía trước khoảng 50 thước nhưng hai cạnh sườn vẫn còn đe dọa nặng bởi các Tiểu đoàn đặc công Việt Cộng tử thủ.

Cộng quân đã bắt hung hăng. Chiến dịch vận động toàn dân nổi dậy thất bại. Nhóm chính trị hoạt đầu ở Huế: Lê Văn Hào, Hoàng Phủ Ngọc Tường... và một số nhà sư không thổi bùng được ngọn lửa đấu tranh. Quân nhân, Công chức, Cảnh sát kể cả một số thường dân bị bắt trước đây mất tung tích. Dân chúng quá nao núng vì đói, lạnh, chết chóc, đổ nát chông chênh.

Quân Mỹ đóng chốt với nhiều xe tăng hơn và thay quân. Cả thành phố bốc lửa dưới mưa đạn, yểm trợ trực tiếp và gián tiếp từ trên bộ, trên không và trên biển luân phiên nhau. Chiến xa Ontis có gắn đại bác không giật 6 nòng cỡ 106 ly xuất hiện. Nỗ lực chiến đấu cả ngày và đêm. Phải thanh toán từng vị trí tử thủ với lựu đạn công phá, phải trục Việt Cộng trong hầm hào, dây nhà bị đục tường, bằng lựu đạn cay. Sự tiêu hao sinh mạng của lính Mỹ lên cao. Tôi nghĩ lệnh phản công toàn diện đang được thi hành với quân tiếp viện Thủy Quân Lục Chiến và Biệt Động Quân Việt Nam từ phía Tây Lộc và khu Gia Hội áp sát.

Khu Lục Bộ cầm chân quân Mỹ hai ngày. Việt Cộng độn thổ, ẩn mình dưới hầm ếch cá nhân, đào ven chân tường dày để chống cự với sự hỗ trợ của các tổ bắn lên từ trên thượng thành.

Thêm những chiếc xe Jeep thật lùn, không mui, chỉ gắn một khẩu đại bác không giật 106 ly, thoăn thoắt chuyển điểm phá công sự. Con đường trước mặt nhà tôi trở nên thật rộn rịp ngày và đêm. Phải giành từng tấc đất thấm máu.

Khu đại nội vẫn còn nằm trong tay Cộng quân. Diện tích khoảng 40 Ha, tường gạch dày 2 thước, cao 8 thước, chu vi 2 km, với hào sâu và rộng 20 thước, cứ điểm này trở thành pháo đài mạnh. Hàng trăm công trình tuyệt mỹ qua nhiều đời vua. Tử Cấm Thành nằm giữa đại nội. Vua và gia đình xưa kia ngự trị tại đây với tam cung lục viện. Thế giới của cung tần mỹ nữ gắn liền với bao nhiêu thâm cung bí sử mà nhà

thờ Ôn Như Hầu đã diễn đạt trong cuốn Cung Oán Ngâm Khúc.

Áp dụng chiến thuật tiền pháo hậu xung, quân Mỹ xông lên lục soát khu vực Tam Tòa, bờ thượng thành, song song với đường Ông Ích Khiêm. Âm vang của súng trận dội lại từ lầu son gác tía, đèn miếu, thành trì, thật dòn dã mà trầm thống. Bộ binh Mỹ từng thiết trái dãi, chạy lúp xúp, nhiều người mình trần mang áo giáp, trông như chú gà chọi đang say trận. Bức tường thép đã vây lấy tường thành phía Đông Nam đại nội và xiết lại dần.

Tôi hiểu kỳ trên chiến trận vừa tàn. Mấy xác Việt Cộng còn trẻ, gầy gò nằm chết đã lâu vắt qua thân súng thượng liên trên vọng lâu của Đông Ba. Chiếc nón cối lăn lóc giữa đám cỏ tranh run lạnh trong gió rét. Chân họ bị xiềng vào còng súng tử thủ.

Ôi! Người con trai khốn khổ "Sinh Bắc Tử Nam", theo tiếng gọi của đài tiếng nói Mẹ Việt Nam chăng?

Chó hoang và mấy con heo nhỏ lạc chuông đang gặm xác chiến binh Cộng Sản ở góc đường Ông Ích Khiêm và Nguyễn Tri Phương. Hình hài của nhân loại, đồ bầm, tím ngắt từng mảng da thịt, bị bóc ra bởi răng thú gặm nhấm nhỏ. Lòng ai cũng quặn thắt. Nguyên dáng người, đó đây, bộ đồ chiến sĩ giải phóng đơn giản hơn, lấm bùn với dép râu, nón cối, mũ tai bèo, chiếc đầu lâu trắng còn lừng lảng mô tóc thanh xuân ướt đầm nước mưa. Hốc mắt này ngày xưa chắc sáng quắc (?) niềm tin, giờ đây động sùng nước.

Nước mưa xuân tận cùng đau khổ hay nước mắt của cuộc chiến chinh này?

Và đây nữa, trước quận thành nội, những chiếc xương sườn so le nâng vòng ngực trống hoắc, ẩn dưới chiếc áo phong sương mấy độ. Lác đác, vài thân xác đen thẫm, trướng phù như muốn bứt tung quần áo đang mặc. Một khối giò bọ trắng trắng, lúc nhúc, lờn nhòn, tranh giành da thịt rửa nát, bao trùm lấy thân xác đang hồi tan rã, quyện mùi tử khí kín không gian.

Ai gây ra cuộc chiến bất tận đón đau này?

Phong kiến, thực dân cũ, thực dân mới hay những người nhân danh chủ nghĩa làm chiến tranh ủy thác tướng tàn? Hay hồn ma Hồi bào oan mấy trăm năm?

Xin cho nước tôi chút bình yên, dù nghèo nàn!

Xin được chuộc lại bằng vạn oan khiên đã chông chênh lên đất nước tôi từ thế kỷ nay.

Quân Mỹ đưa nỗ lực cuối cùng phá thành đại nội, nơi không có cư dân, chấm dứt sức đề kháng của Việt Cộng đang hồi tan rã, bằng trực xạ đại bác di động đủ loại vào buổi trưa.



Ngày thứ 20, quân Mỹ bàn giao chiến trường này cho Sư Đoàn I. Cờ vàng ba sọc đỏ lại tung bay trên đỉnh kỳ đài ngó xuống Phú Văn Lâu. Truy lùng và càn quét tiếp diễn ở phía Tây thành nội Huế cho đến ngày 25.02.1968. Hai mươi lăm ngày đêm địa ngục Huế, mặt trận ngã tư Anh Danh dai dẳng oan nghiệt nhất.

Huế ngỡ ngác trong tiếng khóc bi ai. Hàng trăm mồ tập thể được phát hiện ở trường Trung học Gia Hội, Chùa "Áo Vàng", Bãi Dâu, miệt Phú Thứ v.v... Việt Cộng đã thể hiện chính sách "giết làm còn hơn bỏ sót" trước khi rút lui (1).

Huế thoi thóp trong nấc nghẹn. Huế chỉ còn gọn lòn cô đơn tận cùng. Tất cả đường giao thông, liên lạc đều bị cắt đứt. Tôi hoang mang cuống quýt vì hết phép quá lâu.

Một dịp may hi hữu giúp tôi rời Huế bằng chuyến bay quân sự. Chúng tôi đi trong bể trầm luân oan trái nào nùng nhất, trong mùi nhang trầm là là mặt đất, trong tiếng chuông mõ âm vang sục sùi, đều đều, nhẹ nhẹ, chiều hồn bạn hay thù buổi sáng hơi sương. Hoạt cảnh chiến tranh còn gần gũi ở phía Tây thành phố: Linh Mục, Văn Thánh, Thọ Xương, Nguyệt Biều...

Mảnh ván gập ghềnh, chênh vênh đưa gia đình tôi qua nhịp cầu Trường Tiền gãy sập. Dòng sông Hương như bị người tình phụ.

Sông chở nước mắt về đâu sông ơi!!

Huế đẹp và thơ thuở nào đượm buồn da diết màu ly loạn.

Huế nở hoa tang. Xin tặng người trông phương Bắc món quà xuân vì hoa xuân đời thường quên nỏ Tết Mậu Thân này.

Tôi ôm con vào lòng không ngoảnh lại.

Vùng đất yêu thương này đã bắn vào hồn tôi 3 mũi tên chí tử: Huế giao cho tôi điều binh quân dịch biểu dương lực lượng hỗ trợ Phật Giáo xuống đường 1966. Huế chôn con gái hơn một tuổi rưỡi của tôi ở núi Ngự Bình 1967 và Huế vừa nhận chìm tôi vào biển lửa đạn chưa tàn 1968.

(Trích hồi ký "Cõi Hoang Nhân Nghĩa" của Võ Trường Sa)

(1) Vài số tài liệu về chiến trường Huế, ác liệt nhất của miền Nam, từ 31.01 đến 25.02.1968:

- Cộng Sản: 10 Tiểu đoàn và lực lượng địa phương, chết 8.000 ở thành phố và lân cận.

- Mỹ: 7 Tiểu đoàn TQLC và Bộ Binh, chết 119 và bị thương 961.

- Quân Đội VNCH: 11 Tiểu đoàn TQLC, Dù, BĐQ, SĐL, chết 363 và bị thương 1.242.

- Dân sự: 5.800 bị giết và mất tích, 116.000 vô gia cư.

- Đạn được tiêu thụ về phía Mỹ: 59.000 đạn đại bác 105 - 203 ly, 600 tấn bom và hỏa tiễn...

(Theo tài liệu The VN War - Military Press - 1988 Edition)



## Ước Vọng Đêm Xuân

■ Yên Sơn

*Xuân em hỏi! vì sao em thốn thức?  
Để giọt sầu làm tê tái không gian  
Thành phấn hoa điểm sắc mảnh trăng  
tàn*

*Roi rụng xuống trần gian muôn hạt  
ngọc.*

*Như tơ trời tuyết vờn trên mái tóc  
Vũ trụ buồn ướp lạnh khách ly hương  
Hồn lâng lâng viễn mộng chốn cố  
hương*

*Xuân đại thắng! Xuân Quang Trung  
tráng lệ!*

*Anh sẽ đón Xuân hồng trên quê mẹ  
Cùng toàn dân mở hội rước quê hương  
Cờ vàng bay theo điệu múa Nghê  
Thường*

*Hoa gấm Việt tuyệt vời Đông Nam Á*

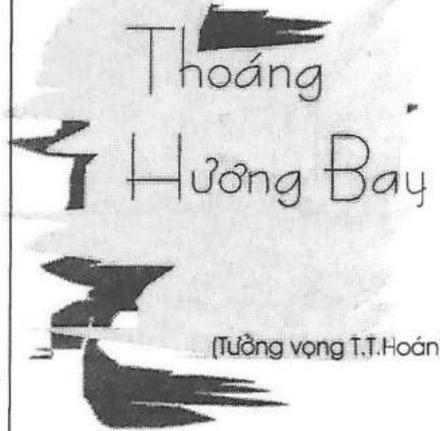
*Anh mơ say giữa trời đêm băng giá  
Tiếng pháo dòn ai đó đã đưa tin  
Lòng băng khuâng chợt tỉnh giấc có  
miên*

*Ôi! Tiếc nhớ! Gieo vần thơ ước vọng.*

*Anh vẫn nuôi một ngày về trong mộng  
Dù Xuân này mười tám tuổi lưu vong  
Dù thời gian như nước chảy xuôi dòng  
Nhưng ý chí và niềm tin vẫn sống.*



● Hoàng Sa



Bốn phía thành xưa mờ rêu phủ  
Chuông chùa Diệu Đế nhớ thương ai  
Nắng mưa mấy kiếp phong trần ấy  
Giọt giọt u hoài trong sương mai

Đã nặng mang đi sầu hận cũ  
Ngàn năm ai biết đá vàng xưa  
Dù phai áo tím tâm tình nhạt  
Luân hoán tội gì phải hóa thân!

Quán lệch viễn trình mà chi nhĩ  
Màu hoa cổ lý lịm bao giờ  
Ai đi chuốc rượu trong lòng gió  
Trắng cả bàn tay, trắng cuộc đời.

Năm tháng trả vay tình thế sự  
Chưa cay thì thiết mấy phương trời  
Tóc cần nửa mái mà nuông kiếp  
Trao ý trùng dương vẫn nghẹn lời

Hò ơi, bến cũ thuyền qua bến  
Tình nghĩa Hương giang tận chốn  
nào?  
Ân oán mái chèo khua sóng cả  
Ngậm ngùi dư vị thuở binh đao.

Thăm bảo rằng quên không nói nữa  
Mà lòng rào rạt nhớ thương ai  
Máu tô bờ đất hồn im tiếng  
Một lũ hồn oan vẫn miệt mài...

Thấm thấm hương bay chiều gác  
quạnh  
Mơ xa âm hưởng cuối đường trần  
Chỉ còn hư ảo qua lòng gió  
Dưới lớp phù kiều khi chuông ngân

Biền biệt từ đây đời vắng bạn  
Chuông đi, trọn vẹn gởi linh hồn  
Ý trao đi xin Người đừng tủi  
Mã loạn cuồng dù chưa ai chôn.

Cách trở trời xuân không dặn gió  
Ngậm ngùi cố sự bóng Giang Châu  
Hoàng hôn óng chuốt dòng thơ cũ  
Chiêu niệm, Đài Sen trắng một màu.



**M**uôn tâu Ngọc Hoàng  
 Cũng như mọi năm  
 Hạ thần vội vàng  
 Lên chầu Thượng đế  
 Để xin được kể  
 Chuyện dưới dương gian  
 Còn rất gian nan  
 Trong việc chu toàn  
 Hoà bình thế giới  
 Tuy nhiên năm tới  
 Hy vọng sáng hơn  
 Thay giả thành chơn  
 Đối cũ thành mới  
 Trước tiên kể tới  
 Các nước Đông Âu  
 Thống nhất từ lâu  
 Sau hậu cộng sản  
 Kinh tế tư bản  
 Đã tiến rất xa  
 Trong mấy năm qua  
 Thi đua xây dựng  
 Đó là bằng chứng  
 Dân chủ tự do  
 Thế giới đang lo  
 Phát huy đúng mức  
 Không còn bạo lực  
 Trên xứ sở này  
 Tin mỗi năm nay  
 Đã thêm ba Nước  
 Cùng chung hợp lực  
 Bảo vệ an sinh  
 Thực thi chương trình  
 Cộng hoà liên hiệp

Cũng còn được biết  
 Áo Quốc sang năm  
 Tháng tư chín tám  
 Năm riêng cũng chán  
 Nên đã cố gắng  
 Sống chung hoà bình  
 Với ông láng giềng  
 Pháp, Đức, Thụy, Ý  
 Cắt đứt sợi chỉ  
 Biên giới thông thương  
 Rất tiện con đường  
 Quý khách du lịch

\*

Hạ thần còn biết  
 Hai nước đàn anh  
 Cũng đang mon men  
 Đi tìm giải pháp  
 Vận động hoà bình  
 Để cùng đồng minh  
 Đó là Hoa - Mỹ  
 Dù đang còn chỉ  
 (Những chuyến đi đêm)  
 Chưa thấy đôi bên  
 Đồng chung ý kiến  
 Vì sau chính biến  
 Các nước lân bang  
 Như vẫn còn đang  
 Mất dần ảnh hưởng  
 Đối với Trung Hoa  
 Như Korea  
 Đài Loan, Nhật Bản  
 Chủ thuyết cộng sản

Nay đã lỗi thời  
 Con người rã rời  
 Đói nghèo chết chóc  
 Nên khi Trung Quốc  
 Tiếp nhận Hồng Kông  
 Vẫn phải cam lòng  
 Tạm thời thả lỏng  
 Vì sợ nghịch chống  
 Nhiều phía cho nên  
 Chưa dám cải tên  
 Thành một tỉnh lỵ

\*

'Cuộc tình' Hoa-Mỹ  
 Tuy khác 'màu da'  
 Nhưng đã trải qua  
 Nhiều "đêm" tình tự  
 Không cần luận cứ  
 'Chồng thấp vợ cao'  
 Chỉ cốt làm sao  
 Gia đình hạnh phúc  
 Không bị lục đục  
 Giữa 'cháu với con'  
 Để lấy tiếng thơm  
 Trong làng ngoài họ  
 Cho dù chuyện khó  
 Hoà hợp chung tình  
 Như trong phương trình  
 (Hai đường song song)  
 Thì làm sao mong  
 Gặp nhau một điểm  
 Vì khác chính kiến  
 Tham vọng đôi bên  
 Cũng khó trở nên  
 Dung hoà cho được  
 Dù nhanh đi trước  
 Kê chậm theo sau  
 Rất khó gặp nhau  
 Một nơi an toàn  
 Nhưng họ đã làm  
 Cũng hy vọng lắm

\*

Chỉ còn Việt Nam  
 Hơn hai mươi năm  
 Độc tài đảng trị  
 Vẫn còn ngự trị  
 Sau tháng tư đen  
 Bồi thế cho nên  
 Không có dân chủ  
 Người dân lam lũ  
 Không đủ cơm ăn  
 Đói rách làm than  
 Hơn năm 'Thân Dậu'  
 Kêu trời không thấu  
 Nên phải liều thân  
 Đứng lên một lần

Toàn dân vùng dậy  
 Tin tức nghe thấy  
 Từ tỉnh Thái Bình  
 Thanh Hoá - Nghệ An  
 Như vết dầu loang  
 Cũng đã lan sang  
 Hưng Yên, Quỳnh Phụ  
 Đòi quyền dân chủ  
 Xoá bỏ độc tài  
 Toàn dân trong ngoài  
 Tự do bầu bán  
 Chọn người 'nhân bản'  
 (Trị Quốc an dân)  
 Là điều rất cần  
 Nước nhà hưng thịnh  
 Miền Nam cũng tính  
 Các tỉnh Hậu Giang  
 Cũng đã sẵn sàng  
 Chung đòi quyền sống  
 Người dân lao động  
 Phải đủ cơm no  
 Dân chủ tự do  
 Thực hành cho đúng  
 Không còn lạm dụng  
 Cán bộ đảng đoàn  
 Trong việc mưu toan  
 Bán dân hại nước  
 Thực thi cho được  
 Bình đẳng thấp cao  
 Sống cho phải đạo  
 Tự do Tôn Giáo  
 Tôn trọng nhân quyền  
 (Theo sách Thánh hiền)  
 Ngàn năm sáng chói

\*

Trở về Giáo Hội  
 Phật Giáo Âu Châu  
 Truyền thống từ lâu  
 Hoằng dương chánh Pháp  
 Khóa học Phật Pháp  
 Tổ chức năm nay  
 Hạ thần được hay  
 Chi Bộ Đức Quốc  
 Thuê mượn phòng ốc  
 Cũng như chăm sóc  
 Trai soạn, trang hoàng  
 đều được chu toàn  
 Nhờ các Chi Hội  
 Phật tử địa phương  
 Cùng sự hỗ trợ  
 Gia đình Phật tử  
 Năm nay tính thử  
 Con số học viên  
 Cũng đã tăng lên  
 Năm trăm tám bảy  
 (Ba lẻ sáu Nữ  
 Hai tám mốt Nam

Cùng với Chú Tăng  
Thành sáu ba một)  
Khoá học nòng cốt  
Chia thành hai cấp  
Cho việc học Phật  
Tùy duyên lãnh hội  
Còn nghe năm tôi  
Giáo Hội Âu Châu  
Khoá học bắt đầu  
Sớm hơn tuần lễ  
Và chọn địa thế  
Tại một Quốc Gia  
Có sông-núi-hồ  
Thật là thớ mộng

\*

Nghĩ thường Phật tử  
Ở tại quê nhà  
Mấy chục năm qua  
Không được tự do  
Đến Chùa lễ lạy  
Người dân ai nấy  
Lao động khổ sai  
Không đủ sản khoai  
Để mà chống đói  
Đâu còn nghĩ tới  
Đến việc tu thân  
(Vị cảnh cùng bần  
Nên sinh ác đạo)  
Chế độ tàn bạo  
Cộng sản vô thần  
Mất hết lương tâm  
Nên xem muôn dân  
Còn hơn cỏ rác  
Chỉ biết vàng bạc  
Vó vét miễn sao  
đầy túi cấp cao  
Cần gì Tôn Giáo  
Việc đời việc đạo  
Thấy cũng đấng cay  
Thường thay thường thay

\*

Sao hạn năm nay  
Cho toàn nhân loại  
Thường tiếc bi ai  
Thế giới mất hai  
Đoá Hồng trân quý  
Suốt đời chỉ nghĩ  
Cứu vớt tha nhân  
Đói nghèo hoạn nạn  
Chẳng quản chi thân  
Người rất ân cần  
Không mong gì cả  
Mẹ Teresa  
Tấm lòng bao la  
Tử bi bác ái

Triệu người sùng bái  
Công đức vô lượng  
Cũng như tiếc thương  
Công Nương Anh Quốc  
Suốt đời tận lực  
Đến nơi đói nghèo  
Nước kém mỡ mang  
Giúp đỡ thuốc thang  
Chăm sóc bệnh hoạn  
Tấm gương chói sáng  
Nhân loại soi chung  
Để cùng mở lòng  
TỬ BI BÁC ÁI  
Mong thay mong thay

\*

Tính hết năm nay  
Còn hai năm nữa  
Sẽ qua ngưỡng cửa  
Thiên kỷ thường đau  
Thế giới đón chào  
Một kỷ nguyên tới  
Một vận hội mới  
Chưa biết ra sao  
Cầu mong Thiên Tào  
Cho cầu hy vọng  
Gieo thêm hạt giống  
Bi Trí dung hoà  
Thì mới may ra  
Này mầm nhân ái

\*

Đến đây xin bái  
Tạm biệt Thiên Hoàng  
Xin hẹn sang năm  
Sẽ lên bái kiến  
Bây giờ đã đến  
Lo việc trong nhà  
Bày biện qua loa  
Để cùng đón Tết  
Dù trời băng tuyết  
Lạnh buốt da xương  
Xin thấp nén hương  
Dâng lên cúng Phật  
Cầu mong Trời Đất  
Mưa thuận gió hoà  
Khắp cõi Ta bà  
Ấm no hạnh phúc.



Xuân em hỏi! vì sao em thỏn thức?  
Để giọt sầu làm tê tái không gian  
Thành phấn hoa diễm sắc mảnh trăng tàn  
Rơi rụng xuống trần gian muôn hạt ngọc.

Như tơ trời tuyết vờn trên mái tóc  
Vũ trụ buồn ướp lạnh khách ly hương  
Hồn lâng lâng viễn mộng chốn cố hương  
Xuân đại thắng! Xuân Quang Trung tráng lệ!

Anh sẽ đón Xuân hồng trên quê mẹ  
Cùng toàn dân mở hội rước quê hương  
Cờ vàng bay theo điệu múa Nghê Thường  
Hoa gấm Việt tuyệt vời Đông Nam Á.

Anh mơ say giữa trời đêm băng giá  
Tiếng pháo dòn ai đó đã đưa tin  
Lòng băng khuâng chợt tỉnh giấc cô miền  
Ồ! Tiếc nhớ! Gieo vần thơ ước vọng.

Anh vẫn nuôi một ngày về trong mộng  
Dù Xuân này mười tám tuổi lưu vong  
Dù thời gian như nước chảy xuôi dòng  
Nhưng ý chí và niềm tin vẫn sống.



# Bi Kịch Của Một Tâm Hồn Vĩ Đại

● Thiện Xuân Inna Malkhanova & Thiện Mẫn Nguyễn-Minh Cần

**D**ời sống là cái gì? Ý nghĩa cuộc đời con người như thế nào? Sống để làm gì? Những câu hỏi đó - từ thế hệ này qua thế hệ khác - vẫn thường làm bận tâm bạn tri nhiều người. Lắm lúc do không hiểu vì sao phải sống, không hiểu ý nghĩa cuộc đời, nên không ít người lâm vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng về tinh thần, có khi dẫn đến những kết cục hết sức bi thảm.

Lev (Léon) Tolstoi, nhà đại văn hào Nga, người đã cống hiến cho nhân loại nhiều tác phẩm văn chương bất hủ làm rung động biết bao tâm hồn người đọc, cũng đã từng bị một cuộc khủng hoảng lớn về tâm linh giống như vậy khi ông chưa đến 50 tuổi. Và điều kỳ lạ nhất là cuộc khủng hoảng nguy kịch đó diễn ra giữa-lúc vinh quang của ông, với tư cách một nhà văn, lên đến tột đỉnh, giữa lúc cuộc sống gia đình ông tràn trề hạnh phúc trong tình yêu vợ con, giữa lúc sức khỏe ông dồi dào và kinh tế điền trang của ông đang tiến triển tốt đẹp.

Chính để tìm hiểu điều này, chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc một đoạn trong tác phẩm **Bộ bạch tâm tử**, nói lên tâm trạng của ông trong cuộc khủng hoảng đó, những dằn vặt tâm trí của ông để cố giải thích ý nghĩa cuộc đời và để tìm được sức sống. Chúng tôi hy vọng là qua tác phẩm đó của nhà văn, chúng ta có thể rút ra được những bài học quý báu nào đó về tâm linh. Nhưng trước hết, để có thể hiểu được Tolstoi, chúng tôi xin được phép kể sơ qua về cuộc đời của nhà văn.

Bá tước Lev Tolstoi sinh ngày 28 tháng 8 (ngày 9 tháng 9, lịch cũ) năm 1828 tại điền trang Yasnaya Polyana gần thành phố Tula trong một gia đình quý tộc. Ông bị mồ côi mẹ (nữ công tước Maria Volkonskaya) lúc hai tuổi và mồ côi bố (bá tước Nikolai Tolstoi) khi lên chín. Cậu bé Tolstoi được bà cô dạy dỗ.

Năm 1844, ông vào học ở khoa phương Đông thuộc Trường đại học tổng hợp thành phố Kazan, sau đó chuyển qua khoa luật. Nhưng ông không học hết đại học ở đây, vì năm 1847 ông quay trở về Yasnaya Polyana dạy cho trẻ con nông dân tại trường ở đấy.

Tháng 5 năm 1851, ông đi Caucase, nhập ngũ và ở trong quân ngũ tại miền này cho đến tháng 1 năm 1854. Ở đây, ông bắt đầu viết văn. Những truyện **Thời thơ ấu** (1851) và **Thời niên thiếu** (1852-54) và nhiều truyện ngắn khác viết trong thời kỳ này đã làm ông nổi tiếng trên văn đàn nước Nga hồi ấy. Qua các tác phẩm đó, tính chất độc đáo của thiên tài nhà văn bắt đầu lộ rõ. Sau đó ít lâu, ông viết truyện **Tuổi thanh xuân** (1855-57), thể là đủ bộ ba tập.

Rời khỏi Caucase, ông tình nguyện đi chiến đấu với quân Thổ, và tháng 11 năm 1854 ông đến vùng Crimée tham dự cuộc chiến đấu phòng thủ Sébastopole, hồi đó ông là sĩ quan pháo binh. Cuộc sống trong quân ngũ cũng như việc ông tham gia chiến trận đã giúp ông hiểu biết sâu sắc về sinh hoạt và tâm trạng người lính chiến trong chiến tranh.

Sau khi Sebastopole thất thủ, tháng 11 năm 1855, ông đến Peterburg và lần đầu tiên sống giữa làng văn Nga, giao tiếp với nhiều nhà văn nổi tiếng thời đó như I. Tourguéniev, N.Nekrasov, I.Goncharov, A.Ostrovsky, Chernyshevsky, v.v... Tại đây ông đã sáng tác nhiều truyện, như **Buổi sáng của người điền chủ** (1856), **Bão tuyết** (1856), **Hai chàng khinh kỵ binh** (1856), v.v...

Cuối tháng 11 năm 1856, ông giải ngũ và lần đầu tiên ra nước ngoài trong sáu tháng. Ông đến Pháp, Thụy Sĩ, Bắc Ý, Đức. Ở Paris, ông đến nghe mấy buổi thuyết giảng ở trường Sorbonne và Collège de France. Ở nước ngoài, ông vẫn không ngừng sáng tác. Cuối tháng 7 năm 1857, ông trở về nước, khi thì ở Yasnaya Polyana, khi thì ở Moskva. Trong thời gian này, ông viết truyện **Ba cái chết** (1858), tiểu thuyết **Hạnh phúc gia đình** (1858-59), hoàn thành truyện **Albert** (1857-58) và tiếp tục viết truyện **Những người Kozak**. Trong những năm này, ở nước Nga đang chuẩn bị cho cuộc cải cách nông thôn nhằm xóa bỏ chế độ nông nô. Đó là thời kỳ rất sôi động, nhiều khuynh hướng chính trị, xã hội đã xuất hiện và ảnh hưởng đến làng văn Nga.

Giữa năm 1860, lần thứ hai ông ra nước ngoài trong chín tháng để nghiên cứu việc tổ chức giáo dục nhân dân và công tác sử phạm ở Đức, Pháp, Ý, Bỉ, Anh. Ở Luân đôn, ông đã nghe Charles Dickens thuyết giảng về giáo dục và đã gặp A.I. Gertsen, nhà văn Nga. Ở Bruxelles, ông đã chuyện trò với Pierre Proudhon, người đại diện cho chủ nghĩa xã hội Pháp, và nhà cách mạng Ba Lan I. Lelevel. Khi ông về nước thì chế độ nông nô vừa bị xóa bỏ, nước Nga với chế độ gia trưởng lỗi thời đang sụp đổ. Từ đó bắt đầu thời kỳ sung mãn nhất trong sáng tác của nhà văn.

Tháng 9 năm 1862, ông lấy vợ, là con gái một bác sĩ ở Moskva tên là Sophia Bers. Bà là người giúp ông rất nhiều trong việc sắp xếp, sao chép các bản thảo của ông. Công việc bận rộn của điền trang không làm ông xao lãng việc sáng tác. Ông viết truyện **Polikushka** (1861-62), hoàn thành truyện **Những người Kozak** (được xuất bản năm 1863) và cuối năm 1863, bắt tay vào việc sáng tác tiểu thuyết **Chiến tranh và hòa bình**. Trên sáu năm làm việc cật

lực ông mới hoàn thành được tác phẩm lớn này (1863-69). Tác phẩm này càng tỏ rõ tài nghệ tuyệt vời của nhà văn đã đưa lên bức tranh toàn cảnh rất phức tạp của các tầng lớp xã hội ở Nga trong cuộc chiến đấu cứu nước chống ngoại xâm hồi năm 1812, nó đã đem lại cho ông vinh quang rực rỡ trên văn đàn thế giới. Tháng 3 năm 1873, ông bắt đầu viết tiểu thuyết xã hội **Anna Karenina** và viết xong năm 1877. Đây là cuốn tiểu thuyết nói lên bi kịch của người phụ nữ bị khống chế bởi dục vọng, một quyền lực vô hình có sức phá hoại mãnh liệt. Tác phẩm này cũng làm lộ rõ những nền móng nứt rạn, già tạo của xã hội, sự tan rã của chế độ gia trưởng và sự suy sụp của cơ sở gia đình.

Từ cuối năm 1870, ông bị một cuộc khủng hoảng tinh thần nghiêm trọng, suốt nửa thì ông tự tử. Sau đó, ông nhìn lại những quan điểm đạo đức, xã hội và tôn giáo của mình, rồi ông nhiệt thành đưa ra ý tưởng hoàn thiện về mặt đạo đức của con người, điều đó thể hiện rõ trong các tác phẩm **Bộ bạch tâm tử** (1879-82), **Tín ngưỡng của tôi như thế nào?** (1883), **Thế thì chúng ta phải làm gì?** (1882-86), v.v... Trong các tác phẩm này, giáo lý của đạo Phật và đạo Chúa về tâm tử bi, tình thương yêu và lòng khoan thứ đã được chuyển hóa thành thuyết bất bạo lực mà ông thường cổ vũ, tức là tư tưởng không dùng bạo lực để chống lại điều ác.

Tolstoi càng ngày càng có thái độ phê phán mạnh mẽ cơ cấu xã hội đương thời thể hiện trong các thiết chế quan liêu, trong nhà nước và giáo hội. Trong những năm 1891-93 và 1898, ông đã tích cực tham gia cứu đói cho nông dân nhiều địa phương ở nước Nga. Ông viết thư cho Nga hoàng Alexandre II và Nicolai II, trong đó ông chống lại những biểu hiện độc đoán, bạo hành đối với nhân dân.

Trong tiểu thuyết **Phục sinh** mà ông viết rờn rờn trên mười năm (1889-99), ông đã phê phán mãnh liệt chế độ chuyên chế thời đó. Năm 1900, tác phẩm đó được xuất bản với rất nhiều đoạn bị kiểm duyệt cắt xén. Thời kỳ này, ông cũng đã viết xong truyện **Khúc cầm nhạc của Kreutzer** (1887-89), vở kịch **Cái xác sống** (1900, được xuất bản 1911), **Quyền lực của tội tâm** (1887). Đồng thời ông quan tâm nhiều hơn đến những đề tài về cái chết, tội lỗi, sám hối và sự hồi sinh về đạo đức, điều này thể hiện rõ trong các tác phẩm **Cái chết của Ivan Ilich** (1884-86), **Cha Serghi** (1890-98, được xuất bản 1912), **Hadji Murat** (1896-1904, được xuất bản 1912).

Là một tín đồ Chính thống giáo, với lòng chính trực ông đã thẳng thắn phê phán nhiều việc làm của Giáo hội mà ông cho là trái với lời răn của Chúa, chẳng hạn, thái độ hẹp hòi, nghi kỵ, thậm chí thù nghịch của Giáo hội Chính thống giáo đối với các Giáo hội khác cùng trong đạo Chúa, như Cơ Đốc giáo, Tin Lành, Cựu giáo, v.v... hay là thái độ của Giáo hội Chính thống giáo đối với chiến tranh, hòa theo chính quyền ca ngợi vũ khí Nga, cổ vũ sự chém giết lẫn nhau, v.v... Sự phê phán ấy đã làm cho Giáo hội tức giận, cuối cùng Thành vụ viện (synode) Chính thống giáo đã tuyên bố rút phép

thông công nhà văn Nga vào năm 1901. Mặc dù vậy, ông vẫn tự coi mình là một tín đồ trung thành của Chúa Kitô.

Khi tìm tòi về tâm linh, Tolstoi đã nghiên cứu nhiều về đạo Hồi, đạo Lão, đạo Khổng (Khổng-tử, Mạnh-tử) và đặc biệt là đạo Phật. Ông tìm thấy ở đạo Phật nhiều điều mà ông rất đồng cảm. Ông thấy đạo Phật - cũng như ông - cố vẽ những tư tưởng về điều thiện, tình thương yêu, lòng từ bi, tinh thần khoan thứ và coi khinh giàu có, lên án chiến tranh, bạo lực và hận thù. Năm 1879, lần đầu tiên ông đề cập đến đức Phật trong tác phẩm **Bộ bạch tâm tu**. Và từ đó, ông càng để tâm nghiên cứu giáo lý của Phật, tìm gặp một vài vị sư, và năm 1886, ông đã bắt tay viết bút ký dài nhan đề **Phật-đà**. Nhưng rồi bỏ dở, mãi hai mươi năm sau, ông viết bút ký ngắn **Phật-đà - Từ sách cần đọc** (1905). Năm 1904, ông viết bài báo **Hãy hồi tâm lại**, trong đó ông lên án cuộc chiến tranh Nga-Nhật và kịch liệt phê phán nhà sư Nhật Bản Soien Shakiu, người đứng đầu 800 tu viện, đã cố vẽ cho cuộc chiến tranh đó, làm trái với giới luật cấm sát sinh của đạo Phật. Tolstoi còn viết những bài nhỏ để giới thiệu về đạo Phật và đức Phật, như chuyện cổ tích nhan đề **Nghiệp báo** (1894)... Đầu năm 1910, ông viết lời nói đầu cho tác phẩm **Tất-đạt-đa (Siddhartha)**, còn gọi là **Phật-đà (Buddha)**, có nghĩa là **bạc Thánh Giác Ngộ**. **Cuộc đời và giáo lý của Ngài của P.Bulanje**, người mà ông hết sức giúp đỡ để viết sách này.

Tolstoi luôn luôn gần gũi nông dân, thường xot cánh ngô của nông dân và cố sức giúp đỡ họ. Ngay tại điền trang Yasnaya Polyana, ông đã tổ chức trường học cho con cái nông dân. Đồng thời, ông đã viết nhiều truyện, chuyện cổ tích, chuyện ngụ ngôn cho con cái nông dân học. Khi về già, ông coi những tác phẩm dành cho thiếu nhi này là có giá trị nhất trong đời cầm bút của mình, đồng thời ông phủ nhận giá trị của những tác phẩm lớn của ông mà người đời cho là bất hủ. Nhiều người cho là: ông già lú lẫn! Ông không giải thích gì. Nhưng chúng tôi hiểu rằng sự đánh giá đó dựa trên nhận thức mới của ông về mặt tâm linh: ông đồng tình với đức Phật, cho rằng dục vọng, lòng tham... là nguồn gốc của mọi đau khổ, thế mà các tác phẩm của ông được người đời ưa chuộng nhất là những tác phẩm mô tả, kích thích dục vọng con người. Vì thế theo ông, giá trị của những tác phẩm đó không thể nào so sánh được với giá trị giáo dục chân chính của những quyển sách nhỏ dễ hiểu của ông dành cho thiếu nhi.

Cuối đời, ông luôn luôn băn khoăn, nghĩ rằng sống giàu sang trong lúc cuộc đời của nông dân rất khổ cực là vô đạo đức, ông phải đưa tài sản của mình phân phát cho dân nghèo, những tài sản này một phần cũng là công sức của vợ con mình, ông không thể tự ý giải quyết, thế thì tốt hơn cả là ông bỏ cảnh giàu sang để sống cuộc đời bình thường như mọi người. Và sau bao nhiêu lần trở, giãy, vẽ tâm trí, ông quyết định để lại tất cả điền trang, của cải cho vợ con tùy ý xử lý theo sở nguyện, còn ông nhất quyết ra đi và sống theo lối sống hợp với nhận thức về tâm linh của mình. Hành động này của

nhà văn làm chúng ta bất giác nhớ lại sự xuất gia của thái tử Tất-đạt-đa. Ông ra đi, mà người nhà chẳng biết ông đi đâu cả. Khốn thay, trên đường đi, ông lâm bệnh và đã tạ thế ngày 7 (20 theo lịch cũ) tháng 11 năm 1910, hưởng thọ 82 tuổi.

Thế là cuộc đời vĩ đại đầy sáng tạo của nhà đại văn hào, cuộc đời tìm tòi không mệt mỏi về mặt tâm linh, cuộc đời theo đuổi những nguyên tắc đạo đức chặt chẽ của bậc chân nhân đã kết thúc tại một ga xếp lạnh lẽo, ga Astapovo, xa hẳn gia đình ấm cúng của ông. Và ngôi mộ đất rất bình dị của ông, khác hẳn với những ngôi mộ xây sang trọng ốp đá quý của nhiều danh nhân khác, ngôi mộ không tượng đồng, không bia đá, "sè sè nằm đất bên đàng, rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh", mãi mãi che chở cho một tâm hồn vĩ đại yên giấc ngàn thu. Chắc hẳn nhà báo Đỗ Quý Toàn cũng cảm nhận như vậy, khi chúng tôi đưa anh đến đây viếng mộ đại văn hào Lev Tolstoi trong mùa hè năm 1997.

\*

Sau đây xin mời bạn đọc chịu khó xem một đoạn khá dài và hơi mệt óc trích từ tác phẩm **Bộ bạch tâm tu** của Lev Tolstoi:

Khi đi tìm giải đáp cho câu hỏi chính của cuộc đời, tôi có cảm giác giống hệt như cảm giác của một người bị lạc trong rừng.

Tôi đã ra khoảng trống trong rừng, trèo lên cây và thấy rõ khoảng không gian rộng mênh mông, nhưng ở đây không thấy có ngôi nhà, và không thể có nhà ở đây được. Tôi lại chui vào rừng rậm, vào nơi tối tăm và thấy tối tăm, mà cũng vẫn không có ngôi nhà.

Cử thể tôi lạc mãi trong rừng tri thức của nhân loại giữa các khoảng trống tri thức toán học và tri thức thực nghiệm đã mở ra cho tôi những chân trời rõ ràng. Thế nhưng, cứ theo hướng đó không thể nào có ngôi nhà được, và giữa tối tăm của tri thức tư biện (1), mà càng vào sâu trong những tri thức tư biện đó thì lại càng thấy tối tăm hơn, và càng đi sâu vào hơn nữa thì cuối cùng tôi thấy rõ là không có lối thoát và không thể nào có lối thoát được.

Khi đi sâu vào phương diện sáng sủa của tri thức thì tôi hiểu rằng bằng cách đó tôi chỉ lẩn tránh câu hỏi mà thôi. Dù chân trời đã mở ra cho tôi thật rõ ràng và quyến rũ, dù rất quyến rũ khi được nhập sâu vào sự vô tận của những tri thức đó, nhưng tôi đã hiểu rồi: những tri thức ấy càng rõ ràng bao nhiêu thì càng ít cần thiết cho tôi và càng ít trả lời câu hỏi của tôi bấy nhiêu.

Thôi, tôi biết rồi, - tôi tự nhủ như vậy, - tất cả những thứ mà khoa học nhất định muốn biết, nhưng theo con đường này thì không có giải đáp cho câu hỏi về ý nghĩa cuộc đời của tôi. Còn trong lĩnh vực tư biện, tôi hiểu rằng bất chấp hay là chính vì mục đích của tri thức nhằm trả lời thẳng câu hỏi của tôi, thì không có câu trả lời khác nào ngoài câu mà tôi tự trả lời cho mình: Ý nghĩa cuộc đời của tôi là gì? - Không có ý nghĩa nào cả. Hoặc là: Kết quả cuộc đời của tôi là gì? - Không có kết quả nào cả. - Hoặc là: Những thủ hiện hữu tồn tại để làm gì và tôi

tồn tại để làm gì? - Tồn tại chi vì để tồn tại mà thôi.

Khi hỏi ở một phương diện của tri thức nhân loại, tôi có được vô số câu trả lời chính xác về những thứ mà tôi không hề hỏi: về thành phần hóa chất của các ngôi sao, về sự di chuyển của mặt trời đến chòm sao Hercules, về nguồn gốc của các loài vật và con người, về hình dạng của những nguyên tử vô cùng nhỏ, về di chuyển của những hạt ether cực tiểu và không có trọng lượng. Nhưng lời giải đáp trong lĩnh vực tri thức này đối với câu hỏi của tôi: "Ý nghĩa cuộc đời của tôi là gì?" thì vẫn là: anh là cái mà anh gọi là cuộc đời của anh, anh là cái kết hợp tạm thời và ngẫu nhiên của những hạt. Sự tương tác, sự biến đổi của các hạt đó gây ra trong anh cái mà anh gọi là cuộc đời của anh. Cái kết hợp này sẽ tồn tại một thời gian. Rồi sự tương tác giữa các hạt đó sẽ ngừng lại, và cũng sẽ ngừng lại cái mà anh gọi là cuộc đời, sẽ ngừng lại tất cả những câu hỏi của anh. Anh là cái hòn nhỏ bé của cái gì đấy đã kết hợp lại một cách ngẫu nhiên. Cái hòn ấy đang mục rữa. Cái hòn nhỏ bé đó gọi sự mục rữa ấy là cuộc đời của nó. Cái hòn rã ra thì quá trình mục rữa sẽ kết thúc, và tất cả các câu hỏi cũng kết thúc luôn. Phương diện rõ ràng của tri thức trả lời như vậy, và nó không thể nói cái gì khác được một khi nó tuân theo nguyên lý của nó một cách nghiêm ngặt.

Khi nhận được câu trả lời như vậy thì, té ra, nó giải đáp không phải cho câu hỏi đặt ra. Tôi cần biết ý nghĩa cuộc đời của tôi, còn câu trả lời rằng cuộc đời của tôi là một phần của cái vô cùng, không những không đem lại ý nghĩa nào cả cho cuộc đời của tôi mà còn triệt tiêu mọi ý nghĩa có thể có được.

Còn những thỏa hiệp mơ hồ mà phương diện này của tri thức chính xác và thực nghiệm đã có với phép tư biện, trong đó nói rằng ý nghĩa cuộc đời là sự phát triển và thúc đẩy sự phát triển đó thì những thỏa hiệp ấy không thể nào coi là câu trả lời được vì chúng quá mơ hồ và không chính xác.

Phương diện khác của tri thức, tức là phương diện tư biện, một khi nó tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên lý của nó, và trả lời thẳng câu hỏi thì khắp mọi nơi và khắp mọi thế kỷ đã và đang trả lời chỉ có một điều mà thôi: thế giới (2) là một cái gì vô cùng tận và không thể nào hiểu được. Cuộc đời của con người là một bộ phận không thể nào hiểu được của cái "toàn bộ" này cũng không thể nào hiểu được. Ở đây, tôi loại trừ những thỏa hiệp giữa các tri thức thực nghiệm và tri thức tư biện bao gồm toàn bộ những thủ thừa thãi của những cái gọi là các khoa học nửa vời, tức những cái gọi là khoa luật học, chính trị học và sử học. Những khái niệm phát triển và hoàn thiện người ta cũng lại đưa vào các khoa học nửa vời đó một cách hoàn toàn không đúng, chỉ khác nhau là các khoa học kia - nói về sự phát triển của tất cả, còn các khoa học này thì nói về sự phát triển của đời sống con người. Nhưng vẫn cũng một sai lầm ấy: sự phát triển, sự hoàn thiện trong cái vô thủy vô chung không thể nào có mục đích lẫn phương hướng được và không trả lời gì hết cho câu hỏi của tôi. Còn trong lĩnh vực

mà tri thức tú biện có tính chính xác, tức là trong triết học chân chính (chủ không phải là trong triết học mà Schopenhauer (3) gọi là triết học giáo sư chỉ nhằm phân phối tất cả các hiện tượng hiện có theo các mục triết học mới và đặt tên mới cho chúng), lĩnh vực mà nhà triết học nhằm trả lời câu hỏi chính, thì ở đây luôn luôn chỉ có một câu trả lời mà thôi - đó là câu trả lời mà Socrate (4), Schopenhauer, Salomon (5), đức Phật (6) đã đưa ra.

"Chứng nào chúng ta tránh xa cuộc đời thì chúng ta càng tiếp cận chân lý chứng ấy, - Socrate đã nói như vậy khi chuẩn bị cho cái chết của mình. - Là những người yêu chân lý, chúng ta hướng tới cái gì trong cuộc đời của chúng ta? - Chúng ta hướng tới việc giải thoát khỏi thân xác và giải thoát khỏi toàn bộ những điều ác do thân xác gây ra. Như vậy thì làm sao mà không vui mừng được khi Tử thần đến với chúng ta?"

"Bậc hiền triết anh minh suốt đời hướng tới cái chết, cho nên cái chết không đáng sợ đối với ông ta".

"Nếu hiểu thấu bản chất bên trong của thế giới với tư cách là ý chí, - Schopenhauer nói, - và trong tất cả các hiện tượng, từ xu hướng vô ý thức của các lực lượng mù quáng của thiên nhiên cho đến hoạt động của con người đầy ý thức, chỉ thừa nhận tính vật thể của ý chí ấy, thì chúng ta không thể nào tránh khỏi kết luận rằng: đồng thời với sự tinh nguyên phù nhận và tị diệt của ý chí, tất cả các hiện tượng, các khát vọng và ham thích thường xuyên không có mục đích và triền miên tại tất cả các bậc của tính vật thể (trong đó và qua đó thế giới được thể hiện) sẽ biến mất, sự đa dạng của các hình tướng kế tiếp nhau cũng sẽ biến mất, và cùng với hình tướng sẽ biến mất cả những biểu hiện của nó cùng với những hình tướng chung, cũng với không gian và thời gian, rồi rồi cuộc sẽ biến mất luôn cả hình tướng cố bản và cuối cùng của nó - tức là chủ thể và khách thể. Không có ý chí, không có khái niệm, thì cũng không có cả thế giới nữa. Dĩ nhiên, trước mắt chúng ta chỉ còn hư vô. Nhưng cái chống lại việc chuyển sang hư vô này, tức là bản chất của chúng ta chính là ý chí tồn tại do mà thôi (Wille zum Leben), nó tạo thành bản thân chúng ta cũng như thế giới của chúng ta. Việc chúng ta rất sợ hư vô, hay nói một cách khác, chúng ta khao khát muốn sống - chỉ có nghĩa là bản thân chúng ta không phải là cái gì khác ngoài ý muốn được sống này, và chúng ta không biết gì hết ngoài ý muốn được sống ấy. Cho nên cái còn lại sau khi ý chí của chúng ta bị tiêu diệt hoàn toàn (mà chúng ta vẫn còn đầy ý chí), cái còn lại ấy dĩ nhiên là hư vô. Và trái lại, đối với những người đã từ bỏ ý chí, đối với họ cái thế giới hết sức thực tế này với tất cả những mặt trời và những dải ngân hà của nó - vẫn là *hư vô*".

"Hư không của hư không, - Salomon nói, - tất cả đều là hư không (7) - vạn sự đều là hư ảo! Con người có được lợi lạc gì do những công sức mà nó phải chịu vất vả trên thế gian này? Thế hệ này qua đi, rồi thế hệ mới đến, còn đất đai thì cứ tồn tại mãi mãi. Những thú đã có sẽ có mãi. Người ta đã làm gì thì sẽ làm mãi. Và

trên thế gian này không có gì mới cả. Có khi người ta nói về một điều nào đó: "Hãy xem kia, đây là cái mới". Nhưng cái mới đó đã từng có trước chúng ta hàng thế kỷ. Người ta không nhớ về quá khứ. Và những thế hệ tiếp sau sẽ không nhớ tới đến những điều xảy ra trong tương lai. Ta là Ecclesiaste (8), ta đã là vua trị vì Israel ở Jerusalem. Và ta đem hết tâm lực nghiên cứu tất cả những điều có trên thế gian này và thử nghiệm những điều đó bằng trí anh minh: cái công việc nặng nhọc này Trời ban cho các con, những con người, để họ tập luyện trong đó. Ta đã từng thấy mọi việc trên trái đất này, tất cả đều là hư không và sự giãy vò tâm thần... Trong thâm tâm ta tự nhủ thế này: đây, ta đã vươn cao lên tới đỉnh, có được trí anh minh hơn tất cả các vị vua khác trước ta từ xưa đến nay đã trị vì ở Jerusalem, và tâm ta đã từng thấy nhiều trí anh minh và tri thức. Và ta đã hướng tâm ta để hiểu thấu sự anh minh và hiểu thấu những điều điên rồ và ngu ngốc. Rồi ta đã biết điều đó cũng là sự giãy vò tâm thần. Vì nhiều trí anh minh thì nhiều đau buồn; và người nào càng thêm trí thức thì càng thêm đau buồn.

"Trong thâm tâm ta tự nhủ: hãy để ta thử thách mình bằng niềm vui và thường thức điều thiện. Nhưng cả những thú đó cũng đều là hư không. Về hội cười vui ta đã từng bảo là điều ngu xuẩn, còn về đám vui chơi thì ta nói là nó có lợi ích gì? Trong thâm tâm ta định uống rượu để thân xác ta được hưởng lạc thú và dù tâm ta tuân theo trí anh minh, ta vẫn cứ theo cả sự ngu xuẩn, chứng nào ta hiểu thấu được cái gì tốt lành đối với con người, hiểu thấu được họ phải làm gì trên thế gian này trong những ngày ngắn ngủi của cuộc đời họ. Ta đã từng làm những việc lớn lao: xây dựng những ngôi nhà, trồng trọt những vườn nho. Ta đã từng gây dựng những vườn cây và những cánh rừng, trong đó trồng nhiều cây sai quả; từng đào những hồ chứa nước để tưới vườn cây; đã mua nhiều đầy tớ nam nữ, ta cũng đã có nhiều gia nhân; còn đại gia súc và tiểu gia súc thì ta có nhiều hơn bất cứ vua nào trước ta ở Jerusalem; ta đã thu bạc vàng, châu báu của các vùng và các vua khác; ta đã nuôi biết bao ca sĩ nam nữ và được thưởng thức nhạc của biết bao nhạc khí. Như vậy, ta trở thành vị vua phú cường và vĩ đại nhất so với tất cả các vị vua trước ta đã trị vì ở Jerusalem. Và trí anh minh của ta vẫn còn trong ta. Hễ đôi mắt ta mục kích được cái gì hay thì ta chiều dõi mắt ta luôn, cuộc vui nào ta cũng dâng hiến cho trái tim ta. Rồi ta nhìn lại tất cả sự nghiệp ta do tay ta làm nên, nhìn lại công sức của ta đã bỏ ra cho sự nghiệp của ta, rồi cuộc tất cả đều là hư không và sự giãy vò tâm thần, và tất cả đều không có ích lợi gì hết trên thế gian này. Rồi ta nhìn quanh ta để thấy trí anh minh, sự điên rồ và sự ngu xuẩn. Nhưng rồi ta được biết là tất cả chúng đều có cùng chung một số phận. Và ta đã tự nhủ trong thâm tâm: cả ta nữa cũng sẽ bị một số phận ấy, giống hệt người ngu si - thế thì ta trở nên rất anh minh để làm gì nhỉ? Và trong thâm tâm ta tự nhủ là cái đó cũng là hư không. Là vì người ta sẽ không nhớ mãi cả người anh minh, cũng như người ngu si. Trong tương lai tất cả đều sẽ bị lãng quên. Và, than ôi, người anh minh cũng chết

như người ngu si! Thế rồi ta đâm ra ghét cuộc đời, vì ta thấy ghê tởm tất cả mọi việc trên thế gian này vì *tất cả đều là hư vô và sự giãy vò tâm thần* mà thôi. Thế rồi ta đâm ra ghét toàn bộ công sức của ta mà ta đã hiến dâng cho thế gian, vì rằng ta sẽ phải để lại nó cho người kế thừa ta. Vì con người trên thế gian này sẽ được cái gì do toàn bộ công sức và những ưu tú của tâm người đó, khi phải vất vả trên trần gian này? Vì toàn bộ cuộc đời của con người là nỗi buồn, toàn bộ công sức của con người là nỗi bất an; thậm chí ban đêm tâm của con người cũng không được yên. Và tất cả những cái đó đều là hư không cả. Con người không được hưởng thụ điều phúc lạc được ăn, được uống và tâm hồn không được hưởng thụ nhờ công lao của mình...

"Tất cả mọi điều và tất cả mọi người - chân nhân cũng như phạm nhân, người hiền cũng như kẻ ác, người thanh tịnh cũng như kẻ ô trọc, người đã cúng dường cũng như người không cúng dường, người đức hạnh cũng như tội nhân, người đã tuyên thệ cũng như người sợ tuyên thệ - đều có cùng chung số phận như nhau. Chính điều này là điều vô trên thế gian này: ai cũng có cùng chung số phận như nhau, tâm của con người đầy đầy điều ác, điên cuồng tràn ngập trong tâm và trong cuộc đời của họ, rồi sau đó họ sẽ đi về cõi chết. Những ai còn ở cõi sống thì vẫn còn niềm hy vọng, giống như con chó còn sống thì hơn con sư tử đã chết. Những người còn sống biết là mình sẽ chết, còn những người chết thì không còn biết gì hết và không được hưởng tặng thưởng gì hết là vì, thậm chí người ta không còn nhớ tưởng gì họ nữa, tình yêu của họ, lòng căm ghét của họ, lòng ghen tức của họ đã biến mất rồi, và họ không còn được vinh dự gì hết trên thế gian này nữa".

Salomon đã nói như vậy, hay là một người nào đó đã viết những lời trên. Còn trí anh minh của dân Ấn Độ thì nói thế này: Thích Ca Mâu Ni (9), vị thái tử trẻ trung và sung sướng chưa hề biết gì cả về bệnh tật, tuổi già và chết chóc, có một bận đi chơi đã thấy một cụ già dễ sợ, rụng hết răng và miệng đầy dãi. Từ trước đến giờ chàng bị giấu không cho biết gì về tuổi già, nên thái tử rất đổi kinh ngạc và đã hỏi người đánh xe ngựa: "Cái gì thế? Vì sao người này đã bị tình trạng thảm hại, ghê tởm, rụng rợn như vậy?" Và sau khi biết rằng đó là số phận chung của mọi người và thái tử nhất định rồi cũng sẽ bị như vậy, thì chàng không còn muốn đi chơi nữa và bảo đánh xe quay trở lại để suy nghĩ về điều này. Rồi chàng vào căn buồng riêng, đóng cửa, ngồi một mình suy nghĩ rất lung về điều đó. Và chắc là đã tìm được sự an ủi nào đó cho mình, nên chàng lại vui vẻ và sung sướng ra khỏi cổng thành đi chơi. Nhưng lần này, thái tử gặp phải một người bệnh. Chàng thấy một người kiệt sức, xanh tím, run rẩy, mắt đục ngầu, nằm bất động. Cho đến nay thái tử bị giấu giếm về bệnh tật, nên chàng đã dừng lại và hỏi: "Cái gì thế này?" Sau khi biết đó là bệnh tật mà mọi người đều có thể bị, và bản thân thái tử, một người khỏe mạnh và sung sướng, nay mai rồi cũng có thể bị bệnh như thế, thì chàng không còn thiết vui chơi nữa, bèn ra lệnh quay trở về, và lại cố tìm nguồn an ủi. Và chắc là chàng đã

tim được, nên lần thứ ba chàng lại đi chơi. Lần này, thái tử lại thấy một cảnh khác nữa: người ta đang khiêng một cái gì đấy. - "Cái gì thế này?" - "Xác chết". - "Xác chết nghĩa là cái gì?" - thái tử hỏi. Người ta trả lời rằng: chết nghĩa là trở thành như cái xác này. Chàng đến bên xác chết, vén tấm vải liệm và nhìn xác chết. "Thế rồi xác chết sẽ ra sao?" - chàng hỏi. Người ta trả lời rằng sẽ chôn xác chết dưới đất. "Đẽ làm gì?" - "Là vì người chết chắc chắn không bao giờ sống lại, nó chỉ bốc mùi thối và giun". - "Và đó là số phận của mọi người hay sao? Và ta cũng sẽ bị như vậy à? Ta cũng sẽ bị chôn, sẽ bốc ra mùi thối, và lũ giun sẽ gặm ta à?" - "Vâng ạ". - "Quay trở về ngay! Ta không đi chơi nữa và sẽ không bao giờ đi chơi nữa".

Thế thì Thích Ca Mâu Ni không tìm được nguồn an ủi trong cuộc đời và cho rằng cuộc đời là một mối tai họa lớn lao, và ngài đem hết sức lực tâm thần để giải thoát mình và giải thoát người khác khỏi cuộc đời. Và phải giải thoát sao để sau khi chết, cuộc đời không còn cách nào xuất hiện trở lại, để triệt tiêu đời sống hoàn toàn tận gốc. Toàn bộ trí anh minh của Ấn Độ nói như vậy.

Đó chính là những câu trả lời trực tiếp mà toàn bộ trí anh minh của nhân loại đã cho ta, khi nó trả lời câu hỏi về cuộc đời.

"Cuộc sống của thân xác là một mối tai họa và điều giả tưởng. Vì vậy triệt tiêu cuộc sống của thân xác là điều phúc lạc và chúng ta phải hướng tới điều phúc lạc đó", - Socrate đã nói.

"Cuộc đời là cái mà lẽ ra không nên có, vì nó là tai họa, và việc chuyển thành hư vô là điều phúc lạc duy nhất của cuộc đời", - Schopenhauer nói.

"Tất cả mọi thứ trên thế giới này, cả sự ngu xuẩn lẫn trí anh minh, cả cảnh giàu sang lẫn sự bần cùng, cả niềm vui sướng lẫn nỗi buồn rầu đều là hư không và hư ảo cả. Con người sẽ chết, và sẽ không còn lại cái gì hết. Và đó cũng là điều ngu xuẩn" - Salomon nói.

"Không thể nào sống được, khi biết là sẽ không tránh khỏi đau khổ, yếu đi, già và chết - cần phải giải thoát mình khỏi cuộc đời, khỏi mọi khả năng sống", - đức Phật đã nói.

Và điều mà những trí tuệ mạnh mẽ ấy đã nói thì hàng triệu triệu người giống như họ cũng đều đã nói, đã nghĩ và cảm thấy. Cả tôi nữa cũng nghĩ và cảm thấy thế.

Thế thì bước lạc lõng của tôi trong trí thức không những không giúp tôi ra khỏi nỗi thất vọng của tôi, mà còn tăng thêm thất vọng nữa. Một loại trí thức này không giải đáp được những câu hỏi của cuộc đời, còn loại trí thức khác thì đã giải đáp và xác nhận rõ ràng nỗi thất vọng của tôi và chỉ rõ là kết luận của tôi không phải là do hiểu lầm hay là do tình trạng bệnh hoạn của trí tuệ, mà trái lại, loại trí thức thứ hai xác nhận cho tôi rằng tôi đã nghĩ đúng và phù hợp với kết luận của những trí tuệ mạnh mẽ nhất của nhân loại.

Không nên tự đánh lừa mình làm gì. Mọi sự đều là hư không cả. Có hạnh phúc là những ai không sinh ra trên đời này, cái chết tốt hơn đời sống; phải giải thoát khỏi cuộc đời.

\*

Không tìm được lời giải thích trong trí thức, tôi bắt đầu tìm nó trong đời sống, hy vọng tìm được nó trong những người chung quanh tôi. Và tôi bắt đầu quan sát những người giống như tôi: họ sống như thế nào quanh tôi và họ có thái độ như thế nào đối với câu hỏi ấy đã từng làm tôi thất vọng.

Và đây là những điều tôi đã thấy được ở những người cùng hoàn cảnh như tôi về trình độ học vấn và lối sống.

Tôi thấy rằng đối với những người cùng một tầng lớp như tôi, thì có bốn lối thoát khỏi hoàn cảnh khủng khiếp mà tất cả chúng tôi bị làm vào:

Lối thoát thứ nhất là lối thoát của sự không biết. Tức là không biết, không hiểu rằng cuộc đời là tai họa và vô nghĩa. Những người thuộc loại này phần lớn là phụ nữ, hay là những người còn rất trẻ, hay là quá ngu độn - họ chưa hiểu câu hỏi về cuộc đời mà Schopenhauer, Salomon, đức Phật đã đặt ra rồi. Họ chẳng thấy cả con rồng đang rình họ lẫn hai con chuột đang gặm bụi cây mà họ vin vào, và cứ liếm những giọt mật (10). Nhưng họ liếm những giọt mật này chỉ một thời gian thôi: sẽ có cái gì đấy bắt họ phải chú ý đến con rồng và mấy con chuột, và thế thì hết liếm mật. Ở những người loại này, tôi không thể nào học được cái gì hết, vì không thể ngừng biết những điều mà mình đã biết rồi.

Lối thoát thứ hai là lối thoát hưởng lạc. Tức là dù biết cuộc đời là vô vọng vẫn cứ tạm thời hưởng những phúc lạc có sẵn, không nhìn cả con rồng lẫn mấy con chuột mà cứ liếm mật một cách rất có hiệu quả, nhất là khi gặp được bụi cây có nhiều mật. Salomon nói về lối thoát này như sau:

"Và ta đã ngợi khen cuộc vui chơi, vì đối với con người trên thế gian này không có gì tốt hơn là ăn uống và vui chơi: những thứ đó đi theo con người trong lao động của họ, trong những ngày họ sống mà trời đã ban cho họ trên thế gian này.

"Vậy thì cứ ăn đi và cứ ăn cái bánh mì của mình một cách vui vẻ và cứ uống rượu với niềm hân hoan trong tim mình... Cứ hưởng lạc thú trên đời cùng với người phụ nữ mà mình yêu mến trong tất cả những ngày bận rộn của cuộc đời của mình, trong tất cả những ngày bận rộn ấy, vì đó là số phận của mình trong cuộc đời và trong lao động của mình trên thế gian này... Tất cả những gì mà mình đủ sức làm - thì cứ làm đi, vì trong nắm mờ nơi mà mình sẽ tới thì không có công việc, không có suy tư, không có trí thức, không có cả trí anh minh".

Đa số những người trong tầng lớp chúng tôi theo kết luận thứ hai. Hoàn cảnh sinh sống của họ tạo cho họ nhiều phúc lạc hơn tai họa, còn sự kém cỏi về mặt đạo đức làm cho họ có thể quên rằng hoàn cảnh thuận lợi của họ là ngẫu nhiên, rằng tất cả mọi người không thể nào có 1000 người phụ nữ và cung điện như vua Salomon, rằng cứ một người có 1000 vợ thì có 1000 người không vợ, và cứ mỗi một cung điện thì có 1000 người đổ mồ hôi sôi nước mắt để dựng xây nên cung điện ấy. Họ quên rằng sự ngẫu nhiên hôm nay biến tôi thành vua Salomon thì nay mai có thể biến tôi thành nô lệ

của Salomon. Còn sự kém cỏi về trí tưởng tượng của loại người này cho phép họ quên điều hằng làm bận tâm trí đức Phật - bệnh tật, tuổi già và cái chết không thể nào tránh khỏi được nay mai sẽ phá hoại tất cả những khoái lạc đó. Điều mà một số trong loại người này nói rằng sự kém cỏi về trí tưởng tượng và trí tưởng tượng của họ chính là một lối triết lý mà họ gọi là triết học thực chứng, thì theo tôi điều đó không làm họ khác với những người hoàn toàn không thấy vấn đề mà cứ cầm cúi liếm mật. Và tôi cũng không thể bắt buộc loại người này được; vì vốn không có sự kém cỏi về trí tưởng tượng như họ, thì tôi không thể gieo cấy nó một cách nhân tạo trong đầu óc mình được. Cũng như mọi người sống khác, tôi không thể nào rời mắt khỏi mấy con chuột và con rồng một khi đã thấy chúng rồi.

Lối thoát thứ ba là lối thoát của những người mạnh mẽ và có nghị lực. Tức là sau khi đã hiểu rằng cuộc đời là tai họa và vô nghĩa, thì tiêu diệt nó. Những người mạnh mẽ và nhất quán đã làm như vậy. Một khi hiểu được rằng họ bị đánh lừa độc ác, một khi hiểu được rằng người chết được hưởng phúc lạc nhiều hơn người sống và tốt nhất là không tồn tại, thì họ hành động như vậy ngay, chấm dứt cái trò chơi ngu xuẩn này bằng đủ cách: cái thòng lọng, nước, con dao để đâm vào tim, tai nạn trên đường sắt. Và trong đám người cùng hoàn cảnh chúng tôi, số người hành động như vậy ngày càng nhiều. Và hành động như vậy phần lớn trong thời buổi tốt đẹp nhất của đời mình, khi tâm hồn đang còn ở tuổi thanh xuân, còn những thói quen làm nhục nhã trí tuệ của con người thì chưa có nhiều. Tôi thấy rằng đây là lối thoát xứng đáng nhất và cũng đã từng muốn hành động như thế.

Lối thoát thứ tư là lối thoát nhu nhược. Tức là đã hiểu cuộc đời là tai họa và vô nghĩa, mà vẫn cứ tiếp tục sống, dù biết trước rằng cuộc đời sẽ không đem lại cái gì cả. Loại người này biết rằng cái chết tốt hơn đời sống, nhưng không đủ sức mạnh để hành động hợp lý trí, tức là chấm dứt ngay lối đánh lừa này và tự tử - hình như họ vẫn cứ chờ đợi cái gì đó. Đó là lối thoát nhu nhược, bởi vì nếu tôi biết điều tốt hơn và điều đó nằm trong tầm tay tôi thì tại sao tôi không hưởng tôi điều tốt hơn ấy?.. Tôi đã nằm trong loại thứ tư này.

Như vậy, những người thuộc hoàn cảnh như tôi cố gắng thoát khỏi mâu thuẫn khủng khiếp bằng bốn con đường như vậy. Dù tôi hết sức động não mình nhưng vẫn không thấy lối thoát nào khác ngoài bốn lối thoát này. Một lối thoát là không hiểu rằng cuộc đời là vô nghĩa, hư không và tai họa và tốt hơn hết là không sống. Tôi không thể nào không biết điều này, và một khi đã biết rồi thì không thể nhắm mắt làm ngơ được nữa. Lối thoát thứ hai là tận hưởng cuộc đời đúng như nó đang có mà không nghĩ đến tương lai. Và điều này tôi không thể làm được. Giống như Thích Ca Mâu Ni, tôi không thể đi chơi (11) được, khi đã biết là có sự già nua, sự đau khổ và chết chóc. Trí tưởng tượng của tôi quá nhạy cảm. Hơn nữa, tôi không thể vui mừng với một cơ hội thoảng qua

đã ban cho tôi lạc thú trong giây lát. Lối thoát thú ba là sau khi đã hiểu rằng cuộc đời là đau khổ và ngu xuẩn thì chấm dứt nó, tự giết mình. Tôi đã hiểu như vậy, nhưng chẳng hiểu vì sao tôi vẫn chưa từ bỏ. Lối thoát thú tư là sống theo cách của Salomon, Schopenhauer, tức là biết rằng cuộc đời là một trò đùa ác độc đối với mình, nhưng vẫn cứ sống, vẫn rửa mặt, mặc áo, ăn cơm, nói chuyện và thậm chí vẫn viết lách. Kiểu này tôi cảm thấy kinh tởm, đau đớn, nhưng rồi tôi vẫn cứ ở trong tình trạng này.

Bây giờ tôi thấy rằng sở dĩ tôi đã không từ bỏ là vì tôi hiểu một cách mơ hồ rằng những ý nghĩ của tôi không đúng. Mặc dù cách suy nghĩ của tôi và cách suy nghĩ của những hiền triết anh minh đã chứng minh tính chất vô nghĩa của cuộc đời, có vẻ hiển nhiên và có sức thuyết phục như thế nào đi nữa, nhưng trong tôi vẫn còn đọng lại một mối nghi ngờ mơ hồ về sự đúng đắn của điểm xuất phát trong lập luận của tôi.

Lập luận của tôi như sau: Tôi, trí tuệ của tôi đã thừa nhận rằng cuộc đời là không hợp lý. Nếu không có lý trí tối thượng (dĩ nhiên, không có nó và không có gì chứng minh được rằng nó tồn tại) thì lý trí là đấng sáng tạo cuộc đời của tôi. Nếu không có lý trí thì đối với tôi sẽ không có cả cuộc đời nữa. Thế thì làm sao lý trí này phủ nhận cuộc đời, trong khi đó bản thân nó là đấng sáng tạo cuộc đời? Hay là mặt khác: nếu như không có cuộc đời thì cả lý trí của tôi cũng không có - như vậy thì lý trí là con đẻ của cuộc đời. Cuộc đời là tất cả. Lý trí là kết quả của cuộc đời, thế mà cái lý trí ấy lại phủ nhận chính cuộc đời. Tôi cảm thấy rằng trong lập luận này có cái gì không ổn.

Cuộc đời là một tai họa vô nghĩa, điều đó hiển nhiên rồi, - tôi tự nhủ mình. - Nhưng tôi đã sống, còn đang sống, toàn nhân loại cũng đã sống và đang sống. Sao lại thế nhỉ? Vì sao nhân loại còn sống trong khi có thể không sống nữa? Thế thì chỉ có tôi và Schopenhauer mới thông minh đến mức đã hiểu được sự vô nghĩa và tai họa của cuộc đời hay chăng?

Lập luận về sự hư không của cuộc đời không phức tạp mấy, hơn nữa cả những người bình thường nhất cũng đã từng đi tới kết luận này, thế mà họ đã sống và còn đang sống. Sao họ vẫn cứ sống và không hề nghi ngờ gì về tính chất hợp lý của cuộc đời?

Trí thức của tôi do trí anh minh của các bậc hiền triết đã xác nhận, cho tôi biết rằng tất cả mọi thứ trên thế gian này - cả hữu cơ lẫn vô cơ - đều có kết cấu hết sức hợp lý, chỉ riêng tình trạng một mình tôi là vô lý thôi. Còn bọn ngu ngốc này - tức là đám đông những người bình thường - hoàn toàn không biết gì về kết cấu của vật chất hữu cơ và vật chất vô cơ trên thế gian này, thế mà họ vẫn cứ sống và họ cảm thấy dường như cuộc đời của họ được an bài rất hợp lý!

Và tôi này ra ý nghĩ: hay là tôi vẫn chưa biết cái gì đấy chăng? Vì sự không hiểu biết cũng hoạt động chính là theo kiểu như vậy. Sự không hiểu biết bao giờ cũng nói như vậy, một khi nó không biết cái gì đấy thì nó cứ bảo rằng điều mà nó không biết là sự ngu xuẩn. Thực ra, tình hình như thế này: có toàn thể nhân loại đã

sống và đang sống, dường như hiểu được ý nghĩa cuộc đời của mình. Vì nếu không hiểu ý nghĩa này thì nhân loại không thể nào sống được. Còn tôi nói rằng cả cuộc đời này đều vô nghĩa thì tôi không thể nào sống được.

Không ai gây trở ngại cho tôi và Schopenhauer khi chúng tôi phủ nhận cuộc đời. Nhưng nếu vậy thì hãy tự tử đi - thì sẽ không còn lập luận gì nữa. Không thích cuộc đời thì cứ tự giết mình đi. Nếu sống mà không hiểu được ý nghĩa cuộc đời thì cứ chấm dứt nó đi, chớ đừng có loay hoay trong cuộc đời này, chớ đừng có kể lể và mô tả rằng mình không hiểu được cuộc đời. Nếu đã đến với một đám đông vui vẻ, mọi người đều rất thoải mái, ai cũng biết họ đang làm gì, còn riêng mình cảm thấy buồn tẻ và chán ngấy thì cứ về đi.

Đúng vậy, chúng tôi là những người tin chắc rằng phải tự tử mà không dám tự tử thì chúng tôi là cái gì, nếu không phải là kẻ nhu nhược nhất, không nhất quán nhất, và nói thẳng ra là những người ngu ngốc, cứ ập ù sự ngu ngốc của mình như mẹ gà ấp trứng?

Vì trí anh minh của chúng tôi, dù chắc chắn là nó đúng, nhưng đã không cho chúng tôi hiểu biết về ý nghĩa cuộc đời của chúng tôi. Thế mà toàn thể nhân loại đang tạo ra cuộc sống, hàng triệu người, không chút nghi ngờ về ý nghĩa cuộc đời cả.

Thức ra, từ xưa từ xưa, khi có cuộc đời, cuộc đời mà tôi biết được chút ít, thì con người đã sống rồi, những người ấy đã từng biết lập luận về sự hư không của cuộc đời, lập luận này đã chứng minh cho tôi tính chất vô nghĩa của cuộc đời, thế mà họ vẫn cứ sống và tìm được ý nghĩa nào đó cho cuộc đời của họ. Kể từ khi cuộc đời nào đó của con người đã bắt đầu, thì họ đã nắm được cái ý nghĩa đó của cuộc đời và họ cứ nối tiếp cuộc đời này mãi cho đến thế hệ của tôi. Tất cả những cái gì có trong tôi và quanh tôi đều là kết quả của trí thức về cuộc đời mà họ đã nắm được. Những khí cụ tư duy mà tôi dùng để bàn luận và phê phán cuộc đời này, những khí cụ ấy chính do họ đã làm ra chứ không phải tôi. Bản thân tôi đã sinh ra, được nuôi dưỡng và trưởng thành nhờ họ. Họ đã đào quặng sắt, biết dẫn cây, thuần dưỡng bò ngựa, học được cách gieo lúa mì, biết chung sống với nhau và đã sắp xếp đời sống của chúng ta. Họ đã dạy cho tôi suy nghĩ và nói năng. Thế mà tôi, tác phẩm của họ, do họ nuôi dưỡng, do họ dạy dỗ, biết suy nghĩ bằng ý tứ và lời lẽ của họ, tôi lại chứng minh cho họ rằng họ là vô nghĩa! "Ồ đây có cái gì không ổn, - tôi đã tự nhủ mình như vậy. - Chắc là tôi đã sai lầm ở chỗ nào đó". Nhưng tôi sai lầm ở chỗ nào, tôi vẫn không tìm ra được.

...

#### CHÚ THÍCH:

1. **Tứ biện** - một kiểu tư duy triết học có đặc tính trừu tượng hóa từ kinh nghiệm cảm tính. Có hai loại tứ biện: tứ biện duy lý và tứ biện trực giác.

2. **Thế giới**, hiểu theo nghĩa rộng là vũ trụ

3. **Schopenhauer** (1788-1860), triết gia Đức, đại diện cho chủ nghĩa duy ý chí. Trong

tác phẩm *Thế giới với tư cách là ý chí và biểu tượng*, ông cho rằng bản thể của thế giới là ý chí không lý trí, sự ham sống mù quáng không mục đích. Việc 'giải thoát' khỏi thế giới thông qua lòng thường xót, sự quán niệm vô tư về mỹ học, chủ nghĩa khổ hạnh - thì có thể đạt được trong trạng thái gần như niết bàn của đạo Phật. Nhiều người cho là ông chịu ảnh hưởng của đạo Phật.

4. **Socrate** (khoảng 470-399 trước TL), triết gia Hy Lạp cổ đại. Ông được coi là người lập ra biện chứng pháp, với tính cách là phương pháp tìm chân lý bằng cách đặt ra những câu hỏi gợi ý. Ông bị kết tội 'sùng bái các vị thần linh mới', 'làm hư hỏng thanh niên' và bị kết án tử hình (bằng thuốc độc). Theo ông, mục đích của triết học là sự tự nhận thức mình, với tính cách là con đường dẫn đến phúc lạc chân chính, còn đức hạnh là trí thức, hay trí anh minh.

5. **Salomon**, con và người kế nghiệp vua David, làm vua ở vương quốc Israel trong những năm 965-928 trước TL. Ở phương Đông, người ta coi ông là nhà hiền triết anh minh nhất trong các thời đại. Tương truyền ông là tác giả một số sách trong Thánh Kinh, như *Ecclésiaste*...

6. **Đức Phật** (623-544 trước TL), tên là Siddhartha Gautama (Tất-đạt-đa Cồ-đàm), thái tử con vua Cuddhodana (Tịnh Phạn), người sáng lập ra đạo Phật, một trong những tôn giáo lớn nhất và xưa nhất của loài người, nhằm giải thoát con người khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi, cổ vũ cho lòng từ bi, tình thương yêu chúng sinh.

7. **Vanitas vanitatum, et omnia vanitas**. Câu này trong sách *Ecclésiaste*, cũng giống câu thường nói trong nhà Phật: *Sắc sắc không không*.

8. **Ecclésiaste** - tương truyền là tác phẩm của vua Salomon, được coi như Kinh.

9. Nói chính xác hơn là **Siddhartha** (Tất-đạt-đa), lúc bấy giờ là thái tử, sau này xuất gia, tu tập nhiều năm mới thành Phật với danh hiệu là Thích Ca Mâu Ni (Cakya-Muni).

10. Lev Tolstoi kể câu **chuyện ngụ ngôn** Đông phương trong phần trên của tác phẩm này. Chuyện như sau: Một người đi đường gặp phải một con ác thú hung dữ đuổi theo. Anh ta nhanh chân chạy, thấy cái giếng cạn nước bên này xuống đó. Nhưng dưới đáy giếng có con rồng há mồm chực nuốt sống anh (ngụ ý cái chết). Người khốn khổ kia không dám bò ra ngoài giếng vì sợ con ác thú, càng không dám nhảy xuống đáy giếng vì sợ con rồng xé xác, anh bèn vỗ những nhánh của bụi cây (ngụ ý đời sống) mọc từ khe nứt trên thành giếng và cố sức bám lấy cây. Đôi tay anh yếu dần, anh cảm thấy chẳng bao lâu nữa sẽ rơi vào mồm con rồng. Khi còn sức bám được nhánh cây, anh thấy có hai con chuột, một con đen, một con trắng (ngụ ý đêm và ngày, thời gian) cứ gặm dần thân cây. Anh thấy chẳng mấy chốc nữa bụi cây bị đứt và anh sẽ không thể nào thoát chết. Anh đưa mắt nhìn quanh mình thì thấy có vài giọt mật ong rơi trên lá cây (ngụ ý lạc thú), anh thè lưỡi liếm mật.

11. Trong nguyên bản là *đĩ sản*, chúng tôi dịch là *đĩ chơi*, vì thái tử Siddhartha (Tất-đạt-đa) suốt đời không hề đi sản, điều đó trái với tâm từ bi của thái tử.

(CÒN TIẾP VG 103)





# vườn thơ Viên Giác

Xuân Mậu Dần

Mùa Mặt Dáng Xuân

● Phù Vân phụ trách

**T**ôi về Huế thăm ông bà cụ sau Tết Mậu Thân năm 1968, ngay khi lều thông được nối liền. Hầu như tôi không còn nhận diện được thành phố thân yêu- nơi tôi đã sống cho tới tuổi trưởng thành. Cầu Trường Tiền sập một vại, tôi phải chờ đợi lâu lắm mới qua được cầu phao do Công Binh bắc tạm qua sông Hương. Huế chìm mình trong mù tử khí, hơn mấy ngàn thường dân vô tội, và nhân viên, binh sĩ bị những người nhân danh "giải phóng" chôn sống nhiều nơi trong thành phố Huế và vùng phụ cận trước khi thua cuộc rút đi. Ông Vĩnh Tạc, nhân viên của tôi xin về quê ăn Tết cũng bị hạ sát ở mồ chôn tập thể. Anh bạn Lê Quý Đôn, nguyên là Hiến Binh được chuyển qua Quân Cảnh Tư Pháp, về Huế thăm gia đình cũng bị thủ tiêu.

Huế đổ nát điêu tàn. Bom đạn của cuộc "Tổng Tấn Công Nổi Dậy" 25 ngày đêm của cộng sản Bắc Việt trong thành phố, trong Đại Nội đã cày nát nhà cửa, đình chùa miếu vũ, cung điện hoàng thành. Huế trắng màu khăn sô. Huế nhuộm máu oan khiên, nước mắt thù hận. Huế im vắng, ngậm ngùi của thành phố chết...

Mấy đứa em tôi kể lại, sau thời gian di tản vì tình hình chiến sự, khi trở lại nhà, chẳng ai còn nhận diện được căn nhà cũ. Mẹ tôi lão đảo òm cột trụ của ngôi chùa bên cạnh và sụt sùi khóc. Suốt quãng đời thơ ấu, anh em chúng tôi chưa lần nào thấy mẹ tôi khóc. Mẹ tôi cũng như bao nhiêu người đàn bà khác đang, quá cảm và cam chịu nỗi khổ một mình để mong thấy niềm vui rạng rỡ trên ánh mắt của đàn con. Mẹ tôi khóc, vì sự nghiệp của

một đời người đã được "những người anh em bên kia" giải phóng hết!

Mấy ông anh tôi, cảnh sát, đã về trình diện nhiệm sở cũ ở Quảng Nam. Chỉ còn mấy đứa em tôi, giáo viên, đã chống tạm một mái lều nhỏ lợp tôn thấp lè tè để làm chỗ cho gia đình nương thân. Không thể để ông bà cụ sống trong tình trạng như vậy được, nên tôi đã thảo luận với mấy đứa em và thưa lại với ông bà cụ là sẽ xây lại càng sớm càng tốt căn nhà cho ba mẹ chúng tôi.

Tết Mậu Thân, toàn bộ đám cán bộ hạ tầng cơ sở của cộng sản -bọn Việt Cộng nằm vùng-, đã bị lộ diện. Lê Văn Chương, thợ mộc, ở sau lưng nhà ba mẹ tôi, đã thành một cán bộ cao cấp đeo súng K54, ngày đầu tiên, đã phủ dụ các anh và các em tôi và yêu cầu nên đến "Ủy Ban Khởi Nghĩa" tại địa phương để trình diện khi có lệnh gọi! Ông này cũng giống như Lê Hữu Bôi, bạn tôi, tốt nghiệp Quốc Gia Hành Chánh, Cựu Chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn khoảng năm 1963-1964, đều bị tan xác khi tháo chạy vì bom truy kích của không quân.

Sợ quá, các anh và các em tôi đã dắt díu ông bà cụ và các cháu lợi qua sông Kè Vạn (chủ không thể đi qua cầu sắt, vì có chốt đóng quân của Việt Cộng ở đó) để trốn lên nhà thờ Phú Xuân. Nơi đây đã có hàng ngàn người đến lánh cư vì nghĩ rằng nhà thờ là chốn tôn nghiêm, cộng sản có thể nương tay. Nhưng vẫn không thể thoát được sự kiểm soát của chúng. Hằng ngày cán bộ Việt Cộng vẫn vào kêu gọi bà con ra trình diện, điểm danh trước sân nhà thờ. Chúng chia ra bốn toán: thông báo, kêu gọi, kiểm soát và bắt giữ những ai còn trốn trong nhà thờ. Thành phần được chia ra: các cụ, các mẹ thuộc nhóm 1; thanh niên, sinh viên, học sinh thuộc nhóm 2 và cán

bộ, cảnh sát, binh lính, sĩ quan thuộc nhóm thứ 3. Bạn tôi, Phạm Văn Cần (Bác sĩ Thú Y, hiện ở Úc), nếu tôi nhớ không lầm thì hồi đó còn là Thiếu Úy phục vụ ở một đơn vị Quân Khuyển ở Huế đã cùng với gia đình và gia đình của vị hôn thê cũng vào lánh nạn ở đó. Trong hoàn cảnh thập tử nhất sinh, chưa biết sống chết thế nào, hai gia đình đã tuyên bố cho hai người sống chung với nhau, coi như đã tổ chức đám cưới rồi! Trong một lần kiểm soát anh Cần trốn, không chịu ra sân nhà thờ trình diện, nên bị cán bộ cộng sản bắt trói cặp cánh cùng với một người khác và ra lệnh dẫn đi thủ tiêu! Tôi không ngờ có may nào mà anh bạn tôi lại thoát nạn? Trong số cán bộ mang K54 đang đẳng sát khí xuất hiện ở nhà thờ Phú Xuân có Hoàng Phủ Ngọc Phan (bạn cùng thời Quốc Học với tôi) và Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Cuối cùng, vì thấy lánh nạn ở nhà thờ cũng chẳng được yên, nên vào một đêm gia đình ba mẹ tôi lại lén trốn lên Kim Long, đến An Ninh Hạ, băng qua An Vân, An Hòa, rồi cuối cùng về đến Bao Vinh, vùng của quân đội Việt Nam Cộng Hòa trú đóng...

Trong lần chạy nạn bất kể ngày đêm này, ba tôi vì lo sợ và vì sức yếu nên bị nám phổi và hai mắt hầu như bị mờ. Tôi đưa ông cụ vào bệnh viện Huế chữa bệnh phổi, cũng là dịp để ông được nằm điều dưỡng ở đó, tương đối đủ tiện nghi hơn ở nhà. Thời gian sau, tôi lại về Huế lần nữa để đưa ông đến bác sĩ nhãn khoa lộ mây gần như che kín màn mắt. Chúng tôi rất mừng vì ông đã lấy lại sức khỏe và hai mắt sáng lại như xưa...

Tết Mậu Dần nhỏ Tết Mậu Thân. Ba mươi năm đã trôi qua, tôi không muốn ghi lại những tiếng khóc bi thiết nào nùng của thân nhân ở các mồ chôn tập thể khi đi nhận diện người chết. Bởi trong cơn thống khổ tột cùng đó:

...  
*Lòng thù hận đặng đặng nghìn đời khó  
lòng tôi xóa*

*Khối oan hồn tức tuổi muôn kiếp không  
thể siêu sinh*

...  
*Tết nhuộm vô minh  
Xuân đầy tử khí  
Có ai trong ta một lần minh thị  
Có ai trong ta không oán không thù!*  
(Tùy Anh - Túc Tuổi Khôn Cùng)

Thân đã tàn, xác đã rữa, xương đã tan. Linh hồn người chết cũng đã siêu thoát. Mà mối hận thù đối với kẻ cường sát hèn cũng đã phai pha phần nào theo thời gian! Thế nhưng mỗi lần Tết đến là một lần:

Gọi tôi về lại niềm đau  
 Hai mươi năm cũ một màu tang thương  
 Oan hồn phiêu bạt màu sương  
 Dặm ngàn thê thiết nỗi buồn điêu linh  
 Chợt nghe từ cõi vô minh  
 Tiếng chuông hồi hững, lời kinh  
 nguyện cầu...  
 (Tùy Anh - Khơi Lại Niềm Đau, 1988)

Đó là bài thơ viết cho Huế 20 năm Mậu Thân, trích trong Trầm Ngại Thiết Tha của Tùy Anh.

Tôi xa quê gần 18 năm. Đoài đoan từng cơn. Một lần đi là vĩnh quyết. Thế nhưng tôi không bỏ quê hương, tôi không bỏ Huế, vì quê hương hiện hữu trong tôi qua hơi thở, qua nhịp đập của trái tim. Huế hiện hữu trong tôi qua giọng nói của mẹ, tiếng cười của cha. Bây giờ, dù tôi quốc tịch nào đi nữa, tôi vẫn là đứa con của của quê hương, đứa con của Huế, nên với tôi:

Dù mai sau vật đổi sao dời  
 Huế trong tôi muôn đời vẫn đẹp!

\*

Đầu tháng 6 vừa qua, Giáo Sư Vũ Kỳ từ Vương Quốc Bỉ chuyển cho tôi thi tập "Trở Giấc Chiêm Bao" của Vũ Hối, sau chuyến viễn du của Giáo Sư đến Hoa Kỳ để ra mắt tập "Luận Cường Về Văn Hóa Việt Nam". Từ đó tôi mới liên lạc thư từ với nhà thơ họa tài danh được cộng đồng Việt Nam và thế giới ngưỡng phục. Đứng ra cách đây vài năm, Vũ Hối đã đi một vòng Âu Châu để tố giác chế độ bạo quyền cộng sản Việt Nam và triển lãm thư họa. Giáo Sư Vũ Kỳ có mời tôi đến Bruxelles để hội ngộ với Vũ Hối, bảo đệ của Giáo Sư, nhưng rất tiếc hồi đó tôi lại bận công tác.

Thư Họa gắn bó keo sơn với cuộc đời của Vũ Hối, mặc dù sức khỏe của anh chưa được phục hồi và một mắt anh đã mất đi ánh sáng nghệ thuật bởi đòn thù của địch trong những năm dài tù tội cải tạo.

Với một phạm vi giới hạn, tôi không thể giới thiệu trọn vẹn Vũ Hối, một tài năng vượt chúng, người đã đoạt Giải Khôi Nguyên Hội Họa Quốc Tế năm 1963, Giải Danh Dự Calligraphy (I.C.C), người đã sáng lập Trường Phái "Paining in Motion" và Thư Họa, người có tên trong "The Pride of Vietnamese Edition II" (Về Vàng Dân Việt II), Viện A.B.I Hoa Kỳ liệt kê trong danh sách Những Danh Nhân Thế Giới về Sáng Tạo Thế Kỷ, được Viện International Biographical Centre Anh Quốc vinh danh là "International Man of The Year in Art 1994-1995", nghệ sĩ Á Châu duy nhất

được vinh danh trước Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới (I.F.O.A) ở Atlanta ngày 5.11.94...

Tôi cũng không thể giới thiệu toàn bộ thi tập "Trở Giấc Chiêm Bao" của Vũ Hối. Thơ cũng như người. Thơ trần trở nỗi đau xa nước, xa người. Thơ quằn quại về quá khứ nghiệt ngã, về thân phận lưu đày. Nhưng thơ lại mang chứa nhiệt tình đấu tranh không tưởng nhượng, không sợ hãi cho ước vọng của một ngày mai trở về quê hương:

Mắt mờ lặng cõi chiêm bao  
 Mắt kia trở giấc, đón chào bình minh.

Thơ của Vũ Hối, thơ của một người thiết tha yêu nước, thơ của một nghệ sĩ có tâm hồn đam mê nghệ thuật. Thơ phản ánh tâm trạng uổng bạn về ước vọng an bình tự tại của kiếp nhân sinh nhưng lại chấp chồn bất ổn theo giấc chiêm bao. Vọng ào chân như, hú thực, có không, chẳng có gì tròn vẹn, chẳng có gì viên mãn. Thơ lãng mạn mà lại mang màu đạo pháp:

Đời ta nửa tỉnh, nửa say  
 Nửa đen, nửa trắng, nửa ngày, nửa đêm  
 Nửa vui với nửa ưu phiền  
 Nửa sông cồn cát, nửa triền núi cao  
 Nửa thương, nửa nhớ nghẹn ngào  
 Nửa cười tha thiết, nửa ngao ngán tình  
 Nửa hồn dười mắt phù sinh  
 Chênh vênh nửa cuộc hành trình bể dâu  
 Chập chồn nửa giấc canh thâu  
 Cười say bên ngọn đèn dầu nửa khuya  
 (Nửa)

Với dòng thơ lục bát mượt mà, với tình cảm chân thành, với tấm lòng trung chính, nhà thơ Vũ Hối đã diễn đạt những thao thức của thân phận người lưu lạc:

...  
 Chiêm bao trở giấc tình mê  
 Đèn khuya hắt gió, tái tê lay sầu  
 Nghẹn ngào, vụn nẻo về đâu?  
 Cử xem nhẹ tựa qua cầu gió bay  
 (Chiêm bao trở giấc)

Mất mát, lữ làng, tan tác trong cuộc sống ly hương, nên nhà thơ lại hoài niệm về quá khứ, về ấn tượng một thời và gởi gắm tâm sự về cố hương:

...  
 Xót xa thân phận ly hương  
 Tạm dung đất khách chán chường người  
 ời  
 Sầu nghiêng cuối nét lệ rơi  
 Năm châu lê bước, chơi với nỗi buồn  
 Nhớ quê, cuối giọt mưa nguồn  
 Cơn mưa xử lý, mưa tuôn vào hồn...  
 (Cuối Giọt Mưa Nguồn)

Vũ Hối là một danh họa, nên đầu xuân anh "thảo bút" vẽ lại tấm lòng xót xa nhớ nước, thương người, thương quê, thương

bạn. Anh vẽ đấng cay, vẽ tuyết rơi ở phương này để nhớ đêm giao thừa quê mẹ và vẽ lại mùa xuân về nguồn một ngày nào:

Khai bút thảo nét vô ngôn  
 Hóa thân con chữ nhập hồn thi nhân  
 Nét thương non nước, băng khuâng  
 Xót thân ly khách, nhớ xuân quê mình  
 Việt Nam! Quê Mẹ đây tình  
 Tạm dung xử lý, lạng thình... đếm sầu

...  
 Tha hương Tết lấm ngậm ngùi  
 Thương quê, thương bạn, đau người  
 lòng này

Ngồi đây đếm vụn đắng cay  
 Giao thừa quê Mẹ, phương này tuyết rơi  
 Giăng giăng lệ trắng khắp trời  
 Lạc loài đất khách, chao ôi là buồn  
 Xuân nào ta lại về nguồn  
 Vui ngày tái ngộ, bốn phương rượu  
 mừng...

(Nét Thảo Đầu Xuân)

Anh lại vẽ Mẹ Việt Nam với con Hồng cháu Lạc với Tổ Hùng Vương. Anh vẽ Quê Hương với hồn Dân Tộc, với hoa Nhân Ái:

Vẽ trong tranh  
 khung trời lộng gió  
 Vẽ trời quê Mẹ,  
 lấm yêu thương,  
 Mẹ Việt Nam ơi!  
 quê ta đó!  
 Rồng Tiên con cháu,  
 Tổ Hùng Vương!

Khung trời lộng gió,  
 Hoa Nhân Ái!  
 Hương quê bát ngát,  
 khắp muôn phương  
 Sắc màu tô thắm,  
 hồn Dân Tộc!  
 Khung vàng đại tự  
 chữ "Quê Hương"

(Khung Trời Lộng Gió)

Xuân lạc lộng ở xứ người, dù chẳng có mai vàng, dù đất trời lạnh giá, nhưng Xuân trong tranh của Vũ Hối lại mang chớ men tình nồng ấm. Tình trong thơ của Vũ Hối là tình đất nước, gia đình, bạn hữu, đồng đội. Tình trong thơ của Vũ Hối là tình cho năng... nghệ thuật, nên dù:

Chẳng có mai vàng, Xuân đất lạnh  
 Men tình nồng ấm, thở trong tranh  
 Tha hương, tìm vụn ra từng mảnh  
 Động cuối ly sầu, chút long lanh!...

Tết ở quê nhà không mai nở  
 Hương tình em đó! Cánh hoa Xuân!  
 Nhớ đêm trừ tịch, bao trần trở

*Nàng Xuân phường ấy có băng  
khuông!...*

(Cánh Hoa Xuân)

Thơ của Vũ Hồi còn mang tính đấu tranh - đấu tranh cho dân chủ đa nguyên, đấu tranh với bạo quyền cho đến ngày tàn lụi. Mùa Xuân là mùa của hy vọng, nên anh vẫn thầm ước mơ:

...

*Ngày mai, vui Xuân chiến thắng  
Mai vàng nở rộ, đón Xuân sang  
Khải hoàn ca, âm vang góc phố  
Cả non sông, rợp bóng cờ vàng!*

(Xuân Chiến Thắng)

Rồi anh hân hoan thừa với Mẹ:

...

*Mai con sẽ về, mừng Xuân mới  
Trong niềm vui chiến thắng! Mẹ ơi!  
Khắp ba miền cờ vàng phát phới  
Hát quốc ca vang dậy đất trời!*

*Cả quê hương, pháo Xuân rộn rã  
Việt Nam sống lại thuở thanh bình  
Sạch bóng Cộng thù, loài quỷ đỏ  
Ngàn năm đất Việt, mãi quang vinh!*

(Mừng Xuân Mới)

Ước mong rằng niềm hy vọng của Vũ Hồi cũng như của chúng ta sớm thấy được nắng ấm bình minh chan hòa trên quê hương Việt Nam thực sự thanh bình và quang vinh.

Trước đây vài năm, trên báo Viên Giác xuất hiện thơ của Nguyễn Thương Quê ở Na Uy. Những bài thơ dung chứa nỗi niềm trần trở của người ly xứ, lòng vẫn luôn hướng vọng về quê hương. Cái tên hay cái bút hiệu dung dị dễ thương đó đã một độ bắt tôi phải tìm kiếm, phải thăm hỏi. Rồi cuối cùng, qua cái duyên văn nghệ, tôi cũng tìm được người thơ- người vẫn luôn luôn lưu trong tim giọng hát ca dao, suối nguồn quê mẹ:

...

*Mẹ từ cất giọng à ơi  
Êm như tiếng sáo lưng đồi ngân sương  
Cha vui với đất ruộng vườn  
Khởi từ cây trái cũng thương xóm làng  
Tôi từ lòng mẹ cứu mang  
Yêu em từ biết yêu làng như tôi.*

(Bồi Từ Cát Giọng Ca Dao)

Nguyễn Thương Quê là bút hiệu rất ít sử dụng của anh Nguyễn Văn Cường ở cơ sở Bergen của Na Uy, sinh năm 1942 tại thị xã Cam Ranh; trình độ Đại Học; nguyên trưởng Phòng An Ninh Tỉnh Đoàn Cán Bộ Phát Triển Nông Thôn (PTNT) thị xã Cam Ranh; đại diện Văn Phòng Bộ Phát Triển Nông Nghiệp thị xã Cam Ranh (1969-

1972); đại diện Văn Phòng Bộ PTNT Ủy Ban Phụng Hoàng QK II (1972-1975); có chân trong Nghiệp Đoàn Viết Báo (Ký Giả) Việt Nam; hội viên Hội Hồng Thập Tự VNCH, đoạt Giải Nhất thi sáng tác báo Tiền Phong Quân Đội năm 1971 qua tùy bút "Trận Đánh" với bút hiệu Nguyễn Thanh; Ủy Viên Thanh Niên kiêm Phân Đoàn trưởng HTT thị xã Cam Ranh; đồng lãnh đạo Đoàn TN/HTT/VNCH cứu trợ nạn nhân chiến cuộc (1969-1975); tù cải tạo tại trại A1 Đồng Găng và A30 tỉnh Phú Khánh; ra trại giữa năm 1988; cộng tác với các báo Việt Sóng, Pháp Âm (Na Uy), Cánh én (Đức) và có thơ đăng ở các báo Quê Mẹ (Pháp), Thế Kỷ 21, Tạp Chí Thơ (Mỹ), Làng Văn (Canada)...; góp thơ trong các tuyển tập: *Tiếng Thơ Hải Ngoại* (1994), *Bốn Biển Thơ Chung Nối Nhịp Cầu* (1994), *Cụm Hoa Tình Yêu II,III* (1996,1997); hội viên Trung Tâm Văn Bút Âu Châu / VBVN hải ngoại.

Tôi đã đến Bắc Âu, qua Na Uy vài ba lần, từ bến cảng Kristiansand, miền Nam, qua Arendal, Grimstadt, đến Oslo, lên Lillehammer vùng thi nhậy tuyết, nhưng lại chưa có dịp đến Bergen để thăm nỗi lạnh băng -nhất là những nỗi buồn xa xứ khi xuân về như nhà thơ Nguyễn Văn Cường diễn đạt:

*Cứ Tết mà Xuân chưa thấy về*

*Ta con chim én lạc trời quê*

*Đau thương thêm mỗi năm chông chắt*

*Oán hận tràn dâng, quyết vẹn thề*

...

*Mỗi lần Tết đến Xuân băng tuyết*

*Buốt giá lòng tôi nỗi nhớ quê*

(Sê Có Mùa Xuân)

Mỗi năm Xuân về, thêm một tuổi, thêm một niềm đau chông chắt, thêm một nỗi nhớ quê, thêm một lần nhỏ cây nêu pháo đỏ ngày Tết năm nào, nên anh vẫn thành tâm "Xin Được Bình Yên" để thấy:

...

*Hương cũ Xuân về vương nỗi nhớ*

*Cây nêu, dây pháo đỏ ngày xưa...*

Trong nỗi nhớ niềm thương khôn nguôi đó, nhà thơ đã thả hồn mình về quê trong những ngày đón Tết mừng Xuân, để thấy lòng mình thanh thản theo nhịp Xuân thì:

...

*Hồn tôi thơ thới đêm ngày*

*Tươi theo cây cỏ trở đây lộc xanh*

*Thôn làng cho đến thị thành*

*Giao Thừa mai Tết vườn cảnh nở hoa*

*Trở mình mới biết đã mơ*

*Về thăm quê mẹ đang mùa Xuân xưa.*

(Mơ Lại Xuân Xưa)

Xin một lần được mở, giấc mơ bình yên trở về tuổi dại để quên đi những thao thức dằn vặt trong cuộc sống bon chen. Xin một lần được mở, giấc mơ nhẹ nhàng trở về quá khứ để thấy mình còn tuổi thanh xuân hay ít ra tình xuân cũng làm cho cuộc đời thêm tuổi trẻ, bởi vì ở đó có thiên nhiên an lành, đất nồng, hoa nở. Nhịp đập của trái tim thiết tha với nhịp tiếng ru của mẹ, với tiếng ngân dài của giọng hò thôn dã. Phải chăng:

*Xuân về in sắc tươi xanh*

*Rộn ràng chim giữa lá cành véo von*

*Mía no, nước lúa hạt tròn*

*Dài trời ai vẽ xanh lên núi rừng*

*Ở đây hoa nở ngói hồng*

*Trong đêm đất thở ấm nồng bàn tay*

*Đường thôn, thoáng tà áo bay*

*Ngõ như tuổi trẻ về đây với mình*

*Lời trao sương đầm vai mềm*

*Trái tim đập với những đêm quê nhà*

*Chuỗi đời xưa cũ tôi qua*

*Trong gian khó vẫn đậm đà tiếng ru*

*Xuân về thấp sáng tâm tử*

*Trẻ đời tôi- cũng đi từ hồn quê.*

(Một ít Xuân)

Cũng những vần thơ lục bát ngọt ngào, anh ru đời mình vào những nhớ thương chất ngất. Chuông chùa chùa mang anh đi vào cõi chân như an lạc, chùa chò anh đi đến chốn tiêu dao, nên mạch sầu xa quê vẫn làm cho anh nát ruột tan lòng. Thơ anh ngôn ngữ, tình anh trùng điệp - những mối tình lớn như tình nước tình non, tình người-. Anh mong một nụ cười thấp sáng giao thừa và niềm vui "Như Vần Thơ Xanh" thấp sáng rực rỡ trên quê hương vào một ngày nào đó thanh bình:

*Mỗi lần nghe tiếng chuông chùa*

*Sâu khơi suối mắt bao mùa nhớ thương*

*Xa quê lắm nỗi đoạn trường*

*Tình quê, tình nước, tình vường vấn tình*

*Bao giờ tình có bình minh*

*Tiếng chim ca hát cho mình vui tươi*

*Phố vui chung một nụ cười*

*Trăng đêm rực sáng tuyệt vời trời xưa*

*Ngày vui Tết, đón Giao Thừa*

*Hái bao nhiêu lộc cho vừa tình Xuân*

*Niềm vui nào chẳng thanh tân*

*Quê hương rồi mãi như vần thơ xanh.*

(Như Vần Thơ Xanh)

Chợt tình còn mê, thấy mình vẫn mòn mỗi bước chân bên trời vông lữ. Xuân đã về. Những chiều lạnh căm, hướng về cố hương lòng ngổn ngang trăm mối:

*Ôi rồi năm tháng mãi trôi*

*Trái Xuân chín rực bên trời lừ lờ*

*Mai nhà bao độ trở bông*

*Vàng theo Tết rụng đau lòng bấy nhiêu*

Nước non mòn mỏi tiêu điều  
Trông vờ quê mẹ những chiều lạnh căm  
Nhớ thương giọt lệ khôn cầm  
Trắng bao lớp tóc tháng năm vẫn dài  
Biết rằng sẽ có ngày mai  
Sao tìm thất thểu nhói hoài khổ chứa  
Đêm nao vui đón Giao Thừa  
Chén bao nhiêu rượu cho vừa ý Xuân!  
(Đêm Nao Vui Đón Giao Thừa)

Nhà thơ Nguyễn Văn Cường vẫn mong ngóng, vẫn chờ đợi một đêm nào, một lúc nào có ngày hoan ca trở về để thấy quê hương hồi sinh:

...  
Quê hương ơi tháng năm dài vẫn đợi  
Ngày hoan ca thân mẹ sẽ hồi sinh.

Cuối tháng 9.97 tình cờ tôi nhận được thư của bà quả phụ Phạm Nguyễn Tuyên, khuê danh là An Liên Phùng Thị Quảng từ Freiburg, miền Nam Đức. Trong thư bà viết:

"...Số là tôi (bà An Liên) có một em gái ruột là bà Mai Mc Ginnis ở Everett WA bên Mỹ. Từ nhỏ cô em tôi đã có một tâm hồn thi sĩ. Nhưng cuộc đời gặp nhiều nghịch duyên nên chỉ biết lấy thơ để giải bày cảm nghĩ. Cô em tôi năm nay cũng đã 73 tuổi rồi, các cháu khuyên nên gom góp tất cả các bài thơ lại làm một tập để lại làm kỷ niệm cho con cháu sau này..."

"Cô em tôi, bút tự Mai Hương gửi tặng tập thơ Hương Xưa cho tôi... Hiện giờ tôi sống một mình ở nước Đức... đã có tuổi, lại bị mớ tim năm 1993, không biết sẽ vĩnh viễn ra đi ngày nào. Tôi có trình bày với Thầy Thích Như Điển là sợ tôi mất có một mình, Bộ Xã Hội lẽ cố nhiên là phải chôn cất và sẽ dọn nhà thu xếp đồ vật, tập thơ sẽ bị họ vứt bỏ thì thật đáng tiếc, nên tôi muốn kính biểu báo Viên Giác để tùy nghi sử dụng có được không? Thầy Như Điển đã chấp nhận...."

Trong phần vụ của tờ báo, tôi được đọc rất nhiều thư của những độc giả xa lạ, nhưng chưa có thư nào đặc biệt như vậy. Sau đó tôi nhận được tập "Hương Xưa" của Mai Hương. Nếu như "văn chương là tác lòng gửi vào thiên cổ", thì Hương Xưa là một thiên cổ sự, một chuỗi kỷ niệm trải dài trên một đời người, gồm những bài thơ đủ thể loại từ năm 1944 đến năm 1995. Tôi có thư trả lời cho bà An Liên, hứa sẽ giới thiệu tập thơ này trong Vườn Thơ Viên Giác và sau đó sẽ lưu lại trong Thư Viện Chùa Viên Giác.

Theo bút tự vào mùa thu năm 1992, thì Mai Hương sinh năm 1925 tại Hà Nội trong một gia đình có nhiều anh chị em. Thân phụ theo học Hán Tự đã đậu bằng khoa. Sau theo Pháp ngữ học trường Bách Nghệ và du học tại Pháp (1913-1918).

Mai Hương theo học Pháp ngữ vào lúc chiến cuộc năm 1939-1940 đang thời kỳ bành trướng. Nên quân phiệt Nhật-Pháp tàn phá miền Bắc. Bà phải di tản nhiều lần, nên sự học bị gián đoạn. Tuy thế bà vẫn tiếp tục học tại nhà, nhưng sau đó học tại trường Hoài Đức để thi bằng Tiểu Học Pháp. Sau chuyển hướng sang Việt và Nhật ngữ do một giáo viên kèm dạy trong gia đình. Vì được khuyến khích trau dồi môn văn chương và thi ý, nên đã biết làm thơ để diễn tả tâm tình từ khi mới 12 tuổi. Ấu đó là mối duyên khởi cho định nghiệp của mình!

Thời thơ ấu lập gia đình, tình duyên trắc trở không như ước nguyện. Trong niềm đau cô đơn, Mai Hương đã hướng tâm hồn vào mối tình yêu văn thơ để an ủi nỗi đau thương, xoa dịu vết thương lòng.

Mai Hương làm việc tại Bộ Xã Hội Việt Nam từ năm 1958-1965, chuyên điều hành về Giáo dục và Y tế Nhi đồng. Làm ngành Điều Dưỡng tại Hoa Kỳ cho đến khi hưu trí.

Xin trở lại quãng đời thanh xuân cũ của Hà Nội vào năm 1947, giữa "mối tình tam giác" với những trắc trở hay bởi những ràng buộc lễ giáo hay dù muôn ngàn lý do nào khác thì tình đầu như "Một Mùa Xuân" đã trao cho người thơ một "đôi em đầm thì ví, đẹp thay chuyện chúng mình", bởi:

...  
Duyên em ưa thầm kín  
Tình anh thêm thiết tha

...  
Đôi ta mơ yêu nhau  
Trong trời bao la sâu  
Vui tươi nào có biết  
Sóng cồn dẫu bể thương đau!

Đế rồi những tháng ngày sau đó mỗi thấy thiết tha nhỏ tiếc một mùa xuân khi mình trở thành cánh chim lẻ bạn trong cảnh bèo hợp mây tan:

...  
Chim quyen nay lẻ bạn  
Bèo hợp rồi mây tan!

Hồn em sầu mênh mông  
Trong đêm dài vô tận!  
Tình xưa buồn vường hận  
Ôi! Một mùa Xuân!

Cho đến khi người thơ đàn dúm dẫn hai con còn nhỏ vào Sài Gòn, vượt qua bao nhiêu chặng đường gian khổ của cuộc chiến chinh, người thơ mới thực sự tìm được mùa Xuân an bình, với hoa xuân, pháo nổ, rượu nồng đầy đủ hưởng Xuân vị Tết:

...  
Pháo nổ gần xa tỏa khói Xuân  
Sắc tươi đỏ thắm trái sen hồng  
Áo nhung the lụa, ai phở sắc

Thiếu nữ vui Xuân điểm má hồng

Rực rỡ muôn màu phố chợ hoa  
Người mua kẻ bán dạo chơi qua  
Cành đào mai quý, tay nâng núa  
Xe cộ đua chen ngợp phố nhà

...  
Ôi! Tết xa xưa đẹp quá chừng  
Tết nay còn động vị hương Xuân  
Ước mơ trong buổi Xuân chung nguyện  
Mau Tết Xuân Hòa nở bốn phương!  
(Hương Vị Xuân Xưa)

Cái hương vị xuân xưa đó là những tình chất nuôi dưỡng quãng đời còn lại của những người trọng tuổi, luôn hoài niệm dĩ vãng để tìm lại những kỷ niệm ngọt ngào, để cố lãng quên tháng ngày cô quạnh trên cuộc đời lữ thứ:

Tôi đi thương nhớ giữa dòng đời  
Những vị hương xưa ngào ngọt môi  
Ôm ấp tâm tư bao kỷ niệm  
Từng mùa Xuân đến lại đơn côi!

...  
Chúc tụng đầu năm vang xóm làng  
Chúc tài, chúc lộc, chúc an khang  
Bao tìm hòa nhịp niềm hy vọng  
Một Tết thanh bình của Việt Nam

Thấm thiết tình quê tôi lớn lên  
Bao nhiêu giống tổ, phút êm đềm  
Tâm tư mơ lại Xuân lúc trước  
Hương vị huy hoàng động chút men!  
(Nhớ Xuân Xưa)

Trong bài "Cánh Thiệp Xuân" với hai câu:

...  
Gió đông không ấm tình lữ khách  
Tuyết bụi, mưa nhòa lạnh gối chăn.

"Gió đông" chắc chắn là không mang lại hơi ấm được mà chỉ làm thêm giá lạnh, nên không bỏ tức được "ấm tình lữ khách". Dù vậy hai câu thơ vẫn diễn đạt được nỗi cô quạnh của người lữ hành. Tôi chợt nhớ đến hai câu của Huy Cận:

...  
Chiều chẵn không ấm người nằm một  
Thương bạn chiều hôm, sầu gối tay.

Tôi không bình thơ mà tôi chỉ cảm nhận thơ của tác giả. Thế cho nên tôi chỉ trích phần lớn những bài thơ Xuân của Mai Hương trong tập Hương Xưa để giới thiệu với bạn đọc yêu thơ cho hợp với chủ đề Xuân.

Xuân của đời người, Xuân của tạo vật. Xuân đến rồi đi theo biến chuyển của thời gian. Có ai giữ mãi mùa Xuân cho mình, có ai trao Xuân cho người khác. Xuân thì muôn thuở, mà người chỉ có một thời xuân sắc!

Tình Xuân  
vội kẻ tri âm. Với cái tâm cảnh chung này,  
ai trong chúng ta cũng một lần thần thò tự  
hỏi:

...  
*Xuân ấy, Xuân đây cũng một trời  
Mà sao sầu lắng quá đi thôi  
Mênh mông biển cát chim thưa vắng  
Bát ngát tình xuân vọng sóng trôi!*

*Tôi gửi Xuân nay đến một người  
Cành mai trang nhã thắm hoa tươi  
Thiếp hồng nét bạc Xuân đầm ấm  
Chúc nguyện cảm thông hai mảnh trời.*

*Thơ thần năm qua, rồi lại Xuân  
Có ai dành lại cánh thơ hồng  
Tình Xuân lưu luyến tri âm âm cũ  
Hay để Đông tàn, nhạt cánh Xuân.*

(Cánh Thiệp Xuân)

Rồi đầu năm 1995, tác giả trở về thăm  
quê cũ Gia Lâm, Bắc Ninh, Hà Nội. Ôi  
Thăng Long ngàn năm văn vật, vàng son  
nhưng lựa nay còn đâu? Hay chỉ là "kinh  
kỳ nắng nhạt mưa chiều". Phố cũ, làng  
xưa, dù âm ngày cũ, lá vàng xó xác "lạnh  
lòng du tử":

*Tôi về tìm lại ngày tàn  
Rơi bên lá rụng thu vàng xa xưa  
Tuổi trôi-hồn đứng thần thờ  
Phố phường xe ngựa, mưa thưa đường  
dài*

*Vàng son nhưng lựa tàn phai  
Dù âm ngày cũ vương vài dòng thơ  
Gọi người chiều lạnh bơ vơ  
Gọi ngàn thông đứng bên bờ hoang liêu  
Kinh kỳ nắng nhạt, mưa chiều  
Lạnh lòng du tử, lãng phiêu mộng đời*

...  
*Chiều nay trên lá vàng rơi  
Tôi nghe nước nở xa vời ngày thơ  
Chia ly giây phút thần thờ  
Biệt ly hận nỗi hững hờ ngàn sau!*  
(Ngày Về)

Rồi cũng như trường hợp của bà Mai  
Hương, chúng ta cũng sẽ thần thò "đứng  
bên bờ hoang liêu" nhìn lại dĩ vãng nhạt  
nhòa khi trở về thăm quê cũ và ngậm ngùi  
thấy rằng "tuổi trôi, hồn đứng thần thờ!".  
Những hình ảnh kỷ niệm thân thương giờ  
cũng nghe tan tác trong "chiều lạnh bơ  
vơ". Để rồi khi trở lại xứ người, lòng thêm  
quặn thắt, nướ tiếc những hình tượng cũ  
đã mất theo thế sự tang thương. Hương chi  
tâm trạng của người tử đây phải vĩnh viễn  
trở về Việt Nam.

Tôi lại nhận được một lá thư bất ngờ của  
một người trẻ tuổi không quen từ Đông Âu  
đến xin ty nạn tại Đức. Anh ta báo tin phải  
trở về Việt Nam vào tháng 12.97 theo ước

nguyện của cha mẹ già. Nếu thế thì chẳng  
có gì lạ. Điều đáng nói là kèm theo thư là  
những bài thơ mà theo thư anh viết "...là  
ngẫu hứng, gặp tiện tôi gửi tặng Phù Vân  
trước khi rời Đức Quốc". Thơ viết với bút  
hiệu là Vô Danh Thi Hữu, bởi "Hữu danh  
hay Vô danh, có gì khác lạ đâu...!" anh đã  
viết cho tôi như vậy!

Anh báo cho tôi, chỉ còn một tháng nữa  
là anh trở về. Về nơi chôn nhau cắt rốn, về  
quê cũ cho thỏa lòng mong nhỏ. Kỷ niệm  
mù xa bỗng dưng trở dậy, anh nghĩ, khi  
anh về con phố nhỏ sẽ thân ái ôm anh vào  
lòng. Thú thật, tôi ái ngại cho anh lắm,  
nhưng tôi cũng mong anh được đón tiếp ân  
cần như vậy! Và còn những gì ở đây? Lẻ  
loai lạnh giá ở xứ người và nỗi đau bị khinh  
miệt! Có đúng không hay chỉ là trường hợp  
biệt lệ?

*Một mai tôi về miền quê ấy  
Cho thỏa đêm ngày nỗi nhớ mong  
Kỷ niệm xưa bồng bồng sóng dậy  
Phố nhỏ mừng ôm tôi vào trong*

*Cho hết cái thời ta lẻ loi  
Sống trong lạnh giá ở xứ người  
Đêm đêm thắm nỗi đau khinh miệt  
Ngày ngày lơ ngó tránh mắt soi!*  
(Một Tháng Vọng Mong)

Tuy nhiên anh lại viết đúng tâm trạng  
chung của người trở về, của anh trong bài  
"Tiễn Biệt" với những lời cay đắng khi phải  
giã từ "xứ Thiên Đường", dù rằng:

...  
*Thiên Đường này chẳng phải của ta  
Một lời cay đắng lúc chia xa  
Thân chen trong biển người chờ đợi  
Mà lòng đã trót hướng quê nhà*

*Quê nhà cay đắng nhọc nhằn nhiều  
Bạn xưa đứa tiễn nét đăm chiêu  
"Anh về chắc sẽ lâm cảnh khổ  
Nhưng lòng đã quyết...xin gắng theo"*

*Thôi nhé chia tay bạn của tôi  
Từ nay xa cách một phương trời  
Sau này chắc hẳn còn tương ngộ  
Mà sao chợt thấy mặn trên môi!*  
(Tiễn Biệt)

Trong thư của Vô Danh Thi Hữu còn có  
đoạn "...Tôi xem ảnh của Nữ Sĩ Vân  
Nường trong Viên Giác số 100 (tại sao  
trước đây tôi không thấy) chợt thấy giống  
mẹ tôi vào lần cuối năm 1988 tôi về phép  
thăm mẹ. Thế rồi tôi ngồi vào bàn, chọn  
vần để kể về mình, về Mẹ. Nhờ Phù Vân  
gửi cho Nữ Sĩ Vân Nường..."

Thư còn có nhiều đoạn nói với bà Vân  
Nường "...Bác Vân Nường Trần Văn  
Chung, nhìn ảnh bác ngồi trước án hưởng

giống mẹ cháu quá...Với bác cháu không  
giấu tâm sự vì đọc những vần thơ của bác  
tự dưng cháu thấy tin tưởng...". Rồi anh  
viết tặng cho bà Vân Nường:

*Một thế hệ, người sống trải trước tôi  
Tài hoa vậy, mà đau thương với vợ...  
Dòng nước xoáy cướp mất phù sa bồi  
Cờ loạn thế đẩy bóng chiều nhanh tới*

*Mà gan bền với tình quê sớm tối  
Nhiệt huyết dâng như một thuở Quỳnh  
Dao*

*Từng giọt thơ nghiêm trang lời kêu gọi  
"Tiếng Vọng Người Xưa" mà như ngọn  
sóng trào*

*Như người mẹ lo đàn con lạc lối  
Sợ bước chân đi lệch bước chân xa  
Đem lịch sử ngàn đời mong tỏ rọi  
Khen trúc thanh cao-mãi vững trước gió  
mưa...*

(Lòng Người Qua Thơ)

Bài này anh viết do cảm xúc khi đọc về  
thân thế và bài thơ "Tiếng Vọng Người  
Xưa" của Vân Nường. "...Đã trót viết thêm  
nên tôi xin cố nốt vài dòng, tâm tình với  
Phù Vân. Nếu tôi được phép tôi sẽ nhận  
bà Vân Nường làm mẹ nuôi vì bản tính  
kiên cường, chịu đựng giống mẹ tôi cả tính  
lẫn hình...".

Cũng để tỏ bày lòng mến mộ của mình  
đối với Nữ Sĩ, anh đã họa lại bài thơ "Đất  
Khách Chiều Hôm" của Vân Nường để  
tặng tác giả:

*Sự nghiệp văn thơ thấy đã dài  
Mến yêu mà chẳng biết là ai  
Thì thôi xin mượn vần thơ vọng  
Viết để khen ai một chữ tài  
Hữu duyên xin kể về quá khứ  
Lòng bạn thôi đành để tương lai  
Đất khách chiều hôm người vong lữ  
Biết có gặp nhau trong một mai?*

Theo yêu cầu của anh trước khi về  
nước, tôi đã sao gởi cho bà Vân Nường để  
bà tùy nghi định liệu. Ngoài ra, còn có mấy  
bài thơ với những nét đan thanh, phiêu  
phiêu, an nhiên tự tại, thí dụ như trong bài  
"Nhớ Dáng Hoa Xưa":

*hoa nhài  
ngậm sương mai  
khoe sắc trắng  
trước hiên nhà ai  
để lòng tưởng cõi thiên thai  
trong mơ phảng phất hương nhài  
thiết tha...  
thân phiêu lãng- một thời qua  
hôm nay nhớ một nét hoa  
khiêm nhường...*

Hoặc để xiển dương Tâm Từ Bi và nuôi  
tiếp Bồ Tát tính ẩn trong xác thân của  
công nương Diana qua bài "Diana - Thiên  
Thần Không Xa Lạ" mà anh đã sáng tác  
trong đêm vắng, có lẽ khi thắm lời ca khúc  
hát vĩnh biệt của Elton John:

...  
Sắc hoa lạ- cõi nhân gian  
Mà sao đã sớm lụi tàn phút giây  
Triệu lòng tưởng nhớ đêm ngày  
Hồng nhan bạc phận! Xưa nay cũng  
tùng...

Trách tạo hóa chẳng ngưng nghiệp  
ngã

Tiếc tử tâm- sớm xa xác thân  
Người đi- nhạ cõi hồng trần  
Người đi- để lại trước sân- hoa tàn...

Người đi, kiếp huy hoàng lúu mãi  
Người đi, có trở lại thế gian?...  
Tủ đó anh chợt cảm hoài, nhớ đến mấy  
câu Kiều của thi hào Nguyễn Du:  
"Bất phong trần phải phong trần  
Cho thanh cao mới được phần thanh  
cao"

Anh vừa nhớ đến cụ Nguyễn dựng  
Truyện Kiều mà cũng trách cụ Nguyễn cho  
nàng Kiều quá truan chuyên, tuy anh vẫn  
biết là bất kính nhưng anh vẫn viết, cũng  
vội những vần thơ lục bát ngọt ngào:

Nhớ Người qua áng thơ trôi  
Thiên niên vẫn vẹn. Cảm đời tài năng  
Trời kia còn dịu vàng trăng  
Cõi lòng hậu thế còn hằng nhớ tên...

"Cáo thơ lần giờ trước đèn"  
Trách Người tả nổi truan chuyên sao  
nhiều...

Xót Kiều mà chẳng đỡ Kiều  
Dựng Tủ- để một sớm chiều Tủ đi...  
Khen Kim Trọng- bất phân ly  
Vô tâm hoa thưởng riêng gì Thúc  
Sinh?...

Phải chăng nguyên tích giải bình  
Cõi tâm đâu muốn điều linh phô trần?  
Trái bày, gửi gắm thơ than  
Chốn nhân thế- kiếp hồng nhan: Phong  
trần...

Phần cuối thư anh viết:  
"Còn với Phù Vân, trước buổi chia tay  
xin lấy lời "Tâm kính Tâm" để lại. Là người  
đi trước trên thi đàn, thêm nét phóng  
khoáng qua tâm sự, dựa văn phong mà  
đoán, xin được gọi là ...Anh!"

"Lời cuối cùng xin dành kính cẩn Thầy  
Thích Như Điển. Trước Thầy, chúng con  
thật nhỏ bé và yếu đuối bởi Thầy đã và sẽ  
là chỗ dựa cho chúng con. Mãi mãi không

quên ngày được diện kiến Thầy tại Viên  
Giác Tự, và sách báo tự nơi Thầy đã đem  
lại cho tâm trí chúng con những nhận thức  
mới...".

Ngoài ra tôi còn nhận được bản thảo  
chùm thơ "Bão Lòng" của Hoàng Thị Tân,  
kèm theo mấy dòng nhắn gửi: "...Xin anh  
không coi nó là tiếng thơ của một sĩ phu  
Bắc Hà. Đó chỉ là tâm tình của một kẻ tha  
phương vẫn ngày đêm trông ngóng về đất  
mẹ...". Chị Hoàng Thị Tân cũng là một  
trong số người Việt từ Đông Âu vì không  
chấp nhận chế độ bạo quyền của CSVN  
nên đã đến Đức Quốc xin tỵ nạn.

Chị cư ngụ và làm việc tại Hannover.  
Qua những dòng tâm sự trong chùm thơ  
"Bão Lòng" hẳn chồng con của chị còn ở  
Việt Nam. Cùng tâm trạng chung của  
những người đã tìm thấy miền đất tạm  
dung, chị khát vọng có những đổi thay tại  
Việt Nam- nhà tù biến thành trường học,  
trại lính biến thành công viên, chị cũng hẳn  
hoan kể cho chồng nghe cơn lốc biển  
động về sự sụp đổ của chế độ cộng sản ở  
các nước Đông Âu và gửi cho chồng  
những vần thơ mang hơi ấm tự do:

Em thảng thốt một mình  
Trong cơn lốc Wenden  
Đất trời và tro bụi  
Củi rơi bởi cuộn bay  
Gửi về anh từ đây  
Những vần thơ đang bay  
Của em người vợ nhỏ  
Đã yêu anh ngày nào

...  
Việt Nam trong khát vọng  
Wenden sẽ đổi thay  
Lao tù thành trường học  
Trại lính hóa vườn cây.

Thơ em từ ngục kín  
Bỗng vút thành bài ca  
Gửi về anh phương xa  
Những vần thơ tự do.

(Tặng Anh)

Không những chị làm thơ tặng chồng,  
mà chị còn làm thơ tặng cho những người  
vợ có chồng hy sinh trong chiến tranh- hy  
sinh vô nghĩa cho chủ nghĩa cộng sản-  
chủ nghĩa vô nhân, vô thần, cuồng tín  
ngoại lai. Những người đi bê (B): mặt trận  
miền nam, vượt Trường Sơn xâm nhập  
miền Nam Việt Nam, những người "sinh  
Bắc, tử Nam":

Anh đi bê chín năm trời  
Miền quê trông ngóng, em chờ đợi anh  
Hôm nay đài báo tin nhanh  
Miền Nam súng nổ, Cam Ranh gọi vào  
Tháng Tư đỏ lửa súng gào  
Trường Sơn hiu hắt người vào không ra

Chiến trường hóa bãi tha ma  
Miền Nam trận tuyến anh đi không về

...

(Tháng Tư)

Chỉ khổ cho những người vợ chờ, những  
người mẹ khốn khổ quần quật vất vả từ  
ngày này qua ngày khác mà ăn chẳng đủ  
no, mặc chẳng đủ ấm mà suốt đời vẫn  
phải cúi mặt nghe theo lời Đảng, tham gia  
hết chiến dịch này đến chiến dịch khác.  
Mà những thống khổ bất hạnh vẫn tiếp tục  
giáng xuống cuộc đời người dân vô tội.  
Trong bài "Lời Cuối Cho Con" là những  
lời oán than gào thét phản kháng chế độ  
bạo tàn:

Đến năm Mậu Thân, 1968:

..  
Súng nổ giữa đêm giao thừa  
Mẹ thành góa bụa đờn cô.

Những tưởng sau năm 1975:

...  
Nước mình từ đây độc lập  
Dân mình từ đây ấm no  
Tự do nhân quyền bác ái  
Dân Nam muôn thuở thái bình

Nào ngờ đến năm 1977 sự thật phũ  
phàng thấy rõ:

...  
Cơm no áo ấm đâu rồi?  
Nhân quyền tự chủ biết tìm đâu ra

Con ơi nhớ lấy lời ta  
Độc quyền là Đảng  
Ranh ma là Người  
Bao năm thử nghiệm đủ rồi  
Mác-Lê xin hãy cùng Người rút đi!

Mai khi con lớn lên rồi  
Chớ quên mẹ dặn một lời nghe con  
Đừng nghe Đảng nói những gì  
Hãy xem Đảng đã làm gì cho dân!

Ngay cả với "đàn anh vĩ đại Liên Xô",  
bảy mươi năm xây dựng chế độ cộng sản,  
cuối cùng cũng nát tan ra từng mảnh vụn:

...  
Thế giới đại đồng  
Chiếc bánh vẽ của thiên đường hoang  
tưởng.

Mác-Lê nin người hồi ngâm ngợi  
Bảy mươi năm cách mạng tháng mười  
Tơi bời thế sự  
Đọc lại tư bản luận  
Máu chảy  
Đầu rơi.

(Perestroika)

Chùm thơ "Bão Lòng" của chị Hoàng Thị  
Tân còn là bản cáo trạng tố cáo chế độ

cộng sản Việt Nam kéo lùi đất nước đi vào lạc hậu, đưa dân tộc đi vào đói khổ lầm than. Chùm thơ "Bão Lòng" là những lời trần tình phát xuất từ cõi lòng của một người dân luôn hướng vọng về tiền đồ tổ quốc, kêu gọi đoàn kết đấu tranh cho nhân quyền, tự do, dân chủ, đa nguyên cho Việt Nam:

*Dậy mà đi hồi đồng bào ơi  
Ta quyết cùng nhau một phen này  
Tay xiết chặt tay tạo lũy dày  
Cùng nhau ca hát bài dân chủ  
Một ngày lưu nhử vạn ngày sau  
Cộng đồng thế giới đã cùng nhau  
Hiệp lực diệt tan bầy quỷ đỏ.*

(Dậy Mà Đi)

Là người Việt luôn hướng về cố hương, mong ước một ngày đất nước huy hoàng, xin hãy cùng đồng loạt một ngày vùng lên đấu tranh lật đổ chế độ bạo tàn để "một ngày lưu nhử vạn ngày sau!"

\*

Tôi nghĩ, rồi đây không cần chính quyền cộng sản phải ra lệnh làm một "Cuộc Tổng Công Kích Nổi Dậy" dã man như hồi Tết Mậu Thân cách đây 30 năm, nhân dân cũng sẽ đồng loạt nổi dậy trên cả nước để hỏi tội Ban Lãnh Đạo Đảng CSVN. Khởi đầu là cuộc nổi dậy của nông dân tỉnh Thái Bình để chống chính quyền cộng sản vào tháng 5.1997, chống bọn cán bộ lợi dụng chức quyền vơ vét của dân, đặt ra sưu cao thuế nặng, chống lại đường lối chính sách của Đảng CSVN đối với người nông dân, những người làm ra lúa gạo nuôi cả đất nước mà hàng ngày dân chúng phải ăn độn với ngô khoai.

Ngon lửa đấu tranh chống bạo quyền đã sừng sục lan đến các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Đà Nẵng rồi lan vào miền Nam tại Xuân Lộc...nhằm thắp sáng ngọn lửa đấu tranh cho cả nước. Ngưỡng mộ tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào Thái Bình, người Việt hải ngoại sẵn sàng hỗ trợ, tiếp ứng để thổi nhanh ngọn lửa này lan tràn khắp nơi để sớm chấm dứt chế độ độc tài, Đảng trị trên quê hương Việt Nam.

Tôi cũng thấp cho tôi ngọn lửa đốt cháy u mê hôn trầm của một thời quá vãng vì chỉ nghĩ đến bản thân, quẩn quanh trong vòng tục lụy gia đình. Ngọn lửa thắp sáng trí tuệ để ít ra trong cuộc đời còn lại mình cũng có thể góp phần đấu tranh, sáng tạo văn học.

Tôi nghĩ, bên tôi vẫn còn trợ duyên cứu rỗi để tôi vượt thoát ra khỏi ám ảnh của bóng ma hắc ám mà đã một thời tôi vẫn

tưởng là người bạn đồng hành trong cuộc sống. Bên tôi bàng bạc những tiềm lực như hương trầm thấm nhập vào thần thức, tạo cho tôi định lực để tôi tìm an nhiên tự tại...

Cảm thông với hoàn cảnh của tôi, bạn hữu người gọi tôi về miền Nam Đức, kẻ kêu tôi qua Pháp, qua Canada, qua Úc. Cảm ơn các bạn có lòng thương tưởng,

nhưng tôi còn một số công việc phải làm.

Xuân năm nay, dù nơi đây một mình, nhưng tôi vẫn vui với mùa Xuân thực sự của riêng tôi!

(Đầu Xuân Mậu Dần, 1998)



## Bạn có biết có gì xảy ra trên thế giới trong một ngày?

- Mỗi ngày có 364.321 trẻ em được sinh ra trên quả đất, đồng thời cũng có 147.137 người "đi vào lòng đất mẹ". Như vậy cứ 24 giờ, nhân số trên thế giới được tăng thêm 217.184 người. Rồi đây ắt sẽ có nạn nhân mãn trên một vài quốc gia nghèo đói ỉa ỉu, nhưng lại có tài "mắn đẻ" như gà!

- Ở các quốc gia Á Châu, mỗi ngày người ta đã "xức phần" số số cỡ 1,5 triệu tấn gạo. Nếu đem số gạo này chất lại thành một đồng thì số gạo đó lớn gấp 6 lần Kim Tự Tháp ở Ai Cập. Dân Á Châu đa số trông ốm yếu nhỏ con, nhưng "đốp" thì lại khỏe!

- Cứ 40 phút, mỗi người chúng ta mất đi 4 triệu... tế bào da. Những tế bào chết này của nhân loại trên thế giới, nếu đem đôn lại với nhau cũng phải cần đến một căn nhà 4 tầng lầu mới đủ chỗ chứa! Kinh khủng chưa!

- Mỗi ngày trái tim chúng ta đánh... lò to cỡ 100.800 lần. Số lưu lượng máu chuyển qua tim tính ra có thể chứa đầy 170 bồn tắm. Nhưng số máu trong người chúng ta luân lưu theo bộ máy tuần hoàn, chủ không có nhiều như vậy. Đừng hiểu lầm mà vội ghi tên đi... hiến máu!

- Trung bình mỗi ngày chúng ta phải chớp mắt 9.365 lần. Mỗi lần chớp mắt như vậy, mắt nhắm lại tối thiểu cỡ 15 giây. Tính chung với dân số trên thế giới, chúng ta đã trải qua 267.000 năm trong bóng tối. Tính là tính vậy, chủ sống đến 100 tuổi là đã thọ quá cha rồi! Đừng mong làm đến Ông Bành Tổ, chỉ khổ thêm cho con cháu, chắt chít phải trông nom chăm sóc. Tội nghiệp chúng nó!

- Số lượng củ hành sản xuất trên trái đất mỗi ngày cỡ 89.000 tấn. Khối lượng này có thể lấp đầy đại dương "QE II". Ăn hành cái gì mà kinh khủng vậy!

- Khoảng hơn 5 ký lô hạt xoàn được tìm ra hằng ngày, tức là 247.000 Karat. Thế mà không có rế đâu. Đừng ham! Khuyên các ông, các cậu đừng dùng chân lại ở các tiệm kim hoàn mỗi khi dẫn người yêu đi bát phố! Quý bà, quý cô đều mê "hột" cả, thấy "hột" là sáng mắt lên, chớp chớp còn hơn cả hạt xoàn nữa! Tốn kém lắm, chịu đời không thấu đâu! Chơi với hạt xoàn chỉ thêm xoàn mặt xoàn mày mà thôi!

- Người Nhật thường ngồi trước màn ảnh truyền hình... 9 tiếng đồng hồ mỗi ngày. No comment! Mê chi mà mê dữ vậy không biết!

- Mặc dù có điện thoại, nhưng mỗi ngày cũng có cỡ 1,2 tỉ lá thư được đem gửi ở bưu điện. Có thể nhân viên bưu điện mới có công ăn việc làm, chủ nếu không thì với tình trạng khoa học kỹ thuật hiện đại "hại điện" này với Fax, internet, e. Mail, e rằng họ sẽ về nhà đuổi gà cho vợ hay lui về vui thú điền viên hết thôi!

- Số lượng loài ong trên thế giới mỗi ngày đã đến "hỏi thăm sức khỏe" của hơn ba tỉ ni nàng hoa để hút nhụy và sản xuất được 3.000 tấn mật ong. Coi chừng mật ong thì ngọt, nhưng nọc ong thì độc! Bị ong châm thì nhức nhối khó tả. Nhưng khổ thay là đàn ông, cụ nào cũng muốn mình biến thành ong để có dịp là lướt với các nàng hoa! Mà đã là hoa, nhất là hoa đẹp, thì nhò đùng để cho "con ong đã biết đường đi lối về"... thì hồng!

■ (PV sưu tầm)

từ rừng núi miền đông hoa kỳ xa  
xôi...

## Nói về tổ tiên anh hùng hay nguồn gốc họ Trần

Yên Tú Cư Sĩ Trần Đại Sỹ

**NHÌN NGƯỜI TRẺ HÔM NAY, MÀ HY  
VỌNG NGÀY MAI**

**C**âu chuyện bắt đầu vào lúc hoàng hôn ngày 31.8.1996, tại một căn nhà bằng gỗ nằm trong rừng, ngoại ô thành phố Louisville, tiểu bang Tennessee, Đông-Nam Hoa Kỳ. Căn nhà này là một trong hơn trăm trại được dùng làm trại hè **Vé Nguồn**, mang tên Thánh Gióng tức **Phù Đổng Thiên Vương**. Đây là khu rừng, mà người ta đã khui có độc, làm đường đi, dựng trại bằng gỗ thô sơ; lại bắt điện, ống dẫn nước, hơi đốt, điện thoại... để cho những người thích sống với thiên nhiên, có nơi nghỉ ngơi.

Ngồi xung quanh tôi, gồm 18 người, lớn nhất 31 tuổi, nhỏ nhất 17 tuổi. Họ là một nhóm nhỏ trong số 450 người trẻ Việt, từ 11 tiểu bang tụ về. Có người gọi tôi là thầy, có người gọi tôi là bác. Trong gần 500 người trẻ ấy, hầu như họ đều là tinh hoa của tộc Việt trên đất Hoa Kỳ. Trình độ cao nhất Ph. D, bác sĩ y khoa, dược sĩ, trình độ thấp nhất là năm cuối cùng bậc trung học. Dưới con mắt tôi, tương lai, một số trong những người này sẽ là tinh hoa của Hoa Kỳ, và biết đâu lại có những tinh hoa nhân loại? Chỉ gặp nhau có mấy ngày, mà tình yêu giữa tôi và họ nảy sinh. Nói chuyện với họ, tôi không phải giữ gìn, ý tứ. Họ nói với tôi như nói với cha, với anh. Tôi yêu họ như Đức Thích Ca, như Chúa Giê-su, như Khổng Tử yêu đệ tử. Họ kính tôi như người trên trong gia đình. Giữa chúng tôi: Người lớn tuổi muốn đem tất cả hiểu biết của mình cho người trẻ. Người trẻ muốn tìm người đi trước những gì mình chưa có hay không có.

Người trẻ ấy: Họ tuy sinh ở đất Việt, hưởng thụ văn hóa Việt, nói tiếng Việt; nhưng hoàn cảnh đưa họ vào một cuộc sống mới, nói một ngôn ngữ mới, hưởng một nền giáo dục mới, hành động trong một văn hóa mới. Họ tụ hội nhau bốn ngày, để nói tâm tình trong nguồn gốc con Rồng, cháu Tiên; để tìm hiểu thêm về nguồn gốc mình; để biết thêm về năm ngàn năm văn hóa của tộc Việt.

Tôi là người khách duy nhất đến từ Paris. Khác với họ, tôi đã trải qua tất cả những thăng trầm của lịch sử tộc Việt trong năm mươi năm dài mà đất nước rung động. Qua mấy chục năm nghiên cứu lịch sử, tôi ngẫm ra rằng, tinh hoa của các vĩ nhân Việt hầu như đều phát tiết từ thời còn trẻ; tình yêu dân tộc, tình yêu đất nước đều biểu hiện ra rất sớm. Tôi nhìn những người trẻ xung quanh tôi với những hy vọng... ước vọng... Tất cả các trại viên đều lễ độ với người

lớn, dĩ nhiên với tôi. Họ gọi tôi bằng bác, hoặc bằng thầy.

Một người hỏi tôi:

- Thưa thầy, tại sao thầy dùng danh từ **Tiêu Sơn** để chỉ triều Lý, và danh từ **Đông A** để chỉ triều Đinh Trần?

- Huyền sử nói rằng, nhờ ngôi mộ ông thân sinh ra vua Lý Thái Tổ táng vào thế đất linh ở núi Tiêu Sơn, mà họ Lý làm vua trong hơn hai trăm năm. Vì vậy các văn gia thường dùng chữ **Tiêu Sơn** để chỉ triều Lý, để chỉ thời gian họ Lý làm vua. Cũng tương tự, người ta dùng chữ **Đông A** để chỉ triều Trần, thời gian họ Trần làm vua; vì trong Hán tự, đồng với chữ a ghép lại thành chữ Trần.

Một người khác hỏi tôi:

- Châu đã đọc bộ **Nam Quốc Sơn Hà** của bác, thuật chiến công hiển hách nhất của tộc Việt; ban nãy bác nói rằng, sau giai-đoạn cực thịnh này, triều Lý sẽ tàn và triều Trần bắt đầu. Thưa bác, ai đã làm cho triều Lý suy tàn, và suy tàn từ bao giờ?

Tôi nhắm mắt lại để nhớ những gì đã đọc, rồi khoan thai kể...

### KỂ CHUYỆN XƯA, NHƯ TẮM GIƯỜNG CHO TUỔI TRẺ

Trời trần Thiên Trường, vào tiết tháng chạp, đang mùa phùng, gió bắc, lạnh buốt, cái lạnh xé da, cắt thịt; tự nhiên mây quang, mưa tạnh, nắng chói chang, ấm áp. Dân chúng đổ xô ra đường, người người chen nhau, xe, ngựa tấp nập, để sắm Tết.

Từ trong một trang trại lớn, ba người đàn ông, một già, hai trung niên khoan thai rảo bước, ngắm nhìn dân chúng. Mỗi người đàn gập ba người đều cung cung, kính kính chấp tay chào:

- Kính chào Trần-lão, nhị vị tiên sinh.

- Thưa ba tiên sinh.

- Kính cụ ạ! Kính hai ông ạ.

Ba người củ phải luôn luôn đáp lễ. Có người ba vị chỉ chào lại rồi đi. Cũng có người, ba vị hỏi thăm đôi điều:

- Thế nào cụ lễ Ôn, vụ mùa năm nay mấy mầu nếp của cụ trúng to. Cụ vui lòng chứ?

- Đa tạ Trần lão tiên sinh. Nhờ lão tiên sinh cho mượn không mười công trâu cày cho tiền mua mấy chục gánh phân, nên mới trúng mùa, mà trong nhà có đồng ra đồng vào.

- Ông hưởng Hoạ, nghe nói mấy trăm chạu quất của ông năm nay đều kết trái sai lầm phải không? Tết đến nơi rồi, đã bán hết chưa?

- Đa tạ Trần nhị tiên sinh. Nhờ Trần nhị phụ nhân dạy cho cách tía cành, bón phân, mà năm nay tôi được mùa quất.

Đó là ba cha con. Người cha tên Tụ Kính, chủng môn nhân phái Đông A, một phái võ người đông, thế mạnh bậc nhất Đại Việt. Năm nay, ông đã đi vào tuổi bảy mươi nhưng nhờ nhiều đời tiền nhân luyện tập võ nghệ nên ông vẫn khỏe mạnh như thời trai tráng, tinh thần linh mẫn. Hai người con của ông, một người tên Trần Tụ Hấp, một người tên Trần Tụ Duy, cả hai tuổi xấp xỉ ba mươi. Tụ Hấp, Tụ Duy đều thành hôn với sứ muội đồng môn.

Tụ Hấp cùng vợ tên Anh Hoa, là sứ huynh sứ đệ đồng môn; thường hành hiệp giúp đời, nay đây, mai đó, ít khi có nhà. Còn Tụ Duy với vợ là Lưu Kim Huệ thì ở nhà giúp đỡ cha điều hành môn phái, phụng dưỡng song thân. Nay nhân cuối năm, Tụ Hấp cùng vợ được thú cha gọi về quê khẩn cấp để ăn Tết, và họp môn phái, quyết định một việc tối quan trọng. Nói họp, như thường lệ, là chiếc du thuyền của môn phái đậu trên bến Vỹ Hoàng.

Cũng như các buổi họp khác, môn phái bao giờ cũng giữ bí mật, chủ đề tụ âm thầm từ các nơi tề tựu tại du thuyền trước, rồi cha con Tụ Kính rủ nhau xuống sau, giả đi một vòng phạm vi của môn phái, thăm dân cho biết sự tình.

Nguyên sáng tổ của phái Đông A xuất thân là một chú bé thợ săn mò côi ở núi Tiêu Sơn, thuộc lộ Kinh Bắc tên Trần Tụ Viên. Chú thợ săn mò côi ấy, vô tình học được Thiên Công chính tông từ Ngài Pháp Hiên rồi nhân bắt chước những thế võ của hổ, mà chế ra hổ quyền; nhân xem chim ưng bắt rắn, rắn chống lại, mà chế ra Ưng Xà quyền... cùng các chiêu thức, mà trở thành Tổ Sư của ngoại công phái Tiêu Sơn. Sau đó, ông đi về Thiên Trường lập ra phái Đông A. Vì vậy võ lâm Đại Việt mới nói: *Nội công phái Đông A xuất ra từ phái Tiêu Sơn, ngoại công phái Tiêu Sơn phát ra từ phái Đông A.* Trong suốt bao nhiêu năm, phái Đông A bao giờ cũng phải nhường bước cho phái Tiêu Sơn, là nơi phát xuất của vua Lê Đại Hành, vua Lý Thái Tổ. Trải 700 năm, đến đầu thời Lý (1010-1077) thì trong phái này ra một thiên tài võ học lỗi lạc là Trần Tụ An; ông đã đào tạo ra những đại cao thủ làm lên sự nghiệp kinh thiên động địa như: Thiên Trường ngũ kiệt; Cội Sơn tam anh; Khai Quốc Minh Từ, Anh Văn, Linh Cảm quốc mẫu Thanh Mai; Mộc Tồn vọng thế hòa thượng Thông Mai; Kinh Nam vương Tụ Mai. Từ đấy phái Đông A trở thành Thái Sơn Bắc Đẩu Lĩnh Nam cho đến nay.

Kể từ sau cuộc kháng Tống, mỗi khi bố nhiệm quan lại trong khu vực nam Thăng Long, cho tới cố đô Trường Yên, bao giờ triều đình cũng cử những đệ tử của phái Đông A. Trong vùng này, phái Đông A tổ chức cai trị dân chúng như một quốc gia riêng: Thuế nhẹ, không có nạn cường hào, không có tệ tham quan, khuyến khích nông tang, mở mang trường học. Vì vậy, dân chúng các nơi tụ về ngày càng đông, hóa cho nên trải 80 năm, phạm vi ảnh hưởng của phái này cực rộng.

Tôi bò sông, ba cha con xuống du thuyền lớn đang đậu ở đó, trên mũi thuyền có chủ



Đông A thực lớn. Nhìn cột buồm treo lá cờ thêu hình con chim ưng xòe cánh bay giữa đám mây, Tụ Hấp nói với em:

- Này chú Hai, vùng Thiên Trường này nhỏ thế lực của phái Đông A nhà mình, mà có an ninh, quan lại không dám những lạm, cho nên dân chúng sung túc, ấm no. Chủ các vùng khác thì dân khổ có hồ muốn sống không nổi, muốn chết cũng không xong. Nào quan lại tham ô, nào cường hào áp chế, nào trộm cướp như rươi. Bởi vậy có nhiều thuyền buôn họ cũng theo cò hình chim ưng của nhà mình, rồi kéo lên để dọa bọn trộm cướp.

Tụ Duy hỏi:

- Thế họ có bị chúng khám phá ra không?

- Hồi đầu chúng tưởng thực, mỗi khi chúng thấy kỳ hiệu của mình thì tránh xa. Nhưng vì có những người mạo danh vùng về, để cho một vài bọn cướp biết, chúng chém giết tàn nhẫn vô cùng. Chính vì vậy, có lần anh đi trên thuyền, cho kéo kỳ hiệu lên, chúng tưởng rằng giả, chúng định đánh cướp.

Tụ Duy bật cười:

- Vậy anh chị có giết chúng không?

- Khi thấy chúng hối lỗi van xin, anh tha cho chúng. Nhưng chị đánh cho mỗi tên một chiêu *Bức mach*, rồi hện chúng phải mua hai nghìn đấu gạo phát cho người nghèo, bấy giờ chị mới giải *Bức mach* nội lực cho.

Ba cha con xuống thuyền. Đây là một con thuyền lớn, thời bấy giờ gọi là thuyền đình.

Thuyền đình thời Lý thường dài khoảng bốn trượng đến mười trượng (8 m tới 20 m). Thuyền có ba tầng, tầng thấp nhất là đáy thuyền, chia làm nhiều khoang, các khoang ngăn cách nhau bằng những vách gỗ kiên cố, mục đích để lỡ thuyền bị thủng, nước chỉ tràn vào ngăn vỏ mà thôi. Mỗi khoang đều có cửa sổ để tát nước. Những khoang này dùng để chứa các chum (lu) đựng nước ngọt khi vượt biển, hoặc lương thực, than, củi đun. Tầng giữa chia làm hai ba phòng khác nhau, đây là nơi sinh hoạt chính của người đi thuyền. Tầng trên cùng, thực ra chỉ là cái chòi cho thuyền trưởng, tài công lái thuyền. Thuyền có nhiều phu chèo. Phu chèo ngồi trên sàn. Nhưng đa số những di chuyển của thuyền đều dùng sức gió đẩy vào buồm.

Con thuyền đình của phường môn phái Đông A thì không dùng thuyền phụ, đầu bếp, tài công, tỳ nữ là người ngoài. Tất cả các công việc trên du thuyền này đều là đệ tử trong môn phái đảm trách.

Viên thuyền trưởng tên Tô Trung Sách tuổi còn trẻ, y mô của thuyền cúi rạp người xuống:

- Xin kính thỉnh sư phụ, nhị vị sư huynh.

Tụ Hấp vỗ vai y:

- Tô tiểu sư đệ, hồi này dung quan chú khác thường quá. Anh thực là đoảng, năm trước chú cười vợ đúng lúc anh đang ở Trung Nguyên, thành ra không dự được. Hôm nay anh phải uống với chú mười chung để chuộc lỗi.

- Đa tạ sư huynh. Năm trước tụi sư huynh không về, nhưng sư tỳ cũng gửi cho đệ đôi vòng bích ngọc. Vợ đệ thích lắm.

Ba cha con theo sự hướng dẫn của Trung Sách vào trong khoang thuyền chính. Trong

khoang đã có năm nam, hai nữ ngồi đó từ bao giờ. Cả bảy người đều đứng dậy cung tay:

- Tham kiến sư phụ.

Tụ Kinh vẫy tay:

- Các con ngồi xuống đi, miễn lễ.

Tụ Kinh có hai con trai là Tụ Hấp, Tụ Duy, và năm nam đệ tử, hai nữ đệ tử. Hai nữ đệ tử chính là vợ của Tụ Hấp, Tụ Duy.

Tụ Kinh với hai con trai, hai con dâu, năm đệ tử cùng ngồi quang cái án thứ lớn.

Trung Sách gọi tỳ nữ đem hoa quả ra, cùng pha trà. Tụ Kinh chỉ chiếc ghế cuối bàn cho Trung Sách:

- Con ngồi đó đi. Con tui là đệ tử út của ta, nhưng năm nay tuổi đã trên ba mươi, thì mọi chuyện trong môn phái con cũng phải tham dự để biết.

- Đa tạ sư phụ.

Tụ Kinh thấy trong khoang thuyền có năm nữ tỳ, mặt ông hỏi cau lại hỏi Tụ Duy:

- Con! Hồi đầu tháng mười một, bố đã dặn con rằng: Tất cả lực điền, bộc phụ, tỳ nữ, mã phu trong trang, con cho họ về quê nghỉ ăn Tết từ rằm tháng chạp, tới rằm tháng giêng. Bố cũng nhắc nhở rằng trong dịp này con vẫn phát lương cho họ đầy đủ, tặng thêm cho một tháng lương; đặc biệt cấp thêm ít tiền đi đường, cùng cho mỗi người ít đấu gạo nếp tía là sản phẩm đặc biệt của Thiên Trường. Nay sao trong thuyền này còn tới năm tỳ nữ?

- Thưa bố, năm con bé này không phải là tỳ nữ bình thường. Nguyên nhà chúng nghèo, bị bán làm tỳ thiếp cho bọn khách thưởng. Bọn khách thưởng định đem về Trung Nguyên làm kỹ nữ. May mắn thay, dọc đường gặp anh chị Tụ Hấp giải thoát rồi cho về với gia đình. Nhưng năm con bé này không dám về, sợ bọn khách thưởng kiện cáo với quan nha bắt bỏ bố mẹ chúng. Anh chị mới gửi chúng về ẩn tại trang nhà mình. Do vậy tuy Tết đến, chúng nhỏ nhà nhưng cũng không dám về.

- Các con hành xử như thế thì đúng với hiệp nghĩa, nhưng không đủ đức nhân.

Anh em Tụ Hấp, Tụ Duy cùng đứng dậy cung tay:

- Chúng con xin nghe lời giáo huấn của phụ thân.

- Này Tụ Hấp con! Tụ hậu, nếu con gặp trường hợp tương tự, sau khi ra oai cho bọn khách thưởng rồi, thì con phải hỏi xem chúng mua người mất bao nhiêu tiền? Con bồi hoàn cho chúng, rồi đưa bọn con gái khốn nạn này về với cha mẹ. Như vậy, có phải mình vừa có cái hiệp, vừa có cái nhân không?

- Dạ, con xin ghi lời dạy dỗ của phụ thân.

Ông gọi năm tỳ nữ:

- Các con lại đây!

Năm tỳ nữ cung kính chấp tay đứng trước Tụ Kinh. Ông chỉ vào cái ghế dài:

- Các con ngồi đó đi.

Ông ôn tồn hỏi:

- Tết đến nơi rồi, các con có nhỏ nhà không?

Lập tức mắt cả năm đứa đều ềnh ếch nhìn nước như muốn khóc:

- Thưa lão gia chúng con đều nhỏ nhà, nhưng muốn ngàn lần chúng con không dám về thăm cha mẹ. Vì sau khi tiểu lão gia cứu chúng

con ra, bọn khách thưởng vu vạ rằng chúng con bỏ trốn rồi thừa lên quan. Trong khi đó thì bố mẹ chúng con lại thừa rằng chúng đem bọn con về Trung Nguyên. Cho nên quan nha đang truy lùng bọn con dữ lắm. Nếu như bây giờ bọn con trở về thăm nhà, thì bố mẹ chúng con bị lỗi tội to.

Dù là phường môn nhân một môn phái nước tiếng Hoa-Việt, dù từng hành hiệp trên năm mươi năm, Tụ Kinh róm róm nước mắt bảo vợ chồng Tụ Hấp:

- Tụ Hấp, Anh Hoa! Bố thấy năm trẻ này khuôn mặt thanh tú, lại làm cảnh khốn nạn. Các con nên nhận chúng làm con nuôi, rồi gắng công dạy dỗ chúng, sau đó ta kiếm chỗ gà chông cho chúng, chẳng là điều nhân ư?

Tụ Hấp, Anh Hoa cúi đầu:

- Chúng con xin tuân lời phụ thân.

Năm tỳ nữ nghe cha con Tụ Kinh đối thoại thì mừng chi siết kể. Bởi danh tiếng phái Đông A cực lớn, chỉ cần được làm người dân trong trang thôi, thì một là không có nhà sẽ được cấp nhà, hai là không có ruộng sẽ được cấp ruộng, ba là không bao giờ bị cường hào ác bá ức hiếp, bốn là không bao giờ bị quan lại những lạm. Bấy giờ được làm con nuôi của con cả phường môn, bỗng chốc trở thành một *đại tiểu thụ*, thì đến năm mơ chúng cũng không tưởng tượng nổi.

Năm người đến trước Tụ Kinh quý gối lạy bốn lạy:

- Nội tổ.

Lại lạy vợ chồng Tụ Hấp:

- Nghĩa phụ, nghĩa mẫu.

Tụ Kinh vuốt tóc năm thiếu nữ:

- Các cháu ơi! Tại sao các cháu lại dùng tiếng *Nội tổ*, *Nghĩa phụ*, *Nghĩa mẫu* mà không dùng tiếng *Ông nội*, *Bố mẹ*? Lại nữa, con thì là con, chú không có cái việc phân chia con đẻ, con nuôi. Vậy thì cũng không còn cái gì là nghĩa phụ, nghĩa mẫu nữa.

Năm thiếu nữ hành bốn lễ với vợ chồng Tụ Duy:

- Chúng cháu ra mắt chú thím.

Anh Hoa chỉ các sư đệ:

- Các con mau hành lễ với các sư thúc đi.

Năm thiếu nữ lại hành lễ:

- Chúng cháu ra mắt chú vị sư thúc.

Tụ Kinh vui vẻ nhìn năm đứa cháu nội mới, ông suy nghĩ một lát rồi nói: - Bấy giờ ông đặt tên cho năm cháu. Các cháu nhỏ, từ ngày hôm nay các cháu đều mang họ Trần đấy nhà.

Ông chỉ vào thiếu nữ lớn tuổi nhất:

- Đáng người cháu thanh thoát, giống như chim anh vũ, ông cho cháu mang tên Hoàng Anh.

Ông chỉ vào thiếu nữ da trắng mịn:

- Ông đặt cho cháu tên là Bạch Hạc.

Ông chỉ vào thiếu nữ có mái tóc đen dài óng mượt:

- Ông đặt cho cháu tên là Huyền Mi.

Ông chỉ vào hai thiếu nữ còn lại:

- Ông thấy cháu riu rít như con sè, vậy thì tên cháu là Thanh Tước. Còn cháu, cháu nhỏ nhất, nhẹ nhàng như chim yến, da dẻ hồng hào, ông cho cháu tên là Hồng Yến.

Trong khi cha con, ông cháu nói chuyện thì con thuyền giống bướm cõi sống đi dọc con sông Phú Lương (Hồng Hà).

Tự Kinh bảo Tô Trung Sách:

- Trước khi chúng ta bàn chuyện đại sự, con nên kiểm soát lại một lượt. Tường có mạch, bức vách có tai.

Trung Sách đứng dậy đi một vòng các khoang, sờ thuyền, bính lái, rồi trở vào:

- Trình sứ phụ, hoàn toàn an ninh.

Tự Kinh đưa mắt nhìn các con, các đệ tử một lượt rồi lên tiếng:

- Nhân dịp cuối năm ta cho triệu hồi các con về đây trước là để ăn Tết, hai là để kiểm điểm lại tình hình Đại Việt ta.

Ông bảo Tự Hấp:

- Trước hết con hãy trình bày tình hình triều đình ra sao đã.

- Thừa bố, tình hình triều đình thực nát bét, nếu không có gì thay đổi, e chỉ mấy chục năm nữa thì đất nước này sẽ loạn to. Đại Việt ta củ phải cúi đầu trước Trung Nguyên và lùi bước trước Chiêm Thành.

- Con hãy tóm lược tình hình kể từ khi vua Nhân Tông băng hà đến giờ cho bố nghe.

- Sau khi ta thắng Tống, bọn Quách Quý, Triệu Tiết dẫn tàn quân về nước; triều đình mau chóng tổ chức, kiến thiết lại đất nước (1077). Do vậy dân giàu nước mạnh. Phía Nam, Chiêm tiến cống. Phía Tây, Lão Qua tuân phục. Phía Bắc Tống phải nể sợ. Đất nước trải qua 50 năm cường thịnh. Niên hiệu Thiên-Phù Khánh-Thọ nguyên niên (Đình Mùi 1127) nhà vua băng, miếu hiệu là Nhân Tông. Trước đây nhà vua không có hoàng nam, lập con của người em là Sùng Hiền Hầu, do phu nhân Đỗ Thị sinh ra, tên Dượng Hoán lên làm Thái tử. Thái tử Dượng Hoán nguyên là thánh tăng Tử Đạo Hạnh thác sinh.

Tự Kinh muốn cho các cháu nuôi cảm thấy là cháu thực sự, chứ không phải là tỷ nữ, ông hỏi chúng:

- Có cháu nào biết về sự tích này không?

Hồng Yến lễ phép:

- Thừa ông, cháu biết ạ.

- Cháu kể ông nghe thử?

- Nguyên thánh tăng Tử Đạo Hạnh rất thân với Sùng Hiền Hầu. Một hôm Hầu than với Ngài là Hầu không có con trai, ngỏ ý muốn đi cầu tự. Ngài hứa giúp, rồi dặn Hầu rằng: Khi nào phu nhân trở dạ thì báo cho Ngài biết. Đến ngày phu nhân trở dạ, cử đầu bụng hoai mà không sinh. Hầu nhỏ lời dặn, vội cho người phi ngựa báo cho Ngài. Ngài bèn tắm rửa rồi vào hang núi hóa thân, xuất hồn nhập vào thai nhi. Bấy giờ phu nhân mới sinh. Xác của Ngài hiện vẫn còn ở hang Thạch Thất, núi Sài Sơn.

Tự Kinh khen:

- Cháu tôi giỏi quá. Được rồi Tự Hấp tiếp đi.

- Đúng lúc vua Nhân Tông băng, thì bên Trung Nguyên xảy ra biến cố: Một bộ tộc phía Bắc Trung Nguyên cường thịnh, thành lập nước Kim. Kim liên minh với Tống đánh chiếm nước Liêu. Liêu bị diệt, Kim vì ước, thuận thế tràn vào Trung Nguyên chiếm vùng đất của Liêu đã lấn của Tống trước kia đã đánh, mà còn tiến quân đánh Tống. Người Kim chiếm Biện Kinh, bắt

vua Huy Tông, Khâm Tông đem về Bắc. Một hoàng tử, em của Khâm Tông tên Triệu Cấu vượt sông Trường Giang, xuống Nam Kinh, họp quân tái lập triều Tống, võ lâm gọi là triều Nam Tống.

Tự Duy hỏi:

- Bấy giờ các văn thần võ tướng Đại Việt đầu mà không nhân dịp này chỉ cò lên Bắc, tái chiếm lãnh thổ thời vua Hùng, vua Trưng?

- Một là, trong triều đang có tang vua Nhân Tông. Hai là, các tướng giỏi thời Anh Vũ Chiêu Thắng người thì chết, kẻ thì quá già, nên không ai bàn tới. Ba là, vua mới lên ngôi tuổi chưa quá 12, nên triều đình chỉ biết an phận. Nhà vua lên ngôi, bị ác tật, được Minh Không đại sư trị khỏi, nhưng chỉ làm vua được có 11 năm thì băng hà., miếu hiệu là Thần Tông. Thái tử Thiên Tộ, mới ba tuổi lên ngôi vua (Sau bị băng, miếu hiệu là Anh Tông). Chiêu Hiếu thái hoàng thái hậu là Đỗ Thị (vợ Sùng Hiền Hầu, mẹ Thần Tông), Cảm Thánh hoàng thái hậu họ Lê (vợ vua Thần Tông) làm phụ chính. Tất cả những suy đồi của triều đình bắt đầu từ hai người đàn bà này.

Đại đệ tử của Trần Tự Kinh là Quách Tử Minh hỏi:

- Sư đệ, gốc tích hai người đàn bà này ra sao?

- Chiêu Hiếu thái hoàng thái hậu họ Đỗ, là chính phi của Sùng Hiền Hầu, sinh ra vua Thần Tông. Hồi vua Thần Tông lên ngôi, thì Sùng Hiền Hầu được tôn làm thái thượng hoàng, rồi phụ chính, vì vậy bà không thể can dự vào chính sự. Nay con bà là vua Thần Tông băng, cháu nội mới ba tuổi lên ngôi vua; con dâu bà là Cảm Thánh hoàng thái hậu mới hai mươi tuổi, lại xuất thân trong gia đình tiểu lại, nên bà có cổ xen vào việc triều đình.

Tự Hấp ngừng lại cho mọi người theo kịp rồi tiếp:

- Còn chuyện Cảm Thánh hoàng thái hậu thì hơi dài dòng. Nguyên khi Thần Tông lên ngôi, tuy tuổi mới mười ba, nhưng mẹ là Chiêu Hiếu hoàng thái hậu đã tuyển cho một lúc hơn chục bà vợ ở lứa tuổi mười đến mười ba. Trong những phi tần đó, thì con gái Lê Xương đẹp hơn hết, lại được lòng Chiêu Hiếu hoàng thái hậu, nên bà muốn lập làm hoàng hậu. Nhưng triều thần phản đối, vì cha cô chỉ là một chức quan quá nhỏ. Hơn nữa Lê thị là người thất học, nói năng thô lỗ cộc cằn, không xứng với ngôi mẫu nghi thiên hạ. Vì vậy bà chỉ có thể phong cho Lê thị làm Minh Bảo - phu nhân. Bất đắc dĩ bà phải phong con gái của Điện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn làm Lệ Thiên hoàng hậu. Hơn năm năm sau, Lý Sơn được thăng chức Phiêu kỵ thượng tướng quân rồi đi trấn ở Bắc Cương. Một đêm, Lệ Thiên hoàng hậu không bệnh mà băng, bầy giờ bà mới mười sáu tuổi. Ngự y nói rằng, bà bị cảm mạo mà qua đời. Nhưng ngót-khâm liệt hậu thì biết rằng bà bị đánh một Huyền-âm chuông vào đầu. Sau khi Lệ Thiên hoàng hậu băng, thì Minh Bảo phu nhân được phong làm Cảm Thánh hoàng hậu.

Tự Kinh hỏi:

- Có chắc là Huyền-âm chuông không? Ta tưởng từ khi Trường Bạch song hùng chết rồi,

thì chuông này bị tuyệt tích, mà nay lại thấy xuất hiện ở Hoàng thành! Kể cũng lạ.

Anh Hoa khẳng định:

- Thừa bố, chính mắt con đã được thấy di thể Hoàng hậu. Thân thể bà chuông phình lên, da xám đen, người lạnh như băng.

- Các con nghĩ sao?

Đệ nhị đệ tử của Tự Kinh tên Vũ Tử Mẫn là người uyên thâm Nho học, mưu trí trùm hoàn vũ, ông ứng lời sứ phụ:

- Huyền-âm chuông nguyên là võ công của phái Trường Bạch bên Trung Nguyên. Kể từ khi Trường Bạch song hùng bị Phò mã Thân Thiệu Thái đánh bại, tổ phụ xin Phò mã tha mạng sống cho họ, rồi giam lỏng trong trang Thiên Trường nhà ta. Cho đến khi hai ông qua đời, con thì còn thơ, đệ tử thì không có. Sao chuông này lại có thể lưu truyền được? Việc này ta phải điều tra cho ra manh mối, bằng không, thì phái Đông A nhà ta mang tiếng không ít.

Mọi người đều gật đầu đồng ý. Vũ Tử Mẫn tiếp:

- Theo đệ tử nghĩ, Lệ Thiên hoàng hậu bị ám toán, do việc tranh quyền trong nội cung họ Lý. Đây là việc của triều đình, mà từ Thái Hậu cho tới nhà vua đều nhắm mắt bỏ qua, thì mình cũng không nên can thiệp vào. Muốn tìm ra thủ phạm, thì ta chỉ việc đặt câu hỏi: Lệ Thiên bằng thì ai được hưởng lợi là biết ngay.

Tự Kinh gật đầu tỏ ý công nhận Tử Mẫn có lý. Ông nhắc con:

- Tự Hấp tiếp đi.

- Lý Sơn nghe tin con gái bị ám toán, ông từ Bắc Cương về triều xin điều tra nội vụ. Thái hoàng thái hậu triệu ông vào cung ban yến, an ủi. Nhưng ngay đêm đó trở về, ông mùa ra máu mà chết, người nhà cáo với triều đình rằng ông bị đầu độc.

Tự Kinh lắc đầu:

- Quá lắm rồi, con tiếp đi.

- Thái tử Thiên Tộ lên ngôi vua, lấy hiệu là Đại Định (sau là vua Anh Tông), phong cho em trai của Chiêu Hiếu thái hoàng thái hậu tên Đỗ Anh Vũ làm *Cung điện lệnh tri nội ngoại sự*. Thế là triều đình có ông vua còn bé ngửa ngồi trên, hai bà thái hậu cầm quyền ở trong, và một ngoại thích ở ngoài chuyên quyền.

Tự Kinh hỏi:

- Đỗ Anh Vũ xuất thân từ đâu?

- Y là ngoại tổ của phái Tiêu Sơn. Sứ phụ là Khánh Hỷ đại sứ, thủ tọa Vạn Hạnh đường.

Đệ tam đệ tử của Tự Kinh là Cao Tử Đức hỏi:

- Sư huynh, đệ đã đọc tất cả thư tịch về quan chế Đại Việt cũng như Trung Nguyên, chưa từng nghe nói đến chức *Cung điện lệnh tri nội ngoại sự* bao giờ cả. Chức này là chức văn hay võ? Cao hay thấp hơn Thượng Thư?

- Đây, mới loạn từ cái chức văn sinh ra. Nguyên Đỗ thái hoàng thái hậu muốn thu trọn quyền, bà cần có một người nắm cả văn lẫn võ thân tín ở bên cạnh. Chức này phải cao hơn Tế Tướng, trong khi Anh Vũ chức quá nhỏ, không thể phong cho y được. Vì vậy bà mới *nặn* ra cái chức quái gở là *Tri nội ngoại sự*, tức được quyền can thiệp cả trong nội cung lẫn triều đình. Từ đấy mọi quyền hành, đều do Anh Vũ ban phát cả, hóa cho nên, duồng tử của vua

Nhân Tông là Thân Lợi mới nổi loạn. Bốn trong mười hiệu Thiên Tử binh theo Thân Lợi, nội chiến trong hai năm thì Thân Lợi bị diệt. Sau cuộc nội chiến, bốn hiệu binh theo Thân Lợi tan rã, sáu hiệu khác theo triều đình bị hao hụt quá nửa. Anh Vũ cho giải tán Thiên Tử binh, y tuyển mấy nghìn cấm binh gọi là Phụng Quốc vệ để giữ kinh thành mà thôi.

Cử tọa đều lắc đầu, tỏ vẻ lo lắng.

Tự Kinh than:

- Mười hiệu Thiên Tử binh là mười đạo binh được Khai Quốc vương cùng các anh hùng thời vua Thái Tông, Thánh Tông bỏ ra biết bao nhiêu tâm huyết tổ chức, huấn luyện; từng binh Chiêm, phạt Tống, bao năm qua... phút chốc do hai mục đàn bà thất học mà tan rã. Ôi! Thực đau đớn thay. Con tiếp đi.

Niên hiệu Đại Định thủ tám (Đình Mão, 1147), nhà vua đã 12 tuổi, nhân cơ thể suy nhược, quan thái y tâu Thái hoàng thái hậu cho nhà vua tập võ, hầu thân thể khỏe mạnh. Thái hoàng thái hậu cử một hoàng thúc tên Lý Long Vũ dạy nhà vua. Nhà vua luyện võ được sáu tháng thì nổ ra vụ Anh Vũ tử thông với Cẩm-Thánh Lê thái hậu. Nhà vua ra lệnh bắt Anh Vũ đem chém, nhưng võ sĩ không ai tuân chỉ, vì chúng đều là chân tay y. Nhà vua hô Long Vũ bắt y. Long Vũ phải đánh tới hơn tám mươi chiêu mới hạ được y. Y chạy thoát sang ẩn ở cung Quảng Tử của Thái hoàng thái hậu. Thái hoàng thái hậu ban chỉ triệu nhà vua với Long Vũ vào cung Quảng Tử, an ủi rằng: Cái vụ y tử thông với Lê thái hậu là do người ta bịa đặt, rồi xin nhà vua tha cho Anh Vũ. Nhưng ngay ngày hôm sau, Anh Vũ giả chiếu chỉ vua, sai cấm binh giết cả nhà Long Vũ. Từ đấy Thái hoàng thái hậu ban chỉ cấm không cho các hoàng tử, công chúa, cung nga tập võ. Lại có chỉ rằng, tự hậu khi tuyển thái giám, cung nga, thì những người biết võ không được dự. Tháng mười một năm ấy, Thái hoàng thái hậu bắt quả tang Anh Vũ tử thông với Cẩm-Thánh Lê thái hậu. Ngay đêm đó, thái hoàng thái hậu băng, Anh Vũ cáo với triều đình rằng bà bị cảm mạo mà qua đời. Nhưng thực ra bà bị đánh một Huyền-âm chuông.

Tô Trung Sách hỏi:

- Như vậy thì chính Đỗ Anh Vũ đã giết chị mình rồi! Cái người xử dụng Huyền-âm chuông hẳn có liên hệ với Anh Vũ. Tội giết Thái hoàng thái hậu thực không nhỏ, thế các quan đâu mà không chặt đầu y đi cho rồi. Không lẽ họ đều cúi đầu chịu cảm nín ư?

Tự Hấp lắc đầu:

- Có đấy chứ. Ba năm sau, niên hiệu Đại Định thủ mười một (Canh Ngọ, 1150) các quan tổ chức cuộc binh biến giết Anh Vũ, nhưng bắt thành.

Tự Duy lắc đầu:

- Tổ chức binh biến làm gì? Chỉ cần khi vào triều, một người nào đó thì cho y một mũi kiếm là xong. Em chắc cuộc binh biến không thành.

- Đúng thế! Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Đái, hóa đầu đồ Quảng Vũ là Lương Thượng Cá, hóa đầu đồ Ngọc giai là Đồng Lợi, nội thị đô tri là Đỗ Ất; mưu với Trí Minh vương Lý Long Dũng, Bảo Minh hầu Lý Long Can, Bảo Thắng hầu Lý Long Hiền, Phò mã Dương Tự Minh.

Uớc định xong xuôi, Vũ Đái đem quân đến của Việt Thành, đánh đuổi bọn cấm quân của Anh Vũ, giải vây cho nhà vua, rồi tâu hết tội trạng Anh Vũ. Nhà vua ban chỉ bắt Anh Vũ. Anh Vũ bị bắt trôi ở hành lang tả Hưng Thánh, giao cho quan đình úy tra xét. Cẩm Thánh thái hậu sai người đem vàng bạc đúc lốt cho Vũ Đái, Đàm Dĩ Mông, Nguyễn Dương. Nguyễn Dương thấy các đồng liêu nhận vàng thì kinh hãi nói rằng: "Các ông với tôi mưu trừ kẻ ác, mà các ông ăn hối lộ, e rằng chúng ta không thoát khỏi tay Anh Vũ với dâm phụ đầu; chỉ bằng ta cử từng quyền giết y đi cho rồi", nói dứt cầm giáo đâm Anh Vũ.

Đệ ngũ đệ tử của Tự Kinh là Trần Tử Giác lắc đầu:

- Không xong rồi. Khi mọi người đều ăn của đút thì họ sẽ cản Nguyễn Dương ngay.

- Đúng vậy!

- Đò tả Hưng Thánh là Đàm Dĩ Mông, nhảy vào dùng kiếm gạt giáo của Dương, ngăn rằng: "Điện tiền bảo tội Anh Vũ đáng chết, nhưng phải đợi chỉ dụ của Hoàng thượng đã".

Thế là hai người thi diễn cuộc đấu. Võ công Mông thua Dương xa. Vũ Đái rút kiếm nhảy vào tiếp Mông. Dương biết đấu không lại hai người, như vậy đại cuộc đã hỏng rồi. Y đánh liền hai chiêu như vũ bão, rồi nhảy lui lại chỉ tay vào mặt Vũ Đái:

- Mày với tao mưu đại sự cầu nước, nhưng mày tham vàng trở mặt, rồi mày sẽ chết về tay gian phụ dâm phụ. Mày nên đổi tên là Vũ Cút cho đúng.

Nói dứt, Dương nhảy xuống giếng tự tử chết.

Vũ Tử Mẫn lắc đầu:

- Đệ không tin Nguyễn Dương nhảy xuống giếng tự tử. Vì các giếng trong thành Thăng Long đều không sâu lắm, trong khi Nguyễn là một cựu võ quan thù quân, làm sao y có thể chết đuối? Có lẽ y bị giết thì đúng hơn. Xin sử huyênh tiếp cho.

- Nhà vua sai giam Anh Vũ lại, rồi đem ra xét xử. Đêm hôm ấy, thái hậu khóc lóc với nhà vua, hôm sau nhà vua cử ra mấy đại thần thuộc phe đảng Anh Vũ để xét xử y. Y chỉ bị cách hết chức tước, bắt đi làm ruộng công ở xã Nhật Tảo, ngoài thành Thăng Long. Tiếng là bị đày, nhưng thái hậu mật đem y ẩn vào Hoàng cung, để gian dâm. Y bày mưu cho thái hậu, cử nay lập đàn cầu phúc, mai lập đàn cầu phúc, rồi xin nhà vua ban chỉ ân xá cho người có tội một hai bậc. Vì vậy chỉ mấy tháng sau, Anh Vũ được trở lại giữ chức Thái úy phụ chính như xưa. Trước đây, y đã bị người dưới quyền phản, mà suýt mất mạng. Bây giờ, y sai chân tay đi tuyển bọn vong mạng, bọn tử tù thành lập đội Phụng Quốc vệ bảo vệ dinh thự, vợ con, rồi đem bọn này thay thế cấm quân canh phòng Hoàng cung. Trước kia, mỗi khi nhà vua cần ban chính lệnh thì đem ra triều nghị, rồi ban chiếu chỉ. Bây giờ y bàn với thái hậu, tự soạn chiếu chỉ rồi bảo nhà vua ký. Nhà vua chỉ biết tuân theo.

Tự Kinh than:

- Thế thì y thành Thái thượng hoàng rồi. Bây giờ thì y tha hồ trả thù. Còn cái ông vua thì chỉ là con chó cho y sai khiến mà thôi.

- Quả như thân phụ luận. Y ban chiếu kể tội bọn Vũ Đái tự tiện đem quân vào cung, rồi

sai bắt giam vào ngục. Y lại sai đem những người đó ra xử. Trí Minh vương bị giáng xuống tước hầu, Bảo Ninh hầu xuống tước minh tự, Bảo Thắng hầu xuống tước phụng chức. Bọn nội thị Đỗ Ất năm người bị cỡi ngựa gỗ. Hòa đầu đồ Ngọc-giai là Đồng Lợi và tám người bộ hạ bị chém ở chợ Tây Giai. Điện tiền đô chỉ huy Vũ Đái và hai mươi thủ hạ bị chém đầu bêu ở bên sông. Phò mã Dương Tự Minh và ba mươi thủ hạ bị đày lên vùng Bắc Cương. Ngoài ra còn hơn ba trăm người có dính dáng vào vụ hạ bệ Anh Vũ năm trước, đều bị đi làm ruộng công điền ở Nhật Tảo. Vài tháng sau Anh Vũ giả chiếu chỉ giết hết.

Thanh Tước hỏi:

- Thừa bố, hình phạt cỡi ngựa gỗ ra sao? Bắt cỡi ngựa gỗ như con ngựa thờ ở đền Phù Đổng Thiên Vương thì có gì là đau đớn đâu?

Cử tọa cười ồm lên, làm Thanh Tước xấu hổ. Bà Anh Hoa bẹo má con:

- Để mẹ giảng cho con biết. Cỡi ngựa gỗ là hình phạt do Đỗ Anh Vũ chế ra, cực kỳ tàn bạo. Tội nhân bị lột quần áo, chỉ còn cái khố, rồi dùng dây mây trói vào tấm ván theo thể nằm ngựa; lại dùng đinh đóng bàn chân, bàn tay dính vào ván.

Thấy năm đứa con gái nuôi nhân mặt, rùng mình. Tự Hấp đưa mắt nhìn chúng, rồi mỉm cười, ngụ ý: *Còn hơn thế nữa*. Ông đưa mắt cho vợ, bảo giảng tiếp:

- Tội nhân bị rước đi khắp kinh thành cho dân chúng xem. Cuộc rạo này như sao: Cho một đội hình binh đánh chiêng trống đi trước, bốn hình binh kiêng tấm ván đi theo theo thể lộn ngược, đầu dưới đất, chân lên trên. Mỗi khi tới chỗ đông người, thì người đội trống cầm loa đọc bản án cho dân chúng nghe. Ngoài ra, cái đội này còn có một thằng hề, quần áo diêm dúa, mắt bôi xanh, bôi đỏ, tay xách thùng phân đi theo. Mỗi khi tội nhân đau đớn kêu gào, thì nó làm trò hề, giễu cợt cho khán giả cười. Nếu như tội nhân chửi rủa vua hay Anh Vũ, thì thằng hề múc một gáo phân tạt vào mặt.

Anh Hoa tiếp lời chồng:

- Không những y gian dâm với thái hậu, mà y còn cưỡng dâm các cung nga khác. Để phòng trường hợp bị ám toán bất ngờ, y ép vua ban chiếu bắt bọn hoạn quan cung nào ở cung ấy không được vào những cung khác, kẻo phạm tội thì bị giết. Bọn Phụng-quốc vệ canh giữ mà để cho người khác vào cung, cũng bị giết. Chiếu ban ra, các thân vương, đại thần tụ hội nhau chỉ trích dữ lắm. Thái hậu với y kinh hãi, vội ban chiếu: Cấm bách quan trong triều không cho đi lại nhà các thân vương, trong cung không được hội họp quá ba người; ai trái lệnh thì giết.

Cử tọa bật lên tiếng thờ dài:

Tự Kinh hỏi:

- Anh Vũ làm nhiều điều ác như vậy, mà sự phụ y là Khánh Hỷ đại sư đầu, không ngăn cấm y?

- Khánh Hỷ đại sư đã viên tịch lâu rồi!

- Ấy à!

Tự Kinh than:

- Ngài viên tịch trong trường hợp nào?

- Ngài từ Tiêu Sơn về Thăng Long vân du Chiêu-Thiền tự. Đang đêm đã bị kẻ lạ đánh

trộm một Huyền-âm chuông. Ngại đau đớn đến chết đi sống lại trong 49 ngày rồi viên tịch. Triều đình cũng như phái Tiêu Sơn phải rất nhiều người đi điều tra, mà cũng không ra manh mối.

Tự Kinh lắc đầu:

- Thôi Anh Hoa tiếp đi.

Anh Hoa tiếp:

- Anh Vũ sợ chính bọn Phụng-quốc vệ làm phản, y ép vua ban chiếu: Các Phụng-quốc vệ phải cất vũ khí vào kho, nếu có chiếu chỉ mới được lấy ra; ai không có lệnh mà tự tiện lấy ra thì bị xử tử. Ai không có nhiệm vụ mà qua lại hành lang chứa vũ khí thì bị phạt tám mươi trượng.

Tự Kinh thở dài hỏi:

- Năm nay Đại Định hoàng đế tuổi đã trên hai mươi, không lẽ ông không biết nắm lấy quyền?

- Thưa, một là ông không được tập võ. Hai là ông bị bà, rồi mẹ áp đảo riết rồi ông trở thành cục bột, chỉ biết ăn với ngủ. Ba là từ vệ sĩ, cho tới thái giám, cung nga, đều là người của Anh Vũ, nên ông đành bó tay.

- Ông ta đã có hoàng nam chưa?

- Thưa có rồi, hoàng trưởng tử năm nay đã bảy tuổi, tên là Long Xuồng, cực kỳ thông minh, được phong Thái Tử. Bốn tuổi Thái tử học văn với quan Thái phó Hoàng Nghĩa Hiền, là một túc nho, lại thanh liêm, chính trực. Năm tuổi lâu thông Thi, Thư, và hiểu rõ quốc sử. Đường như quan Thái phó muốn huấn luyện cho Thái tử có chí khí như Khai Quốc vương. Tin này đến tai Anh Vũ. Anh Vũ sợ tướng lai Thái tử trở thành người có tài; đến tuổi mười hai, mười ba được mở phủ đệ riêng, ắt sẽ quy tụ anh hùng; thì y sẽ khó sống. Vì vậy, y tâu riêng với Thái hậu. Từ đây, mỗi khi quan Thái phó giảng sách cho Thái tử, thì Thái hậu ngồi sau màn nghe. Vì vậy Thái phó chỉ dám giảng thơ, văn mà thôi. Nhưng Thái tử cũng không vừa, thường tìm cách trốn ra nhà Thái phó để học thêm. Việc này Thái hậu chưa biết.

Cao Tử Đức hỏi:

- Sư huynh! Thế sinh mẫu của Thái tử là ai?

- Là Chiêu Linh hoàng hậu. Hậu họ Vũ, con quan An Vũ kinh lược sứ Thanh Hóa. Ông là một đại cao thủ phái Mê Linh. Hậu là người tính tình ôn nhu, văn nhã, có phong thái mẫu nghi thiên hạ; học một biết mười, văn chương quán thế, lại luyện chút ít võ nghệ với phụ thân. Khi hậu nhập cung, ông có gửi một nữ cao thủ giả làm bộc phu, với mười tám đệ tử giả làm cung nữ theo hầu hậu, đêm đêm luyện võ cho hậu. Khi hậu thấy Thái tử bị Thái hoàng thái hậu, rồi Thái hậu cấm luyện võ, hậu âm thầm truyền thụ võ nghệ cho con. Chính hậu giảng sách cho Thái tử. Có thể nói, kiến thức Thái tử hầu hết do hậu truyền cho. Trong Hoàng cung, duy có cung Chiêu Linh là Đỗ Anh Vũ với hai bà thái hậu kiêng né một chút.

Tự Kinh gõ tay lên án thư, rồi thở dài:

- Từ lâu rồi phái Đông A nhà ta không lý gì đến việc triều đình. Nhưng nay có ba việc ta không thể nhắm mắt. Một là vụ Lý Sơn bị đánh thuốc độc, Hoàng hậu bị ám toán. Hai vụ Lý Long Vũ bị giết cả nhà. Ba là vụ Huyền-âm

chuông tái xuất giang hồ. Lý Sơn, Long Vũ là cháu bốn đời Khai Quốc vương, như vậy ông với chúng ta có tình huyết tộc, so vai vế ta phải gọi người bằng anh. Hai người lại là đệ tử duy nhất của phái Đông A hiện làm quan tại triều. Nay hai ông với con gái bị bọn ngoại thích hại, ta không thể nhắm mắt làm ngơ. Ta mà làm ngơ, thì bọn ngoại thích sẽ thừa thế lấn tới, riết rồi chúng ta không còn chỗ đứng trong thiên hạ nữa. Còn việc Huyền-âm chuông tái xuất giang hồ, thì ta phải tích cực. Từ khi Trường Bạch song hùng chết tại trang chúng ta, thì chuông quái ác này tuyệt tích. Nay tự nhiên có người sử dụng, thì ta phải tìm cho ra ác nhân, rồi tiêu diệt chúng, để trừ đi mối lo cho vô làm.

Ông suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Đất nước này số dĩ còn là do công lao của biết bao tiền nhân đã hy sinh xương máu, đã đổ mồ hôi ra xây dựng. Chúng ta không thể để cho điều tàn trong sớm tối. Chúng ta là con cháu Ứng Sơn song hiệp, Mộc Tồn hòa thượng, chúng ta phải ra tay, cứu sự nghiệp của vua Hùng, vua An Dương, vua Trưng. Còn sự nghiệp của triều Lý, thì để họ lo lấy. Khi đức của họ đã suy đồi, phúc khí hết, dù ta có cứu cũng vô ích. Ta biết rõ Đại Định hoàng đế tuổi đã trên hai mươi, nhưng bị mẹ, cùng phe đảng Anh Vũ khống chế mà vô lực: Phụng quốc vệ, quân đội, thái giám, cung nữ trong tay chúng. Vậy trước mắt chúng ta có ba việc lớn phải làm. Một là, *cứu vãn sự an nguy của xã tắc*. Hai là, *trừ gian diệt bạo*. Ba là, *xây dựng lại những gì đã mất. Nhưng tuyệt đối không can dự vào việc hoàng tộc triều Lý*. Ta phải đi gặp chuông môn nhân Ngũ đại môn phái Đại Việt để bàn về những việc này.

- Nhưng thưa bố...

-

Anh Hoa tiếp: Các phái, Mê Linh, Tân Viên đều có sự.

- Con nói ? ! ? ! ? !

- Chuông môn phái Mê Linh là Sư thái Nghi Hòa không rõ đi đâu mất tích, các đệ tử thì còn trẻ, thành ra ba tuyệt kỹ trấn môn là *Long Biên kiếm pháp*, *Nội Công âm nhu*, *Không Minh tâm pháp* bị thất truyền. Đại đệ tử của Người là Sư thái Nghi Ninh tạm lên thay thế. Đại hiệp Đặng Phi Sơn cũng mất tích trong trường hợp tương tự, thành ra Ngũ-tuyệt kỹ của phái Tân Viên là *Phục Ngưu thần chuông Dương-cung*, *Âm-nhu*, *Linh-Nam chỉ pháp*, *Võ-ngã tướng Thiên-công*, *Tán cốt lạc phách tiêu hồn chuông* bị thất truyền. Ngôi chuông môn bị bỏ trống. Năm năm trước, phái Tân Viên tổ chức đại hội ước định rằng: Tạm cử Tôn Đức-Hòa quyền chuông môn. Sau này bất cứ ai biết sử dụng hoặc tìm được Ngũ-đại tuyệt kỹ, thì sẽ được tôn làm chuông môn thực thụ.

Tự Kinh than:

- Hai phái Tân Viên, Mê Linh số dĩ được vào võ lâm Hoa-Việt tôn là môn phái lớn vì có các tuyệt kỹ trấn môn, nếu bị mai một, thì môn phái trở thành một bang hội nhỏ, chuông môn thành vô quyền. Hồng.

Ông trầm tư một lát rồi tiếp:

- Dù gì ta cũng phải tôn kính họ. Ta sẽ gặp họ để bàn quốc sự.

Các đệ tử đều ngạc nhiên về quyết định của Tự Kinh. Bởi từ xưa đến giờ, ông thường chủ trương, rũa áo đứng ngoài mọi sự của xã tắc, dù đệ tử nhiều lần xin ông can thiệp vào các biến cố bất lợi cho đất nước. Thế mà bây giờ ông đổi hẳn thái độ.

Ông tiếp:

- Các con ngạc nhiên về quyết định của ta phải không? Đâu có gì lạ! Trước nay ta không cho các con xuất chính, ra làm quan, vì ta nghĩ: Các con là những người hiệp nghĩa, đọc ngang trên đời, mà chỉ vì mấy đấu gạo, đem thân cho những tên ngu xuẩn sai bảo, cho những con đàn bà không đáng giá ba đồng xu chửi bới, ra luồn, vào cúi. Nay ta vẫn giữ cái chí đó. Ta quyết định cứu nước bằng con đường hiệp nghĩa, như Ứng-Sơn song hiệp như Mộc-Tồn hòa thượng.

Các đệ tử cùng chấp tay:

- Tuân lệnh sư phụ.

- Vậy sau Tết này, chỉ mình Trung Sách ở nhà trông coi trang ấp là đủ. Còn các con, hãy đem đệ tử chia nhau mỗi người một vùng, đi lại trên giang hồ, trừ diệt bọn tham quan, bọn cường hào ác bá, bọn bất trung bất hiếu. Tất cả do Tự Hấp điều động.

Thình lình thuyền phụ vào cúi rạp người xuống, nói với Tự Kinh:

- Trình thái sư phụ, có một xác chết bị trôi trôi trước thuyền, xin thái sư phụ phát lạc.

Tự Kinh ra lệnh:

- Vớt lên, rồi đem về bến mua quan tài mai táng, cho ấm áp thân thể người ta.

Nói rồi ông cùng chú đệ tử lên trên sàn thuyền. Thuyền phụ tung xuống chiếc dây, chiếc dây cuốn lấy nửa thân mình từ thi, y giật mạnh sợi dây, tử thi bay bổng lên cao. Tự Hấp vung tay một cái, tử thi bay ngang hơn trượng rồi rơi xuống sàn thuyền nhẹ nhàng như cầm đặt xuống vậy.

Mọi người đều chạy lại xem: Tử thi bị trôi thành năm khúc, bằng năm sáu sợi dây thừng, trong tử thể hai tay buông xuôi.

Phạm Tử-Tuệ là thầy thuốc, ông rút kiếm đưa một nhát, cả năm sợi dây đều đứt một lượt, ông vạch quần áo nạn nhân ra xem xét: Đó là một người đàn ông tuổi khá lớn, miệng bị nhét đầy giẻ, trên người không có một vết thương, chúng tỏ sát nhân nhét giẻ vào miệng nạn nhân để không thể kêu cứu, rồi đem quăng xuống sông. Nạn nhân chết vì ngộp thở.

Tò mò, Tử-Tuệ án tay vào ngực nạn nhân, thấy còn hơi ấm, ông vận nội lực dồn chân khí vào Đốc Mạch, thình lình tìm nạn nhân đập trở lại. Ông reo lên:

- Y chưa chết.

Ông rút trong bọc ra một hộp kim, lấy kim châm lên huyệt Nhân-trung, nạn nhân á lên một tiếng lớn, rồi mở mắt ra. Tử Tuệ gọi rồi rit:

- Nạn nhân bị ngâm dưới nước quá lâu, lạnh cóng hết chân tay. Mau mở cửa khoang thuyền, lấy quần áo khô thay cho người ta, rồi đốt lửa lên để sưởi ấm.

● ● ●

(Còn nữa VG103/2/1998)

# Cây trái quê mình

Huỳnh Hữu Cửu  
và Nguyễn Văn Ba viết,  
Bình Minh xuất bản

## TIỂU ĐĂNG

Có những cuốn sách đọc cũng được, mà không đọc cũng được. Thậm chí có những cuốn đọc có thể thấy thú vị, nhưng không đọc thì cũng không có gì đáng tiếc. Trái lại, có những cuốn không đọc thì uổng, vì bỏ lỡ một dịp để tiếp cận với một vấn đề nào đó, hoặc là hoàn toàn mới, hoặc là đã được nghe bàn, nhưng vẫn còn muốn nghe thêm.

Quyển *Cây Trái Quê Minh* của Huỳnh Hữu Cửu và Nguyễn Văn Ba là một tác phẩm thuộc loại thứ hai . . .

Cuốn sách gồm 13 bài, đề mỗi bài được đặt tên theo loại trái cây trình bày bên trong. Huỳnh Hữu Cửu viết 7 bài: *Mù U Năm Ngoái, Cây Trôm và Mù Trôm Ngâm Đường Phèn, Bông Giấy, Bông Jamaica, Hoa Úu Đàm, Ở Quận Cam nói chuyện Bưởi, Dừa Bồn Sông Hậu*; Nguyễn Văn Ba viết 6 chuyện: *Xoài Tượng Nước Mắm Đường, So Đũa và Nám Mèo, Thịt Tam Tạng, Dừa Hấu Cầu Đúc, Lúa Thần Nông, Hoa Mai Ngày Tết*. Nhan đề đã cho biết nội dung cuốn sách: "Cây Trái" là kiến thức; "Quê Minh" là tình cảm; "Cây trái" là vật chất; nhưng "Cây Trái Quê Minh" không chỉ là vật chất, mà còn là tình hoài hướng. Vì nhỏ quê, thương quê, hai tác giả đã nhắc đến hoa, đến trái, đến cây cỏ của quê nhà. Những thứ gọi ra không được nhiều, nhưng tấm lòng của hai tác giả gói vào đó nhiều lắm.

Tuy vậy, không phải bài nào trong cuốn sách cũng nặng về hoài cảm, về kỷ niệm. Cũng có bài nặng về kiến thức và chuyên môn. Phần kiến thức và chuyên môn này được một người có nhiều thẩm quyền về thực vật yếm trợ tinh thần: Giáo sư Phạm Hoàng Hộ, tác giả bộ sách *Cây Cỏ Việt Nam*, đề tựa. Những người viết bặt mỗi đúng là "đồng điệu" với hai tác giả: Bác sĩ Lê Văn Lân. Hai tác giả đã dành ra hơn nửa cuốn sách để nói về những gì ăn ngon, ăn được; người viết bặt đã dành trọn một cuốn sách để nói về ăn (cuốn *Bút Khảo Về Ăn*). Với người viết tựa, hai tác giả cùng "sở kiến"; với người viết bặt, hai tác giả cùng "sở mộ". Đúng là trường hợp "sở kiến lược đồng" và "điệu ái điệu".

Tôi có thói quen đọc những bài tựa, bài bặt, trước khi đi vào nội dung cuốn sách, để có sự yên tâm là sẽ không tốn thì giờ vô ích. Cuốn *Cây Trái Quê Minh* rất đáng đọc. Về chuyên

môn, về kiến thức, các bạn sẽ trực tiếp nghe Huỳnh Hữu Cửu y khoa bác sĩ và Nguyễn Văn Ba giáo sư, giảng giải. Về tình hoài hướng, các bạn chờ trực tiếp nghe hai tác giả tâm sự. Ở đây, tôi chỉ trích dẫn những gì thú vị. Hy vọng đó là ly rượu khai vị đưa các bạn vào bữa tiệc hoa trái của quê nhà.

Trong bài *Mù U Năm Ngoái*, Huỳnh Hữu Cửu có nhắc đến chuyện hồi xưa quân dân ta đánh Pháp, có lần dùng mọp đổ trái mù u ra đường, để cho quân Pháp dẫm lên trượt té. Chuyện này cũng có nhiều tài liệu ngoại sử kể, nhưng chỉ kể với tính cách nhắc lại một kinh nghiệm "bất tri bì" dẫn tôi thất bại. Nhưng ở đây, cách kể của tác giả khiến người đọc có thể tin "chiến thuật mù u" đã giúp quân dân ta thành công. Những tài liệu xưa kể lại chuyện ấy là để tự cười người mình cả tin những điều ngoa truyền đại để như: "Bọn Tây có tài lạ là nước bọt dẻo như hồ nếp. Nhưng chúng có nhược điểm là đầu gối không có khớp, vậy khi lâm trận cứ rải trái mù u ra đầy đất, chúng đạp phải sẽ té lăn ròi không đứng dậy được, quân ta cứ xông ra bắt trời". Sở dĩ có "chủ kiến" này là vì đứng tử xa, người ta thấy bọn Tây liếm tem mà dấn thú,



và chân mang giày ống, bước đi chân củ thảng đó giống như không có đầu gối.

Đọc bài *Xoài Tượng Nước Mắm Đường*, chúng ta sẽ gặp rất nhiều tiếng riêng, cách nói riêng. Nào "già rọi", "xoài sót", "thốt lốt", "vỏ lái", "bị đóc", nào "nói chuyện trồng xoài. Các bạn không phải là người quê ở miền Tây có biết cây xoài rừng có trái ăn được tên là "quéo" không, và ăn trái "quéo" đúng cách là bỏ nguyên trái vào miệng mà mút không? Vì thế thú xoài này còn có tên là "xoài mút". Và các bạn có biết "xoài mút" ngon cỡ nào không? Đây, Nguyễn Văn Ba xứng tụng... ngon ơi là ngon, ngọt ơi là ngọt, ngọt ngây ngọt ngắt... Bạn nào cảm thấy mê, thì nhớ... rú tác giả.

Trong bài *Thịt Tam Tạng* của Nguyễn Văn Ba, có một bức hình rất thú vị. Nhưng hãy nói đến cái tên của bài cái đã. Thật tình, cái tên này đã làm cho tôi giật mình. Ủa, tác giả tính kể chuyện Hồng Hải Nhi bắt được Đường Tăng trong Tây Du Ký đây sao? Phải, nhưng chỉ kể một chút xíu để dẫn sang chuyện đậu nành, đậu phụ, đậu hủ. Cuối bài có bức hình chụp Henry Ford đang cầm búa búa vào đuôi một chiếc xe hơi (chắc là xe Ford) chế bằng chất liệu lấy từ đậu nành, để chúng nó đậu nành cũng dùng được để thay kim loại. Đáng tiếc,

Henry Ford lúc bấy giờ trông hơi ốm yếu, và cái búa cũng không to mấy!

Đọc bài *Hoa Úu Đàm* của Huỳnh Hữu Cửu, tôi thật sự bất ngờ: Hoa "úu đàm" là trái sung! Hoa mà là trái; hình dạng là trái, nhưng chính là hoa. Đây là một câu chuyện về khoa học, về huyền nhiệm. Theo kinh điển nhà Phật, "úu đàm hoa" là một loài hoa thiêng, cả ngàn vạn năm mới có một lần. Còn trái sung thì ở Việt Nam không thiếu gì, ăn không ngon, chỉ dùng để cơm khi có nạn đói, hoặc ăn với mắm nêm. Bây giờ, nếu trái sung là, hoặc sẽ là hoa "úu đàm", thì đất nước ta có rất nhiều hoa thiêng. Chỉ chờ nó hoa thôi! Bao giờ mới nở? Ôi, phép Phật nhiệm màu, chúng con chờ đợi đã hơn hai mươi năm.

Với bài *Lúa Thần Nông*, Nguyễn Văn Ba trở về với cường vị chuyên gia canh nông. Tác giả cũng kể những chuyện của ngày cũ, nhưng các nông gia có thể tìm được ở đây những kinh nghiệm chắc chắn trong nghề trồng lúa. Tuy nhiên, tôi không có để ý đến những chi tiết chuyên môn về các giống lúa. Tôi chỉ để ý đến bức hình in ở trang 128. Cái cảnh nông dân che bồ đập lúa trên ruộng sao mà giống y như những cảnh tôi đã từng thấy ở quê tôi ngày trước! Cái ngôi nhà lợp ngói âm dương có sân gạch phơi lúa kia sao mà giống ngôi nhà của di tôi!

Sau khi nói chuyện hoa (hoa úu đàm), Huỳnh Hữu Cửu đi vào thực tế: Nói chuyện ăn, trái bưởi, và dưa bòn. Sau khi nói chuyện thực tế (lúa gạo), Nguyễn Văn Ba đi vào hoa và thơ: Trong bài *Hoa Mai Ngày Tết*, tác giả trích dẫn rất nhiều thơ liên hệ đến hoa mai. Đối với người Việt chúng ta, hoa mai gắn liền với Tết. Nguyễn Văn Ba đang ở xứ tuyết, viết bài này chắc

cũng trên xứ tuyết. Nhưng không thấy tác giả nhắc đến tuyết trong bài. Nhân đây, tôi xin dẫn hai câu đầu trong bài *U Châu Tân Tuế* (Năm mới ở U Châu) của Trương Thuyết (Đường), để gọi là "bổ túc", mà cũng là để bày tỏ một chút tâm sự:

*Khử tuế Kinh Nam mai tự tuyết,*

*Kim niên Kế Bắc tuyết như mai*

(Năm ngoái, ở Kinh Nam, mai nở giống như tuyết; năm nay, ở Kế Bắc, tuyết trắng giống như mai nở).

Tôi biết mai đây là bạch mai, nhưng vẫn không hiểu tại sao Trương Thuyết lại nhìn hoa mai mà thấy giống tuyết, và nhìn tuyết lại thấy giống hoa mai. Tuy nhiên, mỗi lần đón Tết vào giữa mùa đông băng giá của Gia Nã Đại, tôi lại nhớ đến hai câu thơ kia. Nhớ lại để thêm buồn. Không có mai. Chỉ có tuyết, lạnh, và trắng. Thật lạnh và thật vắng.

Tôi viết những dòng này vào lúc 7 giờ rưỡi tối ngày mùng một Tết Đinh Sửu. Tắt đèn, nhìn ra bên ngoài, tôi chỉ thấy trắng xóa một màu.□

(Ghi Chú: Sách hiện có tại Chùa Viên Giác, giá Hai Mươi Đúc Mạ, chùa kể cước phí)

# Giấc Nam Kha hay Giấc mộng kê vàng

● Nguyễn Nguyễn

**H**ôm đó trước khi ra về, anh bạn vong niên nhìn sâu vào mắt tôi rồi nói: Anh thấy chưa, mới đó mà bây giờ tui mình đã tóc bạc gác tóc xanh rồi đấy, lạ thật!... Rồi có vẻ như ngậm ngùi anh bạn tiếp: Cuộc đời như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao... Thế mà nời kê vẫn chưa chín đấy... Xong câu nói anh bạn bắt tay tôi, chào và quay lưng bước đi. Tôi còn tần ngần đứng tại chỗ nhìn theo anh cho đến lúc bóng anh khuất dần ở đường xa.

Cũng đã khá khuya rồi, tôi sửa soạn đi ngủ. Tôi nằm yên thật lâu mà không sao dễ được giấc ngủ. Tôi lại miên man nghĩ từ chuyện này đến chuyện khác, như con nhà Phật gọi là tâm viên ý mã. Tôi ngồi dậy, ra ngoài nhà lấy nước mát uống. Sau đó tôi cảm thấy khỏe khoắn và mát mẻ hơn... Câu nói của anh bạn ban chiều gợi tôi nhớ lại truyện **Giấc Nam Kha** mà ngày trước tôi đã đọc nhiều lần. Chính chữ "giấc Nam-Kha" cũng được chính thức học tại trường trong giờ Việt văn, từ truyện Cung Oán Ngâm Khúc của cụ Ôn Như Hầu. Câu thơ là:

*"giấc nam kha khéo bất tình,*

*bừng con mắt dậy thấy mình tay không"*

Theo lời giảng của thầy học hồi đó, với nghĩa bóng thì giấc nam kha ám chỉ rằng cuộc đời là ngắn ngủi, được xem như một giấc mộng! Tôi tiếp nhận lời giảng giải này một cách tự nhiên mà không thắc mắc gì. Về câu chuyện tôi đọc từ trong sách có nội dung đại cường thì hiện giờ tôi còn nhớ; tuy chi tiết không hẳn. Riêng câu nhập đề thì rõ như thế này (rất tiếc là tôi không còn nhớ được tên sách cũng như tên của soạn giả): *đây là lần thứ ba Lý Sinh rất kỳ xuân thi...* Và nội dung: Lý Sinh thi rớt nên trở về quê. Trên đường về, anh gặp cơn mưa lớn nên vào trong một ngôi chùa cổ ở ven rừng để trú mưa. Sư cụ mời Lý Sinh nằm nghỉ ở phòng trước rồi xuống bếp nấu nời chè kẹ để đãi. Lý Sinh nằm được một chốc thì thấy mình thi đậu tiến sĩ. Nhà vua gả công chúa cho. Lý Sinh sống trong danh vọng và hạnh phúc. Rồi có giặc ngoài biên, quan quân triều đình không thắng được, nhà vua cử anh đi đánh dẹp. Anh thắng trận càng được nhà vua quý trọng hơn. Giặc lại nổi lên, Lý Sinh lại thắng trận lần này, anh bắt bà vợ của vua giặc về làm tỳ thiếp. Lần thứ ba giặc lại kéo quân phục thù. Lần này Lý Sinh thất trận, bị giặc bắt và đem ra pháp trường xử tử... Khi lưỡi đao của đao phủ thủ hạ nhanh và mạnh xuống gần thì chàng hét lên một tiếng thật lớn rồi mở mắt nhìn trần trần lên trần nhà. Từ từ tỉnh lại, tuy còn kinh hãi nhưng Lý Sinh mừng lắm vì biết mình còn sống. Toàn người còn ướt đầm mồ hôi. Sư cụ từ dưới bếp lên hỏi thăm. Anh kể hết mọi chuyện. Sư cụ

nhìn anh với tia mắt ấm áp và nói nhẹ: anh đã mở một giấc dài, thế mà nời kê của ta vẫn chưa chín...

Câu chuyện như thế; nhưng lại không có chi tiết gì liên quan đến danh từ riêng "Nam kha", nên tôi không hiểu "vai trò" của chủ này trong câu chuyện! Hay tôi quên chăng? Tôi lại tìm sách lần nữa.

À thì đây, sách Truyện Kiều do cụ Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo (in lần thứ tám do nhà xuất bản Tân Việt Sài Gòn, không đề năm), có ghi:

A. Chú giải Trần Trọng Kim 1 (TTK.1). Câu thơ số 1714 và 1715:

*Hoàng lương chợt tỉnh hồn mai,*

*Cửa nhà đầu mắt, lâu đài nào đây.* (trang 141)

Chú giải tóm lược: hoàng lương là kê vàng. Ngày xưa Lý Sinh đi thi không đỗ, vào hàng côm nghỉ. Có một ông lão cho mượn cái gối nằm nghỉ, chiêm bao thấy đỗ tiến sĩ, làm quan trải cả trong ngoài, vinh hiển hơn hai mươi năm. Về sau lại dâng sớ lên hạch tội Lý Lâm Phủ phải cách quan. Tỉnh ra mới biết một giấc mộng. Nời kê nhà hàng còn chưa chín. Bởi thế mới gọi là mộng hoàng lương.

Câu thơ 1815 và 1816:

*Bề ngoài thôn thớt nói cười,*

*Mà trong nham hiểm, giết người không dao.* (trang 145).

Chú giải: Đường Lý Lâm Phủ tiểu trung hủ đao: người Lý Lâm Phủ nhà Đường cười mà có con dao trong tiếng cười; ý nói người thâm hiểm (sđd. trang 145).

Đối chiếu hai đoạn nhỏ trên đây, chúng ta thấy có một sự bổ túc cho nhau, nghĩa là Lý Sinh dâng sớ hạch tội Lý Lâm Phủ vì ông này rất thâm hiểm; nhưng rồi chính Lý Sinh phải cách quan!

B. Chú giải TTK.2

Hai câu thơ sau này nói về nàng Thúy Kiều đang đem lén đến tỏ tình với chàng Kim Trọng lúc Kim đang thi thi ngủ:

Câu thơ số 437: *Tiếng sen sẽ động giấc hòe,*

438: *Bóng trăng đã xế hoa lê đã gần.*

Chú giải: giấc hòe: Thuần Vu Phần ngày xưa ngủ dưới cây hòe, chiêm bao thấy hai sứ giả vờ vào làm Phò mã, rồi được phong làm Thái Thú ở đất Nam Kha, vinh hiển được hơn 20 năm. Đến khi thức dậy thì chỉ thấy đàn kiến bò bên mình (sđd. trang 79).

Trong sách Légendes des terres séreines của tác giả Phạm Duy Khiêm thì ghi rõ: Le Songe de Nam Kha ou La Bouillie de Millet (trang 77, 78, 79) và xin tóm lược: "... Ba năm sau, Lý Sinh thi đỗ Trạng nguyên; cuối công chúa đẹp nhất của vua. Lý Sinh thăng dần đến hàng Tế Tửu, sống giàu sang được mười lăm năm. Rồi có sự xâm lăng của giặc rợ; Lý Sinh, chiến thắng, giết được vua của giặc. Nhưng sắc đẹp man dại của bà vợ vua giặc quyến rũ Lý Sinh nên giữ được Lý Sinh bên cạnh bà. Lý Sinh hoàn toàn quên vợ, quên tổ ấm, quên bổn phận đối với vua cha, với xứ sở. Nhà vua cử quân đi đánh. Lý Sinh chống lại quân triều đình, nhưng các người thân cận phản lại và bắt

chàng nộp rồi bị kết án tử hình. Trước khi bị trừng phạt, Lý Sinh thức suốt đêm để nhớ lại cuộc đời mình: tuổi trẻ cực khổ, công lao học hành, rồi sự thăng tiến rạng rỡ, hạnh phúc, sự say mê điên rồ, rồi lạc nẻo và sự sụp đổ bỗng chốc... Mở mắt, Lý Sinh vẫn còn ở trong động, nằm trên bộ phận bằng đá. Ông đạo sĩ đang khuấy nời kê đang sôi... Ông nói: Hồi người trẻ tuổi, anh đã mở một giấc dài, thế mà nời kê của ta vẫn chưa chín, đợi ta một chốc nữa, ta sẽ vui lòng được anh chia sẻ bữa ăn đạm bạc của ta...

Xin tóm tắt mấy dòng quan trọng trong bài **Le Songe de Nam Kha ou La Bouillie de Millet**:

C'était la troisième fois que Lu Sinh échouait au concours triennal... En traversant la région de Nam Kha, il fut surpris par une averse dans la montagne. Il grimpa vers une grotte pour s'y réfugier. C'était la demeure d'un vieux taoïste... Trois ans après, Lu Sinh fut reçu au premier docteur de l'Empereur... Très rapidement arrivé au faite de la richesse et des honneurs, Lu Sinh maintint durant quinze ans.. Survint une invasion des Barbares... appelé au commandement suprême, Lu Sinh réussit à repousser les Barbares... tua leur roi. Mais le charme sauvage de la reine le captiva et le retint auprès d'elle, il oublia complètement sa femme, son foyer, ses devoirs envers son roi et son pays... L'Empereur dut se résoudre à envoyer une expédition contre lui. Lu Sinh s'insurgea, mais ses proches lieutenants le trahirent et le livrèrent. Il fut condamné à mort par l'Empereur... La nuit qui précéda le supplice, Lu Sinh la passa à se remémorer sa vie entière: sa pauvre enfance, ses labeurs d'étudiant, l'éclate ascension, le bonheur, puis la passion enivrante et l'égarement, et la chute soudaine... Lu Sinh ouvrit les yeux: il était dans la grotte, couché sur le lit de pierre... le vieillard remuait lentement sa bouillie de millet..." Jeune homme, dit l'ermite, vous avez fait un long rêve, mais sa bouillie n'est pas cuite. Donnez-moi encore un instant, vous me ferez le plaisir de partager mon modeste repas".

Nếu đối chiếu bài viết của Thạch sĩ Phạm Duy Khiêm được trích lại trên đây với bài mà tôi còn nhớ vừa được ghi ở phần trước thì nội dung giống nhau. Tuy thế nội dung bài của Phạm Duy Khiêm và bài chú thích của Trần Trọng Kim như xa nhau. Xin đối chiếu mấy nét chính trong bài của Phạm Duy Khiêm (ngay đây) với bài của Trần Trọng Kim (tiếp sau):

1. Có nói đến địa danh Nam Kha.
2. Lý Sinh trú mưa trong động, đó là nơi ẩn cư của một vị ẩn sĩ đạo lão.
3. Lý Sinh đỗ Trạng nguyên; rồi nắm giữ các chức vụ cao, cuối công chúa, lên hàng Tế Tửu...
4. Đạt đỉnh giàu sang trong mười lăm năm.
5. Thắng trận, giết vua giặc nhưng lại bị quyến rũ bởi sắc đẹp man dại của vợ vua giặc, rồi ở luôn bên cạnh bà này, quên vợ, quên bổn phận...
6. Chống lại quân triều đình bị bắt nộp, vua kết án tử hình.

7. Đêm trước lúc thụ hình, Lữ Sinh ôn lại đời mình.

8. Thức giấc; thấy vẫn còn trong động, lão người đang khuấy nồi kê chưa chín và nói: Anh đã mở một giấc mơ dài thế mà nồi kê của ta vẫn chưa chín...

**Bài chú giải của cụ Trần Trọng Kim:**

1. Không nói đến địa danh Nam Kha ở chú giải TTK.1; nhưng có nói ở TTK.2.

2. Lữ Sinh thì không đỡ, vào hàng cơm nghỉ (TTK.1), không nói gì ở TTK.2.

3. Có ông lão cho mượn cái gối. Lữ Sinh nằm mơ thấy đồ Tiến sĩ, làm quan vinh hiển 20 năm (TTK.1); chiêm bao thấy hai sứ giả vội làm Phò mã (TTK.2).

4. Về sau đáng số hạch tội Lý Lâm Phủ (vì ông này thâm hiểm) rồi bị cách quan (TTK.1); nhưng được phong làm Thái Thú ở đất Nam Kha (TTK.2).

5. Tỉnh ra mới biết là giấc mộng; thế mới gọi là giấc mộng hoàng lương (TTK.1); đến khi thức dậy thì chỉ thấy đàn kiến bên mình (TTK.2).

Với nội dung các giải thích trên đây (PDK - TTK.1 - TTK.2) tôi không biết nội dung nào thích hợp, hoặc nội dung nào đúng hơn, nội dung nào có trước, có sau, hay cùng thời? hay là tất cả các chi tiết được nêu lên chỉ là những phần được trích dịch từ một câu truyện dài trong một thể thống nhất mà thôi?

Tôi đi tìm sách lần nữa để xem sao. Tôi kiếm được cuốn *Cung Oán Ngâm Khúc*, bản dịch Pháp ngữ của dịch giả Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng, với đầu đề: *Cung Oán Ngâm Khúc (Les plaintes d'une Odalisque) - Elégie - in lần thứ ba 1970 Bộ Giáo Dục, Trung Tâm Học Hiệu xuất bản.*

Câu 81, 82: Mồi phú quý nữ làng xa mã, Bả vinh hoa lửa kẻ công khanh.

Câu 83, 84: Giấc nam kha khéo bất tình! Búng con mắt dậy thấy mình tay không!

**Phần chú giải của dịch giả:** Giấc nam kha ou nam kha mộng:

*Littéralement: Rêve de la branche du Sud. Allusion au rêve de Thuần Vu Phần, qui se voit transporté dans le pays du nom de Hòe-An, où le roi lui donne sa fille en mariage et le nomme gouverneur du district de Nam Kha. Après plusieurs années de bonheur, un jour il devient veuf et perd une bataille. Pour comble de malheur, le roi le chasse. A son réveil, il s'aperçoit qu'il a fait tout ce rêve au pied d'un sophora ayant une branche orientée vers le Sud et sous laquelle grouille une fourmilière. Lý Công Tá de l'époque des Đường, a relaté cette histoire dans un mémoire intitulé Nam Kha ký.*

**Xin chuyển dịch:** Giấc Mộng Nam Kha hay Giấc Mộng Cảnh Nam, ám chỉ giấc mơ của Thuần Vu Phần. Ông thấy được chuyển đến một xứ sở có tên là Hòe An. Ở đây ông được gả công chúa cho và phong làm Thái Thú phủ Nam Kha. Sau nhiều năm hạnh phúc, một ngày kia ông bị góa vợ và thất trận. Tận cùng của sự bất hạnh là nhà vua đuổi ông đi. Thức giấc, ông nhận ra rằng mình qua một giấc mơ ở dưới gốc hòe. Cây này có nhánh hướng về miền Nam và dưới nhánh cây đang có một đàn kiến bò lúc

nhúc. Lý Công Tá đời nhà Đường đã kể lại tích này trong truyện kỳ đề là Nam Kha ký.

\* **Một cách giải thích theo tác giả khác:**

Theo tác giả Trịnh Văn Thanh trong Thành Ngữ Điển Tích. Danh Nhân Từ Điển (nhà Xuất bản Xuân Thu, California, Hoa Kỳ) trang 766 thì Giấc Nam Kha được gọi là Nam Kha Mộng Tỉnh hay tỉnh giấc Nam Kha với lời giải theo tích "Nam Kha-Ký" của Lý Công Tá đời nhà Đường (giống như phần giải thích TTK.2 cũng như của Tuần lý Huỳnh Khắc Dụng trong bản dịch *Cung Oán Ngâm Khúc* ra Pháp ngữ) nhưng có chú thích thêm một chi tiết là: "... nước Hòe An đúng ra là cây hòe, quận Nam Kha chính là nhánh cây hòe ở hướng Nam, và ở kiến kia chính là quân giấc. Vu Phần ngẫm nghĩ cho cuộc đời thật giống in như giấc mộng, mọi việc đều chỉ là mộng ảo, ông cảm thấy chán nản với cuộc sống hiện tại, rồi bỏ đi tu. Từ ấy người ta thường dùng danh từ "Nam Kha" để chỉ giấc mộng (Nam: phía Nam; Kha: cảnh)".

Cũng theo sách đã dẫn thì tác giả giải thích tích "Hoàng lương" như sau (trang 497): Hoàng lương mộng, giấc mộng hoàng lương, cùng nghĩa với chữ kê vàng. Do điển tích Lữ Sinh đi thi không đỗ, ghé vào quán trọ nghỉ...". Và giải thích này hoàn toàn giống với giải thích TTK.1 với câu kết là: "nghĩa bóng, công danh phú quý trên đời đều là giấc mộng, thấy đó rồi mất đó". Ở trang 360 tác giả cũng giải thích "Giấc Hòe" hay là "Hòe An Mộng" trong bài "Nam Kha ký", nghĩa là cùng tích chuyện Thuần Vu Phần... trong lúc đó thì Giấc Hoàng Lương hay Hoàng Lương Mộng hay "giấc Kê Vàng" là tích của Lữ Sinh... (trang 359).

\* Trong bài ca "Đắc Thú Lâm Tuyền Đạo" (Được thú ở rừng khe mà nên đạo) của vua Trần Nhân Tôn, tức Điều Ngự thiên sư, tổ thủ nhất của phái Trúc Lâm Việt Nam - (theo tác giả Đào Duy Anh trong sách *Chữ Nôm*, trang 31) có câu thơ:

"Ai ai sá cóc, bằng huyền chiêm bao  
Xây tình giấc hòe, châu ly là chà"

(ĐTLTĐ trang 175)

**chú thích:** Giấc hòe: Tức giấc chiêm bao (Theo điển tích giấc Nam Kha) trang 204.

Như vậy chúng ta có thể phân biệt rằng điển tích của Giấc Nam Kha và Giấc Mộng Kê Vàng khác nhau, những nghĩa bóng đã được chấp nhận một cách rộng rãi và thú vị từ xưa thì không khác nhau, nói một cách ngắn gọn rằng cuộc đời là ngắn ngủi, qua mau như một giấc mộng mà thôi!

Từ đó chúng ta được nghe "xử thế nhược đại mộng, hồ vi lao kỳ sinh (trong bài "Xuân nhật túy khởi ngôn chí" của Lý Bạch), hay "hựu bất kiến cao đưỡng minh kinh bi bạch phát, triêu như thanh ty, mộ như tuyết" (Tương tiễn tửu - Lý Bạch) hay "Lại còn mái tóc ai kia, sớm xanh tôi đã khác gì tuyết rơi" (Gs. Nguyễn Đức Hiến dịch trong *Cổ Thi Nhân Dịch - trang 127*), hoặc "Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp. Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao" (Nguyễn Bình Khiêm).

Thôi thì củi đọc để... may ra... kiếm được một vài phút vui !!! □

## ĐÔI DÒNG CHO



## NGÀY CUỐI NĂM

■ Vũ Nam

xứ Đức năm nào cũng như năm nào, mỗi khi báo Xuân của người Việt ra là bầu trời bên ngoài thường đang u ám. Có "mưa phùn" bay lất phất. Có cái "rét" căm căm. Nhiều khi, như lâu rồi người viết không còn biết hỏi hướngiang Việt Nam là như thế nào nữa. Những hương xuân ngày cũ đã "gửi gió cho mây ngàn bay" đâu mất rồi!

Những buổi sáng cuối tuần vào những ngày "Xuân" ở xứ Đức này thường là những ngày yên tĩnh, và lạnh. Đi dạo chơi bên cánh rừng. Bước chân trên những bờ ruộng lúa mì, lúa mạch. Ngồi nhìn dòng suối đã đóng băng bên trên. Dừng lại bên khu vườn xanh muốt của loài củ cải trắng, trồng để chế tạo thành đường. Thoáng nhìn lên những tầng đá vôi to lớn đang dần dần loang lổ trên con đường đi... Bất chợt mình thấy mình đã lâu rồi, như không còn chút gì hơi hướng của quê hương hiện hữu: Những con đường làng; những đồng ruộng xanh đong đầy nước, có vài con cò trắng đang rìa tôm rùa cá, bên cạnh những con trâu, bên dưới những tán lá dứa, lá cao, đứng yên tĩnh trong buổi sớm ban mai còn đọng sương trên ngọn cỏ... Tất tất, như không còn gì hiện hữu vây quanh. Nhưng mười mấy năm xa quê. Hai mươi mấy năm xa quê. Ba mươi mấy năm xa quê... Dù trên mình đã có tấm "thẻ căn cước" mới. Đã có những bốn phận với quê hương mới. Thủ hỏi, với quê hương cũ đã có những gì nhạt phai?

Sớm mai đã thấy người lam lũ

Chiều khuất, mây tan, những bóng người

Cách đây khoảng chừng một tháng người viết có nhận được một lá thư của người bạn học từ quê nhà gửi sang. Đọc thấy vui vì những lạc quan của người bạn thân yêu ấy. Tạm thời khoan nói tại sao bạn tôi lạc quan, cứ hãy nói về cuộc đời của bạn tôi trước đã.

Người bạn của lần gặp mặt cuối cùng cách đây cũng đã hơn mười bảy năm rồi. Ngày đó là thanh niên. Hiện tại là trung niên. Ngày đó, sức khỏe rất dồi dào, đầy sinh lực. Còn hiện nay? Không rõ. Nhưng cái nghề bạn đang làm là mỗi khi ghe vô thì bốc cá lên ra khỏi hầm ghe, sau đó khiêng nước đá xếp lại cho đầy hầm. Nôm na gọi là Tổ Hầm Đá (chủ của bạn tôi). Trung bình mỗi tháng chỉ làm mười lăm ngày, vì ghe đầu chỉ nằm bờ mà còn phải đi biển. Tạm đủ sống!

Bạn kể, con đường nối hai làng -làng tôi và làng bạn- bây giờ được chính quyền cho sửa sang thành những khu du lịch tuyệt đẹp: Đường xá mở rộng, đập điu xe lớn xe nhỏ -bạn tôi không có xe, cả lớn lẫn nhỏ-, nhà cửa kiến thiết lại -nhưng theo như người qua kể lại bạn tôi ở trong căn nhà lá lụp xụp. Nhiều nhà có điện thoại -trong khi bạn cũng không có điện thoại. Nghề biển phát triển, nhất là lưới Rút -bạn tôi làm công cho ghe của hai thằng bạn học hồi ở trung học, một thằng nhà có thằng em vượt biên đi Mỹ làm ăn phát đạt đem tiền về giúp lại cho ông anh có tiền sắm ghe; một thằng nhà bỗng nhiên "phát" lên giàu có, vốn liếng cả trăm cây vàng là chuyện thường. Gần cây cầu trên con đường nối hai làng có xây khu du lịch. Đường lên núi trở thành di tích lịch sử v.v... Đọc thư thấy toàn ai giàu không, chỉ có bạn tôi là nghèo!

Tôi mến bạn, bởi vì ngày xưa gia đình bạn khá giàu. Khi tôi đến thăm bạn, dù là sau năm bảy mươi lăm, cùi Quế gạo Châu, bao giờ tôi cũng được bạn "bao" mọi thứ, từ ăn đến uống. Đặc biệt bao giờ bạn cũng vui vẻ tận tình. Theo thư bạn viết, bạn đi làm công là vì cách đó mấy năm em bạn làm ăn nợ nần khánh tận, bạn cho ghe bạn để người em bán lấy tiền trả nợ và sẵn sàng đi làm công cho người khác. Ngày nay, khi nhận được địa chỉ tôi, dù nghèo, nhưng y như tình tình ngày xưa, bạn cũng đã gửi sang cho tôi một ký khô mực và một ký lạp xưởng loại đắt tiền, trong khi quà như vậy sẽ nuôi được bao nhiêu ngày cho hai vợ chồng và năm đứa con?

Gần cuối thư bạn còn cho biết hiện nay bạn đang tu theo Mật Tông, và luyện tập Nhân điện (Trường sinh học), thu những luồng năng lượng của vũ trụ vào cơ thể của chính mình để tích tụ và tạo nên tâm năng và dùng năng lượng này để trị bệnh cho mọi người, không lấy tiền. Bạn còn hỏi tôi có tin Nhân Quả không? Bạn viết: Với mình, định mệnh đã an bài, nên mình chấp nhận dù cuộc đời của mình như thế nào cũng mặc, mình không bao giờ than khổ, oán trách chi cả. Bởi vì mình nghĩ 70% là do cái Nghiệp của mình đã tạo ra từ trước, và còn lại mình chỉ làm chủ được chính mình có 30% thôi, và vì ở chỗ 30% này mà mình lựa chọn con đường Phật Pháp để mình đi cho hết cuộc sống này.

Quý độc giả có thấy bạn tôi lạc quan không? Riêng tôi thấy nếu không lạc quan, thì hiện tại

bạn tôi cũng không phải là người bi quan. Và cầu mong cho bạn sẽ tiếp tục làm được những điều lành, điều thiện, vì không ít thì nhiều bạn cũng đã đi theo con đường Phật pháp.

\*

Năm mươi bảy tuổi Thanh -bạn tôi- có "thương" một cô gái người Trung Hoa học dưới bạn tôi một lớp. Nhà cô này bao giờ cũng kín cổng cao tường. Ngoài giờ học ở trường thì thôi, khi đã về nhà rồi cô ít đi ra ngoài lắm. Dù có "thương" đến đâu Thanh cũng không bao giờ có dịp để gần gũi với người đẹp, ngoại trừ những giờ ở trường. May thay, trước nhà cô có hàng chè của một người cạnh nhà cô làm chủ. Cứ thỉnh thoảng, tụi tôi lại rủ nhau đến đó để ăn chè, và cũng để Thanh có dịp nhìn người đẹp. Ngày đó, chắc chỉ có tôi chú ý đến việc ăn chè: Chè đậu xanh ăn với đậu phộng rang; chè đậu đen nóng hổi. Còn Thanh chắc chỉ lo ngó chừng vào nhà người đẹp. Mỗi khi thấy tụi tôi đến ăn chè, cô thỉnh thoảng kiểm chuyện đi ra đi vào, lâu lâu liếc mắt với Thanh một cái. Chỉ một cái thôi cũng đủ làm anh chàng ngất ngây. Sau đó không lâu cô cũng đi lấy chồng. Chồng cô không ai khác hơn là anh chàng Trung Hoa, nhà chuyên làm bánh ngọt để bán trong thị xã. Rồi Thanh cũng từ từ quên người đẹp Trung Hoa thôi. Mới đây mà đã gần ba mươi năm rồi. Tụi tình yêu trai gái nay đã đổi thành tình yêu Đạo.

Ở Việt nam là vậy. Một anh người Việt rất khó "đả động" gì đến một chị người Hoa. Yêu là yêu, thương là thương vậy thôi, chủ cuối cùng các nàng cũng *ta về ta tắm ao ta* thôi. Không như ở hải ngoại bây giờ, nếu thật sự yêu thương, theo đuổi, một anh người Việt vẫn có thể dẫn một cô nàng người Hoa và ca bàn Lý Ngựa Ô: *anh đưa nàng về dinh* rất dễ dàng. Bạn tôi thuộc những người sinh ra làm thời (gian).

\*

Trong mấy tuần qua, tin tức từ Việt nam đưa qua cho biết có rất nhiều ghe xuồng chết chìm giữa biển vì một cơn lốc dữ dội "bỗng nhiên" kéo ngang miền Tây, Nam Phần. Theo báo chí Đức đây là cơn bão lớn nhất kể từ đầu thế kỷ 20 này. Có khoảng ba ngàn người mất tích. Trên truyền hình Đức cũng đã cho chiếu vài phút cảnh giông bão đang tàn phá các làng mạc ở Việt nam. Bão tàn phá là chuyện đương nhiên. Nhưng sự việc một cơn lốc "thình lình" kéo đến đã nhận chìm biết bao nhiêu ghe thuyền Việt Nam ở vùng biển miền Tây, Nam Phần, và vịnh Thái Lan là điều đáng suy nghĩ! Trước đây không lâu bão cũng đã "thình lình" nhận chìm biết bao nhiêu thuyền ghe của đồng bào vùng Thanh Nghệ Tĩnh, Trung Phần. Nhìn truyền hình Đức mỗi ngày, mục Dự báo thời tiết. Họ chụp hình những cơn giông cơn bão từ ở ngoài Đại Tây Dương xa xôi, và dự đoán bao lâu nó sẽ vào đất liền với phương hướng nào. Không chính xác một trăm phần trăm, nhưng chắc chắn người dân ở đây biết ngay là ngày nào bão sẽ thổi qua vùng họ ở, để phòng hồ những thiệt hại có thể xảy ra.

\*

Chuyện nổi bật trong năm vừa qua ai cũng biết, nhắc lại cũng nhàm. Người viết chỉ xin nhắc lại đôi chút thôi. Đó là Chuyện về người đẹp Diana đã từ trần trong mùa hè vừa qua. Ai cũng khen Diana là người đẹp. Dù đẹp và sang giàu cô nàng vẫn thích đi làm việc thiện: cứu đói trẻ em ở Afrika; chống lại việc sản xuất mìn nổ, làm cho nhiều người bị thương tật; thăm hỏi những người mắc bệnh ung thư, bệnh Aids... Ngày làm lễ an táng cho cô người ta đã thấy cả rừng hoa để tưởng niệm cho cô. Tưởng chưa có cái chết nào mà "vĩ đại" bởi hoa từ trước đến nay như cái chết của nàng công chúa Diana này. Bàn nhạc trước đây dành cho Marilyn Monroe, khi cô này tạ thế, nay đã được sửa lời đôi chút và được nam ca sĩ nổi tiếng Anh quốc, Elton John, bạn của Diana, trình bày trong ngày an táng. Mọi người đều thấy buồn khi người ca sĩ rả rích với lời ca *Giã biệt cảnh hồng Anh quốc* (*Good bye England Rose*). Sau đó lại bán ra với kỷ lục "sản xuất không kịp để bán" cho giới yêu nhạc, và có thể cho cả những người không hề yêu nhạc nhưng lại đã từng yêu thăm trọng nhỏ Diana, như anh Bác sĩ người Đức trước đây trong một lần truyền hình làm phóng sự. Chuyện Diana còn dài dài. Người viết không thể nào viết hết những chi tiết ra đây để hầu đọc giả. Chẳng hạn như người ta nghi ngờ Diana chết cùng người tình là do bị ám sát. Một công chúa Anh mà sửa soạn kết hôn với một anh Hồi giáo -dù anh ta có là tỷ ty phú cũng mặc kệ- làm chuông mắt Hoàng gia Anh, thế là điệp viên Anh (có thể cả Pháp) ra tay! Nghi vấn cũng đang còn là nghi vấn. Chẳng hạn nàng chết là vì số phận đến ngày giờ đó là chấm dứt như một ông thầy bói người từ xứ đạo Hồi đã tiên đoán trong năm ngoài. Chẳng hạn như trước đây anh ruột của Diana đã phàn nàn với các anh phó nhóm -vì củ khi Diana lộ mặt ra ngoài là các anh chụp hình ngay để bán cho các tờ báo; các anh rình rập Diana như mèo rình chuột vậy- là Diana sẽ chết vì các anh. Khi nói, chắc ông anh sợ cô Diana buồn vì chuyện riêng tư của đời nàng mà để cho nhiều người bên ngoài biết quá cô sẽ tự quyền sinh. Ai dè cô chết không vì tự tử, những qua đời cũng vì tại các anh phó nhóm này. Đến đời Thủ tướng Đức, người ngoại cuộc, còn phải than phiền về chuyện này. Ai cũng thấy trên báo trên truyền hình xe cô chạy trước thì các anh này cố mò tò rượt theo sau như cảnh sát rượt cướp. Chuyện Diana viết cho hết chắc cũng phải đến vài ba cuốn sách.

\*

Trong năm nay cũng có một sự kiện rất nổi bật là việc sao chổi Hale-Bopp lại xuất hiện sau bốn ngàn năm vắng bóng. Ở Đức, nơi người viết ở, ai sáng dậy sớm, lúc trời quang đãng, nhìn về hướng đông bắc sẽ thấy ngay Anh. Buổi chiều tối, trời trong, Anh hiện rõ mồn một, chênh chênh ở hướng bắc. Một chấm sáng mờ kéo theo một chùm ánh sáng dài. Nhìn sao chổi Hale-Bopp trong những đêm trời trong sáng, có lẽ ai cũng có cảm giác trước cái gì quá là lạ lùng, to lớn của vũ trụ. Sao chổi tạo ra nhiều huyền thoại (cũng có thể là sự thật). Có người



nói sao chổi mang xui xẻo đến, tai họa đến, nên đừng có nhìn có xem. Sợ thì có thể đúng, nhưng sợ tôi không dám nhìn thì lại trở thành hoang đường! Cũng trong thời gian sao chổi xuất hiện đi gần trái đất, ở bên Mỹ, tại thành phố San Diego, ba mươi chín tín đồ của đạo Cửa Thiên Đàng (Heaven's Gate) đã tự tử đồng loạt để kịp vào "phi thuyền" -đang bay theo sao chổi- mà về cõi khác. Họ tin như vậy, nên họ chuẩn bị cái chết thật chu đáo. Chuẩn bị như chuẩn bị đi về nhà mới vậy. Áo quần sạch sẽ. Túi giày cẩn thận. Giường mặt bình yên...

Những theo giới khoa học cho rằng, khi có sao chổi xuất hiện, vì do luồng ánh sáng phía sau cực kỳ mạnh, nó có thể thu hút khoảng không gian to lớn phía sau nó, do đó sẽ ảnh hưởng đến trái đất và tạo ra những trận giông bão, lũ lụt... Không biết có đúng không, nhưng năm nay Đức, Ba lan và Tiệp cũng đã chịu một trận lụt tới bởi hoa lá, tổn của tổn tiền không biết bao nhiêu của người dân và của chính phủ. Còn ở Việt nam thì... như người viết vừa viết nạn lụt kể trên.

\*

Đầu năm 96, trong một lần người viết đi Mỹ chơi và nhân tiện dự luôn Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại ở Houston. Tại đây, gặp được vài người bạn văn và có trao đổi sách. Về nhà thỉnh thoảng cứ đem hết cuốn này đọc, đến phiên cuốn khác ra đọc lại rai. Có một vài cuốn tôi đã nói ngay trong bài Tạp ghi khi đi Mỹ về, còn những cuốn khác thì cứ hên lần hên lựa, tự an ủi khi có thì giờ nên viết cho những người bạn văn ít lời. Vì theo tôi biết, Ban chủ trương báo "nhà" Viên Giác lúc nào cũng cần có những bài Điểm sách. Bất cứ là sách của ai và do ai điểm. Để làm phong phú thêm cho tờ báo vậy thôi. Chỗ không có ý nghĩ chỉ viết tặng bốc cho những cây viết thân quen. Có "đất" vậy mà tôi cũng không có thời giờ để viết. Ngoài ra, có một vài tờ báo tôi quen chắc là họ cũng sẽ đăng ngay, nếu thấy bài viết hợp với ý họ. Tôi viết ít lời về những cuốn sách tôi có trong tay hôm nay trong ý nghĩ: *trả ơn đời ơn người*.

Phải nói ngay truyện dài *Mùa Xương Cuộc Đời* của chị Ngọc Anh tôi đọc thấy hay. Sách dày 358 trang, viết xong vào cuối thu 95. Sách hay nhưng thấy ít có quảng cáo rầm rộ. Hay chỉ rầm rộ nói chị ở ? -Nam Cali. Sau này, đọc báo, thấy chị cứ chạy đi chạy lại rất thường cho chuyện Văn Bút. Như vậy chị có sáng tác được gì thêm không?

Cuốn hồi ký *Qua Cơn Bão Dũ*, kể lại cuộc vượt biên bằng đường bộ của chị Kim Hà đã thấy được dịch ra tiếng Anh. Nếu không hay chắc chắn là sẽ không được dịch ra tiếng nước ngoài đâu? Vượt biên bằng đường bộ rất nhiều người làm, nhưng viết sách để kể lại chuyện này thì rất ít. Trong sách của chị đầy những chi tiết lý thú lẫn hồi hộp.

Cuốn sách có cái tựa *Chốn Bụi Hồng* của chị Cao My Nhân đã được nhà văn Duy Lam nhận xét như sau. Tôi chỉ xin trích một đoạn ngắn: "*Nỗi buồn phả vào các bài chẳng qua là sự khao khát cái đẹp, cái chân, cái thiện ở con người và chính mình, mà Cao My Nhân và*

*những người khác như vẫn còn kiên trì, theo đuổi trong cái xã hội hiện tại này, mặc dù tất cả những bó buộc giới hạn của những khó khăn, của đời sống vật chất...*" Sách là những bài tạp ghi, tùy bút ngắn đã từng được đăng báo, nay tập hợp lại. Nội dung sách phản ánh cái nhìn của tác giả, nhận xét của tác giả, ước ao của tác giả đối với cuộc đời -ít ra là nơi tác giả ở. Đó là cái nhìn và ý muốn chủ quan, người đọc có thể thông cảm nhưng không nhất thiết phải đồng ý với tác giả về mọi mặt.

Và những cuốn sách mà tôi đã nhận được từ các bạn văn thơ quen biết:

*Biển Tinh* của Anh Văn. Nhà văn Anh Văn có thời là lính, nhưng chắc cũng thuộc vào "*lính đã tinh*" như Hùng Cường hay hát với Mai Lệ Huyền trước năm bảy mươi lăm. Truyện *Nỗi Nhớ Khôn Người* trong tập truyện là một chuyện tình về lính rất dễ thương, nhưng buồn. Buồn cho nhân vật nữ. Còn những truyện khác, không gian truyện lúc xảy ra ở quê nhà, lúc lang thang ở xứ người, đều nói lên tâm trạng tha hương, và lập trường vững định của tác giả. Nhưng lan man trong tập truyện, người đọc bao giờ cũng thấy được tác giả là con người rất tinh cảm. Tinh cảm đối với quê hương, đối với con người.

Chị Trần Kim Vi vừa gửi tặng tôi tập truyện *Củ Lao Vàng Phúc*. Tôi và vợ chồng anh chị Trần Kim Vi- Trần Minh Tâm, chủ nhân tuần báo Đẹp, không còn là xa lạ. Tôi đã gặp anh chị ở Houston. Và chị cũng đã có bài đăng trên báo Viên Giác này. Bài *Vợ Chồng* rất được nhiều người khen. Báo Đẹp là báo mà tôi đã có thời cộng tác rất lâu dài. Lâu nay bận rộn tôi ít còn viết cho báo Đẹp, nhưng thỉnh thoảng anh chị vẫn gửi tặng.

Mỗi lần chị Vũ Thị Dạ Thảo có một truyện mới xuất bản là chị gửi tặng tôi. *Chúc Thứ Của Người Mẹ Phương Đông, Bản Thánh Ca Tình Ái, Phía Bên Kia Biển Lớn, Khung Trời Lắm Sương Mù, Giọt Lệ Cho Người Tinh...* tôi đều có trong tay, vậy mà tôi ít có viết gì được cho những cuốn sách của chị gửi tặng. Nhưng tôi biết chị gửi tặng tôi vì tình "đồng hương" hơn là trong ý nghĩ "nhờ" điểm sách. Bởi vì tôi viết không nhiều, không hay, lại nhỏ tuổi hơn chị. Chị viết thư cho tôi nói, nếu chị nhớ những nhà văn nổi tiếng viết giới thiệu thì cũng có thôi, nhưng chị không muốn... Trong ý nghĩ đó, tôi viết những dòng chữ này như viết những lời tâm tình với tác giả.

Dưới mắt của cậu bé mười bốn mười lăm tuổi, vào những ngày xa xưa ở quê nhà, tôi xin nói ngay chị Thảo thuộc vào những cô gái đẹp của thị xã. Vào thời đó, thỉnh thoảng tôi gặp chị, vậy thôi, chỗ tôi không quen. Nhiều người đã khen chị đẹp trước mặt tôi. Những người biết chị từ những ngày ngồi dưới ghế nhà trường đều nói rằng ngoài nhan sắc đẹp, chị còn có khiếu về văn chương. Tôi nhỏ hơn chị đến năm bảy tuổi nên tôi không biết rõ về chuyện văn chương. Ra hải ngoại tình cờ tôi quen chị, thấy chị viết cho những tờ báo ở Bắc Mỹ nên tôi rủ chị viết cho báo Viên Giác, và tên chị cũng đã xuất hiện trong những số báo vừa qua. Tôi không dám đi sâu vào cuộc đời chị, nhưng chắc chắn những ấn tình của chị bao giờ lại không ít

thì nhiều đã gửi vào những trang sách? Rất nhiều nhà văn, nhà báo viết bài ca ngợi trên những cuốn sách chị. Ở đây tôi chỉ muốn ghi lại ít dòng về chị mà thôi. Như đã nói: như tâm tình.

Nhà thơ nữ Tuệ Nga lại vừa gửi tặng tập thơ *Nửa Viên Trăng*, tập thơ in rất đẹp. Anh Phù Vân, lo về Vườn Thơ Viên Giác cũng nhận được, hy vọng là anh sẽ có "tài liệu" để viết cho Vườn Thơ, để vườn thêm nhiều màu sắc. Trước đây tôi cũng đã nhận được *Suối Trầm Tú, Chiều Phố Mây, Hoa Đài Dâng Hương...* từ chị. Các tập thơ in đều đẹp, đều trang nhã. Khi rảnh rang, muốn đọc thơ tôi lại dò một vài trang thơ chị để đọc. Giọng thơ nhẹ nhàng, như ru người, dù bất cứ là thơ gì, Đạo hay Đời.

*Ai viết thư xuân gửi trái mùa  
Sông chiều nghe vắng tiếng chèo khua  
Quạnh hiu trời đất màu tang hải  
Tà áo tha phương bặt gió lùa*  
(Sông chiều-Tuệ Nga)

Và hai cuốn sách, hai tập truyện của hai nhà văn nữ từ hai vùng đất xa. Một thật xa, Canada, khung trời lấm mù sương -tựa một truyện dài của Vũ Thị Dạ Thảo. Đó là chị Hoàng Du Thụy với *Bức Tượng Thanh Nữ*. Anh Hồ Trường An, anh Anh Văn đều nói chị Thụy viết hay. Có cần tôi phải nói hay nữa không? Không nhất thiết. Vì đã có lần trên các báo tôi có viết về một tập truyện của chị. Tập *Bạn Trầm*. Cảm ơn tác giả, dù ở xa, mỗi khi có sách đều gửi tặng.

Một chị hơi xa. Xe hơi chỉ hơn nửa ngày đường là đến. Paris. Với tập truyện *Rong Biển* của Trần Diệu Thị Tâm. Paris. Thành phố đẹp, lãng mạn, tinh tú. Nhất là vào những buổi chiều trên dòng sông Seine. Thành phố lên đèn, đổi màu như mang hoa gấm. Màu vàng chói chang. Rực rỡ. Với rừng người nhộn nhịp. Trong một dịp gặp gỡ giữa các văn hữu tôi nhận được tập truyện từ chị trao tặng, như bao văn hữu khác. Sách đã được báo Thế Kỷ 21 điểm rất trân trọng. Và nhiều tờ báo giới thiệu. Vừa giờ trang sách đầu tiên đã bắt gặp hàng chữ *Viết là hy vọng cuối cùng còn lại của nhà văn*, người viết nghĩ ngay đến sự yêu mến văn chương của tác giả; nghĩ ngay đến sự trân quý thì giờ vào việc sáng tác văn chương, bên cạnh việc cơm áo cho gia đình, cho con cái. Đọc những truyện ngắn trước khi đọc cái truyện hơi dài *Rong Biển* - dùng làm cho tựa sách- tôi thấy ngay là hay. Tác giả có lối nhận xét tinh tế, sắc sảo trong truyện. Chúng tôi, ngoài khả năng học vấn cao, tác giả còn là người rất hiểu đời. Tâm lý và con người. Lối văn viết ngắn. Nhưng mạch lạc. Đôi khi rất sắc, nhưng đôi khi thấy rất nhẹ nhàng. Nhưng dù cách nào, cái quan trọng là người đọc thấy hay trước đã. Những truyện ngắn chị đã thành công -chị cũng viết cho rất nhiều tờ ở Bắc Mỹ từ lâu rồi. Đến hôm nay tôi chưa đọc hết truyện dài *Rong Biển* nên chưa dám có nhận xét gì. Hẹn một dịp khác.

Cuối cùng là tập truyện *Tinh* của nữ sĩ Huỳnh Dung. Nữ sĩ mà có những người khác khen ngay là "người đẹp" trên báo. Cũng vui. Theo chị tâm sự. Những chuyện tình trong tập truyện *Tinh* đều do chị hư cấu. Chủ không có

thật ngoài đời. Chị đã từng "hú cấu" rất nhiều truyện dài trước đây. Như *Mài Gươm Phục Quốc*, *Thiên Đường Của Thy* v.v... Trong một lần nói chuyện, chị nói, "chị yêu những vật chị hú cấu đến mất ăn mất ngủ trong những ngày chị ngồi viết những truyện dài này". Có phải để bù lại những hao hụt mất mát cho cuộc đời chị trong lãnh vực này? Nếu không, Vũ Thị Dạ Thảo đâu có đặt tựa cho cái truyện là *Bản Thánh Ca Tình Ái*?

Qua Huy Giang tôi có nhận được tập thơ *Nhớ Một Người Đi* của nữ sĩ Vân Nường. Bà là vợ của ông Lê Ngọc Chấn, người mà trước đây có thời làm đến chức Đại Sứ, ở miền Nam. Ông cũng đã qua đời cách đây khá lâu. Tựa tập thơ đã cho thấy một nỗi niềm. Tôi chỉ viết đến cho bà những dòng cảm ơn chân thành khi vừa nhận được tập thơ, dù rằng đã đọc được thơ bà từ lâu rồi trên các báo Làng Văn, Pháp Âm, Viên Giác v.v...

Tôi cũng có nhận được một tập truyện *Trùng Phạt* do anh Sơn Tùng trao tặng khi anh một lần đến thăm và ra mắt sách *Bầy Thú Nhỏ*, tại chùa Viên Giác nhân lễ Phật Đản. Đây có lẽ là tập truyện đầu tiên của anh? Nếu đúng vậy thì so với tuổi đời tập truyện ra hơi trẻ! Nhưng có cái ưu điểm khác: Đó là sự từng trải. Anh đã sống nhiều. Nhân sinh quan về cuộc sống đã già dặn, chín chắn. Nên những điều anh viết ra, dù dưới hình thức truyện ngắn, vẫn cho thấy anh thuộc vào loại không chỉ có tuổi đời đã "già dặn", mà viết văn cũng rất già dặn. Không gian trong tập truyện bao gồm từ những nơi chốn ở quê nhà, đến quang cảnh sự việc ở các trại tỵ nạn, và cuối cùng là nước Mỹ, nơi anh đang định cư. Tập truyện đọc thấy khá hay. Bây giờ có những khuynh hướng người ta cho rằng truyện ngắn không nhất thiết phải có cốt truyện, không nhất thiết phải có đầu có đuôi, cái chính là thấy hay là được rồi. Nhưng trong tập truyện của anh Sơn Tùng, anh viết xoáy sâu vào nội dung hơn. Với nhiều chi tiết. Bút pháp không cầu kỳ. Tuy thế vẫn không thể nói tập truyện không có màu sắc văn chương.

Ngày anh qua thăm Đức, xa xôi quá nên tụi tôi không thể mời anh một lần "quá độ" về thăm quê hương của tụi này. Những tuần lễ anh ở Đức cũng là những tuần lễ mà cuối tuần tôi có nhiều việc riêng bận rộn. Bởi vậy, khi anh về Mỹ rồi tâm hồn tôi lại thấy se thắt. Thôi, cần gì hình thức. Có chăng là tấm lòng thành thật đối với nhau.

Và còn một vài tập thơ nữa của những người bạn văn thơ từ phương xa gửi đến. Người viết xin hẹn lại vào những lần viết sau. (Cũng có thể sẽ nhờ anh Phú Văn viết giới thiệu dùm, vì thơ là *nghe của chàng mà*).

\*

Đã nhiều trang giấy viết lan man cho kỳ báo Xuân này! Người viết xin tạm ngưng. Kính chúc Quý độc giả một mùa xuân nhiều vui vẻ ●

## Hãy trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt

■ Người dịch: Phạm Trường Long

LGT. Sau đây là bài của nhà báo Pháp Patrick Poivre d'Arvor, đăng trên báo *Le Monde*, một tờ báo lớn uy tín ở Pháp, ngày 12.11.97.

Hà Nội, thành phố cấm. Tôi muốn nói ngày nào trước đây. Họ hoàn hảo mỗi có vài nhà báo có cơ hội điều tra, chứng kiến những gì xảy ra trong chế độ được bịt kín đó.

Hà Nội, thành phố ngò. Chừng 1 tuần lễ. Hãy lợi dụng cơ hội. Hàng trăm nhà báo từ các quốc gia Pháp thoại sẽ đổ dồn về thủ đô Hà Nội để theo dõi Phiên Họp 29 của báo giới tiếng Pháp, sau đó cuộc viếng thăm của Tổng Thống Chirac, và sau cùng là Hội Nghị lần 7 các nguyên thủ quốc gia hoặc chính phủ các nước dùng tiếng Pháp. Mong rằng các vị này nghĩ đến trong đầu số phận Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, người sắp bước vào năm tù thứ 20 và theo nhà nước CS, sẽ được trả tự do vào tháng 11 năm 2005. Lúc đó Giáo sư Hoạt đã ở tù gần nửa đời người rồi.

Bị giam giữ không tuyên án trong 12 năm trường, ông được trả tự do lần đầu năm 1988, nhưng không từ bỏ lý tưởng tự do dân chủ ông đeo đuổi. Ông cho lưu hành lên được 4 số *Diễn Đàn Tự Do*, do ông chủ trương, mỗi số chừng vài chục ấn bản bằng phương tiện thô sơ máy Photocopie. Chính quyền CS liền bắt giam ông lại cách đây đúng 7 năm, kết tội ông đã viết những bài "chống CS". Trong phiên tòa xử vào tháng 3 năm 1993, ông đã trả lời danh chắc: "Tôi không chống ai cả, tôi là người dân chủ, và chấp nhận mọi người. Phải nói đúng hơn là Đảng CS chống tôi, bởi vì Đảng chống dân chủ". Tòa án nghe không phù hợp với đường lối của Đảng, kết án ông 20 năm tù. Sau khi kháng án, bản án được giảm xuống còn 15 năm tù ở và 5 năm quản thúc. Từ đó, Giáo sư Hoạt đã được chuyển trại giam 5 lần. Mỗi lần điều kiện giam giữ đều khắc nghiệt hơn và trại giam càng xa hơn. Ông hiện bị giam giữ tại trại Thanh Cầm, tỉnh Thanh Hóa, gần biên giới Lào.

Tôi mới từ Thanh Cầm về. Cùng đi với tôi có 2 phóng viên đài truyền hình TF1 (1) và Ô. Robert Ménard, đại diện cho tổ chức Ký Giả Không Biên Giới, người lâu nay đã kêu gọi tụi ủng hộ tranh đấu cho Đoàn Viết Hoạt. Sau 8 tiếng đi đường, chúng tôi đã đến được cổng trại và tình cờ vào chỗ giam tù được chốt lát. Một vài cây kiếng thưa thớt úa on tàn héo đón chúng tôi. Người ta cho những cây kiếng leo theo những cây sắt uốn thành hình những con chó hoặc các con thú khác. Thân phận của chúng làm chúng tôi phải nghĩ đến những người

tù bị giam ở đây, một nơi rừng thiêng nước độc, khí hậu rất độc.

Một anh lính gác, sau cơn ngỡ ngàng vì sự có mặt của chúng tôi, vội đưa chúng tôi đến gặp trưởng trại. Chúng tôi đưa tên thủ trưởng tấm hình Đoàn Viết Hoạt để xin gặp, nhưng hẳn làm như không hề biết đến người tù đó.

Tình trạng thể xác và tinh thần của ông Hoạt thật hết sức đáng lo ngại. Theo RSF (Ký Giả Không Biên Giới), ông đang trong tình trạng sức khỏe rất nguy kịch. Ông là người tù chính trị độc nhất trong trại tù này, nói nhất từ "hình sự trọng tội". Ông bị biệt giam trong một cái chòi rào kẽm gai. Mỗi ngày một lần, một tên Công an đem cho ông khẩu phần ăn, yền lặng để đuổi chân ông, người mà hẳn cho là điên: ông nói liên miên một mình bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp. Từ khi bà vợ ông nữ danh Trần Thị Thúc, người đàn bà đấu tranh can trường, vì hoàn cảnh phải đi định cư ở Mỹ với 3 người con, ông chỉ được gặp một lần duy nhất người em trai, Đoàn Huy, ra thăm ông cách đây 20 tháng và trong vòng không được tới 20 phút!

Bà Hoạt, hiện có mặt tại Pháp theo lời mời của Ký Giả Không Biên Giới - Tổng Thống Pháp cũng sẽ tiếp bà - cho biết: "Từ ngày xa xưa, tôi không được thăm gặp và chăm sóc cho chồng tôi. Tôi không lo cho anh ấy được nữa, từ gói muối, viên thuốc, một vài thức ăn, những tờ báo cũ tôi nhét trong đồ tiếp tế để anh ấy đọc. Đây là một sự mất mát to lớn đối với tôi. Tôi không còn được nhìn cái nhìn đầy cương nghị và tinh cảm của chồng tôi, hoặc được nghe những lời nhắn nhủ cho tôi, cho các con tôi hoặc cho những bè bạn gần xa. Chồng tôi luôn luôn tin vào lý tưởng anh đã theo đuổi và phải hy sinh hầu hết cuộc đời mình: tự do, dân chủ và nhân quyền cho dân tộc Việt Nam".

Như một tiếng vọng, bài thơ ông làm cách đây hơn 20 năm, thời kỳ ông bị giam ở trại giam Phan Đăng Lưu, trả lời cho Bà Hoạt:

"...

*Trên tro tàn của cuồng vọng tiêu ma  
Cả thân quyền lẫn vật quyền sụp đổ  
Cho Nhân Quyền rọi sáng chan hòa  
Thời đại mới cả loài người mong đợi  
Dân tộc Việt cất cao lời kêu gọi  
Dựng văn minh Nhân Chủ mở đại hòa,  
Hoa nhân ái ngát thơm toàn thế giới  
....." (2)*

Các vị nguyên thủ quốc gia đang có mặt ở Hà Nội có thể khó mà làm ngó trước lời kêu gọi cho nhân chủ này. Pháp thoại, đó là một ngôn ngữ chung kết hợp chúng ta, nhưng trước nhất là một nền tảng văn hóa. Đó là văn hóa của Tuyên Ngôn Nhân Quyền, của lòng vị tha và của tự do tư tưởng. Chỉ mỗi vì lý do sau cùng này thôi, hãy trả tự do cho Đoàn Viết Hoạt.

Chú thích của người dịch:

(1) Đài truyền hình Pháp.

(2) Nguyên tác tiếng Việt từ "Tuyên Ngôn Nhân Chủ" ngày 30.4.1977 tại trại giam Phan Đăng Lưu, được in trong "Tâm Tình Đoàn Viết Hoạt" do "Phong Trào Nhân Quyền Cho Việt Nam Năm 2000" (Garden Grove, Hoa Kỳ) phát hành (1995) \*



# Bản án chế độ cộng sản Việt Nam

● Nguyễn Chí Thành

**K**ể từ khi những người Cộng Sản lên cầm quyền ở miền Bắc 1954 và cả nước 1975, cũng là bắt đầu thời kỳ lịch sử đẫm máu và nước mắt, đầy đau thương uất hận - là một trong những giai đoạn đen tối nhất trong toàn bộ lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tội ác chồng chất mà chế độ Cộng Sản (CĐCS) gây ra cho dân tộc nói riêng cũng như cho loài người nói chung không thể nào kể xiết được. Trong tài liệu này, chúng tôi cố gắng vạch tội CĐCS trên một số những điểm chính yếu nhất mà thôi.

## I. PHẢN BỘI DÂN TỘC, ĐƯA ĐẤT NƯỚC VÀO HẾT CUỘC CHIẾN TRANH PHI NGHĨA NÀY ĐẾN CUỘC CHIẾN TRANH PHI NGHĨA KHÁC, TÀN SÁT HÀNG TRIỆU NGƯỜI VÔ TỘI, TÀN PHÁ NỀN NẾ ĐẤT NƯỚC.

Sau thời điểm những người CS (NNCS) lên cầm quyền năm 1945, lịch sử thế giới cũng như khu vực Đông Nam Á có những biến chuyển hết sức lớn lao và nhanh chóng. Các phong trào đấu tranh cho Hòa Bình, Độc Lập Dân Tộc, Tự Do Dân Chủ và Tiến Bộ Xã Hội phát triển hết sức mạnh mẽ và sâu rộng đạt được nhiều tiến bộ quan trọng. Do sự tranh đấu của nhân dân ở các nước thuộc địa cũng như chính quốc, dưới sức ép của Hoa Kỳ và Cộng đồng Quốc tế, hàng loạt các nước thực dân như Anh, Pháp, Hòa Lan v.v... buộc phải trao trả độc lập cho các nước thuộc địa để đổi lấy viện trợ cùng điều kiện phát triển khác. Tận dụng thời cơ đó, hàng loạt nước trên thế giới cũng như trong khu vực như Ấn Độ, Mã Lai, Nam Dương, Tân Gia Ba v.v... đã giành được Độc Lập mà không hề phải đổ một giọt máu. Cùng trong một bối cảnh như vậy, thực sự đã xuất hiện những cơ hội để đất nước ta có thể giành được nền Độc Lập vững chắc thông qua con đường đàm phán, đồng thời cũng có được Hòa Bình và tận dụng được các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển. Nhưng bất chấp tất cả các khả năng thực tế giành Độc Lập bằng con đường hòa bình, NNCS đã phản bội dân tộc, tự nguyện biến mình thành tên lính xung kích cho các thế lực CS quốc tế trong các cuộc tranh chấp quốc tế và khu vực nhằm phục vụ cho lợi ích ích kỷ của Đảng, đẩy đất nước vào hết cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác hết sức khốc liệt với những đau thương mất mát to lớn về người và của.

### 1. Cuộc chiến tranh với Pháp 1946-1954 . Cuộc chiến tranh với Mỹ 1964-1975

Hoàn cảnh lịch sử vào thời điểm 1945 đặt những người CSVN trước hai khả năng để lựa chọn:

- **Thứ nhất:** là đưa đất nước theo con đường Tự Do Dân Chủ hòa nhập vào xu thế chung của nhân loại. Nếu chọn con đường này, với chủ trương đấu tranh bất bạo động cùng với sự giúp đỡ ủng hộ của Cộng đồng Quốc tế, của Liên Hiệp Quốc và Hoa Kỳ, Việt Nam trước sau cũng sẽ được trao trả độc lập và hơn thế nữa được hưởng một nền hòa bình dài lâu, cùng mọi điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.

- **Thứ hai:** đưa đất nước đi theo con đường Xã Hội Chủ Nghĩa, CSVN với học thuyết Mác-Lênin về giai cấp và đấu tranh giai cấp cho rằng "đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội có giai cấp". Điều đó có nghĩa là đặt đất nước vào tình trạng luôn có chiến tranh hoặc chuẩn bị chiến tranh. Vì học thuyết Mác-Lênin cũng đã dạy rằng: "Chiến tranh là biểu hiệu cao nhất, là đỉnh cao của các cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội" mà thôi. Lựa chọn con đường này tức là đưa đất nước tham gia vào cuộc tranh chấp giữa hai phe Cộng Sản và Tự Do đang ở giai đoạn quyết liệt, biến Việt Nam thành kẻ thù của phe Tự Do.

Đứng trước hai con đường và trước lợi ích của một bên là Tổ Quốc, Dân Tộc, một bên là lợi ích của Đảng Cộng Sản; những người CS đã vì lợi ích của Đảng hy sinh lợi ích Dân Tộc, phản bội lại Tổ Quốc tình nguyện làm tên lính xung kích cho các thế lực CS quốc tế để đổi lấy viện trợ và sự ủng hộ của các nước CS hùng cường củng cố sự thống trị độc quyền của Đảng trong xã hội Việt Nam. Biến Việt Nam thành tiền đồn cho phe XHCN ở Đông Nam Á, đưa đất nước trực tiếp đối đầu với phe Tự Do, mà đứng đầu là Hoa Kỳ. Đó là nguyên nhân thực sự của hai cuộc chiến tranh với Pháp và Mỹ. Hoàn toàn có khả năng giành được độc lập cho dân tộc đồng thời tránh được hai cuộc chiến phi nghĩa này nếu Đảng biết vì Dân vì Nước đặt lợi ích của đất nước của Dân Tộc lên trên lợi ích ích kỷ của Đảng. Thực tế lịch sử cho thấy có rất nhiều cuộc tiếp xúc bí mật cũng như công khai của các bên Pháp, Mỹ và các bên trung gian với các lãnh tụ Việt Minh trước và sau thời điểm 1945, nhưng rõ ràng những người CS tỏ ra dút

khoát đi theo con đường XHCN, đối địch với phe Tự Do Dân Chủ.

Điều nhục cười là ngày nay khi mà phe XHCN sụp đổ tan tành, mất chỗ dựa và nguồn viện trợ truyền thống chế độ CSVN liền quay ngoắt trở mặt 180 độ. Những kẻ mới đây còn là kẻ thù không đội trời chung, đổ không biết bao xương máu của nhân dân, thời gian, tiền của của đất nước để đánh đuổi thì ngày nay là đối tượng để Đảng ra sức săn đón, quý lụy mời chào hồng kiểm chác Đô-la; trong khi vẫn ra rả luận điệu về "sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng" !!! Thường thay cho dân tộc Việt Nam đã bị Đảng lừa dối. Thường thay cho hàng triệu người đã bỏ mình phục vụ cho Đảng mà nay xuống cốt còn vùi khấp đó đây trên mọi miền đất nước, cùng hàng triệu người khác mang những thương tật vĩnh viễn về thể chất và tinh thần...

### 2. Cuộc chiến tranh Campuchia

Có cần thiết bắt buộc phải đánh chiếm Campuchia hay không?

Nhà cầm quyền Hà Nội thi giải thích rằng đánh Campuchia để cứu nhân dân Campuchia khỏi họa diệt chủng. Nếu quả thật họ là những người nhân đạo như vậy tại sao không chấm dứt cái thảm họa diệt chủng ở nước nhà do chính họ gây ra? Mà về sự tàn bạo thì họ cũng chẳng thua kém gì những người CS Campuchia, điều khác là họ nham hiểm giỏi che đậy hơn mà thôi.

Nhà cầm quyền Hà Nội còn rêu rao rằng đánh Campuchia là để ngăn ngừa cuộc xâm lăng Việt Nam của những người Khmer Đỏ. Vậy thử hỏi nếu họ thật sự là những người yêu nước thương dân, tại sao không bằng mọi cách cố tránh việc phát động chiến tranh, trước hết kêu gọi sự can thiệp, sự dàn xếp của Cộng đồng Quốc tế. Rõ ràng là việc đánh rồi chiếm giữ Campuchia là hoàn toàn không cần thiết với những lý do do những người CS nêu ra như trên.

Trên thực tế thì cuộc chiến tranh Campuchia bùng nổ phản ánh những âm mưu đen tối của các thế lực Cộng Sản quốc tế; phản ánh những mâu thuẫn gay gắt giữa một bên là những người CS Campuchia Khmer Đỏ mà hậu thuẫn là Đảng Cộng Sản Trung Quốc với một bên là Đảng Cộng Sản Việt Nam mà hậu thuẫn là Đảng Cộng Sản Liên Xô; phản ánh những tham vọng muốn xung hùng xung bá ở khu vực, muốn xây dựng Liên Bang Đông Dương vốn được Đảng nuôi ý tưởng từ thời còn manh nha mới thành lập vào năm 1930 với cái tên Đông Dương Cộng Sản Đảng có ý bao gồm cả 3 nước Đông Dương (Việt-Miên-Lào). Đó là những nguyên nhân thật sự của cuộc chiến tranh Campuchia, còn những lý do này nọ do nhà cầm quyền Hà Nội nêu ra chẳng qua là cái cớ để che giấu những toan tính của họ mà thôi.

Nhà cầm quyền Hà Nội chỉ chịu rút quân ra khỏi Campuchia khi đã thấy rằng không thể nuốt trôi được miếng mồi, khi đã hứng chịu hậu quả của sự cấm vận về ngoại giao và kinh tế của Cộng đồng Quốc tế và đặc biệt là khi Hoa Kỳ tuyên bố việc Hà Nội rút quân ra khỏi Campuchia là một trong những điều kiện đầu

tiên đế Hoa Kỳ và Cộng đồng Quốc tế xem xét việc bình thường hóa quan hệ với Việt Nam. Nếu không có những sức ép trên thì với bản chất hiếu chiến, tham lam, nhà cầm quyền Hà Nội đâu đã chịu rút quân ra khỏi Campuchia.

### 3. Cuộc chiến tranh biên giới Việt - Trung

Việt Nam và Trung Quốc đều là hai nước Cộng Sản. Tuy là đồng chí của nhau nhưng lại không đồng lòng. Đã có một thời giữa hai Đảng CS có quan hệ thắm thiết "môi hở răng lạnh". Nhưng đó là lúc mà họ còn cần tới nhau. Trung Quốc cùng với Liên Xô cần tới Việt Nam như một tên lính để trực tiếp đối đầu với Mỹ, chỉ ít là cầm chân làm suy yếu Mỹ. Đồng thời sử dụng Việt Nam như một bàn đạp cho Liên Xô, Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng xuống vùng Đông Nam Á. Ngược lại Việt Nam cần tới Trung Quốc như một nguồn viện trợ về vũ khí, tiền của; là nơi trang chuyển các phương tiện chiến tranh từ Liên Xô sang Việt Nam. Thế rồi những mâu thuẫn giữa hai Đảng CS Liên Xô và Trung Quốc ngày càng tăng đến độ coi nhau như kẻ thù buộc Đảng CSVN phải lựa chọn một trong hai để theo. Từ khi Việt Nam ngả hẳn theo Liên Xô thì mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc ngày một xấu đi. Mối quan hệ đó trở nên nghiêm trọng khi mà nhà cầm quyền Trung Quốc sử dụng Việt Nam như một quân bài để mặc cả, thương lượng với Mỹ: Trung Quốc giúp Mỹ kiềm chế Việt Nam đổi lại Mỹ giúp Trung Quốc trong việc mở cửa quan hệ với phương Tây, giúp Trung Quốc về kỹ thuật vốn liếng cho cuộc cải cách của Trung Quốc. Đó chính là sự mặc cả mua bán trên lưng những người đồng chí của nhau. Khi Việt Nam đưa quân sang Campuchia thì mâu thuẫn giữa hai Đảng CSVN và Trung Quốc trở nên cực kỳ gay gắt mà kết quả là bùng nổ cuộc chiến tranh biên giới Việt-Trung.

Qua cuộc chiến này Đảng CS Trung Quốc muốn: thứ nhất là "dạy cho VN một bài học" đồng thời đổ đôn cho đàn em Khmer Đỏ; thứ hai là muốn chúng tỏ cho Mỹ và phương Tây lập trường dứt khoát của Trung Quốc. Nói tóm lại đây là cuộc chiến tranh do hai nhà cầm quyền CS phát động, còn người dân hai nước thì chẳng hề thù oán nhau. Nhưng hậu quả thảm khốc của cuộc chiến thì người dân hai nước rành rành.

Với tất cả những cuộc chiến tranh mà họ đã tiến hành, nhà cầm quyền CSVN thể hiện rõ bản chất hiếu chiến, tàn bạo, tráo trở lật lọng, buôn dân bán nước để kiếm chút lợi riêng. Liệu rồi đây Đảng có còn phát động những cuộc chiến tranh nào đó trong tương lai nữa hay không? Kinh nghiệm lịch sử cho thấy Đảng sẽ làm bất cứ điều gì, tiến hành bất cứ cuộc chiến tranh nào miễn điều đó đem lại quyền lợi cho Đảng, miễn củng cố được chế độ do họ dựng lên.

Halle/S 10/1997

## Cái gọi là giao lưu văn hóa của nhà cầm quyền sản công Việt Nam

● Lê Thanh Tùng

Để củng cố lại cái gai vàng đỏ thêm vững chắc, Đảng Cộng Sản Việt Nam dùng mọi âm mưu, thủ đoạn lừa bịp bằng chiến thuật chiến lược trong mặt trận văn nghệ vận. Nhằm để che đậy dư luận thế giới, Nhà cầm quyền CSVN đã gửi các đoàn văn công văn nghệ từ trong nước ra nước ngoài trình diễn. Họ đã đến nước Đức trong tháng 10 vừa qua, nhằm lôi cuốn những người nệ dạ, chia rẽ khối cộng đồng người Việt đã và đang tỵ nạn Cộng Sản tại Đức. Trong khi hơn 70 triệu đồng bào đang dang dãi khổ đau dưới ách thống trị của chế độ. Thầy Tổ của chúng tôi bị giam cầm, các nhà văn nghệ sĩ những người yêu nước tỵ do còn trong ngục tù Cộng Sản.

"Dân tộc Việt Nam là một, nước Việt Nam là một", câu nói đó nó ăn sâu vào ý tưởng của tôi từ khi còn ngồi dưới mái trường XHCN. Vậy



Quầy Thông Tin  
Biểu Tinh Chống  
Văn Nghệ Cộng  
Sản tại đường  
Hildesheimer  
Strasse 380. Ngày  
26.10.1997 tại  
Hannover

mà hôm nay tôi thấy một sự thật đầy mâu thuẫn, Cộng Sản đã đem văn hóa, văn nghệ từ đất Việt ra nước ngoài trình diễn cho những người Việt xem, gọi là "giao lưu văn hóa". Tôi phản đối văn nghệ Cộng Sản vì nó đóng vai trò rất quan trọng trong việc cướp chính quyền hay cho một thể chế chính trị của CS. Đồng thời cũng là một phương tiện tuyên truyền mạnh mẽ của chế độ phi nhân, mà 30 năm dân miền Bắc gánh chịu và hơn 20 năm xây dựng XHCN ở miền Nam. Trong chiến tranh cũng biết bao nhiêu người bộ đội cụ Hồ nghe bài hát và tác động tinh thần chiến đấu, xông pha ra ngoài

chiến trường chết như thiêu thân. Nhiều bài hát ca ngợi chế độ XHCN, Đảng, Bác, ru ngủ quần chúng tin theo chế độ mù mờ, khích lệ tinh thần nhân dân bằng chủ nghĩa ngoại lai. Bây giờ sự thật đã phơi bày, kết quả là xã hội suy đồi, văn hóa lai căng, thảm kịch đau thương của đất nước.

Tôi phản đối văn nghệ không có nghĩa là tôi thù ghét người CS mà tôi yêu cầu họ loại bỏ một chế độ phi nhân, độc tài Đảng trị, đưa đất nước đến vực thẳm của nghèo đói. Nhân quyền bị chà đạp, thay thế vào đó bằng một chế độ nhân bản công bằng xã hội, đa nguyên đa đảng để cùng nhau xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, nhân dân được tự do và hạnh phúc ấm no.

Tôi phản đối văn nghệ không có nghĩa là tôi thù ghét người nghệ sĩ vì họ là nạn nhân của chế độ, họ là những người rất đáng thương hại, và cũng biết bao nhiêu người nghệ sĩ tử trong tay CS ra đi lánh nạn như Ái Vân, Kiều Hùng... Cũng có nhiều người hỏi tại sao tôi chống văn nghệ sĩ? Là người Phật Tử lương tâm nào tôi ngồi yên khi Thầy Tổ của tôi ngày đêm rên xiết trong ngục tù CS (như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ...) đến nay vẫn bị giam cầm và cô lập. Chùa chiền bị san bằng (Thiền viện Long Thọ Đà Lạt ngày 26.10.96), chùa Linh Mục Huế nay CS liệt vào nơi thắng cảnh du lịch hầu kiếm ngoại tệ nuôi dưỡng bạo quyền. Những chùm thơ yêu nước của Nguyễn Chí Thiện sau 27 năm tù, những người đấu tranh bất bạo động cho Dân Chủ như Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị nhà cầm quyền CS thẳng tay trấn áp tù đầy và còn biết bao nhiêu tù nhân lương tâm khác đang ngồi trong nhà tù.

Qua đây tôi muốn nhắn gửi tới nhà cầm quyền CSVN rằng cái màn kịch mà các ông đang diễn ra nó đang đi ngược lại với xu thế của thời đại, không được nhân dân ở đây ủng hộ, cần loại bỏ. Khi nào quê hương được tự do, người dân được ấm no thực sự, quyền sống và quyền làm người được tôn trọng, Thầy Tổ của chúng tôi không còn bị tù tội, tù nhân lương tâm khác được trả tự do thì lúc đó tôi mới có thể ngồi yên và hành diện reo vui trong tiếng hát ấm tình dân tộc.

(38667 Bad Harzburg)

## "Đêm giữa ban ngày"

● Triệu Quyết Thắng

Là một bạn đọc "Đêm Giữa Ban Ngày" qua mạng Internet, nay tôi được đọc hai bài phê bình tác phẩm của hai tác giả Nguyễn Hoàng Hạ và Văn Thanh viết gửi báo Đì Tỏi. Qua hai bài phê bình đó, tôi có ý kiến nhận xét thêm về hồi ký của ông Vũ Thu Hiền, xin được gửi đến tác giả và bạn đọc.

Trước nhất, về giá trị chung của cuốn hồi ký, hai tác giả (Nguyễn Hoàng Hạ và Văn Thanh) đã nói khá đủ. Hai nhà phê bình này đã nêu được phần lớn mặt mạnh và nhược điểm của "Đêm Giữa Ban Ngày". Tuy vậy, khác với hai nhà phê bình trên, tôi có nhận xét riêng như sau:

**ĐIỂM THỦ NHẤT.** Khi mới đọc phần tự bạch của ông Vũ Thu Hiền ở đầu tác phẩm, tôi đã rất cảm động và tán thưởng ông. Đây không biết có phải là do thấy ông không phải là đảng viên như những người cùng vụ án "Xét Lại Chống Đảng" mà vẫn bị "xử lý nội bộ", chịu án lưu đày khổn cùng nhiều năm trong ngục tù CSVN; là người có văn tài cao hơn, bộc lộ suy nghĩ trung thực hơn, bày tỏ quan điểm sống và đấu tranh cho dân chủ đất nước tha thiết, chân thành hơn những người đi trước ông, như ông Bùi Tín chẳng hạn mà tôi cảm hoài và trân trọng ông lắm lắm!

Sau nữa, tôi cũng có ý nghĩ chủ quan, rằng chỉ cần đọc phần tự bạch của ông tôi đã có thể không đọc nốt 41 chương còn lại mà vẫn có thể tin sự ưu ái minh dành cho ông- một người có nhiều oan khuất nhưng rất tài năng và trung tín, là đúng!

Nhưng, khi đọc hết 41 chương của "Đêm Giữa Ban Ngày", tôi mới thấy mình hụt hẫng vì sự cảm nhận chưa thật đúng với hồi ký và tác giả. Đi tìm sự giải thích cho thắc mắc của mình, tôi đành tìm hiểu lại từng sự kiện trong từng chương sách của ông, để mong giữ lại lòng tin yêu đã có khi mới đọc lời tự bạch của hồi ký mà tôi ngỡ ở trên.

Điều nhỏ nhặt mà tôi muốn nói ở đây trước nhất, là sự bộc lộ hơi nhiều lần để nhấn mạnh tính dũng cảm, sự bình tĩnh đến mức phi thường của ông Vũ Thu Hiền trước việc ông bị công an mặt bất cóc, hay trong suốt quá trình bị giam giữ, bị hỏi cung, bị cùm kẹp kỷ luật trong xà-lim cũng như cả sự ưỡn bụng không cần thiết trước những câu hỏi, lời nói vô lý của những tên cán bộ chấp pháp cuồng tín, ngu xuẩn như Hồng Ngự, hay tên Cục trưởng Cục Quản Lý trại giam khi đến kiểm tra ông và ông Phùng Mỹ ở trại Tân Lập... Nếu ở những phần này, ông viết đúng tâm sinh lý thật sự của người trong hoàn cảnh bị dày dạn, bị đe dọa nguy hiểm tính mạng thì hồi ký của ông còn có sức thuyết phục mạnh mẽ hơn nữa, và cũng không tạo ra mặc cảm thiếu tin tưởng cho bạn đọc hồi ký!

Nếu ý kiến này, tôi không chủ quan đòi hỏi ông phải kể ra đủ thủ sợ hãi gì đấy thì mới đáng tin. mà do xuất phát từ những "cái biết" của một người lính (1968-1977) khi lâm trận mạc, để rồi từ cái không may và cả cái may của người thoát chết nhiều dịp, chỉ mang thương tích; hay cũng đã là một người tù, tuy chỉ có 6 tháng ở trong trại tù của lính cộng sản; hoặc sau khi chuyển ngành mà vẫn còn địp bị tạm giam ba ngày trong quận C.A Hoàn Kiếm Hà Nội vì chuyện không đầu nhưng đã giúp cho tôi hiểu nhà tù dân sự CSVN; nổi thối đó còn được nhân lên nhiều nhiều lần bằng việc tôi cũng đã lên trại tù Tân Lập năm 1971 để thăm người em thứ 3, khi nó mới 11 tuổi đã bị tập trung cải tạo. Đây là "cái biết" bằng thực tế để tôi cảm được thực trạng tâm lý của người bị cưỡng quyền bắt giam, bị xét hỏi, bị dọa dẫm, bị đe dọa mạng sống. Nên khi đọc sách của ông, tôi chỉ nhận được những phẩm chất, lòng dũng cảm, sự chịu đựng không có dao động nghiêng ngả sinh lý thì tôi nêu ra những thắc mắc này.

Do vậy, giá ông kể hết những mặt sau của những phẩm chất thì đây mới là sự thật dấn dặt người đọc và làm họ tin tưởng, hưởng ứng tâm sự của mình. Vì, khi đối diện trong hoàn cảnh khổn cùng đó, người "biết sợ" đúng mức sẽ lại sáng suốt để dùng lý trí chế ngự bản năng sợ hãi của mình! Viết hồi ký mà được chính xác như đã nêu, tác phẩm của ông sẽ còn sáng chói hơn, dù ông không muốn nhưng bạn đọc yêu cầu!

**ĐIỂM THỦ HAI.** Trong hồi ký của mình, ông Vũ Thu Hiền đã cấp cho bạn đọc những bí mật của thâm cung chế độ CSVN, đây là mặt mạnh nhất của ông khi viết hồi ký mà nếu không có nó, cuốn hồi ký của ông chắc cũng bình thường như muôn vàn hồi ký của những người tù khác! Đây là mặt ích lợi nhất ông đã làm được để góp thêm sự hiểu đúng về lai lịch lem nhem, hành xử lươn lẹo và chỉ đặt lợi ích lên trên hết, đa mưu quỷ kế, ác độc và dâm bạo của những người lãnh đạo CSVN cao cấp. Ông đã đưa thêm vào bảo tàng lịch sử những mặt thật của những kẻ đại diện cho đảng CSVN, buộc vào chúng những bằng chứng không thể chối cãi được trước dư luận, rằng đúng chúng đã là tội nhân rất lớn của dân tộc và của tác giả hồi ký!

Ưu điểm tác phẩm của ông lớn như vậy. Nhưng do ông viết rất dàn trải, nên bạn đọc thấy thiếu rất nhiều ở những con người, sự kiện mà ông đề cập trong suốt hồi ký. Nhược điểm này đã làm giảm thiểu đi tinh thần viết sử của ông mà một số bạn đọc đã khen, trong đó ông Du Tử Lê là một người chẳng hạn. Tôi thẳng thắn nhận định phần yếu đó của ông, vì tôi cũng như một số bạn đọc khác đã được nghe những rò rỉ về tiểu sử con người của hai thành

phần: lớp cán bộ cao cấp CSVN và các trí thức, văn nghệ sĩ lớn của chế độ miền Bắc; hay những thành phần như thế của phía đối lập miền Nam- những tác nhân đại diện và liên quan đến vận mệnh nước nhà từ 1945-1975, đến nay (1997).

Nhân đây, nhằm góp thêm cho nhận xét trên, tôi nêu lại chút ít tiểu sử và sự kiện về hai người là ông Phạm Văn Đồng và Hồ Chí Minh để cho ông và bạn đọc thấy, sự đầy đủ kiêm chính xác trong tố cáo nó hay đến chừng nào nếu như ông hoàn thiện được thêm như sau:

- Ông Phạm Văn Đồng vốn tên thật là Nguyễn Văn Đông, có lai lịch từng là một tay buôn thuốc phiện từ Việt Nam sang Lào, Thái Lan vào những năm còn trẻ, và được gặp ông Hồ trong những năm 20, được giác ngộ cách mạng, sau đó mới trở thành nhà cách mạng... (Cùng những dữ liệu ông đã viết trong hồi ký)... và được làm Thủ Tướng sau này;

- Còn về ông Hồ thì có một việc mà nhiều người đã biết, là vào cuối năm 1945, ông ta đã thề độc tại nhà cậu ruột của Thượng Tọa Thích Giác Đức ở Hà Nội (vị này đang ở Hoa Kỳ): ... "Tù nay trở đi, nếu tôi không từ bỏ sự hoạt động cho Đệ Tam CS quốc tế thì tôi sẽ phạm một tội lớn như là: tội ngủ với mẹ đẻ của tôi"... và sang năm 1947, thì ông Hồ đã cho tay chân giết ông cậu ruột của Thượng Tọa TGD ở một ngôi chùa tại Ứng Hòa, Hà Đông (theo Thượng Tọa Thích Giác Đức, đệ tử của Hòa Thượng Thích Quảng Độ- Vị cậu ruột nói trên của Thượng Tọa cũng là một Hòa Thượng và còn là Thầy của Hòa Thượng TQĐ).

Đó là hai mảnh sự thật chỉ là một bằng chứng nhỏ, một ví dụ nhỏ để góp thêm vào bức tranh tố cáo mà những lời kể của ông VTH còn thiếu ở nhiều nhân vật, sự kiện khác mà nếu được tác giả thu thập kỹ lưỡng và viết đủ hơn nữa trong hồi ký thì quả là tuyệt hảo.

Để kết thúc phần nhận xét này, tôi tán thành ý kiến phê bình của ông Nguyễn Hoàng Hạ với cuốn hồi ký: ... "Nhược điểm đó là ở chỗ thiếu chiều sâu, mặc dầu nó có chiều rộng. Vũ Thu Hiền viết về nhiều vấn đề, nhưng không phát triển một đề tài nào cho đủ. Có rất nhiều nhân vật xuất hiện trong sách của ông, nhưng không có nhân vật nào hiện ra một cách đậm nét!..."

**ĐIỂM THỦ BA.** Nhận xét về phương diện tư tưởng, lập trường của ông VTH khi viết hồi ký là ông đang đứng về phía nào, dân tộc hay thân cộng sản?

Ở phần quan trọng nhất của hồi ký này, muốn hiểu nhân sinh quan, lập trường xưa và nay của ông khi nhìn nhận các vấn đề dân tộc, tôi đã lắng nghe những lời bộc lộ trong tác phẩm, và trước nhất, tôi rất tán thành ở điểm ông đã khẳng định rõ ràng trong "tự bạch": "Trong 9 năm tù tôi chỉ làm được một việc có ích cho bản thân và cho cả những người mà tôi thường yêu, là giả từ được áo ảnh về một chủ nghĩa cộng sản được tô vẽ như là thiên đường dưới thế".

Thật là tuyên ngôn doan chắc dảm đoạn tuyệt với quá khứ và đây trong sáng của ông-

một quá khứ tội nhục, căm hờn của bản thân, gia đình và dân tộc!

Nhưng, dù căm thông và trân trọng ông như đã nói, tôi cũng không thể tán thành khi đọc sâu vào hồi ký, ở chương 19, trang 347-348, trong tư cách nhân chứng lịch sử Cách Mạng Tháng Tám, ông viết: ... "Đêm 19.12.1946, nước Việt Nam vừa mới tuyên bố độc lập buộc phải bước vào một cuộc kháng chiến không cân sức. Nước Pháp được Đồng Minh giải phóng chưa kịp hồi sức đã hối hả trở lại Đông Dương màu mỡ. Cái gọi là quân đội Đồng Minh vào Việt Nam giải giáp quân đội Nhật bại trận đã không ủng hộ chính quyền non trẻ của Việt Nam thì chớ, lại muốn thủ tiêu nó. Quân đội Tưởng Giới Thạch trên miền Bắc giúp Việt Nam Quốc Dân Đảng. Quân Anh-Án ở miền Nam mang theo quân Pháp.

Trong hoàn cảnh ấy, Hồ Chí Minh đã đi một nước cờ táo bạo- kỳ Hiệp Định 6.3.1946, thỏa thuận cho các lực lượng viễn chinh Pháp vào thay thế các lực lượng Đồng Minh. Cần phải thoát khỏi các ma đói bên Tàu... Lấy bọn xâm lược rành rành, đẩy bọn xâm lược giấu mặt ra ngoài, tranh thủ để bước vào cuộc kháng chiến không thể tránh né.

Những lực lượng chống Việt Minh là ó: "Hồ Chí Minh bán nước! Hồ Chí Minh là tay sai cho ngoại bang!". Hồ Chủ Tịch phải thề trước đồng bào rằng ông không bán nước. Bài toán Hồ Chí Minh giải không phải mọi người đều hiểu. Nước Pháp vừa thoát ra khỏi cuộc chiếm đóng của Đức trong Thế chiến còn yếu, còn nghèo, lại ở xa, sẽ là kẻ thù dễ chịu hơn nhiều so với kẻ thù đông đúc ở sát nách"; ... "Ông như người thuyền trưởng can trường, bình tĩnh chỉ huy con tàu trong cơn bão"; ... "Tuồng đài cho ông, với tư cách nhân vật lịch sử, đã được đúc!".

Hay, ông viết thêm (24, trang 461-462): "Việt Nam QĐĐ bắc loa hiệu ở đường Quan Thánh ra rá suốt ngày chửi Hồ Chí Minh bán nước. Họ giết các chiến sĩ tự vệ thành, cả dân lành, rồi chôn ở trụ sở ở phố Ôn Như Hầu. Họ bắt cóc rồi thủ tiêu ông Trần Đình Long, ông Nguyễn Văn Phúc, biệt hiệu Phúc ghè"...

Đọc những lời chứng về lịch sử nước nhà trong giai đoạn năm 1946 của ông tôi trích dẫn trên, bắt cứ ai khi đã biết nhìn nhận lịch sử theo quan điểm dân tộc, và vì lợi ích của quốc gia Việt Nam mà đánh giá nó, thì tất cả sẽ phải ngỡ ngàng khi thấy cho đến năm 1997, ông VTH vẫn còn nhìn nhận lịch sử đất nước như thời còn bị đảng độc bá tuyên truyền nhồi sọ hồi những năm trước 1975, khi miền Bắc còn bị búng bít trong cảnh "bế quan tỏa cảng" vậy. Nếu, gọi đây là việc chép lại những bài học thuộc lòng thời trung học thì không có gì là sai khi thấy nhận định lịch sử của tác giả rất thiên lệch trong hồi ký!

Để khẳng định cho nhận xét đó, tôi còn thấy trong việc trích dẫn lịch sử Cách Mạng Tháng Tám, ông VTH chỉ đưa những cứ liệu nhằm dẫn chứng cho người đọc thấy lẽ đúng thuộc về phía đảng, Bác; sai về phía những người quốc gia, những đảng phái đối lập CS. Điều này, ông VTH đã nói toát lộ bằng cách không hề đưa ra một hình ảnh, một kỷ niệm nào khả dĩ có thể tạm dựa vào đó để thấy được

lẽ đúng trong lý tưởng của những người đối lập, ngoài trừ hai trích đoạn ngắn về chuyện của nhân vật đặc công Nguyễn Xuân Cao, và những người tù thuộc "Ngụy quân, Ngụy quyền" thời Pháp không đi củ vào Nam, ở lại Bắc và bị bắt tù. Nay, tôi xin bàn thêm về hai chuyện đó:

- Chuyện về lời kể của chiến sĩ đặc công Cao, "anh ta đã chiến đấu dũng cảm, bắn đến viên đạn cuối cùng và còn cướp súng đối phương, bị nhóm biệt kích quân đội VNCH bắt, được một Đại úy chỉ huy nhóm tha không giết, và còn xúng gọng là người anh hùng rồi đưa về Sài Gòn chiêu hồi; sau vào học ở trường biệt kích Long Thành, được đưa ra miền Bắc, anh Cao này đã giết bạn đồng hành và về đầu thú với đảng, bị đảng ngờ, bắt tù; sau anh được tha hay chuyện đi đâu không rõ". Nó củ lớn vồn cái tính anh hùng cách mạng, dám hy sinh và đầy lòng trung thành với đảng với Bác của người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam lý tưởng-Cao. Và phần diện là lòng nhân đạo "ngây thơ" của vị Đại úy VNCH, cũng như gián tiếp nói về sự thiếu kinh nghiệm, đốn giắt trong việc kết luận đối phương, nên không hiểu được cộng sản của cố quan Tâm Lý Chiến, hay ngành Quân Báo quân lực VNCH.

Còn, với những "Ngụy quân, Ngụy quyền" kia, thì cũng chẳng có lý tưởng gì nổi bật ngoài việc họ chỉ là những người phục vụ cho thực dân để kiếm cơm. Bằng cách đưa những trích dẫn rõ ràng về động cơ lý tưởng cho độc lập, tự do dân tộc của những người cộng sản, nhưng kèm theo chỉ có hình ảnh mờ nhạt về cái tầm trong miếng cơm manh áo, hay lý tưởng phản động, lệ thuộc ngoại bang của những người đối lập như tôi thấy, thì ông Vũ Thư Hiên quả là người thâm thúy và kín đáo trong việc viết và lách!

Thế là, từ những nhìn nhận như thuở còn được cấp sách đến dưới mái trường xã hội xã hội chủ nghĩa ấy, ông VTH đã làm tuyên truyền cho đảng cho Bác rồi! Đây là điểm sai phạm lớn nhất của tác giả mà tôi thấy trong hồi ký. Những dòng đó, nó đối lập lại những tha thiết chân tình khi "ông tự nhận là Thủ phạm", hay "là sự Sám hối" của người cha với dân tộc, và nó cũng làm tổn hại tâm sự thật của ông trong những dòng "tự bạch" mà ông đã viết như sau: ... "Tôi cũng không thể đóng vai người buộc tội được bởi trong xã hội mà tôi sống, tôi không chỉ đón thuận là một nạn nhân. Về mặt nào đó, tôi còn là thủ phạm"; ... "Xin hãy coi cuốn sách này là lời sám hối trước đồng bào của cha tôi nay đã không còn. Nó được thực hiện theo lời trăng trối của Người" (tr.14).

Cảm động chân thành như thế đấy, còn thiêng liêng nữa bởi lời đó ở tận đáy lòng một người (tác giả) đã không nhìn thấy quyền tự do yêu nước của những người đối lập, lý tưởng đấu tranh của những đảng phái quốc gia, các tôn giáo trong thời kỳ Cách Mạng Tháng Tám và sau này, để mà căm thông cho việc họ cũng phải dựa vào một tên đế quốc nào đấy trong lúc "qua sông lụy đò", để mưu cầu thực hiện lý tưởng của họ và cho dân tộc. Hoặc, dù không thông cảm cho việc làm ấy của họ, củ cho là họ làm tay sai cho Tàu Tưởng, Nhật, Pháp, Mỹ đi, xấu hết đi, thì việc Bác Hồ và đảng CSVN đã

nhân danh cái gì khi mà họ cũng phụ thuộc vào Nga-Tàu còn hơn cả đám "tay sai" đã bị họ tổ cáo. Và thậm tệ hơn nữa, ngày nay cả đảng CSVN đang phải lạy lục những kẻ thù cũ để xin được phép làm tay sai, hồng có đò-la để mong tồn tại cai trị dân tộc. Vậy mà, ông Vũ Thư Hiên thì củ "vô tâm" nhắc lại cái tội củ của người quốc gia, thù hoi, người đọc sẽ biết đánh giá về ông như thế nào cho đúng?

Thiết nghĩ, việc ông VTH kể lại lịch sử đất nước sau nửa thế kỷ dân tộc bị đảng CSVN làm cho đau khổ là chuyện rất cần, nhưng nó chỉ cần nếu như ông làm rõ được sự thật lịch sử mà đảng CSVN đã giấu giếm và cố tình ăn bớt công sức toàn dân trong Cách Mạng Tháng Tám thì mới đúng. Đằng này, ông lại làm nhân chứng giả thì tệ quá! Do không thấy được trách nhiệm như vậy, ông sẽ không thể sử dụng vị trí xuất thân đặc biệt của mình để trở thành người hoạt động tốt cho công tác đoàn kết Bắc-Nam, cho mối liên kết giữa những người cộng sản cấp tiến, những trí thức tiến bộ theo xu hướng dân chủ với những người đối lập của Việt Nam Cộng Hòa ở trong nước và hải ngoại hiện nay. Tệ nhất, tôi cũng nhắc lại với tác giả cùng bạn đọc, cũng tại "lời Kết" (tr. 764) ông viết: ... "Năm 1994, Nguyễn Chí Thiện sang Mỹ, từ đó anh đi khắp thế giới để chửi chính quyền Hà Nội. Tôi đọc báo và buồn lòng thấy anh chống Cộng vung vít... Có điều, như các cụ nói, *no mất ngon, giận mất khôn*, nên anh mỗi khai trừ thẳng cánh những người trước kia là cộng sản ra khỏi đám con cháu Lạc Hồng, vĩnh viễn tước của họ cái quyền yêu nước".

Vậy, có phải là tác giả khi viết hồi ký đã tự mâu thuẫn nặng với bản thân mình không, khi viết ra những lời phê phán về Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện như trên! Ông phê Thi sĩ mà ông cũng lại phủ nhận công sức, thiệt hại của những con người, những đảng phái quốc gia trong Cách Mạng Việt Nam (xem lại trích dẫn chương 19 và 24).

Ở điểm sai nặng nề này của tác giả, tôi không muốn khoáy sâu vào. Mặc dù, đầu đó trong tôi, đã từng có hai dấu hỏi:

1. Tác giả viết vậy là để bảo vệ cho hào quang chiến thắng giặc Pháp, Mỹ..., thống nhất đất nước của đảng CSVN, một đảng còn được gọi theo định nghĩa mỗi của ông, là: "Chủ nghĩa CSVN, một chủ nghĩa không có nguồn gốc từ Mác-Lê-Stalin-Mao, chỉ có nguồn gốc từ những con người nhân bản, yêu tự do dân chủ và độc lập"?

2. Làm một việc chuẩn bị về lâu dài cho sự thay tên của đảng CSVN trong thế cờ tướng lai đất nước?

Chỉ mong, ông đừng sâu xa như thế!

**ĐIỀU THỨ BỐN.** Giá trị nhân bản của hồi ký, có không, và đâu là phần tác dụng với giá trị đó?

Nhận xét về điểm này, tôi thấy tác giả đã có những suy xét nhân đạo để tha thứ cho những tội lỗi của những tên Thọ, Duẩn, hay sự "vô tâm" của ông Hồ, Chinh, Bằng... Cụ thể, là khi viết về họ, ông dùng lời văn không quá hằn học để kết tội những kẻ thù củ. Thêm vào, ông kể những chuyện yêu quý chú cóc trong xã-lim;

giác mở về một miền quê xa đầy cây xanh, ríu rần vang tiếng chim hót...; song hành là việc ông kể về lòng nhân ái của mình qua lý tưởng và hành động đấu tranh cho hạnh phúc của dân tộc; hay gần đây, khi sang châu Âu, ông còn đến tận lò thiêu người ở Katowice trong trại tập trung Auschwitz-Birkenau để đặt hoa tưởng nhớ những nạn nhân chiến tranh của Đức Hitler. Sự chu đáo như thế cho thấy ông nhân bản lắm (cả ông Bùi Tín cũng vậy - "Mặt Thật")!

Nhưng ngược lại với những thể hiện nhân bản trên, trong những năm sống ở Sài Gòn, ông VTH chưa kể mình đã ghé qua Biên Hòa, thấp một nén hương cho những người lính bạc phận thua trận ở phía bên kia, trong nghĩa trang Cộng Hòa?

Vậy, cái sự ở xa thì ông lại làm được, cái sự đáng làm hơn khi ở gần thì ông lại quên, hay diễn đạt bằng một câu sinh động của ông Hồ khi nhận xét tinh thần quốc tế vô sản của "Thọ Tây Ban Nha": "Việc nhà thì nhắc, việc chủ bác thì siêng" ấy, sẽ làm mất bao nhiêu giá trị nhân bản đã có trong ông? Phê bình như vậy, tôi cũng mong ông và bạn đọc khác quan điểm đừng cho tôi là kẻ bồi lông tìm vết nhé, vì nó quá rõ ràng lộ ra cái thiếu nhân bản qua lời kể chuyện của người viết, nếu như ông VTH không cái chính lại là do mình bị quên!

**Thay lời kết luận:** Từ những phê bình về mặt mạnh, yếu của hồi ký "Đêm Giữa Ban Ngày" do ông Nguyễn Hoàng Hạ và ông Văn Thanh viết, tôi đã mạn phép đi sâu vào giá trị tư tưởng của tác phẩm, chỗ đứng lập trường, lòng nhân bản của tác giả để giới thiệu nhận xét của mình. Và, tôi luôn thừa nhận rằng, dù ông VTH viết rất "thiên" (lời ông Bùi Tín), nhưng sức tố cáo của hồi ký đối với chế độ rất là mạnh. Sự công phá mạnh ấy nằm ở những đoạn, những phần nói về lai lịch, tư tưởng, hành vi, sinh hoạt, cá tính, ý thích, dâm bạo, hoang đại... của những cán bộ cao cấp CSVN mà tôi nghĩ là không cần phải trích lại ở phần nhận xét này.

Mặt hạn chế của hồi ký như tôi đã nói, cũng rất lớn ở chỗ ông đã bắt công khi không nói về những tổn thất của một phần dân tộc, của một nửa đất nước, hay chút ít cho những oan hồn của không biết bao nhiêu thường dân và chiến sĩ quốc gia Việt Nam đã hy sinh, hay bị thảm sát trong cuộc xung tranh Quốc-Cộng hồi Cách Mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, Cải Cách Ruộng Đất, không kể số lớn chết trong cuộc chiến Bắc-Nam.

Sau cùng, mong ông Vũ Thư Hiên sẽ nhìn nhận và thay đổi lại những đánh giá của mình, cả về công lẫn tội của hai phía Quốc-Cộng! Được vậy, ông sẽ thực hiện được ước vọng của mình và nhóm dân chủ ở trong nước, cũng như giữ được sự trong sáng ở phần tự bạch và kết luận hồi ký của ông!

Nếu có những gì quá đáng, hay chấp nhất, mong tác giả và bạn đọc thẳng thắn phê phán. Đó là quyền tự do tranh luận của mỗi chúng ta.

Đức quốc ngày 27.7.1997

## ■ Luận về tình thương và Nghiệp Báo Trong chiến tranh Đông dương

Nguyễn Việt Nữ

Lời Tâm Sự

Liên tục trên Phụ Nữ Diễn Đàn số 158, 160, 162, Nguyễn Việt Nữ đang bàn về "Luật Nhân Quả Trong Chiến Tranh Việt Nam" nhưng vẫn chưa hết ý, nay lại sang đảng nói chuyện này trong phạm vi rộng lớn hơn?

Tuy nhiên, đây chẳng phải lạc đề, vì Đông Dương là gồm cả ba nước Việt, Miên Lào; mà mới đây cái chết của trên một triệu người Miên do Pol Pot, thủ lãnh Cộng Sản Miên chủ động, lại cũng được giải thích bằng lý do Tình Thương và Nghiệp Báo của Nhà Phật.

Vì Miên Cộng và Việt Cộng có liên hệ "mình với ta tuy hai mà một", cho nên phân tách chiến tranh Miên càng giúp soi rõ vấn đề này của nước Việt.

Nhất là gần đây chẳng những CS Việt Nam mà báo chí Mỹ điển hình là báo TIME, cũng thường dùng giáo lý Phật Giáo để biện minh cho việc làm của họ trong chiến tranh. Ví thế, Nguyễn Việt Nữ khi viết loạt bài về Phật Giáo này là chỉ làm tròn thiên chức mình: làm sáng tỏ trước công luận những khía cạnh Tôn Giáo mà Cộng Sản đang lợi dụng với mục đích truyền thông chính trị của họ.

Tòa báo và Tác giả không chủ trương phân biệt Tôn Giáo, mà chỉ mong đóng góp phần nhỏ của mình trong công tác truyền thông đối đầu với truyền thông phân chiến hải ngoại.

Xin số lược thành tích của báo TIME để qui độc giả thấy chủ "nhỏ" trong loạt bài này nó nhỏ nhoi đến thế nào?

Tưởng cần nhắc lại, Đại Tá Tình Báo Cộng Sản Bắc Việt là Phạm Xuân Ẩn, bí danh là Hai Trung, được đào tạo về báo chí tại trường đại học Mỹ, là cộng sự viên của báo Time tại Sài Gòn trong suốt 10 năm chiến tranh (1965 đến 1975). Ông ta mặc thường phục, cặp bồ với các phóng viên Mỹ, Anh, Pháp, Nhật..., bõ với các Tướng Tá cao cấp Việt Nam Cộng Hòa, với các ông Nghị ở Radio-Catinat ở Sài Gòn để lấy tin tức. Tất cả tài liệu quý, nguyên bản hay chụp lại, đều được đưa ra Củ Chi để chuyển ra Hà Nội (chép nguyên văn trang 178 Hoa Xuyên Tuyết của Bùi Tín). Và trong phiên tòa xử Can Phạm Chiến Tranh Việt Nam năm 1993 (PNĐĐ số 160), sử gia kiêm ký giả Stanley Kamow cũng xác nhận rằng trong ba năm đầu Mỹ tham chiến vào VN, trong giới truyền thông Mỹ không có ai là "bồ câu" cả. Ai cũng tin vào thuyết Domino, tức tin vào việc chọn miền Nam là tiền đồn chống Cộng. Cho đến năm 1965, lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ có trên 500 phiếu tán thành việc chính phủ Hoa Kỳ đem quân vào miền Nam, chỉ có 10 phiếu chống. Nhưng từ khi Stanley Kamow được báo Time gửi vào miền Nam làm phóng sự, thì công luận Mỹ từ từ chống chiến tranh và cuối cùng phong trào phản chiến ồ ạt vì những hình ảnh chết chóc của chiến tranh đưa tới Mỹ rút quân và miền

Nam rơi vào tay Cộng Sản, Stanley Kamow chính là tác giả bộ phim Vietnam: a television history, ca ngợi thành tích của Cộng Sản Bắc Việt và Hồ Chí Minh, được chiếu đi chiếu lại hàng năm, mỗi lần chiếu lâu cả tháng trời trên TV Mỹ. (Chính Bùi Tín xác nhận là thời ông còn trung với đảng, trong vai trò Phó Tổng Biên Tập tờ Báo của Trung Ương Đảng, ông ta đã tiếp xúc và cung cấp tài liệu cho các ký giả ngoại quốc, trong đó có Stanley Kamow). Phim này được chiếu lại vào tháng 5 & 6/97 lúc Mỹ đặt Tòa Đại Sứ tại Hà Nội.

Cũng cần nói thêm là chủ bút báo Time là Strobe Talbott thuộc phe phản chiến, thời sinh viên là "bạn nối khổ" với Bill Clinton nên ngay khi đắc cử nhiệm kỳ đầu, tháng 2 năm 1993, Strobe Talbott được tân Tổng Thống bổ nhiệm làm Đại Sứ Lưu Động và Cố Vấn cho Tổng Trưởng Ngoại Giao phụ trách khối Cộng Sản Liên Xô cũ.

Theo Bùi Tín và chính ông Phạm Xuân Ẩn xác nhận với các ký giả ngoại quốc, sau 1976 ông ta được Đảng phong Anh Hùng lực lượng vũ trang nhân dân, hiện đã "về hưu", sống bằng nghề nuôi chó "bạc-giê" (một con giá 7 ngàn đô la); nhưng dĩ nhiên vẫn còn giữ nhiệm vụ quan trọng là liên lạc với các thông tin viên ngoại quốc, hiển nhiên trong đó có nhân sự của báo Time.

Bài báo "The Darkness of Cambodia" đăng trên báo Time sau đây giới thiệu với độc giả cái tình hiếu sát từ toàn dân Miên đến nhà cầm quyền như Hun Sen và nhất là tên chúa Đò Pol Pot, gây hiểm lăm trầm trọng về giáo lý Phật Giáo, một tôn giáo đã có số tín đồ dám chết để bảo vệ tự do tín ngưỡng, và nay đã tranh đấu đòi CS Việt Nam tôn trọng quyền đó... Chắc chắn đây không phải là vô tình theo ý riêng của ký giả Terry McCarthy; nhưng ta hãy coi đây là sự hiếu lăm tai hại; nên cần phải được nói lên cho hết lăm, hết hại.

Trách nhiệm của cơ quan truyền thông là sưu tầm giáo lý đích thực của Đức Phật và phổ biến rộng rãi ra để ai biết rồi thì đây là dịp ôn lại; còn ai chưa hiểu thì hiểu cho rõ ràng; ai hiểu sai lăm thì hiểu lại cho đúng đắn để rồi tất cả cùng suy nghiệm: nếu thấy lời dạy đó còn có ích cho mình và cho người thì đem ra áp dụng.

Nhưng Time magazine mỗi tuần có hàng triệu ấn bản gửi đi khắp thế giới. Sự đóng góp của Nguyễn Việt Nữ quá nhỏ nhoi là vì thế. Nhưng nếu mỗi người Việt trong và ngoài nước tự nguyện làm cán bộ thông tin cho Chính Nghĩa Tự Do Dân Chủ thì việc nhỏ này sẽ có kết quả to cho dân tộc mình. Mong lắm thay.

Nguyễn Việt Nữ

\*

**T**ạp chí TIME, trong số ấn bản ngày 11 tháng 8 năm 1997, mục tin thế giới, trang 38, có đăng bài "The Darkness of Cambodia", thuật lại cuộc đảo chánh ở Miên của đệ nhị Thủ Tướng Hun Sen hất chân đệ nhất Thủ Tướng Norodom Ranariddh trong hai ngày 5 và 6 tháng 7 vừa qua tại Nam Vang.

Biến cố này làm chết 65 người ngay tại Thủ đô nước Miên, và nhóm đệ tử của Hun Sen còn tập trung trên 30 người thuộc phe đối thủ để xử tử tước khắc, một số người này còn bị móc mắt trước khi bị giết. Đây là một chính phủ hai Thủ Tướng do Liên Hiệp Quốc bảo trợ trong cuộc bầu cử tự do, tương tự báo Time kể lại việc cướp chính quyền công khai bằng vũ lực đâm máu trên để có ý kiến xem thái độ của tác giả - mà thường là cũng của chính chủ trương của tờ báo - đối với Hun Sen như thế nào? Liên Hiệp Quốc giải quyết ra sao?

Nhưng không, bài báo chỉ nói nhiều về thành tích giết tập thể cả triệu dân Miên của Pol Pot, về phiên tòa nhằm loại bỏ lãnh tụ Khô Me Đô này do chính các đồng chí ông ta xử án trong rừng sâu giáp ranh biên giới Thái Lan, đặc biệt lại dùng triết lý của Khổng Giáo và Phật Giáo để giải thích lý do hai dân tộc Việt Miên bị thảm sát hàng triệu người trong chiến tranh.

Bài báo gồm hai trang, có 4 tấm ảnh tượng trưng cho "triết lý" mà tác giả muốn viện dẫn. Hai trong 4 tấm hình là phóng ảnh của Pol Pot chụp lúc ra tọa ở rừng xanh vào tháng 7 rồi. Ảnh to gần nguyên trang báo với chú thích: *Pol Pot cúi đầu những không dính máu*. Hình thứ hai cỡ 4x6 chụp trước khi Vương Quốc Khô Me Đô sụp đổ với cuộc chú: *Pol Pot, vào cuối thập niên 70, đã đưa xứ Miên vào đường đau khổ và chết chóc*. Còn hai hình kia đây sọ người với hai lỗ mắt và một lỗ mũi nhìn vào thấy rõ cảnh địa ngục nơi trần gian. Bài báo cuộc chú về những đầu lâu ba lỗ này rằng: **"Một triệu người chết. Một đất nước từng xây cất chùa chiền khắp vùng Đông Nam Á, nay lập đền lều giữ sọ người này làm hình thức tưởng nhớ"**

Bài báo viết rằng, *Mặc dù bị chìm trong bóng đêm của tàn bạo như vậy du khách vào xứ Miên sẽ bị quyền rũ bởi nụ cười của dân Miên... Chúng tôi thật không sao hiểu nổi... Chẳng hạn ngay như chính Pol Pot, giọng nói dịu dàng của ông ta luôn luôn hấp dẫn bất cứ người nào tiếp xúc ông. Ông ta lại thích trích dẫn những vần thơ Pháp (vốn rất trữ tình).* (Lúc ấy) người ta không thể tưởng tượng được đây cũng chính là người đã từng giết chết cận vệ chỉ vì nhà ông ta ở Nam Vang bị cúp điện! **"Màn đêm của người Miên là một phần cái bóng theo sau sự ngọt ngào của họ"**.

Đang nhận định về Miên Cộng như vậy, bỗng dùng tác giả Terry McCarthy đem Việt Cộng ra so sánh: *"Khi Cộng Sản Việt Nam chiếm Sài Gòn năm 1975, chúng nhốt tập thể giai cấp thù nghịch vào trại tập trung cải tạo. Còn bên xứ láng giềng Miên thì Pol Pot lập trại tiêu diệt. Tất cả giáo chức, bác sĩ, bất cứ người nào nói được tiếng nước ngoài, thậm chí người có đeo kính (là biết đọc chữ) đều bị thủ tiêu vì*

*ông ta muốn biến cả nước Miên chỉ còn một giai cấp nông dân (ngu dốt). CSVN có thể là kẻ chiến thắng tàn ác, nhưng di sản Khổng Giáo đã giúp họ chỉ mở hình thức cải tạo. Còn tại Miên thì ngược lại, Phật Giáo khuyến khích sự tin tưởng vào sự không thể cưỡng lại được của Nghiệp Báo, tức ý niệm "ác lai ác báo"*.

Bài báo viết lại nhận xét của Francois Ponchaud, vị Linh Mục tới Miên đầu tiên vào năm 1965, rằng: *"Tư tưởng về Nghiệp Báo ăn rất sâu vào xã hội Miên, tôi nghĩ rằng việc Khô Me Đô giết người tập thể bắt nguồn một phần vì lý do tâm linh đó. Họ tin rằng những nạn nhân đó là những người đã làm lỗi, lỗi về chính trị, vậy thì giết họ đi là cho phép họ tái sinh vào kiếp sau tốt đẹp hơn".* Vì thế bàn tới trách nhiệm về người chết trong thời gian 1975 đến 1979, Pol Pot nhìn nhận có phạm vài lỗi, nhưng đó chỉ là làm lỗi về chính sách. (Cho nên) Pol Pot dù đã là tác giả của hàng triệu cái chết (còn trở đầu lâu kia), nhưng ông ta không hề tỏ ra hối hận.

Tóm lại, theo tuần báo Time, thì Pol Pot, kẻ mà Hoa Kỳ yêu cầu phải đưa ra xử trước tòa án quốc tế về tội diệt chủng lại là người có công "giải phóng" hàng triệu linh hồn đồng bào của ông ta ra khỏi cuộc đời tội lỗi này để họ tốt đẹp hơn ở đời sau?

Nói khác đi, theo Linh Mục Francois Ponchaud thì dân Miên đã thấm nhuần Phật Pháp cho nên khi đất nước biến thành bãi sọ người mà vẫn thần nhiên mím miệng cười. Họ phải chấp nhận Nghiệp Báo, coi chuyện thảm sát như một định mệnh không thể từ chối. Còn nhóm Khmer Rouge mà đại diện là anh đồ tể Pol Pot đã vì tình thương, muốn cho dân Miên có đời sống hạnh phúc hơn nên đã ban cho hàng triệu sinh linh những nhát búa, nhát dao ân huệ? Pol Pot không hề hối hận việc đã làm vì chỉ thi hành luật Nghiệp Quả của nhà Phật?

Quen hiểu theo trận Hồng Thủy trong lịch sử được tạo ra để trừng phạt kẻ có tội, Linh Mục Francois Ponchaud đã hiểu sai giáo lý Phật Giáo, vì Đức Phật không giành quyền thưởng phạt ai, điều này không có gì đáng nói. Nhưng điều đáng nói là khi đem tên Chúa Đò Cộng Sản Pol Pot ra để cho y thừa hành Phật Pháp mà tàn sát hết mọi giai cấp để chỉ còn giai cấp bần nông cai trị đất nước, thì chẳng những Linh Mục và tác giả bài báo không hiểu Phật Giáo là gì - đã đành - mà mãi đến bây giờ vẫn không hiểu cả Cộng Sản là gì?

Pol Pot giết hàng triệu dân Miên là do lòng tôn thờ chủ thuyết Cộng Sản của y. Thấm nhuần tư tưởng Mao Trạch Đông, Cộng Sản Chủ NGHĨA ở các nước nông nghiệp chia dân tộc ra làm nhiều giai cấp mà giai cấp trí thức không bằng cục phân, chỉ có giai cấp nông dân là có ích cho xã hội, còn tất cả tầng lớp khác đều làm hại cho chế độ, cần phải loại trừ. Chính chủ nghĩa Cộng Sản đã làm cho Pol Pot và cả Hun Sen bây giờ mới thắng tay giết những người không cùng chính kiến, không cùng đẳng cấp với mình. (Đến đời hễ ai có mang kính là cũng bị liệt vào hàng trí thức nên trước khi giết chết phải móc cho lòi trong đôi mắt "trí thức" đó mới thỏa hận thù giai cấp). Lòng khát máu xúi giục hận thù này của những người Cộng Sản

như Hun Sen hay Pol Pot không dính dáng gì tới Phật Giáo vì những tư tưởng và hành động của họ hoàn toàn trái ngược với Phật Pháp.

Bởi ngoài việc nghiêm cấm sát sanh và phân đối bạo lực, Đạo Phật còn chủ trương mọi người đều bình đẳng, xã hội cần dùng tình thương xóa bỏ giai cấp, bất công. Vị Giáo Chủ Phật Giáo là Hoàng Thái Tử Siddhatta suốt đời đã tìm ra và phổ biến giáo lý để thực hiện chủ trương này.

Kinh điển nhà Phật còn ghi rõ nhiều gương sáng đó từ thuở Thái Tử mới xuất gia tìm Đạo cho tới khi đắc Đạo. Để làm sáng tỏ vấn đề, chúng tôi xin chép lại vài bằng chứng như sau, về:

## PHẬT THÍCH CA, MỘT NHÀ CÁCH MẠNG VĨ ĐẠI

Nước Ấn Độ hơn hai ngàn năm trăm năm về trước, xã hội chia ra 4 giai cấp, mà Bà La Môn (brahmana) là giai cấp cao quý nhất, còn Thủ Đà (Sudra) là giai cấp nghèo nhất, phải làm những nghề cực nhọc nhất mà 3 giai cấp kia không ai thèm làm.

Ngoài 4 giai cấp chánh đó, còn vô số người thuộc hạng ngoại cấp, nghĩa là không được xếp vào hạng nào trong xã hội cả. Những người này chỉ được sống riêng biệt ở ngoài bia làng hay bia rừng, phải làm nghề thấp kém như đổ phân, đắp đường, nuôi heo, giữ trâu và cày ruộng.

Vậy khi chủ trương xóa bỏ giai cấp, Đức Phật quả đã làm một cuộc cách mạng long trời lở đất cho nhân loại. Và Ngài đã thành công vĩ đại, mặc dù "vũ khí" chỉ là Thân, Khẩu, Ý của Ngài.

Về Thân xác, Thái Tử Siddhatta (Sĩ Đạt Ta), đã từ bỏ cung vàng điện ngọc, quyền thế tướng lai khi kế vị Vua cha, từ bỏ vợ đẹp con ngoan để đi tìm sống khổ hạnh trên đường tầm Đạo.

Trên đường tìm phương cứu khổ cho nhân loại đó, lúc chưa thành Đạo, Ngài đã đem lại nguồn vui cho những người ở giai cấp cùng đĩnh; xóa bỏ khoảng cách giai cấp giữa vua và bần dân làm người hạ tiện. Chẳng những nâng phẩm cách người cùng đĩnh (như hạng ngoại cấp chân trâu) lên ngang hàng giai cấp quyền quý, Đức Phật còn dùng nghệ thuật hoàn thành công việc của người nghèo khổ này (nghệ thuật chân trâu) để làm bài học cho kẻ cao sang, kể cả các vị vua, và cho cả nhân loại hiện giờ (Kinh Chân Trâu được coi là khuôn vàng thước ngọc cho hàng tu sĩ Phật Giáo). (Có dịp sẽ chép lại nội dung Kinh Chân Trâu).

Cuộc cách mạng vĩ đại xóa bỏ giai cấp này không hề đổ một giọt máu, mà vũ khí chỉ là hành Nghiệp tức sử dụng triết để Thân, Khẩu, Ý của Ngài. Rất giản dị và rất thực tế như sau:

Svastika là một cậu bé chân trâu mới 11 tuổi mà đã phải làm chủ gia đình, nuôi ba đứa em mà đứa em gái út mới chửa đầy tuổi thôi nói. May mắn nó được muốn chân đàn trâu gồm 4 con trâu lớn và một con trâu ghé cho người nhà giàu để được trả công bằng gạo, bột mì và muối. Thành thạo khi đi thả trâu ăn cỏ bên bờ sông, nó bắt được vài con cá và nhỏ giữ trâu giỏi nên Svastika kiếm được thức ăn cho



cả 4 anh em và còn xin được sữa trâu cho em bé còn bú nữa.

Mỗi buổi chiều khi đã tắm trâu xong và cắt cỏ cho trâu được đầy gánh, Svastika định vào rừng ngồi nghỉ ngơi một lát trước khi lùa trâu về chuồng. Chính lúc ấy nó thấy một người đang ngồi im lặng dưới gốc cây pippala thật lớn. Toàn thân người ấy tỏa ra một cái gì vừa uy nghi vừa an bình. Tự nhiên nó cảm thấy thân thể, tâm hồn nó nhẹ nhàng thõ thỏi khi chỉ cần nhìn dáng điệu của người ấy. Nó đứng yên không dám động đậy. Hồi lâu người ấy mới nhìn ra nó và mỉm cười.

Trong đời nó chưa hề được ai cười đầy tình thương với nó như thế. Như bị quyến rũ bởi sự dịu dàng ấy, Svastika vụt chạy về hướng người ấy, khi chỉ còn vài bước, nó vội ngừng lại.

Tuy người này ăn mặc cũng rách rưới như nó, nhưng phong cách rõ ràng là người của giai cấp quý tộc, nó biết nó không có quyền đụng vào người của giai cấp trên. Trong làng nó đã có người hạng cùng đinh như nó mà lỡ đụng vào người Bà La Môn là bị đánh bầm mình. Những người đang đứng trước mặt nó, có nụ cười bao dung hiền hậu thì nó tin chắc "chủ ấy" không nỡ đánh đập mình đâu. Nhưng người ta cao sang, nhân từ thế ấy mà nó lỡ đụng vào, làm thân thể người ta bị ô nhiễm tội nghiệp. Khi ba nó còn sinh tiền đã dạy nó rằng khi ấy người Bà La Môn phải về nhà ăn chay, nằm đất và sám hối nhiều tuần lễ mới sạch được hết tội lỗi.

Nhiều lúc Svastika thấy con trâu này còn may mắn hơn đời nó. Một người thuộc giai cấp Bà La Môn có thể đụng một con trâu mà vẫn sạch sẽ, nhưng sờ phải người nó là trở thành ô uế phải gột rửa bằng nhiều tuần lễ sám hối; vì nó chỉ là kẻ ngoại cấp, nghĩa là còn thua xa giai cấp hạ cấp, bởi dù là hạ, nhưng vẫn còn được xếp vào hạng có giai cấp, còn ngoại cấp là không được ở cả cấp cuối cùng. Người ta không nói ra, nhưng hình như những người như nó không phải là con người.

Nghĩ vậy nên Svastika vội lùi bước để tránh va chạm; nhưng người ấy nhanh như chớp đã tóm được cậu bé, ôm vai nó, âu yếm xoa đầu nó. Svastika đứng yên, lòng xúc động. Trong đời nó, ngoài mẹ nó ra, chưa ai xoa đầu âu yếm nó như vậy.

Thấy nó vẫn còn sợ hãi, người ấy nâng cằm nó lên và nhìn vào mắt nó dịu dàng nói: "Em đừng sợ, em rất dễ thương". Lời ngọt ngào này giúp dạn dĩ lên, Svastika nắm tay người này trong tay nó và hỏi: "Con nắm tay chú như thế này làm chú bị ô uế đi rồi phải không?"

Người ấy cười đáp: "Không đâu. Em là con người, tôi cũng là con người. Em không làm chú ô nhiễm được đâu. Đừng nghe lời người ta nói". Svastika lấy làm lạ, ba nó thường nói rằng ai sinh ra ở giai cấp nào thì phải chấp nhận và phải ở yên trong giai cấp đó. Hạnh phúc là biết chấp nhận hoàn cảnh của mình. Thần linh đã dạy như vậy và kinh điển cũng dạy như vậy. Nay người lạ này bảo "đừng nghe người ta nói". Mà thật vậy, lời "người ta" nói nghe đau đớn làm sao, còn nghe lời "người này" nói nó tràn trề vui sướng, vậy tại sao không nghe lời người này? Nên nó ngập ngừng một chút rồi nắm chặt tay người ấy thân mật:

"Chú thật rất dễ thương. Chú tên chi và nhà chú ở đâu, con có thể biết được không?"

Người ấy từ tốn đáp: "Được chứ. Chú tên Siddhatta. Nhà chú ở xa đây lắm. Hiện giờ chú ở tạm trong rừng này, dưới cội cây kia..." Tuy mới quen, nhưng Svastika thấy chú Siddhatta đã đem lại cho nó niềm hạnh phúc vô biên. Nó muốn tặng chú món gì để tỏ lòng biết ơn đó, nhưng không có thứ gì ngoài cái lưng trần và chiếc xà-rông cũ mềm của nó. Khi biết ý định của cậu bé, Siddhatta chỉ gánh cỏ, mỉm cười: "Cỏ của em cắt cho trâu ăn mềm và thơm lắm. Nếu em cho vài nắm để tôi trải dưới gốc cây làm nệm ngồi thì tôi sung sướng vô cùng". Mắt Svastika vụt sáng lên, chạy tới gánh cỏ ôm một ôm đầy dâng cho người ấy. Siddhatta cung kính chấp tay nhận bó cỏ từ hai bàn tay nhỏ xíu của cậu bé chân trâu nói: "Cám ơn em. Em rất dễ thương".

Lần đầu tiên trong đời, kẻ cùng đinh ngoại cấp Svastika chẳng những cảm thấy mình được thưởng mà còn thấy mình có giá trị và mình đã "làm được một chút gì" cho người cấp trên. Nó cảm thấy muốn quẩn quít bên người đã thưởng và ban cho nó cái giá trị mới.

Ngày hôm sau, khi thả trâu ăn cỏ bên bờ sông, Svastika đói bụng, bèn dõ nắm cơm đưa em gái gói cho từ ban sáng trong miếng lá chuối định ăn, nhưng nhỏ đến "ông chú" dễ thương, nó lội qua sông vào rừng để chia vắt cơm với người ấy, vì nó tin "chủ" ấy không chê vắt cơm hèn mọn của nó đâu. Đến nơi nó thấy trước mặt Siddhatta còn có cô gái khác trẻ tuổi mình, ăn mặc rất sang trọng mà nó nhỏ cỏ gặp vài lần trên đường làng. Trước mặt Siddhatta có chiếc lá chuối tười trên có nắm cơm trắng tười hình như cũng sửa soạn ăn cơm.

Khi nhận ra Svastika, Siddhatta mời cậu bé cùng ăn. Nó mở gói cơm ra, chỉ là cơm gạo đỏ và không có muối mè, chỉ có vài hạt muối. Siddhatta nhìn hai đứa trẻ, nói:

"Vậy chúng ta gom chung lại cùng ăn với nhau cho vui".

Nói xong Siddhatta bẻ nửa nắm cơm trắng chấm muối mè đưa cho Svastika; rồi ông lấy nửa vắt cơm hãm của cậu bé chân trâu, bắt đầu ăn ngon lành.

Lúc đầu Svastika rất e ngại, nhưng thấy "ông chú" ăn rất tự nhiên nên nó cũng bắt chước. Nó khen: "Cơm của chú dẻo, mềm và thơm lắm chủ cơm của con..."

Siddhatta cười chỉ vào cô bé: "Đó là cơm của Sujata đem cho"

Sujata lớn hơn Svastika chừng hai tuổi, là con ông Hường Cả làng này. Một hôm cô vâng lệnh mẹ đem lễ vật vào cửa rừng để cúng thần linh. Cô gặp một người ốm chỉ còn da bọc xương đang nằm sóng soài bất tỉnh dưới đất. Chỉ có hơi thở thoi thóp là chứng tỏ "bộ xương khô" ấy còn sống. Đoán là nạn nhân bất tỉnh vì bị đói lâu ngày, Sujata vội lấy bình sữa lễ vật và rót đầy chén sữa kê hẳn vào miệng, người ấy từ từ nuốt, rồi mở mắt, rồi xin thêm chén nữa... Cứ thế người bất tỉnh từ từ hồi tỉnh và cảm ơn cô bé đã cứu mạng mình.

Người ấy kể rằng vì tu khổ hạnh mấy năm dài ở núi vùng này, nên sức khỏe hao mòn, định xuống núi hóa trai, nhưng đi tới đây thì kiệt

lực nên bất tỉnh. Sa môn Gotama kể lại thân thế của mình và quyết định không tu khổ hạnh đây đây xác thân vô ích nữa. Mỗi ngày sẽ vào xóm khất thực vào giờ Ngọ. Sujata xin phép mỗi ngày được dâng cúng thức ăn cho thầy khỏi xuống núi mất sức và mất thi giờ, cứ ở yên trong rừng mà hành đạo. Sa môn Gotama mừng rỡ nhận lời...

Hôm nay cũng như mỗi ngày trong 3 tháng trước đây, Sujata mang cơm cúng dường cho sa môn thì gặp Svastika cũng mang cơm đến; cô bé thân mật nhắc: "Thầy vừa kể chuyện em cho chị nghe. Em đừng gọi Siddhatta bằng chú nữa, mà nên gọi là Thầy, vì thầy là sa môn mà..."

Trước đây ta đã thấy Thái Tử chỉ dùng lời ngọt ngào và tâm ý thương yêu mà xóa bỏ làn ranh phân chia giữa Ngài và cậu bé chân trâu. Việc làm này để, vì tự Ý của Ngài muốn và Thân, Khẩu của Ngài hành động. Nay sa môn Gotama lại muốn dạy cô bé con quan là Sujata này xóa giai cấp cao của cô ta để bình đẳng với kẻ ngoại cấp Svastika nữa! Thường người ta sai khiến hành động của chính mình còn khó thay, huống hồ gì "muốn" Thân, Khẩu, Ý người khác phải hành Nghiệp nói, nghĩ và làm giống mình? Thái Tử làm sao đây? Để ợt. Ngài chỉ làm gương cho người ta bắt chước, không cần lý thuyết viễn vông:

Siddhatta thấy Svastika đã dạn dĩ ăn xong cơm của "cấp trên" mà không còn mặc cảm tự ti, tội lỗi, Ngài bèn trao nửa vắt cơm của Svastika bảo Sujata ăn cho biết gạo đỏ, ngon lắm.

Ba người im lặng cùng ăn cơm. Ăn xong Sujata lấy bình nước trong bên cạnh rót đầy vào một cái bát bằng đá duy nhất mà cô mang theo và dâng lên Thầy. Siddhatta tiếp nhận bát nước tịnh trọng mời Svastika uống trước. Cậu bé bối rối từ chối.

Siddhatta nâng chén nước bằng hai tay, nhìn Svastika nói: "Thầy muốn con uống trước".

Cậu bé chân trâu không thể đứng, đành nâng chén uống cạn rồi hai tay trao chén lại cho Thầy. Siddhatta cung kính tiếp nhận và thong thả uống từng ngụm nhỏ.

Uống xong Thầy mới xin rót chén thứ ba, chén này Siddhatta mời hai tay mời Sujata.

Từ này giờ mắt Sujata không ngừng quan sát hai người. Đây là lần đầu tiên cô uống cái chén mà người ngoại cấp đã uống. Nhưng cô không sợ mình bị ô uế, vì Siddhatta là thầy mình cũng đã làm như thế. Lòng cô cũng thấy gần gũi Svastika hơn nên đưa tay xoa tóc cậu bé chân trâu như người chị thương yêu em trai mình mà không sợ bị ô uế nhiễm.

Siddhatta nhìn hai người bạn trẻ mà trước đây còn phân cách nhau và tin rằng "định mệnh" đã an bày như vậy, mỉm cười hài lòng:

"Các con đã hiểu lời ta nói. Con người sinh ra không giai cấp. Nước mắt người nào cũng mặn, máu người nào cũng đỏ. Chia người ra thành giai cấp để mà kỳ thị lẫn nhau là một điều sai lầm". (Trích "Đường Xưa Mây Trắng" của Thiền sư Thích Nhất Hạnh).

Đức Phật không cần lý luận dài dòng, chỉ bằng hành động của chính mình đã khiến cô tiểu thư Sujata con nhà quan bắt chước, đổi xử

binh đẳng, lễ độ với cậu bé chân trâu ngoại cấp.

Đó là lúc mới xuất gia tìm đạo. Khi đắc đạo, Đức Phật còn thuyết phục được cả các vị vua xóa bỏ giai cấp, hạ mình với thần dân. Đây mới thật là một thành công vĩ đại.

Càng vĩ đại hơn là với hành vi của mình, sa môn Gotama đã dám "cà gan" cho những gì kinh điển xưa phân chia giai cấp, kè trọng người khinh là sai lầm.

Tứ tưởng đại hùng đại lực này đã giải phóng con người ra khỏi ngục tù kèm kẹp của cái gọi là "số mệnh Trời định" không thể cãi lại được.

Đây là bằng chứng để mọi người thấy khi tác giả bài báo Time đem lời của vị Linh Mục nói về cái "Nghịệp Báo không thể cãi lại được" của Phật Giáo trong đoạn "In Cambodia, Buddhism encouraged a belief in the eluctability of karma and the idea that evil suffered is evil deserved. The idea of karma goes very deep in this society, and I think that was part of the mentality of the Khmer Rouge when they were massacring people" là hoàn toàn sai lầm về ý nghĩa chữ Karma của Phật Giáo. Còn lối cai trị của Pol Pot hay cả nhóm Khmer Đỏ như vậy là của chủ thuyết Cộng Sản, không hề có chút dính dáng gì tới Phật Giáo.

Ngược lại, nếu Pol Pot hay cả Hun Sen hay cả Hồ Chí Minh của CSVN mà có theo một tí Phật Pháp, chỉ một tí thôi, thì đâu có mò Quảng mề theo kinh điển Mác-Lê, tạo mối thù giai cấp để làm cả nước đói khổ như ngày hôm nay?

Bởi vì ngoài sự nghiệp Cách Mạng bất bạo động để giải phóng nhân loại, Đức Phật còn là một nhà cai trị tài ba, từng giúp các Vua trị an vương quốc và giúp các nước tránh chiến tranh đổ máu.

## PHẬT THÍCH CA, MỘT CHÍNH TRỊ GIA LỖI LẠC

Qua 6 năm khổ hạnh và sau 49 ngày thiền định dưới cội Bồ Đề, sa môn Gotama đã chứng ngộ được chân lý về vũ trụ, nhân sinh và nguyên nhân của sự khổ đau và tìm được con đường diệt khổ cho nhân loại. Đức Phật đi khắp các nước truyền bá Phật Pháp. Các giai cấp quyền thế kể cả vua chúa đều theo nghe giảng pháp rất đông. Nhiều người đã quy y với Phật trong đó có Svastika và nhiều người thuộc giai cấp cũng đình khác (có dịp sẽ đề cập thêm).

Thành thử ra từ trên 25 thế kỷ trước, một nước đầy giai cấp như Ấn Độ lại xuất hiện Tăng đoàn khất sĩ gồm phần đông là hoàng thân quốc thích hay người thuộc giai cấp cao lại đắp áo màu vàng lú, ôm bình bát đi khất thực bằng chân không y như thằng chân trâu Svastika, kè gánh phân Sunita, v.v...

Đoàn khất sĩ áo vàng này đi đến đâu cũng được dân chúng kính nể, kể cả các bậc vua chúa cũng tranh nhau được cúng dường trai tăng và đánh lễ. Chỉ có Phật mới đũa được giai cấp cũng đình lên tột đỉnh "vinh quang", là bình đẳng với các vương tôn công tử như vậy, nên thế gian tôn kính Ngài là Đấng Thế Tôn.

Trên đường hoàng pháp độ sinh, Đức Phật ghé qua vương quốc mình để thăm vua cha là

Tịnh Phạn Vương và vợ con. Cùng theo Đức Phật về quê hương có gần 300 vị khất sĩ khác (đĩ nhiên là có Svastika).

Vua cha sau cả chục năm xa cách, nóng lòng muốn gặp con, nhưng Phật còn bận đi khất thực cùng tăng đoàn xong rồi mới về hoàng gia.

Vua Tịnh Phạn Vương hỏi Phật tại sao không đi thẳng vào hoàng cung mà còn phải đi khất thực? Tại sao con phải đi xin ăn những nhà nghèo hèn như thế? Dòng họ Sakya ta trong bao nhiêu thế hệ có ai làm như con không?

Phật thưa:

"Tâu phụ vương, đi khất thực là phép tu để thực hiện tinh thần khiêm cung và bình đẳng. Khi con nhận một củ khoai của gia đình nghèo khổ, con cũng có thái độ cung kính như khi nhận một món ăn sang trọng do một vị đế vương cúng dường. Sự cung kính này tỏ rằng con đã vượt ra khỏi được sự phân biệt sang hèn, và cũng chứng tỏ rằng dù ai nghèo hèn cách mấy cũng có nhân phẩm và có khả năng đạt tới giác ngộ và giải thoát. Trong xã hội có nhiều chênh lệch về tài sản và quyền thế, có nhiều bất công. Đi xin ăn như vậy nhân cách con chẳng những không thấp đi mà trái lại, con làm cho giá trị mọi người được sáng tỏ ra. Con mong phụ vương nghĩ tới một đường lối chính trị trong đó phẩm giá của mọi người dân đều được tôn trọng".

Vua cha lúc ấy thấy rõ con mình bây giờ là một tu sĩ, một nhà lãnh đạo tinh thần chứ không còn là một hoàng thái tử nữa. Vua hãnh diện đánh lễ Phật và về sau đã xin được quy y.

Đến đây ta càng thấy rõ sự trái ngược của cái gọi là "cách mạng xã hội chủ nghĩa" của Cộng Sản với hành động của Đức Phật. Cộng Sản cũng nói chuyện san bằng giàu nghèo, nhưng chúng "cào người giàu xuống cho bằng người nghèo" bằng bạo lực, chém giết để cướp chính quyền và cai trị bằng khủng bố. Còn Phật Giáo xóa bỏ giai cấp bằng cách nâng phẩm giá người cấp thấp lên cao, bằng hành động thiết thực khiêm cung và tinh thương của chính người thuộc giai cấp cao.

Tóm lại, Cộng Sản cào xuống cho bằng, trong khi Phật Giáo chủ trương nâng lên cho bằng.

Khi đã thực hiện bình đẳng trong xã hội rồi, Đức Phật còn giảng về lối cai trị để duy trì sự bình đẳng ấy được bền vững. Nên Đức Phật cũng trao đổi với vua cha về đức tánh cần có của một bậc Thiên Tử cũng như về cách chọn các quan đại thần cùng lo việc triều chính để trị an đất nước.

Từ đó, chỉ bằng cử chỉ, lời nói và tinh thương mà Đức Phật can thiệp giúp nhiều nước tránh khỏi họa chiến tranh. Do đó, vua nước nào cũng muốn thỉnh Phật tới nước họ để giảng Pháp, giúp cho quốc thái dân an.

Dịp khác chúng tôi sẽ trình bày chi tiết về khía cạnh chính trị này của Phật Giáo.

Ở đây chỉ xin nhấn mạnh điểm quan trọng là khi nói đến "quốc thái dân an", chúng ta thường nghĩ đến những buổi tế tự linh đình do vị Vua của một nước chủ lễ như dưới thời phong kiến Trung Hoa. Đức Phật cho đó là mê tín dị

đoan nếu vị Vua chỉ cầu khẩn cúng tế Trời Đất mà bản thân nhà vua không trị dân với tâm tử, bi, hi, xả.

Đức Phật đã nhấn mạnh đến đạo đức của người làm chính trị trong một buổi thuyết pháp có Vua, hoàng tộc và cả triều đình, đại ý như vậy:

"Nếu quý vị biết tu dưỡng bản thân, mở rộng tầm hiểu biết và lòng từ bi thì quý vị sẽ tìm ra được một đường lối giúp nước và trị dân có thể đem lại thái bình và hạnh phúc mà không cần đến những phương thức bạo động. Quý vị không cần chém giết, không cần tới những bản án tử hình, không cần tới những biện pháp tra tấn, tù đầy và tịch biên gia sản. Chỉ với sự hiểu biết và thương yêu, người làm chính trị có thể thấy được sự thật người dân đang sống trong nghèo khổ và bị áp bức. Biết như thế rồi với lòng thương yêu, chính trị gia sẽ tìm cách cải thiện guồng máy cai trị, để làm giảm bớt sự giàu nghèo trong xã hội và để loại trừ sự lạm dụng quyền thế và bóc lột dân nghèo. Muốn thế, nhà cai trị phải sống đời gương mẫu. Phải dùng thì giờ của mình vào việc ích nước lợi dân chứ đừng mãi mê trong việc hưởng thụ dục lạc. Như thế người làm chính trị mới tạo được niềm tin trong dân chúng. Minh thật lòng thương dân mới được dân thương lại và nghe theo mình... Biết làm cho dân được sung sướng và an lạc thì nhà cai trị mới được hưởng hạnh phúc đó..."

## NHỮNG... PHẢI THƯƠNG LÀM SAO?

Ồ đời hễ ai được nhiều người thương mến thì cũng chính người đó bị số người khác ganh tị, tìm cách gièm pha. Đức Phật càng được các triều thần vua chúa tranh nhau tìm học đạo lý mới thì càng bị lãnh tụ các môn phái cũ tìm cách vạch đủ những sai lầm, những tội lỗi của Ngài.

Tội lớn nhất "không thể tha thứ" của Đức Phật là "phá hoại trật tự xã hội" vì đã dám đem những kẻ cũng đình lên ngồi cùng mâm cùng bàn với hàng vương tôn công tử, một điều cấm kỵ theo kinh điển Vệ Đà. Phe bảo thủ tìm cách hạ uy tín vị giáo chủ "cấp tiến" bằng nhiều hình thức. Ở đây xin chép lại hình thức chất vấn về Tinh Thương trong Chính Trị cho khỏi lạc đề.

Để cứu khổ cho nhân loại, Đức Phật truy tìm nguồn gốc của khổ đau và dạy rằng thương yêu là cội nguồn của lo lắng, thất vọng và phiền não. Nhưng mà khi cai trị thì Phật lại nói tinh thương đem lại thái bình an lạc. Vậy tinh thương áp dụng cho cá nhân, gia đình và trong địa hạt Chính Trị đã mâu thuẫn nhau? Nếu lý luận trong Chính Trị là đúng thì chắc chắn Phật đã sai lầm khi cho rằng thương yêu làm đau khổ. Và khi cần bản nguồn gốc khổ đau đã sai thì những phương pháp diệt khổ của Phật làm sao đúng? Vậy là cả triết lý cứu khổ của Phật đều vô dụng?

Thế thì lý lẽ của gã tu sĩ trẻ tuổi này có gì hay mà các quốc vương và triều thần hăm mộ? Tin đồn này truyền đi rất nhanh, nhiều người bắt đầu mất cảm tình với Phật, trong đó có Quốc vương xứ Kosala là vua Pasenadi. Vua

đã tìm gặp Đức Phật tại tu viện Jetavana để giải tỏa việc này.

Nhà vua đến gặp Phật với lòng nghi kỵ, không có cảm tình gì cả; nhưng khi ra về lại tràn trề tình cảm đến nỗi về sau đã xin được quy y với Phật. Cuộc đối thoại như sau:

Vua hỏi Phật rằng: Ngài tìm đường cứu khổ cho nhân loại và chủ trương không nên thương yêu, và càng thương nhiều, khổ đau càng to lớn. Nhưng Trẫm nghĩ nếu không có thương yêu thì cuộc đời sẽ khô khan và vô vi lắm...

Đức Phật đáp: Câu hỏi của Đại Vương rất hay. Tiếng thương yêu có nhiều nghĩa và ta cần xét cho kỹ về bản chất của từng loại thương yêu. Cuộc đời rất cần đến sự thương yêu nhưng không phải là thủ tình yêu dựa trên căn bản của dục vọng tội lỗi, của đam mê và vướng mắc, của phân biệt và kỳ thị. Thưa Đại Vương, có một thủ tình thương mà cuộc đời rất cần đến, đó là lòng Từ (maitri) và Bi (karuna).

Tình thương mà người đời thường nói là tình thương giữa cha mẹ và con cái; giữa vợ và chồng, những người trong cùng họ hàng thân tộc, cùng một giai cấp hay cùng một quốc gia. Tình thương ấy có bản chất là sự vướng mắc và phân biệt vì nó dựa vào ý niệm "tôi" và "của tôi". Vì vướng mắc cho nên lo lắng về những bất trắc xảy đến -dù nó chưa đến- cho người mình thương. Vì vướng mắc cho nên phải gánh chịu sầu khổ khi chuyện bất trắc xảy đến. Vì phân biệt cho nên có thái độ kỳ thị, hồ hĩnh, ghét bỏ đối với người mình không thương. Vậy tình thương tự nó không gây khổ đau, mà chính sự vướng mắc và phân biệt mới tạo ra khổ đau. Đau khổ cho mình và cả cho người. Thưa Đại Vương, thủ tình thương mà muôn loài đang khao khát là lòng Từ Bi.

Từ là thủ tình thương có thể đem lại sự an vui cho kẻ khác. Bi là thủ tình thương có thể làm vơi đi nỗi khổ đau của kẻ khác. Từ và Bi là thủ tình thương không có điều kiện, không bắt buộc và không đòi hỏi bất cứ một sự đền đáp nào. Trong từ bi, người được thương không phải chỉ là cha mẹ ta, vợ ta, chồng ta, con cái của ta, huyết thống ta, quốc gia ta, v.v... Kẻ được thương là tất cả mọi người và mọi loài. Từ và Bi không gây lo âu, sầu khổ và thất vọng. Thiếu Từ Bi cuộc đời sẽ khô khan buồn chán như Đại Vương nói. Có Từ Bi cuộc đời sẽ an lạc, vui tươi và hạnh phúc. Đại Vương là bậc nhân chủ cầm đầu cả một nước. Dân chúng vương quốc Ngài sẽ được thấm nhuần ân đức Ngài nếu Ngài tu tập được tâm Từ và tâm Bi.

Vua ngắm nghĩ một lúc rồi hỏi Phật: Trẫm có một gia đình để coi sóc, một vương quốc phải chăm lo mà bảo đảm đúng coi đó là của Trẫm thì khó thực hiện quá chăng? Nếu Trẫm không thương yêu gia đình của Trẫm và dân chúng trong quốc vương của Trẫm thì làm sao Trẫm có thể coi sóc và chăm lo cho họ được?

Phật đáp: Dĩ nhiên là Đại Vương phải thương yêu gia đình hoàng tộc và dân chúng của vương quốc. Nhưng tình thương yêu của Đại Vương có thể vượt khỏi phạm vi gia đình và vương quốc. Đại Vương thương yêu và chăm sóc cho các Hoàng Tử và Công Chúa. Việc này không ngăn cản việc Đại Vương thương yêu và

chăm sóc cho tất cả những người trẻ khác trong vương quốc như là thương yêu và chăm sóc cho chính con trai và con gái của Đại Vương. Khi biến tình thương hạn hẹp đó thành tình thương rộng lớn, thì những người tuổi trẻ đều đột nhiên trở thành con trai và con gái của Đại Vương. Đó đích thực là tình thương Từ Bi. Đây không phải là một điều quá lý tưởng. Đây là một thực tế mà con người có thể thực hiện được nhất là khi người ấy có trong tay phương tiện và quyền lực như Đại Vương. Chỉ cần Đại Vương quyết tâm phát nguyện lớn thì chắc chắn Đại Vương sẽ làm được điều này.

- Còn những người trẻ tuổi trong các vương quốc khác?

- Cũng thương họ với tâm Từ Bi. Không có gì ngăn cản Đại Vương thương yêu và chăm sóc cho tất cả những người trẻ khác trong vương quốc khác như là thương yêu và chăm sóc cho chính con trai và con gái của Ngài. Dù những người này không thuộc phạm vi cai trị của Đại Vương. Không phải vì thương yêu dân chúng của quốc gia mình mà mình không thể thương yêu dân chúng của quốc gia khác.

- Thương yêu như thế nào? Làm sao thực hiện? Họ có nắm dưới quyền cai trị của mình đâu?

- Đức Phật nhìn vua, đáp: Thưa Đại Vương, sự giàu thịnh và an ổn của một quốc gia không phải tạo nên bởi sự nghèo hèn và loạn lạc của những quốc gia khác. Thưa Đại Vương, nền hòa bình và thịnh vượng lâu dài của một quốc gia chỉ có thể được xây dựng trên sự hòa hiếu giữa các quốc gia và ý hướng về một nền thịnh vượng chung. Nếu Đại Vương thực sự muốn cho vương quốc Kosala có hòa bình và những người tuổi trẻ trong vương quốc không phải xông pha nơi lửa đạn thì Đại Vương cũng phải giữ gìn làm sao cho các vương quốc kề cận cũng có hòa bình và những người tuổi trẻ trong các nước ấy cũng không phải xông pha trong lửa đạn. Để làm được điều này thì chính sách ngoại giao và kinh tế của Đại Vương cũng phải thực sự đi theo con đường của tâm Từ Bi. Như vậy, trong khi thương yêu và chăm sóc vương quốc Kosala, đạo Từ Bi giúp Đại Vương cũng thương yêu và chăm sóc các vương quốc lân bang khác như Sasi, Magadha, Videha, Sakya và Koliya. Tôi cũng nói điều này với phụ vương tôi, tức vua Suddhodana của nước Sakya, tiếp cận vương quốc của Ngài. Nhân đây tôi cũng muốn xác nhận điều đó với Đại Vương: các vị quốc vương có thể cai trị nghiêm minh, đem lại an hòa và hạnh phúc cho muôn dân mà không cần sử dụng đến những biện pháp như đem quân chinh phạt, xử tử, tra tấn, tù đầy... nếu Đại Vương và các quốc vương khác biết hun đúc và nuôi dưỡng tình thương Từ Bi. Làm nhà chính trị giỏi, Đại Vương có thể mang lại thanh bình và thịnh vượng cho mọi người bằng Đạo Lý Từ Bi.

Nghe đến đây vua Pasenadi thốt lên: "Thật lý kỳ diệu! Thật lý kỳ diệu! Chưa bao giờ Trẫm được nghe những lời giáo huấn mới lạ và sâu sắc như thế! Ngài thật là bậc tôn quý trên đời. Những lời dạy này rất có chiều sâu cần phải khám phá, Trẫm xin kính giáo để về chiêm nghiệm".

Bây giờ Trẫm xin hỏi Ngài một câu rất đơn giản: Thói thường tình thương nào của người đời cũng ẩn chứa ý niệm phân biệt, cũng mang ít nhiều đam mê và vướng mắc. Theo Ngài thì tình thương này có thể gây nên lo lắng, sầu khổ và thất vọng. Vậy nếu không thương như thế thì ta phải thương làm sao? Như Trẫm đây, phải thương con cái như thế nào để tránh lo âu, sầu khổ?

## THƯƠNG YÊU PHẢI ĐI ĐÔI VỚI HIỂU BIẾT

Đức Phật đáp: Không ai cấm cản chúng ta thương yêu, nhưng ta phải biết quán chiếu để thấy được bản chất của tình thương chúng ta. Tình thương theo lẽ thì phải làm cho người được thương yêu an lạc và hạnh phúc. Nhưng nếu chỉ là đam mê, là ích kỷ, là ý chí chiếm hữu, thì tình thương này không thật sự là tình thương; vì nó làm cho người kia cảm thấy bị tù túng, lệ thuộc và mất hết phẩm cách của một con người có tự do. Tình thương trong trường hợp này chỉ là một ngục tù. Khi người được thương không cảm thấy hạnh phúc, không chấp nhận cái nhà tù của sự chiếm hữu thì người ấy sẽ tìm cách khôi phục lại sự tự do của mình. Từ đó tình thương kia sẽ dần dần biến thành sự ghét bỏ và hận thù.

Đại Vương biết không, tại kinh đô Savatthi này cách đây chỉ có mười hôm, một chuyện thương tâm chỉ vì tình thương chiếm hữu không được thỏa mãn đã biến thành hận thù. Có một bà mẹ cảm thấy mất mát vì đứa con trai duy nhất của bà đem lòng thương yêu một cô gái và sau đó cưới cô ấy về làm vợ. Bà mẹ thay vì thấy mình có thêm một đứa con, lại thấy mình mất đi một đứa con và cho rằng con trai mình đã phản bội tình thương và công ơn dưỡng dục của bà. Vì tình yêu chiếm hữu đứa con tới sự ganh ghét rồi hận thù này sanh trong tâm bà. Một hôm bà bỏ thuốc độc vào thức ăn. Hậu quả bà mất cả hai: con dâu và con trai yêu nhất đời của bà đã chết vì độc dược.

Thưa Đại Vương! Trong đạo lý giác ngộ, thương yêu phải đi đôi với hiểu biết. Thương yêu chính là hiểu biết. Nếu không hiểu biết thì không thể thương yêu. Vợ chồng không hiểu nhau thì không thể thương yêu nhau; anh em, cha con... không hiểu nhau thì không thể thương yêu nhau. Muốn cho một người được hạnh phúc, minh phải tìm hiểu cho được những ước vọng và những khổ đau của người ấy. Hiểu được rồi mình mới làm mọi cách để cho người ấy bớt khổ đau và có hạnh phúc. Như vậy mới là tình thương chân thật. Còn nếu mình chỉ muốn người kia làm theo ý mình mà không biết gì đến những khổ đau và nhu cầu chân thực của người ấy thì đó không phải là tình thương. Đó chỉ là ước muốn chiếm hữu hoặc ước muốn thỏa mãn ý nguyện của mình, cho dù là ý nguyện muốn cho người kia sung sướng.

Đại Vương! Dân chúng trong vương quốc Kosala có những đau khổ và ước vọng của họ; Hoàng Hậu và các Thái Tử, các Công Chúa cũng vậy. Nếu Đại Vương thật sự thấu hiểu những điều đó của họ, Đại Vương sẽ làm cho họ sung sướng. Các quan chức trong triều đình cũng có những đau khổ và ước vọng của họ,

nếu Đại Vương thật sự thấu hiểu những đau khổ và ước vọng của họ, Đại Vương có thể làm cho họ sung sướng và suốt đời trung thành với Đại Vương, giúp Đại Vương trị an đất nước. Khi mọi người được sung sướng và an lạc thì chính Đại Vương cũng sẽ được sung sướng và an lạc. Đó là cách thường yêu trong đạo lý Tịnh Thức.

Vua Pasenadi cảm thấy xúc động. Chưa có một đạo sĩ hay một vị Bà La Môn nào đã chiếu rọi ánh sáng vào ngõ ngách tâm tư của vua và làm cho vua thấu hiểu tâm mình một cách rõ ràng như vị Sa Môn này. Vua nghĩ, vị này là bảo vật quý giá không lường cho vương quốc, xứng đáng làm Thầy của ta.

Nhà vua cúi đầu suy nghĩ giây lâu rồi lại thốt mồm:

- Ngài đã nói tình thường có đam mê và vướng mắc thường đem lại khổ đau và thất vọng, chỉ có tình thường Từ Bi mới đem lại an vui hạnh phúc mà thôi. Nhưng Trẫm thấy tình thường theo đạo lý Từ Bi là không ích kỷ, nhưng Trẫm thấy tình thường không vụ lợi cũng vẫn đem lại khổ đau và thất vọng như thường. Vì tình thường vì tha, Trẫm đau khổ và thất vọng mỗi khi thấy muôn dân chịu khổ đau đói lạnh vì thiên tai như bão tố, lụt lội, dịch tễ... Trẫm nghĩ Ngài cũng vậy, mỗi khi thấy người khác đau khổ vì nghèo đói, bệnh tật, chết chóc, Ngài cũng không thể không khổ đau?

Đáp: Đây là câu hỏi rất hay. Nhờ đó mà ta có dịp hiểu sâu thêm về bản chất của Từ Bi. Trước hết, khổ đau do thủ tình thường có bản chất đam mê và vướng mắc đem lại nó nặng nề và to lớn gấp muôn vạn lần những khổ đau mà lòng từ bi làm phát khởi trong lòng ta. Kế tiếp, ta cần phân biệt hai loại khổ đau: một thứ khổ đau hoàn toàn vô ích và chỉ có tác dụng tàn phá có thể và tâm hồn con người; còn loại khổ đau nuôi dưỡng và phát triển được lòng từ bi, ý thức trách nhiệm và đưa tới ý chí hành động để diệt khổ.

Vì được nuôi dưỡng trong tham đắm và si mê nên tình thường có bản chất đam mê và vướng mắc chỉ có thể đem lại phiền não khổ đau tàn phá con người, trong khi tình thường từ bi chỉ nuôi dưỡng xót thương làm chất liệu cho hành động cứu khổ. Thưa Đại Vương! Sự xót thương rất cần cho con người. Đó là niềm đau có ích. Không biết xót thương thì con người hết còn là con người; vì vậy những khổ đau do lòng từ bi thương xót là những khổ đau rất người, rất cần thiết và có lợi ích to cho đời sống con người.

Sau cùng, từ bi là hoa trái của sự hiểu biết tức sự tinh thức, giác ngộ. Đại Vương cần tu tập theo đạo tinh thức để chứng ngộ được thực tướng của sự sống. Thực tướng ấy là vô thường, là biến đổi, là vô ngã; vì vậy không có vật nào là không có ngày phải tan rã. Ngay cả thân thể của Đại Vương rồi cũng có ngày phải tàn hoại. Thấy được tự tính vô thường của vạn vật, người tu có một cái nhìn điềm đạm và trầm tĩnh, vì vậy những biến đổi vô thường xảy đến không làm xáo động được tâm mình. Cũng chính vì vậy mà nỗi khổ đau do lòng từ bi thương xót nuôi dưỡng không bao giờ có tính cách nặng nề chua cay của nỗi khổ niềm đau thế tục. Trái lại, tình thương xót này còn đem lại sức mạnh, là

động lực để người thường tìm phương cách giải thoát cho người mình thương không bị trầm luân trong khổ ải.

Vua Pasenadi tạ từ Sa môn Gotama với tâm hồn tràn đầy biết ơn và tự nhủ rằng một ngày nào đó sẽ xin Phật nhận nhà vua làm đệ tử. (Phòng theo **Đường Xưa Mây Trắng** của Thiền sư Thích Nhất Hạnh).

Trên đây chỉ là trích dẫn một trong muôn ngàn tư tưởng và hành động thực tế của Đức Phật, mà các môn đệ của Ngài ghi chép thành kinh điển và giáo lý Phật Giáo.

Trong hàng vạn tạng kinh ấy, không có chỗ nào nói rằng Phật Giáo khuyến khích sự tin tưởng vào Nghiệp Báo không thể thay đổi, không thể cưỡng lại được như câu trong bài báo Time viết: "*Buddhism encouraged a belief in the eluctability of karma*". Trái lại chính Đức Phật bằng hành Nghiệp Thân, Khẩu, Ý của Ngài đã làm một cuộc Đại Cách Mạng Xóa Bỏ Giai Cấp, giải phóng "Nghiệp" xấu của những người cùng đinh ngay kiếp hiện tại của họ và dạy họ rằng kinh điển xưa đã sai lầm khi bắt họ chấp nhận cái "nghiệp" thấp hèn đó suốt đời họ.

Từ chỗ hiểu lầm về nghĩa của chữ **Karma** trong Phật Giáo, Linh mục Francois Ponchaud đã đưa tới kết luận đảo ngược cứu cánh của Đạo Từ Bi khi cho rằng vì khía cạnh tâm linh về Nghiệp Báo ăn sâu vào xã hội Cambodia nên Khmer Đỏ mới ra tay diệt chủng dân Miên, vốn có lỗi về chính trị, nên Pol Pot tàn sát họ để họ được tái sanh vào kiếp khác được tốt đẹp hơn.

*(In Cambodia..., the idea of karma goes very deep in this society, and I think that was part of the mentality of the Khmer Rouge when they were massacring people. They believed their victims had made errors, political errors, and that killing them would allow them to be reborn as better people in their next lives).*

Qua những thí dụ trích dẫn trên đây khi Đức Phật bàn luận với vua cha và các quốc vương khác về tư cách và hành động của một nhà chính trị, thì cách trị nước của Khmer Đỏ trái ngược hẳn với giáo lý nhà Phật như đem màu đen so với màu trắng. Và lại đã nói là "chính trị" là nói đến việc làm của nhà cai trị; vậy nếu có lỗi về chính trị là lỗi của nhà nước Cộng Sản Đỏ, còn nạn nhân chỉ là người dân vô tội, thì sao lại vì nguyên nhân là tội sai lầm về chính trị của chính phủ rồi lại bắt người dân phải chịu hậu quả bằng một cuộc tàn sát đẫm máu??

Nếu Phật Giáo ăn sâu vào xã hội Miên và nhất là Pol Pot cai trị dân rừng Phật dạy trên đây thì dân Miên đã là con rồng mạnh của Á Châu từ lâu rồi, chủ đầu có như bây giờ còn phải chờ đàn anh Cộng Sản Việt Nam chạy chốt xin cho vào khối Asean, mà hiện vẫn còn chưa được vào vì tội của Hunsen cướp chính quyền được Liên Hiệp Quốc nhìn nhận?

Khi đã rõ giáo lý Phật Giáo về xã hội và chính trị như trích dẫn trên đây, ta thấy rõ thảm nạn diệt chủng trên đất Chùa Tháp hoàn toàn không dính dáng gì tới Phật Pháp mà chính nó bắt nguồn từ tư tưởng Mác-Lê, nó ăn sâu bám chặt vào óc não của người Cộng Sản và của những nhà chính trị xứ này. Trước hết là Hoàng

thân Norodom Sihanouk vì sợ ngại vàng của mình bị lung lay nên sang Trung Cộng công rần về cần gà nhà. Chính Sihanouk vì tình thường vị kỷ và thiếu sáng suốt nên chơi trò Trung Lập, đứng "chàn hán", giai cấp hoàng gia đi bắt tay với bản cổ nông Trung Cộng để chữa chấp nuôi dưỡng Cộng Sản khiến cả nước Miên bị nhuộm đỏ đã đành, mà Miên lúc ấy còn là tổng hành dinh cho Cộng Sản Việt Nam, có Miên chúa chấp CS Bắc Việt, Miên Nam mới mau sụp đổ. Hiện tượng Pol Pot chỉ là hậu quả của cái nhân CS do chính Sihanouk nước vào.

Rồi sau 1975, chính sự liên kết giữa CS Miên và CSVN mà trên 60 ngàn thanh niên VN chết trên chiến trường Việt-Miên. Nhưng truy nguyên lại, thì những nguyên nhân dính liu nhau chẳng chặt đũa tối nạn diệt chủng ở Miên và làm đổ máu ba nước Việt Miên Lào của bản đảo Đông Dương là do một người CSVN đầu tiên "được" Cộng Sản Quốc Tế giao nhiệm vụ đó từ năm 1920. Người ấy là Hồ Chí Minh. Đảng Cộng Sản Đông Dương do Hồ Chí Minh thành lập từ năm 1930 với mục đích ấy. Đến năm 1954 có hội nghị Genève về ba nước Đông Dương. Lào và Việt Nam bị chia hai, phân nửa mỗi nước giao cho đảng CS của nước ấy. Hồ Chí Minh đòi Miên cũng phải chia hai, nhưng nhờ áp lực của Chu Ân Lai mới được giữ nguyên vẹn. Chu Ân Lai còn buộc lực lượng Việt Minh phải rút hết ra khỏi xứ Chùa Tháp. Lúc rút quân, Hồ Chí Minh còn ra lệnh mang theo một số đảng viên CS Miên và cưỡng bách 5.000 nông dân Miên theo họ về Bắc Việt để được huấn luyện, y như Hồ đã làm ở miền Nam lúc cán bộ kháng chiến tập kết ra Bắc.

Tóm lại, khi thi hành hiệp định đình chiến Genève, Hồ Chí Minh đã chuẩn bị chiến tranh để "thống nhất" Đông Dương dưới ngọn cờ Búa Liềm Cộng Sản Quốc Tế bằng cách huấn luyện cán bộ CS cho cả ba xứ Việt Miên Lào. Khmer Đỏ do CSVN đào tạo, nhóm này theo Trung Cộng. Khi CS Nga Tàu còn thân thiện thì CS Miên và CSVN còn giữ nghĩa thầy trò. Khi Nga Tàu đấm đá nhau thì mối tình Việt Miên cũng nứt theo.

Sau năm 1975, CSVN theo Nga còn CS Miên là Khmer Đỏ theo Tàu nên thầy trò đánh nhau. CSVN bèn lập chính phủ bù nhìn Hun Sen -giống như đã từng lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam- để đánh lại Khmer Đỏ. CSVN đã bắt trên 60 ngàn thanh niên VN phối xác trên đất Miên để giữ vững chính phủ bù nhìn Hun Sen trong mười năm. Vì cuộc chiến tranh xâm lăng nước Miên này, CSVN bị thế giới tẩy chay. Khi bị áp lực quốc tế buộc phải rút quân thì CSVN mới thi hành. Nhưng mộng làm bá chủ Đông Dương bằng cách gây ảnh hưởng trên đất Miên lúc nào cũng canh cánh bên lòng CSVN.

Cho nên người ta không lấy làm lạ khi có cuộc đảo chánh cướp chính quyền trong hai ngày 5 và 6 tháng 7.97 vừa rồi không có mặt Hun Sen ở Nam Vang, nhưng sau khi giết hết 30 người nòng cốt của đảng Bào Hoàng, Hun Sen từ VN trở về nước một mình nắm quyền trị nước. Hiên nhiên Hun Sen đi học từ thầy VN về nghệ thuật cướp chính quyền...!

Tóm lại, Khmer Đỏ là sản phẩm của Hồ Chí Minh. Hun Sen đứng kim Thủ tướng Miên là đệ tử của đồ đệ họ Hồ. Tất cả CS Việt, Miên, Lào đều do Hồ Chí Minh tạo ra cho đúng nghĩa của việc lập đảng CS Đông Dương. Đó là Nhân. Ba nước của bán đảo Đông Dương ngày nay hết chiến tranh nóng rồi lạnh, hết CS ba nước đánh nhau tới CS trong mỗi nước giết nhau, đó là Quả của cái Nhân "chuyên chính vô sản" của Hồ Chí Minh.

*Chiến tranh Đông Dương làm dân Miên suýt bị diệt chủng, còn nước Lào và Việt Nam cho đến nay còn bị dày xéo dưới ách Cộng Sản là sản phẩm do Hồ Chí Minh tạo ra.*

Vậy nếu nói trùm Cộng Sản Pol Pot nhân danh lý Nghiệp Báo của nhà Phật mà tự cho mình có quyền sát hại hàng triệu sinh linh và biến đất nước thành bãi sọ người mà không hề sám hối (*About the million dead, he (Pol Pot) has never expressed any remorse*) là chẳng những hoàn toàn hiểu sai về Phật Giáo mà còn tỏ ra chẳng hiểu gì về Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Nếu Pol Pot và Cộng Sản Đỏ hiểu Nhân Quả Nghiệp Báo của nhà Phật thì đã không dám giết người, vì Phật dạy ác lai ác báo kia mà?

Cuối cùng, nếu cho rằng những nạn nhân chết vì họ phạm tội đáng chết, thì Pol Pot nhân danh ai để trừng phạt họ? Nếu nhân danh Phật hay luật Nhân Quả Luân Hồi của nhà Phật để ra tay giải phóng họ với thiện ý là để giúp họ đầu thai kiếp khác như luận điệu trong bài báo Time; thì càng sai lầm, vì chính Đức Phật cũng chưa hề nhận mình có quyền thường phạt ai! Nếu Phật dành quyền thường phạt thì khó tránh khỏi bất công, vì làm sao biết trong triệu người đó đều đáng tội chết như nhau? Làm sao biết ai làm phải hay quấy ở mức độ nào để thưởng hay phạt cho tương xứng với công hay tội của họ? Đức Phật không giữ vai trò phán quan xét xử.

Ngài chỉ là người hướng dẫn cho con người biết đường nào đi đến Chân, Thiện, Mỹ, ai không đi con đường đó thì chính người ấy gánh chịu hậu quả những gì xảy ra trên con đường xấu do mình chọn lựa. Luật Nhân Quả của nhà Phật là để thực hiện lẽ công bằng ấy.

Khi Đức Phật dạy rằng: *"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sắp thành"* tức là Ngài chẳng những không coi mình có quyền trên con người mà lúc nào cũng khuyến khích con người đi theo đường Từ Bi để được vào Niết Bàn như Phật, coi mọi người cũng có khả năng như mình.

Bất cứ "Thân, Khẩu, Ý" nào trên đây của Đức Phật đều thể hiện tâm đức công bằng và bình đẳng của Ngài đối với chúng sinh. Nếu mỗi người chúng ta bất luận theo tín ngưỡng nào, nhưng cứ thực hành được tinh thượng Từ Bi như Phật dạy trên đây thì cá nhân và gia đình sẽ được thân tâm thường an lạc. Còn nhà chính trị mà đem tình thương với sự hiểu biết như trên để trị dân thì con người sẽ tạo được Niết Bàn ngay trong cuộc sống hiện tại.

Một giáo lý thâm sâu mà rất khoa học như vậy lại bị hiểu lầm và qui trách nhiệm trong nạn diệt chủng do Cộng Sản gây nên? Báo Time còn so sánh đến sự sợ người của Cộng Sản Miên

với trại cải tạo của Cộng Sản Việt Nam. Bài báo muốn nói rằng Thầy Việt Nam tuy có tàn ác nhưng vẫn còn nhân đạo hơn "trò" Miên nhiều!

Bất cứ những hiểu lầm nào cũng đưa đến hậu quả tai hại cần được làm sáng tỏ.

Phật Pháp Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi nếu được mọi người thi hành thì nhân loại hết chiến tranh, lại bị dùng để biện minh cho tội sát

nhân tập thể. Lý Nhân Quả và Nghiệp Báo trong chiến tranh Việt Nam vì vậy sẽ được thảo luận rất rõ trong kỳ tới

Mong quý vị cao kiến tham gia.

Miền Bắc Cali, ngày 24.8.1997  
(Trích Tạp chí Diễn Đàn Phụ Nữ số 163 tại Hoa Kỳ)



# Lịch trình sinh hoạt của chùa VIÊN GIÁC năm 1998

## THÁNG 1 NĂM 1998 :

- 20:00 giờ ngày 27.01. năm 1998 (thứ ba) nhằm ngày 29 tháng 12 năm Đinh Sửu, lễ Hồng Danh Sám Hối tất niên.
- 22:00 - 24:00 Chương trình văn nghệ mừng Xuân Di Lạc Mậu Dần do Gia Đình Phật Tử Tâm Minh trình diễn.
- 24:00 - Lễ đón giao thừa, nghinh Xuân Di Lạc
  - Thịnh Đại Hồng Chung, mừng Xuân mới
  - Múa lân, hái lộc, lì xì, chúc Tết, xin xăm
- Ngày 28 tháng 1 năm 1998 nhằm ngày mồng một (thứ tư) từ sáng sớm cho đến tối, suốt ngày, lễ Phật, xin xăm, cầu nguyện, lì xì.
- Ngày 29 tháng 1 năm 1998 nhằm ngày mồng hai Tết (thứ 5) chương trình giống như ngày mồng một.
- Ngày 30 tháng 1 năm 1998 nhằm ngày mồng ba (thứ 6) từ 6 giờ sáng đến 16 giờ chiều tri tụng bộ Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa để cầu nguyện cho thế giới hòa bình và nhân sinh an lạc.

## THÁNG HAI NĂM 1998 :

- Ngày 7 tháng 2 năm 1998 (thứ bảy) Lễ Phật đầu năm tại Frankfurt.
- Ngày 9 tháng 2 năm 1998 tại chùa vào lúc 20 giờ khai Kinh Dược Sư và dâng số cầu an, nhượng tinh giải hạn đầu năm cho đến ngày 14 tháng 2 năm 1998.
- Ngày 11 tháng 2 năm 1998 nhằm ngày Rằm Tháng Giêng chánh lễ, tại chùa có lễ Quy Y Tam Bảo, cầu an, thuyết pháp.
- Ngày 15 tháng 2 năm 1998 (chủ nhật) lễ Rằm Tháng Giêng thường lệ tại chùa và dâng số cầu an, nhượng tinh giải hạn phần còn lại.

## THÁNG 3 NĂM 1998 :

- Ngày 7 và 8 tháng 3 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) Thọ Bát Quan Trai tại Berlin.
- Ngày 14 và 15 tháng 3 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) Thọ Bát Quan Trai tại Rottweil.
- Ngày 21 tháng 3 năm 1998 Lễ Phật tại Trier
- Ngày 22 - 3 - 1998 Lễ Phật tại Koblenz
- Ngày 28 và 29 tháng 3 /1998 Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg

## THÁNG 4 NĂM 1998 :

- Ngày 4 và 5 tháng 4 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) Thọ Bát Quan Trai tại Asschaffenburg.
- Từ ngày 10 đến 13 tháng 4 năm 1998 (thứ 6 đến thứ 2) Lễ Phục Sinh, có khóa tu dưỡng cho Gia Đình Phật Tử tại chùa Viên Giác.
- Từ 14 đến 28 tháng 4 năm 1998 Phật sự tại Mỹ và Canada.

## THÁNG 5 NĂM 1998 :

- Ngày 2 tháng 5 năm 1998 (thứ 7) Lễ Phật Đản tại Mönchengladbach.
- Ngày 4 tháng 5 năm 1998 (thứ 2) Hợp Chi Bộ Phật Giáo Đức Quốc tại chùa Quán Thế Âm Aachen.
- Ngày 9 và 10 tháng 5 năm 1998 (thứ 7 và chủ nhật) Lễ Phật Đản và Thọ Bát Quan Trai tại München.
- Ngày 15, 16, 17 tháng 5 năm 1998 (thứ 6 đến chủ nhật) Lễ Phật Đản tại chùa Viên Giác Hannover.
- Từ ngày 21 đến 24 tháng 5 năm 1998 (thứ 5 đến chủ nhật) khóa giáo lý nhân lễ Thăng Thiên tại Berlin.

## THÁNG 6 NĂM 1998 :

- Từ ngày 4 đến ngày 7 tháng 6 năm 1998 (thứ 5 đến chủ nhật) giảng dạy giáo lý cho sinh viên người Áo tại Đại Học Wien, cũng như lễ Phật cho Phật Tử Việt Nam tại Áo vào ngày thứ bảy và chủ nhật.
- Ngày 9 tháng 6 năm 1998 nhằm ngày rằm tháng năm trước (nhuần 2 tháng năm)
- Ngày 10 tháng 6 năm 1998 nhằm ngày 16 tháng 5 âm lịch (thứ 4) lễ An Cú Kiết Hạ, lễ bái Kinh Đại Bát Niết Bàn, mỗi chủ mỗi lạ vào mỗi tối lúc 20 giờ và mỗi cuối tuần trong 3 tháng An Cú đều có tổ chức Thọ Bát Quan trai tại chùa.
- Ngày 26, 27 và 28 tháng 6 năm 1998 Hợp Ban Chấp Hành Hội Phật Tử, Ban Chấp Hành các Chi Hội cũng như Đại Diện Huynh Trưởng của các Gia Đình Phật Tử tại chùa Viên Giác.

## THÁNG 7 NĂM 1998 :

- Từ ngày 24 tháng 7 đến ngày 1 tháng 8 năm 1998, khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 10 tổ chức tại Thụy Sĩ.

## THÁNG 8 NĂM 1998 :

- Ngày 22 tháng 8 năm 1998 (thứ bảy) Lễ Vu Lan chùa Phật Bảo - Bamtrup.
- Ngày 29 tháng 8 năm 1998 (thứ bảy) Lễ Vu Lan chùa Thiện Hòa - Mönchengladbach.

## THÁNG 9 NĂM 1998 :

- Ngày 5 tháng 9 năm 1998 (thứ bảy) nhằm ngày Rằm Tháng Bảy, Lễ Vu

- Lan chùa Bảo Quang Hamburg và lễ ra hạ Tỳ Tụ của chú Tăng.
- Ngày 12 tháng 9 năm 1998 (thứ bảy) Lễ Vu Lan tại chùa Quán Thế Âm -Aachen.
- Ngày 13 tháng 9 năm 1998 (chủ nhật) Lễ Vu Lan tại Niệm Phật Đường Tâm Giác - München.
- Ngày 18, 19 và 20 tháng 9 năm 1998 Lễ Vu Lan tại chùa Viên Giác - Hannover.
- Từ ngày 24 tháng 9 đến ngày 7 tháng 10 năm 1998 (2 tuần lễ) chùa Viên Giác tổ chức hành hương thăm Úc Châu và dự lễ khánh thành chùa Pháp Bảo tại Sydney. Quý vị nào muốn đi Úc, xin liên lạc về chùa trước 6 tháng để biết thủ tục.

## THÁNG 10 NĂM 1998 :

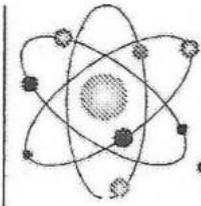
- Từ ngày 10 đến ngày 15 tháng 10 năm 1998 Phật sự tại Nga.
- Ngày 17 và 18 tháng 10 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) lễ Thọ Bát Quan Trai tại Karlsruhe.
- Ngày 24 và 25 tháng 10 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) lễ Thọ Bát Quan Trai tại Wiesbaden.
- Ngày 31 tháng 10 và 1 tháng 11 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) lễ Thọ Bát Quan Trai tại Berlin.

## THÁNG 11 NĂM 1998 :

- Ngày 7 và 8 tháng 11 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) lễ Thọ Bát Quan Trai tại Mannheim.
- Ngày 14 và 15 tháng 11 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) lễ Thọ Bát Quan Trai tại Freiburg.
- Ngày 21 tháng 11 năm 1998 (thứ bảy) Lễ Phật tại Rottweil.
- Ngày 22 tháng 11 năm 1998 (chủ nhật) Lễ Phật tại Reutlingen.
- Ngày 28 và 29 tháng 11 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) lễ Thọ Bát Quan Trai tại Nürnberg.

## THÁNG 12 NĂM 1998 :

- Ngày 5 và 6 tháng 12 năm 1998 (thứ bảy và chủ nhật) Thọ Bát Quan Trai tại Frankfurt.
- Ngày 11 tháng 12 năm 1998 (thứ 6) vào buổi chiều lễ Phật tại Norddeich.
- Ngày 12 tháng 12 năm 1998 (thứ bảy) Lễ Phật tại Bremen.
- Ngày 13 tháng 12 năm 1998 (chủ nhật) Lễ Phật tại Münster.
- Ngày 19 tháng 12 năm 1998 (thứ bảy) Hợp Ban Biên Tập báo Viên Giác.
- Từ ngày 20 tháng 12 năm 1998 đến ngày 2 tháng 1 năm 1999 (2 tuần lễ) chùa Viên Giác tổ chức hành hương Ấn Độ. Quý Đạo Hữu và quý Phật Tử nào muốn hành hương chiêm bái các Phật tích,



## TRANG KHOA HỌC

G. Lê Văn Quê

### **Giải đáp bài toán kỳ rôi** (Báo Viên Giác số 101)

Tóm tắt giáo khoa:

\*Phương trình vi phân (Differential equation), bình thường, là hệ thức liên lạc giữa biến số  $x$ , hàm số  $y$  và các đạo hàm  $y', y'' \dots$  của nó.

Tính từ bình thường để phân biệt với phương trình vi phân từng phần (Partial differential equation) ở trình độ cao hơn.

\*Giải phương trình vi phân là tìm tất cả các hàm số  $y = f(x)$  nghiệm đúng phương trình.

Thí dụ: Hàm số  $y = x^2$  nghiệm đúng phương trình

$$x^2 y'' + 2xy' - 3y = 3x^2 \quad (1)$$

Thật vậy  $y = x^2$  suy ra  $y' = 2x, y'' = 2$ . Thế vào phương trình (1) ta có:

$$\begin{aligned} x^2(2) + 2x(2x) - 3(x^2) &= 3x^2 \\ 2x^2 + 4x^2 - 3x^2 &= 3x^2 \end{aligned}$$

Vậy hàm số  $y = x^2$  là một nghiệm của phương trình (1).

Tương tự như phương trình đại số, phương trình vi phân có rất nhiều dạng, dạng đơn giản nhất là dạng tách biến số (Separable equations), phương trình mà ở đó ta có thể chuyển hàm số ( $y$ ) sang vế thứ nhất và biến số ( $x$  hoặc  $t \dots$ ) sang vế thứ hai để lấy tích phân (Integral) hai vế.

\*Ứng dụng:

Con số chỉ số nguyên tử uranium hiện nay là  $c$ .

Con số chỉ số nguyên tử uranium qua thời gian biến thành chỉ 206 là  $(b - a)$ .

Con số chỉ số nguyên tử uranium lúc thành lập địa cầu là  $c + (b - a)$ .

Vi mức độ phóng xạ tại một thời điểm thì tỷ lệ với số nguyên tử của chất phóng xạ tại thời điểm đó nên:

$$\frac{dy}{dt} = -ky$$

Trong đó:  $k$  là hằng số dương,  $y$  chỉ số nguyên tử ở thời điểm  $t$ , dấu trừ chỉ số nguyên tử giảm.

Đó là phương trình vi phân loại tách biến số, ta có thể chuyển  $y$  sang vế 1 và  $t$  sang vế 2 để lấy nguyên hàm hai vế:

$$\frac{dy}{y} = -k \cdot dt \Rightarrow \int \frac{1}{y} dy = -\int k \cdot dt \Rightarrow \ln|y| = -kt + \ln|C| = \ln|C \cdot e^{-kt}|$$

$$y = C \cdot e^{-kt} \quad (1)$$

Lúc thành lập địa cầu:

$$t = 0, y = y_0 \Rightarrow y_0 = C \cdot 1 \Rightarrow C = y_0$$

Hệ thức (1) có thể viết:

$$y = y_0 e^{-kt} \quad (2)$$

Trước hết ta xác định trị số của  $k$  ở hệ thức (2), chu kỳ phóng xạ là  $t = 4,5 \times 10^9$  năm, suy ra:

$$\frac{y}{y_0} = \frac{1}{2} = e^{-k(4,5 \times 10^9)}$$

Lấy log tự nhiên hai vế:

$$\ln \frac{1}{2} = \ln e^{-k(4,5 \times 10^9)} = -k(4,5 \times 10^9) \Rightarrow$$

$$k = \frac{\ln 2}{4,5 \times 10^9} = 0,1540 \times 10^{-9}$$

Từ hệ thức (2) suy ra:

$$\frac{y}{y_0} = \frac{c}{c + (b - a)} = \frac{0,3774}{0,8074} = e^{-0,1540 \times 10^{-9} \cdot t}$$

Lấy log tự nhiên hai vế:

$$\log \frac{0,3774}{0,8074} = \log e^{-0,1540 \times 10^{-9} \cdot t} = -0,1540 \times 10^{-9} \cdot t$$

$$t = \frac{\log \frac{0,3774}{0,8074}}{-0,1540 \times 10^{-9}} = 4,938 \times 10^9$$

Vậy thời tạo thiên lập địa cách đây gần 5 tỷ năm!

### **Đố vui để học:**

Tại viện bảo tàng khoa học ở Boston người ta có ghi rõ các chi tiết về sự phát triển dân số của Hoa Kỳ: Lúc 15 giờ 30 phút ngày 10 tháng 4 năm 1991 dân số của nước này là 252.360.611 và độ gia tăng lúc đó là một người sau mỗi 21 giây. Tính dân số của nước Mỹ lúc 15 giờ 30 phút ngày 10 tháng 4 năm 2.001.

Bài giải có thể gửi về: Lorentzweg 1, University Delft, Holland. Độc giả có lời giải đúng sẽ được vinh danh trên trang này trong các số báo tới.





● Người Giám Biên



### GIẢI VÔ ĐỊCH BÓNG TRÒN THẾ GIỚI

Giải này sẽ được tranh tại Pháp từ ngày 10.6.1998 đến 12.7.1998. Tất cả các quốc gia trên thế

giới được phân chia theo từng khu vực để tranh vòng loại. Trước kia chỉ có 24 đội được tuyển chọn, lần này là lần đầu tiên có đến 32 đội.

#### TỪNG CHÂU ĐƯỢC PHÂN ĐỊNH NHƯ SAU :

- **Âu Châu:** 15 đội (kể cả đội Pháp, quốc gia đứng ra tổ chức, miễn tranh vòng loại)
- **Phi Châu:** 5 đội
- **Nam Mỹ:** 5 đội (kể cả Ba Tây, đội đường kim vô địch, miễn tranh vòng loại)
- **Bắc-Trung Mỹ và vùng Vịnh Karabik:** 3 đội
- **Á Châu và Châu Đại Dương:** 4 đội

#### Đến nay kết quả như sau :

**I. ÂU CHÂU:** Ngoài đội Pháp, có 9 đội đứng đầu Toán được vào vòng chung kết là: Danmark - England - Norwegen - Austria (Oesterreich) - Bulgarien - Spanien - Holland - Rumanien và Germany. Riêng đội Schottland đứng hạng nhì ở Toán 4 nhưng cũng được vào vì có số điểm cao. Như vậy tổng cộng là 11 đội.

#### Toán 1

1. Danmark	8	14 :	6	17 điểm
2. Kroatiën	8	17 :	12	15 -
3. Griechenland	8	11 :	4	14 -
4. Bosnien-Herzegowina	8	9 :	14	09 -
5. Slowenien	8	5 :	20	01 -

#### Toán 2

1. England	8	15 :	2	19 -
2. Italien	8	11 :	1	18 -
3. Polen	8	10 :	12	10 -
4. Georgien	8	7 :	9	10 -
5. Moldawien	8	2 :	21	00 -

#### Toán 3

1. Norwege	8	21 :	2	20 -
2. Ungarn	8	10 :	8	12 -
3. Finnland	8	11 :	12	11 -
4. Schweiz	8	11 :	12	10 -
5. Aserbajdschau	8	3 :	22	03 -

#### Toán 4

1. Austria	10	17 :	4	25 -
2. Schottland	10	15 :	3	23 -
3. Schweden	10	16 :	9	21 -
4. Lettland	10	10 :	14	10 -
5. Estland	10	4 :	16	04 -
6. Weißrußland	10	5 :	21	04 -

#### Toán 5

1. Bulgarien	8	18 :	9	18 -
2. Rußland	8	19 :	5	17 -
3. Israel	8	9 :	7	13 -
4. Zypern	8	10 :	15	10 -
5. Luxemburg	8	2 :	22	00 -

#### Toán 6

1. Spanien	10	26 :	6	26 -
2. Jugoslawien	10	29 :	7	23 -
3. Tschechien	10	16 :	6	16 -
4. Slowakei	10	18 :	14	16 -
5. Faeroer Insel	10	10 :	31	06 -
6. Malta	10	02 :	37	00 -

#### Toán 7

1. Holland	8	26 :	4	19 -
2. Belgien	8	20 :	11	18 -
3. Turkei	8	21 :	9	14 -
4. Wales	8	20 :	21	07 -
5. San Marino	8	00 :	42	00 -

#### Toán 8

1. Rumanien	10	37 :	4	28 -
2. Irland	10	22 :	8	18 -
3. Litauen	10	11 :	8	17 -
4. Mazedonien	10	22 :	18	13 -
5. Island	10	11 :	16	09 -
6. Liechtenstein	10	3 :	52	00 -

#### Toán 9

1. Germany	10	23:9	22
2. Ukraine	10	10:6	20
3. Portugal	10	12:4	19
4. Armenien	10	8:17	08
5. Nordirland	10	6:10	07
6. Albanien	10	7:20	04

Còn lại 04 đội thì 08 đội đứng hạng nhì (ngoại trừ Schottland) sẽ đấu với nhau lượt

đi ngày 29.10 và lượt về ngày 15 - 16.11.97. Bốn đội thắng sẽ được về đi Paris. Sau khi bốc thăm, các đội gặp nhau như sau:

Kroatiën gặp Ukraine  
Rußland gặp Italien  
Irland gặp Belgien  
Ungarn gặp Jugoslawien

#### Kết quả lượt đi :

Kroatiën - Ukraine	2 : 0
Rußland - Italien	1 : 1
Irland - Belgien	1 : 1
Ungarn - Jugoslawien	1 : 7

#### Kết quả lượt về :

Ukraine - Kroatiën	1 : 1
Italien - Rußland	1 : 0
Belgien - Irland	2 : 1
Jugoslawien - Ungarn	5 : 0

Như vậy 04 đội Kroatiën - Italien - Belgien và Jugoslawien cuối cùng được lọt vào vòng chung kết tại Paris.

Riêng đội cầu Đức, mặc dù đứng đầu toán 9 nhưng trong trận đấu cuối cùng với đội Albanien hạ chót Toán, đến phút 89 nhờ trái banh đội đầu của cầu thủ Bierhoff mà Đức mới thắng được 4 : 3 ! đã cho thấy tài nghệ của các cầu thủ lớn tuổi sắp về chiều của đội Đức đang trên đà xuống dốc. Chúng ta hãy nhìn qua số tuổi đời của các cầu thủ Đức rồi từ đó mà tiên đoán được



một phần nào kết quả mà đội Đức sẽ gặt hái được trong giải Vô Địch Thế Giới kỳ này. Anh Köpke 36 tuổi, Helmer 33, Klinsmann 33, Thon 32, Marschall 32, Kirsten 33, Haßler 32, Köhler 32, Reuter 31, Bierhoff 30, Möller 30, Strunz 30, Sammer 30, Basler 29, Heinrich 28, Ziege 26. So với các đội nổi tiếng khác thì đội Đức là đội có nhiều cầu thủ tuổi già nhất, tính theo trung bình như sau :

Ba Tây trung bình	27,1 tuổi
Anh trung bình	27,3 -
Pháp trung bình	27,3 -
Ý trung bình	28,2 -
Tây Ban Nha trung bình	28,3
Đức trung bình	30,8 !

Nếu ông bầu Berti Vogts không chịu trẻ trung hóa đội, củ ồm khừ khừ mấy cầu thủ già, mặc dù có nhiều kinh nghiệm chiến



trường, nhưng làm sao chạy kịp những cầu thủ trẻ với chiến thuật tổng lực của môn bóng tròn hiện đại. Hãy chờ xem đội cầu đường kim Vô Địch Âu Châu sẽ đi đến đâu trong giải Vô Địch Thế Giới 1998 tại Pháp.

Để tuyển chọn cầu thủ trẻ, từ nay đến 10.6.98, đội tuyển Đức sẽ đấu giao hữu với các đội sau đây:

15.11.97 Nam Phi tại Düsseldorf (đã thắng Nam Phi 3:0)

18.2.98 Oman tại Maskat

22.2.98 Saudi Arabien tại Riad

25.3.98 Ba Tây tại Stuttgart

22.4.98 Nigeria tại Köln

27..5.98 Finnland tại Helsinki

30-31.5.98 Kolumbien tại Frankfurt

4-5.6.98 Luxemburg tại Kaiserlautern

Các trận đấu trên đây có thể thay đổi tùy tình trạng sức khỏe và phong độ của các cầu thủ trong đội tuyển Đức.

## II. PHI CHÂU : 05 đội đứng đầu Toán

Các đội Nigeria - Tunesien - Südafrika - Kamerun - Marokko được vào vòng chung kết.

### Toán 1

1. Nigeria	6	10	:	4	13
2. Guinea	6	10	:	15	12
3. Kenia	6	11	:	12	10
4. Burkina Faso	6	7	:	17	00

### Toán 2

1. Tunesien	6	10	:	1	16
2. Aegypten	6	15	:	5	10
3. Liberia	6	2	:	10	04
4. Namibia	6	6	:	17	04

### Toán 3

1. Südafrika	6	7	:	3	13
2. Kongo	6	5	:	5	10
3. Sambia	6	7	:	6	08
4. DR. Kongo (Zaire)	6	4	:	9	02

### Toán 4

1. Kamerun	6	10	:	4	14
2. Angola	6	7	:	4	10
3. Simbabwe	6	6	:	7	04
4. Togo	6	6	:	14	04

### Toán 5

1. Marokko	6	14	:	2	16
2. Sierra Leone	5	4	:	6	07
3. Ghana	6	7	:	7	06
4. Gabun	5	1	:	11	01

## III. NAM MỸ : 05 ĐỘI

Đội Ba Tây đường kim vô địch, miễn tranh vòng loại, còn 4 đội là Argentinien - Paraguay - Kolumbien và Chile đứng đầu toán được về đi Pháp.

1. Argentinien	16	23	:	13	30
2. Paraguay	16	21	:	14	29
3. Kolumbien	16	23	:	15	28
4. Chile	16	32	:	18	25

5. Peru	16	19	:	20	25
6. Ekuador	16	22	:	21	21
7. Uruguay	16	18	:	21	21
8. Bolivien	16	18	:	21	17
9. Venezuela	16	8	:	41	03

## IV. Bắc trung mỹ và vùng vịnh Karibik (Concacaf)

Ba đội đứng đầu Toán được đi Paris là: Mexiko - U.S.A. - Jamaika.

1. Mexiko	10	23	:	7	18
2. U.S.A.	10	17	:	9	17
3. Jamaika	10	7	:	12	14
4. Costa Rica	10	13	:	12	12
5. El Salvador	10	11	:	16	10
6. Kanada	10	5	:	20	06

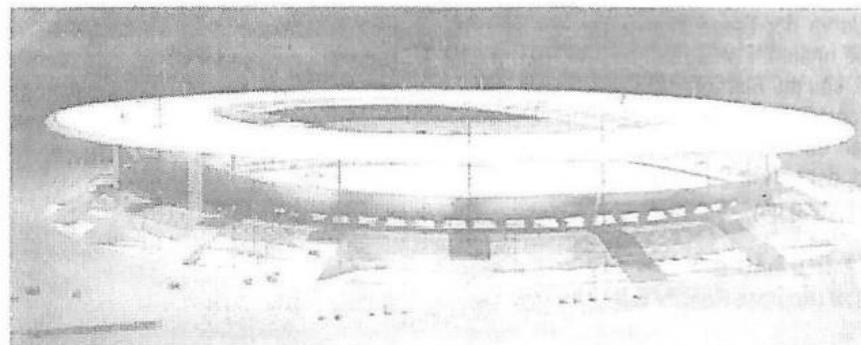
## V. Á CHÂU VÀ CHÂU ĐẠI DƯƠNG : 04 ĐỘI

### Toán 1

1. Saudi Arabien
2. Iran
3. China
4. Kuwait
5. Katar

### Toán 2

1. Südkorea
2. Japan
3. Ver. Arab. Emirate
4. Kasaschstan
5. Usbekistan



Sân vận động Paris St. Denis có sức chứa 80.000 người. Tại đây sẽ có 9 trận tranh hùng, trong đó có trận Khai mạc và Chung kết

Cách thức đấu để chọn 04 đội đại diện cho hai Châu này được ấn định thật là rắc rối. Sau khi các đội ở Á Châu tranh nhau ở vòng đầu bị loại dần (trong đó có Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam), chỉ còn lại 10 đội được vào vòng chung kết. Sau khi tranh nhau xong kết quả được xếp hạng theo thứ tự như trên.

## CÁCH THỨC TUYỂN CHỌN 04 ĐỘI

Đội đứng nhất Toán 1 là Saudi Arabien đứng đầu Toán 2 là Japan. Đội đứng nhất Toán 2 là Südkorea đứng đội nhì Toán 1 là Iran. Kết quả:

Saudi Arabien hạ Japan

Südkorea hạ Iran

Hai đội thắng là Saudi Arabien và Südkorea được về đi Pháp. Còn hai đội thua là Japan và Iran phải đứng lại với

nau tại một vận động trường (VĐT) của một nước Trung Lập. Ngày 16.11.97 hai đội gặp nhau tại VĐT của nước Mã Lai. Kết quả đội Japan hạ đội Iran với tỷ số 3:2, sau khi đá thêm giờ nhờ quả gỡ vàng (Golden Goal). Như vậy đội Japan là đội thứ 3 ở Á Châu được trúng tuyển. Còn đội Iran sẽ phải đụng với đội Úc (vì đội Úc đứng đầu Toán ở Châu này) trong hai trận ngày 22.11.97 tại sân nhà và ngày 29.11.97 tại sân Úc. Nếu thắng thì sẽ là đội thứ 4, còn thua thì đội Úc sẽ đại diện cho Châu Đại Dương (những năm trong khu vực Á Châu) lần thứ nhất có mặt tại giải Vô Địch Bóng Tròn Thế Giới. Như vậy là đội Iran hoặc đội Úc là đội thứ 32 vào được vòng chung kết tại Pháp.

Tại sao có sự ấn định rắc rối như vậy? Hơn nữa ở Á Châu và Châu Đại Dương có nhiều quốc gia mà chỉ chọn có 4 đội đại diện. Vì theo thành tích mà các đội đã đạt được cho thấy rằng nghệ thuật nhồi bóng các đội ở hai Châu này còn quá yếu, chưa đủ khả năng và tầm vóc để đứng đầu với các đội Âu - Mỹ kể cả Phi Châu.

## THỂ THỨC TRANH VÒNG LOẠI

Gồm 32 đội, được chia làm 8 Toán - mỗi

Toán 4 đội.

**Vòng 1:** 4 đội trong mỗi Toán sẽ đụng với nhau một lần, có nghĩa là mỗi đội phải đá 3 trận. Kết quả đội thứ nhất và đội thứ nhì của mỗi Toán sẽ được vào Vòng 2. Tổng cộng là 16 đội - Còn 16 đội thua sẽ khăn gói trở về nước.

**Vòng 2:** (Achtelfinale) kể từ vòng này, vòng Tứ Kết và Bán Kết) đá theo thể thức K.O. có nghĩa là đội nào thua sẽ phải về!

Tổng cộng tất cả 64 trận tranh hùng để cuối cùng đội nào Vô Địch sẽ đoạt cái Cúp Vàng. Cái Cúp quan trọng và danh dự nhất trong tất cả các môn thể thao.

## VẬN ĐỘNG TRƯỜNG

Gồm có 10 sân cỏ, dành cho 64 trận đấu như sau:

- Sân Paris St. Denis (mỗi xây dựng có sức chứa khoảng 80 ngàn người) gồm có 9 trận kể các trận khai mạc và trận chung kết. Sân Paris Parc de Prince 6 trận - Lens 6 trận - Lyon 6 trận - St. Étienne 6 trận - Marseille 7 trận - Montpellier 6 trận - Toulouse 6 trận - Bordeaux 6 trận và Nantes 6 trận.

### Luật Mới ?

Ban Thường Trực Tổng Cuộc Túc Cầu Thế Giới sẽ họp để quyết định hai luật mới như sau:

1. **Quả gôn vàng (Golden Goal).** Trong giải Vô Địch Thế Giới lần này, kể từ Achtelfinale nếu hai đội huề nhau sẽ có áp dụng quả gôn vàng như giải Vô Địch Âu Châu năm 1996 tại Anh Quốc không? Có nghĩa là nếu hai đội huề nhau, sẽ đấu thêm 30 phút, chia làm hai hiệp, mỗi hiệp 15 phút. Đội nào đá lọt lưới đối phương trước nhất thì kể như thắng mặc dù còn giờ. Quả banh thắng này được gọi là quả gôn vàng. Nếu đá thêm giờ mà vẫn còn huề nhau, khi đó mới áp dụng cách đá 11 thước.

Trong trận chung kết giải Vô Địch Âu Châu ngày 30.6.96 tại Anh Quốc giữa đội Đức và đội Tschechien (Tiệp) khi hai đội huề nhau 1:1 phải đá thêm giờ. Đến phút 95, cầu thủ Bierhoff đá lọt lưới Tschechien, Trọng Tài thổi còi ngừng ngay trận đấu mặc dù còn 25 phút nữa. Đội Đức thắng 2:1 đoạt chức Vô Địch Âu Châu nhờ quả gôn vàng này.

### 2. ĐỘI ĐẦU BANH ĐUÁ VỀ CHO THỦ MÔN (Kopfball-Rückpasse)

Cho tới nay cầu thủ có thể đội đầu banh đá về cho thủ môn mình, thủ môn bắt banh và đá lên. Nhưng theo dự định của TCTCTG thì trường hợp này sẽ bị cấm kể từ giải Vô Địch Thế Giới lần này. Cầu thủ có thể đội đầu banh đá về cho thủ môn, nhưng thủ môn không được dùng tay bắt banh mà phải lấy thân mình hứng banh rồi dùng chân đá lên giống như trường hợp cầu thủ đá trả banh về cho thủ môn, thủ môn không được dùng tay bắt banh mà phải dùng chân đá lên.

Hãy chờ xem TCTCTG sẽ quyết định như thế nào!

## QUẦN VỢT



Trong năm 1997, ba một thời tung hoành

sân quần vợt khắp năm châu, bây giờ phải nhường chỗ cho đám đàn em mới nổi lên thay thế. Đứng là "Tre tàn, măng mọc"

### ● BÊN NỮ

**Đang lên:** Có cô Martina Hingis (Thụy Sĩ/17 tuổi) - Cô Venus Williams (Mỹ/17 tuổi), Cô Kurnikowa (Nga/16 tuổi) v.v...

**Đang xuống:** Có cô Steffi Graf (Đức/28 tuổi), Cô Sanchez Vicario (Tây Ban Nha/27 tuổi), Cô Monica Seles (Mỹ/24 tuổi) v.v...

### ● BÊN NAM

**Đang lên:** Có anh Patric Rafter (Úc/21 tuổi), G. Kuerten (Ba Tây/20 tuổi), N. Kiefer (Đức/19 tuổi), T. Haas (Đức/19 tuổi) v.v...

**Đang xuống:** Có anh Boris Becker (Đức 28 tuổi), André Agassi (Mỹ/26 tuổi), T. Muster (Áo/28 tuổi) v.v...

Riêng anh P. Sampras, mặc dù hiện là cây vợt số 1 thế giới, nhưng có chiều hướng đang trên đà đi xuống. Trong hai giải Grand Slam French Open và US Open, anh bị loại ngay ở vòng ngoài không vào được đến tứ kết!

## Giải Grand Slam US Open

(từ 25.8 đến 7.9.1997)



Cô Venus Williams (Mỹ/16 tuổi) người da đen, một cây vợt nhiều triển vọng trong làng banh ni Hiệp Chúng Quốc

### NỮ

Bên phái nữ đã tạo ra một sự bất ngờ làm thích thú khán giả là cô Venus Williams, cây vợt hạng 70 thế giới, bỗng nhiên cô vùng lên lần lượt hạ tất cả các cây vợt đàn chị để vào đến chung kết đụng phải cây vợt số 1 thế giới là cô Martina Hingis.

Trên đường vào chung kết hai cây vợt số 1 và 70 thế giới đã lần lượt hạ các cây vợt sau đây:

Cô **Martina Hingis:** hạ cô Jones (Mỹ/103) 6:0, 6:1 - Chladkova (Tiệp/42) 6:1, 6:2 - Likhovtseva (Nga/25) 7:5, 6:2 - Labat (Á Căn Đình/40) 6:0, 6:2 - Sanchez Vicario (Tây Ban Nha/11) 6:3, 6:2 - Davenport (Mỹ/6) 6:2, 6:4. Trong 6 trận, cô không thua một ván nào.

Cô **Venus Williams:** hạ cô Nieland (Let/112) 5:7, 6:0, 6:1 - Leon Garcia (Anh/64) 6:0, 6:1 - Huber (Đức/8) 6:3, 6:4 - Kruger (Nam Phi/45) 6:2, 6:3 - Teslud (Pháp/17) 7:5, 7:5 - Spirlea (Rumani/11) 7:6, 4:6, 7:6.

Trận chung kết này, ai cũng mong mỏi cô V. Williams thừa thắng xông lên hạ cô Hingis để phá kỷ lục. Nhưng vì tài nghệ thì có hạn, hơn nữa lại thiếu kinh nghiệm, mặc dù được sự ủng hộ nồng nhiệt của khán giả nhà, cuối cùng cũng bị cô Hingis hạ đậm với tỷ số 6:0, 6:4!

Cầm trong tay tấm ngân phiếu 450 ngàn đô-la tiền thưởng, cô Hingis được báo chí gọi là "Cô Bé Thần Đồng" đã phá tất cả các kỷ lục từ trước tới nay trong môn quần vợt nữ. Mới 16 tuổi, cô đã đoạt giải Grand Slam Australia Open, đoạt luôn chức Nữ vương quần vợt của Steffi Graf để trở thành cây vợt số 1 thế giới.

Trong năm 1997 cô đã vào chung kết 4 giải Grand Slam và kết quả như sau:

**Grand Slam Australia** (20.1 đến 2.2.97)

Cô M. Hingis hạ cô Sanchez Vicario (TBN/10) 6:2, 6:3.

**Grand Slam French Open** (26.5 đến 8.6.97)

M. Hingis thua cô Majoli (Kroatien/8) 4:6, 2:6.

**Grand Slam Wimbledon London** (23.6 đến 6.7.97)

M. Hingis hạ cô Novotna (Tệp/3) 2:6, 6:3, 6:3.

**Grand Slam US Open** (25.8 đến 7.9.97)

M. Hingis hạ cô V. Williams (Mỹ/70) 6:0, 6:4.



Cô Martina Hingis, cây vợt số 1 thế giới

## NAM

Bên phái nam, anh Rafter, người Úc hạng 14 thế giới và anh Rusedski người Anh hạng 20, cả hai đã cùng vùng lên quật ngã các cây vợt tên tuổi để vào đến chung kết.

Trên đường vào chung kết hai anh đã hạ:

**Patrick Rafter** hạ anh **Medwedew** (Ukraine/22) 6:3, 6:4, 7:5 - **Norman** (Thụy Điển/24) 6:2, 6:1, 6:2 - **Roux** (Pháp/82) 6:1, 6:1, 6:2 - **Agassi** (Mỹ/63) 6:3, 7:6, 4:6, 6:3 - **Larsson** (Thụy Điển/30) 7:6, 6:4, 6:2 - **Chang** (Mỹ/2) 6:3, 6:3, 6:4.

**Rusedski** hạ anh **Wheaton** (Mỹ/121) 6:2, 6:3, 6:3 - **Ondruska** (Nam Phi/112) 7:6, 6:4, 6:2 - **Knippschild** (Đức/100) 7:6, 6:3, 6:1 - **Vacek** (Tiệp/83) 7:6, 6:2, 6:2 - **Krajicek** (Hòa Lan/18) 7:5, 7:6, 7:6 - **Bjorkman** (Thụy Điển/17) 6:1, 3:6, 3:6, 6:3, 7:5.

Vào chung kết kẻ tám lạng người nửa cân có nghĩa là tài nghệ cũng không chênh lệch bao nhiêu, do đó chắc chắn trận đấu sẽ diễn ra rất hào hứng. Riêng anh Rusedski, ưu điểm là nhờ cú giao banh mạnh và mau nhất thế giới, có lần banh đã đạt tới vận tốc 267 cs/giờ! Banh bay nhanh cho đến đổi trọng tải biên nhìn không kịp banh rớt trong sân hay ra ngoài. Còn khuyết điểm của anh là lụp chụp, không bình tĩnh nên dễ thua nhiều trái banh lạng xẹt. Ngược lại Rafter thì thật điềm tĩnh, gò từng trái giao banh nên kết quả anh hạ Rusedski với tỷ số 6:3, 6:2, 4:6, 7:5 đoạt chức vô địch với tiền thưởng trên nửa triệu đô-la!

**ĐÔI NỮ** : Cặp **Davenport / Novotna** (Mỹ/Tiệp) hạ cặp **Zwerewa / Gigi Fernandez** (Bạch Nga/Mỹ) 6:3, 6:4.

**ĐÔI NAM** : Cặp **Kafelnikow / Vacek** (Nga/Tiệp) hạ cặp **Bjorkman / Kulti** (Thụy Điển) 7:6 (10:8), 6:3.

**Đôi nữ + Nam** : Cặp **Bolleggraf / Leach** (Hòa Lan/Mỹ) hạ cặp **Paz / Albano** (Á Căn Đình) 7:5, 7:6 (7:3).

# Giải vô địch thế giới

(từ 11.11 đến 16.11.97)

Giải này được tổ chức tại Halle 13, một nhà kiếng vừa mới được xây dựng xong để

chuẩn bị cho Hội Chợ Thế Giới năm 2000, nằm trong khu Hội Chợ Hannover.

Chỉ có 8 cây vợt đứng đầu thế giới mới được tham dự. Rất tiếc lần này khán giả Đức thất vọng vì không có một cây vợt Đức nào có mặt. Cây vợt số 1 của Đức hiện nay đang đứng tới hạng 32 thế giới là anh **Nikolas Kiefer**. Còn **Boris Becker** thì tuột xuống tới hạng 63.

## NHỮNG CÂY VỢT VÔ ĐỊCH THẾ GIỚI TRONG 10 NĂM QUA

- 1987 - **Ivan Lendl** (Tiệp)
- 1988 - **Boris Becker** (Đức)
- 1989 - **Stefen Edberg** (Thụy Điển)
- 1990 - **André Agassi** (Mỹ)
- 1991 - **Pete Sampras** (Mỹ)
- 1992 - **Boris Becker** (Đức)
- 1993 - **Michael Stich** (Đức)
- 1994 - **Pete Sampras** (Mỹ)
- 1995 - **Boris Becker** (Đức)
- 1996 - **Pete Sampras** (Mỹ)

## CÁCH THỨC ĐẤU

**Vòng đầu**: Chia làm 2 Toán, mỗi Toán 4 người. Mỗi người trong Toán phải đụng nhau 1 lần. Như vậy là mỗi người phải đấu 3 trận.

**Bán kết**: Hai người đứng nhất và nhì của mỗi Toán vào bán kết. Nhất Toán A đụng nhì Toán B. Nhất Toán B đụng nhì Toán A. Trong hai vòng này, mỗi trận, ai thắng hai ván thì ăn. Chung kết phải thắng 3 ván.

## Toán Đò

1. P. Sampras
2. P. Rafter
3. G. Rusedski
4. C. Moya

## Toán Trắng

1. M. Chang
  2. J. Bjorkman
  3. Y. Kafelnikow
  4. S. Bruguera
- Dự khuyết: T. Muster

## KẾT QUẢ VÒNG ĐẦU

### Toán Đò

**Sampras** - **Moya** : 3:6, 7:6, 2:6  
**Rafter** - **Rusedski** : 4:6, 6:3, 6:4  
**Rafter** - **Moya** : 6:4, 6:2  
**Sampras** - **Rusedski** : 6:4, 7:5  
**Moya** - **Muster** (a) : 6:2, 6:3  
**Sampras** - **Rafter** : 6:4, 6:1

(a) Anh Rusedski bị thương ở bắp vế nên bỏ cuộc trận thứ 3. Anh T. Muster (Áo) cây vợt dự khuyết nhảy lên thay thế.

### Xếp hạng

1. Sampras
2. Moya
3. Rafter
4. Rusedski (Muster)

Ba anh Sampras - Moya - Rafter, mỗi người đều thắng hai trận, thua một, nhưng vì số bàn thắng/thua sai biệt nhau nên chỉ có Sampras và Moya vào bán kết. Còn Rafter, cây vợt được giới trẻ phụ nữ hâm mộ nhất, rất tiếc bị loại!

### Toán Trắng

**Chang** - **Bruguera** : 7:6, 6:2  
**Bjorkman** - **Kafelnikow** : 3:6, 6:7  
**Kafelnikow** - **Chang** : 6:3, 6:0  
**Bjorkman** - **Bruguera** : 6:3, 6:1  
**Chang** - **Bjorkman** : 4:6, 5:7  
**Kafelnikow** - **Henman** (b) : 4:6, 4:6

(b) Anh Bruguera cũng bị thương ở xương sống nên không đánh trận thứ ba

## TÁM CÂY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI



Pete Sampras, 26 tuổi (Mỹ)



Michael Chang, 25 tuổi (Mỹ)



Patrick Rafter, 21 tuổi (Úc)



Jonas Björkman, 25 tuổi (Thụy Điển) Greg Rusedski, 25 tuổi (Anh) Yewgeni Kafelnikow, 23 tuổi (Nga) Carlos Moya, 21 tuổi (T.Ban Nha) Sergi Bruguera, 26 tuổi (T.Ban Nha)

được, đáng lẽ anh M. Rios hạng 10, người Chile thay thế nhưng không đến kịp, do đó mới mời anh Henman (Anh). Trận này Henman hạ Kafelnikow dễ dàng với 2 bàn trắng 6:4, 6:4.

**Xếp hạng**

1. Kafelnikow
2. Björkman
3. Chang
4. Bruguera (Henman)

**Bán Kết**

Sampras - Björkman : 6:3, 6:4  
Kafelnikow - Moya : 7:6 (7:4), 7:6 (7:3)

**CHUNG KẾT**

Sampras đứng kim vô địch gặp cây vợt số 6 là anh Kafelnikow sau khi hạ anh Moya một cách vất vả với tỷ số khít khao là 7:6, 7:6 ở bán kết. Trong khi anh Moya lại hạ Sampras ngay ở vòng đầu trong trận khai mạc với tỷ số 6:3, 6:7 và 6:2! Do đó người ta cũng hy vọng Kafelnikow thừa thắng xông lên hạ luôn Sampras để đoạt chức Vô Địch Thế Giới. Nhưng tài nghệ có hạn, dù cố gắng hết sức anh vẫn thua Sampras với 3 bàn trắng là 3:6, 2:6, 2:6!

**MƯỜI CÂY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI**  
(giá trị đến 24.11.1997)

**NAM**

1. P. Sampras (Mỹ) 4547
2. P. Rafter (Úc) 2310
3. M. Chang (Mỹ) 3189
4. J. Björkman (Thụy Điển) 2949
5. J. Kafelnikow (Nga) 2690
6. G. Rusedski (Anh) 2617
7. C. Moya (Tây Ban Nha) 2508
8. S. Bruguera (Tây Ban Nha) 2367
9. T. Muster (Áo) 2353
10. M. Rios (Chile) 2317



Sampras đang nhận tấm ngà voi trị giá 1,3 triệu Mỹ kim do O. Reinhard với tư cách Chef Expo 2000 trao. Phía sau là anh Kafelnikow

**Nữ**

1. M. Hingis (Thụy Sĩ) 6525
2. L. Davenport (Mỹ) 3784
3. J. Novotna (Tiệp) 3454
4. A. Coetzer (Nam Phi) 3380
5. M. Seles (Mỹ) 3246
6. I. Majoli (Kroatien) 3022
7. M. Pierce (Pháp) 2430
8. A. Sanchez (Tây Ban Nha) 2417
9. I. Spirlea (Rumanien) 2415
10. C. Martinez (Tây Ban Nha) 2111
12. A. Huber (Đức) 1924
16. S. Graf (Đức) 1463

Người ta tự hỏi, môn quần vợt ở Đức đang thời kỳ xuống dốc phải không? những cây vợt lớn tuổi lần lượt gác vợt, mà chưa có một mầm non nào có triển vọng thay thế. Trong một thập niên qua, lần đầu tiên không có một cây vợt nào của Đức đứng "Tốp Ten" thế giới ■

**Thăm Em Đầu Năm**

**ep** *Sáng mừng một  
Đáp chuyển tàu thăm em  
Mưa tuyết trắng đồng làng  
Biết mình nơi đất khách!*

*Sáng mừng một  
Đến chúc Tết nhà em  
Không mai vàng cúc trắng  
Không xác pháo đầy sân  
Nhớ ra mình lưu lạc!*

*Sáng mừng một  
Cũng bánh chưng dưa món  
Cũng rượu đỏ, nâng ly  
Cũng câu chúc, li xì  
Cớ sao lòng muốn khóc!*



**N**gười Việt lưu vong mang nghiệp sống ly hương nên phải hành nghề nặng nhọc nhất, nghề tỵ nạn, quanh năm suốt tháng sớm đi tối về, cực lực tranh đấu để chuộc lỗi sống gọi nơi quê người, để bảo toàn phẩm giá. Trôi nổi giữa chốn phồn hoa hiện đại quay cuồng trong một môi trường kém thân thiện, ai ai cũng khao khát có những món ăn tinh thần bổ ích hơn, tinh túy hơn.

Giữa những đề mục của Tạp chí VIÊN GIÁC, mục Tin Tức Thời Sự là mục khan nhất, gây thích thú ít nhất. Người giữ mục này vì thiếu khả năng nên phải mượn bài gom ý của người khác, không khỏi không bần khoản ngập ngừng. Nhưng đã nhận trách nhiệm, ắt phải lo tròn trách nhiệm, không e ngại tiếp tục làm công việc ráp nối tình hình thế giới năm 1997 với lòng ước mong gây tò mò càng ít càng tốt.

## ● MỸ CHÂU

### ■ Mỹ

Trước hết nên đề cập đến Mỹ vì Mỹ là một nước dân chủ lâu đời nhất (1787), là siêu cường duy nhất, không có Mỹ không việc gì nên.

Kể từ thập niên 40, Bill Clinton là đảng viên Đảng Dân Chủ đầu tiên tái đắc cử Tổng Thống. Nhưng sau lễ tuyên thệ nhậm chức nhiệm kỳ II không bao lâu, 2 vụ tai tiếng bảm riết Tổng Thống. Vụ Asiagate liên quan đến nguồn gốc tiền vận động bầu cử chủng tộc có điều gì trục trặc trong nền dân chủ Mỹ. Không phải lần đầu tiên sau cuộc bầu cử người ta phê bình "tiếng kêu của đô-la đã lấn át tư tưởng". Nhưng cả Đảng Cộng Hòa lẫn Đảng Dân Chủ đã xài phí quá nhiều trong cuộc bầu cử vừa qua (3 tỉ đô-la, 3 lần nhiều hơn năm 1992). Phần lớn dư luận Mỹ khẳng định tiền bạc của "những quyền lợi kín đáo" đã thao túng nền dân chủ và những nhóm có thế

lực đã làm tê liệt guồng máy chính phủ. Ở Hoa Thịnh Đốn, mọi việc đều có thể mua bán: tiếp xúc với Dân Biểu, Nghị Sĩ, với cơ quan hành chính, ngay cả với Tòa Bạch Ốc. Bồi Tổng Thống không cần biết quỹ của đảng do đâu mà có, Tổng Thống không ngần ngại xuất hiện bên cạnh những kẻ không có đủ tư cách bước qua cửa Tổng Thống Phủ như kẻ buôn lậu ma túy, kẻ buôn bán vũ khí. Nền dân chủ bệnh hoạn vì tiền bạc. Đây là một vấn đề lớn nếu Ủy Ban Điều Tra Thượng Viện chứng minh "đường dây Á Châu" (Trung Quốc) có thể ảnh hưởng đến phương hướng ngoại giao của Mỹ.

Vụ Asiagate còn trong vòng điều tra thì vụ Paula Jones bùng nổ. Nhà lãnh đạo siêu cường phải trả lời trước tòa vì tội coi như "đề nghị tình dục" với một nữ công chức. Chuyện thô bạo làm hoen ố lịch sử chăng? Thoạt tiên là câu chuyện bàn tán mua vui, vụ Paula Jones hợp cùng Asiagate có thể ảnh hưởng không ít đến mối lo nghĩ lớn nhất của Clinton: để lại dấu vết của mình trong lịch sử như người hòa giải giữa các tầng lớp dân tộc Mỹ, thổi lên một luồng gió tinh thần hòa hợp và tôn trọng giữa giàu nghèo. Một thách đố lớn lao bởi Mỹ lo ngại giá trị luân lý đang rời sa sút cùng lúc 2 trào lưu tư tưởng tương phản từng chi phối đời sống chính trị, xã hội từ lúc lập quốc xuất hiện trở lại: một trào lưu hô hào đã đến lúc mọi công dân phải nai lưng chịu đựng để xứng đáng với sự ân cần của cộng đồng quốc gia, một trào lưu phát huy lòng trắc ẩn trước kẻ yếu đuối.

Hiện nay, xã hội Mỹ đang tiến hóa sâu xa. Quốc gia càng phát triển vượt bực bao nhiêu thì dân tộc rất do dự trước ý kiến nên phân chia thành quả đồng đều bấy nhiêu. Từ hai năm nay, những điều luật nối tiếp đều đưa đến hậu quả chung là tăng thêm bất công xã hội. Trong chiều sâu, sự đoàn kết lịch sử giữa những người khai phá và di dân cùng tồn tại với ý thức mọi người đều

có cơ may như nhau, những kẻ thua cuộc nên tự trách hơn trách người khác. Do đó, tham vọng hòa hợp hòa giải cộng đồng quốc gia dân tộc trở nên bấp bênh, càng bấp bênh hơn vì Mỹ đã xóa bỏ kỳ thị chủng tộc trên mặt pháp lý nhưng không trên lãnh vực tâm lý, đời sống: 58% dân da trắng, 54% dân da màu cho kỳ thị là bài toán nan giải.

Những đám mây mù nội bộ kia không thể che phủ hoàn toàn quang cảnh rực rỡ trên đất Mỹ. Nền kinh tế Mỹ gây thêm thường nhiễu dãi. Phát triển 5,6% cao nhất từ 10 năm nay, thất nghiệp 4,9% thấp nhất từ năm 1970, không thấy bóng dáng căng thẳng nào báo hiệu lạm phát. Đồng đô-la vẫn là đồng tiền mạnh, thiếu hụt ngân sách giảm từ 430 tỉ xuống còn 75 tỉ, thấp nhất từ 20 năm qua. Sức mua sắm gia đình tăng 6,4%, 52% dân tin tưởng con em họ sẽ hạnh phúc hơn họ.

Cũng như thế kỷ 18 là thế kỷ của Pháp, thế kỷ 19 là thế kỷ của Anh, thế kỷ 20 là thế kỷ của Mỹ. Hiện nay, nhiều cơn gió lay động mạnh không biết bao nhiêu quốc gia. Nhưng nhờ những cơn gió này, con ó Mỹ chấp cánh bay cao sau bao năm bị Nhật cạnh tranh, sau bao năm tri trệ kỹ thuật. Trên một thế giới mất trật tự tiếp theo lưỡng cực gò bó thời chiến tranh lạnh, Mỹ tự xác nhận như siêu cường duy nhất.

Hình như mọi việc đều biến chuyển theo ý muốn của Mỹ. Sau khi chiến thắng phát-xít Âu-Châu và quân phiệt Nhật trong chiến tranh nóng, đánh bại Cộng Sản trong chiến tranh lạnh, Mỹ trở thành người đầu đàn trong cuộc phiêu lưu đi tìm lý tưởng dân chủ. Bây giờ lý tưởng ấy lan tỏa khắp nơi đồng thời mang lại uy tín chính trị cho Mỹ và Mỹ mang ý thức hệ tòa rạn ấy gói ghém sức mạnh quân sự, kinh tế. Dân chủ, kinh tế, quân sự, 3 nhân tố kết hợp thành một vũ khí bén nhọn giúp Mỹ chinh phục thế giới.

Dĩ nhiên muốn vượt cao hơn các lục địa khác, Mỹ còn có nhiều vũ khí khác ngoài sự truyền bá ý niệm dân chủ dân quyền. Mỹ có một khối dân số vững chắc hơn Âu Châu, càng vững chắc hơn Nhật. Mỹ còn có một khoảng trống bao la thích hợp cho tinh thần khai phá. Mỗi một thế hệ mới đều ra công xây dựng một sự phồn thịnh kỹ nghệ mới. Trước một thách đố mới với sự cạnh tranh của các nước kỹ nghệ mới ở Á Đông, Mỹ La-tinh, dân Mỹ chọn lựa đường đầu thay vì co mình biệt lập. Những đặc tính này rất quan trọng trong công việc phát huy nền kinh tế hiện đại, giúp những cơ sở phát minh nhỏ dè ra trong vòng 20 năm những cơ sở tin học đồ sộ. Vì thế, hố sâu phân cách Mỹ với các nước kỹ nghệ khác ngày càng sâu, càng sâu hơn trên phương diện quân sự, kỹ

thuật, văn hóa. Tiếng Anh là tiếng thông dụng nhất trên địa cầu.

Mỹ bay bổng lên cao vì các nước cạnh tranh lúng túng. Tại Âu Châu, Clinton ép Nga phải chấp nhận NATO nổi rộng vì Âu Châu chưa thống nhất về mặt quân sự, chính trị. Tại Á Châu, Trung Quốc trở dậy, lò lửa Triều Tiên, Đài Loan tạo thuận lợi cho Mỹ tăng cường các hiệp ước hỗ trợ quân sự với Nhật, giữ vai trò cảnh sát hoặc trọng tài. Tại Phi Châu, chính sách bất nhất của Pháp ở Rwanda, Zaire mở ngõ cho Mỹ tiến vào vùng Trung Phi trù phú.

Mỹ vĩ đại theo kích thước của sự hợp nhất giữa 2 Công ty Mc Donnell Douglas và Boeing với 209.000 công nhân, với số tiền kinh doanh 365 tỉ, với hợp đồng buôn bán 132 tỉ, với sự kiểm soát 84% tổng số phi cơ thế giới. Mỹ to lớn theo tầm bao la của xa lộ INTERNET. Tuy nhiên, do tình hình đã thế giới hóa quá sâu rộng, không một quốc gia nào, không một khối chiến lược nào ứng chịu mãi sự định đoạt đơn phương của một siêu cường. Thế giới đang đi đến một tổ chức "Tam Quốc" mới và chắc chắn Mỹ sẽ cần đến một Tổng Thống biết làm thế nào để điều hòa tốt đẹp tổ chức đa cực ấy, mang lại hòa bình cho nhân loại.

## ■ Cuba

Năm 97 như "con cá sấu màu xanh luôn ca hát nhưng không cầm được nước mắt" giống như Fidel Castro luôn ca tụng mộng tưởng Cộng Sản, như dân Cuba vô vọng chán chường, như cảnh đường phố ở thủ đô La Havana. Cảnh đoàn người nối đuôi không dứt đưa đón xin tỵ nạn trước Tòa Lãnh Sự Mỹ, cảnh người ăn xin trước khách sạn sang trọng, phụ nữ bán hương sắc vì không cách nào hơn, cấp lãnh đạo vô mộng, cấp vô sản thất vọng. Gương mặt Cuba thật buồn bã.

Năm nay, Castro ăn mừng ngày sinh nhật 72 tuổi không theo ý muốn. Vài ngày trước 2 quả bom thủ công nổ trước khách sạn và Công ty Du lịch (chưa kể 4 - 5 vụ nổ khác từ tháng 4 đến tháng 7 ở các thành phố du lịch khác). Thiệt hại vật chất không đáng kể nhưng thiệt hại kinh tế trầm trọng hơn. Vì ngành du lịch hái ra ngoại tệ cao nhất.

Bầu không khí Cuba ô nhiễm đến mức báo động; khó khăn kinh tế, mong manh chính trị. Lệnh phong tỏa Mỹ được luật Helms-Burton tăng cường đè nặng lên đất nước trong lúc nền kinh tế quốc gia phá sản. Đường mía thất mùa vì thiên tai, tập sản hóa và máy móc cũ kỹ. Sản lượng quốc gia tụt từ 7,8% xuống còn 2,1%, thực phẩm giảm 16%. Trong 6 tháng đầu năm

97, chính phủ phải vay nợ với lãi suất 42% để mua nhiên liệu.

Năm 1995, Castro nghĩ có thể kéo dài độc đảng đảng trị bằng cách kích lệ kinh tế tư nhân. Bây giờ, chế độ lo sợ trước hậu quả do chính mình gây ra: một nền kinh tế 2 chiều, 2 tốc độ với cuộc chạy đua nước rút theo đô-la. Có đô-la có tiêu dùng, không có đô-la phải xếp hàng hàng giờ trước cửa hàng quốc doanh trống rỗng. Giàu nghèo xa cách, chế độ mất uy tín, tín nhiệm. Bởi thế, qua Đại Hội Đảng lần 5, Castro lui lại hai bước, vừa kêu gọi ngoại quốc đầu tư, vừa ngăn cấm kinh tế tư nhân. Castro còn khẳng định địa hạt xã hội chủ nghĩa sẽ vươn lên nhờ địa hạt tư bản lôi kéo.

Sau sự nhất trí bề ngoài khó dò thấu, điều gây ngạc nhiên hơn hết là các tầng lớp lãnh đạo không có một tầm nhìn về tương lai nào khác hơn là tầm nhìn của Castro. Giai đoạn sau Castro được đặt ra hơn bao giờ hết. Điển hình, Tòa Bạch Ốc hứa hẹn sẽ viện trợ cho Cuba từ 4 đến 8 tỉ trải dài trên 6 năm đầu chuyển tiếp nếu Castro rút lui, trả tự do cho tù nhân chính trị, giải tán Bộ Nội Vụ, tổ chức bầu cử tự do. Mỹ còn cam đoan quân đội Cuba sẽ giữ một vai trò quan trọng, quyền lợi binh nghiệp không suy suyển.



Chế độ Castro, một trong những chế độ thể hiện nổi gian truân của Cộng Sản đang kêu gọi đồng đô-la sống chung hòa bình với đồng Peso quốc gia, đi đến một thỏa hiệp quái gở nhờ tư bản cứu vớt Cộng Sản.

## ● ÂU CHÂU

### ■ Pháp - Đức

Việc làm, thất nghiệp là đề tài bàn luận sôi nổi, mối lo âu hàng đầu, điểm bất đồng giữa chính phủ và xã hội, giữa công nhân và chủ hãng.

Dân Pháp có cảm tưởng như họ là nạn nhân của một sự phình phồng. Giới kinh tế, chính trị thường trình bày trước dư luận thất nghiệp như một cơn gió thoảng qua trong lúc tư bản bước sang một giai đoạn mới, giai đoạn việc làm khan hiếm. Guồng máy kinh tế càng sản xuất bao nhiêu càng sa thải công nhân bấy nhiêu. Đáng sợ nhất là ý nghĩ không cần thiết cho xã hội đang đè nặng lên tâm trí của mọi người. Đa số không cần cho thiếu số. Dân Pháp tin chắc họ sống trong một xã hội chuyên đặt kinh tế lên hàng đầu trong lúc làm kinh tế vì kinh tế sẽ hủy hoại xã hội. Họ chán chường vì cánh hữu cũng như cánh tả mỉa dân, một khi cầm quyền thì phản bội lời hứa bầu cử. Họ thất vọng vì quốc gia trở thành "đại lý cho thị trường", một hệ thống "mang tính chất bá chủ trong lối tổ chức, bóc lột vì gây ra hậu quả tai hại và hoang phí tài nguyên".

Thất nghiệp không khởi không ảnh hưởng đến tâm lý con người, không thể không dính dáng đến cơn khủng hoảng bản sắc dân tộc với những phản ứng độc hại như kỳ thị người ngoại quốc, thái hời "kẻ khác" kèm theo sự đột phá ăn khách của Phong trào Dân tộc cực hữu. Tất cả mọi người, từ dân đến lãnh đạo luôn nhấn mạnh đến nỗi chán chường tập thể, nêu lên đặc tính "cơn bệnh Pháp" như bảo thủ, thiếu ý chí thay đổi. Nhưng chưa ai tìm ra phương pháp trị liệu tốt cho căn bệnh.

Tại Đức: "số thất nghiệp cao hơn bao giờ hết kể từ năm 1932, một thất bại lớn trên mặt trận việc làm" những lời bình luận đầu tiên cho phép nghĩ đến cơn chấn động trong lòng dân tộc Đức. Số thất nghiệp tăng giảm tùy mùa, nhưng chắc chắn đạt kỷ lục (4,38 triệu năm 97; 4,42 triệu năm 98). Muốn đạt mục tiêu giảm 1/2 thất nghiệp từ đây đến năm 2000, phải có sức hoạt động ngoại lệ. Nhưng phát triển trong năm 97 chỉ trên dưới 2,4% (2,8% năm 98).

Nếu như dân Đức cũng như các dân tộc khác luôn được niềm tự hào dân tộc thúc đẩy thì Đức phải chứng tỏ khả năng điều trị "cơn đau Đức". Mọi người đều biết triệu chứng như dân số già nua, giới trẻ sanh con ít, giới già sống lâu, dịch vụ kém mở mang, canh tân trì trệ. Trầm trọng hơn hết là các Công ty kỹ nghệ dời bộ phận sản xuất ra nước ngoài theo tỷ lệ nghịch với sự đầu tư trực tiếp từ nước ngoài đến, hiệu năng kỹ thuật thụt lùi.

Cánh tả cũng như cánh hữu đang thắc mắc phải chăng kiểu mẫu Đức là kiểu mẫu tốt nhất trước thách đố của thời đại? Từ trước đến giờ, hai yếu tố căn bản, lạm phát

ít, thất nghiệp thấp đã tạo thành công cho Đức. Nhưng thất nghiệp tại Đức cao hơn thất nghiệp tại Anh, Ý, Mỹ, xấp xỉ với Pháp.

Tại sao một sự thối lui bất ngờ? Một nền kinh tế trệt đường vì cân nặng của sự đóng góp bắt buộc cho an sinh xã hội, vì đường lối tiền tệ chính thống bất di bất dịch của Ngân hàng Trung ương? Cho nên theo các nhà lãnh đạo đang cầm quyền, giải pháp kiến hiệu nhất không có tên nào khác hơn "uyển chuyển" trên thị trường lao động có nghĩa không tăng lương hoặc tăng chút ít, sa thải dễ dàng, xóa bỏ hợp đồng lao động dài hạn, giám sát sách bảo vệ xã hội, tăng cường cạnh tranh, sáng chế cá nhân, thả nổi kinh tế. Đây là vấn đề tranh cãi sâu rộng, đề tài chính trong cuộc vận động bầu cử vào mùa thu 98.

## ■ Nga

Trong lúc các cựu chủ hầu như Ba Lan, Bào Gia Lợi, Lỗ Ma Ni biến đổi trong chiều hướng tốt, Nga còn cựa quậy trong vòng hỗn độn vì 2 lý do: cải tổ đậm chân tại chỗ, biến thái khó khăn vì mất kim chỉ Nam.

Sáu năm sau Liên Xô tàn rụi, Mạc Tú Khoa, một trong những thành phố đắt đỏ nhất, hơn cả Đông Kinh, Luân Đôn, Nữu Ước, trưng bày gương mặt thông thường của những thành phố lớn quốc tế. Nhưng rất xa những thành phố bóng loáng như từ kính, một nước Nga khác không thay đổi chặt vật sống ngoài lề kinh tế thị trường. Nước Nga của những công nhân, phu hầm mỏ, công chức, hủ trí với lương tháng tồi tệ, trễ hạn và nếu lãnh lương thì lãnh tem phiếu. Nước Nga của người nông dân sống qua ngày bằng cách trao đổi hàng hóa.

Khắp nơi trên nước Nga thăm lặng, dân Nga mất ảo vọng và thất vọng, mất tin tưởng đối với chính giới Mạc Tú Khoa. Các nhà "Cách mạng Dân chủ" chưa thành công thuyết phục dân Nga nên tán đồng chủ trương thay đổi. Dân Nga chưa thay đổi vì thiếu điểm tựa. Nếu như Staline đã biến mất thì Lenine còn đứng sừng sững khắp nơi. Leningrad đổi lại thành Saint Peterbourg. Nhưng những con đường chính còn gọi đại lộ Leneine, đại lộ Vô Sản. Có thể giải thích hiện tượng này bằng điều gọi là "động lực trì trệ", nhờ tiếc quá khổ cho dù quá khứ quá tai hại.

Năm nay, Mạc Tú Khoa tráng lệ kỷ niệm 850 năm thành lập. Một dịp để Nga nhắc nhở cho thế giới nhỏ đến quá khứ đế quốc, vị thế cường quốc của Nga. Nhưng nếu tò mò nhìn sau ánh đèn néon, sau những nét sơn son thếp vàng, người ta sẽ thấy một sự thật tương phản giống như

hình ảnh nước Nga đang lạch chuyển tiếp chưa thoát khỏi chậm tiến, độc tài. Các lãnh tụ ngày hôm qua ngày hôm nay tiếp tục khống chế đất nước. Đa số dân Nga sống đau khổ hơn ngày qua, sống khổ và chết sớm. Nhưng Nga hôm nay khác hẳn với Liên Xô của những cửa hàng quốc doanh nghèo nàn. Bây giờ, người ta mang ra bán vô số sản phẩm nhập cảng với giá phải chăng. Nhưng lương tháng trung bình bằng 148 đô-la, hủ bổng 3 lần thấp hơn. Muốn sống phải hành nghề tay trái, hợp pháp hay phi pháp không quan trọng lắm.

Làm sao không thể không kể đến trong nỗi nhỏ tiếc quá khứ mỗi nhục của một quốc gia từng chia sẻ với Mỹ 1/2 vận mạng của thế giới theo lời tiên đoán của Toc Queville vào đầu thế kỷ 19. Từ đó đến âm mưu tái thiết chế độ cũ chỉ cách xa gang tấc, mà một mình Đảng Cộng Sản Nga muốn bước qua. Ý thức hệ thịnh hành là mỗi người tự lo dưới hình thức sơ đẳng nhất.

Không phải ngẫu nhiên mà Tổng Thống Nga nhận định đất nước thiếu một tư duy mạnh, một mưu đồ lớn. Từ thời đại này qua thời đại khác, Nga luôn luôn cần đến điều ấy. Người ta nghĩ dân Nga từng chịu đựng không biết bao nhiêu thử thách có thể muốn viết lại lịch sử một cách đơn giản. Người ta cũng không quên Nga quá rộng lớn với không biết bao nhiêu chủng tộc. Nếu chính quyền trung ương suy yếu, một tổ chức phong kiến mới sẽ hình thành, khi dựa trên bản sắc địa phương, khi dựa trên quyền lực kinh tế cho đến ngày nào đó, một lãnh chúa mạnh nhất đứng lên thống nhất đất nước.

Chung quy, tất cả các quốc gia đều sinh ra như thế. Trong lúc chờ đợi, các Giám đốc Ngân hàng, Công ty kỹ nghệ giết hại lẫn nhau. Phải chăng sự sát phạt này là dấu hiệu chứng tỏ tiến trình đang tiến nhanh hơn là các nhà máy bỏ trống, các cánh đồng bỏ hoang, những đồng tiền rỉ sét gọi nhắc đến một nước Nga thoái hóa.

## ■ Bosnie

Hơn hai năm sau khi Hiệp định Dayton ra đời, tiếng súng ngưng nổ tại Sarajevo. Nhưng những công dân nào từng chống diệt chủng nay hết sức thất vọng. Chiến tranh tiếp tục trong thời bình, phương tiện thay đổi, mục đích như nhau. Bosnie của Dayton là một giả tưởng. Trên thực tế, quốc gia có thể tan rã dưới kế hoạch kỳ thị do các nhóm tham chiến chủ trương.

Những thiết chế chung sau cuộc bầu cử hoàn toàn tê liệt. Chủ tịch đoàn Tổng Thống, Chính phủ Trung ương, Quốc hội,

Hội đồng Thành phố giống như một trò chơi tiêu khiển. Đại diện dân không công nhận một quốc gia mà họ có bốn phận phục vụ, một trường hợp có một không hai trong lịch sử. Nhóm Serbe vì nhất thời muốn làm vừa lòng Mỹ nên phải ngồi tại Quốc Hội đồng thời đeo đuổi kế hoạch nối liền lãnh thổ chiếm đóng với Serbie Montenegro, nhóm Croate cũng theo mưu sách tương tự. Những người Bosnie yêu chuộng công bằng hòa giải hòa hợp dân tộc chống đối đường lối của Tổng Thống Izetbegovic, đường lối thiết lập một quốc gia Hồi Giáo dựa trên chủ nghĩa dân tộc.

Theo tình hình hiện tại, Bosnie có thể bị xóa tên không biết từ lúc nào. Thường nhật, người ta chà đạp hiệp định hòa bình. Những tội phạm chiến tranh đầu xỏ tự do hoạt động, dân tỵ nạn bị ngăn cấm trở về quê hương, đời sống chính trị hỗn độn. Quốc gia sẽ đi đến hoặc một cuộc chiến mới hoặc một sự chia cách chủng tộc. Nếu người ta không cải tổ Hiệp ước Dayton, kẻ cực đoan tiếp tục quấy nhiễu, tạo nên một bầu không khí chia rẽ, kỳ thị, bảo thủ, tham nhũng, bất công.

Ngay từ bây giờ, có thể dự đoán Mỹ và đồng minh bắt buộc phải tiếp tục đổ đầu Bosnie. Lực lượng SFOR thuộc NATO sẽ được duy trì dưới hình thức nhẹ nhàng hơn bởi các cường quốc không ngăn chặn kịp thời đúng lúc bước tiến của những kẻ cuồng tín. Trong việc bảo trợ này, Mỹ tin cậy vào một "đồng minh" đáng nghi ngờ là Slobodan Milosevic, kẻ cuồng tín chỉ nhường bước trước ai cuồng tín hơn mình. Thế hệ trẻ, nạn nhân của một chiến tranh điên rồ phải chờ đợi thêm một thời gian dài mới có hy vọng sống chung hòa bình.

## ● PHI CHÂU

Nơi sinh ra loài người cách đây khoảng 4 triệu năm, lục địa Phi Châu đau khổ triền miên. Vụ tranh chấp chiến lược và nguồn lợi dầu hỏa tại Congo Brazzaville, vụ tranh chấp chiến lược giữa Mỹ và Pháp tại Congo-Zaire, giữa quân phiệt và tôn giáo tại Algeria là những bằng chứng.

Pháp để Congo-Zaire vượt khỏi tầm tay? Quyền lợi của Mỹ là nguồn lợi nào? Dù Hoa Thịnh Đốn dính chính cho rằng "Phi Châu trước sau chỉ là một mảnh đất rộng gần như không có lợi ích chiến lược bao nhiêu", sự thật khác hẳn. Mỹ đã dính líu đến Congo trước kia thuộc Bỉ từ năm 1944 qua thỏa ước mật bảo đảm cho Mỹ khai thác nguyên liệu cần thiết cho kế hoạch vũ trang nguyên tử. Thời chiến tranh lạnh, Mỹ đã đặt căn cứ ở vùng Đông Trung Phi nhằm yểm trợ nếu cần các cuộc hành quân ở vùng Vịnh. Mỹ cũng từng giữ thái

độ trung lập trước chế độ kỳ thị Nam Phi vì lý do đất đai ở đây chứa nhiều khoáng chất chiến lược. Thời gian gần đây, Mỹ thiết lập căn cứ quân sự ở Ouganda, nơi xuất phát cuộc hành quân Restore Hope cứu đói Somalie và cũng nhờ căn cứ này, Mỹ canh chừng chặt chẽ Soudan ở phía Bắc, Ethiopie ở phía Đông, kiểm soát đường biển đến Trung Đông.

Bởi Tổng Thống Ouganda Yoweri Museveni là bức tường chống đỡ cuộc tấn công của Soudan Hồi Giáo, Mỹ quyết định đi theo cuộc hành quân ở Zaire qua trục Ouganda - Rwanda - Kabila. Kế hoạch không cần che giấu là nâng đỡ ít tốn kém nhất sự thay đổi lớp người lãnh đạo với hy vọng trong tương lai các nước Phi Châu không còn bám víu quá mức vào ngân sách viện trợ nhân đạo quốc tế, ngân sách mở mang phát triển của Mỹ, đi đến mục tiêu cuối cùng là các nhà lãnh đạo mới tuy độc tài nhưng kiến hiệu, có khả năng áp dụng phương thức kinh tế tự do trong khuôn khổ hợp tác Mỹ-Phi Châu.

Trước kia Mỹ-Pháp hợp tác bổ túc - Mỹ nhượng cho Pháp quyền làm cảnh sát -, bây giờ đôi bên trở thành đối thủ. Hòa bình lạnh thay thế chiến tranh lạnh. Quốc tế không tạo ra một "mặt trận dân chủ chung", ngược lại gây ra một sự cạnh tranh tìm kiếm thị trường ngay trên vùng đất xem như sân nhà của Pháp. Đối với Hoa Thịnh Đốn, hô hào dân chủ nằm trong chiến lược vừa ít tốn kém vừa hứa hẹn nhiều lợi lộc. Nền ngoại giao Pháp là nền ngoại giao bóng bẩy kiểu "thùng rỗng kêu vang", do đó Pháp đứng ngoài cuộc tranh đua kiểm soát tài nguyên phong phú của Zaire, nơi mà các Công ty khai thác kim cương, vàng, Uranium Nam Phi, Bắc Mỹ đụng nhau dữ dội. Trong khi Phi Châu nhận diện Mỹ qua tượng thần Tự Do, qua nền kỹ thuật hiện đại, qua nền văn hóa da đen sống động thì Pháp giữ tư thế quen thuộc gây cảm tưởng như Pháp trước sau vẫn là một sức mạnh thuộc địa nếu Pháp không còn giữ vai huấn luyện viên, các đội banh của các nước độc tài. Một động lực khác thúc đẩy Mỹ khoan hồng với Kabila là động lực chiến lược bao vây hai kẻ thù không đội trời chung Lybie, Soudan. Cho nên Mỹ không cần biết đến các vụ tàn sát dân tỵ nạn Rwanda. Có lẽ người ta không bao giờ biết hết sự thật về các vụ tàn sát này vì nhiều lý do. Trước nhất, Congo Zaire không muốn vấn đề sáng tỏ, vì Congo lẩn tránh trách nhiệm. Thứ đến chế độ Rwanda, đồng minh chính yếu của Kabila cũng không muốn. Quân đội Rwanda đã chỉ huy các vụ tàn sát, tổ chức tiêu diệt dân tỵ nạn bằng cách bỏ đói, hơn nữa có thái độ như nhận chỉ thị tận diệt dân tỵ nạn. Sau cùng Mỹ không muốn

thăm cứu hành động của quân đội Rwanda vì Mỹ tích cực yểm trợ quân đội này.



Theo sách lược ngoại giao thực tiễn, mọi người đều muốn kết thân với Kabila. Trước mỗi tướng thân đặc biệt này, công lý, đạo đức không gặp một may mắn nào. Trước những lời kết tội, Tổng Thống Kabila, Phó Tổng Thống Rwanda Paul Kagame luôn luôn lật ngược câu hỏi: những người kết án họ đã làm gì trước việc làm ô nhục của Mobutu, trước cuộc diệt chủng ở Rwanda năm 94. Kẻ này vô can, kẻ kia cũng vô can. Khó mà phá vỡ âm mưu yên lặng.

Lò lửa Congo-Zaire vừa tắt, lò lửa Congo-Brazzaville phụt cháy và kéo dài 5 tháng với hậu quả 10.000 người chết, 50.000 dân di tản. Mỗi dẫn lửa là sự tranh chấp quyền hành, quyền lợi dầu hỏa giữa Tổng Thống Pascal Lissouba và cựu Tổng Thống Denis Sassou với sự tham dự của Angola. Các công ty khai thác dầu khí núp sau hậu trường điều động các vai trò.

Sassou thắng vì được Tổng Thống Angola yểm trợ đắc lực. Hai người từng là hai nhà mác-xít bạn thân cùng có quyền lợi ở các giếng dầu ngoài khơi Angola. Hơn nữa, Angola nương theo vụ tranh chấp để phá tan hậu cần của cánh đối lập vũ trang Angola đặt tại Congo. Các công ty dầu khí ủng hộ Sassou vì khác hẳn với Lissouba, Sassou là nhà thương lượng "biết điều" trong các cuộc làm ăn.

Trong vòng 3 năm, ở 3 nước Rwanda, Congo-Zaire, Congo-Brazzaville, người ta

tiến đến quyền hành bằng vũ khí thay vì qua thùng phiếu. Bài học dân chủ thật khó nuốt, Mỹ, Pháp không trực tiếp can thiệp, Liên Hiệp Quốc bất lực ở Phi Châu cũng như ở Balkan. Các cường quốc nhận định "hành động nguy hiểm hơn ngồi chờ". Dân Phi Châu quay hướng về Phi Châu. Máu đã đổ, quốc tế công nhận các vị chủ nhân mới. Phi Châu trước sau vẫn là con mồi béo bở.

## Algerie

Nội chiến chưa có dấu hiệu nào chấm dứt. Dân tộc Algerie còn gánh chịu tai ách độc tài, khủng bố, còn là nạn nhân của các phe nhóm Hồi Giáo, của một số giới chức quân sự luôn theo chủ trương tận diệt nhóm Hồi Giáo vũ trang.

Cảnh tượng chém giết xảy ra như cơm bữa, cũng trên một sân khấu cách thủ đô Alger vài mươi cây số, cùng một lối diễn xuất hoặc gần như thế: một toán vũ trang coi như Hồi Giáo tấn công một làng, cướp bóc, hãm hiếp, giết người luôn cả trẻ con, bắt người mang đi thủ tiêu. Chuỗi bạo lực diễn tiến độc lập với tiến trình chính trị. Người ta nghĩ, người ta hy vọng sau vụ trả tự do cho hai nhà lãnh đạo cao cấp Phong Trào Hồi Giáo Cứu Nước (FIS) và sau cái chết của một lãnh tụ nhóm Hồi Giáo vũ trang (GIA), cảnh nôi da xáo thịt dần dà chấm dứt. Người ta cũng ghi nhận chế độ quân phiệt sắp sửa đề nghị giao ước với Hồi Giáo: Quân đội giữ quyền hành, nhất là nguồn lợi dầu hỏa; Hồi Giáo có trách nhiệm văn hóa giáo dục.

Những những biến chuyển này cũng không thể dập tắt tàn bạo và người ta không thể giải thích tại sao bạo lực tồn tại một cách thông thường vì bạo lực không phải là một giai đoạn trong chiến trận giữa quân đội và Hồi Giáo. Có thể đưa ra một lối giải thích khác, sau bao năm nội chiến, một phần xã hội Algerie đã găng-tơ hóa. Ngoài hai diễn viên chính, còn có những vai phụ như các phe cánh Hồi Giáo với những lập trường khác nhau, những bè phái quân nhân, những người chỉ huy các toán dân quân tự vệ, những Thủ trưởng tự phong chúa tể địa phương. Tất cả các nhóm người này đều có mục đích riêng như nợ máu phải trả, nhiều việc mờ ám cần phải làm. Dùng bạo lực để che đậy hành động thô phi. Điều này thể hiện một chế độ thoái hóa, một chế độ độc tài tàn nhẫn nhưng không đủ khả năng kiểm soát bè phái của mình cũng như chấm dứt những hành động không kém tàn nhẫn của kẻ khủng bố nhân danh Hồi Giáo, của kẻ cướp núp dưới áo dân quân tự vệ.



Muốn thoát khỏi vòng lẩn quẩn, hai diễn viên chính phải từ bỏ chủ trương cực đoan. Giới quân nhân (khoảng 200 "gia đình") phải ngưng áp dụng sách lược tận diệt, một sách lược sai lầm từ trên nền tảng vì chối bỏ hòa hợp hòa giải. Và lại chủ trương tận diệt thiếu tính chất dân chủ và chỉ tồn tại ở những chế độ độc tài. Không thể tận diệt một cách dân chủ. Mặt Trận Hồi Giáo Cứu Quốc cũng phải công nhận ý thức hệ của mình có giới hạn, không mang lại công bằng xã hội. Mặt Trận phải tiến đến mục tiêu thành lập một lực lượng chính trị như những lực lượng chính trị khác, như thế phải chấp nhận chế độ đa đảng.

## ● CẬN ĐÔNG

### ■ Do thái - Palestine

Sáu năm sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt, không có một giải đáp nào cho các câu hỏi lớn ở Cận Đông. Chiến tranh tàn phá Iraq biến Iraq thành con mồi ngon cho Iran, Thổ Nhĩ Kỳ. Arabie Saoudite còn duy trì chế độ quân chủ chuyên chế, dân chủ hóa ở Kuwait, ở các Vương quốc vùng Vịnh còn nằm trong trí tưởng tượng. Hồi Giáo bảo thủ ăn rễ sâu tại Ai Cập, Liban, Jordanie. Cuối cùng Do Thái thu lợi nhiều nhất qua hai cuộc khủng hoảng trọng đại nhất năm 1991: chiến tranh vùng Vịnh bùng nổ và Liên Xô sụp đổ, Iraq thất trận không còn là kẻ thù đáng ngại, Liên Xô hỗn loạn thúc đẩy dân Do Thái trở về quê hương, giúp Do Thái thắng mặt trận dân số. Hai chiến thắng quyết định ấy rất rõ ràng cho đến đổi các chính phủ Do Thái kế tiếp luôn có thái độ cứng rắn. Các con điều hầu Do Thái có lúc nghĩ đến việc tống xuất tất cả dân Palestine ra khỏi nước, có lúc muốn tẩy xóa dấu vết Palestine trên toàn cõi Đại Do Thái.

Tuy nhiên, các biến cố bi thảm xảy ra từ 1986 đến 1997 tại cựu Liên Xô, Balkan, Caucase gợi lên một sự thật: người ta không thể bôi xóa một dân tộc. Ngay cả dân tộc Do Thái đã chứng minh bài học lịch sử. Một dân tộc lang thang khắp nơi sau 19 thế kỷ nay trở về quê hương một thời đã mất. Kinh nghiệm cay đắng này có thể giúp Do Thái sáng suốt hơn không? Do Thái có rút tía được bài học không?

Trong tất cả các chiến tranh liên chủng tộc, chiến tranh Do Thái - Palestine kéo dài hơn 100 năm là chiến tranh lâu dài nhất. Nếu như bản Tuyên ngôn Hoa Thịnh Đốn 13.9.1993 có thể đưa đến một nước Palestine có đủ chủ quyền thì chính phủ Rabin chỉ cho Palestine quyền tự trị không đáng kể: Vì vậy Arafat mất mặt, mất uy tín

trước dân Palestine. Họ thất vọng, tổn thương, sa ngã dưới sức cám dỗ của tổ chức Hồi Giáo cực đoan và khủng bố.

Trước khi ngã gục dưới họng súng của kẻ cuồng tín Do Thái, Rabin liên tục khuyến khích thành lập các khu di dân Do Thái, Thủ Tướng đương nhiệm tiến thêm một bước: Không công nhận Palestine. Phải chăng Tel-Aviv sửa soạn giao trả lãnh thổ chiếm đóng cho Arafat như thế? Cộng đồng quốc tế không làm gì tích cực. Hơn bao giờ hết, Mỹ làm ngơ trước thái độ vô trách nhiệm của chính phủ Do Thái. Sau hơn 100 năm tranh đấu, Do Thái chưa hiểu rằng giải pháp đón phượng dựa trên sức mạnh lúc nào cũng dẫn đến bế tắc. Các nước Ả Rập chưa hiểu rằng công nhận Do Thái là điều tối cần. Do Thái chưa thắng trận chiến cuối cùng, trận chiến hòa bình sau 5 lần chiến thắng. Không thể bắt buộc người ta phải chấp nhận hòa bình theo ý riêng của mình. Trong vấn đề hòa bình, phải cần đến người hợp tác, không phải kẻ thất trận.



Dưới mắt Hoa Thịnh Đốn, Do Thái đã mất tầm chiến lược quan trọng sau chiến tranh lạnh. Các nước Ả Rập không còn là mối đe dọa cho nền an ninh Do Thái. Bởi cảnh khu vực biến đổi sâu rộng sau chiến tranh Liban và chiến tranh vùng Vịnh. Do đó, hai danh từ cân xứng và công bằng được lập đi lập lại nhiều lần.

Trong công cuộc tìm giải pháp chấm dứt xung đột, một thỏa ước cân xứng mới có thể bảo đảm hòa bình. Nhưng cân cân quân sự đang nghiêng về phía Do Thái và sẽ tồn tại lâu dài trên phong cảnh chiến lược địa phương. Công bằng sẽ bảo đảm một nền hòa bình trường cửu, công bằng có nghĩa là bảo đảm an ninh cho nhau.

Người ta có thể tiếc nhưng không thể không biết đến một điều là an ninh luôn

ám ảnh Do Thái, an ninh như con đẻ của sự thông đồng Ả Rập chống Do Thái qua các chiến tranh, các vụ khủng bố. Nhưng Do Thái không nên sa vào bẫy đi tìm một nền an ninh tuyệt đối. Một nước Palestine vững chắc sẽ mang đến an ninh cho dân tộc Do Thái.

Sự hòa giải giữa hai dân tộc đều lệ thuộc vào mức độ nhân nhượng lẫn nhau. Nhưng hiện nay, các cuộc thảo luận chưa đề cập đến những bài toán phức tạp như đường vẽ ranh giới, số phận dân tỵ nạn Palestine, quy chế thành phố Jerusalem. Nói như thế để nói rằng một hiệp định tự nó chưa giải quyết một lần các vấn đề tranh cãi, nhưng chỉ cho phép đi thêm một bước, tạo cơ hội tốt cho các cuộc thảo luận kế tiếp.

Vùng Cận Đông, Do Thái, Palestine còn sống lâu trong tình trạng tạm bợ. Dù sao, các nhà lãnh đạo cũng phải mở đường đến hòa bình, cố gắng tìm giải pháp nào tốt nhất để đi đến hòa bình.

## ● Á ĐÔNG

Nói đến Á Đông, người ta mừng tượng ngay đến Viễn Đông thắng lợi nếu xét dưới khía cạnh phát triển. Người ta cũng dự đoán sang thế kỷ 21, Viễn Đông sẽ trở thành cực kinh tế thứ ba, khối chiến lược thứ ba bên cạnh Tây Âu, Bắc Mỹ, tạo nên thế chân vạc mới.

Kể từ chiến tranh thế giới lần II, các cuộc can thiệp vũ trang tại Triều Tiên, Việt Nam đã chặn đứng bước tấn công của khối Cộng Sản. Với "4 hiện đại hóa" tại Trung Quốc, với sự mở cửa thông ra bên ngoài tại Việt Nam, những người Cộng Sản Á Đông đã noi theo đức tính của cây tre, cong mình theo chiều gió. Bởi bài bản của họ không có chút giá trị gì, bởi thiếu phương tiện, sáng tạo, họ khẳng định "xây dựng xã hội chủ nghĩa" với phương tiện của khối tự do căn bản. Một công nhận thất bại.

Vì mãi lo tranh chấp quyền hành, xem dân chủ như điều gì quái lạ, vì chuyên chế độc tài, Cao Miên, Miến Điện, Bắc Hàn chưa thoát khỏi chậm tiến. Một số quốc gia chủ trương "độc tài sáng suốt", dân chủ kiểm soát" dẫn đến tình cảnh chính giới toa rập với giới kinh tài nắm gọn trong tay tài sản quốc gia, kiểm soát hệ thống ngân hàng, thao túng thị trường tài chính. Các nước này sống cao hơn khả năng của mình, đến lúc tính sổ không thanh toán nổi cả nợ lẫn lời. Các nhà đầu tư quốc tế nghi ngờ rút vốn, giới đầu tư thừa nước đục thả câu, tạo nên cơn khủng hoảng tiền tệ, chúng khoán bắt đầu từ mùa hè kéo dài đến nay chưa dứt, lây lan dây chuyền khắp

nổi trên thế giới. Mặt khác, Viễn Đông chưa đồng nhất, nước giàu quá, nước nghèo quá. Ấn Độ, Việt Nam còn đứng ở đầu đường phát triển, Pakistan mong manh vì thiếu bản sắc dân tộc, Nhật đầy đủ vật chất nhưng tinh thần sa sút.

Viễn Đông bị cuốn hút vào vòng giao thương quốc tế cùng lúc không tạo được một kiểu mẫu mở mang thích hợp với gia sản văn minh của mình, do đó bỏ xóa một phần nào phong thái đặc thù Viễn Đông. Uy lực vật chất tự nó là cứu cánh với giá phải trả quá đắt: xã hội hỗn độn, lãnh đạo lẫn lộn giữa phần thịnh vật chất với mở mang cân bằng dựa trên tự do dân chủ và phân chia đồng đều thành quả phát triển kinh tế. Sự phân tích tình hình một số nước sau đây đều theo cách nhìn trên.

### ■ Nam Hàn

Cuối năm 96 đầu năm 97, công nhân Nam Hàn biểu tình bạo động liên tiếp gây xôn xao trong các tầng lớp xã hội. Sở dĩ công nhân bất mãn là vì Quốc Hội thừa dịp đổi lập vắng mặt lên lút thông qua điều luật cho phép chủ hãng tự do sa thải công nhân vì lý do cạnh tranh kinh tế đồng thời tăng cường quyền hạn của cơ quan an ninh. Hình như Tổng Thống Kim Young-Sam muốn sử dụng những phương pháp của chế độ quân phiệt mà ông hằng đả kích. Giữa thời điểm thế giới hóa, Nam Hàn không còn cách nào hơn là thích ứng với sự cạnh tranh quốc tế. Nhưng dân Nam Hàn có thể chấp nhận cái tổ thị trường lao động nếu chính phủ công khai thảo luận dự luật một cách dân chủ.

Từ năm 1987 đến năm 1989, yêu sách xã hội tăng bội phần. Các hãng xưởng ký kết không biết bao nhiêu hợp đồng sản xuất nên đủ sức mua ổn định trật tự xã hội. Tiền lương công nhân tăng 15% mỗi năm, lương công nhân Nam Hàn bây giờ ngang bằng với lương công nhân Âu Châu, cao hơn lương công nhân Anh trên lãnh vực điện tử. Sau thời gian tăng nhanh vượt bực, nền sản xuất Nam Hàn đụng phải sự cạnh tranh ráo riết của sản phẩm Nhật sản xuất với giá rẻ tại Trung Quốc, Việt Nam. Để chống lại yêu sách tăng lương, giới chủ hãng gây ra áp lực buộc chính phủ cải tổ bộ luật lao động theo chiều hướng thuận lợi cho họ cùng lúc dời một số bộ phận sản xuất ra nước ngoài. Xuất cảng giảm, nhập cảng tăng, cán cân xuất nhập mất quân bình, trì trệ gây hoang mang trên toàn quốc.

Cảnh tượng Nam Hàn như báo trước những gì đang phục kích các "con rồng" khác. Đã từ lâu, Nam Hàn, Đài Loan, Hồng Kông phát triển mạnh nhờ vào chiến lược

xuất cảng. Nhưng từ 10 năm nay, các nước này phải đối phó với các nước đang mở mang khác như Thái Lan, Phi Luật Tân, Mã Lai Á, Nam Dương, Mỹ La-tinh, Đông Âu. Các nước sau cùng biến đổi lưỡng công nhân rẻ mạt thành những lợi thế so sánh.

Khủng hoảng Nam Hàn còn nêu lên một bài học quan trọng: một nền dân chủ phạm sai lầm vì cưỡng ép mọi người phải chấp nhận sự kiến trúc lại toàn bộ luật lao động mà không cần tìm cách thỏa thuận. Dân Nam Hàn thay đổi quá nhiều về mặt dân trí và từ đây khó mà cai trị nếu coi nhẹ quyền lợi, lo âu chính đáng của công dân.

### ■ Bắc Hàn

Thiên nhiên chắc chắn có phần trách nhiệm trong vụ khan hiếm thực phẩm tại Bắc Hàn. Nhưng nguyên nhân sâu xa thâm kịch nằm ở nơi khác, ngay trong chế độ Cộng Sản. Chế độ Staline cuối cùng, dù cho tuyên chiến với nạn đói bằng cách tung quân đội ra ruộng đồng giúp đỡ nông dân thực hiện "mùa gặt hái lớn nhất", không ai có thể nghĩ "đoàn kết quân dân" sẽ lật ngược tình thế. Bởi không phải một thất trận mà một hệ thống chính trị đã giết chết 18 triệu dân Liên Xô qua sách lược tập sản hóa dưới thời Staline hoặc 30 triệu dân Trung Quốc dưới triều đại Mao Trạch Đông. Một hệ thống bất lực trước sự sụp đổ của Liên Xô và sự tiến hóa của Trung Quốc dưới thời đại Đặng Tiểu Bình. Hệ thống này nay đang bỏ đói từ 500.000 đến 2 triệu dân Bắc Hàn, hàng tháng giết 10.000 trẻ con, mỗi ngày chỉ phát cho mỗi công dân 100g gạo.

Lệ thuộc vào hai đàn anh Liên Xô - Trung Quốc sau một thời gian dài về mặt thương mại, tài chánh, kỹ thuật, nguyên liệu, nông phẩm, nền kinh tế Bắc Hàn thụt lùi từ 10 năm nay. Khả năng hoạt động các cơ sở sản xuất chỉ đạt 30%, sản lượng quốc gia mỗi năm tụt (-) 3,6%, sản lượng kỹ nghệ (-) 8,9%. Nông dân lao động theo chỉ tiêu, muốn tránh trừng phạt phải lo lót cán bộ.

Nạn đói Bắc Hàn nêu lên 2 điều khó nghĩ, một cho chế độ, một cho cộng đồng quốc tế. Trong cả 2 trường hợp, dân Bắc Hàn đều là con tin. Khác với Trung Quốc, trước nhất cải tổ kinh tế, mở cửa thị trường, Bắc Hàn phải làm ngõ cho thị trường phát triển nhưng không vì thế mà cải tổ kinh tế. Mở cửa đón tiếp đầu tư quốc tế, xóa bỏ chế độ tập sản hóa là cơ may duy nhất thoát khỏi cảnh diệt vong. Nhưng nhờ cải tổ, dân Bắc Hàn sẽ biết hết sự thật về hiện tình đất nước, do đó có ý nghĩ so sánh đời sống vật chất tinh thần của họ với đời sống

vật chất tinh thần của các dân tộc khác. Từ đó đến hoài bão thoát khỏi vòng vây đói ngũ hóa, tẩy não từ lúc mới lọt lòng không xa lắm. Một chế độ chuyên bưng bít sự thật, chuyên luồn gạt, giả dối không bao giờ muốn điều này. Cải tổ kinh tế sẽ giết chết chế độ độc tài.

Cộng đồng quốc tế tiến thối lưỡng nan về mặt đạo lý. Viện trợ nhân đạo lệ thuộc chính trị? Hoa Thịnh Đốn, Hán Thành sử dụng viện trợ nhân đạo như đòn bẩy dẫn Bình Nhưỡng đến bàn hội nghị 4 bên (Mỹ, Trung Quốc, Nam-Bắc Hàn) để tìm một hệ thống ổn định trật tự thay thế Hiệp ước đình chiến 1953. Viện trợ nhỏ giọt nhằm lôi đầu Bắc Hàn lên khỏi mực nước đồng thời treo giá ngọc trước đảng Cộng Sản. Người ta tự hỏi vấn đề đầu trí bí hiểm giữa chế độ đang hồi tuyệt vọng và các nhà chiến lược xếp đặt con cờ ngoại giao theo lý trí tiếp tục đến bao giờ mà không bắt buộc dân Bắc Hàn phải trả giá quá đắt?

### ■ Nhật

Giữa năm 97, hai thảm kịch chiếm trang đầu các tờ báo xuất bản tại Đông Kinh: một trẻ vị thành niên bị bắt vì tội giết bạn cất đầu, một Phó Giám đốc Ngân hàng lớn số 2 tự tử vì dính dáng đến vụ đồng tiền trả nước cho nhóm tổng tiền để dễ dàng kiểm soát hội đồng cổ phần viên. Hai thảm kịch ngẫu nhiên xảy ra cùng một lúc hé lộ cho thấy xã hội, tâm lý Nhật đã biến chuyển sâu rộng từ 50 năm nay.

Phó Giám đốc Ngân hàng, 67 tuổi, đại diện thế hệ trước được giáo dục theo tinh thần tôn trọng giá trị văn hóa truyền thống nhất là giá trị đảm nhận trách nhiệm. Cá nhân đến tội bằng cái chết để phục hồi danh dự. Trẻ sát nhân, 14 tuổi, lớn lên trong một xã hội khác, xã hội của nước Nhật thịnh vượng luôn vươn mình đến thành công, nhưng ý niệm đời sống là gì, định hướng dẫn dắt cuộc sống như thế nào rất lơ mơ. Động cơ thúc đẩy trẻ có hành động mất trí không rõ ràng ngoài việc trả thù xã hội và hệ thống giáo dục đôi phần khe khắt. Dù sao đi nữa, vụ giết người dã man là một triệu chứng mới của mỗi bản khoán đang lan tỏa trong giới trẻ Nhật. Một ray rứt dẫn đến sa lầy thuộc cá nhân trong trường hợp này, thuộc tập thể trong trường hợp giáo phái AUM. Kết tội ảnh hưởng của phim hoạt họa kinh dị, của bộ phim Mỹ Zodiac Killer chỉ là một lối giải thích.

Trường học mang trách nhiệm nhiều hơn phim ảnh chăng? Nhật không thể bước ngang qua cửa phần vinh và giữ một chỗ ngồi xứng đáng trên sân khấu quốc tế nếu Nhật không có những đức tính như kỷ luật, không có một hệ thống tổ chức xã hội

tốt, không thừa hưởng gia sản văn minh văn hóa đặc biệt. Hệ thống giáo dục hiện đại, biểu hiện những đức tính nêu trên là phần tử quan trọng nhất trong công cuộc phục hưng đất nước. Nhưng bây giờ, hệ thống giáo dục ấy trở nên cằn cỗi, không thích hợp với một xã hội sâu xa thay đổi. Phần lớn học sinh không ưa thích kỷ luật tập thể, một hệ thống giáo dục đón điệu khuyến khích thời cơ chủ nghĩa. Giới trẻ càng ghét cay ghét đắng điều gọi là định luật Darwin, một sự chọn lọc tự nhiên, kẻ mạnh tất thắng, kẻ yếu tất bại thể hiện qua ảnh thành công bằng mọi giá.

Nhật đã thay đổi. Nhưng dưới mắt giới trẻ, thế giới của cha anh không tốt đẹp như mơ tưởng. Tiền bạc, tai tiếng, thành công và thành công nếu cần bước qua thân xác kẻ khác tạo nên một kiểu mẫu trướng bày. Tại các trường học, người ta còn áp dụng kỷ luật của thời đại cổ xưa, đội ngũ hóa, sinh hoạt tập thể, đồng phục và ở một vài trường học còn sử dụng hình phạt thân thể. Trường học trở nên môi trường thù địch.

Tự cảm thấy mất hết giá trị vì không theo kịp nhịp điệu bước đều dồn dập, học sinh bộc lộ giận dữ và nổi loạn. Tuy nhiên hệ thống giáo dục chỉ chịu một phần trách nhiệm. Còn phải kể đến trách nhiệm của phụ huynh chệnh mảng trong việc giáo dục con em.

Dù ghé rợn đến đâu, vụ giết bạn ở Kobe là một trường hợp ngoại lệ. Nhưng nó chúng tôi giới trẻ Nhật đang trôi nổi không mục đích, không chỉ hướng. Nó còn đặt ra vấn đề xét lại đạo đức, nhân phẩm của cha anh. Sự nổi loạn đến độ điên rồ của trẻ vị thành niên vang lên như tiếng kêu cô chiếc tuyệt vọng.

### ■ Cao Miên



Sẽ trở về dĩ vãng quá quen thuộc lổm đổm chiến tranh và tàn sát? Biển cố xảy ra đầu tháng 7.97 với những vụ giết người cướp của, với những vụ mất tích cho thấy mối lo ngại không phải không có căn cứ.

Tuy nhiên, nếu nhìn kỹ tình hình, người ta có thể dự đoán người hùng Hun Sen sẽ thiết lập một chế độ có phong cách quân thuộc ở địa phương sau khi đánh bại đối thủ ông Hoàng Ranaridd: một quyền hành pháp mạnh, một quyền lập pháp yếu và cứ mỗi vài năm một lần, một tổng tuyển cử ít nhiều gian lận. Từ 3 thập niên, các tổ chức chính trị giống nhau như đúc này đã liên tục cầm quyền Nam Dương, Mã Lai Á, Tân Gia Ba v.v...

Thật sự, nghèo đói, quá khứ vẫn còn ám ảnh Cao Miên. Mức sống trung bình người dân bằng 1/4 mức sống dân Nam Dương, 1/5 dân Mã Lai Á, 1/100 dân Tân Gia Ba. Cụ thể, mức sống dân Cao Miên bằng mức sống dân Nam Dương lúc Nam Dương bắt đầu phát triển sau vụ đảo chánh hụt với hậu quả 500.000 đảng viên Cộng Sản chết hoặc mất tích. Từ đó đến nay, Nam Dương theo "chế độ dân chủ nhà nước". Mọi sinh hoạt đều phải theo quy luật chặt chẽ do đảng cầm quyền đề ra.

Trước tình hình chính trị xã hội kinh tế đen tối, mọi chính phủ Cao Miên nào cũng phải thực hiện 3 điều thỏa hiệp để bảo đảm trật tự hòa bình, bước sang thời kỳ phát triển: thỏa hiệp với Quốc Trưởng Sihanouk, người bảo đảm thể chế và được quốc tế công nhận, thỏa ước với Asean, chia khóa hội nhập thế giới, thỏa hiệp với các tổ chức viện trợ, cho vay như Ngân hàng thế giới, quỹ tiền tệ quốc tế, với các nước Nhật, Âu-Mỹ.

Muốn tránh khỏi sa lầy kiểu Miến Điện, Hun Sen phải sử dụng khả năng của các chuyên viên khoa học kỹ thuật để phục hưng nền kinh tế. Một việc làm cấp bách vì sau hiệp định Ba Lê 1991, nhiều phe cánh vũ trang, tham nhũng, buôn lậu dù loại bỏ rút đất nước. Cao Miên không phải Miến

Điện. Hơn 100 tổ chức phi chính phủ cũng như các tổ chức Liên Hiệp Quốc (Ủy ban Đặc trách Văn hóa Giáo dục Kỹ thuật UNESCO, Ủy ban Bảo vệ Trẻ con UNICEF, Tổ chức Y tế Thế giới OMS) đang hoạt động tích cực tại Nam Vang. Dù muốn, Hun Sen không dám lộ bản chất Cộng Sản và trong giai đoạn đầu, Hun Sen sẽ thuyết phục quốc tế bằng khẩu hiệu ưu tiên cho hòa bình, tôn trọng Hiến Pháp. Điều còn rơi rớt lại

là chính giới Cao Miên sẽ chọn lựa kiểu mẫu Á Đông nào tiện lợi cho họ. Người ta dám đánh cá Cao Miên sẽ theo con đường Nam Dương, không phải con đường Miến Điện.

### ■ Việt Nam

Bởi nhờ đến thẩm mỹ viện "Tòa Đại Sứ Mỹ" căng da, sửa mắt, sửa mũi, gương mặt Việt Nam Cộng Sản năm nay có phần tươi sáng hơn năm qua, tuy nhiên vẫn còn giữ nhiều nếp nhăn, nhiều vết rỗ thể hiện chính sách mập mờ đối với Việt kiều, cuộc mặc cả thay đổi lớp người lãnh đạo và cuộc khủng hoảng xã hội.

Sau năm 1975, chế độ Cộng Sản lâm vào cảnh khó khăn tột bực. Cộng đồng quốc tế tẩy chay. Hình ảnh hàng triệu người sống chết vượt biên, hàng trăm ngàn người sống lây lất trên các "quần đảo ngục tù" đã gây một luồng cảm phẫn trong lương tâm nhân loại. Một thời, Nguyễn Có Thạch chầu chực tại Nữu Ước nhưng chẳng đi đến đâu. Thất sủng ở Bắc Kinh, Hà Nội rút lui về Mạc Tư Khoa. Cuộc xâm lăng Cao Miên song song với chiến tranh biên giới Hoa-Việt đã giới hạn tầm hoạt động của đảng Cộng Sản. Sự bình thường hóa với Mỹ bắt đầu từ năm 1994. Mỹ bãi bỏ lệnh cấm vận và công nhận chế độ Hà Nội năm 1995. Tám năm sau bức tường Bá Linh sụp đổ, 7 năm sau Boris Eltsine thanh toán đảng Cộng Sản Liên Xô, Mỹ-Việt đề huề trao đổi Đại Sứ.

Ai cũng phải công nhận Hà Nội đạt thắng lợi lớn qua cuộc bang giao với Hoa Thịnh Đốn. Nhưng bang giao theo điều kiện của Mỹ và Hà Nội phải trả một giá khá đắt. Ví dụ như Hà Nội phải lên tiếng trước, lúc hối thúc, lúc cầu nài "tích cực ủng hộ sự hiện diện của quân lực Mỹ ở khu vực" (theo Đô Đốc Joseph Prueher, Tư Lệnh Lực Lượng Mỹ ở Thái Bình Dương), ép bụng trả cho Mỹ 146 triệu đô-la nợ cũ của Việt Nam Cộng Hòa, gay go nhất là ký kết Hiệp ước Thương mại trong đó có điều khoản quy định bảo vệ tác quyền phát minh sáng chế.

Ai cũng biết trong giai đoạn đầu, cuộc cách mạng kỹ nghệ đều dựa vào sự bắt chước trên phương diện sản xuất. Các nước như Ấn Độ, Trung Quốc, Nam Hàn, Tunisie, Maroc phát triển nhanh nhờ quy mô bắt chước và làm hàng hóa giả mạo. Trong tương lai, chắc chắn Mỹ sẽ sử dụng điều khoản bảo vệ tác quyền, ngoài vấn đề nhân quyền, để bắt bớ Hà Nội. Mặt khác, đối với Mỹ, Việt Nam Cộng Sản trước sau chỉ là một nước nhỏ, nghèo có ảnh hưởng không đáng kể nếu so với Trung Quốc. Rồi đây chính phủ Mỹ sẽ ưu ái con "rồng lớn" hơn con "rồng nhỏ". Ngược lại, Hà Nội muốn tiến ngay lên hàng đầu trong các cuộc thương lượng nhất là thương mại, muốn hưởng ngay điều khoản "quốc gia ưu tiên" (Hà Nội gọi: tối huệ quốc), gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới

(theo lời tuyên bố nhậm chức của Chủ tịch Trần Đức Lương).

Biểu tượng của một trang sử dữ dội đã chấm dứt, sự có mặt của Đại Sứ Peter Peterson tại Việt Nam Cộng Sản dường như mở sang một trang sử mới, nhưng chưa biết phải gọi trang sử ấy là trang sử gì?



Chủ tịch nhà nước Trần Đức Lương

Chế độ Cộng Sản kêu gọi, "động viên đến mức cao nhất sức mạnh trí tuệ, tinh thần, vật chất của Việt kiều" (Thủ Tướng Phan Văn Khải) cùng lúc thực thi sách lược nước đôi nhập nhằng. Vào tháng 7.97, có quan công an bắt giữ điều tra Nguyễn Trung Trực, người Úc gốc Việt, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Peregrine trụ sở đặt tại Hồng Kông, giữ giấy thông hành của vợ Trực, người Mã Lai Á, cả hai vì tội "ngụy tạo hồ sơ trốn thuế".

Dù kết quả điều tra như thế nào, vụ Trực phơi bày rõ ràng một trong những muôn mặt của một thời sự quan trọng: Sự hợp tác Cộng Sản + Người Việt tỵ nạn. Theo Phan Khắc Lãm, Phó Giám đốc Ủy ban Việt kiều Trung ương, Việt kiều song tịch không phải là người ngoại quốc. Như thể chế độ xem Việt kiều song tịch như người Việt chính hiệu. Nói cách khác, người tỵ nạn song tịch phải có "bốn phận, nghĩa vụ đối với quốc gia, nhưng không vì thế mà hưởng quyền lợi như người Việt đang sống trong nước" (Theo báo Saigon Times Weekly).

Không ai không nhận thấy ngoài áp lực pháp lý, chế độ Cộng Sản còn mở thêm mặt trận văn hóa, chia mũi tấn công vào khối người Việt tự do. Điển hình như rêu rao quảng cáo "giao lưu văn hóa" tung các đoàn văn nghệ lưu diễn nhiều nơi ở Âu Châu nhằm ru ngủ tinh thần chống Cộng. Gần đây nhất, có quan tuyên truyền Cộng Sản quyến rũ kẻ nhà sản xuất phim Video, kẻ nhà văn nổi tiếng "tiếp tay nối giáo cho kẻ thù, bêu xấu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, bôi tro trét trấu tôn giáo, lợi dụng uy

tín, đạo đức của người tu hành như để "cầu chú" báng hiệu.

Vào cuối năm 96, báo Wall Street Journal, phụ bản Á Châu đăng tải bài phỏng vấn Võ Văn Kiệt trong đó có đoạn "nên chú ý đến tình hình năm 97". Vì năm 96 là năm chính trị trụ xung quanh Đại Hội Đảng lần 8, lời tuyên bố trên không đặt ra bao nhiêu nghi vấn. Võ Văn Kiệt còn nhấn mạnh đến "ổn định trật tự". Có thể suy ra gia đình Cộng Sản tự nhận có đủ mưu chước, phương cách giữ độc quyền. Cho dù bất đồng nội bộ, tham nhũng còn tồn tại, đối với đảng, bản tổng kết xem như "đạt yêu cầu" cho phép đảng kiểm soát sự thay đổi lãnh đạo, đưa ra lớp người mới tương đối trẻ hơn như Trần Đức Lương 60



Thủ tướng Phan Văn Khải

tuổi, Phan Văn Khải 64 tuổi thay thế Lê Đức Anh 78 tuổi, Võ Văn Kiệt 73 tuổi. Bộ Chính Trị chưa đề cử ai thay thế Đỗ Mười 80 tuổi. Giới quan sát dự đoán Lê Khả Phiêu 65 tuổi sẽ giữ chức vụ Tổng Bí Thư. Như vậy, người ta tạo thế cân bằng giữa địa phương (Khải miền Nam, Lương miền Trung, Phiêu miền Bắc) và phe cánh (Khải cải tổ, Lương lưng chừng, Phiêu bảo thủ). Lương được đề bạt vì người ta không phân định ai thắng ai thua trong cuộc tranh chấp giữa những kẻ ủng hộ Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và Bộ trưởng Quốc phòng Đoàn Khuê.

Sự thay đổi lãnh đạo là mặt nổi của mưu kế diễn vở kịch cũ "tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với nhà nước" (Trần Đức Lương). Những người bảo thủ mặt sắt chuyên lo phá chế độ đại nghị xem đấu tranh vũ trang như tất cả cuộc đời nhưng dốt đặc cán mai về hành chánh kinh tế còn tiếp tục khống chế cơ quan cai trị đầu não. Trong lúc mà ở các nước Đông Âu và ở Nga dưới một mức độ thấp hơn, người ta

tự hỏi phải làm thế nào để từ bỏ những mâu thuẫn tự tại, những thế thúc cai trị, những lề lối làm việc của Chủ Nghĩa Cộng Sản thì tại Việt Nam, tập đoàn lãnh đạo ra sức tồn lực giữ lại các mâu thuẫn, thế thúc, lề lối ấy.

Nhiều nguyên nhân thúc đẩy Bộ Chính Trị thay đổi chiến lược, đưa ra lớp người lột bỏ "áo lãnh tụ" mặc vào bộ Âu phục, thoải mái trước chồng hồ sơ chuyên môn, tinh vi khôn khéo trong sự tiếp xúc với xã hội.

**Nguyên nhân I.** Sau khi đồng minh chính yếu Liên Xô thất bại, nhóm lãnh tụ dựa vào sách lược "đổi mới" để sống sót. Sau chiến tranh lạnh, họ thành công gia nhập quốc tế qua sự thừa nhận của Asean-Mỹ, nhưng không vì thế mà quyền lực của họ sút mẻ. Gần đây, họ gởi một số cán bộ trẻ du học ở khối Tây phương với mục tiêu kết hợp khả năng với trung thành chính trị. Chế độ Cộng Sản còn khích lệ "tư bản đỏ" bằng cách nhượng cổ phần nhà nước cho thân bằng quyến thuộc. Cuối cùng, gia đình Cộng Sản biến thành gia đình kinh tài, con buôn trực lợi. Số tân triệu phú đô-la không ai khác hơn là các lãnh tụ cao cấp.

**Nguyên nhân II.** Cải tổ kinh tế mang lại ít nhiều thành quả. Tại Đông Nam Á cũng như các nơi khác, tỷ lệ phát triển trên dưới 10% xem như một bảo đảm ổn định chính trị. Món ăn dư thừa sau yến tiệc còn quá nhiều cho người ở. Tại Việt Nam Cộng Sản, lợi tức thường niên mỗi đầu người 300 đô-la, tiền lương công nhân các Công ty hợp doanh với nước ngoài 45 đô-la như "của Trời cho". Nhưng cao trào quan liêu, thái độ lẩn lữa của Đảng Cộng Sản làm cho các nhà đầu tư quốc tế chán nản. Những dấu hiệu xuất phát từ Hà Nội gây cảm tưởng như chế độ không biết phải làm gì ngoài việc thờ phụng đô-la. Do đó, trong 6 tháng đầu năm 97, đầu tư giảm 23%. Một số lãnh vực như dầu khí, khách sạn trước đây hấp dẫn bây giờ bết linh nghiệm. (Báo Thanh Niên). Hơn nữa, nền kinh tế Việt Nam Cộng Sản đang ở cảnh hưởng nửa chừng giữa nền kinh tế tập trung xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế tiền tư bản. Từ nền kinh tế tập trung, nền kinh tế Việt Nam giữ lại hệ thống quản lý tồi, tật xấu báo cáo láo, khinh thường người tiêu dùng. Vì ở ngay điểm tiền tư bản, nền kinh tế Việt Nam bộc lộ hỗn độn, bất công bất bình trong các tầng lớp xã hội.

Đảng Cộng Sản tin chắc tiền bạc đã vô hiệu hóa mầm mống rối loạn. Nhưng tiền bạc lũng đoạn xã hội, xâm phạm thuần phong mỹ tục, Đảng chuyên tâm vét, còn đâu thời giờ thảo kế hoạch nâng

cao mức sống người dân, phát huy đời sống văn hóa đạo đức. Giới trẻ bỏ võ không biết nương tựa vào đâu, vào ai, cuối cùng ăn chơi hút sách. Học sinh vì muốn đạt lấy mảnh bằng như cửa phải bước qua tiền đến giàu sang nên mua đề thi. Giáo viên, giáo sư bị nhà nước bỏ quên nên phải hành nghề tay trái. Cán bộ các cấp nhìn thấy bạc anh, bạc thầy ngồi trên đồng tiền ketch sù, bắt chước đua đòi, cấu kết với con buôn buôn lậu hàng điện tử (Công ty Trường Sanh tại Sài Gòn), làm tay sai cho đường dây buôn lậu ma túy quốc tế (vụ Vũ Xuân Trường). Dân quên bị cướp sức lao động, dân thành thị nào không thể lực, không biết bon chen, luồn cúi, tìm bùa phép đúng chỗ phải đúng bên lẽ phát triển. Vô hình chung, Đảng chia đôi đất nước về mặt xã hội cũng như bức tường vô hình chia cách giới làm tiền với giới cùng đing.

**Nguyên nhân III.** Thời kỳ sau 75 hao hao như một triều đại quân chủ hiện đại. Nếu như Vua tuyệt đối nắm giữ quyền hành, rút tĩa quyền lực, uy tín từ cách xử với xã hội thì sự trừng phạt phát sinh từ phía thần dân. Giới nông dân Việt Nam chiếm 80% trên tổng số 77 triệu dân nổi loạn khi họ gặp khó khăn tột độ. Đảng Cộng Sản tin tưởng làm chủ tình hình nhờ vào khả năng tay trái thu về những gì tay phải buông ra, nhờ dựa vào chiến lược toàn cầu của quốc tế, của Mỹ, chiến lược hợp tác hòa hoãn với Hà Nội. Vì thế, Đảng khẳng định trước mắt môi trường chính trị xã hội không thông báo một xáo trộn nào khả dĩ gây bất lợi cho chế độ. Nhưng Đảng Cộng Sản không ngờ vụ Thái Bình bộc phát. Nông dân biểu tình bắn ra Thông điệp trừng phạt nhà Vua, đá phá chế độ phong kiến kiểu mới, phản kháng giai cấp chuyên chính "hữu sản". Tuy chưa lan rộng trên toàn quốc, vụ này làm Đảng nơm nớp lo sợ. Người dân không chấp nhận sống đau khổ mãi trong thẳm lạng. Có ổn định khi nào có công bằng và ổn định trật tự lý tưởng của người dân đều phụ thuộc vào hạnh phúc của họ.

Bên trong, hạ tầng cơ sở chống bạo quyền, ngọn lửa đấu tranh hòa bình do tôn giáo nhen nhúm còn âm ỉ cháy hợp với lời củng của khối người Việt Tự Do bên ngoài gây áp lực buộc Đảng phải cởi mở chính trị đúng nghĩa của nó, không phải cởi mở suông trong hàng ngũ đảng viên như Phạm Văn Đồng vừa gợi ý.

Trầm trọng không kém là tham nhũng. Tham nhũng giữ vai trò giữa khung cán bộ và xã hội, giữa khung cán bộ và cải tổ kinh tế. Cán bộ không đủ sức thực hiện hoặc chặn đứng cải tổ. Nhưng họ lợi dụng quyền thế để treo giá. Vấn đề lớn không phải là

làm thế nào để mua chuộc họ mà phải nộp cho họ những gì họ đòi hỏi. Về mặt xã hội, đạo đức, tham nhũng đã đánh thẳng vào tâm điểm cải tổ kinh tế. Nói rõ ràng hơn, người ta thấy xuất hiện điều gọi là "hình thức tư bản" kết hợp chủ nghĩa kinh tế nhà nước với chủ nghĩa thời cổ. Cán bộ lớn, con em họ thành lập hoặc kiểm soát các cơ sở sản xuất, kinh tài. Chủ yếu, cán bộ sử dụng thế lực để "cài thiện" địa vị của họ với thói quen ra lệnh không được cãi lệnh. Tình thế trở nên lỏng lẻo giống như hình ảnh một cuộc cải tổ kinh tế thất thường, hỗn độn.



Chủ tịch QH. Nông Đức Mạnh

Tình hình Việt Nam Cộng Sản năm nay nêu lên một câu hỏi duy nhất: Tương lai của Đảng Cộng Sản sẽ ra sao? Vô trật tự kinh tế, bất mãn xã hội, tranh chấp nội bộ phân chia ghế ngồi, phong cảnh chính trị thật sự không ổn định như Đảng mong muốn, như báo trước những ngày mai nguy hiểm.

Tự nó, những bài toán nêu trên không phải không có giải đáp với điều kiện xem như nắm chắc mãi trong tay những gì do cưỡng ép mà có được: Sức chịu đựng, sự nhẫn nại của công dân. Ngoài ra, còn phải kể đến những biến chuyển về mặt tâm lý, tư tưởng. Sự tiếp xúc với bên ngoài, sự loan truyền ý niệm tự do dân chủ trong giới trẻ, luôn cả trong hàng ngũ cán bộ, đảng viên qua hệ thống truyền tin truyền hình hiện đại sẽ tăng thêm bội phần rối rắm. Điều này sẽ phá vỡ vách ngăn kín giữa lãnh vực kinh tế và lãnh vực chính trị, giữa tự do và độc tài, giữa chuyên chế và dân chủ.

Sâu xa hơn hết là thất vọng đang phủ lên đầu người dân thấp cổ bé miệng. Sau hơn 20 năm nghèo đói, mọi người đều ao ước có một đời sống tinh thần vật chất tương đối đầy đủ. Và lại, chế độ hiện hành là một chế độ bất chính. Người dân không thể chịu đựng mãi một quyền lực chính trị co dùm bảo thủ, một ý thức hệ ngoại lai lệch lạc hóa đá.

Tóm lại, về mặt xã hội, tư tưởng, đạo đức, Việt Nam Cộng Sản năm 97 đứng là bãi sa mạc. Trong tình huống luật rừng của kẻ mạnh, cá lớn nuốt cá bé, Đảng Cộng Sản gọi lên 2 điều không tốt đẹp.

Điều thứ nhất thuộc địa hạt chính trị. Trong lúc quốc gia đang cần một luồng sinh khí mới thì Đảng Cộng Sản đặt ưu tiên trên việc phân chia cổ phần, trên những nền tảng phi lý vô nghĩa từng dẫn đến thất bại với giá phải trả quá đắt: Bất công đầy dẫy, hàng loạt ảo vọng và thất vọng.

Điều thứ hai là sự phân tích dự đoán toàn bộ nêu rõ sự xung khắc giữa một quá khứ tê liệt và một hiện tại đang thay đổi khó kiểm soát lỏng trong bối cảnh xã hội thoái hóa, ý thức hệ mất giá và chính trị không kiến hiệu.

Tất cả những điều bấp bênh này đang nặng trĩu đè lên tương lai của Đảng Cộng Sản đồng thời mang lại hy vọng cho Cộng Đồng Người Việt Tự Do.

## ■ Trung Quốc

Một thời, Nã Phá Luân đệ I mở miệng: "Khi Trung Quốc tỉnh giấc". Bây giờ, Trung Quốc tỉnh giấc. Trung Quốc trở mình từ đầu thế kỷ 20 lúc triều đình Mãn Thanh sụp đổ, khi nền Cộng Hòa Tôn Dật Tiên chào đời, giữ lòng giữ cánh qua cuộc Vạn Lý Trường Chinh. Trung Quốc của Mao Trạch Đông gây kinh ngạc cho thế giới với chủ trương "bình đẳng điên cuồng", với biến người ngoan ngoãn như đoàn cừ non, với cuộc Cách mạng Văn hóa phá đổ văn hóa. Gần đây, Trung Quốc từ bỏ đồng phục xanh bạc màu, đứng lên sau lưng Đặng Tiểu Bình mở rộng cửa đón tiếp thế giới bên ngoài sau bao năm sống bí mật trong Cẩm thành, khai sinh một biến cố lớn vào cuối thế kỷ 20.

"Khi Trung Quốc tỉnh giấc, toàn thể thế giới đều run sợ", lời nói này minh họa một sự liên tục lâu đời, một sự kiện hiển nhiên: Vào một ngày nào đó, một sức mạnh kinh khủng thoát lên từ một chảo nước sôi to lớn. Ngày đó đã đến chăng? Dù sao, năm 97 là năm của Trung Quốc. Khoảnh khắc hằng trông đợi đến đúng lúc cho Bắc Kinh phục hồi chủ quyền trên Hoàng Cáng (Hong Kong), xóa bỏ mối nhục do chiến tranh nha chiến gây ra và nhân tiện đặt để quyền lực trên một tù sắt đầy bạc.

Thế nhưng Hoàng Cáng trở về dưới trướng Bắc Kinh nêu lên hai loại nguy hiểm trên hai khía cạnh:

1. Lây lang xuất phát từ một xã hội tương đối dân chủ, nơi mà cá nhân có ưu tiên hơn tập thể, mọi người đều có thể tự

do phát biểu quan điểm lập trường trên cơ quan ngôn luận.

2. Khẩu hiệu "một quốc gia, hai thể chế" có thể là một liều thuốc bổ cho một xã hội luôn chịu áp bức dưới một chế độ độc đảng trị nguyên khối hoặc một liều thuốc độc cho những "tân triệu phú, tỉ phú đô".

Ngay từ lúc này, dựa vào những dấu hiệu khác nhau, người ta nhận thấy trong ngắn hạn, Bắc Kinh sẽ e sợ trước những yêu sách không thể tránh được. Những vùng phát triển mạnh sẽ nêu lên tiền lệ Hương Cảng, đặt vấn đề tự quản. Trước mắt, sách lược của Bắc Kinh đối với các vùng có thể sa vào sức lôi cuốn của Hương Cảng là xác nhận quyền lực trung ương hầu tránh sa lầy. Nhưng hãy còn sớm để nhận định đúng mức thái độ của Bắc Kinh như thế nào. Phải chăng Bắc Kinh xem chế độ liên bang không phải điều gì khác hơn là bóng ma báo hiệu chế độ Cộng Sản sẽ diệt vong? Một mối rối khó gỡ vì đã từ lâu, Bắc Kinh đã đặt ra phương trình tính nhằm giữa tự trị và cởi mở chính trị. Trước điều gọi là Hương Cảng hóa các vùng đang mở mang, chắc chắn Bắc Kinh sẽ sợ hãi nhìn thấy yêu sách dân chủ xuất hiện trước sự bất đồng ý kiến nào đó, vấn đề quản lý kinh tế chẳng hạn. Một mối nguy khác đang rình rập chế độ: Vấn đề ngoại giao mong manh dính liền với sự thu hồi chủ quyền trên đảo, có thể là một bài toán hắc búa, càng hắc búa hơn với sự tham dự của các cơ quan hành chính Hoa Lục nhất là cơ quan hành chính Quảng Đông. Dân Quảng Đông từng hợp tác kháng khí với Hương Cảng, bảo đảm phần lớn nền xuất cảng của cựu thuộc địa Anh, đương nhiên tự nhận có ưu tiên đặc biệt giữa Hội đồng các nhà quản lý Hương Cảng từ Hoa Lục đến. Điều này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nền tảng chính trị Trung Quốc: Cân nặng của các vùng, các địa phương. Trong quá khứ, cân nặng này được đo lường qua khối dân số. Ví dụ, Tổng Đốc vùng đông dân cư có quyền thế hơn Tổng Đốc vùng dân cư thưa thớt. Thời nay, ảnh hưởng chính trị thoát ra từ tầm vóc kinh tế: 80 - 100 triệu dân Quảng Đông cân nặng hơn 80 - 100 triệu dân vùng Bắc sông Dương Tử với lợi tức 3 - 5 lần thấp hơn. Vì vậy, ý tưởng những gì tốt cho Hương Cảng tại sao không tốt cho Hoa Lục là con dao hai lưỡi, vừa là một cần thiết kinh tế, vừa là một quả bom nổ chậm do Anh đặt lại.

Sự trở về của Hương Cảng còn chứng minh cho Cộng đồng Hoa kiều biết lòng trung đối với đế quốc là bốn phận đời đời, dù người ta ở đâu, ở Tân Gia Ba, Đài Loan, Vọng Các hoặc ở Hà Nội, Sài Gòn. Như đã đoán trước, các nhà lãnh đạo Trung Quốc

long trọng tuyên bố "Sự thống nhất đất nước, không chỉ khu trú tại Hương Cảng". Chuyến xe tốc hành Bắc Kinh sẽ dừng lại tại ga Đài Bắc. Bài toán bề ngoài đơn giản bề trong rắc rối bởi Hương Cảng là mối nhục cho toàn thể nhân dân Trung Quốc, Đài Loan là một xúc phạm riêng cho Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Khác với Hương Cảng, Đài Loan dựa vào truyền thống quốc gia và trên nền tảng ấy, Đài Loan thành lập một quốc gia độc lập từng giữ ghế Thường Trực tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc trước khi quốc tế quay sang ủng hộ Bắc Kinh. Sau đó, sự dân chủ hóa Đài Loan lỗi theo chủ nghĩa quốc gia dân tộc bản địa do những nhà lãnh đạo Đài Loan chính gốc chủ xướng. Nhưng không vì thế mà Đài Loan không có một bản sắc riêng biệt về mặt chính trị văn hóa. Không thể so sánh Đài Loan với Hương Cảng.



Đài Loan không bao giờ muốn tự trị dưới mắt dòm ngó của chế độ Hoa Lục. Bắc Kinh phải làm để cưỡng ép Đài Bắc? Chiến lược tán tỉnh hoặc huy hiếp không đem lại kết quả mong muốn. Một cuộc chinh phục vũ trang không thể có vì Mỹ án ngữ. Chỉ còn cách bao vây ngoại giao kinh tế. Trước nhất, Bắc Kinh quấy nhiễu ngoại giao để làm nản lòng những nước nào còn bang giao với Đài Bắc. Trong cuộc tấn công này, Hương Cảng trở nên lá bài chủ. Nam Phi của Mandela đã từ già câu lạc bộ các người bạn của Đài Loan, giữ lại Tòa Lãnh Sự ở Hương Cảng. Các đại diện Panama, Uruguay đang chịu áp bức.

Trong chiến tranh giành giật bạn hàng, những lý lẽ "kêu vang nhiều cân lượng" có tính chất quyết định. Trung Quốc nắm lợi thế không thể so sánh khi giữ chìa khóa kết bạc Hương Cảng.

Mặt trận thứ hai, mặt trận kinh tế. Các nhà kinh tài, kỹ nghệ Đài Loan mang vốn quá lớn đầu tư tại Hoa Lục, như thế trở thành con chốt cho Trung Quốc mặc tình điều động như Tổng Thống Lý Đăng Huy vừa lên tiếng báo động. Bắc Kinh dự đoán Đài Loan sẽ rụng như quả chín muối. Nhưng điều thuận lý này có kẻ hồ vì nó đặt nền tảng trên sự hội nhập ngành của Hương Cảng. Một sự quản lý lộn xộn sẽ làm cho quốc tế nghi kỵ cùng lúc tăng cường phong trào chống Cộng tại Đài Loan.

Năm của Trung Quốc là năm chấm dứt thời đại Đặng Tiểu Bình, một "Hoàng đế vô hình trị vì như một bóng ma". Các nhà kế nghiệp có tuổi trung bình khá cao, sự kế vị chưa vững chắc cho dù Giang Trạch Dân đã cầm lái vương miện.

Năm của Trung Quốc là năm hòa hoãn, cũng là năm ghi nhận cải tổ kinh tế tiến thêm một bước dài hướng về tư bản theo nhịp "quốc tế ca". Đại Hội Đảng lần 15 kêu gọi tư nhân, quốc tế đầu tư vào 110.000 xí nghiệp quốc doanh mà 2/3 khánh tận với một câu hỏi to tướng: Trên tổng số 110 triệu công nhân nhà nước, bao nhiêu người sẽ thất nghiệp, như thế mất nhà ở, bảo hiểm xã hội trước đây do ngân sách quốc gia đài thọ. Người ta ước lượng độ 40 triệu công nhân dư thừa. Ngay từ bây giờ, các hãng xưởng bắt đầu sa thải công nhân với hậu quả hàng loạt biểu tình bạo động.

Từ những giáo điều Mác-Mao, chỉ còn rơi rớt lại xác ướp của Mao và màu cờ đỏ. Song song với việc tư hữu hóa, Đảng Cộng Sản thông báo giảm thuế quan, điều kiện tiên quyết để gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới. Trung Quốc tìm mọi cách tô vẽ lại hình ảnh lu mờ của mình trước mắt quốc tế. Nói ngắn gọn, Trung Quốc hòa hoãn. Nhưng không ai bị lừa bịp. Sự quyền rũ nêu trên nhằm vô hiệu hóa thành kiến của Mỹ được Trung Quốc rõ ràng nhận diện như một chuông ngại lớn nhất trên con đường Đài Loan. Điều đáng chú ý là Đảng Cộng Sản thông báo không cởi mở chính trị. Bộ Chính Trị thu nhận trở lại Hoa Quốc Phong và một số lãnh tụ Cách mạng Văn hóa. Đảng Cộng Sản vẽ làn mức không nên vượt qua. Người ta không nên đụng chạm đến độc quyền, chuyên chế, sự thống suốt của Đảng.

Chế độ Trung Quốc là một chế độ độc tài cưỡng bức. Thể thức sinh hoạt của nó rất hi hiếm. Trong quá khứ, hệ thống chính trị này đã bẻ gãy không biết bao nhiêu

niệt tình cải tổ, đã lật ngược không biết bao nhiêu tình thế với không biết bao nhiêu nạn nhân. Cũng như trước kia Đặng Tiểu Bình phân bội các "đồng chí lý khai" xem như "bức tường dân chủ" giúp đỡ Đặng củng cố quyền hành, ngày nay chắc gì người nổi nghiệp họ Giang không sử dụng lại mưu mô của Đặng. Ngày nào đó những đầu óc táo bạo, ngay cả những đầu óc không mang tư tưởng lý khai làm vướng tay chân ông ta. Tại Trung Quốc cũng như tại Việt Nam, "Trăm Hoa Đua Nở" thường tỏa ra hương sắc độc hại.

Năm của Trung Quốc là năm Hoa-Mỹ để huê hợp tác, năm xác nhận địa vị của Trung Quốc trên chính trường thế giới. Qua chuyến công du tại Mỹ, qua việc khai mạc Thị trường Chứng khoán Wall Street Nữu Ước, Giang Trạch Dân thông báo từ đây Trung Quốc là một sức mạnh chiến lược không thể khinh thường, một vùng đất mà các nhà kinh tài có thể tin cậy vài ngày sau còn lốc tiền tệ thổi đến Hương Cảng. Nhưng trong chiều sâu, Hoa-Mỹ còn nhiều điểm dị đồng. Đồi bên chưa giải quyết thỏa đáng vấn đề nhân quyền, Tây Tạng, Triều Tiên, Đài Loan, thường mại (cán cân ngoại thường nghiêng hẳn về phía Bắc Kinh khoảng 41 tỉ đô-la). Bề ngoài thân thiện, bề trong sự quan hệ Hoa-Mỹ còn gút mắc bấp bênh.



Năm của Trung Quốc là năm của những câu hỏi liên quan đến sự biến chuyển của chế độ, đến tương lai chính trị của Trung Quốc. Tự do kinh tế sẽ cuốn hút chế độ chăng? Những tiền lệ lịch sử, những ví dụ ở Á Đông cho phép nghĩ như thế. Một chế độ độc tài một khi trao trả kinh tế cho thị trường dù muốn dù không

sẽ giao quyền tự trị cho xã hội, trả tự do cho công dân. Người ta đã thấy điều này ở Tây Ban Nha của Tướng Franco, ở Chi-Lê của Tướng Pinochet, ở Nam Hàn, Phi Luật Tân, Thái Lan, Đài Loan. Cũng vì sợ định luật kinh tế - chính trị mang tính chất quyết định dẫn lối đưa đường đến tự do dân chủ nên Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Việt Nam thẳng tay đàn áp lý khai đổi lập. Trong lúc chờ đợi, chuyên chế cấu kết với một vài điều răn Khổng Mạnh để duy trì độc tài.

Còn phải xét đến khả năng duy trì thống nhất một nước Trung Quốc quá rộng lớn với sự mất cân bằng ngày càng tăng giữa trung ương với địa phương, giữa vùng duyên hải giàu có với những vùng xa xôi nghèo khó. Một Trung Quốc với chính quyền trung ương suy yếu trước những sứ quân nhiều thế lực. Một Trung Quốc bành bồng giữa thế kỷ 19 và thế kỷ 21.

Ý chí phục thù dân tộc, truyền thống, Mao hóa, Tây phương hóa, tất cả nhào trộn với nhau, chằng chịt với nhau trong một khối dân khổng lồ. Tại Trung Quốc, không có điều gì chắc chắn, cũng không có điều gì hẳn nhiên ngoài thực tế, Trung Quốc luôn luôn tưởng mình là trung tâm địa cầu. Và Trung Quốc sẽ tìm lại thế đứng tự ngàn xưa ở giữa thế giới với điều kiện các nhà lãnh đạo thuộc "thế hệ thứ ba" phải có đủ sáng suốt, đủ can đảm tự kèm chế, tránh xa con đường phổ thông sức mạnh do các triều đại kế tiếp từ Thượng cổ đến Cận đại dày công xây đắp.

Lần đầu tiên, trên một thế giới quá đông dân số đang sống giai đoạn cuối cùng của thế kỷ 20, Đông Tây mặt chạm mặt nhìn nhau trừng trừng trong một bình kín, trên một khoảng trống chật hẹp. Đông Tây khám phá mỗi bên đều có nhiều điều lạ thường, nhiều điểm khác biệt.

Từ hai ngàn năm, phương Tây phô bày lòng tự hào chế ngự kỹ thuật, đẩy mạnh nhân quyền nhờ dựa vào lý tưởng tự do và lý trí. Phương Đông hô hào phải giữ kỷ luật, cá nhân phải phục tùng tập thể, phải khổ hạnh tu thân để chu toàn bốn phận. Phương Tây mang nặng lòng ham muốn không đáy, ưa chuộng vị kỷ hơn vị tha, ưa thích những gì tiên thiên siêu nghiệm siêu việt ngoài tầm hoạt động và hiểu biết của con người. Phương Đông luôn sống đồng nhịp với nội tại, bằng lòng với những gì sẵn có, đang có, ung dung chờ đợi việc gì phải đến sẽ đến. Phương Tây vượt nhanh thời gian bỏ lại lịch sử. Phương Đông hài hòa với những gì trường cửu, với muôn đời. Ai thắng ai bại, ai đúng ai sai?

Nhìn chung, thế giới năm 97 mang bộ mặt không mấy chi tốt đẹp, phối bày nhiều điều đối nghịch, chỉ biết ca tụng văn minh

kỹ thuật, bỏ quên văn minh nhân bản. Cán cân ngoại thương chống tư duy, tỷ suất hối đoái chống nhân sinh quan, duy vật chống tôn giáo, hoan lạc chống duy linh. Thế giới dành tất cả cho phát triển kinh tế, 1/100 cho mở mang con người.

Tham lam quyền hành nên độc tài bạo ngược, mù quáng thiển cận nên đề xuất một lối sống mới dựa trên tiền bạc và tham nhũng, đốt nát nên phát huy một nền văn hóa lấy gian dối, vô liêm sỉ coi thường quê hương dân tộc làm nền tảng, cuồng tín hẹp hòi nên say máu chém giết, tính toán lời lỗ nên mặc cho tuổi trẻ trôi giữa dòng đời. Một thế giới nghịch thường đảo lộn phi luân tàn nhẫn.

Người Việt ty nạn sống thêm một mùa Đông xa lạ giá buốt không khỏi không chạnh lòng. Khác với mùa Xuân mùa Hè không ngót biến đổi, khác với mùa Thu gieo giống gây mầm để cho mùa Xuân đơm bông kết trái, mùa Đông là thời gian chờ đợi lắng đọng nhất. Ngoài kia bầu trời giá lạnh nhúng lòng không nguội lạnh vì lòng luôn trung thực với lòng. Lúc cảnh vật ngủ say thì con người băng khuâng trần trờ. Đây là dịp thích hợp nhất để kể cho nhau nghe chuyện tâm tình, những chuyện thần thoại lập quốc, những anh hùng ca dân tộc, những kinh nghiệm quý báu phạm phòng cảm động của tiền nhân, để ôn nhỏ những gì Cộng Sản đã nói đã làm. Không vì cái lợi trước mắt mà bỏ vụn quan điểm uốn cong lập trường, không vì thời gian mà bỏ cuộc, không vì cuộc sống khó khăn mà xao lãng việc giáo dục con em, không vì xao xuyến mà không cố gắng gầy dựng thế hệ thứ hai có vốn kỹ thuật khoa học cao nhưng không quên cội nguồn, tô đẹp tương lai để mai kia vẽ lại quá khứ ●

### **Yêu thơ xin hãy trở về với thơ**

Tiếng nói văn chương tình tự nhất của Dân Tộc

**TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU**

### **Băng Thơ Vi Khuê 1**

với sự góp mặt của những tên tuổi thơ rất được ái mộ trong và ngoài nước (Tao Đàn miền Nam trước 1975)

Tho Vi Khuê

Diễn ngâm : Hồng Vân, Mai Hiền, Huyền Trân, Thúy Vinh, Tô Kiều Ngân, Đoàn Yến Linh, Bao Cuông.

Đàn sáo : Thạch Cầm, Thủy Hạnh (đàn tranh - đàn bầu)

Tô Kiều Ngân, Bao Cuông (sáo trúc)

Lời giới thiệu : Đoàn Yến Linh

Trình bày bìa Bùi Linh & MATEO

Băng thơ 90 phút, với Lời Đề Tụng và

chữ ký của Tác gia. Xin liên lạc

Vi Khuê 5649 Mt. Burnside Way

Burke, VA. 22015 Mỹ. ĐT. 703 425 1751

Giá Sáu Mỹ Kim + Một Mỹ Kim

# Nước Nhật của người Nhật Bản

● SỬ HUYNH HÀ ĐẬU ĐỒNG

Từ những thời đại tiền sử xa xưa, 600 năm trước niên lịch đến năm 400 sau kỷ nguyên, trải qua những triều đại Mikado, kế tiếp dòng dõi huyền thoại con cháu nữ thần mặt trời Amaterasu, nước Nhật có tên gọi là Jamata. Sau này đổi tên mới Nippon hay Nihon mà ý nghĩa từ nguyên thủy sơ khai cũng là một: quê hương nơi mặt trời mọc.

Lãnh thổ nước Nhật nhỏ hẹp, hoàn toàn biệt lập, tách rời lục địa, cách xa các dân tộc láng giềng, gồm 4 đảo lớn (Hondo, Kyushu, Shikoku, Hokkaido) và 3922 hòn đảo nhỏ, chạy dài nối đuôi nhau như những chiếc phao lênh đênh bập bềnh chìm nổi giữa Thái Bình Dương. Sống giữa mệnh mỏng trùng dương biển cả, người Nhật chuyên nghề thuyền chài ngư phủ thả lưới, uớt tằm tơ lụa, nuôi hạt trai và sò thích của họ là ưa thu tích lượm lặt (Sammler) hết những gì có thể dùng được. Sau đại thế chiến thứ hai, từ kiếp sống thuyền chài ngư phủ làm than vát và tị lâu đời, họ trưởng thành vươn lên một dân tộc kỹ nghệ buôn bán, giàu sang thịnh vượng.

Cũng từ thời xa xưa ấy, nhờ phương tiện thuyền bè chuyên chở đi lại, họ tiếp xúc đón nhận văn hóa từ Trung Hoa vào (năm 400) qua ngưỡng cửa Triều Tiên, dùng chữ Nho (thời nhà Hán) làm quốc tự (1). Rồi thế kỷ sau đó (năm 552) họ tiếp nhận luôn tôn giáo Đạo Phật từ Trung Hoa vào làm nền tảng đạo lý, làm của nuôi tinh thần dân tộc. Bao nhiêu chùa chiền lộng lẫy nguy nga được xây cất lên, từ thủ đô thành thị đến những miền thung lũng đồi thông reo gió, tô thêm cảnh đẹp thiên nhiên hữu tình trời mây nước. Những ngôi chùa mái cong uốn góc này cũng hoàn toàn theo nghệ thuật kiến trúc Trung Hoa, nhưng nhờ bàn tay khéo tô tài uốn vẽ, thợ nghề bắt chước dần dần thành Nhật hóa tinh vi. Đạo Phật thời ấy giữ một vai trò rất quan trọng trong nếp sống mỗi sinh của người Nhật, vì thế Hoàng tử Shitoku (593-620) chọn đạo Phật làm tôn giáo quốc gia (Quốc hội chính phủ Thái Lan trong dịp mừng lễ sinh nhật 60 tuổi Nữ hoàng Skirit mùa hè vừa qua, bàn cãi về việc có nên nhìn nhận đạo Phật, nâng đạo Phật lên đạo chính của quốc gia hay không. Được nhà vua cũng như các bậc Cố vấn tối cao Hòa Thượng Tăng Ni cho ý kiến là không nên). Nhưng các lãnh chúa trên 300 vùng đảo lo sợ ảnh hưởng Phật giáo, cùng nhau lập nên phong trào cải tổ (Taika), kêu gọi quần chúng trở về cội nguồn con cháu Tenno, lấy Thần đạo Shinto làm căn bản, tôn trọng uy quyền tối thượng của Nhật hoàng - ngài là con trời vừa là thần tướng cầm vận mệnh đất nước trong tay, đủ thẩm quyền ký kết hiệp ước hòa bình hay ra sắc lệnh động binh gây chiến.

Nhịp sống theo sóng nước thời đại liên tiếp, tuy cũng xảy ra những cuộc đụng độ xô xát trong nội địa, tranh quyền chiếm vị giữa các chúa vào những thời Nobunaga, Tokugawa, Samurai... hay cuộc chiến thắng ngoại xâm, đánh bại quân Mông Cổ từ Mãn Thanh ðạt tràn vào (1281), dân chúng vẫn sống cuộc đời thanh bình ấm no an vui. Nhưng có lẽ vì họ học được kinh nghiệm chiến đấu đường đầu với giặc Mông Cổ, hay vì địa thế đất đai quá eo hẹp, bốn mùa gặp phải sóng gió bão táp mưa sa, đất sỏi núi nhà khói, động đất liên miên (287 núi phun lửa, 26 núi lửa còn hoạt động), từ những bác thuyền chài ngư phủ hiền lành bỗng trở thành những tên lính cực đoan liều mạng chết, theo lệnh Tenno đánh phá Trung Hoa (1893) + (1938 /1939) với Nga (1904/1905 và 1918-1922 chiếm một phần Siberien... với Triều Tiên (1910) cuối cùng dân quân khắp cõi Đông Nam Á, khắp Thái Bình Dương để gây chiến với Mỹ với Đông Minh.

Từ một dân tộc sống trên bán đảo biệt lập, ngăn cách xa thềm lục địa, người Nhật hầu như dè dặt, ít giao thiệp, cõi mở tự nhiên với các nước láng giềng ngoại bang, mặc dù họ tỏ ra rất lễ độ với những lễ nghi sẵn sọc chào đón là lạ bên ngoài. Khi người ngoại quốc muốn làm vui, khen cảnh đẹp đất nước họ thì họ hết sức lịch sự trong lời nói nhiều ý nghĩa: "Ngài chưa hề đến viếng cảnh Nikko (2) thì tốt hơn xin ngài dừng tay cảnh Nikko đẹp (*Nikko e minai uchi ni kekko to iu na*). Cảnh đẹp bên ngoài ngài chưa thấy rõ, nói chỉ đến vấn đề nội bộ phức tạp khó hiểu của quốc gia dân tộc, chỉ một mình người Nhật chúng tôi mới thấu hiểu căn nguyên cội rễ đầu đuôi (*Nihonjin dake ga Nihon no Mondai wo wakarimasho*). Khi người Nhật nghĩ về quê hương của họ: Khi hai quả bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống thành phố Hiroshima ngày 6.8.1945 (200.000 thiệt mạng) và sau đó Nagasaki 9.8.1945 (40.000 người) trong cơn hốt hoảng khủng khiếp lo sợ giữa bãi tha ma phan thây cháy thối rừng rợn ấy, kẻ đưa tay búng trán bóp đầu, kẻ đấm ngực, người than khóc kêu la nức nở: tại sao, tại sao thế này? Nhưng trong họ cũng có kẻ đủ bình tĩnh trả lời thay, thú nhận: vì dân tộc chúng ta gây chiến! Đó cũng là lời của nhà văn Nhật Bản Kenzaburo Oe, giải thưởng Nobel 1994, khi ông tỏ ý kêu mời tất cả hãy quên đi quá khứ đau thương đầy tặc ác: Chúng ta đừng lặp đi lặp lại than vãn chúng ta là nạn nhân, nhưng chính chúng ta là thủ phạm có tên tuổi, đây chúng cơ" (3).

Khi thành phố Kobe trong chớp lát 20 giây động đất nhà rung (27.2.1995) bị đổ nát tan tành binh địa (6.348 chết, 14.679 bị thương) người người kinh hoàng mất vía, nhao nhác tìm kiếm ai mất ai còn, hỏi han nhau: tại sao và tại sao thế? Có lẽ cũng trong 20 giây những bà mẹ

nghe lại tiếng động lòng tâm, sự bất an tâm hồn, đã kêu lên: "Vi trời phạt tội chúng ta, vì chúng ta đã giết hại bao nhiêu bào thai, trẻ con, vì chúng ta tẩy thai; tiếng khóc trẻ con đã kêu lên thấu tận trời rồi...! (4).

Khi những bình đựng chất độc Sarin giết người mở vòi, giấu kín tại các trạm xe lửa Tokyo (20.3.1995) do giáo phái Sekte Aum (= Sự Thật tuyệt đối) âm mưu tổ chức theo lệnh Guru Shoko Asahara cầm đầu, làm thiệt hại 12 người chết, 5.000 bị thương. Trong đám đông mặt xanh mày tái trắng chất độc, cố hỏi cho biết lý do tại sao. Người Nhật lại có thể hủy hoại giết chết người Nhật như thế này chăng? Nhưng lần này chính Guru Shoko tự trả lời: "Đã đến thời kỳ tận thế, cần phải hủy hoại lớp người già đối hu nát hôm nay". "Đạo" Aum là chân lý tuyệt đối, là đường soi dẫn thế hệ mới, Shoko là thầy dạy tối cao. (Shoko Asahara trước kia hành nghề châm cứu, bị lừa một mắt).

## KHI CÁC GIÁO PHÁI MỌC LÊN (SEKTEM)

Sau đại thế chiến thứ hai, tuy nước Nhật xin đầu hàng thua trận, nhưng nhờ vào bài học kinh nghiệm đau khổ chiến tranh vươn lên, nhờ vào sự siêng năng làm việc cần cù học hỏi, nhờ vào sự giúp đỡ tiền tài, kinh tế của chính phủ Mỹ, và cũng nhờ vào nguồn lợi lớn do hai cuộc chiến tranh tương tàn kéo dài của Triều Tiên và Việt Nam, nước Nhật trở thành một trong những quốc gia giàu có sung túc. Nhưng sự giàu sang phú quý dù thừa này đã không giúp ích bao nhiêu cho những đáp ứng nhu cầu cần thiết luân lý, nội tâm của đại quần chúng, vì con người sống chẳng phải chỉ vì bánh ăn thức uống mà thôi.

Sau khi đầu hàng thua trận, chính phủ Mỹ dưới thời Tổng Thống Harry Truma, đòi chính phủ Nhật nhượng bộ hai điều kiện quan trọng:

1. Bãi bỏ thần đạo Shintô là đạo chỉ có tính chất biểu dương sức mạnh quốc gia mà kẻ lãnh đạo tối cao là vua Tenno, đã toàn quyền định đoạt tất cả.

2. Nâng cao giá trị nhân quyền, nhân phẩm của người phụ nữ Nhật mà họ bị thua thiệt lâu nay. Họ sẽ được ủng hộ, bỏ phiếu, bình đẳng trong quyền làm người.

Khi hai quả bom nguyên tử thả xuống Hiroshima và Nagasaki, nhà vua Tenno Hirohito ra lệnh cho tướng tá quân lính bỏ súng và xin đầu hàng vô điều kiện. Trước kia thần dân quân lính càng tin tưởng vào quyền năng Tenno bao nhiêu: "Bách chiến bách thắng", thì bây giờ càng tuyệt vọng chán chường thua trận bấy nhiêu. Hàng trăm ngàn binh lính thất vọng tự tử, nhiều đội biển mất không trở về hồi hương! Sau này nhà vua Tenno còn công khai tuyên bố sự thật về ngôi vị của mình: "Tôi không phải là con trời từ trên mà xuống, tôi cũng chỉ là con người bình thường như muôn người khác, không hơn không kém".

Lời tuyên bố công khai rõ ràng của nhà vua (từ nay vua vẫn là vua tượng trưng, không còn quyền hành quyết định việc nước việc dân) không những gây hoang mang giữa quần chúng, nhưng không ngờ bật đèn xanh cho các



tiên tri giả xưng vương, xưng vua giáo phái lần lượt xuất hiện trong mọi tầng lớp dân chúng, từ thành thị đến thôn làng xa xăm hẻo lánh. Mỗi giáo phái đều có "áo thuật" thu hút hấp dẫn riêng, mà kẻ thành lập tiêu biểu đủ mọi thành phần xã hội, có cả bà góa phụ, mạnh sức tuyên truyền tâng cường cho hội của bà. Sau đây một vài giáo phái Sekten trong 200 giáo phái khác, hoạt động trong 180.000 cộng đồng được chính quyền thừa nhận:

\* Giáo phái Sekte Reiyu-Cai (= Bàn của thần trí) do bà Kimi Kotani thành lập. Hội viên 1 triệu.

\* Giáo phái Tenscho Kotai Jingu (= Tôn giáo nhảy múa: Tanzreligion) do bà chuyên nghề nông nghiệp, bà Sayo Kitamura thành lập. Hội viên 700.000.

\* Giáo phái Byakko-Shinkokai (= Hòa bình cho các dân tộc bạn) do Masahisa Goi sáng lập. Hội viên 500.000. Kinh đọc thuộc lòng là tên các nước có liên hệ, bạn bè với Nhật Bản.

\* Giáo phái Sukyo Mahikari (Ánh sáng thật) thành lập năm 1973. Hội viên 700.000. Giáo phái này hoạt động mạnh tại Châu Mỹ Latinh, nhất là tại Ba Tây. Tại thành phố San Paolo và lân cận có khoảng gần một triệu người Nhật di dân lập nghiệp, sau năm 1945.

\* Giáo phái Sekai Kyusei Kyo (= Cứu vãn thế giới) theo chiều hướng thần đạo Shinto. Hội viên 1 triệu. Đề cao và hành nghề châm cứu.

\* Giáo phái Shinryo-En (= Sức mạnh sự yên tĩnh) theo chiều hướng tập và thực hành Thiền của Phật giáo. Hội viên 950.000.

\* Giáo phái Risso-Kosei-Kai kết hợp 3 tôn giáo Phật giáo, Thần đạo Shinto và Công giáo lại gọi là Đạo anh em, tình huynh đệ. Giáo phái này có đền thờ rất đẹp, đồ sộ nguy nga tráng lệ tại Tokyo. Người đến kính viếng hằng ngày như khách du lịch. Hội viên 3 triệu.

\* Giáo phái Nostradamus (= Ngày tận thế sắp đến) do Ryuho Okawa sáng lập. Báo tin tận thế vào năm 2020. Sau đó nước Nhật sẽ là trung tâm thế giới. Hội viên 10 triệu. Y phục của Okawa như Đức giám mục, có gậy, mũ, nhẫn...

\* Giáo phái Soka-Gakkai (= Sức mạnh quốc gia) do Daisaku Ikeda thành lập năm 1930 (hoạt động mạnh sau năm 1946) thêm đảng chính trị Komeito, có nhân trong quốc hội. Hội viên 9 triệu. Gia tài 100 tỉ Mỹ kim. Hội viên tên tuổi là nữ ca sĩ Tina Turner.

\* Giáo phái Aum Shiru Kyo (= Chân lý tuyệt đối) do Shoko Asahara sáng lập năm 1987. Hội viên vốn vẹn 10 ngàn, kết nạp thành phần trí thức kỹ sư điện tử... Vì thế họ có đầy đủ khả năng lập phòng thí nghiệm, chế tạo đủ thủ chất độc giết người. Nơi thí nghiệm chế tạo lại ẩn nấp dưới chân núi Fujiyama, được coi là núi thánh Fujiyamasama, nơi hành hương của mỗi người Nhật, chốn nghỉ ngơi ngàn đời của các vị vương tướng anh hùng liệt sĩ. Vì giáo phái này mệnh danh tôn giáo, vì tài ẩn nấp dưới bóng Fuji vùng "đất thánh", bề ngoài được thiên hạ "làm ngơ", nên giáo phái đã thành công chế tạo chất độc, đem thủ lần đầu vào hè 1944 tại Matsumoto, tuy thiệt mạng mà không ai hay, chẳng hề nghi. Mãi đến ngày 20.3.1995 mới rõ sự thật, khi những bình chất độc Sarin làm thiệt hại bao nhân mạng, nhiều kẻ bị thương. Sau vụ

này, Guru Asahara vào tù cùng với 100 tên đồng phạm. Một số hội viên thất vọng tự tử, hay bị giết với văn phòng tài sản bị đóng lại.

Ai có thể theo dõi để ghi hết tên những tà giáo này có chiều hướng làm tiền, lập kỷ nghệ tôn giáo, buôn bán linh hồn giữa một bán đảo quốc gia có vẻ đẹp thiên nhiên, nhưng quá mong manh bên hòa diệm sóng, mà nơi đây 70% dân chúng không hề tin vào sự sống đời sau, tỷ lệ cao nhất lại ở tầng lớp trí thức thông thái. Một nhà thần học nào đó đã viết lên lời rất đáng suy nghĩ: "Những kẻ thông thái mà không có đức tin rất có thể dễ làm hại linh hồn kẻ khác, không thua các tiên tri giả". Có những quả bom đã nổ rơi từ không trung, có những miệng núi lửa phun từ vực lòng đất đốt cháy, có những chất độc vô cùng nguy hiểm phát xuất từ tâm địa của những con người lửa bịp giả dối, từ những tà pháp thâm ác!

Hiện tượng kỳ lạ của những tà giáo phái thờ ma lạy quỷ mà hội viên cùng nhau quyền sinh thí mạng tập thể có tổ chức, xảy ra tại Thụy Sĩ, Canada, Mỹ... làm cho thế giới xôn xao khó hiểu. Hiện tượng chất độc Sarin cho xi hơi giết người tại trung tâm xe lửa Tokyo ngày 20.3.1995 do mưu ác của giáo phái Aum làm cho quần chúng rung mình sợ hãi, thắc mắc hỏi han nhau tại sao độc ác dã man đến thế?

Vị giáo sư chuyên môn về ngành tôn giáo, Nobutaka Inoue, tại đại học Kokugakuin Tokyo trả lời rằng: "Vi lẽ đơn sơ, dân chúng hết tin nhiệm, hết toại nguyện bằng lòng với những nhà lãnh đạo chính trị hôm nay. Họ luôn mong chờ những vị lãnh đạo có khả năng, đầy gương mẫu, có tài điều khiển".

Dân chúng bất mãn vì hố sâu cách biệt giữa tầng lớp giàu nghèo, lớp úp đái và lớp bị bỏ rơi càng ngày càng rõ rệt, sau 20 năm nay.

Dân chúng bất mãn vì càng ngày càng xuất hiện nhiều thủ bệnh do chất độc từ các xí nghiệp thải ra. Những thủ bệnh không có tên tuổi, đành phải lấy tên tỉnh, tên miền, tên huyện cho căn bệnh. Chẳng hạn bệnh nghệt thờ nhiễm độc kỳ lạ tại tỉnh Yokkaichi-Byoki. Bệnh Minamata do nhiễm chất độc từ bạch thủy ngân do xí nghiệp Chisso. Còn có nhiều thủ bệnh khác "hiện đại" mà người ta không thể đặt tên, chỉ gọi bách bệnh (Itai-Itai Byoki). Tại huyện Saitamaken gần Tokyo mùa thời hồi tử cách ông khóí bốc lên tận trời làm cho dân chúng nhức xương, chóng mặt đau đầu kinh niên.

Hội bảo vệ thiên nhiên Nhật Greenpeace cũng cảm thấy bất lực bó tay thất vọng khi khám phá ra nhiều thùng kim khí, bộ phận máy hư vứt xuống tận lòng đáy biển, một sự kiện chưa hề thấy nơi một dân tộc đã một thời được khen sạch sẽ, kỷ luật và thủ tục.

Trong khi nền kinh tế kỹ nghệ lên cao, các hãng xưởng, nhà băng, ngân hàng mở rộng, thì đồng thời các đảng Mafia rất có tổ chức cũng xuất đầu lộ diện, tổng tiền hoạt động khắp nơi. Đảng Mafia Yakusa nổi tiếng (gồm 90.000 đảng viên, ấn hiệu vẽ hình lên ngực, vai) cộng tác "làm ăn" với đảng Mafia Sokaiya (6.000 đảng viên) gia tài từng tỉ. Chúng không ăn trộm vật nhưng ăn cướp công khai, có văn phòng điện thoại, sổ ngân hàng bí mật, mà hãng xưởng nào không kịp thời gửi "tiền đời" vào ngân hàng

thì đành chịu hậu quả. Chính công an cảnh sát gặp nhiều khó khăn với Mafiosi này, các vị lãnh đạo chính quyền cũng ngán, cũng ón vì chúng. Luật sư Tsutsumi Sakamoto bị giết hại tiêu hủy cả gia đình. Ông Hiroso Isosaki, giám đốc truyền hình TBS mất mạng vì chúng. Chủ ngân hàng Fumitomi (tại Nagoya) ông Kazufumi Hatanaka bị rơi đầu bằng thanh kiếm khi vừa dùng cơm sáng, trước khi đến sở. Ông Juntaro Suzuki hãng phim Fuji bị giết trước giờ cơm tối. Ông giám đốc hãng bột ngọt Ajinomoto, Shusuke Inamori bị loại trừ mất việc vì ông quá sợ chúng, đã tự tiện chuyển số "tiền đời" quá cao vào ngân hàng bí mật của Mafia Yakusa. Trước tình trạng khó xử ấy, luật sư Kenro Miyazaki chỉ biết than thở như lời kết tội: Những thủ Mafia hiện đại này thật bất trị, chúng tổng tiền, chúng bán, chúng giết, chúng tung hoành gây rối, lo sợ khắp nơi". Trong khi quần chúng mong chờ những vị lãnh đạo tài tình đứng ra thay thế, thì hai anh chàng hề chuyên môn có tiếng trên đài truyền hình TV tình nguyện ứng cử chức vụ Thị Trưởng hai thành phố lớn Tokyo và Osaka!

Chẳng có một tai họa nào mà chẳng lê loi góa bụa, tai họa này cù tiếp nối theo đuôi tai họa khác. Tai họa động đất, tai họa đảng cướp Mafiosi, tai họa bất mãn giữa xã hội quần chúng. Tai họa phạm non tuổi trẻ chỉ nghiên ngẫm học hành mà không hề nghe nói, bàn cãi, dạy dỗ về luân thường đạo giáo, đời sống nội tâm cần thiết quan trọng. Tai họa chẳng ai chịu sửa chữa chúng trong cuộc sống mới, mất thăng bằng do ảnh hưởng phim ảnh đồi tệ, nổi tiếng hiện nay tại Nhật Bản, trong khi xã hội người lớn chỉ ưa thích nhàn hạ nghỉ ngơi ngủ suốt, hay bận rộn với những trò chơi Pachinko, Computer hoặc rượu chè lê bê đủ thứ.

Đây chính là thời cơ thuận lợi nhất cho các giáo phái lần lượt mọc lên như nấm, mà những kẻ khởi xướng thành lập đã từng chờ đợi, ngắm ngàng chuẩn bị từ lâu, bây giờ mới công khai xúng danh lộ diện, ta là kẻ hướng dẫn chân lý chính xác, là thầy dạy, là tiên tri, là Guru (Gu là đen tối, ru là ánh sáng) với ngón tay điều khiển tài tình: hòa bình ở đây, hạnh phúc ở đó, chân lý bên kia và ngày tận thế sắp đến... Thời cơ thuận tiện nhất chính là do luật pháp cho họ hành đạo, có lẽ vì sợ ý họ rằng "tôn giáo" nào cũng tốt, cũng giúp ích, cũng đỡ gánh nặng cho việc giáo dục nơi nhà trường, xã hội. Vì thế họ được ưu tiên lập cơ sở, lập ngân quỹ niên liễm, nhận tiền bố thí không khai báo thuế má, không ai kiểm soát, không hề nghi... Đảng khác, những giáo phái này thành lập do chính người Nhật dành cho người Nhật ưu tiên, vì thế các giáo phái ngoại quốc như phái MUN (Triều Tiên), Bagwan (Ấn Độ), Scientology (Mỹ), Johwa (Âu/Mỹ) đứng hy vọng có chỗ đứng.

Những phương pháp thu hút tuyên truyền những mưu chước tìm kiếm thầu nhận hội viên cũng hết sức tế nhị, rất lạ đời: kẻ đứng chỗ này, kẻ đội góc kia tại các sân ga xe lửa hoặc nơi công cộng đông người, họ chào đón khách qua đường rất niềm nở tự nhiên và ghé thăm tại xin phép cho họ cầu nguyện cho khách hoặc cùng với khách đọc lời "kinh" thầm thì, theo ý khách. Khách nào mà không cảm kích biết ơn, khách

nào mà chẳng có vấn đề tâm linh, nỗi buồn sầu thấm ai hay. Nỗi buồn chung mà nhà văn Kenzaburo Oe tóm tắt trong một lời: "Nỗi buồn xót xa có cục của linh hồn" (Okī na Kanashimi no Reikon). Thật là mỉa mai màu thuẫn ngược đời, khi phần đông người ngoại quốc có lẽ chỉ vì vừa quan sát về lịch sử báỉ lạy bề ngoài, nhưng hình ảnh máy móc tối tân liền vợi khen cái gì từ Nhật cũng tốt, cũng đẹp... để người Nhật có dịp tự khen mình (Nihon Ichiban: Nước Nhật số một). Nhưng nhà văn Kenzaburo Oe, nổi tiếng qua sự coi mò thẳng thắn thành thật, qua tác phẩm "Một kinh nghiệm hiểu biết cá nhân" của ông, ông đã nói lên sự u uất nổi lòng về quê hương ông: "Nước Nhật Bản trong quá khứ là một dân tộc gây chiến tranh, là một Hiroshima ác mộng, hiện tại là một thủ văn minh đốn độc. Ông còn tỏ bày sự thật (sự thật mà người Nhật chẳng mấy ưa thích ông) như lời tâm sự đầy cay đắng: "Tại Á Đông, chúng tôi hoàn toàn cô lập về văn hóa, chính trị, nghệ thuật, tinh thần cộng đồng chung. Nhiều khi chúng tôi thậm chí nghĩ nên tách rời thế giới Á Đông để được thâu nhập làm một phần từ Âu Châu. Nhưng sự thật hiện nay chúng tôi chẳng thuộc về Âu mà cũng chẳng thuộc về Á. chúng tôi rất cô đơn".

Chúng tôi rất cô đơn! Sự cô đơn lẽ loi này không có nghĩa vì lẽ đất đai địa thế xa cách thềm lục địa, dân số lại quá đông trên 125 triệu người chen chân nhau; trong khi những dân tộc thiểu số lúa thủa ít người như Micronesien, Polynesien..., sống rải rác xa nhau trên những quần đảo mật mùng giữa Thái Bình Dương, họ được coi như những người trảng kiện lãnh mạnh, toại nguyện với đời mình. Họ còn là nguồn sống, là sự ước mơ, là nguồn hấp dẫn lôi cuốn bao khách du lịch ngoại quốc. Hạnh phúc an vui toại nguyện đó được diễn tả trong những bản dân ca vũ khúc, đờn số trong bộ đồ áo rơm, đầu đội vòng tròn hoa lá: "Mái tranh dừa che mưa nắng. Chim trời cá biển là của chung Trời cho. Chúng ta được ấm no là nhờ ơn Trời phù hộ...". Những dân tộc này sống gần thiên nhiên hiền hòa, gần gũi tình người, sưởi ấm cho nhau bằng niềm tin, bằng tín ngưỡng lâu đời của mình. Sự cô đơn giữa biển cả trùng dương đã giúp họ gần gũi Thượng Đế, Ôn Trên.

Sự cô đơn tĩnh mặc mà Chúa Giêsu cũng đã tìm nơi thanh vắng hoang vu để cầu nguyện. Sự cô đơn dưới bóng cây Bô Đê mà Đức Phật đã tìm thấy đường đi, sự giải thoát cho chúng sinh đệ tử của Người.

Sự cô đơn sâu thẳm chính nằm ở tận đáy lòng, ở những tâm hồn đầy tham vọng ích kỷ, chỉ ưa thích lượm lặt thu góp tất cả cho chính mình, không hề san sẻ cho kẻ khác, không hề nghĩ đến việc bồi thường, trả nợ thiệt hại chiến tranh đã gây ra. Đàng khác còn tiếp tục cãi cọ tranh giành những lợi ích nhỏ mọn, những cồn đảo tí ti (đảo Mae) với Đài Loan. Cựu Thủ Tướng Murayama tuy đã cao niên, ông cũng đồng quan điểm với những kẻ thúc thời nhìn xa thấy rộng, với những vị muốn nói lên sự thật lương tâm nhân loại như những Kenzaburo Oe, để giải thoát sự cô đơn, để chấm tận giấc mơ rời Á theo Âu (đã không thành tựu) trở về tầm chung dòng nước biển Thái Bình Dương như cha ông thường dặn "Ta về ta tắm ao ta". Ông

đã từng kêu gọi quốc hội Nhật nên kịp thời thú tội và trả nợ đền bù thiệt hại cho các nước láng giềng, nhưng tiếc thay lời kêu gọi của cựu Thủ Tướng Murayama đã không được chấp nhận, bị xua tay làm ngơ!

Quê hương nước Nhật Bản là nơi mặt trời bắt đầu mọc lên tỏa ánh sáng. Hạt xoàn kim cương chỉ đẹp lên màu óng ánh khi ánh sáng chiếu dội vào, sự lễ độ cúi đầu khom lưng báỉ lạy bề ngoài chỉ có giá trị cao quý, đầy ý nghĩa khi tình người được diễn tả bộc lộ tự bên trong cõi lòng. Ngoài ra chỉ là giả tạo, trống rỗng và cô đơn.

Nhà tỉ phú Aristoteles Onassis (1909-1975) đã biết đối sự cô đơn lẽ loi cuối đời mình thành niềm an ủi, khi ông từ một nhà kinh tài khai thác của cải giàu sang lỗi lạc - ("Tôi là chiếc máy làm tiền", Moneymachine) - biết cứng dăng, san sẻ gia tài của ông vào việc từ thiện, giúp kẻ nghèo. Cùng con đường ấy, Công chúa Diana tìm được sự an ủi tâm hồn bằng cách tìm kiếm săn sóc, viếng thăm những kẻ ốm đau, bệnh tật, xấu số bị bỏ rơi, cô đơn hơn mình. Nhà tỉ phú A. Onassis và Công chúa Diana đã gặp nhau trong tư tưởng vô cùng sâu xa, đây sự thật của một nhà văn, nhà thơ, vừa là nhà ngoại giao chuyên nghiệp giàu kinh nghiệm đời, Paul Claudel (1868-1955): "Người nghèo chẳng bao giờ có bạn chân thành trung trực, nếu người nghèo đó chẳng tìm được kẻ nghèo hơn mình".

#### Chú thích:

(1) Dùng chữ nhỏ để dễ bề hiểu rõ ý nghĩa chung, ngôn ngữ, tránh hiểu lầm tiếng địa phương. Ngoài ra còn dùng hai thứ chữ Katakana và Hiragana như 87 chấm phết gạch ngang dọc giúp phát âm hay dịch tên riêng ngoại quốc. Văn chữ Romaji mới (văn chữ Latinh) dùng sau này, tiện cho người ngoại quốc dễ đọc tiếng Nhật.

(2) Nikko cách xa Tokyo 120 cây số, là một thắng cảnh đẹp thiên nhiên, có đồi núi hồ ao, thác suối. Nikko đẹp nhất vào mùa thu khi cây cỏ hoa lá đổi màu thành bức tranh thủy mặc. Nikko là "thủ đô chùa chiền" nguy nga tráng lệ, xây cất vào những thời Tokugawa.

(3) Từ những năm gây chiến với Trung Hoa (1893) rồi với Nga, Triều Tiên với Đồng Minh, Mỹ đến năm 1945 cuối cùng thất trận. Nhật Bản đã gây thiệt hại tổn thương nặng nề cho nền kinh tế các quốc gia láng giềng, nhưng làm cho hơn 30 triệu người dân mất mạng, bị thương tàn tật vô kể. Hai triệu nười người dân Việt Nam miền Bắc bị chết đói chết rét vì Nhật Bản. Gần một phần tư triệu người phụ nữ Triều Tiên, Phi Luật Tân, Trung Hoa v.v... bị cưỡng bách đi làm đờ chơi "đĩ điếm" cho binh lính Nhật. Những quốc gia nạn nhân này luôn luôn đòi chính phủ Nhật thú tội tẩy đĩnh, đã ghi vào lịch sử.

(4) Hầu hết người phụ nữ Nhật Bản mắc phải tội "mặc cảm lương tâm" vì nạn "tẩy thai" bằng cách này hay bằng cách khác, mặc dù rất kín đáo. Họ không mấy quan tâm, vì luôn nghe tiếng than than khóc vắng vắng bên tai những hài nhi, những bào thai đã bị cắt bỏ vứt đi. Để được phần an tâm đền bù, họ xây lên những

tượng hình trẻ con, đặt trong vườn mình hay trong nghĩa trang, đến đó nước mắt lên đầu tượng hình để làm người tiếng khóc, làm dịu nỗi trái oan (hình thức này thường gọi là Kodono no Mizu hay Kinderwasser). Biển cổ Kobe ngày 27.2.1995 cũng là dịp giúp người Nhật Bản nhỏ lại, trước đó một tháng ngày 17.1.1995 Đức Giáo Hoàng Gioan Paolô II đã từ Manila (dịp Đại Hội Thanh Thiếu Niên Thế Giới) đến Papua-Neuginea tôn vinh Hiến Thánh cho đấng Peter To Rot (thầy dạy giáo lý) bị y sĩ quân y Nhật tiêm thuốc độc chết liền năm 1945.



### PHÂN ƯU

Toàn thể Đồng hương xa gần vô cùng đau xót:

#### BÁC VÕ - THỊ - ĐẦY

Pháp danh Diệu Lạc

đã mệnh chung ngày 30.11.1997 nhằm ngày mùng 1 tháng 11 Âm lịch năm Đinh Sửu tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Hưởng thọ 76 tuổi.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng gia đình và tang quyến. Xin nguyện cầu Hương linh Bác sớm được vãng sanh về miền Cực Lạc.

- Gđ. Thái Thị Thu - Hameln
- Các Gđ. Trương Sung - Vũ Quang Hải - Vũ Chí Lệnh - Lê Chí Thiện-Tuyết - Trương Mạnh Cường - Hà Văn Tuyển - Lê Văn Dũng - Trịnh Minh Tân ở Bad Pymont
- Gđ. Nguyễn Thị Hạnh - Frankfurt

### PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân Phụ bạn Nguyễn Thái Dể, tỉnh Münster:

#### CỤ ÔNG NGUYỄN THÁI TẾ

đã từ trần ngày 28.11.1997 nhằm ngày 29 tháng 10 Âm lịch năm Đinh Sửu, tại Thành phố Nha Trang - Việt Nam.

Thượng Thọ 82 tuổi.

Chúng tôi toàn thể các Gia đình Phật Giáo tỉnh Münster và các Thân hữu tại Cộng Hòa Liên Bang Đức thành thật chia buồn cùng Ông Bà Nguyễn Thái Dể và gia quyến. Xin cầu nguyện cho Hương Linh Cụ Ông sớm được siêu thăng Tịnh Độ.

- Các Gia đình Phật Giáo tỉnh Münster
- Các Thân hữu tại Cộng Hòa Liên Bang Đức.

# Diễn Đàn Dân Chủ

## LỜI NGUYỆN CẦU CHO VIỆT NAM

\* NGUYỄN THỊ THÚY LOAN (Bitburg)

Dân tộc VN hiện nay bị xếp vào hàng nghèo nhất, chung số phận với 5 dân tộc khác trên thế giới. Nghe thật đau lòng. Sự thật VN không phải là một nước nghèo nguyên thủy, nhất là miền Nam là nơi đồng ruộng phì nhiêu, mỗi năm nông dân chỉ cần một mùa làm ruộng là đủ sống. Ngay cả trong ca dao cũng có nói đến sự sung túc và vô tư của người nông dân VN:

*Tháng giêng là tháng ăn chơi  
Tháng hai trồng đậu,  
trồng khoai, trồng cà...*

Theo lẽ, VN là một xứ giàu có về nông nghiệp và ngư sản mỗi đúng. Như vậy vì nguyên nhân nào mà dân VN cứ nghèo nàn đến thế? Trong khi đó người dân VN vẫn tự hào là thông minh và cần mẫn mà vẫn cứ nghèo khổ như thế?

Nguyên nhân là do cái bất hạnh của dân tộc ta trong lịch sử cận đại là đã không có một vị lãnh đạo nào thực sự yêu nước thương nòi, biết đặt quyền lợi quốc gia dân tộc trên quyền lợi bản thân. Người lại dân tộc VN lại bị đặt dưới sự kìm kẹp của chế độ độc tài CS vô nhân đạo. Từ 1975 đến nay, đảng CS độc quyền cai trị lãnh thổ đã được 22 năm, họ đã làm gì cho Tổ Quốc Việt Nam? Lời hứa hẹn "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" vẫn còn hão huyền, lời nói của ông Hồ Chí Minh "cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư" chỉ là nói xuôi làm nguỵ. Họ đã vô vớt công quỹ, ăn cướp tài sản người dân để làm giàu cho bản thân họ. Trong khi dân lành lam than, khổ sở vì đã bị bần cùng hóa, trong khi Sĩ quan, Công chức miền Nam bị đưa đi trại cải tạo trong những điều kiện nghiệt ngã, bất nhân thì giai cấp thống trị mới này đã bóc lột của cải của toàn dân, sống ngất ngưỡng trên nước mắt dân nghèo. Những số tiền khổng lồ họ hốt được của quốc gia lại thất thoát ra ngoại quốc, thay vì để xây dựng quê hương, cất trường học, bệnh viện hay trợ cấp cho nhi tử sĩ. Cú về Sài Gòn ta đã thấy đau lòng trước làn sóng trẻ em, người già và tàn tật ăn xin ở hè phố, cứ thấy nạn mai dâm bành trưởng ta cũng hiểu sự lam than của người dân thế nào. Cái tội ác cướp của dân lành, vớt vát tài sản đất nước để cho nước VN kiệt quệ, tàn lụi là cái tội ngất trời. Thế thì khi nào sẽ đến phiên họ bị xét xử về những tội phạm đó? Một người phụ nữ bình thường như tôi, khi nhận thức những nguy hại đó của đất nước và của dân tộc do đảng CS gây lên tôi cảm thấy bất mãn và phẫn nộ. Tôi không hiểu các ông bà trong giới lãnh đạo CS đã thoái hóa đến mức độ nào mà vô vớt tài sản quốc gia đến thế? Dù ở VN, ý nghĩa của danh từ thanh bạch, trong sạch, thanh liêm đã bị cho là lỗi thời, cũng xin các ông bà nường tay mà vô vớt ít thôi. Hãy tạo cái "Đức" cho con cháu các ông bà hơn là để dành cho chúng một số tiền khổng lồ trong sạch quá lớn, để rồi chúng sẽ phải trả cái ân oán của ông bà đã gây nên.

Nếu các ông bà là những người vô thần, không tin thuyết nhà Phật có nhân, có quả thì cũng nên nghe lời dạy của thánh hiền xưa như Lão Tử: "luối trời tuy rộng lớn, nhưng không ai thoát được, bởi bầu trời thái bô cái gì phải vớt đi và giữ những gì phải giữ lại". Hãy để tên tuổi các ông bà mà sau này khi nhắc đến người ta có gì để kính trọng.

Tôi vẫn hằng cầu nguyện cho đất nước VN có cái may mắn có những người lãnh đạo chân chính và sáng suốt, biết đem lại ấm no cho dân tộc, biết thúc thời trước hoàn cảnh để lèo lái con thuyền quốc gia

đến hùng mạnh, để người VN yêu nước thương nòi không tủi thẹn khi nhìn các nước láng giềng đã mạnh tiến, còn nước ta cứ lặn dần nghèo đói.

Đất nước ta không thiếu tài nguyên, điều kiện phong thổ rất ưu tú, người dân thông minh, cần mẫn, khéo léo, học nhanh hiểu rộng chỉ cần cái động cơ là một giới lãnh đạo uy việt để đất nước tiến lên.

Làm chính trị gia mà thiếu tài lại thất đức là giết cả một dân tộc, sinh mệnh của cả đất nước bị đe dọa. Xin các vị lãnh đạo đảng CSVN đứng đầu là TBT Đỗ Mười hãy thức tỉnh, lấy lời của Lão Tử làm tâm niệm: "Nếu uy quyền của mi không còn được nhân dân tôn trọng thì hân có một uy quyền chính đáng hơn đã xuất hiện, và ngày tàn của mi đã gần".

Lời nguyện cầu của tôi xin đất nước VN giàu mạnh, xin cho dân lành được ấm no, mong sẽ thành đạt. Cầu mong thay ●

## Thơ Mẹ Việt Nam

Thiện Bình NGUYỄN THÁI AN

*Ai! Ai đã bắt tôi tìm đường xa đất nước  
Để bây giờ uất nghẹn khóc thương quê  
Đến khi nao tôi mới thấy đường về  
Trong không khí từng bùng ngày tao ngộ.*

*Mẹ Việt Nam ơi, có thấu chàng lòng con nức nở  
Đêm từng đêm con mơ ước ngày về  
Để ngày qua trong những cơn mê  
Con chỉ thấy u mê và tủi hận!*

*Ôi thương thay! Ôi nghẹn ngào uất hận!  
Quê hương, mình phải chấp nhận chia xa  
Ôi còn đâu hơi ấm mái nhà  
Cho ta sống, cho thỏa niềm mong ước!*

*Mẹ Việt Nam ơi! Biết bao giờ con mới được,  
Vui liên hoan đất nước thanh bình  
Để ngày ngày cho những lúc bình minh  
Tia chân lý - chiếu ngôi hạnh phúc.*

*Mẹ Việt Nam ơi! Xa quê nhiều tủi nhục  
Kể không nhà sao tránh khúc khinh khi  
Bao năm qua con đã được gì  
Hay gánh chịu nỗi bi ai mất nước?*

*Quê con đó, nhưng con nào có được  
Lòng tự hào về đất nước quê cha  
Lũ người kia bán nước buôn nhà  
Nên dân nước Việt oán than khóc hận  
Xót thương thay lòng con cảm phần  
Mong ngày về giải phóng quê hương ...*

## VIẾT THEO THÔNG CÁO CỦA PHÁI ĐOÀN NHÂN QUYỀN PHỤ NỮ VIỆT NAM TRƯỚC DIỄN ĐÀN LIÊN HIỆP QUỐC

\* LÊ THÁI Salzgitter-bad

Ngày 07 và 08.8.1997, ông Luật sư Phạm Thanh Dân đã hướng dẫn phái đoàn Việt Nam Quốc Dân Đảng Yên Bái tham dự khóa khoáng đại tháng 8.97 tại Genève qua sự tiến dẫn của ông Trần Công Linh, Tổng Thư Ký phái đoàn nhân quyền từ nhân chính trị. Phái đoàn Việt Nam Quốc Dân Đảng gồm có: ông Trần Công Linh, Bác sĩ Trần Đức Vượng, ông Nguyễn Văn Bô, ông Huỳnh Ngọc Phàn, Tu sĩ Thái Hòa, bà Nguyễn Danh Xuân Diễm.

Luật sư Phạm Thanh Dân đã trao cho nữ đồng nghiệp Montserrat Jane Casas (luật sư đoàn Barcelona, Tây Ban Nha) những tài liệu và Tuyên cáo về tội ác của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam đối với Quê phụ, Cố nhi Tử sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Bà Montserrat Jane Casas đã làm chấn động lương tâm nhân loại trước diễn đàn quốc tế vào ngày 14.8.97 khi trình bày về thảm cảnh bi đát của Quê

phụ, Cố nhi Tử sĩ Việt Nam Cộng Hòa bị chính phủ Hà Nội kỳ thị, ngược đãi dã man. Luật sư nhấn mạnh rằng "Vi phạm man rợ, quy mô nhân quyền phụ nữ phải giao cho tòa án hình sự quốc tế xét xử và trừng trị". Ngoài ra khỏi luật sư quốc tế tiếp tục bênh vực dân tộc Việt Nam và đặt trước lương tâm nhân loại về trường hợp: Cán bộ cao cấp của ĐCSVN hiếp dâm, đầy dọa nghiệt ngã vợ tù nhân chính trị Việt Nam Tự Do dưới sự nhảm nhảm sẽ cho tra tấn hoặc thảm sát chồng họ trong trại học tập cải tạo một thủ địa ngục trần gian trá hình, đã được Phái đoàn Nhân quyền Phụ Nữ Việt Nam nêu ra trước diễn đàn Liên Hiệp Quốc khóa tháng 3, 4.1997.

Trong buổi trình thuyết ngày 27.8.97, trước diễn đàn LHQ, Phái đoàn Nhân quyền PNVN tố cáo trước công luận quốc tế "Nhân cách vô trách nhiệm của nhà cầm quyền CSVN và tà ý của họ". Trong việc tạo dựng bản Hiến Pháp 1992 phản dân chủ, vi phạm trầm trọng Hiến Chương LHQ và hai Công ước Quốc tế 1996 về Nhân quyền đã được họ phê chuẩn ngày 24.9.1982 nhằm loại trừ và diệt tận gốc đối lập chính trị tại VN. Trong đó có Việt Nam Quốc Dân Đảng và đàn áp Tôn Giáo. Bài phát biểu trong buổi thuyết trình do bà Giáo sư Lương Thị Nga tuyên đọc có đoạn viết: "Hiến Pháp 1992 của CHXHCNVN, trong phần căn bản mở đầu, khẳng định rằng: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cương lĩnh xây dựng đất nước phải được thực hiện dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, do đó loại trừ hẳn mọi ý thức hệ, mọi tư tưởng, mọi chính kiến chính trị khác". "Điều 4 Hiến Pháp này quy định chỉ có Đảng CSVN là lực lượng lãnh đạo xử sở theo chủ nghĩa Mác-Lê và tư tưởng HCM điều đó có nghĩa, các công dân Việt Nam không là đảng viên CS hoặc có chính kiến Chính trị, Tôn giáo khác đều bị cấm chỉ tham gia vào công việc của xứ sở. Những quy định của điều 25 Công ước Quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, công nhận quyền của người dân được tham chính, bị Hiến Pháp 1992 của CHXHCNVN chà đạp".

Ngoài ra Đảng CSVN duy trì tính độc tài đảng trị, thể hiện rõ. Trong điều 13 của Hiến Pháp VN: "Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chống lại Tổ Quốc Việt Nam XHCN..."

Có thể kể từ tháng 8.1992, Đối lập VN, Chính trị lẫn Tôn giáo đã và vẫn bị đàn áp thẳng tay, đẫm máu, tận diệt, bị khủng bố hàng loạt, man rợ, quy mô, bị bắt nhốt độc đoán, bị tra tấn, giam cầm trong các ngục tù khổ sai mà không được xét xử, bị thảm sát, hoặc mất tích bí mật, bị ngược đãi vô nhân, độc ác, triệt hạ nhân phẩm. Một trong những nạn nhân của chính sách tận diệt này là "Việt Nam Quốc Dân Đảng" một đảng phái quốc gia thành lập năm 1927 bởi vị anh hùng Nguyễn Thái Học vị quốc vong thân sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái, vì Đảng rất được lòng dân Việt.

Trong lãnh vực Tôn giáo, Đảng CSVN đã triệt hạ cấm chỉ hành đạo, tịch thu và sung công tài sản - văn hóa, xã hội của Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo. Bốn triệu tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo bị kiểm soát, trừng trị nếu sống theo đức tin và truyền giảng tín ngưỡng của mình.

Một vấn đề được đặt ra là, ngoài những bằng chứng cụ thể vừa xảy ra đã được Phái đoàn Nhân quyền Phụ Nữ Việt Nam nêu ra trước diễn đàn LHQ, còn rất nhiều những bằng chứng khác mà lịch sử Việt Nam hiện đại lưu giữ để có thể tố cáo được một phần nào những tội ác của Đảng CSVN trước dân tộc. Từ kiểu "Gấp lúa bỏ tay người" vô khống Việt Nam Quốc Dân Đảng trong vụ Ôn Như Hầu năm 1946, dựng nên một đảng phái mà đảng đối lập lại tôn sùng chủ nghĩa Mác-Lênin như trường hợp Đảng Xã Hội Dân Chủ Việt Nam cho đến việc trừng trị trở thành Đại biểu Quốc hội của một vài vị không phải là Đảng viên CS (Hợp Quốc Hội khóa 10), đều chỉ là những mưu mô chính trị nhằm bảo vệ cái ngai vàng CS cho một đám người mà thôi. Trong khuôn khổ cuộc tranh đấu nhân quyền nhân loại bộ chế độ CS này những mưu toan chính trị đó chỉ là những vật cản đã lỗi thời trước một trào lưu dân chủ mới ●

**Vài cảm nghĩ sau Đại Hội:  
HỘI THAO DIỄN HỒNG 1997  
\* ĐÀO THỊ KIM-LOAN  
Tiểu Ban Giải Trữ Pháp Nạn Hannover**

**Một cây làm chẳng nên non**

*Ba cây chụm lại thành hòn núi cao*

Câu tục ngữ này thật đúng với ý nghĩa của Đại Hội Hội Thảo Diễn Hồng này. Qua cuộc hội thảo giữa các tham dự viên với Ban Đại Biểu, đặc biệt là với ông Lê Phước Sang, Chủ tịch Hội Đồng Việt Nam Tự Do, chúng ta có thể hiểu rõ hơn và nhìn nhận được chính xác hơn bộ mặt của bọn Cộng Sản Việt Nam. Chúng ta là lớp trẻ của dân tộc, sống và lớn lên dưới chế độ XHCN, bởi vậy chúng ta không có cơ hội để nhìn nhận và hiểu biết về sự nhảm nhí, dã man, tàn bạo của Đảng CSVN. Vì trong chế độ XHCN thông tin luôn bị bưng bít, tự do ngôn luận, tự do báo chí... cũng đều bị cấm đoán. Người dân chỉ được phát biểu trong khuôn khổ, viết những gì Đảng cho phép, tất cả những cái đó đều phải nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của Đảng, ca ngợi Đảng, tuyên truyền cho sự tốt đẹp của Đảng, để Đảng dễ dàng cai trị. Với sự cai trị của Đảng CSVN, với thủ chũ thuyết ngoại bang được áp đặt vào Việt Nam, trong suốt thời gian cầm quyền Đảng CSVN đã vi phạm nhân quyền một cách dã man, có hệ thống. Dưới chế độ Cộng Sản, người dân Việt Nam chưa từng được hít thở một bầu không khí tự do thực sự nào, mọi quyền tự do căn bản của con người cũng bị tước đoạt. Dưới bàn tay thô bạo, độc tài của Đảng CSVN, năm 1954 với chính sách Cải Cách Ruộng Đất, với cái gọi là "đấu tố địa chủ", đã làm hàng chục ngàn nông dân lương thiện nhà tan, cửa nát, tù đầy hoặc rời đi đâu, máu chảy một cách oan ức.

Đặc biệt Đảng CSVN không những muốn độc tôn về chính trị, mà chúng còn muốn độc tôn về kiểm soát tư tưởng con người. Phật Giáo Việt Nam đã có từ trên 2000 năm, đã ăn sâu vào lòng dân tộc, gắn liền với nền văn hóa dân tộc và cũng kết tinh của sự sáng tạo nền văn hóa cổ xưa của Việt Nam, là hơi thở, là nhịp sống của hơn 70 triệu đồng bào. Vậy mà nhà cầm quyền CSVN lại tìm mọi cách để tiêu diệt, chúng đã thẳng tay đàn áp, bắt bớ, tù đầy các nhà lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ và các Đại Đức khác, chỉ vì những người này đã dám nói quan điểm của mình và đã kêu gọi nhà cầm quyền CSVN phải tôn trọng tự do tín ngưỡng và quyền hành đạo của Phật Giáo. Cộng Sản Hà Nội đã ngang nhiên đập phá các chùa, đình, miếu... biến các nơi này thành các Cơ sở, Ủy ban hay là nơi thẩm quan thẳng cánh.

Nói đến sự thảm hiểm, ác độc của CSVN thì có lẽ không có giấy mực nào ghi hết nổi. Cho nên chúng ta đã nhìn nhận và hiểu rõ bản chất của CSVN, và chúng ta đã nhìn thấy kẻ thù trước mặt chúng ta là Cộng Sản Hà Nội, thủ phạm của sự nghèo đói, lạc hậu, sự chậm tiến của dân tộc. Thì chúng ta là lớp trẻ của dân tộc không thể làm ngơ được nữa, hãy thiết thực bằng hành động, liên kết lại với nhau, vì đoàn kết là sức mạnh vô song. Chúng ta nên tin tưởng rằng, sức mạnh của sự liên kết này sẽ dễ dàng đập đổ chế độ Độc Tài - Đảng Trị thay thế bằng Tự Do - Dân Chủ và tương lai Việt Nam sẽ đứng ở một vị thế khác xa vị thế hôm nay ●

**SỰ ĐÀN ÁP TÔN GIÁO (NHẤT LÀ PHẬT GIÁO) DƯỚI NHÃN QUAN CỦA ÔNG NGUYỄN CHÍ THIỆN**

\* **Thiện Hội ĐOÀN HỮU HẢI**  
(Ghi lại qua phần trao đổi với nhà thơ Nguyễn Chí Thiện tại Koblenz ngày 6.9.97)

**T**rong chuyến công du sang châu Âu, để nói chuyện về tình hình thực trạng đất nước trong thời gian hiện nay của nhà thơ (ngục sĩ) Nguyễn Chí

Thiện, tại nước Đức là nơi ông dành nhiều thời gian nhất.

Được gặp, nói chuyện và trao đổi với ông trong cuộc hội thảo vào ngày 6.9.97 tại Koblenz. Cũng như bao Phật tử khác, điều muốn hỏi ông đó là vấn đề về sự đàn áp của chính quyền Cộng Sản Việt Nam, đối với Tôn Giáo nhất là Phật Giáo tại quê nhà dưới con mắt của ông.

Theo nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, dưới bất cứ thời gian và hoàn cảnh nào thì Tôn Giáo cũng bị chính quyền CSVN cho là một thủ bùa mê để ru ngủ dân chúng. Chính vì vậy họ đã phải ra tay đàn áp, bằng mọi cách và mọi thủ đoạn để hèn nhất hòng để chia rẽ, cảnh cáo cũng như lừa bịp và bôi nhọ niềm tin của dân chúng đối với Tôn Giáo. Đối với một đất nước có truyền thống Phật Giáo lâu đời và phổ cập như nước ta nên đạo Phật có thể nói là một đạo bị đàn áp nặng nề nhất, lâu nhất và nhiều nhất.

Đối với những nhà lãnh đạo tinh thần của Phật Giáo, chính quyền đã cô lập và quản thúc để ngăn chặn việc truyền bá môn ăn tinh thần duy nhất của Đạo Phật đến dân chúng. Họ sợ rằng nếu như Phật Giáo phát triển mạnh, tinh thần cũng như tâm linh của người dân được nâng cao, thì sự cai trị và quản lý của họ càng khó khăn hơn. Họ càng lo sợ hơn sự ảnh hưởng của Phật Giáo đối với dân tộc như những thời kỳ "đổi Lý", "đổi Trần" ... ngày xưa.

Chính vì vậy mà tại miền Bắc Việt Nam các Tăng sĩ Phật Giáo cũng như các Tôn Giáo khác bị cấm hoạt động. Họ coi Đạo Phật và các Tôn Giáo khác chỉ là một thủ bùa mê tin dị đoan không thực tế không thiết thực trong cuộc sống.

Sau năm 1975 sự sợ lan tràn, thâm nhập của Tôn Giáo nhất là Phật Giáo vào dân chúng ngày càng mạnh. Bởi vì nhân dân nhất là hai miền Trung và Nam ảnh hưởng cũng như hiểu biết về Đạo Phật rất mạnh, rất cao và rất sâu sắc (do ít bị cấm đoán hơn trong thời gian trước năm 1975) sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp tới lối cai trị vô thần của chính quyền CSVN. Nên họ đã bày mưu lập kế để lập nên một loạt những tổ chức tôn giáo, nhằm thu hút, áp bức và bắt buộc các tổ chức tôn giáo phải phục vụ cho Đảng, cho "Bác" và cho chính quyền CSVN. Nên Phật Giáo Việt Nam cũng bị rơi vào hoàn cảnh này, bị bắt buộc làm việc dưới sự quản lý và ức chế của Đảng CSVN. Dẫn đến việc hàng loạt các vị lãnh đạo tinh thần cao cấp của Phật Giáo bị tù đầy, quản thúc vì không chịu hợp tác với Đảng và chính quyền Cộng Sản Việt Nam.

Chính quyền CSVN nghĩ rằng với sự quản lý, kiểm chế và đàn áp của họ đối với các Tôn Giáo thì sức mạnh của Tôn Giáo sẽ không ảnh hưởng tới người dân. Để họ dễ dàng cai trị dân bằng chính sách lừa bịp, mị dân và vô thần.

Những họ đã làm Tôn Giáo nhất là Phật Giáo vẫn trường tồn trong tâm hồn và trái tim của hàng triệu người dân Việt Nam...

... Chia tay nhà thơ Nguyễn Chí Thiện và cảm ơn ông về những nhận xét của ông qua việc đàn áp của chính quyền Việt Nam đối với Tôn Giáo ●

**NHỮNG ĐIỀU CẦN NGHĨ ! VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ 8 THÁNG QUA VÀ NHỮNG NAN ĐỀ CHO QUỐC HỘI VIỆT NAM KHÓA 10**

\* **NGUYỄN VĂN HÙNG - 38259 Salzgitter**

**T**heo báo Công Luận, xuất bản tại Hà Nội, số ra ngày 28/9/97, việc sản xuất nông nghiệp đến ngày 5/9/97, cả nước đã thu hoạch được 1.348,9 nghìn hecta lúa Hè-Thu, chiếm 72,3% diện tích đã gieo cấy và đã gieo cấy được 2.122,6 nghìn hecta lúa mùa. Thống thường, những tin tức về nông nghiệp tỷ lệ nghịch với con số dân "đói gắt" thì thiếu ăn và mức độ dinh dưỡng của thanh thiếu niên. Những loại tin này chỉ phù hợp khi nhà nước Cộng Sản Việt Nam tự xiển dương đúng hạng thứ 2, thứ 3 về sản xuất lúa gạo trên thế giới.

Trong 8 tháng đầu năm, sản lượng đánh bắt thủy sản đạt được 995.000 tấn (bằng 66% kế hoạch/năm). Về sản xuất công nghiệp, giá trị sản lượng công nghiệp tháng 8 chỉ tăng 9,8% so với 13,4% cùng kỳ năm trước, và hoạt động với tốc độ tăng thấp nhất trong 8 tháng đầu năm. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp vẫn còn những khó khăn lớn, một số ngành và lĩnh vực có những biểu hiện chuyển lại, những trung tâm công nghiệp lớn tăng trưởng chậm.

Về xuất nhập cảng, kim ngạch xuất cảng 8 tháng đầu năm đạt 5.648 triệu Mỹ kim, đạt 61,4% kế hoạch năm, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước.

Đầu tư và xây dựng cơ bản tính chung cả 8 tháng, khối lượng vốn xây dựng cơ bản tập trung thực hiện đạt 61,9% kế hoạch Về tài chính tiền tệ, thu chi ngân sách 8 tháng vẫn chậm, tổng thu ước đạt 51% dự toán kế hoạch/năm. Để gọi là cố gắng chừng mình đã hoàn thành một số kế hoạch của nhà nước năm 1997, nhà cầm quyền Hà Nội đã đề ra 6 giải pháp về tất cả các mặt tài chính, vật tư, ngân hàng, phát triển, sản xuất, chống lạm phát, giữ vững giá cả của đồng tiền, cũng như phòng chống thiên tai, bão lụt...

- **Trong nan đề đầu tiên**, Cái gọi là lý tưởng và mục tiêu được ghi trong cương lĩnh đầu tiên của đảng CSVN: "Ngọn cờ tập hợp toàn dân, không quản hy sinh xương máu để giành lấy, bảo vệ quyền sống trong độc lập tự do và xây dựng một xã hội mới; mọi người có cơm ăn, áo mặc; ai cũng được học hành, được chăm sóc sức khỏe, được hưởng các quyền lợi và làm tốt nghĩa vụ như hiến pháp quy định", đã không được thực hiện từ bao lâu nay. Chính vì vậy, theo bài báo, thì "mọi việc làm sai trái với mục tiêu lớn của đảng và hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phải được ngăn chặn từ gốc. Nếu vi phạm trong hành động phải được xử lý nghiêm minh và kịp thời. Các đạo luật được ban hành, được bổ sung và các văn bản pháp quy cần được Quốc hội giám sát chặt chẽ và giám sát việc thi hành trong hoạt động thực tiễn".

- **Với nan đề thứ hai**, Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đảng và nhà nước CSVN chủ trương "phát triển các thành phần kinh tế, đã xác định kinh tế quốc doanh là chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác xã là các thành phần kinh tế cơ bản, nền tảng để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa". Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đường lối, chủ trương kể trên cho thấy bên cạnh những thành tựu không đáng kể, đã "có tình trạng yếu kém, thậm chí đổ bể trong không ít doanh nghiệp nhà nước, chưa phát huy được vai trò chủ đạo, kinh tế hợp tác xã chưa được coi đúng mức để tìm ra và nhân rộng những mô hình thích hợp gắn lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể". Trong khi nền tảng chưa được xây dựng vững chắc thì "khoảng cách giàu nghèo tiếp tục phát triển, nhân dân lao động nghèo hoặc sống dưới mức nghèo khổ, không có điều kiện thực hiện công bằng trong việc đi học, chữa bệnh, hưởng thụ quyền lợi về văn hóa, thông tin..."

- **Nan đề thứ ba**: Nhấn mạnh đến hàng ngũ lao động đang bị các "chủ nhân ông" ngoại quốc lấn nhà nước ra sức bóc lột, với sự tiếp tay của công đoàn, của các quan chức đảng liên hệ dù đã có luật đầu tư, luật lao động, luật công đoàn và nhiều luật khác..., "thì không thể chấp nhận các ông chủ những doanh nghiệp nước ngoài đi quá giới hạn luật pháp quy định; càng không thể tha thứ hiện tượng một số người nhân danh công đoàn cơ sở hoặc người phụ trách cơ quan lao động và xã hội của nhà nước, người phụ trách tổ chức công đoàn, không nắm vững pháp luật, không bảo vệ kịp thời quyền lợi chính đáng hợp pháp và phẩm giá của người lao động" Lực lượng trí thức Việt Nam cần được "sử dụng và được đãi ngộ thỏa đáng. Không buông trôi hiện tượng "cháy máu chất xám". Các nhà doanh nghiệp nước ngoài, khi sử dụng, không thể trả tiền đào tạo, trả tiền lương cho chuyên gia Việt Nam lại rẻ mạt so với việc sử dụng chuyên gia nước ngoài".

Đi đôi với việc sắp xếp lại cơ cấu và nhân sự trong guồng máy nhà nước, bài báo yêu cầu phải "đổi mới chế độ tiền lương theo nguyên tắc phân phối theo

lao động. Ai cũng nói là với chế độ tiền lương hiện hành, người lương thiện phải làm thêm mỗi đủ sống; một số không ít người phát lên nhờ xoay sở và tham nhũng. Việc bù lương theo chỉ số trượt giá theo quy định của kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa 9 năm 1996 cần được thực hiện nghiêm chỉnh".

- **Nan đề thứ 4.** Mặc dù ai cũng nói rằng "Công-nông liên minh là một vấn đề có bản trong đường lối, chính sách của đảng, là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân. Ngay từ khi thành lập, đảng đã đặt rõ vấn đề dân cày, coi nông dân là đạo quân chủ lực của cách mạng. Nhưng chính sách với nông dân do đảng và nhà nước đề ra chưa được thực hiện đúng và đầy đủ trong thời kỳ đổi mới. Đất làm nghiệp và nông nghiệp bị thu hẹp, có hiện tượng đầu cơ, kiếm chác trong việc mua bán, chiếm đoạt. Ở những vùng sản xuất nhiều lúa gạo, tỷ lệ dân cày không có ruộng tăng lên. Có những trường hợp trồng cây bị thua lỗ phải chặt phá, được mùa lúa lớn thì vừa mừng vừa lo. Nhà nước đề ra chính sách mua hết nông sản, hàng hóa, bảo đảm tỷ lệ lãi hợp lý cho người trồng, nhưng nhiều cơ quan chức năng của nhà nước lại tự dựa vào tư thương để cho tư thương ép giá, mua rẻ bán đắt, những kẻ trung gian - hầu hết là cán bộ - làm giàu to, người sản xuất thì thua thiệt đủ thứ. Lực lượng nông dân, hoặc thu nhập quá thấp, kéo về các thành phố kiếm việc làm ngày càng đông, không ít trường hợp sa vào các tệ nạn xã hội. Ở một số nơi, người nông dân còn phải chịu sự xách n hiều, phiền hà, phải nộp nhiều khoản thu do chính quyền xã và huyện tự định ra".

Bên cạnh sự khó khăn về kinh tế và đời sống vật chất, bài báo còn than thở rằng "còn có nạn đói về văn hóa, thông tin và giáo dục, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng các dân tộc miền núi. Ở những nơi ấy, cán bộ vẫn nói "chính quyền là của dân, do dân và vì dân".

- **Qua nan đề thứ 5,** đảng và nhà nước CSVN luôn đưa ra nhiều chính sách gọi là để "nâng cao đời sống nhân dân", nhưng "các nghị quyết và việc thực hiện đang còn khoảng cách rất lớn. Các hoạt động văn hóa, thông tin còn tập trung nhiều ở thành thị. Các tỉnh đều có báo chí hoặc một số tỉnh có nhà xuất bản. Nhưng những sản phẩm thông tin, văn hóa đưa về cơ sở còn rất ít hoặc không tới nơi, có những sản phẩm lại chạy ngược về thành phố, các bến xe đò. Phim ảnh nước ngoài đang chiếm lĩnh trận địa, đi sâu vào các gia đình, lứa tuổi và đẩy lùi phim ảnh Việt Nam. Phim, sách truyện kích động tình dục của Pháp, nạn tiêm chích ma túy, hút hít heroin đang tiến công vào thế hệ trẻ" Khi nhà nước CSVN luôn rằng phải "xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, chống lại những luồng và sản phẩm văn hóa độc hại", nhưng theo bài báo thì vẫn "chưa có nội dung và biện pháp cụ thể... Trên mặt trận (văn hóa) này chúng ta đang ở thế bị động". Trong kỳ họp quốc hội CSVN khóa 9 trước đây tập trung quá nhiều vào các vấn đề kinh tế, xã hội, mà "chưa dành thời gian thỏa đáng cho vấn đề văn hóa, trong khi cuộc sống đang đòi hỏi có một chiến lược văn hóa, tinh thần. Con người xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ cần có cái bụng no, mà còn phải có cái đầu trí tuệ, có lương tâm và phẩm giá để làm chủ đất nước, cuộc sống của mình".

- **Qua nan đề thứ 6,** một vấn đề đã được nhiều lần đề cập tại các kỳ họp quốc hội CSVN khóa trước là "chống lãng phí, chống tham nhũng, chống những xách nhiễu phiền hà, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch và vững mạnh", nhưng việc phòng chống chưa có hiệu quả, càng chống càng phát triển".

Theo bài báo, các vị "đảng biểu" của quốc hội CSVN "khi tiếp xúc với cử tri cũng coi đây là vấn đề rất nhức nhối, có liên quan đến sự tồn vong của đất nước, phải chống từ đâu, chống ai và ai chống? Câu trả lời không khó tìm ra".

Tuy nhiên, những loại giải pháp này, nếu trở ngược lại vài thập niên trước, có lẽ người ta cũng chẳng ngạc nhiên khi những "giải pháp" kể trên chỉ là những chữ được lập đi lập lại mà thôi.

Tháng 9.1997

# THƠ • NGUYỄN THỤY

## Rồng Tiên vào hội



*Đuối quân giặc nước, duyên tròn lại duyên*

*Trăm con một bọc*

*Giống nòi Rồng Tiên*

*Nghìn năm sau trước một thuyền*

*Nghĩa thề non nước, tình nguyên nước non"*

*Vàng, đêm hôm nay ta cỡi ngựa vàng lên đỉnh Sóc giục phi nhanh lên tận chín tầng trời*

*Lật số Nam Tào*

*Giở trang Bắc Đẩu*

*Xóa màu hư cấu*

*Tờ thiên thư chép vội mấy dòng thơ*

*Thơ rằng:*

*"Có con sông nào không xuôi về biển*

*Có biển nào chẳng bốc thành hơi*

*Hơi lên kết đọng mây trời*

*Gió đưa mây đến từng nơi non ngàn*

*Mây kết thành mưa*

*Mưa tuôn ào ạt*

*Nước tình tuyền tắm mát đầu non*

*Nước đi là để lại nguồn*

*Tình ta qua những trang buồn lại vui"*

*Rồi ta đếm tuổi cuộc đời*

*Trong ta cỡi đất cỡi trời giao nhau*

*Nghìn năm sau trước trước sau*

*Để ai dựng vách ngăn rào núi sông*

*Đứng lên đi, giống Lạc Hồng*

*Xóa sương đầu ngõ, xóa hờn quốc vong*

*Đã lòng thề hải minh sơn*

*Càng truân chuyên càng thấm tình*

*sơn mạn mà*

*"Đoạn trường số rút tên ra*

*Đoạn trường thơ phải đem mà trả nhau*

*Còn nhiều hương thụ về lâu*

*Duyên xưa đây đây, phúc sau đời dào"*

(2)

*Cảo thơm cố lục nhiệm màu*

*Rồng Tiên vào Hội Lễ chào nguyên*

*xuân.*

(1) Hai câu thơ của Lý Thường Kiệt

(2) Bốn câu trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du

• Cảm đề "Việt Sử trường ca" của Đinh Khang Hoạt

• Gởi đến quý vị: Kim Định, Trần Đại Sỹ, Trần Cao Tường, Phạm Cao Dương, Vương Kỳ Sơn, Nguyễn Ngọc Bích qua tập "Việt Nam Đệ Ngũ Thiên Kỳ".

*Vàng, đêm hôm nay thơ ta lừng vang bốn biển*

*Thơ ta đen, đỏ, tím, vàng, lam trắng, xanh huyền nhiệm*

*Thơ vào lay động giấc Long vương*

*Chấu thủy cung*

*Nắm lấy gáy con Rồng vàng đang ngủ*

*Lời khời đại dương*

*Đem đặt lại bên sườn Ngũ Lĩnh*

*Để Rồng lại noi*

*Để Rồng lại thua.*

*Thưa rằng:*

*"Ta là Lạc Long*

*Nàng là Âu Cơ*

*Buổi đầu dựng nước*

*Vàng tươi màu cờ*

*"Nam quốc sơn hà nam đế cư*

*Tiệt nhiên định phận tại thiên thu..."*

(1)

*Đường lịch sử mưa diên văn vũ*

*Nòi Rồng Tiên thác lũ bao phen*

*Giờ về ôn cuộc trăm năm*

# Tin Phật Sự

## ● BAN CHẤP HÀNH CHI HỘI PTVNTN REUTLINGEN VÀ VPC NHIỆM KỶ 1998-2000.

Dưới sự Chủ trì, chỉ đạo và chứng minh của Thượng Tọa, Trụ Trì chùa Viên Giác, ngày 09.11.1997, Chi Hội PTVNTN Reutlingen và VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành cho nhiệm kỳ 1998-2000, với thành phần như sau:

- Chi Hội Trưởng: Thiện Hậu Trần Xuân Hiền
  - Chi Hội Phó Nội Vụ: Thiện Ngộ Trần Văn Huyền
  - Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Thiện Danh Hàn Cường
  - Thủ Ký: Thiện Diệu Trần Thị Lệ Hường
  - Thủ Quỹ: Thiện Vũ Lê Thọ Hạng
  - Cố Vấn: Thiện Nguyên Hoàng Đôn Trinh
  - Phụ Tá Lễ Nghi: Thiện Châu Đặng Ngọc Trân
  - Phụ Tá Tổ Chức: Thiện Phát Dương Tường
  - Phụ Tá Tổng Quát: Thiện Thanh Lý Văn Vấn
- Địa chỉ liên lạc: Trần Xuân Hiền - Beim Herbstenhof 42 - 72076 Tübingen - Tel & Fax 07071/67944 - **Thiện Hậu** ghi

## ● TÂN BAN CHẤP HÀNH CHI HỘI PTVNTN TUTTLINGEN - ROTTWEIL & VPC

Chi Hội Phật Tử VNTN tại Tuttlingen - Rottweil & VPC đã bầu lại Tân Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1998-2000 với chức vụ và thành phần như sau:

- Chi Hội Trưởng: Thiện Như Võ Văn Hùng
  - Chi Hội Phó Ngoại Vụ: Thiện Mẫn Nguyễn Hữu Hậu
  - Chi Hội Phó Nội Vụ: Thị Đạo Hoàng Thị Xuân
  - Thủ Ký: Thiện Liễu Huỳnh Nghiệp Thanh
  - Thủ Quỹ: Thiện Sơn Hùng Thực Kim
- Địa chỉ liên lạc: Herr. Thiện Như Võ Văn Hùng - Stepphansfelderstr. 26/2 - 78532 Tuttlingen - ĐT. 07461 - 13192

Nhân dịp này, thay mặt Hội PTVNTN chúng tôi xin chào mừng quý Đạo Hữu trong Tân Ban Chấp Hành và chúc quý Đạo Hữu sẽ đạt được nhiều thành quả tốt đẹp trong nhiệm kỳ mới.

## ● LỄ PHẬT TẠI CHI HỘI PTVNTN REUTLINGEN

Trong hai ngày 08 và 09.11.97, Chi Hội PTVNTN Reutlingen và VPC đã tổ chức lễ Thọ Bát Quan Trai và Lễ Phật Cầu An định kỳ, với vài số liệu nói lên sự viên mãn của hai lễ Phật:

- Chứng minh chủ lễ: 2 vị Thượng Tọa Thích Như Điển (Viên Giác) - Thích Quảng Bình (Đan Mạch)

- Phụ lễ: 3 chú Sa Di Hạnh Vân - Hạnh Hòa và Hạnh Định.
- Số giới tử: 91 (57 nữ và 34 nam).
- Số quy y Tam Bảo: 9.
- Số giờ tu học: 4 giờ.
- Giáo lý được thuyết giảng: Kinh Pháp Cú (một phần) - Tâm và Thức - Chánh Niệm.
- Số ĐH PT tham gia lễ Cầu An: gần 150 - cộng với số giới tử 91, tổng số gần 250 trong ngày 09.11.97.
- Vài nét đặc biệt: Tổ chức lễ Cầu Siêu cho một số hương linh tối 08.11.97. Tổ chức Thiền hành sáng 09.11.97 - Một gia đình ĐH cúng dường các buổi thọ trai trong suốt 2 ngày - Một gia đình ĐH cúng dường buổi tào thực.

Chi Hội Reutlingen có thực hiện một cuộn băng Video quay đầy đủ toàn bộ các buổi lễ, các buổi thuyết pháp của hai vị Thượng Tọa, buổi trà đàm, thiền hành, Quy y Tam Bảo, v.v....

Quý ĐH PT nào muốn thỉnh cuộn băng quý giá này, xin liên lạc với: Trần Xuân Hiền - Beim Herbstenhof 42 - 72076 Tübingen - Tel & Fax 07071/67944.

## ● THÔNG BÁO CỦA CHI HỘI REUTLINGEN

Lễ Phật cầu an giải hạn đầu năm Mậu Dần (1998) sẽ được tổ chức vào ngày mùng 5 Tết Mậu Dần, tức ngày 01 tháng 02.1998 tại nhà thờ Saint Andréas, 186 đường Nürnberger, 72760 Reutlingen, tức nhà thờ chợ nhỏ, địa điểm vừa tổ chức lễ Thọ Bát Quan Trai và Lễ Phật định kỳ - Có cầu an, cầu siêu, cúng sao hạn.

Trân trọng thông báo quý Phật Tử Đạo Hữu được biết.

## ● TÂN BAN CHẤP HÀNH CHI HỘI PHẬT TỬ VNTN TẠI KARLSRUHE & VPC

Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Karlsruhe và VPC được bầu lại nhiệm kỳ 1997 - 1999 với chức vụ và thành phần như sau:

- Chi Hội Trưởng: ĐH Thiện Nghĩa Đào Trọng Hiếu
- Chi Hội Phó Nội Vụ: ĐH Thiện Mỹ Lương Văn Xinh
- Chi Hội Phó Ngoại Vụ: ĐH Thiện Vân Nguyễn Văn Chương
- Thủ Ký: ĐH Thiện Chánh Lý Khánh Minh
- Thủ Quỹ: ĐH Tâm Thành Thới Ngô Minh Huệ
- Cố Vấn: Cụ Tôn Nữ Chung Anh, và ĐH Diệu Huệ Dương Thị Quỳnh.

Địa chỉ liên lạc: Herm Đào Trọng Hiếu  
Insterburgerstr. 21.C, 76139 Karlsruhe -  
Tel. 0721 - 681966

Nhân dịp này thay mặt Hội Phật Tử VNTN tại Đức Quốc, chúng tôi xin kính chào mừng Tân Ban Chấp Hành và kính chúc quý Đạo Hữu đạt được nhiều thành quả trong nhiệm kỳ mới.

## ● KHÓA TU BÁT QUAN TRAI TẠI CHI HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN TẠI MANNHEIM & VPC

Vào ngày 01 và 02.11.97, Chi Hội PTVNTN Mannheim & VPC có tổ chức Khóa Tu Bát Quan Trai Giới, do Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác chủ trì và hướng dẫn.

Liên tiếp 3 năm qua, Khóa Tu Bát Quan Trai cũng vào thời gian này được tổ chức tại một ngôi chùa Tây Tạng ở Heidelberg. Năm nay, Chi Hội đã tổ chức tại địa điểm lễ Phật hàng tháng của Phật Tử Mannheim & VPC, Volkshaus-Rheingoldstr.47-49, Neckarau-Mannheim.

Cũng như mọi năm, số Phật Tử ghi tên thọ giới gần 60 người. Trong số này có 4 Đạo Hữu từ Strasbourg, Pháp Quốc. Ngoài ra, còn một số Phật Tử và đồng hương đã đến dự khóa lễ cầu an và nghe Pháp.

Thượng Tọa đã hướng dẫn về ý nghĩa Tu Bát Quan Trai và truyền giới cho các Giới-tử thật trang nghiêm. Tiếp đến là nghi thức Quán-Đường và Kinh-hành nhiều Phật. Về phần giáo lý, Thượng Tọa đã giảng đề tài "**Từ Bi Đạo Trạng Sám Pháp**". Vào buổi tối ngày thứ bảy 01.11, Thượng Tọa đã hướng dẫn một Thời-khóa 90 phút chuyên niệm Hồng danh A-Di-Đà-Phật. Đặc biệt, Thầy đã vui vẻ tường thuật về chuyến hành hương Trung Quốc vừa qua của phái đoàn do Thầy hướng dẫn với những mẩu chuyện rất bổ ích. Tin rằng tất cả đã giúp cho

Phật Tử và quý đồng hương tham dự hiểu thêm về Đạo cũng như nâng cao kiến thức.

Trong dịp này cũng có 8 Phật Tử phát tâm Quy Y Tam Bảo và một số Phật Tử đã phát tâm ấn tống 160 quyển Tây Phương Du Ký với lòng mong ước, mỗi người có nhân duyên đọc qua hoặc xem kỹ lại, sẽ tăng thêm tin tâm vào Phật Pháp và cõi Tây Phương Tịnh Đố.

Nhớ lại Khóa Tu Bát Quan Trai năm trước, Thầy đã có món "Quà tặng" cho các Giới-tử là một bài Sám để học và... trả bài! Do đó, thay vì những câu chuyện trao đổi tâm linh trong giờ nghỉ, ai cũng lo học và hầu hết đã thuộc lòng bài này. Năm nay, Thầy đã khuyên Phật Tử dành thì giờ đọc quyển Tây Phương Du Ký và trước khi xả giới, ở phần kiểm điểm, Thầy đã nêu lên những câu hỏi, những gợi ý thật quý báu về nội dung, quyển truyện này. Thầy cũng hoan hỉ ngợi khen tinh thần tu học, phục vụ của Phật Tử nói chung và riêng Ban Trai Soạn đã nấu ăn rất ngon.

Khóa Tu đã hoàn mãn tốt đẹp. Thầy trò, Bạn đạo chào tạm biệt nhau trong niềm vui chan hòa Đạo vị.

(Nhật Trọng ghi)

## GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT CHI BỘ ĐỨC QUỐC CHI HỘI PHẬT TỬ BÁ LINH NIỆM PHẬT ĐƯỜNG LINH THỦU

Berlin, ngày 15 tháng 11 năm 1997

### TÂM THƯ

Kính gửi : Toàn thể Phật Tử  
và quý đồng hương  
V/v : Kiến tạo một ngôi chùa tại Bá Linh

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý liệt vị,

Đã nhiều năm qua, bà con đồng hương noi chung và các Đạo hữu Phật tử cư ngụ tại Bá Linh nói riêng, đã hằng ước nguyện xây dựng một ngôi chùa để đồng bào xa gần có nơi lui tới tu học và nương tựa tinh thần trong cuộc sống tha hương buồn tẻ.

### "Mái chùa che chở hồn dân tộc Nếp sống muôn đời của tổ tông"

Trong thời gian gần đây, chúng tôi thừa lệnh của Thượng Tọa Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Đức Quốc - qua sự yêu cầu của Chi Hội Phật Tử Bá Linh - đã về trụ trì tại Niệm Phật Đường Linh Thủu từ đầu tháng 10 năm 1996. Sau bao tháng ngày cùng làm Phật sự với Ban Chấp Hành và quý Đạo hữu Phật tử tại đây. Chúng tôi nhận thấy nhu cầu sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm và sự tu học lễ bái của quý vị đồng hương ngày càng đông, mà trú xứ nơi đây quá chật hẹp không đáp ứng được những nhu cầu. Và một điều đáng lo lắng nhất của chúng tôi hiện nay là hợp đồng thuê nhà sắp chấm dứt vào đầu năm 1998, mà chắc chắn chủ nhà sẽ không đồng ý cho chúng ta được thuê tiếp tục nữa. Bởi vì sự sinh hoạt đông đảo của chúng ta đã làm cho những người ở cùng một chung cư tỏ ý bất bình phản đối v.v....

Thưa quý vị, chúng tôi thiết nghĩ rằng : Tạo lập chùa chiền để phụng thờ Tam Bảo và giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc là một cách báo ân Đức Phật, phục vụ chúng sanh. Vì vậy chúng tôi và Ban Chấp Hành cùng một số Phật

Tủ hữu tâm, sau mấy tháng trời tìm kiếm, chúng tôi đã chọn được ngôi nhà tọa lạc tại :  
Pinneberger Weg 14 - 13581 Berlin-Spandau  
Ngôi nhà gồm có 5 phòng, đất rộng 1.365 m<sup>2</sup>.  
Giá tiền phải mua : 510.000,00 đồng cộng thêm thuế, phụ chi và thù lao cho người giới thiệu.  
Tổng cộng khoảng : 550.000,00 đồng - 560.000,00 đồng.

Chúng tôi cũng đã cung thỉnh Thượng Tọa Viên Giác, Chi Bộ Trưởng Chi Bộ Đức Quốc và Ni Sư Chi Bộ phó đến tận nơi xem xét địa thế của ngôi nhà nói trên. Nhị vị đã khuyến khích chúng tôi nên tiến hành sớm. Với số tiền phải mua quá lớn, mà ngân quỹ của chùa hiện nay chỉ có độ 2/5 số tiền phải trả cho người bán.

Vậy chúng tôi thiết tha kêu gọi thiện tâm của quý bà con Phật tử xa gần, phát tâm ủng hộ kê fit người nhiều cho ngôi chùa tại Bá Linh này sớm thành tựu.

Chúng tôi đề nghị ba cách sau đây, tùy sự hào tâm của quý vị :

- 1/ Cúng dường một số tịnh tài vào quỹ chùa.
- 2/ Cúng dường định kỳ hàng tháng để chùa có khoản thu nhập để trả các chi phí.
- 3/ Cho chùa mượn không lời (Hội thiện). Sau ba năm chúng tôi sẽ lần lượt hoàn trả.

Chúng tôi thiết tha kêu gọi quý vị cúng dường và ủng hộ càng nhiều càng tốt để chùa khỏi phải vay ngân hàng vì vay ngân hàng phải chịu tiền lãi quá nặng.

Xin trân trọng đón nhận những tấm lòng vàng của quý vị và nguyện đem công đức này hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sanh.

Kính chúc quý vị Đạo hữu Phật tử và quý đồng hương được vô lượng an lạc, vô lượng phúc báu, đạo tâm kiên cố, cát tường như ý.

Nam Mô Thường Hoan Hỷ Bồ Tát

TM. Ban Vận Động kiến tạo  
chùa Linh Thủu Bá Linh

Ni Sư Trụ trì Thích Nữ Diệu Phước

#### Ghi chú :

Số tịnh tài cúng dường quý vị có thể xin thuế lại.

Niệm Phật Đường Linh Thủu  
Krefelder Str. 6, 10555 Berlin -  
Tel.: 030-3917265

Trưởng mục :

Nguyễn thị Minh Trang (Ni Sư Diệu Phước)  
Konto-Nr. 0240371860 BLZ . 100 500 00  
Sparkasse Berlin

## Thông Báo Chí

NGÀY 13.10.1997

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam viết thư ngỏ gửi Chính phủ mỗi nước CHXHCN Việt Nam yêu cầu bảo vệ nhân tài bằng cách trả tự do cho tất cả tù nhân lương thức, nhân ngày Quốc Tế Nhân Quyền 10.12.97, và mời đón 400.000 trí thức, chuyên gia ở hải ngoại về tái thiết quê hương

Sau đây là nguyên văn bức thư của ông Võ Văn Ái, nhân danh Chủ tịch Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam kiêm Phó chủ tịch

Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền, gửi Chủ tịch Trần Đức Lương và Thủ tướng Phan Văn Khải:

Đồng kính gửi:  
Ông Trần Đức Lương, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam,  
Ông Phan Văn Khải, Thủ Tướng nước CHXHCN Việt Nam  
Hà Nội (Việt Nam)

Paris, ngày 12 tháng 10 năm 1997

Thưa quý Ông Chủ Tịch và Thủ Tướng,  
Trước hết tôi xin gửi lời chúc mừng quý Ông vừa được thăng quan tiến chức vào các vai trò trọng yếu quốc gia. Sau xin được đề đạt một vài ý kiến cho việc hưng phục quê hương. Lẽ ra, tôi không nên tự tiện làm việc này, vì truyền thống chính phủ qua các trào của các ông Phạm Văn Đồng, Võ Văn Kiệt là không đọc, không trả lời các thư thỉnh nguyện hay yêu sách của người dân, dù chưa ngừng phát biểu chủ trương lấy dân làm gốc, lấy dân làm chủ, còn cán bộ các cấp chính quyền chỉ là công bộc của dân.

Nhân đọc bài diễn văn "Định hướng chương trình hành động của Chính phủ trong nhiệm kỳ mới" trình bày tại kỳ họp thứ nhất Quốc Hội khóa 10, ông Thủ Tướng đã thay mặt Chính phủ "kêu gọi kiều bào ở nước ngoài... phê bình và đóng góp ý kiến xây dựng cho Chính phủ và bộ máy hành chính Nhà nước", nên tôi mạnh dạn viết bức thư hôm nay gửi hai ông Chủ Tịch và Thủ Tướng.

Hầu như toàn bộ bài diễn văn của ông Thủ Tướng chỉ đặt nặng ưu tú về sản phẩm, hàng hóa và thị trường kinh tế "theo định hướng XHCN", mà chẳng quan ngại đến vấn đề căn bản và quan trọng hàng đầu là vấn đề "Người". Tuy nhiên, trong bài diễn văn dài gần tám nghìn chữ ấy, tôi thấy được năm lần ông Thủ Tướng dùng ba chữ "theo pháp luật" như một tinh thần mà Chính phủ mỗi muốn nương tựa.

Vấn đề tôi muốn góp ý, ngoài pháp lý còn là con Người cơ bản, liên quan đến kế sách hưng phục đất nước và tái thiết quốc gia. Có người, có toàn dân tham gia, việc khó mấy cũng thành. Ly khai người, ly khai dân, việc nước tất loạn. Người không thể chỉ là cơ bắp, lao động, sản phẩm hàng hóa. Vì người còn là trí tuệ, tình nã, Tây phương gọi là chất xám, là nguyên động lực cho việc lập biển đời non. Muốn dựng nước, giữ nước, phát huy dân tộc, tất phải cày nhò vào sinh thể văn minh là khối óc con người.

Vậy chất xám ấy, con người trí tuệ ấy, hiện nay ở đâu để giải quyết và phá thế kẹt mà ông Thủ Tướng lo lắng qua bài diễn văn rằng: "toàn cảnh về kinh tế, xã hội, đang còn những mảng tối và điểm tối chưa được khắc phục hoặc mới xuất hiện. Tình hình tới đây chắc chắn sẽ đặt ra cho chúng ta những vấn đề mới và khó khăn mới" ?

Chúng tôi xin được mách với Chính phủ rằng, khối lượng đông đảo của trí tuệ Việt Nam hiện nay, hoặc đang chết mòn trong các nhà tù, trại cải tạo, hoặc đang sinh sống trong 70 quốc gia trên thế giới.

Lớp người trong tù là những nhà lãnh đạo tôn giáo, trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo, nông dân, công nhân... những tù nhân chính trị, tù nhân lương thức, vì chính kiến. Họ có vấn đề với chính quyền, vì họ thường yêu nòi giống, khát khao dân quyền và nhân quyền chưa được hưởng. Những quyền được các Công Ước Quốc

Tế, Tuyên ngôn Quốc Tế Nhân Quyền LHQ công nhận và bảo đảm, mà nước CHXHCN Việt Nam đã ký kết tôn trọng.

Lớp người ở nước ngoài là khối Người Việt Biển đi tìm tự do vào cuối thập niên 70. Ly hương trên quê hương hay ly hương nơi đất khách, việc vu hãm hay giam nhốt trí tuệ học thuật là tiêu hủy sức trưởng thành của nòi giống. Tội đồ lớn nhất đối với quốc gia. Tội cực kỳ trọng đại Chính phủ mỗi có biện pháp và hành động quyết liệt chấm dứt sự nhốt tù chất xám này. Nhất là vào thời điểm đất nước đang cần người có tài lương đồng.

Do đó, trong cương vị cầm đầu một tổ chức nhân quyền có liên hệ với khối tù nhân chính trị, với các tổ chức quần chúng đấu tranh đòi hỏi dân quyền và dân chủ trong nước, thường xuyên theo dõi các vi phạm nhân quyền trắng trợn tại CHXHCN Việt Nam, tôi xin trình bày hiện trạng Nhà tù Việt Nam như sau, theo bức Kiến Nghị của 4 tù nhân chính trị trong nước:

1. Về việc ân xá. Như là "một biện pháp xoa dịu xã hội", Chính phủ đã phóng thích một số tù chính trị; chúng tôi chỉ có thể cảm ơn về việc làm này. Điều làm cho chúng tôi suy nghĩ, đó là hàng trăm tù nhân chính trị khác hiện nay vẫn còn nằm trong các trại giam, nhà tù khác nhau. Vì những nguyên nhân gì vậy? Phải chăng chúng tôi có một "hạnh kiểm xấu"? Nếu vì "hạnh kiểm xấu", theo cách hiểu những ai tham gia các cuộc tuyệt thực, phản kháng, là xấu, thì phải nói ngay rằng chẳng có một tù nhân chính trị nào có hạnh kiểm "tốt". Bởi vì mọi tù nhân đều phải dùng biện pháp đấu tranh tuyệt vọng này để yêu sách cải thiện các điều kiện sống cho tinh thần và vật chất của họ (...) Chúng tôi chỉ muốn biết vì sao chính phủ đã có thể phóng thích những đồng chí của chúng tôi về với gia đình họ mà vẫn còn giữ lại chúng tôi trong các nhà giam? Thêm nữa, chúng tôi đã làm gì để bị kết án nặng như thế? Phải, chúng tôi đã đòi lúa gạo cho những ai đang đói, đòi đất đai cho những người không có đất, đòi tự do Nghiệp Đoàn cho những người lao động. Phải chăng đó là tội phạm của chúng tôi? (...) Phải chăng là tội phạm khi tin vào một lý tưởng mà không có gì trên đời này sẽ làm cho chúng tôi tù bỏ. Thưa các Ngài, chúng tôi muốn tin rằng các Ngài cũng cảm nhận được sự bất công ấy như chúng tôi.

2. Về việc cấm lưu trú. Tất cả bốn tù nhân viết thư này cho các Ngài đã từng phải chịu đựng những năm tù đầy, 10 năm quản thúc. Và cần phải nói rằng đại bộ phận tù nhân chính trị đều bị kết án quản thúc, bị cầm chân trong làng hay trong tỉnh của họ; những tù chính trị cũ rất khó làm ăn, hằng ngày họ phải chịu đựng sự bạo ngược của bọn hào lý, còn bảo hoàng hơn cả vua, chúng áp đặt cho họ một cuộc sống không thể nào chịu đựng nổi. (...)

3. Việc tra tấn (...) Những người điều tra nổi tiếng, đã nói tới việc đó, song còn rất thiếu sót. Các bài viết, các công trình của họ chỉ mới miêu tả được một phần mười những cực hình mà chúng tôi, tất cả chúng tôi đã phải chịu đựng qua các buổi thẩm vấn. Đã nhiều năm trôi qua, kể từ ngày chúng tôi bị bắt, mà dấu vết, từ những đêm không thể quên đó vẫn còn lưu lại trên thân thể chúng tôi. (...)

4. Về việc đàn áp trong nhà tù. (...) Đến bao giờ mới có những cuộc điều tra vô tư và sự

nghiêm trị các tên tội phạm của các vụ đàn áp đẫm máu và vô cớ? Các cuộc thanh trừng này xảy ra vì một cuộc tuyệt thực ôn hòa để ủng hộ hai yêu sách chính của chúng tôi là ân xá và cải thiện cuộc sống vật chất của tù chính trị.

**5. Về cuộc sống của chúng tôi trong nhà tù.** Cả bốn chúng tôi đều không rõ những lý do đích thực về sự giam giữ cách ly (...) rất nghiêm ngặt với các đồng chí còn lại của chúng tôi. Phải chăng chúng tôi là những người chuyên tổ chức các vụ tuyệt thực, các vụ phản kháng? Không phải vì thế, chúng tôi là sau vụ cách ly chúng tôi rồi mà các cuộc tuyệt thực và các vụ phản kháng vẫn còn xảy ra trong tù chính trị. Phải chăng chúng tôi là những kẻ gây rối trong số các tù thường phạm? Cũng không phải thế, bởi vì hai tháng trước, toàn bộ tù thường phạm mà chúng tôi không thể liên lạc với họ được, đã biểu tình một cách âm ỉ... Vậy thì tại sao cách ly chúng tôi?

Chúng tôi đã luôn luôn yêu cầu Chính phủ địa phương cho phép chúng tôi mua giấy và mực để học tập, đến nay vẫn chưa được phép.

Đây là những yêu sách chính của chúng tôi, chúng tôi yêu cầu các Ngài vui lòng xem xét tới".

Thưa quý Ông Chủ Tịch và Thủ Tướng,

Trên đây là nguyên văn được rút gọn tối đa từ bức Kiến Nghị của bốn tù nhân chính trị, để quý Ông đỡ mất thì giờ đọc các chi tiết thảm thiết và dã man, đồng thời vẫn nêu đủ thảm trạng của người tù Việt Nam trong chế độ nhà tù hãm giết còn người. Bốn người viết Kiến Nghị là bốn người cộng sản, có người rất nổi danh. Đó là các ông Nguyễn Thế, Nguyễn Văn Nữ, Nguyễn Hoàng Đức và Trần Văn Giàu. Quý Ông sẽ trách tôi lạc hậu, khi khám phá rằng bức thư trên đây viết tại Khám Lớn ở Sài Gòn ngày 12.11.1937 gửi Ủy Ban Điều Tra của Quốc Hội Pháp thời Mặt Trận Bình Dân. Bức thư này hiện còn giữ tại Trung Tâm lưu trữ tài liệu các nước Pháp hải ngoại ở Aix-en-Provence, Pháp.

Không, tôi không ăn cơm mới nói chuyện cũ đâu. Thực tế rất hiện đại, vì:

Một là, thực trạng của nhà tù và trại cải tạo tại Việt Nam ngày nay khốc liệt mười lần hơn chế độ nhà tù dưới thời Pháp thuộc dành cho các nhà cách mạng và các đảng viên cộng sản;

Hai là, chế độ nhà tù thời Pháp thuộc lương thiện hơn chế độ tù ngục XHCN trên mặt danh xưng. Thời Pháp thuộc, người làm chính trị chống chính quyền thực dân, người tranh đấu cho nhân quyền và độc lập dân tộc, được gọi là tù chính trị và được giam riêng. Không như ngày nay, dưới chế độ XHCN, tự mệnh danh mình ưu việt và đệ nhất nhân đạo, các nhà lãnh đạo tôn giáo, trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo, nông dân, công nhân... bị bắt cầm tù vì hoạt động cho nhân quyền, dân quyền, chống bất công xã hội, đều bị liệt vào án tù hình sự và giam chung với tù thường phạm là những kẻ đầu trộm đuôi cướp, sản phẩm của xã hội tha hóa XHCN!

Không, tôi không lấy chuyện năm 1937, dưới thời Pháp thuộc sáu mươi năm trước, vụ hãm cho Chính quyền XHCN vào năm 1997. Từ 12 năm qua, những hồ sơ vi phạm nhân quyền, đàn áp tôn giáo, ngược đãi và giết chóc tù nhân trong hệ thống trại cải tạo khủng khiếp tù trong nước gửi ra, đã được tôi đệ trình hay

phát hiệu tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc qua các khóa họp thường niên tại Genève. Phái đoàn của Nhà nước CHXHCN Việt Nam luôn có mặt ở hội trường khi tôi phát biểu, và Phái đoàn cũng đã cử người đến xin chúng tôi những hồ sơ ấy. Không thể nói rằng Chính phủ không biết, hoặc giả Phái đoàn không chuyển đệ các tài liệu này về Hà Nội? Điều đáng tiếc, là mỗi lần tôi phát biểu, Phái đoàn của Chính phủ không trả lời hoặc biện chính công minh các trường hợp đàn áp tôi nêu ra, mà chỉ dùng lời bất nhã vu khống cá nhân tôi như một đĩa hát rề mồi năm.

Chỉ nói riêng những hành động dùng bạo lực trấn áp, ngược đãi tù nhân chính trị gần đây khi họ yêu sách cải thiện chế độ nhà tù, tôi xin dẫn chứng bốn trường hợp:

1) Cuộc tuyệt thực trong 7 tuần lễ, kể từ ngày 1.4.1994, của bốn Đại Đức chùa Linh Mục, Huế, với sự ủng hộ của toàn thể tù chính trị phần trại A tại trại Ba Sao, tỉnh Nam Hà;

2) Cuộc tuyệt thực của Đại Đức Thích Hạnh Đức ngày 7.7.1994 tại nhà tù Phước Cờ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đòi quyền công án;

3) Cuộc tuyệt thực và phản kháng của tập thể 250 tù nhân chính trị ngày 28.10.1994 tại trại A.20, tỉnh Phú Yên, yêu sách gặp Phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc do ông Louis Joinet cầm đầu đến Phú Yên; và

4) Cuộc phản kháng của tập thể tù nhân chính trị tại trại Z30A, K1 ở Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai ngày 27.5.1996.

Sự khủng bố ngày nay vượt xa các dữ kiện tố cáo của các ông Trần Văn Giàu dưới thời Pháp thuộc. Quý Ông có thể tìm thấy các minh chứng và dữ kiện qua bản Kiến Nghị của bốn tù nhân chính trị Đoàn Viết Hoạt, Trần Mạnh Quỳnh, Lý Tống và Trần Tú, viết ngày 1.4.1994, gửi Thủ Tướng Võ Văn Kiệt và Bộ Nội Vụ tố cáo chế độ khủng bố trong các nhà tù Chí Hòa, Thủ Đức, Z30D Hàm Tân, A.20 Phú Yên và Ba Sao; hoặc qua bản Bạch Thư của tù nhân chính trị Phạm Văn Thành viết từ A.20 Phú Yên ngày 25.7.1994. Hai tài liệu này đã được Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam công bố ngày 21.02.1995 tại khóa họp lần thứ 51 của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc tại Genève.

Thưa quý Ông, thảm trạng người tài bị giam hãm, khủng bố, chết mòn trong oan ức và vô vọng dưới chế độ tù ngục XHCN thật trầm trọng cho bản thân họ, cũng như cho tương lai đất nước. Xin quý Ông mở lòng, lắng tai và trừng mắt nhìn vào thực tại bất công, phi nhân ấy, để phục hồi lý tưởng của nước Việt, cứu người Việt của quý ông thuở ban đầu dẫn thân cách mạng vào những năm 30. Mọi chuyện lấp biển dời núi vĩ đại đến đâu, cũng không bằng ra tay nghĩa hiệp cứu cho một người vì lương thức, cứu cho mỗi người nông dân và công nhân đang đói rách và oằn lưng dưới gánh nặng của sưu cao thuế nặng, của nạn tham nhũng, bóc lột và của quyền do bọn cường hào cán bộ sâu dân một nước hoành hành.

Nếu quý Ông không tin lời tôi tha thiết, không tin các dữ kiện tôi nêu bày, thì hãy xuống lệnh cho phép một Phái đoàn quốc tế đến Việt Nam điều tra, làm rõ trắng đen, để đủ luận thể giới ngưng cuộc tố cáo chế độ nhà tù XHCN vô nhân đạo cùng điều kiện giam giữ khắc nghiệt tù nhân chính trị trên toàn quốc. Liên Đoàn

Quốc Tế Nhân Quyền (FIDH, Fédération Internationale des Ligues des Droits de l'Homme) xin đảm trách công tác ấy. Không thể ngờ việc sự lương thiện trí thức của Liên Đoàn này. Vì đây là tổ chức bất vụ lợi ra đời tại Pháp năm 1922, hiện có 89 quốc gia hội viên trên khắp năm châu. Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền đã từng bênh vực phá án tù hình cho cụ Phan Bội Châu và giải thoát cho cụ Phan Chu Trinh ra khỏi ngục Côn Đảo hồi đầu thế kỷ.

Xin quý Ông hãy mở đầu kỷ nguyên mới cho Chính phủ mới, bằng việc nâng cấp "Xã Hội Chủ Nghĩa" lên "Xã Hội Công Dân" chứa hệ thoáng hiện trên đất nước ta sau các triều đại Lý, Trần, Lê. Biện pháp ư? Xin Chính phủ hãy thực hiện 4 điều sơ khởi sau đây:

1. Ra lệnh trả tự do cho tất cả tù nhân chính trị, tù nhân tôn giáo, tù nhân vì lương thức hay chính kiến, để họ hòa nhập vào cuộc tham gia tái thiết đất nước. Để đủ luận thể giới thấy rõ khả năng tôn trọng nhân quyền của Chính phủ, nhân Ngày Quốc Tế Nhân Quyền 10.12.1997 sắp tới, hay trễ lắm vào Tết Nguyên Đán 1998, tôi xin đề nghị trả tự do đột đầu cho các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, các Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Thiện Minh, Thích Huệ Đăng (Nguyễn Ngọc Đạt), Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt, các ông Nguyễn Đình Huy, Phạm Văn Thành, Lý Tống, Trần Mạnh Quỳnh...

2. Chấm dứt tình trạng quản chế theo Nghị định 31/CP vừa ban hành tháng 4 năm nay, và tình trạng phân biệt đối xử với những người đã được trả tự do, như trường hợp các Đại Đức Thích Hải Tạng, Thích Trí Tựu, Thích Hạnh Đức, Thích Trí Lực, Thích Hải Thịnh, Thích Hải Chánh... để họ trở về đời sống tu hành hoặc đời sống xã hội như mọi công dân của một nước độc lập tự chủ.

3. Phục hồi quyền sinh hoạt tự do cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là Giáo Hội Phật Giáo truyền thống và dân lập, đại diện cho 80% quần chúng và có quá trình đóng góp chủ yếu vào nền Văn hóa Việt Nam từ 20 thế kỷ qua; cũng như cho các Giáo Hội Công Giáo, Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành, Cơ Đốc... Tôi cố tình nhấn mạnh khía cạnh tôn giáo, là vì chỉ có khối lượng đông đảo quần chúng của các tôn giáo tại Việt Nam ngày nay mới giải quyết được cuộc khủng hoảng xã hội và nhân sinh, mà nước Việt đang mắc phải. Tập đoàn tham nhũng nhà nước cấu kết với Mafia quốc tế bành trướng chủ nghĩa Kim Tiền là tác nhân của các tệ nạn này.

4. Với một lực lượng hùng hậu chưa từng có, so với các nước còn chậm tiến trên thế giới, 400.000 tinh náo (chất xám) Việt Nam trong số gần ba triệu người sống lưu vong ở nước ngoài, là những trí thức, học giả, bác sĩ, kỹ sư, chuyên gia kinh tế, xã hội, nhân khẩu, sinh thái, văn nghệ sĩ, nhà báo, v.v... Bốn trăm nghìn người này, và nhiều thành phần khác nữa trong Cộng đồng người Việt hải ngoại, chỉ cần nghe tin Đảng và Chính phủ tuyên bố bỏ điều 4 trên Hiến Pháp, là sẽ tức khắc hồi hương phục vụ dân tộc, hoặc trở thành những Đại Sứ không lương đi chu du thuyết phục các cường quốc viện trợ cho sự tiến thủ quốc gia Việt Nam.

Làm việc theo lối trị, thế nào cũng nên. Làm việc theo lối loạn, thế nào cũng hỏng. Kính



mong quý Ông Chủ Tịch và Thủ Tướng lưu tâm cho việc lớn chóng thành, để dân no ấm và đất nước vinh quang, phú cường bước vào thế kỷ XXI ngang hàng với các nước láng giềng châu Á.

Trân trọng  
**Võ Văn Ái**  
Chủ Tịch Ủy Ban Bảo Vệ  
Quyền Làm Người Việt Nam  
kiêm Phó Chủ Tịch  
Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền

Làm tại Paris, ngày 13.10.1999  
Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam

NGÀY 10.11.1997

● Ông Võ Văn Ái yêu cầu Tổng Thống Pháp, Jaques Chirac, bênh vực Nhân quyền, tự do Báo chí, tự do Nghiệp đoàn và yêu sách Hà Nội trả tự do cho tù nhân chính trị nhân Thượng đỉnh Cộng đồng Pháp ngữ tại Hà Nội

Chiều ngày 4.11 vừa qua, Phủ Tổng Thống đã mời một số Hội Đoàn hạn chế để trao đổi góp ý, nhân dịp Thượng đỉnh Cộng đồng Pháp ngữ họp tại Hà Nội. Đa số là các Tổ Chức đang công tác tại Việt Nam trên những lĩnh vực y tế, giáo dục, doanh nghiệp. Về phạm vi nhân quyền chỉ có đại diện Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền và Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam do ông Võ Văn Ái hướng dẫn.

Vì có yêu cầu từ Phủ Tổng Thống không tiết lộ nội dung trao đổi, nên chúng tôi không thể thông báo cuộc đối thoại trong vòng một tiếng rưỡi đồng hồ ấy.

Nhân cuộc gặp gỡ và trao đổi, ông Võ Văn Ái đã trao một hồ sơ vi phạm nhân quyền, vi phạm tôn giáo, vi phạm nghiệp đoàn, quyền phụ nữ, quyền trẻ em, cùng những điều trong Bộ Luật Hình Sự CHXHCNVN trái chống với các quyền cơ bản của con người. Ông Ái cũng trao một danh sách những tù nhân chính trị và tôn giáo, tù nhân vì lương thức và chính kiến, nhờ Tổng Thống Pháp Jacques Chirac can thiệp với nhà cầm quyền Hà Nội trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho họ.

Nhân danh Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam và Liên Đoàn Quốc Tế Nhân Quyền, ông Võ Văn Ái cũng đã gửi đến Tổng Thống Pháp hôm thứ sáu 7.11 "Lời kêu gọi cho Nhân Quyền và Dân Chủ" nhân dịp Thượng đỉnh Cộng đồng Pháp ngữ họp tại Hà Nội. Lời kêu gọi này đã được sự hậu thuẫn của hàng ngàn nhân sĩ, trí thức Pháp, quốc tế và Việt Nam cũng như nhiều Tổ Chức lừng danh từ bốn châu lục Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu, Phi Châu ký tên hỗ trợ. Lời kêu gọi và chữ ký sẽ đăng trọn trên nhật báo **Le Monde** tại Paris ngày 11.11.97.

Dưới đây là nguyên văn lời kêu gọi cùng những chữ ký tiêu biểu nhất - vì lý do thời giờ cấp bách phải loan cho kịp thời gian tính cũng như trang thông báo có hạn, chúng tôi không thể nêu hết mọi danh tánh, xin quý vị ký tên thông cảm và tha thứ cho.

Lời kêu gọi cho Quyền làm Người  
nhân Thượng đỉnh Cộng đồng Pháp ngữ  
hợp tại Hà Nội

Chúng tôi, ký tên dưới đây, xin kêu gọi các vị Nguyên thủ Quốc gia các Chính phủ thành

viên hay liên hợp với Cộng đồng sử dụng tiếng Pháp (Francophonie) nhân kỳ Thượng đỉnh Hà Nội (14-16.11.1997), dùng cách ly vấn đề nhân quyền trong mọi cuộc bàn thảo, nếu không là định hưởng sự hợp tác bằng việc tăng tiến những giá trị hàm chứa trong ngôn ngữ Pháp, nghĩa là quyền Con Người và Dân Chủ. Để làm được việc ấy:

1. Minh bạch hóa khái niệm sử dụng tiếng Pháp, không chỉ đơn giản là "nói năng tiếng Pháp", mà đồng thời phải tôn trọng những giá trị đã làm cho văn hóa Pháp cao thượng, như là Nhân quyền;

2. Trong Cộng đồng sử dụng tiếng Pháp, chẳng nên bằng lòng với việc hợp tác giữa các thể chế, Nhà nước này với Nhà nước kia, mà phải nhắm vào quảng đại nhân dân, là những kẻ thực sự chia sẻ tiếng Pháp cùng các giá trị của nền văn hóa này;

3. Không nên xem việc sử dụng tiếng Pháp như một phương tiện đơn thuần đi chinh phục thị trường, mà quên mất nhận thức và giá trị văn hóa của ngôn ngữ Pháp, cùng con đường nhân bản biết tôn trọng con người và sự phát triển cá nhân cho thế kỷ tới;

4. Hiệu lực hóa việc thể hiện "Kế hoạch hành động của Cộng đồng Pháp ngữ trong lĩnh vực Công lý, Nhà nước Pháp quyền, Nhân quyền và Phát triển (1996-2000)", đã được thông qua tại Hội nghị các Bộ Trưởng Tư Pháp của các quốc gia sử dụng tiếng Pháp ở thủ đô Ai Cập (Caire) từ 30.10 đến 1.11.1995.

5. Sau hết, gây áp lực với Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam:

a/ trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho tất cả tù nhân chính trị và tôn giáo, cũng như các nhà văn, trí thức, và nghệ sĩ bị bắt giam và đã ôn hòa đòi hỏi những quyền chính đáng về tự do ngôn luận và tôn giáo;

b/ xúc tiến tự do báo chí thực sự và để cho nền báo chí tư nhân và độc lập được ra đời;

c/ bảo đảm các quyền công nhân, nhất là quyền thành lập những công đoàn tự do.

Ký tên:

Tổ Chức: Agir Ensemble pour les Droits de l'Homme (Cùng Hành động cho Nhân quyền) - American Federation of Labour/Congress of Industrial Organizations / AFL-CIO (Tổng Liên đoàn Công nhân và Kỹ nghệ Hoa Kỳ) - Hội Ái hữu Dược sĩ Người Việt hải ngoại - Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris - Hội Văn hóa và Liên lạc Người Việt hải ngoại - Phòng Thông tin Phật giáo Quốc tế - China Labour Bulletin / Hong Kong (Tạp chí Lao động Trung Quốc, Hồng Kông) - Collectif Guatemala (Tập thể Guatemala) - Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam - Fédération Internationale des Ligues des Droits de l'Homme / FIDH (Liên Đoàn Quốc tế Nhân quyền) - Human Rights in China / HCR (Nhân quyền Trung Quốc) - Juristes Sans Frontières (Hội Luật gia Không Biên Giới) - Liga Apararii Drepturilor Omului / Roumanie (Liên minh Nhân quyền Ru-ma-ni) - Reporters Sans Frontières (Hội Phóng viên Không Biên Giới) - Tạp chí Quê Mẹ - Ligue Française des Droits de l'Homme d'Alberville, de Blaye et de Guingamp (Hội Nhân quyền Pháp tỉnh Alberville, tỉnh Blay và tỉnh Guingamp) - Union des Ecrivains (Liên hiệp các Nhà Văn) \* Nhân danh các Tổ Chức: Warren

Allmand (Chủ tịch, Centre Internationale des Droits de la Personne et du Développement Démocratique, Canada - Trung tâm Quốc tế Nhân quyền và Phát triển Dân chủ) - Maurice Barth (CIMADE) - Khaled Ben M'Barek (CIDT-Tunisie) - Francois-Xavier Byuma (LIPRODHOR, Rwanda) - Christine Daure-Serfaty (Chủ tịch, Observatoire Internationale des Prisons - Đài Quan sát Quốc tế về các Nhà tù) - Khemais Chamhari (Tunisie) - Romeo V. Enriquez (Ecumenical Movement for Justice and Peace) - Badii Giancarlo - M. Habès (Chủ tịch, HIJRA Thụy Sĩ) - Bongani Khumai (Community Law Centre, Afrique du Sud - Nam Phi) - Madingar Ngon Kodadingar (Ass. Tchadienne pour la Promotion des Droits de l'Homme - Tschad) - Karim LAHIDJI (Chủ tịch, LDDHI) - Béatrice Laroche (HCR) - Lucie Lemonde (Chủ tịch, Ligue des Droits et Libertés, Canada) - Haytham Manna (CDF Syrie) - Bernard Mourgues (FERCIS) - Mamadou Ndao (Institut Africain des Droits Humains et du Développement Démocratique, Sénégal - Viện Nhân quyền và Phát triển Dân chủ Phi Châu) - Jean Orizet (Chủ tịch, PEN Club Français - Văn Bút Pháp) - M. Joros (Chủ tịch, ACAT Bỉ) - Robert Petiot (Chủ tịch, Ligue des Droits de l'Homme et du Citoyen - Hội Nhân quyền và Công dân, tỉnh Pas de Calais) - Vladimir Porech (Chủ tịch, Maison des Droits de l'Homme, Russie - Nhà Nhân quyền, Max-có-va, Liên Bang Nga) - Xiao Qiang (Giám Đều hành HCR - Nhân quyền Trung Quốc) - Liu Qing (Chủ tịch, HCR - Nhân quyền Trung Quốc) - Axel Queval - Christophe Sebudand (Chủ tịch, Hội Nhân quyền - Burundi) - Antoine Sondag (Justice et Paix - Công lý và Hòa bình, Pháp) - Thích Chánh Lạc (Phó Chủ tịch Hội đồng Điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất) - Thích Đức Niệm (Viện chủ, Phật học Viện Quốc tế - Thích Như Điển (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu) - Ang Eng Thong (ADHOC, Hội Nhân quyền Kampuchia, Phnom Penh) - Julien Togbadja (Chủ tịch, Ligue pour la Défense des Droits de l'Homme / Bénin - Hội Bảo vệ Nhân quyền) - Françoise Tulkens (Chủ tịch, Ligue Belge des Droits de l'Homme - Hội Nhân quyền, Bỉ) - J.P. Vieille-Grosjean (LDH) - Harry Wu (Laogai Research Foundation - Viện Nghiên cứu Lao Cãi)

Giải Nobel: Claude Cohen-Tannoudji (Vật lý), François Jacob (Y khoa), Claude Simon (Văn chương) \* Hàn Lâm Viện Pháp: Hector Bianciotti, Henri Cartan, Jean Delumeau, Jean-François Revel.

Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu: Bỉ: Alain Adriaens, Bernard Baille, José Daras, Vincent Decroly, André Drouart, Raymonde Dury, Paul Galand, Fernand Herman, Nicole Maréchal, Marie Nagy, Mostafa Ouezekhti, Martine Schüttringer, Dany Smeets, Jean-Pierre Viseur.

\* Pháp: André Aschieri, Pierre Bas, Pierre Brana, Véronique Carrion-Bastok, Bernard Cazeneuve, Monique Cerisier-Ben Guiga, Jean-Louis Coucou, Yves Dauriac, Rodolphe Desire, Jacques Floch, Roland Garrigues, Roger Hesling, Bernadette Isaac-Sibille, Jean-Marie Le Guen, Michel Liebgott, Noel Mamère, Jean-Michel Marchand, Pierre Micau, Michel Pelchat, Jean-Claude Perez, Alain Pluchet,

Pierre Pradier, René Regnault, Michel Rovard, Yvette Roudy, Franck Serusclat, Christiane Taubira-Delannon \* **Nghệ đoàn Thơ thuyền**: Marc Blondel (Tổng thư ký, FO - Lực lượng Thơ thuyền Pháp), Jean-Luc Denny (Phụ trách Ngoại vụ CFTC - Tổng Liên đoàn Lao công Thiên Chúa Giáo, Pháp), Han Dong-Phan (Trung Quốc Lao động Tập san - Hong Kong), Arnel Gourmelon (Phó Chủ tịch CFTC - Tổng Liên đoàn Lao công Thiên Chúa Giáo, Pháp), Harles Gray (Tổng Liên đoàn Công nhân và Kỹ nghệ Hoa Kỳ - AFL-CIO), Jacques Pé (Giám đốc Vụ Quốc tế, FO - Lực lượng Thơ thuyền Pháp), Penny Schantz, Nguyễn Văn Tánh, Jean-Pierre Valentin (FEN - Công đoàn Giáo dục Quốc gia), Louis Weber, Jerry Zellhoefer.

**Triết gia, Nhà văn, Diễn viên, Điện ảnh,**

**Nghệ sĩ, Nhà báo:** Salvatore Adamo, Wadad Alameddine, Georges Aranyosy, Hugues Aufray, Barbara, Deborah Barbié, Jean de Baroncelli, Julos Beaucarne, Edward Behr, Gustav Bolin, Vladimir Bukovsky, Cao Tiêu, Cornelius Castoriadis, Blandine Chagny, Georges-Emmanuel Clancier, Cung Tiến, Cung Trầm Tưởng, Esteban Cuya, Ahmad Dari, Juley Dassín, Georges de Caunes, Danièle Delorme, Sophie Desmarests, Du Tú Lê, Eric Elkaim, Claire Etcherelli, Penelope Faulkner, François Fejto, Brigitte Friang, André Glucksmann, Jacques Godin, Benoitte Groult, Jean Cœurneau, Helga Henschen, Hồ Văn Đồng, Marie Holzman, Georges Hourdin, Pauline Julien, Jean Kehayan, Kiều Vĩnh Phúc, Jean Lacouture, Dominique Lapiere, Lê Thành Nhơn, Michael Lonsdale, Marthe Mercure, Macha Méri, Jean Monsigny, Nguyễn Cúc, Nguyễn Hoàng Sơn, Nguyễn Ngọc Phách, Nguyễn Thượng Hiệp, Phạm Công Thiện, Phạm Hải Hồ, Phan Lạc Phúc, Phương Anh, Marie-France Pisier, Leonid & Tania Pliouchtch, Jean Pouget, Micheline Presle, Desanka Raspopovitch, Yves Robert, Raoul Sangla, E. Stroesser, Olga Swintzowa, Bertrand Tavernier, Marie Tifo, Bùi Tín, Martine Tissot, Olivier Todd, Tô Thùy Yên, Michel Tremblay, Minh Đức Hoài Trinh, Gunnell Vallquist, Jean Van Lierde, Võ Long Tế, Võ Văn Ái, Vũ Quang Ninh, Thierry Wolton, Sophia Woodman \* **Luật gia:** Leopold Aisenstein, Rose-Mary Alvarez, Patrick Baudouin, Antoine Bernard, William Bourdon, David Cohen, Michel Coste, Anne-Marie Delmares-Hamoud, Mme Demaisons-Sallin, Mme Gandini, Claude Katz, Yves Laurin, Ramon B. Martinez-Portorreal, Pierre Moinot, Võ Trần Nhật, Phạm Nam Sách, Odile Sidem-Poulain, Nicolae Stefanescu-Draganesti \* **Y sĩ, Dược sĩ:** Yves Alembik, Bùi Trọng Cường, Violette Daguerre, Đặng Vũ Biền, Đoàn Trinh, Jean-Paul Gouteux, Jacquy Hassoun, Lâm Thu Vân, Lê Đức Chương, Marc Mennecier, Nguyễn Trọng Dũng, Phạm Ngọc Tỏa, Léon Schwarzenberg, Thái Tường, Trần Nguyễn Phiêu, Trần Quang Lộc, Trần Văn Thuận, Võ Trần Ái Anh, Vũ Trọng Di, Saadeddine Zmerli \* **Giáo sư, Nghiên cứu sư:** Henri Boulay, Bùi Xuân Quang, (Paris X), Bùi Xuân Quang, Bửu Khải, Catherine Choquet, Dany Cohen, Eric David, René Degni-Segui, Philippa Foot, Georges Gaubert, Daniel Hémerly, Guy Héraud, Pierre Kéné, Alain Lecavelier des Etangs-Levallois, Lê Mộng Nguyễn, Lê Văn Hào, Jean-François Leroy,

Lâm Thanh Liêm, Michel Masson, Pr Maurel, Alexandre Minkowsky, Patrick Moreno, Ngô Trọng Anh, Nguyễn Hữu Quang, Phạm Cao Dương, Patrice Rolland, Nikita Struve, Bacouche Taiéh, Tôn Thất Thiện, Alain Touraine, Paolo Ungari, Pierre Vidal-Naquet, Võ Nhữ Nguyễn, Vũ Quốc Thúc, Illios Yannakakis \* **Nhà Tôn giáo:** Michel Dautry, André Gallifet, Thích Huyền Việt, Jacquy Walter \* **Các nghề nghiệp khác:** Michel de Crousnilhon, André Chiffot, Irene & Trevor Faulkner, Hoàng Xá, Hứa Văn Ngo, Tene Koyzoh (Trung Phi), Mai Viết Triết, Yves Monod, Nguyễn Hào Nghĩa, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thanh Trang, Bà Nguyễn Văn Tạo, Vương Văn Đông.

Làm tại Paris, ngày 10.11.1997

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam

Cần hỏi thêm tin tức về cuộc vận động tù 5 tháng qua cho tiếng nói Nhân Quyền được cất lên tại Hà Nội trước áp lực của nhà cầm quyền Cộng Sản muốn xóa bỏ khỏi nghị trình của Thượng đỉnh Cộng đồng Pháp ngữ (14-16.11.1997), hoặc cần phỏng vấn, xin gọi điện thoại về Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam ở Paris: (331) 47 93 10 81

☐ NGÀY 15.11.1997

● 150 Tù nhân chính trị ở Trại Xuân Lộc bị đem đi biệt giam để ngăn chặn mọi cuộc biểu dương phản đối nhân kỷ Thượng đỉnh Pháp ngữ

Trong khi Tổng Thống Pháp Jacques Chirac họp báo tại Sài Gòn ngày 13.11 nói lên quan điểm nhân quyền "kín đáo" của ông, thì nhà cầm quyền Hà Nội cũng "kín đáo" đàn áp mạnh mẽ hơn đối với những người phê phán chính sách độc tài của nhà nước cộng sản

Theo phúc trình từ trong nước gửi đến Paris sáng nay cho Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, thì 150 tù nhân chính trị bị giam giữ ở K1 trại Z30A Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, đã bị đưa sang trại kỷ luật K2 nằm trong rừng sâu cách K1 hai cây số. Trong số 150 tù nhân chính trị này có tên các Thượng Tọa Thích Không Tánh, Thích Nhật Ban, Thích Thiện Minh... thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Linh mục Công giáo Nguyễn Châu Đạt, Chức sắc Hòa Hảo Trần Hữu Duyên (81 tuổi), các tù nhân Thái Phi Kịch, Nguyễn Văn Biên, Nguyễn Thanh Hồng, Nguyễn Viết Đào, Nguyễn Văn Tựu, v.v... Những tù nhân này đã bị đàn áp dã man cuối tháng 5 năm 1996, khi tập thể tù nhân chính trị ở trại Xuân Lộc đã biểu tình đòi hỏi cải tạo chế độ tù chính trị. Nhiều tù nhân đã bị đánh đập tàn nhẫn, còng tay, biệt giam ca-sô. Trong số những người bị đàn áp có Thượng Tọa sử gia học giả nổi danh Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thát). Việc chuyển trại 150 tù nhân vào rừng sâu nhằm kiểm soát và ngăn chặn những cuộc biểu dương phản đối nhân Thượng đỉnh cộng đồng Pháp ngữ, là cơ hội hiện hữu của nhiều nhà báo quốc tế và các phái đoàn nước ngoài đến thăm Sài Gòn.

Bản phúc trình lưu ý tới trường hợp Thượng Tọa Thích Nhật Ban (thế danh Hồ Bửu Hoa) bị biệt giam ca-sô ở trại K2 sau khi Thượng Tọa yêu cầu cải thiện chế độ tù chính trị hồi tháng 8.97 vừa qua (xin xem chi tiết trong Thông Báo Chí ngày 15.9.97). Sức khỏe của vị Tăng sĩ 60 tuổi này hiện nay rất suy yếu.

Trại K2 nổi tiếng khắc nghiệt, ăn uống cơ cực, lao động khổ sai nặng nhọc. Các ca-sô biệt giam không có ống thông khí, rộng 2 thước rưỡi vuông. Ở đây tù nhân bị hạn chế việc thăm nuôi, không được nhận quà và thuốc men do gia đình hay thân nhân gửi tới. Trại Xuân Lộc cách xa Sài Gòn khoảng 70 cây số.

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam cực lực tố cáo chế độ cư xử bất nhân đối với 5000 tù nhân chính trị và tôn giáo trong 159 trại cải tạo và nhà tù tại Việt Nam. Những cư xử như thế trái chống với Công ước Quốc tế của Liên Hiệp Quốc về các Quyền dân sự và chính trị mà CHXHCNVN đã ký kết.

Làm tại Paris, ngày 15.11.1997

Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam

☐ NGÀY 21.11.1997

● Phá chùa và đàn áp Tăng Ni, GDPT trực thuộc GHPGVNTN để chuẩn bị Đại Hội kỷ 4 Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước tại Hà Nội

Để chuẩn bị Đại Hội kỷ 4 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam của Nhà Nước trong hai ngày 22 và 23.11.97 tại Hà Nội, từ nhiều tháng qua công an đã thẳng tay đàn áp những chùa viện, Tăng Ni và Gia Đình Phật Tử không chịu khuất phục Ban Tôn Giáo Chính Phủ và không chịu gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Nhà nước.

Sau đây là bản văn lên tiếng của Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp Việt Nam gửi đến Paris sáng nay cho Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế.

"Trong vài ngày nữa, Giáo hội Phật giáo Nhà nước sẽ họp Đại Hội kỷ IV tại Hà Nội trong hai ngày 22 và 23.11.97 để tổng kết những thành quả đánh phá Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) và hệ thống giáo dục trẻ của Giáo Hội là Gia Đình Phật Tử (GDPT) theo chỉ thị của Ban Tôn Giáo Chính phủ, và cũng để vạch ra phương hướng tiếp tay làm công cụ chính trị cho Đảng Cộng Sản nhiệm kỳ 1997-2002.

Nhân dịp này, Tăng Đoàn Bảo Vệ Chánh Pháp Việt Nam mạnh mẽ lên tiếng phản đối Ban Tôn Giáo Chính phủ qua bàn tay công an địa phương đã phá chùa, đập vỡ tượng Phật, đàn áp các Tăng Ni, Huynh trưởng GDPT không chịu tiếp tay làm công cụ cho Đảng và Nhà nước, không chịu gia nhập Giáo Hội Phật giáo Việt Nam là Giáo hội do Đảng thành lập năm 1981. Chúng tôi xin nêu ra 4 trường hợp cụ thể sau đây trong hàng trăm vụ xảy ra từ sáu tháng vừa qua, đặc biệt tại các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Khánh Hòa, 3 tỉnh Tây nguyên (Đắc Lắc, Kon Tum, Gia Lai) và nhiều tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long:

1. Một số thanh niên đến phá chùa Phố Đà, xã Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Các tượng Phật Thích Ca, Quán Thế

Âm và nhiều tượng khác bị đập nát, các pháp khí thờ tự như chuông, mõ, đèn... cũng như bàn thờ, công chùa cũng bị phá vỡ. Phật tử Nguyễn Thị Bê giữ chùa phải chạy trốn mới khỏi bị đánh chết. Quần chúng Phật tử ở quanh chùa báo động, 10 phút sau công an thôn 1B đến, nhưng chỉ đứng nhìn không can thiệp. Chờ tới khi đông đảo Phật tử khiêu nại ông Chủ tịch xã, thì công an mới hứa triển khai việc truy lùng thủ phạm;

2. Nghị định của Chính phủ về chính sách tôn giáo có nói rõ là Nhà nước bảo hộ các cơ sở chùa chiền, nói thờ tự và tài sản của Giáo hội. Thế mà chùa Tâm An tọa lạc tại góc đường Tăng Bạt Hổ - Ngô Quyền ở Bình Định đã bị chiếm dụng làm nhà kho cho Phòng Lương Thực thị xã. Chùa được xây dựng từ năm 1965 làm Ni bộ tỉnh trên một diện tích 589 mét vuông. Trước sự phản đối đòi trả chùa cho Ni bộ của Sư Bà Thích Nữ Tâm Hòa, thế danh Nguyễn Thị Diệp, trực thuộc GHPGVNTN, và sau 5 lần viết thư lên chính quyền trung ương khiêu nại, Ủy Ban Nhân Dân phường Lê Lợi, tỉnh Bình Định, vẫn tuyên bố phi pháp rằng tỉnh đã quyết định trưng dụng đất chùa Tâm An để chia làm 7 ki-ốt bán lương thực!

Trường hợp tương tự cũng đã xảy ra tại chùa Sơn Linh ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi Đại Đức Thích Hạnh Đức mãn hạn 3 năm tù, nhà cầm quyền đã tịch thu chùa và mọi tài sản, không cho Đại Đức trở về chùa tu học và hành đạo;

3. Chiếu theo điều 18, chương 5 của Ban Tăng Sự Giáo hội Phật giáo Nhà nước ghi rõ rằng "Cơ sở tự viện thuộc hệ phái nào thì hệ phái đó quản lý". Thế mà chùa Bửu Tịnh A Jiunp III ở tỉnh Gia Lai là cơ sở của GHPGVNTN lại không được tự do hành đạo. Nhà nước đã áp đặt Sư Thích Trí Viên thuộc hệ phái Cổ Sơn Môn làm trụ trì đến chiếm chùa Bửu Tịnh gây phẫn uất trong Phật giáo ở đây và làm phân hóa sinh hoạt Phật giáo tỉnh Gia Lai.

Tình trạng áp đặt của Ban Tôn Giáo Chính phủ và công an địa phương đối với 16 chùa ở tỉnh Kon Tum, 100 chùa ở tỉnh Đắk Lắk trực thuộc GHPGVNTN cũng làm cản trở công và đàn áp tương tự làm ngăn chặn việc hoằng pháp của Giáo hội và việc tu học của Phật giáo ở trên 3 tỉnh Tây nguyên. Quá hơn nữa, chính quyền đã nhúng tay phá hoại, cấm cản mọi sinh hoạt giáo dục của GDPT, vì các Huynh trưởng ở 3 tỉnh Tây nguyên không chịu giải thể phong trào GDPT để sáp nhập vào hệ thống Nam Nữ Phật Tử của Ban Tôn Giáo Chính phủ.

4. Ngoài ra, chiếu theo điều 5, chương 2 quy định mục đích và thành phần trong Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Nhà nước ra đời năm 1981, thì thành phần của Giáo hội gồm có các hệ phái Phật giáo Việt Nam, các Tăng Ni và các Cư sĩ nam nữ thuộc các hệ phái Phật giáo Việt Nam. Thế mà, từ 16 năm qua, trong hệ thống Giáo hội chỉ thấy nêu danh các chùa viện và hai tập đoàn Tăng Ni mà thôi. Giới Cư sĩ nam nữ không được tham gia, không được giữ những trọng trách trong cơ cấu Giáo hội theo Hiến chương quy định. Ngoài sự vi phạm Hiến chương, sự kiện này còn đi ngược truyền thống Phật giáo do Đức Phật thành lập từ chúng cách đây 2541 năm, gồm có Tăng (Tỳ Kheo), Ni (Tỳ Kheo Ni), nam Cư sĩ (Uu Bà Tắc) và nữ cư sĩ (Uu Bà Di). Giáo Hội Phật Giáo Việt

Nam Thống Nhất (vi Dụ số 10 đã phải gọi là Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam) thành lập tại chùa Từ Đàm ở Huế ngày 6.5.1950 cũng đã đặt trên cơ sở từ chúng (Tăng, Ni và nam nữ Cư sĩ) thuộc ba miền Bắc, Trung, Nam.

Bỏ rơi hai tập đoàn nam nữ Cư sĩ là biến Giáo Hội thành cái ghế hai chân. Quả đúng như lời ông Đỗ Trung Hiếu, cán bộ cao cấp Dân Vận của Đảng được giao phó việc thành lập Giáo hội Phật giáo Nhà nước năm 1981, tố cáo trong tập tài liệu "Thống nhất Phật giáo" do ông công bố năm 1995: *Nội dung đề án thống nhất của Đảng và Ban Dân Vận Trung ương là "Biến hoàn toàn Phật Giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn, vì chỉ có Tăng Ni, không có Phật tử; chỉ có tổ chức bên trên không có tổ chức bên dưới (...)* Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội (...). Lấy chùa làm cơ sở chủ không lấy quần chúng Phật tử làm đơn vị của tổ chức Giáo hội (...). Cuộc thống nhất Phật giáo kỳ này (năm 1981) bên ngoài do các Hòa Thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay Đảng CSVN xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến tướng Phật giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng".

Chúng tôi xin kêu gọi các Chính phủ và nhân dân yêu chuộng tự do và nhân quyền trên thế giới, các tổ chức Liên Hiệp Quốc, Nhân bản, Công đoàn, Tôn giáo bạn, cũng như Phật tử Việt Nam nước ngoài hãy lên tiếng chặn đứng sự triệt tiêu GHPGVNTN, qua đó bịt miệng tiếng nói đòi hỏi nhân quyền của quần chúng Việt Nam, xin hãy áp lực trả tự do cho tất cả tù nhân tôn giáo và tù nhân bất đồng chính kiến từ Bắc đến Nam trên giải đất Việt Nam thân yêu.

Khẩn trình và phúc báo",  
Tỳ Kheo Thích Thiện Khai

**BÀI PHỎNG VẤN  
CỦA ĐÀI Á CHÂU TỰ  
DO VỀ ĐẠI HỘI  
PHẬT GIÁO NHÀ  
NƯỚC Ở HÀ NỘI  
NGÀY 22 &  
23.11.97**

■ **Ỗ LAN,**

phóng viên đài Á Châu Tự Do tại Paris

**Ỗ Lan:** Thưa ông Võ Văn Ái, trong tư cách Giám đốc Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, xin ông cho thỉnh giả Đài Á Châu Tự Do tại Việt Nam được biết thành quả của Đại Hội kỳ 4 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội trong 2 ngày 22 và 23 vừa qua ?

**Võ Văn Ái:** Cho đến hôm nay, nghĩa là 2 ngày sau Đại Hội, chưa có một văn bản thông tin nào của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, tức Giáo Hội Nhà Nước, về thành quả đại hội, ngoại trừ lời tuyên bố của Bộ Ngoại Giao Hà Nội do hãng thông tấn Reuter đánh đi ngày hôm qua, thứ hai. Theo đấy, thì sự thành công gọi là "rực

rỡ" của đại hội là một "minh chứng hùng hồn" cho tự do tôn giáo tại Việt Nam! Lời tuyên bố này càng chứng tỏ tính cách công cụ của Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước được Đảng cộng sản thành lập năm 1981. Giáo Hội này không có tiếng nói, không có tính cách đại diện, mà chỉ là cái máy làm theo chỉ thị của Ban Tôn Giáo Chính Phủ và Đảng cộng sản Việt Nam. Ngoài lời tuyên bố của Bộ Ngoại Giao, báo chí Đảng trong nước như Nhân Dân, Sài Gòn Giải Phóng, v.v... phát hành 2 ngày qua cũng chỉ đăng tưng ấ sự kiện tuyên truyền, và chỉ cho biết tên vị Pháp Chủ mới là HT Thích Tâm Tịch. Điều này cho thấy Đảng rất thận trọng và cân nhắc trong mọi cuộc loan tin.

**Ỗ Lan:** Vì sao thận trọng và cân nhắc ? Và sự kiện Hòa Thượng Tâm Tịch được bầu làm Pháp Chủ sẽ có thay đổi gì mới không ?

**Võ Văn Ái:** Thận trọng và cân nhắc vì đông đảo quần chúng Phật tử trong nước theo dõi mọi biến động Phật Giáo, bản thân họ đang chống mọi hình thức biến Phật Giáo làm công cụ chính trị; thứ hai là quốc tế rất quan tâm tới hiện trạng Phật Giáo Việt Nam bị đàn áp.

Còn Hòa Thượng Tâm Tịch, ngài là Viện chủ chùa Bà Đá ở Hà Nội. Chúng ta nên nhớ rằng, 42 năm qua, từ khi chính quyền cộng sản tiếp thu Hà Nội, Phật Giáo miền Bắc bị tề liệt hoàn toàn. Chỉ còn Phật Giáo miền Trung và miền Nam là có hoạt động sôi nổi, có tổ chức, có cơ sở quần chúng hạ tầng và tập hợp đông đảo Tăng Ni tài cán. Sự áp đặt một khuôn mặt miền Bắc, qua Hòa Thượng Tâm Tịch, chứng tỏ Đảng vẫn tiếp tục khép chặt gọng kìm khống chế sinh hoạt Phật Giáo.

**Ỗ Lan:** Một số người nói rằng trong Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước cũng có mặt nhiều vị trước năm 1975 là thành viên của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Như vậy có phải là GHPGVNTN cũng ủng hộ tổ chức Phật Giáo Nhà Nước ?

**Võ Văn Ái:** Đúng là có một số vị như thế. Nhưng nói theo tục ngữ nhân dân, đa số như cốc bị bỏ đĩa đầy thối. 75 triệu nhân dân hàng ngày phải chào cờ đỏ sao vàng, nhưng đâu phải vậy mà nói rằng nhân dân đồng tình với cộng đảng? Hàng giáo phẩm lãnh đạo thực sự của GHPGVNTN không hề tham gia theo Đảng. Tôi xin đưa 3 nhóm điển hình và cụ thể của hàng giáo phẩm bất khuất: HT Thích Thiện Minh bị tra tấn đến chết tại trại X4 Nguyễn Trãi ở Sài Gòn tháng 10 năm 1978; HT Thích Huyền Quang, lãnh đạo Hội Đồng Lương Viện bị biệt giam tại Nghĩa Hành tỉnh Quảng Ngãi; HT Thích Quảng Độ, Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo bị giam tại trại B14 gần Hà Nội; còn Hòa Thượng Thích Trí Quang được mời và được ghi vào danh sách đi phó hội tại Hà Nội cuối tuần qua, nhưng Hòa Thượng Trí Quang từ khước không đi.

**Ỗ Lan:** Trong bản tin Reuter hôm qua, Bộ Ngoại Giao Hà Nội lại tố cáo sự bóp méo tin tức Phật Giáo bị đàn áp của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế để hạ nhục Việt Nam, ông nghĩ sao? và ông cho biết Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế là cơ quan gì ?

**Võ Văn Ái:** Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế do tôi điều hành là cơ quan phát ngôn

của GHPGVNTN do Giáo Hội trong nước chỉ thị thành lập năm 1993 tại Paris để thông tin cho thế giới và đồng bào hải ngoại về Pháp nạn trong nước và thực hiện cuộc vận động quốc tế giải trừ Pháp nạn. Còn sự trả lời của Bộ Ngoại Giao là chẳng trả lời gì hết. Bản Thông Cáo Báo Chí của chúng tôi nêu lên các trường hợp cụ thể, như việc đập vỡ tượng Phật và phá chùa Phố Đà ở Bình Thuận trước sự chứng kiến và không can thiệp của công an địa phương, việc cưỡng chiếm chùa Tâm Ấn ở Bình Định làm nhà kho, việc cưỡng chiếm chùa Bửu Tịnh ở Gia Lai và 116 ngôi chùa khác ở 3 tỉnh Tây nguyên Kontum, Đắc Lắc, Gia Lai... Chính quyền chỉ cần trưng một tấm ảnh, xác định một lời là các ngôi chùa ấy vẫn trực thuộc GHPGVNTN và vẫn được tự do hành đạo, thì công luận sẽ quay lại tố cáo chúng tôi, cần gì Bộ Ngoại Giao Hà Nội phải làm thay một cách vô đoàn, mạ ly như thế?

**Ý Lan:** Có người không rõ hoặc nghi ngờ về hiện trạng đàn áp Gia Đình Phật Tử và việc không cho giới Cú Sĩ tham gia Giáo Hội, xin ông cho biết ý kiến về vụ này ?

**Võ Văn Ái:** Những ai không rõ, hoặc nghi ngờ, chỉ cần bỏ ra 5 phút đọc các văn kiện của Nhà Nước và Đảng về vụ Gia Đình Phật Tử tất hiểu ngay việc đàn áp khủng khiếp như thế nào. Tôi chỉ xin đơn cử hai văn kiện: Thông Tư số 01-TT/TGCP do ông Vũ Quang, Trưởng Ban Tôn Giáo chính phủ, ký ngày 3.5.1995 ra lệnh dẹp bỏ phong trào GĐPTVN để sát nhập vào cái tổ chức gọi là "Nam Nữ Phật Tử" do Ban Tôn Giáo chính phủ và Giáo Hội Nhà Nước điều hành; văn kiện thứ hai ký ngày 14.5.1996 dưới đề danh "Hướng dẫn về công tác đối với Thanh thiếu nhi sinh hoạt GĐPT" mang số 44HD/TWĐTN của Ban Chấp Hành Trung Ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh chỉ thị việc giải thể phong trào GĐPT để biến thành một "Chi hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam" của Đoàn Thanh Niên Cộng Sản HCM. Việc này đã gây phản ứng dữ dội trong số 300.000 đoàn viên GĐPT trong nước, 200 Huỳnh trưởng đã ghi tên xin tự thiêu để phản đối.

Còn việc Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước gạt phăng khối lượng nam nữ Cú Sĩ trong hệ thống Giáo Hội Nhà Nước, là tuân theo chỉ thị của Đảng. Việc này trái chống với truyền thống của Giáo Hội Phật Giáo do Đức Phật thiết chế từ 2541 năm qua. Giáo Hội là sự tập thành của bốn chúng, gồm có Tăng, Ni, nam Cú Sĩ và nữ Cú Sĩ. Nay bỏ đi 2 tập đoàn nam nữ Cú Sĩ là biến Giáo Hội thành cái ghế 2 chân, một Giáo Hội không có quần chúng tín đồ. Chỉ cần đọc lời tố cáo của ông Đỗ Trung Hiếu, một cán bộ Dân Vận cao cấp được giao công tác thống nhất Phật Giáo năm 1981 là hiểu ngay vấn đề. Tôi xin trích: "*Nội dung đề án thống nhất của Đảng và Ban Dân Vận Trung Ương là "Biến hoàn toàn Phật Giáo Việt Nam thành một hội đoàn quần chúng. Còn thấp hơn hội đoàn, vì chỉ có Tăng Ni, không có Phật Tử; chỉ có tổ chức bên trên không có tổ chức bên dưới (...)* Nội dung hoạt động là lo việc cúng bái chùa chiền, không có hoạt động gì liên quan tới quần chúng và xã hội (...) Lấy chùa làm cơ sở chủ

*không lấy quần chúng Phật Tử làm đơn vị của tổ chức Giáo Hội, (...)* Cuộc thống nhất Phật Giáo kỳ này bên ngoài do các Hòa Thượng gánh vác, nhưng bên trong bàn tay Đảng Cộng Sản Việt Nam xuyên suốt quá trình thống nhất để nắm và biến tướng Phật Giáo Việt Nam trở thành một tổ chức bù nhìn của Đảng". Vì tố cáo như thế trong tập tài liệu mang tên "Thống nhất Phật giáo" mà ông Đỗ Trung Hiếu bị bắt và bị 15 tháng tù.

**Ý Lan:** Xin cảm ơn ông.

## Tin Cộng Đồng

### ■ LẠI THẤT BẠI CỦA VĂN NGHỆ CÒ MỎI

★ TIN TỨC TỪ BRUXELLES (17.11.97)

Theo như quảng cáo và tin tức gần đây, thì một nhóm nhỏ Việt kiều buôn bán ở nước ngoài cấu kết với bạo quyền Việt Cộng, lại đưa một số nghệ sĩ sân khấu qua trình diễn trong vài nơi ở Âu Châu, mục đích do đường để tính làm ăn lớn trong dịp Tết Mậu Dần sắp tới.

Thế rồi, Chủ nhật 16.11.97, tại rạp Centre-Lumen ở Bruxelles, "Nhạc Hội Sài Gòn, Tình Ca Quê Hương" của chúng mở màn lúc 15 giờ. Nhóm nghệ sĩ kỳ này, vẫn lại Bảo Quốc, Kim Ngọc... và một số nghệ sĩ trẻ "ăn khách" khác tại Sài Gòn, lại qua Tây phiêu lưu lần nữa.

Được tin trên, từ 14 giờ, một số người trong Cộng đồng Việt Nam từ các nơi trên Vương Quốc Bỉ - trên dưới một trăm người - tề tựu trước rạp LUMEN để bày tỏ thái độ chống đối hoạt động của bạo quyền Cộng Sản Việt Nam nấp bóng dưới danh nghĩa sinh hoạt văn hóa nghệ thuật.

Quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa được dàn ra đối diện rạp, thì vừa chiếc xe car chở đoàn diễn viên loạn choạng đứng ngay của rạp. Đồng bào chống Cộng liền bao vây đầu xe phân trần phải không với đám nghệ sĩ đang hốt hớ ngớ ngác này. Túc thì trong xe nhả ra hai tên vệ sĩ người ngoại quốc mùa may gạt đồng bào ta ra hai bên, mở đường cho người trên xe vào rạp. Nhưng đoàn nghệ sĩ trên xe vẫn co ro ngồi yên không nhúc nhích.

Trong khi vung vẩy, hai tên vệ sĩ quơ tay nhằm đồng bào ta đang vây quanh đầu xe, túc thì xô xát bắt đầu. Cảnh sát tối can thiệp, ly cách hai bên, chữa lối cho người trên xe bước xuống vào rạp, trước vài ống kính sân tin. Đám nghệ sĩ Sài Gòn - không biết vì sợ, hay xấu hổ - ai nấy đều lấy khăn trùm kín đầu, lò dò bước xuống xe, vào rạp, trong khi đồng bào kêu gọi họ ý thức ly khai Cộng Sản, đem lại Dân Chủ Tự Do cho hơn 75 triệu đồng bào trong nước.

Được báo tin có xô xát, Cảnh sát tăng cường nhân sự, ổn định trật tự. Nhưng ở hai mũi đầu đường, đồng bào đã lập "chốt" để ngăn chặn, giải thích với những người đã lỡ "bị mua vé", để họ kịp hiểu tình hình. Nghe đầu số vé "bán kèm" theo với thủ tục "về thăm nhà" lên

đến cỡ vài trăm, nhưng cho đến gần nửa buổi trình diễn, số người vào xem chỉ có trên dưới 1/3 so với số vé bán trước. Không có ai mua vé tại quầy trước rạp. Sự thể lố lả rõ ràng. Thủ tục hỏi ai là kẻ sẽ phải xuất tiền đền bù là cho mấy thường gia ẻo uột này.

Để gỡ rối tình hình, bọn tổ chức lại giờ trở bị bọm, chúng gọi điện thoại báo cho quận Cảnh sát rằng có phái đoàn Sĩ quán Việt Cộng đến xem. Báo hại Cảnh sát phải thêm hai xe trợ lực, trong khi bên trong rạp sân khấu đã mở màn. Trùng hợp với một biển cổ nhỏ giữa Cộng đồng người Bắc Phi và Cảnh sát Bruxelles xảy ra mỗi đây, lần này Cảnh sát trật tự tỏ ra cứng rắn hơn với nhóm người biểu dương, tranh đấu. Trong không khí hòa hoãn, lần lượt có 9 người chống đối bị mời lên "xe cây", mà Cảnh sát nói là để phòng ngừa bạo động khi có thẩm quyền Sĩ quán Việt Nam (Cộng Sản) đến xem. Hóa ra Cảnh sát Bỉ bị lừa. Họ tỏ ra đã phát hiện điều này, ân cần xin lỗi và mời những người bị cô lập ra về, vừa khi buổi hát cáo chung.

Bên lề cuộc biểu dương chống đối, có nhiều ý kiến, trao đổi, đáng quan tâm. Như là, nếu không phải phi nghĩa, bạo quyền, bất chính... thì tại sao mỗi sinh hoạt bình thường nào, bọn CS và bọn cấu kết với chúng cứ phải luôn luôn cầu cứu, núp dưới nách của các lực lượng trật tự địa phương, hoặc thuê mướn vệ sĩ cặp kè?

Lại nhiều người cho biết nghệ sĩ Bảo Quốc đã được qua Âu nhiều lần. Lần sau cùng, vào dạo này năm ngoái - mà một số buổi trình diễn bị dẹp bỏ vì đồng bào chống đối - anh ta bị đồng bào ta xi và trong một quán ăn tại Paris, rằng là: "... mặt nhục chưa chịu chửi, nghệ thuật ai coi? .."

Vài người khác ngậm ngùi thương tiếc cố nữ nghệ sĩ lỗi lạc Thanh Nga - vốn là chị ruột của Bảo Quốc - và cho rằng nữ nghệ sĩ tài sắc này bị ám sát hồi năm 1978, bởi bàn tay của vợ viên Tổng Bí Thư đảng Cộng Sản Việt Nam lúc bấy giờ là L.D., do mặc cảm, do ghen tương và để chúng tỏ uy quyền.

Viên Tổng Bí Thư này lừng danh háo sắc, vừa ở rừng rú bước ra, bị hộp hờn, choáng váng trước tài sắc của Thanh Nga, một "Cái Lương Chi Bào" của miền Nam, mà y ta cầm như chiến lợi phẩm. Thảm kịch này, một nghệ sĩ diễn viên điều luyện như Bảo Quốc hẳn là không phải không biết. Dầu sao, trên đây là chuyện bên lề. Chờ xem, thế nào rồi lịch sử cũng sẽ vén màn hù, thật.

● (Thanh Hà ghi)

### ● THỦ TƯỚNG & CHỦ TỊCH CỦA EU-RAT (NGHỊ VIỆN ÂU CHÂU) KHUYẾN KHÍCH VIỆC HOẠT ĐỘNG CHO NHÂN QUYỀN

Trao hơn 800 chữ ký đòi nhân quyền, tự do và dân chủ

Lục Xâm Bào / Trier. Ngày 04.11.1997 hơn 45 người tỵ nạn và Sinh viên Việt Nam tại những tỉnh Trier, Konz, Saarburg, Wittlich, Koblenz, Neustadt/Weinstr., Paris... đã tới thủ đô Lục Xâm Bào để biểu tình trước dinh Thủ Tướng & Chủ Tịch của Thượng Viện Âu Châu, ông Jean-Claude Juncker. Thượng Viện Âu Châu, EU-Rat, gồm có các Thủ Tướng và Tổng Thống các nước của Hội Đồng Âu Châu. Họ

biểu trình chống lại sự vi phạm nhân quyền và chế độ độc tài đảng trị tại Việt Nam.

Lục Xâm Bào là một trong những nước đi dự cuộc họp Hội thảo Thượng đỉnh những nước Pháp thoại tại Hà Nội vào giữa tháng 11.97. Những người biểu tình đã trao cho Thủ tướng Lục một Thịnh Nguyễn Thứ và những lá thư chống lại sự quên lãng theo Hội Ân Xá Nhân Quyền Quốc Tế đã đưa ra (Ân Xá Quốc Tế ai, Briefe gegen das Vergessen, Oktober 1997).

Những lá thư đã được hơn 800 người ký. Họ đòi trả lại tự do cho những tù nhân chính trị tại Việt Nam, đặc biệt tháng Mười 1997, cho 6 thầy Dòng tại Việt Nam. Những người ký tên kêu gọi chính phủ nhà nước Việt Nam tôn trọng nhân quyền, tự do và dân chủ tại Việt Nam cùng phải từ bỏ hệ thống độc tài lỗi thời. Những người ký tên đã tới từ nhiều nước khác nhau: Đức, Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ, Lục Xâm Bào, Nhật, Đại Hàn, Ý, Pháp, Maroc... Họ là những người công nhân, dạy học, học sinh, những nhà trí thức thuộc nhiều môn phái khác nhau... và phát ngôn viên của đảng Đức B'90/Die Grünen vùng Trier.

Dù trời mưa và gió rét lạnh rung, những anh chị em Việt Nam biểu tình vẫn hăng say cất cao lời ca tiếng hát với những bài ca đầy đủ ý chí nâng lên tinh thần đấu tranh cho nhân quyền và dân chủ của người Việt Nam hải ngoại. Những người Lục đi xem cảm thấy lạ đủng lại nghe những lời giải thích bằng tiếng Đức và Pháp cho sự đấu tranh của cuộc biểu tình - có lẽ là lần đầu tiên - của người Việt Nam trên đất Lục. Cả ông Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao Lục cũng đã đứng ra theo dõi cuộc biểu tình.

Sau hơn một tiếng biểu tình thì Thủ tướng Lục, ông Jean-Claude Juncker, đã tiếp đón một phái đoàn đại diện cuộc biểu tình tại văn phòng của ông. Trong cuộc tiếp đón, phái đoàn đại diện đã trình bày những mục đích đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong toàn nước và sự ủng hộ của các anh chị em cô bác tại hải ngoại.

Khi nhận hai tập Thịnh Nguyễn Thứ gồm hơn 800 chữ ký, Thủ tướng Lục đã hứa rằng ông sẽ chuyển những đòi hỏi này cho nhà nước Việt Nam. Ông rất quan tâm đến tình hình nhân quyền tại Việt Nam, ông nói thêm là sự vi phạm nhân quyền tại Việt Nam rất ư là trầm trọng. Ông vẫn đề cập tới đề tài này khi gặp các Đại diện Việt Nam. Mặc dù chính phủ Việt Nam rất khó chịu khi ông nói về những chuyện này trong những cuộc họp gặp gỡ chính thức. Nhưng ông Juncker vẫn không ngần ngại mang vấn đề này ra nói, và nhiều lúc ông lập lại vấn đề này ngay cả trong buổi ăn.

Ông Juncker tỏ ra rất cởi mở am hiểu tình hình Việt Nam và ủng hộ việc đấu tranh của người Việt Nam cho nhân quyền và dân chủ. Ông khẳng định cần phải có nhiều việc đấu tranh nhỏ tại nhiều nơi khác nhau góp lại để mới có thể mang tới hiệu lực chung. Khi nhắc tới những lời tuyên bố của Quốc Hội Âu Châu về sự vi phạm nhân quyền tại Việt Nam, ông Juncker nói rằng ông biết tờ tuyên bố đó. Những người đại diện cuộc biểu tình cũng bày tỏ cho ông biết về những lời tuyên bố của Hội các Nhà văn Thế giới -PEN Internationale- và lời tuyên bố của Quốc hội Mỹ vào những tháng cuối năm.

Những đề tài tiếp được nêu ra là sự đàn áp các giáo phái tại Việt Nam và sự nổi dậy của người Việt trong nước. Đoàn đại diện đã xin sự

ủng hộ của Thủ Tướng và phái đoàn đại diện Lục: nhân dịp tại cuộc họp này, trình bày các đề tài vi phạm nhân quyền tại Việt Nam.

Theo tin được biết thì Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Văn Hóa, Bà E. Hennicot-Schoepges, sẽ đi tham dự cuộc họp này.

Đài truyền hình RTL Lục Xâm Bào đã thu hình cuộc biểu tình. Ngoài ra có 4 tờ báo lớn nhất tại Lục Xâm Bào (Letzeburger Wort, Républiquein Lorrain, Tuần báo Télécran, Letzeburger Journal) đã đăng tin.

Cuộc biểu tình được tổ chức qua Hội Sinh Viên Đức-Việt Trier và những người tỵ nạn vùng Trier và phụ cận. ■ (Đinh Xuân Minh)

## ● ỦY BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN HANNOVER & VPC

Mùa thu vừa qua, Hội trường chùa Viên Giác Hannover lại đông vui và tấp nập hơn bao giờ hết.

Không những chỉ có công việc Phật sự, in ấn sách báo và lễ lộc, mà đã xảy ra hàng loạt cuộc hội thảo quan trọng của các Tổ Chức, Hội Đoàn chính trị tại Đức cũng như châu Âu được diễn ra tại nơi đây.

Trong không khí đó Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover & VPC, đã góp sức mình không nhỏ để hòa cùng các Tổ Chức bạn như: Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại, Liên Minh Việt Nam Tự Do, Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại CHLB Đức... Đặc biệt là B.B.V đã phối hợp với Tổ Chức Sinh Hoạt Người Việt Tỵ Nạn tại CHLB Đức để tổ chức buổi hội thảo "Đại Hội DIỄN HỒNG 97". Với chủ đề "Liên Kết các Tôn Giáo và đề ra mục đích, phương hướng đấu tranh trong thời gian tới". Nhằm mục đích đấu tranh đòi tự do Tôn Giáo và Nhân Quyền cho Việt Nam. Vấn đề này đã được UBGTNP/Hannover & VPC (B.B.V.), gửi thư đến tân chính phủ của nhà cầm quyền CSVN cũng như Tổng Thống, Thủ Tướng và Bộ Trưởng Ngoại Giao Đức. Để yêu cầu hai chính phủ lưu tâm và giải quyết vấn nạn này cho dân tộc và nhân dân Việt Nam.

Bên cạnh đó UBGTNP/Hannover & VPC đã không ngừng hỗ trợ các Tổ Chức, Hội Đoàn bạn để tổ chức Mitting, biểu tình và lập quây thông tin tại Bonn cũng như tại Hannover... để trình bày cho nhân dân Đức biết đến tình trạng đàn áp nhân quyền và tự do Tôn Giáo ngày càng gia tăng tại Việt Nam.

BCH Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn Hannover & VPC  
Thiện Hội Đoàn Hữu Hải, ghi lại

## Nhắn Tin

### ■ ÔNG ĐẶNG CÔNG CHẤN

Trước ngày đến định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức diện đoàn tụ gia đình; có xe Lô chạy tuyến đường Vũng Tàu - Sài Gòn.

Khi Ông đọc mẩu nhắn tin này, xin hãy liên lạc về Gđ. Nguyễn Phần Chấn. Tel. 02501 - 70961 để biết tin những người quen ở Vũng Tàu trước đây.

■ CÔ/ BÀ NGUYỄN THỊ THE, FRIEDRICH-SCHILLER STR.14 - 7980 RAVENSBURG.

Thưa Cô/Bà, chắc lấy làm ngạc nhiên lắm khi đọc mục Nhắn Tin này, nhưng có một việc như sau:

Em Trần Thị Thu Nguyệt viết thư gửi đến đài phát thanh BBC Luân Đôn nhờ giúp đỡ cho em. Nội dung chuyển thư của em đến Tòa soạn báo Viên Giác. Thư em kể:

... Hồi nhỏ được đi Tây Đức chữa bệnh, nhưng em còn nhỏ chưa giải phẫu được. Bà đỡ đầu người Đức, tên Margot Gruss, cho biết em sẽ được giải phẫu vào năm em 14 tuổi, lúc có thể phát triển, và bà đưa em trở về Việt Nam năm 1970.

Em Thu Nguyệt cho biết được Cô/Bà Nguyễn Thị The, cư ngụ ở Friedrich-Schiller Str.14 - 7980 Ravensburg giúp đỡ liên lạc đến Bệnh viện nơi em chữa trị lúc trước: Stadt Aschaffenburg, Staedt Kinderklinik, Am Hasenkopf 1, Chef Arzt Prof: Dr. F.Schmid - 91051 oder 91052 W. Germany, và đã tìm được hồ sơ bệnh lý của em. Nối bệnh viện cho biết Hội giúp đỡ cho em ở bên Pháp, Bệnh viện họ sẽ liên lạc với Hội này và sẽ cho biết tin sau...

Khi đọc mục Nhắn Tin này, xin Cô/Bà Nguyễn Thị The vui lòng giúp đỡ em Thu Nguyệt một lần nữa liên lạc với Bệnh viện kể trên để nơi đây nhận lại em chữa trị. Xin Cô/Bà Nguyễn Thị The liên lạc với em Thu Nguyệt qua địa chỉ:

Trần Thị Thu Nguyệt  
Đội II HTX Tân Long  
Xã Tân Hiệp A - Huyện Tân Hiệp  
Tỉnh Kiên Giang - Việt Nam  
Xin chân thành cảm tạ trước

## Thông Báo

### ■ VỀ VIỆC ẤN TỐNG KINH :

1) Phật Tử chúng ta vẫn thường hay trì tụng bộ kinh "Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa" là một bộ kinh cao quý và có nhiều linh nghiệm, khi lễ bái, đọc tụng hay ấn tống. Trong thời gian tới chùa Viên Giác sẽ ấn tống bộ kinh này, giá thành mỗi quyển là Hai mươi Đức Mã, đóng bìa cứng mạ vàng. Kinh dày 661 trang gồm cả kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa, chủ lớn, để đọc tụng.

2) Bộ kinh thứ 2 mà chùa cũng sẽ in để ấn tống là kinh "Thiền Môn Nhứt Tụng". Kinh dày 560 trang, chủ lớn, để đọc gồm các nghi thức tụng kinh sáng, chiều, cầu an, cầu siêu, cúng nọ, cúng vong v.v... Đóng bìa cứng mạ vàng giá thành mỗi quyển là Mười lăm Đức Mã.

3) Quyển kinh thứ 3 mà chùa Viên Giác sắp ấn tống là quyển : "Nghi Thức Tụng Niệm". Kinh dày 272 trang, đóng bìa cứng mạ vàng. Nội dung kinh gồm cầu an, cầu siêu, tịnh độ, sám hối; nhưng đặc biệt là vẫn kinh đa phần đã dịch ra tiếng Việt. Giá thành mỗi cuốn là Mười Đức Mã.

Quý Đạo Hữu, quý Phật Tử nào muốn ấn tống 1 hay nhiều quyển hoặc giá 1 hay 3 loại kinh trên, xin liên lạc về chùa để hùn phước ấn tống. Sau khi in, nếu quý vị cần bao nhiêu quyển xin cho biết, chùa sẽ gửi đến tận nhà của quý vị.  
Xin thành tâm đa tạ.

### ■ LỊCH MẬU DẦN 1998

Lịch Tử Vi và Treo Tường năm Mậu Dần 1998, có ngày âm dương đối chiếu đã có tại chùa Viên Giác, cũng như các Chùa, Niệm Phật Đường và các Chi Hội Phật Tử VNNT tại địa phương.

\* Giá thành tại chùa Viên Giác, Niệm Phật Đường và các Chi Hội như sau :

- Lịch Tử Vi : Hai mươi bảy Đức Mã  
- Lịch Treo Tường : Hai mươi hai Đức Mã

\* Nếu chưa nhận được tiền trước, gọi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì như sau :  
- Lịch Tử Vi : Ba mươi Đức Mã  
- Lịch Treo Tường : Hai mươi tám Đức Mã

\* Còn gọi theo cách chuyển hóa giao ngân (Nachnahme) thì :  
- Lịch Tử Vi : Ba mươi bảy Đức Mã 90/100  
- Lịch Treo Tường : Ba mươi hai Đức Mã 90/100

Ban Phát Hành chúng tôi nhận thấy gọi theo cách chuyển hóa giao ngân thì tiền cước quá đắt. Do đó, đề nghị quý vị nên gọi tiền trước về cho chúng tôi bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau :

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche  
Konto-Nr. 109594-307 - BLZ 250 100 30  
Postgiroamt Hannover

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gọi lịch. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gọi lịch ngay cho quý vị.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

## ■ BÁNH TẾT, BÁNH CHỪNG VÀ NHỮNG ĐẶC SẢN CHAY NGÀY TẾT

Chùa Viên Giác sẽ phát hành các loại bánh tết, bánh chưng, bánh xanh, chả chay, mứt thái chay v.v... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết. Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa, hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

- Bánh tết 900gr. 10Đ/đồng/1 đôn
- Bánh chưng 900gr. 15Đ/đồng/1 cái
- Mứt thái chay 25Đ/đồng / 1 kg
- Bánh bao 2Đ/đồng/1 cái
- Bánh đa lớn (loại nhỏ 2Đ/đồng; loại lớn 5Đ/đồng)
- Bánh bò 1Đ/đồng/1 cái
- Chả chay 10Đ/đồng/1 đôn
- Chả cuốn chay 10Đ/đồng/1 bao 4 cái
- Chả ổ chay bằng tàu hủ ky 15Đ/đồng/1 ổ
- Chả ổ chay bằng đậu hủ 5Đ/đồng/1 ổ
- Chả giò chay 1,5Đ/đồng/1 cuốn

(Số tiền trên chưa có cước phí Bưu Điện)

Mong quý Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa. Xin thành thật biết ơn quý vị trước.

# Rao Vật

## □ SANG NHÀ HÀNG TẠI KÖLN

Vì thiếu nhân lực, chúng tôi cần sang lại nhà hàng Việt Nam tại Köln vào đầu năm nay 1998. Ngay trung tâm thành phố, khoảng 120m<sup>2</sup>, 50 chỗ.

Số thu nhập cao, tiền nhà rẻ, có phòng ở trên lầu.

Giá nhượng phải chăng.

Muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc về

**Ông Tú 0221/ 25 36 31.**

## □ CÔNG TY KIẾN ĐẠY TÂN

**Dựng Mới - Sửa Cũ - Trang Trí Nội Thất Cho Các Nhà Hàng**

Chúng tôi nhận đảm trách dựng mới hoặc tân trang lại các nhà hàng Hoa-Việt-Thái Lan.

Ngoài công việc về phần gỗ và nề, chúng tôi có thể bao luôn cả phần điện, dán giấy tường, trải thảm nền, xây bể cá cảnh, lắp phần ngoại thất như đỉnh các mái hiên và cột rồng.

Công ty chúng tôi cũng nhận sửa hoặc xây mới nhà ở (Wohnung).

Nhận giới thiệu mua bán, sang nhượng nhà hàng.

Quý vị có nhu cầu xin liên lạc tôi Công ty chúng tôi:  
**Phạm Đức Huy,**  
Hemstedtstr. 32 - 38154 Königslutter  
Tel. & Fax : 02663 / 3315 hoặc 05353 / 8221

## □ SANG NHÀ HÀNG TÀU

Chúng tôi cần bán lại 1 trong 2 tiệm, đã mở cửa nhiều năm (một cái Tây Đức và một cái Đông Đức).

Thu nhập cao, địa điểm tốt, có bãi đậu xe rộng, có nhà ở trên lầu, với giá phải chăng. Vậy nếu ai thật lòng muốn biết thêm chi tiết, xin liên lạc về số

**Tel. Handy 0171 / 2774867**

## □ SANG NHÀ HÀNG

Vì hoàn cảnh gia đình cần sang gấp nhà hàng ở Gera Lusan với đầy đủ tiện nghi, khoảng 150 chỗ ngồi, bãi đậu xe rộng rãi, giá phải chăng. Mọi chi tiết xin liên lạc qua thư hoặc Tel. :

**Nhà hàng Tàu Shanghai**  
Schleizer Str. 35/37 - 07549 Gera  
Tel./Fax 0365 / 7100837  
Hòì Sáu Huệ

## □ SANG NHÀ HÀNG

Cần bán gấp nhà hàng với 90 chỗ ngồi gần trung tâm thành phố Hagen-Haspe, vì thiếu người trông nom.

Mùa hè có thể thêm 30 chỗ ngồi ngoài sân.

Hai bãi đậu xe thuận lợi. Tiền thuê khoảng 5.500.-đồng một tháng. Đến xem và thưởng lượng theo hẹn.

Xin liên lạc theo địa chỉ : **Nhà hàng Tàu Shanghai - Hütten Platz 1**  
Nói tiếng Hoa : 02331 / 43572  
Nói tiếng Việt : 02331 / 84789

## □ SANG NHÀ HÀNG

Cần sang nhà hàng khoảng 70 chỗ ngồi, tiện cho gia đình, tiền nhà luôn chỗ ở 2.400.-đồng. Giá 60.000.-đồng. Xin liên lạc về :

**Lê Kim Lệ - Schwane Weder Str. 59**  
28779 Bremen / Blumenthal  
Tel.: 0421 / 60 07 820

## □ CẦN SANG NHÀ HÀNG TÀU

Nhà hàng gần trung tâm, 80 chỗ ngồi.

Có bãi đậu xe riêng.

Có du khách trong mùa hè...

Xin liên lạc về **06581- 1820**

## □ SANG NHÀ HÀNG

Vì lý do sức khỏe cần sang nhà hàng Tàu có trên 6 năm.

Địa điểm Kurzentrum. Có bãi đậu xe trước nhà khoảng 40 chiếc.

100 chỗ ngồi ở bên trong và 50 chỗ ngồi ở ngoài vườn vào mùa hè. Có nhà ở khoảng 65m<sup>2</sup>.

Nhiều khách du lịch vào mùa hè.

Rất tốt cho gia đình và thợ nấu làm.

Nếu ít vốn có thể mượn hàng bia khoảng từ 50 ngàn Đức Mã.

Tiền muốn cho nhà hàng 3.500.-đồng

Tiền muốn nhà ở 500.-đồng

Nếu có ai thích xin liên lạc về địa chỉ hoặc số điện thoại dưới đây để biết thêm chi tiết.

**Lê Duy Vũ Moorstr. 27**  
-32805 Bad Meinberg - Tel.: 05234 / 91253

## □ NHÀ HÀNG TÀU KIM CHI

Ở vùng Bayern-Oberpfalz gần Trại lính Mỹ nơi khu đất giàu. Nhà hàng tại trung tâm tỉnh Parsberg. Ở vùng lân cận không có nhà hàng Á Châu. Nhà hàng có 75 chỗ ngồi, địa điểm rất tốt, bán rất khá. Cần sang gấp, vì đầu bếp bình không có người đảm trách. Sang với đầy đủ tiện nghi với giá 140.000.-đồng

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc với

**Ông Cao Tăng Lữc . Tel.: 09492 / 7669**

## □ CẦN SANG GẤP NHÀ HÀNG

với giá rẻ ở trung tâm thành phố Braunschweig. Mỗi trang trí và sửa chữa hơn một năm.

60 chỗ ngồi.

Có bãi đậu xe rộng rãi.

Gần nhiều cơ quan làm việc

Đổi điện 2 rạp chiếu bóng lớn (Gloria và Hansa)

Tiền nhà luôn lỗ suôi 2.400.-đồng

Cần có ngay nhà ở 4 phòng phía trên Nhà Hàng 900.-đồng

. Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

**Thu Hồng : Wendenstr. 4-5**  
38100 Braunschweig. Tel./Fax 0531 / 41188

## □ LUẬN ÁN TỬ VI

Quý vị muốn biết trọn đời mình khi nào lên đến tột đỉnh vinh quang, sự nghiệp, tiền bạc? Có số làm giàu? Mấy đời vợ, chồng, con cái, tình cảm ra sao? Có thủy chung không? Những việc xảy ra trong năm tốt hay xấu? Thay đổi được không? Vợ hay chồng hùn hạp làm ăn tuổi nào thì hợp v.v... Tất cả sẽ được giải đáp công phu, tỉ mỉ, rõ ràng qua 12 cung số.

Chúng tôi sẽ luận đoán từng thập niên, hai năm một, từ lúc mới sanh cho đến lúc 100 tuổi, năm nào thành công, năm nào thất bại, kiêng cử v.v...

Không luận đoán bằng máy điện toán, mà bằng trí óc do một vị sư truyền dạy.

Quý vị không biết ngày, giờ, năm sanh của mình. Quý vị chỉ cần làm cho một đứa con có ngày, giờ, năm sanh chắc chắn, chúng tôi sẽ luận đoán rõ cung cha mẹ, công việc làm ăn, tiền bạc...

Xin liên lạc về địa chỉ sau :

**Bác Hoàng**

Neusser Str. 451-E . 41065 Mönchengladbach  
Tel. & Fax : 02161 - 650954

(Từ 10 giờ đến 20 giờ trong tuần, kể cả thứ bảy và chủ nhật)

Sau đây xin gửi đến quý vị một bức thư của một thân chủ đã hồi âm kết quả Luận Án Tử Vi đến chúng tôi.

Canada, ngày 25.04.1997

Kính gửi Bác Hoàng,

Tôi đã nhận thư của Bác rồi. Thưa thật cùng Bác, sau khi tôi đọc kỹ, nghiên ngẫm từng lời, từng câu của Bác trong Luận Án Tử Vi của con trai tôi tên là Phạm Quốc Toàn, tôi thật thán phục vì Bác là một vị thầy đoán đúng nhất trong bốn vị thầy mà tôi đã nhờ xem Tử Vi cho cháu.

Qua lời luận đoán chúng tôi Bác rất tình tế, sâu sắc, nhiều kinh nghiệm và hiểu biết rất là uyên thâm, mà cũng chúng tôi Bác đã tốn nhiều thì giờ suy nghĩ tìm tòi, đem cả nguồn tìm khơi óc ra làm việc nên tôi rất cảm động!!! Vì vậy, số tiền tôi gửi đến Bác là để Bác uống trà làm vui thôi, chủ tâm tâm tôi không dám nghĩ đem tiền nhờ nhất để đánh giá một giá trị quý báu của tinh thần, của tấm lòng...

Nói vậy, chắc Bác hiểu cho tôi rất là thậm cảm, mà kẻ có lòng rất dễ hiểu nhau... Đòi là bề khổ, mà bề khổ lại mệnh mỏng, lời lý luận của Bác lại là ngọn đèn cho thân chủ có thể thấy ánh sáng để chọn hướng đi... cho cuộc đời.

Xin gửi nơi đây lòng chân thành cảm ơn Bác, và không quên kính chúc Bác cùng quý quyến luôn nhiều an khang và sức khoẻ, may mắn, hạnh phúc.

Một lần nữa tôi xin khen tặng Bác là một vị thầy rất giỏi, quý giá, mong Bác đừng quên truyền đạt cho con cháu sau này... kho tàng vô giá của sự hiểu biết đó...

Kính, Hiền Nguyễn (Ký tên)  
546 MCGEE ST WINNIPEG.  
-MANITOBA R3G - IN CANADA

## Giới thiệu sách mới

### ● CÂU CHUYỆN TỪ CON TÀU CAP ANAMUR

Nhà văn Vũ Nam vừa hoàn thành tác phẩm thú năm *"Câu chuyện từ con tàu Cap Anamur"*. Câu chuyện nói lên cảnh lên lút vượt biển, cảnh hải hùng trên biển cả, hải tặc... rồi được con tàu nhân đạo Cap Anamur cứu vớt. Đến cảnh tạm trú trên các đảo ở Phi Luật Tân, mà tác giả đã có mặt của chuyến đi ấy.

Sách dày 260 trang. Bìa in màu rất đẹp. Giá 18 Đức Mã (chưa kể cước phí). Phát hành tại chùa Viên Giác.

### ● TỪ MIỀN ĐẤT LẠNH

Ký sự về Canada và người Việt của nhà văn Nguyễn Văn Ba vừa hoàn thành để kỷ niệm một thời viết báo.

Nói đến Canada hay Gia Nã Đại, nhiều người liên tưởng ngay đến... tuyết. Không sai! Ai có sống ở Canada mới biết, đúng nơi này đích thị là miền "đất lạnh" nhưng... "tình nồng"...

Sách dày 250 trang. Bìa in màu thật đẹp. Giá 24 Đức Mã (chưa kể cước phí). Phát hành tại Chùa Viên Giác hoặc liên lạc

NGUYỄN VĂN BA - 4126 DEGEER ST.# 3 - SASKATOON, SK - CANADA S7H 4S8

### ● DÒNG SÔNG TRẦM LẶNG CỦA MẠNH BÍCH

**Bạn Văn xuất bản - Phát hàng tháng 11.97**

Đọc *Dòng Sông Trầm Lặng* để cùng sống lại "một giai đoạn đời sôi động, giữa một thời cuộc bể dâu làm sững sốt mọi người trong cuộc" (Giáo Sư Vũ Kỳ)

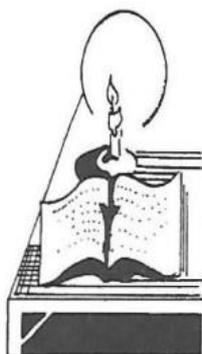
Đọc *Dòng Sông Trầm Lặng* để cùng nhớ lại "khía cạnh đạo lý của cách giáo dục con cái đã được gia đình tác giả làm nổi bật" (Duy Lam trong Tự-Lực văn đoàn)

Đọc *Dòng Sông Trầm Lặng* để cùng sống lại những thử thách, gian truân của những Người-Cộng-Hòa đã tìm đủ cách để đến bến bờ Tự Do.

*Dòng Sông Trầm Lặng* là một cuốn truyện rất dễ làm say lòng người đọc vì người đọc tưởng như "chuyện lòng" của tác giả cũng là chuyện lòng của chính mình (Thi sĩ Hồ Trọng Khôi).

Đặt mua tại: Nguyễn Mạnh Bích - 25 rue de Vaucouleurs - 75011 Paris - France - hay Trần Văn Ngô - 59 Ave Jean Jaurès - 94250 Gentilly - France.

Giá tại Pháp: 70 Quan Pháp (bao cước phí). (Nếu muốn có bút ký của tác giả, xin ghi rõ họ tên trong thư).



# Hộp Thư Viên Giác

**T**rong thời gian qua Viên Giác đã nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh, sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

## THƯ TÍN

Yên Tử Cư Sĩ Trần Đại Sỹ (Pháp), Đồng Phưởng Mai Lý Cang (Pháp), Mạnh Bích (Pháp), Hồ Trường An (Pháp), Đoàn Văn Thông (Mỹ), Trần Kim Vy (Mỹ), Cư Sĩ Tâm Quang Nguyễn Xuân Hòa (Pháp), Nguyễn Văn Ba (Canada), Diệu Liên (Đức), Nguyễn Nguyên; Trần Phong Lưu & Quỳnh Hoa (Đức), Ngân Uyên (Canada), Diệp Kim Kỳ (Đức), Lê Thái (Đức), Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Lâm Người Việt Nam (Pháp), Đào Thị Kim Loan (Đức), Tiểu Đăng (Canada), Nguyễn Việt Nữ (Mỹ), Trần Đăng (Đức), Hồ Trọng Khôi (Pháp), T.T.X. (Canada), Lê Thị Bạch Nga (Canada), Trinh Chung (Canada), Thiện Bình Nguyễn Thái An (Đức), Nguyễn Thị Thúy Hoa (Đức), Tuệ Nga (Mỹ), Lý Đại Nguyên; Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn (Úc), Nguyễn Chí Thành (Đức), Quốc Duy Nguyễn Văn An (Pháp), Phạm Thăng (Canada), Võ Trường Sa (Canada), Hương Giang Thái Văn Kiểm (Pháp), Kim Ngọc (Đức), Lê Mỹ Như Ý (Mỹ), Võ Thúc (Ấn Độ), Phan Hùng Nhón (Đức), Phan Ngọc (Đức), Triệu Quyết Thắng (Đức), Lê Thanh Hải (Đức), Thiện Ngọc Võ Thị Nga (Đức), Thiện Căn Phạm Hồng Sáu & Hồng Nhiên (Đức), Ngọc Tuyết (Đức), Cò May (Đức), Nguyễn Việt Nga (Đức), Văn Nương (Pháp), Huyền Thanh Lữ (Đức), T.T.V.; Thanh Bình (Thụy Sĩ), Võ Thu Tịnh; Hoàng Ngọc Liên (Mỹ), Diệu Minh (Đức), Bảo Vân (Canada), Lê Thanh Tùng (Đức), Thiện Hội Đoàn Hữu Hải (Đức), Lý Thu Thảo (Đức), Phạm Trường Long (Đức), Trần Quang Mạnh (Đức), Nhật Trọng (Đức), Người Giám Biên (Đức), Giáo Sư Vũ Kỳ (Bi), Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Sư Huỳnh Hà Đâu Đồng (Đức), Người Quan Sát (Đức), Thanh Hà (Bi), Chi Hội Phật Tử VNTN Karlsruhe (Đức), Ý Lan (Pháp), Mai Hồng Khanh (Đức), Nguyễn Thùy (Pháp), Phù Vân (Đức), Tú Xứng Roland Berthol (Đức), Yên Tử (Đức), Hồng Lan (Mỹ), Yên Sơn; Ep (Thụy Sĩ), Phương Hà (Bi), Hoàng Sa; NS Diệu Phước (Đức), Hoàng Thị Duyệt (Đức), Phan Ngô (Mỹ), Long Nam (Đức), Diệu Hiền N.T.K. (Đức).

## KINH, SÁCH, BÁO CHÍ

**ĐỨC:** Phục Hưng số 8, 10; Ritual der Stille K. Okakura; Tuổi Trẻ số 21, 23; Bàn Tin Đức Quốc số 136, 138; Đất Nước số 19, 20, 21; Việt Nam số 76; Tiến Bộ số 5, 6, 7; Cao Đài Giáo Lý số 44; Thiện Chí số 53; Cảnh Ấn số 70, 71, 72; Dân Chủ & Phát Triển số 10; Tin Hội số 5; Buddhismus & Tierschutz - Alle Wesen; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 103; Dân Văn số 59; Tự Do số 22, 23, 24; Việt Nam Dân Chủ số 13; Vietnam Infos Nr.3; Dân Tộc số 22, 23; Unverfügbare Gewährhut; Tibet und Buddhismus Nr 43; Việt Nam Hòa Bình số 5, 6; Buddhistische Monatsblätter Nr 28; Đoàn Kết số 28; Betrifft Nr 4/97; Diên Hồng số 21; Siddharta Weg - Frederik Hetmann; Dân Chúa Âu Châu số 180, 181; Tân Việt số 1, 2; Diễn Đàn Dân Chủ Tự Do số 17; Tâm Giác tháng 11/97; Nhiệt Huyết số 13; Diễn Đàn Việt Nam số 77, 78; Tập san Thi Ca số 12; Développement et Coopération Nr.6; Development and Cooperation Nr.6; Entwicklung und Zusammenarbeit Nr.11, Nr 38; Hướng Quê số 11; Dân Chủ cho Việt Nam số 18; Bàn Tin Phật Sự Chi Hội PTVNTN tại Tuttlingen & Rotweil số 2; Quê Hương số 19; Informationsmaterial Südostasien - Flüchlinge-Caritas Freiburg; Việt Nam Thông Tin số 4; Việt Nam Tự Do trên Internet số 4; Tia Sáng số 32; Hướng Việt số 8; Dân Việt số 11, 12; Ảnh Sáng Dân Chủ số 11.

**PHÁP:** Hoàng Pháp số 80, Bàn Tin Khánh Anh tháng 10/97; Sự Thật số 31; Thời Báo Marseille số 57; Nhân Bản số 14, 15; Bông Sen số 30; Quê Mẹ số 139, 140, 141; Việt Nam Dân Chủ số 14; GDPT Quảng Đức kỷ niệm 20 năm.

**THỤY SĨ:** Mục Vụ số 161, 162; Das Leben nach den Tod.

**HÒA LAN:** Việt Nam Nguyễn San số 124, 125, 126; Buddhayana Zeitung Nr 2.

**NA UY:** Pháp Âm số đặc biệt.

**HOA KỲ:** Chân Trời Mới số 9/97 + 10/97, số 11; Nguồn Đạo số 42; Bồ Đề Hải số 34, 35; Đẹp Magazine số 315; Phật Giáo Hải Ngoại số 12; Giao Điểm số 27; Đuốc Từ Bi số 54; Bàn Tin Báo Pháp; Những Bí Ẩn Sau Cõi Chết (Đoàn Văn Thông); Snow Lion Volume 12 Nr.3; Phê bình về những bài phê bình cuốn Đời Thoại với Giáo Hoàng - Giao Điểm; Buddha's Light Newsletter Nr.27; Ch'an Magazine Fall 97; Con Đường Ngược Dòng - Vinh Hào; Bước Nhảy Chập Chùng - Phù Du.

**CANADA:** Buddha's Light Newsletter Nr.25, 26; Chính Phụ Ngâm tập chú (Nguyễn Bá Triệu); Đi Tới số 4; Khai Thác Thị Trường số 28.

**ĐÀI LOAN:** Ch'ien fo Shan Magazine; Golden Lotus Theatre Nr.22, 23, 24; Thiên Phật Sơn số 101, 102, 103; Hiện Đại Phật Giáo số 197, 198.

**SRI LANKA (Tích Lan):** Vāṅgisa.



# Phương danh cung đường (Tinh đến ngày 30.9.1997)

(tiếp theo VG.101)

## TAM BẢO

Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Âu Châu 300DM. Hoàng Kim Tuấn (Lehrte) 100DM. Lê Thị Kim Lan (\*) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (\*) 10DM. Hoàng Thị Luyện (Babenhausen) 10DM. Tống Thị Bình (Konz) 20DM. Vũ Văn Hải (Trier) 20DM. Trịnh Quang Hùng (Saarburg) 20DM. Bùi Thị Kim Oanh 15DM. Phùng Mạnh Cường (Wolfenbüttel) 10DM. Udo Mayer 20DM. Vũ Văn Nguyễn (Haren) 10DM. Lê Thị Thu 20DM. Trần Lênh Thiệu (Lichtenau) 20DM. Nguyễn Thị Tú Diestrich (\*) 50DM. Nguyễn Văn Vinh (Việt Nam) 100DM. Đặng Đình Thoa 20DM. Ngô Long Du (Paderborn) 50DM. Bùi Thị Hồng Hiệp (Mainz) 10DM. Bùi Thị Tú Lan (Chemnitz) 10DM. Kim Văn Minh (Esterwegen) 20DM. Vũ Chi Nam (Darmstadt) 10DM. Nguyễn Đình Trần (Hòa Lan) 20FF. Aksornsi + Arthen (Groenewald) 40DM. Đặng Văn Giang 20DM. Nguyễn Thị Dung (Mainz) 10DM. Trần Hải Yến (Việt Nam) 10DM. Vũ Văn Thao (Edenkoben) 20DM. Nguyễn Văn Thứ (Rülzheim) 20DM. Lê Việt Hải (Großzimmern) 20DM. Nguyễn Đình Trung (Lichtenau) 20DM. Nguyễn Thị Hương (Tiếp) 20DM. Gđ. ĐH Vũ Âu (Karlsruhe) 50DM. Chi Hội PTVNHN Karlsruhe 500DM. Chi Hội PTVNHN (Karlsruhe) 100DM. HHHL ĐH Cao Chu Vũ. Phan Văn Hữu (Tübingen) 50DM. Ngô Đình Thọ + Thủy (Karlsruhe) 100DM. Gđ. ĐH Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 800DM. HHHL ĐH Cao Chu Vũ. Tạ Thị Y 30DM. Âu Cẩm 20DM. Phùng Thị Quảng (Freiburg) 30DM. Đặng Văn Ty (\*) 30DM. Thiên Chấn + Thiên Ngọc (\*) 100DM. Quách Thu Anh (\*) 50DM. Lê Văn Cuối (\*) 20DM. Vương Ngô Anh (\*) 20DM. Trần Mạnh Pháy (\*) 20DM. Võ Ngọc Hoàng (\*) 50DM. Trần Xa Lai (\*) 50DM. Trưởng Thị Ven (Bingen) 100DM. Trưởng Thị Phương Mai (Lorrach) 50DM. Huỳnh Văn Dân (Emmendingen) 30DM. Casanova Bruno (Suisse) 50DM. Khuu An Vinh 30DM. Nguyễn Ban (Freiburg) 50DM. Nguyễn Thị Thu Thảo (\*) 100DM. Nguyễn Văn Đẳng (\*) 100DM. Nguyễn Thị Tú (\*) 200DM. Nguyễn Thị Chấn (\*) 10DM. Nguyễn Minh Tâm (\*) 20DM. Ngọc Liên (Hamm) 10DM.

## BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 10DM. Tiêu Văn Xuyên (USA) 50DM. Vương Thị Thủy Dương (Aue) 10DM. Nguyễn Như Cừ (Searlois) 20DM. Nguyễn Cầu Luyện (Mainz) 40DM. Phạm Minh Sơn (Đan Mạch) 100DM. Phạm Văn Út (Y) 10.000Lire. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Văn Tú (Pháp) 200FF. Mme Lai Văn Sửu (\*) 200FF. Mỹ Thế (\*) 200FF. Lam Vo Ho Jeanne (\*) 100FF. Đào Thị Lê Phương (\*) 200FF. Nguyễn Tất Thắng (Hasselünne) 20DM. Lê Kim Hùng (Villingen) 30DM. Quan Báo Cầu (Anh) 10Anh kim. Dương Vinh Xuân (\*) 40Anh kim. Trần Văn Sau (Bielefeld) 20DM. Lê Đăng Thủy (Frankenthal) 20DM. Vũ Thị Lan + Chu Khắc Xương (Bi) 500FB. Trần Tân Đạt (Liège/Bi) 20DM. Lai Kim Anh (Y) 50DM. Đặng Quốc (Đan Mạch) 100Kr. Mỹ Linh (Alberter (Hòa Lan) 20DM. Mme Thanh Bình (Suisse) 10FS. Hứa Mỹ Hằng (Hòa Lan) 30DM. Trần Văn Cồn (Suisse) 100DM. Vũ Ngọc Mối (Bielefeld) 100DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 50DM. Lê Thị Bích Thủy (Frankfurt) 50DM. Tiêu Văn Cường (Konstanz) 20DM. Nguyễn Thị Nhung (Regensburg) 20DM. Ly Vi Phúc (LU) 30DM. Kim Loan (Erfstadt) 100DM. Ân danh (Westerburg) 20DM. Lê Hồng Quán (Weingarten) 15DM. Đinh Bá Hùng (Neuss) 20DM. Bùi Đăng Khoa (Heidelberg) 20DM. Lê Thị Mạo (München) 20DM. Lê Thị Văn (Velpeke) 20DM. Nguyễn Thị Thanh (Ruhem) 20DM. Trần Thanh Tùng (Köln) 20DM. Nguyễn Thu Thủy (Bernkastel) 20DM. Bùi Thị Thanh (Wittlich) 20DM. Nguyễn Thanh Thủy (Uelzen) 10DM. Nguyễn Hữu Thu Hương (Oberhausen) 30DM. Nhật Thành (\*) 20DM. Lm. Nguyễn Trung Điếm (Braunschweig) 100DM. Nguyễn K. Tân (Ravensburg) 20DM. Lư Vinh Ngọc (Münster) 50DM. Đỗ Thị Thu Hương (Pforzheim) 30DM. Trần Văn Hiến (Y) 20DM. Nguyễn Văn Hùng (Berlin) 40DM. Lý Chi Đông (Burghausen) 20DM. Vũ Văn Thiết (Đan Mạch) 20DM. Nguyễn Phúc (Pháp) 100FF. Đỗ Bửu Khanh (\*) 200FF. Phạm Ngọc Báo (\*) 200FF. Lê Huệ Phương (Celle) 10DM. Đỗ Văn Nhân (Windhagen) 50DM. Trưởng Thị Ven (Bingen) 50DM. Đông Thành (Heilbronn) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (Heubach) 50DM. Nguyễn Thị Gong (Neustadt) 20DM. Tăng Kim Huệ (Sweden) 100Kr. Huỳnh Minh Trung (Anh) 150DM. Lâm Lê Chu (Ingoistadt) 40DM. Vương Kim Huệ (Suisse) 50FS. Bùi Thị Bình (\*) 60DM. Trần Văn Minh (Mannheim) 50DM. Trần Văn Nghĩa 30DM. Trịnh Hùng 30DM. Trần Văn Sơn 20DM. Trần Ngọc Khuê (Neuss) 200DM. Lê Anh Dũng 30DM. Trịnh Quang An (Konz) 120DM. Lê Thiệp (Augsburg) 30DM. Nguyễn Thị Cao (Werune) 50DM. Nguyễn Văn Anh (Saterland) 20DM. Lê Việt Lan (Wactrop) 10DM. Xuân Thanh (Hòa Lan) 25Guld. Lê Văn Tiếp + Nguyễn Thanh Đình (USA) 50US. Đặng Văn Uy (Eisenfeld) 50DM. Lê Văn Thiện (Münster) 50DM. Đỗ Mạnh Hoàng Duy (Frankfurt) 50DM. Trần Trọng Thuận (Erfstadt) 20DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Nguyễn Văn Nghi (Münster) 20DM. Hứa Thiệu Thanh (Weilbenthusen) 30DM. Đặng Thanh Sơn (Markgröningen) 20DM. Ngô Quan (M'Gladbach) 50DM. Trưởng Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Phạm Hùng Nhơn (Münster) 10DM. Lý Ngọc Hạnh (\*) 20DM. Ngụy Nhứt Thủ

(Hannover) 50DM. Trưởng Kim Thủy (Royhen) 20DM. Lương Tấn Minh (Stuttgart) 20DM. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell) 20DM. Trần Tăng (Troisningen) 20DM. Đặng Thị Kim Yến (Đan Mạch) 25DM. Quốc Anh 40DM. Ngô Thanh Trí (Sigmaringen) 30DM. Phạm Hồ Kim Mai (Memmingen) 10DM. Phùng Thị Mai Hằng 25DM. Trần Trung Ngọc (Na Uy) 300Kr. Chu Văn An 50DM. Nguyễn Thị Phùng (Trier) 20DM. Nguyễn Văn Phú (Reutlingen) 50DM. Phạm Trường Long (Frankfurt) 60DM. Phạm Văn Hiệp (Bremen) 20DM. Hồ Chánh Kỳ (HH) 30DM. Hồ Thị Ngọc Hát (\*) 20DM. Nguyễn Thị H. Hòa (Selm) 30DM. Phạm Văn Đức (Nürnberg) 50DM. Đinh Thị T. Hằng (Berlin) 50DM. Hà Ngọc Đào (HH) 20DM. Nguyễn Văn Quang (Oberrkirchen) 50DM. Günther S. (Göttingen) 50DM. Nguyễn Thành Long (Siegen) 20DM. Nguyễn Văn Nghĩa (\*) 20DM. Huỳnh Văn Sang (Bad Oldesloe) 50DM. Nguyễn Thị Chiên (Ludwigshaven) 50DM. Thái Trần (Stadtlendorf) 500DM. Liễu Thị H. Văn (Hannover) 50DM. Nguyễn Văn Hòa (Münster) 20DM. Lâm Chi Trung (\*) 20DM. Dương Văn Hòa (Bielefeld) 30DM. Tô Thanh Quang (Bayreuth) 20DM. Vũ Thị Hiền (Berlin) 40DM. Nguyễn Minh Sơn (München) 30DM. Nguyễn Văn Trí (Eisleben) 50DM. Khuat Bay (Luheun) 20DM. Lâm Minh Nghĩa (HH) 20DM. Cao Hoàng Phát (Liebstadt) 40DM. Huỳnh Tú (Bad Iburg) 20DM. Tăng Kim Lang (Berlin) 30DM. Nguyễn Ngọc Bình (Sondershausen) 20DM. Trần Tuấn Hùng (Burgorberbach) 50DM. Tôn Nữ V. Hà (Pháp) 20DM. Nguyễn Man Đ. Khôi (München) 20DM. Đỗ Văn Nghiê (\*) 30DM. Nguyễn Đình Dương (\*) 20DM. Nguyễn Thị B. Huệ (Neumarkt) 20DM. Trịnh Thị Tuyết (Fürth) 20DM. Hoàng Văn Thúc (Ellwangen) 30DM. Vũ Minh Hạnh (Nauen) 20DM. Lê Thị Trú (Berlin) 20DM. Mai Lộng (Erfurt) 20DM. Nguyễn Thị Toàn + Đinh (Heiligenstadt) 20DM. Đỗ Văn Nghiê (Wedel) 20DM. Gđ. Bathke Tuyết (Giessen) 50DM. Nguyễn Văn Cao (Đan Mạch) 200Kr. Hà Kiến Hùng (Frankfurt) 50DM. Triệu Thanh Hà (HH) 100DM. Bùi Văn Mai (Reutlingen) 100DM. Trần Ngọc Báo (Dorsten) 50DM. Lý Tùng Phương (Bonn) 20DM. Huỳnh Kim Thanh (Bielefeld) 50DM. Võ Văn Tú (Wiesbaden) 30DM. Nguyễn Văn Đức (Karlsruhe) 20DM. Lê Thuà Nghiệp (Nürnberg) 20DM. Đặng Như Nam (\*) 30DM. Điều Quốc Việt (\*) 20DM. Lê Thanh Bình (Bremen) 100DM. Vũ Văn Chúc (\*) 50DM. Võ Công Định (\*) 30DM. Quách Thị Chót (Essen) 20DM. Đặng Phúc Tiến (Bayreuth) 50DM. Trần Văn Long (\*) 50DM. Nguyễn Đức Mạnh (\*) 20DM. Nguyễn Thị N. Lan (Bielefeld) 20DM. Đinh Thị Hà (HH) 100DM. Phan Ngọc Quan (\*) 20DM. Nguyễn Thị Văn (\*) 30DM. Vũ Đình Việt (\*) 30DM. Nguyễn Văn Dũng (München) 20DM. Nguyễn Hoàng M. Thanh (Limburg) 20DM. Nguyễn Ngọc Thô (B. Homburg) 50DM. Nguyễn Thủy Hồng (Göttingen) 20DM. Lê Quang Yến (Hannover) 20DM. Nguyễn Lê Nghĩa (\*) 100DM. Trần Anh Tuấn (\*) 20DM. Lê Thị T. Hồng (Krefeld) 50DM. Nguyễn Anh Tuấn (BS) 30DM. Nguyễn Văn Lộc (Lippstadt) 50DM. Trần Mạnh Tiến (Hildesheim) 50DM. Thị K. Nhung Graeser (Osnabrück) 20DM. Phạm Thị Uyên (Northeim) 20DM. Nguyễn Thị Phi (Münster) 50DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 10DM. Châu Thị Song (Unna) 50DM. Bùi Ngọc Loan (Frankfurt) 20DM. Hoàng Tôn Long (\*) 20DM. Chiêu Văn Mươi (Berlin) 50DM. Đỗ Thành Ôn (Oldenburg) 20DM. Trần Ngọc Đức (Berlin) 20DM. Võ Thị Hương (Augsburg) 30DM. Châu Thành Lợi (Wiesbaden) 20DM. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Weener) 30DM. Nguyễn Thị H. Hà (B. Hönningen) 20DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 20DM. Thu Rudloff (Schwarzenberg) 20DM. Nguyễn Như Hà (\*) 10DM. Lưu Minh Thành (HH) 50DM. Nguyễn Thành Hưng (Y) 30DM. Dương Khánh Vinh (Wiesbaden) 20DM. Trần Thị Diệu Huyền 40DM. Bùi Tấn Quốc (Klotten) 10DM. Nguyễn Hữu Du (Hòa Lan) 50Guld. Nguyễn Thị Dung (USA) 30US. Nguyễn Đăng Quang (Y) 50.000Lire. Lê Hồng Lê Thủy (HH) 20DM. Trần Văn Dương (Wittlich) 30DM. Hải Hà Wulf (Lübeck) 10DM. Liễu Thị Tú (Göttingen) 20DM. Héliene Antony Đỗ (D'orf) 50DM. Ngô Thanh Cát (Wiesbaden) 50DM. Trưởng Kim Súng (Bad Soden) 50DM. Bùi Kim Huệ (Aerzen) 30DM. Phạm Hồng Khanh (Nordhorn) 50DM. Nguyễn Hữu Thọ (Finsterna) 20DM. Đặng Thị (Köln) 10DM. Vũ Thị Kim Tọa (Sangerhausen) 30DM. Nguyễn Hữu Bình (Bautzen) 20DM. Trần Minh Hùng (Neustadt) 300DM. Hồ Xuân Ngô (D'orf) 10DM. Ngụy Minh Thủy (Hannover) 20DM. Trần Minh Ngọc (Grenbroich) 20DM. Phan Thị Hồng (Mainz) 20DM. Khuu Cẩm Văn 20DM. Quan Tú Quỳnh (Berlin) 50DM. Gđ. Lê Văn Trai (Durach) 20DM. Gđ. Lê Văn Men (B. Elster) 20DM. Phan Hữu Tâm 50DM. Nguyễn Chới (Wiesbaden) 30DM. Vũ Thị Thơm (Saarburg) 50DM. Anh Hay (Liefing) 20DM. Bùi Tất Thắng (Saarland) 10DM. Võ Văn Tâm (Rheine) 20DM. Lê Bình 10DM. Nguyễn Thị Văn (Hamein) 20DM. Huỳnh Kim Sơn (Köln) 100DM. Phan Quang Vượng (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thị Hằng 10DM. Huỳnh Văn Tĩnh (Bremen) 50DM. Trang Tuấn Kiệt (B. Hönningen) 20DM. Khuu Văn Nhi (Na Uy) 100DM. Đỗ Tân Phát (Uelzen) 50DM. Giang Bà Lâm (Kappeln) 20DM. Gđ. Nguyễn Khuyên (Schwarzenberg) 20DM. Đỗ Thị Kim Tọa (Hannover) 30DM. Đào Công Cấn 20DM. Nguyễn Văn Thanh (BS) 20DM. Trần Thị Bình Phương (Pháp) 30DM. Trịnh Đỗ Vinh (Speyer) 30DM. Mai Lý Càng (Pháp) 200FF. Trần Thị Cẩm Tú (\*) 200FF. Trần Hồ 185DM. Hà Hiền Thanh (Đan Mạch) 100Kr. Hà Hữu Phúc (Lahr) 30DM. Dương Hạnh Nhơn (D'orf) 50DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Trần Thị Thắng Trang (Berlin) 20DM. Lê Trang (Nordhorn) 30DM. Nguyễn Hồng Khoảnh (HH) 20DM. Huỳnh Hiệp Khoảnh 30DM. Nguyễn (Lehrte) 10DM. Diệu Nữ (Stadthagen) 100DM. Thiệp Y (Hannover) 50DM. Nguyễn Văn Diên (Krefeld) 30DM. Nguyễn Đức Hiếu (Woerth) 50DM. Nguyễn Văn Quan (Wuppertal) 20DM. Phan Tấn Liu (Suisse) 48DM. Lê Thanh Quang (München) 30DM. Nguyễn Hữu Bưởi

(Südbrookmer) 25DM. Lê Quang Trường (Schwebheim) 20DM. Nguyễn Văn Thanh (Kassel) 20DM. Đào Huỳnh Tuyết Hoa (Suisse) 50FS. Huỳnh Công Nhi (USA) 50FS. Từ Ngọc Dung 50DM. Trần Văn Phúc 20DM. Dương Tấn Tài 20DM. Nguyễn Thị Yến 50DM. Nguyễn Thị Ánh Văn (Stredouf) 20DM. Nguyễn Thị Hương (Wiesbaden) 20DM. Hoàng Công Phú (Stuttgart) 20DM. Dương Hạnh Nhơn (D'orf) 50DM. Nguyễn Văn Lưu (Unna) 30DM. Lương Thị Búp (Bochum) 30DM. Nguyễn Hùng (Berlin) 20DM. Trần Thị Năm (Strudorf) 20DM. Đặng Văn Nhâm (Đan Mạch) 50DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5Anh kim. Ngô Tuấn Kiệt (Giengen) 10DM. Nguyễn Kim Thu (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Việt Đức (Salzgitter) 10DM. La Quốc Tuấn (Nordhorn) 50DM. Lê Trung Ứng (Michelstadt) 30DM. Cao Thu Văn (Hòa Lan) 50DM + 50Guld. Hồng Thanh (\*) 50Guld. Du Thị Ngọc Mai (Uc) 200Uc kim. Nguyễn Thanh Toàn (Olching) 30DM. Lâm Văn Phúc (Hunteburg) 20DM. Trưởng Thị Thắng Trang (Berlin) 50DM. Huỳnh Văn Liên (Saarbrücken) 300DM. Phạm Thị Yến Lan (Y) 100DM. Nguyễn Thị Thủy Lan (Bitburg) 20DM. Võ Thành Nghĩa (Viersen) 29DM. Từ Thị Thu Hà (M'Gladbach) 50DM. Karl-Blumenstock (Wiesbaden) 20DM. Trần Thị Múi + Đình Kim Dung (Áo) 50US. Trịnh Thị Hoài Thu 30DM. Trần Nam Sơn (Berlin) 10DM. Hồ Thị Lâm (Bietzheim) 20DM. Lý Minh Thuận (Pháp) 100FF. Trần Minh Chiếu (\*) 30DM. Mã Xuân Hồng 40DM. Ngô Mỹ Dung (Krefeld) 20DM. Đặng Thu Hằng (Neuburg) 20DM. Thủy Dương (Aue) 10DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 30DM. Đinh Trọng Nghĩa (Freiburg) 20DM. Phùng Thị Quảng (\*) 20DM. Đặng Văn Ty (\*) 50DM. Thiên Chấn + Thiên Ngọc (\*) 100DM. Lê Văn Cuối (\*) 30DM. Vương Ngô Anh (\*) 20DM. Nguyễn Tấn Anh (\*) 50DM. Trần Đức Minh (March) 50DM. Nguyễn Văn Thạch (\*) 50DM. Trần Thị Hiền 150DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 25Guld. Giang Ba Lam (Kappeln) 800DM. Nguyễn Mai Tuy (Hamburg) 100DM. Lê Văn Kiệt (Pháp) 200FF. Lương Thành Lập (Wiesbaden) 36DM.

## VU LAN

ĐH. Nguyễn Thị Tiến (Hannover) 50DM. Lê Thị Hồng (\*) 50DM. Tiêu Thị Thi (Erlangen) 100DM. Nguyễn Ngọc Sơn (Heilbronn) 20DM. Nguyễn Thị Sáu (Hamburg) 20DM. Võ (München) 20DM. Đỗ Tuyết Phương (Mannheim) 10DM. Phan Công Danh (Sweden) 100Kr. Đinh Thị Xuân Thảo (Krefeld) 20DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Đinh Thị Xuân Thảo) 50DM. Đỗ Thủy Hoa (Keuchheim) 20DM. Mã Thánh (Oberammergau) 20DM. Trịnh Thị Phương Liên (Armstadt) 20DM. Lương Thị Hòa (Sonnefeld) 40DM. Nguyễn Chế Phong (Clausthal) 20DM. Huỳnh Thiết Huệ (Nürnberg) 300DM. Tô Tinh Tường (\*) 20DM. Nguyễn Văn Cửu (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Minh Tân (Aue) 10DM. Trần Trinh Huệ 20DM. Nguyễn Thị Kim (Münster) 20DM. Nguyễn Cúc (Kassel) 20DM. Lê Trưởng Sinh (Ellwangen) 20DM. Lê Thị Hương (Konstanz) 50DM. Hà Văn Hón (Rosenheim) 30DM. Phạm Hữu Vui (Weilrode) 30DM. Nguyễn Đám (Köln) 20DM. Trưởng Kim Học (Landstuhl) 20DM. Nguyễn Thị Khang (Y) 20.000Lire. Phạm Văn Út (\*) 10.000Lire. Đặng Thanh Toàn (Essen) 10DM. Nguyễn Thị Nhiên (Neu Uim) 30DM. Tô Mạnh Tô Trinh (Dingolfing) 40DM. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 50DM. Lương Tấn Đạt (Bielefeld) 30DM. Tạ Nhuận (Frankfurt) 20DM. Từ Nguyệt Huệ (\*) 20DM. Nguyễn Thị Huệ (Berlin) 50DM. Huỳnh Văn Thập (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Thị Chiêu (Neuss) 20DM. Quách A. Hoa (Bi) 500FB. Nguyễn Danh Đan (Pháp) 100FF. Bùi Tuấn Kiệt (M'Gladbach) 20DM. Nguyễn Huệ Lan (Sweden) 100Kr. Quách Thị Múi (Krefeld) 50DM. Bành Chúc Cung (Ludwigshafen) 200DM. Bành Vinh Ái (\*) 50DM. Lâm Chánh Hoàng (Seevetal) 20DM. Nguyễn Văn Anh (Pháp) 100FF. Hàng Văn Lương (\*) 300FF. Trần Việt Hồng (\*) 100FF. Châu Thế Mưu (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Thị Diệu Hoa (Leutenbach) 20DM. Lêוגi (Nordhorn) 30DM. Đặng Anh Dũng (Aachen) 10DM. Quan Chi Nhàn (Kempten) 50DM. Nguyễn Thị Tâm + Trần Văn Búp (Berlin) 20DM. Phan Hùng Nhơn (Münster) 100DM. Đặng Phong Lan (Ahnsen) 10DM. Gđ. Trịnh Văn Bo (Kastellaun) 10DM. Lê Kim Hùng (Villingen) 50DM. Đỗ Hải Yến (Germersheim) 10DM. Quan Báo Cầu (Anh) 10Anh kim. Mai Hồng Khanh (Eppelborn) 10DM. Cambeiro Celso (Pháp) 100FF. Trần Văn Hải (Đan Mạch) 200Kr. Nguyễn Thị Thế Phương (Hof) 10DM. Chong Tac Vo (Osnabrück) 150DM. Huỳnh Thanh Nghiệp (Speichingen) 50DM. Trưởng Hùng Hiếu (Wahlstedt) 20DM. Nguyễn Thị Kim Ngọc (Berlin) 20DM. Nguyễn Thị Minh Tâm (Köln) 20DM. Võ Thị Ngọc Em (Regensburg) 20DM. Chim Liên (Altenkirchen) 20DM. Nguyễn Danh Thắng (Mannheim) 50DM. Vũ Thị Bình (Uppgant Schott) 30DM. Bùi Đình Đông (\*) 20DM. Trần Thị Hạnh (\*) 20DM. Nguyễn Thị Minh Phương (Nordenay) 50DM. Lê Thị Bích Nga (Aunch) 30DM. Ly Thị Ba (Bi) 1.000FB. Huỳnh Văn Văn (\*) 500FB. Ly Thủy Hà (\*) 100FF. Mme Davant Henri (Pháp) 200FF. Mme Lê Ngọc Chấn (\*) 100FF. Hồ Thị Mai (\*) 100FF. Phạm Ngọc Lục (\*) 50FF. Đặng Thị Liên (\*) 20DM. Đỗ Thị Út (Hòa Lan) 20Guld. Phan Kim Oanh (Dresden) 10DM. Đỗ Hữu Ái (Oberhausen) 20DM. Trần Văn Đức (Burgrieden Rot) 30DM. Lê Đăng Thủy (Frankenthal) 10DM. Nguyễn Thị Giỏi (Bi) 500FB. Huỳnh Thị Tâm (\*) 500FB. Trần Thị Múi Đón (Đan Mạch) 100Kr. Lai Kim Anh (Y) 20,85DM. Từ Thu Mươi (Latzen) 100DM. Trưởng Đại Hứa (Burgscheid) 20DM. Gđ. Đông Sĩ Khương (Sigmaringen) 50DM. Phạm Trọng Trung (Einbeck) 50DM. Trần Thị Diệu Hoa (Ravensburg) 100DM. Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 40DM. Tạ Quang Thanh (Neu Uim) 30DM. Mỹ Linh Alberter (Hòa Lan) 80DM. Trần Thị Nhiều (\*) 25Guld. Phùng Kim Liên (Na Uy) 100Kr. Dương Vinh Xuân (Anh) 10Anh kim. Trưởng Tấn Lộc (Laatzan) 50DM. Nguyễn Thị Mỹ Hoa (Regensburg) 50DM. Nguyễn Thị Phương



(Gutach) 20DM. Phạm Thị Bưởi (D'dorf) 20DM. Hứa A Tri (Wilhelmsaven) 50DM. Hồ Thị Lâm (Biet-Büss) 50DM. Trần Thị Hiền (Köln) 20DM. Trần Nhật Quang (Ibbenbüren) 20DM. Phạm Hoài Trang (Irel) 50DM. Châu Lê Anh (Sweden) 200Kr. Trần Quỳnh Nga (Suisse) 20FS. La Hai (\*) 20FS. Đỗ Đình Lang (Pháp) 200FF. Medina Trần Thị Bê (\*) 200FF. Lê Thị Bích Thủy (Frankfurt) 50DM. Trần Thị H. Châu (Ý) 50.000Lire. Trần Thị Vân (Pháp) 20DM. Vũ Thị T. Mai (Rodgau) 20DM. Ngô Đức Tâm (Remseck) 30DM. Trương Cam Minh (Darmstadt) 60DM. Đào Duy Anh (Chemnitz) 100DM. Tam Kringo (Köln) 10DM. Đinh Nam Hà (Bamberg) 10DM. Đào Thị Chúc (Großrosseln) 50DM. Lý Vi Phúc (LU) 50DM. Đặng Văn Hòa (Herne) 50DM. Trần Kiệt (Lüneburg) 20DM. Huỳnh Văn Kỳ (Bad Soberheim) 50DM. Phan Văn Go (Augsburg) 100DM. Tiêu Tố Nữ (Niedermhalle) 30DM. Hoàng Thị Tân (Langenhagen) 50DM. Ngô Phước Tin (Pháp) 100FF. Đặng Thị Lành (\*) 100FF. Gđ. Vong (\*) 200FF. Mạch Văn Hùng (Ý) 50.000Lire. Nguyễn Thị Bích Hoàng (Bi) 1.000FB. Lê Thị Kim Thu (Tannhausen) 20DM. Hồ Ngọc Quang (Oldenburg) 10DM. Lê Thị Mạo (München) 40DM. Lê Hồng Quân (Weingarten) 15DM. Lê Thị Bạch Nga (Essingen) 20DM. Hứa Tích Chương (Metzingen) 20DM. Trịnh Hùng (Hamminkeln) 10DM. Tham Chu Hai Thanh (Bochum) 20DM. Nguyễn Thị Sơn (Möhlar) 30DM. Xuân Hồng + Dung Lưu (Göttingen) 20DM. Đào Thị Hà (Petershausen) 30DM. Phạm Doãn Đương (Mannheim) 100DM. Ân danh 10DM. Nguyễn Thanh Thủy (Leizten) 20DM. Châu Thị Châm (Darmstadt) 20DM. Phan Thị K. Chung (Troisdorf) 10DM. Đỗ Việt Hào (Emlichheim) 40DM. Phan Thị Lan (Hamburg) 10DM. Nguyễn Hữu Sơn (Bi) 1.000FB. Võ Văn Tông (\*) 500FB. Terregossa Hoa (Pháp) 100FF. Phan Bernard (\*) 100FF. Huỳnh Muội (Đan Mạch) 200Kr. Bành Quốc Hòa (Sweden) 100Kr. Nguyễn Thị Phụng (Wismar) 20DM. Hà Ái Phần (Kirchheim) 100DM. Lê Thị Ngo (K'lautern) 30DM. Trần Đức Phát (Hm.Hütte) 50DM. Lê Thị Hoàn (Do.Kir.) 10DM. Nguyễn Thanh Tú (München) 20DM. Hà Thị Kim Liên (M'Gladbach) 30DM. Huỳnh Văn Viên (Meerbusch) 20DM. Nguyễn Khánh Chúc (Pháp) 100FF. Gđ. Hoàng Ngọc Minh (\*) 300FF. Trương Thị Xi (Hóa Lan) 25Guld. Trương Thị Ngọc (Sweden) 500Kr. Nguyễn Thị Nguyệt (\*) 100Kr. Nguyễn Thị Sanh (\*) 100Kr. Ông Huỳnh Hiệp (Ý) 20.000Lire. Vũ Mạnh Sốt (Wismar) 20DM. Viên Thị Phương (Koblenz) 50DM. Hà Đức Vinh (Elden) 50DM. Vũ Văn Hải (Trier) 30DM. Nguyễn Thị Hạnh (Dietenhofen) 20DM. Phan Ngọc Minh (Reutlingen) 100DM. Hồ Văn Thế (Viernheim) 20DM. Trần Muội (Münster) 50DM. Đỗ Thị Thu Hường (Pforzheim) 20DM. Phạm Thị Thìn (Na Uy) 500Kr. Trần Thái Hoạch (Bi) 500FB. Nguyễn Evelyn (Pháp) 100FF. Trần Trung Trạch (Ý) 20DM. Trần Thị Rành (\*) 20.000Lire. Nguyễn Văn Chương (Kärlsruhe) 40DM. Võ Văn Ngón (Phân Lan) 20DM. Lê Thị Minh Tâm (Vilsbiburg) 50DM. Lê Thị Tâm (\*) 50DM. Cindy Le Fuller (USA) 100US. Võ Trung Thu (Bad Pymont) 20DM. Trịnh Tú Nhiên (Hagen) 50DM. Nguyễn Phúc (Pháp) 200FF. Hoàng (M'Gladbach) 50DM. Đặng Như Nam (München) 20DM. Trần Thị Hồng Cúc (Schweinfurt) 500DM. Thái Muội (Hamburg) 100DM. Trần Hồng Cứng (Tauscha) 30DM. Trần Văn Đẩu (Thale) 20DM. Nguyễn Thanh Bình (Lüneburg) 50DM. Lê Thị Bích Túng (Hannover) 50DM. Ôn Thanh Tâm 30DM. Lê Thị Bông 100DM. Phùng Văn Thanh 100DM. HHHL ĐH Lưu Chí Nguyên và Quan Khoan. Đào Thị Thanh Thủy 50DM. Phùng Văn Thanh 60DM. HHHL ĐH Lu. An. Trần Khắc Hiếu 50DM. Trần Tú Nguyệt 50DM. Lê Ngọc Thanh (Hamburg) 120DM. Nguyễn Thị Thanh (Heubach) 100DM. Đỗ Thị Bích Chấn 10DM. Hà Văn Tú (Wesel) 30DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Frau Tang (\*) 50DM. Lâm Minh (Landau) 50DM. Nguyễn Thị Gòong (Neustadt) 50DM. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 200DM. Đào Trọng Hiếu (Kärlsruhe) 30DM. Viên Văn Phước 50DM. Nguyễn Thanh Tài (Babenhausen) 30DM. Li Trần Thủy Phương (Pforzheim) 50DM. Lâm Lê Chu (Ingolstadt) 40DM. Gđ. ĐH Nguyễn Thế Dũng (Münster) 50DM. Vương Kim Huệ (Suisse) 150FS. Lý Thị Hiếu (Pháp) 100FF. Phạm Phú Khai (\*) 100FF. Trần Đình Hữu (\*) 100FF. Hồ Thị Lang (\*) 100FF. Ngô Lãnh Yên (\*) 400FF. HLĐH Nguyễn Văn Kiên (\*) 200DM. HLĐH Trần Quý Thiên (\*) 200FF. Trần Ngọc Sáu (\*) 100FF. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 50DM. Thái Sến (Pforzheim) 100DM. Trần Văn Minh (Mannheim) 100DM. Minh Nhân 100DM. Vũ Thị Đức (Igolstadt) 50DM. Nguyễn Thị Lệ Hồng (Suisse) 100DM. Gđ. ĐH Phạm Văn Dũng (Hildesheim) 100DM. Nguyễn Mạnh Hùng (Konz) 20DM. Ngô Quang Diễm Phi (Emmering) 20DM. Đỗ Văn Lợi (D'dorf) 100DM. Trịnh Xuân Sơn (Handorf) 50DM. Nguyễn Thị Nhi (Bi) 500FB. Điều Đình (Neuburg) 20DM. Trần Khải Đức (Ulm) 50DM. Trịnh Khải Hoàn (Kerpen) 20DM. Nguyễn Thị Ngọc Oanh (Rostck) 30DM. Phạm (Merchweiler) 20DM. Châu Nam (Spaichingen) 50DM. Huỳnh Phu (Burghausen) 50DM. Nguyễn Thị Bích Ngọc (Sandberg) 20DM. Ô Thị Hai (Haren) 100DM. Ngô Nga (Baesweiler) 50DM. Trương (Bremerhaven) 50DM. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (Mainz) 30DM. Lâm Xuân Anh (Nürnberg) 100DM. Trịnh Quang Huy (Saarburg) 20DM. Trần Phong Lưu (\*) 20DM. Lâm Bộ Trần (Albstadt) 100DM. Dục Thị Hiền (Saarbrücken) 100DM. Nguyễn Thành Long (Hannover) 20DM. Trịnh Quang An (Konz) 100DM. Fam. Lê (Niefern) 100DM. Nguyễn + Phan (Essen) 30DM. Nguyễn Thị (Weissengels) 30DM. Lê Sanh (Pforzheim) 30DM. Trần Xấu Yên (Duisburg) 20DM. Lu Vũng (Oberhausen) 50DM. Thái Phi Long (Đan Mạch) 100Kr. Phạm Thị Hằng (M'Gladbach) 20DM. Đào Thị Chuyển (Urbar) 20DM. Vũ Thị Đầu (Aachen) 50DM. Vũ Việt Lan (Wactrop) 20DM. Trương Triệu Bắc (Albstadt) 50DM. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Köln) 20DM. Hà Ngọc Du (Krefeld) 50DM. Bùi Thị Dới (USA)

100US. Susanne Weis (Bingen) 100DM. Bettina Weis (\*) 100DM. Lưu Quốc Huệ (\*) 100DM. Ân Khương Weis (Babenhausen) 150DM. Đặng Văn Uy (Elsenfeld) 50DM. Võ Thị Ngọc Thanh (Essen) 20DM. Đặng Quốc (Đan Mạch) 50Kr. Trần Kim Lai (Sweden) 500Kr. Nguyễn Roanh (Lünen) 20DM. Phan Văn Tuấn (Hamburg) 20DM. Phạm Thị Ngọc Phương (Künzelsau) 30DM. Võ Thúy (Nürnberg) 10DM. Nguyễn Kim Anh (Bi) 500FB. Điều Quý (\*) 5.000FB. Võ Văn Thắng (Suisse) 100DM. Vương (Göttingen) 20DM. Lôi Ngọc Trần (Osnabrück) 50DM. Trần Quang Hiếu (Hóa Lan) 25Guld. Vương Việt Dũng (Staufenberg) 50DM. Trần Đức Long (Pháp) 100FF. Griew. Giang (Hamburg) 100DM. Hoan Koch (Riebau) 50DM. Mạch Bình (Pforzheim) 100DM. Trần Văn Nam (\*) 30DM. Đào Thị Sơn (Ludwigsburg) 10DM. Phạm Thị Đông (Ao) 500Schl. Nguyễn Thủy 30DM. Phạm Thị Hồng (Herten) 20DM. Trần Thị Ut (\*) 20DM. Phạm Kim Oanh (Cottbus) 20DM. Nhung Gruchmann (Lübeck) 20DM. Lê Văn Lợi (Schwaeb. G.) 20DM. Đỗ Văn Thanh (Waldkappel) 50DM. Tôn Thất Nguyễn (Việt Nam) 20DM. T. Hiền Heusers (Berghausen) 10DM. Đào Hoàng Anh (Edeweck) 10DM. Phạm Thị Ngọc Lan Frankenhal) 20DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 30DM. Lê Ngọc Anh Dũng (Neustadt) 20DM. Tạ Thu Nga (Đan Mạch) 200Kr. Ngô Văn Thấu (Mannheim) 20DM. Ngô Đức Thắng (\*) 20DM. Ngô Thị Kim Hoa (\*) 20DM. Ngô Đức Thoại (\*) 20DM. Mai Thị Oanh (Norden) 30DM. Nguyễn Thị Thận (Frankfurt) 50DM. Huỳnh Văn Quang (Pforzheim) 50DM. Kỳ Chí Trung (Hannover) 50DM + Nguyễn Nhứt Thủ (Hannover) 50DM. HHHL ĐH Huệ Ngọc Trần Thị Nô. Nguyễn Sơn Hải + Nguyễn Sơn Toàn (Göttingen) 50DM. HHHL ĐH Huỳnh Thị Xuân. Trần Thị Nga (Neukirchen) 50DM. Tôn Quốc Vinh (Saarbrücken) 100DM. Minh Hường (Pháp) 50DM. Bùi Trường (Việt Nam) 20DM. Nguyễn Thị Viên Phương (Koblenz) 200DM. Cao Thị Yến (Pháp) 500FF. Somag Runkong (Pháp) 200FF. Trịnh Kim Khánh (Hamburg) 10DM. Vũ Chí Thiệp (Arnsdt) 10DM. Huỳnh Lê Minh (Ahaus) 40DM. Tô Thẩm Hoa (Berlin) 50DM. Huỳnh Lệ Anh (Neuss) 50DM. Hoàng Xuân Chiến (Trier) 50DM. Đặng Thị Kim Yến (Đan Mạch) 25DM. Trần Ngọc Quyên 100DM. Phùng Thị Mai Hằng 100DM. Nguyễn Thị Thu Hường (Emmendingen) 20DM. Số 10DM. Mai Văn Phương (Regensburg) 20DM. Văn Hoa (Pforzheim) 40DM. Trần Thị Sinh (Đan Mạch) 100Kr. Hồ Chanh Kỳ (Hamburg) 30DM. Đào Thị Huyền (Berlin) 10DM. Lý Tung Phương (Bonn) 20DM. Hồ Thị Ngọc Hát (Hamburg) 50DM. HHHL ĐH Hồ Tấn, Nguyễn Thị Lười, Hồ Hoàng, Trương Thị Dich. Tôn Nữ Văn Hà (Pháp) 100FF. HHHL ĐH Tôn Thất Đình. Lê Thị Ánh (Đan Mạch) 200Kr. Trịnh Minh Hằng (Reutlingen) 10DM. Nguyễn Thị H. Hà (Selm) 20DM. Nguyễn Anh Dũng (Lünen) 50DM. Nguyễn Man Đ. Khôi (München) 30DM. Thái Thị T. Huyền (Erlangen) 50DM. Đào Thị T. Nguyệt (Hóa Lan) 20DM. Hoàng Anh Tuấn (Bad Beuthem) 50DM. Nguyễn Thị B. Huệ (Neumarkt) 20DM. Nguyễn Vinh Quang (\*) 10DM. Nguyễn Thị H. Minh (\*) 10DM. Hoàng Thị Thuận (Münster) 50DM. HHHL ĐH Hà Tống Giang. Nguyễn Duy Chương (\*) 20DM. Nguyễn Thị T. Hiền (Bad Honingen) 50DM. Nguyễn Thị Anh Đức (\*) 50DM. Hồng Lê (Hanau) 20DM. Thái Chi Linh (Köln) 20DM. Trần Tiến Siêu (Hamburg) 20DM. Lê Nguyệt Kim (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Phi Hùng (Bad Iburg) 20DM. Nguyễn Hữu Tài (Erlangen) 50DM. Nguyễn Văn Nghĩa (Siegen) 30DM. Vũ Thị Nhiên (Aurich) 20DM. Ân danh (\*) 20DM. Hoàng Thị (Chemnitz) 20DM. Trần Việt Hải (Berlin) 30DM. Dương Trần Hiệp (\*) 40DM. Lê Văn Xuân (Köthen) 20DM. Mai Trung Sơn (Elsfeld) 10DM. Ngô Kiệt 100DM. Hoàng Văn Thúc 10DM. Nguyễn Đức Khang (Thale) 10DM. Châu Ái Hường (Münster) 100DM. Nguyễn Văn Hòa (\*) 20DM. Nguyễn Thị Ánh (\*) 30DM. Đỗ Thị Đệp (\*) 20DM. Anton Ly (Vechta) 50DM. Ân danh 20DM. Ân danh 10DM. Nguyễn Tiến Hùng (Moosbach) 20DM. Nguyễn Hùng Điền (Freising) 10DM. Ân danh 3DM. Tiểu Quý Cầu (Berlin) 50DM. Nguyễn Như Ý (\*) 30DM. Nguyễn Duy Hoàn (\*) 40DM. Nguyễn + Đỗ (\*) 40DM. Nguyễn + Đào (\*) 30DM. Vũ Minh Hạnh (Namen) 50DM. Nguyễn Thị T. Trang (Osnabrück) 10DM. Cao Ngọc Lan (BS) 20DM. Gđ. Cao (Kiel) 100DM. Gđ. Trần 20DM. Vũ Thị Tâm (Grosheide) 20DM. Lê Phước Mến (Mannheim) 50DM. Đặng Kim Hường (Aschaff.) 20DM. Nguyễn Xuân Cường (Berlin) 20DM. Lê Thị Lan (\*) 20DM. Trần Thị Nga (\*) 50DM. Nguyễn Thị N. Bích (Hamburg) 20DM. Tăng Mạo (BS) 20DM. Lý Thị K. Hoàng (Dorsten) 50DM. Lý Huỳnh Bá (Gelsenkirchen) 100DM. Nguyễn Thanh Bình (Việt Nam) 20DM. Lưu/Giá (Nordhorn) 20DM. Bùi Tuấn Anh (Aurich) 50DM. Giang Thái An (Neustadt) 100DM. Đỗ Như Lạc (Dortmund) 20DM. Nguyễn Thị T. Thủy (Chemnitz) 10DM. Lưu Văn Liêm (\*) 10DM. Nguyễn Thị Lý (Gotha) 10DM. Đỗ Văn Tào (\*) 10DM. Đặng Thị Hường 4DM. Thông 20DM. Đinh Văn Thủy (Brockum) 20DM. Hoàng Minh Tuấn (Bad. Beuthem) 50DM. Nguyễn Phương Thị (Lehrle) 50DM. Thái Văn Tường (Wilhelmshaven) 10DM. Lưu Dũng (Göttingen) 20DM. Tân Phan Thị Thanh (Hóa Lan) 10DM. Phương Phan Thị Thanh (\*) 10DM. Vũ Thị Hiền (Berlin) 20DM. Lê Thị Hiền (Nordhorn) 30DM. Trần Thị Thập (\*) 50DM. Trương Mỹ Anh (Münster) 20DM. Lưu Thị Hen (Úc) 5DM. T. Mai (Pháp) 30DM. Võ Văn Ngân (Bremen) 20DM. Duy Trần + Trương (Aachen) 10DM. Nguyễn Trung Hiếu (Hannover) 10DM. Nguyễn Minh Sơn (München) 20DM. Gđ. Trang Cao (Oldenburg) 40DM. Trang Mỹ Huan (\*) 50DM. Gđ. Hoàng Đan Lu (\*) 50DM. Ân danh 20DM. Lâm Hiền (Bad Iburg) 50DM. Phùng Mạnh Cường 20DM. Huỳnh Vũng Tinh (Bremerhaven) 50DM. Erenkrir + Heina (Hannover) 20DM. H. Par (\*) 10DM. Hopparr Udornsk (\*) 10DM. Yrj (\*) 10DM. Yum (\*) 10DM. Usahee Nguyen (\*) 20DM. Ân danh (\*) 20DM. Đặng Thị K. Oanh (Celle) 10DM. Gđ. Hà Văn Tiến

(Peine) 10DM. Nguyễn Thị Vân (Hamburg) 10DM. Nguyễn Thanh Sơn (Regensburg) 20DM. Lý Mỹ Văn (Fleising) 20DM. Nguyễn Văn Luân (Buchenhof) 20DM. Trần Thị K. Hằng (Kempten) 50DM. Hoàng Đoàn Trang (Hildesheim) 20DM. Cô Thu (Göttingen) 20DM. Văn + Nam (Erding) 20DM. Lê Anh Dũng (Cloppenburg) 20DM. Hoàng Hồng Đức (\*) 20DM. Dũng (Würzburg) 10DM. Phạm H. Phúc (Lauchheim) 10DM. Lê Văn Tiến (Oberhausen) 20DM. Huỳnh Thanh Sơn 20DM. Trần Thị Ngọc 20DM. Phan Hiếu Hạnh 20DM. Trần Quang Long (Bad Kreuznach) 20DM. Nguyễn Thị Bê 20DM. Võ Thị H. Liên (Hamburg) 20DM. Trần Thị Xuân (Berlin) 20DM. Lê Thị Hường (\*) 20DM. Hồ Thị Túng (Dresden) 20DM. Ân danh (Uelsen) 5DM. Ân danh (K'lautern) 15.50DM. Trần Thị Hai (Đan Mạch) 20DM. Trần Thị Đê (\*) 20DM. Quyết (Erfurt) 10DM. Huỳnh Tú (Bad Iburg) 20DM. Tuấn (Dresden) 100DM. Vũ Đình Hải (\*) 50DM. Ân danh 20DM. Nguyễn Thị Hà (Hildesheim) 20DM. Đỗ Thị Cúc (\*) 20DM. Huỳnh Ngọc Hùng (Magdeburg) 50DM. Võ Thị Vang (Việt Nam) 20DM. Trần Thị Tuyết (Berlin) 20DM. Nguyễn Văn Minh (Köln) 20DM. Huỳnh Kim Kỳ (\*) 20DM. Nguyễn Thị M. Thu (Leipzig) 10DM. Hoàng Thị Đệp (\*) 10DM. Tăng Kim Lang (Berlin) 20DM. Bùi Thị Oanh (\*) 50DM. Nguyễn Duy Hùng (Salzgitter) 10DM. Nguyễn Thị Oanh (Erfurt) 10DM. Lê Hồng Trung (Bautzen) 20DM. Lê Thị Bình (Việt Nam) 10DM. Mai Long (Erfurt) 60DM. Nguyễn Thị Hùng Hà (Brandenburg) 10DM. Đỗ Văn Trung (\*) 10DM. Nguyễn Thị Xuân (Berlin) 50DM. Đinh Thị Nhân (\*) 50DM. Tạ Thanh Huyền (Hamel) 20DM. Trương Sung Đức (Trier) 20DM. Tuyết Gòhring Trần (Coburg) 30DM. Ngô (Erfurt) 25DM. 50DM. Nguyễn Khắc Mỹ (Leipzig) 10DM. Nguyễn Quốc Tiến (\*) 20DM. Nguyễn Thị Bình (\*) 20DM. Đỗ Thị M. Châu (\*) 10DM. Nguyễn Thị H. Trang 20DM. Trần Thị Nhuận (Esens) 20DM. Ngân + Mạnh (\*) 20DM. Vinh Thanh (Leipzig) 20DM. Trần Quốc Cường (\*) 20DM. Nguyễn Thị Yến (Erfurt) 25DM. Hoàng Hà (\*) 25DM. Quan (Celle) 20DM. Đặng Muội (\*) 20DM. Đỗ Xuân Ngọc (Dresden) 20DM. Kiều Ngọc Quỳnh (Aurich) 10DM. Trần Hòa Hiệp (\*) 10DM. Quan Vi Thanh (Hamburg) 20DM. Nguyễn Thị Phú (Wiesmar) 20DM. Lê Quang Ngọc (\*) 10DM. Nguyễn Song Túng (Chemnitz) 30DM. Nguyễn Xuân Thuồng (Leipzig) 20DM. Hoàng Văn Long (\*) 10DM. Lưu Thị Tâm (\*) 10DM. Trần Tiến Vinh (\*) 10DM. Trịnh Cẩm Vân (\*) 10DM. Nguyễn Văn Tân (\*) 10DM. Lê Thị Thái (\*) 10DM. Nguyễn Thị Chuyển (Magdeburg) 10DM. Chu Thị M. Ngọc (Berlin) 10DM. Trịnh Q. Thọ (\*) 10DM. Võ Văn Kiên (MD) 10DM. Tô Thị Hường 50DM. Nguyễn Văn Nhiên 50DM. Lê Bích Thủy (Brandenburg) 50DM. Lê Kim Ngân (Schwenin) 20DM. Nguyễn Văn Tĩnh (\*) 20DM. Bùi Thị N. Nga (Marienberg) 10DM. Nguyễn Thanh Phú (Berlin) 10DM. Lê Tố Nga 10DM. Phan Thị K. Oanh 10DM. Chu Thị M. Hằng (Brandenburg) 20DM. Hoàng Văn Võ 20DM. Trần Thị Loan (Leipzig) 40DM. Phan Thị Hòa (Silgesum) 20DM. Hoàng Thị Hằng (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Bích Lan (Schwenin) 20DM. Dương Thủy Túng (\*) 20DM. Ngô Bích Hợp (\*) 30DM. Hoàng Kim Vinh (Stendal) 100DM. Mai Ngọc Sướng (Hamel) 10DM. Trần Thị Xuyên (Sangehausen) 10DM. Nguyễn Thị Hà 20DM. Tuấn Phương 30DM. Mai Thị T. Trang (Dresden) 20DM. Nguyễn Đức Thắng (Chemnitz) 20DM. Đinh Hữu Trí (Berlin) 10DM. Nguyễn Việt Thắng (\*) 10DM. Đỗ Thị Hồng (\*) 5DM. Vũ Thị Lý (\*) 5DM. Trần Ngọc Vinh 20DM. Nguyễn Trọng Minh (Gotha) 10DM. Nguyễn Thị Kim Ngân (Salzgitter) 10DM. Thi Ngo Kuke (Berlin) 10DM. Nguyễn Như Phương 15DM. Nguyễn Đình Thu (Việt Nam) 10DM. Nguyễn Hải Yên (Frankfurt) 10DM. Vũ Anh Đức (Berlin) 10DM. Nguyễn Văn Tĩnh (Leipzig) 20DM. Khâu Thủy Lan 10DM. Nguyễn Tuấn Anh (Neumarkt) 10DM. Nguyễn Quang Vinh (Freising) 20DM. Nguyễn Thị Thanh (Viernsen) 50DM. Vũ Thị Thìn (Wuppertal) 30DM. Đoàn Thị Bình (Golitz) 20DM. Trần Tuấn Hùng (Burgobach) 50DM. Hiền Mỹ Treichel (Leipzig) 20DM. Roland Treichel (\*) 10DM. Nguyễn Thị Lũng (\*) 20DM. Lê Thị Nhung (Berlin) 20DM. Trần (\*) 20DM. Lê Lộ Hoa (Osnabrück) 50DM. Gđ. Đặng + Võ (Wiesbaden) 20DM. Gđ. Thiên Ý (Hannover) 50DM. Gđ. Thiên Tâm + Thiên Hạnh (Seelze) 100DM. Gđ. Bathke Tuyết (Gießen) 50DM. Hà Kiến Hùng (Frankfurt) 50DM. Trịnh Thị Thanh (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Thị K. Sanh (\*) 20DM. Giang Liên + Giang Lăng Hia (\*) 70DM. Nguyễn Thái Nam (\*) 50DM. Nguyễn Thị H. Tân (Willich) 50DM. Nguyễn Văn Lu (Neu Uim) 100DM. Trần Thị An (Minderlittgen) 30DM. Lê Phương Chi (Darmstadt) 30DM. Phạm Ngọc Đảnh (Berlin) 100DM. Võ Thị Mỹ (Wiesbaden) 50DM. Hồ Đệ + Trần Thị Nô (Việt Nam) 50DM. Quách Thị Múi 50DM. HHHL ĐH Trần Thị Kha. Liễu Thị Thà (BS) 50DM. HHHL ĐH Huỳnh Thị Xuân. Võ Thị T. Thủy (Trier) 50DM. Trần Nguyễn Anh (Bomhtz) 40DM. Nguyễn Thị Út (Wetzlar) 100DM. Lý Tú Lê (Darmstadt) 20DM. Hàng Ngọc Hoa (Rheine) 180DM. HHHL ĐH Vương Thị Hằng. Nguyễn Thủy Hồng (Göttingen) 100DM. Dũ Hồng Sướng (Berlin) 50DM. HHHL ĐH Trần Sơn + Tôn T.N. Lang. Văn Thị Quyên (Bouladen) 10DM. Trần Tú Văn (Stuttgart) 10DM. Nguyễn Thu Hạnh (\*) 10DM. Võ Ngọc Thảo (\*) 10DM. Võ Quốc Đạt (\*) 10DM. Võ Thị T. Hường 10DM. Nguyễn Thị H. Ngọc 10DM. Hàn Cường (Reutlingen) 40DM. Hồ Thị Nam (\*) 20DM. Thiện Đỗ (\*) 10DM. Bùi Ngọc Đạc (Münster) 200DM. Ngô Trường Phát (\*) 20DM. Lưu Thị Mỹ Anh (\*) 50DM. Nguyễn Thị Phi (\*) 50DM. Dương Túng (\*) 30DM. Cổ Kim Trùng (\*) 30DM. Hứa Xuân Vinh (Marichingen) 30DM. Trần Thị Hiền (\*) 30DM. Nguyễn Thị Tú (\*) 30DM. Dương Tài Đức (PF) 50DM. Trương Ngọc Trai (Berlin) 40DM. Nguyễn Thị T. Hải (\*) 50DM. Nguyễn Văn Trung (Crailsheim) 100DM. Trần Thiên Phước (W. Allgau) 30DM. Lê Văn Vinh (\*) 50DM. Thu Rudloff (Schwarzenberg) 30DM. Gđ. Nguyễn Trĩ + Nguyễn Tú (Usingen) 100DM. Lê Nhất Hiền (Maintal) 50DM. Nguyễn Thị

Hạnh (BS) 200DM. Lưu Minh Thành (Hamburg) 50DM. Phạm Thị N. Sướng (Göttingen) 50DM. Tôn Nữ Q. Như (Berlin) 40DM, HHHH ĐH Tôn Thất Đình. Trần Hùng Chiến (Treis) 50DM. Lâm Đức (Hamburg) 100DM. Tăng Hồng Sướng (\*) 100DM. Trần Thị Tâm (Kiel) 100DM. Trương Thị Mai (M'Gladbach) 50DM. Nguyễn Thị Lựu (\*) 20DM. Hà Lâm Kim Liên (\*) 20DM. Đặng Hữu M. (Bi) 500FB. Trương Tu 20DM. Trần Thị B. Ngọc (WF) 10DM. Trần Thị B. Liên (Heeßen) 20DM. Jüngen Rattay 5DM. Lạc Chấn Hùng (Achim) 20DM. Gđ. Trương M. Văn (Chemnitz) 20DM. Gđ. Đoàn Thị Hoa (\*) 30DM. Vũ Thị Hoa (Berlin) 10DM. Hồ Quỳnh Ngọc 10DM. Gđ. Lê Đức Quang (Dresden) 40DM. Bùi Việt Dũng 20DM. Đỗ Ngọc Thạch (Hehlenberg) 10DM. Đinh Xuân Cường (Sondershausen) 20DM. Nguyễn Thanh Sơn 20DM. Nguyễn Trang Gianh 20DM. Vương Đức Cường (Parsau) 20DM. Trần Văn On (Winnigen) 10DM. Lại Thị Hiền 20DM. Vương Thế Anh (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Dương 10DM. Nguyễn Minh Tường 10DM. Hà Thị M. Phượng (Garbsen) 20DM. Gđ. Trần Thị Thuồng (Bautzen) 20DM. Nguyễn Hồng Kỳ (Pháp) 100FF. Đỗ Bằng Sĩ (Seelze) 20DM. Teickner (Langenhagen) 10DM. Phạm Thị Lan Hường (MD) 20DM. Nguyễn Thị T. Hà (Wolmirstedt) 20DM. Gđ. Mạch Hùng Tấn (Bremen) 50DM. Gđ. Võ Anh Tuấn 40DM. Đỗ Ngọc Linh (B. Arolsen) 20DM. Phan Thị Song (Việt Nam) 5DM. Đỗ Thị Văn Anh 20DM. Nguyễn Thị Liên (Papenburg) 20DM. Nguyễn Thị Lan (Potsdam) 10DM. Hoàng Thanh Hải 10DM. Trần Thị Hoa 5DM. Lê Thị T. Hà (Berlin) 50DM. Nguyễn Ngọc Dung (Bautzen) 20DM. Nguyễn Văn Tuấn (\*) 20DM. Nguyễn Xuân Nghiêm (Göttingen) 20DM. Lê Thị Xuân 5DM. Nguyễn Văn Chúc (Hannover) 10DM. Nguyễn Nhung Xá (Helmsstedt) 10DM. Nguyễn Thu Hường 10DM. Lee T. Hạnh (Oldenburg) 20DM. Bùi Đình Cường (Meringen) 30DM. Lý Khuôn Phát (B. Neundorf) 10DM. Trịnh Thị T. Mai (Berlin) 20DM. Lê Trọng Phúc 20DM. Phan Ngọc Lâm (Stendal) 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Thủy (Gardelegen) 20DM. Nguyễn (Sulzbach) 10DM. Đỗ Huy Quý 20DM. Lý Hồng Nguyễn 20DM. Đặng Kiều Oanh (Wolfsburg) 10DM. Hoàng Minh (Rathenover) 20DM. Eric Borshage (Hannover) 20DM. Công Nhung + T. Lan (Dresden) 30DM. Lâm Văn Đăng (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thanh Xuân (Berlin) 10DM. Nguyễn Thị T. Đam 10DM. Nguyễn Ngọc Hải (MD) 20DM. Phan Thị M. Luyến (Peine) 10DM. Kha Tiến (Bremen) 20DM. Trần Văn Chánh (Flensburg) 50DM. Đỗ Thanh Hiếu 10DM. Gđ. Nguyễn Xuân Mậu (Moskau) 20DM. Nguyễn Thị K. Dung 10DM. Lê Thị Hạnh 20DM. Lý Quốc Đông (Hamburg) 100DM. Mai Văn Chim 50DM. Mai Thị T. Văn 100DM. Phan Thị Bình (MD) 10DM. Tô Văn Đức (Rüderdorf) 50DM. Nguyễn Xuân Thủy (Chemnitz) 50DM. Vũ Thị Uôm (\*) 50DM. Phạm Văn Phượng (Berlin) 10DM. Gđ. Trần Mạnh Hùng (Rostock) 20DM. Phạm Thị Thanh (Berlin) 10DM. Nguyễn Thanh Bình 20DM. Phan Thị Mỹ (Hà Nội/VN) 10DM. Đoàn Văn Sinh (Diepholz) 20DM. Võ Công Khanh 20DM. Nguyễn Thị Xuân 10DM. Phùng Anh Tuấn 30DM. Nguyễn Ngọc Hiếu (Tostedt) 10DM. Báo Thị + Văn Lập (Hamel) 50DM. Nguyễn Thị Hường (Köln) 20DM. Vũ Thị Đĩnh (Dresden) 20DM. Bùi Thị Tuyết (Leipzig) 30DM. Vũ Văn Thanh 10DM. Vũ Thị Côi (Chemnitz) 10DM. Nguyễn Văn Mười 10DM. Nguyễn Thị H. Nga (Werdau) 20DM. Nguyễn Văn Đạt 10DM. An Văn Hùng (MD) 30DM. Gđ. Nguyễn Hồng Hà 20DM. Choi Vens Hoi 10DM. Lê Kim Thanh 10DM. Huỳnh Then (Köln) 50DM. Huỳnh Diệp Văn (\*) 50DM. Fam. Chin 20DM. Phan Duy Quang 20DM. Hoàng Trọng Hải (Osteel) 20DM. Nguyễn Thái Sơn 30DM. Khổng Minh Đức (Bremervörde) 40DM. Lê Văn Quả (Burgau) 20DM. Jan Jatapan 30DM. Khu Mỹ Anh 10DM. Nguyễn Văn Thiệt (Frankfurt) 20DM. Trần Ngọc Dũng (Uslar) 10DM. Nguyễn Thị Yên 10DM. Trịnh Xuân Biên 30DM. Nguyễn Minh Tuấn 5DM. Vũ Thị Hoa (Berlin) 10DM. Đỗ Thị T. V. 20DM. Lê Bích Thủy 10DM. Diệu Phụng 20DM. Nguyễn Thị Văn (Berlin) 20DM. Lý Thu Hà 50DM. Nguyễn Thị T. Thủy 7DM. Chu Bích Hà 20DM. Phan Thị Mỹ 10DM. Triết + Khanh (Hannover) 20DM. HHHH ĐH Phùng Thị Nga. Lương Văn Khoa (Bielefeld) 20DM. Trần Thị K. Thanh (Meiningen) 20DM. Đặng Ngọc Thành 40DM. Chấn Bình + Chấn Trọng (Krefeld) 50DM. Phạm Hùng Phong 50DM. La Minh Đức (Erfurt) 20DM. Trần Thanh Hải 10DM. Nguyễn Văn Hùng (Ludwigshaven) 20DM. Phan Thị Phượng (Stäfurt) 50DM. Nguyễn Thị T. Hường (Emden) 10DM. Gđ. Tăng Quốc Lượng (Laatzen) 50DM. Nguyễn Phước Hi (HH) 20DM. Bùi Văn Công 10DM. Ngọc Minh Kha (Erfurt) 20DM. Tô Duy Bình (Marl) 20DM. Phạm Bích Hạnh 20DM. Hoàng Thị Thân 20DM. Lâm Xuân Anh 20DM. Nguyễn Lê Hằng 10DM. Nguyễn Ngọc Trung 10DM. Gđ. Ngô Văn Mai (Regensburg) 50DM. Tạ Thái 20DM. Nguyễn Đình Mạnh (Löwenstein) 20DM. Nguyễn Thanh Khiêm (Möhlau) 20DM. Nguyễn Hồng An (Emden) 20DM. Dương Anh Tuấn (Norderney) 20DM. Tô Phú Thái 20DM. Cao Thị Thuý (Burgwedel) 10DM. Lê Văn Hùng (Reutlingen) 30DM. Trần Quốc Thu 20DM. Hélène Antony Đỗ (D'orf) 100DM. Trương Hường Khương (Münster) 50DM. Nguyễn Đức Phú (Hildesheim) 50DM. Võ Thị T. Mai 20DM. Trần Thị N. Ý (Aurich) 10DM. Vũ Minh Hải 10DM. Vũ Thị Nhiên 5DM. Huỳnh Thanh (Helmsstedt) 30DM. Lê Quang Trung (Berlin) 30DM. Phan Quang 50DM. Trịnh Ngọc Bình (Lehrte) 20DM. Phan + Trần + Nguyễn 20DM. Nguyễn Hữu Diên (Stuttgart) 20DM. Hồ Thanh Long (Krefeld) 50DM. Đỗ Thị Đỗ (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (\*) 20DM. Nguyễn Thị T. Hà 10DM. Lê Văn Môn 10DM. Nguyễn Văn Long 20DM. Ngô Thanh Lịch 20DM. Huỳnh Kim Lang 50DM. Hồ Đình Hữu 10DM. Lưu Văn Tâm (Rheine) 20DM. Phạm Thu Dung 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Auarbach) 10DM. Hoàng Quý Thắng 20DM. Đào Thị Liên 20DM. Bùi Thị Hào 10DM. Nguyễn Xuân

Chung (Bahnsdorf) 10DM. Chu Bội Lan 10DM. Huỳnh Thị Hoi (Ngô Giàu) (Berlin) 100DM. Lê Minh Thanh 10DM. Nguyễn Đức Kinh 10DM. Nguyễn Đức Vinh (Dresden) 30DM. Nguyễn Bảo Nguyễn (Garbsen) 6DM. Nguyễn Linh Hồng (Plüderhausen) 50DM. Nguyễn Thị Can (Lorch) 20DM. Gđ. Bach + Đỗ (Stuttgart) 50DM. Gđ. Nguyễn + Uông Thị Loan (Stäfurt) 20DM. Dương Thị B. Ngọc (Berlin) 7DM. Nguyễn Thị Lê 20DM. Trần Minh Kiều 20DM. Phạm Ngọc Lương (Chemnitz) 10DM. Nguyễn Ngọc Việt (Bahnsdorf) 40DM. Trịnh Thị Mỹ Hường (Dorf) 20DM. Phạm Tuấn Sơn (Soltau) 50DM. Gđ. Thiệu Giáo 200DM. Lưu Thị Liên 10DM. Gđ. Nguyễn Thanh Tân (Mardeleben) 50DM. Vũ Kỳ Hạnh (Erfurt) 40DM. Trần Thị An (GD) 20DM. Huỳnh Thị Hường 10DM. Nguyễn Thị H. Uyên 10DM. Phan Việt Minh 20DM. Phan Thị Tuyết 20DM. Lương H. T. Nữ (Paderborn) 50DM. Lương Bá Nhơn (\*) 100DM. Gđ. Thiệu Lê 50DM. Gđ. Nguyễn Thị Lụa (Leipzig) 50DM. Phan Vũ T. Duệ (Eisenach) 50DM. Lê Thị Bé 20DM. Phạm Khắc Tinh 10DM. Đoàn Văn Thành (Chemnitz) 10DM. Lê Văn Sâm 10DM. Vũ Thị Nga (MD) 20DM. Đỗ Thị Gái 10DM. Nguyễn Thị T. Hường 20DM. Nguyễn Thị Đĩnh 10DM. Ngô Thị H. Hoa 20DM. Đào Minh Ngọc (Eisenach) 50DM. Toán 10DM. Dương Quốc Hưng (Wilhelmsdorf) 10DM. Khúc Hữu Dũng (B. Hönningen) 100DM. Hạnh Minh (Đan Mạch) 10DM. Lưu Thị Mạnh 10DM. Nguyễn Triều Tiên (Nienburg) 10DM. Vũ Quang Thu 20DM. Bùi Minh Hải (Berlin) 20DM. Nguyễn Kiều Oanh (Wolffen) 20DM. Lê Việt Thắng (Erfurt) 50DM. Kim Châu + Huệ 12DM. Tăng Trác (Berlin) 50DM. Nguyễn Thị H. Thảo (Việt Nam) 10DM. Trần Văn Diệu 20DM. Đặng Thịnh 20DM. Gđ. Nguyễn Văn Tây 50DM. Vũ Thị Hoa 10DM. Gđ. Hồ Thị Lương (BS) 40DM. Đinh Tuấn Hùng 20DM. Nguyễn Đỗ Nhuận (Mainz) 50DM. Thái Nguyễn Anh Thu (Bochum) 10DM. An danh (Oberhausen) 50DM. Lâm Du 20DM. Hứa Xuân Hiền (Stuttgart) 70DM. Lê Đại (Eriangen) 50DM. Phan Văn Phú (Tübingen) 10DM. Đỗ Chí Hùng 10DM. Cu Khin (Oberhausen) 50DM. Đoàn Thị Văn Anh 50DM. Vũ Thị M. Nghĩa (Halle) 10DM. Phạm Quý Thanh 10DM. Hồng Tú (B. Salzungen) 20DM. Lê Thị Nga (Wurzen) 100DM. Vũ Thị Thuồng (Werdau) 30DM. Phạm Thị Hường 20DM. Nguyễn Thị Xim (Berlin) 10DM. Phùng Văn Đĩnh (\*) 10DM. Minh Hiếu (Gießen) 20DM. Lê Quan Liên (Pháp) 100FF. Nguyễn Đức Tiến 30DM. Hoàng Tuấn Hùng 10DM. Đặng Thị B. Hằng (Dessau) 40DM. Gđ. Thiệu Tịnh 30DM. Nguyễn Thu Hà (Dortmund) 10DM. Nguyễn Thị Hằng (HH) 50DM. Nguyễn Tiến Đức (MD) 20DM. Gđ. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (Stäfurt) 30DM. Gđ. Niwen Hường 20DM. Gđ. Thái Ngọc (Krefeld) 10DM. Nguyễn T.T. Huân 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Darmstadt) 50DM. Trương Hà 40DM. Đặng Văn Thanh 20DM. Nguyễn Quốc Hùng 50DM. Thủy Tuấn (Erbach) 30DM. Phi Hùng 10DM. Phạm Minh Trí (Hòa Lan) 20DM. Ngô Thị Hào 10DM. Gđ. Nguyễn + Huỳnh 50DM. Trần Thu Nga (Halle) 20DM. Nguyễn Văn Xung 20DM. Đỗ Tú Loan 10DM. Trịnh Quang Nguyễn 10DM. Lê Thị Mộng (Gera) 20DM. Nguyễn Thanh Tùng 40DM. Nguyễn Văn Dũng 10DM. Đoàn Thị Đĩnh 10DM. Đào Thiệu Mẫn (Empidee) 20DM. Nguyễn Chí (Wiesbaden) 20DM. Trần Văn Quang (Lehrte) 20DM. Vũ Ngọc Bình (Hirschaid) 10DM. Nguyễn Đĩnh Thắng (Ronnenberg) 20DM. Lâm Thuận Hi (Hagen) 100DM. HHHH ĐH Lâm Siêm Khanh. Lai Thế Hiền 20DM. Hàn Thị (BS) 100DM. Nguyễn Thế Lữ 20DM. Trần Quốc Toàn 20DM. Anh Thủy T. Tuấn 10DM. Lâm Huỳnh + Be (Helmsstedt) 20DM. Trần Thị Phương (Berlin) 50DM. Hà Ngũ (Leer) 30DM. Đào Trung Dũng 100DM. Nguyễn Loan Hiệp 30DM. Nguyễn Đĩnh Văn (Lüdenscheid) 50DM. Nguyễn Tuấn Hoàng 20DM. Nguyễn Việt Dũng 20DM. Mai Thủy Giang (Dresden) 20DM. Phan Quang Vinh 20DM. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 100DM. Phan Thị Hồng Tâm 10DM. Nguyễn Hồng Sùng 110DM. Nguyễn Đức Liêm (Halle) 10DM. Nguyễn Tuấn Hùng 10DM. Gđ. Nguyễn Đĩnh Hong (Meiningen) 30DM. Vũ Thị Chung 10DM. Nguyễn Thị Tiến 10DM. Nguyễn Văn Khương (Việt Nam) 10DM. Lê Thủy Báo (\*) 20DM. Phan Thị Lan 20DM. Đỗ Văn Sỹ (Wolffen) 10DM. Hồ Minh Kha 10DM. Vũ Văn Đức (Werdau) 20DM. Lê Thị Tinh (Thale) 20DM. Thái Thuận Dũng 50DM. Gđ. Nguyễn Công Trí (MD) 20DM. Lan Minh 20DM. Nguyễn Tất Thành (Eisleben) 20DM. Ngô Thị Dũng 20DM. Gđ. Nguyễn Minh + Xuyên (FF) 30DM. Phan Tú Anh (Hannover) 10DM. Lưu Văn Diệp 10DM. Gđ. Nguyễn Thị Huyền + Súc (München) 50DM. Phùng Thủy Dung (Hòa Lan) 10DM. Gđ. Bùi Văn Vinh (Erfurt) 80DM. Nguyễn Thị K. Thoa 10DM. Đặng Quốc Anh (Leipzig) 20DM. Huỳnh Trần 20DM. Cao Hợp Đức (Berlin) 20DM. Lê Thành Long (\*) 20DM. Trịnh Phi Vũ (\*) 20DM. Nguyễn Thị Bình 10DM. Rolan Treichel (Leipzig) 20DM. Hiền Mỹ (\*) 20DM. Gđ. Kranth H. Joachim (\*) 20DM. Nguyễn Như Phương 20DM. Vũ Thị Thanh (Chemnitz) 20DM. Gđ. Hồ Phước Hải (\*) 50DM. Lu Huệ Mui (Bochum) 200DM. Nguyễn Thị H. Hà 20DM. Tạ Chiểu Truyền 50DM. Nguyễn Văn Sinh (Crimmitschau) 30DM. Gđ. Kicky 30DM. Xuân Bái 20DM. Gđ. Prakob Chanmiam 50DM. Lê Thị Nhung 5DM. Huỳnh Kim Sơn (Köln) 20DM. Hồng Bèo 20DM. Tâm Xuyên (Krefeld) 60DM. Hà Công Danh (Hamburg) 50DM. Lê Nguyễn A. Tuấn 20DM. Nguyễn Thị Xuân (Việt Nam) 20DM. Cô Ba (Berlin) 50DM. Huỳnh Thoại Đường (Bremen) 50DM. Phan Thị K. Xuân 20DM. Phan Thị Nga 20DM. Nguyễn Văn Lượng (D'orf) 300DM. Dương Thị Lan Mai 20DM. Lê Thị M. Diệp (Krefeld) 50DM. Hứa Trường Hùng (Oldenburg) 50DM. Nguyễn Thị Tây 50DM. Nguyễn Văn Chín (Spaichingen) 50DM. Nguyễn Văn Thuận (Köln) 50DM. Phan Thị Thủy 10DM. Trần Mỹ Lê (Berlin) 20DM. Hứa Đỗ 100DM. Huỳnh Tú Dung (Helmsstedt) 50DM. Đoàn Hùng 20DM. Nguyễn Thị Khôi 20DM. Gđ. Ngô Thị Khi (München) 50DM. Biện Thị Mai (Hamburg) 50DM. Trương Hồn Quyền (Vechta)

30DM. Huỳnh Hữu Sanh 100DM. Bùi Xuân Là (Würzburg) 50DM. Cô Huệ (Hamel) 1 thùng bột nung. Cherin Weiss (Nürnberg) 1 bao gạo + 1 thùng nước tương + 1 thùng dầu ăn. Phu Thong Tran (Hannover) 20 thùng dầu. Rest. Dynastie Hồng 10 bao gạo. Thiện Lợi 5 thùng dầu. Lê Thị Tú 70 bánh xu xê + 30 bánh khoai mì. Gđ. Minh Thiên (Tý) (Seelze) 37 đến cây 80x200 + 10 cây loại 70x200 + 12 cây loại 50x180. Nguyễn Thị Hường (Triftshausen) 1bao gạo. Hồ Châu (Neustadt) 250 bánh dầu. GDPT Chánh Dũng Một số dụng cụ (36 thủ) dùng để lau nhà. Trần Thị Xê (Karlsruhe) 30 thước vải để may y, HHHH Cửu huyền thất tổ. Tạ Huệ Anh (Bomitz) 1 bao gạo. Huỳnh Minh Chánh (Westerstede) 2 bao gạo. Mai Trung Sơn (Elsfeth) 1 bao gạo. Thiện Cán (Stadthagen) 130 miếng xôi v. **■ QUẦY HÀNG TỈNH THƯỜNG** ĐH. Đỗ Thị Thủy (Wilhelmshaven) 200DM. Chi Hoi PTVNTN Berlin 100DM. An danh (Aachen) 100DM. Ngô Ngọc Diệp (Hannover) 30DM. Lê Thị Hồng (\*) 20DM. Thiên Y (\*) 10DM. Thiên Thế (\*) 10DM. Bắc Viên Tuyết (Laatzen) 20DM. Bắc Tăng (\*) 10DM. Hà Văn Thành 10DM. Như Sướng 10DM. Trần Hữu Đạt 20DM. Hoàng Quyển 7DM. Bà Nhu 5DM. Trần Trung Trạch 10DM. Diệu Thủy 10DM. Hà Thị Minh Cầm (Hannover) 10DM. Hà Thị Minh Tâm (\*) 10DM. Hà Phước Minh Thảo (\*) 10DM. Nguyễn Lê Nghĩa (\*) 40DM. Phùng Uyên (\*) 50DM. Ngô Ngọc Hiếu (Berlin) 10DM. Vũ Thị Hợp 20DM. Lưu Thị Hà 10DM. An danh 10DM. Nguyễn Văn Sáu 10DM. Hồ Thành 20DM. Nguyễn Văn Ban 8,50DM. Lâm Khắc Nga 30DM. Phạm Công Hoàng (Bremen) 10DM. Hồ Đé (Berlin) 50DM. Lê Thị Ngọc Thủy 10DM. Kỳ Chí Trúc (Hannover) 10DM. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 177 bánh xu xê + 94 bánh bao chi nhân dừa + 74 nhân đậu. Hồ Châu (Neustadt) 5€ bánh dừa. Diệu Nữ (Stadthagen) 77 miếng xôi v. Minh Thảo (Hannover) Một số đồ chơi. Chi Diệp: Một hộp bánh kẹp + 26 bánh đậu xanh + 33 bánh dẻo + 2 ổ bánh dậu xanh. Cô Thu 30 gói nước ngọt. Gđ. Trường (Karlsruhe) 60 bánh bia. Gđ. V.Đ. Hải (Neustadt) 50 bánh xu xê. Cô Hạnh (BS) 200 chá giò. Quầy Hàng Tỉnh Thường 3.000DM gồm tiền ứng hộ + tiền bán bánh.

**■ RẪM THẮNG TÂM** ĐH. Phan Thị Ngọc Phượng (Künzelau) 20DM. **■ ẮN TÔNG** ĐH. Đào Trọng Hiếu (Karlsruhe) 600DM. Thái Kim Huệ (Duisburg) 60DM. Trần Xiu Mai (\*) 20DM. Lu Vương (Oberhausen) 20DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 30DM. Hà Thiên Thanh (Weißenhufen) 20DM. An danh (Ludwigshafen) 1.000DM. Lê Trọng Phụng (Stuttgart) 100DM. Phạm Xuân Phúc (Hòa Lan) 20DM. Đặng Ngọc Hải (Speyer) 25DM. Lai Ngọc Vinh (Frankfurt) 50DM. Lý Tung Phương (Bonn) 30DM. Vũ Ngọc Châu (Pháp) 100FF. Gđ. Ngô Văn Mai (Regensburg) 50DM. Nguyễn Thanh Ty (Recklinghausen) 50DM. Trần Đình Thắng 50DM. Lê Thị Diễm Hồng (Pháp) 200FF. Lâm Thị Cúc (Bochum) 30DM. **■ KINH PHÁP HOA** ĐH. Hằng Ung (Speyer) 50DM. Trần Thị An (Minderlittgen) 100DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 100DM. Phan Thị Lý (Chemnitz) 50DM. Gđ. Vũ Văn Thành + Huệ 50DM. Gđ. Nguyễn Anh Tuấn 50DM. Trần Văn Tuấn (Bad Vilbel) 200DM. **■ KINH VU LAN & ĐỨC SƯ** ĐH. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20DM. Phan Thị Lý (Chemnitz) 50DM. Gđ. Nguyễn Hồng Quang (Uelzen) 200DM. **■ BẠCH Y THẦN CHÚ** ĐH. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 100DM. Lí Thủy Phượng (Pforzheim) 300DM. **■ KINH PHÁP BẢO ĐÀN** ĐH. Trần Thị Mậu Đón (Đan Mạch) 200Kr. Cao Thị Chung (\*) 200Kr. Đặng Văn Tôn (Wiesbaden) 50DM. Hằng Ngọc Hoa (Rheine) + Hằng Ngọc Anh (USA) + Hằng Châu Lan (\*) 450DM. **■ KINH ĐỊA TẠNG** ĐH. Nguyễn Thị Hoa 100DM. Tăng Bích Phần (Lingen) 50DM. Hằng Ngọc Hoa (Rheine) 100DM. HHHH ĐH Vương Thị Hằng. Nguyễn Liên (Köln) 100DM. **■ TƯỢNG QUAN ẮN** ĐH. Bàn Vinh Ái (Ludwigshafen) 50DM. Lâm Kim Khánh 100DM. Lu Vương (Oberhausen) 20DM. **■ TƯỢNG QUAN ẨM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN** ĐH. Nguyễn Phước 120DM. Lâm Bung Hoàng (Kempten) 50DM. Giang + Phần + Phi + Nhật (Laatzen) 50DM. Hồ Thị Ngọc Hát (Hamburg) 500DM. hồi hướng đến PT Trần Thị Văn Hồng Pd Quảng Sinh. Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20DM. Đặng Văn Tôn (Wiesbaden) 50DM. Nguyễn Thị Thanh (Weilburg) 50DM. Lý Tú Lệ (Darmstadt) 50DM. Võ Thành Trao (Essen) 20DM. Quang Truyền 30DM. Mai Hồng Huệ 20DM. Đào Hằng Bảo Hiền + Đào Hằng Hải Hiền + Đào Hằng Dana (Rheine) 150DM. Quan Tú Quyển (Berlin) 200DM. Đào Thiện Mẫn 10DM. Lâm Thị Cúc (Bochum) 30DM. Ninh Công Phi (Heme) 200DM. Lâm Kim Khánh 50DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 500DM chuyển từ cơ phần Hội Thiện sang. Võ Ngọc Sơn (Schwaebisch) 50DM.

### ■ XÃ HỘI CHÙA

ĐH. Nguyễn Mạnh Diệp (Mannheim) 100DM. Nguyễn Thị Viên Phụng (Koblenz) 100DM. Võ Thị Lợi (Erding) 1.000DM chuyển từ cơ phần Hội Thiện sang. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 50DM. Nguyễn Đức Mạnh (Bayreuth) 50DM. Nguyễn Thị Phòng (Münheim) 20DM. Nguyễn Tiến Hùng (Moosbach) 30DM. Nguyễn Hoàng Biên (Freising) 10DM. Tô Thành Quang (Bayreuth) 50DM. Phan Minh Điền (B. Kissingen) 100DM. Nguyễn Quốc Dũng (Heiligenstadt) 20DM. Nguyễn Thị Phú (Wiesmar) 10DM. Lê Quang Ngọc (\*) 20DM. Nguyễn Song Tùng (Chemnitz) 20DM. Nguyễn Xuân Thuồng (Leipzig) 10DM. Trần Văn Hiền (USA) 100US. Nguyễn Hoàng M. Thanh (Limburg) 30DM. Nguyễn Ngọc Thọ (B. Homburg) 150DM. Nguyễn Văn Tâm (Bockhorn) 20DM. Nguyễn Khánh Thành 50DM. Vũ Trọng Chiến (Mainz) 50DM. Đinh Văn Lý (\*) 50DM. Trần Thị Hữu + Cường + Thoa 50DM. Trần Hồng Ngọc (Wolfsburg) 10DM. Trương Thị T. Nga 20DM. Gđ. Phan Thị V. Anh 10DM. Khuất Bang (Ludhden) 20DM. Châu Quang Cường 30DM. Nguyễn Văn Hoàng (Suisse) 50FS. Lê Thị Diễm Hồng (Pháp) 300FF. Tạ Mạnh Toàn (Hude) 25DM. Văn Khanh Wilts (Südbrookmerland) 100DM. Liêm & Tân (Gehrden) 20CDM. Lê Ngọc Thanh (Hamburg) 20DM.

### ■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Trần Thị Huệ (Schweinfurt) 120DM. Gđ. Trần Thị Hồng Cúc (\*) 120DM. Gđ. Trần Thế Toàn (Koblenz) 120DM. Lê Tuấn Anh (Velpeke) 120DM. Lê Thị Vân (\*) 120DM. Lê Thành Trung (\*) 120DM. Lê Đăng Kiên Duyên (\*) 120DM. Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 120DM. Đỗ Thị Thuần (\*) 120DM. Nguyễn Chánh Trọng (\*) 120DM. Nguyễn Thị Phi Đức (\*) 120DM. HLĐH Trần Văn Lợi (Việt Nam) 120DM. Trần Thị Mười (USA) 120DM. Nguyễn Văn Định (Việt Nam) 120DM. Lê Thị Ca (\*) 120DM. Trần Văn Nghĩa 120DM. HLĐH Bùi Ngọc Yên 120DM. HLĐH Đặng Văn Thìn 120DM. HLĐH Hoàng Thị Bôn 120DM. HLĐH Phạm Mỹ Linh 120DM. HLĐH Đặng Quốc Đàm 120DM. HLĐH Nguyễn Thị Ngụ 120DM. Cao Minh Nguyễn (Lingen) 120DM. Hồ Kim & Trần Thị Tiên (Hamburg) 250DM. Phan Quý (\*) 120DM. Phan Lê Diệu (\*) 120DM. Nguyễn Thị Đậu 120DM. Lâm Văn Ba 120DM. Trần Mười 120DM. Nguyễn Văn Phụng 120DM. Đỗ Thị Hà 120DM. Võ Thành Sơn từ Ly 120DM. Tạ Quang Thủy 120DM. Lương Thị Phúc 120DM. Tạ Quang Thanh 120DM. Vũng Thị Hằng 120DM. Huỳnh Trịnh Toàn 120DM. Phan Thị Hạnh 120DM. Trần Văn Thành 120DM. Sứ 120DM.

### ■ TRAI TẶNG

ĐH. Quách A. Hoa (Bi) 500FB. Cambeiro Celso (Pháp) 100FF. Gđ. Hoàng Ngọc Minh (\*) 200FF. Lâm Thị Hồng Đào (\*) 100FF. Hồ Văn Nguyên (\*) 100FF. Lê Thị Ngọc (Klaatern) 20DM. Nguyễn Chánh Trực (Berlin) 70DM. Võ Thị Mộng Hoa (Bad Soden) 50DM. Vũ Thị Đức (Ingolstadt) 100DM. Hằng Lưu (Speyer) 50DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 30DM. Tăng Bích Phan (Lingen) 20DM. Lương Kim Phụng 20DM. Ấn danh (Ludwigshafen) 400DM (Y phuc) + 200DM. (Y được). Phạm Văn Quý (Hamburg) 200DM. Nguyễn Thị Viên Phụng (Koblenz) 200DM. Trần Thị K. Lê (Berlin) 30DM. Diệu Loan (\*) 20DM. Nguyễn Thị Chi (Krefeld) 50DM. Dương Văn Hào (Bielefeld) 20DM. Trương Chánh Lộc (Hannover) 20DM. Ngô Đình Đạo (Berlin) 50DM. Gđ. Bùi (\*) 50DM. Tăng Kim Lan (\*) 30DM. Bùi Thủy Oanh (\*) 50DM. Nguyễn Tường Nhân (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Thái Nam (\*) 100DM. Trần Tuấn Hùng (Burgoberbach) 20DM. Bùi Văn Mai (Reutlingen) 50DM. Gđ. Nguyễn (Berlin) 20DM. Phạm Thị Sáu (SR) 20DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 20DM. Nguyễn Thị K. Hoa (\*) 20DM. Diệu Trần (Hamburg) 20DM. Đinh Thị Hà (\*) 10DM. Nguyễn Xuân Tân (Kunzelsau) 50DM. Lê Anh Đào (Erlangen) 50DM. Lê Thị N. Diệp (\*) 50DM. Phan Thị Lý (Chemnitz) 50DM. Lê Văn Vinh (W. Allgaeu) 50DM. Cô Hạnh Niệm 100DM. Cô Hạnh Tinh 100DM. Cô Hạnh Ân 50DM. Cô Hạnh Châu 30DM. Cô Hạnh Ngọc 40DM. Thầy Hạnh Báo 50DM. Bắc Viên Tuyết 50DM. Diệu Cam 50DM. Diệu Anh 50DM. Thiện Châu 50DM. Minh Tôn 50DM. Trần K. Lang 50DM. Diệu Tịnh 20DM. Mai Thị Huệ 20DM. Võ Phước Lầu 20DM. Tâm Lương 20DM. Lê Thị N. Thủy 20DM. Diệu Nhụy 20DM. Ngô Ngọc Diệp 30DM. Minh Thiện 50DM. Thiện Hội 20DM. Nguyễn Ngọc Cường 40DM. Diệu Ấn 500FB. Huệ Niệm 50DM. Diệu Thủy 20DM. Nguyễn Hùng Gy 20DM. Thiện Ý 50DM. Trịnh Thị Anh 50DM. Đoàn Thanh Hùng 50DM. Diệu Minh 50DM. Diệu Hồ 50DM. Bumak 10DM. Pan Gust 20DM. Hà Trí Linh 20DM. Hà Phương 10DM. Thị Lộc 50DM. Ban Bảo Trú CN 50DM. Dũng 20DM. Thủ 20DM. Diệu Quý 10DM. Chủ Tâm 10DM. Phương Quyên 5DM. Tuấn Diệu 10DM. Quang Trí 50DM. Đặng Viên 30DM. Đặng Hiệp 10DM. Thiện Lương 20DM. Diệu Thu 20DM. Nguyễn Tinh 20DM. Diệu Hùng 20DM. Nguyễn Thiện 10DM. Diệu Bình 10DM. Mỹ Linh 10DM. Ngọc Quý 100Kr. Lê Huệ 30Kr. Diệu Tường 200Kr. Hạnh An 150Kr. Đào Thiện Nguyệt 20DM. Trần Thị Huệ 10DM. Thái Ngọc An 20DM. Tâm Bích 50DM. Đạt Huệ 50DM. Ngọc Thanh 50DM. Võ Thị Mỹ 20DM. Vũ Tiến Đạt 20DM. Nguyễn Ngọc Thanh 50DM. Nguyễn Hồng Cẩm 50DM. Mạnh 20DM. Pia 10DM. Quảng Phước 20DM. Thiện Chung 10DM. Bùi Thị Trâm 10DM. Bùi Thị Nghiệm 50DM. Lương Văn Khoa 10DM. Diệu Nữ 50DM. Thị Thiện 50DM. Văn Hùng 20DM. Ấn danh 20DM. Ngô Cường Nhật 10DM. Dương Bạch 20DM. Dương Văn Hoàn 50DM. Võ Thị T. 40DM. Trần Văn Thành 20DM. Trần Anh Hồng 20DM. Dương Văn Hán 20DM. Nguyễn Văn Thiện 20DM. Lê Thị Liên 20DM. Nguyễn Dung 10DM. Đặng Mộng Thu 20DM. Nguyễn Văn Châu 30DM. Lê Văn Nguyễn 10DM. Nguyễn Thị Bì 20DM. Lúa Riege 10DM. Hoàng Văn Dũng 20DM. Nguyễn Hữu Trí 10DM. Tống Văn

Sơn 20DM. Chung Cẩm Hùng 20DM. Nguyễn Thị Thao 20DM. Nguyễn Thị H. Yên 50DM. Nguyễn Quốc Chính 10DM. Đào Ngọc Du 20DM. Nguyễn Xuân Trường 10DM. Lê Thị Thạch 10DM. Nguyễn Thị Yên 10DM. Nguyễn Đức Chính 20DM. Dương Quý Thanh 20DM. Trương Thị Hòa 20DM. Vũ Thống Lộc 10DM. Đoàn Thị H. Phương 10DM. Vũ Tuấn Dũng 10DM. Rolf Schutze Lộc 10DM. Lưu Thị B. Liên 10DM. Ngô Minh Huyền 50DM. Trần Ngọc Anh 50DM. Lưu Hùng 50DM. Trần Duyệt Thái 50DM. Hà Thị M. Thủy 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp 20DM. Trịnh Thị Cự 10DM. Thiện Pháp 10DM. Ấn danh 10DM. Lê Anh Tuấn 10DM. Trần Đức Khoát 10DM. Nguyễn Quang Sơn 10DM. Trần Thị T. Phương 10DM. Lê Ngọc Quỳnh 10DM. Nguyễn Thu Hương 10DM. Nguyễn Duy Thành 10DM. Nguyễn Anh Tuấn 20DM. Trần Anh Thắng 20DM. Nguyễn Mai Hưng 10DM. Trần Thị Quý 20DM. Lê Thị Lem 10DM. Vũ Thị Vinh 20DM. Ấn danh 10DM. Huỳnh Minh Tuấn 50DM. Nguyễn Thanh 20DM. Thiện Hòa 20DM. Đức Tùng 20DM. Tâm Cú 20DM. Lê Cú 20DM. Nguyễn Lê Nghĩa 50DM. Ngô Ngọc Hiếu 20DM. Nguyễn Biên 30DM. Nguyễn Khánh Thành 20DM. Quang Mỹ 20DM. Quang Liem 20DM. Lê Thị Cường 20DM. Trung Văn Hà 20DM. Lý Thị Chu 20DM. Nguyễn Văn Giáp 20DM. Nguyễn Thị Loan 10DM. Vũ Thị Hương 10DM. Lê Lương Khôi 10DM. Diệu Đạo 20DM. Diệu Ngọc 20DM. Thị Kiên 50DM. Châu Bảo Chương 20DM. Diệu Huệ 20DM. Thiện Pháp 10DM. Nguyễn Văn Du 20DM. Nguyễn Thị Đăng 20DM. Đỗ Quang Nam 20DM. Nguyễn Tùng Chi 10DM. Nguyễn Văn Hùng 10DM. Huỳnh Ngọc Hùng 20DM. Đoàn Quốc Tuấn 20DM. Nguyễn Thanh Hải 10DM. Nguyễn Thanh Minh 20DM. Đỗ Văn Sĩ 20DM. Đỗ Văn Dũng 10DM. Nguyễn Văn Ngô 10DM. Chi Hội PTVNTN Berlin 200DM. Trịnh Trọng Hiếu 20DM. Trịnh Thu Huệ 10DM. Trịnh Lương Nghĩa 10DM. Trịnh Thái Thuận 10DM. Diệu Quang 10DM. Hà Ngũ 20DM. Đào Thị Liên 10DM. Hoa Thị T. Hà 10DM. Vũ Hùng 10DM. Nguyễn Bích Thanh 10DM. Nguyễn Thị Thuong 50DM. Nguyễn Văn Lành 50DM. Nguyễn Văn Dũng 10DM. Phạm Thị Vân 10DM. Nguyễn Thị M. Sáu 50DM. Hữu Dung 5DM. Trần Thị Trinh 20DM. Trần Thị Mến 10DM. Bùi Văn Ngọc 10DM. Hoàng Văn Lầu 10DM. Nguyễn Hồng Tú 10DM. Lương Thị Huệ 10DM. Trần Thị Tuyết 10DM. Nguyễn Hồng Tâm 10DM. Tiểu Thị Thủy 50DM. Diệu Kim 50DM. Nguyễn Cao Tường 10DM. Nguyễn Đình Mai 10DM. Thái Dũng 20DM. Gđ. Minh Hải 50DM. Nguyễn Thị Hương 20DM. Nguyễn Thị Hương 20DM. Đặng Ngọc Hải 10DM. Huỳnh Thị Dung 10DM. Nguyễn Thị Thu 20DM. Lê Quang Ngọc 20DM. Vũ Mạnh Sốt 20DM. Huỳnh Thị Hạnh 20DM. Phạm Thị Hiệp 10DM. Ung Thị Trâm 10DM. Vũ Đức Đàm 10DM. Nguyễn Thị Nghĩa 30DM. Diệu Tú 20DM. Nguyễn Thị B. Dung 20DM. Nguyễn Thị Toàn 10DM. Vũ Anh Dũng 10DM. Hồ Phước Hải 20DM. Vũ Thị Thanh 10DM. Đào Thị Tinh 10DM. Hoàng Văn T. Tấn 10DM. Chu Thị Minh 10DM. Đỗ Văn Chung 10DM. Nguyễn Như Hải 10DM. Vũ Thị Vung 10DM. Trần Xuân Hùng 10DM. Nguyễn Đình Chung 10DM. Nguyễn Trọng Minh 10DM. Phạm Đăng Thành 20DM. Nguyễn Gia Cường 10DM. Chi Hạnh 20DM. Minh Hiếu (Gießen) 50DM. Gđ. Diệp Mỹ Quang 20DM. Lê Thị Anh (Vechta) 20DM. Mai Hồng Huệ 20DM. Gđ. Lê Văn Trai (Durach) 20DM. Gđ. Lê Văn Mến (B. Elster) 20DM. Dương Văn Búi 20DM. Cô Ba (Berlin) 30DM. Nguyễn Hữu Hiệp (Hamburg) 10DM. Đỗ Thị Sang (Darmstadt) 40DM. Trương Kim Sướng & Lý Thị Mỹ (Bad Soden) 70DM.

### ■ HƯƠNG LINH KỸ TỰ

ĐH. Nguyễn Quý Trường & P. Loan (Windhagen) 150DM, HLĐH Trương Thị Thảo. Trần Thị Huệ (Schweinfurt) 150DM, HLĐH Phan Xuân Cường. Nguyễn Thị Hoa (Essen) 150DM, HLĐH Phạm Ngọc Anh. Nguyễn Thị Kim Thoa (Eberswalde) 450DM, HLĐH Nguyễn Xuân Tuyền - Phạm Thị Liên - Phạm Ngọc Hoàng.

### ■ AN CỬ KIẾT HẠ

ĐH. Tiểu Thị Thị (Erlangen) 50DM.

### ■ QUỸ YẾM TRỢ GHPGVNTN

ĐH. Lê Kim Hùng (Villingen) 50DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 10DM.

### ■ QUỸ ỦY BAN GIẢI TRỪ PHÁP NẠN

ĐH. Võ Ngọc Sơn (Schwäebisch) 50DM.

### ■ QUỸ ỦNG HỘ MÁY IN

ĐH. Minh Hùng (Bremen) 10DM.

### ■ TRẠI CÙI - MÙ - CỞ NHỊ VIỆN - VIỆN DƯỠNG LÃO

ĐH. Trần Thị H. Châu (Y) 50.000Livre. Văn Thành Văn (Aisfeld) 20DM. Nguyễn Lê Đan (Berkastel) 60DM. Bùi Thị Thanh (Wittlich) 50DM. Nguyễn Việt Đức (Salzgitter) 20DM. Trần Văn Nam 100DM. Hằng Lưu (Speyer) 50DM. Tạ Mạnh Toàn (Pháp) 30DM. Vũ Quốc Dũng 50DM. Ấn danh 150DM. Nguyễn Văn Lai (Augsburg) 20DM. Lưu Vương (Oberhausen) 40DM. Trần Thị Hương (Ludwigshafen) 100DM. Diệp Văn Sơn (Wuppertal) 40DM. Nguyễn Thị Viên Phụng (Koblenz) 200DM. Hồ Thị Ngọc Hát (Hamburg) 100DM. Nguyễn Đức Mạnh (Bayreuth) 30DM. Thái Trần (Stadtallendorf) 500DM. Võ Ngọc Sơn (Schwäebisch) 50DM. Nguyễn Thị H. Mỹ (Cloppenburg) 10DM. Trịnh Thị Thanh (Nürnberg) 40DM. Nguyễn Thị K. Sanh (\*) 50DM. Đặng Ngọc Trần (Reutlingen) 200DM. Nguyễn Quốc Cường (Essen) 10DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 10DM. Trần Văn Tuấn 100DM. Trần Minh Nhật (Nürnberg) 40DM. Gđ. Lê Chin + Tâm 20DM. Trần Văn

Tuấn (Bad Vilbel) 50DM. Gđ. Hà Điền Long (Frankfurt) 42DM. Nguyễn Thị Vân (B. Kreuznach) 100DM. Phan Thị T. Văn (Bingen) 20DM. Thanh Niên PT München 319,04DM. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld. Phan Phước (\*) 25Guld. Vũ Quốc Dung 30DM. Huỳnh Văn Liên (Saarbrücken) 100DM. Trương Kim Sướng & Lý Thị Mỹ (Bad Soden) 70DM. Từ Thị Thu Hà (M'Gladbach) 50DM. Ngọc Liên (Köln) 10DM.

### ■ TRẠI CÙI SỐC TRẮNG

ĐH. Roger + Minh Châu Blair (USA) 200US.

### ■ CHÙA VIỆT NAM

ĐH. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 50Guld.

### ■ TRẠI TỶ NẠN Ở BÊN ĐÀO

ĐH. Nguyễn Quang Trán (Reutlingen) 200DM.

### ■ QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

ĐH. Trần Thị 50DM. Ấn danh 50DM. Võ Thị Lý (Erlangen) 500DM (chuyển từ cơ phần Hội Thiện sang). Lê Huy Văn (Nürnberg) 50DM. Trần Thị 50DM. Trương Kim Sướng & Lý Thị Mỹ (Bad Soden) 60DM. Trần Thị 50DM. Thiện Văn Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 200DM. Hoa Phước Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 100DM. Gđ. Lê Chí Dũng + Hùng (Mannheim) 30DM. Ấn danh (Hamburg) 100DM. Lê Cú Huỳnh Thị Hồng Xuân (Nürnberg) 400DM. Chi Hội Phật Tử Frankfurt, Aschaffenburg, Wiesbaden 2.500DM = Tổng Cộng 3.330DM.

Danh sách quy vị ĐH cho vay trong 5 năm. ĐH Châu Lê Anh (Senden) 1.000DM. Huỳnh Lệ Thu (Nürnberg) 500DM = Tổng Cộng 1.500DM.

Số tiền 3.330DM và 1.500DM đã được chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg\*.



## Phượng danh cúng dường

(Tính đến ngày 08.12.1997)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển quan Ngân Hàng và bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thủ tục như Cúng Dường Tam Bảo, Xây Dựng Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Báo, trở nên bừa bãi v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không ghi rõ là chuyển tiền đùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhờ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích, để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quy vị xem Phượng Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chùa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 từ Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự đăng tải danh sách trên báo. Kính mong quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu  
Danh sách Phượng Danh Cúng Dường của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chủ ĐH (Đạo Hữu) ở bên trên.

### ● TAM BẢO

ĐH. Trần Ngọc Hà (Saarbrücken) 50DM, HHHL ĐH Trần Hiền. Nguyễn Thành Đức (Paderborn) 6DM. Gđ. Han Hữu Trang + Anh (Garbsen) 10DM. Gđ. Đào Thiên Mẫn (Empelde) 10DM. Lê Triều Phước 10DM. Huỳnh Thuýet Han (Delmenhorst) 200DM. Mạch Cường Tân (\*) 300DM. Trần Thị Đào (Erfurt) 15DM. Nguyễn Thanh Đức (Paderborn) 20DM. Phạm Thị Hồng Hùng (Luckenwalde) 10DM. Hans W Leime 10DM. Ngọc Hà (BS) 20DM. Phạm Văn Toàn 50DM. Wiriya Trần (Bielefeld) 100DM. Gđ. Đặng Văn Cường 30DM. Vũ Hồng Thanh (Rodenberg) 20DM. Lâm Thị Huệ (Göttingen) 10DM. Phạm Thanh Bình (B. Grund) 20DM. Nguyễn Tuấn Đức (Hensent) 20DM. Gđ. Nguyễn Xuân Hùng 20DM. Hội Người Việt Ty Nan (Lehrte) 30DM. Kammel Binh (Bad Soden) 40DM. Lê Bích Lang (Hannover) 10DM. Nguyễn Hùng Gy (Zwickau) 20DM. Vũ Quốc Hoài (Papenburg) 10DM. Lê Anh Tuấn Ronnenberg) 10DM. Gđ. Phan Thị Thu Hằng (Streuendorf) 20DM. Rasmee Sthughapuan (Bielefeld) 50DM. Phan Thị T. Hương (Ostee) 20DM. Nguyễn Thị Tâm (Lehrte) 10DM. Lý Quốc Thái (Hannover) 10DM. Gđ. Mai Việt Trung 20DM. Vũ Hùng (Speyer) 50DM. Trần Xuân Hùng (M'Gladbach) 30DM. Gđ. Đào Hữu Chí (Hamburg) 60DM. Nghiệm Quốc Hùng (Berlin) 10DM. Huệ Lộc Huỳnh Thị Lợi (Pháp) 50DM. Gđ. Minh Nguyệt + Huệ Tươi + Huệ Tường (Pháp) 20DM. Gđ. Phạm Đăng Anh Tuấn (Kassel) 200DM. Gđ. Graul Cúc (Göttingen) 100DM, HHHL ĐH Nguyễn Thị Oanh và Đào Văn Tró. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM. Vũ Chí Thiện (Armstadt) 20DM. Trương Quang Bình (Mosheim) 30DM. Lâm Môn (Kerpen) 100DM. Thu Thảo Rohmann (Osnaabrück) 100DM. Trần Kim Lai (Sweden) 500Kr. Diệp Kim Huệ (\*) 50Kr. Lâm Nghiệp (Nagold) 50DM.

Dr. J. Dienemann (Hannover) 500DM. Nguyễn Gia Trường (Leidenscheid) 100DM. Đào Thị Bé (Pháp) 100FF. Ngô Xuân Hùng 10DM. Nguyễn Thu Hằng (Hildesheim) 10DM. Nguyễn Văn Tám 50DM. Nguyễn Thị Nga 10DM. Trần Đình Chính 10DM. Lê Việt Anh (Sleswig) 10DM. Nguyễn Đức Thắng (Hannover) 10DM. Nguyễn Thị Hằng (\*) 100DM. Nguyễn Nhật Thu (\*) 50DM. HHHL ĐH Huỳnh Thị Xuân. Đường Văn Bình 20DM. Đào Văn Hùng (Aschleben) 20DM. Gđ. Vinh + Hon + Hùng + Thủy + Quán (Dresden) 190DM. Lim Yuen Sing 80DM. Lim Boh Sing 20DM. Ba Cao 5DM. Gđ. Nguyễn Thanh Long 20DM. Gđ. Trần Công Phi 20DM. Gđ. Hải Yến (Burgwedel) 8DM. Vũ Đình Tuấn Vũ (Diepholz) 20DM. Nguyễn Quang H. W. Heine 10DM. Lê Bích Lan (Hannover) 10DM. Gđ. Vinh + Thanh 20DM. Vũ Quốc Dung (Oberursel) 20DM. Nguyễn Thị Viễn Phương (Koblenz) 300DM. Vũ Hùng (Speyer) 100DM. Vũ Việt Boong (Viernsen) 50DM. Joachim Nossat 400DM. HHHL ĐH Thomas Mahr. Vô Thị Huệ (Bi) 100DM. Hoàng Công Thành (Frankfurt) 120DM. Lâm Kim Khánh 100DM. HHHL ĐH Nguyễn Thị Bảy. Hồ Văn Trung (Meerbusch) 50DM. Cardenas Kreuz Edgar 36DM. Trần Tấn Tiến 20DM. Thị Đan Clement 100DM. Trần Trung Đệ 30DM. Trương Văn Phong (Emmendingen) 10DM. Lê Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF. Tô Phú Thái (Büttelborn) 20DM. Chiêu Kính và Gia đình 200Uc kim. Fam. Trần (Wisskirchen) 10DM. Hoàn + Di (Barbesen) 20DM. Nguyễn Thị Báo Châu (Hannover) 20DM. Minh Thảo (\*) 4DM. Lê 10DM. Arunn (Oberreidenbach) 50DM. Hans W Heine 10DM. Việt Quân Hải 10DM. Trần Kinh Hùng 50DM. Pranee D. (Bergheim) 50DM. Thái Gia Tuấn 20DM. Tạ Công Thành 10DM. Tạ Văn Thiêm 20DM. Thiện Thịnh (Aachen) 50DM. Huỳnh Thủy Linh (Frankfurt) 20DM. Chúc Tuấn 60DM. Thiện Văn (Karlsruhe) 50DM. Hoàng Công Chủ (M'Gladbach) 300DM. Nguyễn Thị Lượm (\*) 20DM. Chi Hội PTVNTN tại Aschaffenburg & Frankfurt & Wiesbaden 5000DM. Lý Ngọc Thủy (Marsberg) 20DM. Quý anh chị em thân hữu HHHLPT Ludwig Ngọc Văn 200DM. GĐPT Đặng Tú Dũng (Berlin) 500DM. HHHL ĐH Lê Thị Phú tuần 100 ngày. Nguyễn Anh Tuấn (Göttingen) 300DM. HHHL ĐH Nguyễn Thị Kim Khánh. Trần Thị Hồng Châu (\*) 50.000 Lire. Cao Thị Sämt Hochdorf 100DM. Vũ Thị Đức (Ingoistadt) 30DM. Xuân Hồng + Lưu Dũng (Göttingen) 50DM. Kim Lê (Töpingen) 100DM. Mai Văn Mẫn (Hamm) 50DM. Đinh Đức Thắng 10DM. Phạm Thị Hằng (Gladbeck) 20DM. Huỳnh Thị Bông (Suisse) 50FS. Huỳnh Lộc + Kim Bình (\*) 50DM. La Quốc Dũng + Ngọc Hằng (Nordhorn) 20DM. Trương (A.) 50DM (Râm Thăng Mười). Hoàng Thị Kim Anh (Weil Haltingen) 50DM. Mai Văn Khổng 20DM. China Reet. Pu-Yi (Winsen/Allee) 100DM. GĐĐH La Văn Thắng (Nordhorn) 500DM. Triệu Thị Thục (Hameln) 10DM. Ngô Thanh San (\*) 20DM. Lý Quốc Thái (Hannover) 20DM. Lê Bích Lan (\*) 10DM. Nguyễn Quang Trung 50DM. Trần Văn Thái (Nandorf) 20DM. Nguyễn Cường (Brake) 10DM. Phạm Thị Thu (Köthen) 50DM. Lưu + Nguyễn (Gerunbach) 10DM. Nguyễn Thị Minh (K'lautern) 20DM. Tuấn Hoàng (Moisburg) 10DM. Fam. Wiegand (Ahlum) 20DM. Thiện Giác (Laatzen) 50DM. Nguyễn Tấn Thiện 10DM. Nguyễn Thị Tuyết Anh (Bennisgen) 50DM. Hồ Huệ Keo 50DM. Hà Thị Minh Tâm + Cẩm + Thảo (Hannover) 50DM. Cao Sơn Hải (\*) 40DM. Tạ Việt Tiến + Minh + Anh (\*) 40DM. Vũ Minh Thoa (Salzgitter) 5DM. Lê Việt Hân (Bösinghausen) 10DM. Phùng Trình Mivi 50DM. Nguyễn Văn Neang (Neustadt) 50DM. Nguyễn Văn Lập (\*) 30DM. Thiện Văn (Karlsruhe) 50DM. Chi Hội PT (Mannheim) 650DM. Huỳnh Thị Phận 20DM. Phan Thị Kim Anh 50DM. GĐĐH Bành Vinh Ái (Rheingönheim) 500DM. Huỳnh Văn Khả (Speyer) 20DM. Trình Thị Quý (Pháp) 100FF. Fam. Bieberstein (Hannover) 100DM. Võ Thông (Münster) 62DM. Hoàng Ngọc Hoa (Rheine) 600DM. HHHL ĐH Vũ Đông Thị Hân tuần 100 ngày. Zettler Gretel 150DM. Phạm Thị Hương 50DM. Phạm Mỹ Quỳnh 50DM. Quý Phật Tử chùa Báo Quang (Hamburg) 250DM. Ernst August Jenth (Hannover) 50DM. Nguyễn Trung Thành + Nguyễn Thị Hồng Quỳnh (München) 100DM. Trương Quốc Phúc (Moschheim) 30DM (Râm Thăng Mười). Lê Anh Dũng (Cloppenburg) Trương Tân Vũ Phan 100DM. Cardenas Kreuz Edgar 36DM. Trần Tấn Tiến 20DM. Phan Lạc Giản (Pháp) 300FF. Hồ Văn Lộc (Vilshofen) 20DM. Vũ Chí Thiện (Arnstadt) 10DM. Jintana 11DM. Phạm Thị Hồng (Harden) 20DM (Râm Thăng Mười). Trần Thị Út (\*) 10DM (Râm Thăng Mười). Sombot 30DM. Tung Tinh 20DM. Khim Se Ly 20DM. Phạm Văn Mạnh (Regensburg) 100DM. Ning Huỳnh 50DM. Đông Hải Yến (Burgwedel) 10DM. LTK + M.H 50DM. Nguyễn Hoàng Anh (Gotha) 50DM. Đỗ Ngọc Oanh (Garbsen) 10DM. Đỗ Tất Thắng 20DM. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell) 100DM. Nguyễn Cẩm Lam (Gera) 20DM. Lê Anh Tuấn (\*) 20DM. Phạm Thị Minh Tâm 10DM. Phạm Thị Hoàng Mỹ 20DM. Chu Đại Thế (Langenhagen) 20DM. GĐĐH Phi Thị Lan Hương (Berlin) 100DM. Đông Lễ (\*) 20DM. Bé An (\*) 50DM. Quốc Khải (\*) 20DM. Tường (\*) 50DM. Văn (\*) 50DM. Trần Đức Minh (March) 30DM. Nguyễn Thị Thế Phương (Hoff) 50DM. HHHL ĐH Nguyễn Văn Thuận. Lý Tam (Hildesheim) 10DM. Thiện Mẫn (Hannover) 10DM. Nguyễn Anh Tuấn (Berlin) 50DM. Lưu Việt Toàn (Luckenwalde) 50DM. Phùng Thị Hào 30DM. Nguyễn Xuân Hải (Neuruppin) 50DM. Nguyễn Minh Trí (Hildesheim) 50DM. Đặng Quang Tân (Bonn) 50DM. Chi Hội PTVNTN tại Reutlingen 1.500DM. Trần Thị Ba (Sindelfingen) 50DM. Thái Sển (Pforzheim) 100DM. Vô Thị Song (Reutlingen) 30DM. Cố Kim Trường (\*) 50DM. Nguyễn Ngọc Mỹ (Karlsruhe) 50DM. Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 100DM. Huỳnh Trần Thị Huệ (\*) 100DM. Trần Xuân Hải (Tübingen) 100DM. Lâm Thị Kim Loan (Neu Ulm) 100DM. Huỳnh Trần Thị Huệ (Stuttgart) 200DM. HHHL ĐH Trần Khắc Thành. HHHL ĐH Lê Thị Chanh 70DM. Nhựt Trọng + Thiện Chánh

(Mannheim) 50DM. Lê Thị Vân (Velpke) 50DM. Đỗ Huy Quý (\*) 30DM. Nguyễn Thị Minh Châu (Pfullingen) 50DM. Lê Thị Tuyết Hồng (Krefeld) 60DM. Chiêu Hoàng (\*) 30DM. Nguyễn Quý Đại 50DM. Đỗ Mạnh Điem + Bích Lợi (Fürth) 100DM. Phi Thị Lan Hương (Berlin) 200DM. Hồ Văn Điều (Göttingen) 20DM. Thiện Giáo (\*) 40DM. Đặng Văn Vinh (Maintal) 20DM. Tuấn Anh + Thanh Bình (Rosenberg) 100DM. Phùng Tuấn Toàn (Hà Nội) 100U. Nguyễn Oanh (BS) 10DM. Đỗ Thị Hà (\*) 20DM. Trần Thị Xuyên (Kyllburg) 20DM. Fam. Dattelu Pragatson 10DM. Nguyễn Tojo Tin (Bremen) 5DM. Nguyễn Thị Tuyết Vân (\*) 10DM. Nguyễn Ngọc Tuyết 10DM. Papan Kauror 20DM. Nguyễn Quốc Nam (Mannheim) 20DM. Luyện + Mỹ (Göttingen) 50DM. Hans W Heine 7DM. Chiêu Du + Chiêu Cường 20DM. Nguyễn Tinh Trinh Thị Hạnh (Nürnberg) 200DM. Ging Văn Phương (Zirndorf) 50DM. Chi Hội PTVNTN Nürnberg + Fürth + Erlangen 400DM. Đông báo PTVNTN (\*) 700DM. GĐPT Chánh Dũng 300DM. Đức Hùng + Điều Tinh (Fürth) 100DM. GĐPT Chánh Tín (München) 50DM. Nguyễn Văn Chứng (Karlsruhe) 80DM. Thị Thuý (Nürnberg) 100DM. Giang Trần (\*) 50DM. Trương Minh Đức 10DM. T.T. Nga (Đan Mạch) 200Kr. HHHL ĐH Lưu Nguyệt Anh Pđ Thiện Ngọc. Lê Giảng (Bi) 3.000FB. Phan Văn Thảo (Suisse) 230DM. Lê Đình Minh (Gifhorn) 20DM. Ngô Quang Huy (Mannheim) 30DM. Đông Hạnh (\*) 10DM. Trần Kim Oanh (USA) 40US. Chi Hội Phật Tử Frankfurt, Aschaffenburg, Wiesbaden 500DM. Chùa Quan Âm (Pháp) 500FF. Văn Thiên Hương (Frankfurt) 50DM. Diệu Lan (\*) 100DM. Trần Huỳnh (\*) 30DM. Hoàng Ngọc Phương (\*) 100DM. Diệu Quý (Bad Soden) 40DM. Trương Kim Sướng (\*) 50DM. Nguyễn Thị Ngọc Anh 50DM. Đinh Thị Hoa 50DM. Vô Thị Hoa 30DM. Vô Thị Mỹ (Wiesbaden) 60DM. Tâm Hiện + Tâm Khương (Canada) 50Can. Bắc Quang Kính (Hannover) 20DM. Hồ Thị Y (Wallerfangen) 30DM. Nguyễn Thị Biên (Weil im Schönbach) 20DM. ĐH Duyên (Magdeburg) 300DM. Huỳnh Văn Ky (Bad Soberheim) 50DM. Diệp Kim Huệ (Sweden) 50Kr. Lê Thị Bích Nga (Aurich) 50DM. Phạm Trần Quan 10DM. Nguyễn Đăng Lợi (Hage) 20DM. Bùi Thị Thành (Uppgant Schott) 20DM. Lâm Hữu Tín (\*) 50DM. Đào Đức Vũ (Rheine) 50DM. Lê Thị Minh 20DM. Phạm Trần Việt 20DM. Diệu Hiền (Laatzen) 700DM. HHHL ĐH Nguyễn Trần Thủ Pđ Nguyễn Bình. N. Anh Bạch (Castrop Rauxel) 100DM. Diệu An (USA) 50DM. Lê Văn Tuấn (Papenburg) 40DM. Lê Chin + Tâm 30DM. Mạch Cường Tân 50DM. Dương (Celle) 20DM. Dương Tú Đạt (\*) 20DM. Phạm Trung Nhân 10DM. Trần Văn Dũng 10DM. Đinh Việt Trinh (Schwetto) 20DM. Mạch Hùng Tân (Bremen) 50DM. Mạch Bích Hà (\*) 10DM. Lê Thanh Bình (\*) 20DM. Nguyễn Văn Cường (Hannover) 100DM. Phan Lê Trung Quốc (Eisfleth) 20DM. Mạch Vương Bảo Yến (Hude) 20DM. Thiện Linh 20DM. Đào Thị Kim Loan (Hannover) 50DM. Nguyễn Dung Nam (\*) 10DM. Hoàng Thư Kim (Troisringen) 30DM. Lâm Minh (Landau) 50DM. Nguyễn Ngọc Diệp (Weitnau) 100DM. Lèo Văn Chứa + Duyên (Magdeburg) 300DM. Minh Thang (Oberndorf) 15DM. Đặng Thị Minh (Hannover) 20DM. Mai Hồng Tuấn (Merseburg) 30DM. Đỗ Bằng Sĩ (Seeleze) 20DM. Đỗ Danh Hòa (Wulftrath) 50DM. Leni Weng (BS) 20DM. Trần Văn Mạo (Bad Kreuznach) 70DM. Nguyễn Thị Văn (\*) 50DM. Lương Văn Trí (Hage) 20DM. Minh Thảo (Gießen) 50DM. Diệu Minh (\*) 50DM. Minh Hiếu (\*) 50DM. Ngô Thị Minh Hoa (Hage) 20DM. Lê Đình Hiệp (Hannover) 20DM. HHHL ĐH Vô Thị Bình (Uppgant Schott) 250DM + 100US. Đỗ Thị Nhân (USA) 40US. Đặng Khánh Nam (Frankfurt) 50DM. Gđ. Vô Trung Hữu & Lê Quang Tường (Falingbostel) HHHL ĐH. Vô Thị Đây Pđ. Diệu Lộc 200DM.

### ● BÀO VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Thị Ngọc Bích (Ans Alleur) 50DM. Hà Thị Loan (Hagen) 20DM. Nguyễn Hải Cường (Saarburg) 50DM. Kiều Phương Lê (Suisse) 30DM. Hue Wollenberg (Hamm) 20DM. Lê Việt Hòa (Hòa Lan) 50Guld. Kiều Tiên Minh (Hannover) 20DM. Vô Thị Mỹ (Nürnberg) 30DM. Thuận Lương Nguyễn (USA) 200FF. Phùng Thị Hải (Hunteburg) 20DM. Hồ Thị Kim Oanh (Mainz) 30DM. Đặng Thị D. Hồng (Saarbrücken) 20DM. Trần Nguyễn (München) 20DM. Pan Văn Phát (M'Gladbach) 50DM. Nguyễn Thế Hiến (Oberhausen) 20DM. Phan Văn Hòa (Minden) 20DM. Vô Văn Mai (Berlin) 50DM. Thủy Nguyễn (USA) 50DM. Gđ. Lai Ngọc Hải (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Thị Hạnh (Dietenhofen) 20DM. Cố Kim Trường (Reutlingen) 50DM. Nguyễn Ngọc Anh (Pháp) 200FF. Đào Thị Bé (\*) 200FF. Gđ. Crouzet (\*) 300FF. Châu Lê (Anh) 30DM. Triệu Văn Giang (Pattensen) 25DM. Ngô Thị Mỹ Dung (Bad Iburg) 50DM. Đỗ Thị Thu Dung (Schwalbach) 40DM. Nguyễn Gia Trường (Leidenscheid) 100DM. Nguyễn Thanh (Saarfeld) 50DM. Nguyễn Văn Ly (Dortmund) 20DM. Nguyễn Tú Thi (USA) 25US. Trần Văn Tâm (Neuss) 20DM. Lý Thị Tuyết Thu (Stendar) 30DM. Phan Thị Cham (Herne) 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Canada) 40Can. Phan Lạc Giản (Réunion) 87,21DM. Mai Ngọc Đào (USA) 100US. Nguyễn Hữu Trâm (\*) 20US. Tini Amédée (Pháp) 100FF. Vô Việt Boong (Viernsen) 50DM. Nguyễn Thị Yến (München) 50DM. Nguyễn Tấn Hồng (Pháp) 100FF. Nguyễn Văn Phong (Landstuhl) 30DM. Nguyễn Thị Liễu (Essen) 100DM. Nguyễn Văn Thành (D'ord) 200DM. Dương Việt Long 20DM. Bùi Mạnh Trí (Nomborn) 40DM. Hồ Văn Trung (Meerbusch) 50DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 30DM. Nguyễn Văn Lưu (Unna) 30DM. Phạm Thị Hà Uyên 20DM. Vô Phương 20DM. Nguyễn Tiến Hùng (Ulm) 30DM. Huỳnh Thị Tâm (Langenhagen) 30DM. Nguyễn Thị Yến Nga (Frankfurt) 20DM. Lê Thị Kim Huệ (Pháp) 100FF. Bùi Văn Tuấn (M'Gladbach) 30DM. Lê Thị Bạch Mai (\*) 100DM. Tiến (\*) 30DM. Tô Phú Thái (Büttelborn)

20DM. Bùi Thị Thủy (Mainz) 10DM. Lê Quan Khánh (USA) 20US. Chùa Liên Hoa (\*) 20US. Tạ Văn Duy 50DM. Đỗ Hùng (Trier) 20DM. Chiêu Kinh & Gia đình 50DM. Nguyễn Thị Song 20DM. Khuu Cẩm Vân (Wiesbaden) 20DM. Khuu Thị Hoa (Berlin) 50DM. Trần Văn Phụng (Königswinter) 50DM. Nguyễn Bích Thủy (Windscheschenbach) 20DM. China Rest. Zhao Yang (Salzhemmendorf) 50DM. Huỳnh Thị Bông (Suisse) 50FS. Nguyễn Văn Hùng (Ansbach) 20DM. Đoàn Đại Lộc 20DM. Hoàng Ngọc Thu (Pháp) 200FF. Trần Văn Nhung (Canada) 100FF. Trình Thị Quý (Pháp) 100FF. Ngô Thanh Sơn (Hameln) 30DM. Ngô Kim Bang (Kieselbronn) 20DM. Mai Bá Long (Wiesbaden) 60DM. Đào Việt Vinh (Rohrenfeld) 20DM. Vô Văn Lào (Dieburg) 20DM. Vũ Đức Tý (Aachen) 30DM. Dương Văn Quang (Grenzach) 40DM. Lưu Quang Vinh (Montabaur) 20DM. Lê Thị Thu (Konz) 20DM. Húa (Weißenthurm) 20DM. Nguyễn Thanh (Pforzheim) 30DM. Nguyễn Phan Chấn (Münster) 50DM. Nguyễn Đức Giang (Đan Mạch) 100DM. Cồ Đuối (Reutlingen) 52DM. Trần Văn Thâm (Paderborn) 20DM. Vô Thị Da Lan (Hòa Lan) 100Guld. Lê Việt Vinh (\*) 50Guld. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Phạm Mỹ Quỳnh 50DM. Hoàng Bá Cường (Grobenheim) 20DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5Anh kim. Lưu Kim Hùng (Ý) 30.000Lire. Trần Châu Lam (Hòa Lan) 50DM. Trương Quang Phúc (Moschheim) 20DM. Văn Hùng Châu (Koblenz) 20DM. Vũng Thị Thủy Dương (Aue) 100DM. Lê Võ Vi Vi (Krefeld) 30DM. Dominik Lưu 185DM. Phạm Văn Lan (Neu Anspach) 20DM. Trần Kim Hương (Pfielhausen) 100DM. Vô Thị Tuệ 60DM. Lê Văn Trúc 50DM. Trần Thanh Tâm (Offenbach) 20DM. Anh Huê Marquard 30DM. Tô Văn Phước (München) 50DM. Nguyễn Văn Thông 20DM. Nguyễn Văn Phong (Kindsbach) 30DM. Phạm Thị Ngọc Thủy (Ý) 10.000Lire. Phạm Văn Út (\*) 10.000Lire. Nguyễn Thị Kiều Oanh (Köln) 30DM. Đặng Đình Thắng (Altenua) 20DM. Phạm Thị Kim Huệ (Wiesbaden) 10DM. Hồ Việt Đoàn (Gera) 100DM. Nguyễn Thanh Narr. (Rheinfelden) 20DM. Minh Thanh (Berlin) 100DM. Nguyễn Thị Tuyết Hồng (Bad Oeynhausen) 30DM. Trần Anh (Gießen) 20DM. Trần Thị Hiền (Köln) 30DM. Trần Minh Tâm (Hirschhorn) 30DM. Nguyễn Thế Hien (Bi) 500FF. Trần Đức Minh (March) 20DM. Trần Hoàng (Ludwigshafen) 50DM. Đặng Thị Hào (Berlin) 20DM. Kiều Thái (Lichtenstein) 50DM. Minh Ngọc (Reutlingen) 20DM. Thiện Liễu (Spaichingen) 50DM. Nguyễn Công Khai (Cham) 30DM. Phan Đức Huy (Königsutter) 40DM. Trình Tú Nhiên (Hagen) 40DM. Trình Hồng Hải (Pháp) 200FF. Vô Thị Nga (Hannover) 20DM. Trần Khương Ninh (Steinfurt) 30DM. Hoàng Thị Duyệt (Weil am Rhein) 50DM. Hà Tú Quan (Trier) 100DM. Nguyễn Trọng Nam (Kaltenkirchen) 30DM. Ngọc Anh (Aschheim) 20DM. Nguyễn Tuấn Bình (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Ngọc Lai (Kyllburg) 50DM. Nguyễn Văn Hiền (Hamburg) 100DM. Phan Hồng Chúc (Obersthausen) 50DM. Chiêu Hoàng (Krefeld) 30DM. Luyện + Mỹ (Göttingen) 50DM. Giang Văn Phương (Zirndorf) 50DM. Đặng Như Nam (Nürnberg) 30DM. Lê Thừa Nghiệp (\*) 20DM. Nguyễn Lương Toàn (Cloppenburg) 50DM. Lê Giảng (Bi) 1.000FB. Bùi Trú (USA) 30US. Nguyễn Hoàng Sơn (Delmenhorst) 20DM. Đặng Quan Hồng (Pháp) 200FF. Nguyễn Thân (Saarlouis) 20DM. Phan Văn Thân (Suisse) 20DM. Phi Thị Lan Hương (Berlin) 30DM. Lê Đình Minh (Gifhorn) 30DM. Nguyễn Thị Xuân Duyên (Merzig) 20DM. Phạm Văn Thắng (Pháp) 100FF. Chùa Quan Âm (\*) 500FF. Lâm Thị Hồng Đào (\*) 200FF. Trần Tế Thế (\*) 500FF. Hứa Văn Ngô (\*) 200FF. Vô Thị Hoa 20DM. Lê Thị Thủy Phương (Osnabrück) 20DM. Lâm Kiên (Stadthagen) 20DM. Trương Xuân Vinh (Frankfurt) 20DM. Nguyễn Ngọc Lâm (Münster) 20DM. Nguyễn Hữu Hân (Spaichingen) 40DM. Lê Thị Minh Trước (Bi) 300FF. Trình Minh Tân và Đông hướng 100DM. Đỗ Minh Văn (Darmstadt) 50DM. Nguyễn Văn Tâm (Wilhelmshaven) 26DM. Hồ Thị Y (Wallerfangen) 20DM. Phạm Thoàng (Suisse) 50DM. Bùi Hữu Long (Nürnberg) 20DM. Nguyễn Thị Biên (Weil im Schönbach) 20DM. Đinh Thị Thàn (Fürth) 30DM. Phan Văn Hữu (Tuttlingen) 50DM. Nguyễn Chí Thành (München) 30DM. Ly Trùng Hà (Bremerode) 30DM. Lung Fung (Saarbrücken) 200DM. Nguyễn Thị Nga (Barntur) 100DM. Trần Tú Kinh (Freiburg) 20DM. Nguyễn Thị Phương (Gutach) 30DM. Trần Văn Mạo (Bad Kreuznach) 30DM. Gđ. Sú Thị Nhơn (Hannover) 20DM. Tôn Nữ Trí Túc (USA) 25US. Nguyễn Chí Phong (USA) 20DM. Ngô Văn Hiệp (Đan Mạch) 20DM. Vô Ta Management Pte LTD (Singapore) 20DM.

### ● ÁN TỔNG

ĐH. Ngô Thị Mỹ Dung (Bad Iburg) 50DM. Âu Bằng Tin 30DM. Nguyễn Thị Giới (Bi) 1.000FB. Chi Hội Phật Tử Mannheim 100DM. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100Guld.

### ● KINH PHÁP BẢO ĐÀN

ĐH. Nguyễn Văn Ty (Weil am Rhein) 30DM. Trần Tú Kinh (Freiburg) 10DM.

### ● KINH PHÁP HOA

ĐH. Nguyễn Xuân Mai (Suisse) 100DM. Phạm Văn Thắng (Pháp) 500FF (=160DM), HHHL ĐH Nguyễn Thị Ngưu (tự Vô Tái Năng). Kim Lê (Tspringen) 2.100DM. Phùng Thu Hằng (Oldenburg) 50DM.

### ● KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Huỳnh Thiện Tâm (Neuss) 20DM. Trần Thị Hiền (Köln) 50DM, HHHL ĐH Thái Văn Cai và Thái Thị Đê.

### ● THIÊN MÓN NHỰT TỤNG

ĐH. Võ Văn Đồn (Lào) 50DM. Võ Văn Sinh (\*) 50DM. Huỳnh Thị Quyên (\*) 50DM. Võ Thị Mỹ (Nürnberg) 50DM. Trịnh Thị Thanh + Nguyễn Tăng Lộc + Nguyễn Thị Yến + Nguyễn Kim Sanh (\*) 200DM. Từ Chí (Fürth) 20DM. Phùng Thu Hằng (Oldenburg) 50DM.

**● TƯỢNG PHẬT THIÊN THỦ THIÊN NHÂN**

ĐH. Nguyễn Văn Ty (Weil am Rhein) 20DM. Ấn danh 100DM. Nguyễn Thị Kim Thảo (Hannover) 20DM. Đoàn Minh Tuấn 50DM. Huỳnh Thị Thu Thủy 50DM. Viên Tuyết (Laatzten) 200DM. Lâm Kim Khánh (Krefeld) 120DM. Bùi Hữu Long (Nürnberg) 30DM. GD. Sù Thị Nhôn (Hannover) 50DM.

**● PHẬT ĐÀN**

ĐH. Chiêu Hoàng (Frekeld) 10DM.

**● VU LAN**

ĐH. Nguyễn Văn Thành (D'dorf) 20DM. Chiêu Hoàng (Krefeld) 10DM.

**● QUÝ XÂY CHÙA**

ĐH. Trần Tú Kính (Freiburg) 10DM. Nguyễn Phước 100DM. Viên Phước, Viên Thị Phi, Viên Hiệp, Viên San, Lý A Sùng (Koblenz) 50DM. Văn (Berlin) 20DM.

**● QUÝ ỦNG HỘ MÁY IN**

ĐH. Nguyễn Thị Tuyết Hồng (Bad Oeynhausen) 20DM. Gđ. Lai Ngọc Hải (Frankfurt) 20DM.

**● MỘT TƯỢNG PHẬT**

ĐH. Lâm Kim Khánh 120DM. HLBH Cao Thị Lan 120DM. Hoàng Thục Kim (Troisingen) 120DM.

**● TRẠI CÙI + MÙ + CÔ NHI VIỆN + VIỆN DƯỠNG LÃO**

ĐH. Trần Ngọc Tiến (Hamburg) 50DM. Nguyễn Xuân Mai (Suess) 100DM. Trần Thị Hồng Châu (Y) 10.000Lire. Liễu Ngân (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Văn Anh (Hòa Lan) 100Guld. Phan Phước (\*) 25Guld. Trịnh Minh Tân (Bad Pyrmont) 50DM.

**● GIÚP NẠN LỤT ĐỒNG BẰNG SỐNG CỬU LONG**

ĐH. Chi Hội PTVNTN Nürnberg + Fürth + Erlangen 1.710.700DM. Lưu Quang Thuận (Evensen) 100DM. Chi Hội PTVNTN Frankfurt + Aschaffenburg + Wiesbaden 1.285DM. Diệu Quý (Bad Soden) 100DM. Lê Văn Trường (Karlsruhe) 50DM. (Tất cả số tiền này đã gởi đi).

**● TRẠI TỶ NẠN**

ĐH. Trần Huỳnh (Frankfurt) 20DM.

**● QUÝ HỌC BỔNG TẶNG NI VIỆT NAM TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC**

ĐH. Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 200DM. Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 100DM. Nguyễn Thái Nam + Thị Kim (Nürnberg) 500DM. Lương Văn Xinh (Karlsruhe) 168,20DM, phát hành bằng giảng. Phát hành bằng giảng khóa Giáo Lý Âu Châu kỳ 9 (Mannheim + Chua Khánh Anh) 3.000DM. Trần Thị 50DM. Lâm Thị Kim Loan (Neu Ulm) 100DM.

Danh sách những ĐH cung dưỡng Quý Học Bổng cho Tăng Ni trong tháng 11.1997

Thiện Văn Nguyễn Văn Chương (Karlsruhe) 100DM. Hoa Phước Đỗ Thị Thu Hà (Eppelheim) 50DM. Gđ. Đỗ Hồng Sơn (Worms) 100DM. Ấn danh (Ludwigshafen) 20DM. Diệu Hải Lê Bửu Quân và Hà (Straßburg) 20DM. Lê Thị Hoa (\*) 20DM. Diệu Ân Quỳnh Thị Phấn (Benzheim) 50DM. Diệu Tuyết Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn) 100DM. Tâm Tế Lê Tường Vi & Tâm Trường Lê Nguyễn Phương (Mannheim) 30DM. GĐPT Chánh Dũng (Nürnberg) 100DM. Đệ Lân GĐPT Chánh Dũng (\*) 200DM. Huệ Phước Cao Thu Sướng (\*) 40DM. Đào Thị Ánh Tuyết (\*) 50DM. Huệ Lạc Huỳnh Thị Quyên (\*) 40DM.

(Số tình tài trên đã được chuyển vào Konto 0344 630 Deutsche Bank Heidelberg)

**ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC**

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lối **Dauerauftrag** để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tiền tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (**Verwendungsweck** = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc báo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Đường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuê lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin

liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tiền tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.  
Konto Nr. 870 1633 - BLZ 250 700 70  
Deutsche Bank Hannover

(Mỗi Ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode vien giac  
Konto Nr. 870 3449 - BLZ 250 700 70  
Deutsche Bank Hannover

(Mỗi Tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỉ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

**Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát**

**CÁO PHÓ & CẢM TẠ**

Gia đình chúng tôi rất đau buồn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc và bạn hữu xa gần :  
Thân Mẫu, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi là :  
Bà quả phụ **VÕ TRƯỜNG THỌ**  
Nhũ danh Võ Thị Đây  
Pháp danh Diệu Lộc  
Thượng thọ 76 tuổi

đã từ trần ngày 30.11.1997 lúc 08 giờ 15 (mùng 1 tháng 11 năm Đinh Sửu) tại Bad Pyrmont - Đức Quốc.

**CHÚNG CON THÀNH KÍNH TRI ÂN :**

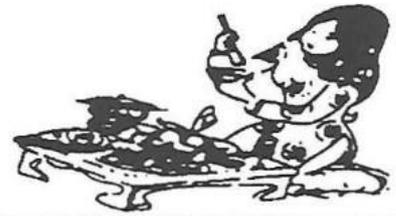
- Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa tại Mönchengladbach.
- Đại Đức Thích Từ Trí, Trụ trì Tịnh Thất Pháp Hoa tại Delmold.
- Ni Sư Thích Nữ Diệu Hạnh, Trụ Trì chùa Phật Bảo tại Bamtrup.
- Gia đình Phật tử chùa Phật Bảo tại Bamtrup
- Các Hội đoàn, các đoàn thể, các thân bằng quyến thuộc, các bằng hữu cũng như các đạo hữu xa gần đã dành thì giờ quý báu đến hộ niệm, cầu nguyện, điện thoại phân ưu, phúng điệu và đưa linh cữu của Thân Mẫu, Nhạc Mẫu, Bà Nội, Bà Ngoại chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối, nếu có điều chi sót sót. Kính mong Chư Tôn đức cùng quý vị niệm tình hy thứ.

Tang gia đồng cảm tạ và tri ân :

- Trưởng nữ : Võ Trung Thu - (Đức Quốc)
- Trưởng nam : Võ Trung Tuấn, vợ và các con (Hoa Kỳ)
- Thủ nữ : Võ Trung Hiền, chồng và các con (Hoa Kỳ)
- Thủ nữ : Võ Trung Hữu, chồng và các con (Đức Quốc)
- Thủ nữ : Võ Thị Trung Hữu, chồng và các con (Hoa Kỳ)

**Gia Chánh CHAY**



**ĐẬU HŨ KHO THẬP CẨM**

**Vật liệu :**

- 2 miếng đậu hũ chiên
- 100 gr. đậu ve (haricot vert)
- 100 gr. bông cải
- 200 gr. dưa khô
- 150 gr. nấm rơm búp
- 100 gr. kiệu tươi (nếu dùng poirée thì số lượng ít hơn)
- Dầu ăn, tiêu, muối, bột ngọt, nước tương, đường, ngò.

**Cách làm :**

- I.- **Giai đoạn một :** chuẩn bị.  
1/ Đậu hũ : xắt ra từng miếng vừa ăn dài độ 3cm, ngang độ 2cm.
- 2/ Đậu ve : cắt tước bỏ xơ, rửa sạch, cắt đôi.
- 3/ Bông cải : xắt vừa miếng ăn.
- 4/ Dưa khô : vắt lấy 1 tô nước cốt.
- 5/ Nấm rơm : gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nấm to chẻ đôi.
- 6/ Kiệu tươi : (hoặc poirée) lấy phần củ, xắt mỏng, băm nhỏ.

II.- **Giai đoạn hai :** cách kho.

Bắc chảo dầu, sôi cho kiệu tươi băm nhỏ vào cho thơm. Cho nấm rơm + đậu hũ + đậu ve + bông cải vào xào, xào độ 10 phút, chế nước cốt dưa vào, nêm chút nước tương + muối + tiêu + bột ngọt + đường cho vừa ăn, để lửa riu riu, khi tất cả thấm đều gia vị và nước cốt dưa, nhắc xuống.

III.- **Giai đoạn ba :** cách dùng.

Cho đồ kho ra đĩa, trên rắc thêm tiêu + ngò cho thơm. Món này dùng nóng với cơm. Số vật liệu ghi trên sửa soạn cho 5 người ăn.

**Thông Báo**

- **Bắt đầu từ tháng 12 năm 1997 địa chỉ E-Mail của Chùa Viên Giác như sau :**  
  
pagode-vien giac @oln. comlink. apc.org
- **Chúng tôi cũng xin giới thiệu địa chỉ của Việt Nam Tự Do trên internet :**  
<http://members.aol.com/vntudo/>

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân quyến, bằng hữu xa gần: Mẹ, Mẹ, Cố của chúng tôi là:

### BÀ QUẢ PHỤ NGUYỄN NHƯ TẮC

Nhũ danh Trần Thị Nhỏ

Pháp danh Nguyễn Hoa

sinh ngày 03.03.1903 (Quý Mão), quê quán Thanh Cần, Quảng Vinh, Quảng Điền, Thừa Thiên, Việt Nam. Hiện cư trú tại Neusser Str. 451-E - 41065 M'Gladbach, Cộng Hòa Liên Bang Đức.

Đã tạ thế hồi 12 giờ, ngày 19 tháng 10 năm 1997 (tức 18.9 Đỉnh Sửu) tại M'Gladbach, CHLB Đức. Thượng thọ 95 tuổi.

Lễ an táng được cử hành vào thứ hai, hồi 12 giờ, ngày 27 tháng 10 năm 1997 (nhằm ngày 26.9 Đỉnh Sửu), tại Hauptfriedhof M'Gladbach, Đức Quốc.

Tang gia trân trọng báo tin

### GIA ĐÌNH CHÚNG TÔI XIN CHÂN THÀNH CẢM TẠ:

-Hòa Thượng Thích Pháp Nhãn, Phó Tăng Thống Giáo Hội Tăng Già Nguyên Thủy Việt Nam (GHTGNTVN), Viện chủ Tự Viện Liên Hoa, Irving, Texas, Hoa Kỳ.

-Hòa Thượng Thích Hộ Đạo, Tổng Kiểm Soát Viên, GHTGNTVN

-Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc.

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, Trụ trì chùa Thiện Hòa, M'Gladbach, Đức Quốc.

-Thượng Tọa K. Nanda, Hội Trưởng Hội Phật Giáo Texas, Hoa Kỳ.

-Thượng Tọa Thích Tịnh Đức, Vụ Trưởng Vụ Từ Thiện, GHTGNTVN, Trụ trì chùa Đạo Quang Garland, Texas, Hoa Kỳ.

-Thượng Tọa Thích Chơn Trí, Tổng Thủ Bổn GHTGNTVN, Trụ trì chùa Pháp Vân, California, Hoa Kỳ.

-Thượng Tọa Thích Huyền Việt, Tổng Thư Ký GHTGNTVN, Trụ trì chùa Bửu Môn Portarthur, Texas, Hoa Kỳ.

-Đại Đức Thích Bửu Đức, Vụ Trưởng Nghi Lễ, GHTGNTVN, Trụ trì chùa Hướng Đạo Fortworth, Texas, Hoa Kỳ.

-Đại Đức Thích Giác Chánh, Vụ Trưởng Vụ Kiến Thiết, GHTGNTVN, Trụ trì chùa Phật Pháp Florida, Hoa Kỳ.

-Đại Đức Thích Khánh Hỷ, Trụ trì chùa Bát Nhã, Canada.

-Sư Cụ Thích Chánh Định, Tự Viện Liên Hoa, Texas, Hoa Kỳ

-Sư Cô Thích Nữ Trí Hạnh, Phó Hội Trưởng Phật Giáo Dallas - Fortworth, Hoa Kỳ.

-Sư Cô Thích Nữ Hạnh Nguyễn, Tịnh Thất Dallas, Hoa Kỳ.

-Ni Cô Tâm Định, chùa Bát Nhã Canada.

-Quý Đạo Hữu, Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Liên Hoa, Irving, Texas, Hoa Kỳ.

-Ban Hộ Trì Tam Bảo, chùa Đạo Quang Garland, Texas, Hoa Kỳ.

-Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Hướng Đạo Fortworth, Texas, Hoa Kỳ.

Và: Ban Hộ Niệm do Bác Lê Đức Trọng, phụ trách (Sandheider 105 Erkrath), Đức Quốc.

-Quý vị Đại Biểu trong các Phái Đoàn Việt Nam Quốc Dân Đảng, Pháp Quốc, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Ý và Đức Quốc đến phúng điếu, tham dự Lễ Mai Táng.

-Các quý vị Quan khách, quý Thông gia, Thân bằng quyến thuộc Cô bác, Anh chị tại Hoa Kỳ, tại Đức Quốc và Việt Nam đã dành nhiều thời giờ quý báu đến tụng kinh cầu siêu và tham dự Lễ Mai Táng, cũng như đã phúng điếu, điện thoại, điện thư, thư tín, phân ưu trên báo chí trong dịp Tang Lễ của Mẹ, Mẹ, Cố của chúng tôi.

Trong khi Tang Gia hữu sự không tránh khỏi những lỗi lầm, kính mong Chư Tôn Đức, Tăng Ni, Quý Đại Biểu, Quý vị Quan khách, Quý Thông gia, Cô bác thân bằng, từ bi hỷ xả niệm tình tha thứ.

Toàn thể tang quyến chúng con thành kính đảnh lễ

### Thay mặt:

-Gđ. Nguyễn Thị Châu (Con, Dâu, Rể, Cháu, Chắt ở Việt Nam)

-Gđ. Nguyễn Thị Lan - Hoàng Công Chủ (Con, Rể, Cháu ở Đức Quốc)

-Gđ. Nguyễn Thị Lý - Hồ Ngọc Danh (Con, Rể, Cháu ở Hoa Kỳ)

- Cùng toàn thể con, cháu, chắt, chiu, ở các nơi.

Tang Gia đồng Bái Tạ

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi đau buồn báo tin cùng Thân Bằng Quyển Thuộc và Bạn Hữu xa gần, Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng tôi:

### BÀ NGUYỄN THỊ BẢY

Pháp danh Diệu Huệ

đã đột ngột ra đi trong một giấc ngủ êm đềm vào lúc 7g05 sáng ngày 11.10.1997, nhằm ngày 10 tháng 9 năm Đỉnh Sửu, tại tỉnh Krefeld, Đức Quốc. Hưởng thọ 73 tuổi.

Lễ Cầu Siêu và Hòa Táng đã được cử hành ngày 20.10.1997 và lễ An Táng được cử hành ngày 21.10.1997 lúc 8g30 sáng tại Nghĩa trang Chính (Hauptfriedhof) của tỉnh Krefeld.

### GIA ĐÌNH CHÚNG CON XIN CHÂN THÀNH CẢM TẠ VÀ TRI ÂN:

-Hòa Thượng Pháp Chủ Thích Giác Nhiên - LA (USA),

-Hòa Thượng Thích Đức Niệm, Phật Học Viện Quốc Tế - LA (USA),

-Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện chủ chùa Viên Giác,

-Thượng Tọa Thích Minh Phú, Viện chủ chùa Thiện Hòa,

-Thượng Tọa Thích Giác Minh, Quan Âm Tịnh Xá - LA (USA),

-Ni Sư Thích Nữ Diệu Ân, Viện chủ chùa Quán Thế Âm,

-Trụ trì, Chư Tăng Ni cùng cô bác chùa Giác Sanh - Sài Gòn VN,

-Bác Hiền, CHT Chi Hội PTVNNTN Reutlingen & VPC

-Ban Tụng Niệm chùa Thiện Hòa,

- Ban Tụng Niệm tỉnh Krefeld,

-Gđ. Bác Lê Thái, Krefeld,

-Quý Cô Bác, Anh Chị Em Chi Hội PTVNNTN Rotweil - Tuttlingen & VPC.

-Bà Nội, Cô Chú, Di Dượng, Anh Chị, Sài Gòn, Gò Công Việt Nam

-Hội Người Việt Cao Niên tại Krefeld

-Hội Chuyên Viên VN tại CHLB Đức

-Hội Sinh Viên và Kiêu Bào VN tại Krefeld

-Hội Nha - Y - Dược Sĩ Việt Nam Tự Do tại CHLB Đức

-Hội Ái Hữu cựu Học sinh Pétrus Ký CHLB Đức

-Der Vietnammische - Deutsche Freudenkreis in Krefeld

-Cùng Thân bằng quyến thuộc, quý Cô bác, anh chị em, các cháu và bạn hữu xa gần Việt Nam, Hoa Kỳ, Úc, Iran và Pháp đã dành nhiều thời giờ quý báu đến thăm hỏi, thấp nhang, gởi hoa, gởi thiệp, Fax, điện thoại chia buồn, tụng kinh cầu siêu cũng như giúp đỡ tang quyến và tiễn đưa linh cữu của Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại của chúng con và chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính mong Chư Tôn Đức, Tăng Ni và Quý vị niệm tình hỷ thủ.

### Tang gia kính đồng bái tạ

- Trưởng nam: Lâm Kim Quan, Vợ và các con, Đức Quốc

- Trưởng nữ: Lâm Thị Kim Loan, Chồng và con, Đức Quốc

- Thứ nam: Lâm Kim Khánh, Vợ và con, Đức Quốc

- Thứ nam: Lâm Kim Qui, Vợ và các con, USA

- Thứ nam: Lâm Kim Ngân, Đức Quốc

## PHÂN ƯU

Được tin buồn:

### BÁC TỬ TÂM LÊ ĐÌNH TÂN

nguyên Thầu khoán Kiến trúc tại Sài Gòn trước năm 1975, người có công vận động thành lập Chi Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại München, đã tạ thế ngày 10.11.1997 tại München. Thượng thọ 80 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính cầu nguyện hương linh Bác sớm được tiêu diêu miền Cực Lạc và xin chân thành chia buồn cùng gia đình Bác và anh chị Nguyễn Văn Minh

- Gđ. Nguyễn Quý Đại (München)

- Gđ. Lê Hồng Đức (München)

## PHÂN ƯU

Được tin buồn, Thân sinh của anh Tạ Xuân Vinh là:

### CỤ TẠ VĂN BA

vừa mãn phần tại Việt Nam ngày 07.10.1997. Thượng thọ 81 tuổi.

Chúng tôi là bạn thân hữu của anh Vinh, thành kính phân ưu cùng gia đình và tang quyến. Cầu nguyện hương linh Cụ được siêu sanh Tịnh Độ.

- Thái Sơn - Thái Minh - Bình Hiền - Trúc Phương - Việt Thái - Như Long.

## PHÂN ƯU

Chi Hội PTVNTN Reutlingen và VPC được tin buồn Cụ Bà Thân Mẫu của Đạo Hữu Lâm Thị Kim Loan ở Neu Ulm, là:

### BÀ NGUYỄN THỊ BẢY

Pháp danh Diệu Huệ

sinh ngày 10.04.1925 tại Tăng Hòa (Gò Công - Việt Nam) đã về cõi Phật ngày 11.10.1997 tại Krefeld. Huông thọ 73 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn của gia đình Đạo Hữu Lâm Thị Kim Loan, và xin thành tâm cầu nguyện hướng linh Phật Tử Diệu Huệ Nguyễn Thị Bảy sớm siêu sanh Tịnh Độ.

## PHÂN ƯU

Được tin:

### CỤ BÀ NGUYỄN THỊ BẢY

tử trần ngày 11.10.1997 tại Krefeld, Đức Quốc.

Huông thọ 73 tuổi.

Xin chia buồn cùng gia đình anh KS Lâm Kim Quang, DS Lâm Kim Khánh và nguyện cầu hướng linh Cụ Bà thánh thoi miền Cực Lạc.

- Hội Chuyên Viên Việt Nam tại Đức

## PHÂN ƯU

Hai Chi Hội PTVNTN Tuttlingen - Rotweil và Reutlingen xin thành kính chia buồn cùng Đạo Hữu Nguyễn Văn Chính và tang quyến. Khi hay tin Nhạc Mẫu đã thất lạc tại Thuận An, tỉnh Sông Bé, Việt Nam, là bà:

### NGUYỄN THỊ QUĂNG

Mất ngày 23.08 Âm lịch 1997.

Huông thọ 72 tuổi.

Xin thành tâm cầu nguyện hướng linh Cụ Bà sớm siêu sanh Tịnh Độ.

## PHÂN ƯU

Được tin trẻ,

### CỤ ÔNG VƯỢNG AN

Tạ thế ngày 23 tháng 7 năm 1997, tức ngày 19 tháng 6 năm Đinh Sửu, tại San Diego.

Huông thọ 76 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu hướng hồn Cụ Ông tiêu điều miền Cực Lạc.

- Vũ Thị Đức và gia đình

## PHÂN ƯU

Được tin buồn:

### ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN

đã qua đời ngày 26.9.1997 tại Anaheim, Cali.

Huông dương 59 tuổi.

Kính chia buồn với Bác cùng tang quyến. Nguyễn cầu linh hồn người quá cố sớm được siêu thoát.

- Lưu Kim Hùng & gia đình ở Italy.

## PHÂN ƯU

Được tin:

### CỤ ÔNG NGUYỄN TRUNG THẢN

Pháp danh Nguyên Bình

đã từ trần ngày 29.11.1997, nhằm ngày 30 tháng 10 năm Đinh Sửu tại Sài Gòn, Việt Nam.

Thượng thọ 83 tuổi

là Thân phụ của Đạo Hữu Nguyễn Thị Kiêm Pháp danh Diệu Hiền và là Nhạc phụ của Đạo Hữu Hồ Chuyên, Pháp danh Quảng Ngộ, Bác Gia Trưởng Gia Đình Phật Tử Tâm Minh.

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến và nguyện cầu Hương linh Cụ Ông vãng sanh về miền Cực Lạc.

-Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác,

-Hội PTVNTN/Đức Quốc và các Chi Hội PTVNTN tại địa phương,

-Ban Hướng Dẫn GĐPTVNTN và các GĐPTVNTN tại Đức Quốc.

## CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau buồn báo tin đến toàn thể thân bằng, quyến thuộc và bạn hữu gần xa, Cha và Ông Ngoại của chúng tôi là:

### CỤ NGUYỄN TRUNG THẢN

Pháp danh Nguyên Bình

đã từ trần ngày 29.11.1997, nhằm ngày 30 tháng 10 năm Đinh Sửu tại Sài Gòn, Việt Nam.

Thượng thọ 83 tuổi

Tang lễ đã được cử hành tại Việt Nam lúc 7 giờ sáng ngày 01.12.1997 tức mùng 2 tháng 11 năm Đinh Sửu. Lễ chịu tang và cầu siêu đã được cử hành ngày 29.11.1997 tại Chùa Viên Giác, Hannover, Đức Quốc.

#### Tang gia đồng khắp báo

Chúng con kính xin đánh lễ tri ân:

- Thượng Tọa Thích Như Điển

- Thượng Tọa Thích Quảng Bình

- Đại Đức Thích Hạnh Bảo

cùng Quý Cô, Quý Chú tại Chùa Viên Giác

Đồng thời chúng tôi xin thành tâm cảm tạ:

- Bác Thị Tâm, Hội Trưởng Hội Phật Tử VNTN tại Đức Quốc

- Chi Hội Phật Tử VNTN Hannover

- Ban Hộ Trì Tam Bảo chùa Viên Giác

quý bạn hữu gần xa đã đến hộ niệm cũng như viết thư, điện thoại chia buồn cùng tang quyến.

#### Tang gia đồng kính bái:

- Con gái: Nguyễn Thị Kiêm, PD Diệu Hiền

- Con rể: Hồ Chuyên, PD Quảng Ngộ

- Các cháu ngoại: Hồ Lộc PD Đức Thọ - Hồ Vinh PD Đức Hình - Hồ Thị Ngọc Dung PD Từ Vũ - Hồ Thành PD Đức Lập.

## CHIA BUỒN

Được tin:

### ANH TRẦN KHẮC THÀNH

đã từ trần tại tư gia ngày 11.10.1997 lúc 9 giờ sáng. Huông dương 37 tuổi.

Hai gia đình chúng tôi:

- Nguyễn Linh Hồng cùng Vợ con & Ré.

- Nguyễn Kinh Quốc cùng Vợ con

rất lấy làm đau lòng trước sự vĩnh biệt quá đột ngột này.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng tang quyến, nhất là Bà Quà Phụ Huỳnh Trần Thị Huệ (Thảo) và hai con.

## CẢM TẠ

Tang quyến chúng tôi xin thành thật cảm tạ:

- Chi Hội Phật Tử Reutlingen & VPC

- Quý Ông Bà, Cô Bác, Cậu Mợ, Thân Hữu và đồng nghiệp nhất là Bác Năm Lê Tấn Huy đã tới tụng niệm để tiễn đưa hương hồn Chồng, Cha chúng tôi là:

### TRẦN KHẮC THÀNH

đã tạ thế ngày 11.10.1997 tại tư gia Stuttgart.

Trong khi tang gia bối rối, nếu có điều gì sơ sót kính xin quý vị lượng tình tha thứ.

- Bà Quà Phụ Huỳnh Trần Thị Huệ (Thảo) & 2 con và tang quyến.

## CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi chân thành cảm tạ toàn thể thân bằng quyến thuộc xa gần, đã phân ưu, phúng điệu, tiễn đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng của Mẹ, Bà, Cố chúng tôi là:

### BÀ BÙI THỊ HỒNG NHỤY

sinh ngày 10.5.1910 tại Quảng Nam (Việt Nam), đã từ trần ngày 01.11.1997 tại Montréal (Canada).

Trong lúc tang gia hữu sự, nếu có điều gì sơ suất rất mong được niệm tình lượng thứ.

#### Tang gia đồng cảm tạ :

- Phan Hùng Nhớn cùng các con và cháu (Münster, Đức Quốc)

- Bà Quà Phụ Phan Công Minh (nhũ danh Trương Thị Ngọc Dung) cùng các con và cháu (California, Hoa Kỳ)

- Phan Thị Hồng Hoa và Chồng Nguyễn Văn Khoa cùng các con và cháu (Montréal, Canada)

- Phan Thị Ngọc Thanh và Chồng Nguyễn Thành Tài và con (Montréal, Canada).

## CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Quý vị Đại diện Tôn Giáo, Đảng Phái, Hiệp Hội trong địa phương Reutlingen/CHLB Đức và Houston/Hoa Kỳ.

- Ban Hộ Niệm Chi Hội PTVNTN Reutlingen và VPC

- Quý thân bằng quyến thuộc, đồng nghiệp, bạn hữu xa gần đã điện thoại và đến phân ưu, tụng niệm, cầu nguyện cho Thân Phụ chúng tôi:

### ÔNG CỔ KIM CANG

sinh năm 1914. Từ trần ngày 21.09.1997 tại Tâm Vu, Long An, Việt Nam. Thượng thọ 84 tuổi.

Trong lúc tổ chức lễ Cầu Siêu cho hương linh nếu có điều chi sơ suất kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

#### Tang gia đồng cảm tạ :

- Con: Cổ Văn Ba và các con (Hoa Kỳ)

- Con: Cổ Kim Trường, Vợ và các con (Đức)

- Cùng đại gia đình (Việt Nam)



Institute of Beauty

**KIM'S**  
Cosmetics  
MEROWINGER STR.151  
50374 ERFSTADT  
TEL. 02235 - 481 388

Tốt nghiệp trường Cao Đẳng Thẩm Mỹ,  
Bonn Đức Quốc từ năm 1972. Tốt nghiệp  
Trường Thẩm Mỹ Thời Trang New York, Hoa  
Kỳ từ năm 1971. Tu nghiệp bổ túc Thẩm Mỹ  
Tân Tiến Paris, Pháp Quốc năm 1987. Đã  
hành nghề Thẩm Mỹ Viện hơn 20 năm tại Âu  
Châu. Giám Đốc 3 chi nhánh Kim's  
Cosmetics tại Đức và Hoa Kỳ.

**THẨM MỸ VIỆN SỬA SẮC ĐẸP KHÔNG CẦN GIAI PHẪU**

**Đặc Biệt :** Đại diện độc quyền mỹ phẩm tuyệt diệu quý giá của LCA Cosmetics, Osaka - Nhật Bản tại Orange Country và các vùng lân cận. Một khám phá thành công vượt bậc trên 10 năm qua hiện đang được hàng triệu phụ nữ trên thế giới ưa chuộng, kem dưỡng da được pha trộn vàng nguyên chất và sẽ giúp quý bà trẻ tuyệt vết nhăn, mụn nám, tàn nhang, kết quả nhanh chóng. Dùng mỹ phẩm trộn vàng để dưỡng da.  
**Quý bạn có thể kéo lại tuổi xuân từ 15 đến 20 năm.**

**KHUÔN MẶT**

- ◆ Làm tan túi mỡ, mắt sụp làm to.
  - ◆ Làm mất hết nếp nhăn trên mặt.
  - ◆ Da săn tự nhiên.
  - ◆ Nâng cao mũi thích hợp với khuôn mặt.
  - ◆ Mặt to làm bé lại.
  - ◆ Má hóp làm đầy ra.
  - ◆ Nắn sửa khuôn mặt thành trái soan.
  - ◆ Sửa nụ cười cho kín đáo duyên dáng.
  - ◆ Sửa bớt hờ và móm.
  - ◆ Lột da mặt theo phương pháp của Đức.
  - ◆ Sửa đổi khuôn mặt, cằm, gò má, môi
- 1 lần 95 DM      10 lần 895 DM.

**MẦY MYOLIFTING NỔI TIẾNG NHẤT THẾ GIỚI LÀM TAN MỠ BỤNG**

- ◆ Làm tan mỡ bụng theo phương pháp đốt mỡ và tạo lại lớp thịt mới. Phương pháp đặc ý nhất của phát minh khoa học Đức Quốc.
  - ◆ Đàn bà sau khi sanh bị nứt da, da nhăn, sẽ được như ý với làn da mới.
  - ◆ Làm cho bụng nhỏ (kể cả các ông).
  - ◆ Không có eo làm cho có eo, eo lớn làm thành eo nhỏ, thân hình hấp dẫn.
- 1 lần 75 DM - 10 lần 695 DM

**TATOO (XÂM) THEO PHƯƠNG PHÁP ÂU CHÂU**

- ◆ Lông mày 450 DM. Mắt 500 DM. Môi 500 DM.
- ◆ Dạy học viên cấp bằng hành nghề
- ◆ Tاتoo, học trang điểm cô dâu, dạ hội : học phí mỗi thứ là 900 DM

**NGỰC**

- ◆ Ngực ngoại cỡ làm lại nhỏ thật đẹp.
  - ◆ Sửa chỉnh đầu nhũ hoa (tự nhiên)
  - ◆ Điều chỉnh ngực xệ vì cho con bú
- 1 lần 89 DM      10 lần 795 DM

**NHẬN QUAY VIDEO & CHỤP HÌNH**

Lễ cưới - Đính hôn - Sinh nhật và Tài liệu Nghệ Thuật v.v...

Video & Foto Professional



**pham binh**

Langes Kreuz 14 - 31785 Hameln

Tel. 05151 - 458 20

- Ghép **CẢNH - CHỮ - NHẠC** các phim Video. Quý khách sẽ hài lòng khi băng được dựng lại thêm từ liệu cảnh, chữ đẹp, nhạc hay.
  - Chuyển hệ băng Video các hệ **PAL ↔ NTSC ↔ SECAM** bằng Computer. Bảo đảm chất lượng hình ảnh và âm thanh tốt nhất.
  - Phóng to hình các cỡ bằng giấy ảnh "siêu bền", lồng với cảnh đẹp, các vật tượng trưng lễ cưới, sinh nhật như : lá trầu, nhẫn cưới, bánh v.v... Chắc chắn chân dung quý khách sẽ đẹp hơn với "**Thẩm mỹ Computer**".
  - Chúng tôi được sự khen ngợi và tin nhiệm của Cộng đồng người Việt tại nước Đức và các nước Châu Âu nhiều năm qua vì :
    - ↳ Người thực hiện công việc đã tốt nghiệp Đại học ngành quay phim truyền và trên 15 năm trong nghề quay phim và chụp ảnh nghệ thuật.
- Làm việc nhiệt tình - uy tín - cẩn thận**
- ↳ Quay với hai Kamera Super VHS và dựng phim bằng Studio Video - Computer tiêu chuẩn Professional
  - ↳ Hình ảnh chụp và quay có nhiều **Fantasy - Effekten** đẹp và lạ.
  - ↳ Thu âm thanh và lồng nhạc bằng phương pháp **Audio-Mix** và **HiFi-Stereo**
  - ↳ Có đầy đủ nhạc về lễ cưới tiếng **Việt, Hồng Kông, Ngoại quốc.**
  - ↳ Băng Video được quay với sự đạo diễn và dàn dựng để thành phim "Kino" có giá trị nghệ thuật và kỹ thuật với nhiều sáng tạo độc đáo.
- ☞ Những việc "trọng đại" trong đời người xin hãy tin tưởng và giao trách nhiệm cho : **VIDEO & FOTO PROFESSIONAL PHAM BINH**



**NHẬN CHỤP HÌNH VÀ QUAY PHIM CÁC BUỔI LỄ TÂN HÔN - SINH NHẬT - HỌP BẠN**  
Chúng tôi dùng Computer làm phim thêm linh động và hấp dẫn hơn  
**Tel. : 07621 - 64 802**



**Karaoke Angebot**

Die Gelegenheit : Aus Konkurs einer Importfirma !!!  
Komplette Karaokeanlage bestehend aus je :

Laserdiscplayer NTSC, 1Verstärker 2 x 100 Watt, Digital Echo Processor, Plattenmagazin für 30 Laserdiscs, 2 Mikrofone, Lautsprecher 200 Watt, HiFi Rack für 4 Geräte, klp. **DM 1.170,-**

Karaoke Funkmikrofon, ca. 100m Reichweite ..... **DM 160,-**  
Karaoke Laserdisc deutsch, 4 Titel, ..... **DM 23,-**

**Peter's Karaoke Team Tel. : 05176 / 87 67. Fax : 05176 / 1599**

**Bán xe Imbiß với đầy đủ dụng cụ hành nghề bằng thép không rỉ. Xin hỏi anh Ngọc.  
Tel & Fax. 0531 - 32 46 63**

Mode



Mode Mode

**ĂN-VỚI**

STECKENDORFERSTR.17B  
47799 KREFELD . TEL. 02151 / 608864  
**CHUYÊN MAY ÁO DÀI - MAY, SỬA ÁO CƯỚI CỘ DẦU VẼ TRANH PHẬT - CHÂN DUNG MỸ THUẬT VÀ CÁC LOẠI TRANH.**

- \* Bán vải may áo dài - áo dự tiệc (Abendkleid) cho mọi lứa tuổi, kích thước phù hợp với người Á Châu.
- \* Cho thuê áo đầm cưới, đồng bộ với găng tay, vương miện, bông cài tóc, hoa cầm tay.
- \* Mâm quả, khay rượu. Bàn Vu Quy, Tân Hôn, Thành Hôn